KINH TIỂU BỘ (Tập 5) - Thánh Nhân Ký Sự - Phật Sử - Hạnh Tạng - Milinda Vấn Đạo

Kinh Tiểu Bộ - Tập 5 (VNC PHVN, 2021)

TAM TẠNG THÁNH ĐIÊN 4S SX

PHẬT GIÁO w NAM %

M0 :>

ỉỷ í^ ^

LỜI CHỨNG MINH

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật L r 9

Trong Kinh Hoa Nghiêm có ghi: "Phật dĩ nhát nhát thân, xứ xứ chuyên pháp luân"? nghĩa là đức Phật luôn dùng tất cả hóa thân của mình, ở mọi
nơi mọi chốn chuyển bánh xe pháp. A 9 Thật hoan hỷ, tinh thân chuyên bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Tri sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoằng truyền kinh điển, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ân tông Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguồn góc từ tạng Pali, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác. Khi nghiên cứu, hoàng truyền kinh điển, nhà Phật thường có câu: "Di Thánh giáo vi minh cảnh chiếu kiến tự tâm, dĩ tự tâm vi trí đăng chiếu kinh u chr ,nghĩa là lấy Phật pháp làm
tấm gương sáng soi vào tự tâm, lấy tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chỗ thâm sâu của kinh điển. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là những việc làm trân quý. Việc ấy không chỉ làm sáng bản tâm của mỗi hành giả nghiên cứu mà còn chuyển hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học, dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó, mỗi hành giả có được cách tiếp cận, tu tập, thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn. Từ việc nghiên cứu kinh điển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá trị Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nên văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bác thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhất trong lịch sử phong kiến nước nhà vào thời đại Lý - Trần, vẫn đang tiếp tục đồng hành cùng đất nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm uĐạo pháp - Dân tOc.” Chính vì vậy, những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam y đang
thực hiện có ý nghĩa hét sức quan trọng trong việc ukê vãng khai lai, truyên trì đạo mạch55, không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường tồn ở thế gian mà còn góp phần làm cho

x KINH TIỂU Bộ

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xưa, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và

hoàn thành sứ mệnh "Tác Như Lai sứ, hành Như Lai SỊT." Nguyện câu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyên, thê giới hòa bình, nhân dân an lạc. Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bô-tát, tác đại chứng minh.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ (Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)

LỜI GIỚI THIỆU

hay mặt Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội

T đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này. Phiên dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (P Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành lập năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước. l. về thuật ngữ Tôi tán đồng cách Hội đồng Quản tri VNCPHVN thay đổi cụm từ "Đại tạng kỉnh Việt Nam'\ vốn chiu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phẩm của Phật giáo Trung Quốc, thành "Tcưn tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam'\ nhằm thể hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thích ứng với cách đặt tên phổ biến của cộng đồng Phật giáo thế giới hiện nay. Khái niệm “Bại tạng kinh” chi đề cập đến “Kinh tạng” (P. Sutta Pitaka, H.)tức kho tàng Chân lý, trong khi khái niệm “Tam tạng Thánh điển Phật giáo” có nội hàm rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. Vìnaya Pỉtaka, H.,Lu^t tạng), kho tàng Triết học tâm (P. Abhidhamma Pitaka, H.,Luatạng), Văn học Chú giải (P. Atthakatha). Văn học Phụ chú giải (P. Tīka). Văn học Tục tạng và các tác phẩm Phật học Việt Nam. Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam bao gồm các tuyển tập Tam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải, Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v... 2. về Văn học sử Phật giáo "Thánh điển Phật giAo” là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyên) hay 49 năm (theo Phật giáo

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. Dhammaṃ s. Dharma, H.,Pháp), Đạo đức (P=S Vìnaya. H.Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. Abhidhammaf s. Abhidharma, H.,Vô tỷ pháp). Thánh điển Phật giáo được truyền thừa qua hình thức khẩu truyền, được cho là bằng ngon ngữ Pali từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lưu truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đen Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL), Thánh điển được viết trên lá bối và lưu truyền đến ngày nay. Hai tác phẩm Đảo sử (Dīpavamsa) và Đại sử (Mahāvarnsa) đều ghi nhận rằng trong triều đại Valagamba (29-17 TTL) tại Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng

thuộc làu Tam tạng Pali bắt đầu viết kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời Phật dạy một cách hiệu quả hơn. Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I TTL trở di, kinh điển Đại thừa bằng tiếng Sanskrit lần lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tồn tại với ấn bản Sanskrit, phần lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua các bản dịch Hán cổ, được các vua chúa, đại tín chủ lưu bố qua các bản chép tay, khắc trên đá, khắc trên gỗ, và về sau biên tập thành các Đại tạng kinh mang tâm vóc quôc gia ở Trung Hoa; còn tiêng Tây Tạng cô, được biên tập thành Kinh điên Phật giáo Tây Tạng (Tibetan Buddhist Canon) gôm hai tạng Kangyur (Kinh - Luật tạng gồm 100 bộ) và Tengyur (Luận tạng gồm 213 bộ).

3. về phương diện lịch sử Hơn 10 thế kỷ (từ thế kỷ I-X) bị Trung Quốc đô hộ, người Việt Nam đã sử dụng Đại tạng kinh Trung Hoa băng Hán cô và cho đên những thê kỷ sau. Giai đoạn 80 năm Pháp thuộc (1867-1945), người Việt lại buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa nên chữ Hán Nôm mất dần vị trí ngôn ngữ chính thống. Đứng trước nhu cầu thích nghi với quốc ngữ mới, các cao Tăng Việt Nam quyết đinh phiên dịch kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để phổ biến lời Phật dạy rộng rãi hơn, vì đại đa so người Việt trong thời Pháp thuộc không đọc được chữ Hán Nôm. Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam được hình thành qua 3 giai đoạn: Giai đoạn l bắt đầu từ 1950 đến 1975, với đỉnh cao là sự ra đời của Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vào năm 1973 và ngưng hoạt động vào năm 1975. Các bậc Tôn túc đóng góp nổi bật trong việc phiên dịch kinh điển từ Hán cổ sang tiếng Việt trong giai đoạn này có Hòa thượng Thích Trí Tịnh (Ma-ha Bát-nhã. Hoa Nghiêm. Đại Bảo Tích. Niết-bàn, Pháp Hoả); Hòa thượng Thích Trí Nghiêm (Đại Bát-nhã); và chư vị Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Bửu Huệ, Hòa thượng Thích Thiền Tâm (Trung A-hàm, Tăng nhất A-hàm). Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Thượng tọa Thích Trí Thành (TrườngA-hàm. TạpA-hànì). v.v...

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pâli sang tiếng Việt.1 Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Pâli. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Pali và Hòa thượng Tịnh Sự dịch Luận tạng Pâli. Gần đây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pâli. Sau ba thập niên phiên dịch độc lập5 đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thành lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tái bản được Kinh tạng Nam truyền,2 gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã dịch hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đỗng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn, khuyến khích chư Tang Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phần làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam. Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồnệ Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tinh Hạnh khởi xướng và bảo trợ, có công tông hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã

có, đồng thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành Lỉnh Sơn Pháp bảo Đại tạng kinh. Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản trị VNCPHVN thành lập Ban Biên tập Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam. tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt, làm tổng mục lục mới, với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam, gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ, Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn học Sớ giải, Tục tạng, Văn học tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Văn học Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sưu tầm, phiên dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm hoặc lâu hơn nữa. 4. về bản sắc quốc gia Thánh điển Phật giáo được xem là quốc bảo của nhiều quốc gia theo đạo Phật. Các quốc gia thuộc hai truyền thống Phật giáo Nam truyền và Bắc truyên đều có Thánh điển Phật giáo bằng tiếng mẹ đẻ của họ từ lâu. Tại các nước Phật giáo Nam truyền như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài an bản Tam tạng Thánh điển Pali, đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ. Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có Khai Bảo tạng được khắc gỗ từ năm 971 đến 983 thời nhà Bắc Tống. Các nước

1 Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hành Kinh Trường bô từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập ji), 1972 (tập III và IV). Các năm kế tiếp, Hòa thượng cho ấn hành các tập Kinh Trung bọ'. 1973 (tạp I), 1974 (tạp II, III). 2 Còn thiếu 5 quyển trong Kinh Tiểu bộ'. Diễn giải, Phân tích đạo, Thảnh nhân kỷ sự, Phật sử và Hạnh tạng.

Phật giáo Đại thừa chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quốc đều có ấn bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng. Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản Cao Ly Đại tạng kinh (),hay còn gọi là Bát vạn Đại tạng kinh (),có cấu trúc mục lục khác với
các Đại tạng kinh Trung Quốc, gồm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), frong đó, các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn. Nhật Bản có Thiên Hải tạng ()dAu tiên được thực hiện từ năm 1637
đến 1648. Đến đầu thế kỷ XX, Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh (,1924-1934) do
các học giả Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và Ono Genmyo biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyển, trong đó, 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thống về phân loại và chấm câu tốt nhất. Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hầu hết các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo Ấn Độ, có nguồn gốc từ Trường Đại học Nalanda nổi tiếng và một số bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyền đặc thù, vì nó chứa nhiều bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thấy trong các Đại tạng Trung Hoa và các nước khác. Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời

điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã trải qua 46 năm, Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam chỉ mới hoàn tất một nửa chặng đường phiên dịch. Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGỴN cần có Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam hoàn chỉnh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cô ngữ Phật giáo, có thể tiếp cận lời Phật dạy bằng tiếng Việt, nhằm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P. Sutamayapaññā. Văn tuệ), trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P. Cintāmayapaññā, Tư tuệ) và trên nền tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiền chỉ, thiền quán (P. Bhāvanāmayapaññā. Tu tuệ). Đe tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam. tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam, góp phần phiên dịch và xuất bản hoàn chỉnh Tam tạng Thảnh điển

Phật giảo Việt Nam. Đồng thời, tôi tha ứiiết kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tịnh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam sớm thành tựu mỹ mãn. Xuất bản Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam không chỉ là niềm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật, tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái, sân hận, si mê5 chấp thủ, vốn là nhân khổ đau, đồng thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và tại đây, góp phần làm cho Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu, mạnh và phát triển bền vững.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN (Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN)

LỜI NÓI ĐẦU

am tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một kho tàng Ph bảo đầy

T đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nền tảng văn hóa đạo đức có giá trị vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên thế giới, hệ thống tư tưởng minh triết của đạo Phật lưu xuất từ Thánh điển Phật giáo trong từng thời kỳ, càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức Việt Nam. Dân tộc Việt Nam từ thơi khởi nguyên đã có mối nối kết với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam bắt đầu từ rất sớm và xuyên suốt dòng lịch sử luôn đồng hành cùng dân tộc. Đất nước và con người Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguồn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyên hóa nhiệm mầu của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên thế giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tầm quốc gia và

quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam là một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật. Văn pháp được sử dụng để chuyển tải nội dung của Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành trì, gia tăng hiệu ứng tâm linh, khuếch tán ở mức cao nhất ánh sáng mầu nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ đầu nguồn là đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đàu với việc kết tập Tam tạng. Ba lần kết tập đầu tiên, Thánh điển được trùng tụng, chuẩn ỵ và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ III TTL đã có những phái đoàn hoằng pháp do VuaAsoka chủ trương và thực hiện, trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Sañghamittā của vương triều này đã truyền bá đạo Phật

sang Tích Lan. Hai thế kỷ sau, dưới triều đại nhà Vua Tích Lan Vattagāmanī Ābhāya, Thánh điên được biên chép và bô sung phân Chú giải. ơ An Độ, lân kết tập thứ tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniska từ cuối thế kỷ I đến đầu thế kỷ II, Thánh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thống kinh điển tiếp tục được lưu giữ, quảng bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viết và khẩu truyền. Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát hiện dù có những khoảng thời gian việc thế thế truyền thừa dường như bị gián đoạn, thậm chí mai một. Ánh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điển Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào năm 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyền sang thế giới phương Tây sớm nhất. Tạng Pâli do Hoàng tử Mahinda khởi động truyền bá từ Ấn Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triều Vua Vattagāmanī Ābhāya vào thế kỷ I TTL, công trình trùng tụng, biên chép và bảo tôn được tô chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihãra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách. Tạng Pali được xem là Thánh điên Phật giáo chính thông của các nước thuộc hệ thống Nam truyền như Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thế kỷ v đã có công lớn đối với Thánh tạng Pâli. Nửa cuối thế kỷ XIX, Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh điển, và nổi tiếng với bộ kinh bằng đá hoa cuông thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Nam 1881, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pali) ra đời với mục tiêu là biên tập, ấn hành nguyên bản Pali và phiên dịch sang tiếng Anh. Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pâli sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ v. Ngoài tạng Pâli và tạng Sanskrit, khi nói vê phương diện đâu nguôn, cô kính và thâm quyên, cân ghi nhận răng Thánh tạng tiêng Hán cô có truyên thông lâu đời, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tâm châu lục. Từ nhà Tông đên

nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng khác nhau. Bản Đại tạng khắc gỗ đầy đủ đầu tiên của Trung Quốc được đặt tên là Khai Bảo tạng. hoan thành năm 983 . Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thế kỷ X-XIV) có ba lần khắc Đại tạng, trong đó Bát vạn Đại tạng kinh (còn gọi là Cao Ly Đại tạng kinh) nổi tiếng với trên 81.000 phiến gỗ, khắc vào thế kỷ XI, đang được bảo tôn cân trọng tại Hải An tự. Nhật Bản tiêp nhận suôi nguôn Phật giáo khá trễ, có 9 bản Đại tạng. Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh (Taishõ Shinshữ Daizõkyõ,)do Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và các cộng sự viên thực hiện, gồm 100 tập, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc truyền hoàn chỉnh

nhất cho đến năm 1934. Mông cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lần khắc bản, được in ấn khác nhau và bộ hiện nay rất lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phần: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng). Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam có điểm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý văn hóa rộng lớn bao gồm nhiều quốc gia, dân tộc. ở Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên đá, đến thời nhà Lý việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào năm 1311 (Tân Hợi), niên hiệu Hxmg Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng chiếu Vua Trần Anh Tông đảm trách công trình cấp quốc gia là khắc gỗ Đại tạng kinh. Trải qua những biến thiên của lịch sử, thế hệ chư cổ đức đã hết lòng truyền trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ân hành Đại tạng kinh Việt Nam có biêu hiện dừng lại han, nhưng thật ra vẫn được chư Tôn đức tiền hiền âm thầm thực hiện. Lịch sử thực hiện Đại tạng kinh Việt Nam khởi sắc trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo giữa thế kỷ XX. Việc phiên dịch, ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch Đại tạng Bắc truyền và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nổi tiếng cũng xuất hiện như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Bức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Ton đức Giáo phẩm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiền bối và đương thời nối tiếp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý Ngài: Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đỗng Minh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Định Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Tran Phương Lan,... Như vậy, nội dung bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thống, Nam truyền hoặc Bác truyền, hoặc có một phân của nhau, nhimg không đây đủ. Trong khi đó, Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam chuyển tải cả hai hệ thống và được bố cục lại. Đối

với Tam tạng Nam truyền (Thượng Tọa bộ), cấu trúc được giữ nguyên như trong hệ thống Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải, Phụ Chú giải). Đối vơi Bắc truyền, cấu trúc được chia thành hai phần: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải.

XX KINH TIÊU BỒ

Nguồn tư liệu này dựa vào Đại Chánh tản tu Đại tạng kinh. Ngoài ra, còn có tham khảo thêm nguôn tiêng Sanskrit, tiêng Anh và một sô ngôn ngữ khác. Phần Tục tạng của Tam tạng Thảnh điển Phật giảo Việt Nam bao gồm các tác phẩm kinh điển do những thế hệ tri thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nối kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán, Hán Nôm và chữ Quốc ngữ. Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam của chư tiên hiên hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp lý, nền tảng hành chánh cho việc tổ chức nhân sự, giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của Tam tạng Thảnh điển Phật giảo Việt Nam lên một tầm cao mới, đặt một dấu ấn cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo. Phiên dịch Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam là công việc cần một nguồn nhân lực trí thức và tinh thân làm việc bên bi, đông thời phải vượt qua những rào cản vê ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thê hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quốc như Đạo An, Cưu-ma-la-thập? Huyền Trang... đều biểu tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó, độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pali cũng không ngoại lệ, khi dựa vào những bản gốc đã được sao chép nhiều lần trước khi in ấn. May thay, với sự tiến bộ của thời đại, hầu hết những rào cản đều đã được vượt qua và phản ánh trong Tam tạng Thảnh điển Phật giảo Việt Nam. Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triển của mạng lưới thông tin toàn câu, nguồn tham khảo phong phú, kỹ thuật tra cứu tiên tiến. Mặt khác, Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam phản ánh việc đinh hình được một bộ thể lệ quy chuẩn, làm cơ sở tham chiếu cho việc biên tập và dịch bổ sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiết yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thống, tính nhất quán khoa học, nâng cao giá trị hàn lâm của Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam. Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam mở ra một triên vọng mới cho những tác phẩm hậu kỳ như tóm tắt, tân giải, đồ giải hay làm tiền đề cho những công trình hỗ trợ tiện ích theo sau: Tổng mục lục, Đại từ điển Thuật ngữ, Lịch sử hình thành Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam. Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chất liệu cao cấp, thiết kế mẫu mực, kỹ thuật in ấn tiên tiến, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam còn thực hiện bản số hóa làm tăng thêm khả năng đông bộ, lan tỏa rộng kháp, khả năng tiêp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tối ưu.

Bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam ra đời lần này là kết tinh từ các bậc Tổ sư, các bậc chân tu thật học, nhiều thế hệ dịch giả, nhà nghiên cứu... Hình ảnh các Ngài an nhẫn, kiên đinh, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhắc từng thuật ngữ Phật học, đối khảo các bản dịch, bô sung từng cước chú, nhuận sác từng dâu châm phây, đê đảm bảo uvăn nghĩa đầy dỉT một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn động lực khích lệ cho các thế hệ Tang Ni và Phật tử tiếp bước noi theo. Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam, làm cho Pháp bảo được lưu bố ở nhân gian, công đức ây đang ân tàng trong từng con chữ, trong sô nhiêu chục triệu con chữ của ấn bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam lần này thật bất khả tư nghì. Việc phiên dịch và ấn hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yểm trợ, ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đên hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vị. Thành kính cúng dâng ấn phẩm Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát, liệt vị Tổ sư, chư vi Tôn đức dịch giả và hiện tiên chư Tôn đức Giáo phàm chứng minh. Thành tâm hôi hướng công dức, nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 — DL.2019 Hòa thương THÍCH GIÁC TOÀN (Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)

BẢNG VIẾT TẮT

TÁC PHẨM TIÊNG PALI

A. Añguttara Nikāya (Kỉnh Tăng chỉ bộ)
AA. Añguttara Nikāya Atthakathā (Chú giải Kinh Tăng chi bộ)
Áp, Apadāna (Thánh nhân ky sự)
ÁpA, Apadāna Atthakathā (Chú giải Thảnh nhân ky sự)
Asi Atthasālinī (Chú giải Pháp tụ)
Bvs. Buddhavamsa (Phật sử)
BvsA. Buddhavamsa Atthakathā (Chú giải Phật sử)
CNid. Cūlaniddesa (Tiểu nghĩa thích / Tiểu diễn giải)
CNidA. Cūlaniddesa Atthakathā
(Chủ giải Tiểu nghĩa thích / Chú giải Tiểu diễn giải)
Cp. Cariyāpitaka (Hạnh tạng)
CpA. Cariyāpitaka Atthakathā (Chủ giải Hạnh tạng)
Cv. Cūlavagga (Tiêu phàm)
Cvs, Cūlavamsa (Tiểu sử)
D. Dīghā Nikāya (Kinh Trường bô)
DA. Dīghā Nikāya Atthakathā (Chú giải Kinh Trường bộ)
Dh Dhammapada (Kinh Pháp cu)
DhA. Dhammapada Atthakathā (Chủ giải Kinh Pháp củ)

Dhs. Dhammasañganī (Pháp tụ)
Dpvs. Dīpavamsa (Đảo sử)
Gāt. Gāthā (Therā và Therī)'. Trưởng lão Tăng kệ và Trưởng lão Ni kệ
It. Itivuttaka (Kinh Phật thuyết như vây)
ItA. Itivuttaka Atthakathā (Chủ giải Kinh Phật thuyết như vậy)
J. Jātaka (Chuyện Tiền thân)
Kh. Khuddakapātha (Tiểu tụng)
xxiv KINH TIẾU Bộ

Kkvt. Kañkhāvitaram (Giải nghí) Kv. Kathāvatthu (Luận sự / Những điểm di biệt) M. Majjhimā Nikāya (Kinh Trung bộ) MA. Majjhimā Nikāya Atthakathā (Chú giải Kinh Trung bọ) Mhbv. Mahābodhivamsa (Đại sử về cây Bồ-đề ở Tích Lan) Mhvs, Mahāvamsa (Đại sử) Miln, Milindapañha (Mi-tien vân đáp / Milinda vân đạo) MNid. Mahāniddesa (Đại nghĩa thích / Đại diễn giải) MNidA. Mahāniddesa A tthakathā (Chủ giải Đại nghĩa thích / Chú giải Đại diễn giải) MT. Majjhimā Nikāya Tīkā (Phụ chủ giải Kinh Trung bộ) Mv. Mahāvagga (Đại phẩm) Nid. Niddesa (Nghĩa thích /Diễn giải) NỉdA. Niddesa Atthakathā (Chú giải Nghĩa thích / Chú giải Diễn giải) Netti. Nettipakarana (Chỉ đạo luận / cẩm nang học Phật) Pat. Patthāna (Duyên hệ) Pe. Petakopadesa (Chủ thích Kinh tạng / Tìm hiểu Tam tạng) Ps. Patisambhidāmagga (Vô ngại giải đạo /Phân tích đạo) PsA, Patisambhidāmagga Atthakathā (Chú giải Vô ngại giải đạo / Chủ giải Phân tích đạo) Pug. Puggalapañňatti (Nhân thi thiết) ĩ PugA. Puggalapañňatti Atthakathā (Chú giải Nhân thi thief) Pv. Petavatthu (Nga quỷ sự / Chuyện Nga quỷ) PvA. Petavatthu Atthakathā (Chủ giải Nga quỷ sự/ Chủ giải Chuyện Nga quỹ) S. Samyutta Nikāya (Kinh Tương ưng bộ) SA, Samyutta Nikāya Atthakathā (Chú giải Kinh Tương ưng bộ) Sn. Suttanipāta (Kinh tập) SnA. Suttanipāta Atthakathā (Chủ giải Kinh tập) Sum. Sumañgalavilāsiñī (Chủ giải Kinh Trường bộ) Thag. Theragāthā (Trưởng lão Tăng kệ) ThagA. Theragāthā Atthakathā (Chú giải Trưởng lão Tăng kệ) Thīg. Therīgāthā (Trưởng lão Ni kệ)

BẢNG VIẾT TẮT « XXV

ThĩgA. Therīgāthā Atthakathā (Chú giải Trưởng lão Ni kệ)
Thũvs. Thūpavamsa (Biên niên sử chùa tháp Tích Lan)
Ud. Udãna (Kinh Phật tự thuyết / Cảm hứng ngữ)
UdA. Udãna Atthakathā
(Chủ giải Kỉnh Phật tự thuyết / Chú giải Cảm hứng ngữ)
Uj Upāsakajanālañkāra (Ưu-bà-tắc trang nghiêm)
Vbh. Vibhañga (Phân tích)
VbhA. Vibhañga Atthakathā (Chú giải Phân tích)
Vin. Vinaya Pitaka (Luật tạng)
VinA, Vỉnaya Atthakathā (Chủ giải Luật tạng)
Vism. Visuddhimagga (Thanh tinh đạo)
Vv. Vimãnavatthu (Thiên cung sự / Chuyện Thiên cung)

VvA. Vỉmãnavatthu Atthakathã

(Chủ giải Thiên cung sự/ Chú giải Chuyện Thiên cung) r

Yam. Yamaka (Song đôi)

TÁC PHẨM TIẾNG SANSKRIT

Divy. Divyāvadāna (Thiên cung sự)

Mhvu, Mahāvastu (Đại sự) r

MPS. Mahāparinirvānasūtra (Kinh Đại Bát-niêt-bàrỉ)

TÁC PHẨM TIẾNG ANH BBS. Burmeses crip t Buddhasāsana Samiti edition of the Mcyjhima Nikāya (Kinh Trung bộ. phiên bản tiếng Miến, Nxb. Buddhasāsana Samiti) BD. Book ofDiscipline (Luật tạng) BL Buddhist India (Phật giáo Ân Độ) BPE. Buddhist Manual ofPsychological Ethics (Cẩm nang Tâm ly Đạo đức Phật giáo) Cpd. Compendium ofPhilosophy (Cương yếu triết học / Tóm tắt và giải thích bộ Abhidhammatthasañgaha) DB. Dialogues of the Buddha (Kinh Trường bộ) Expos. Expositor (Chú giải Pháp tụ) GS. Gradual Sayings (Kinh Tăng chi bô)

xxvi KINH TIÊU Bộ

KS. Kindred Sayings (Kỉnh Tương ưng bộ) MB. A Manual of Buddhism (Cẩm nang Phật giáo) MLS, Middle Length Sayings (Kinh Trung bộ) QKM, Questions ofKing Milinda (Milinda vấn đạo) PC Points of Controversy (Những điểm di biệt) Pss. Breth. Psalms of the Brethren (Trưởng lão Tăng kệ) Pss. Sis. Psalms of the Sisters (Trưởng lão Ni kệ) SBB. Sacred Books of the Buddhists (Thảnh điển Phật giảo) SBE. The Sacred Books of the East (Thảnh điển phương Đông)

TÁC PHẨM TIẾNG VIỆT TTTĐPGVN. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam TTP V. Tam tạng Pali- Việt

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG

ĐCT/ĐạỉyT. Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh ()

N. Nam truyền Đại tạng()

Biệt Tạp. Biệt dịch Tạp A-hàm kinh ()

Tăng./EĀ. Tăng nhất A-hàm kỉnh (,Ekottarikāgama)

Tạp./ SẢ. Tạp A-hàm kinh (,Samyuktāgama)

Trung./MA. Trung A-hàm kinh (,Mādhyamāgama)

Trường./DÃ. Trường A-hàm (,Dĩrghãgamă)

TỪ ĐIỂN BHSD. Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary (Từ điển Phật giáo Sanskrit hon hợp) CPD. Critical Pali Dictionary (Từ điển Biện giải Pali) DPPN. Dictionary ofPali Proper Names (Từ điển Danh từ riêng Pali) EB. Encyclopaedia ofBuddhism (Bách khoa Từ điên Phật giảo) EPD English-Pali Dictionary (Từ điển Anh - Pali) ERE. Encyclopedia of Religion and Ethics (Bách khoa Từ điển Tôn giảo và Đạo đức) PED. Pāli-English Dictionary (Từ điển Pali - Anh)

BẢNG VIẾT TẮT xxvii

TỔ CHỨC HIỆP HÔI VÀ TẠP CHÍ CST. Chattha Sañgāyana Tipitaka (Tam tạng kết tập lần thứ 6) PTS. Pali Text Society (Hội Thánh điển Pali) VRL Vipassanā Research Institute (Viện Nghiên cứu Thiền quán) JPTS. Journal ofPali Text Society (Tạp chỉ Hội Thảnh điển Pali) JRAS. Journal ofthe Royal Asiatic Society (Tạp chỉ Hội Hoàng gia A chảu)

CÁC TỪ VIẾT TẮT Tiếng Việt S. Tiếng Sanskrit P. Tiếng Pali H. Tiếng Hán E. Tiếng Anh TTL. trước Tây lịch DL. Dương lịch PL. Phật lịch tr. trang Sđd. Sách đã dẫn Nxb. Nhà xuất bản nt. như trên

HT. Hòa thượng TT. Thượng tọa ĐĐ. Đại đức NS. Ni sư _ ITI* Á _ _p se. Sư cô TS. Tiên sĩ ThS. Thạc sĩ ND. Người dịch BBT. Ban Biên tập

Tiếng Anh AD. (Anno Domini) Công nguyên BC. (Before Christ) trước Công nguyên Cf. (confer) Tham chiếu, so sánh ed. (by) biên tập (bởi) edn. (edition) ấn bản etc. (ét cetera) vân vân...(V.V...) f./ ff. (following pages) trang kê tiêp / các trang kê tiêp ibid, (ibidem) cùng trang đã dẫn / như trên n. (note) chú thích op. cit (opere citato) sách đã dẫn p./pp. (page/ pages) trang / các trang tr.(by) dịch bởi

trans, (franslation) bản dịch v. (verse) bài kệ, khổ kệ, kệ ngôn vol./ vols. (volume/ volumes) tập, quyển / các tập, các quyển

TỔNG QUAN KINH TIỂU Bồ

1. Khái niệm uKinh Tiểu b “Kinh Tiểu bộ" Khuddaka Nikãya,dịch sát nghĩa là "Hợp tuyển các tập kỉnh ngăn " The Collection ofLittle Texts, Minor Collection, là tuyên tập nikāya điển tịch thứ năm trong năm bộ kinh thuộc kho tàng kinh điển Pali Sutta Pitaka,ciỉa Phật giáo Thượng Tọa bộ , còn gọi là Phật giáo Nam truyền hoặc Phật giáo Thượng Tọa bộ Nam truyền .Bộ này gồm 16 tập kinh chứa đựng nhiều bài kinh lẻ, thi kệ, đoạn kinh ngăn vê chân lý, lộ trình tu tập, đạo đức sông và tư liệu lịch sử, phần lớn do đức Phật giảng và một số do các Thánh Tăng A-la-hán giảng hay biên tập. Từ "KhuddakcT trong tiếng Pali có nghĩa là "tiểu”hay "tạp”, tương đương trong tiếng Sanskrit là "Ksudrakay Trong văn học Hán tạng, chữ "Nikāyef" thường được phiên âm là "Ni-kha-da",tương đương với từ "Āgamā" trong tiếng Sanskrit mà Phật giáo Đại thừa thường sử dụng và được phiên âm trong Hán ngữ là "Ah*m"ho/c "A-cấp-ma". Cụm từ "Khuddaka NikãycT được phiên âm trong Hán ngữ là aKhuất-đà-ca Ni-kha-da".Thiện Kiến luật Tỳ-bà-sa gọi Tiểu bộ kinh là "Khuất-đà-ca kinh".1 Bộ tương đương với Khuất-đà-ca kỉnh gọi là "Khuất.dàgià A-hàm".Tổng hợp vừa dịch nghĩa vừa phiên âm, "Khuddaka Nỉkâycỉ' trong tiếng Pali và từ tương đương ^Ksudraka Āgamc^ trong tiếng Sanskrit thường được dịch trong tiếng Hán là "Tiểu Ni-kha-da",trong đó “tiểu" c6 nghĩa là nhỏ, "Ni-kha- da" là từ phiên âm Hán Việt. Phật-đà-thập Buddhajīva và Trúc Đạo Sinh trong Ngũ phần luật gọi là "Tạp tạng",2 còn Ngài Huyền Trang dịch là "Tạp loại X-cấp-ma” .3

1 Xem 724, 1462.1. 0675Ò19-20:

KI

2 Dỉ-sa-tắc bộ Hòa-hê Ngữ phần luật ()(7.22. 1421.30. 0191a24) ghi:

T

;, 3 Xem Đại A-la-hán Nan-đề Mật-đa-la sở thuyết pháp trụ kỷ (7.49. 2030.0014006):;&,

về từ nguyên, "Nikãyổ" có nghĩa là: Giáo phái (school), bộ phái (,sect), (ii) Đoan thể (,body, assembly), nhóm (,group)^ (iii) Bộ sưu tập hay tuyển tập các bài kinh (collection)^ Trong ngữ cảnh văn học Pali, "Nikãyà" được hiểu là tuyển tập các bài kinh Phật (collection of Buddhist suttas). Theo từ điển Pali-English Dictionary, tựa đe Kỉnh Tiểu bộ phát xuất từ thực tế rằng đây là tuyển tập các bài kinh ngắn so với bốn bộ kinh 56 Theo tác phẩm Chủ giải Tiểu tụng (Paramatthajotika). tựa đề Kỉnh Tiểu Pali.4 bộ là do 15 bản văn của tuyển tập kinh điển này, chứa đựng nhiều chủ đề và sắc thái Phật học khác nhau.7 Phật Quang đại từ điển cho rằng: "Sở dĩ bộ kinh này có tên gọi là Kinh Tiểu bộ vì tuyên tập này tập hợp các truyền thuyết, kệ tụng và cách ngôn trong bôn bộ kinh Pali gồm Kinh Trường bộ, Kinh Trung bộ, Kinh Tương ưng bộ và Kỉnh Tăng chỉ bộ thành các bài kinh ngắn.^8 Quan điểm này chỉ đúng một phần, vì trên thực tế có nhiều bài kinh, chương, đoạn và thi kệ trong Kỉnh Tiểu bộ hoàn toàn độc lập với bốn bộ kinh nêu trên. Từ góc độ nội dung, 15 bản văn kết hợp với bản Mỉlỉnda vấn đạo (trong ấn bản TTTĐPGVN này) của Kỉnh Tiểu bộ là kho tàng văn học Phật giáo về những gì chưa được đề cập hoặc đã đề cập một phần trong bốn bộ kinh Pali, và chứa đựng các bản văn giai đoạn đầu và giai đoạn sau.9 Đây chính là một trong những đóng góp quan trọng của Kinh Tiểu bộ trong văn học Kinh tạng Pâli. 2. Thể tài văn học của Kinh Tiểu bộ về thể loại, Kinh Tiểu bộ là tuyển tập hỗn hợp hay tạp kinh (,miscellaneous collection) gồm thể tài văn xuôi và phần lớn là thi kệ (gāthā,verse). Bên cạnh một số chương và phẩm được thể hiện dưới dạng văn xuôi, nhiều nội dung của 16 tập kinh này là thi kệ, bao hàm các bài kệ thơ ngắn gọn, đa dạng, đặc sắc, thể hiện tính văn học và triết học Phật giáo sâu sắc. Các tập kinh trong Kinh Tiểu bộ có độ dài ngắn không đồng nhất. Ngắn nhất

4 Xem mục từ "Nikdyd' trong Từ điển Pali - ()của Bhikkhu Mahāñāno, cũng như ấn bản tương tự do Tôn giả Minh Pháp ()hiệu đính. 5 Xem mục từ "Nikãyd' trong từ điển Pãỉi-English Dictionary của Hội Thánh điển Pali (Pali Text Society) và tương tự mục từ "Nikāyd' trong từ điển Concise Pali-English Dictionary của A. p. Buddhadatta Mahathera, tr. 170. 6 Nguyên tác: "The name Khuddaka Nikāya is taken from the fact that it is a collection of books-short, that is as compared with the Four Nikyas." The Anagatavamsa ựPTS. 1886), p. 35; The Gandhavamsa 1886)p. 57. 7 Xem H. Smith, (ed.), The Khuddaka-Pātha Together with Its Commentary Paramatthajotikā I (London: PTS, 1915), p. 12. tNẹuyêntác: / 9 Hkakawa

Akira, A History ofIndian Buddhism, tr. and ed. by Paul Groner (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers, 1993), p. 128: Tt has been suggested that the Khuddaka Nikāya was the repository for materials that were left out of the four Nikāyas (the Dīghā

Nikāya, Majjhimā Nikāya, Sarnyutta Nikāya and Añguttara Nikāya) and thus included both early and late texts.^

TỔNG QUAN KINH TIÊU BỘ > xxxi

1 i h l 'C 9 Q , . f là Tiêu tụng, chưa đây 10 trang Pâli trong ân bản của PTS, trong khi Chuyện Tiền thân với 547 câu chuyện, có số trang lên đến cả ngàn. Trong mỗi tập kinh, có những bài kinh vài trang, nhimg cũng có những bài kinh rất ngắn với 4-5 hàng Pãli, chứa đựng những lời dạy minh triết mang tính trị liệu cao.

3. Vỉ trí của Kinh Tiểu bộ trong các thể tài kỉnh Tam tạng Pali Tipitakd phân loại 9 thể tài kinh,10 vốn được Thượng Tọa bộ chủ trương và được sự chấp nhận cao trong Phật giáo bộ phái. Tam tạng Phật giáo Đại thừa phân loại thành 12 the tài kinh S. dvādaśāñga-dharma-pravacand.11* vốn bắt nguồn từ Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da tạp sự 12 và được chấp nhận trong Pháp Tạng bộ ,s. Dharmaguptaka, Hóa Địa bộ s. Mahīśāsaka, p. Mahisāsaka và Đại Chúng bS Mahāsamghika, p. Mahāsañghika. Thứ tự về 9 thể tài kinh13 và 12 thể tài kinh14 được tìm thấy khác nhau trong văn học Kinh tạng chữ Hán như sau: 1. Kinh S. Sūtra, p. Sutto hoặc Khế kinh ,hay Trường hàng phiên âm là Tu-đa-la chỉ chung các bài kinh do Phật thuyết giảng. 2. Trùng tụng s. Geya, p. Geyya còn dịch là ứng tụng , phiên âm là Kỳ-dạ ,loại kệ tụng có nhiêu câu được lặp lại.

10 Còn gọi là 9 phần giáo (),9 bộ kinh ();9 bộ pháp (),9 kinh ().Tham chiếu danh mục chín thể tm kinh trong Phật Quang đại từ điển'. 11 Còn gọi là thập nhị bộ kinh (),thập nhị phần giáo (),thập nhị phần Thánh giáo (),thập nhị phần kinh (W).Tham chiếu danh mục 12 thể tài kinh trong Phật Quang đại từ điên', https://www.fgs.org.tw/fgs_book/fgs_drser.aspx/ (truy cập ngày 11/02/2021). Tham chiếu: Thanh tỉnh (roi. ÕÕ01.17. 0074bl9-23); ít(r.02. 0125.49.1. Đại trí đô'luân ®W~(T.25. 1509.33. 0306cl7-19): , í, ,Cách dụng ngữ khòng chính xác trong cước chú trên và trong cước chú này đã gây ngộ nhận cho nhiêu độc giả khi chưa hiểu bản chất cua 9 hoặc 12 thể loại van học. 0.24. 1451.38. 0398C25-27):, Ma-haTang-ky(r.22. 1425.1. 0227bll):, j,, 2 . Tgt tư trong Luật tạng Pā/z như sau:):tí:,, ,:ểim :,SWawMTa 7 14 B (T.02. 0099.1138. 0300c05): ftezi•?, :,;wim MX : Tư phạn 0 (r^/i428. l 0569b03)f • :,:,, ?,Trong Ngữ phan (72Z 1421.1 0001025): Xĩ lặ,;,,,

3. Ký thuyết ,s. Vyākarana, p. Veyyākarana còn gọi là Thọ ký ,phiên âm là Hoa-già-la-na hay Hòa-già-la-na ,bao gôm lời Phật chứng nhận cho các đệ tử sẽ thành Phật trong tương lai. 4. Kệ-đà S=P Gāthā thường dịch là Phúng tụng hay Ký chú ,gồm những bài thi kệ không có văn xuôi ở trước. 5. Tự thuyết ,S=P Udānă còn gọi là Vô vấn tự thuyết hoặc Tán thán kinh ,phiên âm là Ưu-đà-na ,gồm những bài kinh đức Phật giảng do cảm hứng tự nhiên, không có người thỉnh cầu. 6. Nhân duyên ,S Nidāna còn dịch là Quảng thuyết ,phiên âm là Ni-đà-na g, gồm những bài kinh giảng về nhân duyên thuyết pháp. 7. Thí dụ ,s. Avadāna còn gọi là Diễn thuyết giải ngộ kinh T,phiên âm là A-ba-đà-na ,gồm những kinh chứa nhiều thí dụ, ẩn dụ, ngụ ngôn để giải thích chân lý cho dễ hiểu hơn. 8. Như thi ngữ s. Itỉvrttaka, p. Itỉvuttakă còn gọi là Bổn sự kinh phiên âm là Y-đế-mục-đa-già gồm những bài kinh nói pháp tu tập của các đệ tử Thánh trong quá khứ và vị lai. 9. Bổn sanh kinh S=P Jātaka, phiên âm là XXdà-già gôm các bài kinh nói vê tiên thân của đức Phật Thích-ca. 10. Phương quảng còn gọi là Phương đẳng s. Vaipulya, p. Vedalld hoặc Quảng kinh ,phiên âm là Tỳ-phật-lược ,gồm các bài kinh do đức Phật hay các đệ tử Thánh trao đôi, giảng giải, triên khai sâu rộng với các vị Tăng, Ni hay cư sĩ. 11. Vị tằng hữu 9 S. Adbhutadharma, p. Abbhutadhammă còn gọi là Hy phqp ,phiên âm là A-phù-đà-đạt-ma ,gồm các kinh nói về thần lực siêu phàm của đức Phật mà người đời khó hiểu được. 12. Luận nghi s. Upadeśa còn gọi là Cận sự thỉnh vấn kinh ,phiên âm là Ưu-ba-đề-xá ,gồm các bài kinh thiên nặng về lý luận và phân tích chi tiết các khái niệm Phật học. Danh mục 9 thể tài kinh trong văn học Pali gồm có: l, 2, 3, 4, 5, 8, 9, 10, 11, tức không bao gồm ba thể loại "Nhân duyen99 thứ 6, "Thí dq" thứ 7 và "Luận nghị,, thứ 12 như trong văn học Phật giáo Đại thừa. Kình Vỉ dụ con rar^. số 22, trong Kinh Trung bộ và một số kinh khác trong Tăng chỉ bộ, Luật tạng và Luận tạng đều thống nhất một danh sách 9 thể loại văn học: Kinh Sutto, ứng tụng Geyya, Ký thuyết Veyyākaranā. Kệ tụng Gāthā. Cảm hứng ngữ {Vdāna. Như thị ngữ Itivuttaka, Bổn sanh ụataka. Vị tằng hữu pháp {Abbhutadhammā . Phương quảng Vedalla}515

15 Xem A. II. 6, 103, 177; Vịn. m. 8; Pug. 43.

TỔNG QUAN KINH TIÊU BỘ xxxiii

CÓ thể nói, văn học Kinh Tiểu bộ bao gồm tất cả 9 thể tài văn học này. Các thể tài văn học "Nhân duyên9\ "Thí d\T" va "Luân nghi" tuy không được đề cập trong văn học Thượng Tọa bộ, nhưng trên thực tế, văn học Kinh tạng Pâli đều có các nội dung này. Do đó, có thể khẳng đinh rằng 16 tập trong Kinh Tiểu bộ có mối quan hệ mật thiết với hai hệ thống thể tài văn học của Thượng Tọa bộ và Đại thừa. 4. Niên đại và tác giả của Kinh Tiểu bộ Đại Chúng bộ, Hóa Địa bộ và Pháp Tạng bộ chấp nhận đưa Kinh Tiểu bộ vào danh mục Kinh tạng của mình, đang khi một số bộ phái chỉ chấp nhận bốn bộ kinh Pâli. ở chừng mực nào đó5 Kỉnh Tiểu bộ của Phật giáo Thượng Tọa bộ là ví dụ mở rộng của Tiêu tạng (Khuddaka Pitakă)}6 Dựa vào văn bản học, chúng ta có thê truy nguyên

niên đại của Kinh Tiêu bộ gồm giai đoạn đầu và giai đoạn sau khác nhau.17 Sáu tuyển tập của Kinh Tiểu bộ được ra đời trong giai đoạn đầu gồm Kinh Pháp cú, Kinh Phật tự thuyết, Kinh Phật thuyết như vây, Kỉnh tập, Trưởng lão Tăng kệ, Trưởng lão Ni kệ. Tuyển tập ra đời trong giai đoạn sau gồm Chuyện Thiên cung, Chuyện Nga quỷ, Diễn giải (Nghĩa thích), Phân tích đạo {Vo ngại giải đạo). Thánh nhân ky sự, Phật sửf Hạnh tạng, Tiểu tụng và sau nhất là Milinda vấn đạo. Riêng Chuyện Tiền thân có hơn 500 câu chuyện ra đời trong giai đoạn đầu và một số câu chuyện được bổ sung trong giai đoạn sau. Vê niên đại ra đời, Giáo sư Oliver Abeynayaka cho răng Kinh Tiêu bộ được ra đời gần với giai đoạn hình thành văn học A-tỳ-đạt-ma.18 Kỉnh Tiểu bộ được hình thành và phát triển trong khoảng thời gian dài, bắt đầu từ thời đức Phật qua khẩu truyền cho đến Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ 3 (The Third Buddhist Council) vào thế kỷ III TTL tại Pātaliputta, thủ phủ của Đại đế Asoka.19 Giáo sư Rhys Davids dựa vào việc sử dụng khái niệm "người thông suốt năm bộ kinh Pali55 (pañcanekāyika) trên các chỉ dụ vào thế kỷ IIITTL, gián tiếp chứng minh rằng Kinh Tiểu bộ ra đời vào thế kỷ III TTL.20*

16 Xem chi tiết trong Hirakawa Akira, A History ofIndian Buddhism, tr. and ed. by Paul Groner (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers, 1993), p. 128: "Though Buddhist schools such as the Mahisāsaka, Dharmaguptaka and Mahāsamghika included a Khuddaka Pitaka in their canons, the Khuddaka Nikāya of the Theravāda school is the only extant example of such a Khuddaka Pitaka. 17 Giáo sư Oliver Abeynayake, Textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nikãyd' (Phân tích phương diện lịch sử và vắn bản của Kinh Tiểu bộ) (Colombo: Tisara Press, 1984), p. 113, đưa ra luận diễm này với nhiều dẫn chứng thuyết phục: 4<The Khuddaka Nikāya can easily be divided into two strata, one being early and the other late. The texts Sutta Nipāta, Itivuttaka, Dhammapadaṃ Theñgāthā, Theragāthã, Udāna and Jātaka belong to the early stratum and the texts Khuddakapātha, Vìmānavatthu, Petavaiíhu, Niddesa, Patisambhida, Apadānaṃ Buddhavarnsa and Cariyapitaka can be categorized in the later stratum." 18 Xem Oliver Abeynayaka, A Textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nikāya (Colombo: Tisara Press, 1984), p. 116. 19 Xem chi tiết tại sách, Charles Willemen, Bart Dessein, Collett Cox, Sarvāstivāda Buddhist Scholasticism (Handbuch Der Orientalĩstik) (Leiden: Brill, 1998), p. 45. 20 Xem T. w. Rhys Davids, Buddhist India (London: G. p. Putnam's Sons, 1903), p. 168.

Vê tác giả, phân lớn các học giả Phật giáo Nam truyên đêu cho răng đức Phật và một số vị A-la-hán là tác giả truyền miệng của 15 tập kinh đầu, đang khi hai tập 16-17 do Ngài Kaccāna (Ca-chiên-diên) làm tác giả, và tập 1821 do Ngài Nāgasena trước tác. Bằng phương pháp phân tích văn bản học, Giáo sư Oliver Abeynayaka chứng minh rằng nêu bốn bộ kinh điên Pali là do đức Phật thuyết giảng thì các bản văn thuộc Kinh Tiểu bộ do các vị đệ tử Thánh của đức Phật thuyết ging hoặc biên tập.22 Giáo sư A. K. Warder cho rằng tính tác giả của Kinh Tiêu bộ rất khó chứng minh rõ ràng. Có nhiều bài kinh do đức Phật giảng, đang khi nhiều bài kinh khác có thể do các vị đệ tử Thánh thuyết giảng hoặc biên tạp.2324 5. Phân loại và số lượng bản văn thuộc Kinh Tiểu bộ Có bốn

phân loại chính về Kinh Tiểu bộ: Bộ 14 tập, 15 tập, 17 tập và 18 tập. Theo Thiện Kiến luật Ty-ba-sa ()quyển l, Kinh Tiêu bộ chỉ có 14 tập, không bao gom Tiểu tụng (Khuddakapātha,).24 Căn cứ theo Chú giải Luật tạng (Samantapāsādika) bản Pâli? cũng như lời tựa của bản Chủ giải Kinh Trường bộ (Sumañgalavilāsinī) bản Pali, do có bổ sung Tiểu tụng nên Kinh Tiểu bộ gôm có 15 tập.2526 số lượng tuyển tập nay tương ứng với phân loại Tam tạng Phật giáo Thái Lan ().Theo Etienne Lamotte,
Kinh Tiểu bộ gồm 15 tập kinh thuộc Phật giáo Thượng Tọa bộ, trường phái Phật giáo duy nhát có đầy đủ Kỉnh Tiểu bọ}6 Căn cứ vào Lời tựa của ấn bản đầu trong Chú giải Kinh Trường bộ do Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) biên soạn vào thế kỷ v, các nhà đọc tụng Kỉnh Trường bộ (Dīgha-bhānaka f)chỉ liệt dẫn ra các tập 2-12 trong
Kinh Tiểu bộ. trong khi các nhà đọc tụng Kinh Trung bộ {Majjhima-bhānaka,)liệt dẫn ra 14 tập gồm 2-15 trong

21 Theo cách phân loại Tam tạng của Phật giáo Miến Điện, Tiểu bộ có tất cả 18 tập, trong đó tập 16 là Chỉ đạo luận hay còn gọi là Carn nang học Phật (Nettipakarana) và tập 17 là Tạng thích hay còn gọi là Chu thích Kinh tạng(Petakopadesa). 22 Xem Oliver Abeynayaka, A Textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nikāya (Colombo: Tisara Press, 1984), p. 16: "ít is believed that the first four Nikāyas contain discourses preached by the Buddha, whereas the texts of the Khuddaka Nikāya are compositions of the disciples.^, 23 Xem A. K. Warder, Indian Buddhism (Delhi: Motilal Banarsidass, 2000), p. 202-03. 24 Thiện Kiến luật Ty-ba-sa ^(T.04. 1462.1 O676aO7-lQ):. ;:; ,:
25 Tác phẩm Samantapãsãdikã, còn có tên khác là Pārājikakanda-atthakathā (pathamo bhāgo). Chú giải chương Ba-la-di, phần mở đầu đã nêu: uKhuddakapātha-dhammapada-udāna-itivuttaka-suttanipāta- vimānavattiiu-petavatthu-theragāthā-therīgāthā-jātaka-niddesa-patisambhidā-apadāna-buddhavamsa-cariyāpitakavasena pannarasappabhedo khuddakanikāyoti.„ Bản Hán dịch tác phẩm này cũng ghi nhận tương tự như vậy. Xem Nhất thiết Thiện Kiến luật chủ tự (#.70. 0036.1.0019a06-08): ES;';.ế
,Trong đoạn này cũng có sự nhâm lân nhỏ, dịch
giả xưa đã thêm "Tiêu kinh"()vào danh sách Kinh Tiểu bộ này, và gộp "Trưởng lão Tăng kệ' và ^Trưởng lão Ni kệ' thành một. 26 Étienne Lamotte, (1956) "Problèmes Concemant les Textes Canoniques Mineurs' Journal Asiatique, số 244, tr. 249-64. '

Kinh Tiểu bộ. Bản Chủ giải Luật tạng (Samantapãsãdikã)2728 giới thiệu Kỉnh 29 Tiểu bộ gồm tập 1-15 như ấn bản chúng ta có hiện nay, đang khi tác phẩm Atthasālinī. bản Chủ giải A-tỳ-đạt-mcP^ đê cập chỉ có 14 bản văn, không có Tiêu tụng (Khuddakapātha)^ Chú giải về Lời tựa Kinh Trường bộ bằng tiếng Pâli cho rằng chỉ có sự khác biệt về cách phân loại số lượng các tập kinh trực thuộc, hoàn toàn không khác biệt về nội dung của Kinh Tiêu bộ, Sở dĩ có sự khác biệt về số lượng các tập kinh trong Kinh Tiểu bộ là do tình trạng gộp lại của một số tập kinh, trong khi một số nhà đọc tụng Kinh Trường bộ và Kinh Trung bộ có khuynh hướng tách lập các bộ kinh riêng biệt. Chẳng hạn các nhà

đọc tụng Kinh Trường bộ đề cập đen việc trùng tuyên 11 bản văn (ngoại trừ Tiểu tụng, Thánh nhân kỷ sựf Phật sử và Hạnh tạng). Trên thực tế, các bản văn này đã được gộp vào trong ấn bản của 11 bản vẩntnrớc.30 Theo phân loại của Tam tạng Phật giáo Tích Lan, Kinh Tiểu bộ có 17 tập kinh do bổ sung hai tuyển tập gom "Chí đạo luân" hay còn gọi là “Cẩm nang học PhậC {Nettippakarana,)và "Tạng thich^ hay "Giải thích kinh" {Petakopadesa.).Tam tạng Phật giáo Miến Điện bổ sung tập Milindapañha {Milỉnda vấn đạo), tức bản tiếng Hán "Di-lan vương vấn"()hay Dỉ-lan-đà vấn ()nên Kinh Tiểu bộ của Miến Điện gồm 18 tập.31 Ấn bản Kinh Tiểu bộ gồm 18 tập của Phật giáo Miến Điện được biên tập trong Đại hội Kết tập Tam tạng Phật ệiáo lần thứ 5 (Pañcamasamgāyanā, The Fifth Buddhist Council) tại thành pho Mandalay, Miến Điện vào năm 1871, dưới sự bảo trợ của Vua Mindon.32 Tại Đại hội Kết tập Tam tạng Phật giáo lần thứ 6 (Chattha Sañgāyana, The Sixth Buddhist Council) vào năm 1954 tại chùa Kaba Aye, thành pho Yangon, Miến Điện, nhân dịp nước này kỷ niệm 2500 năm đức Phật nhập Niết-bàn, Tam tạng Thánh điển Pali được thong nhất một lần nữa, từ đó Chattha Sañgāyana Tipitaka (CST) chính thức ra đời, và Kinh rrf a 7 9 _r io _ _

Tiêu bộ cũng co 18 tạp.

27 J. Takakusu and M. Nagai (eds.), Samantapāsādikā'. Buddhaghosas Commentary on the Vinaya Pitaka, 8 vols, (London: PTS, 1947-75), p. 12-15. 28 Edward Miiller (ed.), The Atthasālinī'. Buddhaghosa s Commentary on the Dhammasañgim (London: PTS, 1979), p. 26. 29 Xem Oskar von Hinuber, A Handbook ofPali Literature (New Delhi: Munshiram Manoharlal, 1997), p. 42. 30 Tham chiếu: T. w. Rhys Davids, J. E. Carpenter and w. Stede (eds.), The Sumañgalavilāsinī\ Buddhaghosa s Commentary on the Dīghā Nikāya, vol. L (London: PTS, 1886-1932), p. 15. 31 Trong tác phẩm An Introduction to Pali Literature (Calcutta, India: Punthi Pustak, 1964), p. 43, s. c. Baneiji cho rằng: "KMī Tiểu bô theo truyền thống Miến Điện có tất cả 19 tập, bao gồm 15 tập trên và các tập sau: 1) Milindapañha^ 2) Suttasarngaha, 3) Petakopadesa, 4) Netti hay Nettipakarana^ Phật đại từ điển cũng cho rang ấn bản Kinh Tiểu bộ của Phật giao Miến Diễn gồm có 19 ÍỊp ( ),tưc la tính thêm bộ Suttasamgaha ().Tham chiếu tại đương dẫn: http://buddhaspace.org/dict/ fkÁíata/(truy cậpngày 13/01/2Ó21). 32 Xem thông tin chi tiết trong sách: Mendelson, Sangha and State in Burma (Tăng đoàn và Nhà nước tại Miến Điện), (Ithaca, New York: Cornell University Press, 1975), pp. 276ÍÎ.

xxxvi > KINH TIỂU BÔ

Tựa tiếng Việt, Pali, Hán Tiếng Anh Ấn bản
PTS, Tích
The Short Lan, Thái Lan,
1 Tiểu tụng Khuddakapātha,
Passages Miến Điện,
CST, CBETA
2 Kỉnh Pháp củ Dhammapadaṃ Verses on Dhammā -nt -

3 Kỉnh Phật tự thuyết Udānaṃ Inspired Utterances -nt -

4 Kỉnh Phật thuyết như vậy
Thus It Was Said -nt -
v7
Group of
5 Kinh tập Suttanipāta. -nt -
Discourses
6 Chuyện Thiên cung Stories ofHeavenly -nt -
Viinānavatthu, Abodes
Stories ofHungry Chuyện Nga quỷ Petavatthu, -nt - Ghosts

Verses of the Male
8 Trưởng lão Tăng kệ Theragāthā, -nt -
Elders
Verses of the
9 Trưởng lão Nike Therīgāthā, -nt -
Female Elders
10 Chuyện Tiền thân ựātaka. Birth Stories -nt -

11 Diễn giải Niddesa. Exposition -nt -

12 Phân tích đạo Way ofAnalysis -nt - Patỉsambhỉdâmagga,

13 Thảnh nhăn kỷ sự Apadānaṃ Legends -nt -

Lineage of the 14 Phật sử Buddhavamsa. -nt - Buddhas

15 Hạnh tạng Cariyāpitaka, Basket of Conduct -nt -

PTS, Tích 16 Chỉ đạo luận Nettipakarana, The Guide Lan, Miến Điện và CST.

TỒNG QUAN KINH TIÊU BỘ xxxvii

PTS, Tích (17) Tạng thích (Petakopadesa.) Pitaka Disclosure Lan, Miến Điện và CST

(18) Mỉỉinda vấn đạo Questions of PTS, Miến (Milindapañha,) Milinda Điện và CST.

Ke thừa việc bổ sung và chọn lọc ấn bản Kinh Tiểu bộ của các nước Phật giáo Nam truyền, Ban Biên tập đã thống nhất ấn bản Kinh Tiểu bộ thuộc Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có 16 tập, gồm 15 tập đầu theo truyền thống chú giải của Phật giáo Thượng Tọa bộ từ thời Ngài Buddhaghosa và thêm tập thứ 18 như ấn bản PTS, Miến Điện và Ấn Độ (CST) ngày nay.

6. Dịch giả, bản dịch và nguyên tác Kinh Tiểu bộ Trong bộ này có tất cả 16 tuyển tập, với ba dịch giả: Hòa thượng Thích Minh Châu, cư sĩ Nguyên Tâm- Trần Phương Lan và Tỳ-khưu Indacanda. (1) Hòa thượng Thích Minh Châu dịch 7 tập, gồm: Tiểu tụng, Kinh Pháp CÚ, Kinh Phật tự thuyết, Kinh Phật thuyết như vậy, Kinh tập, Trưởng lão Tăng kệf Trưởng lão Ni kẹ và 120 câu chuyện đầu của Chuyện Tiền thân. Đối với Trưởng lão Tăng kệ và Trưởng lão Ni kệ. Hòa thượng dựa vào bản Chủ giải (Atthakathā) của hai

bản kinh này để dịch và có tham khảo bản tiếng Anh "Psalms of the Early BuddhỉsC do Bà Rhys Davids dịch, PTS xuất bản năm 1909 (Psalms of the Sisters) và 1913 (Psalms of the Brethren). (2) Cư sĩ Nguyen Tam- Trần Phương Lan đã tham gia công tác phiên dịch cao quý này với hai tuyển tập Chuyện Thiên cung (Thiên cung sự), Chuyện Nga quỷ (Nga quỷ sự) và 427 câu chuyện tiên thân còn lại từ nguyên tác tiêng Anh, von được dịch từ Chú giải. về bản dịch Chuyện Thiên cung và Chuyện Nga quỷ. dịch giả dựa vào bản dịch tiếng Anh: The Minor Anthologies of the Pali Canon (Part IV) - Vimāna Vatthu: Stories of Mansion, Petā Vatthu: Stories of the Departed của Jean Kennedy và Henry s. Gehman, do Bà Rhys Davids biên tập và viết lời giới thiệu, PTS xuất bấn năm 1942. Tập Chuyện Tiền thân đức Phật (Bổn sanh) gồm 547 câu chuyện, được Robert Chalmers, w. H. D. Rouse, H. T. Francis, R. A. Neil, E. B* Cowell dịch sang Anh ngữ và được E. B. Cowell biên tập thành 6 tập, do PTS xuất bằn năm 1895. Điểm lưu ý khác, bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu và cư sĩ Nguyen Tâm Trần Phương Lan dựa vào nguyên tác Pali của Hội PTS ấn hành, khá khớp với phiên bản CST, do đó, Ban Biên tập đã đánh số bản dịch Việt theo CST, đồng bộ với 4 bộ đã ấn hành để tiện việc tra cứu. Nhiều thi kệ trong

tập Chuyện Tiền thân của ấn bản trước bị tỉnh lược và dịch ra Việt văn bằng văn xuôi, Ban Biên tập thống nhất dịch đủ và đúng theo thể văn vần như trong nguyên tác vốn c6, để giữ được tính thi ca trong văn học Pali, đồng thời bổ sung thêm những câu, đoạn bị thiếu, hoặc đánh máy nhầm, sai sót. (3) Vi thứ ba đóng vai trò khá quan trọng trong việc hoàn thiện Tam tạng Thánh điển Pali này là Tỳ-khưu Indacanda. Với sự nhẫn nại, kiên trì và hoài bão đóng góp cho kho tàng Pháp bảo Phật giáo Việt Nam, Tỳ-khưu Indacanda đã và đang dịch các kinh, luật, luận, chú giải chưa được dịch sang tiếng Việt.33 Đối với Kinh tạng của bộ TTTĐPGVN này, có 6 dịch phẩm của Tỳ-khưu Indacanda được đưa vào: Diễn giải (Đại diễn giải và Tiểu diễn giải). Phăn tích đạo, Thảnh nhân ky sự, Phật sử, Hạnh tạng và Milỉnda vấn đạo. Trong 6 bản dịch này, với tính đặc thù của nguyên tác Pâli Tích Lan, Ban Biên tập giữ nguyên theo cách chữ đậm, chữ nghiêng, đánh số bản dịch của dịch giả. Nội dung khái lược của từng tập trong bộ này được giới thiệu trước mỗi tập trong Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam.

Cẩn chí,

Mùa An cư PL. 2565 -DL. 2021

TT.TS. Thích Nhật Từ

(Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam)

33 Xem các bản dịch Tam tạng Pâli- Việt của Tỳ-khưu Indacanda (Sri Lanka: Buddhist Cultural Center),

MỤC LỤC LỜI CHỨNG MINH..... vii LỜI GIỚI THIỆU..... ix LỜI NÓI ĐẦU..... XV BẢNG VIẾT TẮT.....XXV TỔNG QUAN KINH TIỂU

BỘ..... xxxi

THÁNH NHÂN KÝ sự TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ ..... 3 PHẦN THỨ NHẤT..... 7 L PHẨM ĐỨC PHẬT..... 7 A. PHẬT TOÀN GIÁC KÝ sự..... 7 B. PHẬT ĐỘC GIÁC KÝ sự..... 13 C. TRƯỞNG LÃO KÝ sự.....19 1. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA..... 19 2. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀMOGGALLĀNA ..... 33 3. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀKASSAPA..... 35 4. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ANURUDDHA..... 36 5. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUNNA..... 37 6. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UPĀLI..... 38 7. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AÑÑĀKONDAÑÑA..... 47 8. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PINDOLABHĀRADVĀJA..... 48 9. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KHADIRAVANIYAREVATA..... 49 10. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀNANDA..... 51 II. PHẨM SĪHĀSANADĀYAKA..... 53 11. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANADĀYAKA..... 53 12. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKATTHAMBHIKA 54

13. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NANDĀ..... 55 14. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CULLAPANTHAKA..... 55 15. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PILINDIVACCHA..... 56 16. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO RĀHULA..... 57 17. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UPASENA..... 58 18. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO RATTHAPĀLA..... 59 19. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SOPĀKA..... 60 20. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUMAÑGALA..... 61 III. PHẨM SUBHŪTI..... 63 21. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUBHŪTI..... 63 22. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UPAVĀNA..... 66 23. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SARANAGAMANIYA..... 70 24. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCASĪLASAMĀDĀNIYA ..... 71 25. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ANNASAMSĀVAKA ..... 73 26. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHŪPADĀYAKA ..... 73 27. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PULINAPŪJAKA ..... 74 28. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UTTARIYA..... 74 29. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAÑJALIKA..... 75 30. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KHOMADĀYAKA..... 75 IV. PHẨM KUNDADHĀNA

..... 77 31. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUNDADHĀNA ..... 77 32. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĀGATA..... 78 33. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀKACCĀNA ..... 79 34. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KĀLUDĀYĪ..... 80 35. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MOGHARĀJA..... 81 36. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ADHIMƯTTA..... 82 37. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO LASUNADĀYAKA..... 83 38. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ĀYĀGADĀYAKA ..... 83 39. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMACAKKIKA ..... 84 40. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KAPPARUKKHIYA..... 84 V. PHẨM UPĀLI..... 86 41. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BHĀGINEYYA-UPĀLI ..... 86 42. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SONAKOTIKANNA 87

43. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KĀLIGODHĀPUTTABHADDIYA..... 89 44. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SANNITTHĀPAKA ..... 90 45. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCAHATTHIYA..... 91 46. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMACCHADANIYA ..... 91 47. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SAYANADĀYAKA ..... 92 48. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CAÑKAMADĀYAKA ..... 92 49. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUBHADDA..... 93 50. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CUNDA..... 94 VI. PHẨM VĪJANĪ..... 97 51. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VIDHŪPANADĀYAKA ..... 97 52. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SATARAMSIKA ..... 97 53. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAYANADĀYAKA ..... 98 54. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHODAKIYA ..... 99 55. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO OPAVAYHA..... 99 56. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAPARIVĀRĀSANA..... 100 57. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PAÑCADĪPAKA..... 100 58. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHAJADĀYAKA..... 101 59. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMA..... 102 60. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ASANABODHIYA..... 103 VII. PHẨM SAKACINTANIYA..... 105 61. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAKACINTANIYA ..... 105 62. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AVOPUPPHIYA..... 105 63. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PACCĀGAMANIYA ..... 106 64. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PARAPPASĀDAKA..... 106 65. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BHISADĀYAKA..... 107 66. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUCINTITA..... 108 67. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VATTHADĀYAKA ..... 108 68. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO

AMBADĀYAKA..... 109 69. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANĀ..... 109 70. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHACAÑGOTIYA ..... 110 VUI. PHẨM NÃGASAMÃLA..... 111 71. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGASAMĀLA..... 111 72. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADASAÑÑAKA..... 111

73. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA.....Ill 74. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BHISĀLUVADĀYAKA.....112 75. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKASAÑÑAKA ..... 112 76. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TINASANTHARADĀYAKA.....113 77. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SŪCIDĀYAKA..... 113 78. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PĀTALIPUPPHIYA .....114 79. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO THITAÑJALIYA ..... 114 80. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TIPADUMIYA ..... 115 IX. PHẨM TIMIRAPUPPHIYA..... 117 81. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TIMIRAPUPPHIYA ..... 117 82. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GATASAÑÑAKA..... 117 83. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NIPANNAÑJALIYA ..... 118 84. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ADHOPUPPHIYA ..... 118 85. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO RAMSISAÑÑAKA..... 119 86. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DUTIYARAMSISAÑNAKA..... 119 87. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADĂYAKA ..... 120 88. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA ..... 120 89. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BODHISIÑCAKA..... 120 90. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAPUPPHIYA ..... 121 X. PHẨM SUDHAPINDIYA..... 122 91. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUDHĀPINDIYA..... 122 92. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SUCINTITA..... 122 93. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ADDHACELAKA..... ..... 123 94. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SŪCIDĀYAKA..... 123 95. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHAMĀLIYA..... 124 96. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TIPUPPHIYA..... 124 97. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MADHUPINDIKA..... 125 98. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SENĀSANADĀYAKA..... 125 99. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VEYYĀVACCAKA ..... 126 100. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHUPATTHĀKA..... ..... 126 XL PHẨM BHIKKHẢDẢYĨ.....128 101. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BHIKKHĀDĀYAKA ..... 128 102. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀNASAÑÑAKA 128

103. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UPPALAHATTHI..... 129 104. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADAPŪJAKA.....129 105. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MUTTHIPUPPHIYA..... 130 106. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKAPŪJAKA

..... 130 107. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NALAMĀLIYA ..... 131 108. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀSANŪPATTHĀPAKA..... 131 109. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BILĀLIDĀYAKA..... 132 110. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO RENUPŪJAKA.....133 XII. PHẨM MAHÃPARIVÃRA..... 134 111. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀPARIVĀRA ..... 134 112. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUMAÑGALA..... 134 113. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SARANAGAMANIYA..... 135 114. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKĀSANIYA..... 136 115. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUVANNAPUPPHIYA ..... 137 116. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA.....137 117. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA..... 138 118. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAGGASAÑÑAKA..... 139 119. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PACCUPATTHĀNASAÑÑAKA..... 139 120. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO JĀTIPŪJAKA..... 140 XUI. PHẨM SEREYYAKA..... 142 121. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SEREYYAKA..... 142 122. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHATHŪPIYA ..... 142 123. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PĀYĀSADĀYAKA..... 144 124. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHODAKIYA ..... 144 125. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAMMUKHĀTHAVIKA .....145 126. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUSUMĀSANIYA..... 146 127. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADĀYAKA..... 147 128. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀNASAÑÑAKA .....148 129. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHAPUPPHIYA .....148 130. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAPŪJAKA..... 149 XIV. PHẨM SOBHITA.....150 131. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SOBHITA.....150 132. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUDASSANA..... 150

133. KÝ sự VỀ TRƯỞNG LÃO CANDANAPŪJAKA..... 151 134. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHACHADANIYA..... 152 135. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO RAHOSAÑÑAKA ..... 152 136. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CAMPAKAPUPPHIYA..... 153 137. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ATTHASANDASSAKA..... 153 138. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPASĂDANIYA..... 154 139. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAPUPPHADĀYAKA..... 154 140. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PIYĀLAPHALADĀYAKA..... 155 XV. PHẨM CHATTA.....156 141. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ATICHATTIYA..... 156 142. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO THAMBHĀROPAKA..... 156 143. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VEDIKẢRAKA..... 157 144. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAPARIVĀRIYA ..... 157 145. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO

UMMĀPUPPHIYA..... 157 146. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ANULEPADĀYAKA ..... 158 147. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAGGADĀYAKA..... 158 148. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PHALAKADĀYAKA..... 159 149. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VATAMSAKIYA ..... 159 150. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PALLAÑKADĀYAKA ..... 160 XVL PHẨM BANDHUJĪVAKA..... 161 151. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BANDHUJĪVAKA..... 161 152. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TAMBAPUPPHIYA .. .. 161 153. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VĪTHISAMMAJJAKA ..... 162 154. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KAKKĀRUPŪJAKA..... 162 155. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MANDĀRAVAPŪJAKA ..... 163 156. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KADAMBAPUPPHIYA ..... 163 157. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TINASŪLAKA ..... 164 158. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGAPUPPHIYA ..... 164 159. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUNNĀGAPUPPHIYA ..... 165 160. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUMUDADĀYAKA..... 165 XVII. PHẨM SUPĀRICARIYA..... 167 161. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUPĀRICARIYA..... 167 162. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KANAVERAPUPPHIYA 167

163. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KHAJJAKADĀYAKA ..... 168 164. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DESAPŪJAKA ..... 168 165. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KANIKĀRACCHADANIYA ..... 169 166. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAPPIDĀYAKA..... 169 167. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO YŪTHIKĀPUPPHIYA ..... 169 168. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DUSSADĀYAKA..... 170 169. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAMĀDAPAKA..... 170 170. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCAÑGULIYA ..... 171 xvm. PHẨM KUMUDA.....172 171. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUMUDAMĀLIYA ..... 172 172. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NISSENIDĀYAKA..... 172 173. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO RATTIPUPPHIYA..... 173 174. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDAPĀNADĀYAKA ..... 173 175. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANADĀYAKA..... 174 176. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAGGADATTIKA ..... 174 177. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKADĪPIYA..... 174 178. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MANIPŪJAKA ..... 175 179. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TIKICCHAKA..... 175 180. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAÑGHUPATTHĀKA.....176 XIX. PHẨM KUTAJAPUPPHIYA.....177 181. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUTAJAPUPPHIYA .....177 182. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BANDHUJĪVAKA.....177 183. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KOTUMBARIYA .....178 184. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO

PAÑCAHATTHIYA..... 178 185. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ISIMUGGADĀYAKA..... 179 186. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BODHLUPATTHĀKA..... 179 187. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKACINTIKA..... 180 188. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TIKANNIPUPPHIYA..... 180 189. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKACĀRIYA..... 181 190. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TIVANTIPUPPHIYA ..... 181 XX. PHẨM TAMĀLAPUPPHIYA..... 183 191. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TAMĀLAPUPPHIYA..... 183 192. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TINASANTHARADĀYAKA..... 183

193. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KHANDAPHULLIYA..... 184 194. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ASOKAPŪJAKA ..... 184 195. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AÑKOLAKA..... 185 196. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KISALAYAPŪJAKA ..... 185 197. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TINDUKADĀYAKA..... 186 198. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MUTTHIPŪJAKA ..... 186 199. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KIÑKANIPUPPHIYA..... 187 200. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO YŪTHIKĀPUPPHIYA ..... 187 XXI. PHẨM KANIKĀRAPUPPHIYA..... 189 201. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KANIKĀRAPUPPHIYA ..... 189 202. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MINELAPUPPHIYA..... 189 203. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KIÑKINIKAPUPPHIYA ..... 190 204. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TARANIYA ..... 190 205. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NIGGUNDIPUPPHIYA..... 191 206. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKADĀYAKA ..... 191 207. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAMĀLIYA ..... 191 208. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KORANDAPUPPHIYA..... 192 209. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀDHĀRADĀYAKA..... 192 210. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VĀTĀTAPANIVĀRIYA .....193 XXII. PHẨM HATTHI.....194 211. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO HATTHIDĀYAKA..... 194 212. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PĀNADHIDĀYAKA..... 194 213. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SACCASAÑÑAKA ..... 195 214. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKASAÑÑAKA ..... 195 215. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO RAMSISAÑÑAKA..... 196 216. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SANTHITA..... 196 217. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TĀLAVANTADĀYAKA ..... 196 218. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AKKANTASAÑÑAKA..... 197 219. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAPPIDĀYAKA..... 197 220. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PĀPANIVĀRIYA ..... 198 XXIII. PHẨM ĀLAMBANADĀYAKA..... 199 221. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀLAMBANADĀYAKA ..... 199 222. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AJINADĀYAKA

..... 199

223. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DVIRATANIYA ..... 200 224. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀRAKKHADĀYAKA..... 200 225. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AVYĀDHIKA..... 201 226. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AÑKOLAPUPPHIYA..... 201 227. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SOVANNAVATAMSAKIYA..... 202 228. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MIÑJAVATAMSAKIYA ..... 202 229. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUKATĀVELIYA ..... 202 230. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAVANDIYA ..... 203 XXIV. PHẨM UDAKÃSANA..... 204 231. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKĀSANADĀYAKA..... 204 232. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BHĀJANADĀYAKA ..... 204 233. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAPŪPIYA ..... 205 234. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KILAÑJADĀYAKA..... 205 235. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VEDIKĀRAKA..... 205 236. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LAO VANN ĀKĀRĀ ..... 206 237. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PIYĀLAPUPPHIYA..... 206 238. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AMBAYĀGADĀYAKA ..... 207 239. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO JAGATIKĀRAKA ..... 207 240. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VĀSIDĀYAKA..... 207 XXV. PHẨM TUVARADÃYAKA..... 209 241. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TUVARADĀYAKA ..... 209 242. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGAKESARIYA ..... 209 243. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NALINAKESARIYA..... 209 244. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VIRAVIPUPPHIYA TRÙNG CỐC VÂN NAM..... 210 245. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUTIDHŪPAKA ..... 210 246. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÀO PATTADĀYAKA..... 211 247. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHĀTUPŪJAKA..... 211 248. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SATTALIPUPPHAPŪJAKA..... 211 249. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BIMBIJĀLIYA..... 212 250. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDDĀLADĀYAKA..... 212 XXVI. PHẨM THOMAKA..... 213 251. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO THOMAKA..... 213 252. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKĀSANADĀYAKA..... 213

253. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA..... 214 254. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TICAMPAKAPUPPHIYA..... 214 255. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAPĀTALIYA ..... 214 256. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UPĀHANADĀKAYA ..... 215 257. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAÑJARIPŪJAKA ..... 215 258. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PANNADĀYAKA ..... 215 259. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUTIDĀYAKA ..... 216 260. KÝ Sự VỀ

TRƯỞNG LÃO AGGAJAPUPPHIYA..... 216 XXVIL PHẨM ĀKĀSUKKHIPIYA..... 218 261. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀKĀSUKKHIPIYA ..... 218 262. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TELAMAKKHIYA..... 218 263. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ADDHACANDIYA ..... 219 264. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADĪPIYA..... 219 265. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BILĀLIDĀYAKA..... 219 266. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MACCHADĀYAKA ..... 220 267. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO JAVAHAMSAKA..... 220 268. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAPUPPHIYA..... 220 269. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UPĀGATĀSAYA ..... 221 270. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TARANIYA..... 221 XXVIII. PHẨM SUVANNABIMBOHANA..... 223 271. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUVANNABIMBOHANIYA..... 223 272. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TILAMUTTHIDĀYAKA ..... 223 273. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CAÑGOTAKIYA..... 224 274. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ABBHAÑJANADĀYAKA..... 224 275. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAÑJALIYA..... 224 276. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO POTTHADĀYAKA ..... 225 277. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA..... 225 278. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀLUVADĀYAKA..... 226 279. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPUNDARĪKA ..... 226 280. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TARANĪYA..... 226 XXIX. PHẨM PANNADĀYAKA.....228 281. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PANNADĀYAKA ..... 228 282. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADĀYAKA 228

283. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PACCUGGAMANIYA..... 229 284. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPUPPHIYA ..... 229 285. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAGHAVAPUPPHIYA..... 230 286. KÝ Sự VỀ TRƯỜNG LÃO UPATTHĀKADĀYAKA ..... 230 287. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO APADĀNIYA..... 230 288. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SATTĀHAPABBAJITA ..... 231 289. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHUPATTHĀKA..... 231 290. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUBBAÑGAMIYA..... 232 XXX. PHẨM CITAKAPŪJAKA..... .233 291. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA..... 233 292. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHADHĀRAKA..... 233 293. KÝ Sự VỀ TRƯỜNG LÃO CHATTADĀYAKA..... 234 294. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA..... 234 295. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GOSĪSANIKKHEPAKA..... 235 296. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PĀDAPŪJAKA..... 235 297. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DESAKITTAKA..... 235 298. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO

SARANAGAMANIYA..... ..... 236 299. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AMBAPINDIYA..... 236 300. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ANUSAMSĀVAKA ..... 237 XXXI. PHẨM PADUMAKESARIYA..... 238 301. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAKESARIYA..... 238 302. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SABBAGANDHIYA ..... 238 303. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PARAMANNADĀYAKA..... 239 304. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMASAÑÑAKA..... 239 305. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADĀYAKA..... 240 306. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAMPASĀDAKA..... 240 307. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀRĀMADĀYAKA..... 241 308. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ANULEPADĀYAKA ..... 241 309. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA..... 242 310. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PABBHĀRADĀYAKA ..... 242 XXXII. PHẨM ĀRAKKHADẢYAKA..... 244 311. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀRAKKHADĀYAKA..... 244 312. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BHOJANADĀYAKA 244

l KINH TIỂU Bộ

313. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GATASAÑÑAKA..... 245 314. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAPADUMIYA..... 245 315. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHĀSANADĀYAKA..... 246 316. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀSANATTHAVIKA..... 246 317. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA..... 247 318. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TIRAMSIYA..... 247 319. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KANDALIPUPPHIYA ..... 248 320. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUMUDAMĀLIYA ..... 248 xxxin. PHẨM UMMÃPUPPHIYA..... 250 321. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UMMĀPUPPHIYA..... 250 322. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PULINAPŪJAKA ..... 250 323. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO HĀSAJANAKA ..... 251 324. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO YAÑÑASĀMIKA..... 251 325. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NIMITTASAÑÑAKA..... 252 326. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ANNASAMSĀVAKA ..... 253 327. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NIGGUNDIPUPPHIYA..... 253 328. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANĀVELIYA..... 255 329. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PUPPHACHATTIYA ..... 256 330. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAPARIVĀRACHATTADĀYAKA..... 256 XXXIV. PHẨM GANDHADHŪPIYA..... 259 331. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHADHŪPIYA..... 259 332. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKAPŪJAKA ..... 259 333. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUNNĀGAPUPPHIYA..... 260 334. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKADUSSADĀYAKA..... 260 335. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO

PHUSITAKAMPIYA ..... 262 336. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PABHAÑKARA ..... 263 337. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TINAKUTIDĀYAKA ..... 264 338. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UTTAREYYADĀYAKA ..... 265 339. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMASAVANIYA..... 267 340. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UKKHITTAPADUMIYA..... 268 XXXV. PHẨM EKAPADUMIYA..... 270 341. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPADUMIYA ..... 270 342. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TI-UPPALAMĀLIYA..... 271

343. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHAJADĀYAKA..... 271 344. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TIKJÑKINIPŪJAKA..... 272 345. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NALĀGĀRIKA..... 272 346. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CAMPAKAPUPPHIYA..... 273 347. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAPŪJAKA..... 273 348. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TINAMUTTHIDĀYAKA ..... 274 349. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÀO TINDUKAPHALADĀYAKA ..... 275 350. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAÑJALIYA..... 275 XXXVI. PHẨM SADDASAÑÑAKA ..... 276 351. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA..... 276 352. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO YAVAKALĀPIYA ..... 276 353. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KIMSUKAPŪJAKA ..... 277 354. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAKOTAKAKORANDADĀYAKA ..... 277 355. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DANDADĀYAKA ..... 277 356. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AMBAYĀGUDĀYAKA ..... 278 357. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUPUTAKAPŪJAKA..... 278 358. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAÑCADĀYAKA..... 279 359. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SARANAGAMANIYA..... 279 360. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PINDAPĀTIKA ..... 279 XXXVII. PHẨM MANDÃRAVAPUPPHIYA..... 281 361. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MANDĂRAVAPUPPHIYA ..... 281 362. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KAKKĀRUPUPPHIYA ..... 281 363. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BHISAMULĀLADĀYAKA..... 282 364. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KESARAPUPPHIYA..... 282 365. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AÑKOLAPUPPHIYA..... 282 366. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KADAMBAPUPPHIYA..... 283 367. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDDĀLAPUPPHIYA..... 283 368. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKACAMPAKAPUPPHIYA ..... 283 369. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TIMIRAPUPPHIYA ..... 284 370. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAPUPPHIYA..... 284 xxxvni. PHẨM BODHIVANDAKA..... 286 371. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BODHIVANDAKA ..... 286 372. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PĀTALIPUPPHIYA 286

373. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TI-UPPALAMĀLIYA..... 287 374. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PATTIPUPPHIYA ..... 287 375. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAPANNIYA ..... 288 376. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHAMUTTHIYA..... 288 377. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA..... 289 378. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANATĀLAVANTIYA..... 289 379. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANADĀMIYA ..... 290 380. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KĀSUMĀRIPHALADĀYAKA ..... 290 XXXIX. PHẨM AVANTAPHALA..... 292 381. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AVANTAPHALADĀYAKA..... 292 382. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO LABUJADĀYAKA..... 292 383. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDUMBARAPHALADĂYAKA ..... 293 384. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PILAKKHAPHALADẢYAKA..... 293 385. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PHĀRUSAPHALADĀYAKA..... 294 386. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VALLIPHALADĀYAKA..... 294 387. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KADALIPHALADĀYAKA ..... 295 388. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÀO PANASAPHALADĀYAKA..... 295 389. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SONAKOTIVĪSA ..... 296 390. KÝ Sự VỀ PHẬT TOÀN GIÁC TÊN PUBĐAKAMMAPILOTIKA 297 XL. PHẨM PILINDIVACCHA..... 300 391. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PILINDIVACCHA..... 300 392. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SELA..... 313 393. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SABBAKITTIKA..... 319 394. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MADHUDĀYAKA..... 321 395. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAKŪTĀGĀRIYA ..... 323 396. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BAKKULA..... 325 397. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GIRIMĀNANDA..... 327 398. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAMANDAPIYA..... 329 399. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SABBADĀYAKA..... 330 400. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AJITA..... 331 XLI. PHẨM METTEYYA..... 335 401. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TISSAMETTEYYA ..... 335 402. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUNNAKA..... 337

403. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO METTAGŪ..... 338 404. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHOTAKA..... 339 405. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UPASIVA..... 341 406. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NANDAKA..... 345 407. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO HEMAKA..... 346 408. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TODEYYA..... 349 409. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO JATUKANNI..... 352 410. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDENA..... 355 XLII. PHẨM

BHADDĀLI..... 360 411. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BHADDĀLI..... 360 412. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKACHATTIYA..... 362 413. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TINASŪLAKACHADANIYA ..... 365 414. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MADHUMAMSADĀYAKA..... 367 415. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGAPALLAVAKA ..... 368 416. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKADĪPIYA..... 368 417. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UCCHAÑGAPUPPHIYA..... 369 418. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO YĀGUDĀYAKA ..... 370 419. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PATTHODANADĀYAKA..... 371 420. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAÑCADĀYAKA..... 372 XLIII. PHẨM SAKIMSAMMAJJAKA..... ..... 374 421. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAKIMSAMMAJJAKA ..... 374 422. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKADUSSADĀYAKA..... 375 423. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKĀSANADĀYAKA..... 376 424. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAKADAMBAPUPPHIYA ..... 378 425. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KORANDAPUPPHIYA..... 378 426. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GHATAMANDADĀYAKA..... 379 427. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKADHAMMASAVANIYA .....380 428. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUCINTITA..... 381 429. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SONNAKIÑKANIYA..... 384 430. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SONNAKONTARIKA..... 385 XLIV. PHẨM EKAVIHĀRĨ..... 387 431. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAVIHĂRIYA ..... 387 432. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKASAMKHIYA 388

433. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PĀTIHĪRASAÑÑAKA..... 389 434. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀNATTHAVIKA..... 389 435. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UCCHUKHANDIKA ..... 390 436. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KALAMBADĀYAKA..... 391 437. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AMBĀTAKADĀYAKA ..... 391 438. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO HARĪTAKADĀYAKA..... 391 439. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AMBAPINDIYA..... 392 440. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO JAMBUPHALIYA.....393 XLV. PHẨM VIBHĪTAKA..... 395 441. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VIBHĪTAKAMIÑJIYA..... 395 442. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KOLADĀYAKA..... 395 443. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BILLAPHALIYA..... 396 444. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BHALLĀTAKADĀYAKA..... 396 445. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UTTALIPUPPHIYA ..... 397 446. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AMBĀTAKIYA..... 398 447. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANIKA..... 398 448. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PĀDAPĪTHIYA ..... 399 449. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO

VEDIKĀRAKA..... 400 450. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BODHIGHARIYA..... 400 XLVL PHẨM JAGATIDĀYAKA..... 402 451. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO JAGATIDĀYAKA..... 402 452. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MORAHATTHIYA..... 402 453. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANAVĪJAKA..... 403 454. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TI-UKKĀDHĀRAKA..... 403 455. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AKKAMANADĀYAKA ..... 404 456. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VANAKORANDIYA ..... 404 457. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKACHATTIYA..... 405 458. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO JĀTIPUPPHIYA ..... 406 459. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PATTIPUPPHIYA ..... 406 460. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÀO GANDHAPŪJAKA..... 407 XLVIL PHẨM SĀLAKUSUMIYA..... 408 461. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAKUSUMIYA ..... 408 462. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA..... 408

463. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKANIBBĀPAKA ..... 409 464. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SETUDĀYAKA..... 409 465. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANATĀLAVANTIYA..... 410 466. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AVANTAPHALIYA..... 410 467. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO LABUJADĀYAKA..... 411 468. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PILAKKHAPHALADĂYAKA ..... 411 469. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAYAMPATIBHĀNIYA ..... 412 470. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NIMITTAVYĀKARANIYA ..... 413 XL VUI. PHẨM NALAMĀLĪ..... 415 471. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NALAMĀLIYA ..... 415 472. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MANIPŪJAKA ..... 415 473. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UKKĀSATIKA..... 417 474. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANAVĪJANIYA ..... 418 475. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUMMĀSADĀYAKA..... 419 476. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUSATTHADĀYAKA ..... 419 477. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GIRIPUNNĀGIYA ..... 419 478. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VALLIKĀRAPHALADĀYAKA ..... 420 479. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PĀNADHIDĀYAKA..... 420 480. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PULINACAÑKAMIYA..... 422 XLIX. PHẨM PAMSUKŪLA..... 423 481. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PAMSUKŪLASAÑÑAKA..... 423 482. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA..... 423 483. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BHISADĀYAKA..... 425 484. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀNATTHAVIKA..... 426 485. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CANDANAMĀLIYA ..... 428 486. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHĀTUPŪJAKA..... 430 487. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PULINUPPĀDAKA ..... 430 488. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO

TARANIYA..... 433 489. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMARUCI..... 434 490. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAMANDAPIYA ..... 436 L PHẨM TIKIÑKANIPUPPHIYA..... 439 491. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TIKINKANIPUPPHIYA..... 439 492. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PAMSUKŪLAPŪJAKA..... 439

493. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KORANDAPUPPHIYA..... 440 494. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KIMSUKAPUPPHIYA..... 441 495. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UPADDHADUSSADĀYAKA ..... 441 496. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GHATAMANDADĀYAKA.....442 497. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKADĀYAKA ..... 443 498. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PULINATHŪPIYA..... .443 499. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NALAKUTIDĀYAKA ..... 446 500. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PIYĀLAPHALADĀYAKA..... 447 LI. PHẨM KANIKĀRA..... 448 501. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TIKANIKĀRAPUPPHIYA..... 448 502. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPATTADĀYAKA..... 451 503. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KĀSUMĀRIPHALADĀYAKA .....451 504. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AVATAPHALIYA..... 452 505. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VĀRAPHALIYA ..... 453 506. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MĀTULUÑGAPHALADĀYAKA..... 453 507. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AJELIPHALADĀYAKA..... 454 508. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AMODAPHALIYA ..... 454 509. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TĀLAPHALADĀYAKA..... 455 510. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NĀLIKERADĀYAKA ..... 455 LU. PHẨM PHALADẢYAKA..... 457 511. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KURAÑJIYAPHALADĀYAKA..... 457 512. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KAPITTHAPHALADĀYAKA ..... 457 513. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KOSUMBHAPHALADĀYAKA ..... 458 514. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KETAKAPUPPHIYA ..... 458 515. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGAPUPPHIYA ..... 459 516. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AJJUNAPUPPHIYA..... 459 517. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUTAJAPUPPHIYA ..... 460 518. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GHOSASAÑÑAKA..... 461 519. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SABBAPHALADĀYAKA ..... 461 520. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMADHĀRAKA..... 463 LIU. PHẨM TINADÃYAKA..... 465 521. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TINAMUTTHIDĀYAKA..... 465 522. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAÑCADĀYAKA..... 466

523. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SARANAGAMANIYA..... 466 524. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LAO ABBHAÑJANADĀYAKA..... 467 525. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO

SUPATADĂYAKA ..... .467 526. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO DANDADĀYAKA ..... 468 527. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GIRINELAPŪJAKA..... 468 528. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BODHISAMMAJJAKA..... 469 529. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀMANDAPHALADĀYAKA..... 471 530. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SƯGANDHA..... 471 LIV. PHẨM KACCĀNA..... 475 531. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀKACCĀNA ..... 475 532. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VAKKALI..... 477 533. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀKAPPINA..... 479 534. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DABBA..... 482 535. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUMĀRAKASSAPA..... 485 536. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BĀHIYA..... 487 537. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KOTTHITA..... 490 538. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO URUVELAKASSAPA..... 492 539. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO RĀDHA..... 495 540. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MOGHARĀJA..... 497 LV. PHẨM BHADDIYA..... 500 541. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO LAKUNTAKABHADDIYA..... 500 542. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KAÑKHĀREVATA..... 502 543. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĪVALI..... 503 544. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VAÑGĪSA..... 506 545. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NANDAKA..... 509 546. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KĀLUDĀYI..... 511 547. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ABHAYA..... 513 548. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO LOMASAKAÑGIYA..... 515 549. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VANAVACCHA..... 517 550. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CŪLASUGANDHA..... 518 LVL PHẨM YASA..... 522 551. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO YASA..... 522 552. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NADĪKASSAPA..... 524

553. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GAYĂKASSAPA ..... 524 554. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KIMBILA..... 525 555. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VAJJIPUTTA..... 525 556. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UTTARA..... 526 557. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UTTARA KHÁC..... 528 558. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BHADDAJI..... 529 559. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĪVAKA..... 530 D TRƯỞNG LÃO NI KỶ sự..... 531 I. PHẨM SUMEDHA ..... 531 1. KÝ Sự VỀ SUMEDHA..... 531 2. KÝ Sự VỀ

MEKHALĀDĀYIKĀ ..... 532 3. KÝ Sự VỀ MANDAPADĀYIKĀ..... 533 4. KÝ Sự VỀ SAÑKAMANATTHĀ..... 533 5. KÝ Sự VỀ NALAMĀLIKĀ..... 534 6. KÝ Sự VỀ EKAPINDAPĀTADĀYIKĀ ..... 534 7. KÝ Sự VỀ KATACCHUBHIKKHĀDĀYIKĀ..... 535 8. KÝ Sự VỀ SATTUPPALAMĀLIKĀ ..... 536 9. KÝ Sự VỀ PAÑCADĪPIKĀ..... 537 10. KÝ Sự VỀ UDAKADĀYIKĀ ..... 539 II. PHẨM MỘT LÀN TRAI GIỚI..... 541 11. KÝ Sự VỀ EKUPOSATHIKĀ..... 541 12. KÝ Sự VỀ SALALAPUPPHIKĀ..... 542 13. KÝ Sự VỀ MODAKADĀYIKĀ..... 543 14. KÝ Sự VỀ EKĀSANADĀYIKĀ..... 543 15. KÝ Sự VỀ PAÑCADĪPADĀYIKĀ..... 545 16. KÝ Sự VỀ SĀLAMĀLIKĀ..... 546 17. KÝ Sự VỀ MAHĀPAJĀPATIGOTAMĪ..... 547 18. KÝ Sự VỀ KHEMĀ..... 559 19. KÝ Sự VỀ UPPALAVANNĀ..... 565 20. KÝ Sự VỀ PATĀCĀRĀ..... 571 III. PHẨM KUNDALAKESĪ..... 575 21. KÝ Sự VỀ KUNDALAKESĀ..... 575 22. KÝ Sự VỀ KISĀGOTAMĪ..... 578

23. KÝ Sự VỀ DHAMMADINNĂ..... ..... 581 24. KÝ Sự VỀ SAKULĀ..... 583 25. KÝ Sự VỀ NANDĀ - MỸ NHÂN CỦA xứ sở..... 585 26. KÝ Sự VỀ SONĀ..... 589 27. KÝ Sự VỀ BHADDĀKĀPILĀNĪ..... 590 28. KÝ Sự VỀ YASODHARÃ..... 594 29. KÝ Sự VỀ MƯỜI NGÀN VỊ TỲ-KHƯU-NI..... 599 30. KÝ Sự VỀ MƯỜI TÁM NGÀN VỊ TỲ-KHƯU-NI..... 600 IV. PHẨM SÁT-ĐẾ-LỴ..... 605 31. KÝ Sự VỀ CÁC TỲ-KHƯU-NI ĐỦNG ĐẦU LÀ YASAVATĪ..... 605 32. KÝ Sự VỀ CÁC VỊ TỲ-KHƯU-NI THIẾU NỮ BÀ-LA-MÔN..... 606 33. KÝ Sự VỀ UPPALADĀYIKĀ..... 609 34. KÝ Sự VỀ SIGĀLAMĀTĀ..... 610 35. KÝ Sự VỀ SUKKĀ..... 612 36. KÝ Sự VỀ RŪPĀNANDĀ..... 615 37. KÝ Sự VỀ ADDHAKĀSĪ..... 616 38. KÝ Sự VỀ PUNNĀ..... 617 39. KÝ Sự VỀ AMBAPĀLĪ..... 619 40. KÝ Sự VỀ

PESALĀ..... 620

PHẬT SỬ TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ ..... 625 CON ĐƯỜNG KINH HÀNH BẢNG CHÂU BÁU..... 629 PHÀN NÓI VỀ SUMEDHA..... 637 1. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT DĪPAÑKARA..... 651 2. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT KONDAÑÑA..... 654 3. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT MANGALA..... 657 4. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SUMANĀ..... 660 5. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT REVATA..... 663 6. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SOBHITA..... 666 7. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT ANOMADASSĪ..... 669 8. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT PADUMA..... 672 9. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT NĀRADA..... 675

10. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT PADUMUTTARA..... 678 11. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SUMEDHA..... 681 12. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SUJĀTĀ..... 684 13. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT PIYADASSĪ..... 688 14. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT ATTHADASSĪ..... 691 15. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT DHAMMADASSĪ..... 694 16. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SIDDHATTHA ..... 697 17. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT TISSA..... 700 18. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT PHUSSA..... 703 19. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT VIPASSĪ..... 706 20. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SIKHĪ..... 709 21. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT VESSABHŪ..... 712 22. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT KAKUSANDHA..... 715 23. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT KONĀGAMANA..... 718 24. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT KASSAPA..... 721 25. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT GOTAMA..... 725 26. CHƯƠNG TỔNG HỢP VÈ CHƯ PHẬT..... 727 GIẢNG GIẢI VỀ VIỆC PHÂN CHIA XÁ-LỢI..... 729

HẠNH TẠNG TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ ..... 733 I. Sự TOÀN HẢO VÈ BÓ THÍ..... 735 1. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] AKITTI..... 735 2. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] SAÑKHA..... 736 3. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] KURUDHAMMA..... 736 4. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] MAHĀSUDASSANA..... 737 5. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] MAHĀGOVINDA..... 738 6. HẠNH CỦA ĐỨC VUA NIMI..... 738 7. HẠNH CỦA HOÀNG TỬ c ANDA..... 738 8. HẠNH CỦA ĐỨC VUA

SIVI..... 739 9. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] VESSANTARA..... 740 10. HẠNH CỦA CON THỎ HIỀN TRÍ..... 743

II. Sự TOÀN HẢO VỀ GIỚI..... 746 1. HẠNH CỦA VỊ NUÔI DƯỠNG MẸ..... 746 2. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] BHŪRIDATTA..... 746 3. HẠNH CỦA CON RỒNG CAMPEYYA..... 747 4. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] CULLABODHI..... 748 5. HẠNH CỦA CON TRÂU CHÚA.....749 6. HẠNH CỦA CON NAI CHÚA RURU..... 749 7. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] MĀTAÑGA..... 750 8. HẠNH CỦA THIÊN TỬ DHAMMĀ..... 751 9. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ^TÁT] ALĪNASATTA..... 751 10. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] SAÑKHAPĀLA..... 752 IIL Sự TOÀN HẢO VỀ XUẤT LY..... 754 1. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] YUDHAÑJAYA..... 754 2. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] SOMANASSA..... 754 3. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] AYOGHARA..... 755 4. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] BHISA..... 756 5. HẠNH CỦA VỊ HIỀN TRÍ SONA.....757 IV. Sự TOÀN HẢO VỀ QUYẾT ĐỊNH.....758 6. HẠNH CỦA VỊ HIỀN TRÍ TEMIYA..... 758 V. Sự TOÀN HẢO VÈ CHÂN THẬT..... 760 7. HẠNH CỦA CON KHỈ CHÚA..... 760 8. HẠNH CỦA ĐẠO sĩ SACCA..... 760 9. HẠNH CỦA CHIM CÚT CON.....760 10. HẠNH CỦA VUA CÁ..... 761 11. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] KANHADĪPĀYANA ..... 762 12. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] SUTASOMA..... 763 VI. Sự TOÀN HẢO VỀ TỪ ÁI.....764 13. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] SUVANNASĀMA.....764 14. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] EKARĀJA..... 764 VIL Sự TOÀN HẢO VỀ HÀNH XẢ.....765 15. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] MAHĀLOMAHAMSA 765

MILINDAVẤN ĐẠO TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ ..... 769 PHẦN NGOẠI THUYẾT..... 773 Sự LIÊN HỆ TRONG QUÁ KHỨ..... 775 I. ĐẠI PHẨM..... 794 CÁC CÂU HỎI VỀ TƯỚNG TRẠNG..... 803 II. PHẨM HÀNH

TRÌNH..... 810 III. PHẨM SỞ HỮU TỨ..... 820 IV. PHẨM NIẾT-BÀN..... 832 V. PHẨM ĐỨC PHẬT..... 839 VI. PHẨM TRÍ NHỚ..... 843 vn. PHẨM XÁC ĐỊNH CÁC PHÁP vô SẮC..... 848 VIỆC HỎI VÀ TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI CỦA MILINDA..... 859 PHẦN MỞ ĐẦU CÁC CÂU HỎI ĐỐI CHỌI..... 861 CÁC CÂU HỎI ĐỐI CHỌI..... 867 L PHẨM NĂNG Lực CỦA THẦN THÔNG..... 867 1. CÂU HỎI VỀ VIỆC KHÔNG THỌ NHẬN CÚNG DƯỜNG ..... 867 2. CÂU HỎI VỀ BẢN THỂ TOÀN TRI CỦA ĐỨC THẾ TÔN..... 873 3. CÂU HỎI VỀ Sự XUẤT GIA CỦA DEVADATTA..... 878 4. CÂU HỎI VỀ HIỆN TƯỢNG DAO ĐỘNG DỮ DỘI CỦA TRÁI ĐẤT...882 5. CÂU HỎI VỀ Sự BỐ THÍ MẮT CỦA ĐỨC VUA SIVI..... 887 6. CÂU HỎI VỀ Sự NHẬP VÀO BÀO THAI..... 890 7. CÂU HỎI VỀ Sự BIẾN MẮT CỦA CHÁNH PHÁP..... 896 8. CÂU HỎI VỀ VIỆC CẮT ĐỨT PHÁP BẤT THIỆN..... 899 9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT KHÔNG VIỆC GÌ CẦN PHẢI LÀM THÊM NỮA ..... 903 10. CÂU HỎI VỀ Sự NHẬN THỨC ĐỐI VỚI NĂNG Lực CỦA THẦN THÔNG..... 904 II. PHẨM KHÔNG BỊ CHIA RẼ..... 907 1. CÂU HỎI VỀ CÁC ĐIỀU NHỎ NHẶT VÀ TIÊU TIẾT..... 907 2. CÂU HỎI VỀ CÂU TRẢ LỜI NÊN Được ĐÌNH CHỈ..... 908 3. CÂU HỎI VỀ VIỆC SỢ HÃI HAY KHÔNG sợ HÃI sự CHẾT..... 909

4. CÂU HỎI VỀ Sự THOÁT KHỎI CÁI BẪY CỦA THẦN CHẾT..... 914 5. CÂU HỎI VỀ Sự CHƯỚNG NGẠI TRONG VIỆC THỌ NHẬN CỦA ĐỨC THẾ TÔN..... *..... :..... 917

6. CÂU HỎI VỀ VIỆC CÓ NHIỀU TỘI ở HÀNH ĐỘNG Ác CỦA NGƯỜI KHÔNG BIẾT..... 920 7. CÂU HỎI VỀ VIỆC QUẢN TRỊ HỘI CHÚNG TỲ-KHƯU..... 921 8. CÂU HỎI VỀ VIỆC HỘI CHÚNG KHÔNG BỊ CHIA RẼ..... 922 III. PHẨM ĐÃ BỊ ĐUỔI ĐI..... 924 1. CÂU HỎI VỀ GIÁO PHÁP TỐI THƯỢNG..... 924 2. CÂU HỎI VỀ Sự BAN PHÁT ĐIỀU LƠI ÍCH ĐẾN TẤT CẢ CHÚNG SANH..... 926 3. CÂU HỎI VỀ VIỆC BIẾU LỘ VẬT Được CHE GIẤU SAU LỚP VẢI..... :.....929 4. CÂU HỎI VỀ BẢN THỂ CỦA LỜI NÓI GAY GẮT..... 931 5. CÂU HỎI VỀ BẢN THẾ SUY Tư CỦA CÂY CỐI ..... 933 6. CÂU HỎI VỀ QUẢ BÁO LỚN CỦA MÓN THÍ THỰC..... 934 7. CÂU HỎI VỀ Sự CÚNG DƯỜNG ĐỨC PHẬT..... 937 8. CÂU HỎI VỀ VIỆC BỊ THƯƠNG BỞI MIẾNG ĐÁ ở BÀN

CHÂN..... 938 9. CÂU HỎI VỀ VỊ SA-MÔN CAO QUÝ HẠNG NHẤT ..... 940 10. CÂU HỎI VỀ VIỆC NÓI LỜI CA NGƠI..... 941 11. CÂU HỎI VỀ Sự KHÔNG HÃM HẠI VÀ sự TRẤN ÁP..... 942 12. CÂU HỎI VỀ VIỆC ĐÃ GIẢI TÁN CÁC VỊ TỲ-KHƯU ..... 944 IV. PHẨM VỀ TRÍ TOÀN TRI..... 946 1. CÂU HỎI VỀ QUẢ THÀNH Tựu CỦA NGHIỆP CÓ NĂNG Lực LỚN HƠN THẦN THÔNG..... 946 2. CÂU HỎI VỀ PHÁP VÀ LUẬT Được CHE GIẤU HAY KHÔNG ĐƯỢC CHE GIẤU..... 947 3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT NẶNG NHẸ CỦA LỜI NÓI DỐI ..... 949 4. CÂU HỎI VỀ QUY LUẬT Tự NHIÊN ĐỐI VÓI ĐỨC BỒ-TÁT..... 950 5. CÂU HỎI VỀ VIỆC Tự KẾT LIỄU BẢN THÂN..... 951 6. CÂU HỎI VỀ LỢI ÍCH CỦA TÂM TỪ..... 954 7. CÂU HỎI VỀ Sự BẰNG NHAU CỦA THIỆN VÀ BẤT THIỆN..... 956 8. CÂU HỎI VỀ HOÀNG HẬU AMARĀ..... 960

Ixiv KINH TIỂU Bộ _____

9. CÂU HỎI VỀ Sự KHÔNG sợ HÃI CỦA BẬC LẬU TẬN.....962 10. CÂU HỎI VỀ BẢN THỂ TOÀN TRI CỦA ĐỨC NHƯ LAI .....964 V. PHẨM THÂN THIẾT..... 966 1. CÂU HỎI VỀ Sự THÂN THIẾT..... 966 2. CÂU HỎI VỀ VIỆC HẠN CHẾ BAO TỬ..... 967 3. CÂU HỎI VỀ Sự ÍT BỆNH CỦA ĐỨC THẾ TÔN.....969 4. CÂU HỎI VỀ VỊ LÀM SANH KHỞI ĐẠO LỘ CHƯA Được SANH KHỞI..... 970 5. CÂU HỎI VỀ LOMASAKASSAPA..... 972 6. CÂU HỎI VỀ CHADDANTA VÀ JOTIPĀLA..... 974 7. CÂU HỎI VỀ GHATĨKÀRA..... 975 8. CÂU HỎI VỀ LỜI NÓI LÀ BÀ-LA-MÔN VÀ LÀ VUA..... 977 9. CÂU HỎI GIẢNG VỀ VẬT THỰC DO VIỆC NGÂM NGA CÁC BÀI KỆ..... :..... :..... 979 10. CÂU HỎI VỀ TRẠNG THÁI KHÔNG Nỗ Lực TRONG VIỆC THUYẾT GIẢNG GIÁO PHÁP ..... :..... 983 11. CÂU HỎI VỀ TRẠNG THÁI KHÔNG có THẦY CỦA VỊ THÀY..... 985 CÁC CÂU HỎI SUY LUÂN..... 987 I. PHẨM ĐỨC PHẬT..... 987 1. CÂU HỎI VỀ VIỆC SANH LÊN CỦA HAI VỊ PHẬT..... 987 2. CÂU HỎI VỀ VIỆC DÂNG CÚNG TẤM VẢI CỦA BÀ GOTAMĪ..... 989 3. CÂU HỎI VỀ VIỆC THỰC HÀNH ĐÚNG ĐẮN CỦA HÀNG TẠI GIA VÀ XUẤT gia..... 992 4. CÂU HỎI VỀ Sự SAI TRÁI TRONG ĐƯỜNG LỐI THỰC HÀNH..... 993 5. CÂU HỎI VỀ VIỆC TRỞ LẠI ĐỜI SỐNG TẠI GIA TẦM THƯỜNG .....995 6. CÂU HỎI VỀ Sự NHẬN BIẾT CẢM THỌ CỦA VỊ A-LA-HÁN..... 1001 7. CÂU HỎI VỀ CHƯỚNG NGẠI CỦA sự CHỨNG NGỘ ..... 1002 8. CÂU HỎI VỀ GIỚI HẠNH TỐI..... 1005 9. CÂU HỎI VỀ VIỆC CÓ SINH MẠNG VÀ sự SỐNG CỦA NƯỚC..... 1006 II. PHẦM KHÔNG CHƯỚNG NGẠI..... 1010 1. CÂU HỎI VỀ PHÁP KHÔNG CHƯỚNG NGẠI..... 1010 2. CÂU HỎI VỀ NGƯỜI TẠI GIA CHỨNG A-LA-HÁN..... 1012 3. CÂU HỎI VỀ Sự THẤT NIỆM CỦA VỊ A-LA-HÁN

..... 1013

MỤC LỤC Ixv

4. CÂU HỎI VỀ VẬT THÊ KHÔNG có ở THẾ GIAN ..... 1015 5. CÂU HỎI VỀ VẬT KHÔNG SANH RA DO NGHIỆP ..... 1015 6. CÂU HỎI VỀ VẬT SANH RA DO NGHIỆP VÀ KHÔNG SANH RA DO NGHIỆP..... ..... 1018 7. CÂU HỎI VỀ THÂY CHẾT CỦA DẠ-XOA..... 1018 8. CÂU HỎI VỀ Sự QUY ĐỊNH ĐIỀU HỌC..... 1019 9. CÂU HỎI VỀ Sự CHIẾU SÁNG CỦA MẶT TRỜI.....1020 10. CÂU HỎI THỨ NHÌ VỀ sự CHIẾU SÁNG CỦA MẶT TRỜI..... 1020 III. PHẨM VESSANTARA..... 1022 1. CÂU HỎI VỀ VIỆC BỐ THÍ CON CỦA VESSANTARA..... 1022 2. CÂU HỎI VỀ VIỆC HÀNH KHỔ HẠNH..... 1030 3. CÂU HỎI VỀ THIỆN HAY BẤT THIỆN MẠNH HƠN ..... 1034 4. CÂU HỎI VỀ VIỆC HỒI HƯỚNG ĐẾN QUYẾN THUỘC ĐÃ QUÁ VÃNG..... 1038 5. CÂU HỎI VỀ GIẤC Mơ..... 1041 6. CÂU HỎI VỀ VIỆC CHẾT KHÔNG ĐÚNG THỜI..... 1043 7. CÂU HỎI VỀ ĐIỀU KỲ DIỆU ở BẢO THÁP..... 1050 8. CÂU HỎI VỀ Sự LÃNH HỘI GIÁO PHÁP..... 1051 9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHÁT KHÔNG BỊ XEN LẪN KHỔ CỦA NIẾT-BÀN.....1054 10. CÂU HỎI VỀ HÌNH THẾ VÀ VỊ TRI NIẾT-BÀN..... 1056 11. CÂU HỎI VỀ Sự CHỨNG NGỘ NIỂT-BÀN..... 1062 12. CÂU HỎI VỀ NƠI CHỨA ĐƯNG NIẾT-BÀN..... 1064 IV. PHẨM SUY LUÂN..... 1067 1. CÂU HỎI [GIẢNG BẰNG sự] SUY LUẬN..... 1067 2. CÂU HỎI VỀ PHÁP TỪ KHƯỚC..... 1081 CÁC CÂU HỎI GIẢNG VỀ CÁC ví DỤ.....1095 CÁC TIÊU ĐỀ.....1095 I. PHẨM LỪA..... 1099 1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI LỪA.....1099 2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI GÀ TRỐNG..... 1099 3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI SÓC..... noi 4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI BEO CÁI..... noi

Ixvi KINH TIỂU Bộ

o2
5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI BEO Đực.....
1 o9
6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI RÙA..... 1
1 1 o4 7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÂY TRE..... A 1

4 1 1 o 8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÂY CUNG..... 1 1 3 1 1 o 9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHÁT CỦA LOÀI QUẠ..... 1 1 3 1 1 o 10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT

CỦA LOÀI KHỈ..... 1 1

1 1 o II. PHẨM BIỂN CẢ..... 1 1

i o 1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA DÂY BÀU..... i

1 1 o 2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÂY SEN..... A 1

1 1 o 3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA HẠT GIỐNG..... 1 1

1 1 o 4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÂY SĀLĀ XINH ĐẸP..... 1 1

1 1 o 5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CHIẾC THUYỀN..... 1 ±

6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÁI NEO THUYỀN 1110 1 l 0 7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CỘT BUỒM.....

r— 1 i

l 1 l 1 8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI THUYỀN TRƯỞNG

1 1 i

— 1 1 1 1 9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI LÀM CÔNG.....

T l 1 1

— 1 1 T2 10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA BIỂN CẢ..... 1 1

1 1 L4 in. PHẨM ĐẤT 1 1

1 1 L4 1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA ĐẤT..... 1 A

1 1
5
2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NƯỚC.....
v
A 1
— l 6
1 1
3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LỬA.....
1
A 1 —

r7 1

1 1 4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA GIÓ..... A 1

7
1 1
5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NÚI.....
ĩ—
1 1

9 l
1 1 6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA Hư KHÔNG..... Ỉ 1 — T l
0
1 2
7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA MẶT TRĂNG..... x
1
1 2
8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA MẶT TRỜI..... 1
2
< 2
9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA VỊ SAKKĀ..... 1
2
1 1 2
10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA VỊ CHUYÊN LUÂN..... x 1
4
1 1 2
IV. PHẨM MỐI..... 1 1
4
1 1 2
1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI MỐI..... 1 A
4
1 1 2
2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI MÈO..... A L
5
1 1 2
3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHUỘT..... A A
5
1 1 2
4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI BÒ CẠP..... A 1

5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHỒN..... 1125 6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHÓ RỪNG GIÀ ..... 1126 7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI NAI..... 1127 8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI BÒ..... 1127 9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI HEO..... 1128 10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI VOI..... 1129 V. PHẨM Sư TỬ.....1131 1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI sư TỬ..... 1131 2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI NGỎNG Đỏ ..... 1132 3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI SẾU

CÁI..... 1133 4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHÁT CỦA LOÀI Bồ CÂU NHÀ..... 1134 5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHIM cú..... 1134 6. CẢU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHIM GÕ KIẾN..... 1135 7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI DƠI..... 1135 8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI ĐỈA..... 1136 9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI RẮN..... 1136 10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI TRĂN..... 1137 VI. PHẨM NHỆN.....1138 1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI NHỆN..... 1138 2. CẦU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA ĐỨA BÉ ĐEO BẦU vú..... 1138 3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI RÙA..... 1139 4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA KHU RỪNG..... 1139 5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÂY CỐI..... 1140 6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CƠN MƯA..... 1141 7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGỌC MA-NI.....1141 8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI THỢ SĂN..... 1142 9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI CÂU CÁ..... 1143 10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI THỢ MỘC..... 1143 VIL PHẨM CHUM NƯỚC.....1145 1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CHUM NƯỚC..... 1145 2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA SẮT ĐEN..... 1145 3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÁI LỌNG CHE..... 1146 4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA THỬA RUỘNG..... 1146

Ixviii KINH TIỀU Bộ

5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHÁT CỦA THUỐC GIẢI ĐỘC..... 1147 6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA VẬT THỰC..... 1147 7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI CUNG THỦ..... 1148 ĐOẠN KẾT.....1151

PHỤ LỤC l.....1153 PHỤ LỤC 2.....1159 PHỤ LỤC 3.....1161 SÁCH DẪN TIẾNG VIỆT.....1165 SÁCH DẪN PALI.....1177

THÁNH NHÂN KỶ sự (APADĀNAṂ

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ

Apadãnapãḷi là tựa đề của tập thứ 13 thuộc Tiểu bộ (Khuddakanikāya). Chúng tôi đề nghị tựa đề tiếng Việt là Thánh nhân kỷ sự. Chú giải của tập Apadãnapãḷi có tên là Vỉsuddhcỳanavilãsim. nhtmg các chi tiết liên quan đen vi Chú giải sư không được tìm thấy. Apadãnapãḷi gồm có bốn phần: Buddhāpadāna (liên quan đến Phật Toàn Giác)

Paccekabuddhãpadâna (liên quan đến Phật Độc Giác) Therāpadāna (559 câu chuyện về các vị Trưởng lão) Therīapadāna (40 câu chuyện vê các vị Trưởng lão Ni) Phần thứ nhất Buddhãpadâna đề cập đến câu chuyện của tiền thân đức Bồ-tát khi Ngài là đấng Chuyển Luân Vương Tilokavijaya (ÁpA. 109). Vi này đã dùng năng lực của tâm tạo nên tòa lâu đài bằng châu báu và đã cúng dường đến vô số chư Phật Toàn Giác, chư Phật Độc Giác và chư vị Thinh văn đệ tử bằng tác ý. Điểm đáng chú ý ở đây là tất cả các chi tiết ở cuộc lễ cúng dường này chỉ là những diễn tiến trong tâm thức của vị Chuyển Luân Vương Tilokavijaya, và không nên hiểu rằng đã có diễn ra một cuộc hội họp của các vị đã chứng quả giác ngộ trong hai thời quá khứ và hiện tại, tức là chư Phật gồm ba hạng: Toàn Giác, Độc Giác và Thinh văn (câu kệ 22 và 52). Hơn nữa, chính đức Phật Gotama thời hiện tại của chúng ta cũng đã xác nhận rằng quả báo của sự cúng dường ở trong tâm này đã giúp cho tiền thân của Ngài được sanh về cõi trời Đạo-lợi (câu kệ 53). Trái lại, phần thứ nhì Paccekabuddhãpadãna không đề cập đến các hành động quá khứ đã có liên quan đến sự giải thoát trong thời hiện tại của chư Phật Độc Giác theo như chủ đề chính của bộ kinh, mà là "những kệ ngôn cao thượng đã được chư Phật Độc Giác là các đấng Chiến Thắng nói lên, những kệ ngôn ấy đã được đấng Sư Tử dòng Sakyā, bậc Tối Thượng Nhân giảng giải vì mục đích của việc nhận thức giáo pháp,5 (cau kệ 138). Những lời kệ này của chư Phật Độc Giác còn được tìm thấy ở phẩm I, phần 3, Suttanipãta (Kinh tập), là tập kinh thứ 5 thuộc Khuddakanikãya. Điều cần lưu ý ở đây là do nhân duyên lời thỉnh càu của Ngài Ānanda mà đức Phật Gotama đã thuyết giảng hai phần Buddhãpadãna và Paccekabuddhãpadãna này.

4 KINH TIỂU Bộ _____

Hai phân cuôi, Therāpadāna gôm có 559 câu chuyện vê các vi Trưởng lão được chia làm 56 phẩm (yagga), và Therĩapadãna (Trưởng lão Ni kỷ sự) gồm có 40 câu chuyện về các vị Trưởng lão Ni được chia làm 4 phẩm. Các câu chuyện này đề cập đến những hành động đã được tiền thân của các vi này thực hiện trong thời quá khứ. Đối tượng của các việc phước thiện này có tính chất đa dạng, có thể là các vi Phật Toàn Giác, Độc Giác hoặc Thinh văn. Thậm chí việc lê bái cúng dường các vật có liên quan đên các Ngài như là cội Bô-đê, ngôi bảo tháp, tấm y ca-sa, và ngay cả dấu chân đã được đức Phật để lại trên nền đất, v.v... cũng đã làm sanh khởi niềm tin đưa đến việc hành thiện của tiền thân các vị này, cuối cùng đem lại sự thành tựu Niết-bàn cho các vị trong kiếp sống cuối cùng. Một số tiền thân có sự phát nguyện thành tựu vị thế tối thắng và đã nhận được chú nguyện thành tựu của các vị Phật đương thời. Thêm vào đó, các ký sự này còn đề cập đến việc thành tựu về phước báu nhân thiên và các sự thành công trong các kiêp sông kê tiêp trước khi gặp được đức Phật Gotama, roi việc xuất gia trở thành Tỳ-khiru hay Tỳ-khưu-ni, sau đó thành tựu quả vị Thinh văn A-la-hán, chứng đắc các pháp thù thắng là bốn (tuệ) phân tích, tám giải thoát, sáu thắng trí và Niết-bàn. Các chi tiết được trình bày ờ mỗi ký sự đã được chư Thinh văn Tỳ-khưu và Tỳ-khiru-ni đích thân thuật lại, dài ngắn cũng không chừng đỗi, đôi lúc có xen lẫn một vài dòng kệ chú thích của người sưu tập, câu chuyện ngắn nhất chỉ có vài ba câu kệ (gāthā), câu chuyện dài nhất có hơn hai trăm câu kệ (400 dòng). Xét răng 139 câu kệ của hai phân đâu tức là Buddhāpadāna và Paccekabuddhāpadāna chỉ là một phần rất khiêm tốn so

với gần 7.800 câu kệ của toàn thể bộ kinh này, cho nên có thể nói rằng chủ đề chính của bộ kinh hướng đến các vị Thánh Thinh văn Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni. Đặc biệt, đối với những vị Thinh văn có được sự thành tựu về các vị thế tối thắng vào thời đức Phật Gotama, thì tiền thân của các vị này trong quá khứ cũng đã có sự phát khởi ước muốn thành tựu vị thế ấy, cũng có làm việc phước thiện thù thang và cũng được chú nguyện bởi vị Phật của thời kỳ ấy. Có giả thuyết cho rằng hai phần đầu Buddhāpadāna và Paccekabuddhāpadāna đã được thêm vào nhằm để khẳng đinh rằng con đường giải thoát gom có ba hạng: Toàn Giác, Độc Giác và Thinh văn. Dầu hạnh nguyện và sự thực hành của ba hạng Phật là không đồng đẳng cấp, nhưng cứu cánh giải thoát đều giống nhau là sự đoạn tận các lậu hoặc, chấm dứt các khổ đau và Niết-bàn. Có thể đưa ra nhận xét rằng bộ Apadãna chủ yếu nói về vai trò của nghiệp (kamma) trong quá trình luân hồi {samsāra). về sự gặt hái kết quả (phalấ) của hành động đã làm trong các kiếp quá khứ (pubbakammă). Apadãna không chỉ nêu lên các thiện nghiệỊ) có quả thành tựu tốt đẹp mà còn có nhắc đến một số ác nghiệp đưa đến kết quả xấu xa. Ví dụ như ký sự của Trưởng lão Upâli (Upãlỉttherãpadãnă) kể lại câu chuyện tiền thân của vị này đã thực hiện hành động cung kính đên đức Phật Padumuttara và đã ước

nguyện trở thành vị Tỳ-khiru đứng đầu về Luật. Tuy nhiên, vào kiếp sanh làm vị Hoàng tử tên Candana, do việc đã dùng voi khuấy rối đến một vị Phật đang đi khất thực, cho nên trong kiếp cuối cùng dẫu bị sanh làm người thợ cạo thuộc dòng dõi thấp kém nhưng vị Trưởng lão upãli này vẫn trở thành vi Tỳ-khưu đứng đầu về Luật trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama. Điểm đặc biệt là các việc quét dọn, xây dựng viền rào, cúng dường đến cội cây Bô-đê5 hay là các hành động xây dựng và quét vôi bảo tháp, dâng hoa đên bảo tháp, cúng dường Xá-lợi cũng là nhân tố cho những thành tựu phước báu lớn lao và còn đưa đến thành tựu quả vi A-la-hán trong thời đức Phật nữa. Nói đến Xá-lợi, điểm đáng lưu ý là ngay cả đức Phật cũng tỏ lòng tôn trọng đến Xá-lợi của các vi Thinh văn. Ký sự 50 về Trưởng lão Cunda mô tả đức Thế Tôn đã nhận lấy Xá-lợi của vi Trưởng lão Sāriputta bằng hai tay, và trong khi phô bày Xá-lợi ấy đã tán dương vi Thinh văn đệ nhất này. Tương tợ như thế, Ngài cũng đã nâng Xá-lợi của vị Trưởng lão Ni Mahāpajāpati Gotamĩ bằng hai tay khi nhắc đến công hạnh của bà. Và nhiều ký sự nói về các vi Thinh văn được giải thoát Niết-bàn do công hạnh cúng dường Xá-lợi trong quá khứ. Thêm vào đó, việc cúng dường thực phàm và các vật dụng cân thiêt đên đức Phật và hội chúng Tỳ-khiru là có được thành quả lớn lao cũng được khẳng định qua nhiều ký sự ở bộ kinh này. Đặc biệt, có phần ký sự tên Pubbakammapilotiapadãna đề cập đến các nghiệp xấu do tiền thân đức Phật Gotama đã tạo nên trong 12 kiếp sống quá khứ. Các nghiệp này đã trổ quả vào lúc Ngài đã thành tựu quả vi Phật Toàn Giác. Ví dụ như việc nữ du sĩ ngoại đạo Sundarikâ đã vu cáo Ngài trong thời hiện tại là do tiền thân của Ngài, lúc sanh làm kẻ vô lại Munālī, đã vu cáo đức Phật Độc Giác Sarabhu, và vào một kiếp khác đã bôi nhọ vi ẩn sĩ Bhĩma có năm thắng trí, có đại thần lực là người vẫn còn đắm say dục lạc; về việc nàng Ciñcamānavikā vu cáo sự liên hệ thân mật giữa nàng và đức Phật do nhân của hành động vu cáo vị Thinh văn tên Nandā của đức Phật Sabbãbhibhũ; về việc voi Nālāgirī

chạy đên Ngài với ý muôn hãm hại do việc tiên thân đã cỡi voi công kích một vi Phật Độc Giác đang đi khất thực. Và về các chứng khó chiu ở thân cũng do tác động của nghiệp quá khứ ví dụ như chứng nhức đầu do đã có tâm hoan hỷ khi trông thây các con cá bị giêt chét; vê chứng đau lưng do đã đánh gục đối thủ trong một cuộc giao đấu; về bệnh tiêu chảy do trong thời quá khứ làm một vị thầy thuốc đã cố ý cho thuốc xổ đến con trai nhà triệu phú, v.v... Có điêu thác mac là các ký sự Pubbakammapilotika này có liên quan đên đức Phật, nhưng tại sao lại không được xếp vào Buddhāpadāna. mà lại được sắp vào phần của các vị Thinh văn Therāpadānaī Một điêu khác cũng đã được ghi nhận như sau: Trong các tập thuộc Tiêu bộ (Khuddakanikāya). chủ đề ve nghiệp đã được trình bày theo các sự sắp xếp khác nhau:

6 KINH TIẾU Bộ

Jātaka (Bổn sanh). Buddhavamsa {Phật sử), Cariyāpitaka (Hạnh tạng) nói về các tiền thân của đức Phật Gotama. Apadāna (Thánh nhân ky sự) liên quan đến các vị Thinh văn Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni. Vimānavatthu (Chuyện Thiên cung) và Petavatthu (Chuyện Nga quỹ) thì đề cập đến nghiệp quả của nhiều hạng người. về hình thức, bộ Apadãna được viết theo thể kệ thơ (gāthā), mỗi câu kệ gồm có bốn pâda được trình bày thành hai dòng. Đa so các câu kệ của tập kinh này làm theo thể thông thường gồm có tám âm cho mỗi pãda. Chúng tôi chủ trương ghi lại lời dịch Việt theo lối văn xuôi hầu ý nghĩa chuyển dịch được phần trọn vẹn. Đôi chỗ hai câu kệ được dịch chung thành một đoạn dựa theo tính chất hoàn chỉnh về văn phạm hoặc về ý nghĩa của chúng. về phương diện dịch thuật và trình bày văn bản tiếng Việt, có một số điều cần lưu ý như sau: Mặc dầu toàn bộ văn bản là các lời tự thuật, tuy nhiên chúng tôi chỉ trình bày ở dạng chữ nghiêng cho những đoạn có tính chất đối thoại trực tiêp hoặc những điêu ước nguyện, suy nghĩ. Vê từ xưng hô của hàng đệ tử đôi với đức Phật, chúng tôi sử dụng từ "con" ở ngôi thứ nhất cho những trường hợp trực tiếp, và "t6i" cho những trường hợp xét rằng người nghe là các đối tượng khác, về văn phong của lời dịch, chúng tôi chủ trương ghi lại lời tiếng Việt sát theo văn bản gốc và cố gắng không bỏ sót từ nào không dịch. Lời văn tiếng Việt của chúng tôi có chứa đựng những mấu chốt giúp cho những ai có ý thích nghiên cứu PâỊi thấy ra được cấu trúc của loại ngôn ngữ này. Việc làm này của chúng tôi không hẳn đã được hoàn hảo, dẫu sao cũng là bước khởi đầu nhằm thúc đây phong trào nghiên cứu cô ngữ Phật học của người Việt Nam. Tuy nhiên, một số sai sót trong quá trình phiên dịch đương nhiên không thể tránh khỏi, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về trình độ yếu kém. Cuối cùng, ngưỡng mong phước báu phát sanh trong công việc soạn thảo tập kinh này được thành tựu đên Thây Tô, song thân và tát cả chúng sanh trong tam giới. Nguyện cho hết thảy đều được an vui, sức khỏe, có trí tuệ và tinh tấn tu tập ngõ hầu thành đạt cứu cánh giải thoát, chấm đứt khổ đau.

Kính bút, Ngày 01 tháng 6 năm 2008 Tỳ-khưu Indacanda (Trương Đình Dũng)

PHẢN THỨ NHẤT (PATHAMO BHĀGO)

L PHẨM ĐỨC PHẬT (BUDDHAVAGGồ)

A. PHẬT TOÀN GIÁC KÝ sự (BUDDHĀPADĀNAM)

1. Trong khi đức Như Lai ngự tại Jetavana, bậc Hiền trí xứ Videha1 đã cúi mình hỏi Ngài rằng: "Bạch đấng Anh Hùng, nghe nói có các vị được gọi là đức Phật Toàn Tri, các vi ấy được thành tựu là do các nguyên nhân n0?" 2. Khi ấy, bậc Đại Ẩn Sĩ? đấng Toàn Tri Cao Quý đã nói với vị Hiền nhân Ānanda bang âm điệu ngọt ngào rang: "Những vị nào có hành động hướng thượng đã được thực hiện đến chư Phật quá khứ, [nhưng] có sự giải thoát chưa được thành đạt trong các giáo pháp của đấng Chiến Thắng. 3 Chính nhờ vào yếu tố đầu tiên ấy đối với phẩm vi Giác ngộ, đồng thời nhờ vào sự quyết định, nhờ vào năng lực lớn lao và nhờ vào quyền lực của tuệ, những vi sáng suốt có trí tuệ vô cùng sắc bén thành tựu phẩm vị Toàn tri. 4. Các đang Pháp Vương là không thê đêm được. Ta cũng đã phát nguyện về bản thể giác ngộ ở nơi các vị Phật quá khứ, và đã được thành tựu dầu chỉ bằng tâm ý. 5. Giờ đây, các ngươi với tâm ý thanh tịnh hãy lắng nghe các ký sự về chư Phật Toàn Giác: Các đấng Pháp Vương đã được tròn đủ ba mươi pháp toàn hảo là không thể đếm được.12 6. Ta đã cung kính chắp mười ngón tay lại đê đầu đảnh lễ phẩm vị Toàn giác của chư Phật Tối Thượng, [đảnh lễ] các đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với các hội chúng [Thinh văn].3 7. Cho đến các châu báu vô số kể được tìm thấy ở trên bầu trời và ở dưới

1 Đây chính là Ngài Ānanda. Chú giải của Apadãna giải thích vedehamunỉ là vị Hiền trí, con trai của một người phụ nư sanh ra ở xứ sở Vedeha (ÁpA. 128)7 2 Đức Phật Gotama kể về thời kỳ Bồ-tát là VỊ Chuyển Luân Vương Tilokavijaya (ÁpA. 103). 3 Sasañghe sāvakasañghasahite (Sđd. 103).

r • r __ mặt đát tại các địa phận của chư Phật [trong mười ngàn thê giới],4 Ta đã mang lại toàn bộ [châu báu áy] băng tâm [chú nguyện]. 8. Tại nơi ấy ở trên mạt đất bằnệ bạc, Ta đã hóa hiện ra tòa lâu đài làm bằng châu báu, có nhiều tầng lầu, có chiều cao vươn tận không trung. 9. [Tòa lâu đài] có trụ cột được tô điểm, khéo được thực hiện, khéo được phân bố? có giá tri lớn lao, có chỗ nối liền làm bằng vàng, được tô điểm bằng các cổng chào và các lọng che. 10. Tầng thứ nhất bằng ngọc bích xinh đẹp tương tợ bầu trời không chút bợn nhơ. ở tầng lầu bằng vàng cao quý có hồ sen với những đóa hoa sen chen chúc. 11. Có tầng lầu làm bằng san hô với màu sắc của san hô9 có tầng lầu màu đỏ xinh đẹp, có tầng lầu với ánh sáng màu cánh kiến đang chiếu sáng các phương. 12. Có tiền sảnh khéo được phân bố, có các tháp nhọn, có các cửa ra vào hình sư tử, có bốn viền rào làm thích ý với những mạng lưới vòng hoa có hương thơm. 13. Có các nhà mái nhọn cao quý màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng và màu đen thuần khiết được điểm tô bằng bảy loại châu báu. 14. Có mặt tiền ở phần trên được rạng rỡ với các đóa hoa sen cùng với [hình ảnh] các loài thú dữ và chim muông, được trải ra với các chòm tinh tú và các vì sao, được điểm tô với mặt trăng và mặt trời. 15. [Các tâng lâu] được che phủ bởi màn lưới băng vàng có các chuông lục lạc bằng vàng. Các tràng hoa băng vàng quyên rũ vang lên âm thanh nhờ vào sức đẩy của lan gió. 16. Có dãy cờ hiệu khéo nhuộm với các màu khác nhau là màu đỏ tía, màu đỏ, màu vàng, màu hồng được dựng lên. 17. Được tô điểm với nhiều kiểu giường được lót trải bằng các tấm vải mịn màng của xứ Kasi, có đến hàng trăm chiếc giường làm bằng ngọc pha lê, bằng bạc, bằng ngọc

ma-ni, bằng hồng ngọc và băng đá quý tương tợ như thế. 18. Có những tấm mền lông thú màu vàng úa được làm ở các xứ Dukũla, xứ Trung Hoa và xứ Pattunna. Bằng tâm ý, Ta đã sắp xếp tất cả [các chiếc giường] với các tấm trải đủ các loại. 19. ở khắp các tầng lầu, có những nẹười đứng nghiêm cầm các ngọn đuốc làm bang ngọc ma-ni đỏ được điểm tô bang châu báu ở chóp nhọn. 20. Những cột trụ dựng đứng [ở cổng], những cổng chào xinh đẹp làm bằng vàng [được khai thác từ sông] Jambu, làm bằng lõi gỗ [cây khừa], và còn làm bằng bạc nữa, [tất cả đều] chói sáng. 21. Có nhiêu gian tiêp giáp được khéo phân bô, được tô diêm với những cánh cửa và chốt khóa. Cả hai phía [của tòa lâu đài] đều có nhiều chậu chứa đầy những đóa sen đỏ và sen xanh.

4 Yāvatā buddhakhettesũti dasasahassacakkavãịesu buddhakhettesu (Sđd. 104).

THÁNH NHÂN KÝ sự 9

22. Ta đã hóa hiện ra tất cả chư Phật thời quá khứ là các đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng hội chúng, với các vị Thinh văn trong dáng vóc tự nhiên. 23. Chư Phật cùng các vị Thinh văn sau khi đi vào bằng cánh cửa ấy đã ngồi xuống ở ghế ngồi toàn bộ đều làm bằng vàng, [hình thành] đoàn thể các bạc Thánh nhan. 24. Và có những vị trong lúc này là các vị Phật vô thượng ở thế gian. [Chư Phật] quá khứ và hiện tại, tất cả các vị đã bước lên tòa lâu đài. 25. Hàng trăm vị Phật Độc Giác, các đấng Tự Chủ, là các bậc không bị khuất phục trong quá khứ và hiện tại, tất cả các vị đã bước lên tòa lâu đài. 26. Có nhiều cây Như Ý thuộc cõi trời và thuộc loài người, [từ các cây ấy] Ta đã mang lại toàn bộ vải vóc và đã khoác ba lá y lên [các vị ấy]. 27. Ta đã chứa đầy các bình bát xinh đẹp làm bằng ngọc ma-ni với các vật thực cứng mềm đáng được thưởng thức, có đầy đủ nước uống và thức ăn, rồi đã dâng cúng [đến các vị ấy]. 28-29. Tất cả các vị ấy, đoàn thể các bậc Thánh nhân, đều đồng đẳng về thiên nhãn [và] găn bó với tâm y thanh bạch. Được toại ý với vật thực tôi thăng [của Ta] gồm có mật ong, đường thô, luôn cả dầu ăn và mật mía, [các vị] đã đi vào gian phòng làm bằng châu báu tợ như những con sư tử cư ngụ ở hang động. 30. Các vi đã nằm xuống với tư thế của loài sư tử ở chiếc giường vô cùng giá trị, có sự tỉnh thức, rồi ngồi dậy và đã xếp vào tư thế kiết-ịià ở trên chiếc giường, thê nhập vào sự thỏa thích trong thiên là hành xứ của tát cả chư Phật. 31. Một số vị khác thuyết giảng giáo pháp, một số vị khác tiêu khiển bằng thần thông, một số vị khác đã phát triển được năn^ lực của các thắng trí thì hướng tâm vào các thắng trí, hàng ngàn vi khác thể hiện các sự biến hóa về thần thông. 32. Chư Phật cũng chất vấn chư Phật về chủ đề liên quan đến cảnh giới của các đấng Toàn Tri. Nhờ vào tuệ, các vị giác ngộ rốt ráo ve sự việc một cách sâu sắc và hoàn hảo. 33. Các vị Thinh văn chất vấn chư Phật, chư Phật chất vấn các vi Thinh văn. Các vị ấy chất vấn lẫn nhau và trả lời cho nhau. 34. Chư Phật Toàn Giác, chư Phật Độc Giác, chư Thinh văn và tín chúng, các vị ấy vui thích ở tòa lâu đài tùy theo sự thỏa thích của bản thân như vầy: 35. 'Nguyện cho những chiếc lọng che bằng châu báu với những chuỗi vòng hoa bằng vàng và những mạng lưới ngọc trai viền quanh được tồn tại, nguyện cho tất cả hg duy trì ơ trên đinh đầu [của tôi].9 36. 'Nguyện cho những mái che băng vải được tô diêm với những ĩiệôi sao bằng vàng [và] những mái che được tô điểm với những tràng hoa hãy xuât hiện, nguyện cho tất cả hãy duy trì ở trên đỉnh đầu [của tôi].9 37. [Tòa lâu đài có hồ nước]

bông, được rạng rỡ với những chuỗi bông hoa thơm ngát, được viền quanh bằng những chuỗi vải vóc, được tô điểm bằng những chuỗi châu báu. 38. [Hồ nước] được tô điểm với các đóa hoa chen chúc, được tỏa lên mùi hương thơm ngào nệạt, được thể hiện bởi năm loại hương thơm tổng hợp lại, được phủ lên bằng tam che bằng vàng. 39. 'Nguyện cho bôn phía của hô nước hãy biêu hiện màu sác vàng chói với những sen hồng sen xanh được phơi bày, với các bụi phấn của hoa sen được tỏa ra/ 40. 'Nguyện cho tất cả cây cối ở xung quanh tòa lâu đài hãy trổ hoa.5 Và các bông hoa đã tự mình phóng thích, đi đến và rải rắc ở tòa lâu đài. 41. 'Nguyện cho các con chim công ở tại nơi ây hãy nhảy múa, các con thiên nga hãy líu lo, các con chim Ca-lăng-tần-già và các bầy chim ở xung quanh hãy cất tiếng hót.9 42. 'Nguyện cho tát cả các chiêc trông hãy vang lên, tát cả các cây đàn vīnā ấy hãy tấu nhạc. Nguyện cho tất cả các cuộc trì tụng [được] tiến hành ở xung quanh của tòa lâu đài/ ĩ r y 9 \

43-44. 'Nguyện cho những chiêc ghê bành băng vàng không 16, hội đủ hào quang, không bi hỏng hóc, làm bằng châu báu hãy tồn tại từ thế giới này đến thế giới khác cho đến địa phận của chư Phật. Nguyện cho những cây đèn ấy hãy chói sáng. Nguyện cho hệ thống mười ngàn [thế giới] hãy trở thành [sáng chói như là] một ngọn đèn.5 45. 'Nguyện cho các kiều nữ luôn cả các vũ công, các toán mỹ nhân hãy nhảy múa. Nguyện cho các màn trình diễn đa dạng hãy được phô diễn ở xung quanh của tòa lâu đài.9 46. [Khi ấy] Ta dựng lên ngọn cờ hiệu ở ngọn cây, ở chóp núi, ở đỉnh ngọn núi Sineru, tất cả [các ngọn cờ] đều được tô điểm, có năm màu. 47. 'Nguyện cho loài người, loài rồng, càn-thát-bà và tất cả chư thiên ấy hãy đi đến/ Các vị đã đến quây quần xung quanh tòa lâu đài, chắp tay lễ bái. 48. 'Bất cứ thiện nghiệp nào là việc cần phải thực hiện để sanh lên cõi trời đều đã được tôi thực hiện tốt đẹp bằng thân, bằng lời nói, bằng ý. 49. Có những chúng sanh là hữu tưởng và có những chúng sanh là vô tưởng, nguyện cho tất cả các vi ấy đều được hưởng phần chia sẻ quả báo phước thiện đã được thực hiện của tôi. 50. Quả báo phước thiện của tôi đã được thực hiện, đã được biết chắc chắn, đã được ban phát đến những vị ấy, còn những vi nào chưa biết về điều ấy thì chư thiên đã đi đến và thông báo. 51. Các chúng sanh nào [sống] nhờ vào vật thực ngụ ở tất cả các thế giới, do oai lực của tôi nguyện cho tất cả đều thọ lãnh vật thực hợp ỷ' 52. Vật cúng dường đã được Ta cúng dường bằng tâm y, Ta đã làm hóa hiện

ra tòa lâu đài bằng tâm ý. Tất cả chư Phật Toàn Giác, chư Phật Độc Giác, chư Thinh văn của các đấng Chiến Thắng đã được cúng dường. 53. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, Ta đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 54. Ta nhận biết hai cõi tái sanh, ở bản thể thiên nhân và loài người, Ta không biêt đên cảnh giới khác; điêu này là quả báo của ước nguyện băng tâm ý. 55. [Nếu sanh ra ở cõi trời] Ta vượt trội chư thiên; [nếu sanh làm người] Ta là vị thống lãnh nhân loại, Ta được hội đủ tướng mạo về sắc thân, trong cõi hữu không ai sanh bằng [Ta] về trí

tuệ. 56. Vật thực tối thượng đủ các loại và châu báu không phải là ít 6i, [cùng với] vô số các loại vải từ trên không tức thời hiện đến cho Ta. 57. ở đất liền, luôn cả ở ngọn núi, ở trên hư không, ở trong nước, ở trong rừng, mỗi khi Ta vươn tay ra thì các thức ăn của cối trời hiện đên cho Ta. 58. ở đất liền,... (nt)... Ta vươn tay ra thì mọi châu báu hiện đến cho Ta. 59. ở đất liền,... (nt)... Ta vươn tay ra thì mọi vật thơm hiện đến cho Ta. 60. ở đất liền,...(nt).. Ta vươn tay ra thì mọi xe, thuyền hiện đến cho Ta. 6L ở đất liền,... (nt).. Ta vươn tay ra thì mọi tràng hoa hiện đến cho Ta. 62. ở đất liền,...(nt).. Ta vươn tay ra thì đồ trang sức hiện đến cho Ta. 63. ở đất liền,... (lít)... Ta vươn tay ra thì tất cả thiếu nữ hiện đến cho Ta. 64. ở đất liền,...(nt)... Ta vươn tay ra thì mật và đường hiện đến chó Ta. 65. ở đất liền,... (nt)... Ta vươn tay ra thì mọi vật thực hiện đến cho Ta. 66. Nhằm đạt được phẩm vị Toàn giác cao quý, Ta [đã] bố thí tặng phẩm quý giá đến những kẻ không có tài sản, những người lữ khách, những kẻ ăn xin và những người bộ hành. 67. Ta trở thành đức Phật ở trên đời khiến cho ngọn núi gào thét, khiến cho tảng đá gầm lên tiếng vang ầm ĩ, khiến cho thế gian luôn cả chư thiên vui cười. 68. Mười phương ở thế giới vũ trụ đối với người đang du hành là không có điểm tận cùng. Và ở mỗi phương [thế giới] ấy, các địa phận của chư Phật là không thể đếm được. 69. [Khi là đấng Chuyển Luân Vương] Ta có hào quang được nổi danh với [hình thức] tia ánh sáng di chuyển thành từng đôi. Mạng lưới hào quang đã là ánh sáng vĩ đại hiện hữu ở khoảng giữa mười ngàn thế giới. 70. 'Nguyện cho tất cả mọi người ở chừng ấy thế giới đều nhìn thấy Ta. Nguyện cho tất cả đều có tâm ý vui mừng và tất cả đêu tiến bước theo Ta. [Nguyện cho tất cả đều tiến bước theo Ta đến tận chỗ ngụ của đấng Phạm thiên]/5 71. Tadā vỗ vào chiếc trống bất tử với tiếng vang ngọt ngào được phát ra.6 5 Câu l và 2 được thấy ở tạng Thái Lan và PTS. Câu l và 3 được thấy ở tạng Miến Điện. (ND) 6 Ta đã thuyết giảng giáo pháp bất tử với âm thanh vi diệu được phát ra. (ND)

12 KINH TIỂU BÔ

'Nguyện cho tất cả mọi người ở khoảng giữa mười ngàn thế giới hãy lắng nghe âm thanh ngọt ngào. 72. Trong khi đám mây giáo pháp đang đổ mưa, nguyện cho tất cả không còn lậu hoặc.7 Những chúng sanh nào là hạng thấp kém ở nơi đây, nguyện cho những người ấy được là bậc Nhập lưu.5 73. Sau khi bố thí những gì cần được bố thí, sau khi làm viên mãn giới hạnh không thiếu sót, sau khi đi đến sự toàn hảo về pháp xuất ly, Ta đã đạt đến phẩm vị Toàn giác tối thượng. 74. Sau khi đã vấn hỏi các bậc trí tuệ, sau khi đã thể hiện sự tinh tấn tối thượng, sau khi đã đi đến sự toàn hảo về pháp nhẫn nại, Ta đã đạt đến phẩm vị Toàn giác tối thượng. 75. Sau khi đã thực hành pháp quyết định một cách bền vững, sau khi đã làm tròn đủ sự toàn hảo về pháp chân thật, sau khi đã đi đến sự toàn hảo về pháp từ ái, Ta đã đạt đến phẩm vi Toàn giác tối thượng. 76. Sau khi đà là bình đẳng trong mọi trường hợp đối với lợi lộc và không lợi lộc, đối với an lạc và khổ dàu, đối với sự kính trọng và chê bai, Ta đã đạt đến phẩm vi Toàn giác tối thượng. 77. Sau khi thấy được sự biếng nhác là nguy hiểm và thậm chí [thấy được] sự tinh tấn là an toàn, các ngươi hãy có sự nỗ lực tinh tấn; điều này là lời giáo huấn của chư Phật. 78. Sau khi thấy được sự tranh cãi là nguy hiểm và sự không tranh cãi là an toàn, các ngươi hãy có sự hợp nhất, thân thiện; điều này là lời giáo huấn của chư Phật. 79. Sau khi thây được sự xao lãng là nguy hiêm và sự không xao lãnẹ là an toàn, các

ngươi hãy tu tập đạo lộ có tám chi phân; điêu này là lời giáo huân của chư Phật. 80. Tất cả chư Phật và các bậc A-la-hán đã tụ hội lại. Các ngươi hãy tôn kính đảnh lễ chư Phật Toàn Giác và các bậc A-la-hán 81. Như vậy, chư Phật là không thể nghĩ bàn. Giáo pháp của chư Phật là không thể nghĩ bàn. Đối với những ai tịnh tín vào những điêu không thể nghĩ bàn, quả thành tựu cho những người ấy là không thể nghĩ bàn. Trong khi trình bày về phẩm hạnh Phật của bản thân, đức Thế Tôn đã nói về bản thể của giáo pháp tên là Buddhāpadāniyam như thế ấy. wKý sự về Phật Toàn Giác" được đầy đủ.

7 Chú giải ghi rằng: "Sabbe bhỉkkhubhikkhunĩ-ãdayo^ nghĩa là 44tất cả là Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni,,? v.v... (Sdd.). J

B. PHẬT ĐỘC GIÁC KÝ sự (PACCEKABUDDHĀPADĀNAM)

Giờ xin thỉnh các vị hãy lăng nghe ký sự vê Phật Độc Giác: 82. Trong khi đức Như Lai ngự tại Jetavana, bậc Hiên trí xứ Videha đã cúi mình hỏi Ngài rằng: "Bạch đấng Anh Hùng, nghe nói có các vị được gọi là đức Phật Độc Giác, các vi ấy được thành tựu là do các nguyên nhân nào?" 83. Khi ấy, bậc Đại Ẩn Sĩ, đấng Toàn Tri Cao Quý đã nói với vi Hiền nhân Ānanda bằng âm điệu ngọt ngào rằng: "Những vị nào có hành động hướng thượng đã được thể hiện đến chư Phật quá khứ, [nhimg] có sự giải thoát chưa được thành đạt trong [thời kỳ] giáo pháp của các đấng Chiến Thắng. 84. Chính nhờ vào yếu tố đầu tiên ấy về sự chấn động của tâm, các vi sáng suốt có trí tuệ vô cùng sắc bén vẫn thành tựu phẩm vị Độc Giác chỉ nhờ vào đối tượng nhỏ nhoi, mặc dầu [ở vào thời kỳ] không có các vị Phật [Toàn Giác]. 85. Trong toàn bộ thế gian, ngoại trừ Ta không có ai sánh bằng các vi Phật Độc Giác. Hạnh này của các bậc Đại Hiền Trí ấy. 86. Là những người đang mong mỏi phương thuôc vô thượng [Niêt-bàn], tất cả các ngươi, với tâm khéo tín thành, hãy lắng nghe những lời nói tốt đẹp như là viên mật về các bậc Đại Ẩn Sĩ đã được tự chính mình giác ngộ. 87. [Hãy lắng nghe] những lời thuật lại theo tuần tự của các vị Phật Độc Giác đã tụ hội lại,8 và [hãy lắng nghe] về sự tai hại và nền tảng của sự xa lìa tham ái? theo đó các vị đã thành tựu quả vị Giác ngộ. 88. Với sự nghĩ tưởng về ly tham ái đối với các sự việc có tham ái, với chướng ngại [toàn bộ phiền não] và chiến thắng các loạn tưởng [sáu mươi hai tà kiến], theo đúng như thế các vị đã thành tựu quả vị Giác ng0." 89. Bu6ng bỏ sự trưng phạt đối với tất cả chúng sanh và không hãm hại bất cứ ai trong sô họ, với tâm từ ái người có sự thương tưởng đến điều lợi h hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].9 90. Bu6ng bỏ sự trừng phạt đối với tất cả chúng sanh và không hãm hại bất cứ ai trong sô họ, không nên mong mỏi về con trai, sao lại [mong mỏi] về bạn bè? Hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác.

8 Chủ giải nêu tên một số các vị Độc Giác Phật như là: Arittha, Uparittha, Tagarasikhi, Yasassī, Sudassana, Piyadassī,... Sumañgala, Dibbila, v.v... (ApA. 129). 9 Yathā khaggassa nāma visānam ekameva hoti adutiyam, evameva so paccekasambuddho takkappo tassadỉso tappatibhāgo (ApA. 133).

91. Các sự ái luyên hiện diện ở người có sự thân cận đã được tạo nên, theo sau sự ái luyến là khổ đau này được thành lập. Trong khi xem xét thấy điều tai hại sanh lên từ sự ái luyến, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác. 92. Trong khi thương tưởng đến bạn bè thân hữu, [thời] xao lãng mục dích, có tâm bị ràng buộc. Trong khi xem xét thấy mối nguy hiểm này ở sự giao du, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác. 93. Sự mong mỏi ở các con và những người vợ tương tợ như lùm tre rậm bị vướng víu. Trong khi không bị vướng víu như là mụt măng tre, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác. 94. Tương tợ như con nai ở trong rừng không bị trói buộc, đi đến nơi nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác. 95. Có sự mời gọi giữa bạn bè về chuyện nghỉ ngơi, về việc đứng gần, về sự ra di, ở cuộc du hành, trong khi xem xét về sự tự do không được [kẻ khác] ham thích,10 hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác. 96. Sự vui đùa thích thú ở giữa đám bạn bè và lòng thương yêu đối với con cái là bao la, trong khi chán ghét sự tách lìa khỏi những người yêu dấu, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác. 97. Người không lòng bất bình trải khắp bốn phương, tự hài lòng với thứ này thứ nọ, chiu đựng mọi hiểm nghèo không lòng hoảng sợ, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 98. Ngay cả các vị đã xuất gia cũng khó đồng thuận, những kẻ tại gia sống dưới mái gia đình cũng vậy, đã là người ít bị bận tâm về con cái của kẻ khác, hãy nên sông một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 99. Hãy cởi bỏ hình tướng tại gia như loài cây koviḷâro có lá được rũ bỏ, là người anh hùng, sau khi cắt đứt mọi sự ràng buộc của gia đình, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 100. Nếu có thể đạt được bạn là kẻ đồng hành cẩn trọng, sáng suốt, sống ngay thẳng, sau khi khắc phục mọi hiểm nghèo hãy nên du hành với vị ấy, có sự hoan hỷ? có niệm. M 9 9 J. À M , M M

101. Nêu không thê đạt được bạn là kẻ đông hành cân trọng, sáng suôt, sông ngay thẳng, tương tợ như vị vua từ bỏ lãnh địa đã xâm chiếm được, hãy nên song một mình như là con long tượng cư ngụ đơn độc ở trong khu rừng. 102. Quả vậy, chúng ta ca ngợi sự thành tựu bạn bè. Những bạn bè vượt trội [hoặc] tương đương là nên giao thiệp. [Nếu] những người này ỉa không đạt được, [chỉ nên] thọ hưởng những gì không bị chê trách, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 103. Sau khi nhìn thấy những [vòng] vàng sáng chói khéo được hoàn thành bởi con trai người thợ kim hoàn, [chúng] đang va chạm vào nhau khi hai vòng 10 "Sịt tự do không được [kẻ khác] ham thích" là nói về sự xuất gia (ApA. 167).

THÁNH NHÂN KÝSự^ 15

ở trên cùng cánh tay, hãy nên sông một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 104. Tương tợ như thê, cùng với người thứ hai có thê xảy ra sự chuyện vãn bằng lời nói và sự quyến luyến sâu đậm cho tôi. Trong khi xem xét thấy mối nguy hiểm này trong tương lai, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 105. Bởi vì các dục là đa dạng, ngọt ngào, làm thích ý? chúng khuấy động tâm bằng nhiều hình thức ẩn hiện. Sau khi nhìn thấy điều tai hại ở trong các loại dục, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 106. Điều

này là tai họa, là mụt nhọt, là bất hạnh, là tật bệnh, là mũi tên, và là sự nguy hiểm cho tôi. Sau khi nhìn thay moi nguy hiểm này ở trong các loại dục, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 107. Lạnh, nóng, đói, khát, gió và sức nóng, muỗi mòng và rắn rết, sau khi đã khắc phục tất cả những điều này, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 108. Tợ như con voi có thân hình khổng lồ5 có đốm hoa sen, cao thượng, đã lìa bỏ các bầy đàn? đang sống trong rừng theo như ý thích, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 109. Người ưa thích sự tụ hội có thể chạm đến sự giải thoát tạm thời11 là điều không có cơ sở. Sau khi cân nhắc lời nói của đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 110. [Nghĩ rằng:] “T6i đã vượt lên trên các sự trái khuấy của tà kiến, đã đạt đến quy luật, đã tiếp thâu đạo lộ, có trí đã được sanh khởi, không cần người khác dẫn dắt", hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 111. Không tham lam, không lừa gạt, không khao khát, không chê bai, có tật xấu và sự mê muội đã được loại trừ, không còn ước ao [tham vọng] về toàn thể thế giới, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 112. Nên lánh xa hẳn bạn bè ác xấu, kẻ không nhìn thấy mục đích đã dấn sâu vào sở hành sai trái. Không nên chính mình giao thiệp với kẻ bám víu [vào tà kiến] bi xao lãng. Hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ làmộtídồnghai]. 113. Nên cộng sự với vị nghe nhiêu [học rgg], năm giữ giáo pháp, là người bạn cao thượng, có biện tài. Sau khi nhận biêt các mục dích, nên lìa bỏ điều nghi hoặc, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 114. Trong khi không chú trọng và không mong mỏi sự vui đùa, sự thích11 11 ^Sāmayikarn vimuttỉnti lokiyasamāpattim" (ApA. 182): "Sịt giải thoát tạm thời là sự thể nhập hiệp thế” (các tầng thiền và ngũ thong - ND).

thú, và khoái lạc ngũ dục ở trên đời, đã lánh xa việc trang sức, có sự nói lời chân thật, hãy nên song một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 115. Sau khi từ bỏ con và vợ, cha và mẹ? các tài sản và lúa gạo, các quyến thuộc và các dục đúng theo giới hạn [về năng lực của bản thân], hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 116. Điều này [ngũ dục] là sự ràng buộc, hạnh phúc ở đây là sự khoái lạc nhỏ nhoi, chính sự khổ đau ở đây là nhiều hơn. Người có trí, sau khi biết được điều này là móc câu, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 117. Tợ như loài thủy tộc phá tan chiếc lưới ở trong nước, tợ như ngọn lửa khônạ còn quay lại nơi đã bi đót cháy, sau khi đã tự phá tan các sự ràng buộc, hãy nên sông một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 118. Có mắt nhìn xuống và không có sự buông thả ở bước chân đi, có các căn được hộ trì, có tâm ý được canh phòng, không bi ngập tràn [bởi dục vọng], trong khi không bị thiêu đót [bởi phiên não], hãy nên sông một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. . .2 . 119. Sau khi trút bỏ các biêu tượng gia chủ tương tợ như cây san hô có lá được rũ bỏ, sau khi đã ra di, mặc y ca-sa, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai], 120. Sự tham đắm trong các vi nếm là việc không làm, không có sự buông thả, không có sự nuôi dưỡng kẻ khác, có sự đi khất thực theo tuần tự từng

nhà, có tâm không quyến luyến ở các gia đình, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai], 121. Sau khi dứt bỏ năm pháp che lấp của tâm, sau khi xua đuổi hẳn tất cả các tùy phiền não, không bị lệ thuộc [tà kiến], sau khi cắt đứt ái luyến và sân hận, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 122. Sau khi đã bỏ lại sau lưng lạc và khổ cùng với hỷ và ưu ngay trước đây? sau khi đạt được xả [của tứ thiên], sự vắng lặng [của định ở tứ thiên], và sự thanh tịnh [của giải thoát], hãy nên sông một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 123. Có sự nỗ lực tinh tấn để đạt đến chân lý tuyệt đối, có tâm không thụ động, có sự thực hành khônệ biếng nhác, có sự co gắng bền bỉ, có được sức mạnh và năng lực, hãy nên sông một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là mọt không hai]. 124. Trong khi không bỏ phế việc ẩn cư tham thiền, là người thường xuyên hành trì thuận pháp đối với các pháp,12 là người nhận chân được sự tai hại trong các hữu, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ la một Idiông hai].

12 Theo Chủ giải, có hai cách giải thích: 4tThực hành pháp minh sát tùy thuận thẹo sự diễn biến của các pháp như là ngũ uẩn, v.v...", hoặc là <4hành tuần tự theo chín pháp siêu the là bốn Đạo, bốn Quả và Niết-bàn,, (ApA. 196).

THÁNH NHÂN KÝ sự 17

125. Trong khi ước nguyện sự đoạn diệt ái [Niết-bàn], không xao lãng, không ngây ng6 khờ khạo, có sự nghe nhiều, có niệm, đã hiểu rõ giáo pháp, được quả quyêt, có sự tinh tấn, hãy nên sông một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 126. Trong khi không kinh hãi tợ như con sư tử không kinh hãi đối với các tiếng động, trong khi không dính mắc tợ như làn gió không bị dính mắc ở tấm lưới, trong khi không vấy bẩn tợ như đóa sen không bị vấy bẩn bởi nước, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 127. Tợ như con sư tử có sức mạnh của các răng nanh, là vua của các loài thú, có cuộc sống khuất phục và chế ngự [các con thú], hãy nên lai vãng các tru xứ xa vắng, hãy nên sông một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 128. Vào thời điểm đang rèn luyện từ, bi, hỷ, xả và giải thoát, trong khi không bị chống đối bởi toàn bộ thế gian, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ ỉa một không hai]. 129. Trong khi từ bỏ tham ái, sân hận và si mê, trong khi tự phá tan các sự ràng buộc, trong khi không kinh hãi về sự đoạn tận mạng sống, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 130. Người ta cộng sự và phục vụ có động cơ và chủ đích [lợi lộc], ngày nay những người bạn không có động cơ [lợi lộc] là khó đạt được, những người [chỉ] biết đến lợi ích của chính mình là những người không trong sạch, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 131. "Những vị có giới thanh tịnh, có tuệ hoàn toàn thanh tịnh, định tĩnh, gắn bó với sự tỉnh thức, là người hành pháp minh sát, có sự thấy biết đặc biệt về các pháp, nhận biết rõ ràng về các chi phan của đạo và các yếu tố đưa đến giác ngộ.13 132. Sau khi rèn luyện không tánh [giải thoát], vô nguyện [giải thoát], và vô tướng [giải thoát] trong giáo pháp của đấng Chiến Thăng, những bậc trí tuệ nào khônệ tiến đến bản thể Thinh văn [sẽ] trở thành các đấng Tự Chủ, các bậc Chiến Thang đơn độc. 133. Là những vi có các yếu tố cao thượng, có sự tập hợp của nhiều bản chất

tự nhiên, cai quản được các tâm, đã vượt qua dòng lũ của tất cả khổ đau, có tâm phan chan, có sự thay biết chân lý tuyệt đoi, tương đương loài sư tử, tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 134. Có các giác quan an tịnh, có tâm ý an tịnh, có định, có sự hành xử trí tuệ thâm sâu của tự thân, là những ngọn đèn đang soi sáng mục đích cho các kẻ khác ở thế giới này, những vị Phật Độc Giác này được quý trọng vào mọi thời điểm. 135. Có tất cả các pháp ngăn che đã được dứt bỏ, là vi Chúa của mọi người, 13 Chúng tôi hiểu rằng từ câu 131-37 là lời giảng dạy của đức Phật Gotama. (ND)

là những ngọn đèn của thế gian có ánh sáng của vàng khối, hiển nhiên là những bậc xứng đáng được cúng dường ở thế gian, những vị Phật Độc Giác này được quý trọng vào mọi thời điểm. 136. Lời khéo được giảng dạy của chư Phật Độc Giác lưu truyền ở thế gian luôn cả chư thiên. Sau khi đã nghe được như thế, những kẻ ngu nào không hành theo, những kẻ ấy quẩn quanh trong những khổ đau lượt này đến lượt khác. 137. Lời khéo được giảng dạy của chư Phật Độc Giác tương tợ như mật ong đang nhỏ xuống từng giọt. Sau khi đã nghe được như thế, những ai gắn bó với sự thực hành, những người ấy [sẽ] trở thành những người thấy được chân lý5 có được trí tuệ?5 138. Sau khi đã ra đi [đạt được quả vị Giác ngộ], những kệ ngôn cao thượng đã được chư Phật Độc Giác là các đấng Chiến Thắng nói lên, những kệ ngôn ấy đã được đấng Sư Tử dòng Sakyā, bậc Tối Thượng Nhân giảng giải vì mục đích của việc nhận thức giáo pháp. 139. Vì lòng thương tưởng thế gian, đấng Sư Tử, bậc Tự Chủ [Gotama] đã thực hiện, đã giảng giải những kệ ngôn này của chư Phật Độc Giác ấy nhằm mục đích làm tăng trưởng sự chấn động tâm, sự không quyến luyến và sự khôn ngoan vượt bực [của các bậc thiện trí]. 4íKý sự về Phật Độc Giác^ được đầy dủ.

THÁNH NHÂN KÝ sự 19

C. TRƯỞNG LÃO KÝ sự (THERĀPADĀNAM) .

Giờ xin thỉnh các vi hãy lăng nghe ký sự vê các vị Trưởng lão: 1. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA (Sāríputtattherãpadãnam) 140. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Lambaka, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập. 141. ở không xa khu ẩn cư của tôi là con sông nhỏ có bờ nước lúp xúp, có bãi nước cạn xinh đẹp được trải lớp cát vô cùng trong sạch, làm thích ý. 142. Con sông nhỏ chảy qua tại nơi ấy, không có cát, không có hố sâu, [có nước] dịu ngọt, không có mùi khó chiu, điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 143. Tại nơi ấy có con sông nhỏ và có các con cá sấu kumbhĩla, cá lưỡi kiếm, cá sấu sumsumãra và các con rùa lớn vởn ở nơi này đang điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 144. Có các loại cá như là cá pāthīna, cá pāvusa, cá vaia, cá muñja, cá rohita, cá maggura đang vượt dòng nước, chúng điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 145. ở hai bên bờ của con sông có những giống cây được đơm hoa, kết trái đang trĩu xuống từ cả hai phía, chúng điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 146. Có các cây xoài, cây sãla, cây tilaka, cây pātalī, cây sinduvāraka tỏa ra hương thơm của cõi trời được nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi. 147. Có các cây campaka, cây salala, cây nīpa, cây nāgā, cây nguyệt quế, cây dứa hoang

tỏa ra hương thơm của cối trời được nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi. 148. Có các cây atimutta, cây asoka và cây bhaginimālā được nở rộ hoa, có các cây añkola và các cây imbijāla được nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi. 149. Có các cây dừa dại và luôn cả cây kandalī, các cây godhuka, các bụi cây tinasūlika tỏa ra hương thơm của cõi trời đang điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 150. Có nhiều cây kanikāra, cây kannika, cây asana và cây ajjuna tỏa ra hương thơm của cõi trời đang điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 151. Có các cây nguyệt quê, cây nguyệt quê núi, cây koviḷāra được nở rộ hoa, tỏa ra hương thơm của cõi trời đang điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 152. Có nhiều cây bã đậu, cây kutaja, cây kadamba, cây vakula tỏa ra hương thơm của cõi tròd đang diêm tô khu ân cư của tôi trở nên rực rỡ.

20 KINH TIỂU Bộ

153. Các cây aka, các cây isimugga, các cây chuối và các cây chanh được phát triển nhờ vào làn nước thơm, chúng trĩu những quả. 154. Một số sen hồng trổ hoa, một số khác đơm nhụy, một số khác nữa đã úa tàn; các đóa sen hồng luôn luôn được nở rộ ở trong hô nước. 155. Chen chúc với những lá cây siñghātaka, những đóa sen hồng đang tượng hình có những rễ sen đang cắm xuống luôn luôn rực rỡ ở trong hồ nước. 156. Được đem lại các cây ambagandhī, các cây uttâla, các cây bandhujīvaka tỏa ra hương thơm của cõi trời luôn luôn được nở rộ ở trong hồ nước. 157. Các loài cá pāthīna, cápâvusa, cá palaja, cá muñja5 cá rohita, cá añgula và cá mañgura nữa luôn luôn sông ở trong hồ nước. 158. Các con cá sấu loại kumbhīla, loại suinsumāra, loại cá tantigâha, các hạng quy sư, các loai răn và các loai mãng xa luôn luôn song ơ trong no nước. 159. Các chim bồ câu, các loài n^ỗng trời, ngỗng đỏ, các loài sống ở sông, các chim cu cu, chim két, chim sáo sông nương tựa vào hồ nước ấy. 160. Các loài chim kukutthakā, chim kulĩraka, chim pokkharasātakā ở rừng, chim le le và chim suvapota sống nương tựa vào hồ nước ấy. 161. Các chim thiên nga, chim cò, chim công, chim cu cu, gà rừng, chim pampaka và chim jīvamjīva sống nương tựa vào hồ nước ấy. 162. Nhiều loài chim [ở đất liền] như chim cú mèo, chim gõ kiến, chim kurara, chim diều hâu và chim mahākāla sống nương tựa vào hồ nước ấy. 163. Nhiều con huơu, heo rừng, chó sói, chó rừng, nai và loài thú suggapota sống nương tựa vào hồ nước ấy. 164. Các con sư tử, cọp, báo, gấu, chó sói, linh cẩu và các con voi mātañga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi sống nương tựa vào hồ nước ấy. 165. Các hạng Kim Si điểu luôn cả các loài khi, và cũng có những người thợ rừng, các người phục vụ, luôn cả các thợ săn sống nương tựa vào hô nước ấy. 166. ở không xa khu ẩn cư của tôi, có các cây tinduka, cây piyâla, cây cam thảo và cây kāsumārī thường xuyên trĩu những trái. 167. ở không xa khu ẩn cư của tôi,

THÁNH NHÂN KÝ sự 21

172. Khi ấy, tôi sống ở khu ẩn cư đáng yêu, khéo được xây dựng ở trong khu rừng được đơm hoa, được kết trái, được hội đủ tất cả các yếu tố như thế. 173. [Tôi] là vị đạo sĩ khổ hạnh tên Surucī có giới hạnh, thành tựu về phận sự, chứng thiền, luôn luôn thỏa thích về thiền, đã đạt được năng lực về năm thắng trí. 174. Hai mươi bốn ngàn học trò đã phục vụ tôi. Tất cả những vị này đều là Bà-la-môn, có dòng dõi [cao quý], có danh vọng. 175. Họ đã đạt đến sự toàn hảo về [khoa] tướng mạo, về truyền thống gồm cả văn tự và

nghi thức, về từ ngữ, về văn phạm và về giáo lý [của Bà-la-môn]. 176. Những người học trò của tôi là khéo được học tập, và rành rẽ về các hiện tượng thiên nhiên, về các điềm báo hiệu, về các tướng mạo, về địa lý, về trái đất và về không gian. 177. Là những người ít đòi hỏi, cẩn trọng, [thọ] chút ít vật thực, không tham lam, hài lòng với việc có hay không có, các vi này luôn luôn hầu cận tôi. 178. Là những bậc trí tuệ, chứng thiền, thỏa thích về thiền, có tâm thanh tịnh, được định tĩnh, không mong mỏi bất cứ điều gì9 các vị luôn luôn hầu cận tôi. 179. Là những bậc trí tuệ đã đạt được sự toàn hảo về các thắng trí, vui thích trong hành xứ của mình, có sự đi lại ở không trung, các vị luôn luôn hầu cận tôi. 180. Các vị ây là các bậc trí tuệ đã thu thúc ở sáu căn môn, không có dục vọng, có các giác quan được phòng hộ và không quyến luyến; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận. 181. Các vi ây trải qua đêm với việc ngôi xuông băng thê kiêt-già, với việc đứng và đi kinh hành; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận. 182. Các vi không ái luyến những gì cám dỗ, không nổi giận những gì khiêu khích, không mê muội những gì mê hoặc; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận. 183. Trong khi thử nghiệm, các vị ấy thường xuyên thể hiện phép thần thông, các vị ây làm rung chuyển trái đất; bằng sự đối nghịch khó mà tiêp cận. 184. Và trong khi giải trí, những người học trò ấy giải trí với trò chơi của thiền, các vị đem lại trái cây từ cây mận đỏ; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận. 185. Một số khác đi đến Tây Ngưu-hóa châu, một số khác đến Đông Thắnẹ-thần châu và một số khác đến Bắc Cu-lô châu, bằng sự tìm kiếm khó mà tiếp cận. 186. Các vị ây chuyên đi túi đô dung ở phía trước và tiên lên ngay ở phía sau, bầu trời bị che lấp bởi hai mươi bốn ngàn vị. 187. Một số vị dùng vật thực là trái cây đã rụng xuống, có vị nấu bằng lửa, có vị không dùng lửa [ăn sống], có vị dùng răng và cũng có vi dùng cối giã, có vị nghiền nát bằng đá.

22 KINH TIỂU BÔ

188. Một số vị ưa thích sự tẩy sạch [tội] bằng cách lội xuống nước sáng tối, một số vi thực hiện việc rải rắc nước [ở cơ thể]; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận. 189. [Một số vi] có lông ở nách và móng tay chân được để dài, có răng dính bựa, có đau vay bụi, được tẩm hương bang hương thơm của giới hạnh; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận. 190. Vào sáng sớm, các vị đạo sĩ tóc bện có khô hạnh cao tột sau khi tụ hội lại đã nói về sự thành công và thất bại, rồi ra đi ở trên không trung. 191. Trong khi những vị này ra đi, có tiêng động ôn ào phát ra bởi âm thanh của các tấm da dê khiến chư thiên được hoan hỷ. 192. Có sự di chuyên ở không trung, các vị ân sĩ ra đi phương này phương khác. Được nâng đỡ bởi năng lực của mình, các vị ấy ra đi theo như ước muốn. 193. Chính tất cả các vị di chuyển ở hư không này là những vị làm rung chuyển trái đất, có oai lực nổi bật, khó mà khuất phục, tợ như biển cả không bi xao động. 194. Một số vị ẩn sĩ có hạnh đứng và đi kinh hành, một số vị có hạnh ngồi, một số vị có vật thực đã được rơi xuống; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận. 195. Những vị này an tru tâm từ, tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh. Tất cả các vi ấy không ca ngợi về bản thân và không khinh miệt bất cứ ai. 196. Không bị hãi sợ như là sư tử chúa, có sức mạnh như là voi chúa, khó mà tiếp cận như là loài hổ, các vị đi đến gặp tôi. 197. Các thầy về pháp thuật, chư thiên, các loài rồng, càn-thát-bà9 và loài quỷ SÚT, các ác thần, những người khổng lồ, các loài nhân điểu sống nương tựa vào hồ nước ấy. 198.

Các vị ây mang búi tóc và túi vật dụng, có y choàng là tâm da dê, có sự di chuyển ở không trung; tất cả sống nương tựa vào hồ nước ấy. 199. Các vi này luôn luôn [có hành vi] đúng đắn, có sự kính trọng lẫn nhau. Trong số hai mươi bốn ngàn vị, tiếng động hỉ mũi không xảy ra. 200. Trong khi đặt xuống từng bước từng bước chân, các vị khéo thu thúc, ít có tiếng động. Sau khi đến gần, hết thảy tất cả đều đê đầu đảnh lễ tôi. 201. Được vây quanh bởi những người học trò thanh tinh và khổ hạnh ấy, tôi sống tại nơi ấy, ở khu ẩn cư, có thiền chứng, được thỏa thích về thiền. 202. Khu ẩn cư được tỏa hương với hương thơm trái cây của các cây cho quả và hai loại hương thơm giới hạnh của các vị ẩn sĩ và hương thơm của các bông hoa. 203. Tôi không biết đến ngày và đêm, sự thù hận ở tôi không được biết đến. Trong khi giáo huấn những người học trò của mình, tôi đạt được niềm vui dào dạt.

THÁNH NHÂN KÝ sự 23

204. Trong khi các bông hoa đang trổ hoa và những trái cây đang kết trái, các hương thơm của cõi trời tỏa ra điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 205. Khi ây, là người có nhiệt tâm, cân trọng, sau khi xuất khỏi định, tôi đã câm lây túi vật đụng roi đi sâu vào rừng. 206. Khi ấy, tôi đã khéo được học tập về các hiện tướng và luôn cả về giấc mơ đã được khởi lên? tôi duy trì câu chú thuật đang được hiện hành. 207. Đức Thế Tôn Anomadassĩ, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Toàn Giác có ước muôn độc cư nên đã đi đên núi Hy-mã-lạp. 208. Sau khi đã đi sâu vào núi Hy-mã-lạp, đấng Bi Mần Cao Cả, bậc Hiền Trí, đấng Tối Thượng Nhân đã xếp chân thế kiết-già rồi ngồi xuống. 209. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác có vẻ ngời sáng làm thích ý, tợ như bông hoa súng được tỏa sáng, tợ như ngọn lửa tê thân được cháy rực. 210. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian tợ như cây đèn đang chiếu sáng, như là tia chớp ở bầu trời, tợ như cây sâla chúa đã được trổ hoa. 211. Bậc Cao Quý này là đấng Đại Hùng, vị Đoạn Tận Khổ Bau, bậc Hiền Trí. Do việc nhìn thấy Ngài, toàn bộ khổ đau được phóng thích. 212. Sau khi nhìn thấy vi Trời Của Chư Thiên, tôi đã suy xét về tướng mạo: "Là đức Phật hay không phải là đức Phật? Vậy ta hãy quan sát bậc Hữu Nhãn?5 213. Những bánh xe có ngàn căm được nhìn thấy ở lòng bàn chân cao quý. Sau khi nhìn thấy những tướng mạo của Ngài, tôi đã đi đến quyết định [Ngài là] đức Như Lai. 214. Khi ấy, tôi đã cầm lấy chiếc chổi và quét dọn. Rồi tôi đã tự mình mang lại những đóa hoa và cúng dường đến đức Phật tối thượng. 215. Sau khi đã cúng dường đến bậc Toàn Giác, vị đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai rồi lễ bái đấng Lãnh Đạo Thế Gian [và đã nói rằng]: 216. "Đấng Toàn Giác, bậc Không Còn Lậu Hoặc đã an trú với trí tuệ nào, tôi sẽ tán dương trí tuệ ấy. Xin các người hãy lắng nghe tôi nói. 217. Bạch đấng Tự Chủ có sự tấn hóa vô lượng, xin Ngài hãy tiếp độ thế gian này. Sau khi đi đên nhìn thây Ngài, những người ây vượt qua dòng nước nghi hoặc. 218. Bạch đấng Tối Thượng Của Loài Người, Ngài là bậc Thầy, là cờ hiệu, là biểu tượng, là mục đích tối cao, là nơi nương tựa, là sự nâng đỡ và là ngọn đèn của chúng sanh. 219. Bạch đấng Toàn Tri, có thể đo lường nước ở biển cả bằng vật chứa, nhưng không thể nào đo lường trí tuệ của Ngài. 220. Bạch đấng Toàn Tri, có thể nắm lấy trái đất đặt vào đĩa cân, nhưng không thể nào nắm lấy trí tuệ của Ngài.

221. Bạch đấng Toàn Tri, có thể đo đạc bầu trời bằng sợi dây thừng hoặc bằng ngón tay, nhimg không thể nào đo lường trí tuệ của Ngài. 222. [Trí tuệ của đức Phật] vượt hẳn nước trong đại dương và đất liền rắn rỏi. So sánh với trí tuệ của đức Phật không gì được xem là tương đương. 223. Bạch đấng Hữu Nhãn, ở thế gian luôn cả chư thiên, những ai có tâm [được] vận hành, họ đều đi vào trong màng lưới trí tuệ của Ngài. 224. Bạch đấng Toàn Tri, bằng trí tuệ nào Ngài [đã] chứng đạt sự Giác ngộ tối thượng toàn vẹn thì bằng trí tuệ ấy Ngài [đã] chế ngự các ngoại đạo khác/9 225. Sau khi ngợi ca bằng các câu kệ này, vị đạo sĩ khổ hạnh tên Surucĩ ấy đã trải ra tâm da dê ở trên mặt đất roi ngôi xuông. 226. Được truyền tụng rằng ngọn núi chúa [Nem] đã chìm sâu vào trong đại dương tám mươi bôn ngàn [do-tuân] và đã vươn cao cũng với khoảng cách như thế. 227. Ngọn núi Neru ây đã vươn cao đên chừng ây vê chiêu dài và chiêu rộng. Nó đã bi nghiền nát thành trăm ngàn koíi mảnh vụn nhỏ. 228. "Bạch đang Toàn Tri, trong khi được xép thành từng nhóm một trăm ngàn những mảnh vụn nhỏ ây đã đi đên sự châm dứt, nhưng trí tuệ của Ngài vân không thể nào đo lường được. 229. Nêu người nào rào quanh nước băng tâm lưới có lô nhỏ, thì bát cứ các chúng sanh ở trong nước đều có thể rơi vào trong tấm lưới. 230. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, những người nào là phàm phu ngoair đạo đang lao theo việc năm bát tà kiên đêu đã bị mê muội do sự vướng măc [vào mạng lưới tà kiên]. 231. Do trí tuệ trong sạch và tầm nhìn không bị che lấp của Ngài, những người đã đi vào trong mạng lưới không vượt hơn trí tuệ của NgAi." 232. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn Anomadassĩ, đấng Chiến Thắng có danh vọng lớn lao, sau khi xuất khỏi thiền đinh, đã quan sát phương hướng. 233-34. Vi Thinh văn của bậc Hiền Trí Anomadassĩ tên là Nisabha được tháp tùng bởi một trăm ngàn vị có tâm an tịnh như thế ấy, là các bậc Vô lậu, được trong sạch, có sáu thăng trí, có thiên chứng. Sau khi biêt được tâm của đức Phật, vị ấy đã đi đến gần đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 235. Tại nơi ấy, đứng ở trên không trung, các vị ấy đã đi nhiễu quanh, tay chắp lên lễ bái, rồi đã đáp xuống gần ben đưc Phật. 236. Đức Thế Tôn Anomadassĩ, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Chiến Thắng đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã để lộ nụ cười. 237. Vi thị giả của đấng Toàn Tri, bậc Đại Ẩn Sĩ, có tên là Varuna, sau khi đắp y một bên vai, đã hỏi đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng:

THÁNH NHÂN KÝ sự 25

238. "Bạch đức Thế Tôn, điều gì là nguyên nhân của việc nở nụ cười của bậc Đạo sư? Bởi vì chư Phật, không có nguyên nhân các Ngài không để lộ nụ cười.95 239. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã ngồi xuống ở giữa hội chúng và đã nói lên lời kệ này: 240. "Người nào đã cúng dường Ta bằng bông hoa và cũng đã ngợi ca trí tuệ [của Ta], Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói?5 241. Nhận biết lời nói của đức Phật, tất cả chư thiên đã tụ hội lại. Có ước muôn được nghe Chánh pháp, các vi ây đã đi đên gân đang Toàn Giác. 242. Chư thiên có đại thân lực ở tát cả các thê giới, các vị nào có ước muôn được nghe Chánh pháp, các vị ấy đã đi đến gần đấng Toàn Giác. 243. "Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, các binh lính và quân đội gồm bốn binh chủng sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là

quả báo của việc cúng dường đức Phật. 244. Sáu mươi ngàn nhạc cụ và những chiêc trông lớn được tô diêm sẽ thường xuyên phục vụ người này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 245. Mười sáu ngàn phụ nữ được trang điểm, được trang hoàng bằng các loại vải vóc nhiều màu sắc, có các bông tai bang ngọc trai và ngọc ma-ni. 246. Có lông mi cong, có nụ cười, có điệu bộ duyên dáng, có eo thon, các nàng sẽ thường xuyên vây quanh người này; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. - 247. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một trăm ngàn kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ở quốc độ một ngàn lần. 248. Và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc một ngàn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 249. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, người này sẽ đi đến bản thể nhân loại. Người nữ Bà-la-môn tên Sāriyā sẽ mang bào thai [vi này]. 250. Người nam này sẽ được biết đến với danh hiệu dòng họ của người mẹ, và sẽ có trí tuệ sắc bén với tên là Sāriputta. 251. Sau khi lìa bỏ tám mươi koti, người này sẽ xuất gia, không còn sở hữu gì. Trong khi tầm cầu vị thế an tịnh, người này sẽ lang thang ở trái đất. 252. Vô lượng kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian. 253. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống,14 được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ trở thành vị Thinh văn hàng đầu với tên là Sāriputta.

14 Orasotỉ urasi jāto = oraso nghĩa là được sanh ra từ ngực (ÁpA. 278). Lúc thuyết pháp, sự phát âm ở ngực đã được đốc Phật sử dụng đến. Do việc lắng nghe giáo pháp, các vị này sẽ thành tựu các đạo, quả nen được gọi là “sanh ra từ hg&c".

r 9 9

254. Được phát xuất tư núi Hy-m-lạp, con sông Bhāgīrathī này đô vê biên cả, làm thỏa mãn đại dương. 255. Tương tợ y như thế, vị Sāriputta này được tự tin vào ba bộ Vệ-đà? sẽ đạt đến sự toàn hảo về trí tuệ và sẽ làm thỏa ý các chúng sinh. 256. Bắt nguồn từ núi Hy-mã-lạp cho đến biển cả và đại dương, số lượng cát ở vào khoảng giữa ấy là vô số kể bằng cách tính đếm.15 257. Mặc dầu có thể tính toán toàn bộ số lượng cát ấy bằng cách tính đếm, nhưng sẽ không có mức tận cùng ở trí tuệ của Sāriputta. 258. Trong khi đang được tồn tại ở dạng hạt nhỏ, cát của dòng sông có thể bị cạn kiệt, nhtrng sẽ không có mức tận cùng ở trí tuệ của Sāriputta. 9 9 r 259. Các làn sóng của biên cả là không thê ước lượng băng cách tính đêm, tương tợ y như thế, sẽ không có điểm tận cùng về trí tuệ của Sāriputta. 260. Người này sẽ làm hài lòng đàng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā, sẽ đi đến sự toàn hảo về trí tuệ và sẽ trở thành vị Thinh văn hàng đầu. 261. Trong khi làm đổ những cơn mưa giáo pháp, người này sẽ tiếp tục vận hành đúng đan bánh xe pháp đã được chuyên vận bởi người con trai dòng Sakyā như thế ấy. 262. Sau khi biết rõ tất cả điều này, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā sẽ ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và sẽ thiết lập [người này] vào vi thế tối thang?9 263. Ôi, việc làm đã khéo được thực hiện bởi tôi đến bậc Đạo sư Anomadassĩ! Sau khi thê hiện sự tôn kính đên vị ây, tôi đã đạt đên sự toàn hảo về mọi phương diện. 264. Việc làm đã được thực hiện ở vô lượng kiêp [trước đây] đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của

mũi tên khéo được ban ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não [của tôi]. 265. Lúc bấy giờ, trong lúc tầm cầu pháp không tạo tác Niết-bàn là vi thế không bị lay chuyển, trong lúc xem xét tất cả các ngoại đạo, tôi đã luân hồi ở cõi hưu. 266. Cũng giống như người bi bệnh nên tìm kiếm phương linh dược, nên xem xét toàn bọ khu rừng nhằm thoát khỏi cơn bệnh. 267. Trong lúc tầm cầu pháp không tạo tác Niết-bàn là vi thế bất tử, tôi đã xuất gia vào đời tu ẩn sĩ liên tục năm trăm kiếp sống. 268. Tôi đã duy trì búi tóc bện, có y choàng là tấm da dê, tôi đã đạt đến sự toàn hảo của các thắng trí và đã đi đến thế giới Phạm thiên. 269. Ngoại trừ giáo pháp của đang Chiên Thăng, không có sự thanh tịnh ở ngoại giáo. Thật vậy, bát cứ chúng sanh nào có trí giác ngộ đều được trở nên thanh tịnh trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng. 270. Pháp [thanh tịnh] này là sự tạo thành do hành động của bản thân, pháp 15 Hằng hà sa số: Nhiều như cát sông Hằng.

này không là sự truyên tụng. Trong lúc tâm câu pháp không tạo tác, tôi đã lai vãng ben bãi toi te. 271. Giống như người tầm cầu lõi cây, sau khi đốn ngã cây chuối rồi chẻ hai, không thể tìm thấy lõi cây ở nơi ấy bởi vì cây chuối thì không có lõi. 272. Tương tợ y như thế, các ngoại đạo ở thế gian và số đônệ người với những tà kiến khác nhau là vắng bóng Niết-bàn, giống như cây chuôi thì không COr 1lõi. p!

273. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, tôi đã là thân quyến của Phạm thiên.16 Sau khi từ bỏ của cải lớn lao, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. (Dứt tụng phẩm thứ nhất).

274. Vị Bà-la-môn tên Safijaya là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, tôi song dưới sự hướng dẫn của vị ấy.17 275. Bạch đấng Đại Hùng, vị Bà-la-môn tên Assaji là Thinh văn của Ngài, khó mà tiếp cận, có oai lực noi bật, khi ấy [đang] đi khất thực. 276. Tôi đã nhìn thấy bậc Hiền trí ấy, có trí tuệ, được định tĩnh trong sự sáng suốt, có tâm thanh tịnh, là bậc Long tượng, tợ như đóa sen khéo được nở rộ. 277. Sau khi nhìn thấy vị anh hùng ưu tú, cao quy, khéo được rèn luyện, có tâm ý thanh tịnh, tâm của tôi đã khởi lên rằng: "Phai chăng vị này là A-la-hán? 278. Phải chăng con người đáng mến, biết cách xử trí, có dáng vóc lịch sự, khéo thu thúc, đã được rèn luyện trong sự rèn luyện tối thượng, là người nhìn thấy sự bất tử? 279. Hay là ta nên hỏi về mục đích tối thượng với tâm ý hớn hở? Được ta hỏi, vị ấy sẽ trả lời. Khi ấy, ta hãy hỏi tiếp." 280. Trong khi vi ấy đang đi khất thực, tôi đã đi ở phía sau chờ đợi cơ hội để hỏi về vị the bất tư. 281. Khi vị ấy đi đến giữa đường, tôi đã đi đến gần và đã hỏi rằng: "Thua vị Anh hùng, Ngài có dòng họ thế nào? Thưa Ngài, Ngài là học trò của vị nào?" 282. Được tôi hỏi, vị ấy tợ như con sư tử không bị hãi sợ đã trả lời rằng: uNày đạo hữu, đức Phật đã xuất hiện ở thể gian, tôi là học trò của Ngài ấy." 283. "Thua vị Đại Anh hùng, người nối dõi, bậc có danh vọng lớn lao, giáo pháp lời dạy của đức Phật của Ngài là như thế nào? Thưa Ngài, xin Ngài hãy thuyêt giảng tận tường cho tôi." 284. Được tôi hỏi, vi ấy đã thuyết giảng về toàn bộ đạo lộ thâm sâu vi tế, là pháp tiêu diệt mũi tên tham ái, có sự xua đi tất cả khổ đau [như vầy]: 285. "Các pháp nào có nguồn sanh khởi do nhân, đức Như Lai đã nói về nhân của chúng và về sự diệt tắt của chúng, bậc Đại Sa-môn đà có lời dạy như thế."

16 Nghĩa là đã sanh ra ở gia tộc Bà-la-môn (ÁpA. 230). 17 Xem thêm chi tiết về sự kiện này ở Luật tạng, Đại phẩm (chương I, tụng phẩm 4).

28 KINH TIỂU Bộ

286. Khi câu hỏi vừa được trả lời, tôi đây đã chứng đắc quả vị thứ nhất. Sau khi lắng nghe lời dạy của đấng Chiến Thắng, tôi đã trở nên không còn vấy bụi, không còn nhơ bân. 287. Sau khi lăng nghe lời nói của bậc Hiên trí, sau khi nhìn thây giáo pháp tối thượng, với Chánh pháp đã được thâm nhập tôi đã nói lên lời kệ ngôn này: 288. "Đây chính là giáo pháp, nếu chỉ bấy nhiêu thôi đã thấu triệt được Niết-bàn không sầu muộn, [là pháp] đã không được nhìn thấy, đã bị trôi qua trong hàng vạn kiếp sống." 289. Trong lúc tầm cầu giáo pháp, tôi đây đã lai vãng bến bãi tồi tệ. [Giờ đây] mục đích ấy của tôi đã được đạt đến, tôi không còn thời gian đê xao lãng. 290. Tôi đã được vi Assaji làm cho hoan hỷ. Sau khi đạt đến vị thế bất động, trong khi tìm kiếm người bạn, tôi đã đi đến khu ân cư. 291. Sau khi nhìn thấy tôi ngay tư đàng xa, bạn của tôi, là người khéo được học tập và được thành tựu bốn oai nghi, đã nói lên lời nói này: 292. "Bạn có khuôn mặt và ánh mắt an tịnh, dường như bản thể hiền trí đã được [bạn] nhìn thây. Phải chăng bạn đã chứng đác sự bát tử, Niêt-bàn, vị thê trường cửu? r A r 293. Dường như bạn [đã] đạt đên điêu xứng đáng với sự tót đẹp và đã được làm cho trở thành điềm dạm, tợ như con voi đã được chế ngự trong giai đoạn thuần hóa. Này người Bà-la-môn, phải chăng bạn được an tjnh?" 294. “Bt tử là sự xua đi mũi tên sầu muộn đã được tôi chứng đắc. Bạn cũng vậy, hãy chứng đắc điều ấy. Chúng ta hãy đi đến gặp đức Phát.' 295. Sau khi đáp lại răng: “Lành thay!", bạn của con là người khéo được học tập đã dùng tay nắm lấy tay con và đã đi đến gặp Ngài. 296. Bạch người con trai dòng Sakyā, cả hai chúng con cũng sẽ xuất gia trong sự chứng minh của Ngài. Sau khi đi đến giáo pháp của Ngài, chúng con sông không còn lậu hoặc. 297. Kolita là đứng đầu về thần thong, còn con có sự đạt đến bờ kia về trí tuệ. Chính cả hai chúng con đã hợp nhất làm rạng rỡ giáo pháp. 298. Có ước nguyện chưa được hoàn thành, con đã lai vãng bến bãi tồi tệ. Sau khi đi đến diện kiến Ngài, ước nguyện của con đã được tròn đủ. 299. Sau khi đã mọc vững vàng ở trên trái đất, các cây cối nở hoa lúc vào mùa. Chúng tỏa ra các hương thơm của cối trời và làm cho tất cả chúng sinh được vui lòng. 300. Bạch đấng Đại Hùng, bạch người con trai dòng Sakyā có danh vọng lớn lao, tương tợ như thế ấy, sau khi đã thiết lập ở trong giáo pháp của Ngài, con tầm cầu thời điểm để tro hoa. 301. Trong lúc tâm câu bông hoa giải thoát là việc ra khỏi sự luân hôi ở các cõi, với sự đạt được bông hoa giải thoát, con làm cho tất cả chúng sinh được vui lòng.

THÁNH NHÂN KÝ sự 29

302. Bạch đấng Hữu Nhãn, cho đến địa phận của chư Phật, không gì sánh băng tuệ của người con trai của Ngài, ngoại trừ bậc Hiên trí. 303. Được thuần phục trong sự thuần hóa tối thượng, những người học trò đã khéo được huấn luyện của Ngài và hội chúng đã khéo được học tập luôn luôn tháp tùng Ngài. 304. Là những bậc Trí tuệ, chứng thiền, thỏa thích về thiền, có tâm thanh tịnh, được định tĩnh, các bậc Hiền trí được thành tựu sự tốt đẹp về đạo đức luôn luôn tháp tùng Ngài. 305. Là những bậc Trí tuệ, ít đòi hỏi, cẩn trọng, [thọ] chút ít vật thực, không tham lam, hài lòng với việc có hay không có, các

vị luôn luôn tháp tùng Ngài. 306. Là những bậc Trí tuệ chuyên sống ở rừng, thông thạo pháp giũ bỏ (Đầu-đà)? chứng thiền, mặc y thô, thỏa thích sự độc cư, các vị luôn luôn tháp tùng Ngài. 307. Là những vị thực hành [bốn đạo] trú vào quả vị [A-la-hán], và những vi Hữu học có thành tựu quả vị? các vị tầm cầu mục đích tối thượng luôn luôn tháp tùng Ngài. 308. Các vị là bậc Nhập lưu không còn nhơ bẩn, các vị là bậc Nhất lai, các vị Bất lai và các vị A-la-hán luôn luôn tháp tùng Ngài. 309. Các bậc Thinh văn ấy, có nhiều vị được thiện xảo về các pháp thiết lập niệm, được thỏa thích trong việc tu tập các chi phần đưa đến giác ngộ, tất cả các vị luôn luôn tháp tùng Ngài. 310. Các vị được thiện xảo vê các nên tảng của thân thông, được thỏa thích trong việc tu tập định, được gắn bó vào chánh tinh tấn, luôn luôn tháp tùng Ngài. 311. Các vị có ba minh và sáu thắng trí, đã đi đến sự toàn hảo về thần thông, đã đạt được sự toàn hảo về tuệ, luôn luôn tháp tùng Ngài. 312. Bạch đấng Đại Hùng, các vị học trò như thế ấy của Ngài đã khéo được học tập, khó mà tiếp cận, có oai lực noi bật, luôn luôn tháp tùng Ngài. 313. Được tháp tùng bởi những người học trò thu thúc, nhiệt tình ấy, Ngài tợ như [con sư tử], vua của loài thú không bị hãi SỢT, tợ như [mặt trăng], vua của các vì sao chiếu sáng rực rỡ. 314. Sau khi đã mọc vững vàng ở trên trái đất, các loài thảo mộc phát triển. Chúng đạt được sự lớn mạnh và phô bày sự két trái. 315. Bạch người con trai dòng Sakyā có danh vọng lớn lao, Ngài là tương tợ trái đất. Sau khi thiết lập ở giáo pháp, các vị ấy đạt được quả vị bất tử. 316. Có các con sông Sindhu, luôn cả sông Sarassatī, sông Candabhāgikā, sông Gañgā, sông Yāmunā, luôn cả sông Sarabhū và sông Mahī. 317. Khi những con sông này trôi chảy và biển cả tiếp nhận, những con sông này từ bỏ tên gọi trước đây và chỉ được biết đến là "biển c*" mà thôi. 318. Tương tợ y như thế, bốn giai cấp này sau khi xuất gia trong sự chứng

minh của Ngài, các vị từ bỏ tên gọi trước đây và được biết đến là “con trai của đức Phát”. 319. Cũng giống như mặt trăng không bị vết nhơ trong lúc đang di chuyển ở bầu không gian thì vượt trội tất cả các quần thể tinh tú ở thế giới về ánh sáng. 320. Bạch đàng Đại Hùng, tương tợ y như thê, được tháp tùng bởi chư thiên và nhân loại, Ngài vượt lên trên tất cả các hạng này và chói sáng vào mọi lúc. 321. Được khởi lên từ dưới sâu, sóng không thể vượt qua được bờ biển. Tất cả các đợt sóng chạm đen bờ biển thì chúng tan tác trở thành bọt nước. 322. Tương tợ y như thế, các ngoại đạo ở trên thế gian và nhiều người với các quan diêm khác nhau có ý định nói vê giáo lý, bọn họ không vượt qua Ngài là bậ€ Hiền Trí. j 323. Và bạch đấng Hữu Nhãn, nếu họ gặp Ngài, xin Ngài hãy đáp lại. Sau khi đi đến gặp Ngài, những người ấy trở thành như là bọt nước. 324. Cũng giống như giống cây kumuda, cây mandãlaka và nhiều loài cây khác được sanh ra ở trong nước, chúng bị lấm nhơ bởi nước và bùn lầy. 325. Tương tợ y như thê, nhiêu chúng sanh được sanh ra lớn lên ở trên đời bị sầu khổ bởi tham ái, sân hận giống như cây kumuda ở bãi bùn vậy. 326. Cũng giống như đóa hoa sen là loài được sanh ra ở trong nước, lớn lên ở giữa làn nước, nó không bị lấm nhơ bởi nước, có tua nhị cũng được trong sạch. 327. Bạch đàng Đại Hùng, tương tợ y như thê, bậc Đại Hiên Trí được sanh ra ở trên thế gian, Ngài không bị lấm nhơ bởi thế gian như là đóa hoa sen không bị lấm nhơ bởi nước. 328. Cũng giông như nhiêu loài hoa mọc trong nước trô

hoa vào tháng Rammaka, chúng không vượt quá tháng ấy, khi ấy là thời điểm của việc trổ hoa. 329. Bạch người con trai dòng Sakyā, Ngài đã trổ hoa bằng sự giải thoát, tương tợ y như thế các vị ấy [cũng vậy]. Các học trò không vượt quá lời dạy như là đóa hoa sen, là loài được sanh ra ở trong nước [không trổ hoa trễ thời hạn]. 330. Cây sâla chúa khéo được trổ hoa tỏa ra hương thơm của cõi trời. Được vây quanh bởi những cây sâla khác, cây sâla chúa tỏa sáng. 331. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, Ngài đã trổ hoa bằng trí tuệ của vị Phật. Được tháp tùng bởi hội chúng Tỳ-khưu? Ngài tỏa sáng như là cây sâla chúa. 332. Cũng giống như núi Hy-mã-lạp bằng đá là nguồn dược liệu cho tất cả chúng sinh, là chốn cư ngụ của các loài rong, các a-tu-la và chư thiên. 333. Bạch đang Đại Hùng, tương tợ y như thê, Ngài ví như nguôn dược liệu cho tát cả chúng sinh. Các vị có được ba minh, sáu thăng trí và đã đi đến sự toàn hảo về thần thông [nhờ nương tựa vào Ngài]. 334. Bạch đang Đại Hùng, được Ngài chỉ dạy với lòng bi mân, các vị ây thỏa thích với sự thỏa thích trong giáo pháp, các vị sống theo lời dạy của Ngài.

THÁNH NHÂN KÝ sự 31

335. Giông như con sư tử, vua của loài thú, sau khi rời khỏi chô ngụ, nó quan sát bốn phương và rống lên ba lần. 336. Khi chúa của loài thú gầm thét, mọi thú vật đều kinh hoàng. Bởi vì nó có dòng dõi như thế, nó luôn luôn làm các loài thú run sợ. 337. Bạch đấng Đại Hùng, khi Ngài thuyết pháp thì trái đất rúng động, những ai có khả năng giác ngộ được giác ngộ, phe đảng của Ma vương run sợ. 338. Bạch đấng Đại Hiền Trí, khi Ngài thuyết pháp tất cả các ngoại đạo run sợ, tợ như bầy chim quạ bay tán loạn, như là các con thú run sợ đối với [sư tử] chúa của loài thú. 339. Những vị co đồ chúng ở trên thế gian được gọi là "các bậc thầy". Các vị ấy thuyết giảng đến đám đông học thuyết đã được tuần tự truyền thừa. 340. Bạch đấng Đại Hùng, tuy nhiên Ngài không là như vậy. Ngài thuyết giảng giáo pháp đến các chúng sinh sau khi đã tự thân giác ngộ về các chân lý và toàn bộ các pháp thuộc về giác ngộ. 341. Sau khi biết được tánh khí bộc lộ và tiềm ẩn về sự mạnh và yếu của các quyền, sau khi hiểu rõ về tính chất có hay không có khả năng, Ngài thuyết pháp tợ như là cơn mưa lớn [gào thét]. 342-43. Đám đông có các quan điểm khác nhau, trong khi đang suy xét, có thể ngồi đến tận cùng thế giới vũ try. Nhằm cắt đứt sự nghi hoặc ấy, bậc Hiền trí, vị thiện xảo về sự so sánh đối chiếu, sau khi biết được tâm của tất cả, Ngài cắt đứt sự nghi hoặc của chúng sinh ngay trong khi đang giảng giải về một câu hỏi. 344. Trái đất là được tràn đầy bởi chính các vi như là upatissa [Sāriputta]. Chính tất cả các vị ấy, tay chắp lên, đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 345. Trong khi ngợi ca đên trọn kiêp, họ đã ngợi ca vê những đức hạnh khác nhau. Họ đã không thể nào ước lượng được, các đấng Như Lai là vô lượng. 346. Giống như tôi đã ngợi ca đấng Chiến Thắng bằng sức mạnh của mình, trong khi ngợi ca đến một koti (mười triệu) kiếp, họ cũng đã ca ngợi y như vậy. 347. Nếu có vị thiên nhân hoặc người nào đó đã được học tập rành rẽ, có ý định đo lường [các đức hạnh ấy], vị ấy chỉ có thể gánh lấy nỗi phiền muộn mà thôi. 348. Bạch người con trai dòng Sakyā có danh vọng lớn lao, sau khi đã thiết lập ở trong giáo pháp của Ngài, sau khi đã đi đến sự toàn hảo về tuệ, con sống không có lậu hoặc. 349. Con hoàn toàn chế ngự các ngoại đạo, con vận hành giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Hôm nay con là vị Tướng quân Chánh pháp trong giáo pháp của người con trai dòng Sakyā. 350. Việc làm đã được thực hiện ở

vô lượng kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não [của tôi].

32 KINH TIỂU Bộ

351. Nếu người nào đó có thể mang vác vật nặng thường xuyên ở trên dầu, người ấy sẽ bị khổ sở bởi vật nặng, tương tợ y như thế, tôi phải gánh chịu các vật nặng. 352. Trong khi đang bị thiêu đốt bởi ba ngọn lửa, tôi đã luân hồi ở các cõi. Tôi đã chịu đựng gánh nặng của hữu giống như tôi đã phải nâng lên ngọn núi Neru. 353. Và gánh nặng đã được tôi đặt xuống, các hữu đã được tôi hủy diệt, mọi việc cần làm trong giáo pháp của người con trai dòng Sakyā đã được làm xong. 354. Cho đến địa phận của chư Phật, ngoại trừ bậc Cao Quý dòng Sakyā, tôi là đứng đầu về tuệ, người sánh bằng tôi không tìm thấy. 355. Được khéo thiện xảo về định, tôi đã đạt đến sự toàn hảo về thần thông. Và hôm nay, trong khi mong muốn, tôi có thể biến hóa thành ngàn người. 356. Bạch đang Đại Hiên Trí, Ngài đã thuyết giảng giáo pháp cho con. Con có được năng lực đối với sự an trú theo tuần tự, Diệt [thọ tưởng] định là nơi an nghỉ của con. 357. Thiên nhãn của con được thanh tịnh, con thiện xảo về đinh, được gắn bó vào chánh tinh tấn, được thỏa thích trong việc tu tập các chi phần đưa đến giác ngộ. 358. Bởi vì pháp gì vi Thinh văn cần phải đạt đến, toan bộ tất cả đã được tôi thực hiện. Ngoại trừ đấng Bảo Hộ Thế Gian, người sánh bằng tôi không tìm thấy. 359. Được thiện xảo về việc thể nhập đinh, có sự đạt được nhanh chóng đối với các thiền giải thoát, được thỏa thích trong việc tu tập các chi phần đưa đến giác ngộ, tôi đã đạt đến sự toàn hảo về các đức hạnh của vị Thinh văn. 360. Với đức hạnh tốt lành của vi Thinh văn, với trí giác ngộ, do sự tôn kính đối với bậc Tối Thượng Nhân, với đức tin, tâm [của tôi] luôn luôn được gắn liền ở các việc thực hành Phạm hạnh. 361. Như là con rắn có nọc độc đã được lấy di, như là trâu rừng có sừng đã bị cắt lìa, có sự ngã mạn kiêu ngạo đã được quăng bỏ, tôi đến gần hội chúng với sự vô cùng tôn kính. 362. Nếu trí tuệ của tôi có hình dạng thì trái đất không thể sánh bằng, điều này là quả báo của việc ngợi ca trí tuệ của đức Thế Tôn Anomadassī. 363. Tôi tiếp tục vận hành đúng đắn bánh xe pháp đã được chuyển vận bởi người con trai dòng Sakyā như thế ấy; điều này là quả báo của việc ngợi ca trí tuệ. 364. Vào bất cứ lúc nào và ở bất cứ nơi đâu, mong rằng kẻ có ước muốn xâu xa, biêng nhác, có sự tinh tân kém cỏi, ít học hỏi, có hành vi sai trái chớ đen gan toi. 365. Và mong rằng bậc nghe nhiều [học rộng], có sự sáng suốt, khéo được định tĩnh trong các giới, được gắn liền với sự tịnh lặng của tâm đứng [với tôi], dầu là [đứng] ơ trên đầu.

THÁNH NHÂN KÝ sự > 33

366. Tôi nói điều này với các vi là hết thảy chư Đại đức đã tụ hội lại nơi đây, các vị chớ có ước muốn xấu xa, hãy tự hài lòng [với vật có được], có thiền chứng, luôn luôn thỏa thích trong thiền. 367. Sau khi nhìn thấy vị Thinh văn tên Assaji ấy làn đầu tiên, tôi đã trở nên không còn vấy bụi, không còn nhơ bẩn; bậc Trí tuệ ấy là người thầy của tôi. 368. Nhờ vào tác động của điều ấy, giờ đây tôi đã trở thành vị Tướng quân Chánh pháp. Sau khi đạt đến sự toàn hảo về mọi phương diện, tôi sống không còn lậu hoặc. 369. Vị Thinh văn tên Assaji ấy đã là người thầy của tôi. Vị ấy cư ngụ ở phương nào, tôi thực hiện việc nằm quay đầu [hướng về phương ấy]. 370. Sau khi nhớ lại việc làm của tôi,

đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng. 371 . Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 372. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 373. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát [bốn đạo và bốn quả] và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sāriputta đã nói lên những lời kệ này như thể ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Sāriputtaṃ là phần thứ nhất

2. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAHÃMOGGALLÃNA (Mahãmoggallãnattherãpadãnam) 374. Đức Thế Tôn Anomadassĩ, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngiru đã cư ngụ tại núi Hy-mã-lạp, đứng đầu hội chúng chư thiên. 375. Lúc bấy giờ, tôi là Long vương có tên là Varuna. Tôi biến hóa thành dáng vóc theo như ước muốn. Tôi đã cư ngụ ở đại dương. 376. Sau khi giải tán đám tùy tùng, tôi đã tổ chức tấu nhạc. Khi ấy, tôi đã tháp tùng đấng Toàn Giác và đã bảo các long nữ ca hát. 377. Trong khi các nhạc cụ [của long cung] đang được tấu lên? chư thiên đã trinh tấu các nhạc cụ [của cõi trời]. Đức Phật cũng đã lắng nghe âm thanh của cả hai và đã tự mình nhận biết. 378. Sau khi thỉnh mời đấng Toàn Giác, tôi đã đi đến cung điện của mình. Sau khi cho sắp đặt chỗ ngồi, tôi đã thông báo về thời gian. 379. Trong lúc chiếu sáng tất cả các phương, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã đi đến cung điện của tôi, được tháp tùng bởi một ngàn bậc Vô lậu. 380. Vào lúc đấng Đại Hùng, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu

34 KINH TIÊU BÔ

cùng với hội chúng Tỳ-khưu đã ngồi xuống, khi ấy tôi đã làm toại ý các vị với cơm ăn và nước uống. 381. Đấng Đại Hùng, bậc Tự Chủ, nhân vật cao cả? sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khừu đã noi len những lơi kệ này: 382. "Người nào đã cung dường đến đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian và hội chúng, với sự tinh tín ấy ở trong tâm, người ấy sẽ đi đen the giới chư thiên. 383. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc bảy mươi bảy lần và sẽ ngự trị tám trăm quốc độ thuốc đất liền ở trái đất. 384. Người ấy sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm mươi lăm lần. Trong thời gian ấy, các của cải không thể ước lượng được sẽ sanh lên cho người ấy. 385. Vào vô lượng kiếp về sau này, có bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuât hiện ở thê gian. 386. Sau khi mệnh chung tư địa ngục, người ấy sẽ đi đến bản thể nhân loại, sẽ trở thành thân quyến của Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn] với tên là Kolita. 387. về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người ấy sẽ xuất gia và sẽ trở thành vi Thinh văn thứ nhì của đức Thế Ton Gotama. 388. Có sự ra sức tinh tấn, có tính khẳng quyết, đã đạt đến sự toàn hảo về thần thông, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, [người ấy] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoāc?9 389. Lệ thuộc vào bạn ác xấu, tôi đã chiu sự khống chế của ái dục. Với tâm ý toi bại, tôi đã giết chết người mẹ và cả người cha nữa. 390. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là địa ngục hay nhân loại, do bị liên đới đến ác nghiệp, tôi chết với đầu bị vỡ. 391. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Thậm chí ở đây, sự việc như thế cũng sẽ xảy ra vào thời điểm tử biệt của tôi. 392. Được gắn bó với sự cô tịch, được thỏa thích trong sự tu tập về định, sau khi biết toàn diện về

tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 393. Đã đạt đến sự toàn hảo về thần thông, [chỉ] bằng ngón chân cái tôi có the làm lay động ngay cả trái đất vô cùng sâu thẳm, dày đặc, khó có the hủy hoại. 394. Tôi không nhìn thấy bản ngã9 sự ngã mạn của tôi không được biết đến, tôi thể hiện tâm ton trọng đen các VỊ Sa-di. 395. về việc làm mà tôi đã khẳng định trước đây vô lượng kiếp, tôi đã thành tựu nền tảng ấy, tôi đã đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc. 396-98. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. (Các câu kệ 396, 397, 398 tương tợ như các câu ke 371, 372, 373). Đại đức Trưởng lão Mahãmoggallâna đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Mahāmoggallāna" là phần thứ nhì.

THÁNH NHÂN KÝ sự 35

3. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MAHÃKASSAPA (Mahãkassapattherãpaddnam) 399. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian Niết-bàn, tôi thể hiện sự cúng dường đến đức Thế Tôn Padumuttara, bậc Đạo Su, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. 400. Với tâm phấn chấn, dân chúng được vui mừng hoan hỷ. Trong khi mọi người sanh khởi tâm chấn động, niềm phỉ lạc đã khởi lên ở tôi. 401. Tôi đã đưa quyến thuộc bạn bè đến và đã nói lời nói này: “Đấng Đại Hùng đã viên tịch Niêt-bàn, giờ đây chúng ta hãy thực hiện sự cúng đường." 402. Sau khi đáp lại rãnậ "Lành thay! Chúng ta sẽ thực hiện sự tích lũy phước báu ở nơi đức Phật, đấng Bảo Hộ Thế Gian", bọn họ đã sanh khởi noi vui mừng còn hơn tôi nữa. 403. Họ đã thiết lập lễ đài khéo được thực hiện cao một trăm canh tay,18 trải dài một trăm năm mươi cánh tay là cung điện vươn cao đen tận bau trời. 404. Tại đó, sau khi thực hiện tòa lâu đài được tô điểm với những hàng cây thót nót, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín và đã cúng dường đến ngôi bảo tháp tối thượng. 405. Ngôi bảo tháp chiêu sáng bôn phương trông như là khôi lửa được phát cháy, như là cây sãla chúa đã được trô hoa, như là cầu vông ngũ sắc ở không trung. 406. Tại nơi ấy, sau khi đã làm cho tâm được tịnh tín, sau khi đã thực hiện nhiều việc tốt lành, sau khi nhớ lại nghiệp quá khứ, tôi đã sanh lên cối trời. 407. Tôi đã chú nguyện phương tiện di chuyển ở cõi trời là cỗ xe ngựa được

414. Cũng ở tại nơi ấy, cung điện dành cho tôi được vươn cao như là cầu vồng, có chiều dài là hai mươi bốn [do-tuần] và chiều rộng là mười hai [do-tuần]. 415. Thành phô tên là Rammaka có công chào và tường thành vững chãi, có chiều dài năm trăm [do-tuần] và chiều rộng là một nửa của chiều dài, được đông đúc bởi các đám dân chúng trông tợ như thành phố của các cõi trời. 416. Khi ấy thành phố là đông đúc giống như hai mươi lăm cây kim được bỏ chung vào trong hộp đựng kim, chúng va chạm lẫn nhau. 417. Cũng như thế ấy, thành phố của tôi tràn đầy những voi, ngựa, xe cộ? luôn luôn đông đúc với những con người; Rammaka là thành phố tuyệt vời. 418. Tại nơi ấy, tôi đã ăn, tôi đã uống và đã trở về lại bản thể thiên nhân. Vào kiêp sông cuôi cùng, tôi đã có được sự thành tựu vê dòng dõi. 419. Được sanh ra ở gia tộc Bà-la-môn có sự tích lũy nhiều châu ngọc, tôi cũng đã tò bỏ tám mươi koti vàng và tôi đã xuất gia. 420-22. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mahãkassapa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. íếKý sự về Trưởng

lão Mahãkassapa" là phần thứ ba.

4. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ANURUDDHA (Anuruddhattherāpadānani) 423. Tôi đã nhìn thấy đức Thế Tôn Sumedha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đang an tru vào hạnh độc cư. 424. Sau khi đi đến gặp bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha, tôi đã chắp tay lên và đã thỉnh cầu đức Phật tối thượng rằng: 425. "Bạch đấng Đại Hùng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, con sẽ dâng lên cây đèn đến Ngài, là vị đang tham thiền ở dưới cội cây, xin Ngài thương xót." 426. Bậc Trí Tuệ ẩy, đấng Tự Chủ cao quý trong số các vị đang thuyết giảng đã chấp nhận. Khi ấy, tôi đã khoan thủng các thân cây và đã gắn thiết bi vào. 427. Tôi đã dâng lên đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian một ngàn tim đèn. Sau khi đã cháy sáng bảy ngày, các cây đèn của tôi đã lụi tàn. 428. Do sự tinh tín ấy ở trong tâm và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã được sanh ra ở thiên cung. 429. s Được đạt đến bản thể thiên nhân, có cung điện đã được hóa hiện ra .(• A e cho tôi, nó chiêu sáng ra xung quanh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn. 430. Khi ấy, tôi đã chiếu sáng ở xung quanh một trăm do-tuần, tôi vượt trội tất cả chư thiên; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn. 431. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi ba kiếp,

THÁNH NHÂN KÝ sự 37

không người nào xem thường tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn. 432. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương hai mươi tám lần. Khi ấy, tôi nhìn thấy [xa khoảng cách] một do-tuần ở xung quanh vào ban ngày và ban đêm. 433. Tôi nhìn thấy một ngàn thế giới bằng trí tuệ trong giáo pháp của bậc Đạo sư, tôi đã đạt được thiên nhãn; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn. 434. Đang Toàn Giác tên Sumedha là ba mươi ngàn kiêp vê trước. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng cây đèn đến Ngài. 435-37. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Anuruddha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĔÍKý sự về Trưởng lão Anuruddha55 là phần thứ tư.

5. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PUNNA (Punnattherūpadānam) 438. Là vị giảng huấn, thông thạo về chu thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, tôi đã dẫn đầu các học trò đi đến gặp bậc Tối Thượng Nhân. 439. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đại Hiền Trí đã tán dương việc làm của tôi một cách ngan gọn. 440. Sau khi lắng nghe giáo pháp ấy5 tôi đã đảnh lễ bậc Đạo sư. Tôi đã chắp tay lên và đã ra đi, mặt hướng phía bên phải. 441. Sau khi lắng nghe một cách tóm tắt, tôi đã thuyết giảng một cách chi tiết. Sau khi lắng nghe lời giảng của tôi, tất cả những người học trò đều có tâm hoan hỷ. 442. Sau khi xua đi tà kiến của mình, họ đã khiến tâm được tịnh tín vào đức Phật. Tôi cũng thuyết giảng một cách tóm tắt, một cách chi tiết tương tợ y như thế. 443. Là người biết rõ đường hướng của Vi diệu pháp, thông thạo về các đề tài thuyết giảng, sau khi làm cho tất cả hiểu rõ, tôi sống không còn lậu hoặc. 444. Trước đây năm trăm kiêp, có bôn vị chúa tê ở bôn châu lục là những vị vô cùng nổi tiếng, được thành tựu bảy loại báu vật. 445. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Punna

Mantãniputta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. é6Ký sự về Trưởng lão Punna Mantãniputta^ là phần thứ năm.

38 KINH TIỂU BÔ

6. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UPẢLI (Upālittherāpadānam) 446. ở thành phố Hamsavatī, vị Bà-la-môn tên Sujātā có sự tích lũy tám mươi koti, có dồi dào tài sản và lúa gạo. 447. Là vi giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà? đã đạt đến sự toàn hảo về [khoa] tướng mạo, về truyền thống và về giáo lý [của Bà-la-môn]. 448. Khi ấy, các du sĩ ngoại đạo có một ngọn lửa, các Thinh văn của đức Phật Gotama, các vi lang thang và cả các đạo sĩ khô hạnh du hành ở trái đất. 449. Bọn họ cũng tháp tùng theo tôi [cho rằng]: "Vi Bà-la-môn nổi tiếng.^, Nhiều người tôn vinh tôi, tôi không tôn vinh bất cứ người nào. 450. Tôi không nhìn _ - xứng thấy bậc đáng sự tôn vinh, khi ấy tôi ngã mạn và ương ngạnh. Khi đang Chiên Thăng còn chưa xuất hiện thì không có từ ngữ “dức Phật/ 451. Bao ngày đêm trôi qua, đấng Lãnh Đạo Padumuttara, bậc Hữu Nhãn, sau khi xua đi tất cả tăm toi, đã xuất hiện ở the gian. 452. Vào lúc giáo pháp được phô biên rộng rãi, được biêt nhiêu và trở thành phổ thông, khi ấy đức Phật đã đi đến thành phố tên Hamsa. 453. Khi ấy, vì lợi ích của người cha, đức Phật, bậc Hữu Nhãn ấy đã thuyết giảng giáo pháp. Vào thời điểm ấy, đám đông ở xung quanh là một do-tuần. 454. Khi ây, được thỏa thuận trong sô mọi người, vị đạo sĩ khô hạnh tên Sunanda ấy đã che phủ hết thảy hội chúng của đức Phật bằng những bông hoa. 455. Và trong khi bậc Tối Thượng đang công bố bốn sự thật ở nơi mái che bang bông hoa, đã có sự lãnh hội giáo pháp của một trăm ngàn koti người. 456. Đức Phật đã đổ những cơn mưa giáo pháp trong bảy ngày đêm. Khi đạt đến ngày thứ tám, đấng Chiến Thắng đã tán dương vi Sunanda rằng: 457. "'Người này trong khi luân hồi ở cõi hữu, dầu ở thế giới chư thiên hay loài người, sẽ trở thành bậc ưu tú trong số tất cả và sẽ luân hồi ở các cõi. 458. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 459. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Pufana Mantniputta." 460. Lúc bấy giờ, trong khi làm cho tất cả dân chúng vui mừng, trong khi thị hiện năng lực của chính minh, bậc Toàn Giác đã tán dương đạo sĩ khổ hạnh Sunanda như thế. 46L Dân chúng chắp tay lễ bái vị đạo sĩ khổ hạnh Sunanda [nghĩ rằng]: “Sau khi thể hiện sự tôn kính đến đức Phật, vị ấy đã làm trong sạch cảnh giới tái sanh của bản thân.”

THÁNH NHÂN KÝ sự 39

462. Tại nơi ấy, sau khi lắng nghe lời nói của bậc Hiền trí, tôi đã có sự suy tư rằng: “Ta cũng sẽ thể hiện sự tôn kính giống như ta nhìn thấy vi Gotama.95 463. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã suy nghĩ về hành động của tôi

40 KINH TIỂU Bộ

480. "Người nào đã dâng lên tu viện dành cho hội chúng đã được xây dựng khéo léo đến đức Phật, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 481. Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, các binh lính và quân đội gồm bốn binh chủng sẽ thường

xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo về [sự dâng cúng] tu viện dành cho hội chúng. 482. Sáu mươi ngàn nhạc cụ và những chiêc trông lớn được tô diêm sẽ thường xuyên tháp tùng người này; điều này là quả báo về [sự dâng cúng] tu viện dành cho hội chúng. 9 \

483. Tám mươi sáu ngàn phụ nữ được trang diêm, được trang hoàng băng các loại vải vóc nhiều màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni. 484. Có lông mi cong, có nụ cười, có điệu bộ duyên dáng, có eo thon, các nàng sẽ thường xuyên vây quanh người này; điêu này là quả báo về [sự dâng cúng] tu viện dành cho hội chúng. 485. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp, và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc một ngàn lần. 486. [Người này] sẽ thọ lãnh mọi thứ mà vị Thiên vương có thể đạt được, sẽ có của cải không bị thiếu hụt và sẽ cai quản thiên quốc. 487. [Người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ở quốc độ một ngàn lần. Vương quyền ở trái đất là bao la, không thể đo lường bang phương diện tính đếm. 488. Vào một trăm ngàn kiêp [vê sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 489. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Upāli. 490. Sau khi đạt được sự toàn hảo vê Luật và rành rẽ vê sự thành lập hay không thành lập [tội], trong lúc duy trì giáo pháp của đấng Chiến Thắng, [người này] sẽ sống không còn lậu hoặc. 491. Sau khi biết rõ mọi việc này, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya sẽ ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và sẽ thiết lập [người này] vào vi thế tối thang.95 492. Con ao ước về giáo pháp của Ngài đã là vô lượng [kiếp], [Giờ] con đã đạt mục đích ấy và có được sự đoạn tận tất cả mọi điều trói buộc. 493. Giống như khi bị buộc vào cọc nhọn, người đàn ông khiếp sợ hình phạt của đức vua, trong khi không tìm thấy sự thoải mái ở cọc nhọn thì mong mỏi chỉ mỗi sự phóng thích. 494. Bạch đang Đại Hùng, tương tợ y như thê, con khiêp sợ hình phạt của sự hiện hữu. Trong khi bị buộc vào cọc nhọn của nghiệp báo, con bi phiên muộn vì sự cảm thọ khát khao.

THÁNH NHÂN KÝ sự * 41

495. Bi thiêu đốt bởi ba ngọn lửa, con không thấy thoải mái ở hiện hữu. Cũng tợ như người bị hành phạt bởi đức vua, con tầm cầu sự giải thoát. 496. Giông như nẹười bị răn độc căn thì bị nọc độc hành hạ, người ây có thê tìm kiếm phương thuôc là cách thức làm cho tiêu tan nọc độc. 497. Trong khi tìm kiếm có thể nhìn thấy phương thuốc là vật làm tiêu tan nọc độc. Sau khi uống thuốc ấy, người ấy có thể có được sự an lạc do việc thoát khỏi nọc độc. 498. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, bị hành hạ bởi vô minh con đã tầm cầu phương thuốc Chánh pháp, giống như người đàn ông bị hãm hại bởi nọc độc [đã tìm phương thuốc giải độc]. 499. Trong khi tìm kiếm phương thuốc Giáo pháp, con đã nhìn thấy lời chỉ dạy của vi dòng Sakyā ấy là cao quý trong số tất cả các loại thuốc men, là sự nho lên tất cả các mui tên. 500. Sau khi uống vào phương thuốc Giáo pháp, con đã xóa sạch tất cả nọc độc, con đã chạm đến Niết-bàn, có trạng thái mát mẻ, không già không chết. 501. Giống như người bị ma quỷ khuấy rối, bị hành hạ bởi ma quỷ nhập vào thì có thể tìm thầy chữa bệnh ma quỷ nhằm thoát khỏi ma

quỷ. 502. Trong khi tìm kiếm có thể nhìn thấy vi rành rẽ các sự hiểu biết về ma quỷ. Vi ấy có thể diệt trừ ma quỷ cho người ấy và có thể làm cho tiêu tan tận gốc rễ. 503. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, con bị phiền muộn bởi sự xâm nhập của tăm tối, con tìm kiếm ánh sáng của trí tuệ nhằm sự giải thoát khỏi tăm tối. 504. Giờ con đã nhìn thấy bậc Hiền Trí dòng họ Sakyā có sự trong sạch đối với các điều tăm tối phiền não. Vị ấy đã xua đi sự tăm tối của con, tợ như người thầy chữa bệnh ma quỷ xua đi ma quỷ. 505. Con đã cắt đứt dòng chảy luân hồi, đã chặn đứng dòng nước tham ái, đã thủ tiêu tất cả hữu tận gốc rễ, tợ như vị thầy chữa bệnh ma quỷ. 506. Giốnậ như loài nhân điểu lao xuống con rắn là mồi của bản thân nó, nó khuấy động ho nước lớn ở xung quanh đến một trăm do-tuần. 507. Sau khi bát được con răn, con nhân điêu liên gây tôn thương phía dưới đầu [con rắn]. Sau khi tóm lấy [con rắn], nó ra đi đến nơi dự tính. 508. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, trong khi tầm cầu [Niết-bàn] không con tạo tác, con đã tay uê sạch sẽ các điêu xâu xa, cũng giong như con nhân điêu có sức mạnh [tìm kiêm con môi roi tiêu diệt]. 509. Con đã nhìn thây giáo pháp cao quý là đạo lộ an tịnh vô thượng, con đã nắm giữ điều này và an trú giống như con nhân điểu tóm lấy con rắn rồi mang đi. 510. Có loại dây leo tên là āsāvatī được sanh ra tại khu rừng Cittalatâvana [ở cõi trời Đạo-lợi]. Đoi với loại dây leo ấy, một ngàn năm nó sanh ra một trái.

511. Chư thiên gần gũi với loại dây leo ấy cho đến khi nó có trái sau thòd gian dài lâu. Loài dây leo thượng hạng āsāvatī ấy được chư thiên yêu quý như thế. 5X2. Con thân cận với bậc Hiền trí ấy đến một trăm ngàn [năm],20 con lễ bái sáng chiều như là chư thiên gần gũi với trái āsāvatī vậy. 513. Sự phục vụ không phải là không có kết quả và sự lễ bái không phải là rỗng không. Dầu con đang trải qua [luân hồi] dài lâu thăm thẳm, cơ hội [về sự xuất hiện cua đức Phật] đa không bo rơi con. 514. Trong khi xem xét các cõi, con không nhìn thấy sự tiếp nối tái sanh, không còn nền tảng tái sanh, đã hoàn toàn giải thoát, được an tịnh, con đi đó đây. 515. Bạch đấng Đại Hùng, cũng giống như đóa hoa sen nở rộ nhờ tia nắng mặt trời, tương tợ y như thế, con được thăng hoa nhờ vào hào quang của đức Phật. 516. Giống như trong việc sanh sản của loài hạc nâu, hạc nâu đực không bao giờ được biết đến, những con hạc nâu cái ấy luôn luôn được thụ thai trong khi những cơn mưa đang gào thét. 517. Những con hạc nâu cái ấy còn duy trì bào thai lâu dài đến chừng nào cơn mưa còn chưa đổ xuống. Khi cơn mưa đổ xuống, chúng được thoát khỏi gánh nặng. 518. Được gào thét bởi cơn mưa giáo pháp của đức Phật Padumuttara, con đã kết tụ bào thai giáo pháp nhờ vào âm thanh của cơn mưa giáo pháp. 519. Con mang theo bào thai phước báu đến một frăm ngàn [kiếp],21 con không được thoát khỏi gánh nặng [luân hồi] khi cơn mưa giáo pháp chưa gào thét. 520. Bạch đấng Hiền Trí của dòng họ Sakyā, khi nào Ngài gào thét với cơn mưa giáo pháp ở thành Kapilavatthu đáng yêu thì con được giải thoát khỏi gánh nặng [luân hoi]. 521. Con đã nhận thức về không tánh, về vô tướng, và cũng như thế về vô nguyện, về bốn quả vị và tất cả các pháp. (Dứt tụng phẩm thứ nhì).

522. Con ước nguyện về giáo pháp của Ngài đã là vô lượng [kiếp]. [Giờ] con đã đạt đến mục đích ấy và vị thế an tịnh vô thượng [Niết-bàn]. 523. Cũng giống như vị Ẩn sĩ [Tỳ-khưu] là bậc trì tụng, con đã đạt đến sự toàn hảo về Luật, không có vị nào sánh bằng với con, con duy trì giáo pháp. 524. về Luật [Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni], luôn cả Luật Hợp phần (Đại phẩm và Tiểu phẩm), theo cách chia làm ba phần và phàn thứ năm, ở đây con không có điều gì nghi ngờ về mẫu tự hay từ ngữ. 525. Con được rành rẽ vê việc khiên trách tội, vê việc sửa chữa tội, vê sự 20 Satasahassasamvaccharam (ÁpA. 281), Samvaccharam có ý nghĩa là unām,\ 21 Kappasatasahassam (Sđđ. 282), kappa có ý nghĩa là "kiếp".

thành lập hay không thành lập tội, về việc phục hồi [phẩm vi], về việc làm cho hết tội, con đã đạt đến sự toàn hảo về mọi lãnh vực. 526. Sau khi lấy ra một điều học ở Luật [Phân tích] thậm chí ở Luật Hợp phần, con có thể gỡ rối về cả hai bộ Luật và giải thích điều cốt lõi. 527. Con vô cùng thiện xảo về ngôn từ và rành rẽ về điều lợi ích hoặc không lợi ích. Không có điều [Luật] gì là con không biết đến, con là vi có sự chăm chú về giáo pháp của bậc Đạo sư. 528. Giờ đây trong thời điểm hiện tại, con xua đi tất cả mọi điều ngờ vực về giáo pháp của người con trai dòng Sakyā, con cắt đứt tất cả các điều nghi hoặc. 529. Con rành rẽ về cau cu? luôn cả phần phụ thuộc của câu cú, về mẫu tự, luôn cả từ ngữ, về nhập đề, về kết thúc, về tất cả các lãnh vực này. 530. Cũng giống như vi vua hùng mạnh có thể khống chế và gây khó khăn cho kẻ địch, sau khi toàn thắng cuộc chiến thì có thể kiến thiết thành phố ở tại nơi ấy. 531. [Đức vua] có thể cho xây dựng tường thành, luôn cả hào rãnh, trạm gác? cổng thành và nhiều vọng canh đủ các loại ở thành phố. 532. ở tại nơi ấy, [đức vua] có thể cho xây dựng ngã tư đường, bùng binh, khu phố chợ khéo được phân bố và phòng hội họp để quyết đinh điều hay lẽ thiệt. 533. Đức vua bổ nhiệm vị tướng lãnh quân đội với nhiệm vụ tiêu diệt những kẻ nghịch, để biết được thế yếu và thế mạnh nhằm bảo toàn binh lực. 534. Nhằm mục đích bảo quản phẩm vật, đức vua bổ nhiệm người nam thiện xảo trong việc cất giữ làm người thủ khố: uChớ làm thất thoát phẩm vật của tĩễm.” 535. Người nào tận tụy đối với đức vua và mong muốn ngài có được sự tiến triển, đức vua ban cho người ấy quyền phân xử để được trở thành cận thần của ngài. 536. Đức vua phong cho vị giảng huấn thông thạo về chú thuật, rành rẽ về các điềm báo hiệu và các hiện tượng đã được sanh khởi vào địa vị quân sư. 537. [Đức vua] hội đủ những yếu tổ này được gọi là uSát-đế-ly,\ [Quần thần] luôn bảo vệ đức vua tợ như con ngỗng đỏ luôn hộ trì kẻ bị khổ đau. 538. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ như thế ấy, Ngài được gọi là 'Tháp Vương" của thế gian luôn cả chư thiên, tợ như vị Sát-đế-lỵ có kẻ thù đã bị đánh bại. 539. Sau khi đánh bại các n^oại đạo và luôn cả Ma vương cùng với đội quân binh, sau khi hủy diệt sự tăm tôi ấy, Ngài đã xây dựng thành phố giáo pháp. 540. Bạch đấng Trí Tuệ, tại nơi ấy giới là tường thành, trí của Ngài là cổng thành, tín của Ngài là trạm gác, và sự thu thúc là người canh gác cổng. 541. Bạch đấng Hiền Trí, sự thiết lập niệm là vọng canh, tuệ của Ngài là

bùng binh, và nền tảng của thần thông là ngã tư đường; con đường giáo pháp đã ỉdiéo được xây dựng. 542. Toàn bộ Kinh, Vi diệu pháp và luôn cả Luật là lời dạy của đức Phật gồm có chín thể loại; đây là phòng hội họp về giáo pháp của Ngài. 543. Sự an tru không tánh, sự an tru vô tướng và sự an trú vô nguyện, [bốn quả vị Sa-môn] không bị lay chuyên và sự tịch diệt [Niêt-bàn]; đây là căn nhà giáo pháp của Ngài. 544. Vị có tên Sāriputta đã được chọn lựa là vị đứng đầu về tuệ, được rành rẽ về biện tài, là vị Tướng quân Chánh pháp của Ngài. 545. Bạch đấng Hiền Trí, vi tên Kolita được thiện xảo về sanh tử [thông], đã đạt đến sự toàn hảo về thần thông là viên quan te tự của Ngài. 546. Bạch đang Hiên Trí, vị duy trì truyên thông cô xưa [Mahākassapa] có oai lực nổi bật, khó mà tiếp cận, đứng đầu về đức hạnh trong việc giáo giới các pháp giũ bỏ, là viên quan phán xử của Ngài. 547. Bạch đấng Hiền Trí, vi tên Ānanda nghe nhiều [học rộng], nắm giữ giáo pháp, có sự trì tụng toàn bộ về lời chỉ dạy, là vị bảo vệ giáo pháp của Ngài. 548. Sau khi điểm qua tất cả các vị này, đức Thế Tôn đã cân nhắc đến tôi và đã ban cho tôi việc phân xử về Luật đã được bậc Thức Tri thuyết giảng. 549. Bất cứ vị Thinh văn nào của đức Phật hỏi câu hỏi về Luật, tôi không cần có sự suy nghĩ về câu hỏi ấy, tôi giảng giải đúng ngay ý nghĩa câu hỏi ấy. 550. Cho đến địa phận của chư Phật ngoại trừ bậc Đại Hiền Trí ấy, không ai sánh bằng tôi về Luật, làm sao sẽ có vị hơn được? 551. Sau khi ngôi xuông ở hội chúng Tỳ-khưu, đức Gotama khăng định như vầy: "Không có vi nào sánh bằng Upâli về Luật [Phân tích] và các bộ Hợpphầny 552. Cho đến giáo pháp của bậc Đạo sư có chín thể loại đã được đức Phật nói ra, đối với người nhận thức được "Luật là nền tảng" thì tất cả [giáo pháp] đều được bao gồm trong Luật. 553. Sau khi nhớ lại việc làm của tôi, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng. 554. Tôi đã ước nguyện về vi thế ấy từ trăm ngàn [kiếp], tôi đã đạt đến mục đích ấy, đã đạt đến sự toàn hảo về Luật. 555. Trước đây tôi đã là người thợ cạo râu tóc đem lại niềm vui cho các vị dòng Sakyā. Sau khi lìa bỏ sự xuất thân ấy, tôi đã trở thành người con trai của bậc Đại An Sĩ. 556. Trước đây hai kiếp, vi hộ trì trái đất là vị Sát-đế-lỵ tên Afijasa, có oai lực vô biên, có danh vọng vô lượng, có tài sản lớn lao. 557. Là người con trai của vị vua ấy, tôi là vị Sát-đế-lỵ tên Candana. Tôi đã ỷ lại vào sự kiêu hãnh về dòng dõi và sự kiêu hãnh về danh vọng và của cải.

THÁNH NHÂN KÝ sự 45

558. Một trăm ngàn con long tượng mātañga [đên tuôi] bị tiêt dục ở ba nơi, được tô điểm với tất cả các loại trang sức, luôn luôn hộ tống tôi. 559. Khi ấy, được tháp tùng bởi các binh lính của mình, là người có ý thích đi dạo khu vườn, tôi đã cỡi lên con voi Sirika và đã rời khỏi thành phố. 560. Đức Phật tên Devala22 đầy đủ tánh hạnh, có các căn được phòng hộ, khéo thu thúc đã đi đến phía trước tôi. 561. Khi ấy, tôi đã thúc con voi Sirika va đã công kích đức Phật. Do đó, con voi ấy đã nổi cơn giận dữ và không chịu nhấc bàn chân lên. 562. Sau khi nhìn thấy con voi có tâm ý bất bình, tôi đã thể hiện sự giận dữ đối với đức Phật. Sau khi gây khó khăn cho đức Phật, tôi đã đi đến khu vườn. 563. Tôi không tìm thấy sự thoải mái ở tại nơi ấy giống như cái đầu đã bị bốc cháy, tôi bi thiêu đốt vì sự bực bội tợ như con cá bị vướng vào lưỡi câu. 564. Việc xảy ra cho tôi tợ như trái đất bị rực cháy đến tận bờ biển, tôi đã đi đến gặp người cha và đã nói lời nói

này: 565. "'Việc con đã công kích đấng Tự Chủ tợ như con rắn độc bi nổi giận, tợ như khối lửa đã tiến đến, tợ như con voi có sự huấn luyện bị động cỡn. 566. Đức Phật, đấng Chiến Thắng có khổ hạnh nổi bật khủng khiếp, đã bị con công kích. Trước khi tất cả chúng ta bị tiêu diệt, chúng ta hãy xin bậc Hiền Trí ấy thư lỗi. 567. Ngài là vị có bản thân đã được rèn luyện được định tĩnh, nêu chúng ta không được vị ấy tha thứ thì xứ sở của con sẽ bị tiêu hoại trong vòng bảy ngày. 568. [Các vị Vua] Sumekhala, Kosiyā, Siggava và luôn cả Sattuko, sau khi công kích các vị Ẳn sĩ, họ cùng với cư dân của xứ sở đã lâm vào cảnh khổ đau. 569. Khi các vị Ẩn sĩ đã tự chế ngự, có sự thực hành Phạm hạnh, nổi cơn bực tức, các vị làm cho thế gian cùng với biển cả và núi non luôn cả chư thiên bihuyhoaiZ, ~ i 570. Tôi đã triệu tập các nam nhân trong phạm vi ba ngàn do-tuân5 và tôi đã đi đến gặp đấng Tự Chủ với ý định sám hối tội lỗi. 571. Hết thảy tất cả có y phục ướt dẫm, có đầu tóc ướt đẫm đã chắp tay lên. Sau khi quỳ xuống ở bàn chân của đức Phật, bọn họ đã nói lòd nói này: 572. "Bạch đang Đại Hùng, dân chúng câu xin Ngài, xin Ngài hãy tha thứ, xin Ngài hãy xua đi nỗi bực bội, xin Ngài chớ hủy hoại xứ sở của chúng t6i." 573. “Xin tất cả loài người và chư thiên cùng với hạng người khổng lồ và các quỷ dữ hãy đập bể đầu của con bằng cái chày vồ làm bằng sắt vào mọi luc?9 574. [Vị Phật đáp:] "Ngọn lửa không tồn tại ở nước, hạt giống không mọc lên ở tảng đá, sâu bọ không tồn tại ở thuốc men, sự giận dữ không nảy sanh ở đức Phật.

22 Mặc dầu văn bản ghi sambuddho nghĩa là Phật Toàn Giác, nhưng Chủ giải giải thích đây là paccekasambuddho nghĩa là Phật Độc Giác {ÁpA. 288).

575. Cũng giống như trái đất thì không lay chuyển, biển cả thì không thể đo lường và không gian thì vô tận, tương tợ như vậy, chư Phật là không dao động. 576. Các đấng Đại Hùng luôn nhẫn nại, các đạo sĩ khổ hạnh luôn thứ tha. Đối với các vi đã nhẫn nại đã thứ tha, việc đi đến sự bực bội là không c6.” 577. Nói xong điều này, trong khi xua đi sự bực bội, đức Phật khi ấy đã bay lên không trung ở phía trước đám đông dân chúng. 578. Bạch đấng Trí Tuệ, do nghiệp ấy con đã đi đến bản thể thấp kém. Sau khi tự vượt lên trên số phận ấy, con đã đi vào thành phố không hãi sợ [Niết-bàn]. 579. Bạch đấng Đại Hùng, cũng vào khi ấy con đã cầu xin đấng Tự Chủ thứ lỗi và vị ấy đã xua đi sự bực bội đang thiêu đốt con, đang tồn tại vững chắc ở con. 580. Bạch đấng Đại Hùng, hôm nay cũng vậy, trong khi con đang bị thiêu đốt bởi ba ngọn lửa, Ngài đã dập tắt ba ngọn lửa và giúp con đạt đến trạng thái mát mẻ. 581. Nếu các người có sự chú ý vào việc nghe thì hãy lắng nghe khi tôi đang nói. Tôi sẽ giảng giải ý nghĩa cho các người về việc tôi đã thấy được vi thế [Niết-bàn] như the nao. 582. Sau khi đã khinh miệt đấng Tự Chủ là vị có tâm an tinh, đinh tĩnh ấy, do nghiệp ấy ngày hôm nay tôi đã bị sanh ra vào dòng dõi thấp kém. 583. Các người chớ để cơ hội trôi qua bởi vì khi cơ hội đã trôi qua các người sẽ sầu muộn. Các người hãy nên tinh tấn cho lợi ích của chính minh, cơ hội sẽ xảy đến cho các người. 584. Và [giáo pháp] đối với một số người là sự ói mửa, đôi với một số người là sự tháo dạ, đối với số người là chất độc chết người và đối với một số người là phương thuốc. 585. Là sự ói mửa đối với những người dang thực hành, là sự xổ ruột đối với những người tiến đến quả vi, là phương thuốc đối với những người có

sự thành tựu quả vi, là phước điền đối với những người tàm cầu. 586. Chất độc chết người [tác hại] đối với những kẻ thù nghịch giáo pháp như thế nào thì con rắn độc có nọc độc tà kiến thiêu đốt người đàn ông ấy như vậy. 587. Được uống một lần, chất độc chết người chấm dứt mạng sống. Còn người khi đã thù nghịch với giáo pháp thì bi thiêu đốt một koti (mười triêu) kiếp. 588. Do sự nhẫn nại, do sự không hãm hại và do sự hành trì tâm từ ái, đức Phật giúp thế gian luôn cả chư thiên vượt qua, vì thế các người không nên thù nghịch. 589. Chư Phật tương đương với trái đất, các Ngài không bị vướng bận vào các sự được lợi hay mất lợi, vào sự kính trọng hay không kính trọng, vì thế các người không nên thù nghịch.

THÁNH NHÂN KÝ sự 47

590. Trong trường hợp kẻ phá hoại Devadatta, kẻ cướp Añgulimāla, con voi Dhanapāla và [người con trai] Rãhula, bậc Hiền Trí là bình đẳng đối với tất cả. 591. Các vi này không có sự bất bình, các vi này không biết đến sự luyến ái. Đức Phật là bình đẳng đối với tất cả, đối với kẻ phá hoại cũng như đối với người con ruột. 592. Sau khi nhìn thấy ở trên đường tấm y ca-sa bị quăn^ bỏ lấm lem bởi phân bò, nên chắp tay ở trên đầu đảnh lễ biểu tượng của bậc An Sĩ. 593. Chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai được thanh tịnh nhờ vào biểu tượng này, vì thế những vị này đáng được lễ bái. 594. Luật tốt đẹp được xem như là bậc Đạo sư, tôi duy trì Luật bằng trái tim. Trong khi tôn kính đối với Luật, tôi sẽ luôn luôn an trú. 595. Luật là khuynh hướng của tôi, Luật là chỗ đứng và là đường kinh hành [của tôi], tôi sắp xếp sự cư ngụ ở trong Luật, Luật là hành xứ của tôi. 596. Tôi đã đạt đến sự toàn hảo về Luật và cũng rành rẽ các pháp dàn xếp [về tranh tụng]. Bạch đấng Đại Hùng, Upãli đảnh lễ ở bàn chân của Ngài là bậc Đạo sư. 597. Trong khi lễ bái bậc Toàn Giác và bản chất tốt đẹp của giáo pháp, tôi đây sẽ du hành từ làng này đến làng khác, từ thành phố này đến thành phố khác. 598. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 599. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 600. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão upãli đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng ião Upãlf7 *9 là phần thứ sáu.

7. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AÑÑĀKONDAÑÑA (Aññākondañña ttherāpadānam) 601. [Đây là] lần đầu tiên tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Hướng Đạo, vị đã đạt đến nền tảng của bậc Giác Ngọ. 602. Cho đến tất cả dạ-xoa đã tụ hội lại ở cội cây Bồ-đề, họ vây quanh và chắp tay lên đảnh lễ bậc Toàn Giác. 603. Với tâm ý hớn hở, tất cả chư thiên ấy di chuyển đó đây ở trên không trung [nói rằng]: "Đức Phật này đã ngự đến, xua tan bóng đêm tăm t6i." 604. Được tràn ngập niềm vui, các vi ấy đã phát lên tiếng vang lớn rằng: "Chúng ta sẽ thiêu đốt các phiền não ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng GiWc."

605. Nhận biết giọng nói được thốt thành lời của chư thiên, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ tôi đã dâng cúng bữa ăn đầu tiên [đến đức Phật]. 606. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng ở Thế Gian đã ngồi xuống ở hội chúng chư thiên và đã nói lên những lời kệ này: 607. :Sau khi ra đi bảy ngày, Ta đã chứng đắc phẩm vị Giác ngộ. Đây là bữa ăn đầu tiên của Ta, là vật nuôi dưỡng cơ thể đối với việc hành Phạm hạnh. 608. Bởi vì người nào từ cõi trời Đẩu-suất đi đến nơi đây và đã dâng lên thức ăn cho Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 609. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc ba mươi ngàn kiếp. Sau khi vượt trội tất cả chư thiên, người ấy sẽ cư ngụ ở cõi trời. 610. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, người ấy sẽ đi đến bản thể nhân loại, là đấng Chuyển Luân Vương, cai quản quốc độ ở tại nơi ấy một ngàn lần. 611. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 612. Sau khi mệnh chung từ cõi trời, nẹười ấy sẽ đi đến bản thể nhân loại. Sau khi lìa gia đình xuất gia, người ấy sẽ song sáu năm [khổ hạnh]. 613. Sau đó, vào năm thứ bảy đức Phật sẽ thuyết giảng chân lý. Vị tên là Kondañña sẽ chứng ngộ đầu tiên.” 614. Tôi đa xuất gia theo [đức Bồ-tát] vi đã lìa khỏi [gia đình]. Sự tinh tấn đã được tôi thể hiện tót đẹp. Nhằm mục đích thiêu đốt các phiền não, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 615. Đấng Toàn Tri, đức Phật ở thế gian luôn cả chư thiên, đã ngự đến Isinâma tại Vườn Nai và đã vỗ len tiếng trống bát tử. 616. Bây giơ, toi đây đã đạt đến vi thế bất tử, thanh tịnh, vô thượng. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 617-19. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Aññākondaflña đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Aññākondañña99 là phần thứ bảy.

8. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PINDOLABHĀRADVĀJA (Pindolabhāradvājattherāpadānam)
620. Lúc bấy giờ, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Tự Chủ, nhân vật cao cả đã cư ngụ tại Cittakũta [đỉnh núi Citta] ở phía trước núi Hy-mã-lạp. 621. ở tại nơi ấy, tôi đã là [con sư tử] vua của loài thú có dáng vóc dũng mãnh đi khắp bốn phương. Nhiều người hoảng hốt sau khi nghe tiếng rống của nó.

THÁNH NHÂN KÝ sự 49

622. Sau khi cầm lấy đóa sen khéo được nở rộ, tôi đã đi đến gần đấng Nhân Ngưu và đã dâng đến đức Phật [khi Ngài] đã xuất khỏi đinh. 623. Sau khi lễ bái đức Phật tối thượng, bậc Tối Thượng Nhân tư bốn hướng, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín roi đã rống lên tiếng rống của loài sư tử. 624. Bậc Thông Suốt Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngôi xuống ở chô ngôi của mình và đã nói lên những lời kệ này: 625. Nhận biết giọng nói của đức Phật, tất cả chư thiên đã tụ hội lại [nói rằng]: uVi đứng đầu trong số các bậc thuyết giảng đã đi đến, chúng ta sẽ lắng nghe giáo pháp của Ngai." 626. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc Đại Hiền Trí có sự nhìn thấy tương lai xa vời, đã tán dương đức tin của tôi ở phía trước chư thiên đang được tràn ngập niềm vui ấy rằng: 627. "Người nào đã dâng cúng đóa hoa sen này và đã rống lên tiếng rống của loài sư tử, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 628. Vào kiếp thứ tám về sau này, người này sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại

báu vật, là chúa tể của bốn châu lục. 629. [Người này] sẽ là đấng Chuyển Luân Vương có sức mạnh vĩ đại tên Paduma, cai quản lãnh địa ở trên trái đất sáu mươi bốn lần. 630. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 631. Khi Phật ngôn được công bố, [người này] sẽ là thân quyến của Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. [Người này] sẽ lìa khỏi phẩm vị Bà-la-môn và sẽ xuất gia ngay khi ấy. 632. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh, [người này] sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc. 633. Tại chỗ ngụ hẻo lánh ở trong rừng đầy dẫy ác thú, [vi ấy] sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc." 634-36. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pindolabhāradvāja đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6<Ký sự về Trưởng lão Pindolabhāradvāj là phần thứ tám.

9. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KHADIRAVANIYA REVATA (Khadiravaniyarevatattherāpadānam) 637. Sông Gañgā có tên la Bhāgīrathī, được phát xuất từ núi Hy-mã-lạp. Tôi đã là người chèo thuyền ở bên tàu hiêm trở, và ở bờ này tôi chèo qua [bờ kia].

638. Tôi đã được nghe trước rằng đấng Lãnh Đạo Padumuttara sẽ vượt qua dòng sông cùng với một trăm ngàn vi có năng lực. 639. Sau khi gom lại nhiều chiếc thuyền, tôi đã thực hiện mái che được chuẩn bị khéo léo bởi những người thợ mộc ở trên [một] chiếc thuyền, rồi đã chờ đợi đấng Nhân Ngưu. 640. Và đấng Toàn Giác đã ngự đến và đã bước lên chiếc thuyền ấy. Đứng ở giữa [dòng] nước, bậc Đạo sư đã nói lên những lời kệ này: 641. "Người nào đã đưa bậc Toàn Giác và hội chúng Vô lậu sang bờ kia, do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, [người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên. 642. Sẽ có cung điện hình dạng chiếc thuyền được kiến tạo khéo léo sanh lên cho ngươi, sẽ có mái che bằng bông hoa được duy trì ở trên không vào mọi lúc. 643. Năm mươi tám kiếp về sau? [người này] sẽ là vị Sát-đế-lỵ tên Târaka, là đấng Chuyển Luân Vương, có sự chinh phục bốn phương. 644. Năm mươi bảy kiếp về sau, [người này] sẽ là vi Sát-đế-lỵ tên Campaka, có sức mạnh lớn lao và sẽ rực sáng như mặt trời đang mọc. 645. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkãka sẽ xuất hiện ở thế gian. 646. Sau khi mệnh chung từ cõi trời, người ây sẽ đi đên bản thê nhân loại và sẽ trở thành thân quyến của Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn] với tên là Revata. 647. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người này] sau khi lìa khỏi gia đình sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama. 648. Sau khi xuất gia, vị ấy sau này sẽ là vị hành minh sát có sự gắn bó mật thiết, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.9 649. Tôi có sự tinh tấn5 có khả năng tiến hành các phận sự là điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác* 650. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được ban ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não của tôi. 651. Sau đó, khi nhìn thấy tôi được vui thích ở rừng, bậc Hiền Trí, người đã đi đến tận cùng thế gian, đấng Đại Trí đã tuyên

bố tôi là vị đứng đầu trong số các vi Tỳ-khmi cư ngụ ở rừng. 652. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Khadiravaniya Revata đã nói lên những lời kệ này như thế ấy 6íKý sự về Trưởng lão Khadiravanỉya Revata" là phần thứ chín.

THÁNHNHÂNKÝSỰ^ 51

10. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ĀNANDA (Ānandattherāpadānam) 653. Sau khi đi ra khỏi cổng tu viện, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara, trong lúc đổ cơn mưa bất tử đã giúp cho đám đông dân chúng đạt đến Niết-bàn. 654. Một trăm ngàn vị Anh hùng ấy có sáu thắng trí, có đại thần lực, tháp tùng bậc Toàn Giác tợ như bóng không có sự xa lìa [hình], 655. Tôi đã ngồi trên mình voi [nắm giữ] chiếc lọng trắĩiệ cao quý tối thượng. Sau khi nhìn thấy hình dáng vô cùng lịch sự, tôi đã có niêm hạnh phúc sanh khởi. 656. Leo xuống từ mình voi, tôi đã đi đến gần bậc Nhân Ngưu. Tôi đã cầm lấy chiếc lọng làm bằng châu báu của tôi che cho đức Phật tối thượng. 657. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Đại Ẩn Sĩ Padumuttara đã ngimg lại cuộc thuyết giảng ấy và đã nói lên những lời kệ này: 658. "Người nào đã nắm giữ chiếc lọng được tô điểm các vật trang sức bằng vàng, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 659. Từ nơi này ra di, người nam này sẽ cư ngụ ở cõi trời Đẩu-suất và sẽ thọ hưởng sự thành đạt, được các tiên nữ trọng vọng. 660. [Người này] sẽ cai ạuản thiên quốc ba mươi bốn lần, sẽ là vị thống lãnh quân đội cư ngụ ở trái đất trong một trăm lẻ tám kiếp sống. 661. [Người này] sẽ trở thành đang Chuyên Luân Vương năm mươi tám lân và sẽ cai quản lãnh thổ vương quốc rộng bao la ở trên trái đất. 662. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian. 663. Có tên là Ānanda [người này] sẽ là thân bằng quyến thuộc, sẽ trở thành người thi giả của bậc Đại Ẩn sĩ, là biểu tượng của gia tộc dòng Sakyā. 664. [Người này] sẽ có sự nhiệt tâm và cẩn trọng nữa, được rành rẽ về nhiều chân lý, có hành vi khiêm nhường, không nhẫn tâm, có sự trì tụng toàn bộ. 665. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh, [người này] sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, sẽ Niết-bàn không còn lậu hoāc." 666. Các con voi sống ở rừng là loài voi mātañga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi, được sáu mươi tuổi, có các ngà như cán cày, là phương tiện di chuyển của đức vua. 667. Hàng trăm ngàn vi ây cũng là các bậc trí tuệ và có đại thân lực, tát cả các vị ấy là không sánh bằng đối với đức Phật, đấng Tượng Vương. 668. Tôi lễ bái vào canh đầu, vào canh giữa và vào canh cuối. Với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã phục vụ đức Phật tối thượng. 669. Tôi có sự nhiệt tâm và cân trọng nữa, có sự nhận biêt mình, có niệm [đây đủ]5 đã đạt đên quả vị Nhập lưu và rành rẽ vê các nên tảng của bậc Hữu học.

52 KINH TIỂU Bộ

670. Việc tôi đã khẳng định về hành động ở một trăm ngàn kiếp trước đây, tôi đã thành tựu nền tảng ấy, tôi đã được tồn tại, được bất động ở Chánh pháp. 671. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 672. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật vào

thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 673. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ānanda đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trường lão Ānanda" là phần thứ mười. Phần tóm lược Phật [Toàn Giác], Phật Độc Giác, vị Sāriputta, vị KoḶita, vị Kassapa, vị Anuruddha, vị Trưởng lão Purina, vi upāli, vị Aññāsikondañña, vị Pindola, vị Revata và bậc Trí tuệ Ānanda; toàn bộ sáu trăm năm mươi câu kệ đã được gộp chung lại. Phẩm Đức Phật là phẩm thứ nhất

THÁNH NHÂN KÝ sự 53

n. PHẨM SĪHĀSANADĀYAKA (SĪHĀSANADĀ^AKAVAGGO)

11. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĨHẢSANADẢYAKA (Sīhāsanadāyakattherāpadānam) 674. [Vào lúc ấy] đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Siddhartha đã Niết-bàn, Phật ngôn đã được lan rộng, giáo pháp đã được nhiều người hiểu biết. 675. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã thực hiện bảo tọa sư tử. Sau khi làm xong bảo tọa sư tử, tôi đã thực hiện ghe kê chân. 676. Và khi trời mưa ở bảo tọa sư tử, tôi đã xây dựng ngôi nhà ở tại nơi ấy. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã được sanh lên cõi trời Đẩu-suất. 677. Ngay lập tức đã có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi dài hai mươi bốn do-tuần, rộng mười bốn do-tuần. 678. Có một trăm ngàn thiếu nữ luôn luôn vây quanh tôi. Và có chiếc ghế bành làm bằng vàng đã khéo được hóa hiện ra ở tòa lâu đài. 679. Phương tiện di chuyên băng voi, phương tiện di chuyên băng ngựa, phương tiện di chuyển của cõi trời được sẵn sàng. Các tòa lâu đài và luôn cả các kiệu khiêng đều được sanh lên theo như ước muốn. 680. Có các chiếc ghế bành làm bằng ngọc ma-ni và nhiều chiếc khác làm bằng lõi gỗ, tất cả đều được sanh lên cho tôi; điều này là quả báo của bảo tọa sư tư. 681. Tôi bước lên những đôi giày làm băng vàng, làm băng bạc, làm băng pha lê và ngọc bích; điều này là quả báo của chiếc ghế kê chân. 682. Ke từ khi toi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 683. Trước đây bảy mươi ba kiếp, [tôi] đã có ba lần làm đấng Chuyển Luân Vuông l tên Inda. Trước đây bảy mươi hai kiếp, [tôi] đã có ba lần làm đấng Chuyên Luân Vương tên Sumanā. 684. Trước đây đúng bảy mươi kiếp, [tôi] đã có ba lần làm đấng Chuyển Luân Vương tên Varuna, được thành tựu bảy loại báu vật, ỉa chúa tể ở bốn châu lục. 685. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... đã thực hành lời dạy của đức Phật. 1 Câu kệ này và câu kế được ghi theo Chủ giải (ÁpA. 312).

54 KINH TIỂU Bộ

Đại đức Trưởng lão Sīhāsanadāyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão SThāsanadāyaka" là phần thứ nhất

12. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKATTHAMBHIKA (Ekatthambhikattherāpadānam) 686. Đức Thế Tôn Siddhartha đã có hội chúng cư sĩ đông đảo. Những người ấy đã đi đến nương nhờ vào đức Phật, họ đặt niềm tin vào đức Như Lai. 687. Tất cả đã tụ hội lại, bàn bạc, rồi xây dựng hội trường dành cho bậc Đạo sư. Không có được một cây cột trụ, họ tìm kiếm ở khu rừng bạt ngàn. 688. Khi ấy, tôi đã nhìn thấy bọn họ ở trong rừng và đã đi đến gần đám đông. Sau khi chắp tay lên, tôi đã hỏi đám đông. 689. Được tôi hỏi,

những người cư sĩ có giới hạnh ấy đã trả lời rằng: "Chúng tôi có ý định xây dựng hội trường nhưng không có được một cây cột trụ.” 690. “Xin các vị hãy giao cho tôi, tôi sẽ dâng đến bậc Đạo sư một cây cột trụ. Tôi sẽ mang cây cột trụ đến, các vị không phải bận tâm." 691. Họ đã xem xét cây cột trụ của tôi, và đã được tin tưởng với tâm ý hớn hở. Sau đó, họ đã quay trở lại và đã đi về nhà của mình. 692. Khi ấy, lúc đám đông cư sĩ ra đi không lâu, tôi đã dâng cúng cây cột trụ. Tôi đã ửở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã dựng đứng cây cột trụ trước tiên. 693. Do sự tinh tín ây ở trong tâm, tôi đã được sanh lên cõi trời. Có cung điện cao ráo dành cho tôi, được vươn cao một trăm tầng lầu. 694. Khi ấy, tôi luôn luôn được người hầu hạ trong lúc những chiếc trống lớn được vỗ vang. [Trước đây] năm mươi lăm kiếp, tôi đã là đức Vua Yasodhara. 695. ở tại nơi ấy, dành cho tôi cũng có cung điện được vươn cao một trăm tầng lầu, được kề cận nhà mái nhọn cao quý, và có một cây cột trụ thích ý. 696. [Trước đây] hai mươi mốt kiếp, [tôi đã là] vi Sát-đế-lỵ tên Udena, ở tại nơi ấy, cũng có cung điện được vươn cao một trăm tầng lầu dành cho tôi. 697. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi đều thọ hưởng mọi sự an lạc; điều này là quả báo của một cây cột trụ. 698. Ke từ khi tôi đã dâng cúng cây cột trụ trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của một cây cột trụ. 699. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekatthambhika3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Ekatthambhika" là phần thứ nhì.

2 Sīhāsanadāyaka nghĩa là dâng cúng bảo tọa (āsanā) sư tử (sīha), pháp tpa.” 3 Ekatthambhĩka nghĩa là Ế4vị liên quan đến một (ekā) cây cột trụ (thambhà)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 55

13. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NANDĀ (Nandattherāpadānam) 700. Tấm vải sợi lanh đã được tôi dâng cúng đến đức Thế Tôn Padumuttara, đấng Tự Chủ, bậc Đại Ẩn Sĩ, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. 701. Đức Phật tên Padumuttara đã chú nguyện đến tôi đây rằng: "Với sự dâng cúng tấm vải này, ngươi sẽ có được màu da vàng chói. 702. Được thúc đây bởi các nhân tô trong sạch, sau khi thọ hưởng hai sự thành tựu [trời và người], ngươi sẽ trở thành người em trai của đức Thế Tôn Gotama. 703. Là người say mê ái dục, thiên về khoái lạc, bám víu vào sự tham đắm trong các dục, khi ấy bị thúc đẩy bởi đức Phật, ngươi sẽ xuất gia. 704. Được thúc đây bởi nhân tô trong sạch, sau khi xuất gia ở tại nơi ây, ngươi sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc." 705. [Trước đây] một trăm ngàn kiếp đã có bốn vị [Chuyển Luân Vương] tên là Cela. [Trước đây] sáu mươi ngàn kiếp đã có bốn vị [Chuyển Luân Vương] tên là upacela. 706. [Trước đây] năm mươi ngàn kiếp đã có bổn vị [Chuyển Luân Vương] tên cũng là Cela, được thành tựu bảy loại báu vật, là chúa tể ở bốn châu lục. 707. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nandā4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Nandaw là phần thứ ba.

14. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CULLAPANTHAKA (Cuỉapanthakattherãpadãnam) 708. Lúc bấy giờ, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đã

tách lìa khỏi đám đông, và Ngài đã cư ngụ ở núi Hy-mã-lạp. 709. Khi ấy, tôi cũng sống ở khu ẩn cư tại núi Hy-mã-lạp. Khi đấng Anh Hùng ngự đến không bao lâu, tôi đã đi đến gặp đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 710. Tôi đã cầm lấy chiếc lọng che bằng bông hoa và đã đi đến gần đấng Nhân Ngưu. Trong lúc Ngài đang nhập định, tôi đã tạo ra sự khuấy rối. 711. Tôi đã nâng lên băng hai bàn tay và đã dâng lên chiêc lọng che băng bông hoa. Đức Thế Tôn, bậc Đại Hiền Tn Padumuttara đã thọ nhạn. 712. Tất cả chư thiên có tâm hoan hỷ, các vị ấy đi đến núi Hy-mã-lạp. Các vị đã thể hiện hành động tán thưởng [nói rằng]: uBậc Hữu Nhãn sẽ nói lời tùy hy.” 713. Nói xong điều này, chư thiên ấy đã đi đến gần bậc Tối Thượng Nhân trong lúc Ngài đang ở trên không trung cầm lấy chiêc lọng bằng hoa sen hồng thượng hạng của tôi. [Đức Phật đã nói rằng:]

4 Nandā là người em trai cùng cha (đức Vua Suddhodana) khác mẹ (con bà Mahāpajāpati Gotamī) của Thái tử Siddhartha (Sĩ-đạt-ta/ (ND)

56 KINH TIỂU BÔ

714. “Vj đạo sĩ khô hạnh đã nâng lên chiêc lọng có một trăm cánh sen và đã dâng cúng đên Ta, Ta sẽ tán dương người ây. Các người hãy lăng nghe Ta nói. 715. [Người áy] sẽ cai quản thiên quôc hai mươi lăm kiêp và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi bốn lần. 716. [Người ấy] luân hồi đến chốn nào, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, khi đang đứng ở bên ngoài trời thì sẽ có đóa hoa sen hồng che chở [cho vị ấy]. 717. Vào một trăm ngàn kiêp [vê sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkãka sẽ xuất hiện ở thế gian. 718. Khi Phật ngôn được công bố? [người ấy] sẽ đạt được bản thể nhân loại và sẽ trở thành vị giỏi nhất về [biến hóa] thân được tạo ra bởi ý. 719. Sẽ có hai người anh em trai. Cả hai đều có tên là Panthaka. Sau khi thọ hưởng mục đích tối thượng, cả hai sẽ làm sáng chói giáo pháp." 720. Được mười tám tuổi, tôi đây đã xuất gia vào đời sông không gia đình. Tôi không đạt được điều gì xuất sắc ở trong giáo pháp của người con trai dòng Sakyā. 721. Bản chất của tôi đã là đần độn, trước đây tôi đã bị khi dễ. Và người anh trai đã xua đuôi tôi răng: "Bây giờ ngươi hãy đi vê nhà của mình đi?5 722. Trong khi bị xua đuổi ở tại cổng ra vào của tu viện dành cho hội chúng, với tâm ý rầu rĩ tôi đây đã đứng tại nơi ấy với niềm ao ước về bản thể Sa-môn. 723. Đức Thế Tôn đã đi đến nơi ấy. Ngài đã xoa đầu tôi. Sau khi nắm lấy cánh tay của tôi, Ngài đã dẫn tôi đi vào tu viện dành cho hội chúng. 724. Với lòng thương tưởng, bậc Đạo sư đã đưa cho tôi miếng giẻ chùi chân [và nói rằng]: "Ngươi hãy chú nguyện cho được trong sạch như vầy theo một hướng đã được xác đinh đúng đắn.” 725. Sau khi câm lây vật ây băng hai tay, tôi đã nhớ lại đóa sen hông. Tại nơi ấy tâm của tôi đã được giải thoát, tôi đã đạt được phẩm vị A-la-hán. 726. Tôi đã đạt đên sự toàn hảo vê mọi phương diện trong việc [biên hóa] các thân được tạo ra bởi ý. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 727. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Cullapanthaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Cullapanthaka" là phần thứ tư.

15. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PILINDIVACCHA (Pilindivacchattherāpadānam) 728. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, nhân vật cao cả Sumedha đã Niếtbàĩi, với tâm tịnh tín, với ý

vui mừng, tôi đã thê hiện sự cúng dường đên ngôi bảo tháp.

THÁNH NHÂN KÝ sự 57

729. Và ở tại nơi áy, các vị nào là bậc lậu tận, có sáu thăng trí, có đại thân lực, tôi đã triệu tập các vị ấy lại ở tại nơi ấy và đã thực hiện bữa trai phạn đến hội chúng. 730. Lúc bấy giờ, vị thị giả của đức Thế Tôn Sumedha tên là Sumodha đã có mặt. Khi ấy, vi ấy đã nói lời tùy hỷ. 731. Do sự tịnh tín ây ở trong tâm, tôi đã sanh vê thiên cung. Tám mươi sáu ngàn tiên nữ đã cùng tôi vui sướng. 732. Các nàng ấy luôn luôn phục tòng chỉ mình tôi bằng mọi thứ dục lạc, tôi vượt trội các vị thiên nhân khác; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 733. Vào kiếp thứ hai mươi lăm, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ tên Varuna. Khi ấy, tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương có vật thực vô cùng tinh khiết. 734. Dân chúng không gieo hạt giống, cũng không theo sau lưỡi cày, họ thọ dụng gạo sāli này không phải cày, không phải nấu. 735. Sau khi trị vì vương quôc tại nơi ây, tôi đã đi đên bản thê thiên nhân lân nữa. Khi ấy, cũng giống như tôi, họ đã được tái sanh, có sự đầy đủ về của cải. 736. Tất cả sanh linh, là bạn hay không phải là bạn, đều không hãm hại tôi. Thậm chí tôi được tất cả yêu quý; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 737. Ke từ khi tôi đã cúng dường vật thí trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc thoa vật thơm [ở ngôi bảo tháp]. 738. ở vào kiếp Bhaddā này, tôi đã là vị thống lãnh dân chúng độc nhất, là đang Chuyên Luân Vương, có đại oai lực, có sức mạnh lớn lao. 739. Tôi đây đã an tru nhiêu người vào năm giới câm và còn giúp cho họ đạt đến nhàn cảnh nữa, tôi đã được chư thiên yêu quý. 740. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Piḷindivaccha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. Ế6Ký sự về Trưởng lão Piḷindivaccha95 là phần thứ năm.

16. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO RẢHULA (Rāhulattherāpadānam) 741. Tôi đã lắp đặt gương soi ở tòa lâu đài bảy tần^ của đức Thế Tôn Padumuttara, là bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như the ấy. 742. Được tùy tùng bởi một ngàn bậc vô lậu, bậc Đại Hiền Trí, đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Nhân Ngưu đã đi đến hương thất. 743. Trong lúc làm cho hương thất chiếu sáng, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu, bậc Đạo Sư đứng ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này: 744. uNhờ người nào chỗ ngụ này được chiếu sáng và gương soi đã khéo được lắp đặt, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

58 KINH TIỂU Bộ

745. Có các tấm gương làm bằng vàng, làm bằng bạc và làm bằng ngọc bích. Từ tấm gương sẽ hiện ra bất cứ những gì được yêu thích ở trong tâm. 746. Người ấy sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc sáu mươi bốn lần, và kế tiếp đó sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. 747. Vao kiếp thứ hai mươi mốt, [người ấy] sẽ là vị Sát-đế-lỵ tên Vimala, sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương, là người chinh phục bốn phương. 748. Có thành phô tên Renuvatī được xây dựng băng các viên gạch, được kiến trúc dạng hình vuông trải dài ba trăm do-tuần. 749. Có tòa lâu đài tên Sudassana được hóa hiện ra bởi vi Trời Vissakamma, có các nhà mái nhọn cao quý được điểm tô

bằng bảy loại châu báu. 750. Được nhộn nhịp với mười loại âm thanh, được đông đảo các nhà pháp thuật, [thành phô này] sẽ là tương tợ như thành phô Sudassana của chư thiên. 751. Ánh sáng của thành phố ấy phát ra ngay trong khi mặt trời đang mọc, và luôn luôn chiếu sáng thành phô ây tám do-tuân ở xung quanh. 752. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian. 753. Được thúc đây bởi nhân tô trong sạch, sau khi mệnh chung từ cõi trời Đẩu-suất, người ấy sẽ trở thành con trai của đức Thế Tôn Gotama. 754. Nêu sông tại gia, người ây có thê trở thành đang Chuyên Luân Vương. Việc con người như thế ấy đi đến sự vui sướng trong đời sống tại gia là không có cơ sở. 755. Sau khi lìa khỏi gia đình, người ây sẽ xuất gia, có sự hành trì tót dẹp, và sẽ trở thành VỊ A-la-hán với tên là Rahuía.” 756. Bạch đấng Đại Hiền Triết, giống như loài chim kikī bảo vệ trứng, giống như loài bò mộng bảo vệ cái đuôi, con là người cẩn trọng, được tròn đủ về giới, con đã hộ trì như vậy. 757. Sau khi hiểu được giáo pháp của Ngài, tôi đã sống vui sướng trong giáo pháp. Sau khi biết toàn diện ve tất cả các lậu hoặc, tôi song không còn lậu hoặc. 758. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Rãhula đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão R2hula” là phần thứ sáu.

17. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UPASENA (Upasenattherāpadānam) 759. Khi đức Thế Tôn Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã ngồi xuống ở sườn núi, tôi đã đi đến gần bậc Tối Thượng Nhan ấy. 760. Sau khi nhìn thấy bông hoa kanikāra đã được nở rộ, khi ấy tôi đã ngắt lìa ở cuống hoa. Sau khi tô diêm ở chiếc lọng che, tôi đã che ở phía bên trên của đức Phạt.

THÁNH NHÂN KÝ sự 59

761. Và tôi đã dâng lên vật thực gồm có cơm thượng hạng và thức ăn ngon. Tại nơi ấy, tôi đã chăm lo bữa ăn cho tám vị Sa-môn với đức Phật là vị thứ chín. 762-63. Đấng Đại Hùng; bậc Tự Chủ, nhân vật cao cả đã nói lời tùy hỷ rằng: "Do sự dâng cúng chiếc lọng che này và sự hiến tặng món cơm thượng hạng, do sự tinh tín ấy ở trong tâm, [người này] sẽ thọ hưởng sự thành công. [Người này] sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần. 764. Và [người này] sẽ trở thành đang Chuyên Luân Vương hai mươi mốt lần. Lãnh thổ vương quốc bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 765. Vào một trăm ngàn kiêp vê sau này, bậc Đạo Sư tên là Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 766. Trong khi giáo pháp đang chiếu sáng, [người này] sẽ đi đến bản thể nhân loại, sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Upasena.” 767. [Đây] là lần cuối cùng của tôi trong sự luân chuyển, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tôi duy trì thân mạng cuối cùng sau khi đã tiêu diệt Ma vương cùng với đạo quân binh. 768. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Upasena Vañgantaputta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ký sự về Trưởng lão Upasena Vahgantaputta” ỉa phần thứ bảy. (Dứt tụng phẩm thứ ba).

18. KÝ SựVỀ TRƯỞNG LÃO RATTHAPĀLA (Ratthapālattherāpadānam) 769. Con voi cao quý, có ngà như cán cày, là phương tiện di chuyển của đức vua đã được tôi dâng cúng đến đức Phật Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. 770. [Con voi] được rạng rỡ với chiếc lọng trắng, có các vật trang sức dành cho loài voi. Sau khi đã cho định giá toàn bộ vật ấy, tôi đã cho xây dựng tu viện dành cho hội chúng. 771. Tôi đã cho xây dựng năm mươi bốn ngàn tòa lâu đài và đã thực hiện bữa trai phạn lớn lao rồi đã dâng đến bậc Đại Ẩn SĒ 772. Bằng Đại Hùng, bậc Tự Chủ, nhân vật cao cả đã nói lời tùy hỷ. Trong lúc làm cho tất cả dân chúng được vui mừng, Ngài đã thuyết giảng ve đạo lộ bất tử. 773. Đức Phật tên Padumuttara đã chú nguyện về việc ấy cho tôi. Sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, Ngài đã nói lên những lời kệ này: 774. "Người này đã cho xây dựng năm mươi bốn ngàn tòa lâu đài, Ta sẽ thuyết giảng về quả thành tựu. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

60 KINH TIỂU BÔ

775. Mười tám ngàn ngôi nhà mái nhọn sẽ được hiện ra ở cung trời tối thượng [dành cho người này] và chúng được làm toàn bộ bằng vàng. 776. [Người này] sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc năm mươi lần và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm mươi tám lần. 777. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 778. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi mạng chung từ thế giới chư thiên, vị ấy sẽ lập tức được sanh lên ở gia tộc sang trọng, có của cải lớn lao. 779. về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, vị ấy sẽ xuất gia và sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, có tên là Ratthapāla. 780. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh, [người ấy] sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, sẽ Niết-bàn không con lạu 781. Tôi đã vươn dậy, đã ra đi, đã từ bỏ sự thành đạt về của cải; Của cải ví như bãi nước bọt, sự yêu thương đối với của cải không được tìm thấy ở nơi tôi. 782. Tôi có sự tinh tấn, có khả năng tiến hành các phận sự là điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác. 783. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ratthapāla đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trường lão Ratthapãla" là phần thứ tám.

19. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SOPĀKA (Sopākattherāpadānam) 784. Trong khi tôi đang dọn dẹp cái hang ở khu rừng tại ngọn núi cao nhất, đức Thế Tôn tên Siddhartha đa đi đến gặp toi. 785. Sau khi nhìn thấy đức Phật đã đi lại gần, tôi đã trải ra tấm thảm và đã dâng cúng chỗ ngồi làm bằng bông hoa đến bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. 786. Sau khi ngôi xuông ở chô ngôi làm băng bông hoa, và sau khi biêt được cảnh giới tái sanh của tôi, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Siddhartha đã thốt lên về tính chất vô thường rằng: 787. “Quả vậy, các pháp hữu vi là vô thường, có pháp sanh và diệt, sau khi sanh lên chúng hoại diệt, sự tịnh lặng của chúng là an lạc." 788. Sau khi nói điều ấy, đấng Toàn Tri, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời. 789. Sau khi từ bỏ tà kiến của minh, tôi đã tu tập tưởng về vô thường. Sau khi tu tập một ngày, tôi đã mệnh chung

ở tại nơi ấy.

THÁNH NHÂN KÝ sự 61

790. Được thúc đây bởi nhân tô trong sạch, tôi đã thọ hưởng hai sự thành tựu [trời và người]. Khi đạt đên cuộc sông cuôi cùng, tôi đã sanh vào dòng dõi hạ liệt. 791. Sau khi lìa khỏi gia đình, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 792. Có sự ra sức tinh tấn, có tính khẳng quyết, khéo được định tĩnh trong các giới, sau khi làm vui lòng bậc Long Tượng vĩ đại, tôi đã đạt được sự tu lên bậc trên. 793. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa. 794. Ke từ khi tôi đã tu tập tưởng [về vô thường] trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi đã đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc trong khi đang tu tập tưởng [về vô thường] ấy. 795. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sopâka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 44Ký sự về Trưởng lão Sopâka55 là phần thứ chín.

20. KÝ SựVÈ TRƯỞNG LÃO SUMAÑGALA (Sumañgalattherāpadānam) 796. Có ý định dâng tặng phẩm vật hiến cúng, tôi đã cho chuẩn bị vật thực. Trong khi chờ đợi các vị Bà-la-môn, tôi đã đứng ở khu vực bùng binh rộng lớn. 797. Và tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác Piyadassĩ có danh vọng lớn lao, bậc Hướng Đạo của toàn bộ thế gian, đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả. 798. Được tháp tùng bởi các vi Thinh văn, đức Thế Tôn có hào quang, tợ như mặt trời đang chói sáng, đang tiến bước ở trên đường lộ. 799. Sau khi chắp tay lên, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Tôi đã thỉnh mời dầu chỉ bằng tâm ý: "Mong sao bậc Đại Hiền Triết đi đến gn.” 800. Biết được ý định của tôi, đấng Đạo Sư, bậc Vô Thượng ở Thế Gian, cùng với một ngàn bậc lậu tận đã đi đen cửa nhà của tôi. 801. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Xin thỉnh Ngài bước lên tòa lâu đài và ngồi xuống ở bảo tọa sư tử." 802. Bậc Đã [Tự] Rèn Luyện co đoàn tùy tùng đã được rèn luyện, bậc Đã [Tự] Vượt Qua, bậc cao quý trong số các vị đang tiếp độ [chúng sanh] vượt qua sau khi bước lên tòa lâu đài đã ngồi xuống ở chỗ ngồi cao quý. 803. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng lên đức Phật vật thực mà tôi có được [và] đã được chuẩn bị ở trong căn nhà của chính mình. 804. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, sanh niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lễ bái đức Phật tối thượng, ôi, tính chất cao thượng của đức Phật!

62 KINH TIỂU Bộ

805. Trong sô tám hạng Thánh nhân tùy tùng đang thọ thực, có nhiêu bậc Vô lậu. Oai lực ấy là của chính Ngài, con đi đến nương tựa vào Ngài. 806. Và đức Thế Ton Piyadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khtru và đã nói lên những lời kệ này: 807. "Người nào đã chăm lo vật thực đến hội chúng có bản thể chính trực, định tĩnh, và [đến] đức Như Lai, bậc Toàn Giác. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 808. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc hai mươi bảy lần. Được hài lòng với việc làm của chính mình, người ấy sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên. 809. Và người ấy sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương mười tám lần, và sẽ ngự tri năm trăm

quốc độ thuộc đất liền ở trái dất." 810. Sau khi đã đi sâu vào trong khu vườn cây, khu rừng thưa, khu rừng rậm được lai vãng bởi loài cọp, và sau khi đã ra sức nô lực, các phiên não đã được thiêu đốt bởi tôi. 811. Kể từ khi toi đã dâng cúng vật thí trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bữa ăn. 812. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sumañgala đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6'Ký sự về Trưởng lão Sumahgala" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị có bảo tọa sư tử, vị có một cây cột trụ, vị Nandā, vi Cullapanthaka, vị PiḶinda, luôn cả vị Rāhula, vi Vañganta, vị Ratthapāla, vị Sopāka và luôn cả vị Mañgala là mười [ký sự] thuộc phẩm thứ nhì. Và ở đây, có một trăm ba mươi tám câu kệ đã được giảng giải. Phẩm Sīhāsanadāyaka là phẩm thứ nhì.

THÁNH NHÂN KÝ sự 63

m. PHẨM SUBHỦTI (SUBHŪTIVAGGO)

21. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUBHỦTI (Subhūtittherāpadānam) 813. ở không xa núi Hy-mlạp, có ngọn núi tên là Nisabha, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập. 814. Khi ấy, là vị đạo sĩ tóc bện có sự khổ hạnh cao tột tên là Kosiyā, tôi sống ở [ngọn núi] Nisabha mỗi một mình, không có người thứ hai. 815. Khi ấy, tôi không thọ dụng trái cây, rễ cây và lá cây [còn ở trên cây]. Trong khi ấy, tôi sống nhờ các lá cây úa vàng đã rụng. 816. Ngay cả trong khi đang buông bỏ mạng sống, tôi cũng không làm cho sự nuôi mạng bị hư hỏng. Tôi làm cho tâm của mình được hài lòng, tôi tránh xa sự tầm cầu sai trái [trong việc nuôi mạng]. 817. Mỗi khi tâm liên quan đến tham ái sanh khởi ở tôi, tôi tự mình quán sát. Khi được chăm chú, tôi đã thuần hóa tâm tham ái ấy rằng: 818. "Ngươi bị ái luyến ở điều quyến rũ, bị sân hận ở điều gây khó chịu và bị mê muội bởi điều làm cho mê mẩn; ngươi hãy tự mình thoát ra khỏi khu rừng. 819. Trú xứ này dành cho các đạo sĩ khổ hạnh đã được thanh tịnh, không còn nhơ nhuốc. Ngươi chớ làm hư hoại sự thanh tịnh, ngươi hãy tự mình thoát ra khỏi khu rừng. 820. [Nếu] trở thành người tại gia, ngươi sẽ luôn gánh chịu sự bị ràng buộc. Ngươi cũng chớ lầm lẫn về hai việc [xuất gia và tại gia], ngươi hãy tự mình thoát ra khỏi khu rừng. 821. Giống như loại củi gỗ thiêu xác chết không phải là vật để dùng cho công việc ở bất cứ nơi nào khác, dầu ở làng mạc hay rừng thẳm, bởi vì nó không r còn được xem là củi đót nữa. 822. Tợ như loại củi gỗ thiêu xác chết, ngươi không còn là người tại gia và cũng không phải là xuất gia. Hôm nay, ngươi là người không còn thuộc về cả hai hạng, ngươi hãy tự mình thoát ra khỏi khu rừng. 823. Nêu điêu này xảy ra cho ngươi thì ai nhận biêt điêu này ở ngươi? Nêu ngươi từ bỏ phận sự về đức tin thì sẽ có nhiều sự biếng nhác ở ngươi. 824. Các bậc tri thức sẽ ghét bỏ ngươi, giống như người dân thành phố chán ghét sự ô nhiễm. Các bậc ẩn sĩ sẽ xua đuổi và luôn quở trách ngươi.

64 KINH TIỂU Bộ

825. Các bậc tri thức sẽ phê phán ngươi đã vi phạm lời giáo huấn. Ngay trong khi không đạt được sự cộng tru, làm sao ngươi có thể sinh sống? 826. Con voi có sức mạnh đên gân và xua đuôi con voi là loài mātañga [đên tuổi] bị tiết dục ở ba nơi, được sáu mươi tuổi ra khỏi bầy. 827. Trong khi bị tách rời khỏi bầy, con voi không có được sự an ổn, thoải mái. Nó bị khổ sở, tâm rối loạn. Trong khi buồn bực, nó bị dao động. 828. Tương tợ như thê ây, các vị đạo sĩ tóc bện cũng sẽ xua đuôi ngươi là kẻ có tâm ý xấu xa. Trong khi bị tách rời khỏi các vi ấy, ngươi sẽ không đạt được sự an ổn, thoải mái. 829. Bị xâm nhập bởi mũi tên sầu muộn, ngươi bị thiêu đốt vì sự bực bội dầu là ban ngày hoặc ban đêm, tợ như con voi bi tách rời khỏi bầy. 830. Giống như vàng kim loại không bao giờ làm cho cái búa bị thiêu đốt ở bất cứ đâu; tương tợ như thế, với sự lìa bỏ giới, ngươi sẽ không làm cho [phiền não] được thiêu đốt ở bất cứ nơi nào. 831. Dâu cho đang sông ở tại gia, ngươi sẽ sinh sông cách nào? Tài sản thuộc về người mẹ cũng như thuộc về người cha để dành lại cho ngươi là không có. 832. Trong khi tự mình làm công việc khiến mồ hôi tuôn ra ở cơ thể, ngươi sẽ sinh sông ở tại gia như vậy. Tót đẹp thay là điêu ây không được ngươi ưa thích.” 833. Tại nơi ây, tôi ngăn chặn tâm có khuynh hướng bị ô nhiêm theo cách như thế. Sau khi thực hiện lời giảng giải với nhiều pháp khác nhau, tôi đã ngăn chặn được các suy nghĩ xấu xa. 834. Như thế, trong khi tôi đang an trú với sự an tru vào sự không xao lãng, ba mươi ngàn năm đã trôi qua khi tôi ở trong khu rừng. 835. Sau khi nhìn thấy [tôi là] người tầm cầu mục đích tối thượng được thỏa thích với sự không xao lãng, bậc Toàn Giác Padumuttara đã đi đến gặp tôi. 836. Là bậc vô lượng, không người tương đương, có hào quang màu [vàng chói] của trái cây timbarũsaka, không ai sánh băng vê dáng vóc, khi ây đức Phật đã đi kinh hành ở không trung. 837. Tợ như cây sâla chúa đã được trổ hoa, tợ như tia chớp ở khoảng giữa đám mây trên bầu trời, đức Phật không ai sánh bằng về trí tuệ khi ấy đã đi kinh hành ở không trung. 838. Tợ như con sư tử chúa không bị hãi sợ, tợ như con voi chúa kiêu hãnh, tợ như con cọp chúa chói sáng, [đức Phật] khi ấy đã đi kinh hành ở không trung. 839. Có hào quang màu vàng chói của đồng tiền vàng, giống như than hồng của gỗ khadira, như là viên ngọc ma-ni như ý, [đức Phật] khi ấy đã đi kinh hành ở không trung.

THÁNH NHÂN KÝ sự 65

840. Với ánh sáng tinh khiết của ngọn núi Kelãsa, tợ như mặt trăng vào ngày rằm, tợ như mặt trời ở chính ngọ, [đức Phật] khi ấy đã đi kinh hành ở không trung. 841. Sau khi nhìn thấy Ngài đang đi kinh hành ở không trung, khi ấy tôi đã suy nghĩ như vầy: "Phải chăng chúng sanh này là thiên nhân, hay đây là loài ngươi? 842. Con người như thế này ở trên trái đất thì ta chưa từng được nghe hoặc được thấy. Cũng có lời chú thuật [về tướng mạo], người này sẽ là bậc Đạo SU." 843. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Khi ấy tôi đã gom lại nhiều loại bông hoa và vật thơm. 844. Sau khi chuẩn bị chỗ ngồi bằng bông hoa, tôi đã nói với bậc có tâm ý tốt đẹp, làm thích ý, vị đứng đầu trong số các bậc Điều Phục Nhân lời nói này: 845. "Bạch đấng Đại Hùng, chỗ ngồi này đã được con chuẩn bị là thích hợp đối với Ngài. Trong khi làm cho tâm của con được vui vẻ? xin Ngài hãy ngồi xuống ở chỗ ngồi bằng bông hoa." 846. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở nơi ấy, tợ như con sư tử không bị hãi sợ. Đức Phật đã ngồi

ở chỗ ngồi bằng bông hoa quý cao trong bảy ngày đêm. 847. Trong khi lễ bái [Ngài], tôi đã đứng bảy ngày đêm. Bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng ở Thế Gian đã xuất khỏi thiền định. 848. Trong khi tán dương việc làm của tôi, Ngài đã nói lời nói này: "Nguôi hãy tu tập sự niệm tưởng về đức Phật là [pháp] vô thượng trong các pháp tu tập. 849. Sau khi tu tập về sự niệm tưởng này, ngươi sẽ được tròn đủ tâm ý và sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp. 850. Ngươi sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc tám mươi lần. Ngươi sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ở trong quốc độ một ngàn lần. 851. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Ngươi sẽ thọ hưởng mọi thứ ấy; điều này là quả báo của việc tưởng niệm về đức Phật. 852. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, ngươi sẽ đạt được tài sản lớn lao, sẽ không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc tưởng niệm về đức Phật. 853. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkãka sẽ xuất hiện ở thế gian. 854. Sau khi từ bỏ tám mươi koịi (tám trăm triệu), nhiều nô tỳ và nhân công, ngươi sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama. 855. Sau khi làm hài lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyã, ngươi sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư với tên gọi là Subhũti. 856. Sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, [đức Phật ấy] sẽ thiết lập

ngươi vào vị thế tối thắng về hai phương diện là có đức hạnh đáng được cúng dường và tương tợ như thế về việc an trú vào sự không say đắm.,, 857. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác tên Padumuttara, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời. 858. Được chỉ dạy bởi đấng Bảo Hộ Thế Gian, tôi đã lễ bái đức Như Lai. Được hoan hỷ, tôi luôn luôn tu tập sự niệm tưởng vê đức Phật, là pháp tôi thượng. 859. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý5 sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 860. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc tám mươi lần. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. 86L Lãnh thổ vương quốc bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi thọ hưởng sự thành tựu tốt đẹp; điều này là quả báo của việc tưởng niệm về đưc Phật. 862. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đạt được tài sản lớn lao, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc tưởng niệm về đức Phật. 863. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tưởng niệm về đức Phật 864. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Subhũti đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Subhũti” là phần thứ nhất

22. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UPAVÃNA (Upavanattherāpadānam) 865. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Sau khi phát cháy như là khối lửa, bậc Toàn Giác đã viên tịch Niết-bàn. 866. Đám đông dân chúng đã cùng nhau đi đến và cúng dường đức Như Lai. Sau khi hoàn tất giàn hỏa thiêu khéo được thực hiện, họ đã nâng thi thể lên. 867. Sau khi thực hiện phận sự đối với thi thể, họ đã tập trung Xá-lợi ở tại nơi ấy. Tất cả bọn họ gồm chư thiên và loài người đã xây dựng ngôi bảo tháp dành cho đức Phật. 868. Tầng thứ nhất làm bằng vàng, tầng thứ nhì làm bằng

ngọc ma-ni, tầng thứ ba làm bằng bạc, tầng thứ tư làm bằng ngọc pha lê. 869. Tương tợ, viên mép của tâng thứ năm đã được làm băng hông ngọc, tầng thứ sáu làm bằng đá quý, phần bên trên làm bằng tất cả các loại châu báu. 870. Phân bên dưới làm băng ngọc ma-ni, bục nên làm băng châu báu. Được làm toàn bộ băng vàng, ngôi bảo tháp vươn lên chiêu cao một do-tuân. 871. Khi ấy, chư thiên đã tụ hội lại ở nơi ấy và đã cùng nhau bàn bạc rằng:

"Chúng ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy. 872. Xá-lợi không có các mảnh rời rạc, [Xá-lợi] thân thể được kết thành một khối. Chúng ta sẽ thực hiện lớp vỏ bọc ở ngôi bảo tháp dành cho đức Phật này." 873. Vód bảy loại châu báu, chư thiên đã làm tăng thêm một do-tuần nữa. Có chiều cao hai do-tuần, ngôi bảo tháp ấy xua đi bóng tối. 874. Khi ây9 loài rông đã tụ hội lại ở nơi ây và đã cùng nhau bàn bạc răng: "Loài người và luôn cả chư thiên, bọn họ đã kiên tạo ngôi bảo tháp dành cho đức Phạt. 875. Thế gian cùng với chư thiên không xao lãng, chúng ta chớ nên xao lãng. Chúng ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy." 876. Sau khi đã tụ tập chung lại, loài rong đã phủ lớp ngọc bích, ngọc sa-phia và ngọc ma-ni như ý lên ngôi bảo tháp dành cho đức Phật. 877. Giờ dây, ngôi bảo điện dành cho đức Phật đã được làm bằng ngọc ma- ni toàn bộ, khi ây có chiêu cao ba do-tuân, là nguồn tạo ra ánh sáng. 878. Khi ấy, các nhân điểu đã tụ hội lại và đã cùng nhau bàn bạc rằng: “Loài người, chư thiên và loài rồng, bọn họ đã kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đức Phật. 879. Thế gian cùng với chư thiên không xao lãng, chúng ta chớ nên xao lãng. Chung ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy.” 880. Loài nhân điểu đã thực hiện ở ngôi bảo tháp lớp vỏ bọc phụ trội toàn bộ làm bằng ngọc ma-ni. Họ cũng đã làm phát triển ngôi bảo điện của đức Phật được cao thêm một do-tuần. 881. Với chiều cao bốn do-tuần, ngôi bảo tháp của đức Phật chiếu sáng và khiến cho tất cả các phương được rực rỡ tợ như mặt trời đã mọc lên. 882. Khi ấy, các ác thần đã tụ hội lại và đã cùng nhau bàn bạc rằng: Loài người, luôn cả chư thiên, loài rồng và loài nhân điểu cũng tương tợ như thế. 883. Bọn họ đã xây dựng ngôi bảo tháp hạng nhất dành cho đức Phật tối thượng một cách cá biệt. Thế gian cùng với chư thiên không xao lãng, chúng ta chớ nên xao lãng. 884. Chung ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy. Bằng các loại châu báu, chúng ta sẽ phủ lên ngôi bảo điện dành cho đức Phật cho được cao them?9 885. Các ác thần cũng đã làm phát triển ngôi bảo điện của đức Phật được cao thêm một do-tuần. Khi ấy, với chiều cao năm do-tuần9 ngôi bảo tháp được rực rỡ. 886-87. Khi ấy, loài dạ-xoa đã tụ hội lại ở nơi ấy và đã cùng nhau bàn bạc

răng: "Loài người, chư thiên, loài rông, loài nhân điêu và các ác thân đã xây dựng ngôi bảo tháp hạng nhất dành cho đức Phật tối thượng một cách cá biệt Thế gian cung với chư thiên không xao lãng, chúng ta chớ nên xao lãng. 888. Chúng ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy. Bằng các loại ngọc pha lê, chúng ta sẽ phủ lên ngôi bảo điện dành cho đức Phật cho được cao them/9 889. Loài

da-xoa cũng đã làm phát triển ngôi bảo điện của đức Phật được cao thêm một do-tuần. Khi ấy, với chiều cao sáu do-tuàn, ngôi bảo tháp được rực rỡ. 890. Lúc bấy giờ, cáe càn-thát-bà đã tụ hội lại và đã cùng nhau bàn bạc rằng: "Loài người, chư thiên, loài rồng, các ác thần và loài nhân điểu cũng tương tợ như thế. 891. Tất cả đã kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đức Phật. Trong việc này chúng ta là những người chưa làm gì. Chúng ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bao Hộ Thế Gian như thế ấ’ 892. Sau khi đã làm thành bảy tầng, các càn-thát-bà đã đặt lên chiếc lọng. Khi ấy, các càn-thát-bà đã kiến tạo ngôi bảo tháp toàn bộ làm bằng vàng. 893. Khi ấy, với chiều cao bảy do-tuần, ngôi bảo tháp được rực rỡ. Đêm và ngày không phân biệt được, [vì] ánh sáng luôn luôn hiện hữu. 894. Mặt trăng, mặt trời, luôn cả các vì sao không hơn được ánh sáng của ngôi bảo tháp. Thậm chí ánh đèn cũng đã không được đốt lên ở xung quanh một trăm do-tuần. 895. Vào thời điểm ấy, những người nào cúng dường ngôi bảo tháp, những người ấy không bước lên ngôi bảo tháp mà họ thảy lên ở không trung. 896. Được chư thiên chỉ đinh, con dạ-xoa tên Abhisammata [có nhiệm vụ] máng lên cờ hiệu hoặc vòng hoa ở phía bên trên. 897. Những người ấy không nhìn thấy con dạ-xoa ấy mà nhìn thấy vòng hoa được nó mang đi. Sau khi nhìn thấy như thế rồi ra di, tất cả những người ấy đi đến cõi tái sanh tốt đẹp. 898. Những người không có niềm tin ở lời Phật dạy và những người được tinh tín vào giáo pháp có ước muốn trông thay phép kỳ diệu thì họ cúng dường đến ngôi bảo tháp. 899. Khi ấy, tôi đã là người làm công ở thành phố Hamsavatĩ. Sau khi nhìn thấy dân chúng được vui mừng, khi ấy, tôi đã suy nghĩ như vầy: 900. "Đối với vị có được gian nhà Xá-lợi như vầy, vi ấy ắt hẳn là đức Thế Tôn cao thượng. Và đám dân chúng này đang thể hiện trạng thái hớn hở một cách nhiệt thành. 901. Ta cũng sẽ thể hiện sự tôn kính đến đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy, ta sẽ trở thành người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy trong tương lai.”

THÁNH NHÂN KÝ sự 69

902. Có tấm thượng y đã được khéo giặt sạch bởi người thợ giặt, tôi đã máng vào ngọn tre rồi đã nâng lá cờ hiệu lên ở không trung. 903. Con dạ-xoa Abhisammata đã cầm lấy lá cờ hiệu của tôi và đưa lên không trung. Sau khi nhìn thấy lá cờ hiệu phất phơ trong gió, tôi đã khởi lên niềm vui dào dạt. 904. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín tôi đã đi đến gần vị Sa- môn. Sau khi đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy, tôi đã hỏi về quả thành tựu của lá cờ hiệu. 905. Vị ây đã giảng cho tôi vê sự sanh khởi nôi vui mừng và phỉ lạc của tôi: "Ngươi sẽ luôn luôn thọ hưởng quả thành tựu của lá cờ hiệu ấy. 906. Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, các binh lính và quân đội gồm bốn binh chủng sẽ thường xuyên hộ tống ngươi; điều này là quả báo của việc cúng dường lá cờ hiệu. 907. Sáu mươi ngàn nhạc cụ và những chiêc trông lớn được tô diêm sẽ thường xuyên hộ tống ngươi; điều này là quả báo của việc cúng dường lá cờ hiệu. 908. Có tám mươi sáu ngàn nữ nhân đã được trang điểm, được điểm tô với các loại vải nhiều màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni. 909. Có lông mi cong, có nụ cười, vô cùng yểu điệu, có eo thon, các nàng sẽ thường xuyên vây quanh ngươi; điều này là quả báo của việc cúng dường lá cờ hiệu. 910. Ngươi sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp. Ngươi sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc tám mươi lần. 911. Và ngươi sẽ là đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể

đo lường bằng cách tính đếm. 912. Vào một trăm ngàn kiếp [vê sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 913. Sau khi mệnh chung ở thê giới chư thiên, được thúc đây bởi nhân tô trong sạch, được gắn liền với nghiệp phước thiện, ngươi sẽ là thân quyến của Phạm thiên [dong dõi Bà-la-môn]. 914. Sau khi từ bỏ tám mươi koti (tám trăm triệu), nhiều nô ty và nhân công, ngươi sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức The Tôn Gotama. 915. Sau khi làm hài lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā, ngươi sẽ là Thinh văn của bậc Đạo sư, có tên là upavāna.,, 916. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được ban ra, tôi đã thiêu đót các phiền não của tôi. 917. Trong khi tôi là đấng Chuyển Luân Vương, chúa tể của bốn châu lục, các ngọn cờ luôn được kéo lên ở xung quanh [tôi] đến ba do-tuần. 918. Từ khi toi đã thực hiện việc làm trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lá cờ hiệu.

70 KINH TIỂU Bỏ

919. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão upavāna đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Upayānaṃ là phần thứ nhì.

23. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SARANAGAMANIYA (SaranagamaniyattherSpadānam) 920. Lúc bấy giờ, tôi đã là người hầu hạ mẹ ở thành phố Candavatī. Mẹ và cha của tôi bị mù, tôi phụng dưỡng họ. 921. Khi ấy, tôi đã đi đến nơi thanh vắng và ngồi xuống, tôi đã suy nghĩ như vầy: “Trong khi phụng dưỡng mẹ và cha, ta không đạt được sự xuất gia." 922. Bị che lấp bởi sự tăm tối ấy, [chúng sanh] bị thiêu đốt bởi ba loại lửa [tham, sân, si]. Khi nỗi hãi sợ như thế ấy đã sanh khỏi, không có người nào là bậc hướng đạo. 923. Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian, giáo pháp của đấng Chiến Thắng chiếu sáng. Với người có nghiệp phước thiện thì bản thân có the tiếp độ được. 924. Tôi đã học tập về ba sự nương nhờ và đã gìn giữ chúng được toàn vẹn. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi thoát khỏi khổ cảnh. 925. Vị Sa-môn tên Nisabha là vị Thinh văn hàng đầu của đức Phật. Tôi đã đi đến gặp vi ấy và đã nhận lãnh sự đi đến nương nhờ [thọ trì tam quy]. 926. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Tôi đã gìn giữ sự đi đến nương nhờ được toàn vẹn chừng ấy thời gian. 927. Khi đang ở vào thời diêm cuôi cùng, tôi đã tưởng nhớ lại sự nương nhờ ấy. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 928. Khi đã đạt đến thế giới chư thiên, được thành tựu về nghiệp phước thiện, bất cứ khu vực nào tôi đi đến, tôi đều đạt được tám chủng tử. 929. Tôi được tôn vinh ở mọi phương, tôi có tuệ sắc bén, tất cả chư thiên đều phục tùng, tôi đạt được của cải vô lượng. 930. Có màu da vàng chói, tôi đều được yêu mến ở mọi nơi, tôi trung thành đoi với các bạn hữu tôi, danh vọng của tôi là cao tột. 931. Tôi đã là VỊ Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc tám mươi lần. Tôi đã thọ hưởng sự an lạc của cõi trời, đã được các tiên nữ trọng vọng. 932. Và toi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần. Lãnh thổ vương quốc bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 933. Khi đạt đên cuộc sông cuôi cùng, được thành tựu vê nghiệp phước thiện, tôi đã được sanh ra trong nhà đại bá hộ vô cùng sang trọng ở thành phố Sāvatthi. 934.

Được những đứa trẻ tháp tùng, tôi đã rời khỏi thành phố. Có được sự cười giỡn vui đùa, tôi đã đi đen tu viện dành cho hội chúng.

THÁNH NHÂN KÝ sự« 71

935. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy vị Sa-môn đã được giải thoát, không còn mầm mống tái sanh. Vị ấy đã thuyết giảng giáo pháp cho tôi và đã ban sự nương nhờ đến tôi. 936. Sau khi lắng nghe về sự nương nhờ, tôi đây đã tưởng nhớ lại sự nương nhơ cua toi. Toi đã ngoi ơ ngay cho ngoi áy va đã thanh tựu phàm vi A-la-hán. 937. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vi A-la-hán. Nhận biết đức hạnh [của tôi], đấng Toàn Giác, bậc Hữu Nhãn, đã cho [tôi] tu lên bậc trên. 938. Tôi đã đi đến các sự nương nhờ trước đây vô lượng kiếp. Do đó, nghiệp khéo được tôi thực hiện đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. 939. Sự nương nhờ của tôi đã được gìn giữ cân thận, tâm ý đã khéo được củng cố. Sau khi thọ hưởng mọi thứ danh vọng, tôi đã đạt đến vi thế bất động. 940. Những vi nào có sự lắng nghe, xin các vị hãy lắng nghe tôi nói. Tôi sẽ giảng cho các vi ve đạo lộ đã được tự thân nhìn thay của mình. 941. “Bức Phật đã hiện khởi ở thế gian, giáo pháp của đấng Chiến Thắng được hiện hữu. Tiếng trống bất tử đã được vỗ lên là sự xua đi các mũi tên sầu muộn. 942. Băng sức lực của mình, các vị có thê thực hiện hành động hướng thượng ở phước điền vô thượng, tương tợ như the, [với năng lực của mình] các vi sẽ chạm đến Niết-bàn. 943. Sau khi đã thọ nhận ba sự nương nhờ, sau khi đã gìn giữ năm giới cấm, sau khi đã làm cho tâm được tịnh tín ở nơi đức Phật, các vị sẽ tiến hành việc chấm dứt khổ đau. 944. Sau khi thực hành tương tợ như tôi, sau khi gìn giữ toàn vẹn các giới cấm, không bao lâu sau tát cả, các vị cũng sẽ đạt được phàm vị A-la-han?5 945. Có được ba minh, tôi đã đạt đến thần thông và được rành rẽ về tâm của người khác. Bạch đấng Đại Hùng, vị Thinh văn của Ngài xin đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư. 946. [Ke từ khi] tôi đã đi đến nương nhờ đức Phật trước đây vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đi đến nương nhờ. 947. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tisaranagamaniya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. aKý sự về Trưởng lão Tisaranagamaniya^ là phần thứ ba.

24. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PAÑCASĪLASAMĀDĀNIYA (Pañcasīlasamādāniyattherāpadānam) 948. Khi ấy, tôi đã là người làm công ở thành phố Candavatī. Bi vướng bận trong việc quán xuyên công việc của người khác, tôi không đạt được sự xuất gia.

72 KINH TIỂU Bộ

949. [Tôi đã suy nghĩ rằng:] "Bj che lấp bởi sự tăm tối ấy, [chúng sanh] bi thiêu đốt bởi ba loại lửa [tham, sân, si], vậy thì bằng phương pháp nào, ta có thể được thoát khỏi? 950. Và ta là người làm công khốn khổ, vật xứng đáng để dâng cúng thì ta không có. Hay là ta nên thọ trì và làm toàn vẹn năm giới cấm?” 951. Vi Thinh văn của bậc Hiền Trí Anomadassī có tên là Nisabha. Tôi đã đi đến gặp vị ấy và đã nhận lãnh năm điều học [về giới]. 952. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Tôi đã gìn giữ năm giới cấm được toàn vẹn chừng ấy thời gian. 953. Khi thời điểm của tử thần đã

đến, chư thiên an ủi tôi rằnậ “Thua ngài, có cỗ xe được thắng một ngàn [ngựa] dành cho ngài, nó đã đên r6i." 954. Khi tâm cuối cùng đang diễn tiến, tôi đã tưởng nhớ lại giới hạnh của tôi. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 955. Và tôi đã là vi Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi lần. Tôi đã thọ hưởng sự an lạc của cõi trời, đã được các tiên nữ trọng vọng. 956. Tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 957. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi mạng chung từ thế giới chư thiên, tôi đã được sanh ra trong nhà đại bá hộ vô cùng sang trọng ở thành phố Vesālī. 958. Vào thời điểm cận kề mùa mưa, trong lúc giáo pháp của đấng Chiến Thắng đang chói sáng, mẹ và luôn cả cha của tôi đã nhận lãnh năm điều học [về giới]. 959. Do việc đã lắng nghe, tôi đã mau chóng tưởng nhớ lại giới hạnh của mình. Tôi đã ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy và đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 960. Vào lúc năm tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Sau khi nhận biết đức hạnh [của tôi], đức Phật, bậc Hữu Nhãn, đã cho [tôi] tu lên bậc trên. 961 . Sau khi gìn giữ năm điều học [về giới] được toàn vẹn, trong vô lượng kiếp trước đây tôi đã không đi đến đọa xứ. 962. Do nhờ tác động của các giới cấm ấy, tôi đây đã thọ hưởng danh vọng. Trong khi ngợi ca [vê quả báo của giới] cho dâu đên một kotỉ (mười triệu) kiêp, tôi cũng chỉ có thể ngợi ca được một phần nhỏ. 963. Sau khi gìn giữ năm giới cấm, tôi đạt được ba chủng tử: Tôi là người có tuổi thọ, có của cải lớn lao, có tuệ sắc bén. 964. Tôi chỉ đang ngợi ca phân phụ trội trong sô toàn thê [ạuả báo] có liên hệ đến loài người. Sau khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đều đạt được các điều này. 965. Vi Thinh văn của đấng Chiến Thắng là người đang thực hành giới

THÁNH NHÂN KÝ sự 73

M /\ Ấ l Ả Ắ ỉ\ câm vô sô kê5 nêu vi ây vui thích trong các cõi tái sanh thì quả thành tựu sẽ như thế nào? 966. Năm giới cấm đã được thực hành tốt đẹp bởi tôi là người làm công có sự quán sát. Nhờ vào giới hạnh ấy, ngày hôm nay tôi đã cởi bỏ mọi điều trói buộc. 967. [Ke từ Idii] tôi đã gìn giữ năm giới cấm trước đây vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của năm giới cấm. 968. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Paflcasīlasamādāniya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* 66Ký sự về Trưởng lão PañcasTlasamādāniya" là phần thứ tư.

25. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ANNASAMSĀVAKA (Annasamsāvakattherāpadānam) 969. Bậc Toàn Giác [Siddhartha] có màu da vàng chói, tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng, đang đi ở khu phố chợ. 970. Sau khi nhìn thấy đấng Quang Đăng Của Thế Gian Siddhattha, bậc Vô Lượng Vô Song, đấng Quang Minh, bậc Đã Được Rèn Luyện, tôi đã đạt được niềm phỉ lạc tộtbậc. 97L Sau khi thỉnh mời bậc Toàn Giác, tôi đã chăm lo bữa ăn đến bậc Đại Hiền Trí ấy. Khi ấy, bậc Đại Bi, đấng Bảo Hộ đã nói lời tùy hỷ đến tôi. 972. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở đức Phật, ở đấng Đại Bi ấy là bậc tạo ra niềm an ủi cao tột, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. 973. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng vật thực. 974. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu

thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Annasamsāvaka12 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Annasamsāvaka55 ỉa phần thứ năm.

26. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO DHŨPADÃYAKA (Dhūpadāyakattherāpadānam) 975. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng khói hương ở liêu cốc của đức Thế Tôn Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. 976. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, 1 Pañcasīlasamādāniya nghĩa là có sự thọ trì (samâdănă) năm (pañca) giới cấm (sĩỉa)y 2 Annasarnsãvaka nghĩa là ngợi ca (samsāvaka) về việc (dâng cúng) vật thực (anna)y

tôi đêu là đôi tượng yêu quý của tát cả; điêu này là quả báo của việc dâng cúng khói hương. 977. Ke từ khi tôi đã dâng cung khói hương trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng khói hương. 978. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dhūpadāyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão DhQpadâyaka" là phần thứ sáu.

27. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PULINAPŪJAKA (Pulinapūjakattherāpadānam) 979. Sau khi bỏ đi lớp cát cũ ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Thế Tôn Vipassī, tôi đã rải lên lớp cát sạch. 980. [Ke từ khi] toi đã dâng cúng cát trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng cát. 981. Trước đây năm mươi ba kiếp, tôi đã trở thành đức vua cai quản dân chúng, là vị Chuyên Luân Vương tên Mahâpulina, có oai lực lớn lao. 982. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pulinapūjaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKỷ sự về Trưởng lão Pulinapūjaka" là phần thứ bảy.

28. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UTTARIYA (Uttariyattherāpadānam) 983. Lúc bấy giờ, tôi là con cá sấu ở bờ sông Candabhāgā. Gắn bó với khu vực kiêm ăn của mình, tôi đã đi đên bên đò của con sông. 984. Vào thời điểm ấy, bậc Tự Chủ Siddhartha, nhân vật cao cả ấy, có ý đinh vượt qua dòng sông nên đã đi về phía bến đò của con sông. 985. Và khi đấng Toàn Giác tiến đến !gần, tôi cũng đã tiến đến gần nơi ấy. Toi đã đi đen gan bạc Toan Giác va đã thót len lơi noi nay: 986. “Bạch đấng Đại Anh Hùng, xin hãy ngự lên [ở lưng], tôi sẽ đưa Ngài sang [sông], là địa phận thuộc về tôi do tổ tiên truyền lại. Bạch đấng Đại Hiền Trí, xin hay thương xốt [đến t6i]." 987. Nghe được tiếng kêu gào của tôi, bậc Đại Hiền Trí đã ngự lên [ở lưng]. Được mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã đưa đấng Lãnh Đạo Thế Gian sang [sông]. 988. ở bờ bên kia của dòng sông, tại nơi ấy, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha đã an ủi tôi rằng: "Ngươi sẽ đạt được bất tử."

3 Dhūpadāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) khói hương (dhũpà), tức là xông khói có mùi thơm."

4 Puỉỉnapụịaka nghĩa là cúng dường (pūjaka) cát (pulinà)y

989. Sau khi chết đi, lìa bỏ thân ấy, tôi đã đi đến thế giới chư thiên. Tôi đã thọ hưởng sự an lạc của cõi trời, đã được các tiên nữ trọng vọng. 990. Và tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc bảy lần. Tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương, chúa tể của trái đất ba lần. 991. Gắn bó với sự độc cu, cẩn trọng và khéo thu thúc, tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác. 992. [Ke từ khi] tôi đã đưa đấng Nhân Ngưu sang [sông] trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đưa sang [sông]. 993. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sau thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Uttariya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão uttariya" là phần thứ tám.

29. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKAÑJ ALIKA (Ekaiyalikattherāpadānam) 994. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Toàn Giác Vipassī có màu da vàng chói, đấng Xa Phu Cao Quý, vị Anh Hùng Của Nhân Loại, đấng Hướng Đạo, đang đi ở khu phố chợ. 995. Sau khi nhìn thây vi Huân Luyện Viên cho người chưa được huân luyện, bậc Đại Hùng Biện, đấng Đại Trí như thế ấy, được tinh tín, tôi đã chắp tay lại với tâm ý vui mừng. . Z 996.e Ke từ khi tôi.kđã thực ĩ hiện việc chắp tay ấy trước đây chín mươi bốn -g 2 n < . r kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc chăp tay. 997. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekañjalika5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKỷ sự về Trưởng lão Ekañj alikaṃ là phần thứ chín.

30. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KHOMADÃYAKA (Khomadãyakattherũpadũnam) 998. Lúc bấy giờ, tôi đã là người thương buôn ở thành phố Bandhumatī. Chính nhờ thế, tôi cấp dưỡng người vợ và gieo trồng sự thành tựu về nhân lành. 999. Trong khi bậc Đại Ấn Sĩ Vipassī đang đi ở trên đường, tôi đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư một tấm vải sợi lanh nhằm mục đích hành thiện. 1000. Ke từ khi tôi đã dâng cúng tấm vải sợi lanh trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tấm vải sợi lanh.

5 Ekañjalika nghĩa là "vi có một lần (ekā) chắp tay (añjali)y

1001. Trước đây hai mươi bảy kiêp, tôi đã là Sindhavasandana, vị chúa tê độc nhất ở bon châu lục, được thành tựu bảy loại báu vật. 1002. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Khomađâyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Khomadãyaka?, là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị Subhũti, vị upavãna, vị có sự nương nhờ, vị gìn giữ giới, vị ngợi ca về vật thực, VỊ [cúng dường] khói hương, vi [dâng cúng] cát, cùng với vị Uttariya, VỊ có sự chắp tay và vị dâng cúng tấm vải sợi lanh, chính là mười [ký sự] thuộc phần thứ ba. Một trăm tám mươi lăm câu kệ đã được nói lên và tát cả đã được gộp chung lại. Phẩm Subhati là phẩm thứ ba. (Dứt tụng phẩm thứ tư).

6 Khomadâyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) tấm vải sợi lanh (khoma)y

THÁNH NHÂN KÝ sự > 77

IV PHẨM KUNDADHĀNA (KUNDADHANAVAGGO}

31. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUNDADHĀNA (Kundadhānattherāpadānam) 1003. Vào lúc đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả thiền tịnh bảy ngày, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng tôi đã hâu cận đức Phật tôi thượng. 1004. Sau khi biết được thời điểm bậc Đại Hiền Trí Padumuttara đã xuất khỏi [thiền], tôi đã cầm lấy nải chuối lớn và đã đi đến gần [Ngài], 1005. Đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã thọ nhận trái cây ấy. Trong lúc làm cho tâm tôi được tịnh tín, bậc Đại Hiền Trí đã thọ dụng [trái cây áy], 1006. Sau khi thọ dụng, đấng Toàn Giác, bậc Xa Phu Vô Thượng đã ngồi xuống ở chỗ ngồi của mình và đã nói lên những lời kệ này: 1007. ÊÍCác cộng đồng dạ-xoa nào sống ở ngọn núi này, các hạng chúng sanh nào sống ở rừng hãy lắng nghe lời nói của Ta. 1008. Người nào đã hầu cận đức Phật, tợ như con sư tử vua của loài thú, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lang nghe Ta nói. 1009. Người này đây sẽ trở thành vi Thiên vương mười một lần. Và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi bốn lần. 1010. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkãka sẽ xuất hiện ở thế gian. 1011. Người này sẽ mắng nhiếc các vị Sa-môn có giới hạnh không còn lậu hoặc, và sẽ nhận lấy biệt danh do quả thành tựu của ác nghiệp. 1012. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Kundadhāna.,, 1013. Được gắn bó với sự cô tịch, chứng thiền, thỏa thích về thiền, tôi đã làm vui lòng bậc Đạo Sư và tôi song không còn lậu hoặc. 1014. Được các vi Thinh văn hàng đầu vây quanh, được hội chúng Tỳ-khưu tháp tùng, đấng Chiến Thắng đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khiru và đã bảo người rút thẻ bốc thăm. 1015. Sau khi đắp y một bên vai, tôi đã đảnh lễ đấng Lãnh Đạo Thế Gian,

78 KINH TIẾU BÔ

và ở trước bậc cao quý trong sô các vị đang thuyêt giảng, tôi đã rút được [thẻ bốc thăm] đầu tiên. 1016. Do việc làm ấy, đức Thế Tôn, bậc Làm Rung Động Mười Ngàn [Thế Giới] đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã thiết lập tôi vào vị thế hàng đầu. 1017. Tôi có sự tinh tấn, có khả năng tiến hành các phận sự là điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc. Tôi duy trì thân mạng cuối cung ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác. 1018. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kundadhāna đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Kundadhāna" là phần thứ nhất

32. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SÃGATA (Sāgatattherāpadānam) 1019. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị Bà-la-môn tên Sobhita. Được tháp tùng bởi những người học trò của mình, tôi đã đi đến tu viện. 1020. Vào thời điểm ấy, được tháp tùng bởi hội chúng Tỳ-khưu, đức Thế Tôn, bậc Tối Thượng Nhân sau khi bước ra khỏi cổng tu viện đã đứng lại. 1021. Tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc Đã Được Rèn Luyện ấy được tháp tùng bởi các vị đã được rèn luyện. Sau khi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã ngợi ca đấng

Lãnh Đạo Thế Gian rằng: 1022. "Những loại nào là thảo mộc, tất cả các loại ấy đều tăng trưởng ở trên đất. Tương tợ như thế, các chúng sanh có sự giác ngộ được phát triển ở trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng. 1023. Ngài là bậc Xa Phu có trí tuệ và là bậc Đại Ẩn Sĩ đối với đam đông dân chúng. Ngài nâng đỡ họ ra khỏi con đường sai trái và nói cho họ về đạo lộ. 1024. Ngài là bậc Đã Được Rèn Luyện, được vây quanh bởi các vị đã được rèn luyện, là bậc Chứng Thiền cùng với các vị được thỏa thích về thiền, là bậc Có Sự Nhiệt Tâm cùng với những vị có tính khẳng quyết và an tịnh như thế ấy. 1025. Được tô điểm bởi đoàn tùy tùng có phước đức và trí tuệ, Ngài chói sáng. Hào quang của Ngài tỏa ra giống như [ánh sáng] trong lúc mặt trời mọc.,^ 1026. Sau khi nhìn thấy tâm đã được tinh tín [của tôi], bậc Đại Ẩn Sĩ Padumuttara đứng ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này: 1027. "Người Bà-la-mon nào đã khởi lên niềm vui và tán dương về Ta, người ấy sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một trăm ngàn kiếp. 1028. Bởi vì sau khi mệnh chung từ cõi trời Bẩu-suất, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người ấy] sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức The Tôn Gotama. 1029. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, [người ấy] sẽ đạt được phẩm vị A-la-hán, sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư và sẽ có tên là sugata."

THÁNH NHÂN KÝ sự 79

1030. Sau khi xuất gia, tôi đã lìa bỏ ác nghiệp bằng thân. Sau khi dứt bỏ nết xấu về lời nói, tôi đã làm thanh tịnh về sự nuôi mạng sống. 1031. Trong khi sống như vậy, tôi được rành rẽ về các bản thể của [đề mục] lửa. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 1032. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sâgata đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Sāgataṃ là phần thứ nhì.

33. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAHÃKACCẢNA ụyiahâkaccãnattherữpadãnam) 1033. Ngôi bảo tháp của đấng Bảo Hộ Padumuttara tên là Paduma. Tôi đã cho xây dựng bảo tọa bằng đá và đã cho thếp vàng. 1034. Sau khi nâng cao chiếc lọng che làm bằng châu báu và chiếc quạt lông đuôi bò, tôi đã dâng đến đức Phật là đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian như thế áy. 1035. Khi ấy, cho đến chư thiên ở địa cầu, tất cả đã tụ hội lại [nói rằng]: “Ngài sẽ thuyết giảng về quả thành tựu của những chiếc lọng che làm bằng châu báu. 1036. Và khi bậc Đạo sư đang thuyết giảng, chúng ta sẽ lắng nghe tất cả điều ấy. Chúng ta có thể làm sanh khởi niềm vui thích hơn nữa đối với giáo pháp cua đấng Chánh Đẳng GÌM" 1037. Được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu, đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả, sau khi ngồi xuống ở bảo tọa bằng vàng đã nói lên những lời kệ này: y

1038. uBảo tọa làm băng vàng và châu báu này được dâng cúng bởi người nào, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 1039. Người ây sẽ là vi Chúa của chư thiên cai quản thiên quôc ba mươi kiếp và sẽ ngự trị khu vực xung quanh một trăm do-tuần bằng hào quang. 1040. Sau khi đi đến thế giới nhân loại, [người ấy] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương tên Pabhassara và sẽ có oai lực nổi bật. 1041. Dâu là ban ngày hoặc ban đêm, vi Sát-đê-lỵ sẽ rực sáng ở xung quanh tám ratana (hai mét), tợ như mặt trời đã mọc lên. 1042. Vào một trăm ngàn kiêp [vê sau này], bậc Đạo Sư tên

Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sê xuất hiện ở thế gian. 1043. Sau khi mệnh chung từ chính cõi trời Dẩu-suất, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người ấy] sẽ trở thành thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn] với tên là Kaccâna. 1044. về sau, người ấy sẽ xuất gia và sẽ trở thành vi A-la-hán, không còn

lậu hoặc. Đức Gotama, đấng Quang Đăng Của Thế Gian, sẽ thiết lập vào vị thế hàng đầu. 1045. [Người ấy] sẽ giảng giải một cách chi tiết về câu hỏi đã được hỏi một cách tóm tắt. Và trong khi giảng giải về câu hỏi ấy, [người ấy] sẽ làm thỏa mãn tâm tư [của người hoi\y 1046. Được sanh ra cao quý trong gia tộc giàu có, tôi đã là vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật. Sau khi từ bỏ các tài sản và lúa gạo, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 1047. Tôi giảng giải một cách chi tiết cho những người đang hỏi, cho dầu [hỏi] một cách tóm tắt. Tôi làm thỏa mãn tâm tư của những người ấy, tôi làm cho bậc Tối Thượng Nhân hoan hỷ. 1048. Được hoan hỷ về tôi, đấng Đại Hùng, bậc Tự Chủ, nhân vật cao cả9 sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khiru, đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng. 1049. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mahākaccāna đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Mahãkaccãna^ là phần thứ ba.

34. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KẢLUDÃYĨ (KãỊudâyittherãpadãnam) 1050. Lúc bấy giờ, đức Phật Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy đang đi du hành đường xa. 1051. Sau khi cầm lấy đóa sen hồng khéo được nở rộ, cùng với đóa sen xanh và bông hoa nhài, tôi đã cam lay món cơm thượng hạng và đã dâng cúng đến bậc Đạo sư. 1052. Đấng Đại Hùng đã thọ dụng món cơm thượng hạng có thức ăn tuyệt hảo. Và Ngài đã cầm lấy bông hoa ấy rồi đã đưa ra cho dân chúng xem. [Ngài nói:] 1053. "Hoa sen là loài hoa tôi thượng, đáng quý, đáng mên, đáng yêu ở thê gian. Người nào đã dâng cúng bông hoa này đên Ta, người ấy đã làm được việc làm vô cùng khó khăn. 1054. Người nào đã dâng lên bông hoa và đã dâng cúng món cơm thượng hạng đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 1055. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc mười tám lần. Sẽ có hoa sen xanh, luôn cả sen hồng và hoa nhài ở phía bên trên người ấy. 1056. Do quả thành tựu về phước báu của người này, tức thời sẽ có chiếc lọng che đượm mùi hương cõi trời được tạo ra và sẽ được duy trì ở trên không trung. 1057. [Người ấy] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương hai mươi lăm lần, và sẽ ngự trị năm trăm quốc độ thuộc đất liền ở trái đất.

5 1 • Ắ r Ă A T 1 A A 1058. Vào một trăm ngàn kiêp [vê sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkãka sẽ xuất hiện ở thế gian. 1059. Được hài lòng với nghiệp của chính mình, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người ấy] sẽ trở thành bà con quyến thuộc, là nguồn đem lại niềm hoan hỷ cho dong họ Sakyã. 1060. về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người ấy sẽ xuất gia. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, [người ấy] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc. 1061. Đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian Gotama ấy sẽ thiết lập vị đã đạt được các Jtuệ] phân tích, có

phận sự đã được làm xong, không còn lậu hoặc [ấy] vào vị the toi thắng. 1062. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tinh, không còn mầm mống tái sanh, người ấy sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, [và sẽ] có tên là Udayi.^ 1063. Tham, sân, si mê, ngã mạn và gièm pha đều bị tiêu hoại. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 1064. Là người có sự tinh cần, cẩn trọng, tôi cũng đã làm vui lòn^ đấng Toàn Giác. Và đấng Toàn Giác được hoan hỷ, đã thiết lập tôi vào vị thế toi thắng. 1065. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kāludāyī đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 64Ký sự về Trưởng lão KāludāyF5 là phần thứ tư.

35. KÝ SựVỀ TRƯỞNG LÃO MOGHARĀJA(Mogharāfattherāpadānam) 1066. Lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác Atthadassĩ, đấng Tự Chủ, bậc Không Bi Đánh Bại, đã bước đi ở trên đường lộ, được hội chúng Tỳ-khưu tháp tùng. 1067. Được tùy tùng bởi những người học trò, tôi đã lìa khỏi căn nhà. Sau khi đi ra khỏi nơi áy, tôi đã nhìn thay đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 1068. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã ngợi ca đang Lãnh Đạo Thế Gian: 1069. “Cho đến các chúng sanh thuộc sắc giới, vô sắc giới, hoặc vô tưởng, tất cả các chúng sanh ấy đều được bao gồm ở trong trí tuệ của Ngài. 1070. Người nào dùng tấm lưới lỗ nhỏ vây quanh nước, bất cứ loài sinh vật nào ở trong nước, chúng đều ở trong tấm lưới. 1071. Chún^ sanh thuộc sác giới và vô săc giới là có tâm tư, tát cả các chúng sanh ấy đêu được bao gồm ở trong trí tuệ của Ngài. 1072. Ngài tiếp độ thế gian dẫy đầy tăm tối này. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, bọn họ vượt qua được luồng [suy nghĩ về] hoài nghi. 1073. Thế gian bị bao trùm bởi vô minh, bị tràn ngập bởi bóng tối. Trong khi trí tuệ của Ngài đang chiếu sáng, các bóng tôi đều bi tiêu diệt.

82 KINH TIẾU Bộ

1074. Ánh mắt của Ngài là sự xua đi bóng tối lớn lao của tất cả [chúng sanh]. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, nhiều người được Niết-bàn. 1075. Sau khi đã đổ đầy mật Oĩ^g tinh khiết vào cái hũ, tôi đã nâng lên bằng cả hai tay và đã dâng đến bậc Đại An Sĩ. 1076. Đấng Đại Hùng, bậc Đại Ẩn Sĩ đã tự tay thọ nhận. Và sau khi thọ dụng [mật ong] ấy, đấng Toàn Tri đã bay lên khoảng không ở bầu trời. 1077. Đứng ở trên không trung, bậc Đạo Sư Atthadassí, đấng Nhân Ngưu, trong khi làm tâm của tôi được tịnh tín, đã nói lên những lời kệ này: 1078. "Người nào đã tán dương trí tuệ này, đã ngợi ca đức Phật tối thượng, do sự tịnh tín ấy ở trong tâm người ấy không đi đến chốn khổ đau. 1079. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc mười bốn lần và sẽ ngự trị tám trăm quốc độ thuọc đất liền ở trai đất. 1080. Rồi [n^ười ấy] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần, sẽ cai quản vô sô xứ sở và quôc độ ở trái đát. 1081. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, [người ấy] sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama. 1082. [Người ấy] sẽ dùng trí tuệ suy xét về ý nghĩa thâm sâu vi tế và sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Su, có tên là Mogharāja. 1083. [Người ấy] sẽ được thành tựu ba minh, sẽ là vị có phận sự đã được làm xong ya sẽ trở thành bậc Khônệ Còn Lậu Hoặc. Đấng Xa Phu Cao Cả Gotama sẽ thiết lập [người ấy] vào vị the tối thắng?5 1084. Sau khi từ bỏ sự gắn bó liên quan đến loài ngiròi, sau khi cắt đứt mối

ràng buộc đối với sự tái sanh, sau khi biết toàn diện ve tất cả các lậu hoặc, tôi song không còn lậu hoặc. 1085. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mogharāja đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĚÍKý sự về Trưởng lão Mogharāja^ là phần thứ năm.

36. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ADHIMUTTA (Adhimuttattherāpadānam) 1086. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Atthadassī đã Niết-bàn5 tôi đã hộ độ hội chúng Tỳ-khưu với tâm ý trong sạch. 1087. Sau khi thỉnh mời hội chúng quý báu có bản the chính trực đã được định tĩnh, tôi đã thực hiện mái che băng cây mía và đã phục vụ bữa ăn đên hội chúng tối thượng. 1088. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi đều vượt trội tất cả chúng sanh; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 1089. Ke từ khi toi đã dâng cúng vát thí trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây mía.

1090. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Adhimutta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Adhimutta” là phần thứ sáu.

37. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO LASUNADÃYAKA (Lasunadāyakattherāpadānam) 1091. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị đạo sĩ khổ hạnh ở không xa núi Hy-mã-lạp. Tôi sống bằng củ toi, củ tỏi là thực phẩm của toi. 1092. Tôi đã chất [tỏi] đầy các túi xách rồi đã đi đến tu viện dành cho hội chúng. Được mừng rỡ? tôi đã dâng cúng củ tỏi đến hội chúng với tâm mừng rỡ. 1093. Sau khi dâng cúng củ tỏi đến hội chúng đã được thỏa thích trong giáo pháp của bậc Tôi Thượng Nhân Vipassī, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiêp. 1094. Kể từ khi tôi đã dâng cúng củ tỏi trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của các củ tỏi. 1095. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Lasunadāyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Lasunadāyaka" là phần thứ bảy.

38. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ÃYẢGADẢYAKA (Āyāgadāyakattherūpadānam) 1096. Khi đấnệ Bảo Hộ Thế Gian Sikhī, bậc cao quý trong số các vi đang thuyết giảng đã Niết-bàn, tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã đảnh lễ ngôi bảo tháp tối thượng. 1097. Khi ấy, sau khi thảo luận với những người thợ mộc, tôi đã dâng cúng phần tài chánh. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã cho xây dựng ngôi sảnh đường dài. 1098. Tôi đã sống ở giữa chư thiên tám kiếp không bị gián đoạn. Trong các kiếp còn lại, tôi đã luân hồi xen kẽ [giữa cõi trời và cõi người]. 1099. Chất độc không ngấm vào cơ thể, các loại vũ khí không hãm hại được tôi, tôi không bị chết đuối ở trong nước; điều này là quả báo của ngôi sảnh đường dài. 1100. Nếu tôi ao ước cơn mưa thì có đám mây lớn đổ mưa xuống, ngay cả chư thiên cũng chịu sự điều khiên của tôi; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 1101. Tôi đã là [đấng Chuyển Luân Vương] được thành tựu bảy loại châu báu ba mươi lần, không người nào chê bai tôi; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

1 Lasunadãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) tỏi (ỉasuna)y

1102. [Ke từ khi] tôi đã cho thực hiện ngôi sảnh đường dài trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của ngôi sảnh đường dài. 1103. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Āyāgadãyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 4ẾKý sự về Trưởng lão Ãyãgadãyaka^ là phần thứ tám.

39. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO DHAMMACAKKIKA (Dhammacakkikattherāpadānam) 1104. Phía trước bảo tọa sư tử của đức Thế Tôn Siddhartha, tôi đã thiết lập bánh xe pháp đã được làm khéo léo, đã được ngợi khen bởi các bậc trí thức. 1105. Với dáng vóc lịch sự, có binh lực và phương tiện di chuyển xứng đáng, tôi được rực rỡ. Nhiều người thường xuyên gắn bó, vây quanh tôi. 1106. Có sáu mươi ngàn nhạc công luôn luôn phục vụ tôi, với đoàn tùy tùng tôi được rực rỡ; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 1107. [Ke từ khi] tôi đã thiết lập bánh xe [pháp] trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bánh xe pháp. 1108. Trước đây mười một kiếp, đã có tám vị thống lãnh dân chúng cùng tên Sahassarāja, là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 1109. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dhammacakkika3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Dhammacakkika" là phần thứ chín.

40. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KAPPARUKKHIYA (Kapparukkhiyattherāpadūnam) 1110. ở phía trước ngôi bảo tháp tối thượng của đức Thế Tôn Siddhattha, tôi đã treo giăng những tấm vải nhiều màu sắc và đã thiết lập cây như ý. 1111. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có cây như ý rực rỡ hiện diện ở cánh cửa lớn của tôi. 1112. Tôi và luôn cả nhóm tùy tùng là những người sống nương tựa vào tôi, chúng tôi luôn luôn lấy vải từ cây như ý ấy rồi mặc vào. 1113. Ke từ khi tôi đã thiết lập cây [như ý] trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cây như ý.

2 Āyāgadāyaka nghĩa là dâng cúng {dãyako) sảnh đường dài (ãyãga)y 3 Dhammacakkika nghĩa là có bánh xe (cakkă) giáo pháp (dhammā)^

1114. Và trước đây vào kiếp thứ bảy, đã có tám vi Sát-đế-lỵ tên SuceỊa, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1115. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kapparukkhiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Kapparukkhiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị Kunda, vị Sãgata, vị Kaccãna, vị Udãyi, vi Mogharãja, vị Adhimutta, vị dâng cúng củ tỏi, vị có sảnh đường dài, vi liên quan bánh xe pháp và vị có cây như ý là thứ mười, [tổng cộng] là một ngàn hai trăm câu kệ. Phẩm Kundadhãna là phẩm thứ tư.

4 Kapparukkhiya nghĩa là 4tvị liên quan đến cây (rukkhā) như ý (kappàyy

86 KINH TIÊU BÔ

VPHẢMUPÃLI (UPÃLIVĂGGƠ)

41. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BHẢGINEYYA-UPÃLI (Bhāgineyya- Upãlittherãpadãnam) 1116. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian ấy được tháp tùng bởi một ngàn bậc Vô lậu. Gắn bó với sự độc cư, Ngài ra đi [một mình] để thiền tịnh. 1117. Là vi trang phục băng da dê mang theo ba gậy chông [đê máng vật dụng], tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu. 1118. Tôi đã đắp tấm da dê ở một ben vai rồi đã chắp tay lên ở đầu. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng: 1119. "Giống như các loài sanh ra trong quả trứng, các loài [sanh ra] ở nơi ẩm thấp, các loài có sự hóa sanh, các loài sanh ra từ nước, tất cả các loài có cánh như các con quạ, v.v... luôn luôn có sự di chuyển ở không trung. 1120. Bất cứ hạng nào có mạng sống và sự hiện hữu dầu là hữu tưởng hoặc VÔ tưởng, tát cả các hạng ây đêu được bao gôm ở trong trí tuệ của Ngài. 1121. Và các hương thơm nào thuộc núi non ở ngọn núi Hy-mã-lạp tối thượng, tất cả các hương thơm ấy cũng không sánh bằng một phần giới [hương] của Ngài. 1122. Thế giới này luôn cả chư thiên bị lao vào sự tăm tối của si mê. Và trí tuệ của Ngài trong lúc chiếu sáng đã hủy diệt các sự tăm tối. 1123. Giống như khi mặt trời đã lặn, các chúng sanh đi đến sự tối tăm; tương tợ như vậy, khi đức Phật không xuất hiện, thế gian đi đến sự si mê. 1124. Bạch đức Phật tối thượng, giống như mặt trời đang mọc lên luôn luôn làm tiêu tan bóng tối, tương tợ y như thế, Ngài luôn luôn tiêu diệt sự si mê. 1125. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, Ngài là đức Phật ở thế gian luôn cả chư thiên. Do đã được hài lòng với việc làm của Ngài, Ngài đã làm cho nhiều chúng sanh được hoan hỷ." 1126. Sau khi tùy hỷ với toàn bộ sự việc ấy, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara, đấng Trí Tuệ đã bay lên không trung, tợ như loài thiên nga chúa ở trên bầu trời. 1127. Sau khi đã bay lên, bậc Toàn Giác, vị Đại Ẩn Sĩ Padumuttara, đấng Đạo Su, đứng trên không trung đã nói lên những lời kệ này:

THÁNH NHÂN KÝ sự 87

1128. "Người nào ca ngợi trí tuệ này bằng cách liên hệ với các ví dụ so sánh, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 1129. Người ấy sẽ trở thành vị Thiên vương mười tám lần, và sẽ ngự trị quốc độ thuộc đất liền ở trái đất ba trăm lần. 1130. Và [người áy] sẽ trở thành đang Chuyên Luân Vương hai mươi lăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 1131. Vào một trăm ngàn kiêp [vê sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuât thân gia tộc Okkâka, sẽ xuất hiện ở thế gian. 1132. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi mệnh chung từ chính cõi trời Đẩu-suất, [người ấy] sẽ có tên là upâli dầu là hạ tiện về dòng dõi. 1133. Và về sau, người ấy sẽ xuất gia và sẽ từ bỏ điều ác. Sau khi biết toàn diện vê tát cả các lậu hoặc, [người áy] sẽ Niêt-bàn không còn lậu hoặc. 1134. Được hoan hỷ, đức Phật Gotama, người con trai dòng Sakyā có danh vọng lớn lao ấy, sẽ thiết lập vi đã được hiểu biết về Luật ấy vào vị thế tối thắng?9 1135. Do đức tin, tôi đã xuất gia, có phận sự đã được làm xong, không còn lậu hoặc. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 1136. Và đức Thế Tôn đã thương tưởng đến tôi. Tôi có sự tự tin về Luật. Được hài lòng với nghiệp của chính mình, tôi sống không còn lậu hoặc.

1137. Được thu thúc trong Giới bổn (Pãtimokkha) và ở năm giác quan, tôi nắm giữ toàn bộ tất cả về Luật là nguồn phát sanh lên châu báu. 1138. Và bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng ở Thế Gian đã biết được đức hạnh của toi. Sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khiru, Ngài đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng. 1139. Bổn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Upãli đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Bhāgineyya-Upāli^ là phần thứ nhất

42. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SONAKOTIKANNA (Sonakotikannattherāpadānam) 1140. Tôi đã thực hiện sự tô trét bằng vôi bột và đã cho xây dựng đường kinh hành của bậc Hiền Trí Anomadassĩ, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. ' 1141. Tôi đã trải lót đường kinh hành với những bông hoa có màu sắc khác nhau. Sau khi thực hiện mái che ở không trung, tôi đã chăm lo bữa ăn đến đức Phật tối thượng.

88 KINH TIỂU BÔ

1142. Tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ bậc có sự hành trì tốt đẹp. Khi ấy, tôi đã dâng tặng ngôi giảng đường dài đến đức Thế Tôn. 1143. Biết được ý định của tôi, bậc Đạo Su, đấng Vô Thượng ở Thế Gian, đức Thế Tôn, bậc Hưu Nhãn đã thọ ĩủiận, vì lòng bi mẫn. 1144. Sau khi thọ nhận, đấng Toàn Giác, bậc Xứng Đáng Cúng Dường [ở thế gian] luôn cả chư thiên đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này: 1145. "Người nào với tâm mừng rỡ đã thực hiện ngôi giảng đường dài cho Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lăng nghe Ta nói. 1146. Vào thời điểm tử biệt của người có được nghiệp phước thiện này, ngay lập tức sẽ hiện diện cỗ xe ngựa được thắng một ngàn con. 1147. Người nam này sê đi đên thê giới chư thiên băng cô xe ây. Khi sự việc tốt lành được thành tựu, chư thiên sẽ tùy hỷ. 1148. [Người này] sẽ cư ngụ ở cung điện có các nhà mái nhọn cao quý, vô cùng giá trị, đứng đầu trong các cung điện, có vữa tô là châu báu và đất sét. 1149. [Người này] sẽ sướng vui ở thê giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp, và sẽ trở thành vị Thiên vương trong hai mươi lăm kiếp. 1150. Và [người này] sẽ trở thành đang Chuyên Luân Vương bảy mươi bảy lần. Tất cả các vị ấy đều có chung một tên là Yasodhara với cùng ý nghĩa. 1151. Sau khi thọ hưởng hai sự thành tựu va gom góp sự tích lũy về phước thiện, [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ở kiếp thứ hai mươi tám. 1152. Cũng ở tại nơi ấy, có cung điện cao quý đã được hóa hiện ra bởi vi Trời Vissakamma. [Người này] sê cư ngụ tại thành phố được náo nhiệt với mười loại tiếng động ấy. 1153. Vô lượng kiếp về sau, [người này] với tên là Okkâka sẽ là vị vua ở trong xứ sở, là đấng bảo hộ trái đất có đại thần lực. 1154. Và người nữ cao quý ấy trong số tất cả mười sáu ngàn nữ nhân, là vị nữ Sát-đế-lỵ đã được sanh ra cao quý, sẽ hạ sanh chín người con. 1155. Sau khi sanh chín người con, người nữ Sát-đế-lỵ sẽ chết đi. Một người nữ khác trẻ trung và yêu dấu sẽ làm hoàng hậu chánh cung. 1156. Sau khi làm đức vua Okkâka vui thích, người con gái sẽ đạt được sự ưu đãi. Sau khi đạt được sự ưu đãi, người con gái ấy sẽ lưu đày các người con. 1157. Và những người con bị lưu đày ấy sẽ đi đến ngọn núi [Hy-mã-lạp] tối thượng. Do nỗi lo sợ vì sự chia lìa dòng dõi, tất cả bọn họ đã sống chung với các người chi. 1158. Và một người con gái sẽ bị thương tổn bởi nhiều căn bệnh. Các vị Sát-đế-lỵ sẽ vùi lấp [nàng

ở trong hố đất, nói rằng]: uChớ tách rời dòng dõi của chúng ta."

THÁNH NHÂN KÝ sự 89

1159. Có vi Sát-đế-lỵ sẽ đưa nàng ấy đi rồi sống cùng với nàng ấy. Lúc bấy giờ, sự chia lìa có nguồn gốc gia tộc Okkãka sẽ xuất hiện. 1160. Hậu duệ của hai vi ấy sẽ thuộc về dòng dõi tên là Koliya. Họ thọ hưởng của cải thuộc về nhân loại ở tại nơi ấy không phải là ít. 1161. Sau khi mệnh chung từ xác thân ấy, [người này] sẽ đi đến thế giới chư thiên. Cũng ở tại nơi ấy, [người này] sẽ có được cung điện cao quý, thích ý. 1162. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, [người này] sẽ đi đến bản thể loài người và sẽ có tên là Sona. 1163. Có sự ra sức tinh tấn, có tính khẳng quyết, trong khi đang nỗ lực ở trong giáo pháp của bậc Đạo sư, [người này] sẽ biêt toàn diện vê tát cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn? không còn lậu hoặc. 1164. Đức Thế Tôn Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā, vi có sự thấy không giới hạn, bậc có sự biết toàn diện, đang Đại Hùng sẽ thiết lập [người này] vào vị thế tối thang?9 1165. Tôi đã được rèn luyện trong sự rèn luyện tối thượng, tâm của tôi đã khéo được củng cố, tất cả nhiệm vụ đã được đặt xuống, tôi đã Niết-bàn, không còn lậu hoặc. 1166. Đấng Long Tượng dòng dõi Añgīrasa, tợ như con sư tử đã được sanh ra tốt đẹp, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng. 1167. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sonakotikanna đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Sonakotikanna" là phần thứ nhì.

43. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KĀLIGODHĀPUTTA BHADDIYA (KāUgodhāputtabhaddiyattherāpadūnam) 1168. Tất cả mọi người đi đến đức Toàn Giác Padumuttara, bậc Đại Hiền mr ,.A . on Ạ Ả Ẩ 1 1 0 • Trí có tâm từ ái, đang Lãnh Đạo cao cả của toàn thê thê gian. 1169. Tất cả [mọi người] dâng cúng vải vóc, luôn cả chỗ nằm ngồi, thực phẩm, thức ăn và nước uống đến bậc Đạo sư [và] ở phước điền vô thượng. 1170. [Nghĩ rằng]: “Ta cũng sẽ dâng cúng vật thí đến vị Trời Của Chư Thiên như thế ấy", tôi đã thỉnh mời đức Phật tối thượng và luôn cả hội chúng vô thượng. 1171. Và được tôi khh le, những người này đã thỉnh mời đức Như Lai và toàn thê hội chúng Tỳ-khưu là phước điên vô thượng. 1172. Tôi đã sửa soạn chiếc ghế bành bằng vàng [trị giá] một trâm ngàn, được phủ thảm lông cừu, [được làm] bằng sợi len, bông gòn, chỉ lanh và bông vải, là chỗ ngồi vô cùng giá tri xứng đáng với đức Phật.

90 KINH TIỂU BÔ

1173. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu, được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu đã đi đến cửa nhà của tôi. 1174. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đi ra tiếp đón bậc Toàn Giác, đấng Bảo Hộ Thế Gian có danh tiếng, và đã rước Ngài vào căn nhà của mình. 1175. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã làm toại ý đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, và một trăm ngàn vị Tỳ-khưu với món cơm thượng hạng. 1176. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này: 1177. "Người nào đã dâng cúng chô ngôi băng vàng được phủ thảm len lông cừu này, Ta sẽ

tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 1178. Người ây sẽ cai quản thiên quôc bảy mươi bôn lân và sẽ thọ hưởng sự thành đạt, được các tiên nữ trọng vọng. 1179. [Người ấy] sẽ ngự tri một ngàn xứ sở? vương quốc ở trái đất và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm mươi mốt lần. 1180. [Người ấy] sẽ là người có gia tộc cao sang trong số tất cả các dòng dõi xuất thân. Và về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người ấy sẽ xuất gia và sẽ trở thành vi Thinh văn của bậc Đạo Su, có tên là Bhaddiya." 1181. Gắn bó với sự độc cư, tôi đã cư ngụ ở nơi thanh vắng. Và tất cả các quả vi đã được tôi chứng dạt, giờ đây tôi có điều ô nhiễm đã được dứt bỏ. 1182. Biết rõ mọi việc của tôi, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng. 1183. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bhaddiya Kāligodhāyaputta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. aKý sự về Trưởng lão Bhaddiya KâỊigodhãputta" là phần thứ ba.

44. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SANNITTHĀPAKA (Sannitthāpakattherāpadānam) 1184. Sau khi tạo nên một liêu cốc nhỏ ở trong rưng, tôi sống ở trong vùng đồi núi, tự hài lòng với việc có hay không có, với việc có được danh tiếng hay không có danh tiếng. 1185. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, cùng với một trăm ngàn vị có năng lực đã đi đến khu vực của tôi. 1186. Khi bậc Đại Hùng tên Padumuttara đi đến gần? tôi đã chuẩn bị tấm thảm cỏ và đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư. 1187. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng trái āmanda và nước uông đên bậc có bản thê chính trực.

THÁNH NHÂN KÝ sự 91

1188. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của trái āmanda. 1189. Trước đây bốn mươi mốt kiếp, tôi đã là vi Arindama độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1190. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sannitthāpaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ky sự về Trưởng lão Sannitthāpaka" là phần thứ tư.

45. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PAÑCAHATTHIYA (PañcahatthiyattherāpadSnam) 1191. Bậc Toàn Giác tên Sumedha đi ở khu phô chợ, có mát nhìn xuông, có lời nói cân nhắc, có niệm, có giác quan thu thúc. 1192. [Dân chúng] đã mang đên tôi năm bó hoa sen xanh đê làm vòng hoa đội đầu. Được tinh tín, tôi đã tự tay mình cúng dường vật ấy đến đức Phật. 1193. Và những bông hoa được dâng lên ấy đã trở thành mái che cho bậc Đạo Sư, và đã di chuyên theo đang Long Tượng giông như những người học trò di chuyển theo người thầy. 1194. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa cho đến ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1195. Trước đây hai ngàn kiếp, đã có năm vị Sát-đế-lỵ cùng tên Hatthiya, là các đang Chuyên Luân Vương, có oai lực lớn lao. 1196. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pañcahatthiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trường

lão Pañcahatthiya^ là phần thứ năm.

46. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PADUMACCHADANIYA (Padumacchadaniyattherāpadānam) 1197. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian Vipassī, nhân vật cao cả đã Niết-bàn, tôi đã cầm lấy đóa sen hồng khéo được nở rộ dâng lên giàn hỏa thiêu. 1198. Và khi bông hoa được dâng lên giàn hỏa thiêu, nó đã bay lên hư không bầu trời. Tôi đã tạo nên và đã duy trì mái che ở không trung, nơi giàn hỏa thiêu. 1199. [Ke từ Idii] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.*

Pañcahatthiya nghĩa là liên quan đến năm (pañca) bó (hatthà) hoa sen xanh.,,

1200. Trước đây bốn mươi bảy kiếp, [tôi đã là] đấng Chuyển Luân Vương tên Padumissara, là người chinh phục bốn phương, có oai lực lớn lao. 1201. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Padumacchadaniya2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Padumacchadaniya^ là phần thứ sáu.

47. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SAYANADẢYAKA (Sayanadāyakattherāpadānam) 1202. Chiếc giường cao quý được trải lên bằng các lớp vải đã được tôi dâng cúng đến đức Thế Tôn Siddhartha, vị có tâm từ ái như the ấy. 1203. Đức Thế Tôn đã thọ nhận chỗ nằm ngồi thích hợp. Đấng Chiến Thắng đã từ chỗ ngồi đứng dậy rồi bay lên không trung. 1204. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng chiếc giường trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiec giường. 1205. Trước đây năm mươi mốt kiếp, [tôi đã là] vị tên Varuna Deva, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1206. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt).. tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sayanadãyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Sayanadãyaka^ là phần thứ bảy.

48. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CAÑKAMADĀYAKA (CañkamadāyakattherSpadānam) 1207. Sau khi gom góp các viên gạch, tôi đã cho xây dựng đường kinh hành của đấng Hiền Trí Atthadassĩ, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. 1208. Đường kinh hành đã được kiến tạo tốt đẹp, cao năm ratana (một mét hai lăm), dài một trăm cánh tay (năm mươi mét), đáng được trân trọng, thích ý. 1209. Đức Thế Tôn, đấng Tối Thượng Nhân Atthadassĩ đã thọ nhận. Ngài đã cam lay cát bang bàn tay và đã nói lên những lời kệ này: 1210. "Do sự dâng cúng cát và đường kinh hành đã khéo được xây dựng này, [người ấy] sẽ thọ hưởng cát có chứa đựng bảy loại châu báu. 1211. [Người áy] sẽ cai quản thiên quôc ở giữa chư thiên ba kiêp và sẽ thọ hưởng sự thành dạt, được các tiên nữ trọng vọng. 1212. Sau khi đi đến thế giới nhân loại, [người ấy] sẽ là đức vua ở quốc độ. Và người ấy sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ở trái đất ba lần."

2 Padumacchadaníya nghĩa là 44vị liên quan đến mái che (chadana) bằng hoa sen hồng (padumà)y 3 Sayanadãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) chiếc giường (sayanà)y

1213. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của đường kinh hành. 1214. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Cañkamadāyaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Cañkamadāyaka95 là phần thứ tám.

49. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SUBHADDA (Subhaddattherāpadānam) 1215. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, có danh vọng lớn lao, đã tiếp độ đám đông dân chúng rồi Niết-bàn. 1216. Và trong khi bậc Toàn Giác đang Niết-bàn, mười ngàn [thế giới] đã rung động. Khi ấy, đã có tập thể dân chúng đông đảo và chư thiên đã tụ hội lại. 1217. Sau khi cúng dường trâm hương cùng với các loại bột thơm và hoa nhài, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ? tôi đã thoa lên đấng Tối Thượng Nhân. 1218. Biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng ở Thế Gian, bậc Toàn Giác ngay khi đang nằm đã nói lên những lời kệ này: 1219. "Ngu&i nào đã phủ lên [cơ thể Ta] bằng vật thơm và tràng hoa vào thời điểm cuối cùng của Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta noi. 1220. Mệnh chung ở đây, người nam này sẽ đi đến cõi trời Đẩu-suất. Sau khi cai quản vương quốc ở tại nơi ấy, người ẩy sẽ đi đến cõi Hóa Lạc thiên. 1221. Sau khi cúng dường tràng hoa cao quý tối thượng theo phương thức này đây, được hài lòng với nghiệp của chính mình, người ây sẽ thọ hưởng sự thành đạt. 1222. Người nam này cũng sẽ tái sanh ở cõi trời Đẩu-suất lần nữa. Sau khi mệnh chung từ cõi trời ây [người này] sẽ đi đên bản thê nhân loại. 1223. Người con trai dòng Sakyā, đang Long Tượng cao cả ở thê gian luôn cả chư thiên, bậc Hữu Nhãn sẽ giúp cho nhiêu chúng sanh giác ngộ rồi sẽ Niết-bàn. 1224. Trong khi đã thành đạt sự xuất gia [làm đạo sĩ], được thúc đây bởi nhân tố trong sạch [người này] sẽ đi đến gặp bậc Toàn Giác, và khi ấy sẽ hỏi câu hỏi. 1225. Bậc Toàn Giác, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian sẽ làm cho [người này] vui vẻ. Sau khi biết toàn diện về hành động phước thiện, Ngài sẽ phô bày các chân lý [cao thượng]. 1226. Và được hài lòng về câu hỏi, người này sẽ hớn hở, có tâm chăm chú. Sau khi đảnh lễ bậc Đạo Sư, [người này] sẽ cầu xin sự xuất gia.

4 Cañkamadāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) đường đi kinh hành (cañkama)y

1227. Đức Phật ấy, bậc rành rẽ về giáo pháp cao cả, sau khi nhìn thấy [người này] có tâm tinh tín, hoan hỷ với nghiệp của mình, sẽ cho [người này] xuất gia. 1228. Sau khi nỗ lực trong giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác, sau khi biết A r \ toàn diện vê tát cả các lậu hoặc, người nam này sẽ Niet-ban, không còn lậu hoặc?5 (Dứt tụng phẩm thứ năm). 1229. Được gắn liền với nghiệp quá khứ, có sự chăm chú, khéo được định tinh, tôi là người con trai chánh thống của đức Phật, đã được sanh ra từ giáo pháp, đã được tạo ra tốt đẹp. 1230. Sau khi đi đến gặp đấng Pháp Vương, tôi đã hỏi câu hỏi tối thượng. Và trong khi giảng giải về câu hỏi của tôi, Ngài đã đưa tôi vào dòng chảy giáo pháp. 1231. Sau khi hiểu được giáo pháp của Ngài, tôi đã sống, được thỏa thích trong giáo

pháp. Sau khi biết toàn diện vê tát cả các lậu hoặc, tôi sông không còn lậu hoặc. 1232. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Lãnh Đạo Padumuttara đã Niết- bàn, không còn chấp thủ, tợ như cây đèn đã tắt vì sự cạn kiệt về dầu thắp. 1233. Đã có ngôi bảo tháp làm băng châu báu cao bảy do-tuân. Tại nơi ây, tôi đã cúng dường ngọn cờ tót đẹp vê mọi mặt, làm thích ý. 1234. . Và vị: Thinh r văn. hàng r đầu r tên Tissa của đức Phật Kassapa, người thừa tự giáo pháp của đang Chiên Thăng, đã là con trai ruột của tôi. 1235. Do tâm ý kém cỏi, tôi đã nói lơi nói không tốt đẹp với vi ấy. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng vào thời điểm cuối cùng. 1236. Tại rừng cây sâla Ưpavattana, ở chỗ nằm cuối cùng, đấng Hiền Trí, bậc Đại Hùng, đấng Chiến Thắng, bậc có sự lợi ích và lòng bi mẫn? đã cho [tôi] xuất gia. 1237. Giờ dây, đúng ngày hôm nay là sự xuất gia, đúng ngày hôm nay là sự tu lên bậc trên, đúng ngày hôm nay là sự viên tịch Niết-bàn trong sự hiện diện của bậc Tối Thượng Nhân. 1238. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Subhadda đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Subhadda" là phần thứ chín.

50. KỶ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CUNDA (Cundattherāpadānam) 1239. Sau khi cho thực hiện cây cột trụ danh cho đức Thế Tôn Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, tôi đã phủ lên bằng các bông hoa nhài.

THÁNH NHÂN KÝ sự 95

1240. Sau khi làm hoàn tất, tôi đã đem bông hoa ấy lại gần đức Phật. Tôi đã cầm lấy phần còn lại của bông hoa và đã dâng lên đức Phật. 1241. Đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian trông tợ như cây cột trụ bằng vàng. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng tặng cây cột trụ bông hoa đến Ngài. 1242. Đấng Toàn Giác, bậc có sự nghi hoặc đã được loại trừ? được tháp tùng bởi những vị đã vượt qua các bộc lưu, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khiru đã nói lên những lời kệ này: 1243. "Người nào đã dâng cúng cột trụ bông hoa đang tỏa ra mùi hương của cõi trời đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 1244. Mệnh chung ở đây, người nam này sẽ đi đến thế giới chư thiên, [và sẽ] được hội chúng chư thiên tôn trọng, được các bông hoa nhài phủ quanh. 1245. Được phát khởi từ nghiệp phước thiện, có chỗ tru ngụ cao vút làm bang vàng và ngọc ma-ni, có cung điện sẽ được hiện ra cho vị ấy. 1246. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc bảy mươi bốn kiếp và sẽ thọ hưởng sự thành dạt, được các tiên nữ trọng vọng. 1247. [Người ấy] sẽ ngự trị quốc độ thuộc đất liền ở trái đất ba trăm lần, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần. 1248. [Người ấy] sẽ trở thành vị thống lãnh nhân loại tên là Dujjaya. Được nương tựa vào nghiệp của chính mình, [người ấy] sẽ thọ hưởng phước báu ấy. 1249. [Người ấy] sẽ không đi đến đọa xứ và sẽ đi đến bản thể nhân loại. Và số vàng không ít hơn một trăm koti (một tỷ) sẽ được tích lũy [cho người ấy]. 1250. Người ấy sẽ sanh vào dòng dõi Bà-la-môn và sẽ là người con trai ruột thông minh yêu dấu của [Bà-la-môn] Vañganta và bà Sārī. 1251. Và về sau, người ấy sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Añgīrasa [Phật Gotama] và sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Su, có tên là Cũlacunda. 1252. Người ấy sẽ trở thành bậc có lậu hoặc được đoạn tận ngay khi còn là vị Sa-di. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu

hoặc, người ấy sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.” 1253. Tôi đã phục vụ đấng Đại Hùng và nhiều vị hiền đức khác, và tôi đã hầu cận người anh trai của tôi nhằm đạt đến mục đích tối thượng. 1254. Tôi đã phục vụ người anh trai của tôi/ tôi đã đặt Xá-lợi [của anh tôi] ở trong bình bát và đã trình lên đấng Toàn Giác, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu. 1255. Đức Phật ở thế gian luôn cả chư thiên đã cầm lấy bằng hai tay, và trong khi phô bày Xá-lợi ấy, Ngài đã tán dương vị Thinh văn hàng đàu.

5 Anh trai của vị Cunda này là Ngài Sāriputta, tức là vị Thinh văn hàng đầu.

1256. Tâm của tôi đã khéo được giải thoát, đức tin của tôi đã được thiết lập. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 1257. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)..tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Cunda đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Cunda" là phần thứ mườĩ.

Phần tóm lược Vị Upli, vị Sona, vị Bhaddiya, vị Sannitthāpaka, vị Hatthiya, mái che, giường năm, đường kinh hành, vị Subhadda, vi tên Cunda; [tông cộng] có một trăm bốn mươi câu kệ và bốn câu thêm vào đó. Phẩm Ưpãlỉ là phẩm thứ năm.

VI. PHAMVĪJANĪ ąĨJANĨVAGGƠ)

51. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VIDHŪPANADĀYAKA (Vidhūpanadāyakattherāpadānam) 1258. Chiếc quạt đã được toi dâng cúng đến đức Phật Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, đấng Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 1259. Sau khi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã chắp tay lên. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác rồi ra di, mặt hướng phía Bắc. 1260. Sau khi cầm lấy chiếc quạt, bậc Đạo Su, đấng Vô Thượng ở Thế Gian trong khi đang đứng ở nơi hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên lời kệ này: 1261. "Do sự dâng cúng chiêc quạt này và do các nguyện lực của tâm, [người ấy] không sa vào đọa xứ trong một trăm ngàn kiếp.” 1262. Có sự ra sức tinh tấn, có tính khẳng quyết, được định tĩnh là đức tính của tâm, vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 1263. [Trước đây] sáu mươi ngàn kiếp, đã có mười sáu vị vua tên Vījamāna là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 1264. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vidhũpanadãyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6ốKý sự về Trưởng lão Vidhūpanadāyaka^ là phần thứ nhất

52. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SATARAMSIKA (Sataramsikattherāpadānam) 1265. Sau khi trèo lên tảng đá cao, đấng Tối Thượng Nhân đã ngồi xuống. Tôi là vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật, [cư ngụ] ở không xa ngọn núi. 1266. Khi đấng Đại Hùng, vị Trời Của Chư Thiên, bậc Nhân Ngưu đã ngồi xuống, tôi đã chắp tay lên và đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng: 1267. "Vị này là đức Phật, đấng Đại Hùng, bậc giảng giải về giáo pháp cao quý, đứng đầu hội chúng Tỳ-khưu9 chói sáng như là đống lửa. 1268. Tợ như đại dương không bị suy suyển, tợ như biển cả khó mà vượt

1 Vỉdhũpanadãyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) cái quạt (yidhũpana)y

qua, bậc Hữu Nhãn thuyết giảng giáo pháp tợ như [con sư tử], vua của loài thú lÂông bị hãi SỌƯ' 1269. Biết được ý định của tôi, đấng Lãnh Đạo Padumuttara đứng ở nơi hội chúng Tỳ-khưu, đã nói lên những lời kệ này: 1270. "Su chắp tay này đã được dâng cúng và đức Phật tối thượng đã được ngợi ca bởi người nào, [người ấy] sẽ cai quản thiên quốc ba mươi ngàn kiếp. 1271. Cho đên một trăm ngàn kiêp [vê sau này], bậc Toàn Giác tenAñgīrasa, vị đã dứt bỏ tội lỗi, sẻ hiện khni. 1272. [Người ấy] sẽ là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, là vị A-la-hán với tên Satararnsī.^ 1273. Vào lúc bảy tuổi tính tư khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Tôi có ánh sáng tỏa ra, [cho nên] tôi có tên là Sataramsī [frăm tia sáng]. 1274. ở mái che hoặc ở gốc cây, tôi là người có thiền chứng, được thỏa thích về thiền. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác. 1275. [Trước đây] sáu mươi ngàn kiếp, [đã có] bốn vị có tên Râma là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1276. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sataramsika đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. *55 là phần thứ nhì. 6ẾKý sự về Trưởng lão Sataramsika53

53. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SAYANADÃYAKA (Sayanadāyakattherāpadānam) 1277. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng chiếc giường đến đức Phật Padumuttara ấy, bậc Có Lòng Thương Tưởng đến tất cả thế gian. 1278. Do sự dâng Cling chiếc giường ấy, có sự thành tựu của hạt giống [đã được gieo] ở thửa ruộng tót, các của cải được sanh lên cho tôi đây; điều này là quả báo của chiếc giường. 1279. Tôi thực hiện việc nằm ngủ ở trên không trung, tôi nâng đỡ trái đất này, tôi có quyền lãnh đạo đối với các sanh mạng; điều này là quả báo của chiêc giường. 1280. [Trước đây] năm ngàn kiếp, đã có tám vị [tên là] Mahâvara. Và [trước đây] ba ngàn bốn trăm kiếp, [đã có] bốn vị có oai lực lớn lao. 1281. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sayanadâyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Sayanadâyaka^ là phần thứ ba.

2 Sayanadãyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) chiếc giường (sayană)y

54. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO GANDHODAKIYA (Gandhodakiyattherāpadānam) 1282. Đã có lễ hội ở cội đại Bồ-đề của đức Phật Padumuttara. Tôi đã mang theo cái bầu nước đã được trang hoàng và tôi đã dâng cúng nước có hương thơm. 1283. Vào thời điểm rưới nước cho cội Bồ-đề, có đám mây lớn đã đổ mưa. Và đã có tiêng động lớn trong lúc sâm sét đang nô ra. 1284. Tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy [và đã tái sanh] tợ như tốc độ của tia sét ấy. Trong khi đứng ở thế giới chư thiên, tôi đã nói lên lời kệ này: 1285. "Ôi đức Phật! Ôi giáo pháp! ôi sự thành tựu của bậc Đạo Sư của chúng ta! [Khi] thân thể của tôi bị ngã xuống thì tôi sướng vui ở thế giới chư thiên.^, 1286. Chỗ trú ngụ của tôi cao vút, có một trăm tầng lầu được vươn lên, có một trăm ngàn thiếu nữ luôn luôn vây quanh tôi. 1287. Các bệnh tật của tôi không được biết đến, sự sầu muộn của tôi không có, tôi

không nhìn thay sự bực bội; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 1288. [Trước đây] hai ngàn tám trăm kiếp, tôi đã là đức Vua Samvasita, là đang Chuyên Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1289. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Gandhodakiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Gandhodakiya” là phần thứ tư.

55. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO OPAVAYHA (Opavayhattherāpadānam) 1290. Tôi đã dâng cúng con ngựa thuần chủng đến đức Phật Padumuttara. Sau khi dâng tặng cho bậc Toàn Giác, tôi đã đi vê căn nhà của mình. 1291. Vị có tên Devala là Thinh văn hàng đầu của bậc Đạo sư, là người thừa tự của giáo pháp cao quý, đã đi đến gặp tôi [nói rang]: 1292. "Đức Thế Tôn chỉ sử dụng bình bát và vật dụng thiết yếu của mình, con ngựa thuần chủng là không thích hợp. Biết được ý định của ngươi nên bậc Hữu Nhãn đã chấp thuan." 1293. Sau khi cho người định giá con ngựa Sindhu có tốc độ như gió là phương tiện di chuyển mau chóng, tôi đã dâng cúng vật dụng thích hợp đến đức Phật Padumuttara. 1294. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có những con ngựa với tốc độ như gió, đáng được thuần phục, được tô điểm, [đã] sanh lên cho tôi. 1295. Những ai đạt được sự tu lên bậc trên [với Ngài], lợi ích của những vị

3 Gandhodakiya nghĩa là t4vị liên quan đến nước (udakā) có hương thơm (gandhā)'

ấy là đã được thành tựu tốt đẹp. Nếu đức Phật sẽ hiện hữu ở thế gian, tôi có thể gập lại Ngai lần nữa. 1296. Tôi đã là vi vua có oai lực lớn lao, là người chinh phục bốn phương, là chúa tê của xứ Jambudīpa hai mươi tám lân. 1297. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vi thế bất động. 1298. [Trước đây] ba mươi bốn ngàn kiếp, tôi đã là vi Sát-đế-lỵ có quyền uy vĩ dại, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1299. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão opavayha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Opavayha” là phần thứ năm.

56. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SAPARIVẢRẢSANA (Saparivārāsanattherāpadānaīn) 1300. Tôi đã dâng cúng vật thực đến đức Phật Padumuttara. Tôi đã đi đến địa diêm thọ trai ây và đã rải răc các bông hoa nhài. 1301. Đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian, bậc có bản thể chính trực, định tinh, ngồi ở chỗ ngồi ấy đã tán dương về phần vật thực rằng: 1302. "Cũng giống như chỉ một ít hạt giống được gieo xuống cánh đồng màu mỡ, khi có mưa rào thích hợp đô xuồng, két quả làm vui lòng người nông phu. 1303. Tương tợ y như thê, phân vật thực này đã được ngươi gieo xuống thửa ruộng màu mỡ, trong khi sanh ra ở cõi hữu, quả báo sẽ làm ngươi vui lòng/5 1304. Sau khi nói xong điều này, sau khi đã ngợi ca về phần vật thực, bậc Toàn Giác tên Padumuttara đã ra đi, mặt hướng phía Bắc. 1305. Tôi đã thu thúc trong Giới bổn (Pātimokkha) và ở năm giác quan, được gắn bó với sự cô tịch, tôi sống không còn lậu hoặc. 1306. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy

của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saparivārāsana4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Saparivārāsana59 là phần thứ sáu.

57. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCADĪPAKA (Pañcadīpakattherāpadānam) 1307. Sau khi đã khéo an trú trong Chánh pháp của đức Phật Padumuttara, bậc Có Lòng Thương Tưởng đến tất cả sanh linh, tôi đã có được quan điểm chín chắn.

4 Saparỉvārãsana nghĩa là có vật thực (asana) và các vật phụ thuộc (parivārā)^

1308. Tôi đã dâng cúng vật thí là các cây đèn sau khi đã đặt vòng quanh cội Bô-đê. Trong khi đang có niêm tin, tôi đã tức thời tháp sáng các cây đèn. 1309. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có những người câm đuôc ở không trung; điêu này là quả báo của việc dâng cúng đèn. 1310. Tôi thể nghiệm được sự nhìn thấy ở xung quanh một trăm do-tuần, sau khi đã vượt xuyên qua bức tường, xuyên qua tảng đá và ngọn núi. 1311. [Trước đây] ba ngàn bốn trăm kiếp, các vị vua có tên Satacakkhu đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có quyền uy vĩ đại, có oai lực lớn lao. 1312. Nhờ vào phân dư sót của nghiệp ây, tôi đã đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác. 1313. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pañcadīpaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão PañcadTpaka" là phần thứ bảy.

58. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO DHAJADĀYAKA (Dhajadāyakattherāpadānam) 1314. ở tại cội cây Bồ-đề của đức Phật Padumuttara, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ tôi đã treo ngọn cờ ở chóp đỉnh của cội cây. 1315. Tôi đã nhặt các lá cây bị rụng xuống rồi đã đổ bỏ ở bên ngoài. Tôi đã đảnh lễ cội Bồ-đề tối thượng tợ như [đảnh lễ] bậc Toàn Giác là vi trong sạch bên trong, trong sạch bên ngoài, đã được giải thoát, không còn lậu hoặc, đang ở trước mặt. 1316. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đứng ở nơi hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này: 1317. “Do cả hai việc là dâng cúng ngọn cờ và sự phục vụ này, người ấy không đi đên khô cảnh trong một trăm ngàn kiêp. 1318. [Người ấy] sẽ thọ hưởng sự huy hoàng ở cõi trời không phải la ít ở giữa chư thiên, sẽ là vị vua ở quốc độ hàng trăm lần, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương có tên Uggata. 1319. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi thọ hưởng sự thành đạt [người ấy] sẽ thỏa thích trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.55 1320. Có tính khăng quyêt vê sự nô lực, được an tinh, không còn mâm mống tái sanh, tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

5 Pañcadīpaka nghĩa là uvị có năm (pañca) cây đèn (đĩpakà)y

1321. [Trước đây] năm mươi mốt ngàn kiếp, [tôi đã] có tên Uggata. [Trước đây] năm mươi ngàn kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Meghā. 1322. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dhajadāyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về

Trưởng lão Dhajadāyaka" là phần thứ tám.

59. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMA (Padumattherāpadānam) 1323. Trong khi công bố về bốn sự thật, trong khi giúp cho đám đông dân chúng chứng ngộ Niết-bàn, bậc chuyển vận giáo pháp cao quý [đã] đổ cơn mưa bất tử. 1324. Tôi đã cầm lấy đóa sen hồng còn cả cuống đứng ở tầng thượng. Được mừng rỡ, tôi đã ném lên không trung [cúng dường] bậc Hiền Trí Padumuttara. 1325. Và trong khi đóa sen hồng đang đi đến, ngay khi ấy đã có điều kỳ diệu. Biết được ý định của tôi, bậc cao quý trong số các vi đang thuyết giảng đã nắm lấy. 1326. Sau khi cầm lấy đóa sen tối thượng trong các loài hoa bằng bàn tay hạng nhất, [đức Phật] đứng ở nơi hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này: 1327. "Nguôi nào đã thảy đóa sen hồng này đến đấng Toàn Tri, bậc Hướng Đạo, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 1328. [Người áy] sẽ là vi Chúa của chư thiên, cai quản thiên quôc ba mươi kiếp, và sẽ ngự trị quốc độ thuộc đất liền ở trái đất bảy trăm lần. 1329. Sau khi tính đếm số lượng cánh hoa ở tại nơi ấy, [người ấy] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương [bấy nhiêu lần], khi ấy sẽ có trận mưa bông hoa đô xuống từ không trung. 1330. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkãka sẽ xuất hiện ở thế gian. 1331. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, sau khi biêt toàn diện vê tát cả các lậu hoặc, [người áy] sẽ Niết-bàn không con lậu hoặc." 1332. Tôi đã ra khỏi lòng [mẹ] có sự nhận biết mình, có niệm [đầy đủ]. Vào lúc năm tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 1333. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Paduma đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Padumaṃ là phần thứ chín.

6 Dhạịadãyaka nghĩa là "vị dâng cúng (dãyako) cây cờ (dhạjà)y

60. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ASANABODHIYA (Asanabodhiyattherāpadānam) 1334. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đi đến gần bậc Tối Thượng Nhân. 1335. Đối với đức Thế Tôn Tissa, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã gieo trồng cội Bồ-đề tối thượng. 1336. [Cội Bồ-đề] là giống cây mọc ở trên mặt đất có tên là Asana. Tôi đã chăm sóc cội Bồ-đề toi thượng Asana năm năm. 1337. Sau khi nhìn thấy cội cây đã được trổ hoa là điều kỳ diệu khiến lông rởn ốc. Trong khi tán dương việc làm của mình, tôi đã đi đến gặp đức Phật tối thượng. 1338. Khi ấy, bậc Toàn Giác Tissa, đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả ấy, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đã nói lên những lời kệ này: 1339. "Người nào đã gieo trồng cội cây Bồ-đề này và đã tôn trọng sự cúng dường đức Phật, Ta sẽ tán dương người ây. Các người hãy lăng nghe Ta nói. 1340. Người ây sẽ cai quản thiên quôc ở giữa chư thiên ba mươi kiêp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương sáu mươi bốn lần. 1341. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi mệnh chung từ chính cõi trời Đẩu-suất, sau khi thọ hưởng hai sự thành dạt, người ấy sẽ sướng vui ở bản thể nhân loại. 1342. Có tính khăng quyêt vê sự nô lực, được an tịnh, không còn mâm mông tái sanh, sau khi

biêt toàn diện vê tát cả các lậu hoặc, người ây sẽ Niêt- bàn không còn lậu ho/c." 1343. Tôi đã găn bó với sự độc cư, được an tịnh, không còn mâm mông tái sanh. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi song không còn lậu hoặc. 1344. Ke từ khi tôi đã gieo trồng cội Bồ-đề trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc gieo trồng cội Bồ-đề. 1345. Trước đây bảy mươi bốn kiếp, [tôi đã] được nổi tiếng với tên Dandasena. Khi ấy, tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật. 1346. Trước đây bảy mươi ba kiếp, đã có bảy vị lãnh chúa là các đấng Chuyển Luân Vương tên Samantanemi. 1347. Trước đây hai mươi lăm kiếp, [tôi đã là] vi Sát-đế-lỵ tên Punnaka, là đang Chuyên Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1348. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

104 KINH TIẾU Bộ

Đại đức Trưởng lão Asanabodhiya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Asanabodhiya" ỉa phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị có cây quạt, vị Sataramsī, chiêc giường, vị có nước hương thơm, vi có phương tiện di chuyển, vị có vật phụ thuộc, cây đèn, ngọn cờ, vị cúng dường hoa sen hồng, và cội Bồ-đề là thứ mười. Như thế, [tổng cộng] có chín mươi hai câu kệ đã được nói đến. Phẩm Vījanī là phẩm thứ sáu.

7 Asanabodhiya nghĩa là tfcvi liên quan đến cội Bồ-đề (Bodhi) là giống cây asana.

THÁNH NHÂN KÝ sự 105

vn. PHẨM SAKACINTANIYA (SAKACINTANnAVAGGƠ)

61. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAKACINTANIYA (Sakacintaniyattherãpadãnam) 1349. Tôi đã nhìn thấy khu rừng bao la rậm rạp ít có tiếng động, không bị chộn rộn, chính là nơi tru ngụ của các vị ẩn si, là địa điểm tiếp nhận các vật hiến cúng. 1350. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp bằng cát, tôi đã rải rắc nhiều bông hoa khác loại. Tôi đã đảnh lễ [ngôi bảo tháp] đã được tạo nên, như là [đảnh lễ] bậc Toàn Giác đang ở trước mặt. 1351. Trở thành vị vua được thành tựu bảy loại báu vật, là chúa tể của quốc độ, tôi hài lòng với nghiệp của chính mình; điều này là quả báo của việc cúng dường ngôi bảo tháp. 1352. [Ke từ khij tôi đã dâng len bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường ngôi bảo tháp. 1353. [Trước đây] tám mươi kiếp, tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương Anantayasa, được thành tựu bảy loại báu vật, là chúa tê ở bốn châu lục. 1354. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sakacintaniya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6ốKý sự về Trưởng lão Sakacintaniya" là phần thứ nhất

62. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AVOPUPPHIYA (Avopupphiyattherāpadānam) 1355. Sau khi đi ra khỏi trú xá và bước lên ở con đường kinh hành, trong khi công bố về bốn sự thật, Ngài thuyết giảng về đạo lộ bất tò. 1356. Nhận biết được giọng nói của đấng Sikhī là đức Phật tối thượng như thế ấy, tôi đã cầm lấy nhiều loại bông hoa và đã tung lên ở không trung. 1357. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng

Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, sau khi từ bỏ sự hơn thua tôi đã đạt được VỊ thế bất động. 1358. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, 1 Sakacintaniya nghĩa là có sự suy nghĩ (cintanà) của chính mình (saka)'

. r t 2 > tôi không còn biết đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường bông hoa. 1359. Trước đây hai mươi kiếp, [tôi đã là] vi Sát-đế-lỵ tên Sumedha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1360. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Avopupphiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Avopupphiya" là phần thứ nhì.

63. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PACCĀGAMANIYA (Paccāgamaniyattherāpadānam) 1361. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài n^ỗng đỏ ở bờ sông Sindhu. Và tôi đã khéo ngăn ngừa các điều ác, có thức ăn thuần là loài thảo mộc ở trong nước. 1362. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang di chuyển ở trên không trung. Tôi đã dùng mỏ ngắt lấy bông hoa sãla và đã dâng lên [đức Phật] Vipassī. 1363. "Người nào có niêm tin ở đức Như Lai không bị lay chuyên khéo được thiết lập, do sự tinh tín ấy ở trong tâm người ấy không đi đến khổ cảnh/9 1364. Quả v? tôi đã thành công mỹ mãn trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. Hạt giống tốt đã được tôi gieo trồng trong khi tôi là loài chim. 1365. [Ke từ khi] toi đã dânệ lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa. 1366. [Trước đây] mười bảy kiếp, tám vị này có cùng một tên là Sucârudassana. Họ đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 1367. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Paccãgamaniya2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Paccâgamaniya" là phần thứ ba.

64. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PARAPPASÃDAKA (Parappasadakattherāpadānam) 1368. “Ai là người nhìn thấy bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, đấng Anh Hùng cao thượng quý phái, bậc Đại Ẩn Sĩ, đấng Chinh Phục mà không tinh tín? 1369. Tợ như núi Hy-mã-lạp là không thể đo lường được, tợ như biển cả là khó mà vượt qua, tương tợ y như thế về thiền của đức Phật, ai là người nhìn thấy mà không tính tín? 1370. Giông như trái đát với vòng đai rừng đa dạng là không thê ước lượng được, tương tợ y như thế về giới của đức Phật, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tin?

2 Paccãgamaniya nghĩa ỉa "vj có sự quay trở lại (pati-ã-gamanà)y

1371. Tợ như không gian là không bị khuấy động, giống như bàu trời là không thể tính đếm. tương tợ y như thế về trí của đức Phật. ai là người nhìn thấy ma khòng tịnh tmr 8 ự

1372. Vị Bà-la-môn tên Senā đã ngợi ca đức Phật tối thượng, bậc Không Bị Đánh Bại síddhattha, bằng bốn câu kẹ này. 1373. [Vị ấy] đã không đi đến khổ cảnh trong chín mươi bốn kiếp, đã thọ hưởng sự thành đạt tốt đẹp ở các cõi trời không phải là ít. 1374.

Sau khi ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương. 1375. [Trước đây] mười bốn kiếp, đã có bốn vị tên Uggata, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1376. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Parappasâdaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ky sự về Trưởng lão Parappasãdaka" là phần thứ tư.

65. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BHISADÃYAKA (Bhisadāyakattherāpadānam) 1377. Bậc có tên Vessabhū đã là vị thứ ba trong số các bậc Ẩn Sĩ.4 Bậc Tối Thượng Nhân đã đi sâu vào rừng và đã cư ngụ ở khu rùng rậm. 1378. Tôi đã cầm lấy củ và rễ sen rồi đã đi đến gần bên đức Phật. Được tinh tín, tôi đã tự tay mình dâng lên vật ấy đến đức Phật. 1379. Và bằng cái vòi tôi đã được va chạm với bậc Có Sự Giác Ngộ Cao Quý Vessabhū. Tôi chưa biết đến sự sung sướng nào bằng hoặc hơn điều ấy. 1380. [Đây là] lần sau cùng của tôi trong sự luân chuyển, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Điều lành đã được tôi gieo trồng trong khi tôi là loài long tượng. 1381. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen. 1382. Và [trước đây] mười ba kiếp, đã có mười sáu vi vua tên Samodhâna, là các bậc thống lãnh nhân loại, là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 1383. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bhisadâyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Bhisadãyaka" là phần thứ năm.

3 Parappasãdaka nghĩa là tạo cho người khác (paro) có được đức tin (pasãdakă)y 4 Là vị thứ ba trong số ba vị Phật Toàn Giác: Vipassī, Sikhī, Vessabhū (ÁpA. 389). 5 Bhisadãyaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) củ sen (bhisă)y

66. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SUCINTITA (Sucintitattherāpadānam) 1384. Tôi đã là người [thợ săn] lai vãng ở các khu vực hiểm trở của những n^ọn núi. Tợ như con sư tử đã được sanh ra tốt đẹp, tôi giết các bầy thú rừng và song ở trong vùng đồi núi. 1385. về phần đức Thế TônAtthadassĩ, đấng Toàn Tri, bậc cao quý trong số các vi đang thuyết giảng, có ý định tiếp độ tôi, Ngài đã đi đến ngọn núi cao nhất. 1386. Sau khi giết chết con nai đốm, tôi đã tiến đến để ăn thịt. Vào lúc ấy, đức Thế Tôn trong lúc khất thực đã đi đến gần. 1387. Toi đã cầm lấy những miếng thịt ngon và đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư ấy. Khi ấy, trong lúc giúp cho tôi chứng đạt Niệt-bàn, đấng Đại Hùng đã nói lời tùy hỷ. 1388. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã đi vào khu vực hiểm trở của ngọn núi. Sau khi làm cho niềm phỉ lạc sanh khởi, tôi đã qua đời ở tại nơi ấy. 1389. Do sự dâng cúng thịt ây và do các nguyện lực của tâm, tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên trong một ngàn năm trăm kiếp. 1390. Do chính sự dâng cúng thịt ây và sự tưởng niệm vê đức Phật, trong những kiếp còn lại điều lành đã được tôi tích lũy. 1391. [Trước đây] ba mươi tám kiếp, đã có tám vị tên là Dĩghãyu. Trước đây sáu ngàn kiếp, đã có hai vị tên là Varuna. 1392. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sucintita6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão

Sucintita” là phần thứ sáu.

67. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VATTHADĀYAKA (Vatthadãyakattherãpadữnam) 1393. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài chim có màu sắc đẹp đẽ, là vi thống lãnh loài nhân điêu. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang đi ở núi Gandhamâdana. 1394. Sau khi bỏ đi dáng vóc của loài nhân điểu, tôi đã mang lốt người thanh niên. Tôi đã dâng cúng một tấm vải đến đấng Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 1395. Và sau khi tiếp nhận mảnh vải ấy, đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian, bậc Đạo Sư đứng ở không trung, đã nói lên lời kệ này: 1396. "Do sự dâng cúng tấm vải này và do các nguyện lực của tâm, sau khi từ bỏ nguồn gốc nhân điểu [người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thien?9 1397. Và sau khi ca ngợi sự dang cúng tấm vải, đức Thế TônAtthadassĩ, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

6 Sucintita nghĩa ỉa uvị đã suy nghĩ (cỉntìtà) khôn khéo(S")."

THÁNH NHÂN KÝ sự 109

1398. Trong khi sanh ra ở cõi hữu, tôi có được sự thành tựu về vải vóc, có được mái che ở trên không trung; điêu này là quả báo của việc dâng cúng tâm vải. 1399. [Trước đây] ba mươi sáu kiếp, đã có bảy người tên Arunaka là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao, là các vị thống lãnh nhân loại. 1400. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vatthadãyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Vatthadâyaka" là phần thứ bảy.

68. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AMBADẢYAKA (Ambadữyakattherãpadãnam) 1401. Đức Thế Tôn Anomadassĩ, bậc không còn mầm mống tái sanh, ngồi ở vùng đồi núi đã lan tỏa với tâm từ ái ở thế gian vô hạn lượng. 1402. Khi ấy, tôi đã là con khỉ ở ngọn núi Hy-mã-lạp tối thượng. Sau khi nhìn thấy đấng Anoma Vô Lượng, tôi đã làm cho tâm tịnh tín ở đức Phật. 1403. Lúc bấy giờ, ở không xa núi Hy-mã-lạp có những cây xoài đã được kết trái. Tôi đã hái trái chín từ nơi ấy và đã dâng cúng trái xoài cùng với mật ong. 1404-05. Đức Phật, bậc Đại Hiền Trí Anomadassĩ đã chú nguyện điều ấy cho tôi rằng: "Do cả hai việc là sự dâng cúng mật ong và sự dâng cúng trái xoài này, [người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong năm mươi bảy kiếp, và trong những kiếp còn lại sẽ luân hồi xen kẽ [giữa cõi trời và cõi người]. 1406. [Người ấy] sẽ làm cho nghiệp ác được loại trừ nhờ vào trí giác ngộ đã được hoàn toàn chín muồi, sẽ không đi đên đọa xứ, và sẽ thiêu đốt các phiền nao?9 1407. Tôi đã được huấn luyện với sự huấn luyện tối thượng bỏd bậc Đại Ẩn Sĩ. Sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động. 1408. [Trước đây] bảy ngàn bảy trăm kiếp, mười bốn vị vua ấy có tên Ambatthaja đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 1409. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ambadãyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Ambadãyaka^ là phần thứ tám.

69. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SUMANĀ (Sumanattherapadānam) 1410. Lúc bấy giờ, tôi đã là người làm tràng hoa tên là Sumanā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng của thế gian. 1411. Tôi đã cầm lấy bônệ hoa nhài tối thượng bằng cả hai tay và đã dâng lên đức Phật Sikhī, đấng Quyên Thuộc Của Thế Gian.

7 Vatthadãyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dãyako) tấm vải {yatthă)y 8 Ambadãyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dãyako) trái xoài (amba)'

1412. Do sự cúng dường bông hoa này và do các nguyện lực của tác ý? tôi không còn biết đen khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa. 1413. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa 1414. [Trước đây] hai mươi sáu kiếp, đã có bốn vị vua có danh vọng lớn lao là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật. 1415. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sumanā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Sumanā" là phần thứ chín.

70. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PUPPHACAÑGOTIYA (Pupphacañgotiyattherāpadānam) 1416. [Đức Phật Sikhī] tợ như loài sư tử có dáng vóc không bị hãi sợ, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý, tợ như con hổ hùng tráng quý cao, tợ như con chim thuộc loài nhân điểu cao cả. 1417. Đức Phật Sikhī, nơi nương nhờ của tam giới, vị không còn dục vọng, bậc không bi đánh bại, đấng cao cả trong số các vị Sa-môn đã ngồi xuống, được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu. 1418. Tôi đã đặt để bông hoa anojā thượng hạng ở trong cái rương. Với chính cái rương ấy, tôi đã đang đến đức Phật tối thượng. 1419. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm đối với bậc Chúa Te Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu, sau khi từ bỏ sự hơn thua tôi đã đạt được vị thế bất động. 1420. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1421. [Trước đây] tròn đủ ba mươi kiếp, đã có năm vị tên Devabhũti, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật. 1422. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pupphacañgotiya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Pupphacañgotiya55 là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị có sự suy nghĩ của mình, vị Avopupphĩ, cùng với vị có sự quay trở lại, vi có sự tạo niềm tin cho người khác, vị dâng cúng củ sen, vị có sự suy nghĩ khôn khéo, vị cúng dường tấm vải5 vị dâng cúng xoài, vị Sumanā và luôn cả vị có cái rương bông hoa. [Tổng cộn^] có bảy mươi mốt câu kệ đã được nói lên, đã được tính đêm bởi các vị nhìn thây sự lợi ích. Phẩm Sakacintaiìỉya là phẩm thứ bảy. 9 Pupphacañgotiya nghĩa là 4tvị liên quan đến cái rương (cañgotaka) có chứa đựng bông hoa (puppha)y

vm. PHẨM NÃGASAMÃLA (NĀGASAMĀLAVAGGO)

71. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NÃGASAMÃLA (Nāgasamālattherāpadānam) 1423. Tôi đã dâng lên bông hoa āpātali ở ngôi bảo tháp của đấng Quyến Thuộc Thế Gian Sikhī [được tạo lập] ở khu vực cao ráo tại con đường lớn. 1424. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường ngôi bảo thápT 1425. Trước đây mười lăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Bhũmiya, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật,

có oai lực lớn lao. 1426. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nāgasamāla đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. íếKý sự về Trưởng lão Nāgasamāla^ là phần thứ nhất

72. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PADASAÑÑAKA (Padasaññakattherāpadānam) 1427. Sau khi nhìn thấy vết chân đã bước qua của đấng Quyến Thuộc Mặt Trời Tissa, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở bàn chân của Ngài. 1428. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về vét chân [cua đức Phật]. 1429. Trước đây vào kiếp thứ bảy, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Sumedha, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1430. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Padasañfiaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKỷ sự về Trưởng lão Padasaññaka" là phần thứ nhì.

73. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA (Buddhasaññakattherāpadānam) 1431. Tôi đã nhìn thấy tấm y may từ vải bi quăng bỏ của bậc Đạo sư được 1 Padasaññaka nghĩa là có sự suy tưởng (saññaka) về vết chân (padả) của đức Phật.^,

treo ở ngon cây, do đó tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ tấm y may từ vải bị quăng bo ấy. 1432. Ke từ Idii toi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật 1433. Trước đây vào kiếp thứ tư, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ [tên] Dumasãra, là người chinh phục bốn phương, là đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 1434. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Buddhasañflaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6ốKý sư về Trưởng lão Buddhasaññaka" ỉa phần thứ ba.

74. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BHISÃLUVADÃYAKA (Bhisãluvadữyakattherãpadãnam) 1435. Tôi đi sâu vào khu rừng rậm và cư ngụ ở trong khu rừng lớn. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, VỊ Thọ Nhận Các Vạt Hiến Cúng. 1436. Tôi đã dâng cúng củ sen và nước rửa tay. Sau khi đê đầu đảnh lễ ở bàn chân, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc. 1437. Ke từ khi tôi đã dâng cúng củ sen trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc phước thiện. 1438. Trước đây vào kiếp thứ ba, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ mệnh danh Bhisa, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1439. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bhisāluvadāyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Bhisāluvadāyaka59 là phần thứ tư.

75. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKASAÑÑAKA (Ekasaññakattherāpadānam) 1440. Vi có tên Khanda đã là bậc Thinh văn hàng đầu của [đức Phật] Vipassī. Một phần vật thực đã được tôi dâng cúng đến VỊ Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng của thế gian. 1441. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm đối với đấng Nhân Ngưu, bậc Chúa Te Của Loài Người, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một phần vật thực. 1442. Trước đây bốn

mươi kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Varuna, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1443. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

2 Bhisãluvadâyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) củ sen (bhisãluvà)y

Đại đức Trưởng lão Ekasañfiaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Ekasañña ka" là phần thứ năm.

76. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TINASANTHARADÃYAKA (Tinasantharadayakattherāpadānam) 1444. ở không xa núi Hy-mã-lạp đã có hồ nước thiên nhiên rộng lớn được bao phủ bởi trăm loại lá cây và là chỗ cư ngụ của nhiều loại chim khác nhau. 1445. Tôi đã tắm và đã uống nước tại nơi ấy, và tôi cư ngụ ở không xa. Tôi đã nhìn thấy bậc đứng đầu các vi Sa-môn đang di chuyên bằng đường không trung. 1446. Biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng ở Thế Gian, ngay khi ấy đã từ cung trời ngự xuống đứng ở trên mặt đất. 1447. Bằng cái sừng, tôi đã đem cỏ lại và đã dâng cúng chỗ ngồi. Đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Ba Cõi đã ngồi xuống ở tại chỗ ấy. 1448. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã khom mình xuống di chuyển sang một bên trong lúc đang chiêm ngưỡng bậc Đại Hiền Trí. 1449. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi Hóa Lạc thiên, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc trải lót [chỗ ngồi]. 1450. Trước đây vào kiếp thứ nhì, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ mệnh danh Miga, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1451. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tinasantharadãyaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Tinasantharadãyaka" ỉa phần thứ sáu.

77. KÝ SựVỀ TRƯỞNG LÃO SĨĨCĨĐÃYAKA(Sũcidâyakattherâpadânam) 1452. [Trước đây] ba mươi ngàn kiếp, [đã hiện khởi] bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian tên Sumedha có ba mươi hai hảo tướng. 1453. Có màu da vàng chói, Ngài là đấng Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. Năm cây kim khâu đã được tôi dâng cúng đến Ngài nhằm mục đích may y. 1454. Chính nhờ vào việc dâng cúng kim khâu ây mà trí tuệ săc bén, nhẹ nhàng, thoải mái, có sự nhận thấy rõ ý nghĩa vi tế, đã sanh khởi đến tôi. 1455. Bốn vị Vua tên Dipadâdhipati đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

3 Ekasañña ka nghĩa là có một lần (ekã) suy tưởng (sañña)y 4 Tinasantharadãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) tấm thảm (santhara) bằng cỏ (tỉnà)y

1456. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác. 1457. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt).. tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sũcidãyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Sflcidayaka^ là phần thứ

bảy.

78. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PÃTALIPUPPHIYA (Pātalipupphiyattherāpadānam) 1458. Lúc bấy giờ, tôi đã là con trai nhà triệu phú, mảnh mai, khéo được nuôi dưỡng. Tôi đã đặt bông hoa pātali vào lòng và đã mang theo bông hoa ấy. 1459. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói đang đi ở khu phố chợ. Ngài có ba mươi hai hảo tướng, tợ như cây cột trụ băng vàng. 1460. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã cúng dường bông hoa. Tôi đã lễ bái Đấng Hiểu Biết Thế Gian Tissa, đấng Bảo Hộ, vị Trời của nhân loại. 1461. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa. 1462. Trước đây sáu mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị có tên Abhisammata, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1463. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pātalipupphiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Pãtalipupphiya^ là phần thứ tám.

79. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO THITAÑJALIYA (Thitañjaliyattherāpadūnam) 1464. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác Có Tướng Mạo Cao Quý Tissa. 1465. Ngài đang ngồi ở nơi không xa, trên chiếc thảm lá của mình. Tôi đã chắp tay lại đối với Ngài rồi đã ra đi, mặt hướng phía Đông. 1466. Sau đó, tia sét đánh xuống vào lúc ấy đã giáng vào đầu của tôi. Vào thời điểm mệnh chung, tôi đây đã thực hiện việc chắp tay lần nữa. 1467. Ke tư khi tôi đã thực hiện việc chắp tay trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc chắp tay. 1468. [Trước đây] năm mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị có tên Migaketu, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1469. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

5 Sūcidāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) kim khâu (sũcí)y 6 Pãtalipupphiya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa ịpuppha) pātali.,,

THÁNH NHÂN KÝ sự 115

Đại đức Trưởng lão Thitañjaliya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Thitañjaliya^ là phần thứ chín.

80. KÝ SựVÈ TRƯỞNG LÃO TIPADUMIYA (Tipadumiyattherāpadānam) 1470. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Là bậc đã [tự mình] rèn luyện được tháp tùng bởi các vị đã được rèn luyện, đấng Chiến Thắng đã rời khỏi thành phố. 1471. Lúc bây giờ, ở thành phô Hamsavatī tôi đã là người làm tràng hoa. Tại nơi ấy bông hoa nào là tuyệt hảo, tôi đã cầm lấy ba bông hoa [ấy]. 1472. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, ở lối đi ngược lại tại khu phố chợ. Sau khi nhìn thấy bậc Toàn Giác, vào lúc ấy tôi đây đã suy nghĩ như vầy: 1473. "Ta được gì với những bông hoa này khi ta đem chúng dâng đến đức vua? Ta có thê đạt được ngôi làng, hoặc cánh đông làng, hoặc ngàn đông tiền? 1474. Đấng Bảo Hộ Thế Gian là vị điều phục những ai chưa được điều phục, là bậc Trí Tuệ, là nguồn đem lại sự an lạc cho tất cả chúng sanh, sau khi cúng dường Ngài ta sẽ đạt được tài sản bất tử." 1475. Sau khi suy nghĩ như thế,

tôi đã làm cho tâm của mình được tinh tín. Khi ấy, tôi đã cầm ba đóa [hoa sen] màu đỏ và đã ném lên không trung. 1476. Ngay khi vừa được tôi ném lên không trung, các bông hoa ấy đã xòe ra. Chúng duy trì tại nơi ây ở trên đâu, có cuông hoa ở phía trên, miệng hoa ở phía dưới. 1477. Sau khi nhìn thấy, bất cứ những ai thuộc loài người thì đã thốt lên tiếng hoan hô5 chư thiên ở trên không trung thì đã thể hiện hành động tán thán: 1478. "Điều kỳ diệu đã xuất hiện ở thế gian nhờ vào tác động của đức Phật tối thượng. Tất cả chúng ta sẽ lắng nghe giáo pháp nhờ vào tác động của những bông hoa?9 1479. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đứng ở ngay tại đường lộ, đã nói lên những lời kệ này: 1480. "Người thanh niên nào đã cúng dường đức Phật bằng ba đóa sen hồng, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 1481. [Người này] sẽ sướng vui ở thê giới chư thiên trong một trăm ngàn kiếp, và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi kiếp. 1482. Ngay lập tức sẽ hiện ra cung điện tên Mahāvitthārika, có chiều dài ba trăm do-tuần, chiều rộng một trăm năm mươi do-tuần. 1483. Và có bốn trăm ngàn tháp nhọn sẽ được hóa hiện ra, có các nhà mái nhọn cao quý, được đầy đủ các giường nằm rộng lớn. 1484. Hàng trăm ngàn koti nàng tiên thiện xảo về điệu vũ và lời ca, lại còn được thuần thục về trình tấu nhạc cụ nữa, sẽ quây quần xung quanh.

7 Thitañjaliya nghĩa là đã đứng ịthita) chắp tay (añjali)y

1485. [Người này] sẽ sống ở tại cung điện cao quý như thế ấy trong sự chộn rộn của đám nữ nhân, thường xuyên có cơn mưa bông hoa thuộc về cõi trời có màu đỏ. 1486. Đồng thời sẽ có những bông hoa màu đỏ có kích thước bằng bánh xe treo lơ lửng ở chốt gắn tường bằng ngà voi ở bên ngoài cánh cửa, ở cong chào. 1487. Tại nơi ây, bên trong cung điện cao quý được lót toàn băng cánh hoa, [và các cánh hoa] sau khi được trải ra và phủ lên thì sẽ nhập chung với nhau ngay lập tức. 1488. Các bông hoa màu đỏ tinh khiết ấy bao bọc xung quanh nơi cư ngụ một trăm do-tuần và tỏa ngát hương thơm cõi trời. 1489. Và [nguồi này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần. Lãnh thô vương quốc là bao la, không thê đo lường bằng phương diện tính đếm. 1490. Sau khi thọ hưởng hai sự thành tựu, không có tai họa, không có sự nguy khốn, khi kiếp sống cuối cùng được đạt đến [người này] sẽ chạm đến Nlết-bàn.^, 1491. Quả nhiên đức Phật đã được tôi nhìn thấy rõ ràng, thương vụ đã được kinh doanh khéo léo; sau khi cúng dường ba đóa hoa sen hông, tôi đã thọ hưởng ba sự thành tựu. 1492. Hôm nay, tôi là người đã đạt được giáo pháp, đã được giải thoát một cách trọn vẹn. Có bông sen đỏ khéo nở rộ sẽ được duy trì ở trên đầu của tôi. 1493. Trong lúc bậc Đạo Sư Padumuttara đang thuyết giảng về việc làm của tôi, đã có sự chứng ngộ giáo pháp của hàng ngàn chúng sanh và sinh mạng. 1494. [Ke từ khiỊ tôi đã cúng dường đức Phật trước đây một trăm nậàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của ba đóa sen hồng. 1495. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 1496. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tipadumiya8 đã nói lên những lời kệ này như

thế ấy. ííKý sự về Trưởng lão Tipadumiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị trưởng lão có tràng hoa, vi có sự suy tưởng về dấu chân, vị có sự suy tưởng [về đức Phật], vi dâng cúng củ sen, vị suy tưởng về một phần [vật thực], vị dâng cúng cỏ, [vị dâng cúng] kim khâu, vị có các bông hoa pātali, vi đứng chắp tay, vị có ba đóa sen hồng; [tổng cộng] có bảy mươi lăm câu kệ. Phẩm Nāgasamāla là phẩm thứ tám. 8 Tipadumiya nghĩa là liên quan đến ba (tĩ) đóa sen hồng (paduĩnà)y

THÁNH NHÂN KÝSự^ 117

IX. PHẨM TIMIRAPUPPHIYA (TIMIRAPUPPHIY4K4GGO)

81. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TIMIRAPUPPHIYA (Timirapupphiyattherãpadãnam) 1497. Tôi đi xuôi theo dòng nước ở bờ sông Candabhāgā và tôi đã nhìn thấy vi Sa-môn đang ngồi, thanh tinh, không bị chộn rộn. 1498. Tại nơi ây, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, vào lúc ây tôi đã suy nghĩ như vầy: 6íĐã vượt qua, vị này sẽ giúp cho vượt qua. Đã rèn luyện, vị này sẽ giúp cho rèn luyện. 1499. Đã được tự tại, [vi này] sẽ giúp cho tự tại. Đã được an tịnh, [vi này] sẽ giúp cho an tịnh. Đã giải thoát, [vị này] sẽ giúp cho giải thoát. Và đã Niêt-bàn, [vi này] sẽ giúp cho Niết-bàn/9 1500. Sau khi đã tự mình suy nghĩ như thê, tôi đã câm lây bông hoa timira và đã rải rắc lên đỉnh đầu của bậc Đại Ân Sĩ Siddhartha. 1501. Tôi đã chắp tay lên và đã đi nhiễu vòng quanh. Sau khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo su, tôi đã ra đi về hướng khác. 1502. Vừa mới ra đi không bao lâu, [con sư tử] vua của loài thú đã tấn công tôi. Trong lúc đi lần theo triền núi, tôi đã ngã xuống ngay tại chỗ ấy. 1503. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1504. [Trước đây] năm mươi sáu kiêp đã có đúng bảy vị có danh vọng lớn lao, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1505. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Timirapupphiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ốíKý sự về Trưởng lão Timirapupphiya" là phần thứ nhất

82. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GATASAÑÑAKA (Gatasaññakattherāpadānam) 1506. Bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo sư với tâm ý trong sạch.*

Timirapupphiya nghĩa là t4vi liên quan đến bông hoa (puppha) timira."

118 KINH TIỂU Bộ

1507. Tôi đã ném bảy bông hoa nañgalikī lên không trung, [tâm] hướng về đức Phật Tissa có biển ca đức hạnh vô biên. 1508. Sau khi cúng dường con đường đã được đấng Thiện Thệ đi qua với tâm ý vui mừng, khi ấy được tịnh tín tôi đã thực hiện việc chắp tay bằng các bàn tay của mình. 1509. Ke từ khi toi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1510. Trước đây vào kiếp thứ tám đã có ba vi [cùng tên] Aggisikha, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1511. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực

hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Gatasañña ka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Gatasañña ka" là phần thứ nhì.

83. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NIPANNAÑJALIYA (Nipannañjaliyattherāpadānam) 1512. ở trong khu rừng hoang rậm tôi đã đạt được tâm bi mẫn tối cao. Tôi đã ngồi xuống ở gốc cây, và tôi đã bị bệnh trầm trọng. 1513. Vì lòng thương tưởng, bậc Đạo Sư Tissa đã đi đến bên tôi. Đang ở trạng thái nằm, tôi đây đã chắp tay lại ở đầu. 1514. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác tối thượng của tất cả chúng sanh, và tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy. 1515. [Ke từ khi] tôi đã đảnh lễ bậc Tối Thượng Nhân trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ. 1516. Trước đây vào kiếp thứ năm đã có đúng năm vị [cùng tên] Mahâsikha, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1517. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nipannafiliya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Nipannañliya" ỉa phần thứ ba.

84. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ADHOPUPPHIYA (A dhopupphiyattherãpadãnam) 1518. Vị Tỳ-khưu tên Abhibhū ấy có đại thần lực, có tam minh, là vi Thinh văn hàng đầu của [đức Thế Tôn] Sikhī. Vị ấy đã đi đến núi Hy-mã-lạp.

2 Gatasañña ka nghĩa là "vi suy tưởng (sañña ka) đến con đường đức Phật đi qua (gata)y

1519. Tôi cũng là vị Ẩn sĩ sống ở khu ẩn cư xinh xắn tại núi Hy-mã-lạp, khi ây tôi có năng lực trong các pháp vô lượng [tâm] và các thần thông. 1520. Tợ như loài có cánh ở trên bầu trời, tôi đã định cư ở ngọn núi. Sau khi cầm lấy bông hoa adha, tôi đã đi đến ngọn núi. 1521. Sau khi cầm lấy bảy bông hoa, tôi đã rải rắc ở trên đỉnh đầu. Và khi được vị Anh Hùng nhìn thây, tôi đã ra đi mặt hướng phía Đông. 1522. Sau khi trở về khu ẩn cu, tôi đã đi đến chỗ tru ngụ. Tôi đã cầm lấy túi vật dụng và đã đi vào trong vùng đoi núi. 1523. Con trăn có bộ dạng ghê rợn, có sức mạnh khủng khiếp đã hành hạ tôi. Tôi đã nhớ lại việc làm trước đây và đã mệnh chung tại nơi ấy. 1524. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa tìirớc đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa. 1525. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Adhopupphiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Adhopupphiya" là phần thứ tư.

85. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO RAMSISAÑÑAKA (Ramsisañña kattherāpadānam) 1526. Trước đây, tôi đã tạo lập chỗ cư ngụ ở núi Hy-mẫ-lạp. Có y choàng là tấm da dê, tôi sống ở trong vùng đồi núi. 1527. Tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, tợ như mặt trời có trăm tia ánh sáng, tợ như cây sâla chúa đã được trổ hoa, đi vào bên trong khu rừng. 1528. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín đối với hào quang của bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī, tôi đã chắp tay lên, ngồi chồm hổm, rồi đê đầu đảnh lễ. 1529. Ke từ khi toi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng ve hào quang. 1530. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)...

tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ramsisañfiaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ramsisaññaka" là phần thứ năm.

86. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DUTIYARAMSISAÑÑAKA (Dutiyaramsisaññakattherāpadānam) 2531. Tôi là vi mặc y phục bằng vỏ cây ở núi Hy-mã-lạp. Và sau khi bước lên đường kinh hành tôi đã ngồi xuổng, mặt hướng phía Đông.

3 Adhopupphiya nghĩa là "'vị liên quan đến bông hoa (puppha) adha." 4 Ramsisaññaka nghĩa là suy tưởng (saññakā) đến hào quang (ramsi) đức Phát."

1532. Tôi đã nhìn thấy đấng Thiện Thệ Phussa ở ngọn núi, khi ấy Ngài đang thỏa thích ở trong thiền. Tôi đã chắp tay lên và đã làm cho tâm được tịnh tín ở ánh hào quang. 1533. Kê từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ây trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về hào quang. 1534. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ramsisaññaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ramsisaññaka" là phần thứ sáu.

87. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADÃYAKA (Phaladāyakattherāpadānam) 1535. Tôi là vị mặc tấm da dê sần sùi ở núi Hy-mã-lạp. Sau khi nhìn thấy đấng Chiến Thắng Cao Quý Phussa, có trái cây ở bàn tay, tôi đã dâng cúng trái cây. 1536. [Do] việc tôi đã dâng cúng trái cây với tâm ý trong sạch, khi tôi được sanh lên ở cõi hữu thì có trái cay hiện đến chơ tôi. 1537. [Ke từ khi] toi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 1538. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Phaladâyaka đã nói lên những lời kệ này như thê ây. wKý sự về Trưởng lão Phaladâyaka55 ỉa phần thứ bảy.

88. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA (Saddasaññakattherāpadānam) 1539. Tôi sốn^ ở tấm thảm bằng lá cây tại núi Hy-mã-lạp. Khi [đức Phật] Phussa đang nói vê giáo pháp, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở âm thanh. 1540. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 1541. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saddasaññaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Saddasaññaka" là phần thứ tám.

89. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BODHISIÑCAKA (Bodhisiñcakattherāpadānam) 1542. Đã có lễ hội ở cội đại Bồ-đề của đức Thế Tôn Vipassī. Trong khi đang đi đến về việc xuất gia, tôi đã đi đến gần lễ hội. 1543. Tôi đã cầm lấy nước bông hoa và đã rưới xuống cội Bồ-đề [nói rằng]:

"Đã được giải thoát, Ngài sẽ giúp cho chúng con giải thoát. Đã Niết-bàn, Ngài sẽ giúp cho chúng con Niếtbàn.” 1544. [Ke từ khi] tôi đã rưới nước [bong hoa] ở cội Bồ-đề trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc rưới nước [bông hoa] ở cội Bồ-đề. 1545. ở kiếp thứ ba mươi ba trong thời hiện tại đã có tám vị thống lãnh dân chúng cùng tên Udaksecana, các vị này là các đấng Chuyển Luân Vương. 1546. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bodhisiñcaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Bodhisiñcaka" là phần thứ chín.

90. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PADUMAPUPPHIYA (Padumapupphiyattherāpadānam) 1547. Tôi đã lội vào nước ở hồ sen, trong khi đang ngắt các đóa sen hồng tôi đã nhìn thay đang Toàn Giác Phussa có ba mươi hai hảo tướng. 1548. Tôi đã cầm lấy đóa sen hồng và đã ném lên không trung. Sau khi thực hiện việc làm tịnh tín, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 1549. Sau khi xuất gia, với thân và ý đã được thu thúc, tôi đã từ bỏ sở hành xâu xa ve lơi noi va đã lam trong sạch sự nuôi mạng song. 1550. [Ke từ khi] toi đã dânệ lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1551. Đã có mười tám vị lãnh chúa tên Padumābhāsa và bốn mươi tám [vị lãnh chúa] trong mười tám kiếp. 1552. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Padumapupphiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Padumapupphiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị có bông hoa timira, vị có bông hoa nañgalī, vị năm chăp tay, bông hoa adha, hai vị có sự suy tưởng về hào quang, vị dâng cúng trái cây, vị có sự suy tưởng về âm thanh, vị rưới nước [bông hoa] và vị có đóa sen hồng; [tổng cộng] có năm mươi sáu câu kệ đã được thuật lại. Phẩm Timirapupphiya là phẩm thứ chín.

5 Bodhismcaka nghĩa là "vi rưới nước (siñcaka) cội cây Bồ-đề (bodhi)' 6 Padumapupphiya nghĩa là t4vi liên quan đến hoa (puppha) sen hồng (padumà)y

X. PHẨM SUDHAPINDIYA (SUDHAPINDHAVAGGO)

91. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUDHĀPINDIYA (Sudhāpindiyattherāpadānam) 1553-54. Đối với người đang Cling dường đến đối tượng xứng đáng sự Cling dường như là đức Phật hoặc là vị Thinh văn đang vượt qua chướng ngại, hoặc đã vượt qua sầu muộn và than vãn, đối với người đang Cling dường đến các vị đã đạt Niết-bàn không còn hãi sợ như thế ấy thì không thể nào ước định được phước báu [của người ấy] là thế này hay thế kia, bằng bất cứ cách thức gì. 1555. ở dây, người nào có thể được làm chúa tể thậm chí của cả bốn châu lục, điều ấy không giá trị bằng một phần mười sáu của một phần nhỏ của sự cúng dường. 1556. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng vữa vôi ở chỗ khe nứt tại ngôi bảo tháp của bậc Toi Thượng Nhân Siddhartha. 1557. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu

này là quả báo của việc tu bô. 1558. Trước đây ba mươi kiếp, [đã có] mười ba vị tên Patisañkhāra là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật. 1559. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sudhāpindiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ky sự về Trưởng lão Sudhāpindiya" là phần thứ nhất

92. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUCINTITA (Sucintitattherāpadānam) 1560. Được mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã dâng cúng chiếc ghế sạch bong đến đức Phật, bậc Quyến Thuộc Của Mặt Trời, đấng Bảo Hộ Thế Gian Tissa. 1561. Trước đây ba mươi tám kiếp, tôi đã là đức Vua Mahāruci. Của cải đã là thừa thãi và giường nằm không phải là ít. 1562. Sau khi dâng cúng đến đức Phật chiếc ghế với tâm ý trong sạch, tôi đã thọ hưởng nghiệp của mình đã được bản thân khéo thực hiện trong thời quá khứ. 1563. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng chiếc ghế trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng Cling chiếc ghế.*

Sudhāpindiya nghĩa là "vj liên quan đến cục (pinda) vôi bột (sudha)y

1564. Trước đây ba mươi tám kiếp, [đã có] Ruci, uparuci và luôn cả Mahâruci là vị thứ ba, ba vị ấy là các đấng Chuyển Luân Vương. 1565. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sucintita2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Sucintita^ là phần thứ nhì.

93. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ADDHACELAKA (Addhacelakattherāpadānam) 1566. Tôi bị lâm vào cảnh vô cùng khốn khổ và bị xâm nhập bởi mùi hôi thối. Tôi đã dâng cúng một nửa mảnh vải đến đức Thế Tôn Tissa. 1567. Sau khi dâng cúng một nửa mảnh vải, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiêp. Trong những kiếp còn lại, việc tốt lành đã được tôi cho thực hiện. 1568. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng mảnh vải trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng mảnh vải. 1569. [Trước đây] bốn mươi chín kiếp, ba mươi hai vi thống lãnh dân chúng tên Samantacchadana đã là các đấng Chuyển Luân Vương. 1570. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Addhacelaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Addhacelaka" là phần thứ ba.

94. KÝ SựVÈ TRƯỞNG LÃO SĨỈCĨĐÃYAKA(Sũcidâyakattherâpadãnam) 1571. Trong thời quá khứ, tôi đã là nệười thợ rèn ở kinh thành Bandhumā. Tôi đã dâng cúng kim khâu đến bậc Đại An Sĩ Vipassī. 1572. Do nhờ nghiệp như thế ấy, trí tuệ [của tôi] tương đương sự tuyệt hảo của kim cương. Tôi có được sự xa lìa tham ái, tôi được giải thoát, tôi đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc. 1573. Trong tất cả các kiếp quá khứ, hiện tại và vị lai, tôi đã thành đạt mọi thứ nhờ vào trí tuệ; điều này là quả báo của việc dâng cúng kim khâu. 1574. Trước đây chín mươi môt kiêp đã có bảy vị tên Vajira, là các đang Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1575. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực

hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sūcidāyaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Sūcidāyaka^ là phần thứ tư. 2 Sucintita nghĩa là đã suy nghĩ (cintita) khéo léo 3 Addhacelaka nghĩa ỉà 4ívị liên quan đen một nửa (addhā) mảnh vải (celă)y

4 Sũcidãyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dãyako) kim khâu (sHcí)'

95. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHAMÃLIYA (Gandhamãliyattherãpadãnam) 1576. Tôi đã thực hiện bảo tháp có hương thơm được bao phủ với các bông hoa nhài, được làm xứng đáng với đức Phật, được dành cho đức Thế Tôn Siddhartha. 1577. Đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian tợ như cây cột trụ bằng vàng, được chói sáng như là bông hoa súng, được cháy rực như là ngọn lửa tế thần. 1578. Tợ như con hổ hùng tráng cao quý, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý, là vi đứng đầu trong số các bậc Sa-môn? Ngài đã ngồi ở phía trước hội chúng Tỳ-khưu. Sau khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo su, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc. 1579. Ke từ khi tôi đã dâng cúng tràng hoa có hương thơm trước đây chín mươi bốn kiếp, nhờ vào quả báo của hành động đã được thực hiện đến đức Phật một cách đặc biệt, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1580. [Trước đây] ba mươi chín kiêp đã có mười sáu vi có tên là Devagandha, các vi ấy đã là đấng Chuyển Luân Vương. 1581. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Gandhamãliya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6'Ky sự về Trưởng lão Gandhamãliya^ là phần thứ năm.

96. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TIPUPPHIYA (Tipupphiyattherãpadãnam) 1582. Trước đây, tôi đã là thợ săn thú rừng ở khu rừng hoang rậm. Sau khi nhìn thấy cội cây pātali có màu lục, tôi đã đặt xuống ba bông hoa. 1583-84. Khi ấy, tôi đã ngắt các lá cây héo úa rồi ném ra ben ngoài. Sau khi đảnh lễ cội cây pātali tợ như [đang đảnh lễ] bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī là bậc trong sạch bên trong, trong sạch bên ngoài, đã khéo được giải thoát, không còn lậu hoặc đang ở trước mặt,6 tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy. 1585. [Ke từ khi] tôi đã cúng đuờng cội Bồ-đề trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường côi cay Bô-đê. 1586. Trước đây ba mươi ba kiêp, mười ba vi vua tên Samantapāsādika đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 5 Gandhamâliya nghĩa là Ếévị liên quan đến tràng hoa (jnãỉà) có hương thơm. 6 Ngài Vipassī đã chứng quả Phật tại cội cây pātali {TTPV, tập 42, trang 189, câu kệ 34). (ND)

1587. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt).. t6i đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tipupphiya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Tipupphiya” là phần thứ sáu.

97. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MADHUPINDIKA (Madhupindikattherāpadānam) 1588. Tôi đã nhìn thấy bậc Ẩn Sĩ Siddhartha tối thượng, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng ở trong khu rừng rậm mênh mông, ít tiếng động, không bị náo loạn. 1589. Ngài là loài Long

Tượng có trạng thái Niết-bàn5 như là loài bò mộng thuần chủng, tợ như vì sao osadhĩ đang chiếu sáng, được hội chúng chư thiên tôn kính. Niềm hạnh phúc của tôi đã được dâng trào, ngay lập tức trí tuệ đã được sanh lên cho tôi. 1590. Sau khi dâng cúng mật ong đến bậc Đạo sư vừa xuất khỏi thiền dinh, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo sư rồi ra di, mặt hướng phía Đông. 1591. [Trước đây] ba mươi bốn kiếp, tôi đã là đức vua Sudassanaṃ và ở bữa ăn ngay lập tức có mật ong cùng với các củ sen chảy ra, có cơn mưa mật ong đã đổ xuống; điều này là quả báo của nghiệp quá khứ. 1592. Ke từ khi tôi đã cúng dường mật ong trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường mật ong. 1593. Trước đây ba mươi bôn kiêp, bôn vi Sudassana ây đã là các đang Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1594. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Madhupindika8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Madhupỉọdika" là phần thứ bảy.

98. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SENẢSANADÃYAKA (^enāsanadāyakattherāpadānam) 1595. Tôi đã dâng cúng tấm thảm lá cây đến đức Thế Tôn Siddhattha. Tôi đã xếp đặt vật dụng và bông hoa ở xung quanh. 1596. Tôi đã thọ hưởng tòa lâu đài có đức tính đáng yêu vô cùng quý giá như thế. Và các bông hoa có trị giá lớn lao tuôn trào ra ở chiếc giường của tôi. 1597. Tôi nằm ở chiếc giường đã được trang hoàng, được trải lót bông hoa, và ngay lập tức có cơn mưa bông hoa đổ mưa ở giường của tôi. 1598. [Ke từ khi] tôi đã dang cung tấm thảm lá cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm thảm.

7 Tipupphiya nghĩa là liên quan đến ba (tĩ) bông hoa (puppha)y 8 Madhupindika nghĩa là 4ívị liên quan đến khối (pindà) mật ong (jnadhu)y

1599. Trước đây vào kiếp thứ năm, bảy vị thống lãnh dân chúng tên Tinasantharaka áy đã được sanh lên, các vi này là các đang Chuyên Luân Vương. 1600. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Senāsanadāyaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Senāsanadāyaka" là phần thứ tám.

99. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VEYYẢVACCAKA (Veyyāvaccakattherāpadānam) 1601. Đã có đoàn người vô cùng đông đúc đến với đức Thế Tôn Vipassī. Tôi là đã người làm việc phục dịch năng động trong mọi công chuyện. 1602. Và vật xứng đáng để dâng cúng đến đấng Thiện Thệ, bậc Đại Ẩn Sĩ thì tôi không có. Tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư với tâm ý trong sạch. 1603. Ke từ khi toi đã thực hiện việc phục dịch trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục dịch. 1604. Và trước đây vào kiếp thứ tám, tôi đã là đức Vua Sucintita, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1605. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. Đại đức Trưởng lão Veyyâvaccaka1011 í6Ký sự về Trưởng lão Veyyãvaccaka" là phần thứ chín.

100. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHUPATTHĀKA (Buddhupatthākattherāpadānam) 1606. Tôi đã là người thổi tù và vỏ ốc [thong báo] của đức Thế Tôn Vipassī. Tôi thường xuyên gắn bó với việc phục vụ đến đấng Thiện Thệ, bậc Đại Ẩn Sĩ. 1607. Quý vị hãy nhìn xem quả báo của việc phục vụ đến đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy, có sáu mươi ngàn nhạc công luôn luôn vây quanh tôi. 1608. [Ke từ khi] tôi đã phục vụ bậc Đại Ẩn Sĩ trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ. 1609. Trước đây hai mươi bốn kiếp, mười sáu vị vua có tên Mahânigghosa đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 1610. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Buddhupatthāka11 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Buddhupatthãka" là phần thứ mười.

9 Senãsanadãyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dãyako) chỗ nằm ngồi (senãsană)y 10 Veyyãvaccaka nghĩa là làm công việc phục dịch (yeyyãvaccaka) đến đức Phật.,, 11 Buddhupatthāka nghĩa là "vi là người phục vụ (ụpatthãkà) của đức Phật (Buddhā)'

THÁNH NHÂN KÝ sự 127

Phần tóm lược [Vị dâng] vữa vôi, vị đã khéo suy nghĩ, [một nửa] mảnh vải, cây kim khâu, vi có tràng hoa có hương thơm, vị dâng ba bông hoa, mật ong, chỗ nằm ngồi, việc phục dịch, và người phục vụ; [tổng cộng] có đúng sáu mươi câu kệ đã được thuật lại trong phẩm này. Phẩm Sudhāpindiya là phẩm thứ mười.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm Phẩm Buddha là phẩm thứ nhất, phẩm bảo tọa sư tử, phẩm Subhũti, phẩm Kundadhāna, phẩm Upâli, phẩm vị có cây quạt, phẩm vị đã tự mình suy nghĩ, phẩm Nāgasamāla, phẩm [bông hoa] timira, với phẩm [vị dâng] vữa vôi; mười phẩm ấy có một ngàn bốn trăm câu kệ và thêm năm mươi lăm câu nữa. Nhóm “Miròĩ" tù* phẩm Buddha. Nhóm 6íMột trăm55 thứ nhất được đầy đủ.

128 KINH TIẾU Bộ

XL PHẨM BHIKKHÃDẢYĨ (BHIKKHĀDĀYĪVAGGO)

101. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BHIKKHẢDÃYAKA (Bhikkhãdãyakattherãpadãnam) 1611. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, VỊ Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, trong khi đi ra khỏi khu rừng bao la, Ngài đã đạt đến Niết-bàn, lìa khỏi tham ái. 1612. Tôi đã dâng lên một muỗng thức ăn đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha, đấng Đại Hùng, bậc Trí Tuệ đã được an tịnh như thế ấy. 1613. Trong lúc đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời đang giúp cho đám đông dân chúng đang tiếp bước theo sau được thành tựu Niết-bàn, có niềm hạnh phúc cao thượng đã sanh khởi đen tôi. 1614. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng thức ăn. 1615. Trước đây tám mươi bảy kiêp? chính bảy vị có tên Mahārenu là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật. 1616. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bhikkhādāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKỷ sự về Trưởng lão Bhỉkkhãdâyaka" là phần thứ nhất

102. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ÑĀNASAÑÑAKA (Ñānasaññakattherāpadānam) 1617. Đức Phật, bậc Đại Ẩn Sĩ có màu da vàng chói như là loài bò mộng thuần chủng, tợ như giống voi mātañga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi. 1618. Tôi đã nhìn thấy bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian đang bước đi ở trên đường, đang chiếu sáng tất cả các phương tợ như mặt trăng đã được tròn đầy. 1619. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở trí tuệ [của Ngài], tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ đấng Siddhartha với tâm tịnh tín, với ý vui mừng. 1620. Ke từ khi toi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về trí tuệ [của đức Phật]. J 1621. Trước đây bảy mươi ba kiếp, mười sáu vị đứng đầu nhân loại đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

THÁNH NHÂN KÝ sự 129

1622. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ñānasañña ka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍÉKý sự về Trưởng lão Ñānasaflña ka^ là phần thứ nhì.

103. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UPPALAHATTHI (Uppaỉahatthittherāpadānam) 1623. Lúc bấy giờ, tôi đã là người làm tràng hoa cư ngụ ở [thành phố] Tivarâ. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha. 1624-25. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng bó bông hoa. Do nhờ tác động của nghiệp ấy, ở bất cứ nơi nào tôi sanh ra, tôi đều được thọ hưởng quả báo tăng trưởng của việc đã được thực hiện tốt đẹp của mình trước dây, tôi được vây quanh bởi những người tốt của xứ Mallā; điều này là quả báo của việc dâng cúng đức Phật. 1626. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 1627. Xét đến chín mươi bốn [kiếp] trừ ra thời hiện tại, ở tại nơi ấy đã có năm trăm vị vua tên là Najjūpama. 1628. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão uppalahatthiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Uppalahatthiya" là phần thứ ba.

104. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADAPŪJAKA (Padapūjakattherāpadānani) 1629. Tôi đã dâng cúng bông hoa nhài đến đức Thế Tôn Siddhartha. Tôi đã đặt xuống bảy bông hoa ở hai bàn chân [của Ngài] với sự mừng rỡ. 1630. Do việc làm ấy, giờ đây tôi vượt trội nhân loại và chư thiên. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác. 1631. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa. 1632. Trước đây vào kiếp thứ năm đã có mười ba đấng Chuyển Luân Vương tên Samantagandha là các vị thống lãnh dân chúng [chinh phục] bốn phương. 1633. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.*

Ñānasañña ka nghĩa là uvị suy tưởng (sañña kā) về trí tuệ (nānā) của đức Phát."

130 KINH TIỂU Bộ

Đại đức Trưởng lão Padapūjaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Padapūjaka" là phần thứ tư.

105. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MUTTHIPUPPHIYA (Mutthipupphiyattherāpadānam) 1634. Lúc bấy giơ, tôi đã là người làm tràng hoa tên Sudassana. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu. 1635. Tôi đã cầm lấy bông hoa nhài và đã cúng dường đến [đức Phật] Padumuttara. Có nhãn quan trong sạch, có thiện ý, tôi đã chứng đắc thiên nhãn. 1636. Do sự cúng dường bông hoa này và do các nguyện lực của tâm, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 1637. Trước đây ba mươi sáu kiếp đã có mười sáu vị vua tên Devuttara là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 1638. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mutthipupphiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Mutthipupphiya55 là phần thứ năm.

106. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UDAKAPŪJAKA (Udakapūịakattherãpadãnam) 1639. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, chói sáng I±ư là ngọn lửa từ bơ lỏng, cháy rực như là ngọn lửa tế thần, đang di chuyển bằng đường không trung. 1640. Tôi đã dùng bàn tay múc nước và đã hắt lên không trung. Đấng Đại Hùng, đức Phật, đấng Bi Man, bậc Ẩn Sĩ đã tiếp nhận. 1641. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư tên Padumuttara đứng ở trên không trung đã nói lên lời kệ này: 1642. “Do sự dâng cúng nước này và do sự sanh khởi niềm phỉ lạc, [người ấy] không bi sanh vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp." 1643. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đang Nhân Ngưu, sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được VỊ thế bất động. 1644. [Trước đây] sáu ngàn năm trăm kiếp, ba đấng Chuyển Luân Vương tên Sahassarāja ấy đã là các vị thống lãnh dân chúng [chinh phục] bốn phương. 1645. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

2 Padapūjaka nghĩa là uvị cúng dường (pūjaka) ở bàn chân (pada)y 3 Mutthipupphiya nghĩa là t4vị liên quan đến số bông hoa (puppha) ở nắm tay (mutthī)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 131

Đại đức Trưởng lão Udakapūjaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Udakapūjaka" là phần thứ sáu.

107. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NALAMÃLIYA (Nalamāliyattherāpadānam) 1646. Đức Phật Padumuttara, đấn^ Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, bậc An Tinh như thế ấy đã ngồi xuống ở tấm thảm cỏ. 1647. Sau khi cầm lấy tràng hoa sậy và buộc lại thành chiếc quạt, tôi đã dâng đến đức Phật, đấng Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 1648. Đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã thọ nhận chiếc quạt. Sau khi biết được ý định của tôi, Ngài đã nói lên lời kệ này: 1649. "Giống như thân thể của Ta được mát mẻ, sự bực bội không được biết đến, tương tợ y như thế, mong rằng tâm ngươi được giải thoát khỏi ba loại lửa?9 1650. Tất cả chư thiên là những vị sống nương tựa vào khu rừng đã hội tụ lại. Chúng tôi lắng nghe lời dạy của đức Phật là điều làm cho người thí

chủ được hoan hỷ. 1651. Ngồi xuống tại nơi ấy ở phía trước hội chúng Tỳ-khiru, đức Thế Tôn, trong lúc làm cho thí chủ được hoan hỷ5 đã nói lên những lời kệ này: 1652. "Do sự dâng cúng chiếc quạt này và do các nguyện lực của tâm, [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương có tên là Subbata. 1653. Nhờ vào phân dư sót của nghiệp ây, được thúc đây bởi nhân tô trong sạch, [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương có tên là Mâluta. 1654. Do sự dâng cúng chiêc quạt này và do tính chát đây đủ của việc tôn kính, [người này] không đi đến khô cảnh trong một trăm ngàn kiếp." 1655. [Trước đây] ba mươi ngàn kiếp, ba mươi tám vị ấy tên là Subbata. [Trước đây] hai mươi chín ngàn kiếp, [đã có] tám vị tên là Măluta. 1656. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão NaḶamâliya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trường lão Nalamāliya^ là phần thứ bảy. (Tụng phẩm thứ bảy được chấm dứt).

108. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ĀSANŪPATTHĀPAKA (Āsanūpatthāpakattherāpadānam) 1657. Sau khi đã đi sâu vào khu rừng rậm ít tiêng động, không bị náo loạn, tôi đã dâng cúng bảo tọa sư tử đến [đức Phật] Atthadassī như thế áy.

4 ưdakapĩiịaka nghĩa là uvị cúng dường (pũịakă) nước (udakā). 5 NaḶamãliya nghĩa là "vi liên quan đến tràng hoa (mala) sậy (ncựa)'

1658. Tôi đa câm lây một năm tràng hoa và đã đi nhiêu quanh Ngài. Sau khi phục vụ bậc Đạo sư, tôi đã ra di, mặt hướng phía Bắc. 1659. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tôi đã tự thân đạt được Niết-bàn, tất cả các hữu đã được xóa sạch. 1660. Ke từ khi toi đã dâng cúng vật thí trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bảo tọa sư tử. 1661. Trước đây bảy trăm kiếp, [tôi đã là] vi Sát-đế-lỵ Sannibbâpaka, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1662. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Āsanūpatthāpaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Āsanūpatthāpaka" là phần thứ tám.

109. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BILẢLIDÃYAKA (Bilālidāyakattherāpadānam) 1663. Tôi sống trên tấm thảm bằng lá ở không xa núi Hy-mã-lạp. Khi ấy, tôi đạt được sự ham thích các loại cỏ và có thói quen nằm ngủ [ở thảm lá]. 1664. Sau khi mang lại và sửa soạn [các] trái táo, trái bhallâtaka và trái billa, tôi đào xới các loại rễ củ kalamba, bilālī và takkala. 1665. Sau khi biết được ý định của toi, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã đi đến khu vực của tôi. 1666. Khi bậc Long Tượng, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đi đến, tôi đã dâng lên củ bilālī va đã đặt vào trong bình bát. 1667. Khi ấy, trong lúc làm cho tôi được hoan hỷ5 bậc Đại Hùng đã thọ dụng. Sau khi thọ dụng, đấng Toàn Tri đã nói lên lời kệ này: 1668. "Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, ngươi đã dâng cúng củ bilālī đến Ta, ngươi không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp." 1669. Trước đây năm mươi bốn kiếp, [tôi

đã là] vi tên Sumekhaliya, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1670. [Đây] là lần cuối cùng của tôi trong sự luân chuyên, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác. 1671. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

6 Āsanūpatthāpaka nghĩa là thiết lập (upatthāpaka) bảo tọa (āsanā) sư tử."

THÁNH NHÂN KÝSự^ 133

Đại đức Trưởng lão Bilālidāyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão BiỊãlidãyaka" là phần thứ chín.

110. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO RENUPŪJAKA (Renupūfakattherāpadānam) 1672. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói tợ như mặt trời có trăm tia ánh sáng, đang làm cho tất cả các phương rực sáng tợ như mặt trâng đã được tròn đầy. 1673. Ngài được vây quanh bởi các vị Thinh văn tợ như quả đất được bao quanh bởi các biển cả. Tôi đã cầm lấy bông hoa nāgā và đã dâng các bột phấn hoa đến [đức Phật] Vipassī. 1674. [Ke từ khi] tôi đã dang lên bột phấn hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1675. Trước đây bốn mươi lăm kiếp, tôi đã là vi Sát-đế-lỵ tên Renu? là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1676. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)..tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Renupūjaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Renupūjaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vi dâng cúng thức ăn, vi suy tưởng về trí tuệ, vi liên quan đến bó [bông hoa], vị cúng dường bàn chân, vị liên quan đến nắm bông hoa, vị dâng cúng nước, vị có tràng hoa sậy, vi phục vụ, vị dâng cúng củ bilālī và vị dâng cúng phấn hoa; [tổng cộng] có sáu mươi sáu câu kệ. Phẩm BhikkhãdâyT là phẩm thứ mười một

7 BỈỊâlidâyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) trái cây bi]li." 8 Renupūjaka nghĩa là cúng dường (pũjakà) bột phấn hoa (renu)y

134 KINH TIỂU Bộ

xn. PHẨM MAHÃPARIVÃRA (MAHĀPARIVĀRAVAGGO)

111. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MAHẢPARIVẢRA (Mahāparivārattherāpadānam) 1677. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngiru đã đi vào thành Bandhumā cùng với sáu mươi tám ngàn vị. 1678. Sau khi rời khỏi thành phố, tôi đã đi đến ngôi bảo tháp ở trên đảo. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng. 1679. Có tám mươi bốn ngàn dạ-xoa ở lân cận [đã] phục vụ tôi một cách cung kính, tợ như các tập thể chư thiên [phục vụ] vị thần Inda. 1680. Khi ấy, tôi đã đi ra khỏi cung điện và đã cầm lấy tấm vải. Tôi đã đê đầu đảnh lễ và đã dâng cúng đến bậc Đại Ân Sĩ. 168L "Ôi đức Phật! Ôi giáo pháp! ôi sự thành tựu của bậc Đạo sư của chúng ta! Do nhờ năng lực của đức Phật, quả đất này đã rung dOng." 1682. Và sau khi nhìn thấy điều phi thường kỳ diệu khiến lông rởn ốc ấy, tôi đã làm cho tâm được tinh tín vào đức Phật, đấng Chúa Te Của Loài Người như thế

ấy. 1683. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín vả đã dâng cúng tấm vải đến bậc Đạo su, tôi đây cùng với các quan lại và đám tùy tùng đã đi đên nương nhờ [đưc Phật]. • 1684. Ke từ Idii tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1685. Trước đây mười lăm kiếp đã có mười sáu vi tên Suvâhana, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1686. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mahāparivāra1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Mahāparivāraw là phần thứ nhất

112. KÝ SựVÈ TRƯỞNG LÃO SUMAÑGALA(Sumañgalattherāpadānam) 1687. Đấng Chiến Thắng Cao Quý Atthadassĩ, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu sau khi rời khỏi trú xá đã đi đến hồ nước.

1 Mahãparivãra nghĩa là có đoàn tùy tùng {parivārā) đông đảo (mahã)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 135

1688. Sau khi tắm và uống nước, bậc Toàn Giác, đức Thế Tôn đã khoác lên một tấm y rồi đã đứng ở tại nơi ấy, quan sát khắp các phương. 1689. Tôi đã đi vào cung điện và đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ khi ấy tôi đã vỗ tay. 1690. Đức Phật đang chói sáng tợ như mặt trời, đang tỏa sáng tợ như khối vàng. Tôi đã ra sức trong điệu vũ lời ca và năm loại nhạc khí [cúng dường Ngài]. 1691. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi vượt trội tất cả chúng sanh, danh tiếng của tôi là rộng khắp. 1692. “Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch bậc Hiền Trí, sau khi làm cho bản thân được hoan hỷ, Ngài đã làm cho những người khác được hoan hỷy 1693. Sau khi xem xét rồi ngồi xuống, sau khi đã tạo niềm vui ở bậc có sự hành trì tốt đẹp, sau khi phục vụ đấng Toàn Giác, tôi đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất. 1694. Trước đây một ngàn sáu trăm kiếp đã có hai rồi chín vị cùng tên Ekacintita, là các đang Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật? có oai lực lớn lao. 1695. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sumañgala đã nói lên những lời kệ này như the ấy. 46Ký sự về Trưởng lão Sumañgala" là phần thứ nhì.

113. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SARANAGAMANIYA (Saranagamaniyattherāpadānafn) 1696. Cuộc giao chiến giữa hai vị Thiên vương đang diễn tiến đã trở nên hỗn độn, tiếng kêu la ầm ĩ đã vang lên. 1697. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đạo Sư đứng ở không trung đã làm cho đám đông người bi dao động. 1698. Tất cả chư thiên mừng rỡ, buông bỏ áo giáp và vũ khí, liền khi ấy đã đảnh lễ đấng Toàn Giác rồi ngồi xuống, có sự chăm chú. 1699. Biêt được ý định của chúnệ tôi, Ngài đã cát cao giọng nói. Là bậc có lòng thương xót, đấng Hiểu Biết Thế Gian đã giúp cho đám đông dân chúng thành tựu Niet-ban: 1700. "Người có tâm sân hận hãm hại một mạng sông, do sự sân hận ây của tâm [người này] sanh vào địa ngục. 1701. Ví như con voi đối đầu trong chiến trận hãm hại nhiều mạng người, các ngươi hãy làm tâm

của mình được tinh lặng, chớ có giết hại lần này lần khac?9 1702. Ngay cả các binh đội của hai vị vua dạ-xoa cũng đã bị kinh ngạc. Và họ đã đi đến nương nhờ đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian hoàn thiện như thế ấy.

136 KINH TIỂU BỒ

1703. Bậc Hữu Nhãn đã khiến cho dân chúng suy tưởng, hơn nữa còn tiếp độ họ. Ngay trong khi đang cùng với chư thiên xem xét, Ngài đã ra đi mặt hướng phía Bắc. 1704. [Đây là] lần đầu tiên tôi đã đi đến nương nhờ đấng Chúa Te Của Loài Người như thê ây, tôi đã không đi đên khô cảnh trong một trăm ngàn kiêp. 1705. [Trước đây] ba mươi ngàn kiếp, mười sáu vị vua lãnh đạo chiến xa tên Mahãdundubhi đã là các đấng Chuyển Luân Vương. 1706. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saranagamanīya2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão SaraọagamaiìTya" là phần thứ ba.

114. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKĀSANIYA (Ekāsaniyattherāpadānam) 1707. Lúc bấy giờ, tôi đã là vi Thiên vương ten Varuna. Có binh lực và phương tiện di chuyển xứng đáng, tôi đã phục vụ đấng Toàn Giác. 1708. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhan Atthadassī đã Niết-bàn5 tôi đã cầm lấy tất cả các nhạc cụ và đã đi đến cội Bồ-đề tối thượng. 1709. Tôi đã phối hợp [âm thanh của] chũm chọe vào lời ca và điệu vũ, tôi đã phục vụ cội Bồ-đề tối thượng tợ như [phục vụ] bậc Toàn Giác đang ở trước mặt. 1710. Sau khi phục vụ cội Bồ-đề ấy là loài thảo mộc mọc ở trên trái đất, tôi đã xếp chân vào thế kiết-già và đã mệnh chung ở tại nơi ấy. 1711. Được hài lòng với nghiệp của minh, tôi đã được tịnh tín đối với cội Bồ-đề tối thượng. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi Hóa Lạc thiên. 1712. Trong khi luân chuyển ở cõi này cõi khác ở giữa loài người và ở giữa chư thiên, có sáu mươi ngàn nhạc cụ luôn luôn vây quanh tôi. 1713. Trước đây năm trăm kiếp đã có ba mươi bốn vị Sát-đế-lỵ tên là Subâhu, [các vi ấy] đã được thành tựu bảy loại báu vật. 1714. Đối với tôi, ba loại lửa đã được dập tắt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuôi cùng ở giáo pháp của đang Chánh Đăng Giác. 1715. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekâsaniya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Ekãsaniya^ là phần thứ tư.

2 Saranagamarūya nghĩa là t4vị liên quan việc đi đến (gamanà) nương nhờ (saranà), tức là đã quy y." 3 Ekãsanỉya nghĩa là €Ếvị liên quan đến một (ekā) chỗ ngồi (ãsanà)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 137

115. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUVANNAPUPPHIYA (Suvannapupphiyattherāpadānam) 1716. Đức Thế Ton tên Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, đang ngồi thuyết giảng đạo lộ bất tử cho tập thể dân chúng. 1717. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, là đấng Chúa Te Của Loài Người như thế ấy, tôi đã dâng lên đức Phật bốn bông hoa bằng vàng. 1718. Khi ấy, đã có mái che bằng vàng [che] khắp cả hội chúng. Hào quang của đức Phật và vẻ sáng của vàng đã là nguồn ánh sáng bao la. 1719. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lên. Tôi

đã là nguồn sanh lên niềm hạnh phúc, là sự đưa đến an lạc trong thời hiện tại cho những người ấy. 1720. Sau khi thỉnh cầu bậc Toàn Giác và đảnh lễ bậc có sự hành trì tốt đẹp, sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tôi đã đi về chỗ trú ngụ của mình. 1721. Bước vào chỗ ngụ, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất. 1722. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1723. Trước đây bốn mươi ba kiếp đã có mười sáu vị vua tên Nemisammata, là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 1724. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Suvannapupphiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Suvannapupphiya55 là phần thứ năm.

116. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CITAKAPUJAKA (Citakapūjakattherāpadānam) 1725. Tôi cư ngụ ở cội cây rājāyatana cùng với các quan lại và đám tùy tùng. Khi ấy, đức Thế Tôn Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian, viên tịch Niết-bàn. 1726. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đi đến nơi hỏa táng. Tại nơi ấy, sau khi trình tấu nhạc cụ, tôi đã đặt xuống vật thơm và tràng hoa. 1727. Sau khi cúng dường ở giàn hỏa thiêu, tôi đã đảnh lễ nơi hỏa táng. Tôi đã đi về chỗ trú ngụ của mình, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng. 1728-29. Bước vào chỗ ngụ, tôi đã tưởng nhớ đến sự cúng dường lễ hỏa táng. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng

4 Suvannapupphiya nghĩa là uvị liên quan đến đóa hoa (puppha) bằng vàng (suvanna)y

Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tôi đã thọ hưởng sự thành đạt ở giữa chư thiên và loài người. Sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vi thế bất động. 1730. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lễ hỏa táng. 1731. Trước đây hai mươi chín kiếp, mười sáu vị vua [có cùng] tên Uggata đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 1732. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka" là phần thứ sáu.

117. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA (Buddhasaññakattherāpadānam) 1733. Lúc bấy giơ, đấng Cao Cả Của Thế Gian Vipassī đã buông bỏ sự duy trì tuổi thọ. Quả địa cầu là trái đất có nước bao quanh đã rúng động. 1734. Vào lúc chấm dứt tuổi thọ của đức Phật, chỗ ngụ được lợp mái, được trải rộng, có tràng hoa khéo được trang hoàng của tôi cũng đã rúng động. 1735. Khi chỗ ngụ bị rung động, nỗi sợ hãi đã sanh khởi ở tôi. Việc đã xảy ra là do nguyên nhân gì? Nguồn ánh sáng bao la đã xuất hiện là do nguyên nhân gì? 1736. [Thiên vương] Vessavana đã đi đến nơi ấy và đã trấn an đám đông dân chúng rằng: "Không có điều lo ngại cho sanh mạng, các người hãy có sự chăm chu, bình tinh." 1737. "Oi đức Phật! Oi giáo pháp! ôi sự thành tựu của bậc Đạo sư của chúng ta! Trong khi điều ấy sanh khởi, quả địa cầu đã tự rúng d0ng?9 1738. Sau khi đã

tán dương năng lực của đức Phật, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. Trong những kiếp còn lại, việc tốt lành đã được tôi thực hiện. 1739. Kê từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ây trước đây chín mươi môt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điêu này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật. 1740. Trước đây mười bon kiếp, tôi đã là vi vua có sự huy hoàng tên Samita, là đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 1741. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Buddhasañfiaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Buddhasaññaka" là phần thứ bảy. 5 Citakapūjaka nghĩa là uvị cúng dường (pũịakà) lễ hỏa táng (citakà)' 6 Buddhasaññaka nghĩa là uvị suy tưởng (saññaka) về đức Phật (buddhā)'

THÁNH NHÂN KÝ sự^ 139

118. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MAGGASAÑÑAKA (Maggasaññakattherāpadānam) 1742. Bị lạc lối ở trong khu rừng bạt ngàn, các vị Thinh văn có hạnh sống ở rừng của đức Phật Padumuttara đi quanh quẩn tợ như những người mù. 1743. Sau khi suy tưởng về bậc Toàn Giác danh hiệu Padumuttara, những người con trai ấy của bậc Hiền Trí ấy đã bị lạc lối ở trong khu rừng lớn. 1744. Từ chỗ ngụ, tôi đã bước xuốnệ và đã đi đến bên các vị Tỳ-khưu. Tôi đã chỉ đường và đã dâng cúng thức ăn đến các vị ấy. 1745. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 1746. Trước đây năm trăm kiếp, mười hai vị tên Sacakkhu đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật. 1747. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Maggasañflaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Maggasañflaka" là phần thứ tám.

119. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PACCUPATTHĀNASAÑÑAKA (Paccupatthānasaññakattherapadānam) 1748. Lúc bấy giờ, ngay sau khi đấng Thiện Thệ Atthadassī tịch diệt, tôi đã sanh vào dòng giống dạ-xoa, và tôi đã đạt được danh tiếng. 1749. Đối với tôi, quả thật là khó được thành tựu, khó được chói sáng, khó được vươn lên, là việc đấng Hữu Nhãn đã Niết-bàn trong khi tôi đang tìm kiếm của cải. 1750. Vi Thinh văn tên Sâgara đã biết được ý định của tôi, có ý định tiếp độ tôi, vị ấy đã đi đến gần bên tôi [nói rằng]: 1751. "Điều gì khiến ngươi sầu muộn? Này người khôn ngoan, chớ lo ngại, ngươi hãy thực hành giáo pháp. Sự thành tựu về hạt giống [giác ngộ] đã được đưc Phật ban phát cho tất cả. 1752-53. Người cúng dường bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian [khi Ngài] đang còn tại tiền, và người cúng dường Xá-lợi của Ngài khi Ngài đã tịch diệt dầu chỉ nhỏ bằng hạt mù-tạt, khi niềm tịnh tín ở trong tâm là tương đương thì phước báu đạt được lớn lao là tương đương; vì thế, ngươi hãy cho xây dựng ngôi bảo tháp rồi hãy cúng dường các Xá-lợi của đấng Chiến Thng." 1754. Sau khi lăng nghe lời nói của vị Sâgara, tôi đã cho thực hiện ngôi bảo tháp của đức Phật. Tôi đã phục vụ ngôi bảo tháp tối thượng của bậc Hiền Trí năm năm.

7 Maggasaññaka nghĩa là suy tưởng (saññaka) về con đường (jnaggà)y

1755. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, sau khi thọ hưởng sự thành đạt tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 1756. Và trước đây bảy trăm kiếp, bốn vi [cùng] tên Bhūripañfia đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1757. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Paccupatthānasañña8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Paccupatthānasafiña" là phần thứ chín.

120. KÝ SựVÈ TRƯỞNG LÃO JĀTIPŪJAKA (Jātipūjakattherāpadānam) 1758. Khi đấng Vipassī đang đản sanh, có nguồn ánh sáng bao la đã xuất hiện. Và quả địa cầu cùng với biển cả và núi non đã rúng động. 1759. Và các nha tiên tri đã dự báo rằng: :Bức Phật, bậc cao cả đối với tất cả chúng sanh, sẽ xuất hiện ở thế gian và sẽ tiếp độ dân chúng?9 1760. Sau khi nghe lời nói của các nhà tiên tri, tôi đã thực hiện việc cúng dường đản sanh. Không có sự cúng dường nào như là sự cúng dường đản sanh. 1761. Sau khi thực hành việc tốt lành, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Sau khi thực hiện việc cúng dường đản sanh, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy. 1762. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi vượt trội tất cả chúng sanh; điều này là quả báo của việc cúng dường đản sanh. 1763. Những người vú nuôi chăm sóc tôi thuận theo năng lực tâm của tôi, những người ấy không thể nào làm tôi nổi giận; điều này là quả báo của việc cúng dường đản sanh. 1764. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc cúng dường trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đản sanh. 1765. Trước đây vào kiếp thứ ba, ba mươi bốn vi thống lãnh dân chúng [cùng] tên Supāricāriya đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 1766. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Jātipūjaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Jātipūjaka" là phần thứ mười.

8 Paccupatthānasañña nghĩa là uvị suy tưởng {saññaka) về sự chăm sóc, phục vụ, hầu hạ (paccupatthāna)y 9 Jātipūjaka nghĩa là cúng dường (pũịakă) bông hoa nhài (jătỉ)y

Phần tóm lược Vị có tùy tùng, vị Sumañgala, vị nương nhờ, vi có chỗ ngồi, vị dâng bông hoa, vị cúng dường lễ hỏa táng, vị suy tưởng về đức Phật, vị chỉ đường, vi có sự phục vụ, vị với sự đản sanh; [tổng cộng] có chín mươi câu kệ đã được nói lên và đã được tính đếm bởi các bậc trí. Phẩm Mahâparivãra là phẩm thứ mười hai.

xm. PHẨM SEREYYAKA (SEREYĨAKAVAGGO)

121. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SEREYYAKA (Sereyyakattherãpadãnam) 1767. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ- đà, trong khi đang đứng ở ngoài trời, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 1768. Bậc Đại Ẩn Sĩ giống như là con sư tử đang đi lang thang ở trong rừng, tợ như con cọp chúa không có sự sợ hãi, tợ như giống voi mãtañga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi. 1769. Tôi đã cầm lấy bông hoa sereyya và đã ném lên không trung. Do nhờ năng lực của đức Phật, [các bông hoa áy] quây quân ở khăp nơi. 1770. Bậc Đại Hùng, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã chú nguyện. Các mái che băng bông hoa ở xung quanh đã rải rác ở đang Nhân Ngưu. 1771. Kế đó, tấm màn bằng bông hoa ấy, có các cuống hoa ở phía trong và các vành hoa bên ngoài, đã trở thành mái che trong bảy ngày và sau đó đã biến mất. 1772. Và sau khi nhìn thấy điều phi thường kỳ diệu khiến lông rởn ốc ấy, tôi đã làm cho tâm tịnh tín ở đức Phật, bậc Thiện Thệ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 1773. Do sự tinh tín ấy ở trong tâm, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 1774. [Trước đây] mười lăm ngàn kiếp, hai mươi lăm vị [cùng] tên Cittamālā ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 1775. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sereyyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thê ây. wKý sự về Trưởng lão Sereyyaka55 là phần thứ nhất

122. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHATHŪPIYA (Pupphathūpiyattherāpadānam) 1776. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Kukkuta. ở trung tâm của ngọn núi ây có vị Bà-la-môn thông thạo vê chú thuật sinh sông.

Sereyyaka nghĩa là 4tvị liên quan đến bông hoa sereyya.,,

THÁNH NHÂN KÝ sự 143

1777. CÓ năm ngàn người học trò luôn luôn vây quanh tôi. Các vi ấy đã là những người [ngủ] thức dậy trước [tôi] và được tự tin vào các chú thuật. 1778. uHỡi người thầy của chúng con, đức Phật đã hiện khởi ở trên thế gian, xin thầy biết rõ về điều ấy. Đấng Chiến Thắng Cao Quý có ba mươi hai hảo tướng và tám mươi tướng phụ, có vầng hào quang tợ như mặt trời chiếu sang.59 1779. Sau khi lắng nghe lời nói của những người học trò, vị Bà-la-môn thông thạo vê chú thuật đã rời khu ân cư và hỏi những người học trò phương hướng vê khu vực mà đang Đại Hùng, bậc Lãnh Đạo Thê Gian cư ngụ. 1780. Tôi đã lễ bái phương hương ấy [hướng đến] đấng Chiến Thắng, bậc Không Người Đối Thủ. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tôi đã tôn vinh đức Như Lai ấy. 1781. "Này các đệ tử, hãy đến. Chúng ta sẽ đi và sẽ diện kiến đức Như Lai. Sau khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư, chúng ta sẽ lắng nghe giáo pháp của đấng Chiến Thắng.” 1782. Tôi đã ra đi một mình và tôi đã lâm bệnh. Trong khi bị hành hạ bởi căn bệnh, tôi đã đi đến nhà nghỉ chân để nằm nghỉ. 1783. Sau khi triệu tập tất cả những người học trò lại, tôi đã hỏi họ về đức Như Lai: 6Đức độ cua đấng Bảo Hộ The Gian, bạc Có Sự Giác Ngộ Tuyệt Đối là như thế nào?” 1784. Được tôi hỏi, các vị ấy đã trả lời theo như đã nhìn thấy. Các vi đã mô tả đức Phật tối thượng ấy một cách kính trọng như Ngài đang ở trước mặt của tôi. 1785. Sau khi lắng nghe lời nói của họ, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp bằng các bông hoa, tôi đã mệnh chung ơ

tại nơi ây. 1786. Sau khi hỏa táng thi thể của tôi, các vị ấy đã đi đến gặp đức Phật. Họ đã chắp tay lên và đã đảnh lễ bậc Đạo Sư. 1787. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp bang các bông hoa dành cho đức Thiện Thệ, bậc Đại Ản Si, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 1788. [Trước đây] bốn mươi bốn ngàn kiếp, mười sáu vi Sát-đế-lỵ [cùng] tên Aggisama đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 1789. [Trước đây] hai mươi ngàn kiêp, ba mươi tám vị lãnh chúa [cùng] tên Ghatâsana đã là các đấng Chuyển Luân Vương. 1790. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pupphathũpiya2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Pupphathũpiya^ là phần thứ nhì. 2 Pupphathũpiya nghĩa là 46vị liên quan đến ngôi bảo tháp (thũpo) bằng bông hoa (pupphă)y

123. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PÃYÃSADẢYAKA (Pāyāsadāyakattherāpadūnam) 1791. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, có ba mươi hai hảo tướng dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đang đi ra khỏi khu rừng bao la. 1792. Có ý muôn dâng tặng vật hiên cúng, tôi đây đã chuân bị món cơm sữa ở trong cái đĩa kim loại vô cùng quý giá rồi đã đem dâng tặng bậc có năng lực. 1793. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã khéo léo bước lên con đường kinh hành ở bầu trời trên không trung. 1794. Và sau khi nhìn thấy điều phi thường kỳ diệu khiến lông rởn ốc ấy, sau khi đặt chiếc đĩa kim loại xuống tôi đã đảnh lễ [đức Phật] Vipassī. 1795. “Bạch đấng Toàn Tri, Ngài là vị Trời ở [thế gian có cả] chư thiên cùng nhân loại. Bạch đấng Đại Hiền Trí, vì lòng thương tưởng xin Ngài hãy thọ nhān/5 1796. Biết được ý định của tôi, đức Thế Tôn, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đạo Sư, bậc Đại Hiền Trí ở trên đời đã thọ nhận. 1797. Ke từ khi tôi đã cúng dường vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của món cơm sữa. 1798. Trước đây bốn mươi mốt kiếp, tôi đã là vi Sát-đế-lỵ tên Buddhā, là đấng Chuyển Luân Vuông, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1799. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pāyāsadāyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Pãyãsadãyaka" là phần thứ ba.

124. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO GANDHODAKIYA (Gandhodakỉyattherãpadânam) 1800. Sau khi ngồi xuống ở nơi cao quý của tòa lâu đài, tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng Vipassī, bậc Toàn Tri, người tiêu diệt sự tăm tối, tợ như cây kakudhā đang chói sáng. 1801. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian [đang] đi ở không xa tòa lâu đài. Hào quang của Ngài tỏa ra tợ như ánh sáng của mặt trời. 1802. Và tôi đã cầm lấy nước thơm rồi đã rải rắc vào đức Phật tối thượng. Với sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy. 1803. [Ke từ khi] tôi đã rải rắc nước thơm trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật

3 Pāyāsadāyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako} món cơm sữa (pāyāsa)y

1804. Irước đây ba mươi mốt kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Sugandha, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1805. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Gandhodakiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Gandhodakỉya" ỉa phần thú* tư.

125. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SAMMUKHÃTHAVIKA (Sammukhāthavikattherāpadānam) 1806. Trong khi trấn an dân chúng, tôi đã giải thích về điềm báo hiệu khi vị Vipassī đang đản sanh rằng: "Bức Phật sẽ hiện khởi ở thế gian. 1807. Và vị nào trong khi đản sanh mười ngàn thế giới đã rúng động, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Su, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp. 1808. Và vị nào trong khi đản sanh đã có nguôn ánh sáng bao la, vị ây giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Su, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp. 1809. Và vị nào trong khi đản sanh các dòng sông đã ngimg chảy, vị ây giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư? đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp. 1810. Và vị nào trong khi đản sanh ngọn lửa ở địa ngục Avīci đã không bốc cháy, vi ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp. 1811. Và vị nào trong khi đản sanh bầy chim đã không bay lượn, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư5 đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp. 1812. Và vi nào trong khi đản sanh làn gió ngưng thôi, vị ây giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp. 1813. Và vị nào trong khi đản sanh tát cả châu báu đã rực sáng, vi ây giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp. 1814. Và vị nào trong khi đản sanh đã có việc bước đi bảy bước chân, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp. 1815. Và ngay khi được sanh ra, bậc Toàn Giác đã chiếu sáng tất cả các phương, Ngài đã thốt lên lời nói hùng tráng; điều này là thông lệ của chư Phát." 1816. Sau khi làm cho dân chúng động tâm, tôi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã ra di, mặt hướng phía Đông. 1817. [Ke từ khi] toi đã ca ngợi đức Phật trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi. 1818. Trước đây chín mươi kiếp, [tôi đã là] vị tên Sammukhâthavika, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

146 KINH TIỂU Bộ

1819. Trước đây tám mươi chín kiếp, [tôi đã là] vị tên Pathavidundubhī, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1820. Irước đây tám mươi tám kiếp, [tôi đã là] vi Sát-đế-lỵ tên Obhãsa, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1821. Trước đây tám mươi bảy kiếp, [tôi đã là] vị tên Saritacchedana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1822. Trước đây tám mươi sáu kiếp, [tôi đã là] vi tên Agginibbpana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1823. Trước đây tám mươi lăm kiếp, [tôi đã là] vị tên Gatipacchedana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1824. Trước đây tám mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị vua tên Vâtasama, là đấng Chuyển Luân

Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1825. Trước đây tám mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Ratanapajjala, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1826. Trước đây tám mươi hai kiếp, [tôi đã là] vị tên Pađavikkamana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1827. Trước đây tám mươi mốt kiếp, [tôi đã là] vi vua tên Vilokana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1828. Trước đây tám mươi kiếp, [tôi đã là] VỊ Sát-đế-lỵ tên Girisãra, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1829. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sammukhãthavika4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy “Ky sự về Trưởng lão Sammukhãthavika" là phần thứ năm.

126. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUSUMẢSANIYA (Kusumāsaniyattherāpadānam) 1830. Toi đã là vị Bà-la-môn ở thành phố Dhañña vatī về [khoa] tướng mạo, về truyền thống gồm cả văn tự và nghi thức. 1831. Là người thông suốt ba tập Vệ-đà9 tôi được rành rẽ về điềm báo hiệu, biết về từ ngữ, về văn phạm, và tôi đã chỉ dạy các học trò về chú thuật. 1832. Có ý muốn dâng tặng vật hiến cúng trong khi đoàn tụ với cha mẹ5 tôi đã đặt năm bó sen xanh ở trên chiếc ghế nhỏ. 1833. Khi ấy, đức Thế Tôn Vipassī, đấng Nhân Ngiru dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đi đến, trong lúc làm cho tất cả các phương rực sáng. 1834. Sau khi sắp xếp chỗ ngồi, tôi đã thỉnh mời bậc Đại Hiền Trí. Sau khi trải ra [các] bông hoa ấy, tôi đã rước [đức Phật] đến ngôi nhà của mình.

4 Sammukhãthavỉka nghĩa là "vi đã ngợi ca (thavikà) trực tiếp ở trước mặt (sammukhā)^

1835. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng đến đức Phật phần vật thực đã có sẵn ở trong nhà của tôi. 1836. Biết được thời điểm Ngài đã thọ thực xong, tôi đã dâng cúng bó bông hoa. Đấng Toàn Tri, sau khi nói lời tùy hỷ9 đã ra di, mặt hướng phía Bắc. 1837. Ke từ khi tôi đã dang cúng bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa. 1838. Vào kiếp kế liền trước đây, tôi đã là đức Vua Vàradassana, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1839. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kusumâsaniya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Kusumâsaniya" là phần thứ sáu.

127. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PHALADÃYAKA (Phaladãyakattherãpadãnam) 1840. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, tôi sống tại khu ẩn cư ở không xa núi Hy-mã-lạp. 1841. Tôi có vật cúng dường đến ngọn lửa, có các bông sen trắng và trái cây. Sau khi đặt vào trong chiếc giỏ, tôi đã treo lên ở ngọn cây. 1842. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, có ý định tiếp độ tôi, trong khi khất thực Ngài đã đi đến gần tôi. 1843. Với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây đến đức Phật. Tôi đã là nguôn sanh lên niêm hạnh phúc, là sự đưa đên an lạc trong thời hiện tại cho chính tôi. 1844. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói,

vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đứng ở trên không trung đã nói lên lời kệ này: 1845. "Do sự dâng cúng trái cây này và do các nguyện lực của tác ý, [người này] không đi đên khô cảnh trong một trăm ngàn kiep." 1846. Do nhờ nhân tố trong sạch ấy, tôi đã thọ hưởng sự thành đạt. Sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động. 1847. Trước đây bảy trăm kiếp, tôi đã là đức Vua Sumaủgala, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1848. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Phaladâyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 4íKý sự về Trưởng lão Phaladãyaka95 là phần thứ bảy.

5 Kusumãsaniya nghĩa là t4vị liên quan đến chỗ ngồi (āsanā) bằng bông hoa (kusuma)y
6 Phaladãyaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) trái cây (phalà)y

128. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀNASAÑÑAKA (Ñānasaññakattherāpadānam) 1849. Tôi sống trong vùng đồi núi tại núi Hy-mã-lạp. Sau khi nhìn thấy bãi cát đang chói sáng, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng rằng: 1850. Ế'về trí tuệ, không có gì so sánh, không có gì đối địch với bậc Đạo sư. Sau khi biết rõ tất cả các pháp, Ngài đã giải thoát nhờ vào trí tuệ. 1851. Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kinh lễ Ngài! Không có gì sánh bằng trí tuệ của Ngài, cho dầu là trí tuệ hạng nhất." 1852. Sau khi làm cho tam của mình được tịnh tín ở trí tuệ [đức Phật], tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. Trong những kiếp còn lại, điều tốt lành đã được tôi thực hiện. 1853. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về trí tuệ. 1854. Trước đây bảy mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị độc nhất tên Pulinapupphiya, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1855. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ñānasañña7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ỐẾKý sự về Trưởng lão Ñānasaflflaka" là phần thứ tám.

129. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO GANDHAPUPPHIYA (GandhapupphiyattherāpadSnam) 1856. Bậc Toàn Giác Vipassī có màu da vàng chói, bậc Xứng Đáng Sự Cúng Dường dẫn đầu các vị Thinh văn, đã rời khỏi tu viện. 1857. Sau khi nhìn thấy đức Phật tối thượng, đấng Toàn Tri, bậc Tiêu Diệt Sự Tăm Tối, với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bông hoa có hương thơm. 1858. Do sự tinh tín ấy ở trong tâm đối với đấng Chúa Te Của Loài Người như thế ấy, tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã đảnh lễ đức Như Lai lần nữa. 1859. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1860. Trước đây bốn mươi mốt kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Carana, là đàng Chuyên Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1861. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

7 Ñānasañña nghĩa là "vj suy tưởng (sañña) về trí tuệ (nānā) của đức Phát."

Đại đức Trưởng lão Gandhapupphiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ố6Ký sự về Trưởng lão Gandhapupphiya" là phần thứ chín.

130. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PADUMAPŪJAKA (Padumapūjakattherāpadānam) 1862. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên Gotama được che phủ bởi nhiều loại cây cối khác nhau, là nơi trú ngụ của các nhóm chúng sanh vĩ đại. 1863. Và có khu ẩn cư đã được tạo nên ở trung tâm của ngọn núi ấy. Được vây quanh bởi những học trò của mình, tôi sống tại khu ẩn cư. 1864. "Này các nhóm học trò của ta, hãy mang lại cho ta hoa sen hồng. Chúng ta sẽ thực hiện việc cúng dường đức Phật, đấng Chúa Te Của Loài Ngươi như thế 4y." 1865. Các vị ấy đã đáp lại rằng: "Xin vâng"rồi đã mang lại hoa sen hồng cho tôi. Tại nơi ấy, sau khi xác định đối tượng, tôi đã dâng lên đức Phật. 1866. Khi ấy, tôi đã triệu tập các người học trò lại và đã giáo huấn điều tốt đẹp: "Các ngươi chớ xao lãng, không xao lãng là nguồn đem lại sự an lạc." 1867. Sau khi đã giáo huấn như vậy cho những người học trò có sự chấp nhận lời dạy bảo ấy, được gắn bó với đức tính không xao lãng, tôi đã mệnh chung vào khi ấy. 1868. [Ke từ khi] toi đã dân^ lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1869. [Trước đây] năm mươi mốt kiếp, tôi đã là đức Vua Jaluttama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Padumapūjaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Padumapūjaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị Sereyyaka, vị có ngôi bảo tháp bằng bông hoa, vị [dâng cúng] cơm sữa, vi [rắc] nước thơm, vị ca ngợi, vị có chỗ ngồi, vi [dâng cúng] trái cây, vi suy tưởng, bông hoa có hương thơm, vị có hoa sen hồng; [tổng cộng] có một trăm lẻ năm câu kệ đã được thuật lại bởi các vị nhìn thấy sự lợi ích. Phẩm Sereyyaka là phẩm thứ mười ba.

8 Gandhapupphiya nghĩa là t4vị liên quan đến bông hoa (pupphà) có mùi thơm (gandha)y 9 Padumapūjaka nghĩa là uvị cúng dường (pụịakà) hoa sen hồng ịpadumă)y

XIV PHẨM SOBHIĨA (SOBHITÂVAGGO)

131. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SOBHITA (Sobhitattherāpadānam) 1870. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu thuyết giảng về vị thế bất tử đến tập thể dân chúng đông đảo. 1871. Sau khi lắng nghe lời nói của Ngài, tôi đã bật thốt lên lời. Khi ấy, tôi đã chắp tay lên và có sự chăm chú. 1872. "Giống như biển cả là đứng đầu trong số các nguồn nước, núi đá Neru là cao quý trong số các ngọn núi, tương tợ y như thế, những ĩiệười nào vận hành năng lực của tâm, những người ây không đạt được một phân trí tuệ của đức Phát.' 1873. Sau khi quy định đường lối trong giáo pháp, đức Phật, đấng Bi Man, bậc Ẩn Sĩ đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này: 1874. "Người nào đã ca ngợi trí tuệ về đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, người ấy sẽ không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 1875. [Người áy] sẽ thiêu đót các phiên não, có sự chăm chú, khéo được định tĩnh, sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, với tên là Sobhita." 1876. [Trước đây] năm

mươi ngàn kiếp, bảy vị [cùng] tên Yasuggata đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật5 có oai lực lớn lao. 1877. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tam minh đã được thành tựu, tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. 1878. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sobhita đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. Ế6Ký sự về Trưởng lão Sobhita" là phần thứ nhất

132. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUDASSANA (Sudassanattherāpadānam) 1879. ở bờ sông Vitatthā, cây pilakkha đã được kết trái. Trong khi tìm kiếm giống cây ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 1880. Sau khi nhìn thấy cây ketaka đã được trổ hoa, khi ấy tôi đã cắt ở cuống hoa và đã dâng lên đức Phật Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian. 1881. "Bạch đức Phật tối thixợnệ, bạch bậc Đại Hiền Trí, với trí tuệ nào Ngài đã đạt được vị thế trường tồn bất tử, con xin cúng dường trí tuệ ấy."

THÁNH NHÂN KÝSự« 151

1882. Sau khi cúng dường trí tuệ, tôi đã nhìn thấy cây pilakkha, tôi đã được chứng đạt tuệ ấy; điều này là quả báo của việc cúng dường trí tuệ. 1883. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường trí tuệ. 1884. Trước đây mười ba kiêp, mười hai vi [cùng] tên Phaluggata đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1885. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sudassana đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Sudassanaṃ là phần thứ nhi.

133. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CANDANAPŪJAKA (Candanapūfakattherāpadānam) 1886. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài Kim Si điểu ở bờ sông Candabhāgā. Và tôi đã có thức ăn là bông hoa, tương tợ y như vậy, có y phục là bông hoa. 1887. Và đức Thế Tôn Atthadassí, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã đi ra ở phía trên chóp đỉnh của khu rừng, tợ như chim thiên nga chúa ở trên bàu trời. 1888. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Tâm của Ngài khéo được thanh tịnh. Ngài có khuôn mặt và ánh mắt an tịnh, có khuôn mặt và các giác quan trong sáng." 1889. Bậc Trí Tuệ có tuệ bao la đã từ bầu trời bước xuống. Ngài đã trải ra tấm y hai lớp rồi đã ngồi vào tư thế kiết-già. 1890. Tôi đã cầm lấy trầm hương hòa tan rồi đã đi đến gần đấng Chiến Thắng. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật. 1891. Sau khi đảnh lễ đấng Toàn Giác, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc. 1892. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường trầm hương [trước đây] một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đưc Phật. 1893. Trước đây một ngàn bốn trăm kiếp, ba vi [cùng] tên Rohita ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 1894. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Candanapūjaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Candanapūjaka" là phần thứ ba. (Dứt tụng phẩm thứ tám). l Candanapūjaka nghĩa là uvị cúng dường (pīifaka) trầm hương (candană)y

134. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHACHADANIYA (Pupphachadaniyattherãpadãnam) 1895. Là vị giảng huân, găn bó với sự hiên cúng, vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật tên Sunanda đã cúng hiến cho lễ hiến cúng. 1896. Kh[ấy, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, bậc Cao Cả, đấng Bi Man, bậc Ẩn Si, trong lúc thương tưởng dân chúng đã đi kinh hành ở trên không trung. 1897. Sau khi đã đi kinh hành, bậc Toàn Giác, đấng Toan Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian, vị Không Còn Mầm Mống Tái Sanh đã lan tỏa bằng tâm từ ái đến các chúng sanh một cách không giới hạn. 1898. Sau khi đã cắt các bông hoa ở cuống, vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật đã triệu tập lại tất cả các học trò rồi đã thảy [các bông hoa] lên không trung. 1899. Khi ấy, do nhờ năng lực của đức Phật, mái che của các bông hoa đã trải khắp cả thành phố và đã không biến mất trong bảy ngày. 1900. Do nhờ nhân tố trong sạch ấy, tôi đã thọ hưởng sự thành đạt. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi đã vượt qua sự ràng buộc ở thế gian. 1901. [Trước đây] một ngàn một trăm kiếp, ba mươi lăm vị Sát-đế-lỵ có [cùng] tên Ambaramsa đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pupphachadaniya2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Pupphachadanỉya" là phần thứ tư.

135. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO RAHOSAÑÑAKA (Rahosaññakattherāpadānam) 1902. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Vàsabha. ở chân ngọn núi ấy có khu ẩn cư đã được tạo lập. 1903. Khi ấy, là vi Ba-la-môn9 tôi đã chỉ dạy ba ngàn học trò. Sau khi triệu tập những người học trò ấy lại, tôi đã ngồi xuống ở một bên. 1904. Sau khi ngồi xuống ở một bên, là vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật, trong lúc tầm cầu về sự hiểu biết của đức Phật, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở trí tuệ [của Ngài]. 1905. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã ngồi xuống ở tấm thảm băng lá. Sau khi xép vào tư thê kiêt-già, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ây. 1906. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi mốt kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc suy tưởng về tri tuệ.

2 Pupphachadanỉya nghĩa là 4tvị liên quan đến mái che (chadană) bằng bông hoa (pupphă)y

1907. [Trước đây] hai mươi bảy kiếp, tôi đã là đức Vua Siridhara, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1908. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Rahosaññaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Rahosaññaka" là phần thứ năm.

136. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CAMPAKAPUPPHIYA (Campakapupphiyattherãpadãnam) 1909. [Đức Phật] ngòi ở trong vùng đồi núi tợ như cây kanikāra đang cháy sáng, khiến cho tất cả các phương rực sáng tợ như vì sao osadhĩ. 1910. Đã có ba người thanh niên khéo được học tập về nghề nghiệp của mình cầm lấy túi vật dụng đi theo tôi ở phía sau. 1911. Có bảy bông hoa đã bi rụng xuống ở trong cái giỏ vì sức nóng. Tôi đã cầm lấy các

bông hoa ấy và đã dâng lên [hướng tâm đến] trí tuệ của đức Vessabhū. 1912. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường trí tuệ. 1913. Trước đây hai mươi chín kiếp, [tôi đã là] vị tên Vipulãbha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1914. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Campakapupphiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Campakapupphiya" là phần thứ sáu.

137. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ATTHASANDASSAKA (Atthasandassakattherāpadānam) 1915. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc có lậu hoặc đã được đoạn tận, vị đã đạt năng lực, đang ngồi ở nơi khoảnh rừng rộng, được vây quanh bởi hội chung Ty-khưu. 1916. "Một trăm ngàn vi có ba minh, có sáu thắng trí, có đại thần lực quây quanh bậc Toàn Giác, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín? 1917. ở [thế gian] gồm cả chư thiên, người có sự tương đương về trí tuệ không tìm thấy, ai là người nhìn thấy bậc Toàn Giác có trí tuệ vô biên mà không tịnh tm? 1918. Và người ta không thể làm tổn hại Pháp thân đang chiếu sáng [giống như] toàn bộ hầm mỏ châu ngọc, ai là người nhìn thấy [Ngài] mà không tịnh tín?^,

3 Rahosañña ka nghĩa là suy tưởng (sañña ka) về nơi thanh vắng (raho)' 4 Campakapupphiya nghĩa là íuvị liên quan đến bông hoa (puppha) campaka."

1919. Với ba lời kệ này, vị Nārada Saragacchiya đã ngợi ca về đấng Toàn Giác, bậc Không Bị Đánh Bại Padumuttara. 1920. Do sự tinh tín ấy ở trong tâm và do sự ngợi ca đức Phật, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 1921. Trước đây ba ngàn kiếp, [tôi đã là] vi Sát-đế-lỵ tên Sumitta, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1922. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Atthasandassaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Atthasandassaka" là phần thứ bảy.

138. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKAPASẢDANIYA (Ekapasādaniyattherapadānam) 1923. Tên của tôi là Nārada, mọi người biết tôi là [dòng dõi] Kesava. Trong khi tìm hiểu về điều thiện và bất thiện, tôi đã đi đến gần bên đức Phật. 1924. Trong khi an ủi chúng sanh, bậc Đại Hiền Trí Atthadassī, đấng Bi Man có tâm từ ai, bậc Hữu Nhãn ấy thuyết giảng giáo pháp. 1925. Sau khi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã chắp tay ở đầu. Sau khi đảnh lễ bậc Đạo Sư, tôi đã ra di, mặt hướng phía Đông. 1926. [Trước đây] một ngàn bảy trăm kiếp, tôi đã là đức vua, chúa tể trái đất, là đang Chuyên Luân Vương tên Amittatāpanā có oai lực lớn lao. 1927. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekapasādaniya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ekapasãdaniya" là phần thứ tám.

139. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SẢLAPUPPHADẢYAKA (Sālapupphadāyakattherāpadānam) 1928. Lúc bấy giờ, tôi đã là vua của loài thú, là con sư tử đã được sanh ra cao quý. Trong khi tìm kiếm chỗ hiểm trở ở ngọn núi, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 1929. "Vj này ắt hẳn là đấng Đại Hùng, nệười giúp cho

đám đông dân chúng được [giải thoát] Niết-bàn. Hay là ta nên hiu cận vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân ưu?" 1930. Sau khi bẻ gãy nhánh cây sâla, tôi đã mang lại bông hoa còn lớp vỏ bọc. Tôi đã đi đến gần bậc Toàn Giác và đã dâng cúng bông hoa tối thượng. 1931. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa.

5 A tthasandassaka nghĩa là "vj chỉ dạy (sandassakà) về ý nghĩa, mục đích (attha)y 6 Ekapasãdaniya nghĩa là liên quan đến việc một lần (ekã) có được đức tin (pasãdană)y

1932. Và trước đây vào kiếp thứ chín, ba vị vua tên Virocana đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 1933. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)..tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sãlapupphadâyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Sâlapupphadãyaka" là phần thứ chín.

140. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PIYẢLAPHALADÃYAKA (Piyãlaphaladãyakattherãpadânam) 1934. Lúc bấy giờ, tôi đã là kẻ đồ tể, là kẻ giết hại các sanh mạng khác. Tôi nằm ngủ ở sườn núi không xa bậc Đạo Sư Sikhī. 1935. Tôi nhìn thấy đức Phật, bậc Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian vào ban đêm và ban ngày. Nhưng vật xứng đáng để dâng cúng đến đấng Chúa Te Của Loài Người thì tôi không có. 1936. Tôi đã cầm lấy trái cây piyâla và đã đi đến gần đức Phật. Đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngini đã thọ nhận. 1937. Ke từ đó về sau tôi đã theo phục vụ đấng Hướng Đạo. Với sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy. 1938. [Ke từ khi] toi đã cúng dường trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 1939. Trước đây mười lăm kiếp, ba vi [tên] Piyālī đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1940. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Piyālaphaladāyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6éKý sự về Trưởng lão Pỉyãlaphaladãyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị Sobhita, vi Sudassanaṃ [vi dâng cúng] trâm hương, [vị dâng cúng] mái che băng bông hoa, vị suy tưởng vê nơi thanh văng, vị có bông hoa campaka, cùng với vi chỉ dạy về mục dích, vị có một lần tịnh tín, vị dâng cúng bông hoa Sla, và vị dâng cúng trái cây là thứ mười; [tổng cộng] có bảy mươi hai câu kệ đã được tính đem bởi các bậc trí. Phẩm Sobhita là phẩm thứ mười bốn.

7 Sãlapupphadâyaka nghĩa là t4vị dâng cúng (dãyako) bông hoa (puppha) sla." 8 Piyālaphaladãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) trái cây (phală) piyāla.,,

XV PHẨM CHATIA (CHATTAVĂGGƠ)

141. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ATICHATTIYA (Atichattiyattherāpadānam) 1941. Khi đức Thế Tôn, bậc Tối Thượng Nhân Atthadassī đã viên tịch Niết- bàn5 tôi đã cho thực hiện chiếc lọng che ở thượng tầng và đã dâng lên ở ngôi bảo tháp. 1942. Tôi đã nhiều lần đi đến và đã lễ bái ngôi bảo tháp của bậc Đạo sư. Tôi đã thực hiện mái che bằng bông hoa

và tôi đã đặt ở phía trên chiếc lọng che. 1943. Tôi đã cai quản thiên quốc [trước đây] một ngàn bảy trăm kiếp, tôi không đi đến bản thể loài người; điều này là quả báo của việc cúng dường ngôi bảo tháp. 1944. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Atichattiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 64Ký sự về Trưởng lão Atichattiya^ là phần thứ nhất

142. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO THAMBHÃROPAKA (Thambhāropakattherāpadānam) 1945. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Nhân Ngưu Dhammadassī đã Niết- bàn, tôi đã dựng lên cột cờ ở ngôi bảo tháp của đức Phật tối thượng. 1946. Sau khi tạo lập cái cầu thang, tôi đã bước lên ngôi bảo tháp tối thượng. Tôi đã cầm lấy bông hoa nhài và đã dâng lên ở ngôi bảo tháp. 1947. Ôi đức Phật! Ôi giáo pháp! ôi sự thành tựu của bậc Đạo sư của chúng ta! Tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ngôi bảo tháp. 1948. Trước đây chín mươi bốn kiếp, mười sáu vị vua [cùng] tên Thũpasikkhara đã là các đang Chuyên Luân Vương có oai lực lớn lao. 1949. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Thambhâropaka1 2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Thambhâropaka55 là phần thứ nhì. 1 Atỉchattiya nghĩa là 44vị liên quan đến chiếc lọng che ở thượng tầng (atichatta)y 2 Thambhãropaka nghĩa là uvị dựng lên (ãropaka) cây cột (thambhā)?'

THÁNH NHÂN KÝ sự 157

143. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VEDIKĀRAKA (Vedikārakattherāpadānam) 1950. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Piyadassī đã Niết- bàn, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã thực hiện viền rào bằng ngọc trai. 195L Sau khi cho rải quanh với các viên ngọc ma-ni, tôi đã thực hiện viền rào tuyệt hảo. Sau khi thực hiện lễ hội ở viền rào, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy. 1952. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có các người cầm giữ những viên ngọc ma-ni ở trên không trung; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 1953. Trước đây một ngàn sáu trăm kiếp, ba mươi hai vị vua [cùng] tên Manippabhā đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 1954. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vedikāraka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Vedikãraka^ là phần thứ ba.

144. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SAPARIVẢRIYA ỤSaparivãriyattherâpadữnam) 1955. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Toàn Giác sau khi phát cháy như là khối lửa, đã viên tịch Niết-bàn. 1956. Và khi bậc Đại Hùng đã Niết-bàn, đã có ngôi bảo tháp rộng rãi. Người người túc trực ngày và đêm ở gian nhà Xá-lợi cao quý tối thượng. 1957. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã thực hiện vòng rào chắn bằng gỗ trầm hương. Và khi ấy, có làn khói phù hợp với ngôi bảo tháp được nhìn thấy. 1958. Trong khi được sanh lên ở cõi hữu, dầu ở bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi không nhìn thấy tôi có sự thua kém; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 1959. Trước đây mười lăm kiếp đã có tám vị [vua], tất cả các vị ấy có [cùng] tên Samattā, là các đấng Chuyển Luân Vuông, có oai lực lớn lao. 1960. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão

Saparivãriya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Saparivãriya59 là phần thứ tư.

145. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UMMẢPUPPHIYA (Ummāpupphiyatherāpadānam) 1961. Khi đức Thế Tôn Siddhartha, đấng Bảo Hộ Thế Gian, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã Niết-bn, đã có lễ hội ở ngôi đại bảo tháp.

3 Vedikãraka nghĩa là thực hiện (kārako) viền rào ịyedí)y 4 Saparỉvãrỉya nghĩa là 4tvị liên quan đến nhóm tùy tùng (parivārā) của mình (s)."

1962. Trong khi lễ hội dành cho bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhartha đang được tiến hành, tôi đã cầm lấy bông hoa ummâ và đã dâng lên ngôi bảo tháp. 1963. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bảo tháp. 1964. Và trước đây vào kiêp thứ chín, tám mươi lăm vị vua [cùng] tên Somadeva đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 1965. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ưmmãpupphiya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Ummapupphiya^ là phần thứ năm.

146. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ANULEPADÃYAKA (Anulepadāyakattherāpadānam) 1966. Tôi đã thực hiện vòng rào chắn ở cội Bồ-đề của bậc Hiền Trí Anomadassĩ. Tôi đã dâng cúng khối vôi bột và đã làm công việc tô trét. 1967. Sau khi nhìn thấy hành động đã được thực hiện khéo léo ấy, đấng Tối Thượng Nhân Anomadassĩ, bậc Đạo Sư đứng ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này: 1968. "Do việc làm về vôi bột này và do các nguyện lực của tác ý, [người này] sẽ thọ hưởng sự thành đạt và sẽ chấm dứt khổ dàu.” 1969. Tôi có vẻ mặt tịnh tín, có sự chăm chú, khéo được định tĩnh. Tôi duy trì thân mạng cuôi cùng ở giáo pháp của đang Chánh Đăng Giác. 1970. Trước đây tròn đủ một trăm kiếp không thiếu hụt, [tôi đã là] đức vua tên Sabbaghana, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 1971. Bốn [tuệ] phân tích,...(lít)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Anulepadâyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Anulepadâyaka55 là phần thứ sáu.

147. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MAGGADÃYAKA (Maggadāyakattherāpadānam) 1972. Bậc Hữu Nhãn vượt qua con sông nhỏ rồi đi vào khu rừng. Tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác Siddhattha có ba mươi hai hảo tướng ấy. 1973. Tôi đã cầm lấy cuốc xẻng và cái giỏ rồi đã san bằng con đường ấy. Tôi đã đảnh lễ bậc Đạo sư và đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. 1974. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng đường đi.

5 Ummãpupphiya nghĩa là liên quan đến bông hoa ịpuppha) umm” 6 Anulepadāyaka nghĩa ỉa dâng cúng (dāyako) vữa để tô trét {anulepă)y

1975. [Trước đây] năm mươi bảy kiếp, tôi đã là vị thống lãnh dân chúng độc nhất với tên Suppabuddha; vị lãnh đạo ấy là chúa tể loài người. 1976. Bốn [tuệ] phân tích,...

(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Maggadãyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 64Ký sự về Trưởng lão Maggadãyaka,5 là phần thứ bảy.

148. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PHALAKADĀYAKA (Phalakadāyakattherāpadānam) 1977. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ đóng xe thuyền khéo được học tập về nghề mộc. Tôi đã thực hiện tấm ván bằng gỗ trầm hương và đã dâng cúng đến đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian. 1978. Cung điện bằng vàng khéo được hóa hiện ra này chói sáng. Phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, phương tiện di chuyển của cõi trời được sẵn sàng. 1979. Các tòa lâu đài luôn cả các kiệu khiêng được sanh lên theo như ước muốn, châu báu của tôi không bị suy suyển; điều này là quả báo của tấm ván gỗ. 1980. [Ke từ khi] toi đã dâng tấm ván gỗ trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm ván gỗ. 1981. Trước đây năm mươi bảy kiêp? bôn vị [cùng] tên Nimmitā đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1982. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Phalakadâyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Phalakadāyaka" là phần thứ tám.

149. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VATAMSAKIYA (Vatamsakiyattherāpadānam) 1983. Đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại tên Sumedha, trong khi thực hành hạnh độc cư, đã đi sâu vào khu rừng lớn. 1984. Sau khi nhìn thấy cây salala đã được trổ hoa, tôi đã buộc thành vòng hoa đội đầu. Tôi đã dâng lên đức Phật bằng cách đặt ở trước mặt đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 1985. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1986. [Trước đây] một ngàn chín trăm kiếp, mười sáu vị [cùng] tên Nimmitā đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1987. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

160 KINH TIỂU Bộ

Đại đức Trưởng lão Vatamsakiya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Vatamsakiyaw là phần thứ chín.

150. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PALLAÑKADĀYAKA (Pallankadāyakattherāpadānam) 1988. Tôi đã dâng cúng chiếc ghế bành có mái che ở phía trên đến đức Thế Tôn Sumedha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. 1989. Lúc bấy giờ, chiếc ghế bành ấy có đầy đủ bảy loại châu báu luôn luôn sanh lên cho tôi, đúng theo ý định của tôi. 1990. Ke từ khi tôi đã dân^ cúng chiếc ghế bành trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc ghế bành. 1991. [Trước đây] hai chục ngàn kiêp, ba người [cùng] tên Suvannābha, [đã là] các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1992. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pallañkadāyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Pallañkadāyaka" là phần thứ mườĩ.

Phần tóm lược Chiếc lọng che, cây cột [đèn], viền rào quanh, vị có nhóm tùy tùng, vi liên quan đến bông hoa umma, vị tô trét, vị dâng cúng đườn^ di, vị dang cúng tấm ván gỗ, vị có vòng hoa đội đầu, vị dâng cúng chiếc ghe bành; [tổng cộng] có năm mươi sáu câu kệ đã được thuật lại. Phẩm Chatta là phẩm thứ mười lắm.

7 Vatamsakiya nghĩa là uvị liên quan đến vòng hoa đội đầu (vatamsakd)y 8 Pallañkadāyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) chiếc ghế bành (pallañka)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 161

XVI. PHẨM BANDHUJĪVAKA (BANDHUJĪVAKAVAGGO)

151. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BANDHUJĪVAKA (Bandhujīvakattherāpadānam) 1993. [Toi đã nhìn thấy đức Thế Tôn Sikhī] tợ như mặt trăng không bị bợn nhơ, tinh khiết, trong sạch, không bị loạn động, đã đoạn tận sự vui thích ở hiện hữu, đã vượt qua sự ái luyến ở đời. 1994. Là bậc đã vượt qua, cao quý trong sô các đang đang tiêp độ, Ngài đang giúp cho dân chúng thành tựu Niết-bàn. Ngài đang tham thiền ở trong khu rừng, có sự chăm chú, vô cùng định tĩnh. 1995. Sau khi buộc lại các bông hoa bandhujīvaka bằng sợi chỉ, tôi đã dâng lên đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian Sikhī. 1996. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1997. Trước đây vào kiếp thứ bảy, tôi đã là vị Chúa Te Của Loài Người có danh vọng vĩ đại tên Samantacakkhu, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 1998. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bandhujīvaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Bandhujīvaka" là phần thứ nhất.

152. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TAMBAPUPPHIYA (Tambapupphiyattherāpadānam) 1999. Là người bị bận rộn trong việc quán xuyến công việc của người khác, tôi đã làm điều lầm lỗi. Bị xâm chiếm bởi nỗi lo sợ và hốt hoảng, tôi đã trốn chạy đến cuối khu rừng. 2000. Sau khi nhìn thây giông cây đã được trô hoa, dính thành từng chùm, khéo léo phô bày, tôi đã ngắt lấy bông hoa màu nâu đỏ và đã rải rắc ở cội cây Bồ-đề. 200L Sau khi quét dọn cội cây Bồ-đề là giống cây pātalī tối thượng ấy, tôi đã xép chan vao tư the kiet-gia va ngoi xuông ơ góc CÔI cay Bô-đêe

162 KINH TIÊU BÔ _____

2002. Trong khi tìm kiếm con đường [tôi] đã đi qua, bọn họ đã đến gần chỗ tôi. Và ở tại nơi ấy, sau khi nhìn thấy bọn họ, tôi đã quan sát cội cây Bồ- đề tối thượng. 2003. Và với tâm ý trong sạch, tôi đã đảnh lễ cội cây Bồ-đề. Tôi đã bị rơi xuồng ở hẻm núi đáng kinh sợ có độ sâu băng nhiêu cây thót nót. 2004. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội cây Bồ-đề. 2005. Và trước đây vào kiếp thứ ba, tôi đã là đức Vua Susañfiata, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2006. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tambapupphiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Tambapupphiya” là phần thứ nhì.

153. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO VĪTHISAMMAJJAKA (Vīthisammajjakattherāpadānam) 2007. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang đi ra tợ như mặt trời đang mọc, như là mặt trời có tia sáng màu vàng, như là mặt trăng vào ngày rằm. 2008. Đã có tất cả sáu mươi tám ngàn vị Lậu tận [A-la-hán] đã tháp tùng bậc Toàn Giác, vi Chúa Te Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu. 2009. Với tâm ý trong sạch, tôi đã quét dọn con đường ấy, và trong khi đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang đi ra, tôi đã trương lên lá cờ ở tại nơi ấy. 2010. [Ke từ khi] toi đã dâng lên ngọn cờ trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng ngọn cờ. 2011. Trước đây vào kiếp thứ tư, tôi đã là vị vua có sức mạnh vĩ đại, được thành tựu về mọi phương diện, được nổi danh là Sudhaja. 2012. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vīthisammajj aka1 2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Vīthisammajj akaw là phần thứ ba.

154. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KAKKĀRUPŪJAKA (Kakkāruptīfakattherāpadānam) 2013. Trong khi là vị Thiên tử, tôi đã cúng dường đến đấng Lãnh Đạo Sikhī. Tôi đã cầm lấy bông hoa kakkâru và đã dâng lên đức Phật. 2014. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1 Tambapupphiya nghĩa là "vj liên quan bông hoa ịpuppha) màu nâu đỏ (tamhā}y 2 Vīthisammajjaka nghĩa là 'V quét dọn (sammajjaka) con đường (yĩthĩ)y

2015. Và trước đây vào kiếp thứ chín, tôi đã là đức Vua Sattuttama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2016. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kakkārupūjaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKỷ sự về Trưởng lão Kakkārupflj aka55 là phần thứ tư.

155. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MANDĀRAVAPŪJAKA (Mandāravapūfakattherāpadānam) 2017. Trong khi là vị Thiên tử, tôi đã cúng dường đến đấng Lãnh Đạo Sikhī. Tôi đã cầm lấy bông hoa mandârava và đã dâng lên đức Phật. 2018. Trong bảy ngày, đã có tràng hoa của cõi trời là chiếc lọng che cho đức Như Lai. Tất cả dân chúng đã tụ hội lại và đã lễ bái đức Như Lai. 2019. [Ke từ khi] toi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 2020. Và trước đây vào kiếp thứ mười, tôi đã là đức Vua Jutindhara, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2021. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mandāravapūj aka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ^Ký sự về Trưởng lão Mandāravapūjaka95 là phần thứ năm.

156. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KADAMBAPUPPHIYA (Kadambapupphiyattherāpadānam) 2022. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Kukkuta. Bảy vị Phật Độc Giác ấy cư ngụ ở chân ngọn núi ấy. 2023. Sau khi nhìn thây cây kadamba đã được trô hoa tợ như mặt trăng, [vua của các ngọn đèn] đã mọc lên, bang cả hai tay tôi đã hái và đã rải rắc ở

bảy vị Phật. 2024. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2025. Trước đây chín mươi hai kiêp? bảy vị [cùng] tên Puppha đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2026. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lòd dạy của đức Phật.

3 Kakkārupūjaka nghĩa là "vi cúng dường ịpũịaka) bông hoa kakkāru.^^ 4 Mandãravapĩịịaka nghĩa là cúng dường (pūjaka) bông hoa mandârava.>,

Đại đức Trưởng lão Kadambapupphiya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Kadambapupphiya" ỉa phần thứ sáu.

157. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TINASŪLAKA (Tinasũlakattherãpadãnam) 2027. ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên Bhūtagana. ở tại nơi ấy có đấng Chiến Thắng, bậc Tự Chủ, bậc Tách Ly Khỏi Thế Gian cư ngụ đơn độc. 2028. Tôi đã cầm lấy những bông hoa tinasūla và đã dâng lên đức Phật. Tôi không trở thành người bị rơi vào đọa xứ trong chín mươi chín ngàn kiếp. 2029. Trước đây mười một kiếp, tôi đã là vị Dharanīruha độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2030. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tinasūlaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Tiọasũlaka55 là phần thứ bảy.

158. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NẢGAPUPPHIYA (Nãgapupphiyattherãpadãnam) 2031. [Tôi đã là] vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật tên Suvaccha sống ở trong vùng đoi núi, được tùy tùng bởi các người học trò của mình. 2032. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng có ý định tiếp độ tôi, Ngài đã đi đến khu ẩn cư của tôi. 2033. Ngài [đã] đi kinh hành ở trên không trung, tương tợ y như thế Ngài [đã] phun khói, [đã] chói sáng. Sau khi nhận biết sự vui mừng ở tôi, Ngài đã ra di, mặt hướng phía Đông. 2034. Sau khi nhìn thấy điều phi thường kỳ diệu khiến lông rởn ốc ấy, tôi đã cầm lấy bông hoa nāgā và đã rải rắc ở con đường [Ngài] đã đi qua. 2035. [Ke tư khi] tôi đã rải rắc bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, do nhờ sự tịnh tín ấy ở trong tâm tôi đã không đi đến khổ cảnh. 2036. [Trước đây] ba ngàn một trăm kiếp, tôi đã là đức Vua Mahãratha, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2037. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nâgapupphiya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Nãgapupphiya" là phần thứ tám.

5 Kadambapupphỉya nghĩa là 44vị liên quan đến bông hoa (puppha) kadamba." 6 Tinasūlaka nghĩa là "vi liên quan đến bông hoa tinasūlaka.„ 7 Nãgapupphiya nghĩa là liên quan đến bông hoa (puppha) nãga.„

159. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUNNẢGAPUPPHIYA (Punnāgapupphiyattherāpadānam) 2038. Sau khi đã đi sâu vào khu rừng rậm, tôi sinh sống, là người thợ săn. r 7 e r Sau khi nhìn thây cây punnâga đã được trô hoa, tôi đã tưởng nhớ đên đức Phật tối thượng. 2039. Tôi đã thu nhặt bông hoa xinh đẹp tỏa hương thơm ngào ngạt ấy. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp ở trên cát, tôi đã dâng lên đức Phật. 2040. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phật. 2041. [Trước đây] chín mươi mốt kiếp, tôi đã là vi Tamonuda độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2042. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Punnâgapupphiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6aKý sự về Trưởng lão Punnâgapupphiya 55 là phần thứ chín.

160. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KUMUDADẢYAKA (Kumudadāyakattherāpadānam) 2043. ở không xa núi Hy-mã-lạp đã có hồ nước thiên nhiên rộng lớn, được che phủ bởi các bông sen đỏ và sen xanh, được tràn ngập bởi các bông sen trăng. 2044. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài chim tên gọi kukuttha, có giới hạnh, được thành tựu trí sáng suôt, rành rẽ vê phước và tội. 2045. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đại Hiền Trí đã lai vãng ở không xa hồ nước thiên nhiên. 2046. Tôi đã ngắt hoa súng trắng mọc ở trong nước và đã dâng đến bậc Đại Ẩn Sĩ. Biết được ý định của tôi, bậc Đại Hiền Trí đã thọ nhận. 2047. Và sau khi đã dâng cúng vật thí ấy, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 2048. Trước đây một ngàn sáu trăm kiêp, tám vị thông lãnh dân chúng r 9

[cùng] tên Varuna này đã là các đang Chuyên Luân Vương có oai lực lớn lao. 2049. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kumudadâyaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Kumudadyaka" là phần thứ mười.

8 Punnãgapupphiya nghĩa là C4vị liên quan đến bông hoa (puppha) punnãga.,, 9 Kumudadãyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dãyako) hoa súng trắng (kumudă)y

Phần tóm lược Vị [có hoa] bandhujīvaka, vi có hoa màu nâu đỏ, [vị quét dọn] con đường di, vị có hoa kakkāru, hoa mandārava, vị có hoa kadamba, vị có hoa tinasūla, vi có hoa nāgā, hoa punnāga, vị có hoa komuda; [tổng cộng] có năm mươi sáu cảu kệ đã được thuật lại. Phẩm Bandhujīvaka là phẩm thứ mười sáu.

THÁNH NHÂN KÝ sự 167

xvn. PHẨM SUPÃRICARIYA (SUPÂR[CARIY4K4GGƠ)

161. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SUPÃRICARIYA (Supāricariyattherāpadānam) 2050. Sau khi lìa khỏi khu rừng bao la, vị Chúa Te Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu, bậc Hữu Nhãn tên Paduma đã thuyết giảng giáo pháp. 2051. Đã có cuộc hội họp của các dạ-xoa ở không xa bậc Đại Ẩn Sĩ. Vì công việc ấy, các dạ-xoa đã đi đến và ngay lập tức đã xem xét. 2052. Nhận biết lời nói của đức Phật và sự thuyết giảng về bất tử, với tâm tịnh tín,

với ý vui mừng, tôi đã vỗ tay và đã phục vụ [Ngài]. 2053. Quý vị hãy nhìn xem quả báo của việc phục vụ bậc Đạo Sư đã khéo được thực hành, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong ba mươi ngàn kiếp. 2054. Trước đây hai ngàn chín trăm kiếp, [tôi đã là] vi tên Samalañkata, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2055. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Supâricariya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Supâricariya^ là phần thứ nhất

162. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KANAVERAPUPPHIYA (Kanaverapupphiyattherāpadānam) 2056. Đức Thế Tôn tên Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đang Nhân Ngiru dân đâu các vị Thinh văn, đã bước đi ở trong thành phô. 2057. Tôi đã được vinh dự là người canh gác ở hậu cung của đức vua. Tôi đã đi đến gần tòa lâu đài và đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo The Gian. 2058. Tôi đã cầm lấy bông hoa kanavera và đã rải rắc ở hội chúng Tỳ-khưu. Tôi đã thực hiện nhiều làn ở đức Phật, sau đó đã rải rắc nhiều hơn nữa. 2059. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc Cling dường bông hoa. 2060. Trước đây tám mươi bảy kiếp, bốn vi [cùng] tên Mahiddhikā đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2061. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

168 KINH TIÊU BÔ

Đại đức Trưởng lão Kanaverapupphiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Kanaverapupphiya95 là phần thứ nhì.

163. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KHAJJAKADĀYAKA (Khajjakadāyakattherāpadānam) 2062. Trước đây, tôi quả nhiên đã có dâng cúng trái cây đến đức Thế Tôn Tissa. Và tôi đã dâng lên trái dừa được công nhận là vật ăn được. 2063. Sau khi tôi đã dâng cúng trái cây ấy đến đức Phật, bậc Đại Ẩn Sĩ Tissa, tôi được vui mừng là người đã làm xong việc theo như dự tính, tôi đã được tái sanh theo như ước muốn. 2064. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 2065. Trước đây mười ba kiếp, tôi đã là đức Vua Indasama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2066. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Khajj akadâyaka1 2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ky sự về Trường lão Khajjakadãyaka" là phần thứ ba.

164. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DESAPŪJAKA (Desapūjakattherāpadānam) 2067. Còn về đức Thế Tôn Atthadassĩ, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đang Nhân Ngưu, Ngài bay lên bâu trời và di chuyên băng đường không trung. 2068. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình cúng dường đến bất cứ khu vực nào mà đấng Đạo Sư, bậc Đại Hiền Trí đã đi đến và đứng lại ở khu vực ấy. 2069. [Ke từ khi] tôi đã nhìn thấy bậc Đại Hiền Trí [trước đây] một ngàn tám trăm kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường khu vực [đức Phật đã đứng]. 2070. [Trước đây] một ngàn một trăm kiếp, [tôi đã là] vị tên Gosujāta, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu

vật, có oai lực lớn lao. 2071. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Desapūjaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Desapūjaka" là phần thứ tư.

1 Kanaverapupphiya nghĩa là tcvị liên quan đến bông hoa (puppha) kanavera.,, 2 Khajjakadāyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) vật thực để nhai (Jihajjakă)y 3 Desapūjaka nghĩa là cúng dường (pūjaka) khoảnh đất, vùng đất (desa)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 169

165. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KANIKĀRACCHADANIYA (Kanikāracchadaniyattherāpadānam) 2072. Đấng Toàn Giác Vessabhū, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Hiền Trí đã đi sâu vào khu rừng lớn cho việc nghỉ ngơi giữa ngày. 2073. Khi ấy, tôi đã thu nhặt bong hoa kanikāra và đã làm chiếc lọng che. Sau khi thực hiện chiếc lọng che bằng bông hoa, tôi đã dâng lên đức Phật. 2074. [Ke từ khi] tôi đã dân^ lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2075. Trước đây hai mươi kiếp, tám vi Sát-đế-lỵ [cùng] tên Sonnābha đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2076. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kanikāracchadaniya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy í6Ký sự về Trưởng lão Kanikaracchadaniya" là phần thứ năm.

166. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SAPPIDÃYAKA (SappidâyakattherãpadãnaỉỊÌ) 2077. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn tên Phussa, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đấng Anh Hùng, trong khi giúp cho đám đông dân chúng thành tựu Niết- bàn9 Ngài [đã] đi ở trèn đương. 2078. Theo tuần tự? đức Thế Tôn đã đi đến gần chỗ của tôi. Do đó, tôi đã nhận lây bình bát và đã dâng cúng bơ lỏng, dâu ăn. 2079. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng bơ lỏng trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng bơ lỏng. 2080. Trước đây năm mươi sáu kiếp, tôi đã là vị tên Samodaka độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2081. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sappidâyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍÊKý sự về Trưởng lão Sappidyaka” là phần thứ sáu.

167. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO YŨTHIKÃPUPPHIYA (Yũthikãpupphiyattherãpadãnam) 2082. Tôi [đã] di chuyển xuôi dòng ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thay đang Tự Chủ ở tại nơi ấy tợ như cây sâla chúa đã được tro hoa.

4 Kanikāracchadaniya nghĩa là "vj liên quan đến mái che (chadana) bằng bông hoa kanikāra.,, 5 Sappidãyaka nghĩa là 4Uvị dâng cúng (dāyako) bơ lỏng (sappi)'

170 KINH TIÊU BÔ

2083. Tôi đã cầm lấy bông hoa yũthika và đã đi đến gần bậc Đại Hiền Trí. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật. 2084. [Ke từ khi] tôi đã cung đường bông

hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2085. Trước đây sáu mươi bảy kiếp, tôi đã là vị tên Samuddhara độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2086. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Yūthikāpupphiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Yūthikāpupphiya55 là phần thứ bảy.

168. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO DUSSADẢYAKA (Dussadāyakattherāpadānam) 2087. Lúc bấy giờ, tôi đã là người con trai của đức vua ở thành phố Tivarâ đáng yêu. Sau khi nhận được tặng phẩm, tôi đã dâng cúng đến bậc An Tinh. 2088. Đức Thế Tôn đã chấp thuận và đã dùng bàn tay sờ vào tấm vải. Sau khi chấp thuận, [đức Phật] Siddhattha đã bay lên khoảng không ở bầu trời. 2089. Trong khi đức Phật đang đi, các tấm vải đã chạy theo phía sau của Ngài. Tại nơi ấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín; đức Phật là nhân vật cao cả của chúng ta. 2090. Ke từ ỉdii tôi đã dâng cúng tấm vải trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tấm vải. 2091. Trước đây sáu mươi bảy kiếp, khi ấy tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương, là vị chúa tê của loài người tên Parisuddhā, có oai lực lớn lao. 2092. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dussadâyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Dussadâyaka" là phần thứ tám.

169. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SAMẢDAPAKA (Samādapakattherāpadānam) 2093. ở tại thành phố Bandhumatī, đã có hội chúng cư sĩ đông đảo. Tôi đã là người ưu tú trong sô họ? và họ là các cộng sự viên của tôi. 2094. Sau khi tụ tập tất cả bọn họ lại, tôi đã khuyến khích về cong việc phước thiện: "Chúng ta sẽ làm tràng hoa dâng đên hội chúng là phước điền tối thượng?5

6 Yũthìkãpupphiya nghĩa là fctvị liên quan đến bông hoa (pupphà) yūthika.,, 7 Dussadãyaka nghĩa là dâng cúng {dāyako) tấm vải (dussàyy

2095. Thuận theo mãnh lực của niềm ước muốn của tôi, họ đã đáp lại rằng: uTốt lắpi”, và họ đã hoàn tất tràng hoa ấy. [Tôi đã nói rằng:] "Chúng ta hãy dâng đến [đức Phật] Vipassī?5 2096. Ke từ khi tôi đã dâng cúng tràng hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tràng hoa. 2097. Trước đây năm mươi chín kiếp, tôi đã là vị thống lãnh dân chúng độc nhất tên Âdeyya, là đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2098. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Samâdapaka đã nói lên những lời kệ này như thê ây. uKý sự về Trưởng lão Samãdapaka" là phần thứ chín.

170. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PAÑCAÑGULIYA (Pañcañguliyattherāpadānam) 2099. Đức Thế Tôn tên Tissa đã là bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Hiền Trí, vị thiện xảo về việc an tru [thiền quả] đang đi vào hương thất. 2100. Tôi đã cầm lấy tràng hoa có hương thơm ngào ngạt và đã đi đến gần đấng Chiến

Thắng. Chính vì không làm ồn đến đấng Toàn Giác, tôi đã dâng cúng một nhúm năm ngón tay [bông hoa]. 2101. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên hương thơm trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của một nhúm năm ngón tay [bông hoa]. 2102. Trước đây bảy mươi hai kiếp, vị vua tên Sayampabha đã là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2103. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Paficañguliya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Pañcañguliya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vi có sự phục vụ tốt, vị có bông hoa kanavera, vị có vật ăn được, vị cúng dường khu vực, bông hoa kanikāra, vị dâng cúng bơ lỏng, bông hoa yũthika, vị dâng cúng tấm vải, tràng hoa và một nhúm năm ngón tay; [tổng cộng] có năm mươi bốn câu kệ. Phẩm Supãrỉcariya là phẩm thứ mười bảy.

8 Pañcañguliya nghĩa là t4vị liên quan đến l nhúm 5 (pañca) ngón tay (añgulā)y

xvm. PHẨM KUMUDA (KUMUDAVĂGGƠ)

171. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUMUDAMÃLIYA (KumudamũliyattherSpadãnam) 2104. ở núi Hy-mã-lạp đã có hồ nước thiên nhiên rộng lớn. Là loài quỷ sứ đã được sanh ra ở tại nơi ấy, tôi đã có dáng vẻ rùng rợn, có sức mạnh lớn lao. 2105. Bông súng trắng ở tại nơi ấy trổ hoa. Chúng được sanh ra có kích thước bằng bánh xe. Tôi đã thu nhặt bông hoa ấy, và đã có sự gặp gỡ với bậc có năng lực vào lúc ấy. 2106. về đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Chúa Te Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu, sau khi nhìn thấy bông hoa đã được gom lại, Ngài đã đi đến gần chỗ của tôi. 2107. Và khi bậc Toàn Giác, vi Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đã đi đến gần, tôi đã gặp Ngài; tôi đã cầm lấy bông hoa và đã dâng lên đức Phật. 2108. Khi ấy, hội chúng ấy đã trải dài đến tận cùng núi Hy-mã-lạp. Đức Như Lai đã đi đến, có được đầy đủ mái che cho toàn bộ hội chúng. 2109. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa [trước đây] một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2110. Trước đây mười lăm kiếp, bảy vi thống lãnh dân chúng [cùng] tên Sahassaratha ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2111. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kumudamâliya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Kumudamãliya" là phần thứ nhất

172. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NISSENIDÃYAKA (Nissenidāyakattherāpadānam) 2112. Tôi đã cho thực hiện cầu thang để bước lên tòa lau đài của đức Thế Tôn Kondafiña, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. 2113. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, sau khi thọ hưởng sự thành đạt, tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1 Kumudamãlìya nghĩa là uvị liên quan đến tràng hoa (mãỉa) kumuda,^^

2114. [Trước đây] ba mươi môt ngàn kiêp, ba vi vua [cùng] tên Sambahulā đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2115. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nissenidāyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Nissenidãyaka" là phần thứ nhì.

173. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO RATTIPUPPHIYA (Rattìpupphiyattherâpadãnam) 2116. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu. 2117. Sau khi nhìn thấy giống cây rattika [nở hoa ban đêm] có chứa dược liệu đã được trổ hoa, tôi đã thu hoạch bông hoa luôn cả cuống và đã dâng đến bậc Đại Ẩn Sĩ. 2118. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa. 2119. Và trước đây vào kiếp thứ tám, tôi đã là đức vua tên Suppasanna, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2120. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Rattipupphiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Rattipupphiya” là phần thứ ba.

174. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UDAPẢNADẢYAKA (Udapãnadãyakattherãpadãnam) 2121. Tôi đã thực hiện cái giếng dành cho đức Thế Tôn Vipassī. Và khi ấy, sau khi dâng cúng đồ ăn khất thực, tôi đã dâng [cái giếng] đến Ngài. 2122. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, toi không con biêt đen kho canh; điêu nay la qua bao cua cai giêng. 2123. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Udapānadāyaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Udapãnadãyaka" là phần thứ tư.

2 Nissenidāyaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) cầu thang (ỉỉissenĩ)y 3 Rattipupphiya nghĩa là 4tvị liên quan đến bông hoa (mãỉa) nở vào ban đêm (rattỉ)y 4 ưdapãnadãyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) cái giếng (ụdapãnă)y

174 KINH TIỂU BÔ

175. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANADĀYAKA (Sīhāsanadāyakattherāpadānam) 2124. Khi bậc Lãnh Đạo Padumuttara, đấng Bảo Hộ Thế Gian đã Niết-bàn? với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng bảo tọa sư tử. 2125. Tại nơi ấy, sau khi thực hiện sự cúng dường với nhiều vật thơm và tràng hoa đến Ngài là nguồn đem lại sự an lạc trong thời hiện tại, nhiều người thành tựu Niết-ban. 2126. Sau khi đảnh lễ cội Bồ-đề tối thượng với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 2127. [Trước đây] mười lăm ngàn kiếp, tám vị vua [cùng] tên Siluccaya ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương. 2128. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sīhāsanadāyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão SThãsanadãyaka" ỉa phần thứ năm.

176. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MAGGADATTIKA (Maggadattikattherāpadānam) 2129. Đức Thế Tôn Anomadassĩ, bậc Chúa Te Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu đã đi kinh

hành ở ngoài trời nham sự thoải mái [cho cơ the] trong thời hiện tại. 2130. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ và đã rải rắc những bông hoa. Các bông hoa đã rơi ở bàn chân được giở lên và ở trên đỉnh đầu. 2131. Trước đây hai mươi ngàn kiếp, năm người [cùng] tên Pupphacchadaniya đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2132. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Maggadattika đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Maggadattika" là phần thứ sáu.

177. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKADĪPIYA (Ekadīpiyattherāpadānam) 2133. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng một ngọn đèn ở cây sa-la là cội Bồ-đề tối thượng của bậc Hiền Trí Padumuttara. 2134. Trong khi [tôi] được sanh lên ở cõi hữu, sự tích lũy phước báu đã được sanh theo, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ngọn đèn. 2135. Trước đây một ngàn sáu trăm kiếp, bốn người [cùng] tên Candãbha ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

5 Sĩhãsanadãyaka nghĩa là t4vị dâng cúng (dãyako) bảo tọa sư tử (sĩhãsana)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 175

2136. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekadĩpiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ky sự về Trưởng lão Ekadĩpiya,9 là phần thứ bảy. (Dứt tụng phẩm thứ chín).

178. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MANIPŪJAKA (Manipūfakattherāpadanam) 2137. Có con sông nhỏ đã phát xuất từ phân bên dưới của núi Hy-mã-lạp. Và lúc bấy giờ, bậc Tự Chủ cư ngụ ở phần đất cạnh bờ sông ấy. 2138. Tôi đã cầm lấy chiếc ghế bành làm bằng ngọc ma-ni có màu sắc xinh xắn, đáng yêu. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật. 2139. [Ke từ khi] toi đã dânạ lên ngọc ma-ni trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2140. Và trước đây mười hai kiêp, tám vi vua [cùng] tên Satararpsi ây đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2141. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Manipūjaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Manipūjakaw là phần thứ tám.

179. KÝ SựVÈ TRƯỞNG LÃO TĪKiCCĪiAKA(Tikicchakattherāpadānam) 2142. ở thành phố Bandhumatī, tôi đã là người thầy thuốc khéo được học tập, là nguồn đem lại sự an lạc cho những bệnh nhân có sự khổ đau. 2143. Sau khi nhìn thấy vị Sa-môn có giới hạnh, vố cùng sáng suốt, bị lâm bệnh. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng thuốc chữa bệnh. 2144. Chính nhờ thế, vị Sa-môn có giác quan thu thúc đã được lành bệnh. Người là vị hầu cận của [đức Phật] Vipassī, có tên là Asoka. 2145. Ke từ khi tôi đã dâng cúng phương thuốc trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của thuôc chữa bệnh. 2146. Và trước đây vào kiếp thứ tám, [tôi đã là] vị tên Sabbosadha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2147. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão

Tikicchaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Tikicchaka" là phần thứ chín* 6 Ekađĩpiya nghĩa là 44vị liên quan đến một (ekā) ngọn đèn (dĩpă)y 7 Tikicchaka nghĩa là 4tvị thầy thu6c".

180. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAÑGHUPATTHĀKA (Sañghupatthākattherāpadānam) 2148. Vào thời kỳ đức Thế Tôn Vessabhū, tôi đã là người phụ việc tu viện. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã phục vụ hội chúng tối thượng. 2149. Ke từ khi tôi đã thực hiên việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ. 2150. Trước đay vào kiếp thứ bảy, chính bảy vị [cùng tên] Samodaka ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2151. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sañghupatthāka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Sañghupatthāka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược B6ng súng trăng, roi vị có câu thang, giông cây nở hoa vê đêm, vị dâng cúng giêng nước, vị có bảo tọa sư tử, vị rải rắc [bông hoa] ở con đường, vị có một ngọn đèn, vị dâng lên ngọc ma-ni, vi y si, vị phục vụ; [tổng cộng] có bốn mươi chín câu kệ. Phẩm Kumuda là phẩm thứ mười tám.

8 Sañghupatthāka nghĩa là 'V phục vụ (upatthāka) hội chúng (sañgha)y

XIX. PHẨM KUTAJAPUPPHIYA (KUTAJAPUPPHIY4^4GGO)

181. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KUTAJAPUPPHIYA (Kutajapupphiyattherāpadānam) 2152. [Tôi đã nhìn thấy] đấng Toàn Giác có màu da vàng chói tợ như mặt trời đã mọc lên đang quan sát phương hướng trong lúc đang di chuyển ở không trung. 2153. Sau khi nhìn thấy cây kutaja đã được trổ hoa, đã được phát tán ngang dọc, tôi đã ngắt lấy [bông hoa] từ trên cây và đã dâng lên [đức Phật] Phussa. 2154. [Ke từ khi] toi đã dânệ lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2155. Trước đây mười bảy kiếp, bảy vị [cùng tên] Pupphita đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2156. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kutajapupphiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Kutajapupphiya55 ỉa phần thứ nhất

182. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BANDHUJĪVAKA (Bandhujīvakattherāpadānam) 2157. Đấng Toàn Giác, bậc Tự Chủ tên Siddhattha là vị đã được các bậc có đức hạnh ca ngợi. Được thành tựu về thiền định, Ngài đã ngồi ở trong vùng đồi núi. 2158. Trong khi tìm kiếm bông hoa tối thượng sanh trưởng ở trong nước tại hồ nước thiên nhiên, tôi đã nhìn thấy các bông hoa bandhujīvaka gần kề bên cạnh. 2159. Tôi đã nâng lên [các bông hoa] bằng cả hai tay và đã đi đến gần bậc Đại Hiền Trí. Với tâm tịnh tín, với ý vui

mừng, tôi đã dâng lên [đức Phật] siddhattha. 2160. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

1 Kutaịapupphiya nghĩa là liên quan đến bông hoa (pupphă) kutaja.,?

2161. Irước đây mười bốn kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng, là đấng Chuyển Luân Vương tên Samuddakappa, có oai lực lớn lao. 2162. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bandhujīvaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĚÍKý sự về Trưởng lão Bandhujīvaka55 là phần thứ nhì.

183. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KOTUMBARIYA (Kotumbariyattherāpadānam) 2163. [Tôi đã nhìn thấy đức Phật Sikhī] ngồi ở trong vùng đồi núi tợ như cây kanikāra đang cháy sáng, tợ như biển cả không thể đo lường, giống như là quả địa cầu bao la. 2164. Tương tợ như loài bò mộng thuần chủng, Ngài được tôn vinh bởi hội chúng chư thiên. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ, tôi đã đi đến gần bậc Toi Thượng Nhân. 2165. Sau khi lây ra bảy bông hoa đã được che phủ băng tâm vải mịn? tôi đã dâng lên đức Phật Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian. 2166. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 2167. Trước đây hai mươi kiếp, tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương độc nhất với tên là Mahânela, có quyền uy vĩ đại, có oai lực lớn lao. 2168. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kotumbariya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ky sự về Trưởng lão Kotumbariya" là phần thứ ba.

184. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PAÑCAHATTHIYA (Pañcahatthiyattherāpadānam) 2169. Đức Thế Tôn tên Tissa, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngxru đã bước đi ở trên đường lộ, được tháp tùng bởi các vị Thinh văn. 2170. Năm bó hoa sen và bốn bó nữa đã được tôi cất giữ. Có ý định dâng vật hiến cúng nhằm thành tựu công đức, tôi đã cam [các bông hoa] lên. 2171. Trong lúc bậc Toàn Giác, đấng Tối Thượng Nhân, bậc có màu da vàng chói, đang đi ở khu phô chợ, được chiêu rọi bởi ánh hào quang của đức Phật, tôi đã cúng dường [bông hoa] đến Ngài.

2 Bandhujīvaka nghĩa là có bông hoa bandhụịívaka." 3 Kotumbariya nghĩa là t4vị liên quan đen tam vải mịn koỊumbara."

2172. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 2173. Trước đây mười ba kiếp, năm vi được gọi tên là Usabha đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2174. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pañcahatthiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng

lão Paflcahatthiya” là phần thứ tư.

185. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ISIMUGGADÃYAKA (Isimuggadāyakattherāpadānam) 2175. [Tôi đã nhìn thấy] đấng Lãnh Đạo Thế Gian tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như mặt trời có tia sáng màu trắng, tợ như cây kakudhā đang chói sáng. 2176. Tôi đã nghiền các hạt đậu tây ở trong mật viên tinh khiết. Trong khi đứng ở ngay tại tòa lâu đài, tôi đã dâng cúng đến đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian. 2177. Đã hiện diện tám trăm ngàn vị Thinh văn của đức Phật. Món ấy dầu được tràn đầy bình bát của tất cả các vị, mà vẫn còn nhiều hơn thế nữa. 2178. Do sự tinh tín ấy ở trong tâm, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 2179. Trong bốn mươi ngàn kiếp, ba mươi tám người ấy có [cùng] tên là Isimugga, họ đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2180. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)..tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Isimuggadâyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Isimuggadâyaka^ là phần thứ năm.

186. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BODHI-UPATTHĀKA (Bodhi-upatthākattherāpadanam) 2181. Tôi đã là người sử dụng chiêc trông con ở thành phô Rammavatĩ. Thường xuyên bận rộn với công việc phục vụ, tôi đã đi đên cội Bô-đê tôi thượng. 2182. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã phục vụ sáng chiều, tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong một ngàn tám trăm kiếp. 2183. Trước đây một ngàn năm trăm kiếp, tôi đã là vị thống lãnh dân chúng tên Murạja, là đang Chuyên Luân Vương có oai lực lớn lao. 2184. Bốn [tuệ] phân tích,. .. (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

4 Pañcahatthiya nghĩa là 4tvị liên quan đến năm (pañca) bó (hatthă) hoa." 5 Isimuggadâyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) đậu tây (isừnugga)'

Đại đức Trưởng lão Bodhi-upatthāka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĔÍKý sự về Trưởng lão Bodhi-upatthākaw là phần thứ sáu.

187. KÝ SựVÈ TRƯỞNG LÃO EÌỈACìỉịTĨKA(Ekacintìkattherãpadãnam) 2185. Khi vị thiên nhân mệnh chung từ tập thể chư thiên do sự chấm dứt của tuổi thọ, chư thiên đang tùy hỷ thường thốt lên ba lời nói rằng: 2186. "Này bạn, từ nơi đây bạn hãy đi đến nhàn cảnh có sự cộng trú với loài người. Có bản thể nhân loại, bạn hãy đạt được niềm tin tối thượng vào Chánh pháp. 2187. Mong rằng niềm tin ấy của bạn được tạo lập, được sanh khởi cội rễ, được vững vàng trong Chánh pháp đã khéo được công bố, và không bi dao động cho đến hét cuộc đời/9 2188. "Bạn hãy làm việc thiện bằng thân, nhiều việc thiện bằnệ khẩu. Bạn hãy làm việc thiện bằng y, [là việc] không có khổ đau, không có mâm tái sanh. 2189. Sau đó, hãy làm nhiêu việc phước còn có mâm tái sanh ây băng sự bô thí. Bạn cũng nên hướng dẫn những người bạn khác vào Chánh pháp, vào Phạm hạnh.59 2190. Do lòng thương tưởng này, khi biết vị thiên nhân đang mệnh chung, chư thiên thường nói lời tùy hỷ rằng: "Hãy trở lại thành phố chư thiên lần nữa.” 2191. Khi ấy, lúc hội chúng chư thiên đã hội tụ lại, đã có sự dao động ở tôi rằng: mệnh chung từ nơi này, ta sẽ đi đên sanh chủng nào?" 2192. Sau khi biết được sự dao động của tôi, vị Sa-môn có các giác quan đã được tu tập ấy, với ý muốn tiếp độ tôi, nên đã đi đến gặp

tôi. 2193. Vi Thinh văn của [đức Phật] Padumuttara tên là Sumanā. Khi ấy, vi ấy đã chỉ dạy ý nghĩa và giáo pháp, và đã làm cho tôi chấn động. 2194. Sau khi lắng nghe lời nói của vị ấy, tôi đã làm cho tâm được tinh tín ở đức Phật. Sau khi đảnh lễ bậc trí tuệ ấy, tôi đã qua đời ở tại nơi ấy. 2195. Được thúc đây bởi nhân tô trong sạch, tôi đã được sanh ra ở chính tại nơi ấy, tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 2196. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekacintika7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Ekacintika" là phần thứ bảy.

188. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TIKANNIPUPPHIYA (Tikannipupphiyattherāpadānam) 2197. Trong khi là vị thiên nhân, tôi đã được các tiên nữ trọng vọng. Tôi đã nhớ lại nghiệp quá khứ, tôi đa nhớ đến đức Phật tối thượng.

6 Bodhi-upatthāka nghĩa là "vi phục vụ (upatthāka) cội cây Bồ-đề (bodhi)' 7 Ekacỉntỉka nghĩa là có một lần (ekā) suy nghĩ (cừuika)'

THÁNH NHÂN KÝ sự 181

2198. Sau khi lấy ra bông hoa tikanni, tôi đã làm cho tâm của chính mình được tịnh tín và đã dâng lên đức Phật Vipassī, đấng Nhân Ngưu. 2199. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đến khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật ' 2200. Trước đây bảy mươi ba kiếp, bon vị [cùng] tên Ramuttama đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2201. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tikannipupphiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ẾÍKý sự về Trưởng lão Tikannipupphiya^ ỉa phần thứ tám.

189. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKACÃRIYA (Ekacāriyattherāpadānam) 2202. Lúc bây giờ, đã xảy âm thanh âm ĩ ở chư thiên cõi trời Đạo-lợi răng: "Bức Phật Niết-bàn ở thế giãn, và chúng ta vẫn còn tham ái." 2203. Chư thiên ấy đã bị khơi dậy bởi nỗi niềm chấn động, đã bi chiếm hữu bởi mũi tên sầu muộn. Được hỗ trợ bằng năng lực của chính mình, tôi đã đi đen gần bên đức Phật. 2204. Tôi đã câm lây bông hoa mandãrava mem mại đã được hóa hiện ra, tôi đã dâng lên đức Phật vào thời điểm viên tịch Niết-bàn. 2205. Khi ấy, tất cả chư thiên và các tiên nữ đã tùy hỷ với tôi. Tôi đã không bi đọa vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 2206. Trước đây sáu mươi ngàn kiêp, mười sáu người [cùng] tên Mahāmallajana ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2207. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekacăriya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ekacâriya59 là phần thứ chín.

190. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TIVANTIPUPPHIYA (Tivantipupphiyattherāpadānam) 2208. Bi [phiền não] chế ngự, tất cả các vị ấy đã cùng nhau đi đến gặp tôi và tham thiền. Trong khi các vị ây đang tham thiền, họ đã có sự bực bội khởi lên. 2209. Lúc bấy giờ, vi có tên Sunanda, Thinh văn của đức Phật, bậc Hiền Trí Dhammadassĩ đã đi đến gặp tôi. 2210. Khi ấy, những người nào đã có sự sinh hoạt gắn bó với tôi, những người ấy đã dâng cúng bông hoa đến tôi. Tôi đã cầm lấy bông hoa ấy và đã dâng len vi Thinh văn.

8 Tikannipupphiya nghĩa là 46vị liên quan đến bông hoa (puppha) tikanni.^^ 9 Ekacâriya nghĩa là uvị có một lần (ekā) hành xử (cārỉyà)y

2211. Tôi đây đã qua đời và cũng đã tái sanh ở tại nơi ấy lần nữa. Tôi đã không đi đến đọa xứ trong một ngàn tám trăm kiếp. 2212. Trước đây một ngàn ba trăm kiếp, tám vi [cùng] tên Dhũmaketu đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2213. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt).. tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tivantipupphiya10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Tivantipupphiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Bông hoa kutaja, vị có bông hoa bandhujīva, bông hoa kotumbara, bó bông hoa, hạt đậu tây, cội Bồ-đề, vị có một lần suy nghĩ, vị có bông hoa tikanni, vị có một lần hành xử, bông hoa tivanti; [tổng cộng] có sáu mươi hai câu kệ đã được thuật lại. Phẩm Kutajapupphiya là phẩm thứ mười chín.

10 Tivaụtipupphỉya nghĩa là "vj liên quan đến bông hoa (puppha) tivanti."

XX. PHẨM IAMÃLAPUPPHIYA (TAMẢLAPUPPHIY4K4GGƠ)

191. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TAMÃLAPUPPHIYA (Tamālapupphiyattherāpadānam) 2214. Tòa lâu đài với tám mươi bốn ngàn cột trụ làm bằng vàng đã khéo được hóa hiện ra cho tôi, tợ như [phép mầu do] cây như ý của chư thiên. 2215. Với tâm ý trong sạch, tôi đã cầm lấy bông hoa tamâla và đã dâng lên đức Phật Sikhī, là đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian. 2216. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2217. Trước đây hai mươi kiếp, chỉ một mình [tôi] có tên Candatitta, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2218. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tamâlapupphiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Tamãlapupphiya55 là phần thứ nhất

192. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TINASANTHARADĀYAKA (Tinasantharadāyakattherāpadānam) 2219. Cỏ mà vị Ẩn sĩ sống ở trong rừng [đã] cắt cho bậc Đạo Sư, tất cả cỏ ấy đã ngã xuống ở trên mặt đất, nghiêng về phía phải. 2220. Khi ấy, tôi đã cầm lấy cỏ ấy và đã trải ra ở phần cao nhất của mặt đất. Và tôi đã mang lại chỉ ba lá cây thốt nốt. 2221. Sau khi làm mái che bằng cỏ, tôi đã dâng cúng đến [đức Phật] Siddhattha. Chư thiên và nhân loại đã duy trì [mái che] cho bậc Đạo Sư ấy trong bảy ngày. 2222. Ke từ khi tôi đã dâng cúng cỏ trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng cỏ. 2223. Trước đây sáu mươi lăm kiếp, bốn vị [cùng] tên Mahaddhanā đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

l Tamãlapupphiya nghĩa là t4vị liên quan đến bông hoa (puppha) tamla."

2224. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tinasantharadāyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* 66Ký sự về Trưởng lão Tinasantharadāyaka55 là phần thứ nhì.

193. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KHANDAPHULLIYA (Khandaphulliyattherāpadānam) 2225. Lúc bấy giờ, ngôi bảo tháp của đức Thế Tôn Phussa ở trong khu rừng bao la đã bị phá sập bởi các con voi, có cây cối đã mọc lên ở nơi ấy. 2226. Được vui lòng với các đức hạnh của bậc Thầy của tam giới ấy, tôi đã san bằng cho loi lõm va đã dang cung khoi voi bote 2227. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của khối vôi bột. 2228. [Trước đây] bảy mươi bảy kiêp, mười sáu vị [cùng] tên Jitasena đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2229. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Khandaphulliya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Khandaphulliya" là phần thứ ba.

194. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ASOKAPŪJAKA (Asokapūjakattherāpadānam) 2230. Lúc bấy giờ, ở thành phố Tīvarā đáng yêu đã có khu vườn thượng uyển, ở tại nơi ấy, tôi đã là người giữ vườn, có sự sinh hoạt gắn bó với đức vua. 2231. Đấng Tự Chủ tên Paduma đã là vi có hào quang. Khi bậc Hiền Trí ấy ngồi ở nơi cây sen trắng, bóng râm đã không rời khỏi Ngài. 2232. Sau khi nhìn thây cây asoka đã được trô hoa, nặng tnu từng chùm, có dáng nhìn xinh đẹp, tôi đã dâng lên đức Phật có tên là Padumuttara. 2233. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2234. Trước đây ba mươi bảy kiếp, mười sáu vị [cùng tên] Arunañjaha đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2235. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. 2 Tinasantharadāyaka nghĩa là 4tvị dâng cúng (dāyako) tấm thảm (santhara) bằng cỏ (tỉnà)y

Đại đức Trưởng lão Asokapūjaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Asokapūjaka" là phần thứ tư.

195. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AÑKOLAKA (Añkolakattherāpadānam) 2236. Sau khi nhìn thấy cây añkola với chùm hoa cao quý có lớp vỏ bọc đã được trổ hoa, tôi đã hái xuống bông hoa ấy và đã đi đến gặp đức Phật. 2237. Vào thời điểm ấy, bậc Đại Hiền Trí Siddhattha có sự ẩn cư. Sau khi bày tỏ sự tôn kính trong chốc lát, tôi đã rải rắc bông hoa ở nơi hang động. 2238. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 2239. Trước đây ba mươi sáu kiếp, [tôi đã là] vị Devagajjita độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2240. Bốn [tuệ]

phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Aồkolaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6'Ký sự về Trưởng lão Ahkolaka" là phần thứ năm.

196. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KISALAYAPŪJAKA (Kisalayapūjakattherāpadānam) 2241. Tôi đã có môt vườn hoa ở thành phố Dvāravatī. Và có giếng nước ở ngay tại nơi ấy là nguồn cung cấp [nước] cho các loài thực vật. 2242. Có lòng thương tưởng đến tôi, vị Siddhartha không bị đánh bại ấy, được hỗ trợ bằng năng lực của chính mình, đi đến ở trên không trung. 2243. Tôi không nhìn thấy bất cứ vật nào khác đáng để cúng dường đến bậc Đại Ẩn Sĩ. Sau khi nhìn thấy chồi non của cây asoka, tôi đã thảy [chồi non ấy] lên không trung. 2244. Trong khi đức Phật đang di chuyển, các chồi non ấy đi theo phía sau của Ngài. Tôi đây sau khi đã nhìn thấy thần thông ấy [đã tán dương rằng]: "Oi, tính chất cao thượng của đức Phật! 2245. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên chồi non trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 2246. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là vị Ekassara độc nhất, là đấng Chuyên Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2247. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

3 Asokapūjaka nghĩa là tcvị cúng dường (pụịakă) bông hoa asoka." 4 Añkolaka nghĩa là "vj có bông hoa añkola.^,

Đại đức Trưởng lão Kisalayapūjaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĔÍKý sự về Trường lão Kỉsalayapũj aka" là phần thứ sáu.

197. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TINDUKADÃYAKA (Tindukadãyakattherãpadãnam) 2248. Tôi đã là con khỉ có sức mạnh và nhanh nhẹn, thường lai vãng ở nơi hiểm trở của ngọn núi. Sau khi nhìn thấy cây tinduka có trái, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. 2249. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã lìa khỏi [chỗ ngụ] vài ngày và đã xem xét đấng Lãnh Đạo Thê Gian Siddhattha, bậc đã đi đến tận cùng ba cõi. 2250. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng ở Thế Gian cùng với một ngàn bậc Vô lậu đã đi đến gần tôi. 2251. Sau khi làm cho sanh khởi niềm himg phấn, tôi đã đi đến gần, có trái cây ở tay. Đức Thế Tôn, đấng Toàn Tri, bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng đã thọ nhận. 2252. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 2253. Trước đây năm mươi bảy kiếp, [tôi đã là] vị có tên upananda, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2254. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tindukadâyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ký sự về Trưởng lão Tindukadãyaka^ là phần thứ bảy.

198. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MUTTHIPŪJAKA (Mutthipūjakattherāpadānam) 2255. Vì lòng thương tưởng hậu thế, đức Thế Ton tên Sumedha, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian, bậc Nhân Ngưu, đấng Chiến Thắng đã ra sức nỗ lực. 2256. Trong khi bậc Chúa Te

Của Loài Người như thế ấy đang đi kinh hành, tôi đã dâng lên đức Phật nắm tay gồm những bông hoa girinela. 2257. Do sự tịnh tín ây ở trong tâm, được thúc đây bởi nhân tô trong sạch, tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong ba mươi ngàn kiếp. 2258. Trong hai ngàn ba trăm kiếp, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ tên Sunela, là người độc nhất được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2259. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

5 Kisalayapūjaka nghĩa là uvị cúng dường (pūjaka) các chồi non (kisalayăyy 6 Tindukadãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) trái cây tinduka.,^

THÁNH NHÂN KÝ sự 187

Đại đức Trưởng lão Mutthipūjaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Mutthipūjaka55 là phần thứ tám.

199. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KIÑKANIPUPPHIYA (Kiñkanipupphiyattherāpadānam) 2260. Đấng Tự Chủ tên Sumañgala, bậc Không Bi Đánh Bại, đấng Chiến Thắng đã rời Idiỏi khu rừng bao la và đa đi vào thành phố. 2261. Sau khi thực hành việc đi khất thực, bậc Hiền Trí đã lìa khỏi thành phố. Có phận sự đã được làm xong, bậc Toàn Giác ấy đã cư ngụ ở trong khu rỉmg. 2262. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy bông hoa kiñkani và đã dâng lên đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Đại Ẩn Sĩ. 2263. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2264. Trước đây tám mươi sáu kiếp, [tôi đã là] vị tên Apilãpiya, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2265. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kiñkanipupphiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Kiñkanipupphiya" là phần thứ chín.

200. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO YŨTHIKÃPUPPHIYA (Yūthikāpupphiyattherāpadanam) 2266. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Hữu Nhãn đã rời khỏi khu rừng bao la và đã đi đến trú xá. 2267. Sau khi cầm lấy bông hoa yũthika tối thượng bằng cả hai tay, tôi đã dâng lên đức Phật, bậc co tâm tư ái như thế ấy. 2268. Do sự tịnh tín ây ở trong tâm, tôi đã thọ hưởng sự thành tựu và đã không bị sanh vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 2269. Trước đây năm mươi kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Samittanandana, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2270. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Yūthikāpupphiya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Yũthikãpupphiya" ỉa phần thứ mười. 7 Mutthipūjaka nghĩa là "vj cúng dường (pũịakă) nắm (mutthī) bông hoa."

8 Kiñkanipupphiya nghĩa là uvị liên quan đen bông hoa ịpuppha) kiñkapi.” 9 Yũthikãpupphiya nghĩa là 4tvị liên quan đến bông hoa (pupphà) yūthikā.^,

188 KINH TIỂU BÔ

Phần tóm lược Vị có bông hoa tamãla, thảm trải băng cỏ, vị khám phá sự đô v&, vị liên quan đến bông hoa asoka, vị có bông hoa aốkola, chồi non, trái cây tinduka, các bông hoa nelā, vị có bông hoa kiñkani, vị có bông hoa yũthikâ; [tổng cộng] có năm mươi tám câu kệ. Phẩm Tamãlapupphiya là phẩm thứ hai mươi.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm Vị dâng cúng thức ăn, [vi có] đoàn tùy tùng, bông hoa sereyya, Trưởng lão Sobhita là tương tợ, vị có chiếc lọng che, bông hoa bandhiyīva, vị có sự phục vụ khéo léo, bông hoa kumuda, bông hoa kutaja và luôn cả vị có bông hoa tamãla đã được thực hiện là thứ mười. Có sáu trăm câu kệ và sáu mươi sáu câu thêm vào đó. Nhóm tỉr phẩm Bhikkhā. Nhóm wMột trăm55 thứ nhì được đầy đủ.

THÁNH NHÂN KÝ sự 189

XXI. PHẨM KANIKĀRAPUPPHIYA (KANIKẴRAPUPPHr^KÍGGƠ)

201. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KANIKÃRAPUPPHIYA (Kanikārapupphiyattherāpadānam) 2271. Sau khi nhìn thấy cây kanikāra đã được trổ hoa, khi ấy tôi đã hái xuống [bông hoa] và đã dâng lên [đức Phật] Tissa, bậc đã vượt qua dòng lũ như thế ấy. 2272. [Ke từ khi] toi đã cúnệ dường bong hoa trước đây chín mươi hai kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 2273. Trước đây ba mươi lăm kiêp, [tôi đã là] vị nôi danh tên Arunapānī, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2274. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kanikārapupphiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng ião Kaọikãrapupphiỵa" là phần thứ nhất

202. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MINELAPUPPHIYA (Minelapupphiyattherāpadānam) 2275. Đức Thế Tôn Sikhī hùng tráng có màu da vàng chói, có trăm ánh hào quang, có sự huy hoàng, có tâm từ ái, đã bước lên con đường kinh hành. 2276. Với tam tịnh tín, với ý vui mừng, sau khi đảnh lễ bậc có trí tuệ tối thượng, tôi đã cầm lấy bông hoa minela và đã dâng lên đức Phật. 2277. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2278. Vào kiếp [thứ] hai mươi chín, [tôi đã là] vị tên Sumedhayasa, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2279. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Minelapupphiya12 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Minelapupphiya" là phần thứ nhì. 1 Kanikãrapupphỉya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa ịpupphă) kanikara.,i 2 Níinelapupphiya nghĩa là "vi liên quan đến bông hoa (pupphũì) minela.,^

203. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KIÑKINIKAPUPPHIYA (Kiñkinikapupphiyattherūpadānam) 2280. Bậc Toàn Tri, đấng Lãnh Đạo Thế Gian [sáng chói] trông tợ như cây cột trụ bằng vàng. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã lội xuống hồ nước lạnh và đã tắm. 2281. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy bông hoa kiñkini và đã dâng lên [đức Phật] Vipassassĩ, đấng Chúa Te Của Loài Người như thế

ấy. 2282. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 2283. Vào kiếp [thứ] hai mươi bảy, [tôi đã là] đức Vua Bhĩmaratha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2284. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kiñkinikapupphiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy “Ký sự về Trưởng lão Kiùkinikapupphiya" là phần thứ ba.

204. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TARANIYA (Taraniyattherāpadānam) 2285. Đức Thế Tôn Atthadassí, bậc Chúa Te Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu dẫn đầu các bậc Thinh văn đã đi đến bờ sông Gaủgâ. 2286. Sông Gañgā đã tràn nước đến mé bờ khiến loài quạ có thể uống được, khó có thể vượt qua. Tôi đã đưa đức Phật, bậc Tối Thượng Của Loài Người, cùng với hội chúng Tỳ-khưu sang sông. 2287. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đưa sang [sông]. 2288. Trước đây một ngàn ba trăm kiếp, năm vi [cùng tên] Sabbhogavâ đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2289. Và trong kiếp sống cuối cùng này, tôi đã được sanh ra trong gia tộc Bà-la-môn. Cùng với ba người bạn, tôi đã xuất gia trong giáo pháp của bậc Đạo Sư. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Taraniya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Taraniya95 là phần thứ tư. 3 Kiñkinikapupphiya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa (puppha) kiñkini.,, 4 Taraniya nghĩa là t4vị liên quan đến việc đưa sang (tarand) song,"

205. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NIGGUNDIPUPPHIYA (Niggundipupphiyattherāpadānam) 2290. Tôi đã là người phụ việc tu viện của đức Thế Tôn Vipassī. Tôi đã cầm lấy bông hoa niggundi và đã dâng lên đức Phật. 2291. [Ke từ khi] tôi đã cung dườnệ bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2292. Trước đây ba mươi lăm kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Mahāpatāpa, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2293. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Niggundipupphiya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy “Ky sự về Trưởng lão Niggundipupphiya^ là phần thứ năm.

206. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UDAKADÃYAKA (Udakadāyakattherūpadānam) 2294. Sau khi nhìn thấy vị Sa-môn có tâm ý thanh tịnh, không bị chộn rộn, đang thọ thực, tôi đã cam lấy bình nước và đã dâng cúng đến [đức Phật] Siddhattha. 2295. Giờ đây, tôi không còn bợn nhơ, được xa lìa ô nhiễm, sự hoài nghi đã được đoạn tận. Trong khi sanh lên ở cõi hữu, quả báo tốt đẹp phát sanh [đến tồi]. 2296. Ke từ khi tôi đã cúng dường nước trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng nước. 2297. Trước đây sáu mươi mốt kiếp, tôi đã là [vị có tên] Vimala độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai

lực lớn lao. 2298. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Udakadâyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Udakadâyaka" là phần thứ sáu.

207. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SALALAMẢLIYA (Saỉalamãỉiyattherữpadãnam) 2299. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Điều Phục Nhân Siddhartha ngồi ở trong vùng đồi núi đang chói sáng như là cây kanikāra, đang làm cho tất cả các phương rực sáng. 5 Niggundipupphiya nghĩa là 4tvị liên quan đến bông hoa (puppha) niggundi„^ 6 ưdakadâyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) nước (ụdakă)y

2300. Khi ấy, không do dự tôi đã dùnậ cây cung và đã giương lên mũi tên. Sau khi đã cắt đứt bông hoa có luôn cả cuống, tôi đã dâng lên đức Phật. 2301. [Ke từ khi] tôi đã cúng đường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2302. Trước đây năm mươi mốt kiếp, tôi đã là [vị có tên] Jutindhara độc nhất, là đấng Chuyên Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2303. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Salalamâliya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Salalamâliya^ là phần thứ bảy.

208. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KORANDAPUPPHIYA (Korandapupphiyattherāpadānam) 2304. Trong khi đi theo sau từng bước chân của bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī, tôi đã nhìn thấy bàn chân đang bước đi được điểm tô dấu hiệu hình bánh xe [của Ngài]. 2305. Sau khi nhìn thấy cây koranda đã được trổ hoa, tôi đã cung dường [bông hoa] ở dấu chân [Ngài]. Trở nên mừng rỡ, tôi đã đảnh lễ dấu chân tối thượng với tâm mừng rỡ. 2306. [Ke từ khi] tôi đã cung đường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường dấu chân [đức Phật]. 2307. Vào kiếp thứ bảy mươi lăm, tôi đã là Vĩtamala độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2308. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Korandapupphiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Korandapupphiya" là phần thứ tám.

209. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ĂDHĂRADẢYAKA (Ādhāradāyakattherāpadānam) 2309. Chân đế bình bát đã được tôi cúnậ dường đến đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian Sikhī. Tôi cai quản toàn bộ trái đất này cùng với tất cả tài nguyên. 2310. Các phiền não của toi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

7 Salalamâliya nghĩa là "vj liên quan đến chùm hoa (mãlã) salala." 8 Korandapupphiya nghĩa là "vj liên quan đến bông hoa (puppha) koranda.„

2311. Trước đây hai mươi bảy kiếp, bốn người [cùng] tên Samantacarana đã là các đang Chuyên Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2312. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ādhāradāyaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Ādhãradãyaka95 là phần thứ chín.

210. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO VÃTÃTAPANIVÃRIYA (Vātātapanivāriyattherāpadānam) 2313. Tôi đã cúng dường một chiếc lọng đến đức Thế Tôn Tissa, vị Trời Của Chư Thiên như thế ấy, với tâm ý trong sạch. 2314. Điều ác xấu của tôi được chặn đứng, có sự thành tựu của điều thiện. [Chư thiên] năm giữ chiêc lọng ở không trung [che cho tôi], điêu này là quả báo của nghiệp quá khứ. 2315. [Đây là] lân sau cùng của tôi trong sự luân chuyên, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác. 2316. Kể từ khi tôi đã dâng cúng chiếc lọng trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng chiêc lọng. 2317. Trước đây bảy mươi hai kiếp, tám bậc thống lãnh dân chúng [cùng] tên Mahānidāna đã là các đang Chuyên Luân Vương. 2318. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão vātātapanivāriya10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍÊKý sự về Trưởng lão vātātapanivāriya55 ỉa phần thứ mườĩ.

Phần tóm lược Bông hoa kanikāra, bông hoa minela, bông hoa kiñkini, với sự vượt qua, vị có bông hoa niggundi, vị cúng dường nước, bông hoa salala, bông hoa kurandaka, [vi dâng cúng] chân đê bình bát, lọng che năng; [tông cộng] có bốn mươi tám câu kệ. Phẩm Kaọikãrapupphiya là phẩm thứ hai mưaĩ mốt.

9 Ādhāradāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) chân đế (ādhāra) bình bat?9 10 Vātātapanivāriya nghĩa là uvị liên quan đến vật ngăn cản (nivārana) gió (vata) và sức nóng (ātapa)y

Ị 94 KINH TIỂU BÔ

L PHẨM HATTHI (HATTHIVĂGGƠ)

211. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO HATTHIDẢYAKA (Hatthidãyakattherãpadãnam) 2319. Con voi hạng nhất có ngà dài như gọng xe, vững chãi, đã được tôi dâng cúng đến đức Thế Ton Siddhartha, bậc Chúa Te Của Loai Người như thế ấy. 2320. Tôi thọ hưởng mục đích tối thượng là trạng thái an tịnh vô thượng. Vật thí cao quý đã được tôi dâng cúng đến vị tầm cầu lợi ích cho tất cả thế gian. 2321. Kể từ khi tôi đã dâng cúng con voi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng con voi. 2322. Vào kiếp [thứ] bảy mươi tám, mười sáu vị Sát-đế-lỵ [cùng] tên Samantapāsādika đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2323. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Hatthidâyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Hatthidãyaka^ là phần thứ nhất

212. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PÃNADHIDẢYAKA (Pānadhidāyakattherāpadānam) 2324. Tôi đã dâng cúng đôi dép đến vị Ẩn sĩ già cả, sống ở rừng, có sự khổ hạnh dài lâu, có nội

tâm đã được phát triển. 2325. Bạch đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, do việc làm ấy con thọ hưởng mọi phương tiện di chuyển; điều này là quả báo của nghiệp quá khứ. 2326. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đôi dép. 2327. Trước đây bảy mươi bảy kiếp, tám vị Sát-đế-lỵ [cùng] tên Suyâna đã là các đang Chuyên Luân Vương có oai lực lớn lao. 2328. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

1 Hatthỉdâyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) con voi (hatthĩ)y

Đại đức Trưởng lão Pānadhidāyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Pãnadhidãyaka" là phần thứ nhì.

213. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SACCASAÑÑAKA (Saccasaññakattherāpadānam) 2329. Vào lúc ấy, trong lúc tiếp độ đám đông dân chúng thành tựu Niết-bàn, [đức Phật] Vessabhũ, đứng đầu hội chúng Tỳ-khưu? [đã] thuyết giảng về các chân lý cao thượng. 2330. Là người thành tựu tâm bi mẫn cao tột, tôi đã đi đến cuộc hội họp. Ngồi xuống, an tịnh, tôi đây đã lắng nghe giáo pháp của bậc Đạo Sư. 2331. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã đi đến thế giới của chư thiên. Tôi đã cư ngụ giữa chư thiên trong thành phố ở tại nơi ấy ba mươi kiếp. 2332. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về chân lý. 2333. Trước đây hai mươi sáu kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Ekaphusita, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2334. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saccasaññaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Saccasaññaka" là phần thứ ba.

214. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKASAÑÑAKA (Ekasaññakattherāpadanam) 2335. Sau khi nhìn thấy tấm y may từ vải bị quăng bỏ của bậc Đạo Sư được treo ở ngọn cây, tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ tấm y may từ vải bị quăng bỏ. 2336. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2337. Trước đây hai mươi lăm kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Amitâbha, là đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2338. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekasaññaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ekasaññaka" là phần thứ tư. 2 Pãnadhidãyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) đôi dép (pãnadhĩ)y 3 Saccasaññaka nghĩa là suy tưởng (saññaka) về chân lý (sacco)y 4 Ekasaññaka nghĩa là có một lần (ekā) suy tưởng (sañña)."

215. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO RAMSISAÑÑAKA (Ramsisaññakattherāpadānam) 2339. [Tôi đã nhìn thấy đức Phật] tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như mặt trời có tia sáng

màu trắng, tợ như con hổ hùng tráng cao quý khéo được sanh ra, [đang ngồi] ở trong vùng đồi núi. 2340. Năng lực ấy của đức Phật chói sáng ở trong vùng đồi núi. Sau khi đã làm cho tâm được tịnh tín ở ánh hào quang, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. 2341. Do nhờ sự tịnh tín ây ở trong tâm và cũng nhờ vào sự niệm tưởng đên đức Phật, việc thiện đã được tôi thực hiện tốt đẹp trong các kiếp còn lại. 2342. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật. 2343. Vào kiếp thứ năm mươi bảy, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Sujātā, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2344. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ramsisañňaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Ramsisañňaka" là phần thứ năm.

216. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SANTHITA (SanḬhitatíherãpadãnam) 2345. ở tại cội cây assattha đã được phát triển, có ánh sáng màu xanh lục, tôi đã đạt được sự suy tưởng thuần túy hướng đên đức Phật, có niệm [đây đủ]. 2346. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, do nhờ tác động của sự suy tưởng ấy, sự đoạn tận các lậu hoặc đã được tôi đạt đến. 2347. Trước đây mười ba kiếp, [tôi đã là] vi Sát-đế-lỵ tên Dhanittha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2348. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Santhita6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Santhita55 là phần thứ sáu.

217. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TĀLAVANTADĀYAKA (Tālavantadāyakattherāpadānam) 2349. Chiếc quạt lá cọ đã được toi dâng cúng đến đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời Tissa nhằm mục đích dập tắt sự nóng nực và làm lắng dịu sự bực bội.

5 Ramsisañňaka nghĩa là suy tưởng (saññakā) đến hào quang (ramsi) của đức Phát.” 6 Santhita nghĩa là (có sự suy tưởng) đã được bền vững (santhita)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 197

2350. Tôi tự mình dập tát ngọn lửa tham ái và đặc biệt hơn nữa là ngọn lửa sân hận. Và tôi dập tát ngọn lửa si mê; điều này là quả báo của chiếc quạt lá cọ. 2351. Các phiền não của toi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác. 2352. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2353. Trước đây sáu mươi ba kiêp, [tôi đã là] vị tên Mahānāma, là đang Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2354. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tālavantadāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Tālavantadāyaka" là phần thứ bảy.

218. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AKKANTASAÑÑAKA (Akkantasañňakattherāpadānam) 2355. Sau khi cầm lấy tấm vải choàng thô xấu, tôi đã [đi đến] thành phố của vị thầy tế

độ. Và tôi học tập về chú thuật làm bẻ gãy mũi tên. 2356. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng. Là bậc ưu tú, cao quý, tột đỉnh, đức Phật Tissa là bậc Tối Thượng của đám đông. 2357. Khi tấm vải choàng thô xấu được trải ra, đấng Tối Thượng Nhân, bậc Đại Hùng, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian, bậc Nhân Ngưu trong khi bước đi đã đặt chân len [tấm vải choaưig]. 2358. Sau khi nhìn thấy đấng Quang Đăng Của Thế Gian ấy tợ như mặt trăng không bị bợn nhơ, với tâm ý trong sạch tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư. 2359. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng tấm vải choàng thô xấu trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm vải choàng thô xấu. 2360. Trước đây ba mươi bảy kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Sunanda, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2361. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Akkantasañña ka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. aKý sự về Trưởng lão Akkantasañña ka" là phần thứ tám.

219. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SAPPIDẢYAKA (Sappidāyakattherāpadānam) 2362. Ngồi ở nơi cao quý của tòa lâu dài, được trọng vọng bởi đám phụ nữ, tôi đã nhìn thấy vị Sa-môn bị lâm bệnh và đã thỉnh vào trong nhà.

2363. Khi bậc Đại Hùng, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đã đi vào, tôi đã dâng cúng bơ lỏng và dầu ăn đến bậc Đại Ẩn sĩ Siddhattha. 2364. Sau khi nhìn thấy sự mệt nhọc đã được lắng xuống, khuôn mặt và giác quan đã được rạng rỡ, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư và đã ngợi ca ở phía trước Ngài. 2365. Là bậc đã đạt đến sự toàn hảo về thần thông, sau khi nhìn thấy tôi có nội tâm đã khéo được tịnh tín, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bâu trời. 2366. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bơ lỏng và dầu ăn. 2367. Trước đây mười bảy kiếp, [tôi đã là] vị tên Jutideva, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2368. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sappidâyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. Ế6Ký sự về Trưởng lão Sappidãyaka" là phần thứ chín.

220. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PÃPANIVÃRIYA (Pãpanivãríyattherâpadãnam) 2369. Con đường kinh hành của đức Thế Tôn Piyadassĩ đã được tôi làm sạch sẽ, được che bởi những cây sậy, có sự ngăn cản gió và sức nóng. _ " • 2370. Tôi đã nô lực trong giáo pháp của bậc Đạo Sư nhăm mục đích lánh xa điều ác, nhằm sự thành tựu việc thiện, nhằm sự dứt bỏ các điều ô nhiễm. 2371. Trước đây mười một kiếp, [tôi đã là] vị nổi danh tên Aggideva, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2372. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pāpanivāriya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ốốKý sự về Trưởng lão Pãpanivãriya^ là phần thứ mười.

Phần tóm lược [Vi cúng dường] con voi, đôi dép, [vị suy tưởng về] chân lý, các hào quang, [vị có sự suy tưởng] đã được bền vững, vị có cây quạt lá cọ, tương tợ là vị suy tưởng về việc [đức Phật] đã bước lên, bơ lỏng, vị có sự ngăn cản điều ác; [tổng cộng] có năm mươi bon câu kệ. Phẩm Hatthi là phẩm thứ hai mươi hai.

7 Sappidâyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) bơ lỏng (sappi)y 8 Pãpanỉvãriya nghĩa là tuvị liên quan đến vật ngăn chặn (nivārana) điều ác (pāpā)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 199

xxm. PHẨM ÃLAMBANADẢYAKA (ẪLAMBANADẴY4KAK4GGƠ)

221. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ÃLAMBANADÃYAKA (Ālambanadāyakattherāpadānam) 2373. Vật tựa [lưng] đã được tôi dâng cung đến đức Thế Tôn Atthadassĩ, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, bậc Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 2374. Tôi cai quản trái đất bao la bao gồm biển cả và tôi thực hiện quyền lãnh đạo đối với các sanh mạng ở trên trái đất. e 5 e r r e

2375. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch, tam minh đã được thành tựu, lời dạy của đức Phật đã được thực hành. 2376. Trước đây sáu mươi hai kiêp, ba vi Sát-đê-lỵ [cùng] tên Ekãpassita ây đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2377. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ālambanadāyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Ālambanadāyaka" là phần thứ nhất

222. KỶ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AJINADĀYAKA (Ajinadāyakattherāpadānam) 2378. Trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi đã là bậc thầy của đám đông. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng. 2379-80. Mảnh da thú đã được toi dânệ cúng đến đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian Sikhī. Nhờ vào việc làm ấy ở ng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tôi đã thọ hưởng sự thành tựu, tôi đã thiêu đốt các phiền não. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp cua đấng Chánh Đẳng Giác. 2381. [Ke từ khi] tôi đã dâng cung tấm da dê trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm da dê. 2382. Trước đây vào kiếp thứ năm, tôi đã là đức Vua Sudâyaka, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.*

Ālambanadāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) vật tựa lưng (ãlambanà)y

200 KINH TIỂU Bộ

2383. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ajinadāyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Ajinadayaka55 là phần thứ nhì.

223. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DVIRATANIYA (Dviratanityattherāpadānam) 2384. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng. 2385. Tôi đã dân^ Cling đến

bậc Đại Ân Sĩ Vipassī một lát thịt. Tôi được thiết lập làm vị chúa tể ở thế gian luôn cả chư thiên. 2386. Do nhờ sự dâng cúng lát thịt này, châu báu sanh lên cho tôi. Hai loại châu báu này ở thế gian đưa đen sự thành tựu của đời hiện tại. 2387. Tôi thọ hưởng tất cả các thứ ấy nhờ vào năng lực của sự dâng cúng lát thịt. Thân thể của tôi mềm mại, trí tuệ của tôi có sự nhận biết vi tế. 2388. [Ke từ khi] toi đã dâng cúng lát thịt trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng lát thịt. 2389. Trước đây vào kiếp thứ tư, tôi đã la người độc nhất thống lãnh dân chúng. Vị ấy tên là Mahârohita, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2390. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dvirataniya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Dvirataniya55 là phần thứ ba. (Dứt tụng phàm thứ mười).

224. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ẢRAKKHADÃYAKA (Ārakkhadāyakattherāpadānam) 2391. Tôi đã cho thực hiện vòng rào chắn đến đức Thế Tôn Siddhartha. Và tôi đã dâng cúng sự bảo vệ đến đấng Thiện Thệ, bậc Đại Ẩn Sĩ. 2392. Do tính chất đặc biệt của nghiệp ấy, tôi không nhìn thấy sự kinh hoàng và sự hãi sợ. Khi được sanh lên ở bất cứ dâu, sự run sợ của tôi là không được biết đến. 2393. [Ke từ khi] toi đã cho thực hiện vòng rào chắn trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của vòng rào chắn. 2394. Trước đây vào kiếp thứ sáu, [tôi đã là] vị tên Apassena, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2 Ajinadāyaka nghĩa là t4vị dâng cúng (dāyako) tấm da dê (ạjina)y 3 Dvỉratanỉya nghĩa là tcvị liên quan đến hai (dùi) loại châu báu ịratanà)y

2395. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ārakkhadāyaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trướng lão Ảrakkhadâyaka^ là phần thứ tư.

225. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AVYÃDHIKA (Avyādhikattherāpadānam) 2396. Tôi đã dâng cúng gian nhà sưởi ấm đến đức Thế Tôn Vipassī, chỗ trú ngụ và bình chứa nước nóng đến những người bị bệnh. 2397. Do việc làm ấy, thân thể của tôi đã được tạo thành tốt đẹp, tôi không còn biết đến bệnh tật; điêu này là quả báo của nghiệp phước thiện. 2398. Ke từ khi tôi đã dâng cúng gian nhà trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của gian nhà sưởi ấm. 2399. Trước đây vào kiếp thứ bảy, tôi đã là vị tên Aparā)ita độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2400. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Avyâdhika5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Avyâdhika” là phần thứ năm.

226. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AÑKOLAPUPPHIYA (Añkolapupphiyattherāpadānam) 2401. Nārada là tên của tôi, Ịmọi người] biết đến tôi là Kassapa. Tôi đã nhìn thấy đức

Phật Vipassī, vị đứng đầu trong so các Sa-môn? được chư thiên tôn kính. 2402. Đức Phật có các tướng mạo phụ là vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng. Tôi đã cầm lấy bông hoa añkola và đã dâng lên đức Phạt. 2403. [Ke từ khi] tôi đã cúng đường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiêp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2404. Trước đây bảy mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Romasa, có sự trang sức với ngọc trai và tràng hoa, có binh lực và phương tiện di chuyển xứng đáng. 2405. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Añkolapupphiya6 đã nói lên những lòi kệ này như thế ấy. ^Ký sự về Trưởng lão Añkolapupphiya" là phần thứ sáu. 4 Ārakkhadāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) sự bảo vệ (ārakkho). 5 Avyādhika nghĩa là 4tvị không có bệnh tật (yyādhi).99 6 Añkolapupphiya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa (puppha) añkola.,,

227. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SOVANNAVATAMSAKIYA (Sovannavatamsakiyattherāpadānam) 2406. Trong khi đi ra khu vực vườn hoa, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã cầm lấy vòng hoa đội đầu bằng vàng được kiến tạo khéo léo. 2407. Cỡi trên lưng của con voi, tôi đã mau chóng từ nơi ấy leo xuống và đã dâng lên đức Phật Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian. 2408. [Ke từ khi] toi đã Cling dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 2409. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Mahāpatāpa, là đang Chuyên Luân Vương có oai lực lớn lao. 2410. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sovannavatamsakiya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy 46Ký sự về Trưởng lão Sovannavatamsakiya^ là phần thứ bảy.

228. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MIÑJAVATAMSAKIYA (Miñjavatamsakiyattherāpadānam) 2411. Khi đấnẹ Bảo Hộ Thế Gian Sikhī, bậc cao quý trong số các vi đang thuyết giảng đã Niet-bàn, tôi đã thực hiện việc cúng dường cội Bồ-đề với những vòng hoa đội đầu được xếp đặt các nơi. 2412. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc cúng dường trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội Bồ-đề. 2413. Trước đây hai mươi sáu kiếp, tôi đã là vi tên Meghabbha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật5 có oai lực lớn lao. 2414. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mifij avatamsakiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Miñj avatamsakiyaw là phần thứ tám.

229. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUKATẢVELIYA (Sukatãveỉiyattherãpadãnam) 2415. Lúc bấy giờ, tôi đã là người làm tràng hoa tên Asita. Sau khi chọn lấy vòng hoa đội đầu, tôi đã ra đi để dâng lên đức vua. 2416. Khi chưa gặp được đức vua, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Sikhī. Được mừng rỡ, tôi đã dâng [vòng hoa] lên đức Phật với tâm mừng rỡ.

7 Sovannavatamsakiya nghĩa là uvị liên quan đến vòng hoa đội đầu (yatarnsaka) bằng vàng (sovanna)y 8 Miñjavatamsakiya nghĩa là "vj liên quan đến vòng hoa đội đầu

(yatarnsaka) bằng ruột cây {rniñjā)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 203

. Z 2417. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt e 9 r ỉ A .

kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2418. Trước đây hai mươi lăm kiếp, tôi đã là vị vua có oai lực lớn lao tên Vebhāra, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2419. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sukatâveliya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Sukatâveliya" là phần thứ chín.

230. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAVANDIYA (Ekavandiyattherāpadūnam) 2420. Đang Anh Hùng Vessabhū là bậc ưu tú, cao quý trong sô các vị thăng trận. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ đức Phật tối thượng. 2421. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ. 2422. [Trước đây] hai mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị tên Vigatânanda, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2423. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekavandiya10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í4Ký sự về Trưởng lão Ekavandiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vật tựa [lưng], tấm da dê, vị dâng cúng thịt, vị thí chủ về sự bảo vệ, sự không bi bệnh, [bông hoa] añkola, [vòng hoa] vàng, [vòng hoa] ruột cây, vòng hoa đội đầu và sự đảnh lễ; [tổng cộng] có năm mươi lăm câu kệ đã được tính đếm bởi các vị nhìn thấy sự lợi ích. Phẩm Ãlambanadãyaka là phẩm thứ hai mươi ba.

9 Sukatãvelỉya nghĩa là uvị liên quan đến vòng hoa đội đầu (ãvelí) đã được làm (kata) khéo léo 10 Ekavandỉya nghĩa là <svị liên quan đến một lần (ekā) đảnh lễ ịyandanã)y

204 KINH TIỂU BỘ

XXIV PHẨM UDAKĀSANA (UDAKĀSANAVAGGO)

231. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UDAKÃSANADẢYAKA (Udakãsanadãyakattherãpadãnam) 2424. Sau khi đi ra khỏi cổng của tu viện, tôi đã trải ra tấm ván. Và tôi đã phục vụ nước nhằm đạt đến mục đích tối thượng. 2425. Ke từ khi toi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo ở [sự bố thí] chỗ ngồi và nước. 2426. Trước đây mười lăm kiếp, [tôi đã là] vị có tên Abhisãma, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2427. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Udakāsanadāyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ky sự về Trưởng ião Udakãsanadâyaka" là phần thứ nhất

232. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BHAJANADĀYAKA (Bhājanadāyakattherāpadānam) 2428. Lúc bấy giờ, tôi đã là người thợ làm gốm ở thành phố Bandhumatī. Trong khi ấy, tôi đã cung cấp bát đĩa đến hội chúng Tỳ-khưu. 2429. [Ke từ khi] toi đã cung cấp bát đĩa trước

đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của [việc dâng cúng] bát đĩa. 2430. Trước đây năm mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Anantajāli, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2431. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bhājanadāyaka1 2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 4ÉKý sự về Trưởng lão Bhājanadāyaka" là phần thứ nhì.

1 Udakāsanadāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) nước (udakā) và chỗ ngồi (ãsanà)y 2 Bhājanadāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) bát đĩa ịbhậjanà)y

233. KÝ sự VÈ TRƯỞNG LÃO SÃLAPŨPIYA (Sãlapũpiyattherãpadãnam) 2432. Tôi đã là người bán bánh ngọt ở thành phố Arunavatī. Tôi đã nhìn thây đang Chiên Thăng Sikhī đang đi ngang qua cánh cửa của tôi. 2433. Với tâm ý trong sạch, tôi đã nhận lấy bình bát của đức Phật và đã dâng cúng bánh ngọt sālā đến đức Phật, bậc đã đi đến đạo lộ chân chánh. 2434. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng vật thực cứng trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bánh ngọt sālā. 2435. Trước đây mười bốn kiếp, tôi đã là vi Amitafijala, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2436. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sālapūpiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Sãlapũpiya59 là phần thứ ba.

234. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KILAÑJADĀYAKA (Kilañjadāyakattherāpadānam) 2437. Lúc bấy giờ, tôi đã là người thợ đan lát ở trong thành phố Tivarā đáng yêu. Dân chúng ở nơi ấy được tinh tín ở đấng Quang Đăng Của Thế Gian Sidàiattha. 2438. Người ta tìm kiếm chiếc chiếu nhằm mục đích cúng dường đến đấng Bảo Hộ Thế Gian. Tôi đã dâng cúng chiếc chiếu đến những người đang tiến hành việc cúng dường đức Phật. 2439. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc chiếu. 2440. [Trước đây] bảy mươi bảy kiếp, tôi đã là đức Vua Jutindhara, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2441. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kilafljadāyaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão KHafijadyaka" là phần thứ tư.

235. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO VEDIKÃRAKA (Vedikūrakattherāpadānam) 2442. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cho thực hiện vòng rào chắn ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Thế Ton Vipassī.

3 Sâlapũpiya nghĩa ỉa uvị liên quan đến bánh ngọt (pũpă) slã." 4 Kilañjadāyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) chiếc chiếu (kilañja)y

2443. [Ke từ khi] tôi đã cho thực hiện vòng rào chắn trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của vòng rào chắn. 2444. Trước đây mười một kiêp, tôi đã là vi tên Suriyassama, là đang Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2445. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vedikâraka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Vedikâraka^ là phần thứ nẳm.

236. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VANNAKĀRA (Vannakūrattherāpadānam) 2446. Lúc bấy giờ, tôi đã là người thợ nhuộm màu ở thành phố Arunavatī. Tôi đã nhuộm các màu sác khác nhau cho các xáp vải ở ngôi bảo tháp. 2447. Ke từ khi toi đã nhuộm màu sắc trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng màu sắc. 2448. Trước đây hai mươi ba kiêp, [tôi đã là] vị tên Candupama, là đang Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2449. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vannākāra đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Vannākāra55 là phần thứ sáu.

237. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PIYÃLAPUPPHIYA (Piyâỉapupphiyattherãpadãnam) 2450. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Sau khi nhìn thấy cây piyâla đã được trổ hoa, tôi đã rải rắc [bông hoa] ở con đường [đức Phật] đã đi qua. 2451. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2452. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Piyâlapupphiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Piyalapupphiya” là phần thứ bảy.

5 Vedikãraka nghĩa là <6vị thực hiện (kārako) vòng rào chắn ịyedí)y 6 Piyãlapupphiya nghĩa là 4<vị liên quan đến bông hoa (puppha) piyāla.,,

THÁNH NHÂN KÝ sự 207

238. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AMBAYÃGADÃYAKA (Ambayãgadũyakattherãpadãnam) 2453. Nương tựa vào nghề nghiệp của mình, tôi đã đi đến khu rừng rậm. Sau khi nhìn thấy bậc Toàn Giác đang đi, tôi đã dâng cúng vật thí là trái xoài. 2454. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc hiên dâng trái xoài. 2455. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ambayāgadāyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Ambayăgadãyaka55 là phần thứ tám.

239. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO JAGATIKĀRAKA (Jagatikārakattherāpadānam) 2456. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Atthadassī đã Niết-bàn, việc bố trí đã được tôi điều hành ở ngôi bảo tháp tối thượng của đức Phật. 2457. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy [trước đây] một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc bố trí. 2458. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu

thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Jagatikāraka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ky sự về Trưởng lão Jagatikāraka" là phần thứ chín.

240. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO VẢSIDÃYAKA (Vāsidāyakattherāpadānam) 2459. Trước đây, tôi đã là người thợ rèn ở trong kinh thành Tivarâ. Tôi đã dâng cúng một lưỡi rìu đến đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại. 2460. Ke từ khi tôi đã dâng cúng lưỡi rìu trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng lưỡi rìu. 246L Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vâsidãyaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Vãsidâyaka^ là phần thứ mười.

7 Ambayāgadāyaka nghĩa là thí chủ {dāyako) của việc hiến dâng (yãga) trái xoài (amba)y 8 Jagatikāraka nghĩa là thực hiện (kārako) việc bố trí (jagati)y 9 Vāsidāyaka nghĩa là dâng cúng {dāyako) lưỡi rìu (yãsĩ)y

Phần tóm lược Chỗ ngồi và nước, bát đĩa, vị có bánh ngọt sālā, vị liên quan đến chiếc chiếu, vòng rào chắn, thợ nhuộm màu, bông hoa piyâla, vị bố thí vật hiến dâng là trái xoài, việc bố trí, vị dâng cúng lưỡi rìu; [tổng cộng] có ba mươi tám câu kệ. Phẩm Udakãsana là phẩm thứ hai mươi bốn.

XXV PHẨM TUVARADÃYAKA (JWARADĀYAKAVAGGC^

241. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TUVARADẢYAKA (Tuvaradāyakattherāpadānamj 2462. Trước đây, tôi đã là thợ săn thú ở trong khu rừng hoang rậm. Sau khi cầm lấy và mang theo hạt tuvara nướng, tôi đã dâng cúng đến hội chúng. 2463. Ke từ khi tôi đã cúng dường vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của hạt tuvara nướng. 2464. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tuvaradãyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ky sự về Trưởng lão Tuvaradãyaka,5 là phần thứ nhất

242. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NÃGAKESARIYA (Nāgakesariyattherāpadānam) 2465. Sau khi đã kiêm tra cân thận cây cung, tôi đã đi sâu vào trong rừng. Tôi đã nhìn thấy vươn lên đóa hoa sen có tua nhụy rũ xuổng. 2466. Sau khi cầm lấy [bông hoa] bằng hai bàn tay, tôi đã chắp tay lên ở đầu và đã dâng lên đức Phật Tissa, bậc Quyến Thuộc Của Thế Gian. 2467. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2468. [Trước đây] bảy mươi ba kiếp, bảy vi [cùng] tên Kesara đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2469. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nãgakesariya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Nãgakesariya^ là phần thứ

nhì.

243. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NALINAKESARIYA (NaḶinakesariyattherũpadānam) 2470. Tôi là con gà nước sống ở giữa hồ nước thiên nhiên. Khi ấy, tôi đã nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên đang di chuyển ở trên không trung.*

Tuvaradâyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) hạt tuvara nướng.,^

210 KINH TIẾU Bộ

2471. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dùng mỏ ngắt đóa hoa sen [có tua nhụy] và đã dâng lên đức Phật, đấng Quyến Thuọc Của Thế Gian Tissa. 2472. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 2473. [Trước đây] bảy mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Satapatta, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2474. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão NaḶinakesariya2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 64Ký sự về Trưởng lão NaḶinakesariya55 ỉa phần thứ ba.

244. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO VIRAVIPUPPHIYA TRÙNG CÓC VÂN NAM (Viravipupphiyattherāpadānam) 2475. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian ra đi cùng với một ngàn vị có lậu hoặc đã được đoạn tận. Tôi đã cầm lấy bông hoa viravi và đã dâng lên đức Phật. 2476. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2477. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Viravipupphiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í4Ký sự về Trưởng lão Viravipupphiya59 ỉa phần thứ tư.

245. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KUTIDHŪPAKA (Kutidhūpakattherāpadānam) 2478. Tôi đã là người trông nom liêu cốc của đức Thế Tôn Siddhartha. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình xông khói vào lúc này lúc khác. . 2479. Ke từ khi tôi9 r đã rthực " 9 hiện việc làm 5 ấy trước đây chín mươi bốn kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2480. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kutidhūpaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Kutidhũpaka" là phần thứ năm.

2 NaḶinakesariya nghĩa là "vj liên quan đến đóa sen (naḶinà) có tua nhụy (kesarĩ)y 3 Viravỉpupphiya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa (pupphà) viravi.„ 4 Kutidhūpaka nghĩa là xông khói {dhữpakà) thơm liêu cốc (kiựi)'

THÁNH NHÂN KÝ sự 211

246. KỶ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PATTADÃYAKA (Pattadāyakattherāpadānarn} 2481. Với sự thuần thành tuyệt đối, việc dâng cúng bình bát đã được tôi cung ứng đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha, bậc có bản thể chính trực như thế ấy. 2482. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bình bát. 2483. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng

trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pattadâyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Pattadâyaka" là phần thứ sáu.

247. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHĀTUPŪJAKA (Dhātupūjakattherāpadānam) 2484. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Siddhattha Niết-bàn? tôi đã nhận được một phần Xá-lợi của bậc Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 2485. Sau khi nhận lấy phần Xá-lợi ấy của đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời, trong năm năm tôi đã chăm sóc [phần Xá-lợi ấy] như là [chăm sóc] bậc Tối Thượng Nhân đang còn tại tiền. 2486. Ke từ khi tôi đã cúng dường Xá-lợi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo ở sự hau cận Xá-lợi. 2487. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dhātupūjaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ky sự về Trưởng lão Dhātupūjaka" là phần thứ bảy.

248. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SATTALIPUPPHAPŪJAKA (Sattalipupphapujakattherāpadānam) 2488. Lúc bấy giờ5 tôi đã đặt bảy bông hoa sattali ở trên đầu rồi đã dâng lên đức Phật, bậc Tối Thượng Nhân Vessabhū. 2489. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa. 2490. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sattalipupphapūj aka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* wKý sự về Trưởng lão Sattalipupphapūjaka" là phần thứ tám. 5 Pattadãyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dãyako) bình bát (patto)y 6 Dhātupūjaka nghĩa là "vi cúng dường (pũịakă) Xá-lợi (dhātu)' 7 Sattalipupphapūjaka nghĩa là "vj cúng dường (pūjaka) bông hoa (pupphà) sattali.,^

249. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BIMBUÃLIYA (Bimbijāliyattherāpadānam) 2491. Đấng Chiến Thắng, bậc Tự Chủ tên Padumuttara, là nhân vật cao cả. Ngài công bố về bốn sự thật và làm sáng tỏ về vị thế bất tử. 2492. Khi ấy, sau khi ngắt rời các bông hoa bimbijālika, tôi đã dâng lên đức Phật, bậc Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 2493. Trước đây sáu mươi tám kiếp, bốn vi [cùng tên] Kiñjakesara đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2494. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bimbijāliya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Bimbijāliya^ là phần thứ chín.

250. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDDÃLADÃYAKA (Uddāladūyakattherāpadānam) 2495. Đấng Tự Chủ tên Kakusandha, bậc Không Bi Đánh Bại, sau khi lìa khỏi khu rừng bao la đã đi đến gần con sông lớn. 2496. IGii ấy, với tâm tịnh tín tôi đã cầm lấy bông hoa uddâlaka và đã dâng cúng đến đấng Tự Chủ, bậc đã tự chế ngự, có bản thể chính trực. 2497. [Ke từ khi] tôi đã cung dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa. 2498. Bốn

[tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Uddāladāyaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Uddãladãyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Hạt tuvara nướng, [vi Trưởng lão] Nâgakesariya, các bông hoa sen, các bông hoa viravi, vị xông khói liêu cốc, bình bát, Xá-lợi5 các bông hoa sattali, các bông hoa bimbijālika, cùng với bông hoa uddâlaka; [tổng cộng] có ba mươi bảy câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc thông minh. Phẩm Tuvaradâyaka là phẩm thứ hai mươi lăm.

8 Bimbijāliya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa (puppha) bimbijāliya.,^ 9 Uddãladãyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) bông hoa uddla."

XXVI. PHẨM THOMAKA (THOMAKAVAGGO)

251. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO THOMAKA (Thomakattherāpadānam) 2499. Trong khi đang tru ở thế giới chư thiên, tôi được hoan hỷ sau khi lắng nghe giáo pháp của bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī, và tôi đã nói nên lời nói này: 2500. “Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Trong khi thuyết giảng về vị thế bất tử, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua?5 2501. Ke từ khi tôi đã nói lên lời nói ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương. 2502. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Thomaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Thomaka” là phần thứ nhất.

252. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKÅSANADÃYAKA ỤEkãsanadãyakattherãpadãnam) 2503. Có ước muốn thực hiện hành động hướng thượng ở giáo pháp của đức Phật tối thượng, tôi đã lìa bỏ vóc dáng thiên nhân và đã cùng với người vợ đi đến nơi này. 2504. Vị Thinh van của [đức Phật] Padumuttara tên là Devala. Vật thực đã được tôi dâng cúng đến vị ấy với tâm ý trong sạch. 2505. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của món vật thực. 2506. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekāsanadāyaka12 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Ekâsanadãyaka" là phần thứ nhì.

1 Thomaka nghĩa là tán dương (thomaka)y 2 Ekãsanadãyaka nghĩa là 4tvị dâng cúng (dāyako) vật thực (asanà) một lần (ekā)'

253. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA (Citakapūjakattherāpadānam) 2507. Bậc Giác Ngộ, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại tên Ānanda đã viên tịch Niết-bàn ở trong rừng già hoang rậm, không có bóng người. 2508. Khi ấy, tôi đã từ thế ệiới chư thiên đi đến nơi đây và đã thực hiện lễ hỏa táng. Tại đó, tôi đã thiêu đót thi thể và đã

thể hiện sự tôn kính. 2509. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2510. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lào Citakapūjaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í4Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka" là phần thứ tư.

254. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TICAMPAKAPUPPHIYA (Ticampakapupphiyattherāpadānam) 2511. ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Vikata. ở trung tâm của ngọn núi ấy, có vị Sa-môn có các giác quan đã được tu tập, cư ngụ. 2512. Sau khi nhìn thây sự an tịnh của vị ây9 với tâm ý trong sạch tôi đã câm lây ba bông hoa campaka và đã rải rác chúng. 2513. [Ke từ khi] tôi đã cung dườiiẸ bông hoa trước đây chín mươi mốt kiêp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2514. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ticampakapupphiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* 6íKý sự về Trưởng lão Ticampakapupphiya” là phần thứ tư.

255. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAPÃTALIYA (Sattapātaliyattherāpadānam) 2515. Tôi đã dâng lên các bông hoa sattapātali đến đức Phật [trong lúc Ngài] ngồi ở trong vùng đồi núi, đang chói sáng như là cây kanikāra. 2516. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2517. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

3 Citakapũịaka nghĩa là cúng dường (pụịakà) lễ hỏa táng (citako)' 4 Tỉcampakapupphỉya nghĩa là 4tvị liên quan đến ba (ti) bông hoa (pupphà) campaka.”

Đại đức Trưởng lão Sattapātaliya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Sattapātaliya^ là phần thứ năm.

256. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UPẢHANADÃKAYA (Upāhanadākayattherāpadānam) 2518. Lúc bấy giờ, vị tên Candana đã là người con trai của đấng Giác Ngộ. Tôi đã dâng cúng [đến vi ấy] một đôi dép [ước nguyện rằng]: “Xin ngài hãy giúp con thành tựu quả vị Giác ngộ.95 2519. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng đôi dép trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đôi dép. 2520. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão upāhanadāyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ẾÍKý sự về Trưởng lão Upāhanadāyaka" là phần thứ sáu.

257. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MAÑJARIPŪJAKA (Mañjaripūjakattherāpadānam) 2521. Sau khi đã thực hiện một bó [hoa], tôi đã bước đi ở đường lộ. Tôi đã nhìn thấy bậc cao cả trong số các vi Sa-môn được tháp tùng bởi hội chúng Tỳ-khưu. 2522. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng và với niềm phỉ lạc tột độ, tôi đã cầm lấy [bó hoa] bằng cả hai tay và đã dâng lên đức Phật. 2523. [Ke từ khi] toi đã cúng dường bong hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng

dường bông hoa. 2524. Trước đây bảy mươi ba kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa tên Jotiya, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2525. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mañjaripūjaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ố4Ký sự về Trưởng lão Mañj aripūj akaw là phần thứ bảy.

258. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PANNADĀYAKA (Pannadāyakattherāpadānam) _ 2526. Tôi là vị mặc y phục băng vỏ cây ở nệọn núi Hy-mã-lạp. Thu thúc trong các điều kiện hạn che, tôi có thức ăn là muối và lá cây.

5 Sattapātalỉya nghĩa là tfcvị liên quan đến bông hoa sattapātali.,, 6 ưpâhanadãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) đôi dép (upâhanà)y 7 Mañjaripūjaka nghĩa là cúng dường (pụịakă) bó hoa (mañjari)y

216 KINH TIÊU BÔ

2527. Vào lúc bữa ăn sáng đã điểm, [đức Phật] Siddhartha đã đi đến gặp tôi. Được tinh tín, tôi đã tự tay mình dâng lên các thứ ấy đến đức Phật. 2528. Ke từ khi tôi đã dâng cúng lá cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng lá cây. 2529. [Trước đây] hai mươi bảy kiếp, tôi đã là đức vua Yadatthiya, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2530. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pannadāyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. aKý sự về Trưởng lão Pannadāyaka55 là phần thứ tám.

259. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KUTIDĀYAKA (Kutidāyakattherāpadānam) 2531. Lúc bấy giờ, là vị hành pháp ngụ ở rừng, đấng Toàn Giác đã cư ngụ ở gốc cây. Tôi đã thực hiện gian nhà lá và đã dâng cúng đến bậc Không Bị Đánh Bại. 2532. Ke từ khi toi đã cúng dường cái chòi lá trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cái chòi. 2533. Trước đây hai mươi tám kiếp, mười sáu vị vua được gọi là Sabbattha-abhivassĩ đã là các đấng Chuyển Luân Vương. 2534. Bổn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chửng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kutidāyaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKỷ sự về Trưởng lão Kutidāyaka^ là phần thứ chín.

260. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AGGAJAPUPPHIYA (Aggajapupphiyattherāpadānam) 2535. [Toi đã nhìn thấy] đấng Toàn Giác Sikhī có màu da vàng chói ngồi ở trong vùng đồi núi đang chiếu sáng các hào quang như là ngọn lửa. 2536. Tôi đã cầm lấy bông hoa aggaja và đã đi đến gần đấng Tối Thượng Nhân. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật [bông hoa ấy]. 2537. [Ke từ khi] toi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2538. [Trước đây] hai mươi lăm kiếp, tôi đã là vị tên Amita, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

8 Pannadāyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) lá cây (panna)y 9 Kutidāyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) liêu cốc (kiựĩ)'

2539. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Aggaj apupphiya10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ố6Ký sự về Trưởng lão Aggajapupphiya59 là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị tán dương, một bữa ăn, giàn hỏa thiêu, bông hoa campaka, bông hoa sattapātali, đôi dép, bó hoa, lá cây, vị dâng cúng cái chòi, bông hoa aggaja; và các câu kệ đã được tính đếm ở đây là bốn mươi mốt câu cả thảy. Phẩm Thomaka là phẩm thứ hai mươi sáu.

10 Aggcỳapupphỉya nghĩa là "vj liên quan đến bông hoa (puppha) aggaja."

xxvn. PHẨM ẢKẢSUKKHIPIYA (ẢKẢSUKKHIPIY4VĂGGO)

261. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀKĀSUKKHIPIYA (Ākāsukkhipiyattherāpadanam) 2540. Trong khi đấng Nhân Ngưu Siddhattha có màu da vàng chói đang đi ở khu phố chợ, tôi đã cầm lấy hai bông hoa cao quý mọc ở trong nước và đã đi đến gặp Ngài. 2541. Tôi đã đặt xuống một bông hoa ở các bàn chân của đức Phật tối thượng, và tôi đã cầm lấy một bông hoa rồi đã thảy lên không trung. 2542. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa. 2543. Trước đây ba mươi hai kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Antalikkhacarā, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2544. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ākāsukkhipiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ākāsukkhipiya^ là phần thứ nhất.

262. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TELAMAKKHIYA (Telamakkhiyattherāpadānam) 2545. Khi đức Thế Tôn Siddhattha, đấng Nhân Ngưu đã Niết-bàn, ngay khi ấy tôi đã thoa dầu ở vòng rào chắn của cội cây Bồ-đề. 2546. Kể từ khi toi đã thoa dầu trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc thoa [dầu]. 2547. Irước đây hai mươi bốn kiếp, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ tên Succhavi, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2548. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Telamakkhiya1 2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Telamakkhiya^ là phần thứ nhì. 1 Ẫkãsukkhỉpỉya nghĩa là 44vị liên quan đến việc thảy lên (ụkkhepa) không trung (ākāso)y 2 Telamakkhỉya nghĩa là liên quan đến việc thoa (makkhanà) dầu (tela)'

263. KỶ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ADDHACANDIYA (Addhacandiyattherapadānam) 2549. Bông hoa addhacanda đã được tôi dâng cúng ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Thế Tôn Tissa ỉa loại thảo mộc sanh trưởng ở trên trái đất. 2550. [Ke từ khi] tôi đã dâng len bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là

quả báo của việc cúng dường cội cây Bồ-đe. 2551. Trước đây hai mươi lăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Devala, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2552. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Addhacandiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Addhacandiya" là phần thứ ba.

264. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADĪPIYA (Padīpiyattherāpadānam) 2553. Lúc bấy giờ, trong khi là vị thiên nhân, tôi đã ngự xuống trái đất. Được tinh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng năm ngọn đèn. 2554. Ke từ khi tôi đã dâng cúng ngọn đèn trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng ngọn đèn. 2555. Trước đây năm mươi lăm kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Samantacakkhu, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2556. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Padīpiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Padipiya” là phần thứ tư.

265. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BILĀLIDĀYAKA (Bilālidāyakattherāpadānam) 2557. ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Romaso. ở tại chân ngọn núi ấy, có vị Sa-môn có các giác quan đã được tu tập. 2558. Tôi đã cầm lấy củ bilālī và đã dâng cúng đến vị Sa-môn. Bậc Đại Hùng, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại đã nói lời tùy hỷ rằng: 2559. "Ngươi đã dâng cúng củ biḶâlĩ đến Ta với tam ý trong sạch. Trong khi [ngươi] tái sanh vào cõi hữu, quả báo sẽ sanh khởi đến nguôi." 2560. [Ke từ khi] tôi đã dâng cung củ bilālī trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của củ bilālī.

3 Addhacandiya nghĩa là "vj liên quan đến bông hoa addhacandiyA”

4 Pađĩpiya nghĩa là t4vị liên quan đến ngọn đèn (padīpā)'

2561. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bilālidāyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Bilālidāyaka" là phần thứ năm.

266. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MACCHADÃYAKA (Macchadāyakattherāpadānam) 2562. Lúc bấy giờ, tôi đã là con chim img ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã gắp lấy con cá lớn và đã dâng cúng đến bậc Hiền Trí Siddhartha. 2563. Ke từ khi tôi đã dâng cúng con cá trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng con cá. 2564. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Macchadâyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trường lão Macchadãyaka59 là phần thứ sáu.

267. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO JAVAHAMSAKA (Javahamsakattherāpadānam) 2565. Lúc bấy giờ, tôi đã là lính kiểm lam ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật

Siddhattha đang di chuyển ở trên không trung. 2566. Trong khi ngước nhìn bậc Đại Hiền Trí, tôi đã chắp tay lên. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ đấng Lãnh Đạo. 2567. [Ke từ khi] toi đã đảnh lễ đấng Nhân Ngưu trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ. 2568. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Javahamsaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Javahamsaka" là phần thứ bảy.

268. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAPUPPHIYA (Salalapupphiyattherāpadānam) 2569. Lúc bấy giờ? tôi đã là loài Kim Si điểu ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī được bao phủ bằng mạng lưới hào quang. 2570. Với tâm tinh tín, với ý viii mừng và với niềm phỉ lạc tột độ, tôi đã cầm lấy bông hoa salala và đã rải rắc đến [đức Phật] Vipassī. 2571. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt 5 BiḶâlidãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) củ biḶālī.,, 6 Macchadãyaka nghĩa là 4tvị dâng cúng (dãyako) cá (macchà)y

kiep, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2572. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Salalapupphiya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6'KV sự về Trưởng lão Salalapupphiya95 là phần thứ tám.

269. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UPÃGATÃSAYA (Upãgatãsayattherãpadãnam) 2573. ở trung tâm của núi Hy-mã-lạp có cái hồ nước đã khéo được tạo lập. Tôi đã là loài quỷ dữ ở tại nơi ấy, có bản chất quấy rối, là kẻ gây nên nỗi hãi sợ. 2574. Có ý muốn tiếp độ tôi, bậc Thương Tưởng, đấng Bi Man, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī ấy đã đi đến gặp tôi. 2575. Khi bậc Đại Hùng, vi Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đã đi đến gần, tôi đã đi ra khỏi nơi trú ẩn và đã đảnh lễ đấng Đạo Sư. 2576. [Ke từ khi] tôi đã đảnh lễ bậc Tối Thượng Nhân trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ. 2577. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão upāgatāsaya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Upãgatãsaya" là phần thứ chín.

270. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TARANIYA (Taraniyattherāpadānam) 2578. Bậc Toàn Giác Vipassī có màu da vàng chói là bậc xứng đáng sự cúng dường. Bậc Đạo Sư dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đã đứng ở bờ sông. 2579. Thuyền bè là phương tiện vượt qua biển cả không được tìm thấy ở tại nơi ấy. Tôi đã đi ra khỏi dòng sông và đã đưa đấng Lãnh Đạo Thế Gian sang [sông]. 2580. [Ke từ khi] tôi đã đưa bậc Tối Thượng Nhân sang [sông] trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đưa sang [sông]. 2581. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Taraniya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 46Ký sự về Trưởng lão Taraniya95 là phần thứ mười.

7 Salalapupphiya nghĩa là "vi liên quan đến bông hoa (pupphà) salala." 8 Upãgatãsaya nghĩa là 4<vị có chỗ ngụ (āsayā) đã được đức Phật đi đến gần {ụpãgată)y 9 Taranỉya nghĩa là uvị liên quan đến việc đưa sang (tarana) sông.,,

222 KINH TIÊU Bộ

Phần tóm lược Vị có sự thảy lên [bông hoa], dầu thoa, vị có [bông hoa] addhacanda, vị dâng cúng cây đèn, vị dâng cúng củ bilālī, con c vị tên Javahamsaka, vị dâng cúng bông hoa salala, loài quỷ dữ, vi đưa sang [sông] là mười. Và ở đây được ghi nhận là bốn mươi mốt câu kệ cả thảy. Phẩm Ãkãsukkhipiya là phẩm thứ hai mươi bảy.

THÁNH NHÂN KÝ sự 223

xxvm. PHẨM SUVANNABIMBOHANA (SUVANNABIMBOHANAVAGGO)

271. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SUVANNABIMBOHANIYA (Suvannabimbohaniyattherāpadānam) 2582. Được tinh tín, tôi đã tự tay mìiỷi dâng cúng một cái ghế. Và tôi đã dâng lên cái gối nhằm đạt đến mục đích tối thượng. 2583. [Ke từ khi] toi đã dâng cúng cái gối trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái gối. 2584. Trước đây vào kiếp thứ sáu mươi ba, [tôi đã là] vi Sát-đế-lỵ tên Asamā, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2585. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Suvannabimbohaniya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Suvannabimbohaniya95 là phần thứ nhất

272. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TILAMUTTHIDĀYAKA (Tilamutthidāyakattherāpadānam) 2586. Biết được ý đinh của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian đã đi đến bằng thần thông với thân được tạo thành bởi ý. 2587. Khi Ngài đang đi đến gần, tôi đã đảnh lễ bậc Đạo Sư, đấng Tối Thượng Nhân. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng [một] nắm hạt mè. 2588. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nắm hạt mè. 2589. Trước đây mười sáu kiếp, [tôi đã là] vi Sát-đế-lỵ tên Nandiya, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2590. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tilamutthidāyaka12đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Tilamutthidāyaka^ là phần thứ nhì. 1 Suvannabimbohaniya nghĩa là 44vị liên quan đến cái gối (bimbohana) vàng (suvannd)y 2 Tilamutthidāyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) nắm tay (mutthi) hạt mè (tilā)'

224 KINH TIỂU Bộ _____

273. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CAÑGOTAKIYA (Cañgotakiyattherāpadānam) 2591. [Đức Phật Siddhattha] sống ở trong vùng đồi núi kề cận biển cả. Sau khi đi ra tiếp đón [Ngài] tôi đã thực hiện và đã dâng cúng cái hộp [đựng bông hoa]. 2592. Sau khi dâng cúng cái hộp đựng bông hoa đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha, đấng Có Lòng Thương Tưởng đối với tất cả chúng sanh, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. 2593. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng cái hộp trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả

báo của cái hộp. 2594. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Cañgotakiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Cañgotakiya95 là phần thứ ba.

274. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ABBHAÑJANADĀYAKA (Abbhafifanadāyakattherāpadānam) 2595. Đức Thế Tôn Kondañfia là vị có tâm bình đẳng như hư không, có thiền chứng không bị chướng ngại, có tham ái đã được lìa bỏ như thế ấy. 2596. Bậc Đạo Sư, đấng Chúa Te Của Loài Người là vị vượt qua tất cả si mê, là bậc có sự tầm cầu lợi ích cho tất cả thế gian, tôi đã dâng cúng thuốc cao đến Ngài. 2597. Ke từ khi tôi đã dâng cúng thuốc cao trước đây vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của thuốc cao. 2598. Trước đây mười lăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Cirappa, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2599. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Abbhañj anadāyaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ố6Ký sự về Trưởng lão Abbhañjanadāyaka55 ỉa phần thứ tu*.

275. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAÑJALIYA (Ekañjaliyattherāpadānam) 2600. Tôi đã dâng cúng khu vực sinh sống [cô tịch] đến vi Sa-môn, bậc Đại An Sĩ đang cư ngụ tại cội cây sung, nơi tâm thảm lá cây đã được xác định. 3 Cañgotakiya nghĩa là 4tvị liên quan đến cái hộp (cañgotaka)y 4 Abbhañjanadāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) thuốc cao (abbhañjana)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 225

2601. Sau khi chắp tay lên9 tôi đã trải ra tấm thảm bằng bông hoa đến [đức Phật] Tissa, bậc Chúa Te Của Loài Người, đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy. 2602. [Ke từ khi] tôi đã thực hiện tấm thảm bằng bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm thảm. 2603. Trước đây mươi bốn kiếp, tôi đã là bậc thống lãnh loài người tên Ekañjalikaṃ là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2604. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekañjaliya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Ekahjaliya” là phần thứ năm.

276. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO POTTHADẢYAKA (Potthadayakattherāpadānam) 2605. Việc cúng dường tâm vải bạt đã được tôi dâng cúng ở đôi tượng đáng được cúng dường vô thượng, trước tiên hết là bậc Đạo Su, giáo pháp, và luôn cả hội chung của bậc Đại Ẩn Sĩ nữa. 2606. Ke từ khi toi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tấm vải bạt. 2607. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Potthadãyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Potthadãyakaw là phần thứ sáu.

277. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA (Citakapūjakattherāpadānam) 2608. Tôi đi xuôi theo dòng nước ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã đặt ở giàn hỏa thiêu bảy bông

hoa mâluva. 2609. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường lễ hỏa táng trước đây chín mươi bốn kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường giàn hỏa thiêu. 2610. Trước đây sáu mươi bảy kiếp, bảy vị [cùng] tên Patijagga đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật. 2611. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. aKý sự về Trưởng lão Citakapũjakaw là phần thứ bảy.

5 Ekaĩyaliya nghĩa là liên quan đến một lần (ekā) chắp tay (añjalī)y 6 Potthadāyaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) tấm vải bạt (pottha)y 7 Citakapũịaka nghĩa là "vj cúng dường (pụịakà) lễ hỏa táng (citakă)y

278. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀLUVADĀYAKA (Ãluvadãyakattherãpadãnam) 2612. ở ngọn núi Hy-mã-lạp, có con sông Mahâsindhu có dáng hình xinh đẹp. ở tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy [đức Phật] Sudassana; Ngài là bậc có tham ái đã được lìa bỏ, có ánh sáng rực rỡ. 2613. Sau khi nhìn thấy bậc được gắn liền với sự an tinh tột bực, được tịnh tín tôi đã tự tay mình dâng cúng rê cây âluva đên Ngài. 2614. Ke từ khi tôi đã dâng cúng rễ cây âluva trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của rễ cây âluva. 2615. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Āluvadāyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Ãluvadâyaka^ là phần thứ tám.

279. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKAPUNDARĪKA (Ekapundarīkattherāpadānam) 2616. Lúc bấy giờ, đấng Tự Chủ tên Romasa là bậc có sự hành trì tốt đẹp. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng đóa hoa sen trắng [đến Ngài], 2617. Kê từ khi tôi đã dâng cúng đóa hoa sen trăng trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đóa hoa sen trắng. 2618. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekapundarīka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Ekapundañka" là phần thứ chín.

280. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TARANĪYA (Taranīyattherāpadānam) 2619. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình cho xây dựng cây cầu ở đường lộ lớn gập ghềnh để giúp cho mọi người vượt qua [đoạn đường ấy]. 2620. [Ke từ khi] tôi đã cho xây dựng cây cầu trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây càu. 2621. Trước đây năm mươi lăm kiếp, tôi đã là vi tên Samogadha độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2622. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

8 Āluvadāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) rễ cây aluva." 9 Ekapundarīka nghĩa là <Ếvị có một (ekā) đóa hoa sen trắng (pundarīkă)y

Đại đức Trưởng lão Taranīya10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Taranīya55 là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vàng, năm hạt mè, cái hộp, thuôc cao, sự chăp tay, vi có tâm vải bạt, giàn hỏa thiêu, rễ cây âluva, một đóa hoa sen trắng, với cây cầu; [tổng cộng] có bốn mươi hai câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí. Phẩm Suvannabimbohana là phẩm thứ hai mươi tám. (Dứt tụng phẩm thứ mười một).

10 Tarañīya nghĩa là t4vị liên quan đến việc vượt qua (tarana)r

XXIX. PHẨM PANNADĀYAKA (PANNADĀYAKAVAGGO)

281. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PANNADĀYAKA (Pannadāyakattherāpadānam) 2623. Tôi đã ngồi xuống trong gian nhà lá, có bữa ăn là vật thực bằng lá cây. Bậc Đại Hiền Trí đã đi đến gần tôi trong lúc tôi đang ngồi. 2624. Bậc Quang Đăng Của Thế Gian Siddhartha là người thầy thuốc của tất cả thế gian. Khi Ngài đã ngồi xuống ở tấm thảm lá cây, tôi đã dâng cúng lá cây đen Ngài. 2625. Ke từ khi tôi đã dâng cúng lá cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng lá cây. 2626. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pannadāyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÊÍKý sự về Trưởng lão Pannadāyaka55 là phần thứ nhất.

282. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PHALADÃYAKA (Phaladāyakattherāpadānam) 2627. [Đức Phật Siddhattha] áy có sự an tịnh sánh băng núi Sineru, tợ như vật nâng đỡ trái đất, sau khi xuất khỏi thiền định đã đi đến gần tôi về việc khất thực. 2628. Và có những loại trái cây ngọt như trái harītaka, trái āmalaka, trái xoài, trái mận đỏ, trái vibhītaka, trái táo, trái bhallātaka và trái billa. 2629. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng tất cả thức ăn ấy đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhartha, vị Có Lòng Thương Tưởng đối với tất cả thế gian. 2630. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng Cling trái cây. 2631. Trước đây năm mươi bảy kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Ekajjha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2632. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Pannadayaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) lá cây (panna)y

Đại đức Trưởng lão Phaladāyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍÊKý sự về Trưởng lão Phaladâyaka" là phần thứ nhì.

283. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PACCUGGAMANIYA (Paccuggamaniyattherāpadānam) 2633. Bậc Nhân Ngưu đang đi đến, giống như loài sư tử lang thang ở trong rừng, giống như loài bò mộng thuần chủng, tợ như cây kakudhā đang chói sáng. 2634. Với tâm ý trong sạch, tôi đã thực hiện việc đi ra tiếp đón đấng Quang Đăng Của Thế Gian

Siddhartha, vị thầy thuốc của tất cả thế gian. 2635. [Ke từ khi] tôi đã đi ra tiếp đón đấng Nhân Ngưu trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đi ra tiếp đón. 2636. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Saparivâra, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2637. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Paccuggamaniya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĒÍKý sự về Trưởng lão Paccuggamaniya55 là phần thứ ba.

284. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPUPPHIYA {Ekapupphiyattherāpadānam} 2638. Lúc bấy giờ, tôi đã là con yêu tinh ở cánh cổng phía Nam. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng. 2639. Tôi đã dâng cúng một bông hoa đến bậc Tối Thượng Nhân Vipassī, vị Có Sự Tầm Cầu Lợi ích Cho Tất Ca Thế Gian, bậc Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 2640. Ke từ khi tôi đã dâng cúng bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 2641. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekapupphiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Ekapupphiya" là phần thứ tư.

2 Phaladāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) trái cây (phalà)y 3 Paccuggamanỉya nghĩa là t4vị liên quan đến việc đi ra tiếp đón (paccuggamanà)y 4 Ekapupphỉya nghĩa là uvị liên quan đến một (ekā) bông hoa ịpupphà)y

285. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAGHAVAPUPPHIYA (Maghavapupphiyattherãpadãnam) 2642. ở bờ sông Nammadā, có đấng Tự Chủ là bậc Không Bị Đánh Bại. Ngài đã chứng đạt thiền đinh, được thanh tịnh, không bị chộn rộn. 2643. Sau khi nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc Không Bi Đánh Bại, tôi đã được tịnh tín, có tâm ý vui mừng. Khi ấy, tôi đã dâng cúng đấng Tự Chủ ấy với bông hoa maghava. 2644. Ke từ khi tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 2645. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Maghavapupphiya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* wKý sự về Trưởng lão Maghavapupphiya" ỉa phần thứ năm.

286. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UPATTHĀKADĀYAKA (UpaỊỊhãkadâyakattherãpadãnam) 2646. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Chúa Te Của Loài Người, đấng Long Tượng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đang bước đi ở đường lộ. 2647. Sau khi cho người thỉnh mời bậc có sự tầm cầu lợi ích cho tất cả thế gian ấy, tôi đã dâng cúng người phục vụ đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha. 2648. Sau khi tiếp nhận, đấng Toàn Giác, bậc Đại Hiền Trí đã gởi trả lại [người phục vụ cho tôi], rồi đã từ chỗ ngồi ấy đứng dậy và ra đi, mặt hướng phìa Đong. 2649. Ke từ khi tôi đã dâng cúng người phục vụ trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ. 2650. Trước đây năm mươi bảy kiếp, [tôi đã là] vị

tên Balasena, là đấng Chuyên Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2651. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão upatthākadāyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trường lão Upatthākadāyaka" là phần thứ sáu.

287. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO APADẢNIYA (Apadãniyattherãpadãnam) 2652. Tôi đã ca ngợi sự nghiệp của các đấng Thiện Thệ đến bậc Đại Ẩn Sĩ. 5 Maghavapupphiya nghĩa là Ế4vị liên quan đến bông hoa ịpuppha) maghava.,, 6 Upatthākadāyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) người phục vụ (ụpatfhãkà)y

Được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ bằng đầu và bằng các bàn tay của mình ở bàn chân [của bạc Đại An Sĩ]. 2653. [Ke từ khi] tôi đã ngợi ca sự nghiệp [của chư Phật] trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đên kho cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi. 2654. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Apadâniya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Apadaniya59 là phần thứ bảy.

288. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SATTĀHAPABBAJITA (Sattāhapabbajitattherāpadānam) 2655. Hội chúng của đức Thế Tôn Vipassī là được tôn sùng kính trọng. Có điều bất hạnh đã xảy đến cho tôi là trước đây thân quyến đã có sự chia rẽ. 2656. Tôi đã đi đến sự xuất gia nhằm làm lắng dịu điều bất hạnh. Tại nơi ấy, do sự mong mỏi giáo pháp của bậc Đạo Su, tôi đã được thỏa thích trong bảy ngày. 2657. Ke từ khi tôi đã xuất gia trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc xuất gia. 2658. Trước đây sáu mươi bảy kiếp, bảy vi lãnh chúa được biết đến với tên “Sunikkhama" đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2659. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sattāhapabbajita7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Sattāhapabbajita99 là phần thứ tám.

289. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHUPATTHĀKA {Buddhupatthākattherāpadānam) 2660. Lúc bấy giờ, tên của tôi là Vetambarī. Người cha của tôi đã nắm lấy cánh tay của tôi và đã đưa tôi đến bậc Đại Hiền Trí. 2661. [Nghĩ rằng]: “Chu Phật này, các đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian sẽ chỉ dạy cho ta.” Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình phục vụ các vị ấy một cách tôn kính. 2662. Ke từ khi tôi đã chăm sóc chư Phật trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ. 2663. Trước đây hai mươi ba kiêp? bôn vi Sát-đê-lỵ [cùng] tên Samanupatthāka đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

7 Sattãhapabbcỳita nghĩa là đã xuất gia (pabbajito) bảy (satta) ngày (aha)'

2664. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Buddhupatthāka8 đã nói lên

những lời kệ này như thế ấy. "Ký sự về Trưởng lão Buddhupatthaka" là phần thứ chín.

290. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PUBBAÑGAMIYA (Pubbangamiyattherāpadānam) 2665. Nhằm đạt đến mục đích tối thượng, chúng tôi tám mươi bốn ngàn người đã xuất gia, không còn sở hữu gì. Trong số các vị ấy, tôi đã là người đứng đầu. 2666. Và các vị này được thanh tịnh, không bị chộn rộn, dầu còn tham ái và còn sự tái sanh. Được tịnh tín, các vị này đã tự tay phục vụ [chư Thánh nhân] một cách tôn kính. 2667. Có các lậu hoặc đã được đoạn tận, có sân hận đã được tống khứ, có phận sự đã được hoàn thành, không còn lậu hoặc, các đấng Tự Chủ không bị đánh bại đã lan tỏa với tâm từ ái. 2668. Sau khi phục vụ chư vị đã tự mình giác ngộ, tôi có được niệm, nhimg tôi đã gần kề sự chết. Và chúng tôi đã đi đến bản thể chư thiên. 2669. [Ke từ khi] toi đã gìn giữ giới hạnh trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tự chế ngự. 2670. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pubbañgamiya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍÉKý sự về Trưởng lão Pubbaửgamiya^ là phần thứ mười.

Phần tóm lược Lá cây, [các] trái cây, sự đi ra tiếp đón, vị có một bông hoa, [vi có] bông hoa maghava, người phục vụ, sự nghiệp [của chư Phật], sự xuất gia, vị phục vụ chư Phật, vị đứng đâu; [tông cộng] có bôn mươi tám câu kệ đã được thuật lại. Phẩm Pannadāyaka là phần thứ hai mươi chín.

8 Buddhupatthāka nghĩa là tcvị phục vụ (upatthāka) đức Phật (buddhā)' 9 Pubbañgamiya nghĩa là 'liên quan đến vị đứng đầu, vị đi (gam) ở phía trước (pubba)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 233

XXX. PHẨM CIIAKAPŪJAKA (CITAKAPŪJAKAVAGGO}

291. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA (Citakapūjakattherāpadānam) 2671. Lúc bấy giờ, tôi đã là vi Bà-la-môn tên Ajita. Có ý định dâng tặng vật hiến cúng, tôi đã thu thập nhiều loại bông hoa. 2672. Sau khi nhìn thấy giàn hỏa thiêu của đấng Quyến Thuộc Thế Gian Sikhī đang bốc cháy, tôi đã đem số bông hoa ấy lại và đã rải rắc ở giàn hỏa thiêu. 2673. [Ke từ khi] toi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp. tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2674. Trước đây hai mươi bảy kiếp, bảy vi thống lãnh loài người [cùng] tên Supajjalita ây đã là các đang Chuyên Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2675. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Rý sự về Trưởng lão Citakapūjaka95 là phần thứ nhất

292. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PUPPHADHÃRAKA (Pupphadhārakattherāpadānam) 2676. Tôi đã là vị mang y phục băng vỏ cây, có y choàng là tâm da dê, có năm thăng trí đã được phát sanh, là người chạm đên mặt trăng. 2677. Sau khi nhìn thấy đấng Quang Đăng Của Thế Gian Vipassī đã ngự đến chỗ tôi, tôi đã nắm giữ những bông hoa san hô [hình chiếc lọng] che cho bậc Đạo Sư. 2678. [Ke từ khi] tôi đã nắm giữ bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc

năm giữ. 2679. Trước đây tám mươi bảy kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Samantadhārana, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2680. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

1 Citakapūjaka nghĩa là cúng dường {pūịakà) lễ hỏa táng (citakà)y

Đại đức Trưởng lão Pupphadhâraka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Pupphadhãraka" là phần thứ nhì.

293. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CHATTADẢYAKA (Chattadāyakattherāpadānam) 2681. Lúc bấy giờ, người con trai của tôi đã xuất gia, có trang phục là y ca- sa. Và vị ấy đã đạt được bản thể của vị Phật, đã Niết-bàn, được thế gian tôn vinh. 2682. Trong lúc tìm hiểu về [tăm tích] người con trai của mình, tôi đã đi lần theo ở phía sau. Tôi đã đi đến giàn hỏa thiêu của con người vĩđại đã được Niết-bàn. 2683. ở tại nơi ấy, tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ giàn hỏa thiêu. Khi ấy, tôi đã cầm lấy chiếc lọng trắng và đã dâng lên. 2684. [Ke từ khi] toi đã dâng lên chiếc lọng trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc lọng. 2685. Trước đây hai mươi lăm kiêp, bảy vị thông lãnh dân chúng [cùng] tên Mahâraha ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2686. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chửng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Chattadãyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Chattadâyaka” là phần thứ ba.

294. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA (Saddasaññakattherāpadānam) 2687. Khi mặt trời còn chưa mọc lên, đã có tiếng gầm ru dữ dội [báo hiệu] sự xuất hiện của đức Phật tối thượng, bậc Đại Ẩn Sĩ ở trên thế gian. 2688. Tại nơi ấy, tôi đã nghe được tiếng động nhưng tôi không nhìn thấy đấng Chiến Thắng ấy. Và khi sự chết đã gần kề, tôi đã nhớ lại sự suy tưởng về đức Phật. 2689. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật. 2690. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tội] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saddasaññaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Saddasaññaka" là phần thứ tư. 2 Pupphadhãraka nghĩa là "vi nắm giữ (dhâraka) bông hoa (pupphà)y 3 Chattadãyaka nghĩa ỉa "vi dâng cúng (dãyako) chiếc lọng che (chattă)y 4 Saddasaññaka nghĩa là t4vị suy tưởng (saññaka) về âm thanh (saddo)'

295. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GOSĪSANIKKHEPAKA (Gosīsanikkhepakattherūpadānam) 2691. Sau khi rời khỏi cánh cổng của tu viện, tôi đã trải lót xương sọ của loài bò [ở con đường lầy lội]. Tôi thọ hưởng nghiệp của mình; điều này là quả báo của nghiệp quá khứ. 2692. [Tôi có] các loài ngựa dòng Sindhu thuần chủng có tốc độ của gió, có các phương tiện di chuyển nhanh chóng, tôi thọ hưởng tất cả [các] thứ này; điều này là quả báo của [việc trải lótl xương sọ của loài bò. 2693. Ôi, hành động đã khéo được thực hiện

bởi tôi ở thửa ruộng tốt là hành động tuyệt vời. Việc khác không có giá trị bằng một phần [mười sáu] so với hành động đã được thực hiện ở nơi hội chúng. r 2694. [Kê# từ khi] tôi 9đã r lót xương sọ của loài bò trước đây r trải 9 v chín mươi bôn kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc trải lót. 2695. [Trước đây] bảy mươi lam kiếp, toi đã là vị tên Suppatitthita, là người độc nhất có quyền uy vĩ dại, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2696. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Gosĩsanikkhepaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Gosisanikkhepaka" là phần thứ nắm.

296. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PĀDAPŪJAKA (Pãdapũịakattherãpadânam) 2697. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài Kim Si điểu ở ngọn núi Hy-mã-lạp. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng. 2698. Khi đức Phật Vipassī, đấng Lãnh Đạo Thế Gian ấy đi đến gần tôi, khi ấy tôi đã rải rắc tràm hương và luôn cả cỏ thơm ở bàn chân [Ngài]. 2699. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bàn chân ấy trước đây chín mươi mốt kiep, toi không con biêt đen kho canh; điêu nay là qua bao cua việc cung dương ở bàn chân. 2700. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pādapūjaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Pādapūjaka" là phần thứ sáu.

297. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO DESAKITTAKA (Desakittakattherāpadānam) 2701-02. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị Bà-la-môn tên UpasâỊhaka. Sau khi nhìn 5 Gosĩsanikkhepaka nghĩa là đặt xuống (nikkhepakà) những cái sọ(SĨSŨÌ) của loài bò (go)." 6 Pādapūjaka nghĩa ỉa uvị cúng dường ịpiỊịaka) ở bàn chân (pãdàyy

thấy bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đi sâu vào khu rừng rậm, tôi đã đảnh lễ VỊ Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng của thế gian ở hai bàn chân. Biết được tôi có tâm đã được tịnh tín, đức Phật đã biến mất. 2703. Sau khi lìa khỏi khu rừng rậm, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. Sau khi tán dương khu vực ấy, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. 2704. [Ke từ khi] tôi đã tán dương khu vực ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương. 2705. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tơi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Desakittaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Desakittaka^ là phần thứ bảy.

298. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SARANAGAMANIYA (Saranagamaniyatherāpadūnam) 2706. Tôi đã là người thợ săn ở ngọn núi Hy-mã-lạp. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu. 2707. Sau khi đi đến gặp bậc Toàn Giác, tôi đã làm công việc phục vụ. Và tôi đã đi đến nương nhờ đối với bậc Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 2708. [Ke từ khi] toi đã đi đến nương nhờ trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đi đến nương nhờ. 2709. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saranagamaniya8 đã nói lên

những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Saraọagamaniya" là phần thứ tám.

299. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AMBAPINDIYA (Ambapindiyattherāpadānam) 2710. [Tôi đã là] người khổng lồ được nổi tiếng với tên là Romasa. Tôi đã dâng cúng một chùm trái xoài đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī. 2711. Ke từ khi tôi đã dâng cúng xoài trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng trái xoài. 2712. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ambapindiya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í4Ký sự về Trưởng lão Ambapindiya^ ỉa phần thứ chín. 7 Desakittaka nghĩa là uvị tán dương (kittakà) khu vực (desăyy 8 Saranagamaniya nghĩa là t4vị liên quan việc đi đến (gamana) nương nhờ (sarana), tức là đã quy y." 9 Ambapindiya nghĩa là 4tvị liên quan đến chùm (pinda) xoài (ambà)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 237

300. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ANUSAMSĂVAKA (Anusamsāvakattherāpadānam) 2713. Tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng Vipassī đang đi khất thực. Tôi đã dâng lên một vá thức ăn đến đang Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 2714. Với tam tinh tín, với ý vui mừng, khi ấy tôi đã đảnh lễ và tôi đã ngợi ca đức Phật nhằm đạt đến mục đích tối thượng. 2715. [Ke từ khi] toi đã ngợi ca [đức Phật] trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ngợi ca [đức Phật]. 2716. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lòd dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Anusamsāvaka10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Anusamsāvaka95 là phần thứ mười.

Phần tóm lược Giàn hỏa thiêu, bông hoa san hô, chiếc lọng [trắng], tiếng động, việc trải lót xương sọ của loài bò, [vị đảnh lễ] bàn chân, [vị tán dương] khu vực, sự nương nhờ, trái xoài, và luôn cả vị ngợi ca [đức Phật]; [tổng cộng] có bốn mươi bảy câu kệ đã được tính đếm bơi các bậc trí. Phẩm Citakapūjaka là phẩm thứ ba mươi.

Giờ ỉa phan tóm lược của các phàm Bông hoa kanikāra, vị cúng dường voi, vật tựa [lưng], chỗ ngồi và nước, hạt tuvara nướng, vi tán dương và luôn cả việc thảy lên [không trung], gối kê dầu, vi dâng cúng lá cây và vị cúng dường lễ hỏa táng; toàn bộ các câu kệ ở đây là bốn trăm năm mươi mốt câu. Tất cả gồm có hai ngàn năm trăm và bảy mươi hai câu thêm vào đó nữa. [Tổng cộng] có ba trăm ký sự đã được tính đếm bởi các vị nhìn thấy sự lợi ích. Nhóm “MQt trăm” thứ ba được đầy đủ.

10 Anusamsãvaka nghĩa là ngợi ca (anusarnsāvaka) đức Phật.„

238 KINH TIỂU Bộ

XXXI. PHẨM PADUMAKESARIYA (PADUMAKESARIYAVAGGƠ)

301. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAKESARIYA (Padumakesariyattherãpadãnam) 2717. Trong thời quá khứ, tôi đã là con voi ở hội chúng các vị Đại Ẩn Sĩ. Do niềm tịnh tín, tôi đã rải rắc nhụy của hoa sen đến các bậc Đại Ẩn Sĩ. 2718. Các đấng Chiến Thắng Độc Giác tối thượng là những vị có các ái đã được giũ bỏ như thế ấy. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở các vi ấy, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. 2719. Ke từ khi tôi đã

rải rắc nhụy hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2720. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Padumakesariya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Padumakesariya^ là phần thứ nhất.

302. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SABBAGANDHIYA (SabbagandhiyattherãpadãnatỊi) 2721. Tôi đã dâng cúng tràng hoa có hương thơm đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī. Tôi đã dâng cúng tâm vải thượng hạng băng tơ lụa đên bậc có bản thê chính trực. 2722. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng vật thơm trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng vật thơm. 2723. Trước đây mười lăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Sucela, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2724. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sabbagandhiya1 2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ố6Ký sự về Trưởng lão Sabbagandhiya” là phần thứ nhì. 1 Padumakesarỉya nghĩa là 4tvị liên quan đến việc rải rắc nhụy (kesară) sen hồng (padumà)y 2 Sabbagandhiya nghĩa là "vi liên quan đến tất cả (sabbā) các loại hương thơm (gandhā)^

303. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PARAMANNADÃYAKA (Paramannadāyakattherāpadānam) 2725. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tợ như cây kanikāra đang cháy sáng, tợ như mặt trời đang mọc lên. 2726. Tôi đã chắp tay lên và đã rước Ngài về nhà của mình. Sau khi đã rước đấng Toàn Giác [về nhà], tôi đã dâng cúng vật thực thượng hạng. 2727. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thực thượng hạng trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của vật thực thượng hạng. 2728. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Paramannadâyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 44Ký sự về Trưởng lão Paramannadãyaka" là phần thứ ba.

304. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMASAÑÑAKA (Dhammasañ̃akattherāpadānam) 2729. Đã có lễ hội ở cội Đại Bồ-đề của đức Thế Tôn Vipassī đúng vào lúc đấng Toàn Giác, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đang ngự ở cội cây. 2730. Vào thời điãĩi ấy, được tháp tùng bởi hội chúng Tỳ-khưu, đức Thế Tôn [đã] công bố về bốn sự thật, trong lúc thốt lên với lời nói hùng tráng. 2731. Trong khi thuyết giảng một cách giản lược và trong khi thuyết giảng một cách chi tiết, đấng Toàn Giác, bậc Đã Phơi Bày Điều Bị Che Lấp đã giúp cho đám đông dân chúng thành tựu Niết-bàn. 2732. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư và đã ra đi, mặt hướng phía Bác. 2733. Ke từ khi tôi đã lắng nghe giáo pháp trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về giáo pháp. 2734. Trước đây ba mươi ba kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Sutavã, là đang Chuyên Luân Vương có oai lực lớn lao. 2735. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng;

tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

3 Paramannadâyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dãyako) vật thực (anna) thượng hạng (paramā)^

Đại đức Trưởng lão Dhammasañfiaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Dhammasaflñaka^ là phần thứ tư.

305. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADÃYAKA (Phaladãyakattherãpadãnam) 2736. Lúc bây giờ, đã có khu ân cư ở bờ sông Bhãgīrathī. Có sự mong câu, tôi đã đi đến khu ẩn cư ấy, tay cầm trái cây. 2737. ở tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy [đức Phật] Vipassī tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng. Tôi đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư tất cả trái cây mà tôi có. 2738. Ke từ Idii tôi đã dâng cung trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 2739. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Phaladâyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Phaladãyaka^ là phần thứ năm.

306. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAMPASÃDAKA (Sampasādakattherāpadānam) 2740. Bạch đức Phật Anh Hùng, con kính lễ Ngài! Ngài đã được giải thoát về mọi phương diện. Vì con đã bị lâm vào cảnh bất hạnh, xin Ngài hãy là nơi nương nhờ của con đây. 2741. Đức Siddhattha, bậc Không Người Đối Địch ở Thế Gian đã chú nguyện cho tôi đây rằng: "Hội chúng là vô thượng, không thể đo lường, sánh băng biển lớn. 2742. Ngươi hãy làm cho tâm được tinh tín ở hội chúng, thửa ruộng không bị nhơ bẩn, nguồn ban phát kết quả vô cùng tận. Ngươi đã gieo hạt giống tốt, ngươi hãy trồng tỉa ở tại nơi ấy." 2743. Sau khi nói xong điều này, sau khi đã chỉ dạy cho tôi như thế, đấng Toàn Tri, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã bay lên khoảng Idiông ở bầu trời. 2744. Khi bậc Toàn Tri, đấng Nhân Ngưu, vừa mới ra đi không bao lâu, tôi đã gần kề sự chết, và tôi đã được sanh lên cõi trời Đẩu-suất. 2745. Khi ấy, sau khi đã làm cho tâm được tịnh tín ở hội chúng, thửa ruộng không bị nhơ bẩn5 nguồn ban phát kết quả vô cùng tận, tôi đã sướng vui ở cối trời một kiếp. 2746. Ke từ khi toi đã đạt được niềm tinh tín trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của niềm tinh tín.

4 Dhammasañña nghĩa là "vi suy tưởng (saññaka) về giáo pháp (dhammā)^ 5 Phaladãyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dãyako) trái cây (phală)y

2747. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sampasâdaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Sampasãdaka" là phần thứ sáu.

307. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ÃRẢMADẢYAKA (Ãrãmadãyakattherãpadãnam) 2748. Tự viện của đức Thế Tôn Siddhattha đã được tôi tạo dựng trong khi các con chim được yên lặng ở những cội cây có bóng râm dày đặc. 2749. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô

Nhiễm, vi thọ nhận các vật hiến cúng. Tôi đã bàn giao tu viện đến bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu. 2750. Được mừng rỡ? với tâm mừng rỡ tôi đã dâng cúng trái cây và bông hoa. Sau đó, có niềm tịnh tín đã được sanh lên, tôi đã chuyển giao khu rừng ấy. 2751. Bất cứ vật gì toi đã dâng cúng đến đức Phật với tâm ý trong sạch [đều có] quả báo sanh khởi đến tôi trong khi tôi tái sanh vào cõi hữu. 2752. Ke từ khi tôi đã dâng cúng tu viện trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của tu viện. 2753. Trước đây ba mươi bảy kiếp, bảy vi [cùng] tên Mudusĩtala đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2754. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ārāmadāyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 4íKý sự về Trưởng lão Ārāmadāyaka99 là phần thứ bảy.

308. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ANULEPADÃYAKA (Anulepadãyakattherữpadãnam) 2755. Tôi đã nhìn thấy vị Thinh văn của bậc Hiền Trí Atthadassĩ. Trong khi vi ấy đang xây dựng công trình mới ở trong khuôn viên [tu viện], tôi đã đi đến gàn [nơi ấy]. 2756. Và khi công trình mới đã được hoàn thành, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng ở phước điền vô thượng, tôi đã dâng cúng lớp vữa tô. 2757. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của lớp vữa tô. 2758. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

6 Sampasãdaka nghĩa là uvị tự tạo niềm tin (pasãdakă) cho chính mình (sam)y 7 Ẅrãmadâyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dãyako) tu viện (ãrãmă)y

Đại đức Trưởng lão Anulepadâyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Anuỉepadãyaka" là phần thứ tám.

309. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA (Buddhasaññakattherāpadānam) 2759-60. Trong giấc mơ, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng, đang đi vào bên trong khu rừng. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín vào điều ấy, tôi đã sanh lên nhàn cảnh. 2761. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật. 2762. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Buddhasaflñaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Buddhasaññaka" là phần thứ chín.

310. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PABBHÃRADẢYAKA (Pabbhãradăyakattherâpadãnam) 2763. Sườn núi đã được tôi làm sạch sẽ dành cho đức Thế Tôn Piyađassĩ. Và tôi đã bố trí lu nước cho việc sử dụng của vị [Phật] như thế ấy. 2764-65. Đức Phật, bậc Đại Hiền Trí Piyadassĩ đã chú nguyện về việc ấy cho tôi rằng: "Tòa lâu đài ấy có một ngàn khu vực, có một trăm quả cầu tròn, được trang hoàng với những lá cờ, được làm với màu lục, và

châu báu không phải là ít sẽ được sanh lên [cho nguôi]." Sau khi dâng cúng vật thí là sườn núi, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. 2766. Irước đây ba mươi hai kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Susuddha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2767. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pabbhāradāyaka10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Pabbhâradăyaka55 là phần thứ mười.

8 Anulepadãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyaka) vữa tô (anulepà)y 9 Buddhasaññaka nghĩa là suy tưởng (saññaka) về đức Phật (buddhā)' 10 Pabbhâradâyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) sườn núi (pabbhãrà)y

Phần tóm lược Tua nhụy, vật thơm và vật thực, vị có sự suy tưởng về giáo pháp, và [cúng dường] bằng trái cây, niềm tịnh tín, và vi dâng cúng tu viện, lớp vữa tô, vị suy tưởng về đức Phật, và vị dâng cúng sườn núi; [tổng cộng] có năm mươi mốt câu kệ đa được thuật lại. Phẩm Padumakesariya là phẩm thứ ba mươi mốt

xxxn. PHẨM ẢRAKKHADẢYAKA (ĀRAKKHADĀYĀKAVAGGO)

311. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ÃRAKKHADÃYAKA (Ārakkhadāyakattherāpadānam) 2768. Hàng rào đã được tôi cho xây dựng đến bậc Hiền Trí Dhammadassĩ. Và sự bảo vệ đã được tôi dâng cúng đến bậc Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 2769. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, do tính chất đặc biệt của nghiệp ấy, tôi đã đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc. 2770. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ārakkhadāyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Ãrakkhadâyaka^ là phần thứ nhất

312. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BHOJANADĀYAKA (Bhojanadāyakattherāpadānam) 2771. Đấng Chiến Thắng luôn luôn chiếu sáng tợ như cây sâla non trẻ đã được mọc lên tốt đẹp, tợ như cây sobhañjana đã vươn cao, tợ như tia sét ở trên bầu trời* 2772. Với tâm ý trong sạch, toi đã dâng cúng vật thực đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vessabhū, vị Trời Của Chư Thiên ấy. 2773. Đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại đã nói lời tùy hỷ về vật [cúng dường] ấy đến tôi rằng: "Trong khi [ngươi] tái sanh vào cõi hữu, mong răng quả báo sanh khởi đên ngươi?5 2774. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của vật thực. 2775. Trước đây hai mươi lăm kiếp, tôi đã là vị tên Amittabha độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2776. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt) .. tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bhojanadāyaka1 2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Bhojanadāyaka" là phần thứ nhì. 1 Ãrakkhadãyaka nghĩa ỉa dâng cúng (dãyakcỉ) sự bảo vệ (ārakkho)? 2 Bhojanadāyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) vật thực (bhojanà)y

313. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GATASAÑÑAKA (Gatasaññakattherāpadānam) 2777. Tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng Siddhartha đang di chuyển ở khoảng không của cõi trời. Và không có dấu chân [được lưu lại] ở bầu trời, ở trên không trung, ở lớp khí quyên. 2778. Sau khi nhìn thấy sự di chuyển của bậc Hiền Trí và nhìn thấy y của đấng Chánh Đẳng Giác bi lay động bởi làn gió, niềm hạnh phúc đã lập tức sanh khởi đến tôi. 2779. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật. 2780. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Gatasaññaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Gatasaññaka" là phần thứ ba.

314. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SATTAPADUMIYA ỤSattapadumiyattherãpadãnam) 2781. Tôi là vị Bà-la-môn tên Nesâda sống ở bờ sông. Tôi đã quét dọn khu ẩn cư bằng những bông hoa [sen] có trăm cánh. 2782. Sau khi nhìn thấy bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha có màu da vàng chói, đang di chuyển qua khu rừng, niềm vui đã sanh khởi đến tôi. 2783. Sau khi đi ra tiếp đón bậc Toàn Giác, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian, bậc Nhân Ngưu, tôi đã rước [Ngài] về khu ẩn cư và đã rải rắc [đến Ngài] với những đóa hoa sen hạng nhất. 2784. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 2785. Trước đây bảy mươi ba kiếp, bốn vị [cùng tên] Pādapāvara đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2786. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sattapadumiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Sattapadumiya” là phần thứ tư.

3 Gatasaññaka nghĩa là "vi suy tưởng (saññakci) về đức Phật đã đi qua (gata)y 4 Sattapadumỉya nghĩa là uvị liên quan đến bảy (satta) đóa sen hồng (padumà)y

315. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PUPPHẢSANADÃYAKA (Pupphāsanadāyakattherāpadānam) 2787. Đấng Toàn Giác Siddhattha, bậc Không Bị Đánh Bại, có màu da vàng chói tợ như mặt trời có trăm tia sáng, đang đi ở không xa. 2788. Tôi đã đi ra tiếp đón và đã đưa Ngài đi vào khu ẩn cư. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng chỗ ngồi bằng bông hoa. 2789. Khi ấy, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay len. Sau khi làm cho tâm được tinh tín ở đức Phật, tôi đã ước nguyện về nghiệp ấy rằng: 2790. "C6 phước thiện nào đã được tôi thực hiện ở đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại, do nhờ tất cả [các] thiện nghiệp ấy, mong rằng tôi được vô nhiễm ở trong giáo pháp.' 2791. Ke từ khi tôi đã dâng gùng chỗ ngồi bằng bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen khổ cảnh; điêu này là quả báo của chỗ ngồi bằng bông hoa. 2792. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pupphāsanadāyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* ẾỐKý sự về Trưởng lão Pupphāsanadāyaka" là

phần thứ năm.

316. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ẢSANATTHAVIKA (Āsanatthavikattherāpadānam) 2793. Ngôi bảo tháp của đấng Quyến Thuộc Thế Gian Sikhī ten là Uttama. Lúc bay giờ, tôi đã mò mẫm lang thang ở trong khu rừng hoang vắng. 2794. Sau khi lìa khỏi khu rừng bao la, tôi đã nhìn thấy n^ôi bảo tọa sư tử. Tôi đã khoác y một bên vai, đã chắp tay lên và đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 2795. Sau khi đã ngợi ca đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian hết một khoảng thời gian trong ngày, [tôi đã] trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ toi đã thót len lơi noi nay: 2796. “Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhan, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Đại Hùng, bạch bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, bạch đấng Nhân Ngưu, Ngài là đấng Toàn Tri." 2797. Bằng cách lấy Ngài làm đối tượng, tôi đã ngợi ca đức Phật Sikhī và đã đảnh lễ ngôi bảo tọa, sau đó tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc. 2798. [Ke từ khi] tôi đã ngợi ca đấng cao quý trong số các vị đang thuyết giảng trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi.

5 Pupphâsanadãyaka nghĩa là dâng cúng (dā))akā) chỗ ngồi (āsanā) bằng bông hoa (pupphà)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 247

2799. Trước đây hai mươi bảy kiếp, bảy vi [cùng] tên Atulya ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2800. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Âsanatthavika6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Ảsanatthavika" là phần thứ sáu.

317. KỶ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA (Saddasañ̃akattherāpadānam) 2801. Trong khi thuyết giảng về vị thế bất tử, đấng Đại Hùng có vóc dáng tốt đẹp, được tháp tùng bởi các bậc Thinh văn, cư ngụ ở căn nhà tối thượng. 2802. Bằng lời nói ngọt ngào ấy, Ngài [đã] thu hút đám đông dân chúng. Lời giảng đã vang vang và bao quát ở chư thiên và nhân loại. 2803. Sau khi lắng nghe âm thanh vạng vang của bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhartha, tôi đã làm cho tâm được tinh tín ở âm thanh và tôi đã đảnh lễ đang Lãnh Đạo Thế Gian. 2804. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đúc Phật. 2805. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saddasañ̃aka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Saddasañ̃aka" là phần thứ bảy.

318. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TIRAMSIYA (Tiramsiyattherāpadānam) 2806. [Tôi đã nhìn thấy đức Phật] Siddhattha đang chiếu sáng tất cả các phương ở trong vùng đồi núi, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý, tợ như ìdiối lưa ở ngọn núi. 2807. Sau khi nhìn thấy ánh sáng của đức Phật, ánh sáng của mặt trời, và tương tợ như thế ấy là ánh sáng của mặt trăng, niềm hạnh phúc đã sanh khởi đến tôi. “ 2808. Sau khi nhìn thấy ba loại ánh sáng, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai và đã ngợi ca đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc Tối Thượng của các vi Thinh van. ọe \ 9 *1ĩ Ấ \ r r r Ả • 4 Â • 1 9 e 2809. Bởi

vì ở thê gian có ba nguồn ánh sáng xua đuôi bóng tôi ở trên đời là mặt trăng, mặt trời, và đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

6 Ẫsanatthavika nghĩa là ngợi ca (thavika) ngôi bảo tọa (ãsana)y 7 Saddasañña ka nghĩa là suy tưởng (sañña ka) về âm thanh (saddo)'

2810. Tôi đã trình bày ví dụ so sánh và đã tán dương bậc Đại Hiền Trí. Sau khi tán dương vẻ đẹp của đức Phật, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. 2811. Ke từ khi tôi đã tán dương đức Phật trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương. 2812. Trước đây sáu mươi mốt kiếp, tôi đã là VỊ độc nhất tên Ñānadhara, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2813. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tiraipsiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Tiramsiya^ ỉa phần thứ tám.

319. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KANDALIPUPPHIYA (Kandalipupphiyattherāpadānam) 2814. Lúc bấy giờ, toi đã là người nông dân ở bờ sông Sindhu. Tôi bị vướng bận trong việc quán xuyến công việc của người khác và [sống] lệ thuộc vào vật thực của người khác. 2815. Trong lúc đi dọc theo sông Sindhu, tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng Siddhattha đang ngồi thiền định, tợ như đóa hoa sen đã nở rộ. 2816. Khi ấy, tôi đã ngắt bảy bông hoa kandali ở cuống hoa. Tôi đã dâng lên ở đỉnh đầu của đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời. 2817. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, được đinh tĩnh trong [đề mục] thích hợp, tợ như loài voi mātañga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi khó mà tiếp cận. 2818. Sau khi đi đến gần vi [có tính] cẩn trọng, có [các] giác quan đã được tu tập ấy, tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ bậc Đạo Sư. 2819. [Ke từ khi] tôi đã cung đường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2820. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)..tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Kandalipupphiya" là phần thứ chín.

320. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KUMUDAMÃLIYA (Kumudamāliyattherāpadānam) 282L [Tôi đã nhìn thấy] đấng Đại Hùng Vipassī, vị Anh Hùng ưu tú cao quý, bậc Đại Ẩn Sĩ có sự chinh phục, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý. 2822. Khi bậc Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang bước đi ở đường lộ, tôi đã câm lây tràng hoa kumuda và đã rải răc đên đức Phật tôi thượng.

8 Tirarnsiya nghĩa là 4tvị liên quan đến ba (tĩ) nguồn ánh sáng (ramsỉ)y

2823. [Ke từ khi] tôi đã cúng dườnệ bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2824. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kumudamâliya9 đã nói lên những lời kệ

này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Kumudamãliya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị dâng cúng sự bảo vệ, vi dâng cúng vật thực, vi có sự suy tưởng về đức Phật đã đi qua, vị liên quan đến đóa hoa sen, vị có chỗ ngồi bằng bông hoa, vi ca ngợi, vi có sự suy tưởng về âm thanh, ba loại hào quang, vị có hoa kandali, vị có hoa kumuda, [tổng cộng] có năm mươi bảy câu kệ. Phẩm Ãrakkhadãyaka là phẩm thứ ba mươi hai.

9 Kumudamâliya nghĩa là uvị liên quan đến tràng hoa (mãlã) kumuda."

xxxm. PHẨM UMMẢPUPPHIYA (UMMẴPUPPHIY4 GGƠ)

321. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UMMÃPUPPHIYA (Ummãpupphiyattherãpadãnam) 2825. Tôi đã nhìn thấy đấng Tối Thượng Nhân, bậc Không Bi Đánh Bại Siddhattha đã được định tĩnh, đã được đạt đến và đã nhập vào thiền định. 2826. Tôi đã cầm lấy bông hoa ummã và đã dâng lên đức Phật. Tất cả các bông hoa có đầu quay về một hướng, có cuống hoa ở phía trên, có miệng hoa ở phìa dưới. 2827. Trong khi ngự ở trên không trung, chúng có nhiều màu sắc tợ như chiếc thảm bông hoa. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất. 2828. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2829. Trước đây năm mươi lăm kiếp, tôi đã vị lãnh chúa độc nhất tên Samantacchadana, là đang Chuyên Luân Vương có oai lực lớn lao. 2830. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ummãpupphiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Ummâpupphiya^ là phần thứ nhất

322. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PULINAPŪJAKA (Pulinapũịakattherãpadãnam) 2831. [Tôi đã nhìn thấy] đấng Nhân Ngưu đang chiếu sáng, trông tợ như cây kakudhã đang chói sáng, giống như con bò mộng thuần chủng, tợ như vì sao osadhĩ đang tỏa rạng. 2832. Tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ đấng Đạo Sư. Được hoan hỷ với việc làm của bản thân, tôi đã ngợi ca đấng Đạo Sư. 2833. Sau khi nhặt lấy cát vô cùng trong sạch và túm lại bằng vạt váy, tôi đã rải rắc ở con đường đã đi qua của bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassĩ.

1 Ummãpupphiya nghĩa là 4tvị liên quan đến bông hoa (pupphà) ummã.,,

2834. Sau đó, với tâm ý trong sạch tôi đã rải xuống một nửa số cát ở chỗ nghỉ ngơi ban ngày của bậc Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 2835. [Ke từ khi] toi đã rải xuống số cát trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cát. 2836. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pulinapũjaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ký sự về Trưởng lão Pulinapũjaka" là phần thứ nhì.

323. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO HÃSAJANAKA (Hãsajanakattherãpadãnam) 2837. Sau khi nhìn thấy tấm y may từ vải bị (juang bỏ của bậc Đạo Sư được treo ở ngọn cây, tôi đã

chắp tay lên và đã nâng tam y lên cao hơn nữa. 2838. Sau khi nhìn lại từ đàng xa, nụ cười đã sanh khởi đến tôi. Sau khi chắp tay lên, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín hơn nữa. 2839. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật. 2840. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Hāsajanaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 46Ký sự về Trưởng lão Hāsajanaka" là phần thứ ba.

324. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO YAÑÑASĀMIKA (Yaññasāmikattherāpadānam) 2841. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, toi đã là người thông thạo về chú thuật. Tôi đã duy trì truyền thống gia tộc, sự tế lễ đã được tôi khuyến khích. 2842. Khi ấy, tám mươi bốn ngàn con thú bị giết chết bởi tôi. Chúng đã bị đưa lại ở cột trụ bằng lõi cây và được sẵn sàng cho mục đích tế lễ. 2843. [Đức Phật] trông tợ thỏi vàng đặt ở cửa miệng lò nung, như là than gỗ khadira cháy rực, tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như mặt trăng vào ngày rằm. 2844. Đấng Toàn Giác Siddhattha, vi Đã Hoàn llianh Tất Cả Phận Sự, bậc Đem Lại Phúc Lợi Được Tôn Kính Bởi Tam Giới đã đi đến gần và đã n6i] nói này: 2845. "Này người trai trẻ, việc không hãm hại sanh mạng của mọi loài; sự xa lánh việc trộm cắp, việc gian dâm và việc uống chất say khiến Ta được hoan hỷ.

2 Pulinapūjaka nghĩa là cúng dường (pūjaka) cát (pulina)y 3 Hãsạianaka nghĩa là "vi làm sanh khởi (Janaka) nụ cười (hãsă)y

2846. Và sự thích thú trong sở hành bình lặng, sự hiểu rộng, lòng biết ơn, các pháp này nên được ca ngợi ở thế giới này và thế giới khác. 2847. Sau khi làm phát triển những pháp này, được vui thích về sự lợi ích đối với tất cả chúng sanh, sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở đức Phật, hãy tu tập đạo lộ tối thượng." 2848. Sau khi đã nói lời này, sau khi đã chỉ dạy tôi như thế, đấng Toàn Tri, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã bay lên không trung và ra đi. 2849. Tôi đã làm cho tâm được trong sạch trước, và sau đó đã làm cho tâm được tịnh tín. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất. 2850. [Ke từ khi] toi đã làm cho tâm được tịnh tín trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đưc Phật. 2851. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Yafiñasāmika4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trường lão Yaññasāmika" là phần thứ tư.

325. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NIMITTASAÑÑAKA (Nimittasaññakattherāpadānam) 2852. Tôi sống ở khu ẩn cư tại bờ sông Candabhãgã. Tôi đã nhìn thấy con nai màu vàng chói đang bước đi ở trong khu rừng. 2853. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở con nai, tôi đã tưởng nhớ đến đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã tưởng nhớ đến các vị Phạt khác. “ 2854. Chư Phật nào thuộc thời quá khứ xa xăm, hiện tại và vi lai, ba [thời] chư Phật ấy chói sáng như thế ấy tợ như con nai chúa. 2855. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn

biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật. 2856. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Arafiñasatta, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2857. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nimittasañña5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 46Ký sự về Trường lão Nimittasañña" là phần thứ năm.

4 Yañña sāmika nghĩa là làm chủ (sâmikă) lễ cúng tế (yañña)'9 5 Nimittasañña nghĩa là suy tưởng (sañña) về hiện tướng (nimitta).9'

326. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ANNASAMSÃVAKA (Annasamsāvakattherāpadanam) 2858. Bậc Toàn Giác [Siddhartha], có màu da vàng chói tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng, đang đi ở khu phố chợ. 2859. Tôi đã rước bậc Toàn Giác Siddhartha, vị đã hoàn thành tất cả phận sự, bậc không còn dục vọng, vị không bị đánh bại, và tôi đã chăm lo bữa ăn đến bạc Đại Hiền Trí ấy. 2860. Khi ấy, bậc Hiền Trí, đấng Bi Man ở Thế Gian đã chiếu sáng đến toi. Sau khi làm cho tâm được tinh tín ở đức Phật, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. 2861. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng vật thực. 2862. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Annasamsāvaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Aimasaipsavaka” là phần thứ sáu.

327. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NIGGUNDIPUPPHIYA (Niggundipupphiyattherāpadānam) 2863. Khi vi thiên nhân mệnh chung từ tập thể chư thiên do sự chấm dứt của tuổi thọ, chư thiên đang tùy hỷ thường thốt lên ba lời nói rằng: 2864. "Này bạn, từ nơi đây bạn hãy đi đến nhàn cảnh có sự cộng trú với loài người. Có bản thể nhân loại, bạn hãy đạt được niềm tin tối thượng vào Chánh pháp. 2865. Mong rằng niềm tin ấy của bạn được tạo lập, được sanh khởi cội rễ, được vững vàng trong Chánh pháp đã khéo được công bố và không bi dao động chõ đến hit CUOC đời?9 2866. ẾÍBạn hãy làm việc thiện bằng thân, nhiều việc thiện bằng khẩu. Bạn hãy làm việc thiện bằng ý, [là việc] không có khổ đau, không có mầm tái sanh. 2867. Sau đó, hãy làm nhiều việc phước còn có mầm tái sanh ấy bằng sự bố thí. Bạn cũng nên hướng dẫn những người bạn khác vào Chánh pháp, vào Phạm hạnh.” 2868. Do lòng thương tưởng này, chư thiên khi đã biết vị thiên nhân đang mệnh chung, thường nói lời tùy hỷ rằng: "Hãy trở lại thành phố chư thiên lần nữa.,, 2869. Khi ấy, lúc hội chúng chư thiên đã hội tụ lại, đã có sự dao động ở tôi rằng: "Bi mệnh chung từ nơi này, ta sẽ đi đến sanh chủng nào?” 2870. Sau khi biết được sự dao động của tôi, vi Sa-môn có các giác quan đã được tu tập ấy, với ý muốn tiếp độ tôi, đã đi đến gập tôi.

6 Annasarnsāvaka nghĩa là "vi ngợi ca (samsāvaka) về việc dâng cúng vật thực (anna)y

2871. Vị Thinh văn của [đức Phật] Padumuttara tên là Sumanā. Khi ấy, vị ấy đã chỉ dạy ý nghĩa và giáo pháp, và đã làm cho tôi chấn động. (Dứt tụng phẩm thứ mười hai).

2872. Sau khi lắng nghe lời nói của vị ấy, tôi đã làm cho tâm được tinh tín ở đức Phật. Sau khi đảnh lễ bậc Trí tuệ ấy, tôi đã qua đời ở tại nơi ấy. 2873. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã được sanh ra ở chính tại nơi ấy. Trong khi sống ở trong bụng mẹ, tôi đã được người mẹ cưu mang lần nữa. 2874. Sau khi mệnh chung từ thân ấy, tôi đã được sanh về thế giới chư thiên. Khi ấy, tôi không nhận thấy tâm ưu phiền trong khoảng thời gian ấy. 2875. Sau khi mệnh chung từ cõi trời Bạo-lqi, tôi đã hạ sanh vào bụng mẹ. Sau khi ra khỏi bụng mẹ, tôi đã biết được [nghiệp] đen lẫn trắng. 2876. Chỉ mới bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã đi vào tu viện của đức Thế Tôn Gotama, người con trai của dòng Sakyā như thế ấy. 2877. Khi Phật ngôn đã được lan rộng, khi giáo pháp đã được nhiều người hiểu biết, tôi đã nhìn thấy ở tại nơi ấy những vị thực hành giáo pháp, những vi Tỳ-khiru của bậc Đạo Sư. 2878. Có thành phố tên là Sāvatthi, đức vua xứ Kosala ngự ở tại nơi ấy. Đức vua đã đi đến cội Bo-đề tối thượng bằng chiếc xe được kéo bằng voi. 2879. Sau khi nhìn thấy con voi của đức vua, tôi đã tưởng nhớ lại nghiệp quá khứ. Tôi đã chắp tay lên và đã đi đến cuộc hội họp. 2880. Chỉ mới bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Vị Thinh văn tên Ānanda đã hầu cận đức Phật. 2881. [Là người] có hành vi hoàn hảo, lại có nghị lực, có niệm và nghe nhiều, trong khi làm tâm của đức vua được tịnh tín, vị có sự chói sáng rực rỡ đã truyền đạt lại [giáo pháp]. 2882. Sau khi lắng nghe giáo pháp của vị ấy, tôi đã tưởng nhớ lại nghiệp quá khứ. Trong khi là người đứng ở ngay tại chô ây, tôi đã thành tựu phàm vị A-la-hán. 2883. Sau khi khoác y một bên vai, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Sau khi đảnh lễ đấng Toàn Giác, tôi đã thốt lên lời kệ này: 2884. Tôi đã nâng lên bông hoa nig^undī rồi đã đặt xuống ở bảo tọa sư tử của đức Phật Padumuttara, đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Đạo Sư. 2885. "Bạch đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, nhờ vào nghiệp ấy con đã từ bỏ sự hơn thua và đã đạt được vị the bất động?5 2886. Trong hai mươi lăm ngàn kiếp, các bậc thống lãnh loài người [ở mỗi kiếp] đã là từng nhóm tám vị Sát-đế-lỵ có tuổi thọ dài, rất dài.7

7 Abbuda là số l thêm vào 56 số không, nỉrabbuda là số l thêm vào 63 số không. (ND)

THÁNH NHÂN KÝ sự 255

2887. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Niggundipupphiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 64Ký sự về Trường lão Niggundipupphiya w là phần thứ bảy.

328. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANĀVELIYA (Sumanāveliyattherāpadānam) 2888. Sau khi cùng nhau đi đến, tất cả dân chúng tiến hành việc cúng dường trọng thể đến đức Thế Tôn Vessabhū, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. 2889. Khi ấy, tôi đã thực hiện một khối vôi bột cùng với vòng hoa đội đầu bằng bông hoa nhài, và tôi đã dâng lên ở phía trước bảo tọa sư tử. 2890. Tất cả dân chúng sau khi cùng nhau đi đến nhìn thấy bông hoa tối thượng [nói rằng]: "Người nào đã cúng dường bông hoa này đến

đức Phật tối thượng như thế ấy?" 2891. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi Hóa Lạc thiên. Tôi thọ hưởng nghiệp của mình, đã khéo được thực hiện bởi bản thân trong thời quá khứ. 2892. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi đều là đối tượng yêu quý của tất cả; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa. 2893. Tôi không biết đến sự phỉ báng [nào] đã được thực hiện bởi tôi bằng thân, bằng lời nói, hay bằng ý đối với các vị đạo sĩ khổ hạnh, những vị đã chế ngự bản thân. 2894. Do việc ấy đã được thực hành tốt đẹp và do các nguyện lực của tâm, tôi là đối tượng được cúng dường của tất cả; điều này là quả báo của việc không phỉ báng. 2895. [Ke tư khi] toi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2896. Trước đây mười một kiếp, vị Sát-đế-lỵ tên Sahassâra đã là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2897. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sumanâveliya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Sumanãveliya^ là phần thứ tám.

8 Niggundipupphiya nghĩa là 4tvị liên quan đến bông hoa (puppha) niggundi.^, 9 Sumanãveliya nghĩa là uvị liên quan đến vòng hoa đội đầu (ãvelĩ) bằng hoa nhài (sumanàyy

329. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHACHATTIYA (Pupphachattiyattherāpadānam) 2898. [Trong lúc] đức Thế Tôn Siddhartha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy đang công bố về sự thật, đang giúp cho các sanh linh thành tựu Niết-bàn. 2899. [Khi ấy] tôi đã mang lại bông hoa sen mọc ở trong nước, làm thích ý. Sau khi thực hiện chiếc lọng che bằng bông hoa, tôi đã dâng lên đức Phật. 2900. Bậc Hiểu Biết Thế Gian Siddhartha, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đấng Đạo sir, đứng ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên lời kệ này: 2901. "Người nào sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở Ta đã nắm giữ chiếc lọng che bằng bông hoa, do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, người ấy không đi đến chốn khổ đau?9 2902. Nói xong lời này, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha đã giải tán hội chúng rồi đã bay lên khoảng không ở bầu ười. 2903. Khi vị Trời của nhân loại đứng dậy9 chiếc lọng che màu trắng cũng đã vươn lên. Chiếc lọng che tối thượng di chuyển ở phía trước đức Phật toi thượng. 2904. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên chiếc lọng che trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc lọng bằng bông hoa. 2905. Vào kiếp thứ bảy mươi bốn, tám vị [cùng] tên Jalasikha đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2906. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pupphachattiya10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Pupphachattiya" là phần thứ chín.

330. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAPARIVÃRACHATTADÃYAKA ịSaparívãrachattadâyakattherũpadãnam) 2907. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, làm mưa cơn mưa giáo pháp, tợ như nước mưa tuôn ở

bầu trời. 2908. Tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác ấy đang thuyết giảng về vị thế bất tử. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đi vê nhà của mình. 2909. Tôi đã cầm lấy chiếc lọng che đã được tô điểm và đã đi đến gặp bậc Tối Thượng Nhân. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã ném [chiếc lọng] lên không trung. 2910. Tợ như chiếc xe kéo đã được khéo điều khiển, tợ như vị đứng đầu các bậc Thinh văn đã được huân luyện, [chiêc lọng che] đã tiên đên gân đang Toàn Giác và đã đứng yên ở trên đỉnh đau.

10 Pupphachattỉya nghĩa lầ 44vị liên quan đến chiếc lọng che (chattă) bằng bông hoa."

THÁNH NHÂN KÝ sự 257

2911. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này: 2912. "Chiếc lọng che đã được tô điểm làm thích ý này đã được dâng cúng bởi người nào, do sự tịnh tín ấy ở trong tâm người ấy không đi đến khổ cảnh. 2913. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc ở giữa chư thiên bảy lần, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi hai lần. 2914. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama xuất thân gia tộc Okkấka sẽ xuat hiện ơ thế gian. 2915. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người ấy] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoạc.55 2916. Hiểu được lời nói hùng tráng đã được thốt len là ngôn từ của đức Phật, với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã khởi lên niềm vui dào dạt. 2917. Sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã ngự đến sanh chủng thiên nhân. Có tòa lâu đài tối thượng làm thích ý đã được sanh lên cho tôi. 2918. Trong khi [tôi] rời khỏi cung điện, có chiếc lọng che màu trắng đã được cầm giữ [che cho tôi]. Khi ấy, tôi đã đạt được sự tưởng nhớ lại; điều này là quả báo của nghiệp quá khứ. 2919. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, tôi đã đi đến bản thể nhân loại. Trước đây bảy trăm kiếp, tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi sáu lần. 2920. Sau khi chết đi lìa bỏ thân ấy, tôi đã đi đến thành phố chư thiên. Sau khi tuần tự luân hồi, tôi đã quay trở lại cuộc sống nhân loại. 2921. Trong khi tôi hạ sanh vào bụng mẹ, có những người đã nắm giữ chiếc lọng màu trăng [che cho tôi]. Được bảy tuôi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 2922. Vị Bà-la-môn tên Sunanda là thông thạo về chú thuật. Vi ấy đã cầm lấy chiếc lọng che bằng pha lê và đã dâng cúng đến vị tối thượng Thinh văn. 2923. Bậc Đại Anh hùng, nhà thuyết giảng vĩ đại Sāriputta đã nói lời tùy hỷ. Sau khi lắng nghe lời tùy hỷ của vị ấy, tôi đã tưởng nhớ lại nghiệp quá khứ. 2924. Tôi đã chắp tay lên và đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Sau khi nhớ lại nghiệp quá khứ, tôi đã thành tựu phẩm vi A-la-hán. 2925. Sau khi tư chỗ ngồi đứng dậy, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác và đã thốt lên lời nói này: 2926. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đức Phật, bậc Vô Thượng ở Thế Gian, đấng Hiểu Biết Thế Gian Pađumuttara là vị thọ nhận các vật hiến cúng. 2927. Tôi đã dâng cúng chiếc lọng che đã được tô điểm có nhiều màu sắc đến Ngài. Đấng Tự Chủ, Nhân Vật Cao Cả đã nhận lấy bằng hai tay.

258 KINH TIỂU BÔ

2928. Ôi, đức Phật! ôi, giáo pháp! ôi, sự thành tựu của bậc Đạo Sư của chúng ta! Do sự dâng cúng một chiếc lọng che, tôi đã không đi đến chốn khổ đau. 2929. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 2930. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saparivārachattadāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Saparivārachattadāyaka95 là phần thứ mười.

Phần tóm lược Bông hoa ummã, [vị cúng dường] cát, nụ cười, vật tế lễ, vật báo hiệu, vị ngợi ca [về sự cúng dường vật thực], vị có bông hoa niggundī, bông hoa nhài, vị có chiếc lọng che bằng bông hoa, vị có chiếc lọng che và các vật phụ thuộc, [tông cộng] có hơn một trăm lẻ bảy câu kệ. Phẩm Ummâpupphiya là phẩm thứ ba mươi ba.

XXXIV PHẨM GANDHADHŨPIYA (GANDHADHŪPHAVAGGO)

331. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHADHŪPIYA (Gandhadhūpiyattherāpadānam) 2931. Tôi đã dâng cúng nhang thơm đến đức Thế Tôn Siddhattha. Nhang thơm ấy được bao phủ bằng [mùi hương của] các bông hoa nhài và được phù hợp VỚI đức Phật. 2932. Đấng Toàn Giác, bậc Lãnh Đạo Thế Gian tợ như cây cột trụ bằng vàng, tợ như bông hoa súng được chói sáng, tợ như ngọn lửa tế thần được cháy rực. 2933. Tợ như con hổ hùng tráng cao quý, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý, Nệài đã ngồi xuống ở phía trước hội chúng gồm các vị Tỳ-khiru cao quý trong sô các bậc Sa-môn. 2934. Sau khi nhìn thấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín và đã chắp tay lên. Sau khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Su, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc. 2935. Ke từ khi tôi đã cúng dường hương thơm cho đến chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường hương thơm. 2936. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Gandhadhũpiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĚÍKý sự về Trưởng lão Gandhadhũpiya" là phần thứ nhất.

332. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKAPŪJAKA (Udakapūjakattherāpadānam) 2937. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, chói sáng như là ngọn lửa từ bơ lỏng, cháy rực như là ngọn lửa tế thần, đang di chuyển bằng đường không trung.1 2938. Tôi đã dùng bàn tay múc nước và đã hắt lên không trung. Đấng Đại Hùng, đức Phật, đấng Bi Man, bậc Ẩn Sĩ đã tiếp nhận. 2939. Đứng ở trên không trung, bậc Đạo Sư tên Padumuttara sau khi biết được ý định của tôi đã nói lên lời kệ này:* Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Udakapūjaka, số 106, trang 130.

2940. “Do sự dâng cúng nước này và do sự sanh khởi niềm phỉ lạc, ngươi không bị sanh vào khô cảnh trong một trăm ngàn kiếp." 2941. Bạch đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, nhờ vào việc làm ấy, sau khi từ bỏ sự hơn thua, con đã đạt được vi the bất động. 2942. Và [trước đây] sáu nệàn năm trăm kiêp9 ba đang Chuyên Luân Vương tên Sahassarāja đã là các vị thông lãnh dân chúng

[chinh phục] bôn phương. 2943. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Udakapūjaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Udakapūjaka" là phần thứ nhì.

333. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PUNNÃGAPUPPHIYA (Punnāgapupphiyattherāpadānam) 2944. Sau khi đã đi sâu vào khu rừng rậm, tôi sinh sống, là người thợ săn. Sau khi nhìn thấy cây punnâga đã được trổ hoa, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng.3 2945. Tôi đã thu nhặt bông hoa xinh đẹp tỏa hương thơm ngào ngạt ấy. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp ở trên cát, tôi đã dâng [bông hoa] lên đức Phật. 2946. [Kê từ khi] tôi đã Cling dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 2947. [Trước đây] chín mươi mốt kiếp, tôi đã là vị Tamonuda độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2948. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Punnâgapupphiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy 6íKý sự về Trưởng lão Punnâgapupphiya" là phần thứ ba.

334. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKADUSSADÃYAKA (Ekadussadŭyakattherãpadãnam) 2949. Tôi đã là nệười gánh cỏ ở thành phố Hamsavatī. Tôi sinh sống bằng việc gánh cỏ. Nhờ thê, tôi nuôi dưỡng các đứa trẻ. 2950. Đấng Chiến Thắng ten Padumuttara là bậc thong suốt về tất cả các pháp. Sau khi xua đi điều tăm tối ấy, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã hiện khởi.

2 Udakapūjaka nghĩa là uvị cúng dường (pụịakà) nước (ụdakà)y 3 Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Punnãgapupphiya, số 159, trang 165. 4 Punnãgapupphỉya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa (puppha) punnãga.?,

THÁNH NHÂN KÝ sự 261

2951. Sau khi ngồi xuống ở căn nhà của mình, vào lúc ấy tôi đã suy nghĩ như vầy: "Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian, và vật xứng đáng để dâng cúng thì ta không có. 2952. Đay là tấm vải choàng duy nhất của ta. Ta không có người thí chủ nào. Việc tiếp xúc với địa ngục là khổ sở. Ta sẽ ươm trồng vật cúng đường." 2953. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Tôi đã cầm lấy tấm vải độc nhất và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. 2954. Sau khi dâng cúng tấm vải độc nhất, tôi đã nói lớn tiếng rằng: "Bạch đấng Anh Hùng, bậc Đại Hiền Trí, nếu Ngài là vị Phật, xin Ngài hãy giúp con vượt qua." 2955. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, trong khi tán dương vật dâng cúng của tôi, đã nói lời tùy hỷ với tôi rằng: 2956. "Do tấm vải độc nhất này và do các nguyện lực của tác ý, [người này] không đi đến đọa xứ trong một trăm ngàn kiếp. 2957. [Người này] sẽ là vị Chúa của chư thiên, cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần và sẽ là đấng Chuyển Luân Vương ba mươi ba lần. 2958. Lãnh thô vương quôc là bao la, không thê đo lường băng phương diện tính đếm. Trong khi luân hồi, ngươi sẽ hiện hữu ở thế giới chư thiên hoặc loài người. 2959. Có sắc đẹp, hội đủ đức hạnh, có thân hình không bị kém sút, ngươi sẽ đạt được vải vóc không bị

suy suyển, không thể ước lượng, theo như ước mu8n." 2960. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác tên Padumuttara, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời. 2961. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của một tam vải. 2962. Vải vóc hiện ra cho tôi theo mỗi lần giở lên của bước chân. Tôi đứng trên tấm vải ở bên dưới, có tấm che ở phía trên cho tôi. 2963. Và trong ngày hôm nay, nếu muốn tôi có thể che phủ bằng các loại vải vóc đối với bầu vũ trụ, luôn cả rừng rậm cùng với núi non. 2964. Nhờ vào chỉ một tấm vải ấy, trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi có được màu da vàng chói, rồi tôi luân hồi ở cõi này cõi khác. 2965. Quả thành tựu của một tấm vải đã không đi đến sự hư hoại ở bất cứ nơi đâu. Đây là lần sanh sau cùng của tôi, [quả thành tựu ấy] được chín muồi cho tôi ở ngay cả nơi đây. 2966. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng tấm vải trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một tấm vải. 2967. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

262 KINH TIÊU BÔ

2968. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekadussadãyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ekadussadãyaka" là phần thứ tư.

335. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PHUSITAKAMPIYA ị^husitakampiyattherãpadãnam) 2969. Lúc bấy giờ, đấng Toàn Giác tên Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, được tùy tùng bởi các bậc Lậu tận, đã cư ngụ tại tu viện của hội chúng. 2970. Rồi đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī cùng với tám trăm ngàn bậc Lậu tận đã đi ra từ cánh cổng tu viện. 2971. Là vị quân y phục băng da dê và cũng là vị mặc y phục băng vỏ cây, tôi đã cầm lấy nước bông hoa kusumbha rồi đã đi đến gần bậc Toàn Giác. 2972. Sau khi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín, tràn đầy niềm phấn khởi, tay chắp lên, tôi đã cầm lấy nước bông hoa kusumbha và đã rưới lên đức Phạt. 2973. Do việc làm ấy, bậc Toàn Giác tên Padumuttara đã tán dương việc làm của tôi, rồi đã ra đi theo như ý định. 2974. Ke từ khi tôi đã cúng duỳng năm ngàn giọt [nước], tôi đã [trở thành vị Thiên vương] cai quản thiên quốc đúng hai ngàn năm trăm kiếp. 2975. Tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương đúng hai ngàn năm trăm kiếp. Với nghiệp còn dư sót, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 2976. Vào lúc tôi là vị Thiên vương, vào lúc tôi là vi thống lãnh nhân loại, tôi có tên là Phusita, chính tên gọi ấy la thuộc về tôi. 2977. Trong khi là vị thiên nhân cũng như khi là loài người, mưa đổ xuống như nhỏ giọt ở xung quanh tôi một sải tay. 2978. Các lần tái sanh của tôi đã được tiêu diệt, các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận; điều này là quả báo của giọt nước. 2979. Mùi thơm tỏa ra từ thân thê của tôi giông như mùi của trâm hương. Mùi thơm của tôi từ cơ thể tỏa ra [khoảng cách] một nửa kosa.6 2980. Là người có được nghiệp phước thiện đang tỏa ra hương thơm của cõi trời, mọi người sau khi ngửi được mùi hương biết được là Phusita đã đi đến đây. 2981. Các cành cây, các lá cây, các nhánh cây và luôn cả toàn bộ các loại cỏ, thuận theo ý định của tôi, có hương thơm được sanh lên trong giây

lát.

5 Ekadussadâyaka nghĩa là 4tvị dâng cúng (dāyako) một (ekā) tấm vải (dussà)y 6 Kosa là khoảng cách bàng 500 lần chiều dài của cây cung.

THÁNH NHÂN KÝ sự 263

2982. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường trầm hương trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của giọt nước. 2983. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Phusitakampiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Phusitakampiya59 là phần thứ nắm.

336. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PABHAÑKARA (Pabhañkarattherāpadānam) 2984. Ngôi bảo tháp của đức Thế Tôn Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy đã ngự ở trong khu rừng đông đúc thú dữ. 2985. Không người nào đã dám đi đến để đảnh lễ ngôi bảo tháp. Bị bao phủ bởi cỏ, cây cối và dây leo, ngôi bảo tháp đã bị sụp đổ. 2986. Khi ấy, tôi đã là người thợ rừng theo nghề của cha và ông nội. Tôi đã nhìn thấy ngôi bảo tháp đổ nát, bị chằng chịt bởi cỏ và dây leo ở trong khu rừng. 2987. Sau khi nhìn thấy ngôi bảo tháp của đức Phật, tôi đã thiết lập tâm cung kính rằng: uĐây là ngôi bảo tháp của đức Phật tối thượng, nó đã bi sụp đổ và còn tồn tại ở trong khu rừng. 2988. Thật không đúng đắn, không hợp lẽ đối với người biết được điều phải quây! Ta hãy dọn sạch ngôi bảo tháp của đức Phật roi hãy chăm lo công việc khác.” 2989. Sau khi dọn sạch cỏ, cây cối và dây leo ở ngôi bảo tháp, tôi đã đảnh lễ tám lượt roi đã cúi mình ra đi. 2990. Do việc làm ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 2991. Tại nơi ây, có cung điện băng vàng vô cùng rực rỡ đã được kiên tạo khéo léo dành cho tôi, có chiều cao là sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần. 2992. Tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lượt. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương hai mươi lăm lần. 2993. Trong khi luân hồi ở cõi nàỵ cõi khác, tôi đạt được của cải lớn lao, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc dọn sạch [ngôi bảo tháp]. 2994. Khi tôi đang di chuyển bằng kiệu khiêng, bằng lưng voi ở trong khu rừng, bất cứ hướng nào tôi đi đến, khu rừng đều có sự trợ giúp đến tôi. 2995. Được gắn liền với nghiệp J>hước thiện, gốc cây hoặc thậm chí gai nhọn mà tôi không nhìn thây băng mat, tự chính chúng được dời đi. 2996. Và bệnh cùi, nhọt, chàm, động kinh, ghẻ, lở, ngứa không xảy đến cho tôi; điều này là quả báo của việc dọn sạch [ngôi bảo tháp].

264 KINH TIÊU Bộ

A e e e

2997. Còn có điêu phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là tôi không biết đến khối u mọc lên ở cơ thể của tôi. 2998. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là tôi luân hồi ở hai cõi, ở bản thể thiên nhân và loài người. 2999. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là tôi có màu da vàng chói, có sự phát ra ánh sáng ở khắp mọi nơi. 3000. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là sự khó

chịu biến mất và sự khoan khoái hiện hữu. 3001. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là tâm tôi được trong sạch, có sự chăm chú, khéo được định tĩnh. 3002. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là sau khi ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 3003. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc làm sạch sẽ. 3004. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pabhañkara đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Pabhahkara” là phần thứ sáu.

337. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TINAKUTIDĀYAKA (Tinakutidāyakattherāpadānam) 3005. Tôi đã là người làm công cho người khác ở thành phố Bandhumatī. Tôi bị vướng bận trong việc quán xuyến công việc của người khác và [song] lệ thuộc vào vật thực của người khác. 3006. Sau khi đi đên nơi văng vẻ roi ngôi xuồng, vào lúc ây tôi đã suy nghĩ như vầy: “Dức Phật đã hiện khởi ở thế gian và hành động hướng thượng của ta là không có. 3007. Thời điểm để dọn sạch cảnh giới tái sanh, cơ hội đã được sắp xếp cho ta. Việc tiếp xúc với địa ngục là khổ sở cho những chúng sanh thật sự không có phước báu." 3008. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã đi đến gặp người chủ công việc. Sau khi yêu cầu về công việc trong một ngày, tôi đã đi vào khu rừng. 3009. Khi ấy, tôi đã mang lại cỏ, cây gỗ và dây leo. Sau khi dựng lên ba cây gậy, tôi đã thực hiện cái lều bằng cỏ. 3010. Sau khi cúng hiến cái lều nhỏ ấy vì sự lợi ích của hội chúng, tôi đã trở về nội trong ngày hôm ấy và đã đi đến gặp người chủ công việc. 3011. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. Do nhờ [quả báo của việc dâng cúng] cái lều nhỏ bằng cỏ, tại nơi ấy có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi đã được hóa hiện ra.

THÁNH NHÂN KÝ sự € 265

3012. [Cung điện áy] có một ngàn khu vực, có một trăm quả câu tròn được trang hoàng với những lá cờ, được làm với màu lục, có một trăm ngàn tháp nhọn đã hiện diện ở cung điện của tôi. 3013. Nơi chốn nào toi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có tòa lâu đài hiện diện kế bên đúng theo ý đinh của tôi. 3014. Sự sợ hãi, hoặc trạng thái u mê? hoặc lông rởn ốc là không được biết đến, tôi không biết đến sự run sợ của tôi; điều này là quả báo của cái lều nhỏ bằng cỏ. 3015. Các con sư tử, cọp, báo, gấu, chó sói, linh cẩu, tất cả đều tránh xa tôi; điều này là quả báo của cái lều nhỏ bang cỏ. 3016. Các loài bò sát và các hạng ma quỷ, các con rắn, các ác thần và các quỷ sứ, các hạng này cũng tránh xa tôi; điều này là quả báo của cái lều nhỏ bằng cỏ. 3017. Tôi khônệ nhớ tôi có sự nhìn thấy giấc mộn§ xấu xa [lần nào], niệm của tôi hiện hữu; điêu này là quả báo của cái lều nhỏ bang cỏ. 3018. Chỉ nhờ vào cái lều nhỏ bằng cỏ, tôi thọ hưởng sự thành đạt, tôi đã đắc chứng giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama. 3019. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái lều nhỏ bằng cỏ. 3020. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tinakutidāyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

uKý sự về Trưởng lão Tinakutidāyaka^ là phần thứ bảy.

338. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UTTAREYYADẢYAKA (Uttareyyadāyakattherāpadānam) 3021. Lúc bấy giờ, ở thành phố Harnsavatī tôi đã là vi Bà-la-môn, là vi giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà. 3022. Tôi là người có dòng dõi, khéo được học tập, được các người học trò của mình trọng vọng. Khi ấy, tôi đã đi ra khỏi thành phố nhằm mục đích rửa tội bằng nước. 3023. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara là bác thône suốt về tất cả các pháp. Được tháp tùng bởi một ngàn bậc Vô lậu, đấng Chiên Thắng đã đi vào thành phố. 3024. Tôi đã nhìn thay vị có dáng vóc vô cùng tao nhã như là đã được tạo nên bởi sự không còn dục vọng, được tháp tùng bởi các vi A-la-hán. Sau khi nhìn thấy, tôi đã làm cho tâm được tinh tín. 3025. Tôi đã chắp tay lên ở đầu và đã cúi chào bậc Có Sự Hành Trì Tốt Đẹp. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng tấm áo choàng.

7 Tinakutidāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) cái lều nhỏ (kutí) bằng cỏ (tină)y

3026. Sau khi nâng lên bằng cả hai tay, tôi đã thảy tấm vải choàng lên. Hội chúng của đức Phật đứng đến nơi đâu thì tấm vải choàng đã che đến nơi ấy. 3027. IGìi ấy, trong lúc làm tấm che cho hội chúnẹ Tỳ-khưu đông đảo, v.v... đang đi khất thực, [tấm vải choàng] đã đứng yên, khiên cho tôi được vui mừng. 3028. Trong khi tôi đang từ nhà bước ra, đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả, bậc Đạo Sư đứng ở tại đường lộ, đã nói lời tùy hỷ với tôi rằng: 3029. "Người nào với tâm tịnh tín, với ý vui mừng đã dâng cúng tấm vải choàng đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 3030. [Người áy] sẽ sướng vui ở thê giới chư thiên ba mươi ngàn kiêp, và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc năm mươi lần. 3031. Người có được nghiệp phước thiện, trong khi đang sống ở thế giới chư thiên, sẽ có được sự che phủ bằng tấm vải ở xung quanh một trăm do-tuần. 3032. Và [người áy] sẽ trở thành đàng Chuyên Luân Vương ba mươi sáu lần. Lãnh thô vương quốc là bao la, không thê đo lường bằng phương diện tính đếm. 3033. Người có được nghiệp phước thiện, trong khi luân hồi ở cõi hữu, sẽ tức thời đạt được mọi điều ước nguyện ở trong tâm. 3034. Người nam này sẽ đạt được các tấm vải làm bằng tơ lụa, bằng sợi len, bang chỉ lanh và bằng bông vải có giá trị cao. 3035. Người nam này sẽ đạt được mọi ước nguyện ở trong tâm và sẽ thọ hưởng quả thành tựu của [việc dâng cúng] một tam vải vào mọi thời điểm. 3036. Vê sau, được thúc đây bởi nhân tô trong sạch, người ây sẽ xuât gia và sẽ đắc chứng giáo pháp của đức Thế Tôn Gotamā.” 3037. Ôi9 việc làm của tôi đã được thực hiện tốt đẹp đến đấng Toàn Tri, bậc Đại Ân Sĩ. Sau khi dâng cúng một tấm vải choàng, tôi đã đạt được vị thế bất tử. 3038. Trong lúc tôi sông ở mái che, ở góc cây, hoặc ở ngôi nhà trông văng, có tấm che bang vải được duy trì ở xung quanh tôi một sải tay. 3039. Tôi sử dụng y và vật dụng không phải do gợi ý xin xỏ, tôi có sự thành đạt về cơm ăn nước uống; điều này là quả báo của tấm áo choàng. 3040. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiêp? tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng tấm vải. 3041. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Uttareyyadâyaka8 đã nói lên

những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Uttareyyadâyaka55 là phần thứ tám.

8 Uttareyyadâyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) tấm áo choàng (ụttareyya)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 267

339. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMASAVANIYA (Dhammasavaniyattherāpadānam) 3042. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp, trong khi công bố về bốn sự thật, đã giúp cho nhiều người vượt qua. 3043. Lúc bấy giờ, tôi là vị đạo sĩ tóc bện có sự khổ hạnh cao tột. Khi ấy tôi di chuyển ở hư không, [vừa đi] vừa phất phơ các y phục bằng vỏ cây. 3044. Tôi không thể di chuyển ở phía trên của đức Phật tối thượng. Lúc ấy, tợ như con chim bị va vào tảng đá, tôi đã không đạt được sự di chuyển. 3045. Sự hư hoại về oai nghi này chưa từng xảy ra cho tôi trước đây. Giống như người nổi trên mặt nước, tôi [thường] di chuyển ở không trung như vậy. 3046. "Chắc là có người có bản chất cao thượng đang ngồi ở phía bên dưới. Hừ! Ta sẽ tìm hiểu việc này. ít ra ta cũng có thể biết được nguyên nhân.,, 3047. Trong khi từ không trung đáp xuống, tôi đã nghe tiếng nói của bậc Đạo Sư đang thuyết giảng về tính chất vô thường, khi ấy tôi đã học tập điều ấy. 3048. Sau khi đã học tập sự suy tưởng về vô thường, tôi đã đi về khu ẩn cư của tôi. Sau khi sống đến hét tuổi thọ, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy. 3049. Khi đang ở vào thời điểm cuối cùng, tôi đã nhớ lại sự lắng nghe giáo pháp ấy. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 3050. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp. Và tôi đã cai quản thiên quốc năm mươi mốt lần. 3051. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi mốt lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 3052. Sau khi ngồi xuống ở căn nhà của người cha, vi Sa-môn có giác quan đã được tu tập, trong khi giải thích về câu kệ ngôn, đã đề cập đến tính chất vô thường. 3053. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi có nhớ lại sự suy tưởng [về vô thường] ấy, [nhưng] tôi [đã] không thấu triệt điểm cốt yếu là Niết-bàn, vị thế bất tư? 3054. "Quả vậy, các pháp hữu vi là vô thường, có pháp sanh và diệt, sau khi sanh lên chúng hoại diệt, sự tịnh lặng của chúng là an lạc."9 3055. Sau khi lắng nghe câu kệ ngôn, tôi đã nhớ lại việc làm quá khứ. Sau khi ngòi ở ngay chỗ ngồi ấy, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 3056. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Sau khi nhận biết đức hạnh [của tôi], đức Phật, bậc Hữu Nhãn đã cho tu lên bậc trên. 3057. Trong khi chỉ là đứa bé trai, tôi đã hoàn tất việc cần làm. Hôm nay, còn có việc gì tôi cần phải làm ở giáo pháp của người con trai dòng Sakyā?*

9 Câu kệ này được thấy ở nhiều nơi trong tạng Kinh.

268 KINH TIỂU BỒ

3058. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; [điều này] là quả báo của việc lang nghe Chánh pháp. 3059. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dhammasavaniya10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* í4Ký sự về Trưởng lão Dhammasavaniya95 là phần thứ chín.

340. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UKKHITTAPADUMIYA (ưkkhittapadumiyattherãpadãnam) 3060. Tôi đã là người làm tràng hoa ở thành phố Hamsavatī. Tôi đã lội xuống hồ sen và đã hái những đóa hoa sen. 3061. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp cùng với một trăm ngàn bậc có tâm an tịnh như thế ấy. 3062. Khi ây, trong khi lưu tâm đên sự tiên hóa của tôi, Ngài cùng với các bậc Lậu tận trong sạch có sáu thắng trí, đã đi đến chỗ của tôi. 3063. Sau khi nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, bậc Tự Chủ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, khi ấy tôi đã ngắt đóa hoa sen ở cuống và đã thảy lên không trung. 3064. "Bạch đấng Anh Hùng, nếu Ngài là đức Phật, bác Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, xin cho các đóa sen tự đi đến và duy trì ở trên đỉnh đầu NgAi." 3065. Đấng Đại Hùng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã chú nguyện. Do nhờ oai lực của đức Phật, chúng đã duy trì ở trên đỉnh đâu. 3066. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý? sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đên cõi trời Đạo-lợi. 3067. Có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi đây. Nó được ệọi tên là “Satapattarp" có chiều cao sáu mươi do-tuần? chiều rộng ba mươi do-tuần. 3068. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc một ngàn lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần. 3069. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi thọ hưởng nghiệp của mình, [là nghiệp] đã khéo được thực hiện bởi bản thân trong thời quá khứ. 3070. Chỉ nhờ vào một đóa sen hồng ấy, sau khi thọ hưởng sự thành đạt, tôi đã đắc chứng giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama. 3071. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 10 Dhammasavaniya nghĩa là "vi liên quan đến việc lắng nghe (savana) pháp (dhammo)

3072. [Ke từ khi] tôi đã Cling dường bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một đóa sen hồng. 3073. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ukkhittapadumiya11 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Ukkhittapadumiya” là phần thứ mười.

Phần tóm lược Nhang thơm, [vi Cling dường] nước, bông hoa punnāga, vị có tâm vải độc nhất, giọt nước [thơm], vị Pabhankara, vị dâng cúng cái lều [cỏ], vị có tấm áo choàng, vị có sự lắng nghe, vi có một đóa sen hồng; các câu kệ được gộp chung lại ở phàm này là một trăm câu kệ và bôn mươi bôn câu nữa. Phẩm Gandhadhũpiya là phẩm thứ ba mươi bốn.

11 Ukkhỉttapadumiya nghĩa là "vj liên quan đến đóa sen hồng (padumă) đã được thảy lên (ụkkhittă) không tru

XXXV PHẨM EKAPADUMIYA (EKAPADUMIYAVAGGƠ)

341. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPADUMIYA (Ekapadumiyattherāpadānam) 3074. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp, trong khi giảng giải ở cõi này cõi khác, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua. 3075. Khi ấy, tôi là con thiên nga chúa cao quý trong số các loài chim [lưỡng sanh]. Tôi lặn xuống hồ nước thiên nhiên và vui giỡn trò đùa của loài thiên nga. 3076. Vào khi ấy, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đấng Chiến Thắng đã đi đến ở bên trên của hồ nước thiên nhiên. 3077. Sau khi nhìn thấy vi Trời Của Chư Thiên, bậc Tự Chủ, đấng Lãnh Đạo Thê Gian, tôi đã ngát đóa sen hông trăm cánh đáng yêu ở cuông hoa. 3078. Được tịnh tín vào đấng Lãnh Đạo Thế Gian, sau khi dùng mỏ gắp lấy và thảy lên bầu trời, tôi đã cúng dường đến đức Phật tối thượng. 3079. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đứng ở không trung đã nói lời tùy hỷ đến tôi rằng: 3080. "Do một đóa sen hồng này và do các nguyện lực của tác ý, ngươi không đi đến đọa xứ trong một trăm ngàn kiếp.” 3081. Nói xong điều ấy, bậc Toàn Giác tên Padumuttara, sau khi tán dương việc làm của tôi, đã ra đi theo như ý đinh. 3082. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 3083. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekapadumiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Ekapadumiya55 là phần thứ nhất

Ekapadumỉya nghĩa là liên quan đến một (ekā) đóa sen hồng (padumă)y

342. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TL-UPPALAMÃLIYA (Ti-uppalamāliyattherāpadānam) 3084. Lúc bấy giờ, tôi đã là con khỉ ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang ngồi ở trong vùng đồi núi. 3085. [Đức Phật] đang làm cho tất cả các phương rực sáng tợ như cây sâla chúa đã được trổ hoa. Sau khi nhìn thấy bậc hội đủ các tướng mạo chính và phụ, tôi đã trở nên hoan hỷ. 3086. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, có tâm ý mừng rỡ vì phỉ lạc, tôi đã nâng ba đóa sen xanh lên ở trên đầu. 3087. Sau khi dâng lên các bông hoa đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī, sau khi đạt đến sự tôn kính, tôi đã ra di, mặt hướng phía Bắc. 3088. Trong khi đang cúi mình ra đi, với tâm ý trong sạch, tôi đã rơi xuống ở giữa tảng đá và đã đi đến sự chấm dứt mạng sống. 3089. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 3090. Tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần và đã là đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần. 3091. [Ke từ khi] tôi đã cúng đường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 3092. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ti-uppalamâliya2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 46Ký sự về Trưởng lão Ti-uppalamâliya55 là phần thứ nhì.

343. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHAJADĀYAKA (phạịadãyakattherãpadânam) 3093. Đấng Đạo Sư tên Tissa đã là bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu. Sau khi nhìn thấy sự đoạn tận mầm mống tái sanh [sự viên tịch Niết-bàn] của Ngài, tôi đã treo

lên lá cờ. 3094. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 3095. Tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần và đã là đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần. 3096. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi thọ hưởng nghiệp của mình, [là nghiệp] đã khéo được thực hiện bởi bản thân trong thời quá khứ.

2 Ti-uppalamâliya nghĩa là uvị liên quan đến vòng hoa (rnãlã) gồm ba (tí) đóa sen xanh ịuppala)y

3097. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng Cling lá cờ. 3098. Và giờ dây, trong lúc mong muốn tôi có thể che đậy [mặt đất] có rừng rậm luôn cả núi non bằng loại vải sợi lanh; vào khi ấy quả báo của tôi đã được thể hiện. 3099. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dhajadāyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trường lão Dhajadāyaka,9 là phần thứ ba.

344. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TIKIÑKINIPŪJAKA (Tikiñkinipū/akattherāpadānam) 3100. ở kh6ng xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Bhūtagana. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thây tâm y may từ vải bị quăng bỏ vướng ở ngọn cây. 3101. Khi ấy, tôi đã thu nhặt ba bông hoa kiñkini và đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ, tôi đã cũng dường tấm y may từ vải bị quăng bỏ. 3102. Ke từ khi tôi đã thực hiên việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của ba đóa hoa. 3103. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tikiñkinipūjaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Tikiñkinipūj aka" là phần thứ tư.

345. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NALÃGÃRIKA (Nalāgārikattherāpadānam) 3104. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Hārita. Khi ấy, đấng Tự Chủ tên Nārada đã cư ngụ ở góc cây. 3105. Tôi đã thực hiện gian nhà bằng cây sậy và đã lợp bằng cỏ. Sau khi dọn sạch sẽ con đường kinh hành, tôi đã dâng Cling đến đấng Tự Chủ. 3106. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên trong mười bốn kiếp, và đã cai quản thiên quốc bảy mươi bốn lần. 3107. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi bảy lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 3108. Cung điện của tôi có chiêu cao tợ như chiêc câu vông đã xuat hiện, có ngàn cây cột trụ, không thể so sánh, là cung điện có sự rực rỡ. 3109. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi thọ hưởng hai sự thành tựu, tôi đã xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

3 Dhajadāyaka nghĩa là "vj dâng cúng {dāyako) lá cờ (dhqja)y 4 Tikiñkinipūfaka nghĩa là "vj cúng dường (pūjakā) ba (tí) bông hoa kiñkiniy

r ỈA 1 1 7 Ấ Ầ % e \ 3110. Có tính khàng quyết vê sự nô lực, được an tịnh, không còn mâm mốnệ tái sanh, sau khi căt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói],

tôi sông không còn lậu hoặc. 3111. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão NaỊâgãrika5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ẾÍKý sự về Trưởng lão Nalāgārikaw là phần thứ năm.

346. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CAMPAKAPUPPHIYA (Campakapupphiyattherãpadãnam) 3112. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Cãpala. Đức Phật tên Sudassana đã cư trú ở trong vùng đồi núi. 3113. Sau khi hái bông hoa ở núi Hy-mã-lạp5 tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc, đang di chuyển ở không trung. 3114. Khi ấy, tôi đã đặt tám bông hoa campaka ở trên đầu rồi đã dâng lên đức Phật, đấng Tự Chủ, bạc Đại Ẩn Sĩ. 3115. [Kể từ khi] toi đã cúnệ dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 3116. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Campakapupphiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* ố6Ký sự về Trưởng lão Campakapupphỉya" là phần thứ sáu.

347. KỶ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PADUMAPŪJAKA (Padumapūfakattherāpadānam) 3117. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Romasa. Khi ấy, cũng có vị Phật tên Sambhava đã cư ngụ ở ngoài trời. 3118. Tôi đã lìa khỏi chỗ cư ngụ và đã mang đến [dâng] đóa sen hồng. Sau khi đã cầm giữ [đóa sen] một ngày, tôi đã quay trở về chỗ trú ngụ. 3119. [Ke từ khi] tôi đã cung dườĩiệ bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 3120. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

5 NaỊãgãrika nghĩa là uvị liên quan đến gian nhà (ãgãra) bằng cây sậy (naịă)y 6 Campakapupphiya nghĩa là t4vị liên quan đến bông hoa (puppha) campaka.,^

Đại đức Trưởng lão Padumapūjaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í4Ký sự về Trưởng lão Padumapūjaka^ là phần thứ bảy. (Dứt tụng phẩm thứ mười ba).

348. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TINAMUTTHIDĀYAKA (Tinamutthidāyakattherāpadānam) 3121. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Lambaka. Bậc Toàn Giác tên Upatissa đã đi kinh hành ở bên ngoài trời. 3122. Lúc bấy giờ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tôi đã nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại ấy. 3123. Với tâm ý trong sạch, khi ấy tôi đã dâng cúng nắm cỏ để làm chỗ ngồi đến đức Phật, bậc Đại Ẩn Sĩ ấy. 3124. Sau khi dâng cúng đến vị Trời Của Chư Thiên, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín nhiều hơn nữa. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác rồi đã ra đi, mặt r hướng phía Băc. 3125. Vừa mới ra đi không bao lâu, [con sư tử] vua của loài thú đã tấn công tôi. Trong lúc bi con sư tử vật ngã, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy. 3126. [Do] việc làm đã được tôi thực hiện đến đức Phật tối thượng, bậc Không Còn Lậu Hoặc, là vừa mới xảy ra đây, tợ như tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã đi đến thế giới của chư thiên. 3127. ở tại nơi ấy, tòa lâu đài

xinh đẹp có một ngàn khu vực, có một trăm quả câu tròn, được trang hoàng với những lá cờ, có màu lục, đã được hóa hiện ra do nghiệp phước thiện. 3128. Ánh sáng của tòa lâu đài tỏa ra tợ như ánh mặt trời đã mọc lên cao. Được quây quần với các nàng tiên nữ trẻ, tôi đã sướng vui theo ước muốn của dục vọng. 3129. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã đi đến bản thể loài người và đã đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc. 3130. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng chỗ ngồi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của nam cỏ. 3131. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tinamutthidāyaka 7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Tinamutthidāyaka59 là phần thứ tám.

7 Tinamutthidāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) nắm (mutthī) cỏ (tina)y

349. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TINDUKAPHALADÃYAKA (Tindukaphaladāyakattherāpadānam) 3132. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng đã vượt qua dòng nước lũ5 không còn lậu hoặc, đang ngôi ở trong vùng đôi núi tợ như cây kanikāra đang cháy sáng. 3133. Sau khi nhìn thấy cây tinduka có trái, tôi đã ngắt cả chùm. Với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng đến [đức Phật] Vessabhū. 3134. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3135. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tindukaphaladâyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Tindukaphaladãyaka" là phần thứ chín.

350. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKAÑJALIYA (Ekafyaliyattherāpadānam) 3136. .K Giác tên Revata đã ĩ Lúc bấy giờ, bậc Toàn w cư9 ngụ ở bờ sông. Tôi đã nhìn thây đức Phật, bậc Vô Nhiêm, tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng. 3137. [Đức Phật] trông tợ thỏi vàng đặt ở cửa miệng lò nung, như là than gỗ khadira cháy rực, tợ như vì sao osadhĩ đang chiếu sáng, tôi đã thể hiện sự chắp tay lại. 3138. [Ke từ khi] tôi đã thể hiện sự chắp tay ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc chắp tay. 3139. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekafijaliya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ekañjaliya^ là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị có đóa sen hồng, vị có tràng hoa sen xanh, lá cờ? vị có bông hoa kiñkini, [gian nhà bằng] cây sậy, bông hoa campaka, đóa sen hồng, nắm [cỏ], cây tinduka, và vị chắp tay lại là tương tợ; [tong cộng] có sáu mươi sáu câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí. Phẩm Ekapadumiya là phẩm thứ ba mươi lăm.

8 Tỉndukaphaladãyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) trái cây (phala) tinduka.,, 9 Ekañjaliya nghĩa là uvị liên quan đến một lần (ekā) chắp tay (anjalĩ)y

XXXVI. PHẨM SADDASAÑÑAKA qSADDASAÑÑAKAVAGGO)

351. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA (Saddasaññakattherāpadānam) 3140. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác được vây quanh bởi hội chúng chư thiên. 3141. Trong lúc Ngài đang công bố về bốn sự thật [và] đang tiếp độ đám đông dân chúng, tôi đã lắng nghe lời nói ngọt ngào tương tợ tiếng hót của loài chim Karavīkā. 3142. Sau khi làm cho tâm được tinh tín vào âm vang giọng nói Phạm thiên của bậc Hiền Trí Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian, tôi đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc. 3143. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của niêm tịnh tín. 3144. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saddasaññaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ő4Ký sự về Trưởng lão Saddasaññaka" là phần thứ nhất

352. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO YAVAKALÃPIYA (ïàvakaỉãpiyattherãpadãnam) 3145. Lúc bấy giờ, tôi đã là người trồng lúa mạch ở thành phố Arunavatī. Sau khi nhìn thây bậc Toàn Giác ở đường lộ, tôi đã trải xuông bó rơm lúa mạch. 3146. Biết được ý đinh của tôi, bậc Có Lòng Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, bậc Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian Sikhī đã ngồi xuống ở tấm trải bằng rơm lúa mạch. 3147. Sau khi nhìn thấy bậc Vô Nhiễm, vị có Thiền Chứng Vĩ Đại, đấng Hướng Đạo đã ngồi xuống, sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tại nơi ấy tôi đã mệnh chung. 3148. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp,* Saddasaññaka nghĩa là uvị suy tưởng (saññaka) về âm thanh (saddă)y

tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc trải thảm rơm lúa mạch. 3149. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đa được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Yavakalāpiya2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Yavakalāpiya55 là phần thứ nhì.

353. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KIMSUKAPŪJAKA (Kimsukapūjakattherāpadānam) 3150. Sau khi nhìn thấy cây kirpsuka đã được trổ hoa, tôi đã chắp tay lên. Sau khi suy tưởng về đức Phật Siddhattha, tôi đã cúng dường ở không trung. 3151. [Ke từ khi] tôi đã cúng đường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biêt đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 3152. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kimsukapūjaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ốếKý sự về Trưởng lão Kỉmsukapũjaka" là phần thứ ba.

354. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SAKOTAKAKORANDADĀYAKA (Sakotakakorandadāyakattherāpadānam) 3153. Và sau khi nhìn thấy dấu chân đã bước qua của đấng Quyến Thuộc Thế Gian Sikhī, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai và đã đảnh lễ dấu chân tối thượng. 3154. Sau khi nhìn thấy cây koranda, một loài thảo mộc mọc ở trên trái đất đã được trổ hoa, tôi đã ngắt một chùm và đã cúng dường ở dấu chân có hình bánh xe. 3155. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi

mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường dấu chân. 3156. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sakotakakorandadāyaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Sakotakakorandadāyaka" là phần thứ tư.

355. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO DANDADĀYAKA (Dandadāyakattherāpadānam) 3157. Lúc bấy giờ, tôi đã đi sâu vào khu rừng hoang rậm và đã đốn cây tre. Sau khi câm lây thanh đòn ngang, tôi đã dâng cúng đến hội chúng.

2 Yavakalãpiya nghĩa là liên quan đến bó rơm (kalãpă) lúa mạch (yavà)y 3 Kimsukapūjaka nghĩa là cúng dường (pūjaka) bông hoa kimsuka.,, 4 Sakotakakorandadāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) chùm (sakotakà) bông hoa koranda.^,

3158. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã đảnh lễ các bậc có sự hành trì tốt đẹp. Tôi cũng đã dâng cúng thanh đòn ngang, rồi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc. 3159. Kể từ Wii tôi đã dâng cung cây gậy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây gậy. 3160. Bốn [tuệ] phân tích,...(lít)...tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Tưởng lão Dandadāyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Dandadāyaka" là phần thứ năm.

356. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AMBAYÃGUDẢYAKA (Ambayãgudãyakattherãpadãnam) 3161. Bậc Giác Ngộ tên Sataramsī, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại, sau khi xuất khỏi định đã đi đến tôi về việc khất thực. 3162. Sau khi nhìn thấy vi Phật Độc Giác có tâm thanh tịnh, tôi đã dâng cúng món cháo xoài đến Ngài với tâm ý trong sạch. 3163. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của món cháo xoài. 3164. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ambayāgudāyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Ambayāgudāyaka55 là phần thứ sáu.

357. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SUPUTAKAPŪJAKA (Suputakapūjakattherāpadānam) 3165. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī, trong khi lìa khỏi việc nghỉ ngơi ban ngày, trong khi đi đó đây về việc khất thực, Ngài đã đi đến gần chỗ của tôi. 3166. Do điêu ây, được sung sướng, có tâm ý vui mừng, tôi đã dâng cúng chiếc hộp đựng muối xinh đẹp đến đức Phật tối thượng như thế ấy, [và] tồi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. 3167. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng chiếc hộp xinh đẹp trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc hộp. 3168. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Suputakapūjaka 7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Suputakapūjaka" là phần thứ bảy.

5 Dandadāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) cây gậy (danda)y 6 Ambayãgudãyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) cháo (yãgù) xoài (amba)' 7 Suputakapūjaka nghĩa là cúng

dường (pūjaka) chiếc hộp (putakà) xinh đẹp

THÁNH NHÂN KÝ sự 279

358. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MAÑCADĀYAKA (Mañcadāyakattherāpadānam) 3169. Do được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng Cling một chiếc giường đến đức Thế Tôn Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. 3170. Tôi đã đạt được phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, phương tiện di chuyển của cõi trời. Do nhờ sự dâng cúng cái giường nhỏ ấy, tôi đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc. 3171. Ke từ khi tôi đã dâng cúng chiếc giường trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc giường. 3172. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mañcadāyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “K? sự về Trưởng lão Maflcadāyaka^ là phần thứ tám.

359. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SARANAGAMANIYA (Saranagamaniyattherāpadānam) 3173. Lúc bấy giờ, tôi là đạo sĩ lõa thể. Vị Tỳ-khmi và tôi đã bước lên chiếc thuyền. Trong khi chiếc thuyền đang bị đắm, vị Tỳ-khưu đã ban cho tôi sự nương nhờ. 3174. [Ke từ khi] vi ấy ban cho sự nương nhờ đến tôi trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đi đến nương nhờ. 3175. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saranagamaniya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Saraọagamaniya55 là phần thứ chín.

360. KỶ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PINDAPĀTIKA (Pindapātikattherāpadānam) 3176. Lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác tên Tissa đã cư ngụ ở trong khu rừng lớn. Sau khi Ngài đã từ chính cõi trời Đẩu-suất về lại nơi đây, tôi đã dâng cúng vật thực. 3177. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác có danh vọng lớn lao tên Tissa, sau khi đã làm cho tâm của mình được tinh tín, tôi đã đi đến cõi trời Đẩu-suất. 3178. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của món vật thực.

8 Mañcadāyaka nghĩa là dâng cúng (dãyaka) chiếc giường (mañcā)y 9 Saranagamaniya nghĩa là uvị liên quan việc đi đến (gamanà) nương nhờ (saraụa), tức là đã quy y."

280 KINH TIỂU Bộ

3179. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pindapātika10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Pindapātika^ là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vi có sự suy tưởng về âm thanh, vị trồng lúa mạch, các bông hoa kimsuka, và bông hoa koranda, thanh đòn ngang, món cháo xoài, vị có chiêc hộp xinh đẹp, vị dâng cúng chiếc giường, sự nương nhờ, và món vật thực; [tổng cộng] có bốn mươi câu kệ. Phẩm Saddasañña là phẩm thứ ba mươi sáu.

10 Pindapātika nghĩa là uvị liên quan đến đồ ăn khất thực {pindapātā)y

xxxvn. PHẨM MANDÃRAVAPUPPHIYA (MANDÃRAVAPUPPHIYAVAGGƠ)

361. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MANDẢRAVAPUPPHIYA (Mandāravapupphiyattherāpadānam) 3180. Sau khi từ cõi trời Đạo-lợi đi đến nơi dây, người thanh niên tên Mañgala đã cầm lấy bông hoa mandãrava dành cho bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī. 3181. Tôi đã đặt ở trên đỉnh đầu của [đức Phật] đang ngồi nhập đinh. Sau khi đã duy trì bảy ngày, tôi đã trở về lại thế giới chư thiên. 3182. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 3183. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mandâravapupphiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 4íKý sự về Trưởng lão Mandãravapupphiya^ là phần thứ nhất

362. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KAKKÃRUPUPPHIYA (Kakkārupupphiyattherāpadānam) 3184. Sau khi từ cõi trời Dạ-ma đi đến vi Gotama vinh quang và quý trọng ở cõi người, tôi đã cầm lấy bông hoa kakkâru và đã dâng lên đức Phật. 3185. [Ke từ khi] toi đã cúng dường đức Phật trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 3186. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kakkârupupphiya1 2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Kakkãrupupphiya w là phần thứ nhì.

1 Mandãravapupphiya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa (puppha) mandrava." 2 Kakkãrupupphiya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa (puppha) kakkaru."

363. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BHISAMULẢLADÃYAKA (Bhisamulāladāyakattherāpadānam) 3187. Đấng Toàn Giác tên Phussa là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Có ước muốn độc cu, bậc Trí Tuệ đã đi đến gần chỗ của tôi. 3188. Sau khi đã làm cho tâm đươc tịnh tín vào đấng Đại Bi, bậc Chiến Thắng ấy, tôi đã cầm lấy rễ và củ sen rồi đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. 3189. Ke từ khi tôi đã dâng cúng củ sen trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen. 3190. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão BhisamuỊãladãyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* ẾÍKý sự về Trường lão BhisamuỊâladãyaka" là phần thứ ba.

364. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KESARAPUPPHIYA (Kesarapupphiyattherāpadānam) 3191. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị thầy về pháp thuật ở núi Hy-mã-lạp. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vi Có Danh Vọng Lớn Lao đang đi kinh hành. 3192. Khi ấy, tôi đã đặt ba bông hoa kesarĩ ở trên đầu, rồi đã đi đến gần và đã cúng dường đến bậc Toàn Giác Vessabhū. 3193. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 3194. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng;

tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kesarapupphiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. aKý sự về Trưởng lão Kesarapupphiya" là phần thứ tư.

365. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AÑKOLAPUPPHIYA (Añkolapupphiyattherāpadūnam) 3195. Lúc bấy giờ, bậc Giác Ngộ tên Paduma đã sống ở ngọn núi Cittakūta. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại ấy. 3196. Sau khi nhìn thấy cây añkola đã được trổ hoa, khi ấy tôi đã thu nhặt [bông hoa]. Tôi đã đi đến gặp bậc Giác Ngộ và đã cúng dường đấng Chiến Thắng Paduma. 3197. [Kể từ khi] toi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt.

3 BhỉsamuỊâladâyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) rễ (bhisà) và củ sen (ỵnuỊãlă)y 4 Kesarapupphỉya nghĩa là "vj liên quan đen bông hoa (puppha) kesarí."

3198. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Añkolapupphiya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ký sự về Trưởng lão Ahkolapupphiya" là phần thứ nắm.

366. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KADAMBAPUPPHIYA (Kadambapupphiyattherāpadānam) 3199. Đấng Toàn Giác có màu da vàng chói, tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng, đang đi ở khu phố chợ. 3200. Sau khi ngồi xuống ở nơi cao quý của tòa lâu đài, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã cầm lấy bông hoa kadamda và đã cúng dường đến đức Phật Vipassī. 3201. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 3202. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kadambapupphiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* 66Ký sự về Trưởng lão Kadambapupphỉya" là phần thứ sáu.

367. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UDDÃLAPUPPHIYA (Uddãỉapupphiyattherâpadãnam) 3203. Lúc bấy giờ, đấng Giác Ngộ tên Anoma đã sống ở bờ sông Gañgā. Sau khi cầm lấy bông hoa uddâlaka, tôi đã cúng dường đến bậc Không Bị Đánh Bại. 3204. [Ke từ khi] toi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 3205. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Uddâlapupphiya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão uddâlapupphiya" là phần thứ bảy.

368. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKACAMPAKAPUPPHIYA (Ekacampakapupphiyattherāpadānam) 3206. Và bậc Giác Ngộ upasanta sống ở trcmg vùng đồi núi. Tôi đã cầm lấy một bông hoa campaka và đã đi đến gần bậc Tối Thượng Nhân.

5 Añkolapupphiya nghĩa là t4vị liên quan đến bông hoa (puppha) añkola.,, 6 Kadambapupphiya nghĩa là 4Svị liên quan đến bông hoa (puppha) kadamba." 7 Uddâlapupphiya nghĩa là liên quan đến bông hoa ịpupphă) uddla."

3207. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy bằng hai tay và đã cúng dường đến đấng Hiền Trí Độc Giác Toi Thượng, bậc Không Bị Đánh Bại. 3208. [Ke từ khi] toi đã Cling dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 3209. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekacampakapupphiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy ẾÍKý sự vê Trưởng lão Ekacampakapupphiya" ỉa phân thứ tám.

369. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TIMIRAPUPPHIYA (Timừapupphiyattherãpadãnam) 3210. Tôi đi xuôi theo dòng nước ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, tợ như cây sâla chúa đã được trổ hoa. 3211. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy bông hoa timira và đã rải rắc ở đỉnh đầu đấng Hiền Trí Độc Giác Tối Thượng. 3212. [Ke từ khi] tôi đã cúng dườnệ bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 3213. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Timirapupphiya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Timirapupphiya” là phần thứ chín.

370. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAPUPPHIYA (Salalapupphiyattherãpadãnam) 3214. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài Kim Si điểu ở bờ sông Candabhāgā. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thay vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đang đi kinh hành. 3215. Tôi đã thu hái bông hoa salala và đã dâng cúng đến đức Phật. Đấng Đại Hùng đã ngửi bông hoa salala có hương thơm của cõi trời. 3216. Sau khi thọ nhận, đấng Toàn Giác, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī, đấng Đại Hùng đã ngửi [bông hoa], trong khi tôi đang nhìn xem. 3217. Với tam tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ bậc Tối Thượng Nhân. Tôi đã chắp tây lên và đã leo lên ngọn núi lần nữa. 3218. [Ke từ khi] tôi đã cung đường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật

8 Ekacampakapupphiya nghĩa là 4<vị liên quan đến một (ekà) bông hoa (pupphà) campaka." 9 Timirapupphiya nghĩa là 44vị liên quan đến bông hoa ịpuppha) timira."

3219. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Salalapupphiya10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Salalapupphiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Bông hoa mandãrava, bông hoa kakkãru, củ sen, bông hoa kesara, bông hoa añkola, vị có bông hoa kadamba, bông hoa uddâla, một bông hoa campaka, bông hoa timira, và cả bông hoa salala nữa; [tổng cộng] có bốn mươi câu kệ. Phẩm Mandãravapupphiya là phẩm thứ ba mươi bảy.

10 Salalapupphiya nghĩa là 4tvị liên quan đến bông hoa (puppha) salala."

xxxvm. PHẨM BODHIVANDAKA (BODHIVANDAKAVAGGO)

371. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BODHIVANDAKA (Bodhivandakattherāpadānam) 3220. Sau khi nhìn thấy cây pātalī, một loài thảo mộc mọc ở trên trái đất, được xanh tươi, tôi đã đắp y một bên vai, chắp tay lên và đã đảnh lễ cây pātalī. 3221. Tôi đã chắp tay lên và thể hiện tâm ý cung kính đến bậc trong sạch bên trong, trong sạch bên ngoài, đã khéo được giải thoát, không còn lậu hoặc. 3222. Tôi đã đảnh lễ cây pātalī tợ như [đảnh lễ] đấng Toàn Giác Vipassī, bậc được thế gian tôn sùng, là đại dương về lòng bi mẫn và trí tuệ, đang ở trước mặt. 3223. [Ke từ khi] toi đã đảnh lễ cội Bồ-đề trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ. 3224. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bodhivandaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Bodhivandaka" là phần thứ nhất

372. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PÃTALIPUPPHIYA (Pātalipupphiyattherāpadānam) 3225. Đức Thế Tôn tên Vipassī là đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả. Được tháp tùng bởi những người học trò của mình, đấng Chiến Thắng đã đi vào thành Bandhumā. 3226. Tôi đã đặt ba bông hoa pātalī vào lòng của tôi. Chính vì có ý đinh gội dầu, tôi đã đi đến bến tàu ở dòng sông. 3227. Sau khi đi ra khỏi thành Bandhumatī, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo The Gian được chói sáng như là bông hoa súng, được cháy rực như là ngọn lửa tế thần. 3228. Tợ như con hổ hùng tráng quý cao, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý, đấng cao quý trong số các vị Sa-môn dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đang bước đi. 3229. Được tịnh tín ở đấng Thiện Thệ, bậc có sự orā sạch các cấu uế ô nhiễm ấy, tôi đã cầm lấy ba bông hoa và đã cúng dường đến đức Phật tối thượng.*

Bodhivandaka nghĩa là đảnh lễ ịyandakà) cội cây Bồ-đề ịbodhí)y

3230. [Ke từ khi] tôi đã cúng đường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiêp, tôi không còn biết đên khổ cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 3231. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pãtalipupphiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Pātalipupphiyaw là phần thứ nhì.

373. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TI-UPPALAMẢLIYA (Ti-uppalamāliyattherāpadānam) 3232. Lúc bấy giờ, tôi đã là con khỉ ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang ngồi ở trong vùng đồi núi.2 3233. [Đức Phật] đang làm cho tất cả các phương rực sáng tợ như cây sâla chúa đã được trô hoa. Sau khi nhìn thây bậc hội đủ các tướng mạo chính và phụ, tôi đã trở nên hoan hỷ. 3234. Với tâm phân chân, với ý vui mừng, có tâm ý mừng rỡ vì phỉ lạc, tôi đã nâng ba đóa sen xanh lên ở trên đâu. 3235. Sau khi cúng dường các bông hoa đến bậc Đại Ẩn Sĩ Phussa, sau khi thể hiện sự tôn kính, tôi đã ra di, mặt hướng phía Bắc. 3236. Trong khi đang cúi mình ra đi với tâm ý trong sạch, tôi đã rơi xuống ở giữa tảng đá và đã đi đến sự chấm dứt mạng sống. 3237. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ cuộc sống trước đây. tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 3238. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm làn. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần. 3239. [Ke từ

khi] toi đã Cling dường bong hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biêt đến khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 3240. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ti-uppalamâliya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Ti-uppalamãliyaw là phần thứ ba.

374. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PATTIPUPPHIYA (Pattipupphiyattherāpadānam) 3241. Vào lúc đấng Toàn Giác, bậc Đại Ẩn Sĩ Padumuttara đã Niết-bàn, tất cả dân chúng đã tụ hội lại và họ đã di chuyển nhục thân [của Ngài].

2 Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Ti-uppalamâliya, số 342, trang 271. 3 Ti-uppalamãliya nghĩa là uvị liên quan đến vòng hoa (rnãlã) gồm ba (tỉ) đóa sen xanh (ụppalăyy

3242. Trong khi nhục thân đang được di chuyển, trong khi các chiếc ứống đang được vang lên, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bông hoa patti. 3243. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; [điều này] là quả báo ở việc đã cúng dương nhục thin [đức Phật]. 3244. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3245. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3246. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pattipupphiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Pattipupphiya95 là phần thứ tư.

375. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SATTAPANNIYA (Sattapanniyattherāpadānam) 3247. Bậc Toàn Giác tên Sumanā, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã hiện khởi. Với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bông hoa thất diệp. 3248. [Ke từ khi] tôi đã cúnệ dường bông hoa thất diệp trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đen khổ cảnh; điều này là quả báo của bông hoa that diệp. 3249. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3250. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3251. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sattapanniya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Sattapanniya^ là phần thứ năm.

376. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHAMUTTHIYA (Gandhamutthiyattherāpadānam) 3252. Khi giàn hỏa thiêu đang được thực hiện và khi vật thơm các loại 4 Pattipupphiya nghĩa là liên quan đến bông hoa (puppha) patti.?, 5 Sattapanniya nghĩa là 4tvị liên quan đến bông hoa thất diệp (sattapannă)y

được đặt vào, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường một nắm tay vật thơm. 3253. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường giàn hỏa thiêu trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lễ hoa táng. 3254. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3255. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3256. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Gandhamutthiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Gandhamutthiya^ là phần thứ sáu.

377. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA (Citakapūjakattherāpadānam) 3257. Khi đức Thế Tôn tên Padumuttara đã viên tịch Niết-bàn và đã được đưa lên giàn hỏa thiêu, tôi đã cúng dường bông hoa sâla. 3258. Ke từ khi toi đã cúng dường bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lễ hỏa táng. 3259. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3260. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3261. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Citakapūjaka" là phần thứ bảy.

378. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANATĀLAVANTIYA (Sumanatālavantiyattherāpadānam) 3262. Tôi sở hữu chiếc quạt lá cọ vô cùng giá trị được bao phủ với các bông hoa nhài, và tôi đã dâng cúng đến đức Thế Tôn Siddhartha.

6 Gandhamutthiya nghĩa ỉà liên quan đến nắm tay (rnufthi) vật thơm (gandhā)' 7 Citakapũịaka nghĩa là cúng dường (pụịakà) giàn hỏa thiêu (citakă)y

3263. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng chiếc quạt lá cọ trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc quạt lá cọ. 3264. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3265. Các phiền não của tôi đã đirợc thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3266. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sumanatālavantiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Sumanatālavantiya95 là phần thứ tám.

379. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANADÃMIYA (Sumanadāmiyattherāpadānam) 3267. Sau khi thực hiện tràng hoa nhài, tôi đã năm giữ [ưàng hoa], đứng ở phía trước đức Thế Tôn Siddhattha, bậc Đã Gội Rửa [tội lỗi], vị Đạo Sĩ Khổ Hạnh. 3268. [Kể từ khi] tôi đã nắm giữ tràng hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh;

điều này là quả báo của việc nam giữ tràng hoa nhài. 3269. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3270. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3271. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sumanadâmiya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Sumanadâmiya^ là phần thứ chín.

380. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KÃSUMÃRIPHALADẢYAKA (Kāsumāriphaladāyakattherāpadānam) 3272. Toi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm;bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đang ngồi ở trong vùng đồi núi tợ như cây kanikāra đang cháy sáng.

8 Sumanatālavantiya nghĩa là "vi liên quan đến chiếc quạt (yantà) lá cọ (tālo) được bao phủ với các bông hoa nhài (sumanā)^ 9 Sumanadāmiya nghĩa là uvị liên quan đến tràng hoa (damā) bông nhài (sumanā)^

3273. Với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Tôi đã câm lây trái cây kâsumãri và đã dâng cúng đên đức Phật tôi thượng. 3274. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3275. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3276. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3277. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kãsumãriphaladãyaka10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Kâsumãriphaladãyaka55 là phần thứ mười.

Phần tóm lược Cội cây Bồ-đề, bông hoa pātalī, vị có [ba] đóa sen xanh, bông hoa patti, các bông hoa thất diệp, nắm tay vật thơm, giàn hỏa thiêu, [chiếc quạt] lá cọ, vi có tràng hoa nhài, và luôn cả vị có trái cây kãsumãri; [tổng cộng] có năm mươi chín câu kệ. Phẩm Bodhivandaka ỉa phẩm thứ ba mươi tám.

10 Kãsumãrỉphaladãyaka nghĩa là 6'vj dâng cúng (dãyako) trái cây (phala) kãsumãri.,>

XXXIX. PHẨM AVANTAPHALA (AVANTAPHALAVAGGG)

381. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AVANTAPHALADĀYAKA (Avantaphaladāyakattherāpadānam) 3278. Đức Thế Tôn tên Sataramsī là đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại. Có ước muốn độc cu, bậc Toàn Giác đã ra đi về việc khất thực. 3279. Tay có trái cây, tôi đã nhìn thấy đấng Nhân Ngiru và đã đi đến gần Ngài. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây avanta. 3280. [Ke từ khi] toi đã dâng

cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3281. Quả vậy5 tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3282. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi song không còn lậu hoặc. 3283. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Avantaphaladāyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* 6íKý sự về Trưởng lão Avantaphaladāyaka" là phần thứ nhất.

382. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO LABUJADĀYAKA (Labujadāyakattherāpadānam) 3284. Tôi đã là người phụ việc chùa ở thành phố Bandhumatī. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang di chuyển ở trên không trung. 3285. Tôi đã cầm lấy trái cây, bánh mì và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. Bậc Có Danh Vọng Lớn Lao đã thọ nhận, trong khi đang đứng ở hư không. 3286. Sau khi tôi đã dân^ cúng trái cây đến đức Phật với tâm ý trong sạch, tôi có được sự sanh khởi niềm vui, [điều ấy là] nguồn đem lại sự an lạc trong thời hiện tại. 3287. Khi ây, tôi đã đạt đên niêm phỉ lạc bao la và sự an lạc tôi thượng. Còn có châu báu sanh lên [cho tôi] khi tôi được sanh ra nơi này nơi khác.

1 Avantaphaladāyaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) trái cây (phaỉà) avanta.,>

THÁNH NHÂN KÝ sự 293

3288. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng Cling trái cây. 3289. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3290. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3291. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Labujadāyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Labujadāyaka" là phần thứ nhì.

383. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UDUMBARAPHALADÃYAKA (Udumbaraphaladāyakattherāpadānam) 3292. Đấng Tối Thượng Nhân đã cư ngụ ở bờ sông Vinatã. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng Có Sự Chăm Chú vô cùng đinh tĩnh. 3293. Được tinh tín ở Ngài, bậc có sự rửa sạch các cấu uế ô nhiễm, tôi đã cầm lấy trái sung và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. 3294. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3295. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3296. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3297. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão

Udumbaraphaladâyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Udumbaraphaladâyaka" là phần thứ ba.

384. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PILAKKHAPHALADẢYAKA (Piỉakkhaphaladãyakattherãpadânam) 3298. Sau khi nhìn thấy đức Phật Atthadassĩ, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao, ở cuôi khu rừng, tôi đã dâng cúng trái cây pilakkha với tâm tịnh tín, với ý vui mừng. 3299. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây [trước đây] một ngàn tám trăm 2 Labujadāyaka nghĩa là 44vị dâng cúng (dāyako) trái cây (phaỉà) labụja.,, 3 Udumbaraphaladãyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) trái cây (phalà) udumbara/5

kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3300. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3301. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3302. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pilakkhaphaladâyaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Pilakkhaphaladãyaka^ là phần thứ tư.

385. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PHẢRUSAPHALADÃYAKA (Phārusaphaladāyakattherāpadānam) 3303. Trong khi bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang đi trên đường, tôi đã dâng cúng trái cây pharusā. 3304. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3305. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3306. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3307. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Phārusaphaladāyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Phārusaphaladāyaka" là phần thứ năm.

386. KỶ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO VALLIPHALADÃYAKA (Valliphaladãyakattherãpadãnam) 3308. Lúc bấy giờ, tất cả dân chúng đã tụ hội lại và đã đi đến khu rừng. Khi ấy, trong lúc tìm kiếm trái cây, họ đã đạt được trái cây. 3309. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây valli.

4 Pỉlakkhaphaladãyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) trái cây (phaỉa) pilakkha.,, 5 Phãrusaphaladãyaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) trái cây (phalà) pharusā.,9

3310. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3311. Quả vậy, tôi

đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3312. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3313. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Valliphaladãyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Valliphaladãyaka55 là phần thứ sáu.

387. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KADALIPHALADẢYAKA (Kadaliphaladāyakattherāpadānam) 3314. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian tợ như cây kanikāra được cháy sáng, tợ như mặt trăng vào ngày ram, tợ như cây đèn đang chiếu sáng. 3315. Tôi đã cầm lấy trái chuối và đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ và ra đi. 3316. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3317. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3318. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3319. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đác chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kadaliphaladâyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Kadalỉphaladãyaka" là phần thử bảy.

388. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PANASAPHALADẢYAKA (Panasaphaladữyakattherãpadãnam) 3320. Lúc bấy giờ, đấng Giác Ngộ tên Ajjuna đã cư ngụ ở núi Hy-mã-lạp. Ngài là bậc Hiền Trí được thành tựu tánh hạnh và thiện xảo về định.

6 Valliphaladãyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dãyako) trái cây ịphalà) valli.,, 7 Kadaliphaladãyaka nghĩa ỉà dâng cúng (dãyako) tói ịphala) chu8i."

3321. Tôi đã cầm lấy trái mitjīvajīvaka có kích thước bằng hũ nước. Tôi đã đặt vào cái chậu bằng lá và đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư. 3322. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3323. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3324. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3325. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Panasaphaladãyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trường lão Panasaphaladãyaka" là phần thứ tám.

389. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SONAKOTIVĪSA (Sonakotivīsattherāpadānam) 3326. Vào thời kỳ giáo pháp của [đức Phật] Vipassī, một hang động đã được tôi xây dựng dành cho hội chúng bốn phương ở tại kinh thành Bandhumā. 3327. Sau khi trải lót nền đất của hang động bằng các tấm vải, tôi đã cống hiến. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, khi ấy tôi đã thực hiện lời ước nguyện rằng: 3328. "Mong rằng tôi có thể làm hài lòng bậc Toàn Giác, có thể đạt được sự xuất gia, và có thể đạt đến sự an tịnh tối thượng, Niết-bàn vô thượng." 3329. Do nhờ chính nhân tố trong sạch ấy, tôi đã luân hồi chín mươi kiếp. Dầu trở thành vị thiên nhân hay là loài người, tôi đã chói sáng, là người có phước báu đã được tạo lập [trước đây]. 3330. Sau đó, nhờ vào phần dư sót của nghiệp, tại đây trong kiếp sống cuối cùng, tôi đã được sanh làm người con trai độc nhất của nhà bá hộ cao cả ở tại Campā. 3331. Ngay khi tôi vừa được sanh ra, nghe tin người cha đã khởi ước muốn này: "Ta ban cho công tử hai chục koti (hai trăm triệu) tiền, không thiếu đồng nào?5 3332. Các sợi lông của tôi, dài bốn ngón tay, được mọc lên ở cả hai lòng bàn chân. Chúng là mảnh mai, có sự xúc chạm mềm mại, xinh xắn như là bông vải. 3333. Chín mươi kiếp đã trôi qua, kiếp này là thêm một kiếp nữa, tôi không biết đến việc các bàn chân được đặt xuống ở mặt đất không có trải lót.

8 Panasaphaladâyaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) trái ịphaỉa) mít (panasà)y

3334. Tôi đã làm hài lòng bậc Toàn Giác, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Và phẩm vi A-la-hán đã được tôi đạt đến. Tôi có được trạng thái mát mẻ5 chứng được Niết-bàn. 3335. Đấng Toàn Tri đã xác đinh tôi là người đứng đầu trong số các vị đã ra sức tinh tấn, và có lậu hoặc đã được đoạn tận, là bậc A-la-hán, có sáu thắng trí, có đại thần lực. 3336. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng hang động. 3337. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3338. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3339. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. 3340. Tại hồ nước lớn Anotatta, ở trước hội chúng Tỳ-khưu, bậc Trưởng lão Sonakotivisa khi được hỏi câu hỏi đã trả lời. Đại đức Trưởng lão Sonakotivisa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĐÍKý sự về Trưởng lão Sonakotivisa55 là phần thứ chín.

390. KÝ Sự VỀ PHẬT TOÀN GIÁC TÊN PUBBAKAMMAPILOTIKA (Pubbakammapilotikāpadānam) 3341. ở trong khu rừng có nhiều loại hương thơm ở gần hồ nước Anotatta, ở trên mặt phẳng của tảng núi đá đáng yêu được lấp lánh bởi nhiều loại châu ngọc. 3342. Được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu đông đảo, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, ngồi ở tại nơi ấy, đã giảng giải về các việc làm quá khứ của bản thân: 3343. "Này các Tỳ-khưu, hãy lắng nghe Ta. Nghiệp nào đã được tạo ra bởi Ta, nếu là nghiệp có sự liên quan thì cũng sẽ chín muôi cho dầu ở vào bản thể của vị Phật. 3344. Trong những đời sống khác trước đây, Ta đã là kẻ vô lại tên MunãỊĩ. Ta đã vu cáo

đức Phật Độc Giác Sarabhũ, [Ngài là] vị không làm điều sái quấy. 3345. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Ta đã luân hồi lâu dài ở địa ngục trong nhiều ngàn kiếp và đã nhận chịu cảm thọ khổ đau. 3346. Do phần dư sót của nghiệp ấy, tại đây trong kiếp sống cuối cùng, Ta đã nhận lãnh sự vu cáo vì nguyên nhân của [nữ du sĩ ngoại đạo] Sundarikã. 3347. Đức Phật Sabbābhibhũ có vi Thinh văn tên là Nandā. Do sự vu cáo vị [Thinh văn] ấy, Ta đã luân hồi lâu dài ở địa ngục. 3348. Ta đã luân hồi lâu dài ở địa ngục trong mười ngàn năm. Đạt được bản thể nhân loại, Ta đã nhận lãnh nhiều sự vu cáo.

3349. Do phần dư sót của nghiệp ấy, nàng Ciñeamānavikā đã vu cáo Ta với sự không có thật ở trước đám đông dân chúng. 3350. Ta đã là vị Bà-la-môn thông thái, được tôn vinh kính trọng. Ta dã chỉ dạy về chú thuật cho năm trăm người trai trẻ ở tại khu rừng lớn. 3351. Vi ẩn sĩ Bhĩma có năm thắng trí, có đại thần lực, đã đi đến nơi ấy. Và sau khi nhìn thấy vị ấy đi đến, Ta đã vu cáo vị không làm điều sái quấy. 3352. Ke đó? Ta đã nói với các người học trò rằng: 'Vị ẩn sĩ này có sự thọ hưởng dục lạc.9 Ngay trong khi Ta đang nói, các người trai trẻ đã vui thích theo. 3353. Sau đó, tất cả các người trai trẻ, trong khi khất thực theo từng nhà, đã nói với đám đông dân chúng rằng: 'Vị ẩn sĩ này có sự thọ hưởng dục lạc.' 3354. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, tất cả năm trăm vi Tỳ-khưu này đã gánh chịu sự vu cáo, vì nguyên nhân của [nữ du sĩ ngoại đạo] Sundarikã. 3355. Trong thời quá khứ, vì nguyên nhân tài sản, Ta đã giết chết người anh [em] trai khác mẹ [cùng cha]. Ta đã xô vào hẻm núi hiểm trở và đã nghiền nát bằng tảng đá. 3356. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Devadatta đã ném tảng đá và đã làm dập ngón cái ở bàn chân của Ta do mảnh vỡ của tảng đá. 3357. Trước đây, Ta đã là đứa bé trai đang đùa giỡn ở con đường lớn. Sau khi nhìn thấy đức Phật Độc Giác, Ta đã ném đá vụn ở con đường [vào vị Phật ấy]. 3358. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, tại đây trong kiếp sống cuối cùng, Devadatta đã bố trí các sát thủ nhằm mục đích giết hại Ta. 3359. Trước đây, Ta đã là kẻ cỡi voi. [Nhìn thấy] bậc Hiền Trí Độc Giác tối thượng đang đi đó đây để khất thực, Ta đã dùng con voi công kích vị ấy. 3360. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, ở trong kinh thành Giribbaja, con voi Nālāgirī quẩn trí hung hãn đã tiến gần đến Ta. 3361. Ta đã là đức vua, người trị vì. Ta đã giết chết người đàn ông bằng cây thương. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Ta đã bị nung nấu ở địa ngục một cách dữ dội. 3362. Do phần dư sót của nghiệp ấy, giờ đây toàn bộ lớp da ở bàn chân của Ta đã gây khó chịu, bởi vì nghiệp không bị tiêu hoại. 3363. Ta đã là đứa trẻ đánh cá ở trong ngôi làng của các ngư phủ. Sau khi nhìn thấy các con cá bị giết chết, Ta đã sanh tâm vui mừng. 3364. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, đã có sự đau nhức ở đầu của Ta. Và khi Vidūdabha nổi loạn, tất cả dòng tộc Sakyā (Thích~ca) đã bị giết chết. 3365. Vào thời giáo pháp của [đức Phật] Phussa, Ta đã quở mắng các vị Thinh văn rằng: 'Các ngươi hãy nhai, hãy ăn lúa mạch và chớ có ăn cơm gạo sālī/ 3366. Do quả thành tựu của nghiệp ây, Ta đã [phải] ăn lúa mạch ba tháng. Khi ấy, được vị Bà-la-môn thỉnh mời, Ta đã cư ngụ ở Verañjā.

3367. Khi cuộc đâu vật đang được diên tiên, Ta đã đánh gục người con trai dòng Mallā. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, đã có sự đau nhức ở lung của Ta. 3368. Ta đã là người

thầy thuốc. Ta đã cho người con trai nhà triệu phú thuốc xổ. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Ta có bệnh tiêu chảy. 3369. Lúc bấy giờ, Ta đã là Jotipāla. Ta đã nói với đấng Thiện Thệ Kassapa rằng: 'Giác ngộ là sự đạt được vô cùng khó khăn, do đâu sự Giác ngộ lại có cho kẻ cạo dầu? 3370. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Ta đã thực hành nhiều việc làm khó khăn trong sáu năm ở Uruvelã, sau đó Ta đã đạt được quả vị Giác ngộ. 3371. Ta đã không đạt được quả vị Giác ngộ tối thượng bằng con đường [Trung đạo] này. Bi ngăn cản bởi nghiệp quá khứ, Ta đã tam cau đạo lộ sai trái [khổ hạnh]. 3372. la có sự chấm dứt về phước và tội, Ta đã tránh xa mọi điều bực bội, Ta không sầu muộn, không đau buồn, Ta sẽ Niết-bàn, không còn lậu hoặc.^^ 3373. Đấng Chiến Thắng, vị đã đạt được toàn bộ năng lực của các thắn^ trí, ở trước hội chúng Tỳ-khưu, tại hồ nước lớn Anotatta, đã giảng giải như the. Đức Thế Tôn đã nói về bài giảng giáo pháp tên Pubbakammapilotika9 đề cập đến hành động trong quá khứ của bản thân như thế ấy. ẾÍKý sự về Phật Toàn Giác tên Pubbakammapilotika ” là phần thứ mười.

Phần tóm lược Trái cây avanta, luôn cả trải bánh mì, trái sung, và trái pilakkha, trái cây pharusā, trái cây valli, và vị có trái chuối, trái mít, vi Kotivīsa, và ký sự tên "Pubbakammapiloti” của bậc Đại Ẩn Sĩ; [tổng cộng] có chín mươi mót câu kệ đã được tính đem bởi các bạc trí. Phẩm Avantaphala là phẩm thứ ba mươĩ chín. (Dứt tụng phẩm thứ mươi bốn).

9 Pubbakammapilotỉka tạm dịch là sự việc có liên quan (pilotỉkă) nghiệp (kammà) quá khứ (pubbā).

300 KINH TIẾU BÔ

XL. PHẨM PILENDIVACCHA (PILINDIVACCHAVAGGO)

391. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PILINDIVACCHA (Pilindivacchattherāpadānam) 3374. Tôi đã là người gác cổng ở thành phố Hamsavatī. Của cải đã được tích lũy trong nhà của tôi là không bị suy suyền, không thể đo lường. 3375. Sau khi đi đến nơi vắng vẻ rồi ngồi xuống, tôi đã được vui vẻ tâm trí. Sau khi ngồi xuống ở nơi cao quý của tòa lâu đài, khi ấy tôi đã suy nghĩ như vầy: 3376. “Ta đã đạt được nhiều của cải, nội phòng của ta là trù phú. Ngay cả đức Vua Ānanda, vị chúa tể trái đất, cũng đã thỉnh mời [ta]. 3377. Và đức Phật này đã hiện khởi. Bậc Hiền Trí là hiện tượng hiếm hoi. Và của cải của ta được biết đến, ta sẽ dâng Cling vật thí đên bậc Đạo Sư. 3378. Vật thí cao quý đã được Vương tử Paduma dâng cung đến đấng Chiến Thắng là các con long tượng cùng với các ghê bành và sự ủng hộ không phải là ít OI. 3379. Ta cũng sẽ dâng cúng vật thí chưa được những người khác dâng cúng trước đây đen hội chúng, tập thể cao quý tối thượng. Ta sẽ là người làm đầu tiên/5 3380. Sau khi suy nghĩ về quả báo hạnh phúc ở sự cống hiến của việc ấy theo nhiều cách, tôi đã nhìn thấy sự dâng cúng vật dụng là đáp ứng được ý định của tôi. 3381. "Ta sẽ dâng Cling các loại vật dụng chưa được những người khác dâng cúng trước đây đến hội chúng, tập thê cao quý tối thượng. Ta sẽ là người làm đầu tiền.“ 3382. Ngay lập tức tôi đã đi đến các người làm nghề tre và đã bảo làm lọng che. Tôi đã tập trung một trăm ngàn chiếc lọng che thành một đống. 3383. Tôi đã tập trung một trăm ngàn tấm vải thành một đống. Tôi đã tập trung một trăm ngàn bình bát thành

một đống. 3384. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các chiêc búa nhỏ, các con dao nhỏ, và luôn cả các kim khâu, các đo cắt móng, rồi đã cho treo chúng ở bên dưới chiếc lọng che. 3385. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các cây quạt gió, các cây quạt lá cọ, các quạt lông chim công, các quạt đuôi bò rừng, các đồ lọc nước và các vật đựng dầu.

THÁNH NHÂN KÝ sự 301

3386. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các hộp đựng kim, các dây đeo ở vai, luôn cả các dây buộc thân, và các chân kê [bình bát] đã được làm khéo léo. 3387. Tôi đã chứa đầy các chậu đựng vật dụng và luôn cả các tô nhỏ bằng đồng với thuốc men, rồi đã đặt chúng ở bên dưới chiếc lọng che. 3388. Tôi đã chứa đầy các chậu với mọi thứ như là rễ cây, cỏ usīra, mật mía, trái tiêu dài, các hạt tiêu, trái harītakī, củ gừng. 3389. Tôi đã bảo làm diing theo quy cách các đôi dép, các đôi giày, các vật lau khô nước, các cây gậy chông được làm khéo léo. 3390. [Tôi đã bảo làm] các ống thuốc bôi, các que bôi thuốc, các bình lọc nước, các chìa khóa, các túi đựng chìa khóa được thêu với năm loại màu sắc. 3391. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các vải băng bó, các ống dẫn khói, và luôn cả các chân đèn, các vật đo lường và các hòm nhỏ. 3392. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các kẹp gắp, các cây kéo, rồi các vật hốt rác và luôn cả các túi đựng thuốc men. 3393. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các ghế dài, các ghế đẩu, các ghế bành bằng bốn vật liệu,1 và đã xếp đặt ở bên dưới chiếc lọng che. 3394. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các tấm nệm lông cừu, các tấm nệm bông gòn? luôn cả các tấm nệm ở ghế đẩu, và các chiếc gói đã được làm khéo léo. 3395. [Tôi đã bảo làm] các vật kỳ cọ, các loại sáp ong, dầu ăn, lò sưởi ấm tay, hộp đựng, các tấm ván, kim khâu, cùng với tấm trải giường. 3396. [Tôi đã bảo làm] các chỗ nằm ngồi, các thảm chùi chân, các ^ậy chống ở giường ghế, các vật chà răng và tăm xỉa răng, các dàu thơm bôi ở đầu. 3397. [Tôi đã bảo làm] các vật tạo ra lửa, các ghế rơm, các nắp bình bát và các tô nhỏ, các vá múc nước, bột tắm và chậu nhuộm. 3398. [Tôi đã bảo làm] cái chổi, bể nước, tương tợ như thế là vải choàng tắm mưa, tấm lót ngồi, vải đắp ghẻ và y nội. 3399. [Tôi đã bảo làm] thượng y và y hai lớp, dụng cụ xông mũi, đồ làm sạch miệng, nhiều giấm chua và muối, mật ong và thức uống từ sữa chua. 3400. [Tôi đã bảo làm] nhang thơm, sáp ong, vải vụn, khăn lau mặt, chỉ sợi, bất cứ vật gì được gọi là vật có thể dâng cúng, và bất cứ vật gì thích hợp đối với bậc Đạo Sư. 3401. Sau khi tập hợp mọi thứ này lại, tôi đã đi đến gặp đức Vua Ānanda. Sau khi đã gặp bậc sanh thành của vị Đại Ẩn Sĩ, tôi đã đê đau đảnh lễ và đã nói lời nói này: 3402. "[Chúng ta] đã được sanh ra và lớn lên cùng nhau, tâm ý của cả hai là tương đồng, có sự chia sẻ sướng khổ, và cả hai có cùng chí hướng.*III,

1 Bốn loại vật liệu là vàng, ngọc ma-ni, ngọc pha lê và hồng ngọc (Áp. II, câu kệ 4760, 5368, 6397; Áp. III, câu kệ 174).

302 KINH TIỀU BÔ

3403. Tâu vi cảm hóa kẻ thù địch, [thần] có nỗi khổ trong tâm có liên quan đến Bệ hạ. Tâu vi Sát-đế-ly, nếu Bệ hạ có khả năng xin Bệ hạ hãy dẹp tan nỗi khổ ay." 3404. "Nỗi khổ của ngươi là nỗi khổ của trẫm, tâm ý của cả hai là tương đồng. Nếu là việc có liên quan đến trẫm thì ngươi hãy nhận biết rằng: 'Việc đã được hoàn tất/ 3405. "Tâu Đại

vương, xin Bệ hạ hiểu cho thần, nỗi khổ của thần là khó mà dẹp tan. Trong khi có thể, xin Bệ hạ hãy tuyên bố rằng có một vật quý giá mà Bẹ hạ khó từ bỏ dirge." 3406. "Cho dù là vương quốc, cho đến sanh mạng của trẫm, nếu có sự lợi ích cho ngươi với những vật này thì trẫm sẽ ban cho, không ngần ngại." 3407. "Tâu Bệ hạ, quả nhiên Bệ hạ đã tuyên bố. [Tuy nhiên] điều ấy đã được nhiều người tuyên bố một cách xằng bậy. Hôm nay thần sẽ biết rằng Bệ hạ có được cương quyết trong mọi vấn đề [hay không?] 3408. “Nguôi đã ép buộc trẫm quá đáng trong khi trẫm đang ban phát cho ngươi. Ngươi được lợi ích gì với việc đã ép buộc trẫm? Ngươi hãy nói cho trẫm điều đã được ngươi mong 3409. “Tâu Đại vương, thần ao ước đức Phật tối thượng, đấng Vô Thượng. Thần sẽ chăm lo bữa ăn đến bậc Toàn Giác, xin chớ để cho cuộc sống của thần trở thành tội loi.^ 3410. "Trẫm sẽ ban cho ngươi điều ân huệ khác, chớ cầu xin [trẫm về] đức Như Lai. Đức Phật tợ như viên ngọc ma-ni như ý, không thê ban tặng cho bát cứ ai.” 3411. “Tâu Bệ hạ, phải chăng điều đã được ngài tuyên bố là [sẽ ban tặng] ngay cả sanh mạng của chính mình? Đúng ra nên ban tặng đức Như Lai hơn là bô thí sanh mạng.” 3412. "Bậc Đại Hùng nên được đặt riêng, đấng Chiến Thắng không thể ban tặng cho bất cứ ai, đức Phật sẽ không được trẫm đồng ý. Ngươi hãy chọn lấy tài sản vô hạn lượng di." 3413. "Chúng ta hãy tìm đến sự phân xử, chúng ta sẽ hỏi các vi quan tòa. Chúng ta hãy tranh cãi về vấn đề ấy theo cách thức mà họ sẽ giải bày." 3414. Tôi đã năm lây tay của đức vua roi đã đi đên tòa án. Trước các vị quan phán xử, tôi đã nói lời nói này: 3415. “Xin các quan phán xử hãy lắng nghe tôi. Đức vua đã ban cho tôi điều ân huệ, không loại trừ bất cứ vật gi, ngài cũng đã ban luôn cả sanh mạng nữa. 3416. Khi ngài đã ban điều ân huệ cho tôi, tôi đã cầu xin đức Phật tối thượng. [Như vậy] đức Phật là đã được ban cho tôi một cách tốt đẹp, hay là tôi còn có điều nghi ng&?” 3417. "Chúng tôi sẽ lắng nghe lời nói của ngươi và của đức vua là vị hộ trì

THÁNH NHÂN KÝ sự 303

e r • cv. v y . xứ sở. Sau khi lăng nghe lời nói của cả hai, chúng tôi sẽ chặt đứt điêu nghi hoặc ở tại nơi day/9 3418. "Tâu Bệ hạ, có phải ngài đã ban cho tất cả mọi thứ thuộc quyền sở hữu đến người này, và cũng đã ban luôn cả sanh mạng nữa, không loại trừ bất cứ vật gi?” 3419. “Chính vì bị lâm vào tình cảnh khó khăn, [người này] đã cầu xin điều ân huệ vô thượng. Sau khi biết được người này vô cùng đau khổ, trẫm đã ban cho mọi thứ thuộc quyền sở hữu." 3420. "Tâu Bệ hạ, phần thua là thuộc về ngài, đức Như Lai nên được ban cho người này. Sự nghi hoặc của hai vị đã được chặt đứt, xin hai vị hãy duy trì đúng theo sự việc.,, 3421. Đứng ngay tại nơi ây, đức vua đã nói điêu này với vị quan phán xử: uNày các hiền thần, nếu các ngươi cũng có thể ban cho trẫm [điêu ân huệ] thì trẫm [sẽ] nhận lại đức Phật.,, 3422. “Sau khi đã làm tròn đủ ý định của ngươi, sau khi đã chăm lo bữa ăn cho đức Như Lai, ngươi nên giao lại bậc Toàn Giác cho vị có danh vọng lớn lao Ānanda." 3423. Sau khi đảnh lễ các vị quan phán xử và cả vị Sát-đế-lỵ Ānanda nữa, tôi đã trở nên hớn hở vui mừng và đã đi đến gặp đấng Toàn Giác. 3424. Sau khi đã đi đến gặp đấng Toàn Giác, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc, tôi đã đê đầu đảnh lễ và đã nói lời nói này: 3425. "Bạch đấng Hữu Nhãn, xin Ngài hãy nhận lời cùng với một trăm ngàn vị có năng lực. Ngài đang đem lại nỗi vui mừng cho tâm của con, xin Ngài hãy ngự đen căn nhà của con." 3426. Biết được ý định

của tôi, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Hữu Nhãn đã nhận lời. 3427. Sau khi biết được sự nhận lời [của đức Phật], tôi đã đảnh lễ bậc Đạo Sư. Trở nên mừng rỡ, có tâm phấn chấn, tôi đã đi về nhà. 3428. Sau khi triệu tập lại bạn bè và các viên quan lại, tôi đã nói lời nói này: "Tôi đã đạt được sự thành tựu vô cùng khó khăn, giống như [đã đạt được] viên ngọc ma-ni như ý. 3429. Ngài là đấng Vô Lượnệ Vô Song, là bậc Trí Tuệ không người tương đương, không kẻ sánh bằng, là đang Chiên Thăng không người đôi thủ, chúng ta sẽ cúng dường Ngài bằng vật gì? 3430. Tương tợ như vậy, đấng Nhân Ngiru chính là vị tương đương với bậc không thể sánh bằng, không có người thứ hai, vì thế hành động hướng thượng xứng đáng với đức Phật là việc lồm khó khăn đối với tôi. 3431. Chúng ta hãy thu thập những bông hoa khác loại và hãy thực hiện mái che bằng bông hoa; mọi sự cúng dường này sẽ là xứng đáng với đức Phát."

3432. Tôi đã cho thực hiện mái che bằng hoa sen xanh, luôn cả hoa sen hồng, hoa vassika, hoa adhimuttaka, hoa campaka và hoa nāgā. 3433. Tôi đã sắp đặt một trăm ngàn chỗ ngồi ở bóng râm của các chiếc lọng che. Chỗ ngồi cuối cùng dành cho tôi tri giá hơn một trăm [đồng tiền]. 3434. Tôi đã sáp đặt một trăm ngàn chô ngôi ở bóng râm của các chiêc lọng che. Sau khi cho chuẩn bị cơm nước, tôi đã thông báo về thời điểm. 3435. Khi thời điểm đã được thông báo, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara cùng với một trăm ngàn vi có năng lực đã đi đến căn nhà của tôi. 3436. Cùng với một trăm ngàn vị có năng lực, đấng Tối Thượng Nhân đã ngồi xuống [chỗ ngồi] có chiếc lọng che đang được duy trì ở phía bên trên, ở mái che làm bằng bông hoa khéo được nở rộ. 3437. "Bạch đấng Hữu Nhãn, xin Ngài hãy thọ nhận một trăm ngàn chiếc lọng che, một trăm ngàn chỗ ngồi đúng phép tác và không phạm sai trai." 3438. Có ý định giúp cho tôi vượt qua, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đại Hiên Trí ấy đã tiếp nhận. 3439. Tôi đã dâng cúng mỗi vị Tỳ-khưu một cái bình bát riêng biệt. Các vị đã xả bỏ bình bát trước đây và đã sử dụng bình bát bằng kim loại. 3440. Đức Phật đã ngồi ở mái che bông hoa bảy ngày đêm. Trong khi giúp cho nhiều chúng sanh được giác ngộ, Ngài đã chuyển vận bánh xe giáo pháp. 3441. Trong khi Ngài đang chuyển vận bánh xe giáo J>háp ở bên dưới mái che bông hoa, đã có sự lãnh hội giáo pháp của tám mươi bôn ngàn [chúng sanh]. 3442. Khi ngày thứ bảy đã đến, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara ngồi ở bóng râm của chiếc lọng che đã nói lên những lời kệ này: 3443. "Người thanh niên nào đã dâng cúng vật thí cao quý không thiếu sót món gì đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 3444. Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, các binh lính và quân đội gồm bốn binh chủng sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ. 3445. Phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, các kiệu khiêng và các cỗ xe kéo sẽ thường xuyên phục vụ người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ. 3446. Sáu mươi ngàn cô xe ngựa được trang hoàng với tát cả các loại trang sức sẽ thường xuyên hộ tống người này; điêu này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ. 3447. Sáu mươi ngàn nhạc cụ và những chiêc trông lớn được tô diêm sẽ thường xuyên trình tấu đến người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ. 3448. Tám

mươi sáu ngàn phụ nữ được trang điểm, được trang hoàng bằng các loại vải vóc nhiều màu sắc, có các bông tai bang ngọc trai và ngọc ma-ni.

THÁNH NHÂN KÝ sự 305

3449. Có lông mi cong, có nụ cười, có điệu bộ duyên dáng, có eo thon, các nàng sẽ thường xuyên vây quanh người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ. 3450. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc một ngàn lần. 3451. Và [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 3452. Trong khi dạng sống ở thế giới chư thiên, người có được nghiệp phước thiện sở hữu chiếc lọng che bằng châu báu bao trùm toàn bộ thê giới chư thiên. 3453. Khi [người này] ước ao bóng râm, thì có chiếc lọng che được tạo ra từ vải và bông hoa sẽ che bóng râm một cách thường xuyên, thuận theo tâm ý của người này. 3454. Sau khi mệnh chung tư thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, được gắn liền với nghiệp phước thiện, [người này] sẽ trở thành thân quyên của Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. 3455. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkẩka sẽ xuat hiện ơ thế gian. 3456. Biết rõ về toàn bộ việc này, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, sẽ thiết lập [người này] vào vị thế tối thắng. 3457. [Người này] sẽ trở thành Thinh van của bậc Đạo Sư, có tên là Piḷindivaccha, và sẽ được kính trọng trong số chư thiên, các a-tu-la, và các càii-thát-bà. 3458. Sau khi trở thành người được mến mộ đối với tất cả, đối với các vị Tỳ-khưu, đối với các vị Tỳ-khưu-ni, và tương tợ như thế ấy đối với các người tại gia, vị ấy sẽ sống, không còn lậu hoặc.^ 3459. Việc làm đã được thực hiện [trước đây] một trăm ngàn kiếp, đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là toe độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não của tôi. 3460. Ôi, việc làm đã khéo được tôi thực hiện ở phước điền vô thượng. Sau khi thực hiện việc làm ở tại nơi ấy, tôi đã đạt được vi thế bất động. 3461. Chính người thanh niên đã dâng cúng vật thí cao quý không thiếu sót món gì, đã là người đầu tiên, đã là vị tiên phong; điều này là quả báo của việc dâng cúng ấy. 3462. Sau khi dâng cúng các chiếc lọng che đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3463. Tôi không biết đến sự lạnh, sự nóng, bụi bặm và mồ hôi không vấy bân, không có sự nguy khốn và không có tai họa, tôi luôn luôn được tôn trọng.

306 KINH TIÊU BÔ

3464. Tôi có làn da mềm mại, có tâm ý trong sạch, một trăm ngàn chiếc lọng che là thuộc về tôi trong khi tôi luân hồi ở cõi hữu. 3465. Do tác động của nghiệp ấy, [các chiếc lọng ấy] được gắn mọi thứ trang sức và được duy trì ở đỉnh đầu của tôi, ngoại trừ đời sống này. 3466. Tại sao không có sự duy trì các chiếc lọng cho tôi trong đời sống này? Vì tất cả các nghiệp đã được tôi làm là nhằm đạt đến chiếc lọng giải thoát. 3467. Sau khi dâng cúng các tấm vải đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3468. Trong khi tôi luân hồi ở cõi hữu, tôi có màu da vàng chói, không lấm bụi, có sự phát ánh sáng, có sự huy hoàng,

cơ thể của tôi là bóng láng. 3469. Có một trăm ngàn tấm vải màu trắng, màu vàng và màu đỏ được duy trì ở đỉnh đầu của tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng các tấm vải. 3470. Từ thành quả của những việc ấy, ở tất cả các nơi tôi đều có được y phục làm băng tơ lụa, băng sợi len, băng chỉ lanh và băng bông vải. 3471. Sau khi dâng cúng các bình bát đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3472. Tôi sử dụng các đĩa làm bằng hồng ngọc, các đĩa bằng vàng, các đĩa bằng ngọc ma-ni, và luôn cả các tô nhỏ bằng bạc vào mọi thời điểm. 3473. Tôi không có sự nguy khốn và không có tai họa, luôn luôn được tôn trọng. Tôi có sự thành tựu về cơm ăn, nước uông, vải vóc và giường năm. 3474. Các của cải của tôi không bi tiêu hoại, tôi có tâm vững chãi. Tôi luôn luôn có sự mong muốn về giáo pháp, phiền não, không còn lậu hoặc. 3475. ở tất cả các noi, ở thế giới chư thiên hay loài người, những đức tính này là gắn bó không lìa bỏ tôi, cũng giống như bóng râm của cây cối vậy. 3476. Sau khi dâng cúng nhiều chiếc búa nhỏ được gắn liền với chùm tua có màu sắc, khéo được thực hiện đến đức Phật tối thượng, và tương tợ y như the đen hội chúng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3477. Tôi luôn luôn dũng cảm, không có sự loạn động, và có sự toàn hảo về các lòng tự tin, có nghị lực, có sự tinh cần, có tâm ý được tập trung. 3478. Tư thành quả của việc ây, ở kháp mọi nơi tôi đêu đạt được sự dứt trừ phiền não? [cùng với] trí tuệ tinh tế, không thể ước lượng, tinh khiết. 3479. Với tâm tịnh tín, tôi đã dâng cúng nhiêu con dao nhỏ không bị sân sùi, không thô kệch, rất bóng láng đến đức Phật, và tương tợ y như thế đến hội chúng. 3480. Tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. [Tôi có được] tâm tốt đẹp, sự tinh cần, sự nhẫn nại và con dao từ ái.

THÁNH NHÂN KÝ sự 307

3481. [Và] lưỡi gươm tuệ vô thượng có tính chất dứt trừ mũi tên tham ái. Từ thành quả của những việc ấy, tôi đạt được trí tuệ sánh với kim cương. 3482. Sau khi dâng cúng các cây kim khâu đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3483. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi luôn luôn có tuệ sắc bén, không có sự hoài nghi, có sự cắt đứt mọi điều nghi hoặc, có sắc đẹp và có của cải. 3484. Tôi đã nhìn thấy ý nghĩa và nguyên nhân thâm sâu vi tế bằng trí tuệ. Trí tuệ của tôi là sự tiêu diệt điều tăm tối, được sánh với kim cương cao quý. 3485. Sau khi dâng cúng các đồ cắt móng đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thê tôi thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3486. Tôi có được nhiều tôi nam, tớ gái, bò, ngựa, người làm công, người canh gác, người hầu tắm, người phục vụ bữa ăn, người đầu bếp ở khắp tất cả các nơi. 3487. Sau khi dâng cúng các cây quạt gió và các cây quạt lá cọ xinh xắn đến đức Thiện Thệ, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3488. Toi không biết đến sự lạnh [và] sự nóng, sự bứt rứt không hiện hữu, tôi không biết đến sự ưu phiền và sự bực bội ở tâm của tôi. 3489. Từ thành quả của việc ấy của tôi, tất cả các ngọn lửa của tôi là lửa tham ái, lửa sân hận và si mê, lửa ngã mạn và lửa tà kiến đã bị dập tắt. 3490. Sau khi dâng cúng các quạt lông chim công, các quạt đuôi bò rừng đến hội chúng, tập thể tối thượng, tôi có phiền não được lặng yên, tôi sống không có tật xấu. 3491. Sau khi dâng cúng các đồ lọc nước đến đức Thiện Thệ và các bậc tối thượng thực hành giáo

pháp, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3492. Tôi vượt trội tất cả và đạt được tuổi thọ ở cõi trời, tôi không bao giờ bị áp bức bởi những kẻ trộm cướp hoặc những kẻ thù địch. 3493. Từ thành quả của những việc ây, người ta cũng không làm tôn hại tôi bằng vũ khí hoặc bằng thuốc độc, tình trạng chết yểu không xảy đến cho tôi. 3494. Sau khi dâng cúng các vật đựng dầu đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3495. Tôi có dáng vóc vô cùng tao nhã, có giọng nói tốt, tâm ý khéo hướng thượng, tâm tư không rối loạn, tôi được bảo vệ bằng mọi phương cách bảo vệ. 3496. Sau khi dâng cúng các hộp đựng kim đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

308 KINH TIÊU Bộ

3497. Tôi có sự an lạc của tâm, có sự an lạc của thân, có sự an lạc sanh lên từ các oai nghi; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy. 3498. Sau khi dâng cúng các dây đeo ở vai đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3499. Và từ thành quả của việc ấy, tôi đạt được trí biết tâm của người khác, tôi nhớ lại kiếp sống thứ nhì, tôi có làn da đẹp toàn diện. 3500. Sau khi dâng cúng các dây buộc thân đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng sáu phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3501. Tôi không chao động ở các tầng định, tôi có năng lực đối với các tầng định, tôi có hội chúng không thể bị chia rẽ, có lời nói luôn luôn được thừa nhận. 3502. Tôi có niệm đã được thiết lập, sự run sợ của tôi là không được biết đến, các đức tính này được gắn liền dầu ở thế giới chư thiên hay là nhân loại. 3503. Sau khi dâng cúng các chân kê [bình bát] đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi được thừa hưởng năm loại màu sắc, tối không bi lay động bơi bất cứ điều gì. 3504. Bất cứ các pháp nào tôi đã được nghe đều là những sự thức tỉnh cho niệm và trí. Những gì đã được tôi ghi nhớ là không tiêu hoại, chúng được xét đoán cẩn thận. 3505. Sau khi dâng cúng các chậu đựng cùng các vật dụng đến đức Phật và tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3506. Tôi đạt được các chậu đựng làm bằng vàng, làm bằng bạc, luôn cả làm bằng ngọc pha lê và còn làm bằng hồng ngọc nữa. 3507. Những người vợ và các tôi trai, tớ gái, các tượng binh, kỵ binh, xa binh, bộ binh và luôn cả những người nữ trung thành nữa, đều là thuộc quyền sử dụng [của tôi] vào mọi lúc. 3508. Các môn khoa học, các từ ngữ về chú thuật, luôn cả nhiều kinh điển các loại, cùng tất cả các học nghệ, đều là thuộc quyền sử dụng [của tôi] vào mọi lúc. 3509. Sau khi dâng cúng các tô nhỏ đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. y y 3510. Tôi đạt được các tô nhỏ làm băng vàng, làm băng bạc, luôn cả làm bằng ngọc pha lê và còn làm bằng hồng ngọc nữa. 3511. Tôi đạt được các tô nhỏ làm bằng gỗ assattha, bằng vỏ trái bầu, hoặc bằng các lá sen, và các vỏ sò ốc cho việc uống mật ong. 3512. Tôi có sự thực hành vê phận sự, vê đức hạnh, vê các hành động thuộc về ứng xử; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy. 3513. Sau khi dâng cúng thuốc men đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập

thê cao quý tôi thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3514. Từ thành quả của việc ấy, tôi có tuổi thọ, có sức mạnh, dũng cảm, có sắc đẹp, có uy quyền, có sự sung sướng, không có sự nguy khốn, không có tai họa, và luôn luôn được tôn trọng, không có sự xa lìa với những người yêu mến của tôi. 3515. Sau khi dâng cúng các đôi dép đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3516. Sáu chục trăm ngàn (sáu triệu) phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, các kiệu khiêng, và các cỗ xe kéo luôn luôn vây quanh tôi. 3517. Trong khi tôi luân hồi ở cõi hữu, có những chiếc giày làm bằng ngọc ma-ni, bằng len, bằng vàng, và bằng bạc hiện ra ở những lần giở bàn chân lên. 3518. Theo quy luật tự nhiên, chúng di chuyển hướng đến việc tẩy sạch các hành động tội lỗi; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy. 3519. Sau khi dâng cúng các đôi giày đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi đã mang vào chiếc giày có thần lực và tôi sống theo như ước muốn. 3520. Sau khi dâng cúng các miếng vải lau khô nước đến đức Phật và tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3521. Tôi có màu da vàng chói, không lấm bụi, có sự phát ánh sáng, có sự huy hoàng, cơ thể của tôi là bóng láng, không vây bân bụi bặm và mồ hôi; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy. 3522. Sau khi dâng cúng các cây gậy chống đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng sáu phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3523. Tôi có nhiều người con trai, sự run sợ của tôi là không được biết đến, tôi không bao giờ bị áp bức, tôi được bảo vệ bằng mọi phương cách bảo vệ, thậm chí sự té ngã tôi cũng không biết, tâm ý của tôi không bị tản mạn. 3524. Sau khi dâng cúng thuốc bôi đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3535. Tôi có [cặp] mắt to màu trắng, màu vàng và màu đỏ, có nhãn quan được tinh tín không bi vẩn đục, được lánh xa mọi tật bệnh. 3526. Tôi đạt được thiên nhãn và tuệ nhãn vô thượng; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy. 3527. Sau khi dâng cúng các chìa khóa đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi đạt được chìa khóa trí tuệ, vật mở ra cánh cửa giáo pháp.

3528. Sau khi dâng cúng các túi đựng chìa khóa đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng hai phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. Trong khi luân hồi ở cõi hữu, tôi ít giận dữ, không buồn phiền. 3529. Sau khi dâng cúng các vải băng bó đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3530. Trong khi luân hồi ở cõi hữu, tôi không chao động ở các tầng định, tôi có năng lực đối với các tầng định, tôi có hội chúng không thể bị chia rẽ, có lời nói luôn luôn được thừa nhận, có sự thành tựu của cải được sanh lên. 3531. Sau khi dâng cúng các ống dẫn khói đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3532. Niệm của tôi là trực chỉ, các sợi gân khéo được liên kết, tôi đạt được thiên nhãn là từ thành quả của việc ấy. 3533. Sau khi dâng cúng các chân đèn đến đấng Chiến Thắng và

hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3534. Tôi có sự sanh ra tốt đẹp, được đầy đủ các phần thân thể, có tuệ hướng đến giác ngộ; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy. 3535. Sau khi dâng cúng các vật đo lường và các hòm nhỏ đến đức Phật và tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3536. Tôi luôn luôn cảnh giác, có được sự an lạc, có danh vọng lớn lao, đồng thời có cả tương lai, được xa lìa sự thất bại, có sự tinh tế, được lánh khỏi tất cả các hiểm họa. 3537-38. Và tôi có sự đạt được các đức tính vĩ dại, tôi có hành vi bình lặng, sự kích động đã được xa lìa hẳn, tôi đạt được các vật đo lường và các hòm nhỏ có bon màu cùng với các con voi, các con ngựa và châu báu, những vật này của tôi không bi tiêu hoại; điều này là quả báo của việc dâng cúng các vật đo lường. 3539. Sau khi dâng cúng các ông đựng thuốc bôi đên đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3540. Tôi có đủ tất cả các tướng mạo, có tuổi thọ, trí tuệ và [tâm] định tĩnh, thân của tôi luôn luôn được thoát khỏi mọi sự mệt nhọc. 3541. Sau khi dâng cúng các cây kéo có cán nhỏ vô cùng bén đến hội chúng, tôi đạt được trí tuệ vô lượng và tinh khiết, vật cắt xén các phiền não. 3542. Sau khi dâng cúng các kẹp gắp đến đức Thiện Thệ và hội chứng, tập thê cao quý tôi thượng, tôi đạt được trí tuệ vô lượng và tinh khiêt, vật găp bỏ các phiền não.

THÁNH NHÂN KÝ sự 311

3543. Sau khi dâng cúng các dụng cụ xông mũi đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thê cao quý tôi thượng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3544. Tôi có đức tin, giới hạnh, luôn cả sự hổ thẹn tội lỗi và đức tính ghê sợ [tội lỗi], có sự học hỏi, sự dứt bỏ của cải, sự nhẫn nại và trí tuệ là đức tính thứ tám. 3545. Sau khi dâng cúng các ghế đẩu đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3546. Tôi được sanh ra ở gia tộc thượng lưu, tôi có của cải lớn lao, tất cả tôn trọng tôi, danh tiêng của tôi được lan truyên. e r 9 r r 3547. Trong một trăm ngàn kiêp, các chiêc ghê bành hình vuông thường xuyên vây quanh tôi, tôi vui thích trong sự ban phát. 3548. Sau khi dâng cúng các tấm nệm đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng sáu phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3549. Tôi có thân thê đêu đặn, được tôn trọng, là người mem mỏng, có dáng vóc tao nhã, tôi đạt được nhóm tùy tùng có trí tuệ; điều này là quả báo của việc dâng cúng nệm. 3550. Tôi đạt được các nệm bông vải đủ các hình dạng, nhiều tấm thảm dệt có hình vẽ, các tấm tranh vải quý giá và nhiều loại chăn mền. 3551. Tôi đạt được các tấm áo khoác mềm mại, các mảnh da dê mềm mại và các tâm trải lót nhiêu loại; điêu này là quả báo của việc dâng cúng nệm. 3552. Ke từ khi tôi nhớ được bản thân, kể từ khi tôi đạt được sự hiểu biết, tôi không là kẻ vô tích sự, tôi là chiếc nôi của thiền; điều này là quả báo của việc dâng cúng các tấm nệm. 3553. Sau khi dâng cúng các chiếc gối đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng sáu phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3554. Tôi luôn luôn kê đầu ở những chiếc gối len? những chiếc gối gương sen và những chiếc gối gỗ tram màu đỏ. 3555. Sau khi hướng dẫn trí đến đạo lộ cao quý tám chi phần, bốn quả vi Sa-môn, tôi an trú vào các pháp ấy trong mọi thời điểm. 3556. Sau khi hướng dẫn trí

đến sự bố thí, sự rèn luyện, sự thu thúc và các pháp vô lượng tâm [từ, bi, hỷ, xả] thuộc sắc giới, tôi an tru vào các pháp ấy trong mọi thời điểm. 3557. Sau khi đặt tâm trí vào phận SỊT, đức hạnh, sự thực hành và các hành động thuộc vê ứng xử, tôi an trú [vào các pháp áy] trong mọi thời diêm.

3558. Sau khi hướng dẫn trí đến đường kinh hành, hoặc sự nỗ lực tinh tấn ở các chi phần giác ngộ? tôi an tru vào các pháp ấy theo như ý thích. 3559. Sau khi huớng dẫn trí đến giới, đinh, tuệ và sự giải thoát vô thượng, tôi an trú vào các pháp ây một cách an lạc. 3560. Sau khi dâng cúng các ghê rơm đên dâng Chiên Thăng và hội chúng, tập thê cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng hai phước báu tương xứng với nghiệp cua tôi. 3561. Tôi hưởng thụ nhiều ghế bành thượng hạng làm bằng vàng, làm bằng ngọc ma-ni, làm bằng ngà voi và lõi gỗ; điều này là quả báo của chiếc ghế rơm. 3562. Sau khi dâng cúng các ghế kê chân đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng hai phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3563. Tôi đạt được nhiêu phương tiện di chuyên; điêu này là quả báo của chiêc ghê kê chân. Các tôi nam, tớ gái, các người vợ, và những người khác sông nương tựa đều phục vụ tôi một cách nghiêm chỉnh; điều này là quả báo của chiêc ghê kê chân. 3564. Sau khi dâng cúng các chất dầu bôi đến hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3565. Tôi có được sự không bệnh tật, sự thành tựu về dáng vóc, sự tiếp thu giáo pháp một cách nhạy bén, sự đạt được cơm ăn nước uống, và nhóm năm là tuôi thọ, sắc đẹp, an vui, sức mạnh và trí tuệ. 3566. Sau khi dâng cúng bơ lỏng và dầu ăn đến hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3567. Tôi luôn luôn có được sức mạnh, được thành tựu về dáng vóc, có cơ thể tươi vui, không có bệnh, sạch sẽ; điều này là quả báo của bơ lỏng và dầu ăn. 3568. Sau khi dâng cúng vật làm sạch miệng đến đức Phật và hội chúng, tập thê tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3569. Tôi có cổ họng sạch sẽ, có giọng nói ngọt ngào, được tránh khỏi bệnh ho, bệnh suyển, và hương thơm của hoa sen luôn luôn tỏa ra từ miệng của tôi. 3570. Sau khi dâng cúng sữa đông đầy đủ phẩm chất đến đức Phật và hội chúng, tạp thể tối thượng, tôi thọ hưởng tài sản bất tử cao quý, đó là niệm hướng đến thân. 3571. Sau khi dâng cúng mật ong đạt được màu sắc và hương vị đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tôi uống hương vị giải thoát không thể ước lượng, không gì sánh bằng. 3572. Sau khi dâng cúng chất tinh túy ở trạng thái thiên nhiên đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng bốn [Thánh] quả tương xứng với nghiệp của tôi. 3573. Sau khi dâng cúng cơm ăn và nước uống đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3574. Tôi luôn luôn có tuổi thọ, có sức mạnh, sáng suốt, có dung sắc, có uy quyền, có sự sung sướng, có sự thành tựu về cơm ăn và nước uống, dũng cảm, có trí tuệ, tôi đạt được những đức tính này trong khi luân hồi ở cõi hữu. 3575. Sau khi dâng cúng nhang [thơm] đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng mười

phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3576-77. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đạt được cơ thể có mùi thơm ngào ngạt, có uy quyền, có tuệ nhạy bén, có danh tiếng, có tuệ sắc bén, có tuệ bao la, có tuệ vi tiếu và tuệ thâm sâu, có tuệ rộng lớn và tuệ đổng tốc. Giờ đây, do nhờ tác động của chính việc ấy, tôi đạt đến sự tinh lặng, an lạc, Niết-ban. 3578. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3579. Các phiền não của tôi đã được thiêu(tót, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3580. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão PiḶindivaccha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão PiḶindivaccha^ là phần thứ nhất

392. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SELA (Seỉattherãpadânam) 3581. Tôi đã là vị chủ quản đường lộ ở thành phố Hamsavatī. Tôi đã tập hợp thân quyến của tôi lại và đã nói lời nói này: 3582. "Đức Phật, vị Phước Điền Vô Thượng đã hiện khởi ở thế gian. Ngài là vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng của toàn bộ thế gian. 3583. Các vi Sát-đế-ly, luôn cả các thi dân và các Bà-la-môn vô cùng sang trọng có tâm tinh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng. 3584. Các người nài voi, các lính ngự lâm, các người đánh xe, các binh lính có tâm tinh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng. 3585. Các vị con lai [có cha dòng Sát-đê-lỵ và mẹ là nô bộc], các người con trai của đức vua, các thương buôn và các Bà-la-môn có tâm tinh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng. 3586. Các người đầu bếp, các người phục vụ, các người hầu tắm, các nẹười làm tràng hoa có tâm tinh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đong. 3587. Các người thợ nhuộm, các người thợ dệt, các người thuộc da và các người thợ cạo có tâm tinh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng. 3588. Các người làm tên, các người thợ tiện, các người thợ da luôn cả các người thợ mộc có tâm tịnh tín có ý vui mừng, họ đã the hiện tinh than cộng đồng.

3589. Các người thợ rèn, các người thợ vàng; cũng vậy, các người thợ thiếc CÓ tâm tinh tín, có ý vui mừng, họ đã thê hiện tinh thân cộng đông. 3590. Các người làm công, luôn cả các trẻ sai vặt, nhiều kẻ nô lệ làm công, tùy theo năng lực của mình họ đã thê hiện tinh thần cộng đồng. 3591. Các người gánh nước, các người gánh củi, các nông dân và các người gánh cỏ, tùy theo năng lực của mình họ đã the hiện tinh than cộng đong. 3592. Các người trồng hoa, luôn cả các người làm tràng hoa, các người hốt lá, các người gánh trái cây, tùy theo năng lực của mình họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng. 3593. Các cô kỹ nữ, các cô hầu đội nước, các cô bán bánh và các bà bán cá, tùy theo năng lực của mình họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng. 3594. Xin quý vị hãy đi đến. Tất cả chúng ta hãy tụ hội lại và cùng nhau kết hợp lại thành nhóm. Chúng ta sẽ thực hiện hành động hướng thượng đến phước điên vô thượng.,, 3595. Sau khi lăng nghe lời nói của tôi, họ đã tức thời két hợp lại thành nhóm và đã cho thực hiện hội trường phục vụ được xây dựng khéo léo dành cho hội chúng Tỳ-khưu. 3596. Sau khi cho làm hoàn tất hội trường ấy, tôi đã trở nên phấn khởi, có tâm ý hớn hở. Được tất cả những người ấy tháp

tùng, tôi đã đi đến gặp bậc Toàn Giác. 3597. Sau khi đi đến gần bậc Toàn Giác, đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Nhân Ngưu, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư và đã nói lời nói này: 3598. "Bạch đấng Anh Hùng, ba trăm người nam này là cùng nhóm. Bạch bậc Hiên Trí, họ công hiên đên Ngài hội trường phục vụ đã được xây dựng khéo léo/9 . 3599. Bậc Hữu Nhãn đứng đầu hội chúng Tỳ-khưu đã tiếp nhận và trước ba trăm người, Ngài đã nói lên những lời kệ này: 3600. "Ba trăm người cùng với vị trưởng thượng đã hợp tác cùng nhau. Sau khi thực hiện, tất cả các ngươi sẽ thọ hưởng thành quả. 3601. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, các ngươi sẽ chạm được Niết-bàn an tịnh, có trạng thái mát mẻ? vô thượng, không già, không chết." 3602. Đức Phật, bậc Toàn Tri, vị Sa-môn vô thượng đã chú nguyện như thế. Sau khi lắng nghe lời nói của đức Phật, tôi đã bày tỏ sự vui mừng. 3603. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp. Và tôi đã là vị thông lãnh chư thiên cai quản thiên quôc năm trăm lân. 3604. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. Các vi đại thiên đã đảnh lễ tôi khi tôi đang cai quản thiên quốc. 3605. ở đây, trong vương quốc nhân loại, nhóm người [trước đây] trở

thành bà con họ hàng. Khi kiếp sống cuối cùng đã đến, có người Bà-la-môn tên Vāsettha. 3606. Tôi đã là người con trai của vị ấy, có sự tích lũy tám mươi koti (tám trăm triệu). Tên của tôi là Sela. Tôi đạt đến sự toàn hảo vê sáu chi phần [của vi Bà-la-môn]. 3607-08. Trong khi dẫn đàu những người học trò của mình đi bách bộ đó đây, tôi đã nhìn thấy vị đạo sĩ khổ hạnh tên Keniya, mang búi tóc và giỏ vật dụng, có vật cúng hiến đã được chuẩn bị và tôi đã nói lời nói này: "C6 phải ông đã thỉnh mời cô dâu, hoặc chú rể, hay là đức vua?" 3609. "Tôi có ý định dâng tặng vật hiến cúng đến vi Bà-la-môn đã được công nhận là vi Trời. Tôi không thỉnh mời đức vua, vật hiến cúng của tôi không có. 3610. Và tôi thì không có cô dâu, chú rể của tôi thì không được biết đến. Còn vị đem lại niềm hoan hỷ cho dòng họ Sakyā là bậc Trưởng Thượng ở Thế Gian, luôn cả chư thiên. 3611. Vị ấy là nguồn đem lại sự an lạc cho tất cả chúng sanh, vì sự lợi ích và tấn hóa của toàn bộ thế gian, vị ấy đã được tôi thỉnh mời ngày hôm nay. Đây là vật chuẩn bị cho vị ấy. 3612. Đức Phật đã được [tôi] thỉnh mời vào ngày mai là vị có màu da tợ như trái cây timbarū, là bậc vô lượng, vô song, không thể sánh bằng về dáng vóc. 3613. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy trông tợ thỏi vàng đặt ở cửa miệng lò nung, như là than gỗ khadira cháy rực tương tợ tia chớp. 3614. Đức Phật đã được tôi thỉnh mời ấy giống như ngọn lửa ở đỉnh ngọn núi, tợ như mặt trăng vào ngày rằm, giống như là màu sắc ngọn lửa của cây sậy. 3615. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy như là con sư tử? không bi hãi sợ, đã vượt qua sự sợ hãi, là bậc Hiền Trí có sự chấm dứt việc tái sanh. 3616. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là vị thiện xảo trong các pháp của chư Phật. Ngài không bao giờ bị áp bức bởi những kẻ khác, tương tợ con voi. 3617. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là vị thiện xảo về sự thực hành trong Chánh pháp, là vị Phật hùng tráng không thể sánh bằng, tương tợ con bò mộng. 3618. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là vị có phẩm hạnh vô biên, có danh vọng vô lượng, có tất cả tướng mạo rực rỡ, tương tợ [Chúa trời] Sakkā. 3619. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mòi ấy là

vi có năng lực, có đồ chúng, có sự huy hoàng, có sự vẻ vang, khó mà tiếp cận, tương tợ đấng Phạm thiên. 3620. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy có giáo pháp đã

đạt, là đấng Thập Lực, là bậc thông thạo về năng lực và siêu năng lực, tương tợ trái đất. 3621. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy được vây bủa bởi các làn sóng giới hạnh, không bị lay động do sự nhận thức [của giác quan] đối với các đối tượng, tương tợ biển cả. 3622. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là khó mà tiếp cận, khó mà chế ngự, không bị lay chuyển, hướng thượng, cao thượng, tương tợ núi Neru. 3623. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy có trí tuệ vô biên, tương đương với bậc không thể sánh bằng, không thể ước lượng, đã đạt đến tột đỉnh, tương tợ bầu không gian. (Dứt tụng phẩm thứ mười lăm).

3624. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là vị an ủi, là chốn nâng đỡ cho những kẻ bi khiếp hãi lo sợ, là sự bảo vệ cho những người đến nương nhờ. 3625. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là hầm mỏ châu báu, ỉa chỗ trú của những người có trí giác ngộ, là phước điền của những người tầm cầu sự an lạc. 3626. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là bậc an ủi, tạo ra niềm phấn khởi, là đấng ban phát quả vị Sa-môn, tương tợ đám mây [đem lại cơn mưa]. 3627. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là con mắt của thế gian, có oai lực lớn lao, là sự xua đi tất cả các bóng tối, tương tợ mặt trời [xua tan đêm đen]. 3628. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là bậc Hiền Trí, có sự nhìn thấy bản thể trong các sự giải thoát khỏi đối tượng của các giác quan, tương tợ mặt trăng [lìa bỏ các chỗ đã rọi đến]. 3629. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là bậc Trưởng Thượng, đã tự mình vươn lên ở thế gian, được tô điểm với các tướng mạo, là bậc Vô Lượng. 3630. Vị nào có trí tuệ không thể đo lường, vị nào có giới không thể tương đương, vi nào có sự giải thoát không thể sánh bằng, vị ấy là đức Phật đã được tôi thinh mời. 3631. Vị nào có nghị lực không sánh bằng được, vi nào có sức mạnh không nên suy tưởng, vi nào có sự nỗ lực hàng đầu, vị ấy là đức Phật đã được tôi thỉnh mời. 3632. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy có tất cả các chất độc hại là tham, sân và si đã được xóa sạch, tương tợ thuốc chữa bệnh.

3633 Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy có sự xua đi căn bệnh phiền não, nhiều sự khổ đau và tất cả các bóng tối, tương tợ vị lương y." 3634. "Này ông, vị mà ông nói là 'đức Phật\ thậm chí tiếng gọi ấy cũng khó mà đạt được.,, Sau khi được nghe rằng: "Bức Phật! Đức Phát!", đã có sự phỉ lạc sanh khởi đến tôi. 3635. Niềm phỉ lạc của tôi không [thể] nắm giữ ở bên trong đã bộc lộ ra ngoài. Trong khi có tâm phỉ lạc, tôi đây đã nói lời nói này: 3636. "Vậy thì đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu ấy là ở đâu? Tôi sẽ đi đến nơi ấy và sẽ đảnh lễ đấng ban phát quả vị Sa-m6n.” 3637. Sau khi nắm lấy cánh tay phải [của tôi], [vị đạo sĩ Keniya] tràn đầy niềm phấn khởi, tay chắp lại, đã nói với tôi vê đang Pháp Vương, bậc có sự xua đi các

mũi tên sầu muộn rằng: 3638. uÔng hãy nhìn xem khu rừng lớn này tợ như đám mây khổng lồ đang trỗi dậy? như là lớp thuốc bôi màu lục, trông như là biển cả. 3639. Đức Phật, bậc Điều Phục những ai chưa được điều phục, đấng Hiền Trí ấy ngự ở nơi đây, đang hướng dẫn những người cần được hướng dẫn và giúp cho họ giác ngộ những chi phần giác ng0.” 3640. Tợ như người khát nước tìm kiếm nước, tợ như người bị đói tìm kiếm thức ăn, như là bò mẹ khao khát con bê, tôi đã tìm đen đang Chiến Thắng tương tợ như thế. 3641. Là người biết lối hành xử và cách tiếp cận hay dở thích hợp với tình huống, tôi đã chỉ dạy những người học trò của mình trong khi họ đang đi đến chỗ cua đấng Chiến Thắng rang: 3642. “Này các chàng trai, các đấng Thế Tôn là khó mà tiếp cận, tợ như những con sư tử có sở hành đơn độc, các trò nên đi đến, bước từng bước từng bước một. 3643. Giông như con răn độc khủng khiếp, tợ như con sư tử vua của loài thú, tợ như con voi có ngà đã bị noi cơn, chư Phật là khó mà tiếp cận như the ấy. 3644. Này các chàng trai, hãy kềm lại sự ho khan và khịt mũi. Các trò hãy đi đến gần bên đức Phật, bước từng bước từng bước một. 3645. Chư Phật là các vị thầy của thế gian luôn cả chư thiên, là những bậc quý trọng sự yên tịnh, ít gây tiếng động, khó mà tiếp cận, khó đến gần bên. 3646. Khi ta hỏi câu hỏi hoặc là trao đổi xã giao, khi ấy các trò hãy im lặng, hãy đứng yên như là có bản chát của bậc Hiền Trí. 3647. về Chánh pháp mà vị ấy thuyết giảng nhằm đạt đến Niết-bàn an ổn, các trò hãy chú tâm đến ý nghĩa ấy. Việc lắng nghe Chánh pháp là hạnh phúc.,^ 3648. Sau khi đi đến gần bậc Toàn Giác, tôi đã chào hỏi với bậc Hiền Trí. Sau khi đã trao đổi lời thăm hỏi ấy, tôi đã quan sát các tướng mạo.

3649. Tôi nhìn thấy ba mươi tướng mạo, nhung tôi vẫn còn hoài nghi về hai tướng mạo. Đấng Hiền Trí đã dùng thần thông cho thấy vật kín có lớp vỏ bọc lại. 3650. Đấng Chiến Thắng đã thè lưỡi ra uốn lại, rồi đã chạm vào lỗ tai và lỗ mũi, [sau đó] đã che lấp toàn bộ cái trán. 3651. Sau khi nhìn thấy các tướng mạo được đầy đủ cùng với các tướng phụ của Ngài, tôi đã đi đến kết luận là "dức Phát", và đã xuất gia cùng với các người học trò. 3652. Cùng với ba trăm [người học trò], tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Chưa đến nửa tháng, tất cả chúng tôi đã đạt được Niết-bàn. 3653. Sau khi đã cùng nhau thực hiện công việc ở phước điền vô thượng, sau khi đã cùng nhau luân hồi, họ đã cùng nhau dừng lại. 3654. Sau khi dâng cúng các cây đà chông, tôi đã sông theo tính chát cộng đồng. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp9 tôi đạt được tám nhân tố: 3655. Tôi được tôn vinh ở các phương, và của cải của tôi là vô lượng, tôi là chốn nâng đỡ cho tất cả, sự run sợ của tôi không được biết đến. 3656. Các bệnh tật của tôi không được biết đến, và tôi gìn giữ được tuổi thọ, tôi là người có làn da mềm mại, tôi cư ngụ ở trú xứ đã được mong mỏi. 3657. Sau khi dâng cúng tám cây đà chống, tôi đã sống theo tính chất cộng đông. Tôi có các tuệ phân tích và phàm vị A-la-hán, điêu này là phân phụ trội của điều thứ tám. 3658. Bạch đang Đại Hiên Trí, con có toàn bộ nguôn nhiên liệu đã cạn, có phận sự đã được làm xong, không còn lậu hoặc, là người con trai của Ngài, có tên là Atthagopānasī. 3659. Sau khi dâng cúng năm cây cột trụ, tôi đã sống theo tính chất cộng đồng. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đạt được năm nhân tố: 3660. Tôi không dao động nhờ vào tâm từ ái, tôi có các bộ phận cơ thể không bị thiếu sót, tôi có

lời nói được thừa nhận, cũng vậy, tôi không bị công kích. 3661. Tâm của tôi không bi tản mạn, tôi không bị dao động bởi bất cứ điều gì. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi không bị bợn nhơ ở trong giáo pháp. 3662. Bạch đấng Đại Hùng, bạch bậc Hiền Trí, vị Tỳ-khxru Thinh văn của Ngài có sự tôn kính, có sự phục tùng, có phận sự đã được làm xong, không còn các lậu hoặc, xin đảnh lễ Ngài. 3663. Tôi đã thực hiện chiếc ghế bành được làm khéo léo và đã bố trí ở hội trường. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp? tôi đạt được năm nhân tố: 3664. Sau khi được sanh vào gia tộc thượng lưu, tôi có của cải lớn lao. Tôi là người được thành tựu mọi thứ, sự bon xẻn ở tôi không được biết đến.

3665. Khi tôi mong muốn ra đi, chiếc ghế bành hiện diện kế bên. Bằng chiếc ghế bành tối thượng, tôi đi đến nơi đã được tôi mong muốn. 3666. Do việc dâng cúng chiếc ghế bành ấy, tôi đã xua đi tất cả bóng tối. Bạch đấng Hiền Trí, vị Trưởng lão đã đạt được toàn bộ năng lực của thắng trí xin đảnh le Ngài. 3667. Tôi đã hoàn thành tất cả các phận sự, phận sự của mình và phận sự đối với người khác. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi vào thành phố không sợ hãi (Niết-bàn). 3668. Tôi đã dâng cúng vật hữu dụng chính là hội tnrờng đã được hoàn thành. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đạt đến bản thể tối thượng. 3669. Bất cứ các huấn luyện viên nào ở thế gian, khi họ huấn luyện các con voi, các con ngựa, họ thực hiện nhiều cách hành hạ khác nhau, họ huấn luyện bằng sự tàn bạo. 3670. Bạch đấng Đại Hùng, Ngài không huấn luyện các người nam và nữ như thê ây. Ngài huân luyện trong sự huân luyện tôi thượng, không gậy, không dao. 3671. Trong khi tán dương các đức tính của sự bố thí, bậc Hiền Trí là vị thiện xảo về việc thuyết giảng. Ngay trong khi đang trả lời một câu hỏi, bậc Hiền Trí đã giác ngộ cho ba trăm người. 3672. Được đấng Điều Ngự huấn luyện, chúng tôi đã được hoàn toàn giải thoát, không còn lậu hoặc, đã đạt được toàn bộ năng lực của thắng trí, đã được tịch diệt về sự đoạn tận mầm mống tái sanh. 3673. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tất cả các điều lo sợ đã được vượt qua; điều này là quả báo của việc dâng cúng hội trường. 3674. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn5 đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3675. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3676. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sela đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Sela” là phần thứ nhì.

393. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SABBAKITTIKA (Sabbakittikattherāpadānam) 3677. [Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian] tợ như cây kanikāra đang

cháy sáng, tợ như cây đèn đang phát sáng, tợ như vì sao osadhĩ đang chiếu sáng, giống như tia chớp ở bầu trời. 3678. [Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian] không bị hãi

sợ, khônẹ có sợ sệt, tợ như con sư tử vua của loài thú, đang tỏa ánh sáng trí tuệ, đang che ngự các nhóm người ngoại đạo. 3679. Toi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang tiếp độ thế gian này, đang cát đứt mọi điêu nghi hoặc, tợ như [con sư tử] vua của loài thú đang gầm thét. 3680. Tôi đã là vị mang búi tóc, khoác tấm da dê, cao thượng, ngay thẳng, có sự huy hoàng. Tôi đã cam lấy y phục bằng vỏ cây và đã trải xuống ở cạnh bàn chân [của đúc Phật]. 3681. Tôi đã cầm lấy chất bôi thơm kālānusāriya và đã thoa lên đức Như Lai. Sau khi thoa lên bậc Toàn Giác, tôi đã ngợi ca về đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng: 3682. “Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã vượt qua dòng nước lũ, Ngài tiếp độ thế gian này, Ngài chiếu sáng bằng ánh sáng trí tuệ, trí tuệ tối thượng [của Ngài] la không bi che lấp. 3683. Ngài chuyên vận bánh xe giáo pháp, Ngài chê ngự các ngoại đạo khác, Ngài là vị cao quý đã chiên thăng trận dâu, Ngài làm trái đất rúng động. 3684. Các làn sóng ở đại dương bị vỡ tan ở bờ biển, tương tợ y như thế, tất cả các tà kiên bị tan vỡ ở trí tuệ của Ngài. 3685. Khi lưới có lỗ nhỏ được đặt vào ở trong hồ nước, các sinh vật đi vào trong lưới thì bi khống chế ngay lập tức. 3686. Bạch Ngài, tương tợ y như thế, các ngoại đạo ở thế gian dựa dẫm vào dị giáo tầm thường, họ xoay vần bên trong trí tuệ cao quý của Ngài. 3687. Ngài là bến bờ của những người đang bị cuốn trôi ở dòng nước lũ, chính Ngài là vị bảo hộ của những người không thân quyến, Ngài là sự bảo vệ cho những người bị khô đau vì hãi sợ, là nơi nương tựa của những người có mục tiêu đã bi xao lãng. 3688. Ngài là vi anh hùng độc nhất, không người tương tợ, là sự tích lũy bi mẫn và từ ái, có ệiới tốt đẹp, không kẻ sánh bằng, được an tịnh, có năng lực, vững chãi, đã chiên thắng cuộc hành trình. 3689. Ngài là bậc Trí Tuệ, có sự si mê đã được xa lìa, không còn dục vọng, không có hoài nghi, đã sống trọn vẹn, có sân hận đã được chối bỏ, không ô nhiễm, đã được thanh lọc, tinh khiết. 3690. Ngài đã vượt lên sự quyến luyến, có sự kiêu hãnh đã được tiêu diệt, có tam minh, đã đi đến tận cùng của tam giới, đã vượt qua ranh giới, có sự kính trọng giáo pháp, có mục đích đã được thực hiện, có đạo lộ hữu ích. 3691. Ngài gi8ng như ngôi sao [hướng dẫn] chiếc thuyền, giống như của cải chôn giấu là nguồn tạo sự an lỉi, giông như con sư tử không bị hãi sợ, tợ như con voi chúa kiêu kỳ.”

THÁNH NHÂN KÝ sự 321

3692. Sau khi ngợi ca bậc Có Danh Vọng Lớn Lao Padumuttara bằng mười câu kệ, sau khi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Su, khi ấy tôi đã đứng im lặng. 3693. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đạo Sư đứng ở hội chúng Tỳ-khưu? đã nói lên những lời kệ này: 3694. uNgười nào đã tán dương giới hạnh và trí tuệ, luôn cả giáo pháp của Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 3695. [Người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên sáu chục ngàn kiếp. Sau khi vượt trội chư thiên khác, [người ấy] sẽ được thiết lập làm vị Chúa tể. 3696. về sau người ấy sẽ xuất gia, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người ấy sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức The Tôn Gotama. 3697. Sau khi xuất gia, sau khi lánh xa ác nghiệp bằng thân, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, [người ấy] sẽ Niet-bàn không còn lậu hoặc.” 3698. 'Bạch đấng Đại Hùng, giống như đam mây đang nổi sấm [sét] thì làm cho trái đất này thỏa mãn, tương tợ y như thế, Ngài đã làm con thỏa mãn bằng giáo pháp." 3699. Sau khi ngợi ca giới hạnh, trí tuệ, giáo pháp và đấng Lãnh Đạo Thế Gian, tôi đã

đạt đến sự an tịnh tuyệt đối, Niết-bàn9 vị thế Bất hoại. 3700. Ôi9 nếu như đức Thế Tôn, bậc Hữu Nhãn ấy có thể tồn tại lâu dài, thì [nhiều người] có thể nhận thức điều chưa được biết đến và có thể chạm đến vị thế bất tư. 3701. Đây là lần sinh ra sau cùng của tôi, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 3702. [Ke từ khi] toi đã ngợi ca đức Phật trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương. 3703. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 3704. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3705. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sabbakittika2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Sabbakittika55 ià phần thứ ba.

394. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MADHUDÃYAKA (Madhudāyakattherāpadānam) 3706. Khu ẩn cư của tôi đã được xây dựng khéo léo ở bờ sông Sindhu. Tại nơi ấy, tôi chỉ dạy các học trò về truyền thống cùng với tướng mạo.

2 Sabbakỉttika nghĩa là uvị tán dương (kittika) tổng thể (sabbā) về đức Phát."

3707. Các vị ấy có sự ao ước về giáo pháp, đã được huấn luyện, có ước muôn được nghe lời giáo huân tót đẹp. Đã đạt đên sự toàn hảo vê sáu chi phân, các vị ấy sống ở bờ sông Sindhu. 3708. Khi ây, trong lúc đang tâm câu mục đích tôi thượng, các vị sông ở trong khu rưng bao la. 3709. Bậc Toàn Giác tên Sumedha lúc bấy giờ đã hiện khởi ở thế gian. Thương tưởng đến chúng tôi, đấng Hướng Đạo đã đi đến gần. 3710. Khi đấng Đại Hùng, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha đã đi đến gần, tôi đã làm tấm thảm trải bằng cỏ và đã dâng cúng đến bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian. 3711. Tôi đã cầm lấy mật ong từ khu rừng bao la và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. Bậc Toàn Giác đã thọ dụng và đã nói lời nói này: 3712. "Người nào được tịnh tín, đã tự tay mình dâng cúng mật ong ấy đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 3713. Do sự dâng cúng mật ong này và do tấm thảm trải bằng cỏ, [người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp. 3714. Vào ba mươi ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 3715. Là ngưòd thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người áy] sẽ biêt toàn diện vê tát cả các lậu hoặc và sẽ Niêt-bàn không còn lậu hoāc." 3716. Sau khi đã từ thế giới chư thiên 9 r đi đếnr nơi đây, khi [tôi] nhập vào jF

bụng mẹ, có cơn mưa mật ong đã đô xuống, che lâp trái đất với mật ong. 3717. Và ngay khi tôi đang ra khỏi bụng mẹ một cách vô cùng khó khăn, tại nơi ấy cũng có cơn mưa mật ong đã liên tục đổ mưa đến tôi. 3718. Sau khi lìa khỏi nhà, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình, tôi có sự đạt được về cơm ăn và nước uống; điều này là quả báo của việc dâng cúng mật ong. 3719. Tôi được dồi dào về mọi dục lạc sau khi đã sống ở [thế giới] chư thiên và nhân loại. Chính nhờ sự dâng cúng mật ong ấy, tôi đã đạt được

sự đoạn tận các lậu hoặc. 3720. Khi trời đổ mưa ở cỏ dài bốn ngón tay, khi loài thảo mộc mọc ở trên đất đã được trổ hoa và đã che phủ khắp, ở ngôi nhà trống vắng, ở mái che và ở cội cây, tôi sống luôn luôn được an lạc, không còn lậu hoặc. 3721. Tôi đã vượt lên tất cả các cõi trung bình, to lớn và thấp kém. Hôm nay các lậu hoặc của tôi đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 3722. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí [trước đây] ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng mật ong.

THÁNH NHÂN KÝ sự 323

3723. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 3724. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3725. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Madhudâyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĚÍKý sự về Trưởng lão Madhudâyaka^ là phần thứ tư.

395. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PADUMAKỦTẢGÃRIYA (Padumakūtāgāriyattherapadānam) 3726. Đức Thế Tôn ten Piyadassĩ, là đấng Tự Chủ, bậc Lãnh Đạo Thế Gian. Đấng Toàn Giác, bậc Hiền Trí có ước muốn độc cư, thiện xảo về định. 3727. Sau khi đi sâu vào khu rừng rậm, bậc Đại Hiền Trí Piyadassĩ, đấng Tôi Thượng Nhân đã trải ra tâm y may từ vải bi quăng bỏ roi ngôi xuồng. 3728. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Khi ấy, trong lúc tìm kiếm loài nai pāsādā, tôi [đã] đi lang thang. 3729. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc, tợ như cây sâla chúa đã được trổ hoa, tợ như mặt trời đã mọc lên. 3730. Sau khi nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao Piyadassĩ, khi ấy tôi đã lội xuống hồ nước thiên nhiên và đã mang lại đóa sen hồng. 3731. Sau khi mang lại đóa sen hồng trăm cánh làm thích ý? tôi đã xây dựng ngôi nhà mái nhọn và đã phủ lên bằng hoa sen hồng. 3732. Bậc Có Lòng Thương Tưởng, đấng Bi Mần, bậc Đại Hiền Trí Piya- dassĩ, đức Phật, đấng Chiến Thắng đã ngụ bảy ngày đêm ở ngôi nhà mái nhọn. 3733. Sau khi bỏ đi các [bông hoa] héo úa, tôi đã che lên bằng [bông hoa] mới. Liền sau đó, tôi đã chắp tay lên và đứng yên. 3734. Bậc Đại Hiền Trí Piyadassĩ đã xuất khỏi định. Trong lúc đang quan sát các phương, đấng Lãnh Đạo Thê Gian đã ngôi xuông. 3735. Khi ây9 vị thị giả có đại thân lực tên Sudassana đã hiêu được tâm của đức Phật, bậc E)ạo Sư Piyadassĩ* 3736. Được tháp tùng bởi tám mươi ngàn vị Tỳ-khưu? vị ấy đã đi đến gần đấng Lãnh Đạo The Gian đang ngồi an lạc ở cuối khu rừng. 3737. Và cho đến chư thiên ngự ở trong khu rừng rậm, sau khi biết được tâm của đức Phật, khi ấy tất cả đã tụ hội lại.

3 Madhudâyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) mật ong (jnadhù)y

324 KINH TIÊU BÔ

3738. Khi các dạ-xoa, các ác thần, cùng với các loài quỷ sứ đã cùng nhau đi đến, và khi hội chúng Tỳ-khưu đã đến nơi, đấng Chiến Thắng đã thốt lên các lời kệ này: 3739.

"Người nào đã cúng dường và đã thực hiện chỗ ngụ cho Ta bảy ngày, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 3740. Bằng trí tuệ, Ta sẽ tán dương điều thật khó mà nhìn thấy, vô cùng vi tế, sâu thẳm, đã được thể hiện tốt đẹp. Các người hãy lang nghe Ta nói. 3741. [Người ấy] sẽ cai quản thiên quốc mười bốn kiếp. Có tòa nhà mái nhọn vĩ đại, được che phủ bằng các đóa sen hồng, sẽ được duy trì ở không trung dành cho người ấy; điêu này là quả báo của việc làm với bông hoa. 3742. [Người ấy] sẽ luân hồi xen kẽ [giữa cõi trời và cõi người] hai ngàn bốn trăm kiếp. Tại nơi ây sẽ có cung điện làm băng bông hoa được duy trì ở không trung [dành cho người ấy]. 3743. Giống như nước không làm lem luốc cánh hoa sen, tương tợ y như the, các điều ô nhiễm không làm hoen o trí của người này. 3744. Sau khi đã loại trừ năm pháp che lấp ở trong tâm, người này sẽ làm sanh khởi tâm về việc xuất ly và sẽ xuât gia lìa khỏi gia đình. Sau đó, trong lúc cung điện làm bang bông hoa đang được duy trì, người này sẽ ra đi. 3745. Trong khi con người cân trọng có chánh niệm [này] đang ngụ ở góc cây, tại nơi ấy sẽ có cung điện làm bằng bông hoa được duy trì ở đỉnh đầu [của người này]. 3746. Sau khi dâng cúng y phục, vật thực, thuốc chữa bệnh và chỗ nằm ngồi đến hội chúng Tỳ-khưu, [người này] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.95 3747. Tôi đã ra đi xuất gia bằng sự di chuyển của Iiệôi nhà mái nhọn. Ngôi nhà mái nhọn được duy trì trong khi [tôi] đang ngụ ở góc cây. 3748. Sự suy tư về y phục và vật thực không có ở tôi. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, tôi nhận được hoàn toàn đầy đủ. 3749. Nhiều koti kiếp sống của tôi, không thể đo lườnệ bằng phương diện tính đếm, đã trôi qua vô ích, các bậc Lãnh Đạo Thế Gian đêu đã giải thoát. 3750. [Trước đây] một ngàn tám trăm kiêp, đang Hướng Đạo Piyadassĩ [đã hiện khởi]. Sau khi phục vụ Ngài, tôi đã đi đên lân nhập thai này. 3751. Tại đây, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác, đấng Hữu Nhãn tên Anoma. Tôi đã đi đến gặp vị ấy và đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 3752. Đức Phật, bậc Đoạn Tận Khổ Đau, đấng Chiến Thắng đã giảng giải cho tôi về đạo lộ. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã đạt đến vi thế bất động. 3753. Sau khi đã làm vui lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā, sau khi biết toàn diện về tát cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 3754. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật [trước đây] một ngàn tám

trăm kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đúc Phật. 3755. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 3756. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3757. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Padumakūtāgāriya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í4Ký sự về Trưởng lão Padumakūtāgāriyaw là phần thứ năm.

396. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BAKKULA (Bakkulattherãpadãnam) 3758. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Sobhita. Khu ẩn cư của tôi đã được xây dựng khéo léo? đã được tạo lập bởi những người học trò của tôi. 3759. Tại nơi ấy, có nhiều mái che và các

cây sinduvãraka đã được trổ hoa. Tại nơi ấy, có nhiều cây táo rừng và các cây jīvajīvaka đã được trổ hoa. 3760. Tại nơi ây, có nhiêu cây niggundiya, cây táo, cây ãmalaka, cây phãrusaka, các dây bầu trái dài, và các giống sen trắng đã được trổ hoa. 3761. Tại nơi ấy, có các cây âlaka, cây beluva, cây chuối, cây chanh. Tại nơi ấy, có nhiều cây mahānāma, cây ajjuna và cây piyañguka. 3762. Tại nơi ấy, có các cây kosamba, cây salala, cây nĩpa, cây nigrodha và cây kapitthana. Khu ẩn cư của tôi là như thế ấy. Tôi cùng với các người học trò của mình đã cư ngụ tại nơi ấy. 3763. Đức Thế Tôn Anomadassĩ, bậc Tự Chủ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, trong khi tâm câu sự yên tinh đã đi đên gân khu ân cư của tôi. 3764. Khi đấng Đại Hùng Anomadassī có danh vọng lớn lao đã đi đến gần, bỗng nhiên có căn bệnh về gió đã phát khởi đến đấng Bảo Hộ Thế Gian. 3765. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian trong lúc đang đi lang thang ở khu rừng. Tôi đã đi đến gần đấng Toàn Giác, bậc Hữu Nhãn có danh vọng lớn lao. 3766. Ngay sau khi nhìn thấy cử chỉ [của Ngài], khi ấy tôi đã nhận ra rằng: "Không còn nghi ngờ gì nữa, có cơn bệnh đã nảy sanh đến đức Phật của chúng ta." 3767. Toi đã tức tốc đi về khu ẩn cư, ở chỗ các người học trò của tôi. Có ý đinh bào chế thuốc chữa bệnh, khi ấy tôi đã triệu tập các người học trò lại.

4 Padumakūtāgāriya nghĩa là "vj liên quan đến ngôi nhà mái nhọn (kūtāgāra) bằng bông sen hồng (padumă)y

3768. Tuân theo lời nói của tôi, các người học trò, tất cả đều có lòng kính trọng, đã tụ tập lại một chỗ do sự tôn kính đối với bậc Đạo sư của tôi. 3769. Sau khi cáp tóc trèo lên núi và mang vê tát cả các loại thu6c, tôi đã bào chế loại nước hỗn hợp và tôi đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. 3770. Khi bậc Đại Hùng, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã thọ dụng, cơn [bệnh] gió của đấng Thiện Thệ, bậc Đại Ẩn Sĩ đã mau chóng được đạp tắt. 3771. Sau khi nhìn thấy sự khó chịu đã được êm dịu, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao Anomadassĩ đã ngôi xuống ở chô ngôi của mình và đã nói lên những lời kệ này: 3772. "'Người nào đã dâng cúng thuốc chữa bệnh đến Ta và đã làm êm dịu cơn bệnh của Ta, Ta sẽ tán dương người ây. Các người hãy lăng nghe Ta nói. 3773. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một trăm ngàn kiếp, ở tại nơi ấy, người này sẽ luôn luôn vui thích các nhạc cụ được trình tấu. 3774. Sau khi đi đến thế giới loài người, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. 3775. Vào kiêp thứ năm mươi lăm, [người này] sẽ là vi Sát-đê-lỵ tênAnoma, là người chinh phục bốn phương, là vị chúa tể của vùng đất Jambu. 3776. Là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao, [người này] sẽ làm chấn động luôn cả cõi trời Đạo-lợi và sẽ được thiết lập làm VỊ chúa te. 3777. Trở thành vị thiên nhân hay là người [nhân loại], [người này] sẽ ít bệnh tật. Sau khi xa lìa sự bám víu [của gia đình], [người này] sẽ vượt qua căn bệnh [phiền não] ở thế gian. 3778. Vô lượng kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 3779. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biêt toàn diện vê tát cả các lậu hoặc và sẽ Niêt- bàn không còn lậu hoặc. 3780. Sau khi thiêu đốt các phiền

não, [người này] sẽ vượt qua dòng chảy tham ái, và sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, có tên là Bakkula. 3781. Biết rõ toàn bộ việc này, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khiru, sẽ thiết lập [người này] vào vị thế t6i thắng." 3782. Đức Thế Tôn Anomadassĩ, bậc Tự Chủ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, trong khi xem xét vê sự độc cu, đã đi đên gân khu ân cư của tôi. 3783. Khi bậc Đại Hùng, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã đi đến gân, được tinh tín, tôi đã tự tay mình làm toại ý Ngài băng mọi thứ dược phàm. 3784. Việc làm đã khéo được thực hiện bởi tôi đây là sự thành tựu về hạt

giống ở phước điền màu mỡ, bởi vì từ khi việc của tôi đã được thực hiện tốt đẹp, tôi không bao giờ có thể bị hao hụt. 3785. Điều lợi ích cho tôi đã được tôi đạt thành một cách tốt đẹp, là việc toi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo. Nhờ vào phần dư sót của nghiệp ấy, tôi đã đạt đến vị thế bất động. 3786. Sau khi biết rõ về tất cả điều này, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đã thiết lập tôi vào vi thế tối thắng. 3787. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đay vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của thuốc chữa bệnh. 3788. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 3789. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3790. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bakkula đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Bakkula" là phần thứ sáu.

397. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO GIRIMẢNANDA (Girimānandattherāpadānam) 3791. Người vợ của tôi đã qua đời. Con trai tôi [đã chết] được đưa đến bãi tha ma. Mẹ, cha và anh trai [của tôi đang] được thiêu chung một giàn hỏa thiêu. 3792. Bị nung nấu bởi nỗi sầu muộn ấy, tôi đã trở nên gầy ốm, vàng vọt. Bị dày vò bởi nỗi sầu muộn ấy, tôi đã có sự rối loạn tâm trí. 3793. Bị khổ sở bởi mũi tên sầu muộn, tôi đã đi vào bên trong khu rừng. Tôi ăn trái cây đã được rụng xuông và cư ngụ ở góc cây. 3794. Đấng Toàn Giác tên Sumedha, bậc Đoạn Tận Khổ Đau, đấng Chiến Thắng, có ý đinh tiếp độ tôi, Ngài đã đi đến gần chỗ của tôi. 3795. Nghe được tiếng bước chân của bậc Đại Ẩn Sĩ Sumedha, tôi đã ngẩng đầu lên, ngước nhìn bậc Đại Hiền Trí. 3796. Đấng Đại Hùng đã ngự đến, niềm phỉ lạc đã sanh khởi ở tôi. Sau khi nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian ấy, khi ấy tâm trí của tôi đã được tập trung lại. 3797. Sau khi đạt được niệm trở lại, tôi đã dang cung nắm lá cây. Đức Thế Tôn, bậc Hữu Nhãn, vì lòng thương tưởng đã ngồi xuống ở tại nơi ấy. 3798. Sau khi ngồi xuống ở tại nơi ấy, đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha đã thuyết giảng giáo pháp xua đi mũi tên sầu muộn cho tôi rằng:

3799. "Không được mời mọc, từ nơi ấy họ đã đi đến. Không được cho phép, từ nơi đây họ đã ra đi. Họ đã đi đến như thế nào thì họ đã ra đi như thế ấy; có sự than vãn gì trong

trường hợp ấy? 3800. Cũng gi6ng như những người bộ hành vào lúc cơn mưa đang đổ xuống, do việc đo xuống của cơn mưa, họ đi đến chỗ có sự tốt đẹp [để trú mưa]. 3801. Và khi cơn mưa đã tạnh, họ tự động ra đi theo như ý thích. Mẹ và cha của ngươi là tương tợ như thế; có sự than vãn gì trong trường hợp ấy? 3802. Các người lữ hành là những người khách có tính chất dao động, chuyển động, rung động, mẹ và cha của ngươi là tương tợ như thế; có sự than vãn gì trong trường hợp ấy? 3803. Cũng giống như loài rắn quăng bỏ lớp da già cỗi rồi đi đến lớp da [mới], tương tợ như thế, mẹ và cha của ngươi đã bỏ lại xác thân ở nơi dây." 3804. Hiểu được lời nói của đức Phật, tôi đã lìa bỏ mũi tên sầu muộn. Sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tôi đã đảnh lễ đức Phật tối thượng. 3805. Sau khi đã đảnh lễ bậc Long Tượng, tôi đã cúng dường bó hoa giri có được hương thơm của cõi trời đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha. 3806. Sau khi cúng dường bậc Toàn Giác, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Trong lúc tưởng nhớ đến các đức hạnh cao cả, tôi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thê Gian rang: 3807. "Bạch đấng Đại Hùng, bậc Toàn Iri? đấng Lãnh Đạo Thế Gian, Ngài đã vượt qua. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài tiếp độ t& cả chúng sanh bằng trí tuệ. 3808. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã cắt đứt sự hoài nghi cũng như sự lưỡng lự. Bạch đấng Hữu Nhãn, Ngài đã sắp xếp đạo lộ cho con bằng trí tuệ của Ngải. 3809. Các bậc A-la-hán đã đạt đến sự thành tựu, có sáu thắng trí, có đại thần lực, là các bậc trí tuệ có sự du hành ở không trung ngay lập tức tháp tùng theo. 3810. Có các vị Thinh văn, là các bậc Hữu học đang thực hành và có các bậc đã trú vào quả vị A-la-hán. Các vị Thinh văn của Ngài nở rộ như đóa sen hong vào lúc mặt trời mọc. 3811. Bạch đang Hữu Nhãn, giông như đại dương là không bi suy suyễn, không thể ước lượng, khó mà vượt qua, tương tợ y như vậy9 được hội đủ về trí tuệ, Ngài là bậc vo lượng.^ 3812. Sau khi đảnh lễ đấng Chiến Thắng Của Thế Gian, bậc Hữu Nhãn có danh vọng lớn lao, trong khi lễ bái các phương tôi đã cúi mình ra đi. 3813. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, trong khi luân chuyển ở cõi này cõi khác, tôi đã hạ sanh vào bụng mẹ, có sự nhận biết, có niệm. 3814. Sau khi lìa khỏi nhà, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Tôi có sự nhiệt tâm, cẩn trọng, chứng thiền, có sự yên tịnh là hành xứ. 3815. Sau khi đã khăng quyêt vê sự nô lực, sau khi đã làm vui lòng bậc Đại

Hiên Trí, tôi thường xuyên đi đó dây, tợ như mặt trăng đã được thoát khỏi đám mây dày đặc. 3816. Tôi gắn bó với sự độc cư, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 3817. [Kể từ khi] tôi đã cúng đường đức Phật [trước đây] ba mươi ngàn kiep, toi không con biêt đen kho canh; điêu nay la qua bao cua việc cung dường đức Phật. 3818. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 3819. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3820. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Girimânanda đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Girimânanda59 là phần thứ bảy.

398. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAMANDAPIYA (Salalamandapiyattherāpadānam) 3821. Khi [đức Phật] Kakusandha, vi Bà-la-môn hoàn hảo đã Niết-bàn, tôi đã cầm lấy tràng hoa salala và đã cho thực hiện mái che. 3822. Trong khi đi đến cõi trời Đạo-lợi, tôi đạt được cung điện tối thượng, tôi vượt trội chư thiên khác; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 3823. Dâu là ban ngày hay ban đêm, trong khi đang đi kinh hành và đứng lại, tôi được che bởi các bông hoa salala; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 3824. Ngay chính trong kiếp này [kể từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 3825. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc. 3826. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3827. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Salalamandapiya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Salalamandapiya" là phần thứ tám. 5 Salalamandapiya nghĩa là <4vị liên quan đến mái che (rnandapd) bông hoa salala."

399. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SABBADÃYAKA (Sabbadāyakattherapadānam) 3828. Chỗ cư ngụ của tôi đã khéo được hóa hiện ra ở gần biển cả, có hồ nước đã khéo được tạo lập, được líu lo bởi loài ngỗng đỏ. 3829. [Hồ nước] được che phủ bởi các cây mạn-đà-la, bởi các đóa sen xanh và sen đỏ. Và con sông chảy qua nơi ấy có bên nước cạn xinh xăn làm thích ý. 3830. [Dòng sông] chứa đầy dẫy những cá và rùa, đông đúc với nhiều loại chim khác nhau, náo nhiệt bởi các chim công và chim cò cùng với những loài dơi và loài chim sáo, v.v... 3831. Và ở đây có các loài sống ở sông như là các con chim bồ câu, các loài ngỗng trời, các con ngỗng đỏ, các chim le le, các con chim cu, các loài pampaka và các con jīvamjīvaka. 3832. [Dòng sông] có các chim thiên nga, chim cò làm ầm ĩ, có nhiều chim cú và loài piñgala, được đay đủ bảy loại châu báu, với bãi cát có ngọc ma-ni và ngọc trai. 3833. Tất cả các cây đều làm bằng vàng, được tỏa ra với nhiều hương thơm khác loại. Chúng thắp sáng chỗ tru ngụ ngày và đêm vào mọi thời điểm. 3834. Sáu mươi ngàn loại nhạc cụ được phát ra âm thanh sáng chiều. Mười sáu ngàn người nữ luôn luôn quây quần bên tôi. 3835. Tôi đã rời khỏi nơi cư ngụ [và đi đến gặp] đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ bậc Có Danh Vọng Lớn Lao ấy. 3836. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã thỉnh mời Ngài cùng hội chúng. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian śumedha trí tuệ ấy đã chấp nhận. 3837. Sau khi thực hiện việc thuyết giảng giáo pháp cho tôi, bậc Đại Hiền Trí đã cho giải tán. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác và đã đi về chỗ cư ngụ của tôi. 3838. Tôi đã thông báo với nhóm tùy tùng rằng: "Vào buổi sáng, đức Phật sẽ đi đến chỗ ngụ [này]. Tất cả các người hãy tụ hội lại." 3839. [Họ đã đáp rằng:] "Việc chúng tôi sống thân cận với Ngài là điều lợi ích cho chúng tôi, là điều đã được thành đạt tốt đẹp cho chúng tôi. Chúng tôi cũng sẽ thực hiện việc cúng dường đến bậc Đạo Sư? đức Phật tối thượng?9 3840. Sau khi sắp đặt thức ăn và nước uống, tôi đã thông báo về thời gian. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngự đến cùng với một trăm ngàn vị có năng lực. 3841. Tôi đã thực hiện việc tiếp đón với các

loại nhạc cụ có đủ năm yếu tố. Bậc Tối Thượng Nhân đã ngồi xuống ở chiếc ghế làm toàn bằng vàng. 3842. Khi ấy, đã có chiếc lọng làm toàn bằng vàng ở phía trên, có những cái quạt quạt gió ở phía bên trong của hội chúng Tỳ-khưu. 3843. Tôi đã làm toại ý hội chúng Tỳ-khưu với cơm ăn nước uống dồi dào. Tôi đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu mỗi vi một xấp vải đôi.

3844. Vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng của thế gian mà mọi người gọi là "Sumedha", sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đã nói lên lời kệ này: 3845. "Người nào đã làm toại ý Ta và tất cả các vị này với cơm ăn nước uống, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 3846. Người này sẽ sướng vui ở thê giới chư thiên một ngàn tám trăm kiêp? và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. 3847. Người này sanh lên chôn nào, là bản thê thiên nhân hay nhân loại, sẽ có chiếc lọng làm toàn bằng vàng che cho người ấy vào mọi lúc. 3848. Vào ba mươi ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 3849. Là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ây, là chánh thông, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện ve tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết- bàn không còn lậu hoặc. 3850. [Người này] sẽ ngồi xu6ng ở hội chúng Tỳ-khiru và sẽ rống lên tiếng rống của loài sư tử. Nhiều người câm chiếc lọng ở giàn hỏa thiêu, và [người này] được thiêu ở bên dưới chiếc Iqng.” 3851. Trạng thái Sa-môn đã được tôi đạt đến, các phiền não đã được tôi thiêu đốt, ở mái che hoặc ở gốc cây, tôi không biết đến sự nóng bức. 3852. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo việc dâng cúng mọi thứ. 3853. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc. 3854. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3855. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sabbadãyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Sabbadyaka” là phần thứ chín.

400. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AJITA (Afitattherāpadānam) 3856. Sau khi đi sau vào núi Hy-mã-lạp, đang Chiên Thăng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngồi xuống. 3857. Tôi đã không nhìn thấy bậc Toàn Giác [trước đây] và tôi cũng không được nghe lời đồn đãi. Khi ấy, tôi đi lang thang ở trong rừng, đang tìm kiếm thức ăn cho mình. 3858. ở tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác có ba mươi hai hảo tướng. Sau khi nhìn thấy, tôi đã có ý nghĩ rằng: "Người này có tên là gì nhí?"

6 Sabbadãyaka nghĩa là uvị dâng cúng {dāyako) mọi thứ (sabbā)?

3859. Sau khi xem xét các tướng mạo, tôi đã tưởng nhớ lại vốn hiểu biết của mình; bởi vì điều này tôi đã được nghe các bậc trí tuệ cao niên giảng giải cặn kẽ. 3860. [Tôi đã suy nghĩ rằng:] "Theo như lời nói ấy của họ thì người này sẽ là đức Phật. Có lẽ ta nên tôn

trọng thì số phận của ta sẽ được sáng siỉa?" 3861. Tôi đã mau chóng đi về lại khu ẩn cư và đã chọn lấy dầu của cây madhu. Tôi đã mang theo một hủ và đã đi đên gặp đang Nhân Ngưu. 3862. Tôi đã cầm lấy cái chạng ba và đã dựng lên ở ngoài trời. Tôi đã thắp sáng cây đèn và đã đảnh lễ tám lần. 3863. Đức Phật, bậc Tối Thượng Nhân đã ngồi bảy ngày đêm. Sau đó, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã xuất thiền vào lúc cuối đêm. 3864. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã [trải qua] bảy ngày đêm. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng cây đèn đến đức Phật. 3865. Khi ấy, do nhờ oai lực của đức Phật, tất cả các khu rừng được tạo bằng hương thơm, được thấm nhuần hương thơm ở ngọn núi, đã di chuyển đến gần đấng Chiến Thắng. 3866. Các loài thảo mộc mọc ở trên đất thuộc loài có hoa, có hương thơm thì đã được trô hoa. Khi ây, do nhờ oai lực của đức Phật, tát cả đã tụ hội lại. 3867. Cho đến các loài rồng và các loài nhân điểu ở núi Hy-mã-lạp, có ý muốn nghe giáo pháp, cả hai loài ấy đã đi đến gần bên đức Phật. 3868. Vị Sa-môn tên Devala là bậc Thinh văn hàng đầu của đức Phật, cùng với một trăm ngàn vị có năng lực, đã đi đến gần bên đức Phật. 3869. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đã nói lên những lời kệ này: 3870. "Người nào được tịnh tín, đã tự tay mình dâng cúng cây đèn đến Ta, Ta sẽ tán dương người ây. Các người hãy lăng nghe Ta nói. 3871. [Người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên sáu mươi ngàn kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. (Dứt tụng phẩm thứ mười sáu).

3872. [Người ấy] sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần, và sẽ cai trị vương quốc rộng lớn ở trái đất bảy trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 3873. Do sự dâng cúng cây đèn này, [người ấy] sẽ có thiên nhãn. Người này sẽ luôn luôn nhìn thấy khoảng cách tám kosa7 ở xung quanh. 3874. Trong khi [người này] mệnh chung từ thế giới chư thiên và đang đi tái sanh, sẽ có cây đèn được duy trì ban ngày luôn cả ban đêm [cho người này].

7 Kosa là khoảng cách bằng 500 lần chiều dài của cây cung.

THÁNH NHÂN KÝ sự 333

3875. Khi con người có được nghiệp phước thiện đang được sanh ra, thành phố [ở nơi sanh ra] là rộng đến đâu thì sẽ được chói sáng đến dấy. 3876. [Người này] đi tái sanh ở chốn nào, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, chính nhờ tám phần quả báo của sự dâng cúng cây đèn này, sẽ không ai vượt trội con người này; điêu này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn. 3877. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuat hiện ở thế gian. 3878. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ây, là chánh thông, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết- bàn không còn lậu hoặc. 3879. Sau khi đã làm vui lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya9 [người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, có tên là Ajita.” 3880. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên sáu mươi ngàn kiếp, ở tại nơi ây, toi cũng co mọt trăm cay đen choi sang vao mọi thời diêm. 3881. Các ánh sáng của tôi tỏa ra cho dù ở thế giới chư thiên hay là nhân loại. Sau khi tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng, tôi đã khởi lên niềm vui dào dạt. 3882. Sau khi mệnh chung từ cõi trời Đâu-suât, tôi đã hạ sanh vào bụng mẹ. Trong khi tôi

đang được sanh ra, đã có ánh sáng chan hòa. 3883. Sau khi lìa khỏi nhà, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Tôi đã đi đến gặp vi Bâvari và đã trở thành học trò [của vị ấy].8 3884. Trong khi sống ở núi Hy-mã-lạp, tôi đã nghe về đấnệ Lãnh Đạo Thế Gian. Trong lúc tầm cầu mục đích tối thượng, tôi đã đi đến gặp đang Hướng Đạo. 3885. Đức Phật là bậc đã được rèn luyện, là bậc giúp cho [người khác] rèn luyện, là bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn mầm mống tái sanh. Đức Phật đã thuyết giảng ve Niết-bàn, sự thoát khỏi tất cả khổ đau. 3886. Việc đi đến ấy của tồi đã được thành công bởi vì bậc Đại Hiền Trí đã được vui lòng. Tôi đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật. 3887. [Ke từ khi] toi đã dâng cúng cây đèn trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn. 3888. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc. 3889. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3890. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ajita đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 46Ký sự về Trưởng lão Ajita" là phần thứ mười. 8 Tên của một vị Đạo sư Bà-la-môn. (ND)

Phần tóm lược Vi Piḷindivaccha, vị Sela9 vị Sabbakitti, vi dâng cúng mật ong, vị có ngôi nhà mái nhọn, vị Bakkula, vi Girimânanda, vị tên Salala, vị dâng cúng mọi thứ và luôn cả vị Ajita; [tổng cộng] các câu kệ đã được tính đếm ở đây gồm có năm trăm câu kệ và hai mươi câu thêm vào đó nữa. Phẩm Piḷindivaccha là phẩm thứ bốn mươi bốn.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm Đóa sen hồng luôn cả vị dâng cúng sự bảo vệ, bông hoa ummâ cùng với vi dâng cúng vật thơm và nước, một đóa sen hồng, vị có sự suy tưởng về âm thanh, bông hoa mandârava, vị đảnh lễ cội Bồ-đề? trái cây avanta và vị Piḷindivaccha; [tổng cộng] các câu kệ đã được tính đếm là một ngàn một trăm và bảy mươi bốn câu kẹ. Nhóm "Mirời" tír phẩm Paduma. Nhóm 4iMot trăm" thứ tư được đầy đủ.

PHẦN THỨ HAI (DUTIYO BHĀGO)

XLL PHẨM METTEYYA (METTEYYAVAGGƠị

401. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TISSAMETTEYYA (Tissametteyyattherâpadãnam) 3891. ở gần đỉnh của sườn núi, [tôi là] vị đạo sĩ khổ hạnh tên Sobhita, [chỉ] ăn trái cây đã được rụng xuống và cư ngụ ở trong vùng đôi núi. 3892. Khi ấy, trong lúc tầm cầu mục đh tối thượng về việc đạt đến thế giới Phạm thiên, tôi đã mang lửa và củi lại rồi nhóm lửa. 3893. Có ý muốn tiếp độ tôi, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara ấy, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã đi đến khu vực của tôi. 3894. "Này bậc đại phước, ông đang làm gì vậy? Xin ông hãy cho tôi lửa và củi. Tôi [sẽ] chăm sóc ngọn lửa, nhờ đó tôi sẽ có được sự trong sạch." 3895. "H&i người Nhân Loại, Ngài là bậc Hiền Thiện. Hỡi đấng Thiên Nhân, Ngài biết rõ [sự việc]. Ngài hãy chăm sóc ngọn lửa, lửa và củi của Ngài đây này." 3896. Sau đó, đấng Chiến Thắng đã cầm lấy gỗ củi và đã nhóm lên ngọn lửa. Gỗ củi [của tôi] ở

nơi ấy đã không bốc cháy; [đó là] điều kỳ diệu của bậc Đại Ẩn Sĩ. 3897. "Ngọn lửa của ông không bóc cháy, sự hiên cúng của ông không có, sự hành trì của ông là vô nghĩa. Vậy ông hãy chăm sóc ngọn lửa của Ta.” 3898. uHỡi vị Đại Anh Hùng, ngọn lửa ấy của Ngài được gọi là loại lửa gì? Xin Ngài giảng giải cho tôi, cả hai chúng ta sẽ chăm sóc [ngọn lửa] ấy." 3899. “va sự diệt tận các pháp là nhân tố và về sự tịnh lặng các ô nhiễm, sau khi từ bỏ sự ganh tỵ và bon xẻn; ba việc này là sự cúng hiến của Ta." 3900. “Này vị Đại Anh Hùng, Ngài là hạng người như thế nào? Thưa Ngài, Ngài có dòng dõi thế nào? Sở hành và cách tu luyện của Ngài khiến tôi thích thú vô cùng?5 3901. “Ta được sanh ra trong gia tộc Sát-đế-lỵ? đã đạt đến sự toàn hảo về thắng trí, đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa.”

336 KINH TIÊU Bộ

3902. "H&i đấng Phát Quang, hỡi vị Xua Tan Tăm Tối, hỡi bậc Thiên Nhân, nếu Ngài là đức Phật, đấng Toàn Tri, là bậc Đoạn Tận Khổ Bau, tôi sẽ lễ bái Ngài." 3903. Tôi đã trải ra tấm da dê và đã dâng cúng chỗ ngồi: “Hối đấng Bảo Hộ, hỡi bậc Toàn Tri, xin Ngài hãy ngồi xuống. Tôi sẽ phục vụ Ngài/5 3904. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống tại chỗ ấy, trên tấm da dê đã khéo được trải rộng. Sau khi thỉnh mời bậc Toàn Giác, tôi đã đi đến ngọn núi. 3905. Và tôi đã chất trái cay tinduka đầy túi đựng vật dụng rồi mang về. Tôi đã trộn trái cây với mật ong rồi dâng lên đưc Phật 3906. Khi ấy, đấng Chiến Thắng đã thọ dụng trong lúc tôi đang trầm tư. Tại đó, trong khi ngắm nhìn bậc Lãnh Đạo Thế Gian, tôi đã khiến tâm được tịnh tín. 3907. Bậc Thông Suốt Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi ở khu ẩn cư của tôi và đã nói lên những lời kệ này: 3908. "Người nào [với tâm] tịnh tín tự tay mình làm Ta được thỏa mãn với trái cây, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 3909. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc hai mươi lăm lần, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. 3910-11. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, cơm ăn, nước uống, vải vóc và chỗ nằm vô cùng giá trị, biết được ước muốn của người ấy ngay lập tức sẽ sanh lên cho người ấy là người đã có nghiệp [thiện] trong quá khứ. Và người này sẽ luôn luôn được vui vẻ, không có tật bệnh. 3912. Chốn nào người ấy sanh lên, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, người ấy sẽ được sung sướng ở khắp mọi nơi roi sẽ đi đến bản thể nhân loại. 3913. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt ba tập Vệ-đà? người ấy sẽ đi đến với bậc Toàn Giác và sẽ trở thành bậc A-la-hán.” 3914. Từ khi tôi nhớ lại bản thân, từ khi tôi đạt được hiểu biết, tôi không có sự thiểu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3915. Tôi đã đạt được giáo pháp cao quý, đã tiêu diệt tham ái và sân hận, đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa. 3916. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3917. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3918. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tissametteyya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĐÍKý sự về Trưởng lão Tissametteyya99 là phần thứ nhất.

402. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUNNAKA (Punnakattherāpadānam) 3919. ở gần đỉnh của sườn núi, có đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại cư ngụ ở trong vùng đồi núi. Đức Phật đáng kính bị lâm bệnh. 3920. Cho đến lúc ấy, đã có tiếng động ở vùng lân cận khu ẩn cư của tôi. Trong khi đức Phật đang [viên tịch] Niết-bàn? có ánh sáng đã xuất hiện. 3921. Từ loài gấu, chó sói, linh cẩu, cọp và sư tử ở trong cụm rừng già cho đến toàn bộ [thú rưng] đã rống lên. 3922. Sau khi nhìn thấy hiện tượng bất thường ấy, tôi đã đi đến ngọn núi. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Giác Ngộ, bậc Không Bị Đánh Bại đã tịch diệt. 3923. Bậc Không Bị Đánh Bại đã tịch diệt ví như là cây sãla chúa đã được trổ hoa, tợ như mặt trời đã mọc lên, như là đống than đã tàn ngọn lửa. 3924. Sau khi gom đầy cỏ và củi, tôi đã tạo dựng giàn hỏa thiêu ở tại nơi ấy. Sau khi hoàn tất giàn hỏa thiêu khéo được tạo dựng, tôi đã thiêu đốt thi thể. 3925. Sau khi thiêu đốt thi thể, tôi đã rưới nước thơm. Ngay khi ấy, có con dạ-xoa đứng ở trên không trung đã đặt tên [cho tôi] rằng: 3926. “Này vị hiền trí, công việc đối với bậc Đại Ẩn Sĩ, đấng Tự Chủ đã được ông làm đầy đủ, vậy ông hãy luôn luôn có tên là Puụụaka.m 3927. Sau khi chết đi lìa bỏ thân ấy, tôi đã đi đến thế giới chư thiên. Tại nơi ấy, có hương thơm bằng chất liệu thuộc cối trời tỏa ra ở không trung. 3928. Cũng ở tại nơi đó, khi ấy tên gọi của tôi đã là "Puụụaka". Dầu trở thành vị thiên nhân hay là loài người, tôi đều làm tròn đủ ý định [của mình]. 3929. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Cũng ở nơi đây, tên Punnaka được công bố là tên gọi [của tôi]. 3930. Sau khi đã làm hài long đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 3931. Kể từ khi toi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của công việc [hỏa táng] thi thể. 3932. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc. 3933. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3934. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Punnaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Punnaka^ là phần thứ nhì. Punnaka nghĩa là 44người đã làm đầy du”.

338 KINH TIẾU BÔ

403. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO METTAGŨ (Mettaguttherãpadãnam) 3935. ở không xa núi Hy-mã-lạp5 có ngọn núi tên làAsoka. Tại nơi ấy, khu ẩn cư của tôi đã được hóa hiện ra bởi vi trời Vissakamma. 3936. Bậc Toàn Giác cao cả, đấng Đại Bi, bậc Hiền Trí tên Sumedha, vào buổi sáng, sau khi mặc y đã đi đến tôi để khất thực. 3937. Khi bậc Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hung Sumedha đi đến, tôi đã nhận lấy bình bát của đấng Thiện Thệ và đã chứa đầy với bơ lỏng và dầu ăn. 3938. Sau khi đã dâng cúng đức Phật tối thượng, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha, tôi đã chắp tay lên và đã khởi lên niềm vui dào dạt: 3939. "Do sự bố thí bơ lỏng này và do các nguyện lực của tác ý, dầu trở thành vị thiên nhân hay là loài người, mong sao cho tôi đạt được sự an lạc sung mãn. 3940.

Mong sao cho tôi lánh xa chốn đọa đày trong khi luân hồi cõi này cõi khác. Mong sao cho tôi khẳng định được tâm về điều ấy và đạt được vị thế bất dong?9 3941. "Này người Bà-la-môn, điều lợi ích cho ngươi đã được ngươi đạt thành một cách tốt đẹp, là việc ngươi đã nhìn thấy Ta. Sau khi đi đến gặp Ta, ngươi sẽ trở thành vị A-la-hán. 3942. Sau khi đạt đến thành công lớn, ngươi hãy tự tin, chớ lo sợ. Bởi vì sau khi bố thí bơ lỏng đến Ta, ngươi được hoàn toàn giải thoát khỏi sự [tái] sanh. 3943. Do sự bố thí bơ lỏng này và do các nguyện lực của tác ý? dầu trở thành vị thiên nhân hay là loài người, ngươi sẽ đạt được sự an lạc sung mãn. 3944. Do sự bố thí bơ lỏng này và do sự hành trì tâm từ ái, ngươi sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một ngàn tám trăm kiếp. 3945. Và ngươi sẽ trở thành vị Thiên vương ba mươi tám lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 3946. Và ngươi sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm mươi mốt lần, là người chinh phục bốn phương, là đấng chúa tể của vùng đất Jambu. 3947. Tợ như đại dương là không bị xao động, giống như trái đất là khó mang vác, và tương tợ y như thế, của cải thuộc về ngươi sẽ là vô lượng." 3948. Sau khi từ bỏ sáu mươi koti (sáu trăm triệu) tiền vàng, tôi đã xuất gia. Trong khi tầm cầu điều tốt đẹp gì mà tôi đã đi đến với Bâvari?23 3949. Tại nơi ấy, tôi học tập các chú thuật và sau phần về tướng số. "Bạch đấng Đại Hiền Trí,3 trong khi hủy diệt điều tăm tối ấy Ngài đã hiện khởi. 3950. Bạch đấng Đại Hiền Trí, có sự ước muốn về việc nhìn thấy Ngài con đã đi đến. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, con đã đạt đến vị thế bất dong?5

2 Tên của một vị Đạo sư Bà-la-môn. (ND) 3 Lúc này là lời đối thoại với đức Phật Gotama. (ND)

THÁNH NHÂN KÝ sự 339

3951. Tôi đã dâng cúng bơ lỏng đến đức Phật trong ba mươi ngàn kiếp. Trong khoảng thời gian ấy, tôi không biết rõ lượng bơ lỏng đã được tôi dâng cúng. 3952. Hiểu được ý định của tôi, biết được tâm tư của tôi, [mọi vật] đã được sanh lên, đã được tạo ra theo như ước muốn. Tôi được thỏa mãn về mọi thứ. 3953. Ôi, đức Phật! ôi, giáo pháp! Ôi, sự thành tựu của bậc Đạo sư của chúng ta! Bởi vì sau khi dâng cúng chỉ chút ít bơ lỏng, tôi đạt được vô lượng. 3954. Cho đến nước trong đại dương được nhìn thấy từ núi Neru so sánh với bơ lỏng của tôi thì không chạm đen được phan chia của một góc [bơ lỏng của tôi]. 3955. Cho đến số lượng của vũ trụ đang được hình thành, khoảng không gian ấy không sánh bằng các tấm vải đã được sanh lên cho tôi. 3956. Núi chúa Hy-mã-lạp cũng chính là ngọn núi hàng đầu sẽ không là sự so sánh đối với vật thơm đã được thoa cho tôi. 3957. [Toi đã đạt được] vải vóc, vật thơm, bơ lỏng, thức ăn, và ở kiếp hiện tại này là Niết-bàn không còn tạo tác; điều này là quả báo của việc dâng cúng bơ lỏng. 3958. [Tôi có được] sự trú vào các thiết lập niệm, có hành xứ về thiền định, có sự thọ hưởng các chi phần giác ngộ ở ngày hôm nay; điều này là quả báo của việc dâng cúng bơ lỏng. 3959. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc. 3960. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3961. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu

thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mettagũ4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Mettagũ^ là phần thứ ba.

404. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHOTAKA (Dhotakattherãpadãnam) 3962. Sông Gañgā có tên là Bhāgīrathī được phát xuất từ núi Hy-mã-lạp, lúc bây giờ chảy dọc theo cửa khâu của [thành phô] Hamsavatī. 3963. Tu viện tên là Sobhita đã khéo được tạo lập ở cạnh bờ sông Gañgā. Đức Phật Padumuttara, đấng Lãnh Đạo Thế Gian cư ngụ tại nơi ấy. 3964. Như là vị [Chúa trời] Inda với chư thiên cõi Đạo-lợi, đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở tại nơi ấy phía trước đám người tợ như con sư tử không bi hãi sợ. 3965. Tôi là vị Bà-la-môn sốnệ ở thành phố Hamsavatī có tên là ChaỊaốga. Tôi là vi đại hiền trí có tên như the.

4 Mettagũ nghĩa là "người đã đạt đến (gw) tâm từ ái (mettā)'

3966. Khi áy, có một ngàn tám trăm người theo tôi. Được tháp tùng bởi những người học trò ấy, tôi đã đi đến bờ sông Gañgā. 3967. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy các vi Sa-môn không giả dối, có các tội lỗi đã được gội rửa, đang băng qua sông Bhāgīrathī. Tôi đã tức thời suy nghĩ như vầy: 3968. "Những người con trai có danh tiếng lớn lao này của đức Phật trong khi sáng chiều băng qua [sông] khiến bản thân bi khó khăn, bản thân của họ bị hành hạ. 3969. Đức Phật được gọi là vị Cao Cả Của Thế Gian luôn cả chư thiên, [vậy mà] ta không có hành động cúng dường, là việc làm trong sạch con đường đi đến các cảnh giới tái sanh. 3970. Hay là ta nên cho thực hiện cây cầu ở sông Gañgā [dâng] đến đức Phật Tối Thượng? Sau khi cho thực hiện việc làm này, ta [sẽ] vượt qua sự hiện hữu nay?9 3971. Trong khi tin tưởng rằng: ctHành động được làm sẽ có [kết quả] dồi dào cho ta", tôi đã bô thí một trăm ngàn và đã cho xây dựng cây câu. 3972. Sau khi đã cho xây dựng cây cầu ấy, tôi đã đi đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Sau khi chắp tay lên ở đầu, tôi đã nói lời nói này: 3973. “Bạch đấng Đại Hiền Trí, cây cầu lớn này đã được làm hết một trăm ngàn và đã được con bảo làm vì lợi ích của Ngài, xin Ngài thọ nhận?5 3974. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này: 3975. "Người nào được tịnh tín đã bảo thực hiện cây câu cho Ta với các bàn tay của mình, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 3976. Dâu cho bị rơi xuống từ vực thăm, từ n^ọn núi, hoặc từ thân cây, thậm chí bị chết đi, người này sẽ đạt được vị the; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cau. 3977. Các kẻ thù không áp chế được, ví như cơn gió không áp chế được cây đa có mạng rễ đã được phát triển; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu. 3978. Các kẻ cướp không áp chế người này, các vị Sát-đế-lỵ không khinh bỉ, người này thoát khỏi tất cả kẻ thù; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cau. 3979. Khi hiện diện ở ngoài trời [và] bị thiêu đốt bởi sức nóng dữ dội, [do] được gắn liền với nghiệp phước thiện, các cảm thọ sẽ không có. 3980. ở thế giới chư thiên hoặc loài người, sau khi biết được ước muốn của người ấy, phương tiện di chuyển bằng voi sẽ được hóa hiện ra, sẽ được tạo ra ngay lập tức. 3981. Một ngàn con ngựa giống Sindhu có tốc độ của gió là phương tiện di

chuyên nhanh chóng sẽ đi đến sáng chiêu; điêu này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu. 3982. Sau khi đi đến bản thê nhân loại, người này sẽ được sung sướng. Ngay cả ở đây cũng sẽ có phương tiện di chuyển bằng voi cho chính con người ấy. 3983. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 3984. Là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ây, là chánh thông, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết- bàn không còn lậu ho/c." 3985. Ôi, việc làm của tôi đã được thực hiện tốt đẹp đến vi [Phật] tên Padumuttara! Sau khi thể hiện sự tôn kính đến vị ấy, tôi đã đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc. 3986. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, tôi được an tịnh, không còn mầm mông tái sanh. Sau khi cát đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3987. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3988. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 3989. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dhotaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Dhotaka” là phần thứ tư.

405. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UPASIVA (ưpasivattherãpadãnam) 3990. ở không xa núi Hy-mã-lập? có ngọn núi tên là Anomaṃ có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập. 3991. Và con sông chảy qua nơi ây có bên nước cạn xinh xăn làm thích ý. Và đọc theo bên nước cạn ây, có nhiêu sen hông sen xanh mọc lên. 3992. Có các loài cá như là cá pāthīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muflja và cá rohita. Con sông nhỏ, chứa đầy dẫy những cá và rùa, luôn luôn trôi chảy. 3993. ở nơi ấy, các loài hoa timira, hoa asoka, hoa khuddamālaka, hoa nguyệt quê, hoa nguyệt quê núi đã được nở rộ tỏa hương đến khu ân cư của tôi. 3994. ở nơi ấy, loài hoa kūtaja và các rừng hoa nhài được nở rộ. ở nơi ấy, có nhiều cây sāla, cây salala và cây campaka được nở rộ. 3995. Các loài cây ajjuna, cây atimutta và cây mahānāma được nở rộ và loài cây asana có hương thơm ngọt ngào, chúng nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi.

5 Dhotaka nghĩa là ungười đã được gội rửa (dhotā)y

3996. Các loại cây uddālaka, cây pātalika, cây yūthika, cây piyañguka và cây bimbijālaka bao phủ ở xung quanh nửa do-tuan. 3997. ở nơi ấy, có nhiều loại cây mātañgava, cây sattali, cây pātalī, cây sinduvāraka, cây añkolaka và cây tālakūta được nở rộ hoa. 3998. ở nơi ấy, có nhiều cây cánh kiến trắng nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi. Trong khi những cây này đang nở rộ hoa, nhiều cây trở nên rực rỡ. Khu ẩn cư của tôi tỏa ra với hương thơm ấy ở xung quanh. 3999. Và có những loại trái cây ngọt như trái harītaka, trái āmalaka, trái xoài, trái mận đỏ, trái vibhītaka, trái táo, trái bhallātaka và trái billa. 4000. Và ở nơi ấy có những loại trái cây như trái tinduka, trái piyāla, trái cam thảo, trái kāsumārī, trái mít, trái sa-ke? trái chuối, trái badarī. 4001. ở nơi ấy, có nhiều

trái cây ambātaka và trái cây vallikāra. Các cây bījapūra và cây sapāriya được kết trái ở khu ẩn cư của tôi. 4002. Từ nơi ấy có nhiều trái cây như trái ālaka, trái isimugga và trái moda bao phủ, đã chín tới và trĩu nặng. Và có các trái cây như trái vả và trái sung. 4003. ở nơi ấy, có nhiều trái ớt, trái tiêu, trái đa, trái táo rừng, trái sung và trái pāriya đã chín một phần. 4004. Và có nhiêu loại cây này và loại cây khác đã két trái ở khu ân cư của tôi. Cũng có nhiều cây có bông hoa đã đơm hoa ở khu ẩn cư của tôi. 4005. Các loài thảo mộc như là āluva, kalamba, bilālī, takkala, ālaka, luôn cả tālaka đêu được tìm thây ở khu ân cư của tôi. 4006. ở không xa khu ẩn cư của tôi [đã] có hồ nước thiên nhiên rộng lớn, có nước trong, có nước mát, có ben nước cạn xinh xắn, làm thích ý. 4007. ở nơi ấy, có nhiều sen hồng, sen xanh, kết hợp với sen trắng, được che phủ bởi những cây mạn-đà-la, tỏa ra với nhiêu hương thơm khác loại. 4008. Có những đóa sen hồng đang tượng hinh, các đóa hoa khác nở hoa có tua nhụy, có nhiều đóa có các cánh hoa rũ xuống trở thành những gương sen. 4009. Có mật tiết ra từ củ sen, có sữa và bơ lỏng từ các rễ và ngó sen, chúng tỏa ra nhiều hương thơm khác loại [hòa quyện] với hương thơm ấy ở xung quanh. 4010. Có nhiều bông súng trắng và mùi thơm của xoài thoảng qua được nhận biết. ở kế bờ hồ nước thiên nhiên, có nhiều cây dừa dại được đơm bông. 4011. Có các cây bandhiijīva khéo nở rộ hoa và các cây setavārī có hương thơm ngát. Có các con cá sâu loại kumbhīla, loại sumsumāra và loại gahaka được sanh ra ở tại nơi ấy. 4012. Có nhiều mãng xà là loài thú kiếm mồi trong hồ nước thiên nhiên ở tại nơi ấy. Và có các loài cá pāthīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muñja và cá rohita. 4013. Có đầy dẫy các loài cá, các con rùa và các con rái cá nữa. Và có các con chim bồ câu, các con ngỗng trời, các con gà rừng và các loài sống ở sông.

4014. Có nhiều chim le le, ngỗng đỏ, chim campaka, chimjīvajīvaka, chim kalandaka, chim ưng, chim diều hâu và chim uddhara. 4015. Có nhiều chim kotthaka, chim sukapota, loài cua, loài bò rừng, loài thú kārenī và loài thú tilaka sông nương nhờ hô nước ây. 4016. Các con sư tử, cọp, báo, gấu, chó sói, linh cẩu, các loài khỉ và luôn cả loài Kim Si điểu được nhìn thấy ở khu ẩn cư của tôi. 4017. Trong khi ngửi các hương thơm ây, trong khi ăn các thứ trái cây [áy] và trong khi uống nước có hương thơm [ấy], tôi sống ở khu ẩn cư của tôi. 4018. Có các con sơn dương, nai, heo rừng, hươu, các loài có dáng vóc nhỏ bé, và luôn cả các con đom đóm có ánh sáng sống ở khu ẩn cư của tôi. 4019. ở nơi ấy có nhiều chim thiên nga, chim cò, chim công, chim sáo, chim cu, chim mafijarikā, chim cú mèo và chim gõ kiến. 4020. Có nhiều loài yêu tinh, loài người khổng lồ, và luôn cả loài quỷ sứ, loài quỷ dữ, loài nhân điểu, và luôn cả các loài bò sát sống ở khu ẩn cư của tôi. 4021. Có nhiều vi ẩn sĩ có đại oai lực, có tâm thanh tịnh, được định tinh, tất cả đều mang bầu nước, có y choàng là tấm da dê, các vị mang búi tóc rối ấy sông ở khu ân cư của tôi. 4022. Và [các vị ấy] nhìn với khoảng cách của cán cày, cẩn trọng, có hành vi thanh tịnh, hài lòng với việc có hay không có, sống ở khu ẩn cư của tôi. 4023. Được hỗ trợ bởi các năng lực của bản thân, các vị ấy luôn luôn di chuyển ở không trung, [vừa đi] vừa phất phơ bộ y phục vỏ cây, vừa kềm giữ tấm y da dê. 4024. Các vi ấy không mang theo nước, củi gỗ, hoặc củi nhóm lửa, và các vị ây đã tự thân đạt được [các thứ áy], điêu này là quả báo của phép kỳ diệu. 4025. Sau khi nhận lấy cái

máng bằng kim loại, các vị ấy sống ở giữa rừng ví như những con voi dòng long tượng, tợ như con sư tử không bị hãi sợ. 4026. Một số vị đi đến Tây Ngưu-hóa châu, một số vị khác đi đến Đông Thắng-thần châu, và một số vị khác đi đến Bắc Cu-lô châu tùy theo năng lực của tự thân. Sau khi mang lại vật thực từ các nơi ấy, các vị thọ thực chung. 4027. Khi ây, trong lúc tát cả các vị có oai lực nôi bật như thê ây đang ra di, khu rừng được rộn ràng bởi âm thanh bộ y bằng da dê của [các vị]. 4028. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, các vị như thế ấy là những người học trò có sự khổ hạnh nổi bật của con. Được tùy tùng bởi các vị ấy, con sống ở khu ẩn cư của con. 4029. Được hoan hỷ với việc làm của bản thân, các vị này đã cùng nhau tụ hội và cũng đã được huân luyện. Là những người có sự mong mỏi vê việc làm của bản thân, có giới hạnh, cẩn trọng, rành rẽ về các pháp vô lượng tâm, họ đã làm con hài long?9

4030. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Hướng Đạo sau khi nhận biết thời điểm đã đi đến. 4031. Sau khi đi đến, đấng Toàn Giác, bậc Hiền Trí, vi Có Sự Nhiệt Tâm, Cẩn Trọng đã ôm lấy bình bát; rồi đấng Toàn Giác đã đến gần tôi để khất thực.

ĩ 4032. Khi đấng Đại Hùng, bậc Lãnh Đạo Padumuttara đã đi đến, tôi đã sắp r r y xép tâm thảm cỏ và đã rải rác băng các bông hoa sãla. 4033. Tôi đã thỉnh đấng Toàn Giác ngồi xuống. Trở nên mừng rỡ9 với tâm ý đã được kích động, tôi đã mau chóng leo lên ngọn núi và đã thâu nhặt gỗ trầm hương. 4034. Sau khi hái trái mít có kích thước bằng bầu nước, có hương thơm cõi trời, tôi đã đặt ở trên vai rồi đã đi đến gần đấng Hướng Đạo. 4035. Sau khi đã dâng trái cây đến đức Phật, tôi đã thoa trầm hương. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ đức Phật tối thượng. 4036. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi xuống ở giữa những vị ẩn sĩ và đã nói những lời kệ này: 4037. "Người nào đã dâng cúng trái cây, trầm hương và chỗ ngồi đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 4038. Cho dầu ở làng hoặc ở rưng, ở các sườn núi hoặc ở các hang động, vật thực sẽ hiện ra đúng theo tâm [ước muốn] của người này. 4039. Được sanh lên ở thế giới chư thiên hoặc ở loài người, người nam này sẽ làm thỏa mãn nhóm tùy tùng với các thức ăn và với các loại vải vóc. 4040. Chôn nào được sanh lên là bản thê thiên nhân hay loài người, sau khi có được của cải không bị suy suyển, người nam này sẽ luân hồi. 4041. Người này sẽ sướng vui ở thê giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiêp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. 4042. Và người này sẽ cai quản thiên quốc bảy mươi mốt lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 4043. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkẩka sẽ xuat hiện ơ thế gian. 4044. Là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ây? là chánh thông, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ sống không còn lậu hoặc.^ 4045. Điều lợi ích được thành tựu một cách tốt đẹp đã được thành tựu đến tôi, là việc tôi đã được nhìn thấy đấng Lãnh Đạo, tôi đã thành tựu tam minh, tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. 4046. Cho dầu ở làng hoặc ở rừng, ở các sườn núi hoặc ở các hang động, sau khi biết được tâm của tôi, vật thực luôn luôn

hiện đến cho tôi. 4047. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4048. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4049. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão upasỉva đã nói lên những lời kệ này như thê ây. 66Ký sự về Trưởng lão Upasiva" là phần thứ năm.

406. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NANDAKA (Nandakattherāpadānam) 4050. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng rậm hoang dã. Trong lúc tìm kiếm thú rừng là loài nai, tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng, bậc Tự Chủ. 4051. Bậc Toàn Giác, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại tên là Anuruddha. Khi ấy, có ước muốn độc cu, bậc Trí Tuệ ấy đã đi sâu vào trong khu rưng. 4052. Tôi đã cầm lấy bốn cây gậy rồi đã đặt ở bốn vị trí. Sau khi thực hiện mái che đã được làm khéo léo, tôi đã phủ lên bằng những đóa hoa sen. 4053. Sau khi đã lợp xong mái che, tôi đã đảnh lễ đấng Tự Chủ. Tôi đã quăng bỏ cây cung ngay tại chỗ ấy và đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 4054. Được xuất gia không bao lâu, bệnh tật đã khởi lên cho tôi. Tôi đã nhớ lại việc làm trước đây rồi đã qua đời ở tại nơi ấy. 4055. Được gắn liền với nghiệp trước đây, tôi đã đi đến cõi trơi Đẩu-suất. ở tại nơi ấy, có cung điện bằng vàng được tạo ra theo như ước muốn. 4056. Tôi đã chú nguyện vê phương tiện di chuyên ở cõi trời là chiêc xe đã được buộc vào một ngàn con ngựa. Sau khi bước lên chiếc xe ấy, tôi ra đi theo như ước muốn. 4057. Từ đó, trong khi tôi là vị thiên nhân và trong khi tôi được đưa di, có chiếc lọng được che cho tôi ở xung quanh một trăm do-tuần. 4058. Tôi nằm ở cái giường thường xuyên được lót bằng bông hoa. Và có các đóa hoa sen từ trên không trung liên tục rơi xuống. 4059. Khi ảo ảnh [ở mắt] đang lung linh và sức nóng đang thiêu đốt, sức nóng đã không làm tôi bị nóng bức; điều này là quả báo của mái che. 4060. Trong khi vượt qua khổ cảnh, các địa ngục đã đóng lại đối với tôi. ở mái che hoặc ở gốc cây, tôi không biết đến sự nóng bức. 4061. Sau khi chú nguyện sự niệm tưởng về đất, tôi băng qua nước biển mặn, việc làm của tôi đây đã được thực hiện tốt đẹp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4062. Thậm chí không có con đường, tôi tạo ra con đường, tôi đi bằng

đường không trung, ôi, việc làm của tôi đã được thực hiện tốt đẹp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4063. Tôi biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tinh, tất cả các lậu hoặc của tôi đã được đoạn tận; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4064. Cuộc sống trước đây đã được buông bỏ, tôi là Tỳ-khưu của đức Phật và là người thừa tự Chánh pháp; điêu này là quả báo của việc cúng dương đức Phật. 4065. Tôi đã làm hài lòng đấng Thiện Thệ Gotama, bậc Cao Quý của dòng Sakyā. Tôi là ngọn cờ của giáo pháp, là người thừa tự giáo pháp; điều này là quả báo của việc

cúng dường đức Phật. 4066. Tôi đã hầu cận đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý của dòng Sakyā và đã hỏi đấng Lãnh Đạo Thế Gian về đạo lộ đi đến bờ kia. 4067. Được yêu cầu, đức Phật đã thuyết giảng về đạo lộ thâm sâu vi tế. Sau khi lăng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc. 4068. Oi, việc làm của tôi đã đirợc thực hiện tốt đẹp! Tôi đã được giải thoát khỏi sự sanh, đã được đoạn tận tát cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa. 4069. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4070. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4071. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nandaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Nandaka^ là phần thứ sáu.

407. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO HEMAKA (Hemakattherāpadānam) 4072. Vào lúc bấy giờ, có vị đạo sĩ khổ hạnh tên là Anoma đã tạo lập khu ẩn cư được xây dựng khéo léo ở gan chóp đỉnh của sườn núi và đã sống ở gian nhà rộng bằng lá. 4073. Sự thực hành khổ hạnh của vị ấy đã được thành tựu. Được đát đến sự thành tựu về các năng lực của bản thân, vi hiền trí có sự nhiệt tâm. cẩn trọng. .2 (9^ • • • • J đang tiên đên bản thê Sa-môn của chính mình. 4074. [Vi áy] tự tin ở giáo lý của mình và rành rẽ vê học thuyêt của người khác, được noi tiếng ở trên trời dưới đất và rành rẽ ve điềm báo hiệu. 4075. Vi hiền trí không còn sầu muộn, không giết hại, [thọ] chút ít vật thực, khôn^ tham lam, hài lòng với việc có hay không có, chứng thiên, thỏa thích về thiên.

THÁNH NHÂN KÝ sự 347

4076. Bậc Toàn Giác cao cả, đấng Bi Man, bậc Hiền Trí tên Piyadassĩ, có ước muốn giúp cho chúng sanh vượt qua, khi ấy Ngài đã lan tỏa với tâm bi mẫn. 4077. Sau khi nhìn thấy người có khả năng giác ngộ, bậc Đại Hiền Trí Piyadassĩ vẫn đi đến dẫu cho [khoảng cách là] một ngàn vũ trụ, và bậc Hiền Trí giáo giới [người ấy]. 4078. Có ý muốn tiếp độ toi, Ngài đã đi đến khu ẩn cư của tôi. Tôi chưa từng nhìn thấy đấng Chiên Thắng trước đây, và cũng chưa từng được nghe từ bất cứ ai. 4079. Tôi hiểu biết rành rẽ về các điềm báo hiệu, các mộng mị và các tướng mạo. Tôi được nôi tiêng vê thiên văn địa lý và rành rẽ vê thuật chiêm tinh. 4080. Tại đó, sau khi lắng nghe đức Phật, tôi đây đã làm cho tâm được tịnh tín. Trong khi ăn hoặc trong khi ngồi xuống, tôi thường xuyên nhớ lại. 4081. Khi tôi nhớ lại như vậy, đức Thế Tôn cũng đã tưởng nhớ lại. Trong khi tưởng nhớ đến đức Phật, tôi có được phỉ lạc ngay lập tức. 4082. Và đã xảy ra một lần khác nữa, bậc Đại Hiền Trí đã đi đến gần tôi. Tôi cũng không biết về người đã đi đến: “Vi này là đức Phật, bậc Đại Hiên Trí.,, 4083. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Man, bậc Đại Hiền Trí Piyadassĩ đã tỏ rỡ về bản thân rằng: “Ta là đức Phật [ở thế gian] gồm luôn cả chư thiên.,, 4084. Sau khi nhận ra đấng Toàn Giác, bậc Đại Hiền Trí Piyadassí, tôi đã làm cho tâm của chính mình được tịnh tín rồi đã nói lời nói này: 4085. "Nhũng người khác tự ngồi xuống ở ghế đẩu, ghế bành và các ghế dài. Còn Ngài là đấng Toàn Tri, xin Ngài hãy ngồi xuống chỗ ngồi bằng châu bau.^ 4086. Ngay khi ấy, tôi đã hóa hiện ra chiếc ghế đẩu toàn bộ làm bằng châu báu và đã dâng lên bậc Hiền Trí Piyadassĩ [chiếc ghế]

đã được hóa hiện ra bằng thần thông. 4087. Và khi Ngài đã ngồi xuống trên chiếc ghế đẩu bằng châu báu đã được hóa hiện ra bằng than thông, tôi đã tixc thời dâng đến Ngài trái mận đỏ có kích thước bằng bầu nước. 4088. Sau khi làm cho tôi sanh khởi niềm vui, bậc Đại Hiền Trí đã thọ dụng. Khi ấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín và đã đảnh lễ bậc Đạo Sư. 4089. Rồi đức Thế Tôn Piyadassĩ, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngxru ngồi ở chỗ ngồi bằng châu báu đã nói lên các lời kệ này: 4090. "Người nào đã dâng Cling Ta chiếc ghế đẩu làm bằng châu báu và trái cây bất tử, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lang nghe Ta nói. 4091. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong bảy mươi bảy kiếp, và sẽ là đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm làn. 4092. [Người này] sẽ là vi Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi hai lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4093. [Người này] sẽ đạt được nhiều chiếc ghế bành khéo được tạo ra làm bang vàng, làm bang bạc, làm bang hong ngọc và luôn cả làm bang châu báu. 4094. Khi ây? có vô sô chiêc ghê bành sẽ quây quanh con người có được nghiệp phước thiện, ngay cả trong lúc [vị ấy] đang đi kinh hành. 4095. Các ngôi nhà mái nhọn, các tòa lâu đài và chỗ nằm vô cùng giá trị, sau khi biết được tâm [ước muốn] của người này sẽ được hiện ra ngay khi ấy. 4096. Sáu mươi ngàn con voi loài long tượng được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có chuông vàng, có trang phục với yên cương bằng vàng. 4097. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có các bàn tay cầm giáo và móc câu, chúng sẽ hộ tống người này; điều này là quả báo của chiếc ghe bằng châu báu. 4098. Sáu mươi ngàn con ngựa dòng Sindhu thuần chủng là phương tiện vận chuyển nhanh chóng, được trang hoàng với tất cả các loại trang sức. 4099. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có mang cung với gươm, chúng cũng sẽ hộ tống người này; điều này là quả báo của chiếc ghế bằng châu báu. 4100. Sáu mươi ngàn cô xe được trang hoàng với tát cả các loại trang sức, có các mảnh da báo và cả da hổ được bày biện, có các ngọn cờ được giương cao. 4101. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có các tay cầm cung mang áo giáp, chúng sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo của chiếc ghế bằng châu báu. 4102. Sáu mươi ngàn con bò cái sữa sẽ sản xuất ra các con bò con và bò đực cao quý; điều này là quả báo của chiếc ghế bằng châu báu. 4103. Mười sáu ngàn phụ nữ được trang điểm với tất cả các loại trang sức, được trang hoàng bằng các loại vải vóc nhiều màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni. 4104. Có lông mi cong, có nụ cười, có điệu bộ duyên dáng, có eo thon, các nàng sẽ thường xuyên vây quanh người này; điều này là quả báo của chiếc ghế bằng châu báu. 4105. Vào một ngàn tám trăm kiếp, bậc Hữu Nhãn tên là Gotama sau khi hủy diệt điều tăm tối ấy và sẽ trở thành đức Phật ở thế gian. 4106. [Người này] sẽ đi đến chiêm ngưỡng vị [Phật] ấy, sẽ xuất gia, không còn sở hữu gì, sẽ làm hài lòng bậc Đạo Sư và sẽ vô cùng thỏa thích trong giáo pháp. 4107. Sau khi lăng nghe giáo pháp của vị [Phật] ây, [người này] sẽ tiêu diệt các phiền não. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, [người này] sẽ Niết- bàn, không còn lậu hoặc?9 4108. Tôi có sự tinh tấn, có khả năng thực hành các phận sự là điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc. Trong khi ước nguyện mục đích tối thượng, tôi sống ở trong giáo pháp. 4109. Đây là làn sau cùng của tôi, là kiếp sống cuối cùng trong sự luân

A e M n 1 ./x chuyên. [Tôi] đã được đoạn tận tát cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa. 4110. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4111. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4112. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Hemaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "K, sự về Trưởng lão Hemaka" là phần thứ bảy. (Dứt tụng phẩm thứ mười bảy).

408. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TODEYYA (Todeyyattherāpadānam) 4113. Lúc bấy giờ, ở kinh thành Ketumatī có đức vua tên Vijaya, là vị anh hùng, được hội đủ sức lực, đã cư ngụ ở tại thành phố. 4114. Khi vị vua ấy bị xao lãng, những kẻ lục lâm đã nổi dậy. Khi ấy, những điều tội lỗi và các sự phóng đãng nữa đã tàn phá xứ sở. 4115. Vào lúc biên thùy bị rối loạn, vị thuần hóa kẻ thù, [đức vua] đã lập tức cho tập trung các binh lính, luôn cả các nhân viên quân đội và khi ấy đã lên án kẻ thu. 4116. Lúc bấy giờ, các nài voi, các lính ngự lâm, các bậc anh hùng, đội quân áo giáp da, các cung thủ và các thủ lãnh, tát cả đã tập trung lại. 4117. Lúc bấy giờ5 các người đầu bếp, các thợ hớt tóc, các người hầu tắm, các người làm tràng hoa, các vi anh hùng thắng trận, tất cả đã tập trung lại. 4118. Lúc bây giờ, các người tay có câm dao, tay có câm cung, có áo giáp, các võ sĩ thăng trận, tát cả đã tập trung lại. 4119. Lúc bấy giờ, các con voi mātañga [đến tuổiỊ bị tiết dục ở ba nơi được sáu mươi tuổi có sự trang sức với các chuông vàng, tát cả đã tập trung lại. 4120. Lúc bấy giờ, các dũng sĩ đã được huấn luyện, có sức chịu đựng sự lạnh, sự nóng và sự mang vác các vật thối tha, tất cả đã tập trung lại. 4121. Lúc bấy giờ, có tiếng tù và vỏ ốc, tiếng trống lớn và tiếng trống trầm. Trong lúc đang giải trí với những tiếng trống này, tất cả bọn họ đã tập trung lại. 4122. Lúc bấy giờ, trong khi đánh đập nhau, trong khi làm cho nhau té ngã bằng các chĩa ba, các cây trượng và bùa chú, bằng các áo giáp và các mũi thương, tất cả đã tập trung lại. 4123. Lúc bấy giờ, là kẻ chiến thắng, vị vua ấy đã không lắng nghe kẻ bại trận ve bất cứ điều gì và đã làm sáu chục ngàn sanh mạng phải khiếp đảm ở nơi cọc nhọn.

350 KINH TIÊU BỒ

4124. Những con người [ấy] đã thốt ra lời rằng: "Ôi5 vị vua bất nhân! Đối với kẻ đang bi nung nấu ở địa ngục thì khi nào sẽ là sự kết thiìc?" 4125. Khi ấy, trong lúc trằn trọc ở trên giường, tôi [như là] nằm ở địa ngục, cả ngày lẫn đêm tôi không ngủ. Với cây cọc nhọn họ làm cho tôi hoảng sợ. 4126. [Tôi đã suy nghĩ rằng:] "Được gì với sự chểnh mảng, với vương quốc, với xe cộ và với binh lực? Chúng không phải là để bám víu, chúng luôn luôn làm tôi hãi sợ. 4127. Được gì cho tôi với các người con trai, với các người vợ và với toàn bộ vương quốc? Hay là ta nên xuất gia, ta nên làm trong sạch đạo lộ tái sanh?" 4128-29. Không mong mỏi việc lai vãng ở chiến trường, vào địa vị, tôi đã từ bỏ sáu mươi ngàn con voi loài long tượng được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có chuông vàng, có trang phục yên cương bằng vàng, được cỡi bởi các vi trưởng

làng có các bàn tay cầm giáo và móc câu. Bi nóng nảy bởi hành động của chính minh, tôi đã ra đi vào đời sống không gia đình. 4130-31. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn con ngựa dòng Sindhu thuần chủng, là phương tiện vận chuyển nhanh chóng, được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, được cỡi bởi các vị trưởng làng có các bàn tay cầm cung, mang áo giáp. Sau khi buông bỏ tất cả các thứ ây, tôi đã ra đi vào đời sống không gia đình. 4132. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn cỗ xe được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có các mảnh da báo và cả da hổ được bày biện, có các ngọn cờ được giương cao. Sau khi bảo đem đi tất cả các thứ ấy, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 4133. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn con bò cái, tát cả đêu mang bâu sữa. Sau khi quăng bỏ luôn cả lũ bò cái, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 4134. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn phụ nữ được trang điểm với tất cả các loại trang sức, được trang hoàng bằng các loại vải vóc nhiều màu sắc, có các bông tai bang ngọc trai và ngọc ma-ni. 4135. Các nàng có lông mi cong, có nụ cười, có điệu bộ duyên dáng, có eo thon. Tôi đã từ bỏ các nàng đang khóc lóc và đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 4136. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn ngôi làng có đầy đủ tất cả. Sau khi quăng bỏ vương quốc ấy, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 4137. Sau khi rời khỏi thành phố, tôi đã đi đến núi Hy-mã-lạp. Tôi đã tạo lập khu ẩn cư ở bờ sông Bhāgīrathī. 4138. Sau khi xây dựng gian nhà rộng bang lá, tôi đã xây dựng ngôi nhà thờ lửa. Có sự nỗ lực tinh tấn, có tính khẳng quyết, tôi sống ở khu ẩn cư của tôi. 4139. Và trong lúc tham thiên ở mái che, ở góc cây, hoặc ở ngôi nhà trông vắng, tuy nhiên sự run sợ của tôi là không được biết đến, tôi không nhìn thấy sự kinh hoàng và hãi sợ.

THÁNH NHÂN KÝ sự 351

4140. Đấng Toàn Giác tên Sumedha, bậc Cao Cả, đấng Bi Mần, bậc Hiền Trí, trong khi chói sáng với ánh sáng trí tuệ, đã lập tức hiện khởi ở thế gian. 4141. ở lân cận khu ẩn cư của tôi có con dạ-xoa có đại thần lực, khi ấy đã thông báo cho tôi về đức Phật tối thượng đã hiện khởi: 4142. "Đức Phật bậc Hữu Nhãn tên Sumedha đã hiện khởi ở thế gian. Ngài giúp cho tất cả loài người vượt qua. Ngài cũng sẽ giúp cho ngươi vượt qua.” 4143. Sau khi lắng nghe lời nói của con dạ-xoa, ngay khi ấy sự chấn động đã xuất hiện [ở tôi]. Trong lúc suy nghĩ: "Bức Phật! Đức Phāt!9\ tôi đã xếp đặt lại khu ẩn cư. 4144. Và sau khi quăng bỏ lửa củi, tôi đã tự sắp xếp thảm trải. Sau khi lễ bái khu ẩn cư, tôi đã rời khỏi khu rừng. 4145. Sau khi cầm lấy trầm hương từ khu rừng ấy, trong khi tìm kiếm vi Trời Của Chư Thiên từ làng này đến làng khác, từ thành phố này đến thành phố khác, tôi đã đi đến gần bậc Hướng Đạo. 4146. Vào thơi điểm ấy, đức Thế Tôn, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha, trong khi công bố về bốn sự thật [đãi giác ngộ nhiều người. 4147. Sau khi đã chắp tay lên và đặt trầm hương ở trên đầu, tôi đã đảnh lễ đấng Toàn Giác và đã nói lên những lời kệ này: 4148. "Trong khi hoa nhài đang nở rộ, [hương thơm] tỏa ra vùng lân cận. Bạch đang Anh Hùng, Ngài tỏa ra kháp mọi phương với hương thơm của đức hạnh. 4149. Trong khi các loài hoa campaka, hoa mù u9 hoa atimuttaka, hoa dứa dại, hoa sâla đang nở rộ, [hương thơm] tỏa ra theo chiều gió. 4150. Bạch đấng Đại Hùng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, vi Có Danh Tiếng Vĩ Đại, sau khi nghe được danh thơm của Ngài, con từ núi Hy-mã-lạp đã đi đen nơi đây, con xin cúng dường Ngai.99 4151. Tôi đã thoa trầm hương cao quý lên đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha.

Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, ngay khi ấy tôi đã đứng yên lặng. 4152. Đức Thế Tôn tên Sumedha, bậc Trưởng Thượng Của Thể Gian, đấng Nhân Ngưu đã ngồi xuống ở hội chúng tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này: 4153. uNgười nào đã ca tụng về đức hạnh của Ta và đã cúng dường trầm hương, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 4154. [Người này] sẽ là người cao quý, thẳng thắn, có sự huy hoàng, có ngôn từ được [người khác] thâu nhận, có hào quang trong hai mươi lăm kiếp. 4155. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong hai ngàn sáu trăm kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. 4156. [Người này] sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi

ba lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 4157. Mệnh chung từ nơi ây, người này sẽ đi đên bản thê nhân loại, được gắn liền với nghiệp phước thiện, sẽ là thân quyến của Phạm thiên.6 4158. [Sẽ có] nệười Bà-la-môn tên Bāvarī, là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suôt ba tập Vệ-đà, hội đủ ba tướng mạo. 4159. Sau khi trở thành đệ tử của vị ấy, [người này] sẽ thông thạo về chú thuật và sẽ đi đến với đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā. 4160. Người này sẽ hỏi các câu hỏi khôn khéo, sẽ tu tập đạo lộ9 sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoāc?9 4161. Ba loại lửa [tham, sân, si] của tôi đã được dập tắt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 4162. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4163. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4164. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Todeyya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Todeyya95 là phần thứ tám.

409. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO JATUKANNI (Jatukannittherāpadānam) 4165. Khi ấy, tôi đã là người con trai của nhà triệu phú ở thành phố Hamsavatī. Tôi được cung ứng và được vây quanh bởi các loại dục lạc. 4166. Khi ấy, những người ghi dấu các căn nhà đã dựng lên ba tòa nhà. Sau khi bước lên tòa nhà, tôi được vây quanh bởi các điệu vũ và lời ca ở tại nơi ấy. 4167. Các loại nhạc cụ kết hợp với [âm thanh của] chũm chọe được biểu diễn cho tôi. Tất cả những người phụ nữ đang nhảy múa hoàn toàn thu hút tâm ý của tôi. 4168. Những vũ công về các điệu vũ velãpika, lāmanika, kufijavāsī và timajjhika, những người nhào lộn và những diễn viên hài luôn luôn vây quanh tôi. 4169. Có nhiều nhạc công, những người đánh trống, các diễn viên uốn dẻo, các vũ công, các diễn viên và ngay cả các kịch sĩ luôn luôn vây quanh tôi. 4170. Các người thợ hớt tóc, các người hầu tắm, các người đầu bếp, các 6 Người Bà-la-môn (Brāhmana) tự hào là thân quyến của Phạm thiên (Brahma).

người làm tràng hoa, các người giữ trẻ, các người nhào lộn, các võ sĩ đấu vật, tất cả bọn họ luôn luôn vây quanh tôi. 4171. Trong khi những người này đang đùa giỡn, luyện tập về kỹ xảo, tôi không biết đến ngày và đêm, tợ như vị Chúa trời Inda ở cõi trời Tam Thập. 4172. Những người lữ hành, những người đi đường, tất cả các hành khất, nhiều người bộ hành, trong lúc xin ăn bọn họ thường xuyên đi đến nhà của tôi. 4173. Các Sa-môn và luôn cả các Bà-la-môn là những phước điền vô thượng, trong lúc làm tăng trưởng phước báu của tôi, các vi đi đến nhà của tôi. 4174. Các hạng đạo sĩ che một mảnh vải, đạo sĩ che băng dây leo, các du sĩ ngoại đạo, đạo sĩ có tấm choàng bằng bông hoa, đạo sĩ chống ba cây gậy, đạo sĩ có một chòm tóc, tất cả đều đi đến nhà của tôi. 4175. Các vị đạo lõa thể, các kẻ cướp giật, các người hành pháp trâu bò, các người hành pháp chư thiên, các người tu hạnh bôi trét bụi và bùn đất [ở cơ thể], những người này đi đến nhà của tôi. 4176. Nhiều vị đạo sĩ nhóm Parivattaka, nhóm Siddhipatta, nhóm Kondapugganika, các đạo sĩ khổ hạnh và các người tu ở rừng đi đến nhà của tôi. 4177. Những người Oddaka, luôn cả các người Ta-min, các người Sãkula, các người Malayâlaka, các người Sahara và cả các người Yonaka nữa đi đến nhà của tôi. 4178. Tất cả những người xứ sở Andhaka, xứ sở Mundaka, xứ sở Kolaka, xứ sở Sânuvindaka và xứ sở Trung Hoa xa xôi đi đến nhà của tôi. 4179. Các người xứ sở Alasandaka, xứ sở Pallavaka, xứ sở Babbara, xứ sở Bhagga, xứ sở Kesa, xứ sở Rohita và xứ sở Cetaputta đi đến nhà của tôi. 4180. Các người xứ sở Mâdhuraka, xứ sở Kosalakā, xứ sở Kâsika, xứ sở Hatthiporika, xứ sở Isinda, luôn cả các người xứ sở Makkala đi đến nhà của tôi. 418L Các người xứ sở Celâvaka, xứ sở Aramma, xứ sở Okkala, xứ sở Meghala, xứ sở Khuddaka, lu6n cả xứ sở Suddaka đi đến nhà của tôi. 4182. Các người xứ sở Rohana, xứ sở Sindhava, xứ sở Citaka, xứ sở Ekakannika, xứ sở Surattha và xứ sở Aparanta đi đến nhà của tôi. 4183. Các người xứ sở Suppâraka, xứ sở Kikumâra, xứ sở Malaya, xứ sở Sonnabhūmika, xứ sở Vajjī và xứ sở Tāra, tất cả bọn họ đi đến nhà của tôi. 4184. Những người làm ống thổi, những người thợ dệt, những người thợ thuộc da, những người thợ mộc, những người thợ rèn và những người thợ làm đồ gốm đi đến nhà của tôi. 4185. Những người thợ làm ngọc, thợ làm kim khí, thợ kim hoàn, người buôn vải và thợ làm chì, tất cả đi đến nhà của tôi. 4186. Những người thợ làm tên, thợ tiện gỗ, thợ dệt, những người làm hương liệu, những người thợ nhuộm và những người thợ may đi đến nhà của tôi.

354 KINH TIÊU BÔ

4187. Những người buôn dầu, những người vận chuyển gỗ? những người vận chuyển nước, những người đưa tin, những người đầu bếp và những người bảo quản vật thực đi đến nhà của tôi. 4188. Những người gác công, những người hộ vệ, những người canh ngục, những người đo bỏ rác bông hoa, các nài voi, các quản tượng đi đen nhà của tôi. 4189 Tôi đã dâng đến vị Đại vương Ānanda là người bị xao lãng. Tôi làm đầy đủ sự thiếu hụt [của đức vua] bằng châu báu có bảy màu sắc. 4190. Những người đã được tôi đề cập đến là những nhóm người có màu da khác nhau. Sau khi biết được tâm của họ, tôi đã làm thỏa mãn họ băng châu báu. 4191. Trong khi họ đang nói những lời vui vẻ, trong khi những cái trống lớn được vỗ vang lên, trong khi họ đang thổi những chiếc tù và vỏ ốc, tôi sướng vui ở tại ngôi nhà của chính mình. 4192-93. Vào thời điểm ấy, đức

Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Padumuttara, bậc Hữu Nhãn ấy, được tháp tùng bởi một trăm ngàn vị Tỳ-khmi là các bậc Lậu tận có năng lực, đã ngự đến ở trên đường, trong lúc đang tỏa sáng tất cả các phương tợ như cây đèn chiếu sáng. 4194. Tất cả các chiếc trống lớn được vỗ lên trong khi bậc Lãnh Đạo Thế Gian đang đi. Hào quang của Ngài tỏa ra tợ như ánh mặt trời đã mọc lên cao. 4195. Do ánh hào quang đã đi vào dâu chỉ băng cánh cửa sô, ở trong gian nhà ngay lập tức đã có ánh sáng vô cùng bao la. 4196. Sau khi nhìn thấy ánh hào quang của đức Phật, tôi đã nói với đám đông rằng: "Chắc chắn rằng đức Phật tối thượng đã đi đến con đường nay.^ 4197. Tôi đã cấp tốc bước xuống khỏi tòa nhà và đã đi đến khu phố chợ. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác và đã nói lời nói này: 4198. "Xin đức Phật, đấng Lãnh Đạo Padumuttara hãy thương tưởng đến con.” Bậc Hiền Trí ấy đã nhận lời cùng với một trăm ngàn vị có năng lực. 4199. Sau khi thỉnh mời, tôi đã hướng dẫn bậc Toàn Giác đi đến ngôi nhà của mình. Tại nơi ấy, tôi đã làm thỏa mãn bậc Đại Hiền Trí với cơm ăn và nước uống. 4200. Biết được thời điểm đã thọ thực xong của đức Phật tối thượng như thế ấy, tôi đã phục vụ đức Phật tối thượng bằng một trăm khúc tấu nhạc. 4201. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi xuống ở trong nhà và đã nói lên những lời kệ này: 4202. "Người nào đã phục vụ Ta bằng các khúc tấu nhạc và đã dâng cúng Ta cơm ăn nước uống, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 4203. Sau khi đã có dôi dào vê lương thực, với vàng, với thức ăn, người nam này sẽ cho thực hiện bốn châu lục thành một vương quốc. 4204. [Người này] sẽ thọ trì năm giới cấm và sau đó là mười đường lối về [thiện] nghiệp. Sau khi thọ trì và trong lúc hành theo, người này sẽ chỉ dạy hội chúng.

THÁNH NHÂN KÝ sự 355

4205. Một trăm ngàn nữ nhân được trang điểm sẽ thường xuyên trình tấu nhạc cụ cho người này; điều này là quả báo của việc phục vụ. 4206. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp, và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc sáu mươi bốn lần. 4207. Và [nệười này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương sáu mươi bốn lần. Lãnh thô vương quốc là bao la, không thê đo lường bằng phương diện tính đếm. 4208. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuat hiện ơ thế gian. 4209. [Người này] sẽ sanh vào bản thể thiên nhân hay loài người. Người này sẽ có của cải không bị thiếu hụt và sẽ đi đến bản thể loài người. 4210. Sau khi trở thành vị giảng huấn, thông suốt ba tập yệ-đà, trong lúc tầm cầu mục đích tối thượng, [người này] sẽ đi đó đây ở trái đất này. 4211. về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người này sẽ xuất gia và sẽ thỏa thích trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama. 4212. Người này sẽ làm hài lòng đang Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā, sẽ thiêu đốt các phiền não và sẽ trở thành vi A-la-hán." 4213. Giờ dây, tôi sông trong giáo pháp của người con trai dòng Sakyā không bị hãi sq, tợ như con cọp chúa ở trong rừng, như là con sư tử vua của loài thú. 4214. Tôi không nhìn thấy sự tái sanh của tôi ở thế giới chư thiên hoặc ở loài người, ở nơi nghèo khó hoặc ở vào khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ. 4215. Tôi đã được gắn liền với sự độc cư, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4216. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là

con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4217. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4218. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Jatukanni đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. sự về Trưởng lão Jatukanni" là phần thứ chín.

410. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UDENA (ưdenattherãpadãnam) 4219. ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Padumaṃ có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập.

4220. Các con sông chảy qua nơi ấy có những bến nước cạn xinh xắn làm thích ý. Các con sông luôn luôn có nước trong, có nước mát? xinh đẹp. 4221. Có các loài cá như là cá pāthīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muñja và cá rohita. Những loài cá này thường xuyên sống ở dòng sông, đồng thời làm cho các con sông trở nên rực rỡ. 4222. [Các con sông] được che phủ bởi các cây xoài và cây mận. Tương tợ như thế, có các cây bông hường, cây tilaka, cây bả đậu, cây hoa kèn làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4223 Các cây añkolaka, cây bimbijāla và cây māyākārī được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm chúng làm cho khu ân cư của tôi trở nên rực rỡ. 9

4224. Các cây atimutta, cây sattalika, cây nāgā và cây sāla được trô hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4225. Các cây kosamba, cây salala, cây nīpa và cây atthañga khéo được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4226. ở khu ẩn cư có nhiều loại trái cây như trái harītaka, trái āmalaka, trái xoài, trái mận đỏ, trái vibhītaka, trái táo, trái bhallātaka và trái billa. 4227. Tại nơi ấy, ở khu ẩn cư của tôi, các cây kalamba, cây kandalī trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4228. Các cây asokapindī, cây varī và cây nimba được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ân cư của tôi trở nên rực rỡ. 4229. Các cây punnāga, cây giripunnāga, cây timira ở tại nơi ấy được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4230. Các cây niggundī, cây siriniggundī, cây campā ở tại nơi này được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4231. Không xa có cái hồ nước được líu lo bởi loài ngỗng đỏ, được che phủ bởi các cây mạn-đà-la? bởi các bông sen xanh và các bông sen đỏ. 4232. Có bến nước cạn xinh xắn làm thích ý, có nước trong, có nước mát, trong vắt tương tợ ngọc pha le9 [cái hồ nước] làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4233. ở tại nơi ấy, có các bông sen xanh, các bông sen trắng và các bông sen đỏ nở rộ. Được che phủ bởi các cây mạn-đà-la, [cái hồ nước] làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4234. Có các loại cá như là cá pāthīna, cá pāvusa, cá valaja, cá mufija, cá rohita. Và trong khi thơ thân ở tại nơi ấy, chúng làm cho khu ân cư của tôi trở nên rực rỡ.

4235. Có các con cá sấu kumbhīla, cá sấu sumsumāra, các con rùa, các con gaha, các con rắn và các con mãng xà làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4236. Và ở tại nơi ấy có các loài sống ở sông như chim bồ câu, ngỗng trời, ngỗng đỏ, chim le le, chim sáo, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4237. Các cây nayita, cây ambagandhī và cây dừa dại ở tại nơi ấy được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4238. Có các con sư tử, cọp, báo, gâu9 chó sói và linh câu, trong khi đi lang thang ở khu rừng bao la, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4239. Có các vị [đạo sĩ] mang các búi tóc, có y choàng là tấm da dê? trong khi đi lang thang ở khu rừng bao la, các vị làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4240. Các vị này mặc các tấm da dê, cẩn trọng, có hành vi thanh tinh, có hành trang ít ỏi, tất cả các vị ấy làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4241. Lúc bây giờ, các vị đã câm lây túi vật dụng roi đi sâu vào rưng. Trong khi thọ thực các rễ và trái cây, các vị thường xuyên sống ở khu ẩn cư. 4242. Các vi ấy không đem lại củi [và] nước rửa chân. Do năng lực của tất cả các vị, [các vật dụng] được tự chúng mang lại. 4243. Có tám mươi bốn ngàn vị ẩn sĩ đã tụ hội ở tại nơi này. Tất cả các vi này là các vị tâm câu mục đích tôi thượng, có thiên chứng. 4244. Là các đạo sĩ khổ hạnh, có sự hành trì Phạm hạnh, đang năng nổ trong việc duy trì sự nhập đinh, có sự di chuyển ở không trung, tất cả các vi thường xuyên sống ở khu ân cư. 4245. Mỗi năm ngày, các vị tụ hội lại, có sự chăm chú, có hành vi thanh tinh. Sau khi đảnh lễ lẫn nhau, các vi ra đi bằng hướng đối nghịch. 4246. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Trong khi hủy diệt điều tăm tối ấy, đấng Chiến Thắng đã tức thời hiện khởi. 4247. ở lân cận khu ẩn cư của tôi có con dạ-xoa có đại thần lực. Khi ấy, nó đã thông báo cho tôi về đấng Toàn Giác, bậc Lãnh Đạo Padumuttara rằng: 4248. "Thua ngài, đức Phật, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara này đã xuất hiện. Ngài hãy mau đi đen và phục vụ bậc Toàn Giác." 4249. Sau khi lắng nghe lời nói của con dạ-xoa, khi ấy với tâm ý trong sạch, tôi đã xếp đặt lại khu ẩn cư và đã lìa khỏi khu rừng. 4250. Như là mảnh vải đang bốc cháy, sau khi lìa khỏi khu ẩn cư tôi đã trú ngụ [chỉ] một đêm và đã đi đến gặp đấng Hướng Đạo. 4251. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, trong khi công bố về bốn sự thật đã thuyết giảng về vị thế bất tử. 4252. Sau khi cầm lấy đóa sen khéo được nở rộ, tôi đã đi đến gần bậc Đại Ẩn Sĩ. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật.

358 KINH TIÊU Bộ

4253. Sau khi cúng dường bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Padumuttara, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai rồi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng: 4254. "Đấng Toàn Giác, bậc Không Còn Lậu Hoặc sống ở thế gian này với trí tuệ nào, tôi sẽ tán dương trí tuệ ấy. Xin các người hãy lắng nghe tôi nói. 4255. Sau khi cắt đứt dòng chảy luân hồi, Ngài đã giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, họ vượt qua dòng chảy ái dục. 4256. Bạch đấng Tối Thượng của loài người, Ngài là bậc thầy, là biểu hiệu, là ngọn cờ, là mục đích tối cao, là nơi nương tựa, là sự nâng đỡ, là ngọn đèn của chúng sanh. 4257. Bạch đấng Toàn Tri, cho đến những người được gọi là các bậc Xa Phu có đồ chúng ở trên thế gian, Ngài là đấng Cao Cả, tất cả những người ấy đều được gộp chung lại ở Ngài. 4258. Bạch đấng Toàn Tri, bằng trí tuệ của Ngài, Ngài đã

giúp cho nhiều người vượt qua. Sau khi đi đến diện kiến Ngài, họ sẽ được chấm dứt khổ đau. 4259. Bạch đấng Hữu Nhãn, bạch đấng Đại Hiền Trí, những hương thơm nào đã được sanh lên và tỏa ra ở thế gian, không có gì sánh bằng hương thơm ở phước điền của Ngài. 4260. Bạch đấng Hữu Nhãn, Ngài giúp cho thoát khỏi sự sanh vào loài thú, địa ngục. Bạch đang Đại Hiền Trí, Ngài giảng giải ve đạo lộ an tịnh, không còn tạo tác/9 4261. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này: 4262. "Người nào được tinh tín đã tự tay mình cúng dường trí tuệ của Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 4263. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn ln." 4264. Tôi đã nhận lãnh điều lợi ích đã được đạt thành một cách tốt đẹp. Sau khi làm hài lòng bậc có sự hành trì tốt đẹp, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi song không còn lậu hoặc. 4265. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4266. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4267. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Udena đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Udena" là phần thứ mười.

THÁNH NHÂN KÝ sự 359

Phần tóm lược Vị Trưởng lão Metteyya, vi Punnaka, vị Mettagū, luôn cả vi Dhotaka, vị Upasīva, vị Nandā, và vi Hemaka là vi thứ bảy ở nơi ấy, vị Todeyya, vi Jatukannī, và vị Udeno có danh vọng lớn lao. ở đây là ba trăm câu kệ và thêm vào tám mươi ba câu. Phẩm Metteyya là phẩm thứ bốn mươi mốt.

360 KINH TIẾU BÔ

XLn. PHẨM BHADDĀLI (BHADDĀLIVAGGƠ)

411. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BHADDĀLI (Bhaddālittherāpadānam) 4268. Bậc Toàn Giác tên Sumedha, đấng Bi Man Cao Cả, vị Hiền Trí, bậc Cao Cả Của Thế Gian có ước muốn độc cư nên đã đi đến núi Hy-mã-lạp. 4269. Sau khi đi sâu vào núi Hy-mã-lạp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Sumedha đã xếp chân kiết-già, rồi ngồi xuống. 4270. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha ấy đã thể nhập vào định. Đức Phật, bậc Tối Thượng Nhân đã ngồi bảy ngày đêm. 4271. Tôi đã cầm lấy túi vật dụng rồi đã đi sâu vào khu rừng. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc. 4272. Khi ấy, tôi đã cầm lấy cây chổi và đã quét khu ẩn cư. Sau khi dựng lên bốn cây cọc, tôi đã tạo nên cái mái che. 4273. Sau khi mang lại bông hoa sâla, tôi đã che phủ mái che. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ đức Như Lai. 4274. Người ta nói về bậc Thông Thái có trí tuệ bao la là "Sumedha". Ngài đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này. 4275. Nhận biết lời nói của đức Phật, tất cả chư thiên đã tụ hội lại. Quả nhiên, đức Phật tối thượng, bậc Hữu Nhãn [đã] thuyết giảng giáo pháp. 4276. Đấng Toàn Giác tên Sumedha, vi Thọ Nhận Các Vật

Hiến Cúng đã ngồi xuống ở hội chúng chư thiên và đã nói lên những lời kệ này: 4277. "Người nào đã duy trì mái che, được che phủ bằng bông hoa sâla cho Ta suốt bảy ngày, Ta sẽ tán dương người ây. Các người hãy lăng nghe Ta nói. 4278. Dầu trở thành vị thiên nhân hay nhân loại, [người này] sẽ có làn da màu vàng chói, sẽ có của cải dồi dào, sẽ có sự thọ hưởng các dục lạc. 4279. Sáu mươi ngàn con voi loài long tượng được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có chuông vàng, có trang phục yên cương bang vàng. 4280. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có các bàn tay cầm giáo và móc câu, chúng sẽ đi đến phục vụ người nam này sáng chiều. Được hộ tống bởi những con long tượng ấy, người nam này sẽ vui sướng. 4281. Sáu mươi ngàn con ngựa dòng Sindhu với sự sanh ra được thuần

chủng, là phương tiện vận chuyển nhanh chóng, được trang hoàng với tất cả các loại trang sức. 4282. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có mang cung với gươm, chúng sẽ thường xuyên hộ tống tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4283. Sáu mươi ngàn cỗ xe được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có các mảnh da báo và cả da hổ được bày biện, có các ngọn cờ được giương cao. 4284. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có các tay câm cung, mang áo giáp, chúng sẽ thường xuyên hộ tống tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4285. Sẽ luôn luôn hiện hữu sáu mươi nệàn ngôi làng có đầy đủ tất cả, có tài sản và lúa gạo dồi dào, được thành công tốt đẹp về mọi mặt; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4286. Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, các binh lính và quân đội gồm bốn binh chủng sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4287. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một ngàn tám trăm kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. 4288. Và [người này] sẽ cai quản thiên quốc ba trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 4289. Vào ba mươi ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 4290. Là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ sống không còn lậu hoặc/9 4291. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian cách đây ba mươi ngàn kiếp, trong khoảng thời gian này, tôi đã tầm cầu vi thế bất tử. 4292. Điều lợi ích cho tôi đã được tôi đạt thành một cách tốt đẹp là tôi đã hiểu được giáo pháp, tam minh đã được thành tựu, lời dạy của đức Phật đã được thực hành. 4293. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Sau khi tán dương trí tuệ của Ngài, con đã đạt được vị thếbatđộng,\ 4294. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi đêu được sung sướng ở tát cả các nơi, là quả báo của tôi vê việc tán dương trí tuệ. 4295. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4296. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4297. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4298. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bhaddâli đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Bhaddãir9 là phần thứ nhất.

412. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKACHATTIYA (Ekachattiyattherãpadữnam) 4299. ở bờ sông Candabhāgā có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lả được rải cát vô cùng tinh khiết đã khéo được tạo lập. 4300. Con sông nhỏ có bờ nước lúp xúp, có bãi nước cạn xinh xắn, làm thích ỷ. có đủ các loài cá và rùa, được loài cá sấu lai vãng. 4301. Có các con gấu, công, báo, chim cu rừng và chim sáo. Chúng hót líu lo vào mọi lúc, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4302. Có các chim cu cu có âm giọng lôi cuồn và các con thiên nga có âm điệu ngọt ngào. Chúng hót líu lo tại nơi ấy, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4303. Có các con sư tử, cọp, heo rừng, chó sói, chó rừng và linh cẩu. Chúng gâm rú ở nơi hiêm trở của ngọn núi, làm cho khu ân cư của tôi trở nên rực rỡ. 4304. Có các con linh dương, nai, chó rừng, lợn rừng. Nhiều con gầm rú ở nơi hiểm trở của ngọn núi, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4305. Có các loại cây uddâlaka, cây campaka, cây pātalī, cây sinduvāraka, cây atimutta và cây asoka nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi. 4306. Có các loại cây aốkola, cây yũthika, luôn cả cây sattalĩ, cây bimbijālika, cây kannika và cây kanikāra nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi. 4307. Có các loại cây nāgā, cây sâla9 cây salala, cây sen trăng được trô hoa ở nơi đây. Trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4308. Có các loại cây ajjuna, cây asana và cây mahānāma được trổ hoa ở nơi đây, có các cây sâla và các bông hoa của cây kê? làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4309. Có các cây xoài, cây mận đỏ, cây tilaka, cây nimba và cây sālakalyānī, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4310. Có các loại cây asoka, cây kapittha và cây bhaginimãla được trổ hoa

ở nơi đây, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4311. Các loại cây kadamba, luôn cả các cây chuối và cây isimugga đã được gieo trồng, chúng thường xuyên trĩu nặng những trái, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4312. Có những loại cây có trái như cây harĩtaka, cây ãmalaka, cây xoài, cây mận đỏ, cây vibhĩtaka, cây táo, cây bhallâtaka và cây billa ở khu ẩn cư của tôi. 4313. Không xa, có cái hồ nước khéo được thiết lập làm thích ý? được che phủ bởi các cây mạn-đà-la, bởi các bông sen đỏ và các bông sen xanh. 4314. Có những đóa sen đỏ đang tượng hình, các đóa hoa khác nở hoa có tua nhụy, luôn cả các đóa có các cánh hoa rũ xuông, chúng nở hoa ở khu ân cư của tôi. 4315. Có các loại cá như là cá pāthīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muflja, cá rohita. Trong khi thơ thẩn ở làn nước trong, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4316. Có mùi thơm của xoài được thoảng qua và có các cây dứa dại ở dọc bờ sông. Trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ân cư của tôi trở nên rực rỡ. 4317. Có mật tiết ra từ củ sen, có sữa và bơ lỏng từ

các rễ và ngó sen. Trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4318. ở nơi ấy, có cát sáng chói được trải ra và được ve vãn bởi làn nước với các bông hoa tàn đã được nở rộ giờ yên nghỉ, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4319. Các vị [đạo sĩ] mang búi tóc rối, có y choàng là tấm da dê, tất cả đều mặc y phục bằng vỏ cây, họ làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4320. Và [các vị ấy] nhìn với khoảng cách của cán cày, cẩn trọng, có hành vi thanh tịnh, không mong mỏi vê sự thọ hưởng các dục lạc, sông ở khu ân cư của tôi. 4321. Tất cả các vị có [lông] nách, móng tay chân và các lông được mọc dài, có răng bẩn, có đầu lấm bụi, mang bụi dơ [ở thân], sống ở khu ẩn cư của tôi. 4322. Và các vị ấy đã đạt đến sự toàn hảo về các thắng trí, có sự di chuyển ở không trung. Trong khi bay lên bầu trời, các vị này làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4323. Khi áy, được tùy tùng bởi những người học trò áy, tôi sông ở khu rừng. Luôn luôn thể nhập vào thiền, tôi không biết đến ngày và đêm. 4324. Vào thời điểm ấy, đức Thế Ton, bậc Đại Hiền Trí, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Atthadassī, trong khi xua đi điều tăm tối ấy đã hiện khởi.

4325. Rồi có người học trò nọ đã đi đến gặp tôi. Người ấy có ý định học về các chú thuật và sáu phần về danh hiệu và tướng số [và đã nói rằng]: 4326. "Đức Phật, bậc Đại Hiền Trí Atthadassī đã xuất hiện ở thế gian. Trong khi công bố về bốn sự thật, Ngài thuyết giảng về vị thế bất tử?5 4327. Được hớn hở, vui mừng, hoan hỷ, có khuynh hướng đi đến với giáo pháp, tôi đã rời khỏi khu ẩn cư và đã nói lời nói này: 4328. “Bức Phật có ba mươi hai hảo tướng đã xuất hiện ở thế gian. Các người hãy đi đên, tát cả chúng ta sẽ đi gặp đang Chánh Đăng GiAc.” 4329. Là những người tầm cầu mục đích tối thượng, có sự đáp ứng theo lời giáo huấn, đã hướng đến sự toàn hảo trong Chánh pháp, các vị ấy đã đồng ý rang: "Lành thay!” 4330. Khi ây9 trong lúc tâm câu mục đích tôi thượng, các vi [đạo sĩ] mang các búi tóc ấy, có y choàng là tấm da dê, đã rời khỏi khu rừng. 4331. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn Atthadassī, vị có danh tiếng lớn lao, trong khi công bố về bốn sự thật, Ngài thuyết giảng về vị thế bất tử. 4332. Tôi đã cầm lấy chiếc lọng màu trắng và đã che cho đức Phật tối thượng. Sau khi nắm giữ [chiếc lọng] trong một ngày, tôi đã đảnh lễ đức Phật tối thượng. 4333. Ke đó, đức Thế Ton, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian, bậc Nhân Ngưu Atthadassī đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này: 4334. "Người nào được tịnh tín năm giữ chiêc lọng [che] cho Ta băng các bàn tay của mình, Ta sẽ tán dương người ây. Các người hãy lăng nghe Ta nói. 4335. Khi người này được sanh lên, ở bản thể thiên nhân hay nhân loại, sẽ có chiếc lọng luôn luôn che cho người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc lọng. 4336. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong bảy mươi bảy kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. 4337. Và sẽ trở thành vị Thiên vương bảy mươi bảy lần. Lãnh thổ vương quôc là bao la, không thê đo lường băng phương diện tính đêm. 4338. Vào một ngàn tám trăm kiếp, bậc Hữu Nhãn Gotama, đấng Cao Quý dòng Sakyā, trong khi xua đi điều tăm tối ấy, sẽ hiện khởi. 4339. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ây, là chánh thông, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biêt toàn diện vê tát cả các lậu hoặc và sẽ sông không còn lậu ho^c.^ 4340. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm là đã nắm giữ chiếc lọng [che] cho đức Phật, trong khoảng thời gian

này, tôi không biết đến việc không được che bởi chiêc lọng trăng.

THÁNH NHÂN KÝ sự 365

4341. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyên. Việc năm giữ chiêc lọng được vận hành liên tục đên tận ngày hôm nay. 4342. Ôi, việc làm đã được tôi khéo thực hiện đến [đức Phật] Atthadassĩ như thế ấy. Tôi đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa. 4343. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4344. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4345. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekachattiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6ốKý sự về Trưởng lão Ekachattiya" là phần thứ nhì.

413. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TINASŪLAKACHADANIYA (Tinasūlakachadaniyattherāpadānam) 4346. Lúc bây giờ, tôi đã suy xét vê sự sanh, sự già và sự chét. Sau khi lìa khỏi sự sống chung, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 4347. Trong khi tuần tự du hành, tôi đã đi đến bờ sông Gañgā. ở tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy khoảnh đất nổi cao lên ở bờ sông Gañgā. 4348. Sau khi tạo lập khu ẩn cư ở tại nơi ấy, tôi sống ở khu ẩn cư. Đường kinh hành của tôi đã khéo được thực hiện, được lai vãng bởi các bầy chim khác loại. 4349. Chúng đến gần tôi và trở nên quen thuộc. Và chúng hót líu lo một cách quyến rũ. Trong khi đùa vui với chúng, tôi sống ở khu ẩn cư. 4350. ở lân cận khu ẩn cư của tôi, có con sư tử [vua của loài thú] đi khắp bốn phương. Sau khi rời khỏi chỗ trú ẩn, nó đã gầm lên như là tiếng sấm. 4351. Và khi con nai chúa gào thét, nụ cười đã xuất hiện ở tôi. Trong lúc tìm kiếm con nai chúa, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 4352. Sau khi nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian Tissa, vị Trời Của Chư Thiên, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ? tôi đã cúng dường nhụy bông hoa nāgā. 4353. Tôi đã ca tụng đấng Lãnh Đạo Thế Gian như là mặt trời đang mọc lên, như là cây sâla chúa đã được trổ hoa, như là vì sao osadhĩ đang chiếu sáng. 4354. "Bạch đấng Toàn Tri, Ngài đã giải thoát thế gian này, luôn cả chư thiên bằng trí tuệ của Ngài. Sau khi làm cho Ngài hài lòng, [chúng sanh] được hoàn toàn giải thoát khỏi sự sanh.

Ekachattiya nghĩa là 4<vị liên quan đến một (ekā) chiếc lọng (chattà)y

366 KINH TIỂU Bộ

4355. Bạch đấng Toàn Tri, do sự không nhìn thấy chư Phật là các vị có sự nhìn thấy tất cả, [chúng sanh] bị xâm chiếm bởi ái dục, sân hận [rồi] rơi vào địa ngục Vô Gián. 4356. . £ Bạch• đấng r Toàn Tri, • bạch đấng Lãnh Đạo* Thế Gian, r : sau khiĩ đi đến diện kiên Ngài, tát cả được giải thoát khỏi hữu [và] chạm đên đạo lộ bát tử. 4357. Khi chư Phật, các bậc Hữu Nhãn, các đấng Phát Quang xuất hiện, sau khi thiêu đốt các phiền não, các Ngài thị hiện ánh sang?5 4358. Sau khi tán dương đấng Toàn Giác Tissa, bậc Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ5 tôi đã cúng dường hoa

tinasūla. 4359. Sau khi biết được ý định của tôi, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Tissa đã ngôi xuống cho ngoi của mình, roi đã noi len những lơi kẹ nay: 4360. "Người nào được tinh tín, tự tay mình che phủ Ta bằng các bông hoa, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 4361. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc hai mươi lăm lần và sẽ trở thành đang Chuyên Luân Vương bảy mươi lăm lân. 4362. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Và [đó là] kết quả về hành động của người ấy, do sự cúng dường các bông hoa. 4363. Và người nam này, được gắn liền với nghiệp phước thiện, khi đã gội đầu xong, nếu ao ước về bông hoa, [bông hoa] sẽ hiện ra ở phía trước. 4364. [Nếu người này] ước muốn bất cứ điều gì với các dục, chính điều ấy sẽ hiện ra. Sau khi làm tròn đủ ý định, [người này] sẽ Niết-bàn, không còn lạu ho^c.” (Dứt tụng phẩm thứ mười tám).

4365. Có sự nhận biết mình, có niệm [đầy đủ], tôi đã thiêu đốt các phiền não. Tôi đã ngôi ở ngay chô ngôi ây và đã thành tựu phàm vi A-la-hán. 4366. Trong khi đi kinh hành, trong khi nằm, trong khi ngồi, hay trong khi đứng, tôi sống thường xuyên tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. 4367. ở tại nơi ấy, tôi không có sự thiếu hụt về y phục, vật thực, thuốc men và chỗ nam ngoi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4368. Bây giờ, tôi đây đã đạt đến vị thế bất tử, thanh tịnh, vô thượng. Sau khi biêt toàn diện vê tát cả các lậu hoặc, tôi sông không còn lậu hoặc. 4369. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4370. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4371. Quả vậy? tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4372. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trường lão Tinasūlakachadaniya2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* uKý sự về Trưởng lão Tinasūlakachadaniya" là phần thứ ba.

414. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MADHUMAMSADĂYAKA (Madhumamsadãyakattherăpadãnam) 4373. Tôi đã là người bán thịt heo ở thành phố Bandhumatī. Sau khi nấu chín phổi và lòng, tôi trộn chung vào món thịt ngọt. 4374. Tôi đã đi đến nơi tụ hội [của các vi Tỳ-khưu] và đã nhận lấy một bình bát. Sau khi chứa đầy bình bát ấy, tôi đã dâng lên hội chúng Tỳ-khưu. 4375. Khi ây, vị Tỳ-khưu trưởng lão lớn nhát tại nơi ây đã chúc phúc cho tôi rang: "Với sự đầy đặn của bình bát này, mong rang, con sẽ đạt được sự an lạc sung mãn. 4376. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, con sẽ thọ hưởng hai sự thành tựu [trời, người], trong khi kiếp cuối cùng đang hiện hữu, con sẽ thiêu đốt các phiền não.,? 4377. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đi đến cối trời Đạo-lợi. Tại nơi ây, tôi có thức ăn, tôi có nước uông và tôi đạt được sự an lạc sung mãn. 4378. Khi ở mái che hoặc ở gốc cây, tôi đã nhớ lại việc làm trước đây. Ngay lập tức có trận mưa vê cơm ăn và nước uông đô xuống cho tôi. 4379. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Ngay cả ở dây, cơm ăn

và nước uống đổ mưa xuống cho tôi trong mọi thời điểm. 4380. Do chính sự dâng cúng thịt ấy? sau khi trải qua các kiếp sống, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 4381. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng thịt ngọt. 4382. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

2 Tinasũlakachadaniya nghĩa là uvị liên quan đến việc che phủ (chadanam) bằng các bông hoa tinasũla.,,

4383. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4384. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Madhumamsadāyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy uKý sự về Trưởng lão Madhumamsadãyaka" là phần thứ tư.

415. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NÃGAPALLAVAKA (Nāgapallavakattherāpadānam) 4385. Tôi [đã] sống ở vườn thượng uyển của thành phố Bandhumatī. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngồi xuống ở gần nơi khu ẩn cư của tôi. 4386. Tôi đã cầm lấy chồi non của cây nāgā và đã dâng lên đức Phật. Với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ đấng Thiện Thệ. 4387. [Ke từ khi] toi đã cúng dường chồi non trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 4388. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4389. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4390. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nãgapallavaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Nâgapallavaka55 là phần thứ năm.

416. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKADĪPIYA (Ekadīpiyattherāpadānam) 4391. Khi bậc Thiện Thệ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhartha viên tịch Niết- bàn, tất cả chư thiên cùng nhân loại đã cúng dường đến bậc Tối Thượng Nhân. 4392. Và khi đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha được đưa lên giàn hỏa thiêu, mọi người cúng dường lễ hỏa táng của bậc Đạo Sư tùy theo năng lực của mình. 4393. Tôi đã thắp lên ngọn đèn ở không xa giàn hỏa thiêu cho đến khi mặt trời mọc lên. Ngọn đèn đã chiếu sáng đến tôi. 4394. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý? sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi.

3 Madhumamsadāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) thịt (marnsà) ngọt (rnadhù)y 4 Nãgapallavaka nghĩa là 4<vị liên quan đến chồi non (pallavă) của cây nga."

4395. Tại nơi ấy, có cung điện đã khéo được kiến tạo dành cho tôi được biết tên là "Ekadípi". Có một trăm ngàn ngọn đèn đã cháy sáng ở cung điện của tôi. 4396. Thân hình của tôi luôn luôn chiếu sáng tợ như mặt trời đang mọc lên. Với tất cả các hào quang của cơ thể, tôi luôn luôn có được ánh sáng. 4397. Bằng mắt, sau khi đã vượt lên ngọn núi, xuyên qua bức tường, xuyên qua tảng đá, tôi [có thể] nhìn thấy xung quanh một trăm do-tuần. 4398. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên bảy mươi bảy lần. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba mươi mốt lần. 4399. Và toi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương hai mươi tám lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 4400. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, tôi đã tái sanh vào bụng mẹ. Ngay cả khi đi vào bụng mẹ, mắt của tôi không nham lại. 4401. Bôn tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sông không gia đình. Chưa đây nửa tháng, tôi đã thành tựu phàm vị A-la-hán. 4402. Tôi đã làm cho thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tát cả phiên não đã được căt lìa; điêu này là quả báo của một ngọn đèn. 4403. Tôi [có thể] nhìn thấy sau khi đã vượt lên thậm chí toàn bộ ngọn núi, xuyên qua bức tường, xuyên qua tảng đá; điều này là quả báo của một ngọn đèn. 4404. Đối với tôi các sự gập ghềnh trở thành bằng phẳng, bóng đen không được biết đến, tôi không nhìn thấy sự tăm tối; điều này là quả báo của một ngọn đèn. 4405. Ke từ khi tôi đã dâng cung cây đèn trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của một ngọn đèn. 4406. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4407. Quả vậy? tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4408. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekadĩpiya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão EkadTpiya" là phần thứ sáu.

417. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UCCHAÑGAPUPPHIYA (Ucchañgapupphiyattherāpadānam) 4409. Tôi đã là người làm tràng hoa ở thành phố Bandhumatī. Sau khi chất đầy ở bên hông, tôi đã đi đến khu phố chợ.

5 Ekadĩpiya nghĩa là 4tVị liên quan đến một (ekā) cây đèn (dīpā)'

4410. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, với năng lực lớn lao, dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đi ra. 4411. Sau khi nhìn thấy đấng Quang Đăng Của Thế Gian Vipassī, vị giúp cho thế gian vượt qua, tôi đã lấy ra bông hoa từ bên hông và đã cúng dường đến đức Phạt tối thượng. 4412. [Ke từ khi] tôi đã cung dườnệ bông hoa trước đây chín mươi mốt kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4413. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4414. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4415. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ucchañgapupphiya6 đã nói lên những

lời kệ này như thế ấy* 66Ký sự về Trưởng lão Ucchañgapupphiya95 là phần thứ bảy.

418. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO YẢGUDẢYAKA (Yãgudãyakattherãpadãnam) 4416. Lúc bấy giờ, sau khi tiếp đãi người khách của tôi, tôi đã đi đến ngôi làng nhỏ. Sau khi nhìn thấy con sông bị tràn ngập, tôi đã đi đến tu viện của hội chúng. 4417. Là những vi chuyên sống ở rừng, thông thạo pháp ệiũ bỏ (Đầu-đà)? chứng thiền, mặc y thô, thỏa thích sự độc cu, các vi trí tuệ ấy sông ở tu viện của hội chúng. 4418. Sự đi lại của các vị đã được giải thoát tót đẹp như thê ây là bị gián đoạn. Các vị ấy không đi để khất thực chính vì dòng sông ngăn trở. 4419. Với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lên. Tôi đã lấy gạo của tôi rồi đã dâng cúng vật thí là cháo. 4420. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng cháo đến năm vị. Được hài lòng với việc làm của chính mình, tôi đã đi đến cõi Đạo-lợi. 4421. Và có cung điện làm bằng ngọc ma-ni dành cho tôi được tạo ra ở hội chúng Tam Thập. Được gần gũi với những nữ nhân, tôi vui thh ở cung điện tuyệt vời. 4422. Tôi đã là vi Chúa của chư thiên, cai quản thiên quốc ba mươi ba lần. Tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương cai quản lãnh thổ rộng lớn ba mươi lần.

6 Ucchañgapupphiya nghĩa là44Vị mang bông hoa (puppha) ở hông (ucchangà)^

9 r 9

4423. Lãnh thô vương quôc là bao la, không thê đo lường băng phương diện tính đêm. ở thế giới chư thiên hoặc loài người, tôi đều thọ hưởng danh vọng. 4424. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Khi tóc được cạo bỏ, tôi đã thấu triệt tất cả. 4425. Trong khi biết chắc rằng, thân thể là sự suy tàn hoặc là sự hoại diệt cũng thế, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán trước việc thọ trì điều học. 4426. Sự bố thí cao quý của tôi đã được bố thí tốt đẹp, việc đổi trao đã được gắn liền tốt đẹp. Do chính việc dâng cúng cháo ấy, tôi đã đạt đến vị thế bất động. 4427. Tôi không biết đến sự sầu muộn, sự than vãn, sự bệnh tật, sự lo lắng, sự bực bội của tâm đã được sanh khởi; điều này là quả báo của việc dâng cúng cháo. 4428. Sau khi dâng cúng cháo ở phước điền vo thượng của hội chúng, tôi thọ hưởng năm điều lợi ích. ôi, tính chát đã được hiên dâng tốt đẹp của món cháo! 4429. Sự không bị bệnh, có sác đẹp, chuyên chú vào giáo pháp, đạt được cơm nước, tuổi thọ là điêu [lợi ích] thứ năm đôi với tôi. 4430. Bất cứ người nào trong khi sanh khởi niềm phấn khởi, người ấy nên dâng cúng cháo đến hội chúng. Là bậc trí tuệ, [người áy] có thể nhận lãnh năm điều này.7 4431. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cháo. 4432. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4433. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4434. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Yāgudāyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í4Ký sự về Trưởng lão

Yāgudāyaka" là phần thứ tám.

419. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PATTHODANADẢYAKA (Patthodanadāyakattherāpadānam) 4435. Trước đây, tôi đã là người đi rừng, thường xuyên làm việc ở trong rừng. Sau khi cầm lấy gói cơm, tôi đã đi làm công việc. 4436. ở nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác, đấng Tự Chủ, bậc Không Bi Đánh Bại. Sau khi nhìn thấy Ngài đang từ rừng đi ra đe khất thực, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín. 7 ở các tạng Miến, Thái, Anh có thêm 2 câu kệ (4 dòng). Không thêm vào vì ý nghĩa không có gì đặc biệt. 8 Yāgudāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) cháo ịyāgù)y

4437. Bi vướng bận trong sự quán xuyên công việc của người khác, và phước báu của tôi là không được biêt đên. Có gói cơm này, tôi sẽ chăm lo bữa ăn cho bậc Hiền Trí. 4438. Khi ấy, tôi đã cầm lấy g6i cơm và đã dâng cúng đến đấng Tự Chủ. Trong khi tôi đang suy tư, bậc Hiền Trí đã thọ dụng [gói cơm]. 4439. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 4440. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên, cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần. Tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương ba mươi ba lần. 4441. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đêm. Tôi được sung sướng có danh vọng; điêu này là quả báo của gói cơm. 4442. Trong khi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi đạt được tài sản không ước lượng được, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của gói cơm. 4443. Các của cải được sanh lên cho tôi tương đương với dòng nước của con sông, tôi không the nào đo lường; điều này là quả báo của gói cơm. 4444. "Ngươi hãy nhai món này, hãy ăn món này, hãy nằm ở chiếc giường nay9,? vì thê tôi được sung sướng; điêu này là quả báo của gói cơm. 4445. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của gói cơm. 4446. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4447. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4448. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Patthodanadâyaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão PatthodanadãyakaM là phần thứ chín.

420. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAÑCADĀYAKA (Mañcadāyakattherāpadānam) 4449. Khi đấng Bi Man, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha đã viên tịch Niết-bàn, khi Phật ngôn đã được phổ biến, được tôn kính bởi chư thiên cùng nhân loại. 4450. Tại nơi ấy, tôi đã là người giai cấp hạ tiện, là người làm ghế dài và ghê đâu. Tôi sinh sông bằng công việc ây. Nhờ thế, tôi nuôi dưỡng các đứa trẻ.

9 Patthodanadãyaka nghĩa là "VỊ dâng cúng (dãyako) gói (patthà) cơm (odană)y

4451. Được tinh tín, tôi đã tự tay mình làm xong chiếc ghế dài khéo được hoàn tất. Rồi tôi đã đích thân đi đến và đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu. 4452. Do nghiệp ấy đã

được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 4453. Được đi đến thế giới của chư thiên, tôi vui thích ở cõi trời Tam Thập. Các giường nằm có giá trị lớn lao được sanh lên theo như ước muốn. 4454. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên, cai quản thiên quốc năm mươi lần. Tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương tám mươi lần. 4455. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đêm. Tôi được sung sướng có danh vọng; điêu này là quả báo của việc dâng cúng chiếc giường. 4456. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, nếu tôi đi đến cõi nhân loại, các chiếc giường xinh đẹp vô cùng giá trị tự chính chúng hiện ra cho tôi. 4457. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Thậm chí hôm nay cũng là thời điểm của chiếc giường, có chiếc giường hiện diện. 4458. Ke từ kửii toi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiêc giường. 4459. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4460. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4461. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mañcadāyaka10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKỷ sự về Trưởng lão Maflcadāyaka99 là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vi Bhaddâli, vị [dâng] một chiếc lọng, vị Tinasūla, vị dâng cúng thịt, VỊ [dâng] chồi non cây nāgā, vi có ngọn đèn, vị có [bông hoa] ở bên hông, vi dâng cúng cháo, vị có gói cơm, vi dâng cúng chiếc giường. Và các câu kệ được tính đếm ở đây là hai trăm câu kệ và một câu kệ được thêm vào đó. Phẩm Bhaddâlỉ là phẩm thứ bốn mươi hai.

10 Mañcadāyaka nghĩa là “vj dâng cúng (dāyako) chiếc giường (rnañcd)y

XLm. PHẨM SAKIMSAMMAJJAKA (SAKIMSAMMAJJAKAVAGGO)

421. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAKIMSAMMAJJAKA (Sakimsammajjakattherāpadānam) 4462. Đối với đức Thế Tôn Vipassī, cây Pātalī là [tên của] cội cây Bồ-đề tối thượng. Sau khi nhìn thấy cội cây cao cả ấy, tôi đã khiến tâm được tịnh tín. 4463. Sau Idìi cầm lấy cái chổi, tôi đã quét cội Bồ-đề liền khi ấy. Sau khi quét cội Bồ-đề ấy, tôi đã đảnh lễ cây Pātalī. 4464. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã chắp tay lên ở đầu, trong khi tôn kính cội Bồ-đề ấy, tôi đã khom mình bước đi. 4465. Trong khi tưởng nhớ đến cội cay Bồ-đề tối thượng, tôi bước đi ở lối đi bộ. Có con trăn, có hình dáng khủng khiếp, có sức mạnh lớn lao đã bức hiếp tôi. 4466. Hành động đã được tôi làm trong lúc gần đây, đã khiến cho tôi được vui lòng với kết quả. Con trăn nuốt chửng lấy thân hình của tôi, và tôi sướng vui ở thế giới chư thiên.1 4467. Tâm của tôi không bị chộn rộn, luôn luôn tinh khiết, trong trắng. Tôi không còn biêt đên mũi tên sâu muộn [và] sự bực bội ở tâm của tôi. 4468. Bệnh cùi9 bệnh mụt nhọt, bệnh chàm, bệnh động kinh, bệnh ghẻ, bệnh lở loét và bệnh ngứa không có ở tôi; điều này là quả báo của việc quét. 4469.

Sự sầu muộn và sự than vãn ở trong trái tim của tôi là không được biết đến, tâm không bị cong quẹo, được ngay thẳng; điều này là quả báo của việc quét. 4470. Tôi không bị vướng mắc ở các tầng đinh, tâm ý được tự tín. Tôi muốn bát cứ tâng đinh nào, chính tâng định ây tự đạt đên cho tôi. 4471. Tôi không say đắm ở điều quyến rũ và các sự việc xấu xa, tôi không bị mê muội ở điều ngu xuẩn; điều này là quả báo của việc quét. 4472. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc quét. 4473. Các phiên não của tôi đã được thiêu đôt? tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

1 Vị này đã bị con trăn giết chết và được sanh lên cõi trời liền tức thì.

4474. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật toi thượng. 4475. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sakimsammajj aka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ky sự về Trưởng lão Sakimsammaj j aka" là phần thứ nhất.

422. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKADUSSADÃYAKA (Ekadussadãyakattherãpadãnam) 4476. Tôi đã là người gánh cỏ ở thành phố Hamsavatī. Tôi sinh sống bằng việc gánh cỏ. Nhờ the, tôi nuôi dưỡng các đứa trẻ.3 4477. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, sau khi xua đi điều tăm tối ấy đã hiện khởi. 4478. Sau khi ngôi xuông tại ngôi nhà của chính mình, tồi đã tức thời suy nghĩ như vầy: "Bức Phật đã hiện khởi ở thế gian mà vật xứng đáng để dâng cúng không được tìm thấy. 4479. Đây là tấm vải choàng duy nhất của ta. Ta không có gì để trở thành người thí chủ. Việc tiếp xúc với địa ngục là khổ sở. Ta sẽ ươm trồng vật cúng dường.,, 4480. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã làm cho tâm của mình được tinh tín. Tôi đã cầm lấy tấm vải độc nhất và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. 4481. Sau khi dâng cúng tấm vải độc nhất, tôi đã thốt lớn tiếng rằng: "Bạch đấng Anh Hùng, bậc Đại Hiền Trí, nếu Ngài là vị Phật, xin Ngài hãy giúp con vượt qua." 4482. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, trong khi tán dương vật dâng cúng của tôi, đã nói lời tùy hỷ đến tôi rằng: 4483. "Do tấm vải độc nhất này và do các nguyện lực của tác ý, ngươi [sẽ] không đi đến đọa xứ trong một trăm ngàn kiếp. 4484. Ngươi sẽ là vi Chúa của chư thiên cai quản thiên quôc ba mươi sáu lần và sẽ là đấng Chuyển Luân Vương ba mươi ba lần. 4485. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Trong khi luân hồi, ngươi sẽ hiện hữu ở thế giới chư thiên hoặc loài người. 4486. Có sắc đẹp, hội đủ đức hạnh, có thân hình không bị kém sút, ngươi sẽ đạt được vải vóc không bi suy suyển, không thể ước lượng, theo như ước muốn?5

2 Sakimsammcyjaka nghĩa là một lần (sakirn) quét tước (sammạjjakà)y 3 Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Ekadussadâyaka, số 334, trang 260.

4487. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Padumuttara, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời. 4488. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của một tam vải. 4489. Vải vóc hiện ra cho tôi theo mỗi lần giở lên của bước chân. Tôi đứng trên tấm vải ở bên dưới, có tấm che ở phía trên cho tôi. 4490. Và trong ngày hôm nay, nếu muốn, tôi có thể che phủ bằng các loại vải vóc đối với bầu vũ trụ, có cả rừng rậm cùng với núi non. 4491. Nhờ vào chỉ một tấm vải ấy, trong khi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi có được màu da vàng chói, rồi tôi luân hồi ở cõi này, cõi khác. 4492. Quả thành tựu của một tấm vải đã không đi đến sự hư hoại ở bất cứ nơi đâu. Đây là lần sanh sau cùng của tôi, [quả thành tựu ấy] được chín muồi cho tôi ở ngay cả nơi đây. 4493. Ke từ khi tôi đã dâng cúng tấm vải trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một tấm vải. 4494. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4495. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4496. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekadussadâyaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĐÍKý sự về Trưởng lão Ekadussadâyaka" là phần thứ nhì.

423. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKÃSANADÃYAKA (Ekāsanadāyakattherāpadānam) 4497. ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Gosita, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng băng lá đã khéo được tạo lập. 4498. Khi ấy, [tôi] có tên là Nârada. [Người ta] biết đến tôi với tên là Kass apa. Trong lúc tầm cầu đạo lộ thanh tinh, tôi sống ở [núi] Gosita. 4499. Bậc Toàn Giác, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp, vi Ưa Thích Sự Độc Cư đã đi đến bằng đường không trung. 4500. Sau khi nhìn thấy hào (Ịuang của bậc Đại Ẩn Sĩ đang di chuyển ở trên chóp đỉnh của khu rừng, tôi đã xép đặt chiếc giường gỗ và đã trải ra tấm da dê. 4501. Sau khi xếp đặt chỗ ngồi, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Sau khi bày tỏ sự vui mừng, tôi đã nói lời nói này:

4 Ekadussadãyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) một (ekā) tấm vải (dussa)y

4502. "Bạch đấng Đại Hùng, Ngài là vị phẫu thuật, là người thầy thuốc của các bệnh nhân. Bạch đấng Lãnh Bạo, xin Ngài hãy ban cho con liều thuốc của người bị cơn bệnh hành hạ. 4503. Bạch đức Phật tối thượng, bạch đấng Hiền Trí, những người nào có mục đích về sức khỏe, nhìn thấy Ngài đạt được sự thành tựu về mục đích trường cửu, sự tái sanh của những người này được lụi tàn. 4504. Con là người thọ dụng trái cây đã rụng xuông, con không có vật dâng cúng đến Ngài. Con có chỗ ngồi này, thỉnh Ngài ngồi xuống ở chiếc giường g8." 4505. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở tại nơi ấy, tợ như con sư tử không bị hãi sợ. Sau khi chờ đợi trong chốc lát, Ngài đã nói lời này: 4506. "Nguôi hãy tự tin, chớ lo sợ. Ngươi đã đạt được viên ngọc như ý. Điều gì đã được ngươi ước nguyện, tất cả sẽ được tròn đủ trong thời vị lai. 4507. Điều đã được làm ấy của ngươi ở phước

điền vô thượng không là vô ích. Đối với người nào có tâm đã được củng cố, bản thân của [người ấy] có thể tiếp độ được. 4508. Do sự dâng cúng chỗ ngồi này và do các nguyện lực của tác ý, ngươi [sẽ] không đi đến đọa xứ trong một trăm ngàn kiếp. 4509. Ngươi sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc năm mươi lần và sẽ là đấng Chuyển Luân Vương tám mươi lần. 4510. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Ngươi sẽ được sung sướng ở khắp mọi nơi và sẽ luân chuyển ở vòng luân h8i." 4511. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Padumuttara, bậc trí tuệ đã bay lên không trung, như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời. 4512. Vê phương tiện di chuyên băng voi, phương tiện di chuyên băng ngựa, xe kéo và cỗ xe, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của mọt chỗ ngồi. 4513. Ngay cả khi đã đi vào rừng rậm, lúc nào tôi mong muôn vê chô ngôi, chiếc ghế bành biết được ước muốn của tôi, hiện diện ở bên cạnh. 4514. Trong khi đã đi vào trong nước, lúc nào tôi mong muốn về chỗ ngồi, chiếc ghế bành biết được ước muốn của tôi, hiện diện ở bên cạnh. 4515. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, luôn luôn có một trăm ngàn chiếc ghế bành vây quanh tôi. 4516. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới, trong bản thể thiên nhân và loài người. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và Bà-la-môn. 4517. Sau khi dâng cúng một chô ngôi ở phước điên vô thượng, sau khi nắm lấy chiếc ghế bành giáo pháp, tôi sống không còn lậu hoặc. 4518. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm n^àn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một chỗ ngồi.

4519. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4520. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4521. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekāsanadāyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKỷ sự về Trưởng lão Ekãsanadãyaka^ là phần thứ ba.

424. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAKADAMBAPUPPHIYA (Sattakadambapupphiyattherãpadãnam) 4522. ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Kadamba. ở sườn ngọn núi ấy có bảy vi Phật ấy đã cư ngụ. 4523. Sau khi nhìn thấy cây kadamba đã được trổ hoa, tôi đã chắp tay lên. Tôi đã hái bảy bông hoa và đã tung lên với tâm [nghĩ] về phước báu. 4524. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý? sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 4525. Ke từ khi toi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 4526. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4527. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4528. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức

Trưởng lão Sattakadambapupphiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Sattakadambapupphiya" là phần thứ tư.

425. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KORANDAPUPPHIYA (Korandapupphiyattherāpadānam) 4529. Trước đây, tôi đã là người thợ rừng có sự quan tâm [phụng duỡng] đên cha và mẹ. Tôi sinh sông nhờ vào việc giêt thú rừng, tôi không biết đên điều tốt lành.

5 Ekãsanadãyaka nghĩa là 'M dâng cúng (dãyako) một (ekā) chỗ ngồi (dscưia)' 6 Sattakadambapupphiya nghĩa là 4tvị liên quan đến bảy (sattā) bông hoa (puppha) kadamba.,,

4530. Do lòng thxrơng tưởng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Tissa, bậc Hữu Nhẫn đã lưu lại ba [dấu] bàn chân ở xung quanh chỗ cư ngụ của tôi. 4531. Và sau khi nhìn thấy ba [dấu] bàn chân đã đi qua của bậc Đạo Sư tên Tissa, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã làm cho tâm được tinh tín ở [dấu] bàn chân. 4532. Sau khi nhìn thấy cây koranda mọc ở trên đất đã được trổ hoa, tôi đã hái một số [bông hoa] và đã cúng dường ở [dấu] bàn chân tối thượng. 4533. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 4534. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi là người có màu da của bông hoa koranda và có cả vẻ sáng ngời nữa. 4535. Kể từ khi toi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ở bàn chân. 4536. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4537. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4538. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Korandapupphiya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6'Ky sự về Trưởng lão Korandapupphiya" là phần thứ năm.

426. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO GHATAMANDADĀYAKA (Ghatamandadāyakattherāpadānani) 4539. Đã suy nghĩ tận tường, đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã đi vào khu rưng lớn và đã bị hành hạ bởi bệnh gió. Sau khi nhìn thấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín và đã đem lại bơ lỏng nguyên chất. 4540. Do bản thân đã được thực hành, do bản thân đã được tích lũy [thiện nghiệp], dòng sông Bhãgĩrathĩ này và bốn đại dương tự cung cấp bơ lỏng cho tôi. 4541. Và trái đất kinh khủng, không thể đo lường, không thể ước lượng này, hiểu biết được ước muốn của tôi, nó trở thành tinh thể mật ngọt [cho tôi]. 4542. Từ bốn châu lục, các giống cây này là loài thảo mộc mọc ở trên đất, hiêu biêt được ước muôn của tôi, chúng trở thành những cây như ý [cho tôi].

7 Korandapupphiya nghĩa là 4tvị liên quan đến bông hoa (puppha) koranda.,,

4543. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc năm mươi lần, và đã là đấng Chuyển Luân Vương năm mươi mốt lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 4544. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, toi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của phan bơ lỏng nguyên chất. 4545. Các phiên não của tôi đã được thiêu đôt? tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4546. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4547. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ghatamandadāyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ghatamandadāyaka" ỉa phần thứ sáu.

427. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKADHAMMASAVANIYA (Ekadhammasavaniyattherāpadānam) 4548. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thong Suốt về Tất Cả Các Pháp, trong khi công bố về bốn sự thật đã giúp cho nhiều người vượt qua.9 4549. Vào lúc bấy giờ, tôi là vị đạo sĩ tóc bện có sự khổ hạnh cao tột. Khi ấy, tôi di chuyển ở hư không, [vừa đi] vừa phất phơ các y phục bằng vỏ cây. 4550. Tôi không thể di chuyển ở phía trên của đức Phật tối thượng. Như là con chim bi va vào tảng đá, tôi không đạt được sự di chuyển. 4551. Tợ như người đã đi vào trong nước, tôi di chuyển ở hư không như vậy. Sự hư hoại về các oai nghi này chưa từng xảy ra cho tôi trước đây. 4552. [Nghĩ rằng:] uNào! Ta sẽ tìm hiểu việc này. ít ra ta cũng có thể đạt được lý do." Trong khi từ không trung đáp xuống, tôi đã nghe tiếng nói của bậc Đạo Sư. 4553. Khi ấy, Ngài đang thuyết giảng về tính chất vô thường với âm điệu khích lệ, cuốn hút, dễ nghe, tôi đã học tập chỉ có pháp ấy của Ngài. 4554. Sau khi đã học tập sự nhận biết về vô thường, tôi đã đi về khu ẩn cư của tôi. Sau khi sống đến hết tuổi thọ, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy. 4555. Khi đang ở vào thời điểm cuối cùng, tôi đã nhớ lại sự lắng nghe về Chánh pháp. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

8 Ghatamandadāyaka nghĩa là 6tvị dâng cúng (dāyako) bơ lỏng (ghata) nguyên chất (manda)y 9 Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Dhammasavaniya, số 339, trang 267.

4556. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp. Và tôi đã cai quản thiên quốc năm mươi mốt lần. 4557. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương hai mươi mốt lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 4558. Tôi đã thọ hưởng phước báu của chính mình, tôi đã được sung sướng ở cõi này, cõi khác. Trong khi luân hồi ở cối này, cõi khác, tôi đã nhớ lại sự suy tưởng [về vô thường] ấy. Tôi không thấu triệt điểm cốt yếu là Niết-bàn? vi thế bất tư. 4559. Sau khi ngồi xuống ở căn nhà của người cha, vị Sa-môn có giác ạuan đã được tu tập, trong khi giải thích về câu kệ ngôn, đã đề cập đến tính chát vô thường: 4560. "Quả vậy, các pháp hữu vi là vô thường, có pháp sanh và diệt, sau khi sanh lên, chúng hoại diệt, sự tịnh lặng của chúng là an lạc." 4561. Sau khi lắng nghe câu kệ, tôi đã nhớ lại sự suy tưởng trước

đây. Sau khi ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy, tôi đã thành tựu phẩm vi A-la-hán. 4562. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Đức Phật đã cho [tôi] tu lên bậc trên; điều này là quả báo của việc lắng nghe giáo pháp. 4563. Ke từ khi tôi đã lắng nghe giáo pháp trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc nghe giáo pháp. 4564. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4565. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4566. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekadhammasavaniya10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Ekadhammasavaniya" là phần thứ bảy.

428. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SUCINTITA (Sucintitattherãpadãnam) 4567. Toi đã là người nông dân ở thành phố Hamsavatī. Tôi sinh sống bằng công việc trồng trọt. Nhờ thế, tôi nuôi dưỡng các đứa trẻ. 4568. Khi ấy, thửa ruộng đã được thành tựu tốt đẹp, lúa của tôi đã được kết hạt. Và khi thời điểm gặt hái đã đến, vào lúc ấy, tôi đã suy nghĩ như vầy: 4569. “That không đúng đắn, không tốt đẹp cho ta là người biết về lành 10 Ekadhammasavaniya nghĩa ià "vj liên quan đến việc một lần (ekā) lắng nghe (savanà) giáo pháp (dhammà)y

dữ, sao ta có thê thọ dụng phàm vật đâu mùa nêu khi ây ta chưa dâng cúng đên hội chúng! 4570. Vị này là đức Phật có ba mươi hai hảo tướng, tương đương với bậc Không Thể Sánh Bằng. Nhờ Ngài, hội chúng là phước điền vô thượng đã được thành lập. 4571. Ta sẽ dânệ cúng vật thí là lúa mới đến các Ngài trước tiên hết." Sau khi suy nghĩ như thê, tôi đã trở nên mừng rỡ, tâm tư được khoan khoái. 4572. Tôi đã mang theo lúa từ thửa ruộng và đã đi đến bậc Toàn Giác. Sau khi đi đến bậc Toàn Giác, đấng Nhân Ngưu, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư rồi đã nói lời nói này: 4573. "Bạch đấng Hiền Trí, lúa mới đã được thành tựu và Ngài cũng là người thọ lãnh. Bạch bậc Hữu Nhãn, vì lòng thương tưởng xin Ngài chấp nhận.^ 4574. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Hiểu Biết Thế Gian Tissa, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã nói lên những lời kệ này: 4575. "C6 bốn hạng được thực hành [bốn đạo] và có bốn quả được tồn tại. Hội chúng này có bản the chính trực, được đinh tĩnh với tuệ và giới. 4576. Phước báu có mâm mông tái sanh [hữu lậu] của những người đang hiến cúng, của những chúng sanh có lòng mong mỏi phước báu đang thực hiện, đã được dâng cúng đến hội chúng là có quả báo lớn. 4577. Lúa mới nên được dâng cúng đến hội chúng ấy, vật khác cũng vậy. Sau khi xác định là hội chúng, ngươi hãy đưa các vị Tỳ-khưu đến tư gia, và hãy dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu vật đã được chuẩn bi tại nhà." 4578. Sau khi xác định là hội chúng, tôi đã đưa các vị Tỳ-khưu đến nhà, và đã dâng cúng đen hội chúng Tỳ-khưu vật đã được tôi chuẩn bị tại nhà. 4579. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 4580. Tại nơi ấy, cung điện bằng vàng vô cùng rực rỡ đã

được kiến tạo khéo léo dành cho tôi, có chiều cao là sáu mươi do-tuần9 chiều rộng ba mươi do-tuần. Dứt tụng phẩm thứ mười chín. x e -tí t y 4581. Chô cư ngụ của tôi được phân bô chăng chịt, đông đảo các nhóm nữ nhân. Tại nơi ấy, tôi ăn, tôi uống và tôi sống ở cõi Tam Thập Tam. 4582. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần và đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 4583. Trong khi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi đạt được tài sản không ước lượng được, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của lúa mới. 4584. Vê phương tiện di chuyên băng voi, phương tiện di chuyên băng

ngựa, kiệu khiêng và cỗ xe kéo, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới. 4585. về vải vóc mới, trái cây tươi, thức ăn mới lạ có phẩm vị cao sang, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới. 4586. về y phục làm bằng tơ lụa, bằng sợi len, bằng chỉ lanh và bằng bông vải, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới. 4587. về những tôi trai, nhữnệ tớ gái và các nữ nhân đã được trang điểm, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới. 4588. Sự lạnh, sự nóng nực hoặc sự bực bội không được tôi biết đến. Sự khổ sở thuộc về tâm ơ trái tim không được tôi biết đến. 4589. [Được bảo rằng:] "Ngươi hãy nhai món này, hãy ăn món này, hãy nằm ở chiếc giường này." Tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới. 4590. Giờ đây, lần sau cùng này là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Quả báo của vật dâng cúng khiến tôi luôn luôn được hoan hỷ đến tận hôm nay. 4591. Sau khi đã dâng cung lúa mới đến hội chúng là tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng tám điều lợi ích thích đáng với việc làm của tôi: 4592. Tôi có sắc đẹp, có danh vọng, có của cải to lớn, là người không bị tai họa, tôi luôn luôn có quyền lực lớn lao, luôn luôn có hội chúng không bị chia rẽ. 4593. Bất cứ những ai cư ngụ ở trên trái đất, tất cả đều tôn trọng toi. Và bất cứ những gì là vật nên được dâng cúng, tôi đều đạt được trước tiên hết. 4594. ở giữa hội chúng Tỳ-khưu hoặc trước mặt đức Phật tối thượng, các thí chủ đã đi vượt qua tất cả các vị và dâng cúng đến chính tôi. 4595. Tôi thọ hưởng các điều lợi ích này bởi vì tôi đã dâng cúng lúa mới đến hội chúng là tập thể tối thượng trước tiên hết; điều này là quả báo của lúa mới. 4596. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của lúa mới. 4597. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4598. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4599. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sucintita11 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Sucintita” là phần thứ tám.11 11 Sucintita nghĩa là "vj đã suy nghĩ (cintỉtà) khéo léo (su)y

429. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SONNAKIÑKANIYA (Sonnakiñkaniyattherāpadānam) 4600. Vì niêm tin, tôi đã ra đi và đã xuất gia vào đời sông không gia đình. Thiên về nghiệp khổ hạnh, tôi đã là vị mang y phục bằng vỏ cây. 4601. Hơn nữa, đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngiru vào lúc bấy giờ đã hiện khởi, đang giúp cho nhiều người vượt qua. 4602-03. Và sức lực của tôi quả nhiên đã bị cạn kiệt bởi cơn bệnh trầm trọng. Tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng và đã tạo nên ngôi bảo tháp tối thượng ở trên bãi cát. Với tâm mừng rỡ, với ý phấn chấn, tôi đã dùng tay rải rắc các bông hoa kiủkanĩ bang vàng. 4604. Với tâm tịnh tín ấy đối với vi Atthadassĩ như thế ấy, tôi đã đi vòng quanh ngôi bảo tháp như là có đức Phật hiện diện. 4605. Trong khi đi đến thế giới của chư thiên, tôi đạt được sự an lạc bao la. Tại nơi ấy, tôi đã có màu da vàng chói; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4606. Tôi có tám trăm triệu người nữ đã được trang điểm, thường xuyên phục vụ cho tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4607. Có sáu mươi ngàn nhạc cụ, gôm các trông lớn và các trông nhỏ, các tù và vỏ ốc và các trống con. Các chiếc trống đã vang lên một cách vui nhộn ở tại nơi ấy. 4608. Có tám mươi bốn ngàn con voi là những con voi mātañga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi được sáu mươi tuổi, đã được trang điểm. 4609. Được che phủ với những tấm lưới vàng, các con voi thể hiện sự phục vụ đến tôi. Sự thiếu hụt của tôi về binh lực luôn cả về voi là không được biết đến. 4610. Tôi đã thọ hưởng quả thành tựu của những bông hoa kiñkanī bằng vàng. Tôi đã cai quản thiên quốc năm mươi tám lân. 4611. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi mốt lần. Tôi đã cai quản vương quốc ở mặt đát, trên quả địa cầu một trâm lẻ một lần. 4612. Giờ đây, đã đạt đến bất tử là không còn tạo tác, khó nhìn thấy vô cùng, tôi đây đã được đoạn tận các sự trói buộc, giờ đây không còn tái sanh nữa. 4613. Ke từ khi tôi đã dâng lên bông hoa trước đây một ngàn tám trăm kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 4614. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4615. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

THÁNH NHÂN KÝ sụ* 385

4616. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sovannakiñkaniya12 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy 6íKý sự về Trưởng lão Sovannakiñkaniya55 là phần thứ chín.

430. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SONNAKONTARIKA (Sonnakontarikattherāpadūnam) 4617. Đức Phật là vị đã tu tập về tâm, đã chế ngự bản thân, được định tĩnh, đang cư xử theo đường lối Phạm hạnh, thích thú trong sự tịnh lặng của tâm. 4618. Tôi đã suy tưởng về bậc Toàn Giác đã vượt qua dòng nước lũ, về bậc Hiền Trí được thỏa thích về thiền, đã tiến vào sự thể nhập [định], có ánh sáng của cánh hoa súng. 4619. Sau khi lấy nước bằng cái bầu [đựng nước], tôi đã đi đến đức Phật tối thượng. Sau khi rửa các bàn chân của đức Phật, tôi đã dâng cúng cái bầu nước. 4620. Va bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo

Padumuttara đã truyền lệnh rằng: "Bằng cái bầu này, ngươi hãy đem nước lại và hãy đặt ở cạnh bàn chân của Ta." 4621. Tôi đã đáp lại rằng: "Lành thay!" Và với lòng tôn kính bậc Đạo Su, tôi đã mang lại nước bang cái bau và đã đưa đen gan đức Phật toi thượng. 4622. Trong khi làm cho tâm của tôi được mát mẻ, đấng Đại Hùng đã nói lời tùy hỷ rằng: "Do sự dâng cúng cái bau này, mong rằng ý định của người được thành tựu." 4623. Toi đã sướng vui ở thế giới chư thiên trong mười lăm kiếp. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi lần. 4624. Vào ban ngày hoặc ban đêm, nếu tôi đang đi kinh hành hoặc đang đứng, có người cầm cây gậy vàng đúng ở phía trước tôi. 4625. Sau khi dâng cúng cái bầu nước đến đức Phật, tôi đạt được cây gậy vàng. Hành động đã được thực hiện, dầu là nhỏ nhoi trở thành to lớn như thế ấy. 4626. Ke từ khi toi đã dâng cúng cái bầu nước trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái bầu nước. 4627. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4628. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4629. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

12 Sovannakiñkaniya nghĩa là 44vị liên quan đến bông hoa kiñkanī bàng vàng (sovanna).

Đại đức Trưởng lão Sonnakontarika13 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Sonnakontarika" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị trưởng lão quét một lần, vi có tấm vải độc nhất, vi có một chỗ ngồi, vị dâng [bông hoa] kadamba, vị dâng [bông hoa] koranda, vị [dâng] bơ lỏng, vị lắng nghe [giáo pháp], vị đã khéo suy nghĩ, vị liên quan đến [bông hoa] kiñkanī, và vị có cây gậy vàng. Có một trăm câu kệ và thêm vào bảy mươi mốt câu nữa. Phẩm Sakimsammajj aka là phẩm thứ bốn mươi ba.

13 Sonnakontarika nghĩa là "vi có liên quan đến cây gậy ịkontă) bằng vàng (sonna)y

XLIV PHẨM EKAVIHĂRĨ (EKAVIHĀRIVAGGO)

431. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAVIHĀRIYA (Ekavihăriyattherăpadānam) 4630. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên. 4631. Bậc như thê ây đã sông không còn pháp chướng ngại, không cân sự nâng đỡ, có tâm ý sánh bằng bầu không gian, thường xuyên [trú vào] không tánh, thỏa thích ở vô tướng. 4632. Bậc Đại Bi, đấng Anh Hùng, rành rẽ về phương thức huấn luyện, có tâm không quyến luyến, lìa phiền não, không thân cận với gia đình và đồ chúng. 4633-34. Bị bận rộn trong những việc hữu ích cho những người khác, đấng Te Độ Thế Gian ấy ngòi giữa đại chúng đang hướng dẫn chúng sanh, luôn cả chư thiên về đạo lộ đưa đếnNiết-bàn,

về việc làm khô cạn bãi lầy đưa đến cảnh giới [tái sanh], về pháp bất tử có phẩm vị tối thắng, cản ngăn sự già và sự chết. 4635. Thốt lên âm điệu của loài chim Karavīkā (Ca-lăng-tần-già)5 đấng Bảo Hộ, đức Như Lai, với âm thanh của Phạm thiên đang tiếp độ những người có lối đi bi lầm lạc, không người hướng dẫn, ra khỏi chốn vô cùng khốn khổ. 4636. Trong lúc đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang thuyết giảng giáo pháp không bợn nhơ, tôi đã nhìn thấy Ngài. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã xuất gia, vào đời sống không gia đình. 4637. Và sau khi xuất gia, lúc bây giờ, trong khi suy nghĩ vê giáo pháp của đang Chiên Thăng, bi quay roi bởi việc chung đụng nen toi đã song chỉ moi một mình ở trong khu rừng đáng yêu. 4638. Sự yên tịnh về thân của tôi trở thành nhân duyên chính yếu cho tôi có được sự yên tinh ở tâm, có được sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong việc chung đụng. 4639. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4640. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4641. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekavihāriya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ky sự về Trưởng lão Ekavihāriya59 là phần thứ nhất

432. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKASAMKHIYA (Ekasamkhiyattherāpadanam) 4642. Đã có lễ hội ở cội đại Bồ-đề của đức Thế Tôn Vipassī. Đám đông dân chúng đã cùng nhau đi đến và cúng dường cội Bồ-đề tối thượng. 4643. Tôi không nghĩ rằng bậc Đạo Sư nào có cội Bồ-đề được cúng dường như thế này lại là VỊ kém cỏi, Ngài phải là vị Phật tối thượng. 4644. Do đó? tôi đã cầm lấy chiếc tù và vỏ ốc và đã phục vụ cội cây Bồ-đề. Trong khi thổi [tù và] trọn cả ngày, tôi đã đảnh lễ cội Bồ-đề tối thượng. 4645. Hành động được thực hiện vào lúc cận kề cái chết đã đưa tôi đến thế giới chư thiên. Cơ thể của tôi vừa ngã xuống là tôi sướng vui ở thế giới chu thiên.1 2 4646. Có sáu mươi ngàn nhạc công luôn luôn hớn hở vui mừng, hoan hỷ phục vụ tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4647. Tôi đã là đức Vua Sudassana bảy mươi mốt kiếp, là người chinh phục bốn phương, là vị chúa tể của vùng đất Jambu. 4648. Ke đó, có trăm loại nhạc cụ luôn luôn vây quanh tôi. Tôi thọ hưởng nghiệp quả của chính mình; điều này là quả báo của việc phục vụ. 4649. Nơi chốn nào tôi sanh lên, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, các chiếc trống luôn luôn vang lên đến tôi ngay cả khi [nhập thai] đi vào bụng mẹ. 4650. Sau khi phục vụ đấng Toàn Giác, sau khi thọ hưởng sự thành dạt, tôi đã đạt đến vị thế bát động là Niet-ban? bình yên, bất tư. 4651. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 4652. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4653. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4654. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc

chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

1 Ekavỉhãriya nghĩa là 4ívị liên quan đến sự cư ngụ (vihārā) một mình (ekā) 2 Vị ấy bị ngã chết và được sanh lên cõi trời ngay khi ấy.

Đại đức Trưởng lão Ekasañkhiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKỷ sự về Trưởng lão Ekasañkhiyaw là phần thứ nhì.

433. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PĀTIHĪRASAÑÑAKA (Pāfihīrasaññakattherāpadānam) 4655. Khi ấy, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã đi vào thành phô cùng với một trâm ngàn vi có năng lực [A-la-hán]. 4656. Trong khi các vi an tịnh như thê ây dang đi vào thành phô, các châu báu đã phát sáng, đã có tiếng reo hò vào ngay lúc ây. 4657. Trong khi đức Phật đang đi vào thành phố, do năng lực của đức Phật, những chiếc trong đã vang lên dầu không được vỗ, các cây đàn vīnā tự phát ra âm thanh. 4658. T ôi khônệ nhìn thấy đức Phật tối thượng, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara. Và sau khi nhìn thây điệu kỳ diệu, tại nơi ấy, tôi đã khiến tâm được tịnh tín. 4659. uÔi? đức Phật! ôi, giáo pháp! Oi, sự thành tựu của bậc Đạo Sư chúng ta! Dầu không có tâm tư, các nhạc cụ tự chính mình phát ra âm thanh." 4660. Kê từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ây trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đúc Phật. 4661. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4662. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4663. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pātihīrasaññaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Pātihīrasaññaka99 là phần thứ ba.

434. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ÑĀNATTHAVIKA (Nānatthavikattherāpadānam) 4664. Tôi đã nhìn thấy bậc Tối Thượng Nhân giống như là cây kanikârạ được cháy sáng, như là cây đèn được chiêu sáng, như là kim loại vàng đang tỏa sáng. 4665. Sau khi xếp đặt túi nước, y phục vỏ cây và bình đựng nước, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai rồi đã ngợi ca đức Phật tối thượng rằng: 4666. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, trong khi hủy diệt điều tăm tối được che đậy bởi màng lưới si mê ấy? sau khi thể hiện ánh sáng trí tuệ, Ngài đã vượt qua.

3 Ekasañkhiya nghĩa là t4vị liên quan đến một lần (ekā) thổi chiếc tù và vỏ ốc (sañkhā)y

4 Pātihīrasaññaka nghĩa là uvị tưởng nhớ (saññaka) đến điều kỳ diệu (pātihĩrà)y

4667. Bạch đang Vô Thượng, xin Ngài hãy tiếp độ thê gian này bao gôm tát cả. Dâu cho đi kháp trái đát không có gì tương đương với trí tuệ của Ngài. 4668. Với trí tuệ ấy, đức Phật được gọi là 'Đấng Toàn Tri/ Bạch đấng Đại Hùng, con xin đảnh lễ đấng Toàn Tri

không gì che lap ấy.” 4669. [Ke từ khi] tôi đã ngợi ca đức Phật tối thượng trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ngợi ca trí tuệ. 4670. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4671. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4672. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ñānatthavika5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Ñānatthavika55 là phần thứ tư.

435. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UCCHUKHANDIKA (Ucchukhandikattherāpadānam) 4673. Tôi đã là người gác cổng ở thành phố Bandhumatī. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Thong Suốt về Tất Cả Các Pháp. 4674. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy khúc mía và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng, bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī. 4675. Ke từ khi tôi đã dâng cúng mía trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của khúc mía. 4676. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4677. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4678. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ucchukhandika6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Ucchukhandika" là phần thứ năm.

5 Ñānatthavika nghĩa là ngợi ca (thavỉkà) trí tuệ (ñāna) của đức Phật.,, 6 Ucchukhandika nghĩa là 4tvị liên quan đến khúc (khandā) mía (ucchu)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 391

436. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KALAMBADĀYAKA (Kalambadāyakattherāpadānam) 4679. Bậc Tự Giác Ngộ tên Romasa ngụ ở trong vùng đồi núi. Được tinh tín, tôi đã tự tay mình dâng lên Ngài bông hoa kalamba. 4680. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của bông hoa kalamba. 4681. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4682. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiên của đức Phật tôi thượng. 4683. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kalambadâyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Kalambadâyaka55 là phần thứ sáu.

437. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AMBĀTAKADĀYAKA (Ambātakadāyakattherāpadānam) 4684. Sau khi nhìn thấy đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Không Bi Đánh Bại trong khu rừng, tôi đã cầm lấy trái cây ambātaka và đã dâng cúng đến đấng Tự Chủ. 4685. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh;

điêu này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 4686. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4687. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4688. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ambātakadāyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Ambātakadāyaka^ là phần thứ bảy.

438. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO HARĨTAKADÃYAKA (Harītakadâyakattherãpadãnam) 4689. Tôi đích thân mang lại các loại trái cây như trái hantaka, trái ãmalaka, trái xoài, trái mận đỏ, trái vibhītaka, trái táo, trái bhallâtaka và trái billa.

7 Kalambadãyaka nghĩa là 'V dâng cúng (dãyako) bông hoa kalamba." 8 Ambātakadāyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) trái cây ambataka.”

4690. Tôi đã nhìn thấy bậc Hiền Trí là vị có thiền chứng, được thích thú về thiền, đã đi đến sườn núi. Bậc Đại Hiền Trí đang bị hành hạ bởi cơn bệnh, không có người thứ hai [phục vụ]. 4691. Tôi đã cầm lấy trái harītaka và đã dâng cúng đến đấng Tự Chủ. Khi thuốc men vừa mới tác dụng, cơn bệnh đã lắng dịu ngay lập tức. 4692. Có sự khó chiu đã được loại trừ, đức Phật đã nói lời tùy hỷ rằng: "Do sự dâng cúng thuốc men, và do sự dứt hẳn cơn bệnh,... 4693.... mong rằng ngươi được sung sướng ở khắp mọi nơi, dầu được trở thành vị thiên nhân hay loài người hoặc ở sanh chủng khác, và bệnh hoạn chớ xảy đến cho ngươi?9 4694. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác, đấng Tự Chủ, vi Không Bi Đánh Bại, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời. 4695. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái harītaka đến đấng Tự Chủ, bậc Đại Ẩn Si, cho đến kiếp sống này bệnh hoạn đã không xảy đến cho tôi. 4696. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển, tam minh đã được đắc chứng, lời dạy của đức Phật đã được thực hành. 4697. Ke từ khi tôi đã dâng cúnệ thuốc men trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điêu này là quả báo của thuốc men. 4698. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4699. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4700. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Harītakadāyaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. íốKý sự về Trưởng lão Harītakadãyaka^ là phần thứ tám.

439. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AMBAPINDIYA (Ambapindiyattherāpadānam) 4701. Khi ấy, tôi đã là con voi chúa có ngà dài như gọng xe, vững chãi. Trong khi đi lang thang ở khu rừng bạt ngàn, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 4702. Sau khi cầm lấy chùm trái xoài, tôi đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư. Đấng Đại Hùng, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Siddhartha đã thọ lãnh. 4703. Khi ấy, đấng Chiến Thắng đã thọ dụng trong lúc tôi

đang trầm tư. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đạt đên cõi trời Đâu-suất.10

9 Harītakadāyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) trái cây haritaka." 10 Vị ấy đã chết đi, sanh lên cõi trời Đẩu-suất.

4704. Từ nơi ấy tôi đã mệnh chung, và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương. Tôi thọ hưởng sự thành đạt theo đường lối thế ấy. 4705. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, tôi được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 4706. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 4707. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4708. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4709. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ambapindiya11 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Ambapindiya^ là phần thứ chín.

440. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO JAMBUPHALIYA ựambuphaliyattherãpadãnam) 4710. Đức Phật Padumuttara, vị đang nắm giữ danh vọng tối thượng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy đang đi đó đây để khất thực. 4711. Sau khi thâu hoạch trái cây đầu mùa, với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng đến đấng Đạo Sư, bậc Anh Hùng xứng đáng sự cúng dường. 4712. "Bạch đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, nhờ vào nghiệp ấy con đã từ bỏ sự hơn thua và đã đạt được vi the bất động?5 4713. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng vật đầu mùa. 4714. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt? tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4715. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4716. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

11 Ambapindiya nghĩa là t6vị liên quan đến chùm (pinda) trái xoài (amba)y

Đại đức Trưởng lão Jambuphaliya12 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Jambuphaliyaw là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vi trưởng lão sống một mình, vi [thổi] tù và vỏ ốc9 vi [tưởng đến] điều kỳ diệu, vị ngợi ca [đức Phật], vi có khúc mía, vị dâng bông hoa kalamba, vi dâng trái ambātaka, vi [dâng] trái cây harĩtaka, vị có chùm xoài, vị dâng trái mận đỏ là thứ mười. Và các câu kệ đã được tính đêm bởi các bậc trí là tám mươi sáu câu kệ. Phẩm

Ekavihārī là phẩm thứ bốn mươi bốn.

12 Jambuphaliya nghĩa là liên quan đến trái cây (phală) mận đỏ ịjambu)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 395

XIN. PHẨM VIBHITAKA (VIBHĪTAKAVAGGO)

441. KỶ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VIBHĪTAKAMIÑJIYA (Vibhītakamiñjiyattherāpadānam) 4717. Bậc Đại Hùng Kakusandha là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Ngài đã đi vào bên trong khu rừng, tách biệt khỏi đám đông. 4718. Sau khi cầm lấy phần hột và ruột [của trái vibhītaka], tôi đã buộc lại bằng sợi dây leo. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn tham thiền ở trong vùng đồi núi. 4719. Sau khi nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng phần hột và ruột đến đấng Anh Hùng, là bậc xứng đáng sự cúng dường. 4720. Ngay trong chính kiếp này kể từ khi tôi đã dâng Cling trái cây, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của phần hột và ruột [của trái cây]. 4721. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4722. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4723. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vibhītakaminj iyā1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ky sự về Trưởng lão Vibhītakamiñjiya^ là phần thứ nhất

442. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KOLADẢYAKA (Koladāyakattherāpadānam) 4724. Khi ấy, là vị mặc y phục vỏ cây, tôi đã trang phục bằng da dê. Tôi đã khuân vác túi nặng trái táo và đã đem về khu ẩn cư. 4725. Vào thời điểm ấy, đức Phật Sikhī đã là vị đơn độc, không có người thứ hai. Trong khi biết được về mọi thời điểm, Ngài đã đi đến khu ẩn cư của tôi. 4726. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ bậc có sự hành trì tót đẹp. Đưa ra băng cả hai tay, tôi đã dâng cúng trái táo đên đức Phật.

1 Vibhītakamirijiya nghĩa là uvi liên quan đến phần ruột (jniiya) của trái cây vibhĩtaka.„

396 KINH TIÊU BÔ

4727. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái táo. 4728. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4729. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4730. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Koladâyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Koladâyaka^ là phần thứ nhì.

443. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BILLAPHALIYA (Billaphaliyattherāpadānam) 4731. Khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng ở bờ sông Candabhāgā, được rải rác với những

cây billa, được mọc lên với nhiều giống cây khác loại. 4732. Sau khi nhìn thấy trái cây billa có mùi thơm ngát, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. Được hớn hở, với tâm ý bị chấn động, tôi đã làm đầy gói nặng. 4733. Tôi đã đi đến [đức Phật] Kakusandha và đã dâng cúng trái cây billa đã chín đến phước điền, đến đấng Anh Hùng với tâm ý trong sạch. 4734. Ngay trong chính kiếp này kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 4735. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4736. Quả vậy5 tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4737. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Billaphaliya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Billaphaỉiya" là phần thứ ba.

444. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BHALLẢTAKADÃYAKA (Bhallātakadāyakattherāpadānani) 4738. Đấng Toàn Giác có màu da vàng chói, có ba mươi hai hảo tướng tợ 2 Koladâyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) trái táo (kolă)y 3 Bìllaphaliya nghĩa là uvị liên quan đến trái cây (phalà) có tên là billa.,^

như cây sāla chúa đã được trổ hoa, đang di chuyển ở phía trên chóp đỉnh của khu rừng bao la. 4739. Tôi đã xếp đặt tấm trải cỏ và đã cầu xin đức Phật tối thượng rằng: "Xin đức Phật hãy thương tưởng đến con, con muốn dâng cúng vật thực?5 4740. Sau khi biết được ý định của tôi, đấng Bi Man, vi Có Lòng Thương Tưởng, Có Danh Tiếng Lớn Lao Atthadassĩ đã ngự xuống khu ẩn cư của tôi. 4741. Sau khi ngự xuống, đấng Toàn Giác đã ngồi xuống ở tấm thảm lá cỏ. Tôi đã cầm lấy trái cây bhallâtaka và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. 4742. Khi ấy, đấng Chiến Thắng đã thọ dụng trong lúc tôi đang trầm tư. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ đấng Chiến Thắng. 4743. Ke từ khi toi đã dâng cúng trái cây trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 4744. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4745. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4746. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bhallātakadāyaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ốíKý sự về Trưởng lão Bhallãtakadãẏaka" là phần thứ tư.

445. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UTTALIPUPPHIYA (Uttaỉỉpupphỉyattherãpadãnam) 4747. Tôi đã lấy ra tràng hoa uttalĩ và đã dâng lên cội Bồ-đề là cây Nigrodha đã được phát triển, có ánh sáng màu xanh. 4748. Việc tôi đã dâng lên bông hoa là ngay trong chính kiếp nay, tôi không biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội Bồ-đề. 4749. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn

lậu hoặc. 4750. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4751. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

4 Bhallātakadāyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) trái cây bhallātaka.,,

Đại đức Trưởng lão Uttalipupphiya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 4íKý sự về Trưởng lão uttalipupphiya95 là phần thứ năm.

446. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AMBÃTAKIYA (Ambātakiyattherāpadānam) 4752. Sau khi đi sâu vào trong rừng cây sãla khéo được trổ hoa, bậc Hiền Trí Vessabhū đã ngồi xuống ở những nơi hiểm trở của ngọn núi, trông như là con sư tử đã được sanh ra cao quý. 4753. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình cúng dường [bông hoa] ambātaka đến phước điền, đến bậc Đại Hùng với tâm tịnh tín, với ý vui mừng. 4754. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4755. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4756. Quả vậy5 tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4757. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ambātakiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ambātakiya" là phần thứ sáu.

447. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĨHẢSANIKA (Sīhāsanikattherāpadānam) 4758. Với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng bảo tọa sư tử đến đức Thế Tôn Padumuttara, là bậc tầm cầu lợi ích cho tất cả chúng sanh. 4759. ở bất cứ nơi đau tôi sinh sống, ở thế giới chư thiên hoặc loài người, tôi đạt được cung điện đồ sộ; điều này là quả báo của bảo tọa sư tử. 4760. Và có nhiêu chiêc ghê bành làm băng vàng, làm băng bạc, làm bãng hồng ngọc, làm bằng ngọc ma-ni luôn luôn hiện ra cho tôi. 4761. Sau khi đã thực hiện chỗ ngồi giác ngộ cho vị tên Padumuttara, tôi được sanh ra trong gia đình thượng lưu. Oi, tính chất tốt đẹp của giáo pháp! 4762. [Ke từ khi] tôi đã thực hiện bảo tọa sư tử trước đây một trăm ngàn kiêp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của bảo tọa sư tử. 4763. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5 Uttalipupphỉya nghĩa là 4tvị có liên quan đến bổng hoa (pupphà) uttalĩ.,^ 6 Ambātakiya nghĩa là t4vị liên quan đến bông hoa ambātaka.^,

4764. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4765. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức

Phật. Đại đức Trưởng lão Sīhâsanika7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Sīhãsanika95 là phần thứ bảy.

448. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PĀDAPĪTHIYA (Pādapīthiyattherāpadānam) 4766. Đấng Toàn Giác Sumedha là đấng Bi Man Cao Cả, bậc Hiền Trí; Sau khi đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua, vị Có Danh Vọng Lớn Lao ấy đã Niết-bàn. 4767. Với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã thực hiện ghế kê chân ở bên cạnh bảo tọa sư tử của bậc Đại Ẩn Sĩ Sumedha. 4768. Tôi đã thực hiện nghiệp tốt lành [là nghiệp] có kết quả là sự an lạc, đưa đến sự an lạc. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 4769. Trong khi sống ở tại nơi ấy5 tôi là người có được nghiệp phước thiện, khi tôi giở các bàn chân lên là có những chiếc ghế đẩu vàng hiện ra cho tôi. 4770. Những người nào có được sự lắng nghe ở Ngài, các sự lợi ích cho họ đã được đạt thành tốt đẹp. [Thậm chí] sau khi thể hiện sự tôn kính đến bậc đã Niết-bàn, họ [cũng] đạt được sự an lạc lớn lao. 4771. Việc làm cũng đã được tôi thực hiện tốt đẹp? việc đổi trao đã được gắn liền tốt đẹp. Sau khi thực hiện chiếc ghế kê chân, tôi đạt được chiếc ghế đau vàng. 4772. Bất cứ phương nào tôi ra đi, vì bất cứ lý do gì, tôi đều bước đi ở trên chiếc ghế đẩu vàng; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 4773. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của ghế kê chân. 4774. Các phiên não của tôi đã được thiêu đôt5 tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4775. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4776. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

7 Sīhâsanika nghĩa là 'M liên quan đến bảo tọa (āsanā) sư tử (s)", là chỗ ngồi ở cội cây Bồ-đề (Ịbodhìyã āsanarn) và trèn chỗ ngoi đó, đức Phật đã chứng quả vị Giác ngộ. (ND)

400 KINH TIỂU BỒ

Đại đức Trưởng lão Pādapīthiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Pādapīthiya95 là phần thứ tám.

449. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VEDIKÃRAKA (Vedikārakattherāpadānam) 4777. Sau khi thực hiện viền rào đã được làm khéo léo ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Phật Padumuttara, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. 4778. Các vật dụng nhân tạo và thiên nhiên vô cùng sang trọng đã từ không trung rơi xuống; điều này là quả báo của cái viền rào. 4779. Trong khi lao vào cuộc chiến đấu kinh hoàng nổ ra từ hai phe, tôi không nhìn thấy sự kinh hoàng và hãi sợ; điều này là quả báo của cái viền rào. 4780. Sau khi biết được ước muốn của tôi, cung điện được sanh lên, xinh đẹp, với những chiếc giường trị giá lớn lao; điều này là quả báo của cái viền rào. 4781. [Ke từ khi] tôi đã xay dựng cai viền rào trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái viền rào. 4782. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi

đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4783. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4784. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vedikāraka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 4íKý sự về Trường lão Vedikāraka55 là phần thứ chín.

450. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BODHIGHARIYA (Bodhighariyattherāpadānam) 4785. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cho thực hiện căn nhà ở cội Bồ-đề của đức Thế Tôn Siddhartha là vị Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 4786. Tôi đạt đến cõi trời Đẩu-suất. Tôi sống ở trong ngôi nhà châu báu. Sự lạnh hoặc sự nóng không có đến tôi, gió không chạm vào thân thể của tôi. 4787^ Trước đây sáu mươi lăm kiếp, tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương. Có thành phố tên là Kãsika đã được hóa hiện ra bởi VỊ Trời Vissakamma. 4788. [Thành phố này] dài mười do-tuàn, rộng tám do-tuàn. ở trong thành pho này không có gỗ, dây thừng và gạch ngói.

8 Pãdapĩthỉya nghĩa là uvị liên quan đến cái ghế (pĩtha) kê chân (pãdà)ỵ 9 Vedỉkãraka nghĩa là thực hiện (kãrako) cái viền rào ịyedỉ, vedikãya

4789. Có tòa lâu đài tên là Mañgala đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma. Chiêu ngang đã là một do-tuân, chiêu rộng nửa do-tuân. 4790. Đã có tám mươi bốn ngàn cột làm bằng vàng và các tháp nhọn làm bằng ngọc ma-ni, mái che đã là bằng bạc. 4791. Có ngôi nhà làm bằng vàng toàn bộ đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma. Nơi này đã được tôi cư ngụ; điều này là quả báo của việc dâng cúng căn nhà. 4792. Sau khi thọ hưởng tất cả các thứ ấy ở cõi trời và người, hôm nay tôi đã đạt đến Niết-bàn là vị thế an tinh không gì hơn được. 4793. [Ke từ khi] tôi đã cho thực hiện căn nhà ở cội Bồ-đề trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng căn nhà. 4794. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4795. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4796. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bodhighariya10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Bodhighariya” là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị có trái cây vibhītaka, vị dâng trái táo, vị dâng trái billa, vị dâng trái bhallâtaka, vị dâng tràng hoa uttalĩ, vị dâng bông hoa ambātaka, luôn cả vị có chỗ ngồi, vị dâng ghế kê chân, vị làm cái viền rào, vị cho thực hiện căn nhà của cội Bồ-đề. ở đây, các câu kệ đã được tính đếm là bảy mươi chín câu, tất cả đã được thuật lại ở phẩm này. Phẩm Vibhītaka là phẩm thứ bốn mươi lăm.

10 Bodhighariya nghĩa ỉa 4tvị liên quan đến căn nhà (gharà) ở cội cây Bồ-đề (bodhi).99

XLVI. PHẨM JAGATIDĀYAKA ỰAGATIDẴY4KAVAGGƠ)

451. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO JAGATIDĀYAKA (Jagatidāyakattherāpadānam) 4797. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cho thực hiện nền đất ở cội cây Bồ-đề tối thượng của bậc Hiền Trí Dhammadassĩ. 4798. Dầu tôi bị ngã từ vực thẳm, từ ngọn núi, hoặc từ thân cây, chết đi tôi có được sự nâng đỡ; điều này là quả báo của nền đất. 4799. Lũ trộm cướp không áp bức tôi, các vị Sát-đế-lỵ không xem thường tôi, tôi vượt trội tất cả các kẻ thù; điều này là quả báo của nền đất. 4800. ở nơi nào toi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi đều được tôn vinh ở tất cả các nơi; điều này là quả báo của nền đất. 4801. Tôi đã cho thực hiện nền đất, trong một ngàn tám trăm kiếp, tôi không trải qua khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường nền đất. 4802. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4803. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4804. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Jagatidāyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Jagatidāyaka^ là phần thứ nhất

452. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MORAHATTHIYA (Morahatthiyattherāpadānam) 4805. Tôi đã cầm lấy cánh quạt lông công và đã đi đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng cánh quạt lông công. 4806. Do cánh quạt lông công này và do các nguyện lực của tác ý? ba ngọn lửa12 đã được dập tắt, tôi đạt được sự an lạc lớn lao.

1 Jagatidāyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) nền đất (ịagatí) ở cội cây B&dề." 2 Ba ngọn lửa là lửa tham, lửa sân và lửa si. (ND)

4807. Ôi, chư Phật! ôi, giáo pháp! ôi, sự thành tựu của bậc Đạo Sư chúng ta! Sau khi dâng cúng cánh quạt lông công, tôi đạt được sự an lạc lớn lao. 4808. Ba ngọn lửa [tham, sân, si] của tôi đã được dập tắt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 4809. Ke từ khi tôi đã cúng dường vật thí trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cánh quạt lông công. 4810. Các phiền não của tôi đã được thiêu(tét, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 481L Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4812. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Morahatthiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ẾÍKý sự về Trưởng lão Morahatthiya^ là phần thứ nhì.

453. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANAVĪJAKA (Sīhāsanavyakattherāpadānam) 4813. Toi đã đanh le côi cay Bô-đê cua đức The Ton Tissa. Toi đã lay ra cay quạt và đã hầu quạt bảo tọa sư tử ở tại nơi ấy. 4814. [Ke từ khi] tôi đã hầu quạt bảo tọa sư tử trước đây

chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc hầu quạt. 4815. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4816. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4817. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sīhāsanavījaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĔÍKý sự về Trưởng lão Sihsanavījaka" là phần thứ ba.

454. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TI-UKKÃDHÃRAKA

(Ti-ukkādhūrakattherāpadānam)

4818. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã câm ba ngọn đuôc ở cội cây

Bồ-đề tối thượng cua đức Phật Padumuttara.

3 Morahatthiya nghĩa là t4vị liên quan đến cái cánh (hatthà) của chim công (moca)' diễn dịch là cánh quạt lông công. (ND) 4 Sīhāsanavījaka nghĩa ỉa quạt mát (yĩịaka) bảo tọa sư tử (sīhāsana)y

4819. [Ke từ khi] tôi đây đã cầm ngọn đuốc trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng ngọn đuốc. 4820. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi

4830. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4831. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn9 đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4832. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vanakorandiya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Vanakorandiya^ là phần thứ sáu. (Dứt tụng phẩm thứ hai mươi).

457. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKACHATTIYA (Ekachattiyattherāpadānam) 4833. Trái đất nảy sanh ra than hừng, mặt đất trở thành tro nóng. Đức Thế Tôn Padumuttara đã đi kinh hành ở ngoài trời. 4834. Sau khi cầm lấy chiếc lọng che màu trắng, tôi đã đi đường xa. Sau khi nhìn thấy đấng Toàn Giác ở tại nơi ấy, niềm hạnh phúc đã khởi đến cho tôi. 4835. Mặt đất được phủ lên bởi màn ảo ảnh, trái đất này toàn là than hừng. Có cơn gió mạnh thổi đen làm mất đi sự thoải mái của cơ thể. 4836. "Xin Ngài hãy thọ lãnh chiếc lọng che này diệt trừ được sự lạnh và nóng, có sự cản ngăn đôi với sức nóng của cơn gió, con sẽ được chạm đến sự tịch diệty 4837. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, bậc Đại Ẩn Si, đấng Chiến Thắng Padumuttara khi ấy đã thọ lanh. 4838. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi kiếp. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần. 4839. Lãnh thổ vương quốc là

bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi thọ hưởng nghiệp của chính mình đã được bản thân thực hiện tốt đẹp trước đây. 4840. Đây là lần sinh ra sau cùng của tôi, là lần hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Ngay cả hôm nay cũng có chiếc lọng che màu trắng được cầm che cho tôi trong mọi thời diêm. 4841. Ke từ khi tôi đã dâng cúng chiếc lọng che trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiec lọng. 4842. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi căt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

7 Vanakorandiya nghĩa là t4vị liên quan đến bông hoa koranda rừng (ẏanà)y

4843. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4844. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekachattiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ekachattiya^ là phần thứ bảy.

458. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO JĀTIPUPPHIYA ựãtipupphỉyattherâpadânam) 4845. Khi đức Thế Tôn Padumuttara, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao viên tịch Niết-bàn, tôi đã làm những vòng hoa đội đầu rồi đã đặt lên nhục thân [của Ngài]. 4846. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đi đến cõi Hóa Lạc thiên. Trong khi sống ở thế giới chư thiên, tôi nhớ lại nghiệp phước thiện. 4847. Có cơn mưa bông hoa từ bâu trời rơi xuông ở tôi vào mọi thời diêm. Nếu tôi luân hồi ở loài người, tôi là vị vua có danh vọng lớn lao. 4848. Tại nơi ây, có cơn mưa bông hoa rơi xuống ở tôi vào mọi lúc, do nhờ tác động của sự cúng dường bông hoa đen chính Ngài ấy là bậc có sự nhìn thấy tất ca. 4849. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Ngay cả hôm nay cũng có cơn mưa bông hoa rơi xuống ở tôi vào mọi lúc. 4850. [Ke từ khi] tôi đã dâng len bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường nhục thân [đức Phật]. 4851. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4852. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4853. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đa thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Jātipupphiya9 đã nói lên những lời kệ này như thê ây. ÍẾKý sự về Trưởng lão Jātipupphiya^ là phần thứ tám.

459. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PATTIPUPPHIYA (Pattipupphiyattherāpadānam) 4854. Khi nhục thân [đức Phật] được đưa đi, khi những chiêc trông đang được vỗ lên, tôi đã cúng dường bông hoa patti với tâm tịnh tín, với ý vui mừng.

8 Ekachattiya nghĩa lầ uvị liên quan đến một (ekā) chiếc lọng che (chattà)' 9 Jātipupphiya nghĩa là liên quan đến bông hoa)jti."

4855. [Ke từ khi] tôi đã cúng đuờng bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường nhục thân [đúc Phật]. 4856. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

XLVn. PHẨM SÃLAKUSUMIYA (SÂLAKUSUMIY4VAGGƠ)

461. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SÃLAKUSUMIYA (Sālakusumiyattherāpadānam) 4864. Khi đức Thế Tôn tên là Padumuttara viên tịch Niết-bàn và được đặt lên ở giàn hỏa thiêu, tôi đã cúng dường bông hoa Sâla. 4865. [Kể từ khiị tôi đã dâng lên bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường lễ hỏa táng [đức Phật]. 4866. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc. 4867. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4868. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sâlakusumiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Sãlakusumiya59 là phần thứ nhất

462. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA (Citakapūjakattherāpadānam) 4869. Khi đức Thế Tôn Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian đang được thiêu đốt, tôi đã dâng lên giàn hỏa thiêu của Ngài tám bông hoa campaka. 4870. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường giàn hỏa thiêu [đức Phật]. 4871. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4872. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4873. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

1 Sãlakusumiya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa (kusumă) sla."

Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĔÍKý sự về Trưởng lão Citakapūjaka" là phần thứ nhì.

463. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CITAKANIBBẢPAKA (Citakanibbāpakattherāpadūnam) 4874. Khi nhục thân của bậc Đại An Sĩ Vessabhū đang được đót cháy, tôi đã cầm lấy nước thơm và đã làm nguội giàn hỏa thiêu. 4875. [Ke từ khi] tôi đã làm nguội giàn hỏa thiêu trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nước thơm. 4876. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4877. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4878.

Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Citakanibbâpaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Citakanibbâpaka" là phần thứ ba.

464. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SETUDĀYAKA (Setudāyakattherāpadānam) 4879. Khi đức Thế Tôn Vipassī đang đi kinh hành ở trước mặt, với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã cho thực hiện cây cầu. 4880. [Ke từ khi] tôi đã cho thực hiện cây cầu trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu. 4881. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4882. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4883. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Setudãyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trường lão Setudâyaka95 là phần thứ tư. 2 Citakapūjaka nghĩa là "vj cúng dường ịpũịakà) giàn hỏa thiêu (citako)' 3 Citakanibbãpaka nghĩa là í4vị làm nguội (nibbãpaka) giàn hỏa thiêu (citakă)y

465. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANATĀLAVANTIYA (Sumanatālavantiyattherāpadānam) 4884. Tôi đã dâng cúng chiếc quạt được phủ lên bởi những bông hoa nhài đến đức Thế Tôn Siddhartha. Tôi nắm giữ danh vọng lớn lao. 4885. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng chiếc quạt trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc quạt. 4886. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4887. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4888. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sumanatālavantiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự ve Trưởng lão Sumanatālavantiya" ỉa phần thử năm.

466. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AVANTAPHALIYA (Avantaphaliyattherāpadānam) 4889. Đức Thế Tôn, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại tên là Sataramsī. CÓ ước muôn độc cư, đang Toàn Giác đã ra đi vê việc khát thực. 4890. Có trái cây ở tay, tôi đã nhìn thấy và đã đi đến gặp đấng Nhân Ngưu. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái avanta. 4891. Trước đây chín mươi bốn kiếp, kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 4892. Các phiền não của tôi đã được thiêu(tét, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4893. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật toi thượng. 4894. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Avantaphaliya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý

sự về Trưởng lão Avantaphaliya^ là phần thứ sáu.

4 Sumanatālavantiya nghĩa là 4tvị liên quan đến chiếc quạt (tālavanta) được gắn hoa lài (sumanã)y 5 Avantaphaliya nghĩa là 4tvị liên quan đến trái cây (phcãd) avanta.,,

467. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO LABUJADĀYAKA (Labujadāyakattherāpadānam) 4895. Khi ấy, tôi đã là người phụ việc tại tu viện, ở thành phố Bandhumatī. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang di chuyển ở trên không trung. 4896. Tôi đã cầm lấy trói mít và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. Bậc Có Danh Vọng Lớn Lao đã thọ lãnh trong khi đang đứng ở ngay trên không trung. 4897. Đối với tôi, Ngài là nguồn sanh lên niềm hạnh phúc, đem lại sự an lạc trong thời hiện tại. Tôi đã dâng cúng trái cây đến đức Phật với tâm ý trong sạch. 4898. Khi ấy, tôi đã đạt đến niềm phỉ lạc vĩ đại và sự an lạc thù thắng. Và khi tôi tái sanh ở nơi này, nơi khác, có châu báu hiện lên [cho tôi]. 4899. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 4900. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4901. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4902. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Labiýadâyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Labujadayaka95 là phần thứ bảy.

468. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PILAKKHAPHALADẢYAKA (Pilakkhaphaladāyakattherāpadānam) 4903. Sau khi nhìn thấy đức Phật Atthadassĩ, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao ở cuối rừng, với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên trái của cây sung. 4904. Ke từ khi toi đã dâng cúng trai cây trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 4905. Các phiền não của tôi đã được thiêu(tót, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4906. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4907. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

6 Labụịadãyaka nghĩa là 4tvị dâng cúng (labujci) trái mít (dãyakă)y

Đại đức Trưởng lão Pilakkhaphaladâyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Piỉakkhaphaladẫyaka" là phần thứ tám.

469. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SAYAMPATIBHĀNIYA (Sayampatibhāniyattherāpadānam) 4908. Ai là người nhìn thấy đấng Nhân Ngưu, vị Trời Của Chư Thiên đang tiến bước ở trên đường, tợ như cây kakudhā đang chói sáng mà không tịnh tín? 4909. Ai là người

nhìn thấy bậc đã xua đi điều tăm tối ấy, đã giúp cho nhiều người vượt qua, đang chói sáng với ánh sáng trí tuệ mà không tịnh tín? 4910. Ai là người nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang hướng dẫn một trăm ngàn vị có năng lực, đang tiếp độ nhiều chúng sanh mà không tịnh tín? 4911. Ai là người nhìn thấy vi đang vỗ lên chiếc trống giáo pháp, đang chế ngự các nhóm ngoại dạo, đang gầm lên tiếng rống sư tử mà không tinh tín? 4912. Cho đến các Phạm thiên từ thế giới Phạm thiên đã đi đến và hỏi các câu hỏi khôn khéo, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín? 4913. Thế gian luôn cả chư thiên thể hiện sự chắp tay đối với Ngài rồi thỉnh cầu, nhờ Ngài, họ thọ hưởng phước báu, ai là người nhìn thấy mà không tinh tín? 4914. Tất cả mọi người tụ tập lại và thỉnh cầu bậc Hữu Nhãn5 được thỉnh cầu, Ngài không rung động, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín? 4915. Khi Ngài đang đi vào thành phô, có nhiêu chiêc trông vang lên và các con voi hào hứng rông lên, ai là người nhìn thây mà không tịnh tín? . 4916. Trong khi đange đi ở đường y lộ, toàn bộÃ hào quang của Ngài luôn luôn 7 r chiêu sáng, những chô bị gập ghênh trở thành băng phăng, ai là người nhìn thây mà không tinh tín? 4917. Khi đức Phật đang nói, [lời Ngài] được nghe ở bầu vũ trụ, Ngài làm cho tất cả chúng sanh được hiểu rõ, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín? 4918. [Ke từ khi] toi đã ngợi ca đức Phật trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi. 4919. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4920. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4921. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

7 Pilakkhaphaladāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) trái cây ịphaỉà) của cây sung (pỉlakkhă)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 413

Đại đức Trưởng lão Sayampatibhāniya 8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Sayampatibhāniya59 ỉa phần thứ chín.

470. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NIMITTAVYĀKARANIYA (Nimittavyākaraniyattherāpadānam) 4922. Khi ấy, tôi đã đi sâu vào núi Hy-mã-lạp rồi đọc tụng chú thuật. Năm mươi bốn ngàn người đệ tử đã phục vụ tôi. 4923. Là những vị hiểu biết về kinh Vệ-đà? tất cả đã học thuộc lòng, đã đạt đến sự toàn hảo về sáu chi phần. Được hỗ trợ bởi những sự hiểu biết của chính bản thân, các vi ấy sống ở núi Hy-mã-lạp. 4924. Sau khi mệnh chung từ tập thể cõi trời Đẩu-suất, vi thiên tử có danh vọng lớn lao đã sanh vào bụng mẹ với sự nhận biết và có niệm. 4925. Khi bậc Toàn Giác đang được sanh ra, mười ngàn thế giới đã chuyển động. Khi đấng Lãnh Đạo đang được sanh ra, những người mù đã đạt được thị giác. 4926. Toàn bộ quả đất này đã chuyển động với mọi hình thức. Sau khi nghe được tiếng gầm thét, đám đông dân chúng đã hoảng hốt. 4927. Tất cả mọi người đã tập trung lại và đã đi đến gặp tôi [hỏi rằng]: “Quả đất này đã chuyển động, sẽ có hầu qua gì day?” 4928. Khi ấy, tôi đã nói với họ rằng: “Các người chớ sợ hãi, sự nguy hại không có cho các người. Tất cả cũng nên tự tin, sự

xuất hiện này là có điều tốt đẹp. 4929. Bị tác động bởi tám nguyên nhân, quả đất này chuyển động. Các điều báo hiệu như thế này được nhìn thấy, có ánh sáng bao la vĩ đại. 4930. Không còn nghi ngờ nữa, đức Phật tối thượng, bậc Hữu Nhãn sẽ hiện khỏi." Sau khi làm cho dân chúng biết rõ? tôi đã thuyết giảng ve năm giới cấm. 4931. Sau khi lăng nghe vê năm giới câm và vê sự xuất hiện của đức Phật là điều hy hữu, họ đã trở nên hớn hở vui mừng với niềm phan khởi đã được sanh lên, với tâm ý vui mừng. 4932. [Ke từ khi] toi đã giải thích về điềm báo hiệu trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc giải thích. 4933. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4934. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật toi thượng.

8 Sayampatibhāniya nghĩa là t4vị liên quan đến việc đích thân mình (sayarn) ca ngợi (patibhāna)y

4935. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nimittavyākaraniya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í4Ký sự về Trưởng lão Nimittavyākaraniya95 là phần thứ mươM.

Phần tóm lược Vị trưởng lão liên quan đến bông hoa Sãla, luôn cả vi cúng dường [giàn hỏa thiêu], và vị làm nguội [giàn hỏa thiêu], vị dâng cúng cây cầu, vị có cây quạt, [vi dâng lên] trái avanta, vị dâng lên trái mít, [vị dâng lên] trái sung, vị ca ngợi, và vị Bà-la-môn liên quan việc giải thích. Có bảy mươi hai câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí. Phẩm Sãlakusumiya là phẩm thứ bốn mươi bảy.

9 Nimỉttavyâkaraniya nghĩa là 4tvị liên quan đến việc giải thích (yyãkaranã) các điềm báo hiệu (nimittā)'

XLVm. PHẨM NALAMĀLĪ (NALAMĀLIVAGGO)

471. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NALAMÃLIYA (NaỊamữỉiyattherãpadãnam)

4936. Toi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, đang di chuyển ở phía trên chóp đỉnh của khu rừng bao la. 4937. Sau khi cầm lấy tràng hoa sậy và ngay trong khi đang đi ra, tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc Đã Vượt Qua Dòng Lũ, vị Không Còn Lậu Hoặc ở tại nơi ấy. 4938. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường tràng hoa sậy đến đấng Đại Hùng, bậc Xứng Đáng Cúng Dường, vị Có Lòng Thương Tưởng đến tất cả thế gian. 4939. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4940. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc nhxr là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4941. Quả vậy, tôi đã thành công

mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4942. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nalamāliya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão NaḶamâliya59 là phần thứ nhất

472. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MANIPŪJAKA (Manipūjakattherāpadānam) 4943. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Có ước muốn độc cư, bậc Toàn Giác di chuyển ở trên không trung. 4944. ở không xa núi Hy-mã-lạp, có cái hồ thiên nhiên rộng lớn. ở tại nơi ấy đã là chỗ cư ngụ của tôi, được liên quan đến nghiệp phước thiện.

1 NaḶamãliya nghĩa là 4<vị liên quan đến tràng hoa (mãĩã) sậy (naỉa)y

4945. Sau khi rời khỏi nơi cư ngụ, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian được chói sáng như là bông hoa súng, được cháy rực như là ngọn lửa tế thần. 4946. Trong lúc xem xét, tôi đã không nhìn thấy bông hoa tôi sẽ cúng dường đến đấng Lãnh Đạo. Sau khi làm cho tâm của mình được tinh tín, tôi đã đảnh lễ bậc Đạo Sư. 4947. Tôi đã câm lây viên ngọc ma-ni ở trên đâu của tôi và đã cúng dường đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian, [ước nguyện rằng:] "Do sự cúng dường viên ngọc ma-ni này, câu mong quả thành tựu được tót đẹp.^ 4948. Đứng ở trên không trung, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đạo Sư đã nói lên lời kệ này: 4949. “Mong rằng ý định ấy được thành tựu cho ngươi. Ngươi sẽ đạt được sự an lạc lớn lao. Ngươi hãy thọ hưởng danh vọng lớn lao do sự cúng dường ngọc ma-ni nay?5 4950. Nói xong điều ấy, đức Thế Tôn tên Padumuttara, vị Phật tối thượng đã đi đến nơi mà tâm đã dự tính. 495L Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc sáu mươi kiếp. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương hàng trăm lần. 4952. Trong khi tôi là vị thiên nhân đang nhớ lại việc làm trước đây thì ngọc ma-ni là vật tạo ra ánh sáng của tôi, hiện ra cho tôi. 4953. Tám mươi sáu ngàn nữ nhân có đồ trang sức và vải vóc đủ màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni là những người vợ của tôi. 4954. [Các nàng] có làn mi cong, có nụ cười, có bộ ngực xinh, có eo thon, thường xuyên vây quanh tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường ngọc ma-ni. 4955. Các vật dụng và các đồ trang sức của tôi được thực hiện khéo léo, làm băng vàng, làm băng ngọc ma-ni và làm băng hông ngọc đúng theo ước muôn. 4956. Các ngôi nhà mái nhọn, các hang động đáng yêu và chỗ nằm ngồi vô cùng xứng đáng, sau khi biết được ước muốn của tôi, chúng hiện ra theo như ước muốn. 4957. Và những người nào đạt được sự lắng nghe đã khéo được thành tựu [vì sự lắng nghe] là phước điền của nhân loại, là phương thuốc cho tất cả các sanh linh, các vị ấy có được những sự lợi ích. 4958. Việc làm của tôi cũng đã được thực hiện tốt đẹp là việc tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo, tôi được thoát khỏi đọa xứ, tôi đạt được vị thế bất động. 4959. Nơi nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi luôn luôn có ánh sáng từ bảy loại châu báu ở xung quanh. 4960. Do chính sự cúng dường ngọc ma-ni ấy, tôi đã thọ hưởng sự thành tựu, ánh sáng trí tuệ đã được tôi nhìn thấy, tôi đạt đến vi thế bất động.

4961. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường ngọc ma-ni trước đây một trăm ngàn kiêp? tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường ngọc ma-ni. 4962. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4963. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4964. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Manipūjaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Manipūjaka" là phần thứ nhì.

473. KỶ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UKKÃSATIKA (Ukkãsatikattherãpadãnam) 4965. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn tên là Kosika đã cư ngụ tại núi Cittakūta. Đức Phật, bậc Hiền Trí là vị chứng thiền, thỏa thích với thiền, vui thích với sự độc cư. 4966. Tôi đã dẫn đầu nhóm phụ nữ đi sâu vào núi Hy-mã-lạp và tôi đã nhìn thấy đức Phật Kosika tợ như mặt trăng ngày rằm. 4967. Khi ấy, tôi đã cầm lấy một trăm ngọn đuốc và đặt vòng quanh [đức Phật]. Tôi đã đứng bảy ngày đêm và đã ra đi vào ngày thứ tám. 4968. Khi đức Phật Kosika, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại, đã xuất khỏi [thiền], với tâm tịnh tín tôi đã đảnh lễ Ngài và đã dâng cúng một phần vật thực. 4969. "Bạch vị Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, do việc làm ấy con đã sanh lên cối trời Đẩu-suất; điều này là quả báo của một phần vật thúc." 4970. Luôn luôn có ánh sáng cho tôi vào ban ngày và cả ban đêm nữa. Tôi tỏa ra ánh sáng ở xung quanh một trăm do-tuân. 4971. Tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương, người chinh phục bốn phương, đấng chúa tể của vùng đất Jambu năm mươi lăm kiếp. 4972. Khi ấy, thành phố của tôi đã được sung túc, thịnh vượng, khéo được xây dựng có chiều dài ba mươi do-tuần và chiều rộng hai mươi do-tuần. 4973. Thành phố tên là Sobhanā đã được hóa hiện ra bởi vi Trời Vissakamma, không thiêu văng mười loại âm thanh được két hợp với [âm thanh của] chũm chọe.

2 Manipūjaka nghĩa là uvị cúng dường (pūjaka) ngọc ma-ni {rnani)y

4974. ở trong thành phố ấy không có dây thừng, gỗ và gạch ngói. Toàn bộ chỉ làm bang vàng và chiếu sáng trong thời gian liên tục. 4975. Có bốn tường thành bao bọc? ba mặt đã được làm bằng ngọc ma-ni, và ở chính giữa có hàng cây cọ đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma. 4976. Có mười ngàn hô nước được che đậy bởi sen hông và sen xanh, được phủ lên bởi những sen trắng, được tỏa ra với nhiều hương thơm khác loại. 4977. [Ke từ khi] tôi đã cầm giữ ngọn đuốc trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cầm giữ cây đuốc. 4978. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4979. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4980. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu

thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ukkâsatika3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Ukkâsatika55 là phần thứ ba.

474. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SUMANAVĪJANIYA (Sumanavỹaniyattherâpadãnam) 4981. Tôi đã cầm lấy cây quạt hoa nhài ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Thế Tôn Vipassī và đã quạt mát cội cây Bồ-đề tối thượng. 4982. [Ke từ khi] tôi đã quạt mát cội cây Bồ-đề tối thượng trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc hầu quạt. 4983. Các phiền não của tôi đã được thiêu(tét, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4984. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4985. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão SumanavTjaniya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKỷ sự về Trưởng lão Sumanavīj aniylà phần thứ tu*.

3 Ukkãsatika nghĩa là t4vị liên quan đến 100 (satā)cây đuốc (ụkkã)y 4 Sumanavījaniya nghĩa là 44vị liên quan đến cây quạt (yĩịanã) hoa nhài (sumanà)y

475. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KUMMÃSADÃYAKA {Kummāsadāyakattherāpadānam) 4986. Trong khi bậc Đại An Sĩ Vipassī đang đi tìm kiếm [vật thực], tôi đã nhìn thấy bình bát [của Ngài] trống không và tôi đã đặt đầy sữa đông [ở bình bát]. 4987. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thực trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của sữa đông. 4988. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4989. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4990. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kummāsadāyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Kummãsadâyaka95 là phần thứ năm.

5 Kummâsadãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) sữa đông (kummãsa)y 6 Kusatthadãyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dãyako) tám {atthā)

4997. [Ke từ khi] tôi đã Cling dường đức Phật trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đên khô cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4998. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4999. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5000. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Giripunnāgiya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng

lão Giripunnāgiya55 là phần thứ bảy.

478. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO VALLIKẢRAPHALADÃYAKA (Vallikāraphaladāyakattherāpadānam) 5001. Lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác tên Sumanā đã cư ngụ tại thành phố Takkarã. Tôi đã cam lấy trái cây vallikâra và đã dâng cúng đến đấng Tự Chủ. 5002. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5003. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5004. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5005. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vallikāraphaladāyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy 4íKý sự về Trưởng lão Vallikāraphaladāyakaw là phần thứ tám.

479. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PÃNADHIDÃYAKA (Pānadhidāyakattherāpadānam) 5006. Sau khi đã rời khỏi việc nghỉ ngơi giữa ngày, đức Thế Tôn Anomadassĩ, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Hữu Nhãn đã bước len đường lộ. 5007. Sau khi cầm lấy đoi dép đã được làm khéo léo, tôi đã tiến bước đường xa. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác, vi có ánh nhìn thu hút, đang đi bộ.

7 Girỉpunnâgiya nghĩa là "vj liên quan đến hoa nguyệt quế (punnãgà) mọc ở núi.„ 8 Vallikâraphaladãyaka nghĩa là tcvị dâng cúng (dãyako) trái cây ịphalà) vallikāra.„

5008. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đem đôi dép lại và đặt xuống ở cạnh bàn chân [đức Phật] rồi đã nói lời nói này: 5009. "Bạch bậc Đại Hùng, vị Chúa Của Nhàn Cảnh, đấng Hướng Bạo, xin Ngài hãy bước lên, mong sao mục đích của con được thành tựu là con sẽ đạt được quả báo do việc nAy.” 5010. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã bước lên đôi dép, rồi đã nói lời nói này: 5011. "Người nào được tịnh tín, tự tay mình đã dâng cúng đến Ta đôi dép, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói?5 5012. Nhận biết giọng nói của đức Phật, tất cả chư thiên đã tụ hội lại, với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, có hai tay chắp lên. 5013. "Do việc dâng cúng đôi dép, người này sẽ được sung sướng và sẽ cai quản thiên quôc năm mươi lăm lân. 5014. Và sẽ là đấng Chuyển Luân Vương một ngàn làn. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 5015. Vào vô lượng kiếp về sau này, có bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 5016. Là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ây? là chánh thông, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biêt toàn diện vê tát cả các lậu hoặc và sẽ Niêt- bàn không còn lậu hoặc. r e 5017. Người có phước báu [này] sẽ được sanh lên ở thê giới chư thiên hoặc là loài người, sẽ nhận lãnh chiếc xe tương tợ chiếc xe của chư thiên." 5018. Các tòa lâu dài, các kiệu khiêng, các con voi của tôi là được trang điểm. Các chiếc xe được thắng ngựa giống tốt, luôn hiện hữu cho tôi. 5019. Ngay cả trong khi lìa khỏi gia đình, tôi đã rời khỏi bằng xe ngựa.

Trong khi các sợi tóc đang được cạo, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 5020. Điều lợi ích cho tôi đã được tôi đạt thành một cách tốt đẹp, việc đổi trao đã được gắn liền tốt đẹp. Sau khi dâng cúng một đôi dép, tôi được đạt đến vị thế bất động. 5021. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng đôi dép trước đây vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đôi dép. 5022. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5023. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5024. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

422 KINH TIỂU BÔ

Đại đức Trưởng lão Pānadhidāyaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ^Ký sự về Trưởng lão Pãnadhidãyaka" là phần thứ chín.

480. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PULINACAÑKAMIYA (Pulinacañkamiyattherāpadānam) 5025. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Trong lúc tìm kiếm loài linh dương, tôi đã nhìn thấy con đường kinh hành. 5026. Với tâm tịnh tín, với ý vui mưng, tôi đã ôm cát ở bên hông [bằng vạt y]

9 Pānadhidāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) đôi dép (pãnadhĩ)y Chủ giải giải thích từpãnadhirn là nen được dịch là đôi dep L 448). 10 Pulinacañkamiya nghĩa là liên quan đến đường kinh hành (cankamả) rải cát (pulinà)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 423

XLIX. PHẨM PAMSUKŪLA (PAMSUKŪLAVAGGO)

481. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PAMSUKŪLASAÑÑAKA (Pamsukūlasaññakattherāpadānam) 5031. Đức Thế Tôn, bậc Tự Chủ tên Tissa là nhân vật cao cả. Sau khi cởi ra tấm y may từ vải bi quăng bỏ, đấng Chiến Thắng đã đi vào trú xá. 5032. Sau khi cầm lấy cây cung đã được uốn cong, tôi đã bước đi vì nhu cầu thức ăn. Tôi đã nắm lấy con dao cong và đã đi vào khu rừng rậm. 5033. Khi ấy, tôi đã nhìn thấy tấm y may từ vải bị quăng bỏ được treo ở ngọn cây tại nơi ấy. Tôi đã để cây cung xuống ngay tại nơi ấy và đã chắp tay len ở đầu. 5034. Với tâm hoan hỷ, với ý vui mừng, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng và đã đảnh lễ tấm y may từ vải bị quăng bỏ với niềm phỉ lạc dạt dào. 5035. [Ke từ khi] tôi đã đảnh lễ tấm y may từ vải bị quăng bỏ trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ. 5036. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5037. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5038. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pamsukulasaññaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Pamsukūlasaññaka" là phần thứ nhất

482. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA (Buddhasaññakattherāpadānam) 5039. [Tôi] là vi giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, về tướng mạo, về truyền thống gồm cả văn tự và nghi thức.

1 Pamsukūlasaññaka nghĩa là "vi tưởng nhớ (saññaka) đến tấm y may từ vải bị quăng bỏ (pamsukũlă)y

5040. Lúc bấy giờ, những người học trò đi đến với tôi tợ như làn nước chảy ở dòng sông. Tôi dạy bọn họ vê các chú thuật, đêm ngày không biêng nhác. 5041. Trong khi ấy, đấng Toàn Giác Siddhartha đã hiện khởi ở thế gian. Sau khi xua đi điều tăm tối ấy, Ngài đã vận hành ánh sáng của trí tuệ. 5042. Tôi có người đệ tử nọ, vi ấy đã thuật lại cho các đệ tử của tôi. Khi ấy, sau khi nghe được sự việc này, bọn họ đa nói với tôi rang: 5043. "Bức Phật, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã hiện khởi ở trên đời. Dân chúng đi theo vị ấy9 lợi lộc cho chúng ta sẽ không cím.” 5044. [Tôi đã nói rằng:] "Chu Phật, các bậc Hữu Nhãn có danh vọng lớn lao là những vị hiêm khi hiện khởi. Hay là ta nên nhìn thây đức Phật tôi thượng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian?” 5045. Tôi đã cầm lấy tấm da dê, bộ y phục vỏ cây và túi đựng nước của tôi rồi đã rời khỏi khu ẩn cư. Tôi đã thông báo với các đệ tử rằng: 5046. "Tương tợ như bông hoa của cây odumbara và chú thỏ ở mặt trăng, tương tợ như sữa của các con quạ, chư vị Lãnh Đạo Thế Gian là điều hy hữu. 5047. Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian cũng như [được sanh vào] bản thể nhân loại là điều hy hữu. Và trong khi có được cả hai, việc nghe [giáo pháp] là điều vô cùng hy hữu. 5048. Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian. Này chư vị, chúng ta sẽ nhận được [Pháp] nhãn của chúng ta. Chư vi hãy đên, tát cả chúng ta sẽ đi gặp đang Chánh DangGiac." ” 5049. Khi ấy, tất cả các vị ấy đều mang túi đựng nước, mặc y phục da dê thô xấu, quấn búi tóc rối đã rời khỏi khu rừng. 5050. Những vi tầm cầu mục đích tối thượng [ấy] trong khi nhìn với khoảng cách của cán cày, không còn các vướng bận và sân hận, tợ như những con sư tử không bị hãi sợ. 5051. ít bị bận rộn, không tham lam, cân trọng, có hành vi thanh tịnh, các vị ấy trong khi vừa lo việc kiếm sống vừa đi đến gần đức Phật tối thượng. 5052. Khi chỉ còn một do-tuần rưỡi, có cơn bệnh đã sanh khởi đến tôi. Sau khi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng, tôi đã qua đời ở tại nơi ấy. 5053. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc suy tưởng vê đức Phật. 5054. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5055. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5056. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Buddhasañña2 đã nói lên những lòd kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Buddhasañflaka" là phần thứ nhì.

483. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BHISADÃYAKA (Bhisadãyakattherãpadãnam) 5057. Lúc bấy giờ, tôi đã lội xuống hồ nước đã bị nhiều con voi sử dụng, và vì lý do đói [bụng] tôi [đã] nhô lên củ sen ở tại nơi ây. 5058. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn danh hiệu Padumuttara là vi Phật mặc y màu đỏ [đang] di chuyển ở trên không trung. 5059. Khi ấy, trong khi Ngài đang phất phơ các lá y may từ vải bị quăng bỏ5 toi đã nghe được tiếng động. Trong khi chú ý ở phía bên trên, tôi đã nhìn thấy đấng Lanh Đạo Thế Gian. 5060-61. Trong khi đứng ngay tại nơi ấy, tôi đã thỉnh cầu đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng: “Xin đức Phật, bậc Hữu Nhãn, vì lòng thương tưởng, hãy thọ lãnh mật ong cùng với các củ sen, sữa, bơ lỏng và rễ sen của con.” Do đó, đấng Bi Mẫn, bậc Đạo Sư có danh vọng lớn lao, đã ngự xuống. 5062. Bậc Hữu Nhãn vì lòng thương tưởng đã thọ nhận vật thực của tôi. Sau khi thọ nhận, bậc Toàn Giác đã thực hiện lời tùy hỷ đến tôi rằng: 5063. uNày người có đại phước, mong rằng ngươi được an lạc. Mong rằng cảnh giới tái sanh được thành tựu cho ngươi. Do việc dâng cúng củ sen này, ngươi sẽ đạt được sự an lạc lớn lao.” 5064. Sau khi noi lên điều ấy, đấng Toàn Giác tên Padumuttara, bậc Toàn Giác, đấng Chiến Thắng đã cầm lấy thức ăn rồi đã ra đi bằng đường không trung. 5065. Sau đó, tôi đã cầm lấy củ sen và đã đi về lại khu ẩn cư của mình. Sau khi đã treo củ sen ở trên cây, tôi đã tưởng nhớ lại việc dâng cúng của mình. 5066. Khi ấy, có cơn gió lớn đã nổi lên và đã làm lay chuyển khu rừng. Bầu trời đã gào thét trong lúc sấm sét đang nổ ra. 5067. Sau đó, tia sét đánh xuống đã gián^ vào đâu của tôi. Khi ây9 trong khi bị khuyụ xuống, tôi đây đã lìa đời ở tại nơi ây. 5068. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, tôi đã đi đến cõi trời Đẩu-suất. [Khi] thân thể của tôi bị ngã xuống, tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên. 5069. Có tám mươi sáu ngàn nữ nhân đã được trang điểm, hầu cận sáng tối; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen. 5070. Sau khi đi đến sự sanh ra ở loài người, tôi luôn luôn được sung sướng, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

2 Buddhasañña nghĩa là 4Cvị tưởng nhớ (saññakci) đến đức Phật (buddhā)'

5071. Là người được thương tưởng bởi vị Trời Của Chư Thiên như thế ấy, tôi đã được đoạn tận tát cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa. 5072. Ke từ khi tôi đã dâng cung vật thực trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen. 5073. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5074. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5075. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bhisadâyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Bhisadãyaka^ là phần thứ ba.

484. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀNATTHAVIKA (Ñānatthavikattherāpadānam) 5076. Khu ẩn cư của tôi được xây dựng khéo léo &phía Nam của núi Hy- mã-lạp. Vào lúc bấy giờ, trong khi tầm cầu mục đích toi thượng, tôi cư ngụ ở trong rừng. 5077. Trong lúc tìm

kiếm vị thầy, tôi sống mỗi một mình với rễ và trái cây, hài lòng với việc có hay không có. 5078. Trong khi ấy, đấng Toàn Giác tên Sumedha đã hiện khởi ở thế gian. Trong lúc tiếp độ đám đông dân chúng, Ngài công bố về bốn sự thật. 5079. Tôi không được nghe vê đàng Toàn Giác, cũng không có ai nói với tôi. Khi tám năm đang trôi qua, tôi đã nghe về đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 5080. Sau khi dập tắt củi lửa và quét dọn khu ẩn cư, tôi đã cầm lấy gói vật dụng và đã rời khỏi khu rừng. 5081. Trong khi cư ngụ chỉ một đêm ở các ngôi làng và các khu phố chợ, khi ấy theo tuần tự, tôi đã đi đến gần con sông Candavatĩ. 5082. Vào thời điểm ấy, trong lúc tiếp độ nhiều chúng sanh, đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha thuyết giảng về vi thế bất tử. 5083. Tôi đã vượt qua đám đông người và đã đảnh lễ đấng Chiến Thắng sánh tợ đại dương. Tôi đã khoác tấm da dê một bên vai rồi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng: 5084. "Ngài là đấng Tối Thượng Của Loài Người, là bậc Thầy, là biểu hiệu, là ngọn cờ, là mục đích tối cao, là nơi nương tựa, là sự nâng đỡ, là ngọn đèn của chúng sanh. (Dứt tụng phẩm thứ hai mươi mốt). 3 Bhisadãyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) củ sen (bhisă)y

5085. Bạch bậc Hiền Trí, Ngài là bậc khôn khéo về kiến thức, là đấng Anh Hùng đã giúp cho chúng sanh vượt qua, ở thế gian không có người nào khác là đấng Tiếp Độ, không ai là trội hơn Ngài. 5086. Biên cả vĩ đại hiên nhiên ỉa có thê đo lường băng đâu ngọn cỏ kusa, tuy nhiên bạch đấng Toàn Tri, trí tuệ của Ngài là không thể đo lường được. 5087. Bạch đấng Hữu Nhãn, sau khi đặt trái đất lên đĩa cân là có thể xác định, tuy nhiên sự đo lường trí tuệ của Ngài là không thể có. 5088. Không gian có thể ước lượng bằng sợi dây thừng hoặc bằng ngón tay, tuy nhiên, bạch đang Toàn Tri, giới hạnh của Ngài là không the đo lường. 5089. Bạch đấng Hữu Nhãn, nước ở đại dương, bầu trời và trái đất, những vật này là có thể đo lường, còn Ngài là không thể đo lường.,, 5090. Sau khi đã tán dương đấng Toàn Tri có danh vọng lớn lao bằng sáu câu kệ, khi ấy tôi đã chắp tay lên rồi đứng im lặng. 5091. Người ta nói về người có tuệ bao la, sáng suốt là "Sumedha". Ngài đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này: 5092. "Người nào, được tịnh tín, đã tán duơng trí tuệ của Ta bằng tâm ý của mình, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 5093. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong bảy mươi bảy kiếp, và sẽ là vi Chúa của chư thiên cai quản thiên quôc một ngàn lân. 5094. Và [người này] sẽ là đấng Chuyển Luân Vương hàng trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không the đo lường bằng phương diện tính đếm. 5095. Dầu trở thành vi thiên nhân hay là nhân loại, [người này] được tụ hội với nghiệp phước thiện, sẽ có tuệ sắc bén, tâm tư không bị kém sút. 5096. Vào ba mươi ngàn kiêp [vê sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuât thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 5097. Sau khi lìa khỏi gia đình, [người này] sẽ xuất gia, không còn sở hữu gì, và sẽ chạm đến phẩm vị A-la-hán vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh." 5098. Từ khi tôi nhớ lại bản thân, từ khi tôi đạt được giáo pháp, trong khoảng thời gian này, tôi không biết đến tâm tư không được thích ý. 5099. Tôi đã luân hồi ở tất cả các cõi và đã thọ hưởng đầy đủ, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc ngợi ca trí tuệ. 5100. Ba ngọn lửa [tham, sân, si] của tôi đã được dập tắt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 5101. Ke từ khi tôi đã ngợi ca

trí tuệ trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ngợi ca trí tuệ. 5102. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5103. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5104. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ñānatthavika4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Ñanatthavika^ là phần thứ tư.

485. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CANDANAMÃLIYA (Candanamũliyattherãpadũnam) 5105. Sau khi từ bỏ năm phân dục lạc, các sác yêu quý, các vật thích ý, tôi đã từ bỏ tám mươi koịi và đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 5106. Sau khi xuất gia, tôi đã tránh xa nghiệp ác do thân. Sau khi tư bỏ ác hạnh do khẩu, tôi cư ngụ ở bờ sông. 5107. Trong khi toi đang sống mỗi một mình, đức Phật tối thượng đã đi đến gặp tôi. Tôi không biết về uđức Phậf\ Tôi đã thực hiện việc chào hỏi. 5108. Sau khi thực hiện việc chào hỏi, tôi đã hỏi tên và dòng họ: 'Thải chăng Ngài là thiên thần, là vị càn-thát-bà, hay là Chúa của chư thiên Sakkā? 5109. Ngài là ai? Là con trai của ai? Phải chăng vị Đại Phạm thiên đã đi đến nơi đây? Ngài tỏa sáng tất cả các phương, giống như là mặt trời đang mọc. 5110. Thưa Ngài, một ngàn cây căm bánh xe được thấy ở bàn chân. Ngài là ai? Là con trai của ai? Làm thế nào chúng tôi nhận biết Ngài? Xin Ngài cho biết tên và dòng họ? xin Ngài hãy xua đi nỗi nghi hoặc của tôi.,, 5111. "Ta không phải là thiên thần, không phải là càn-thát-bà, cũng không phải là Chúa của chư thiên Sakkā. Và Ta cũng không có bản thể của Phạm thiên, đối với các vị này Ta là bậc Tối Thượng. 5112. Ta đã vượt lên phạm vi của các vị ấy, Ta đã cắt lìa sự trói buộc của các dục. Sau khi thiêu đốt tất cả các phiền não, Ta đạt đến phẩm vị Toàn giác tối thìợng.” 5113. Sau khi lắng nghe lời nói cua vị ấy, tôi đã nói lời nói này: "Bạch đấng Đại Hiền Trí, nếu Ngài là đức Phật, đấng Toàn Tri, bậc Đoạn Tận Khổ Bau, xin thỉnh Ngài ngồi xuống, tôi sẽ cúng dường Ngài.^, 5114. Tôi đã trải ra tấm da de và tôi đã dâng cúng đến đấng Đạo Sư. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ủ

4 Ñānatthavika nghĩa là ngợi ca (thavikà) về trí tuệ (ñāna)y

5117. Với tâm hoan hỷ, với ý vui mừng, tôi đã thoa trầm hương và đã đảnh lễ bậc Đạo Sư với niềm phỉ lạc dạt dào. 5118. Khi ấy, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha đã ngồi xuống ở tấm da dê. Trong khi làm cho tôi được hoan hỷ, Ngài đã tán dương việc làm của tôi rằng: 5119. "Do cả hai việc dâng cúng trái cây cùng với hương thơm tràng hoa này, [người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong hai trăm năm mươi kiếp, và sẽ trở thành người vận dụng quyền lực với tâm tư không bị sút kém. 5120. [Người này] sẽ đi đến bản thể nhân loại trong hai ngàn sáu trăm kiếp và sẽ trô thành đấng Chuyển Luân Vương có đại thần lực [chinh phục] bốn phương. 5121. Có thành phố tên là

Vebhāra toàn bằng vàng được tô điểm với châu báu các loại sẽ được hóa hiện ra bởi vị thần Vissakamma. 5122. Theo phương cách này đây, người ấy sẽ luân hồi các cõi. Dầu ở bản thể thiên nhân hay nhân loại, [người này] sẽ được tôn vinh ở khắp mọi nơi. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, [người này] sẽ là thân quyến của đấng Phạm thiên.5 5123. Sau khi lìa khỏi gia đình, [người này] sẽ trở thành người không có gia đình, sẽ thông suốt về các thắng trí và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.” 5124. Nói xong điều này, trong lúc tôi đang trầm tư, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha đã ra đi bằng đường không trung. 5125. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 5126. Sau khi mệnh chung từ cõi trời Đâu-suất, tôi đã tái sanh vào bụng mẹ. Khi tôi sống ở trong bào thai, tôi không có thiếu hụt về sự thọ hưởng. 5127. Khi tôi đã ở trong bụng mẹ, do ước muôn của tôi, thức ăn? nước uông và vật thực cho người mẹ được sanh lên theo như ước muốn. 5128. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia, vào đời sống không gia đình. Khi tóc [cạo] được rơi xuống, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 5129. Trong lúc suy tầm về nghiệp quá khứ, tôi đã nhìn thấy không phải là kém cỏi, tôi đã nhớ lại việc làm của tôi trong ba mươi ngàn kiếp. 5130. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Sau khi đi đến với giáo pháp của Ngài, con đã đạt được VỊ thế bất động?9 5131. Ke từ khi tôi đã cúng dường đức Phật trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5132. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5 Nghĩa là sẽ thuộc dòng dõi Bà-la-môn. (ND)

5133. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5134. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Candanamãliya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trường lão Candanamâliya55 là phần thứ năm.

486. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO DHĀTUPŪJAKA (Dhātupūjakattherāpadānam) 5135. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Siddhartha Niết- bàn? tôi đã đưa các thân quyến của tôi đến và tôi đã thực hiện việc cúng dường Xá-lợi. 5136. [Ke từ khi] toi đã cúng dường Xá-lợi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường Xá-lợi. 5137. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5138. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5139. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dhātupūjaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Dhātupujaka" là phần thứ sáu.

487. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PULINUPPẢDAKA (Pulinuppādakattherāpadānam) 5140. ở ngọn núi Hy-mã-lạp, [tôi là] vị đạo sĩ khổ hạnh tên DevaỊa. Con đường kinh hành của tôi ở tại nơi ấy đã được tạo nên bởi các vị phi nhân. 5141. Lúc bấy giờ, [tôi] là vị quấn búi tóc rối, mang tui đựng nước, trong khi tầm cầu mục đích tối thượng, tôi đã rời khỏi khu rừng bao la. 5142. Khi ấy, tám mươi bốn ngàn người đệ tử đã phục vụ tôi. Được sanh ra theo nghiệp của mình, các vị sống ở trong khu rừng bao la. 5143. Sau khi rời khỏi khu ẩn cư, tôi đã tạo nên ngôi bảo tháp bằng cát. Tôi đã gom góp các bông hoa các loại và đã cúng dường ngôi bảo tháp ấy. 5144. ở tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tinh tính, tôi đi vào khu ẩn cư. Tất cả các người đệ tử đã tụ hội lại và đã hỏi tôi về sự việc này:

6 Candanamãliya nghĩa là t4vị liên quan đến trầm hương (candano) và tràng hoa (mãlã)y 7 Dhātupūjaka nghĩa là uvị cúng dường (pūjakd) Xá-lợi (Dhātu)'

5145. "Chúng tôi cũng muốn biết ngài sẽ lễ bái vị thiên thần nào ở ngôi bảo tháp đã được xây dựng bằng cát. Được hỏi, xin ngài hãy giải thích cho chúng toi.,, r 5146. "Các đang Hữu Nhãn có danh vọng lớn lao đã được xác định rõ ở trong câu chú thuật của chúng ta. Đương nhiên, ta lễ bái các vị Phật tối thượng có danh vọng lớn lao ấy." 5147. "Các bậc Đại Hùng, các đấng Toàn Tri, các vi Lãnh Đạo Thế Gian ấy là như thế nào? Màu da thế nào? Giới hạnh thế nào? Các vi có danh vọng lớn lao ấy là như thế no?" 5148. "Chư Phật có ba mươi hai tướng mạo và còn có bốn mươi cái răng. Với lông mi dài như của bò cái tơ, các con mắt của các vị ấy trông giống như trái cam thảo rừng. 5149. Và trong khi bước đi, chư Phật ây chỉ nhìn với khoảng cách của cán cày. Đầu gối của các vị ấy không phát tiếng, âm thanh của các khớp không nghe được. 5150. Và trong khi bước di, các đấng Thiện Thệ bước đi đều nhấc lên bàn chân phải trước tiên; điều này là trạng thái tự nhiên của chư Phật. 5151. Và chư Phật ấy không bị hãi sợ tương tợ như con sư tử, vua của loài thú. Các vi chẳng bao giờ ca tụng bản thân và không khinh miệt các hạng chúng sanh. 5152. Được thoát khỏi sự kiêu ngạo và chê bai, là bình đẳng đối với tất cả sanh linh, chư Phật là những vị không ca tụng chính mình; điều này là trạng thái tự nhiên của chư Phật. 5153. Và trong khi được sanh ra, chư Phật Toàn Giác ấy thị hiện ánh sáng và làm toàn thể trái đất này rung chuyển theo sáu cách. 5154. Và chư vị này nhìn thây địa ngục, khi ây, địa ngục được tiêu diệt, có đám mây lớn đổ mưa; điều này là trạng thái tự nhiên của chư Phật. 5155. Các bậc Long Tượng ấy là như thế, và có danh vọng lớn lao không thể sánh bằng, không bị vượt trội về thể hình, các đấng Như Lai là vô lirợng.” 5156. Tất cả các người đệ tử đã tùy hỷ những lời nói của tôi với sự kính trọng. Và họ đã thực hành theo đúng như thế, tùy theo sức mạnh, tùy theo năng lực. 5157. Trong khi tin tưởng lời nói của tôi, những đệ tử có sự mong mỏi về nghiệp của mình tôn vinh [ngôi bảo tháp] cát với tâm ý hướng về bản thể đức Phật. 5158. Vào lúc bây giờ, vị thiên tử có danh vọng lớn lao, sau khi mệnh chung ở cõi trời Đẩu-suất đã sanh vào bụng mẹ, mười ngàn thế giới đã rung động. 5159. Tôi đã đứng ở đường kinh hành không xa khu ẩn cư. Tất cả các đệ tử đã tụ tập lại và đã đi đến ở bên tôi [hỏi rằng]:

5160. "Trùi đất gầm thét như loài bò mộng, rống lên như loài sư tử, khuấy động như loài cá sấu, sẽ có hậu quả gì dây?" 5161. “Bâng Toàn Giác mà ta tán dương lúc ở gân ngôi bảo tháp băng cát, giờ đây đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư ấy đã nhập vào bụng m§." 5162. Sau khi thực hiện việc giảng pháp cho họ và tán dương bậc Đại Hiền Trí, tôi đã giải tán các đệ tử của mình rồi đã xếp vào thế kiết-già. 5163. Và sức lực của tôi quả nhiên đã cạn kiệt, tôi đã bi bệnh một cách trầm trọng. Tôi đã tưởng nhớ đên đức Phật tôi thượng và đã mệnh chung ở tại nơi ây. 5164. Khi ấy, tất cả các người đệ tử đã tụ hội lại và đã thực hiện giàn hỏa thiêu. Và sau khi cầm lấy thi thể của tôi, họ đã đặt lên giàn hỏa thiêu. 5165. Các vị ấy đã tụ hội lại, vây quanh giàn hỏa thiêu và đã chắp tay lên ở đầu. Bị ưu phiền bởi mũi tên sầu muộn, các vị ấy đã khóc rong lên. 5166. Trong khi các vị ấy đang than vãn, tôi đã đi đến gần giàn hỏa thiêu [nói răng]: uNày các bậc trí tuệ, ta là thây của các ngươi, các ngươi chở có sâu muộn. 5167. Các ngươi hãy nên nỗ lực cho lợi ích của minh, đêm ngày không biếng nhác. Các ngươi chớ trở nên xao lãng, thời khắc của các ngươi đã được xếp âặty 5168. Sau khi chỉ dạy các đệ tử của mình, tôi đã trở lại thế giới chư thiên. Và tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên mười tám kiếp. 5169. Và toi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần, và đã cai quản thiên quốc hàng trăm lần. 5170. Trong những kiếp còn lại, tôi đã luân hồi xen lẫn [ở cõi trời và cõi người], tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cát. 5171. Giống như vào tháng Komudĩ, có nhiều giống cây trổ hoa. Tương tợ y như thế, nhờ bậc Đại Ẩn Si, tôi cũng được trổ hoa vào thời điểm. 5172. Chính sự tinh tấn là có khả năng tiến hành các phận sự, ỉa điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5173. [Ke từ khi] tôi đã tán dương đức Phật trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương. 5174. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5175. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5176. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pulinuppâdaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Puỉinuppãdaka" là phần

5191. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5192. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Taraniya910 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Taraniya^ là phần thứ tám.

489. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMARUCI Ụữhammarucittherũpadãnanỉ) 5193. Vào lúc đức Phật, đấng Chiến Thắng Dīpañkara đã chú nguyện cho [vị ân sĩ] Sumedha răng: “V6 lượng kiêp vê sau, vị này sẽ trở thành đức Phật. 5194. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama. 5195. Sau khi đã ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được, vị này sẽ được giác ngộ ở gốc cội câyAssattha, trở thành bậc Toàn Giác có danh vọng lớn lao. 5196. upatissa và Kolita sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng này. 5197. Khemā và uppalavannā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Citta và luôn cả ÂỊavaka sẽ là hai nam cư sĩ hàng đầu. 5198. Khiyjuttarā và Nandamātā sẽ là hai nữ cư sĩ hàng đầu. Cội Bồ-đề của đấng Chiến Thang này được gọi tên là 'Assattha'."i° 5199. Sau khi nghe được lời nói này của bậc Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại được hoan hỷ, chắp tay lên lễ bái. 5200. Khi ấy, tôi đã là người trai trẻ khéo được học tập tên Meghā. Tôi đã nghe được lời chú nguyện thù thắng của bậc Đại Hiền Trí đến vị Sumedha. 5201. Có được niềm tin với vị Sumedha đầy lòng bi mẫn, trong khi vi anh hùng ấy đang hành hạnh xuất gia, tôi đã cùng xuất gia [với vị ấy]. 5202. Tôi đã thu thúc trong Giới bổn (Pãtimokkha) và ở năm giác quan, có sự nuôi mạng trong sạch, có niệm, là vị anh hùng, là người thực hành lời dạy của đấng Chiến Thắng. 5203. Trong khi đang an trú như thế, do một người bạn xấu xa nào đó, tôi bị xúi giục vào hành vi sai trái và đã đánh mất đạo lộ tốt đẹp. 5204. Là người bị tác động bởi sự suy tầm, tôi đã xa lìa lời giáo huấn. Sau đó? vì người bạn tôi ây, tôi đã phạm vào việc giêt chét người mẹ.

9 Taraniya nghĩa là uvị liên quan đến việc vượt qua (taraụà)y 10 Xem lời chú nguyện đầy đủ ở tập Buddhavamsa (Phật sử), trang...

5205. Tôi đã thực hiện nghiệp vô gián, với tâm ý xấu xa, tôi đã giết chết [người mẹ]. Từ nơi ây chét đi, tôi đã đi đên đại địa ngục Avīci vô cùng khiêp đảm. 5206. Trong khi đang ở chốn đọa dày, bị khổ sở, tôi đã chiu đựng dài lâu. Tôi đã không nhìn thấy vị Anh Hùng Sumedha, bậc Cao Quý Của Loài Ngưòd nữa. 5207. Trong kiếp này, tôi đã là loài cá khổng lồ ở biển cả. Sau khi nhìn thấy con thuyền ở biển khơi, tôi đã đến gần mục tiêu của việc kiếm mồi. 5208. Sau khi nhìn thấy tôi, các người thương buôn kinh sợ đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. Tôi đã nghe tiếng kêu lớn "Gotama" đã được thốt lên p.

bởi những người ây. 5209. Sau khi nhớ lại sự hiêu biêt trước đây, từ nơi ây, tôi đã mệnh chung. Tôi đã được sanh ra trong gia đình sung túc, dòng dõi Bà-la-môn ở thành Sāvatthi. 5210. Có tên là Dhammaruci, tôi đã là người ghê tởm tất cả các điều ác. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã nhìn thấy bậc Quang Đăng Của Thế Gian. 5211. Tôi đã đi đến tu viện Jetavana to lớn và đã xuất gia, vào đời sống không gia đình. Tôi đã đi đến [nương nhờ] đức Phật ba lần vào ban đêm và ban ngày. 5212. Khi ấy, bậc Hiền Trí đã nhìn thấy và đã nói với tôi rằng: uNày Dhammaruci, lâu that?9 Do đó, tôi đã nói với đức Phật về sự việc quá khứ đã xảy ra: 5213. "Thật là lâu lắm, hôm nay con quả nhiên được nhìn thấy hình dáng xinh đẹp của Ngài, thân thể không gì sánh bằng, có một trăm

phước tướng, là vật làm duyên đưa đến Niết-bàn trước đây. 5214. Bạch đấng Đại Hiền Trí, bóng tối đã được Ngài tiêu diệt lâu lắm rồi. Dòng sông [ái dục] đã được làm cho khô cạn nhờ vào sự hộ trì tốt đẹp. Sự ô nhiễm đã được làm trong sạch lâu lắm rồi. Con mắt đã có được cấu tạo bằng trí tuệ. 5215. Bạch đức Gotama, con được gân gũi với Ngài trong thời gian dài, con đã không bị tiêu hoại lần nữa trong khoảng thời gian dài. Hôm nay, con được hội tụ với Ngài lần nữa bởi vì những việc đã làm không bị hoại diet." 5216. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5217. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5218. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dhammaruci đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ký sự về Trưởng lão DhammarucP là phần thứ chín.

490. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAMANDAPIYA (Sālamandapiyattherāpadānam) 5219. Vào lúc ấy, tôi đã đi sâu vào rừng cây sãla. Khu ẩn cư của tôi được xây dựng khéo léo, được phủ lên bởi những bông hoa sãla9 tôi cư ngụ ở khu rừng. 5220. Và đức Thế Tôn Piyadassī, đấng Tự Chủ, là nhân vật cao cả. Có ước muốn độc cu, bậc Toàn Giác đã đi đến khu rừng cây sâla. 5221. Khi ấy, tôi đã rời khỏi khu ẩn cư và đã đi đến khu rừng. Trong khi tìm kiếm rễ và trái cây, tôi đi lang thang ở trong rừng bao la. 5222. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác Piyadassĩ, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao, ngồi vững chãi, thể nhập [định], đang chói sáng ở trong khu rừng lớn. 5223. Tôi đã dựng bốn cây gậy và đã tạo nên mái che, được làm khéo léo ở phía bên trên của đức Phật, rồi đã phủ lên bằng các bông hoa sâla. 5224. Tôi đã cầm giữ mái che được phủ lên bằng bông hoa sâla trong bảy ngày. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ đức Phật tối thượng. 5225. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn đã xuất khỏi đinh. Trong khi nhìn với khoảng cách của cán cày, bậc Tôi Thượng Nhân đã ngôi xuống. 5226. Vị: Thinh văn của bậc , tên là Varuna cùng với một : MĐạo Sư Piyadassĩ M trăm ngàn vi có năng lực đã đi đên gặp đang Hướng Đạo. 5227. Và đức Thế Tôn Piyadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Chiến Thắng sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khiru đã để lộ nụ cười. 5228. Anuruddha, vị thị giả của bậc Đạo Sư Piyadassĩ đã khoác y một bên vai roi đã hỏi bậc Đại Hiên Tri răng: 5229. "Bạch đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư để lộ nụ cười trong khi biết được lý do, vậy nguyên nhân của việc thể hiện nụ cười của bậc Đạo Sư là gi?" 5230. "Ta đã nhớ lại việc làm của người trai trẻ đã cầm giữ mái che bằng bông hoa cho Ta trong bảy ngày, nên Ta đã để lộ nụ cười. 5231. Ta không nhìn thấy khoảng không gian nào dung chứa được phước báu, và không khoảng không gian nào được như ý dầu ở thế giới chư thiên hay nhân loại. 5232. Đối với người có được nghiệp phước thiện đang sinh sống ở thế giới chu thiên, cho đến hội chúng của người ấy sẽ được phủ lên bởi bông hoa sâla. 5233. Tại đó9 trong khi nghiệp phước thiện đã được hội tụ, người ấy sẽ luôn luôn vui sướng với các điệu vũ, các lời ca và các khúc tấu nhạc của thiên đình. 5234. Cho đến hội chúng của người ấy sẽ có được hương thơm hạng nhất. Và sẽ có cơn mưa bông hoa sâla rơi xuống liền khi ấy.

THÁNH NHÂN KÝ sự 437

5235. Mệnh chung từ nơi ấy, người nam này sẽ đi đến cõi nhân loại. Thậm chí ở nơi đây cũng có mái che bằng bông hoa Sâla, được duy trì trong mọi thời điểm. 5236. ở nơi đây, điệu vũ và lời ca được kết hợp với [âm thanh của] chũm chọe, sẽ thường xuyên vây quanh người này; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5237. Và khi mặt trời đang mọc lên, sẽ có cơn mưa bông hoa sãla rơi xuống. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, [bông hoa Sãla] đổ mưa vào mọi thời điểm. 5238. Vào một ngàn tám trăm kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thê gian. 5239. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện ve tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết- bàn không còn lậu hoặc. 5240. Sẽ có mái che bông hoa sâla cho người này khi đang chứng ngộ giáo pháp. Trong khi người này đang được thiêu đốt ở giàn hỏa thiêu, sẽ có mái che ở tại nơi ấy.” 5241. Sau khi tán dương quả thành tựu, trong khi làm hài lòng hội chúng với cơn mưa giáo pháp, bậc Đại Hiền Trí Piyadassĩ đã thuyết giảng giáo pháp. 5242. Tôi đã cai quản thiên quốc của chư thiên trong ba mươi kiếp. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương sáu mươi bảy lần. 5243. Sau khi từ thế giới chư thiên đi đến nơi đây, tôi nhận được sự an lạc lớn lao. Thậm chí ở nơi đây cũng sẽ có mái che bông hoa sâla trong mọi thời điểm. 5244. Sau khi đã làm hài lòng bậc Đại Hiền Trí Gotama, đấng Cao Quý dòng Sakyā, sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động. 5245. Ke từ khi toi đã cúng dường đức Phật trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5246. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5247. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5248. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sālamandapiya đã nói lên những lời kệ này như thế. ĔÍKý sự về Trưởng lão Sālamandapiya^ là phần thứ mười.

438 KINH TIỂU Bộ

Phần tóm lược Tấm y may từ vải bị quăng bỏ? vi tưởng nhớ đến đức Phật, vi dâng cúng củ sen, vị tán dương trí tuệ, vị có trầm hương, vị cúng dường Xá-lợi9 vị tái sanh do cát, vị vượt qua, vi Dhammaruci, vị có mái che bông hoa sâla là tương tợ. Có hai trăm câu kệ và thêm vào mười chín câu nữa. Phẩm Saipsukũla là phẩm thứ năm mươi mốt

THÁNH NHÂN KÝ sự 439

L. PHẨM T ÌNỈÑKANIPUPPHIYA (TIKINKANIPUPPHIY4K4GGƠ)

491. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TIKIÑKANIPUPPHIYA (Tikiñkanipupphiyattherāpadānam) 5249. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, vị không còn ô nhiễm, đấng Lãnh Đạo Thê Gian ngôi ở trong vùng đôi núi, chói sáng tợ như là cây kanikāra. 5250. Tôi đã lấy ra ba bông hoa kiñkani và đã dâng lên [Ngài]. Sau khi đã cúng dường đấng Toàn Giác, tôi đi [nhiễu quanh Ngài], mặt hướng phía phải. 5251. Do

nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý? sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 5252. [Ke từ khi] tôi đã cung dường đức Phật trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5253. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5254. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật toi thượng. 5255. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tikiñkanipupphiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Tikiñkanipupphiya^ là phần thứ nhất.

492. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PAMSUKŪLAPŪJAKA (Pamsukūlapūjakattherāpadānam) 5256. ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Udañgana. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy tấm y may từ vải bi quăng bỏ được treo ở ngọn cây. 5257. Khi ấy, sau khi hái xuống ba bông hoa kiñkani, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã cúng dường [ba bông hoa] đến tấm y may từ vải bi quăng bỏ.*

Tikiñkanipupphiya nghĩa là t4vị liên quan đến ba (tĩ) bông hoa (puppha) kiñkani.^,

5258. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 5259. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh sau khi đã cúng dường đến biểu tượng của bậc A-la-hán [tam y]. 5260. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5261. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5262. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pamsukūlapūj aka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Pamsukūlapūjaka" là phần thứ nhì.

493. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KORANDAPUPPHIYA (Korandapupphiyattherāpadānam) 5263. Trước đây, tôi đã là người thợ rừng cùng với cha và ông. Tôi sinh sống nhờ vào việc giết thú rừng. Điều tốt lành của tôi là không có. 5264. Do lòng thương tưởng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Tissa, bậc Hữu Nhãn đã lưu lại ba [dấu] bàn chân ở xung quanh chỗ cư ngụ của tôi. 5265. Và sau khi nhìn thấy ba [dấu] bàn chân đã đi qua của bậc Đạo Sư tên Tissa, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã làm cho tâm được tinh tín ở [dấu] bàn chân. 5266. Sau khi nhìn thấy cây koranda mọc ở trên đất đã được trổ hoa, tôi đã hái một nhúm [bông hoa] và đã cúng dường ở [dấu] bàn chân tối thượng. 5267. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý9 sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đa đi đến cõi trời Đạo-lợi. 5268. Nơi chốn nào tôi sanh lên, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi có làn da [màu bông hoa] koranda, tôi có được vẻ ngời

sáng. 5269. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường [dấu] bàn chân [đức Phật]. 5270. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

2 Pamsukūlapūjaka nghĩa là cúng dường (pūjaka) tấm y may từ vải bị quăng bỏ ịpamsukũlă)y

5271. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5272. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Korandapupphiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* 66Ký sự về Trưởng lão Korandapupphiya 55 là phần thứ ba.

494. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KIMSUKAPUPPHIYA (Kimsukapupphiyattherāpadānam) 5273. Sau khi nhìn thấy cây kimsuka được trổ hoa, tôi đã chắp tay lên. Sau khi tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng, tôi đã cúng dường ở không trung. 5274. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý? sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đên cõi trời Đạo-lợi. 5275. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5276. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5277. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5278. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kiĩnsukapupphiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Kiipsukapupphiya” là phần thứ tư.

495. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UPADDHADUSSADĀYAKA (Upaddhadussadāyakattherapadānam) 5279. Lúc bấy giờ, vi Thinh văn tên Sujātā của đức ế Tôn Padumuttara, trong lúc tìm kiếm vải bị quăng bỏ, đã đi quanh quẩn ở đống rác. 5280. Là người làm thuê cho những người khác ở trong thành phô Hainsavatī, toi đã dang cung mọt nưa so vải va đa đe đau đanh le [vi ay]. 5281. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 5282. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quôc ba mươi ba lân. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi bảy lần.

3 Korandapupphiya nghĩa là có liên quan đến bông hoa (puppha) koraQda." 4 Kimsukapupphiya nghĩa là có liên quan đến bông hoa (puppha) kimsuka.^,

5283. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Do việc dâng cúng một nửa số vải, tôi được vui vẻ, sự sợ hãi không có. 5284. Và hôm

nay, trong khi mong muốn tôi có thể che phủ [hết thảy] núi non và rừng rậm bang các tam vải sợi lanh; điều này là quả báo của một nửa số vải. 5285. Ke từ khi tôi đã dâng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của một nửa sô vải. 5286. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5287. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5288. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão upaddhadussadāyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Upaddhadussadāyaka" là phần thứ năm.

496. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO GHATAMANDADĀYAKA (Ghatamandadāyakattherāpadānam) 5289. Đã suy nghĩ tận tường, đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã đi vào khu rừng lớn và đã bị hành hạ bởi bệnh gió. Sau khi nhìn thấy, tôi đã làm cho tâm được tinh tín và đã đem lại bơ lỏng nguyên chất. 5290. Do bản thân đã được thực hanh, do bản thân đã được tích lũy [thiện nghiệp], dòng sông Bhāgīrathī này và bốn đại dương tự cung cấp bơ lỏng cho tôi. 5291. Và quả đất kinh khủng, không thể đo luờng, không thể ước lượng này, hiêu biêt được ước muôn của tôi, trở thành tinh thê mật ngọt [cho tôi]. 5292. Từ bốn châu lục, các giống cây này là loài thảo mộc, mọc ở trên đất, hiểu biết được ước muốn của tôi, chúng trở thành những cây như ý [cho tôi]. 5293. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quôc năm mươi lân. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm mươi mót lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 5294. Ke từ khi toi đã dâng cúng vật thí trước đây chùi mươi sáu kiếp, toi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của phần bơ lỏng nguyên chất. 5295. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5 Upaddhadussadāyaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) một nửa (ụpaddhă) số vải.,,

5296. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5297. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ghatamandadāyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* “Ky sự về Trưởng lão Ghatamandadāyaka" là phần thứ sáu.

497. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UDAKADẢYAKA (Udakadāyakattherāpadānam) 5298. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bình nước uống đến hội chúng Tỳ-khưu vô thượng của đức Phật Padumuttara. 5299. Dầu ở trên đỉnh núi hoặc ở ngọn cây, ở trên không trung hoặc ở trên đất liền, khi nào tôi muốn nước uống, [nước uống] hiện ra cho tôi ngay tức khắc. 5300. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng

cúng nước. 5301. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5302. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5303. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Udakadâyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Udakadâyaka" là phần thứ bảy.

498. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PULINATHŨPIYA (Pulinathūpiyattherāpadānam) 5304. ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Yamaka, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập. 5305. [Tôi] là vị đạo sĩ tóc bện tên Nârada có sự khổ hạnh cao tột. Mười bốn ngàn người đệ tử sống quanh tôi. 5306. Lúc bấy giờ, trong khi đang thiền tịnh tôi đã suy nghĩ như vầy: "Tất cả mọi người tôn vinh ta. Ta không tôn vinh bất cứ ai. 5307. Ta không có vị giáo giới, không biết đến bất cứ vị diễn giả nào. Ta đi đến cư ngụ ở trong rừng, không có thầy giáo thọ và thầy tế độ.

6 Ghatamandadāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) bơ lỏng (ghata) nguyên chất (jnandà)y 7 Udakadâyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) nước (ụdakă)y

5308. Đối với ta, không có thầy giáo thọ để ta phục vụ với tâm cung kính, trong lúc kề cận thì sự cư ngụ ở rừng là không có ý nghĩa. 5309. Như thế, ta sẽ tự tìm kiếm vi thầy đáng kính, đáng thọ nhận sự cúng dường của ta. Ta sẽ sống có sự hỗ trợ, không người nào sẽ trách m6c." 5310. Không xa khu ẩn cư của tôi, có con sông nhỏ với bờ nước lúp xúp, có bãi nước cạn khéo được thiết lập? được trải lớp cát vô cùng trong sạch, làm thích ý. 5311. Khi ấy, tôi đã đi đến con sông tên là Amarikâ. Tôi đã gom cát lại và đã thực hiện ngôi bảo tháp bằng cát. 5312. "Những vi nào đã là các bậc Toàn Giác, là những vi Hiền Trí có sự đoạn tận việc tái sanh, ngôi bảo tháp như thế này là dành cho các vi ấy"; tôi đã làm điều ấy trở thành ấn chứng. 5313. Sau khi thực hiện ngôi bảo thápỊ) cát, tôi đã biến hóa thành vàng. Tôi đã cúng dường ba ngàn bông hoa kiñka bằng vàng. 5314. Tràn đầy niềm phấn khởi, tôi chắp tay lên lễ bái sáng chiều. Tôi đã đảnh lễ ngôi bảo tháp cát như là đảnh lễ bậc Tọàn Giác ở trước mặt. 5315. Môi khi các điêu ô nhiêm là các suy tâm vê đời sông tại gia sanh khởi, tôi tưởng nhớ đến đấng Thiện Thệ, đến ngôi bảo tháp, lập tức tôi quán xét lại rằng: 5316. "Thua 6ng, trong khi sống nương vào đấng Hướng Đạo, bậc Xa Phu, sao ông có thể sống chung với các điều ô nhiễm, thật không thích hợp cho ông!55 5317. Lúc bấy giờ, mỗi khi suy tưởng đến ngôi bảo tháp, sự cung kính đã có đến tôi. Tôi đã xua đuổi các suy tầm xấu xa như là con voi bị khổ sở vì cây lao nhọn. 5318. Trong khi đang an trú như thế, vị vua Thần chết đã chế ngự tôi. Mệnh chung ở tại nơi ấy, tôi đã đi đến thế giới Phạm thiên. 5319. Sau khi sống đến hết tuổi thọ, tôi đã sanh ra ở cõi Tam Thập (Đạo- lợi). Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc tám mươi lần. 5320. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 5321. Tôi thọ hưởng quả thành tựu của những bông hoa kiñkani ấy. Trong đời sống, có một trăm ngàn người bảo mẫu ở quanh tôi. 5322. Do bản chất của sự việc đã

được thực hành ở ngôi bảo tháp, bụi bặm và cáu đất không làm nhơ nhuốc, các mồ hôi không tiết ra ở cơ thể, tôi có được vẻ ngời sáng. 5323. Ôi, ngôi bảo tháp đã khéo được xây dựng bởi tôi, con sông Amarikâ đã khéo được nhìn thấy bởi tôi! Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp bằng cát, tôi đạt được vi thế bất động.

THÁNH NHÂN KÝ sự 445

5324. Với người có ước muốn làm việc lành có sự nắm được điều cốt yếu, dầu có thửa ruộng hoặc không có thửa ruộng, việc thực hành đều có kết quả tốt đẹp. 5325. Cũng giống như người nam có sức mạnh nỗ lực để vượt qua biển cả, sau khi cam lay khúc gỗ nhỏ nhoi, có the lao mình vào đại dương [nghĩ rằng]: 5326. "Nương tựa vào khúc gỗ này, ta sẽ vượt qua biển lớn." Với sự nỗ lực và tinh tấn, người nam [ấy] có thể vượt qua biển cả. 5327. Tương tợ y như thế, việc làm đã được thực hiện bởi tôi dầu nhỏ nhoi và bé bỏng, sau khi nương tựa vào việc làm ấy, tôi đã tự mình vượt khỏi luân hồi. 5328. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã được sanh ra trong nhà đại bá hộ vô cùng sang trọng ở thành pho Sāvatthi. 5329. Có niềm tin, mẹ và cha của tôi đã đi đến nương nhờ vào đức Phật. Có sự đạt được [Pháp] nhãn, cả hai người này hành xử thuận theo giáo pháp. 5330. Sau khi nhặt lấy vỏ khô của cội cây Bồ-đề9 họ đã cho xây dựng ngôi bảo tháp bằng vàng. Sáng chiều họ trực tiếp lễ bái người con trai của dòng họ Sakyā. 5331. Vào ngày lê Uposatha, họ đã dời đi ngôi bảo tháp băng vàng. Trong khi tán dương công hạnh của đức Phật, họ đã trải qua ba canh [của đêm]. 5332. Sau khi nhìn thấy ngôi bảo tháp [vàng], tôi đã nhơ lại ngôi bảo tháp bằng cát. Tôi đã ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy và đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Dứt tụng phẩm thứ hai mươi hai.

5333. Trong khi tìm kiếm đấng Chiến Thắng ấy, tôi đã nhìn thấy vị Tướng quân Chánh pháp. Sau khi lìa khỏi gia đình, tôi đã xuất gia trong sự chứng minh cua vi áy. 5334. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm VỊ A-la-hán. Sau khi nhận biết đức hạnh [của tôi], đức Phật, bậc Hữu Nhãn đã cho tu lên bậc trên. 5336.8 [rong khi chỉ là đứa bé trai, tôi đã hoàn thành được công việc. Giờ dây, việc cần phải làm trong giáo pháp của người con trai dòng họ Sakyā đã được tôi thực hiện. 5337. [Tôi trở thành] vị ẩn sĩ đã vượt qua mọi sự hận thù và hãi sợ, đã vượt lên mọi điều trói buộc. "Bạch đấng Đại Hùng, con là Thinh văn của Ngài; điều này là quả báo của bông hoa bằng vàng.^, 5338. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

8 Nguyên bản PãỊi đánh số nhầm, lẽ ra ở đây là số 5335. Nội dung kinh vẫn đầy đủ (BBT).

446 * KINH TIỂU BÔ

5339. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5340. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pulinathũpiya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Pulinathũpiya" là phần thứ tám.

499. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NALAKUTIDĀYAKA (NaḶakuḶidữyakattherãpíidânam) 5341. ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Hârita. Vào lúc bấy giờ, có bậc Tự Chủ tên Nârada đã cư ngụ ở tại gốc cây. 5342. Tôi đã làm gian nhà bằng cây sậy và đã lợp mái bằng cỏ. Tôi đã làm sạch sẽ đường kinh hành và đã dâng cúng đến bậc Tự Chủ. 5343. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 5344. Tại nơi ấy, có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi, có chiều dài sáu mươi do-tuần5 chiều rộng ba mươi do-tuần, đã được hóa hiện ra từ căn chòi bằng cây sậy. 5345. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên mười bốn kiếp. Và tôi đã cai quản thiên quốc bảy mươi mốt lần. 5346. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi bốn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 5347. Sau khi bước lên tòa lâu đài giáo pháp tương đương với mọi biểu hiện cao quý, tôi an trú trong giáo pháp của người con trai dòng họ Sakyā theo như ý thích. 5348. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của căn chòi bằng cây sậy. 5349. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5350. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn5 đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5351. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nalakutidāyaka10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Nalakutidāyaka55 là phần thứ chín. 9 Pulinathữpiya nghĩa là t4vị liên quan đến ngôi bảo tháp (thūpā) bàng cát (pulinà)y 10 Nalakutidāyaka nghĩa là dâng cúng (dãyaka) căn chòi (kỉựi) bằng cây sậy (naịă)y

500. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PIYÃLAPHALADÃYAKA (Piyālaphaladāyakattherāpadānam) 5352. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng. Khi ấy, trong khi đi lang thang ở khu rừng, tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Thông Sướt về Tát Cả Các Pháp. 5353. Được tịnh tín, tôi đã cầm lấy trái cây piyāla và đã tự tay mình dâng cúng đến đức Phật tối thượng, là phước điền, là đấng Anh Hùng. 5354. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5355. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5356. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật toi thượng. 5357. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Piyālaphaladāyaka11 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* 66Ký sự vê Trưởng lão Piyālaphaladāyaka^ là phân thử mười. Phẩm Tikiñkanipupphiya là phẩm thứ năm mươi.

Phần tóm lược Vị có bông hoa kiñkani, y may từ vải bi quăng bỏ, bông hoa koranda, rồi bông hoa kimsuka, vị có một nửa số vải, vị dâng cúng bơ lỏng, vị [dâng cúng] nước, vị

thực hiện ngôi bảo tháp, vị có gian nhà bằng cây sậy là thứ chín và vị dâng cúng trái cây piyâla. Có một tràm câu kệ ngôn và chín câu thêm vào đó.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm: Phẩm Metteyya, phẩm Bhaddâli, luôn cả phẩm Sakimsammajj aka, phẩm Ekavihārī, phẩm Vibhītakī, phẩm Jagati, phẩm Sālapupphiya, phẩm Nalāgāra, phẩm Pamsukūla và phẩm Tikiñkanipupphiya là tương tợ. Có một ngàn bốn trăm tám mươi hai câu kệ. Nhóm “Miròi” tù* phẩm Metteyya. Nhóm wMột trm" thứ năm được đầy đủ.11

11 Pỉyãlaphaladãyaka nghĩa ỉà dâng cúng (dãyako) trái cây (phalà) piyâla."

LL PHẨM KANIKĀRA (KANIKĀRAVAGGO)

501. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TIKANIKÃRAPUPPHIYA (Tikanikārapupphiyattherāpadānam) 5358. Đấng Toàn Giác tên Sumedha có ba mươi hai hảo tướng. Có ước muốn độc cu, đức Thế Tôn đã đi đến núi Hy-mã-lạp. 5359. Sau khi đã đi sâu vào núi Hy-mã-lạp, đấng Bi Man Cao Cả5 bậc Hiền Trí, đấng Tối Thượng Nhân đã xếp chân thế kiết-già rồi ngồi xuống. 5360. Khi ấy, tôi đã là người nắm giữ pháp thuật, là vị du hành ở không trung. Sau khi cầm lấy cây chĩa ba được thực hiện khéo léo, tôi đi ở trên không trung. 5361. Đức Phật chói sáng ở trong khu rừng giống như ngọn lửa ở trên đỉnh núi, tợ như mặt trăng ngày rằm, tợ như cây sãla chúa đã được trổ hoa. 5362. Hào quang của đức Phật vượt ra khỏi chóp đỉnh của khu rừng và tỏa rộng giống như là màu sắc ngọn lửa của cây sậy, sau khi nhìn thấy tôi đã làm cho tâm được tịnh tín. 5363. Trong khi chọn lựa, tôi đã nhìn thấy bông hoa kanikāra có hương thơm của cõi trời. Sau khi cầm lấy ba bông hoa, tôi đã cúng dường đến đức Phật tối thượng. 5364. Khi ấy, do nhờ năng lực của đức Phật, ba bông hoa của tôi [xoay ngược lại] có các cuống hoa ở bên trên và các cánh hoa ở bên dưới, tạo thành bóng râm che cho đức Phật. 5365. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thán nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 5366. Tại nơi ấy, có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi được biết [với tên] là "Kanikārr9, có chiều dài sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần. 5367. [Cung điện] có một ngàn cột trụ chống có màu lục, một trăm mái tròn được trang hoàng với những ngọn cờ. Có một trăm ngàn tháp nhọn đã hiện diện ở cung điện của tôi. 5368. Có những chiếc ghế bành làm bằng vàng, làm bằng ngọc ma-ni và cũng làm bằng hồng ngọc nữa, luôn cả ngọc pha lê [hiện ra] ở bất cứ nơi nào và bất cứ khi nào theo ước muốn.

5369. Và có chiếc giường vô cùng giá trị được trải loại nệm bông gòn có một phần lông rái cá và được gắn liền với chiếc gối. 5370. Khi nào tôi ước muốn việc ra di, thì sau khi rời khỏi nơi cư ngụ và trong lúc thực hiện cuộc du hành cùng với chư thiên, tôi dẫn đầu hội chúng chư thiên. 5371. Tôi đứng, ở phía bên dưới là bông hoa, ở phía bên trên của tôi xung quanh một trăm do-tuần có mái che được phủ bằng các bông hoa kanika. 5372. Có sáu mươi ngàn nhạc công đã phục vụ sáng chiều. Họ thường xuyên vây quanh tôi đêm ngày không biếng nhác. 5373. ở tại nơi ấy, tôi sướng vui với các điệu vũ, các lời

ca, các tiếng chũm chọe và các khúc tấu nhạc, với niềm sướng vui của việc giải trí. Tôi vui thích theo sự mong muốn này, mong muốn khác. 5374. Lúc bấy giờr, ở tại nơi ấy, tôi đã ăn, tôi đã uống, tôi vui thích ở cõi trời Tam Thập. Được gân gũi với các đám nữ nhân, tôi vui thích ở lâu đài tuyệt hảo. 5375. Và tôi đã cai quản thiên quốc năm trăm lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 5376. Trong khi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi nhận lãnh của cải lớn lao, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 5377. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới trong bản thể thiên nhân và loài người, tôi không biết đến cõi tái sanh khác; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 5378. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và luôn cả Bà-la-môn, tôi không biết đến gia tộc hạ tiện; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 5379. về phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, kiệu khiêng và cỗ xe kéo, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5380. về đám tôi trai, bầy tớ gái và các nữ nhân đã được trang điểm, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5381. về y phục làm bằng tơ lụa, bằng sợi len, bằng chỉ lanh và bằng bông vải, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5382. về vải vóc mới, trái cây tươi, thức ăn mới lạ có phẩm vi cao sang, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả bảo của việc cúng dường đức Phật. 5383. "Ngài hãy nhai món này, ngài hãy ăn món này, ngài hãy nằm ở chiếc giường nAy", tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

450 KINH TIÊU BÔ

5384. Tôi được tôn vinh ở tất cả các nơi, danh vọng của tôi được thăng tiến, tôi luôn luôn có phe cánh đông đảo, luôn luôn có hội chúng không bị chia rẽ, tôi là hạng nhát trong sô các quyên thuộc; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5385. Tôi không biết đến sự lạnh [và] sự nóng, sự bực bội không được biết đến. Sự khổ sở thuộc về tâm ở trái tim của tôi không được biết đến. 5386. Sau khi có được làn da màu vàng ròng, tôi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi không biêt đên việc tàn tạ sác thân; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức PhỊt. 5387. Sau khi mệnh chung ở thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã được sanh ra trong nhà đại bá hộ vô cùng sang trọng ở thành phố Sāvatthi. 5388. Sau khi từ bỏ năm phần dục lạc, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 5389. Sau khi nhận biết đức hạnh [của tôi], đức Phật, bậc Hữu Nhãn đã cho tu lên bậc trên, tôi là vi trẻ tuôi xứng đáng được cúng dường; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5390. Thiên nhãn của tôi được thanh tịnh, tôi là thiện xảo về định, đã đạt đến sự toàn hảo về các thắng trí; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5391. Tôi đã thành tựu các pháp phân tích, là vi rành rẽ về các nền tảng của thân thông, đã đạt đên sự toàn hảo vê các pháp; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5392. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5393. Các phiền não của tôi đã được thiêu(tét, tất cả các hữu đã được xóa sạch.

Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5394. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5395. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tikanikārapupphiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í4Ký sự về Trưởng lão Tikanikārapupphiya" là phần thứ nhất.

1 Tikanikārapupphiya nghĩa là uvị liên quan đến ba (tĩ) bông hoa kanikāra.,^

THÁNH NHÂN KÝ sự 451

502. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPATTADÃYAKA (Ekapattadāyakattherāpadānam) 5396. Tôi đã là người thợ làm đồ gốm ở thành phố Hamsavatī. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc. 5397. Tôi đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng bình bát bằng đất sét đã được làm khéo léo. Tôi đã dâng cúng bình bát đến đức Thế Tôn là vị có bản thể chính trực như thế ấy. 5398. Trong khi tôi được sanh ra ở cuộc đời, tôi đạt được các chiếc đĩa vàng và các chiếc chiếu nhỏ bằng bạc, bằng vàng và bằng ngọc ma-ni. 5399. Tôi thọ dụng những cái đĩa, điêu này là quả báo của nghiệp phước thiện. Và tôi có bản chất của bình bát [chứa đựng] các loại danh vọng và các loại tài sản. 5400. Cũng giông như chỉ một ít hạt giông được gieo xuống cánh đông màu mỡ, khi có mưa rào thích hợp đô xuống, kết quả làm hài lòng người nông phu. 5401. Tương tợ y như thế, việc dâng cúng bình bát này được gieo xuống thửa ruộng đức Phật, khi trận mưa rào phỉ lạc đô mưa, két quả sẽ làm tôi hài lòng. 5402. So sánh với các thửa ruộng được biêt đên, ngay cả các hội chúng [Ty-khiru] và luôn cả các tập thể, không có gì sánh bằng thửa ruộng đức Phật là nguồn cung cấp an lạc cho chúng sanh. 5403. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Sau khi dâng cúng một cái bình bát, con đạt được vị thế bát động?5 5404. Ke từ khi tôi đã dâng cung bình bát trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bình bát. 5405. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5406. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5407. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekapattadâyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ekapattadâyaka" là phần thứ nhì.

503. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KẢSUMÃRIPHALADÃYAKA (Kāsumāriphaladāyakattherāpadānam) 5408. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Trưởng Thượng Của 2 Ekapattadãyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) một (ekā) bình bát (pattă)y

452 KINH TIỂU BỔ_____

Thế Gian, đấng Nhân Ngưu ngồi ở trong vùng đồi núi, chói sáng như là cây kanikāra. 5409. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Sau khi cầm lấy trái

cây kāsumārika, tôi đã dâng Cling đến đức Phật tối thượng. 5410. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng Cling trái cây. 5411. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5412. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5413. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kāsumāriphaladāyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Kāsumāriphaladāyaka" là phần thứ ba.

504. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AVATAPHALIYA (Avataphaliyattherāpadānam) 5414. Đức Thế Tôn có ngàn ánh hào quang, đấng Tự Chủ, vị Không Bi Đánh Bại đã xuat ra khỏi sự độc cư và đã ra đi vê việc khát thực. 5415. Có được một nắm trái cây, tôi đã nhìn thấy và đã đi đến gặp đấng Nhân Ngmi. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng Cling trái cây avata. 5416. Ke từ khi toi đã dâng Cling trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng Cling trái cây. 5417. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5418. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5419. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Avataphaliya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Avataphaliya" là phần thứ tư.

3 Kāsumāriphaladāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) trái cây (phalà) kāsumâri.,^

4 Avataphaliya nghĩa là €Cvi liên quan đến trái cây (phaliyà) avaḶa."

THÁNH NHÂN KÝ sự 453

505. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VĀRAPHALIYA (Vāraphaliyattherāpadānam) 5420. Trong lúc đấng Toàn Giác, bậc Có Màu Da Vàng Chói, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang tiến bước ở trên đường, tôi đã dâng cúng trái cây vâra. 5421. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5422. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5423. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiên của đức Phật tôi thượng. 5424. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vâraphaliya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Vãraphaliya55 là phần thứ năm.

506. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MĀTULUÑGAPHALADĀYAKA (Mātuluñgaphaladāyakattherāpadānam) 5425. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian tợ như cây kanikāra được đốt cháy, tợ như mặt trăng ngày rằm, tợ như cây đèn

đang cháy sáng. 5426. Được tinh tín, tôi đã câm lây trái cây chanh và đã tự tay mình dâng cúng đến bậc Đạo Sư, đấng Trí Tuệ xứng đáng cúng dường. 5427. Ke từ khi toi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5428. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5429. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5430. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mātuluñgaphaladāyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. J 64Ký sự về Trưởng lão Mātuluñgaphaladāyaka?, là phần thứ sáu.

5 Vâraphaliya nghĩa là t4vị liên quan đến trái cây (phaliyà) vāra.,, 6 Mātuluñgaphaladāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) trái cây (phaìà) chanh (mātulungà)y

507. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AJELIPHALADAYAKA (Ajeliphaladāyakattherāpadānam) 5431. Vào lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác, đấng Hiền Trí tên Ajjuna, vị hội đủ về hạnh kiểm và thiện xảo về định đã cư ngụ tại núi Hy-mã-lạp. 5432. Sau khi cầm lấy ước chừng một chậu trái cây ạjeli? trái cayjīvajīvaka và trái cây chattapanna, tôi đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư. 5433. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 5434. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5435. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5436. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ajeliphaladāyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 46Ký sự về Trưởng lão Ajeliphaladāyaka" là phần thứ bảy.

508. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AMODAPHALIYA (Amodaphaliyattherāpadānam) 5437. Trong lúc đấng Toàn Giác, bậc Có Màu sắc Vàng Chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang tiến bước ở trên đường, tôi đã dâng cúng trái cây amoda. 5438. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5439. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5440. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5441. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Amodaphaliya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 64Ký sự về Trưởng lão Amodaphaliya" là phần thứ tám.

7 Ajeliphaladāyaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) trái cây (phala) ạjeli.,, 8 Amodaphaliya nghĩa là "vj dâng cúng (dāyaka) ừái cây (phala) amoda.,,

509. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TẢLAPHALADÃYAKA (Tālaphaladāyakattherāpadānam) 5442. Đức Thế Tôn tên Sataranisī, đấng Tự Chủ, vị Không Bị Đánh Bại đã xuất ra khỏi sự độc cư và đã ra đi về việc khất thực. 5443. Có được một nắm trái cây, tôi đã nhìn thấy và đã đi đến gặp đấng Nhân Ngưu. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây thốt nốt. 5444. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5445. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5446. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5447. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tālaphaladāyaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Tãỉaphaladâẏaka" là phần thứ chín.

510. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NĀLIKERADĀYAKA (Nālikeradāyakattherāpadānam) 5448. Vào lúc bấy giờ, là người phụ việc tu viện ở thành phố Bandhumatī, tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang di chuyển ở trên không trung. 5449. Tôi đã cầm lấy trái dừa và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. Bậc Có Danh Vọng Lớn Lao đã thọ lãnh trong khi đứng ở trên hư không. 5450. Trái cây đã được tôi dâng cúng đến đức Phật với tâm ý trong sạch, đối với tôi là nguôn sanh lên niêm hạnh phúc, đưa đên sự an lạc trong thời hiện tại. 5451. Khi ây, tôi đã đạt đên niêm phỉ lạc lớn lao và sự an lạc cùng tột. Khi tôi được sanh ra ở nơi này nơi nọ, châu báu còn hiện lên cho tôi. 5452. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5453. Thiên nhãn của tôi được thanh tinh, tôi thiện xảo về định, đã đạt đến sự toàn hảo về các thắng trí; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5454. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

9 Tālaphaladāyaka nghĩa là "vị dâng cúng (dāyako) trái cây ịphala) thốt nốt (tãlà)y

5455. Quả vậy? tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5456. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nālikeradāyaka10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão NāUkeradāyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Bông hoa kanikāra, một bình bát, vi có trái cây kāsumāri, trái cây avata là tương tợ, và trái cây vâra, trái chanh, trái cây ạjeli? luôn cả trái cây amoda, trái cây thốt nốt, và trái dừa là tương tợ. Các câu kệ đã được tính đếm ở đây là một trăm câu ke,

không có hơn kém. Phẩm Kaọỉkãra là phẩm thứ năm mươi mốt

10 NãỊikeradãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) trói cây (phaỉà) dừa (nâỊikerà)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 457

Ln. PHẨM PHALADẢYAKA (PHALADAY4KAVAGGO)

511. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KURAÑJIYAPHALADĀYAKA (Kurañjiyaphaladāyakattherāpadānam) 5457. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng. Trong lúc đi lang thang ở trong khu rừng, tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp. ” 5458. Được tịnh tín, tôi đã cầm lấy trái cây kurañjiya và đã tự tay mình dâng cúng đến đức Phật tối thượng là phước điền, là đấng Anh Hùng. 5459. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5460. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5461. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5462. Bôn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thăng trí đã được [tôi] đác chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kurafij iyaphaladāyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĔÍKý sự về Trưởng lão Kurañjiyaphaladāyaka" là phần thứ nhất

512. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KAPITTHAPHALADÃYAKA (Kapitthaphaladāyakattherāpadānam) 5463. Trong lúc đấng Toàn Giác, bậc Có Màu Da Vàng Chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang tiến bước ở trên đường, tôi đã dâng cúng trái táo rừng. 5464. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5465. Các phiên não của tôi đã được thiêu đôt9 tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sông không còn lậu hoặc.1

1 Kurañjiyaphaladāyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) trái cây (phala) kurañjiya.^^

458 KINH TIỂU Bộ

5466. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5467. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kapitthaphaladâyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* uKý sự về Trưởng lão Kapitthaphaladâyaka" là phần thứ nhì.

513. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KOSUMBHAPHALADÃYAKA (Kosumbhaphaladāyakattherāpadānam) 5468. Trong lúc vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu, tợ như cây kakudhā đang chói sáng, đang tiến bước ở trên đường, tôi đã dâng cúng trái cây kosumbha. 5469. Ke tò Idii tôi đã dâng cung trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5470. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không

còn lậu hoặc. 5471. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5472. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kosumbhaphaladâyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Kosumbhaphaladãyaka" là phần thứ ba.

514. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KETAKAPUPPHIYA (Ketakapupphiyattherāpadānam) 5473. Đấng Tối Thượng Nhân đã cư ngụ ở bờ của con sông Vinatâ. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, có sự chăm chú, vô cùng định tĩnh. 5474. Khi ấy, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường đến đức Phật tôi thượng với bông hoa của cây ketaka có mùi thơm ngọt ngào. 5475. [Ke từ khi] toi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5476. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

2 Kapitthaphaladâyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) trái cây (phalà) táo rừng.^, 3 Kosumbhaphaladãyaka nghĩa là dâng cúng {dāyako) trái (phalà) kosumbha."

5477. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5478. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ketakapupphiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ketakapupphiya" là phần thứ tư.

515. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NÃGAPUPPHIYA (Nũgapupphiyattherãpadãnam) 5479. Trong lúc đấng Toàn Giác, bậc Có Màu Da Vàng Chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang tiến bước ở trên đường, tôi đã dâng cúng bông hoa nāgā. 5480. [Ke từ khi] tôi đã cung dườïiệ bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5481. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5482. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5483. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nâgapupphiya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Nãgapupphiyaw là phần thứ năm.

516. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AJJUNAPUPPHIYA (Ajjunapupphiyattherāpadānam) 5484. Vào lúc bấy giờ, tôi đã là loài Kim Si điểu ở bên bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại. 5485. Với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi. có tay chăp lên, tôi đã câm lây bông hoa ajjuna và đã cúng dường đên đang Tự Chủ. 5486. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân Kim Si điểu, tôi đã đi đến cối trời

Đạo-lợi. 5487. Và tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần. Tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương cai quản vương quốc rộng lớn mười làn. 5488. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằnệ phương diện tính đếm. ôi, hạt giống của tôi đã được gieo xuống thửa ruộng tót là đấng Tự Chủ! •

4 Ketakapupphiya nghĩa là t4vị liên quan đến bông hoa (puppha) ketaka." 5 Nãgapupphiya nghĩa là 4tvị liên quan đến bông hoa (puppha) nāgā.”

5489. Tôi tìm thấy điều tốt lành, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Giờ đây, tôi là vị xứng đáng sự cúng dường trong giáo pháp của người con trai dòng Sakyā. 5490. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5491. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5492. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ajjunapupphiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Ajjunapupphiya” là phần thứ sáu.

517. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KUTAJAPUPPHIYA (Kutajapupphiyattherūpadānam) 5493. ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Cãvala. Đức Phật tên Sudassana cư ngụ ở trong vùng đồi núi. 5494. Tôi đã cầm lấy bông hoa ở các ngọn núi Hy-mã-lạp rồi đã đi trên không trung. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc. 5495. Sau khi cầm lấy bông hoa kutạja5 toi đã chắp tay lên ở dầu, và tôi đã dâng lên đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Đại Hiền Trí. 5496. [Ke từ khi] toi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 5497. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5498. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5499. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kutajapupphiya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Kutajapupphiya59 là phần thứ bảy.

6 Ajjunapupphiya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa ịpuppha) ạjjuna." 7 Kutạịapupphiya nghĩa là 44vị liên quan đến bông hoa (pupphă) kutạja."

518. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO GHOSASAÑÑAKA (Ghosasaññakattherāpadānam) 5500-01. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở khu rừng hoang rậm. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, đứng đầu hội chúng chư thiên đang công bố về bốn sự thật, đang thuyết giảng về vi thế bất tử. Tôi đã lắng nghe giáo pháp ngọt ngào của đức Sikhī là đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian. 5502. Tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở âm vang [của đức Phật], ở nhân vật không người sánh bằng. Tại nơi ấy, sau khi

làm cho tâm được tinh tín, tôi đã vượt qua cảnh giới khó có thể vượt qua. 5503. Ke từ khi tôi đã đạt được sự nhận biết trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc nhận biết âm vang. 5504. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5505. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5504. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ghosasaflñaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Ghosasañña" là phần thứ tám.

519. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SABBAPHALADÃYAKA (Sabbaphaladũyakattherãpadãnam) 5505. Lúc bấy giờ, tôi là vi Bà-la-môn tên Varuna thông suốt về chú thuật. Tôi đã lìa bỏ mười người con trai và đã đi sâu vào khu rừng. 5506. Tôi đã tạo lập khu ân cư khéo được xây dựng, khéo được phân chia, làm thích ý. Sau khi làm nên gian nhà rộng bang lá, tôi song ở trong khu rừng. 5507. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, có ý định tiếp độ tôi, Ngài đã đi đến khu ẩn cư của tôi. 5508. Ánh sáng đã trở thành bao la đến tận lùm cây rậm của khu rừng. Khi ấy, do nhờ năng lực của đức Phật, khu rưng được phát sáng. 5509. Sau khi nhìn thấy điều kỳ diệu ấy của đức Phật tối thượng như thế ấy, tôi đã cầm lấy túi đựng bình bát và đã chứa đầy với trái cây. 5510. Tôi đã đi đến gặp bậc Toàn Giác và đã dâng cúng túi trái cây. Vì lòng thương tưởng đến tôi, đức Phật đã nói lời nói này: 5511. "Ngươi hãy cầm lấy túi nặng [trái cây] và đi đến ở phía sau Ta. Và khi hội chúng đã thọ dụng, phước báu sẽ thành tựu cho nguôi."

8 Ghosasañña nghĩa là <Ếvị nhận biết (saññakci) âm vang (ghosa)y

5512. Tôi đã cầm lấy cái túi ấy và đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu. ở tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất. 5513. Được liên kết với nghiệp phước thiện, ở tại nơi ấy, tôi luôn luôn thọ hưởng sự sung sướng với các điệu vũ, các lời ca và các khúc tấu nhạc của cõi trời. 5514. Nơi chốn nào tôi sanh lên, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi không có sự thiêu hụt vê của cải; điêu này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5515. Sau khi dâng cúng trái cây đến đức Phật, tôi đã được thiết lập làm vị chúa tể cho đến tận bốn châu lục, luôn cả các đại dương và các ngọn núi nữa. 5516. Và đối với tôi, ngay cả các bầy chim bay lên ở không trung, chung cũng đi đến chịu sự điều khiển của tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5517. Và cho đến các loài chúng sanh như các dạ-xoa, các loài quỷ sứ? các vi thiên nhân kumbhanda, và các loài nhân điểu ở lùm cây rậm của khu rừng cũng đi đến phục vụ cho tôi. 5518. Loài rùa, loài chó, loài ong và cả hai loài mòng muỗi, chúng cũng đi đến chịu sự điều khiển của tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5519. Các loài chim gọi là thần điểu, thuộc loài có cánh, có sức mạnh lớn lao, chúng cũng đi đến nương nhờ ở tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5520. Ngay cả các loài rồng có tuổi thọ dài lâu, có thần lực, có danh vọng lớn lao, chúng cũng đi đến chịu sự

điều khiển của tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5521. Loài sư tử, loài cọp, loài báo, cùng các loài gấu, chó sói và linh cẩu, chúng cũng đi đến chịu sự điều khiển của tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5522. Các vị sống bằng cỏ thần dược và các vị sống ở trên không trung, tất cả đi đen nương nhờ ở tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5523. Sau khi chạm đến đối tượng [Niết-bàn] khó được nhìn thấy, vô cùng hoàn hảo, thâm sâu, khéo được chói sáng, tôi an trú; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5524. Sau khi chạm đến tám giải thoát, tôi sống không còn lậu hoặc. Và tôi là người có sự nhiệt tâm, cân trọng; điêu này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5525. Những vị nào là con trai của đức Phật đã trú vào Thánh quả, có sân hận đã được cạn kiệt, có danh vọng lớn lao, tôi đã là một vị nữa trong số những vị ấy; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5526. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi đi đến sự toàn hảo về

các thắng trí, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 5527. Những vị nào là con trai của đức Phật có được tam minh, đã đạt đến thần thông, có danh vọng lớn lao, đã chứng đạt thiên nhĩ, tôi đã là một vị nữa trong số những vị ấy. 5528. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5529. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cát đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sông không còn lậu hoặc. 5530. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5531. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sabbaphaladãyaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Sabbaphaladãyaka" là phần thứ chín.

520. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PADUMADHẢRAKA (Padumadhārakattherāpadānam) 5532. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Romasa. Khi ấy, cũng có đức Phật tên là Sambhavaṃ đã sống ở ngoài trời. 5533. Sau khi rời khỏi nơi cư ngụ, tôi đã năm giữ đóa hoa sen. Sau khi năm giữ [đóa hoa sen] trong một ngày, tôi đã quay trở vê nơi cư ngụ. 5534. [Ke từ khi] toi đã tôn vinh đức Phật trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tôn vinh đức Phật. 5535. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5536. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5537. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Padumadhâraka10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Padumadhãraka" là phần thứ mười.

9 Sabbaphaladâyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) tất cả (sabbā) trái cây (phalà)y 10 Padumadhãraka nghĩa là nắm giữ (dhãraka) đóa hoa sen (padumà)y

Phần tóm lược Trái cây kurañjiya, trái táo rừng, trái cây kosumbha, và bông hoa của cây ketaka, bông hoa nāgā, bông hoa ajjuna, luôn cả vị có bông hoa kutaja, vi nhận biết âm vang, và vi trưởng lão là người dâng cúng tất cả trái cây, vị nắm giữ đóa hoa sen là tương tợ. Và ở đây, có tám mươi câu kệ và có ba câu kệ được thêm vào đó. Phẩm Phaladāyaka là phẩm thứ năm mươi hai.

THÁNH NHÂN KÝ sự 465

Lm. PHẨM TINADĀYAKA {JINADĀYAKAVAGGO)

521. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TINAMUTTHIDĀYAKA (Tinamutthidāyakattherāpadānam) 5538. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Lambaka. ở tại nơi ấy, đấng Toàn Giác Upatissa đã đi kinh hành ở ngoài trời. 5539. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở khu rừng hoang rậm. Sau khi nhìn thấy vi Trời Của Chư Thiên ấy, tôi đã dâng cúng nắm cỏ. 5540. Sau khi dâng cúng vật để lót ngồi đến đức Phật, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã ra di, mặt hướng về phía Bắc. 5541. Khi đã ra đi không bao lâu, vua của loài thú đã sát hại tôi. Trong khi ngã xuống vì con sư tử, tôi đã lìa đời ở tại nơi ấy. 5542. [Do] nghiệp đã được tôi thực hiện đến đức Phật tối thượng, bậc Không Còn Lậu Hoặc vừa mới đây, tôi đã đi đến thế giới của chư thiên tợ như tốc độ của mũi tên đã khéo được ban ra. 5543. ở tại nơi ấy, có tòa lâu đài xinh đẹp đã được hiện ra do nghiệp phước thiện. [Tòa lâu đài] có một ngàn cột trụ chông màu lục, có một trăm mái tròn được trang hoàng với những ngọn cờ. 5544. Ánh sáng của tòa lâu đài tỏa ra tợ như mặt trời đã mọc lên. Được quây quần với các nàng tiên nữ, tôi vui thích theo sự mong muốn này, mong muôn khác. 5545. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã đi đến bản thể nhân loại và đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc. 5546. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng vật lót ngồi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nắm cỏ. 5547. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5548. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5549. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

466 KINH TIỂU BÔ

Đại đức Trưởng lão Tinamutthidāyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Tinamutthidayaka99 là phần thứ nhất

522. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MAÑCADĀYAKA (Mañcadāyakattherāpadānam) 5550. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng một cái giường đến đức Thế Tôn Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. 5551. Tôi đã đạt được phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, phương tiện di chuyển của cõi trời. Do nhờ sự dâng cúng cái giường ây, tôi đã đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc. 5552. [Kê từ khi] tôi đã dâng cúng cái giường trước đây chín mươi môt kiếp, tôi không còn

biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cái giường. 5553. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5554. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5555. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mañcadāyaka12 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Mañcadāyaka55 là phần thứ nhì.

523. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SARANAGAMANIYA (Saranagamaniyattherāpadānam) 5556. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu và tôi là đạo sĩ lõa thể đã bước lên chiếc thuyền. Trong khi chiếc thuyền đang bị vỡ tan, vị Tỳ-khưu đã ban cho tôi sự nương nhờ [quy y].3 5557. £ [Ke từ khi] vị ấy ' đãr ban cho tôi sự nương nhờ trước đây ba mươi 9 r môt kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; [đây] là quả báo trong việc đi đen nương nhờ. 5558. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

1 Tinamutthidāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) nắm (mutthi) cỏ (tina)y 2 Mañcadāyaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) cái giường (mañca)y 3 Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Saranagamaniya, số 359, trang 279.

5559. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5560. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saranagamaniya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Saranagamaniya" là phần thứ ba.

524. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ABBHAÑJANADĀYAKA (A bbhañjanadāyakattherāpadānam) 5561. Vào lúc bấy giờ, tôi cư ngụ ở vườn hoa của đức vua ở trong thành phố Bandhumatī. Tôi đã là vi mặc y phục da thú có mang túi đựng nước. 5562. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng Tự Chủ ấy, bậc Không Bi Đánh Bại, có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, có thiền chứng, thỏa thích về thiền, có năng lực. 5563. Ngài được thành tựu về mọi dục lạc, đã vượt qua dòng lũ, không còn lậu hoặc. Sau khi nhìn thấy, được tịnh tín, tôi đã dâng cúng dầu thoa với ý vui mừng. 5564. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của dầu thoa. 5565. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi song không còn lậu hoặc. 5566. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5567. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Abbhañj anadāyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy “Ký sự về Trưởng lão

Abbhañjanadāyaka" là phần thứ tư.

525. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUPATADÃYAKA (Supatadāyakattherāpadānam) 5568. Lúc đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī đang đi ra sau việc nghỉ ngơi giữa ngày, tôi đã dâng cúng tấm vải đẹp và nhẹ. Tôi đã vui thích ở cõi trời một kiếp. 5569. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng tấm vải đẹp trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm vải đẹp.

4 Saranagamaniya nghĩa là uvị liên quan đến việc đi đến (gamanà) nương nhờ (sarana)y 5 A bbhañjanadāyaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) dầu thoa (abbhaĩyanà)y

5570. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5571. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5572. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Supatadāyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Supatadãyaka" là phần thứ năm.

526. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO DANDADĀYAKA (Dandadāyakattherāpadānam) 5573. Vào lúc bấy giờ, tôi đã đi vào khu rừng rậm và đã đốn cây tre. Sau khi thực hiện cây gậy chống, tôi đã dâng cúng đến hội chúng. 5574. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã đảnh lễ các vị có sự hành trì tốt đẹp. Sau khi dâng cúng cây gậy chống, tôi đã ra đi mặt hướng về phía Bắc. 5575. Ke tò i tôi đã dâng cung cây gậy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây gậy. 5576. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5577. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5578. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dandadāyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trường lão Daọdadãyaka" là phần thứ sáu. (Dứt tụng phẩm thứ hai mươĩ ba).

527. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GIRINELAPŪJAKA (Girinelapūjakattherāpadānam) 5579. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng. Trong khi lang thang ở trong khu rừng, tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp. " J 5580. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bông hoa nelā ở đấng Đại Bi ấy, là bậc vui thích về các sự lợi ích cho tất cả chúng sanh.

6 Supatadāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) tấm vải đẹp (supată)y 7 Dandadāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) cây gậy (dandd)y

5581. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc Cling dường đức Phật. 5582. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5583. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5584. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Girinelapūjaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Girinelapũjakaw là phần thứ bảy.

528. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BODHISAMMAJJAKA (BodhisammạiịakattherãpadãnaìỊi) 5585. Trong thời quá khứ, tôi đã hốt lá cây Bồ-đề bị rơi rụng ở sân của ngôi bảo tháp và đã đem đi đổ. Tôi đã thọ lãnh hai mươi phần công đức: 5586. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, do nhờ oai lực của nghiệp ấy, tôi luân hồi ở hai cõi, ở bản thể thiên nhân và luôn cả ở loài người nữa. 5587. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, tôi đã đi đến cõi nhân loại. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và luôn cả Bà-la-môn nữa. 5588. Tôi có sắc đẹp, sạch sẽ, được đầy đủ các bộ phận cơ thể chính và phụ, thân hình được phát triển, có cơ thể toàn vẹn, không khiếm khuyết. 5589. Dâu được sanh ra ở thê giới chư thiên hay nhân loại, hoặc ở bát cứ nơi dâu, tôi đều có màu da vàng chói tương tợ như vàng kim loại được đốt nóng. 5590. Khi lá cây Bồ-đề được đổ bỏ tốt đẹp, tôi luôn luôn có được làn da mềm mại, mịn màng, láng lẩy, tinh tế và thanh nhã. 5591. Khi thân thể đã được sanh lên ở bất cứ nơi nào trong số các cõi, bụi bặm và cáu đất không làm dơ bẩn [thân thể], là quả thành tựu do việc đổ bỏ lá. 5592. Hơn nữa, lúc nóng bức, có gió nóng, hoặc do sức nóng của ngọn lửa, các mồ hôi không tiết ra ở cơ thể của tôi, là quả thành tựu cho việc đổ bỏ lá. 5593. Bệnh cùi, bệnh mụt nhọt, bệnh chàm, tàn nhang, và tương tợ là mụn trứng cá và bệnh ngứa không có ở cơ thể, là quả thành tựu cho việc đổ bỏ lá. 5594. Tôi đây còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, các tật bệnh không có ở cơ thể, là quả thành tựu cho việc đổ bỏ lá. 5595. Toi đây còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, sự bị ức chế không sanh lên ở tâm, là quả thành tựu cho việc đổ bỏ lá.

8 Girinelapūjaka nghĩa là 4ívị cúng dường (pūjaka) bông hoa nelā ở núi (giZ)."

5596. Tôi đây còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, không có các kẻ thù, là quả thành tựu cho việc đổ bỏ lá. 5597. Tôi đay còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, có sự không thiếu hụt ve của cải, là quả thành tựu cho việc đo bỏ lá. 5598. Tôi đây còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, không có sự sợ hãi đối với lửa, đối với các vị vua, đối với các kẻ cướp và khi ở trong nước. 5599. Tôi đây còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, các tôi trai tớ gái là những người hầu cận, xử sự thuận theo tâm ý [tôi]. 5600. Khi sanh lên ở cõi nhân loại, tuổi thọ không bị giảm thiểu so với khoảng thời gian của đời người, tôi ton tại đen hết tuổi thọ. 5601. Những người ở bên trong, những người ở bên ngoài, các thi dân và những cư dân của xứ sở, những người ước ao sự tiến hóa, những người

mong mỏi sự an lạc, tất cả đều gắn bó [với tôi]. 5602. Tôi có của cải, có danh vọng, có sự vinh quang, có phe nhóm quyến thuộc. Tôi có sự hãi sợ và run rẩy được xa lìa, tôi có được tất cả. 5603. Chư thiên, loài người, các hạng a-tu-la9 các càn-thát-bà9 các dạ-xoa và quỷ sứ, tất cả các hạng ấy luôn luôn hộ trì tôi trong khi tôi luân hồi ở các cõi. 5604. Sau khi thọ hưởng các danh vọng cả hai nơi, ở thế giới chư thiên và nhân loại, cuối cùng tôi được đạt đến Niết-bàn vinh quang vô thượng. 5605. Người nam nào tích lũy phước báu có liên quan đến bậc Toàn Giác hoặc cội Bồ-đề của bậc Đạo Sư ấy, đối với người ấy, có điều gì gọi là khó đạt được. 5606. Sau khi vượt trội những người khác vê đạo, vê quả, vê sự truyên thừa, về các đức hạnh của thiền và các thắng trí, tôi Niết-bàn không còn lậu hoặc. 5607. Trước đây, sau khi đổ bỏ lá của cội cây Bồ-đề với tâm ý vui mừng, tôi luôn luôn được sở hữu với hai mươi yếu to này. 5608. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi song không còn lậu hoặc. 5609. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5610. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bodhisammajjaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. aKý sự về Trưởng lão Bodhisammajjaka" là phần thứ tám.

9 Bodhisammajjaka nghĩa là quét dọn (sammcyjaka) ở cội cây Bồ-đề (bodhi)'

529. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ĀMANDAPHALADĀYAKA (Āmandaphaladāyakattherāpadānam) 5611. Sau khi xuất khỏi định, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp, vi Lãnh Đạo Thế Gian đã đi kinh hành. 5612. Khi ấy, tôi đã cầm lấy túi nặng trái cây và trong lúc mang đi, tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Đại Hiên Trí đang đi kinh hành. 5613. Với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã dâng cúng trái cây āmanda. 5614. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của [việc dâng cúng] trái cây āmanda. 5615. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5616. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5617. Bôn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thăng trí đã được [tôi] đác chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Āmandaphaladāyaka10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Āmandaphaladāyaka" là phần thứ chín.

530. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SUGANDHA (Sugandhattherãpadãnam) 5618. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đang cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dối có danh tiêng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. 5619. Ngài có đầy đủ các tướng phụ, ba mươi hai hảo tướng, được bao quanh bởi quầng ánh sáng, được hội tụ lại với mạng lưới hào quang. 5620. Là người

làm cho thoải mái giông như mặt trăng, là nguôn tạo ra ánh sáng tợ như mặt trời, là người dập tắt [lửa phiền não] giống như cơn mưa, là biểu hiện của đức hạnh tợ như biển cả. 5621. Với giới tợ như trái đất, với định như là núi Hy-mã-lạp5 với tuệ ví như bầu trời, không bị dính mắc giống như làn gió. 5622. Có lần nọ? bậc Đại Anh Hùng ấy, vị có sự tự tin ở nơi các hội chúng, trong khi đang tiếp độ đám đông dân chúng, Ngài đã công bố về các sự thật. 5623. Chính vào lúc ấy, tôi đã là con trai nhà triệu phú ở tại thành Bārānasī có danh vọng lớn lao. Khi ấy, tôi có được dồi dào về tài sản và lúa gạo.

10 Āmandaphaladāyaka nghĩa là 4tvị dâng cúng (dāyako) trái cây (phaỉa) āmanda.,,

5624. Trong Idii lang thang đi bách bộ, tôi đã đến gần Vườn Nai (Lộc Uyển) và tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang thuyết giảng về VỊ thế bát tử. 5625. Với giọng nói thân mật, vui vẻ, có âm điệu sánh bằng chim Karavīkā, có âm vang như tiếng kêu của loài thiên nga, Ngài đang làm cho đám đông dân chúng hiểu rõ. 5626. Tôi đã nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên và đã lắng nghe giọng nói n^ọt ngào. Sau khi dứt bỏ các của cải không phải là ít, tôi đã xuất gia vào đời sông không gia đình. 5627. Được xuất gia như vậy? tôi đã được nghe nhiều, và không bao lâu, tôi đã trở thành vị Pháp sư, có tài biện giải về nhiều mặt. 5628. Có sự tự tin về màu sắc, với tâm vui mừng, tôi đã tán dương lặp đi lặp lại về màu sắc của màu da vàng chói ở giữa đại chúng: 5629. "Dức Phật này có lậu hoặc đã được cạn kiệt, không còn phiền muộn, hoài nghi đã được chặt đứt, đã đạt đến sự đoạn tận tất cả các nghiệp, đã được giải thoát về sự đoạn tận các mầm mống tái sanh. 5630. Vị này đây là đức Thế Tôn, là đức Phật, là loài sư tử không gì vượt trội, là bậc chuyển vận bánh xe Phạm hạnh của thế gian luôn cả chư thiên. 5631. Đã được rèn luyện, Ngài là vị giúp cho đại chúng rèn luyện. Là bậc an tịnh và là vị ẩn sĩ đã Niết-bàn, Ngài hướng dẫn đại chúng Niết-bàn. Đã được tự tại, Ngài giúp cho đại chúng được tự tại. 5632. Đấng Chiến Thắng ấy là bậc anh hùng, là người dũng cảm, là vi khôn ngoan, là bậc trí tuệ, là vi có lòng bi mẫn, là bậc có năng lực, là người thắng trận, không thô tháo, không còn quyến luyến. 5633. Đấng Hiền Trí là không có dục vọng, không dao động, khôn ngoan, không mê mờ? không thể sánh bằng, có thể gánh vác trọng trách, là loài bò mộng, là loài voi, là loài sư tử, và còn là vi có khả năng trong số các bậc thầy nữa. 5634. Là vị Trời Phạm thiên, là vi anh hùnệ vê thuyêt giảng, vị không còn tham ái, không còn ô nhiễm, dứt bỏ sự ham muốn, không nhẫn tâm, lìa sau kho, không ai sánh bằng, thu thúc và trong sạch. 5635. Là người Bà-la-môn, là vi Sa-môn9 là người bảo hộ? là người thầy thuốc, là người phẫu thuật, là người chiến sĩ, là bậc đã giác ngộ, là nẹười con trai đã lang nghe, là người không dao động, là người được trào dâng niềm hoan hỷ. 5636. Là người thiết lập, là người duy trì, là người phá hủy, là người thực hiện, là người hướng dẫn, là người giảnệ giải, là người làm cho hoan hỷ, là người đập vỡ, là người cắt đứt, là người lăng nghe, là người khen ngợi. 5637. Ngài là vị không nhẫn tâm, lìa sầu khổ, không còn phiền muộn, không có hoài nghi, không dục vọng, không vướng bụi trần, là người kham nhẫn, là người ra đi, là vi diễn giả, là người giảng giải. 5638. Là người giúp cho vượt qua, là người làm cho tiến bộ, là người bảo

làm, là người mở tung ra, là người dẫn đi, là người chiu đựng, là người tiêu diệt, là người phá hủy, là vị khổ hạnh có sự nhiệt tâm. 5639. Có tâm bình lặng, hoàn toàn an tịnh, không bạn đồng hành, đầy lòng trắc ân, là chúng sanh kỳ diệu, không lừa đảo, là người đã hoàn tất, là vi ẩn sĩ thứ bảy. 5640. Là đang Chiên Thăng đã vượt qua sự hoài nghi, không còn ngã mạn, không thể đo lường, không thể so sánh, đã vượt trên mọi phương thức khen chê, người đã đi đến tận cùng về các sự thật và các điều cần hiểu biêt. 5641. Niềm tịnh tín ở con người có phẩm chất cao quý ấy đưa đến bất tử. Vì thế, niềm tin ở đức Phật, ở giáo pháp và ở hội chúng là có sự thành tựu lớn lao." 5642. Trong khi tán dương bậc nương nhờ tối thượng của tam giới với những đức hạnh, v.v... như thế, tôi đã thực hiện việc thuyết giảng giáo pháp ở giữa các hội chúng. 5643. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã thọ hưởng sự an lạc lớn lao ở cõi trời Đẩu- suất. Mệnh chung từ nơi ấy, được sanh lên ở giữa loài người, tôi là người có hương thơm ngạt ngào. 5644. Tôi có hơi thở và hương thơm ở miệng, có hương thơm ở cơ thể tương tợ y như thế, và có hương thơm của mồ hôi một cách liên tục. Các hương thơm này vượt trội mọi thứ hương thơm. 5645. Hương thơm ở miệng của tôi luôn luôn có mùi thơm của hoa sen, hoa súng và hoa campaka. Và trong lúc đang thuyết trình, cơ thể của tôi luôn luôn tỏa ra mùi thơm tương tợ như ứiế ấy. 5646. Và tát cả quả báo ây của việc ngợi ca vê đức hạnh là kỳ diệu bậc nhát. Xin tát cả các vị hãy lăng nghe tôi với tâm ý chăm chú, tôi sẽ giảng giải toàn bộ. 5647. Sau khi nói về hạnh lành của đức Phật, vì lợi ích cho các sự gắn bó của loài người, tôi được sung sướng ở khắp mọi nơi, được sở hữu hai loại tài sản có tính chát luân chuyên. 5648. Tôi có danh vọng, được sung sướng, dễ mến, thông minh, có vẻ nhìn đáng yêu, là vị diễn giả không bi chê bai, không khuyết điểm và có trí tuệ như thế. 5649. Khi tuổi thọ được can kiệt, Niết-bàn là điều dễ dàng đạt được đối với những người có sự tận tụy đối với đức Phật. Tôi sẽ trình bày về nguyên nhân của họ, xin các vị hãy lắng nghe điều ấy đúng theo thực thể. 5650. Trong lúc tôi đang đảnh lễ sự an tinh va oai lực của đức Thế Tôn đúng theo phương pháp; do việc đó, cho dù sanh lên ở bất cứ dâu, tôi đều có danh vọng. 5651. Trong lúc tán dương đức Phật là bậc Đoạn Tận Khổ Bau, giáo pháp là an tịnh không tạo tác, tôi đã là người ban phát sự an lạc đến chúng sanh; do đó tôi được an lạc 5652. Trong lúc nói vê hạnh lành của đức Phật, tôi có được niêm phỉ lạc đôi với đức Phật, tôi đã làm sanh khởi sự yêu mến đối với bản thân và sự yêu mến đoi với người khác; do điều ấy, tôi là người dễ mến.

5653. Tôi đã khuất phục các ngoại đạo xấu xa ở đoàn người dẫy đầy các hàng ngoại đạo. Trong lúc nói về hạnh lành [của Ngài], tôi đã làm rạng rỡ đấng Lãnh Đạo; do đó tôi có sự rạng rỡ. 5654. Trong lúc nói về hạnh lành của bậc Toàn Giác, Tôi cũng là người tạo ra sự yêu mến ở dân chúng, tợ như mặt trăng vào mùa thu; đo điều ấy, tôi đã có vẻ nhìn đáng yêu. 5655. Tôi đã ngợi ca đang Thiện Thệ băng mọi ngôn từ [sác bén] tương tợ như tính năng của lưỡi dao găm; do điều ấy, tôi là người hùng biện có tài biện luận về nhiều mặt. 5656. Bị thiếu trí, những kẻ ngu dốt chê bai bậc Đại Hiền Trí. Tôi đã quở trách bọn họ bằng Chánh pháp; do điều ấy, tôi là người không bị quở trách. 5657. Do nhờ việc tán dương đức Phật đến chúng sanh, tôi đã xua đi các điều ô nhiễm, tôi có tâm ý không còn ô nhiễm do nhờ tác động của nghiệp ấy. 5658. Là người thuyết giảng về sự

niệm tưởng về đức Phật, tôi đã làm sanh khởi tánh giác ngộ cho những người nghe; do điều ấy, tôi đã là người có trí tuệ, nhìn thấy rõ mục đích một cách khôn khéo. 5659. Có kẻ thù là tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, có biển cả luân hồi đã được vượt qua, tôi sẽ thành tựu sự tịch diệt tợ như ngọn lửa không còn nhiên liệu [sẽ lụi tàn]. 5660. Việc tôi đã ngợi ca đang Chiên Thăng là ngay trong chính kiếp này, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi đức Phật. 5661. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5662. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5663. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sugandha11 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Sugandhaṃ là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vi dâng cúng cỏ, vi dâng cúng chiếc giường, luôn cả vi nương nhờ, vị dâng dầu thoa, [vi dâng cúng] tấm vải đẹp, vị dâng cúng cây gậy, tương tợ y như thể là vị cúng dường bông hoa nelā, vị quét cội Bồ-đề, vị dâng cúng trái cây āmanda, vị Bà-la-môn có hương thơm là thứ mười. Và ở dây, được tính đếm toàn bộ là một trăm với hai mươi ba câu kệ. Phẩm Tinadāyaka là phẩm thứ năm mươi ba. 11 Sugandha nghĩa là uvị có hương thơm (gandhā) ngạt ngào

LIV PHẨM KACCÃNA (KACCẨNAVAGGƠ)

531. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MAHÃKACCÃNA (Mahākaccānattherāpadānam) 5664. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Lãnh Đạo không có dục vọng, có sự chiến thắng không bị chế ngự, đã hiện khởi. 5665. Đấng Anh Hùng có con mắt hình lá sen, có khuôn mặt không vết bẩn, như là mặt trăng, tương tợ ngọn núi vàng, có hào quang sánh bằng ánh sáng mặt trời. 5666. Là vi có sự thu hút ánh mắt và tâm trí của chúng sanh, được tô điểm với các hảo tướng, đã vượt trên mọi phương thức phê phán, được kính trọng bởi loài người và các hạng [thiên thần] bất tử. 5667. Trong khi giác ngộ chúng sanh, bậc Toàn Giác là người hùng biện, có âm điệu ngọt ngào, có sự liên tục gắn bó với lòng bi mẫn và tự tin ở nơi các hội chúng. 5668. Ngài thuyết giảng giáo pháp ngọt ngào bao gồm bốn sự thật. Ngài tiếp độ những sanh mạng bi chìm đắm trong vũng lầy mê muội. 5669. Khi ấy, tôi đã là một vị đạo sĩ độc hành có chỗ ngụ ở núi Hy-mã-lạp. Trong khi đi đến thế giới loài người bằng đường không trung, tôi đã nhìn thay đấng Chiến Thắng. 5670. Tôi đã đi đên gân và đã lăng nghe sự thuyêt giảng giáo pháp của đang Anh Hùng trong lúc Ngài đang tán dương đức hạnh lớn lao của vị Thinh văn: 5671. "Giống như vị Kaccāyana này, trong khi giảng giải một cách chi tiết điều đã được Ta nói một cách tóm tắt, khiến cho hội chúng và Ta hài lòng. 5672. Ta không nhìn thấy bất cứ vị Thinh văn nào khác tương tợ như thế. Vì thê, ở vi thê tôi thăng, vị này là đứng đâu. Này các Tỳ-khưu, các ngươi hãy ghi nhận như vậy?5 5673. ỈQii ấy, tôi đã trở nên sửng sốt sau khi lắng nghe lời nói làm thích ý. Tôi đã đi đến núi Hy-mã-lạp và đã mang lại bó bông hoa. 5674. Sau Idii cúng dường đến đấng

Nương Nhờ Của Thế Gian, tôi đã phát nguyện vị thế ấy. Khi ấy, biết được thiên hướng của tôi, bậc dứt bỏ sự ham muốn đã chú nguyện rằng:

476 KINH TIÊU Bộ

5675. "Các ngươi hãy nhìn, vi ẩn sĩ cao quý này có làn da màu của vàng đã được tinh luyện, có lông tóc dựng đứng, có bả vai đầy đặn, đứng chắp tay bất động. 5676. Có ánh mắt tràn ngập niềm vui, có thiên hướng về việc tán dương đức Phật, có thân hình cao quý tợ như giáo pháp, như là đã được tưới lên sự bất tử. 5677. Sau khi lắng nghe về đức hạnh của vị Kaccãna, [n^ười này] đang đứng phát nguyện vi thế ấy vào thời vi lai xa vời của bậc Đại Hiền Trí Gotama. 5678. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Kaccâna. 5679. Người này sẽ là người nghe nhiều học rộng, có đại trí tuệ, hiểu biết ý định của bậc Hiền Trí, và sẽ thành tựu vị thế ấy như đã được Ta chú nguyện.^ 5680. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 5681. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới trong bản thể thiên nhân và loài người, tôi không biết đến cõi tái sanh khác; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 5682. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và Bà-la-môn, tôi không bị sanh vào gia tộc hạ tiện; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5683. Chính ở kiếp sông cuôi cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra ở thành phố Ujjenī, [con trai] của vị Bà-la-môn là viên quan tế tự của Vua Candapajjota. 5684. Tôi là Kaccâna, con trai của Tiritavaccha, người mẹ tên là Candimā. Tôi là người khôn khéo, thông suốt các bộ Vệ-đà, có làn da cao quý. 5685. Được phái đi bởi vị quân vương nhằm mục đích tìm hiểu về đức Phật, tôi đã được nhìn thấy đấng Lãnh Đạo là cổng thành của sự giải thoát, là sự tích lũy về đức hạnh. 5686. Và tôi đã được nghe lời nói không bợn nhơ, có sự làm khô ráo bùn lầy của con đường, tôi đã thành tựu sự bất tử, thanh tịnh cùng với bảy người còn lại. 5687. Tôi đã trở thành vị hiểu biết về ý định của đấng Thiện Thệ, bậc Đại Hiền Trí. Va tôi đã được thiết lập vào vị thế tối thắng, có ước nguyện đã được thành tựu tốt đẹp. 5688. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5689. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5690. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật.

THÁNH NHÂN KÝ sự 477

Đại đức Trưởng lão Mahākaccāna đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Mahâkaccãna" là phần thứ nhất

532. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VAKKALI (Vakkalittherāpadānam) 5691. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đã hiện khởi đấng Lãnh Đạo tên Padumuttara, là bậc có danh xưng cao thượng, là bậc không thể đo lường. 5692. Ngài có khuôn mặt với hình dáng của đóa hoa sen, có làn da min, không vết nhơ của đóa hoa sen, không bị nhơ nhuốc bởi the gian tương tợ đóa hoa sen không bị lấm lem bởi nước. 5693. Đấng Anh Hùng có con mắt

hình lá sen, dễ mến tương tợ đóa hoa sen và có hương thơm nổi bật của đóa hoa sen, do đó Ngài là Padumuttara. 5694. Và bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian không còn ngã mạn, tợ như con mắt cho những kẻ mù, có bản thể an tịnh, là nơi tồn trữ các đức hạnh, là biển cả về lòng bi mẫn và sự hiểu biết. 5695. Có lần nọ, đấng Đại Hùng, vị được đấng Phạm thiên cùng các hàng a-tu-la và chư thiên nể vì, được loài người có cả chư thiên vây quanh, là tối thượng ở giữa dân chúng. 5696. Với khuôn mặt có hương thơm ngát và với âm thanh ngọt ngào, trong lúc làm hài lòng tất cả hội chúng, Ngài đã tán dương vị Thinh văn của mình rằng: A , A., • r # 1 • A

5697. "Không có vi nào khác có khuynh hướng vê đức tin, có sự hiêu biêt tót đẹp, có sự găn bó với việc chiêm ngưỡng Ta như là vị này, giông như vị Tỳ- khưu Vakkali này vậy?5 5698. Khi ấy, tôi đã là con trai của người Bà-la-môn ở trong thành phố Hamsavatī. Tôi đã được nghe lời nói ấy và đã thh thú vị thế ấy. 5699. Khi ấy, tôi đã thỉnh mời đức Như Lai, bậc Vô Nhiễm ấy cùng với các vi Thinh văn. Sau khi cung cấp vật thực bảy ngày, tôi đã khoác lên [các vị] với những xấp vải đôi. 5700. Được đắm chìm trong biển cả ân đức vô hạn lượng ấy, được tràn đầy phỉ lạc, tôi đã quỳ xuống, đê đầu ở Ngài và đã nói lời nói này: 5701. "Bạch đấng Hiền Trí, mong sao con sẽ trở thành vị Tỳ-khưu đứng đầu trong số những vi có đức tin như vị ấy, là vị đã được Ngài tán dương vào bảy ngày trước dây.” 5702. Được nói như vậy, đấng Đại Hùng, bậc Đại Hiền Trí, vi có tầm nhìn không bi chướng ngại đã phát biểu ở giữa hội chúng lời nói này: 5703. "Các ngươi hãy nhìn người thanh niên này, mặc vải vàng bóng láng, thân hình được mang sợi dây quàng vai vàng chói, có sự thu hút ánh mắt của mọi người.

5704. Trong thời vị lai xa xăm, người này đây sẽ là vị Thinh văn đứng đầu trong số những vi có khuynh hướng đức tin của bậc Đại Ẩn Sĩ Gotama. 5705. [Người này] sẽ luân hồi, dầu trở thành vi thiên nhân hay là loài người, đều được tránh khỏi mọi sự bực bội, được tựu hội trọn vẹn mọi thứ của cải, được sung sướng. 5706. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên là Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuat hiện ở thế gian. 5707. [Người này] sẽ trở thành Thiiỷì văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là akki.”

5708. Do tính chát đặc biệt của nghiệp ây và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tòi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 5709. Sau khi được sung sướng ở tất cả các nơi trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đã được sanh ra ở thành Sāvatthi trong một gia đình nọ. 5710-11. [Là đứa bé] mảnh mai như bơ tươi, yếu ớt như mầm non mới mọc, lờ đờ, nằm ngửa ra, [cha mẹ tôi] bi đe dọa vì nỗi hãi sợ từ loài quỷ sứ5 với tâm ý khốn khổ, đã đặt tôi nằm xuống ở cạnh bàn chân của bậc Đại An Sĩ [nói rằng]: "Bạch đấng Bảo Hộ? chúng con dâng Ngài đứa bé này. Bạch đấng Lãnh Đạo, xin Ngài hãy là nơi nương nhờ [cho n6]." 5712. Khi ấy, bậc Hiền Trí ấy, nơi nương nhờ của những ai bị kinh sợ, đã nhận lãnh tôi bằng bàn tay mềm mại dịu dàng, có màng lưới [ở các ngón tay], có dấu hiệu hình vỏ ốc [ở lòng bàn tay]. 5713. Từ đó trở đi, nhờ vào Ngài, tôi được bảo vệ với sự không phải phòng vệ. Mọi sự thù nghịch được tiêu tan, tôi lớn lên trong an lạc. 5714. Không được ở cạnh đấng Thiện The, dầu chỉ trong chốc lát là tôi bất mãn.

Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 5715. Không được thỏa mãn, tôi ước ao sắc thân được phân bố với mọi nét xinh đẹp, đã được tạo nên do [mười] pháp toàn hảo, là nơi tích tụ quý cao của những điều may man. 5716. Khi ấy, biết được tôi hứng thú với sắc thân của đức Phật, đấng Chiến Thắng đã giáo giới tôi rằng: aNày Vakkali, thôi đi. Sao ngươi lại hứng thú ở sắc thân, là vật được vui thích bởi những kẻ ngu? 5717. Chỉ người nào nhìn thấy Chánh pháp, người trí tuệ ấy nhìn thấy Ta. Trong khi không nhìn thấy Chánh pháp, dầu đang nhìn Ta cũng vẫn không thấy được. 5718. Xác thân có sự tai hại không giới hạn, tương tợ loại cây có độc dược, là chỗ tru ẩn của tất cả các loại bệnh tật, là toàn bộ khối đống khổ đau. 5719. Do đó, ngươi hãy nhàm chán sắc thân, hãy nhìn xem sự sanh và diệt của các uẩn, ngươi sẽ đi đến sự tận cùng của tất cả các nhiễm ô một cách an lạc."

5720. Đấng Lãnh Đạo ấy, vị tầm cầu sự lợi ích, đã giáo huấn tôi như thế. Tôi đã leo lên núi Gijjhakūta và tham thiền ở cái hang nơi triền núi. 5721. Đứng ở chân ngọn núi, bậc Đại Hiền Trí ấy đã nói với tôi rằng: "Này Vakkali". Nghe được lời nói ấy của đấng Chiến Thắng, tôi đã hoan hỷ. 5722. Tôi đã lao mình xuống vực núi sâu hàng trăm thân người. Khi ấy, do nhờ năng lực của đức Phật, tôi đã đến được mặt đất hoàn toàn bình yên. 5723. Ngài cũn^ đã thuyết giảng giáo pháp lần nữa về sự sanh và diệt của các uẩn. Sau khi hiểu được pháp ấy, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 5724. Khi ấy, ở giữa hội chúng vô cùng đông đảo, đấng Đại Trí, bậc đã đi đến tận cùng của sự chết, đã tuyên bố tôi là vi đứng đàu trong số các vị có khuynh hướng đức tin. 5725. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 5726. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5727. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5728. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vàkkali đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Vakkali" là phần thứ nhì.

533. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MAHẢKAPPINA (Mahākappinattherāpadānam) 5729. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp đã nổi bật ở trái đất và bầu trời, tương tợ như mặt trời vào mùa thu. 5730. Ngài đánh thức những đóa hoa sen xứng đáng được dẫn dắt bằng ánh sáng của ngôn từ. Đấng Lãnh Đạo làm khô ráo bùn lầy ô nhiễm nhờ vào những tia hào quang của sự hiểu biết. 5731. Ngài tiêu diệt danh vọng của những người ngoại đạo, tương tợ như mặt trời tiêu diệt ánh sáng của loài đom đóm. Ngài soi rõ ánh sáng về ý nghĩa của các sự thật, tợ như mặt trời làm cho châu báu được rạng rỡ. 5732. Ngài là nơi quy tụ của các đức hạnh, tợ như biển cả là nơi chứa đựng các báu vật. Như là đám mây, Ngài trút xuống các loài hữu tình cơn mưa giáo pháp. 5733. Vào lúc bấy giờ, tôi đã là vi quan phân xử ở thành phố tên Hamsā. Tôi đã đi đen và đã lang nghe giáo pháp của bậc có tên là Padumuttara.

5734. Trong khi Ngài đang công bố đức hạnh của vi Thinh văn có kinh nghiệm của vị giáo giới cho các Tỳ-khưu, khiến tâm ý của tôi được vui thích. 5735. Nghe xong, được hài lòng, với tâm ý vui mừng tôi đã thỉnh mời đức Như Lai cùng với các đệ tử. Sau khi chăm lo bữa ăn? tôi đã phát nguyện vị thế ấy. 5736. Khi ấy, bậc Đại Phước với giọng nói êm dịu của chim thiên nga và của tiếng trống đã nói rằng: uCác ngươi hãy nhìn vị quan đại thần này là người có sự tự tin trong việc xác đinh. 5737. [Người này] quỳ xuống ở cạnh bàn chân của Ta, có lông tóc dựng đứng, có màu da rạng rỡ? có bả vai đầy đặn, có ánh mắt và khuôn mặt được tinh tín. 5738. Con người có danh vọng lớn lao ấy đang làm cho đám tùy tùng đông đảo được hài lòng. Có thiên hướng hoan hỷ9 người này phát nguyện vị thế của vị [Thinh văn] có kinh nghiệm. 5739. Do phần vật thực này và do các nguyện lực của tác ý, người này [sẽ] không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 5740. Có được sự lộng lẫy của vị Trời trong số chư thiên, có bản chất vĩ đại ở giữa loài người, sau khi đã thọ hưởng phần còn lại, [người này] sẽ thành tựu Niet-bàn. 5741. Vào một trăm ngàn kiếp vê sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 5742. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Kappina?5 5743. Từ đó, toi đã thực hành sự tôn kính khéo được thể hiện trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đẩu-suất. 5744. Sau khi chỉ bảo cho chư thiên, nhân loại và các vi quốc vương theo lẽ phải, tôi đã sanh ra trong đòng dõi làm nghề dệt ở kế cận thành Bārānasī. 5745. Cùng với vợ và nhóm tùy tùng một ngàn người, tôi đã hộ độ năm trăm vi Phật Đọc Giác. 5746. Sau khi đã cung cáp vật thực ba tháng, kê đó, chúng tôi đã dâng cúng ba y. Từ nơi ấy chết di, tát ca chùng tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 5747. Mệnh chung từ nơi ấy, tất cả chúng tôi đã đi đến bản thể loài người lần nữa. Chúng tôi đã được sanh ra ở trong thành Kukkuta, cạnh sườn núi Hy-mã-lạp. 5748. Tôi đã là vị hoàng tử có đanh vọng lớn lao tên là Kappina. Những người còn lại, được sanh ra ở gia đình các quan cận thần, đã tháp tùng bản than tôi. 5749. Tôi đã đạt được sự sung sướng về vương quốc lớn lao, có đầy đủ tất

cả các loại dục lạc. Tôi đã nghe về sự xuất hiện của đức Phật được thuật lại bởi những người thương buôn rang: 5750. "Bức Phạt đã hiện khởi ở thế gian là nhân vật độc nhất không ai sánh bằng. Ngài công bố Chánh pháp về bất tử là sự an lạc tối thượng. 5751. Các đệ tử của Ngài là những vi vô cùng chín chắn, khéo được giải thoát và không còn lậu ho/c." Sau khi nghe được lời nói tốt đẹp của những người ấy, tôi đã tôn trọng những người thương buôn. 5752. Sau khi từ bỏ vương quyên, tôi cùng với đám cận thân đã ra đi, hướng tâm về đức Phật. Tôi đã nhìn thay con sông Mahācandā được tràn đầy, ngập đến bờ. 5753. [Con sông] có dòng nước chảy xiết, không có bến tàu, không có cầu treo, khó vượt qua. Tôi đã vượt qua một cách an toàn sau khi tưởng nhớ đến hạnh lành của đức Phật [răng]: 5754. "Nếu dức Phật là bậc đã vượt qua dòng nước hiện hữu, là vị đã đi đến tận cùng của thế giới, là bậc sáng suốt. Do lời nói chân thật này, xin cho việc ra đi của tôi được thành tựu. 5755. Nêu đạo lộ đi đên an tịnh là sự giải thoát và là sự an lạc tuyệt đôi. Do lời nói chân thật này, xin cho việc ra đi của tôi được thành tựu. 5756. Nếu

hội chúng là đã vượt qua khu rừng rậm, là phước điền vô thượng. Do lời nói chân thật này, xin cho việc ra đi của tôi được thành tựu.” 5757. Liền với khi sự chân thật cao quý đã được thực hiện, nước đã được lìa khỏi con đường. Do đó, tôi đã vượt qua bờ sông đáng yêu một cách thoải mái. 5758-59. Khi ấy, tôi đã nhìn thấy đức Phật đang ngồi phía trước các vi Thinh văn tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như ngọn núi vàng đang chói sáng, tợ như cây đèn đã được thắp sáng, tợ như mặt trăng được tháp tùng bởi các vì sao, trông như là vị Chúa trời đang đổ xuống đám mưa những lời thuyết giảng. 5760. Tôi đã cùng với các vị cận thần đảnh lễ rồi đã tiến vào ở một bên. Sau đó, biết được thiên hướng của chúng tôi, đức Phật đã thuyết giảng giáo pháp. 5761. Sau khi lắng nghe giáo pháp không bợn nhơ, chúng tôi đã nói với đấng Chiến Thắng rằng: “Bạch đang Đại Hùng, xin Ngài hãy xuất gia cho chúng con. Chúng con nhàm chán về sự hiện hữu." 5762. Bậc Hiền Trí thứ bảy đã nói như vầy: 6íNày các Tỳ-khưu, giáo pháp đã khéo được thuyết giảng đưa đến sự đoạn tận kho đau cho các ngươi. Các ngươi hãy thực hành Phạm hạnh." 5763. Cùng với lời nói, tất cả chúng tôi cũng đã trở thành những vị mang y phục Tỳ-khiru? đã được tu lên bậc trên và là những vi Nhập lưu trong giáo pháp. 5764. Sau đó, đang Hướng Đạo đã đi đên Jetavana và đã chỉ dạy. Được chỉ dạy bởi đấng Chiến Thắng, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 5765. Sau đó, tôi đã chỉ dạy một ngàn vị Tỳ-khưu ấy. Lúc bấy giờ, do việc chỉ dạy của tôi, các vị ấy cũng đã trở thành các bậc không còn lậu hoặc.

5766. Được hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắnẹ ở đám đông dân chúng đã thiêt lập tôi vào vị thế tôi thăng: "Kappina đứng đâu các vị giáo giới lykìíưu.“ 5767. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được ban ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não của tôi. 5768. Các phiên não của tôi đã được thiêu đôt9 tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5769. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5770. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mahâkappina đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Mahãkappina" là phần thứ ba.

534. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DABBA (Dabbattherāpadānam) 5771. Tnrớc đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc hiểu biết về toàn bộ thế gian, đấng Hiền Trí, bậc Hữu Nhãn đã hiện khởi. 5772. Là bậc giáo giới, là vị làm cho hiểu rõ, là vi giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua, được thiện xảo trong việc thuyết giảng, đức Phật đã giúp cho nhiều người vượt qua. 5773. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Man, vị tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh, cũng đã an trú vào ngũ giới cho tất cả các ngoại đạo đã đi đến. 5774. Như thế, được tô điểm với các vị A-la-hán có năng lực như thế ấy, [thế gian] đã không bị rối loạn và trống vắng các vi ngoại đạo. 5775. Bậc Đại Hiên Trí ây cao năm mươi tám ratana (mười bôn mét rưỡi) tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng. 5776. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Trong

khi tồn tại như thế, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua. 5777. Khi ấy, là con trai nhà triệu phú có danh vọng lớn lao ở tại Hamsavatī, tôi đã đi đến gặp đấng Quang Đăng Của Thế Gian và đã lắng nghe việc thuyết giảng giáo pháp. 5778. Sau khi lắng nghe lời nói của Ngài đang tán dương vị Thinh văn, đang phân bố chỗ trú ngụ cho các vị Tỳ-khưu, tôi đã được hoan hỷ. 5779. Sau khi thực hiện hành động hướng thượng đến bậc Đại Ẩn Sĩ ấy cùng với hội chúng, tôi đã quỳ xuống, đê đầu ở bàn chân [Ngài] và đã phát nguyện vị thế ấy. 5780. Khi ấy, trong lúc tán dương việc làm của tôi, đấng Đại Hùng đã nói

rằng: "Người đã chăm lo vật thực đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng trong bảy ngày... 5781. ... là người v r này ' đây có mắt hình lá sen, có bả vai sư tử, có làn. da vàng chói, đã quỳ xuống ở cạnh bàn chân của Ta trong lúc phát nguyện vị thê tối thượng. 5782. Vào một trăm njgan kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ơ thế gian. 5783. Khi ấy, người này sẽ là Thinh văn của vi Phật ấy, được nổi tiếng với tên là Dabba, va sẽ là vị phan bố chỗ tru ngụ hàng đầủy r r 5784. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý9 sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đên cõi trời Đạo-lợi. 5785. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần, và đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần. 5786. Lãnh thô vương quôc là bao la, không thê đo lường băng phương diện tính đếm. Do nhờ tác động của nghiệp ấy, tôi đã được sung sướng ở tát cả các nơi. 5787. Trước đây chín mươi mốt kiếp, bậc Lãnh Đạo tên Vipassī là vị có ánh mắt thu hút, vị thấy rõ tất cả các pháp đã hiện khởi. 5788. Có tâm xấu xa, tôi đã chửi mắng vi Thinh văn đã đoạn tận tất cả các lậu hoặc của đức Phật như thế ấy, dầu đã biết rõ là "Vị trong sạch.” 5789. Tôi đã lấy ra tấm thẻ của chính bậc vĩ nhan ấy ya tôi đã dâng cúng cơm sữa đến các vị Thinh văn đại ân sĩ [không có phần vi ấy]. 5790. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vi đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. 5791. Ngài đã làm chói sáng giáo pháp, đã khuất phục các hànệ ngoại đạo xấu xa, đã huấn luyện những người đáng được huấn luyện và đã Niết-bàn cùng các Thinh văn. 5792. Khi đấng Bảo Hộ cùng các vị đệ tử đã Niết-bàn và giáo pháp đang đi đên tiêu hoại, chư thiên bi chân động, có tóc xô ra, mặt đây nước mat, đã than vãn rằng: 5793. "Sụ* nhìn thấy giáo pháp sẽ bị lụi tàn, chúng ta sẽ không nhìn thấy các vi có sự hành trì tốt đẹp, chúng ta sẽ không được nghe Chánh pháp. ôi, chúng ta thật kém phước 5794. Khi ấy, toàn bộ quả đất này, vốn bất động, đã có sự chuyển động qua lại. Và biển cả như là có sự sầu muộn đã gào lên âm giọng thê thảm. 5795. Những cái trống không người [sử dụng] đã vang lên từ khắp bốn phương, và các tiếng sấm đem lại sự kinh hãi đã nô ra khắp nơi. 5796. Những đôm lửa đã rơi xuông từ không trung và cột khói được nhìn thấy. Tất cả cây cối, chúng sanh và các loài thú đã kêu gào thảm thiết.

5797. Sau khi nhìn thấy sự bạo tàn xuất hiện, báo hiệu sự tiêu hoại của giáo pháp, bị chấn động bảy vị Tỳ-khưu, chúng tôi khi ấy đã suy nghĩ rằng: 5798 "Kh6ng có giáo

pháp, đối với chúng ta là đã đủ với cuộc sống rồi. Chúng ta hãy đi vào khu rừng lớn và gắn bó với lời dạy của đấng Chiến Thng." 5799. Khi ấy, chúng tôi đã nhìn thấy ngọn núi cao chót vót ở trong khu rừng. Chúng tôi đã leo lên ngọn núi ấy bằng chiếc thang và đã làm chiếc thang rơi xuống. 5800. Khi ấy, vị trưởng lão của chúng tôi đã giáo huấn rằng: “Sịt xuất hiện của đức Phật là điều hy hữu, đức tin là điều khó đạt thì [chúng ta] đã đạt được, và giáo pháp còn sót lại là ít ỏi. 5801. Các cơ hội đã qua đi và rơi vào biên cả khô đau vô tận. Do đó, việc thực hành nên được thực hiện trong khi lời dạy của bậc Hiền Trí vẫn còn tồn tại.” 5802. Vị trưởng lão ấy đã trở thành bậc A-la-hán, vị kế tiếp khi ấy là bậc Bất lai, những vị khác được gắn bó với thiện giới đã đi đến thế giới của chư thiên. 5803. Vi vượt qua luân hồi đã Niết-bàn, và chỉ một vi ở cõi Tịnh Cư thiên. Còn tôi, Pukkusâti, Sabhiya, Bãhiya là tương tợ như nhau. 5804. Và luôn cả Kumârakassapa nữa, chúng tôi đã tái sanh ở nơi này nơi khác. Được thương tưởng bởi đấng Gotama, chúng tôi đã được giải thoát khỏi sự trói buộc của luân hồi. 5805. Tôi đã được sanh ra ở thành Kusinārā, giữa những người Mallā. Ngay khi tôi còn ở trong bào thai, mẹ của tôi bị chết và đã được đưa lên giàn hỏa thiêu. Từ nơi ấy, tôi đã được rơi xuống. 5806. Được rơi xuống ở nơi đống củi, do đó tôi được nổi danh là Dabba.1 Với năng lực của việc hành trì Phạm hạnh, vào lúc bảy tuổi tôi đã được giải thoát. 5807. Do quả báo của cơm sữa, tôi đã đạt được năm yếu tố. Do sự chửi mắng vị có lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi đã bị vu cáo nhiều lần bởi những kẻ xấu.1 2 5808. Giờ dây, tôi đã vượt qua cả hai điều thiện và ác. Sau khi đạt được sự an tịnh tuyệt đối, tôi sống không còn lậu hoặc. 5809. Tôi đã phân bố chỗ trú ngụ và đã làm cho các vị có sự hành trì tốt đẹp được vui vẻ. Được hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng đã thiết lập tôi vào vi thế tối thắng. 5810. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5811. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

1 Nghĩa của từ đabba là củi, gỗ. 2 CÓ hai câu chuyện được ghi lại ở phần câu chuyện dẫn nhập của 2 điều Sañghādisesa 8 và 9 ở tạng Luật.

THÁNH NHÂN KÝ sự 485

5812. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dabba Mallaputtā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Dabba Mallaputtaṃ là phần thứ tư.

535. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUMẢRAKASSAPA (Kumārakassapattherāpadānam) 5813. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Lãnh Bạo, bậc Anh Hùng tên Padumuttara, vi hữu ích của tất cả the gian đã hiện khởi. 5814. Lúc bấy giờ, toi đã là vị Bà-la-môn được nổi tiếng, thông suốt các bộ Vệ-đà. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang tiên hành việc nghỉ ngơi giữa ngày. 5815. Ngài đang công bô vê bôn sự thật, đang giác ngộ chúng sanh luôn cả chư thiên, đang tán dương vi đứng đầu trong số các vị thuyết giảng hay ở nơi đám đông dân chúng. 5816-17. Khi ấy? có tâm hoan hỷ, tôi đã thỉnh mời đức Như Lai và đã trang hoàng mái che bằng những tấm vải có nhiều màu sắc khác nhau, được sáng chói bởi nhiều loại châu báu. Tại nơi ấy, tôi đã chăm lo bữa ăn đến Ngài

cùng với hội chúng. Tôi đã cung cấp bữa ăn có hương vị tối thắng đa dạng trong bảy ngày. 5818. Sau khi cúng dường Ngài cùng các vị Thinh văn băng những bông hoa có nhiều màu sắc khác nhau, tôi đã quỳ xuống ở cạnh bàn chân [Ngài] và đã phát nguyện vi thế ấy. 5819. Khi ây, đàng Hiên Trí cao quý với thiên hướng thực hành hạnh bi mân đã nói rằng: “Các ngươi hãy nhìn xem người Bà-la-môn cao quý này, có khuôn mặt và con mắt của những đóa hoa sen. 5820. [Người này] tràn ngập niềm phỉ lạc và himg phấn, có lông tóc dựng đứng, có mắt mở to tỏ lộ nụ cười, có lòng khao khát giáo pháp của Ta. 5821. [Người này] đã quỳ xuống ở cạnh bàn chân của Ta với thiện ý hướng đến một điều: Vị ấy phát nguyện về vị thế ấy là bản thể của vi thuyết giảng hay. 5822. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 5823. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Kumârakassapa. 5824. Do nhờ tác động của các loại bông hoa cùng vải vóc đã được trang hoàng và của các loại châu báu, người ấy sẽ thành tựu tư cách đứng đầu trong số các vị thuyết giảng hay."

5825. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý? sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 5826. Giống như vũ công ở giữa sân khấu, trong khi quay cuồng ở không gian của các cõi, tôi đã hạ sanh vào bụng của con nai cái và đã trở thành nai [đực], con của con nai tên Sâkha. 5827. Lúc bấy giờ, khi tôi nhập thai là thời điểm trừng phạt xảy đến. Mẹ tôi đã bị con nai Sâkha ruồng bỏ và đã đi đến nương tựa vào [nai chúa] Nigrodha. 5828. Lúc bây giờ, nhờ vào con nai chúa ây, mẹ tôi đã được thoát khỏi sự chết. Sau khi đã được ban cho mạng sống, mẹ tôi đã giáo huấn tôi như vầy: 5829. "Con nên phục vụ chỉ riêng Nigrodha, chớ có sống thân cận với Sâkha. Thà bi chết ở nơi Nigrodha còn tốt hơn nếu phải sống cùng sakhā.” 5830. Được chỉ dạy bởi con nai đầu đàn ấy, tôi cùng mẹ và những con nai khác cũng như vậy, đã đi đến trú ngụ ở cõi trời Đẩu-suất đáng yêu, rồi đã đi đến nơi cư trú khác cũng có chỗ ở tương tợ như thế. 5831. Lần khác nữa, trong khi giáo pháp của đấng Anh Hùng Kassapa đang đi đến hoại diệt, [bảy vị chúng tôi] đã leo lên đỉnh ngọn núi và đã gắn bó vào lời dạy của đấng Chiến Thắng? 5832. Giờ đây, tôi đã được sanh vào gia tộc triệu phú ở thành Rājagaha. Mẹ của tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình khi đã mang thai. 5833. Biết được mẹ tôi có thai, các vị đã đưa mẹ tôi đến gặp Devadatta. Vị ấy đã nói rằng: "Các người hãy trục xuất Tỳ-khưu-ni xấu xa này." 5834. Giờ đây, [mẹ tôi] cũng đã được đấng Chiến Thắng, bậc Hiền Trí Vương thương xót. Được an toàn, mẹ đã sanh ra tôi tại tu viện của các Tỳ- khưu-ni. 5835. Biết được điều ấy, đức vua xứ Kosala đã nuôi dưỡng tôi. Và do việc có phẩm hạnh từ lúc nhỏ, tôi có tên là Kassapa. 5836. So sánh với vị Mahâkassapa (Kassapa lớn), tôi là Kumârakassapa (Kassapa thiêu niên). Tôi đã lăng nghe điêu đã được đức Phật thuyêt giảng răng xác thân là tương tợ tô môi. 5837. Do đó, tâm của tôi đã được giải thoát không còn chấp thủ mọi thứ. Tôi đã cảm hóa được đức Vua Pāyāsi và đã đạt được vị thê tôi thăng. 5838. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5839. Quả vậy? tôi đã thành công mỹ mãn,

đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5840. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

THÁNH NHÂN KÝ sự 487

Đại đức Trưởng lão Kumārakassapa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Kumārakassapaṃ là phần thứ năm. (Dứt tụng phẩm thứ hai mươi bốn).

536. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BÃHIYA (Bāhiyattherāpadānam) 5841. Trước đây một trăm ngàn kiếp đã hiện khởi đấng Lãnh Đạo tên Padumuttara, là vị có hào quang chói lọi, đứng đầu tam giới. 5842. Tôi đã lắng nghe đấng Hiền Trí đang tán dương đức hạnh của vị Tỳ- khưu có thắng trí nhạy bén. Với tâm phấn chấn, tôi đã thể hiện sự tôn kính đến bậc Đại Ẩn Si. 5843. Lúc bấy giờ, sau khi dâng cúng vật thí đến bậc Hiền Trí cùng các đệ tử trong bảy ngày, tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác và đã phát nguyện vị thế ấy. 5844. Do đó, đức Phật đã chú nguyện cho tôi rằng: "Các ngươi hãy nhìn xem, người Bà-la-môn này đã quỳ xuống cạnh bàn chân của Ta với ánh mắt và khuôn mặt được tinh tín. 5845. Có làn da mỏng manh màu trắng, có thân hình được mang sợi dây quàng vai vàng chói, có môi đỏ như là trái bimba được treo lơ lửng, có răng màu trắng sắc bén. 5846. [Người này] có dồi dào năng lực về đức hạnh, có thân hình vươn cao, là nguồn nước về các hạnh lành, có khuôn mặt nở rộ niềm phỉ lạc. 5847. Người này phát nguyện vị thê của vị Tỳ-khưu có thăng trí nhạy bén. Trong ngày vị lai sẽ có bậc Đại Hùng tên là Gotama. 5848. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Bāhiya." 5849. Khi ấy, vô cùng hớn hở tôi đã đứng dậy. Tôi đã thể hiện sự tôn kính đến bậc Đại Hiền Trí đến hết cuộc đời. Mệnh chung, tôi đã đi đến cõi trời như là [đi đen] nhà của chính mình. 5850. Dầu trở thành vi thiên nhân hay là nhân loại, do nhờ tác động của nghiệp ấy, tôi được sung sướng. Tôi đã luân hồi và đã thọ hưởng sự thành đạt. 5851. Lần khác nữa, trong khi giáo pháp của đấng Anh Hùng Kassapa đang đi đến hoại diệt, [bảy vi chúng tôi] đã leo lên đỉnh ngọn núi và đã gắn bó vào lời dạy của đấng Chiến Thắng. 5852. Là những người thực hành lời dạy của đấng Chiến Thắng, có giới trong sạch, có trí tuệ, mệnh chung từ nơi ấy, năm người chúng tôi đã đi đến thế giới của chư thiên. 5853. Sau đó, Bâhiya tôi đã được sanh ra ở kinh thành Bhārukaccha. Từ nơi ấy, tôi dùng thuyền lao vào khu vực biển cả ít có sự an toàn.

488 KINH TIẾU BÔ

5854. Do đó, sau khi ra đi một vài ngày, chiếc thuyên đã bị vỡ tan. Khi ây? tôi đã rơi vào khu vực có cá dữ, khủng khiếp, gây ra sự kinh hoàng. 5855. Khi ấy, tôi đã ra sức và đã tự vượt qua được đại dương. Tôi đã đến được bến tàu Suppâra quý báu, lờ đờ, run lẩy bẩy. 5856. Toi đã khoác lên y phục vỏ cây và đã đi vào làng để khất thực. Khi ấy, dân chúng ấy đã hớn hở nói ràng: A-la-hán này đã ngự đên nơi đây. 5857. Sau khi hậu đãi người này với cơm ăn, nước uống, vải vóc, giường nằm và thuốc men chữa bệnh, chúng ta sẽ được an lạc." 5858. Khi ấy, được họ tôn kính và cúng dường, tôi đã có được lợi lộc về các vật dụng cần thiết. Tôi đã khiến họ có sự suy nghĩ một cách không đúng

đắn r3ng: “i là vi A-la-hán/5 5859. Vì thế, sau khi biết được tâm của toi, vi thiên nhân [trong số bảy vị] trước đây đã quở trách rằng: "Nguôi không biết phương pháp và đường lối, làm sao ngươi có thể trở thành bậc A-la-hán?^ 5860. Bị quở trách bởi vi ấy, bị chấn động, khi ấy tôi đã hỏi rằng: "Các bậc tối thượng nhân A-la-hán ở trên đời là những ai? Các vị này ở dâu?" 5861. UỞ tại Sāvatthi là cung điện của xứ Kosala, có đấng Chiến Thắng là bậc có trí tuệ dồi dào, có sự sáng suốt bao la cao quý. Là người con trai dòng Sakyā, là bậc A-la-hán, không còn lậu hoặc, Ngài thuyết giảng giáo pháp đưa đến sự thành tựu phẩm vị A-la-hán." 5862. Lúc bấy giờ, sau khi lắng nghe lời nói của vị này, tôi vô cùng sung sướng và sửng sót tợ như người ăn xin đã đạt được của chôn giấu. Tôi đã có tâm phấn chấn để được yết kiến bậc A-la-hán tối thượng, có hình dáng tốt đẹp, có hành xứ không giới hạn. 5863. Lúc bấy giờ, tôi đã rời khỏi nơi ấy, [nghĩ rằng:] uKhi nào tôi [sẽ] nhìn thấy đấng Chiến Thắng, con người cao quý, bậc có khuôn mặt không vết bẩn?” Tôi đã đi đến khu rừng đáng yêu tên Vijita và đã hỏi những người Bà-la-môn rằng: "Bậc đem lại niềm hân hoan cho thế gian ở nơi đâu?" 5864. Do đó, họ đã nói rằng: "Bậc được tôn vinh bởi chư thiên và nhân loại đã đi vào thành phố với ý định tìm kiếm vật thực. Nếu mong mỏi diện kiến bậc Hiền Trí, ngươi hãy mau mau đi đến và hãy lễ bái nhân vật cao cả ấy." 5865. Do đó, tôi đã mau chóng đi đến kinh thành Sāvatthi. Tôi đã nhìn thấy Ngài đang đi đó đây vì mục đích vật thực, không thèm khát, không ham hố. 5866. Có bình bát ở tay, mắt không ước vọng, như là đang phân phát sự bất tử, có khuôn mặt mang vẻ sáng lạn của mặt trời, tợ như chỗ ngụ của điều may man. 5867. Tôi đã đi đến gặp Ngài và đã nói lời nói này: “Bạch đấng Gotama, xin Ngài hãy là chốn nương nhờ cho kẻ đã bị lầm lạc vào con đường sai trái?5 5868. Bậc Hiền Trí tối thượng đã nói rằng: "Ta đang đi loanh quanh để

khất thực, nhằm mục đích tế độ chúng sanh, không phải là lúc thuyết pháp cho ngươi. 5869. Khi ấy, khát khao về giáo pháp, tôi đã liên tục cầu xin đức Phật. Ngài đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp thâm sâu về đường lối của Không tánh. 5870. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã thành tựu sự đoạn tận các lậu hoặc. Tôi là người có tuổi thọ đã tận cùng, ôi, bậc Đạo Sư quả là đấng có lòng thương xót! 5871. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5872. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5873. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. 5874. Vi Trưởng lão Bāhiya Dārucīriya đã giải thích như thế. Vị ấy đã bị té ngã vao đong rác bởi con bo cai đã bi quy nhạp vao. 5875. Bậc đại trí đã thuật lại cuộc sống trước đây của bản thân. Vị anh hùng ấy đã viên tịch Niết-bàn tại kinh thành Sāvatthi. 5876. Bậc Ẩn Sĩ tối thượng, trong khi đi ra khỏi thành phố, đã nhìn thấy vi Bâhiya trí tuệ ấy mặc y phục vỏ cây có sự tái sanh đã xa lìa. 5877. Tợ như ngọn cờ của đức vua đã bị đổ xuống, bậc đã được rèn luyện bị ngã ở trên đất, có tuổi thọ đã hết, có phiền não đã lia, đã là vi thực hành lời dạy của đấng Chiến Thắng. 5878. Do đó? bậc Đạo Sư đã bảo các vị Thinh văn nhiệt tình với giáo pháp rằng: uCác người hãy khiêng lên, đưa di, rồi hỏa thiêu thi thể của bậc

Phạm hạnh. 5879. Các người hãy xây dựng ngoi bảo tháp. Vi đại trí ấy đã Niết-bàn. Vị này là vị Thinh văn đứng đâu trong sô các vị có thắng trí nhạy bén, là người thực hành theo lời dạy của Ta. 5880. Nếu một ngàn câu kệ chỉ chứa đựng những từ vô ý nghĩa, một [phần tư] câu kệ vẫn là tốt hơn [nếu] người đã nghe điều ấy được an tịnh.3 5881. Nơi nào nước, đất, lửa và gió không trụ vững, nơi ấy đạo đức không chiếu sáng, mặt trời không rực sáng, nơi ấy không có mặt trăng tỏa sáng, nơi ấy bóng tối không được biết đến. 5882. Và khi nào vị Bà-la-môn hiền trí đã tự thân biết được với sự sáng suốt, thì được giải thoát khỏi sắc, khỏi vô sắc, khỏi lạc và khỏi khổ9\ đấng Bảo Hộ, bậc Hiến Trí, đấng Nương Nhờ Của Tam Giới đà nói như thế. Đại đức Trưởng lão Bâhiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Bãhiya^ là phần thứ sáu. 3 Dh. v. 101.

537. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KOTTHITA (Kotthitattherāpadānam) 5883. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hiền Trí, đấng hiểu biết về toàn bộ thế giới, bậc Hữu Nhãn đã hiện khởi. 5884. Là bậc giáo giới, là vi làm cho hiểu rõ, là vị giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua, được thiện xảo trong việc thuyết giảng, đức Phật đã giúp cho nhiều người vượt qua. 5885. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Man, vi tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh, cũng đã an trú vào ngũ giới cho tất cả các ngoại đạo đã đi đen. 5886. Như thế, được tô điểm với các vị A-la-hán có năng lực như thế ấy, [thế gian] đã không bị rối loạn và trống vắng các vi ngoại đạo. 5887. Bậc Đại Hiền Trí ấy cao năm mươi tám ratana (mười bốn mét rưỡi) tợ như cây cột trụ bang vàng, có ba mươi hai hảo tướng. 5888. Cho đên khi ây, tuổi thọ được biêt là một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại như thế, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua. 5889. Khi ấy, tôi là người Bà-la-môn ở tại Hamsavatī, th6ng suốt các bộ Vệ-đà. Tôi đã đi đến bậc Ưu Tú Cao Cả Của Chúng Sanh và đã lẵng nghe việc thuyết giảng giáo pháp. 5890-91. Khi ấy, đấng Anh Hung ấy đã thiết lập vào vị thế tối thắng đối với vị Thinh văn có hành xứ về sự hiểu biết đã được rạch ròi, và là vị rành rẽ về ý nghĩa, vê pháp, vê ngôn từ và vê phép biện giải. Nghe được điêu ây, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, tôi đã cung cấp vật thực đến đấng Chiến Thắng Cao Quý cùng các vi Thinh văn trong bảy ngày. 5892. Sau khi khoác lên bậc Đại Dương Của Giác Ngộ cùng với các đệ tử bằng các tấm vải, tôi đã quỳ xuống ở cạnh bàn chân [Ngài] và đã phát nguyện vị the ấy. 5893. Do đó, bậc Cao Cả Của Thế Gian đã nói rằng: uCác ngươi hãy nhìn xem vị Bà-la-môn cao thượng này, vị có ánh sáng từ lòng đóa hoa sen phát ra, đã cúi mình ở bàn chân của la. 5894. Với đức tin ấy, với sự dứt bỏ và với sự lắng nghe giáo pháp, người này phát nguyện vị thế của vị Tỳ-khưu hàng đầu của đức Phật. 5895. Sau khi đã được sung sướng ở mọi nơi và sau khi đã luân hồi ở cõi này cõi khác, trong thời vi lai xa xăm, người này sẽ đạt được điều ước nguyện ấy. 5896. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ơ thế gian. 5897. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là ko ta.” 5898. Nghe được điều ấy, toi đã trở nên hoan hỷ9 có niệm, có tuệ, định tĩnh. Với tâm từ ải, tôi đã phục vụ đấng Chiến Thắng từ đó cho đến hết cuộc đời.

5899. Do quả thành tựu của nghiệp ấy và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 5900. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần. 5901. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Do nhờ tác động của nghiệp ấy, tôi đã được sung sướng ở tất cả các nơi. 5902. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới Ương bản thể thiên nhân và loài người, tôi không đi đến cõi tái sanh khác; điều này là quả báo của việc khéo hành trì. 5903. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và Bà-la-môn, tôi không biêt đên gia tộc hạ tiện; điêu này là quả báo của việc khéo hành trì. 5904. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, tôi đã là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. Tôi đã được tái sanh trong gia tộc Bà-la-môn có tài sản lớn lao ở thành phố Sāvatthi. 5905. Người mẹ tên là Candavatī, người cha của tôi tên là Assalâyana. Và đức Phật đã hướng dẫn cha tôi về sự thanh tinh toàn diện. 5906. Khi ấy, được tinh tín tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình ở đấng Thiện Thệ. Thầy chỉ dạy là vi Moggallâna, thầy tế độ là vị xuất thân từ bà Sāri.4 5907. Khi các sợi tóc đang được cạo, tà kiến đã được chặt đứt tận gốc. Và trong khi đang quấn y casa, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 5908. Và sự hiểu biết của tôi về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ và về phép biện giải là đã được phân giải; vì thế, đấng Cao Cả Của Thế Gian đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng. 5909. Được vị Upatissa5 hỏi? tôi đã giải thích không bị lầm lẫn. Vì thế, tôi đã là vi đứng đầu về các pháp phân tích trong giáo pháp của đấng Toàn Giác. 5910. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5911. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5912. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mahākotthita đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Mahākotthita" là phần thứ bảy. 4 Vị xuất thân từ bà Sārī, ám chỉ Ngài Sāriputta, con trai (puttā) của bà Sân. 5 Upatissa là tên gọi của Ngài Sāriputta lúc còn tại gia. (ND)

538. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO URUVELAKASSAPA (ưruveỉakassapattherãpadãnam) 5913. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hiền Trí, đấng hiểu biết về toàn bộ thế giới, bậc Hữu Nhãn đã hiện khởi. 5914. Là bậc giáo giới, là vị làm cho hiểu rõ, là vị giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua, được thiện xảo trong việc thuyết giảng, đức Phật đã giúp cho nhiều người vượt qua. 5915. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Man, vị tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh cũng đã an trú vào ngũ giới cho tất cả các ngoại đạo đã đi đến. 5916. Như thế, được tô điểm với các vị A-la-hán có năng lực như thế ấy, [thế gian] đã không bị rối loạn và trống vắng các vị ngoại đạo. 5917. Bậc Đại Hiền Trí ấy cao năm mươi tám ratana (mười bốn mét rưỡi) tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng. 5918. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại như thế, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5919. Khi ấy, là người Bà-la-môn được công nhận là tốt lành ở tại Harnsavatī, tôi đã đi đến gặp đấng Quang Đăng Của Thế Gian và đã lắng nghe việc thuyết giảng giáo pháp. 5920. Khi ấy, Ngai đang thiết lập vị Thinh văn, là bậc đại nhân, có hội chúng lớn vào vị thế tối thắng. Tôi đã lắng nghe và đã trở nên hoan hỷ. 5921. Tôi đã thỉnh mời đấng Chiến Thắng vĩ đại cùng với đoàn tùy tùng đông đảo. Cùng với một ngàn vị Bà-la-môn, tôi đã dâng cúng vật thí. 5922. Sau khi dâng cúng cuộc đại thí, tôi đã đảnh lễ đấng Lãnh Đạo rồi đã đứng ở một bên. Được mừng rỡ, tôi đã nói lời nói này: 5923. "Bạch đấng Anh Hùng, với đức tin của con ở Ngài và với công đức của việc làm hướng thượng, mong sao con luôn có được hội chúng đông đảo khi sanh ra ở nơi này, nơi khác." 5924. Khi ấy, với âm điệu ngọt ngào được rống lên bởi loài voi, được hót lên bởi loài chim Karavīkā, bậc Đạo Sư đã nói với hội chúng rằng: "Các ngươi hãy nhìn xem người Bà-la-môn này. 5925. [Người này] có màu da vàng chói, có cánh tay lực lưỡng, có khuôn mặt và ánh mắt như đóa hoa sen, có lông dựng đứng sanh lên ở cơ thể, được mừng rỡ? có niềm tin vào đức hạnh của Ta. 5926. Người này phát nguyện vị thế của vị Tỳ-khưu có âm thanh của loài sư tử. Trong thời vị lai xa xăm, người này sẽ đạt được điều ước nguyện ây. 5927. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 5928. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự

giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Kassapa." 5929. Trước đây chín mươi hai kiếp, đã có đấng Đạo Sư, bậc Vô Thượng, đang Lãnh Đạo Thê Gian Phussa, không có vị tương tợ, không có ai sánh băng. 5930. Và sau, khi đã tiêu diệt tất cả sự tăm tối, đã tháo gỡ mối rối rắm lớn lao, trong lúc làm hài lòng the gian luôn cả chư thiên, Ngài đã đổ cơn mưa bất tử. 5931. Chính vào lúc ấy, chúng tôi đã là hàng hậu duệ của đức vua ở thành Bārānasī. Tất cả ba anh em chúng tôi đều được thân cận đối với đức vua. 5932. Chúng tôi có cơ thể và dáng vóc của vị anh hùng, có sức mạnh, không bị đánh bại ở chiến trường. Khi ấy, vùng biên địa bị dấy loạn, vi lãnh chúa đã nói với chúng tôi rang: 5933. "Này các con, hãy đi đên vùng biên địa, hãy càn quét lực lượng lục lâm, hãy làm cho vương quốc của ta được thanh bình, rồi hãy quay trở về và trình bák" 5934. Do đó, chúng tôi đã nói rằng: "Nếu bệ hạ có thể ban đấng Lãnh Đạo cho chúng con về việc hộ độ? do việc đó, chúng con sẽ làm tốt nhiệm vụ cho bệ hạ." 5935. Do đó, chúng tôi đã đạt được điều ân huệ. Được phái đi bởi vị quân vương, chúng tôi đã làm cho vùng biên địa buông khí giới và đã đi đến gặp đức vua lần nữa. 5936. Chúng tôi đã thỉnh cầu đức vua về việc hộ độ bậc Đạo Sư, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc Hiền Trí Anh Hung; và sau khi đã đạt được [thỉnh cầu], chúng tôi đã cung phụng Ngài cho đến hết cuộc đời. 5937. [Chúng tôi đã dâng cúng] các tấm vải vô cùng giá trị, các vị nếm thượng hạng, các chỗ nằm ngồi đáng yêu và các dược phẩm có lợi ích. 5938. Sau khi dâng cúng đến bậc Hiền Trí cùng với hội chúng các phẩm vật được phát sanh đúng pháp của chúng tôi, chúng tôi là những người có giới, có lòng bi mẫn, có tâm gắn bó với sự tu tập. 5939. Chúng tôi đã luôn luôn phục vụ đấng Lãnh Đạo với tâm từ ái. Khi bậc Cao Cả Của Thế Gian ấy Niết-bàn, chúng tôi đã cúng dường tùy theo năng lực. 5940. Mệnh chung từ nơi ấy, tất cả chúng tôi đã đi đến cõi trời Đẩu-suất, đã

thọ hưởng sự an lạc lớn lao ở tại nơi ây; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5941. Giống như người làm trò ảo thuật ở sân khấu biểu diễn nhiều hình thức, tương tợ như thế, trong khi xoay vần ở hiện hữu, tôi đã là vị chúa tể xứ Videha. 5942-43. Có thiên hướng tà kiến theo lời nói của đạo sĩ lõa thể tên Guna,

tôi đã bước lên đạo lộ đi địa ngục. Tôi đã không chấp nhận lời khuyên nhủ của người con gái của tôi là Riyâ. Trong khi được chỉ dạy theo nhiều cách thức bởi đấng Phạm thiên Nârada, tôi đã từ bỏ tà kiến ác xấu. 5944. Sau khi đã làm tròn đủ mười đường lối về nghiệp [thiện] một cách đặc biệt, tôi đã từ bỏ xác thân và đã đi đến cõi trời như là [đi đến] nhà của chính mình. 5945. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, tôi đã là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. Tôi đã được sanh ra trong đại gia tộc Bà-la- môn ở thành pho Bārānasī thịnh vượng. 5946. Bị hãi sợ vê sự chét, sự bệnh và sự già, tôi đã từ bỏ tài sản lớn lao, trong lúc tâm câu đạo lộ Niêt-bàn? tôi đã xuât gia ở những đạo sĩ tóc bện. 5947. Khi ấy, hai người em trai của tôi đã xuất gia cùng với tôi. Tôi đã tạo dựng khu ẩn cư ở tại Uruvelâ và đã cư ngụ [ở đó]. 5948. Kassapa là tên theo gia tộc và là người cư trú ở Uruvelâ, do đó, đã có sự định đặt tên cho tôi là Uruvelakassapa. 5949. Người em trai của tôi ở lân cận khu vực Nadī có tên là Nādīkassapa, và [người em trai] ở lân cận khu vực Gayã có tên là Gayâkassapa. 5950. Người [em trai] nhỏ nhất có hai trăm, người em trai giữa có ba trăm, tôi có năm trăm đệ tử không thiêu sót, tát cả đêu đi theo [sự hướng dân của] tôi. 5951. Khi ấy, đức Phật đã đi đến gặp tôi và đã thực hiện đối với tôi những phép kỳ diệu nhiều loại khác nhau. Đấng Cao Cả Của Thế Gian, bậc Điều Phục Nhan đã hướng dẫn cho tôi. 5952. Cùng nhóm tùy tùng một ngàn người, tôi đã trở thành vị Tỳ-khưu theo lối "được gọi dến" Cùng với tất cả các vị ấy, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 5953-54. Các vị ấy và luôn cả nhiều người đệ tử khác đã tháp tùng theo toi. Và tôi có khả năng để chỉ dạy. Do đó, trong sự hiện diện của đại chúng, bậc Ẩn Sĩ tối thượng đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng, ôi, việc tôn kính đã được thực hiện ở đức Phật đã có quả báo sanh lên cho tôi! 5955. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5956. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5957. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Uruvelakassapa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Uruvelakassapa59 là phần thứ tám.

539. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO RÃDHA (Rãdhattherãpadãnam) 5958. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hiền Trí, đấng hiểu biết về toàn bộ thế giới, bậc Hữu Nhãn đã hiện khởi. 5959. Là bậc giáo giới, là vị làm cho hiểu rõ, là vị giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua, được thiện xảo trong việc thuyết giảng, đức Phật đã giúp cho nhiều người vượt qua. 5960. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Man, vị tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh, cũng đã an trú vào ngũ giới cho tất cả các ngoại đạo đã

đi đến. 5961. Như thế, được tô điểm với các vị A-la-hán có năng lực như thế ấy, [thê gian] đã không bị roi loạn và trông văng các vị ngoại đạo. 5962. Bậc Đại Hiền Trí ấy cao năm mươi tám ratana (mười bốn mét rưỡi) tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng. 5963. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại như thế, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua. 5964. Khi ấy, là người Bà-la-môn thông suốt về chú thuật ở tại Hamsavatī, tôi đã đi đến gặp bậc Quý Nhân ấy và đã lắng nghe việc thuyết giảng giáo pháp. 5965. Được tự tin ở nơi các hội chúng, đấng Đại Hùng, bậc Hướng Đạo đang tuyên bô vi Tỳ-khiru có tài biện giải ở vào vi thê tôi thăng. 5966. Khi ấy, sau khi thể hiện sự tôn kính đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng, tôi đã quỳ xuống đê đầu ở chân [Ngài] và đã phát nguyện vị thế ấy. 5967. Do đó, đức Thế Tôn, vị có ánh sáng tợ như khối vàng đã nói với tôi bằng giọng nói thu hút, [có khả năng] mang đi các phiền não và ô nhiễm rằng: 5968. “Mong sao ngươi có sự an vui, sống thọ. Mong sao ước nguyện được thành tựu cho ngươi. Sự tôn kính đã được ngươi thê hiện đên Ta cùng hội chúng thật vô cùng rộng lớn. 5969. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 5970. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư5 là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ây, là chánh thông, được tạo ra từ giáo pháp, có tên gọi là Râdha. 5971. Được hoan hỷ về chủng tử đức hạnh của ngươi, người con trai dòng Sakyā, bậc Nhân Ngưu, đang Lãnh Đạo ây sẽ tuyên bô [ngươi là] vi đứng đâu trong số các vị có tài biện giải." 5972. Nghe được điều ấy, toi đã trở nên hoan hỷ5 có niệm, có tuệ, định tĩnh. Với tâm tư ái, tôi đã phục vụ đấng Chiến Thắng từ đó cho đến hết cuộc đời. 5973. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý? sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5974. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần. 5975. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Do nhờ tác động của nghiệp ấy, tôi đã được sung sướng ở tất cả các nơi. 5976. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, tôi đã được sanh ra tại kinh thành Giribbajja,6 trong gia tộc Bà-la-môn không được sung túc, bị thiếu thốn về y phục và thức ăn. 5977. Tôi đã dang lên một muỗng thức ăn đến vị Sāriputta như thế ấy. Đen khi già nua và lớn tuôi, khi ấy tôi đã đi đên tu viện. 5978. Là người già cả yếu đuối không có thể lực, các vị không ai cho tôi xuất gia. Vì thế, khi ấy tôi đã trở nên thê thảm, cơ thể bị xuống sắc, có sự sầu muộn. 5979. Sau khi nhìn thấy, đấng Đại Bi, bậc Đại Hiền Trí ấy đã nói với tôi rằng: "Này con trai, lý do gì khiến ngươi lại bi khổ đau vì sầu muộn. Hãy trình bày nỗi khổ đau đã sanh lên ở tâm của nguôi." 5980. "Bạch đấng Anh Hùng, con không đạt được sự xuất gia trong giáo pháp khéo được thuyết giảng của Ngài. Vì thế, con trở nên thê thảm vì sầu muộn. Bạch đấng Lãnh Đạo, xin Ngài hãy là nơi nương nhờ [của con]." 5981. Khi ấy, bậc Hiền Trí tối thượng đã triệu tập các vi Tỳ-khưu lại và đã hỏi rằng: "Những vi nào nhớ được hành động hướng thượng của người này, những vi ấy hãy nói lên.,, 5982. Khi ấy, vị Sāriputta đã nói rằng: "Con nhớ được hành động của người này. Trong khi con đang đi khát thực, ông đã bảo dâng cúng một muỗng thức ăn đen con.” 5983. "Lành thay! Lành thay! Này Sāriputta, ngươi quả là người biết ơn.

Ngươi hãy cho người Bà-la-môn lớn tuổi này xuất gia. Người này sẽ là chủng tử t8t." 5984. Do đó, tôi đã đạt được sự xuất gia và sự tu lên bậc trên với lời tuyên ngôn hành sự. Trong thời gian không bao lâu, tôi đã thành tựu sự đoạn tận các lậu hoặc. 5985. Vì tôi lắng nghe lời nói của bậc Hiền Trí một cách nghiêm chỉnh, do đỏ, đấng Chiến Thắng đã thiết lập tôi là vi đứng đầu trong số các vị có tài biên giải. 5986. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5987. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6 Một tên gọi khác của thành Rājagaha. (ND)

THÁNH NHÂN KÝ sự 497

5988. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Râdha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Rãdha59 là phần thứ chín.

540. KÝ SựVÈ TRƯỞNG LÃO MOGĩlARẴJA(Mogharãịattherâpadãnam) 5989. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hiền Trí, đấng hiểu biết về toàn bộ thế giới, bậc Hữu Nhãn đã hiện khởi.7 5990. Là bậc giáo giới, là vị làm cho hiểu rõ, là vị giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua, được thiện xảo trong việc thuyết giảng, đức Phật đã giúp cho nhiều người vượt qua. 5991. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Man, vị tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh cũng đã an trú vào ngũ giới cho tất cả các ngoại đạo đã đi đến. 5992. Như thế, được tô điểm với các vi A-la-hán có năng lực như thế ấy, [thế gian] đã không bị rối loạn và trống vắng các vi ngoại đạo. 5993. Bậc Đại Hiền Trí ấy cao năm mươi tám ratana (mười bốn mét rưỡi) tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng. 5994. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại như thế, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua. 5995. Lúc bấy giờ, tôi đã ở trong một gia đình nọ tại thành Hamsavatī. Bị vướng bận trong sự quán xuyến công việc của người khác, tài sản riêng của tôi là không có gì. 5996. Trong khi cư ngụ tại gian nhà nghỉ chân có nền đất đã được sửa soạn, tôi đã đốt lên ngọn lửa ở tại nơi ấy [khiến] nền đất ấy đã trở nên đen và cứng. 5997. Khi ấy, đấng Bảo Hộ, bậc giảng giải về bốn sự thật, đã tán dương vị Thinh văn là vi mặc y thô xấu ơ hồi chúng. 5998. Hoan hỷ về đức hạnh đó của vị ấy, toi đã quỳ xuống ở đức Như Lai và đã phát nguyện vị the tối thượng là vi đứng đầu trong so các vị mặc y thô xấu. 5999. Do đó, đức Thế Tôn Padumuttara đã nói với các vi Thinh văn rằng: "Các ngươi hãy nhìn xem người nam có y phục thô xấu và thân hình gầy ốm này. 6000. [Người này] với khuôn mặt tịnh tín và có sự phỉ lạc, được sở hữu tài sản về đức tin, có lông dựng đứng sanh lên ở cơ thể, được mừng rỡ, không cử động, có nhúm bông Sãla. 6001. Người này phát nguyện vị thế ấy của vị Tỳ-khưu có được đạo binh về sự chân thật và có thiên hưởng về hình tướng của vị mặc y thô xấu ấy." 6002. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ và đã quỳ xuống đê đầu ở đấnệ Chiến Thắng. Tôi đã thực hiện việc làm tốt đẹp trong giáo pháp của đấng Chiên Thắng cho đến hết cuọc đời.

7 Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Mogharājā, số 35, trang 81.

e r 9 6003. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý5 sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 6004. Do hành động đốt nền đất ở gian nhà nghỉ chân, tôi đã bị thiêu đốt, bị kho đau ve cảm thọ ở địa ngục một ngàn năm. 6005. Do phần dư sót của nghiệp ấy, trong năm trăm kiếp sống, dầu đã được may mắn sanh ra làm người, tôi đã bi đóng dấu từ lúc mới sanh. 6006. Tôi đã bi nhiễm bệnh phong cùi luôn cả năm trăm kiếp sống. Do tác động của nghiệp ấy, tôi đã trải qua kho đau lớn lao. 6007. ở vào kiếp Bhaddā này, với tâm ý tịnh tín, tôi đã làm hài lòng vi có danh vọng tối cao bang món thức ăn. 6008. Do tính chất đặc biệt của nghiệp ấy và do các nguyện lực của tác ý? sau khi từ bỏ thân nhân loại, tồi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 6009. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, tôi đã được sanh ra trong gia tộc Sát-đế-ly. Khi cha tôi băng hà, tôi đã được kế thừa vương quốc rộng lớn. 6010. Bị bệnh phong cùi chê ngự, tôi không đạt được sự vui sướng và sự an lạc. Vì sự sung sướng vê vương quốc là rỗng không, cho nên tôi là Mogharājā.8 6011. Sau khi nhìn thây sự xâu xa của thân thê, tôi đã xuất gia vào đời sông không gia đình. Tôi đã đi đến làm học trò của vị Bà-la-môn cao cả tên Bāvarī. 6012. Cùng với đoàn tùy tùng đôn^ đảo, tôi đã đi đến gặp đấng Lãnh Đạo nhân loại. Tôi đã hỏi đấng Anh Hùng ây là vị [có khả năng] khuất phục người đối đáp một câu hỏi khôn khéo. 6013. Thế ệiới này, thế giới khác, thế giới Phạm thiên, luôn cả thế giới chư thiên không biêt rõ quan điểm của Ngài, của vi Gotama có danh vọng. 6014. “Bằng cách nào Thần chết không nhìn thấy người đang suy xét về thân ny?" Là người có mục dích, tôi đã đi đến với người có sự thấy biết vượt trội như vậy bằng câu chất vấn. 6015. "Này Mogharāja, hãy luôn luôn có niệm. Ngươi hãy suy xét thân này là không. Sau khi dẹp bỏ tà kiến về tự ngã,9 như vậy ngươi có thể vượt trội Than chết. 6016. Thần chết khônẹ nhìn thấy người đang suy xét về thân này là như thế." Đức Phật, người thầy thuôc chữa tất cả các loại bệnh đã giảng cho tôi như vậy. 6017. Với sự chấm dứt của câu kệ, tôi có râu tóc đã được cạo bỏ, có sự mặc lên tấm vải ca-sa, tôi đã trở thành vị Tỳ-khưu A-la-hán như thể. 6018. Bị hành hạ bởi căn bệnh, tôi đã không cư ngụ trong các trú xá thuộc về hội chúng, [nghĩ rằng:] "Chớ để trú xá bi dơ bẩn”, tôi đã bị hành hạ bởi các cơn bệnh về gió.

8 Mogharājā nghĩa là vua (rājā) rỗng không (mogho), rcỳja là vương quốc, vương quyền." 9 Xem phần nói về Tùy ngã kiến, Patisambhidāmagga I (Phân tích đạo I), TTPV, tập 37, trang 266-281.

6019. Sau khi đã đem về từ đống rác9 từ bãi tha ma và từ các đường lộ, từ đó tôi đã làm nên y hai lớp và tôi đã mặc y thô xấu. 6020. Hoan hỷ về đức hạnh ấy của tôi, bậc Thầy Thuốc Vĩ Đại, đấng Hướng Đạo đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng trong số các vị mặc y thô xấu. 6021. Có sự đoạn tận thiện và ác, đã được dứt bỏ mọi cơn bệnh, tợ như ngọn lửa không còn nhiên liệu, tôi đã Niết-bàn không còn lậu hoặc. 6022. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như

là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6023. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6024. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mogharāja đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Mogharājaw là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vi Kaccâna, vi Trưởng lão Vàkkali, vi có tên là Mahâkappina, vị Dabba, vị có tên là Kumāra, vị Bâhiya, vị Kotthita có năng lực, vi Uruvelakassapa, vị Râdha và bậc trí tuệ Mogharājā. ở đây có ba trăm và luôn cả sáu mươi hai câu kệ đã được gộp chung lại. Phẩm Kaccãna là phẩm thứ năm mươi bốn.

500 KINH TIỂU Bộ

LV PHẨM BHADDIYA (BHADDIY4VĂGGƠ)

541. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO LAKUNTAKABHADDIYA (Lakuntakabhaddiyattherāpadānam) 6025. Trước đây một trăm n^àn kiếp, vi Lãnh Dạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp đã hiện khởi. 6026. Vào lúc bấy giờ, tôi là con trai nhà triệu phú có đại tài sản ở tại Hamsavatī. Trong khi đi bộ lang thang, tôi đã đi đến tu viện của hội chúng. 6027. Khi ấy, bậc Quang Đăng Của Thế Gian, đấng Lãnh Đạo ấy đang thuyết giảng giáo pháp. Ngài đã tán dương vị Thinh văn ưu tú trong số các vi có giọng nói ngọt ngào. 6028. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ và đã thể hiện sự tôn kính đến bậc Đại Án Sĩ. Tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư và đã phát nguyện vị thế ấy. 6029. Khi ấy, đức Phật, đấng Hướng Đạo đã chú nguyện ở giữa hội chúng rằng: "Trong thời vị lai xa xăm, người này sẽ đạt được điêu ước nguyện ấy. 6030. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên là Gotama, xuất thân gia tộc Okkắka sẽ xuat hiện ơ thế gian. 6031. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy? là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Bhaddiya?5 e r r 6032. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý? sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 6033. Trước đây chín mươi hai kiếp, bậc Lãnh Đạo Phussa, vị khó tiếp cận, khó chinh phục, đấng Chiến Thắng Tối Thượng của tất cả thế gian đã hiện khởi. 6034. Là vị hội đủ tánh hạnh, cao thượng, ngay thẳng, có sự huy hoàng, là người tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh, Ngài đã giải thoát cho nhiều người khỏi sự trói buộc. 6035. Tôi đã là con chim cu cu cườm ở khu rừng Nandārāma. Tôi sống ở cành cây xoài gần hương thất của Ngài. 6036. Khi ấy, sau khi nhìn thấy đấng Chiến Thắng Tối Thượng, bậc Xứng Đáng Cúng Dường đang đi khất thực, tôi đã làm cho tâm được tinh tín và đã hót lên với tiếng hót ngọt ngào.

THÁNH NHÂN KÝ su 501

. M /\ . M n , r r . 6037. Khi ây? tôi đã đi đến khu vườn của đức vua và đã gáp lây chùm xoài chín muồi có màu da vàng chói rồi đã dâng đến bậc Toàn Giác. 6038. Khi ấy, biết được tâm của tôi, bậc Đại Bi Man, đấng Chiến Thắng, bậc Lãnh Đạo đa nhận lấy bình bát từ tay cùa vị thị giả. 6039-40. Với tâm hớn hở, tôi đã dâng cúng chùm xoài đến

bậc Đại Hiền Trí. Sau khi đặt vào bình bát, tôi đã chắp hai cánh lại, đồng thời hót lên với tiếng hót ngọt ngào, quyến rũ, êm tai, vui vẻ nhằm mục đích cúng dường đức Phật. Rồi toi đã bay ve tổ và nằm xuống. 6041. Khi ấy, tôi đã co tâm hoan hỷ, có thiên hướng yêu mến đức Phật. Có con chim ưng với tâm ý xấu xa đã đi đến và đã giết chết tôi. 6042. Từ nơi ấy chết di, tôi đã thọ hưởng sự sung sướng lớn lao ở cõi trời Đẩu-suất. Do nhờ tác động của nghiệp ấy, tôi đã đi đến nhập vào thai của loài người. 6043. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vi đang thuyết giảng, đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. 6044.A Ngài đã làm chói sáng 9 giáo pháp, đã khuất phục các ngoại đạo xấu -r -r

xa, đã huân luyện những người đáng được huân luyện, và đã Niêt-bàn cùng các vị Thinh văn. 6045. Khi đấng Cao Cả ấy của thế gian đã Niết-bàn, được tinh tín, nhiều người tạo nên ngôi bảo tháp nhăm mục đích cúng dường đên đức Phật, đên bậc Đạo Sư. 6046. Họ bàn thảo như vây: "Chúng ta sẽ tạo nên ngôi bảo tháp bảy do-tuân được trang hoàng bằng bảy loại châu báu dành cho bậc Đại Ẩn Sĩ?5 6047. Khi ấy, tôi đã là vị thống lãnh quân đội của đức vua của xứ Kâsi [tên] là Kiki. Tôi đã nói đến việc giảm thiểu kích thước ở ngôi bảo tháp. 6048. Khi ấy, do lời nói của tôi, họ đã xây dựng ngôi bảo tháp một do-tuần được trang hoàng bằng bảy loại châu báu dành cho bậc Anh Hùng của nhân loại. 6049. Do nghiệp ây đã được thực hiện hoàn tát và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 6050. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh vào gia đình triệu phú sung túc, thịnh vượng, có tài sản lớn lao ở tại kinh thành Sāvatthi. 6051. Sau khi nhìn thấy đấng Thiện Thệ ở lối đi vào thành phố, tôi đã có tâm ý sửng sốt. Sau khi xuất gia không lâu, tôi đã thành tựu phẩm vi A-la-hán. 6052. Do hành động tôi đã làm về kích thước của ngôi bảo tháp, tôi đã được sanh ra có thân hình thấp bé, đáng bị khinh thường. 6053. Sau khi cúng dường bậc Ẩn Sĩ tối thượng với giọng hát ngọt ngào, tôi đã thành tựu bản thể hàng đầu trong số các vi Tỳ-khmi có giọng nói ngọt ngào.

502 KINH TIẾU Bộ

6054. Do việc dâng Cling trái cây và sự tưởng nhớ đến đức hạnh của đức Phật, tôi được thành tựu quả vị Sa-mon, tôi sống không còn lậu hoặc. 6055. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6056. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6057. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Lakuntakabhaddiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* uKý sự về Trưởng lão Lakuntakabhaddiya" là phần thứ nhất

542. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KAÑKHĀREVATA (Kañkhārevatattherāpadānam) 6058. Trước đây một trăm nậàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp đã hiện khởi. 6059. Ngài có hàm sư tử, có giọng nói của Phạm thiên, có âm điệu của loài chim thiên nga và tiếng trống, có sự bước đi hùng

dũng của loài rồng, có ánh sáng vượt trội mặt trăng và mặt trời. 6060. Bậc Đại Trí, đang Đại Hùng là có thiên chứng lớn lao, có sức mạnh lớn lao. Bậc Đại Bi, đấng Bảo Hộ là có sự xua đi màn tăm tối lớn lao. 6061. Có lần nọ, đấng Cao Cả của tam giới ấy, bậc Toàn Giác, đấng Hiền Trí, vị hiểu biết về thiên hướng của chúng sanh, trong lúc đang huấn luyện cho nhiều người đáng được huấn luyện, Ngài đã thuyết giảng giáo pháp. 6062. Trong lúc tán dương ở hội chúng vê vị anh hùng có thiên chứng, thỏa thích về thiền, an tịnh, không bị chộn rộn, đấng Chiến Thắng đã làm cho dân chúng được hoan hỷ. 6063. Khi ấy, tôi đã là vị Bà-la-môn thông suốt các bộ Vệ-đà ở thanh Hamsavatī. Sau khi lắng nghe giáo pháp, được hoan hỷ tôi đã phát nguyện vị thế ấy. 6064. Lúc bấy giờ, đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo đã chú nguyện ở giữa hội chúng răng: uNày Bà-la-môn, ngươi hãy hoan hỷ, ngươi sẽ đạt được điều ước nguyện ấy. 6065. Vào một trăm nệàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên là Gotama, xuất thân gia tộc Okkẩka sẽ xuat hiện ơ thể gian. 6066. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Revata?5

1 Lakuntakabhaddiya nghĩa là tên Bhaddiya thấp lùn (lakuntakā)y

6067. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 6068. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra ở thành Koliya, được thành tựu gia tộc Sát-đê-lỵ sung túc, thịnh vượng, có tài sản lớn lao. 6069. Vào lúc đức Phật đã thuyết giảng giáo pháp ở Kapilavatthu, khi ấy, được tịnh tín ở đấng Thiện Thệ, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 6070. Tôi đã có nhiều sự hoài nghi về điều được phép và không được phép, ở việc này việc nọ. Sau khi thuyêt giảng vê giáo pháp tôi thượng, đức Phật đã hướng dẫn tất cả các điều ấy. 6071. Do đó, tôi đã vượt qua luân hồi và tôi sống luôn luôn được thỏa thích trong sự an lạc của thiền. Khi ấy, đức Phật, sau khi nhìn thấy tôi, Ngài đã nói điều này: 6072. “Bất cứ điều hoài nghi nào ở nơi đây hoặc ở cõi khác, do sự hiểu biết của chính mình hoặc do sự hiểu biết của người khác, những vị nào có thiền chứng, có sự tinh cần, đang thực hành Phạm hạnh, dứt bỏ tất cả những hoài nghi áy." 6073. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được ban ra, tôi đã thiêu đót các phiền não của tôi. 6074. Do đó9 sau khi nhìn thấy tôi được thỏa thích trong thiền, đức Phật, vị đã đi đến tận cung của thế giới, bậc Hiền Trí, đấng Đại Trí đã tuyên bố tôi là đứng đầu trong số các vị Tỳ-khưu có thiền chứng. 6075. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6076. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6077. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kañkhārevata2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Kañkhārevata95 là phần thứ nhì.

543. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĪVALĪ (Sīvalittherāpadānam) 6078. Trước đây một trăm nậàn kiếp, vị Lãnh Bạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp đã hiện khởi. 6079. Giới của vị ây là kh6ng thê đo lường, định được sánh với kim cương, trí tuệ cao quý là không thê ước lượng, và sự giải thoát là không có tương đương.

2 Kañkhārevata nghĩa là Revata có sự hoài nghi (kañkha)y

6080. ở cuộc hội họp của loài người, chư thiên, các loài rồng và các đấng Phạm thiên, được đông đảo các vị Sa-môn và Bà-la-môn, bậc Lãnh Đạo đã thuyết giảng giáo pháp. 608L Được tự tin ở nơi các hội chúng, Ngài đã thiết lập vị Thinh văn có lợi lộc nhiều, có phước báu rạng ngời vào vi the toi thắng. 6082. Khi ấy, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ ở thành phố tên là Hamsã. Tôi đã nghe được lời nói ấy của đấng Chiến Thắng [nói] về nhiều đức hạnh của vị Thinh văn. 6083. Tôi đã thỉnh mời và đã cung cấp vật thực đến Ngài cùng với các VỊ Thinh văn trong bảy ngày. Sau khi cúng dường cuộc đại thí, tôi đã phát nguyện vị thế ấy. 6084. Khi ấy, sau khi nhìn thấy tôi khom mình ở bàn chân, bậc Nhân Ngưu, đấng Đại Hùng với âm điệu dịu dàng đã nói lời nói này. 6085. Do đó, có ước muôn được nghe lời nói của đang Chiên Thăng, đám đông người gồm có chư thiên, a-tu-la, càn-thát-bà và các đấng Phạm thiên có đại thần lực. 6086. Luôn cả các vị Sa-môn và Bà-la-môn đã chắp tay lên lễ bái rằng: “Bạch đấng Siêu Nhân, xin kính lễ Ngài. Bạch đấng Tối Thượng Nhân, xin kính lễ Ngai. 6087. Bạch đấng Đại Hiền Trí, cuộc đại thí đã được vị Sát-đế-lỵ dâng cúng đến Ngài trọn bảy ngày, xin Ngài hãy chú nguyện quả báo cho vị ấy, [chúng tôi] có ước muốn được nghe." 6088-89. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói rằnjg: "Các ngươi hãy lắng nghe lời nói của Ta. Sự cúng dường đã khéo được thiêt lập ở đức Phật vô lượng, ở hội chúng, ai là người thông báo rằng chính việc cúng dường ấy là có quả báo vô lượng? Và luôn cả người có của cải dồi dào này cũng phát nguyện vi thế tối thượng rằng: 6090. 'Giống như vị Tỳ-khiru Sudassana là có lợi lộc tronjg số các vi có lợi lộc dồi dào, mong rằiig ta cũng có thê được tương tợ y như thê\ [người này] sẽ đạt được điều ấy trong ngày vị lai. 6091. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuât hiện ở thế gian. 6092. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên laSivali/9 J 6093. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 6094. Trước đây chín mươi mốt kiếp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī là vị có ánh mắt thu hút, vi thấy rõ tất cả các pháp đã hiện khởi. 6095. Lúc bấy giờ, tôi đã bi bận rộn với việc buôn bán, là người được cảm tình và còn được mong mỏi nữa của một gia đình nọ ở tại thành Bandhumatī.

6096. Khi ấy, có hội đoàn nọ đã thực hiện bữa ăn lớn lao vô cùng nổi tiếng đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī. J 6097. Và khi cuộc đại thí được hoàn tất, họ đã dâng cúng món bánh tổng hợp. Trong lúc tìm kiếm, người ta vẫn không nhìn thấy sữa đông tươi và luôn cả mật

ong nữa. 6098. Khi ấy, tôi đã cầm lấy sữa đông tươi ấy luôn cả mật ong rồi đã đi đến nhà của người chủ công việc. Trong lúc tìm kiếm vật ấy, họ đã nhìn thấy tôi. 6099. Dầu họ đã xuất ra đến một ngàn nhưng vẫn không nhận được hai món ấy. Do đó, tôi đã suy nghĩ như vầy: "Việc này sẽ không là chuyện nhỏ. 6100. Giống như tất cả những người này tôn trọng đức Như Lai, thì ta cũng sẽ thể hiện sự tôn kính ở nơi đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng.55 6101. Khi ây, sau khi suy nghĩ như thê, tôi đã nghiên nát sữa đông và mật ong chung lại rồi đã dâng cúng đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng. 6102. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 6103. Lần khác nữa, tôi đã trở thành vị vua có danh vọng lớn lao ở thành Bārānasī. Khi ấy, bị bực mình đối với quân thù, tôi đã cho thực hiện sự ngăn chặn ở cổng thành. 6104. Khi ây, mọi người cùng với các quân lính đã bị ngăn cản và đã bị canh giữ bảy ngày. Sau đó, do kết quả của việc ấy, tôi đã thường xuyên bị rơi vào địa ngục. 6105. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra ở thành Koliya. Và mẹ của tôi là Suppavãsâ, cha là Mahāli người xứ Licchavī. 6106. Do nghiệp phước thiện khi là vị Sát-đế-lỵ và do tác động của việc ngăn chặn công thành, tôi đã sông bảy năm trong bụng mẹ, chịu khô đau. 6107. Trong bảy ngày, tôi đã bị mê man ở cửa [sanh ra], gánh chịu sự khổ đau lớn lao. Mẹ của tôi đã bị vô cùng đớn đau như thế do việc bày tỏ sự đồng tình [về quyết đinh ngăn chặn cửa thành trong bảy ngày]. 6108. Được đức Phật thương tưởng, tôi đã được sanh ra an toàn. Ngay vào ngày được hạ sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 6109. Thầy tế độ của tôi là vi Sāriputta và vị Moggallâna có đại thần lực. Trong khi đang xuống tóc, bậc Đại trí đã chỉ dạy cho tôi. 6110. Khi các sợi tóc đang được cạo, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Chư thiên, các loài rồng và nhân loại đem lại cho tôi các vật dụng. 6111. Việc tôi đã hoan hỷ cúng dường đến đấng Bảo Hộ Padumuttara và đấng Hướng Đạo Vipassī với các vật dụng một cách đặc biệt. 6112. Do đó? với tính chất đặc biệt của các nghiệp ấy, tôi đạt được lọd lộc dồi dào và thượng hạng ở mọi nơi, ở rừng rú, ở làng mạc, ở sông nước, ở đất liền.

6113. Vào lúc đang Hướng Đạo ra đi nhăm mục đích thăm viêng vi Revata, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian đã ra đi cùng với ba mươi ngàn vị Tỳ-khưu. 6114. Khi ấy, bậc Đại Trí, đấng Đại Hùng, vi Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng đã có các vật dụng được chư thiên đem lại vì sự lợi ích cho tôi. 6115. Được tôi phục vụ, đức Phật đã đi đến và thăm viếng Revata. Sau đó, Ngài đã đi đến Jetavana và đã thiết lập tôi vào vi thế tối thắng. 6116. Bậc Đạo Sư, nguồn lợi ích của tất cả thế gian, đã tán dương tôi ở các hội chúng rằng: "Này các Tỳ-khưu, trong các đệ tử của Ta, Sivalĩ là vị đứng đàu trong số các vi có được lợi lộc/5 6117. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6118. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6119. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sĩvalĩ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Sīvalf9 ỉa phần thứ ba.

544. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VAÑGĪSA (Vañgīsattherāpadānam) 6120. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vi Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tát cả các pháp đã hiển khởi. 6121. Cũng giống như sóng ở biển cả, tợ như các vì sao ở bầu trời, tương tợ như thế, lời giảng dạy của Ngài được tô điểm bằng các vi A-la-hán. 6122. Ngài đứng đâu chư thiên, các hàng atu-la, các loài rông và nhân loại. Ngài là bậc tối thượng ở giữa dân chúng có đông đảo các vị Sa-môn và Bà-la- môn. 6123. Đấng Chiến Thắng, vị đã đi đến tận cùng của thế giới, đang chiếu sáng thế gian bằng các tia sáng. Ngài đang đánh thức những đóa hoa sen xứng đáng được dẫn dắt bằng ngôn từ. 6124. Bậc Tối Thượng Nhân được hội đủ bốn pháp tự tín, có sự sợ hãi và quyến luyến đã được dứt bỏ, đã đạt đến sự bình an, có lòng tự tín. 6125. Đang Cao Cả Của Thê Gian chứng tỏ vi thê hùng tráng cao quý và toàn bộ nên tảng của bậc đã được giác ngộ, không có tự trách cứ vê bát cứ điêu gì. 6126. Trong khi Ngài là bậc như thê ây đang rông lên tiêng rông không chút hãi sợ của loài sư tử, không có người nào phản bác lại, dầu là thiên nhân, hoặc loài người, hay là đấng Phạm thiên. 6127. Trong khi thuyết giảng giáo pháp cao quý, trong khi giúp cho [nhân loại],

luôn cả chư thiên vượt qua, bậc tự tín ở nơi các hội chúng [đã] chuyển vận bánh xe Chánh pháp. 6128. Sau khi tán dương vị Thinh văn đứng đầu trong số các vị có tài biện giải được công nhận là tót lành vê nhiêu đức hạnh, Ngài đã thiêt lập vị ây vào vi thế tôi thắng. 6129. Khi ấy, tôi đã được sanh ra ở thành Hamsavatī, là người Bà-la-môn được công nhận là tốt lành, là người hiểu biết về tất cả các bộ Vệ-đà, là vị chúa tể của việc tranh cãi, là bậc có sự tiêu diệt người đối đáp. 6130. Tôi đã đi đến gặp đấng Đại Hùng ấy và đã lắng nghe về sự thuyết giảng giáo pháp ấy. Được thỏa thích với đức hạnh của vị Thinh văn, tôi đã đạt được niềm phỉ lạc cao quý. 6131. Tôi đã thỉnh mời đấng Thiện Thệ là niềm vui thích của thế gian cùng với hội chúng. Sau khi cung cap vật thực trong bảy ngày, khi ấy tôi đã khoác lên [các vi] với những tấm vải. 6132. Tôi đã quỳ xuống đê đầu ở bàn chân [Ngài]. Được sự cho phép, toi đã chắp tay lại, đứng ở một bên, mừng rỡ, tôi đã ngợi ca đấng Chiến Thắng Tối Thượng rằng: 6133. "Bạch đấng tranh luận [dũng mãnh] tợ loài beo, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Cao Cả của tất cả thế gian, con kính lễ Ngài! Bạch đấng làm cho không còn hãi sợ, con kính lễ Ngài! 6134. Bạch đấng khuấy động Ma vương, con kính lễ Ngài! Bạch đấng có sự tiêu diệt tà kiến, con kính lễ Ngài! Bạch đang ban cho sự thanh tinh và an lạc, con kính lễ Ngài! Bạch đấng tạo sự nương nhờ, con kính lễ Ngài! 6135. Ngài đang là đấng Bảo Hộ cho những ai không người bảo hộ, là người ban phát sự không sợ hãi cho những ai bi hãi sợ, là vùng đất nghỉ ngơi của chúng sanh, là nơi nương nhờ cho những ai tầm cầu sự nương tựa." 6136. Sau khi ngợi ca đấng Toàn Giác có đức hạnh lớn lao như thế, v.v... Tôi đã nói rằng: “Con sẽ đạt đến số phận của vị Tỳ-khtru tranh luận dũng cm." 6137-38. Khi ấy, đức Thế Tôn, bậc có tài biện giải không giới hạn đã nói rằng: "Được tịnh tín, người này đã tự tay mình chăm lo bữa ăn đến đức Phật cùng với [các] Thinh văn trong bảy ngày và đã ngợi ca đức hạnh của Ta. Người này ước nguyện vị thế của vị Tỳ-khưu là người tranh luận dũng cảm. 6139. Trong thời vị lai xa xăm, ngườd này sẽ đạt được điều ước nguyện ấy sau khi đã thọ hưởng sự thành tựu ở cõi trời và cõi

người không phải là ít. 6140. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkãka sẽ xuất hiện ơ thế gian. 6141. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Vañgisa.^

6142. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái, tôi đã chăm sóc đấng Chiến Thắng, đức Như Lai bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời. 6143. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đẩu-suất. 6144. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được tái sanh vào gia đình du sĩ ngoại đạo. Và đến lúc tôi đã được bảy tuổi tính từ lúc sanh. 6145. Toi đã trở thành người hiểu biết tất cả các bộ Vệ-đà, được tự tin trong nghệ thuật về tranh luận, là vị chúa tể của các nhà tranh luận, có sự thuyết giảng hay, đánh bại các nhà tranh luận khác. 6146. Vañgīsa nghĩa là "Được sanh ra ở xứ Vàhga" hoặc là uVị chúa tể về lời nói?9 Được đồng tình bởi thế gian, tên của tôi đã là Vañgīsa. 6147. Vào lúc tôi đạt đến sự hiểu biết, tôi đã đứng đầu trong lớp trẻ. Khi ấy tôi đã nhìn thấy vị Sāriputta ở thành Rājagaha đáng yêu. (Dứt tụng phẩm thứ hai mươi lăm).

6148. Trong lúc đi đó đây để khất thực, vi ấy tay ôm bình bát, khéo thu thúc, mắt không láo liên, có lời nói cân nhắc, có tầm nhìn xuống một cán cày. 6149. Sau khi nhìn thấy vi ấy, tôi đã trở nên sửng sốt và đã tức thời nói lên câu kệ văn vẻ, thuận theo tâm ý được sáng tác tại chỗ. 6150. Vị ấy đã nói với tôi về đấng Đạo Sư, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Của Thế Gian. Khi ấy, bậc anh hùng ấy đã nói cho tôi câu trả 1 6151. Vi ấy đã nói về lời giảng dạy có sự xa lìa tham ái, khó hiểu thấu, cao thượng. Với các sự hiểu biết rõ ràng, tôi đã trở nên hoan hỷ với vị như thế ấy. Tôi đã quỳ xuống, đê đầu ở bàn chân [vị Sāriputta] và đã nói rằng: “Xin Ngài hãy cho toi xuất gia?9 6152. Do đó, bậc Đại Trí tuệ ấy đã đưa tôi đến gặp đức Phật tối thượng. Tôi đã quỳ xuống, đê đầu ở bàn chân [Ngài], rồi đã ngồi xuống gần bên bậc Đạo Sư. 6153. Bậc Tối Thượng trong số những người tranh luận đã nói với tôi rằng: uNày Vañgīsa, ngươi biết được điều gì, có tài nghệ gi?" Và tôi đã nói với Ngài rằng: "Con có biết.” 6154. "Với tài nghệ đặc biệt của ngươi, nếu ngươi có khả năng thì hãy cho biết về cái sọ người đã chết bị quăng bỏ ở trong rừng cũng đã mười hai năm.,^ 6155. vâng.” Khi tôi đồng ý, Ngài đã chỉ cho thấy ba cái sọ người. Tôi đã cho biết rằng đã đạt đến địa ngục, loài người và cối trời. 6156. Khi ấy, đấng Lãnh Đạo đã chỉ cho thấy cái sọ của đức Phật Độc Giác. Do d6, tôi đã bị thất bại và tôi đã cầu xin sự xuất gia. 6157. Sau khi xuất gia, tôi ngợi ca đức Thiện Thệ ở nơi này nơi khác. Do đó? các vị Tỳ-khiru ở đây than phiền về tôi là "Nhà sáng tác thơ ca."

6158. Do đó, nhăm mục đích tìm hiêu, đức Phật, bậc Hướng Đạo đã nói với tôi rằng: "Những câu kệ này đã được suy nghĩ [trước đây] hay là [vừa mới] nảy sanh theo sự viec?” 6159. “Bạch đàng Đại Hùng, con không phải là nhà sáng tác thơ ca, chúng [vừa mới] nảy sanh theo sự việc?5 "Này Vañgīsa, như thế thì ngươi hãy ngợi ca về Ta theo sự việc?9 6160. Khi ấy, tôi đã ngợi ca đấng Anh Hùng, bậc Ẩn Sĩ tối thượng với những câu

kệ theo sự việc. Khi ấy, được hoan hỷ về tôi, đấng Chiến Thắng đã thiết lập tôi vào vị thế đưng đầu. 6161. Do tâm sáng láng, tôi đã vượt trội các vị tốt lành khác. Do điều ấy, tôi đã bị tác động, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 6162. "Không tìm thấy bất cứ Vị nào khác là vị đứng đầu trong số các vị có tài biện giải như là vị Tỳ-khưu Vañgīsa này. Này các Tỳ-khưu, các ngươi hãy ghi nhận như thế." 6163. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não [của tôi]. 6164. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6165. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6166. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vañgīsa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Vahgisa" là phần thứ tư.

545. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NANDAKA (Nandakattherãpadânam) 6167. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp đã hiện khởi. 6168. Đang Siêu Nhân, bậc cao quý trong sô các vị đang thuyêt giảng đã ngự đến [thế gian], có cả chư thiên vì sự tấn hóa, vì sự lợi ích, vì sự an lạc của tất cả chúng sanh. 6169. Đang Chiên Thăng đạt được danh vọng cao cả, có sự vinh quang, được mang lại sự ca ngợi về tiếng thơm, được cúng dường, được nổi tiếng ở khắp mọi phương của toàn thể thế gian. 6170. Ngài đã vượt lên trên sự nghi hoặc, đã vượt qua hẳn sự lưỡng lự, đã được tròn đủ vê tâm ý và sự suy tư, đã đạt đên quả vi Toàn giác tôi thượng.

6171. Bậc Vĩ Nhân là người đã làm sanh lên con đường chưa được hiện khởi, đã công bố điều chưa được công bố và đã biết điều chưa được biết. 6172. Là người biết về đạo lộ, hiểu rõ về đạo lộ, bậc Nhân Ngưu ấy đã nói về đạo lộ. Được thiện xảo về đạo lộ5 bậc Đạo Sư là đấng cao quý tối thượng trong số những người điều khiển xe. 6173. Khi ấy, đấng Đại Bi, bậc Lãnh Đạo thuyết giảng giáo pháp. Ngài tiếp độ những sanh mạng bị chìm đắm trong vũng lầy mê muội. 6174. Trong lúc tán dương vi Thinh văn được công nhận là dứng đầu trong việc giáo giới các Tỳ-khưu-ni, bậc Đại Hiền Trí đã tuyên bố về vị the tối thắng. 6175. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Tôi đã thỉnh mời đức Như Lai cùng với hội chúng, và sau khi đã chăm lo bữa ăn, tôi đã phát nguyện vị thế tối thượng ấy. 6176. Khi ấy, được hoan hỷ, đấng Bảo Hộ, bậc Đại Ấn Sĩ đã nói với tôi rằng: "Mong rằng ngươi được an lạc và trường thọ, ngươi sẽ đạt được điều ước nguyện ấy. 6177. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 6178. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Nandaka?9 e r e r 6179. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 6180. Và trong kiêp sông cuôi cùng hiện nay, tôi đã được sanh vào gia đình triệu phú

sung túc, thịnh vượng, có tài sản lớn lao ở trong kinh thành Sāvatthi. 6181. Sau khi nhìn thấy đấng Thiện Thệ ở lối đi vào thành phố? tôi đã có tâm ý sửng sốt. Vào lúc tiếp nhận tu viện Jeta, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 6182. Trong thời gian không bao lâu, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Sau đó? có sự luân hồi đã được vượt qua, tôi đã được chỉ dạy bởi đấng Toàn Tri. 6183-84. Theo sự yêu câu, tôi đã thực hiện việc thuyết giảng giáo pháp cho các Tỳ-khưu-ni. Được chỉ dạy bởi tôi, tất cả năm trăm vị Ni ấy không thiếu người nào đã trở thành các bậc Vô lậu. Khi ấy, được hoan hỷ? bậc có sự lợi ích lớn lao đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng trong số các vị giáo giới các Tỳ-khưu-ni. 6185. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được băn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não [của tôi]. 6186. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

THÁNHNHÂNKÝSỰ> 511

6187. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6188. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nandaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ky sự về Trưởng lão Nandaka" là phần thứ năm.

546. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KẢLUDÃYI (Kāludāyittherāpadānam) 6189. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vi Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp đã hiện khởi. 6190. Bậc Đạo Sư là đấng cao quý trong số các đấng Lãnh Đạo, là bậc hiểu biết về thiện hạnh và ác hạnh, là đấng Chiến Thắng, là bậc ghi nhớ an nghĩa, là bậc biết được hậu quả, Ngài giúp cho các sanh mạng gắn bó vào niềm tin. 6191. Có thiên hướng về lòng trắc ẩn, Ngài phân định bằng trí tuệ biết được tát cả. Có sự tích lũy vê đức độ vô biên, Ngài thuyêt giảng vê giáo pháp cao quý. 6192. Có lân nọ, bậc Đại Anh Hùng ây thuyêt giảng giáo pháp ngọt ngào bao gồm bốn sự thật ở cuộc hội họp gồm dân chúng vô số kể. 6193. Sau khi lắng nghe giáo pháp cao quý có sự tốt đẹp ở phần đầu phần giữa và phần cuối ấy, đã có sự lãnh hội giáo pháp của hàng trăm ngàn sanh mạng. 6194. Khi ấy, trái đất đã gây rạ tiếng động và các đám mây mưa đã gào thét. Chư thiên, Phạm thiên, nhân loại và các a-tu-la đã thể hiện hành động tán thán: 6195. ^01, đấng Bi Mẫn, bậc Đạo Sư! ôi, sự thuyết giảng giáo pháp! ôi, đấng Chiến Thắng đã tiếp độ những kẻ bị chìm đắm trong đại dương của hiện hữu!" 6196. Trong khi nhân loại, chư thiên và Phạm thiên sanh lên nỗi niềm bày tỏ như thế, đấng Chiến Thắng đã tán dương vị Thinh văn đứng đầu trong số các vị tạo niềm tịnh tín cho các gia đình. 6197. Khi ấy, được sanh ra trong gia đình vị quan cận thần ở tại Hamsavatī, tôi đã là người đáng mến, đáng nhìn, có dồi dào về tài sản và lúa gạo. 6198. Tôi đã đi đến tu viện Hamsa và đã đảnh lễ đức Như Lai ấy. Tôi đã lắng nghe giáo pháp ngọt ngào và đã thể hiện hành động tôn kính đến vi như thế ấy. 6199. Tôi đã quỳ xuống ở cạnh bàn chân [Ngài] và đã nói lời nói này: "Bạch đấng Hiền Trí, vị đứng đầu trong số các vi tạo niềm tinh tín cho các gia đình đã được Ngài ngợi khen. 6200. Bạch đang Anh Hùng, con

sẽ là vi như thê ây trong giáo pháp của đức Phật tối thượng.^ Khi ấy, đấng Đại Bi đang rưới lên tôi bằng [dòng nước] bất tử. 6201. Ngài đã nói với tôi rằng: "Này con trai, hãy đứng dậy, ngươi sẽ đạt

được điêu ước nguyện áy. Sao lại không có két quả sau khi đã thê hiện hành động tôn kính đến đấng Chiến Thắng? 6202. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuat hiện ơ thế gian. 6203. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Su, là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên laUdayi/9 6204. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ai, toi đã chăm sóc đấng Chiến Thang, bậc Hướng Đạo bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời. 6205. Do kết quả của nghiệp ấy và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 6206. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra trong gia đình vị quan đại thần của vi lãnh chúa Suddhodana ở tại thành Kapilavatthu đáng yêu. 6207. Vào lúc đấng Nhân Ngưu Siddhartha đã được sanh ra ở tại khu rừng Lumbinī đáng yêu vì lợi ích và vì sự an lạc của tất cả thế gian. 6208. Tôi đã được sanh ra đúng vào ngày hôm ấy. Cùng với Ngài ấy, tôi đã lớn lên, trở thành người bạn yêu dấu, được cảm tình, có học thức, rành rẽ ve le loi. 6209. Đen khi hai mươi chín tuổi, trong lúc ra đi, Ngài đã xuất gia. Sau khi trải qua sáu năm, Ngài đã trở thành đức Phật, đấng Hướng Đạo. 6210. Sau khi đã chiến thắng Ma Vương cùng với đạo quân binh, sau khi đã làm cho các lậu hoặc bị quăng bỏ, sau khi đã vượt qua đại dương của hiện hữu, Ngài đã trở thành đức Phật [ở thế gian], luôn cả chư thiên. 6211. Ngài đã đi đến nơi có tên là Isi [Patana] và đã hướng dẫn nhóm năm vị. Sau đó, đức Thế Tôn đã đi đến nơi này, đã đi đến nơi khác và đã hướng dẫn. 6212. Khi ấy, trong lúc đang huấn luyện những njgười đáng được huấn luyện, trong lúc tiếp cận [thế gian] cùng với chư thiên, đấng Chiến Thắng ấy đã đi đến ngọn núi Māgadha và đã cư ngụ ở tại nơi ấy. 6213. Khi ấy, được phai đi bởi vị lãnh chúa Suddhodana, tôi đã đi đến, đã gặp đấng Thập Lực, đã xuất gia và đã trở thành vị A-la-hán. 6214. Khi ấy, tôi đã cầu xin bậc Đại Ẩn Sĩ và đã thuyết phục Ngài đi đến Kapila. Sau đó, tôi đã trở lại thành phố và đã tạo được niềm tịnh tín cho đại gia tộc. 6215. Được hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo ấy ở hội chúng đông đảo đã tuyên bố tôi là vị đứng đầu trong số các vị tạo niềm tịnh tín cho các gia đình. 6216. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6217. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6218. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão KâỊudãyi đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão KâỊudãyP là phần thứ sáu.

547. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ABHAYA (Abhayattherāpadanam) 6219. Trước đây một trăm nậàn kiếp, vị Lãnh Bạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tát cả các pháp đã hiến khởi. 6220. Đức Như Lai giúp cho người an trủ vào việc đi đến nương nhờ, giúp cho người an trú vào giới, vào mười đường lối tối thượng về [thiện] nghiệp. 6221. Đấng Đại Hùng ấy ban cho người quả vị Sa-môn tối thượng. Tương tợ y như thế, Ngài ban phát tám sự thể nhập [thiền] và ba minh. 6222. Bậc Tối Thượng Nhân giúp cho chúng sanh gắn bó vào sáu thắng trí. Bậc Bảo Hộ ấy ban cho người bốn pháp phân tích. 6223. Sau khi nhìn thấy người có khả năng giác ngộ, dầu [ở xa] vô số do- tuần, đấng Điều Phục Nhân trong phút chốc vẫn đi đến gặp và hướng dẫn. 6224. Lúc bấy ệiờ. tôi đã là con trai của vị Bà-la-môn ở thành Harpsavatĩ, là người thông suốt tát cả các bộ Vệ-đà, được công nhận về [khả năng] giảng giải. 6225. Được thiện xảo vê ngôn từ và tự tin vê từ đông nghĩa, là người rõ vê cú pháp, hiểu biết về nghi lễ, rành rẽ về việc kết hợp âm điệu thi ca. 6226. Trong khi đi bộ lang thang, tôi đã đi đến tu viện Hamsa. Tôi đã nhìn thấy bậc hàng đầu trong số các vị đang thuyết giảng, được đám đông dân chúng ái mộ. 6227. Trong khi Ngài đang thuyết ệiảng giáo pháp không bi ô nhiễm, [dầu] có sự hiểu biết trái nghịch, tôi đã đi đên và đã lăng nghe những lời nói không bị bợn nhơ của Ngài. 6228. Toi đã không nhìn thấy lời đã được nói ra của bậc Hiền Trí ấy là bi lặp lại, lạc đề, hoặc không có ý nghĩa; do đó tôi đã xuất gia. 6229. Trong thời gian không bao lâu, được tự tin về tất cả các học thuật, tôi đã được công nhận bởi tập thể là vị thông thạo về lời dạy của đức Phật. 6230. Khi ấy, tôi đã sáng tác bốn câu kệ có sự diễn tả khéo léo. Tôi đã ngợi ca bậc Cao Cả của tam giới và tôi đã diễn giảng ngày này qua ngày khác: 6231. "Bạch đấng Đại Hùng, Ngài không bị ái luyến trong khi sống trong luân hồi [đầy] sự kinh hãi. Vì lòng bi mẫn, Ngài đã không Niết-bàn; do đó, bậc Hiền Trí là đang Bi Man.

514 KINH TIỂU BÔ

6232. Người nào dầu còn là phàm nhân mà đã không bị sự chi phối của phiền não, có sự nhận biết minh, được gắn liền với niệm; do đỏ, người này ỉa không thể nghĩ bàn. 6233. Đối với người nào các phiền não ở trạng thái ngủ ngầm đã trở nên yếu ớt, đã bị thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ mà không bị cạn kiệt, điều ấy là kỳ diệu. 6234. Vi nào là thầy của tất cả thế gian và thế gian tôn kính như thế đối với vị nào, cũng tương tợ như vậy, vị nào là thầy dạy của thế gian, thế gian là xu hướng theo vị ấy.” 6235. Trong khi tán dương đấnệ Toàn Giác như thế, v.v... Sau khi thực hiện việc thuyết giảng giáo pháp đến hét cuộc đời, từ nơi ấy chết đi, tôi đã đi đến cõi trời. 6236. Ke từ khi tôi đã tán dương đức Phật cho đến một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc tán dương. 6237. ở thế giới chư thiên, tôi đã cai quản vương quốc rộng lớn và vùng địa phận. Là đấng Chuyển Luân Vương, tôi đã thường xuyên thọ hưởng vương quốc rộng lớn. 6238. Tôi [đã] được sanh ra ở hai cảnh giới trong bản thể thiên nhân và loài người, tôi không biết đến cõi tái sanh khác; điều này là quả báo của việc tán dương. 6239. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và Bà-la-môn, tôi không biết đến gia tộc hạ tiện; điều này là quả báo của việc tán dương. 6240. Và trong kiêp sông cuôi cùng hiện nay, tôi là con trai của đức Vua Bimbisâra ở tại kinh thành Giribbajja và có tên là Ābhāya. 6241. Sau khi rợi vào sự ảnh hưởng của bạn xấu, tôi đã

bị mê muội vì n^oại đạo. Được phái đi bởi [Giáo chủ] Nâtaputta, tôi đã đi đến gặp đức Phật toi thượng. 6242. Tôi đã hỏi câu hỏi khôn khéo và đã lắng nghe lời giảng giải xuất chúng. Tôi đã xuất gia, chẳng bao lâu tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 6243. Sau khi tán dương đang Chiên Thăng Cao Quý, tôi được ca ngợi vào mọi lúc. Với thân hình và khuôn mặt có hương thơm ngát, tôi đã đạt được sự an lạc. 6244. Tôi có được tuệ sác bén? tuệ vi tiêu, tuệ nhẹ nhàng và tuệ vĩ đại. Tương tợ y như thế/ và tôi có tài biện giải đa dạng, nhờ vào tác động của nghiệp ấy. 6245. Với tâm tinh tín, sau khi ngợi ca danh xưng [của đức Phật] Padumuttara, đấng Tự Chủ, không người sánh bằng, tôi [đã] không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp nhờ vào quả báo của nghiệp ấy. 6246. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa 3 Xem phần nói về Giảng về tuệ, Patisambhidãmagga II {Phân tích đạo II), TTPV, tập 38, trang 187-191. “

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6247. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6248. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ābhāya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Abhayaṃ là phần thứ bảy.

548. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO LOMASAKAÑGIYA (Lomasakañgiyattherāpadānam) 6249. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đang cao quý tên Kassapa, có danh tiêng vĩ dại, là thân quyên của đàng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. 6250. Lúc bấy giờ, tôi và luôn cả Candana đã xuất gia trong giáo pháp và đã làm tròn đầy bổn phận trong giáo pháp cho đến phút cuối của cuộc đời. 6251-52. Từ nơi ấy chết đi, cả hai chúng tôi đã đạt đến cõi trời Đẩu-suất. Tại nơi ấy, chúng tôi đã vượt trội những vị còn lại về mười chi phần là sắc, v.v... về các điệu vũ, các lời ca và các khúc tấu nhạc. Chúng tôi đã sống cho đến hết tuổi thọ và đã trải qua sự an lạc lớn lao. 6253. Sau khi mệnh chung từ nơi ấy, Candana đã đi đến cõi trời Đạo-lợi, tôi đã trở thành người con trai dòng Sakyā ở thành Kapilavatthu. 6254. Vào lúc được thỉnh cầu bởi Trưởng lão Udāyi, vì lòng thương tưởng đối với các vị dòng Sakyā, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngự đến thành Kapila. 6255. Khi ấy, các vi dòng Sakyā vô cùng tự cao, không biết về hạnh lành của đức Phật, chấp nhất về sanh chủng, không tôn trọng, nên không cúi chào đấng Toàn Giác. 6256. Biết được ý đinh của họ, đấng Chiến Thắng đã đi kinh hành ở trên không trung, đã đô mưa xuồng tương tợ Thân mưa, đã phát cháy như là ngọn lửa. 6257. Ngài đã làm cho nhìn thấy sắc thân vô song rồi lại biến mất, chỉ là một biến thành nhiều, rồi đã biến thành mỗi một mình trở lại. 6258. Ngài đã thị hiện bóng tối và ánh sáng theo nhiều cách. Sau khi đã tạo ra điều kỳ diệu, bậc Hiền Trí đã hướng dẫn các quyến thuộc. 6259. Liền khi ấy, có đám mây lớn khắp bốn châu lục đã đổ mưa. Chính vào khi ấy, đức Phật đã thuyết giảng chuyện Bổn sanh "Vèssantara." 6260. Khi ấy, tất cả các vi Sát-để-lỵ ấy đã tiêu diệt sự tự hào khởi lên do sanh chủng. Họ đã đi đến nương nhờ đức Phật. Khi ấy, [đức Vua] Suddhodana đã nói rằng:

6261. "Bạch đấng có tuệ bao la, bạch đấng Toàn Nhẫn, đây là lần thứ ba cha đảnh lễ các bàn chân của Ngài, vào lúc đản sanh Ngài đã làm rung động trái đất, và vào lúc bóng cây Jambu đã không rời bỏ Ngài." 6262. Khi ây, sau khi nhìn thây năng lực ây của đức Phật, với tâm ý sửng sốt, tôi đã xuất gia ở ngay tại nơi ấy và đã sống là người phụng dưỡng mẹ. 6263. Khi ấy, vị Thiên tử Candana đã đi đến gặp tôi và đã hỏi về cách thức tóm tắt và giải rộng của bài Kinh Bhaddekaratta^ 6264. Khi ấ* bị thúc đẩy bởi vi ấy, tôi đã đi đến gặp đấng Lãnh Đạo loài người. Sau khi lắng nghe bài Kinh Bhaddekaratta. tôi đã chấn động và đã trở thành người nhiệt tình với khu rừng. 6265. Khi ấy, tôi đã hỏi mẹ về việc tôi sẽ sống mỗi một mình ở trong rừng. Mẹ của tôi đã ngăn cản rằng: "Con là mảnh mai.” Khi ấy, tôi đã nói với mẹ rằng: 6266. "Băng ngực, con sẽ đây lùi cỏ dabba, cỏ kusa, cỏ potakila, cỏ usĩra, cỏ muñja và cỏ babbaja trong khi thực hành hạnh độc CU.”5 6267. Khi ấy, tôi đã đi vào trong rừng. Tôi đã nhớ lại lời dạy của đấng Chiến Thắng, về sự giáo giới bài Kinh Bhaddekaratta và tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 6268. Hiển nhiên, e người ta có r thể tưởng nhớ quá khứ 9 nhưng không e thể mong r mỏi tương lai, vì việc quá khứ ây đã được từ bỏ và việc tương lai là chưa đên. 6269. Và người nào nhìn thấy rõ pháp hiện tại ở nơi này, ở nơi kia, sau khi biết được điều ấy là không dời đổi, không lay chuyển, người ấy có thể tiến bộ. 6270. Người nào đang nhiệt tâm với phận sự trong chính ngày hôm nay, có thê biêt được Tử thân vào ngày mai. Nêu không, [sẽ] không có sự chạm trán với Tử thần cùng với đạo quân binh đông đảo. 6271. Quả vậy, bậc Hiền Trí nói về vị đang sống có sự nhiệt tâm như thế, đêm ngày không biếng nhác, là vị được an tịnh, là "Người hiền một đêm.^, 6272. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6273. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6274. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Lomasakañgiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6'Ky sự về Trưởng lão Lomasakañgiya55 là phần thứ tám.

4 M. III. 187, Kinh Nhất dạ Hiền gia (Bhaddekarattasuttarrì), số 131. 5 Câu kệ này được thấy trong Thag. v. 27.

549. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VANAVACCHA (Vanavacchattherāpadānam) 6275. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vi đang thuyết giảng, đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. 6276. Lúc bấy giờ, toi đã xuất gia trong giáo pháp của đức Phật ấy. Tôi đã thực hành Phạm hạnh đến hết cuộc đời và đã chết đi từ nơi ấy. 6277. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 6278. Mệnh chung từ nơi ấy, tôi đã trở thành con chim bồ câu ở trong khu rừng. Tại nơi ấy, có vị Tỳ-khưu đầy đủ đức hạnh cư ngụ, luôn luôn thỏa thích với thiên. 6279. Vi anh hùng vĩ đại luôn luôn có tâm từ ái, có lòng bi mẫn, có vẻ mặt hoan hỷ, là vị có hành xả, rành rẽ về các tâm vô lượng. 6280. [Vị áy] có sự suy tâm không bi

chướng ngại, có thiên hướng vê sự lợi ích cho tất cả chúng sanh. Không bao lâu sau, tôi đã có được niềm tin ở vị • _ _ W À___ ___ ĩ9__ -XẠ _ FTT|_ Thinh văn ay cua đang Thiện Thệ. 6281. Khi ấy, tôi đây đã đi đến ở cạnh bàn chân của vị ấy đang ngồi. Có lần nọ, vị ây cho thức ăn, và có một lân thuyêt giảng giáo pháp. 6282. Khi ấy, tôi đã phục vụ người con trai của đấng Chiến Thắng với lòng yêu thương bao la. Từ nơi đó chết đi, tôi đã đi đến cõi trời như là đã đi về nhà của chính mình sau cuộc hành trình ở xứ lạ. 6283. Mệnh chung từ cõi trời, tôi đã hạ sanh vào loài người nhờ vào nghiệp phước thiện. Tôi đã từ bỏ gia đình và đã xuất gia một cách mau chóng. 6284. Tương tợ y như thế, sau khi trở thành vị Sa-môn, đạo sĩ khổ hạnh, Bà-la-môn, du sĩ ngoại đạo, tôi đã sông ở trong rừng hàng trăm [kiêp sông]. 6285. Và trong kiêp sông cuôi cùng hiện nay, ở thành Kapilavatthu đáng yêu có người Bà-la-môn Vacchagotta. Tôi đã nhập thai ở người vợ của ông ta. 6286. Khi tôi đã nhập thai, mẹ của tôi [là sản phụ] đã có niềm khao khát và đã có quyết định về việc cư ngụ ở rừng vào lúc gần được lâm bồn. 6287. Do đó, mẹ đã sanh ra tôi ở bên trong khu rừng đáng yêu. Khi tôi đang ra khỏi bào thai, mọi người đã đỡ lấy tôi bằng tấm y ca-sa. 6288. Sau đó, Vương tử Siddhattha, biểu tượng của gia tộc Sakyā đã được sanh ra. Tôi đã trở thành người bạn yêu quý của vị ấy, được tin tưởng, vô cùng tự hào. 6289. Khi con người ưu tú của chúng sanh đang ra đi sau khi đã từ bỏ danh vọng vĩ đại, tôi cũng đã xuất gia và đã đi đến núi Hy-mã-lạp. 6290. Tôi đã nhìn thấy vi [Mahā] Kassapa là người thuyết giảng về pháp

giũ bỏ? CÓ Sự cư ngụ ở rừng, vị đáng được tôn kính. Tôi đã được nghe về sự hiện khởi của đấng Chiến Thắng và tôi đã đi đến gặp đấng Điều Phục Nhân. 6291. Trong lúc giảng giải về mọi ý nghĩa, Ngài đã thuyết giảng giáo pháp cho tôi. Sau đó, tôi đã xuất gia và cũng đã quay về lại khu rừng. 6292. Tại nơi ấy, trong khi sống không xao lãng, tôi đã chạm đến sáu thắng trí. Ôi, điều lợri h đã được đạt thành tốt đẹp cho tôi, tôi đã được người bạn tốt thương tưởng! 6293. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6294. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6295. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vànavaccha6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Vanavaccha^ là phần thứ chín.

550. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CŪLASUGANDHA (CữIasugandhattherâpadãnam) 6296. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. 6297. Ngài đầy đủ các tướng phụ, có ba mươi hai hảo tướng, được bao quanh bởi quầng ánh sáng, được bao trùm bởi mạng lưới hào quang. 6298. Là người làm cho thoải mái tương tợ mặt trăng, là nguồn tạo ra ánh sáng tợ như mặt trời, là người dập tắt [lửa phiền não] như là cơn mưa, là kho chứa của đức hạnh ví như biển cả. 6299. Với giới như là trái đất, với định như là núi Hy-mã-lạp, với tuệ tợ như bầu trời, không bị dính mắc giống như làn gió. 6300. Vào lúc bấy giờ, tôi được sanh ra tại thành

Bārānasī trong đại gia tộc có tài sản và lúa gạo dồi dào, có sự tích lũy nhiều loại châu báu khác nhau. 6301. Vào lúc đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang ngồi cùng đoàn tùy tùng đông đảo, tôi đã đi đến gần và đã lắng nghe giáo pháp tợ như cao lương mỹ vị có sự thu hút tâm ý. 6302. Ngài có ba mươi hai hảo tướng, như là mặt trăng có chòm tinh tú, được đầy đủ các tướng phụ tợ như cây sãla chúa đã được ươm hoa.

6 Vanavaccha nghĩa là uvị có sự cư ngụ (yaccha) ở rừng (yana)y

6303. Ngài phát ra xung quanh mạng lưới hào quang tợ như ngọn núi vàng cháy rực, được bao quanh bởi quầng ánh sáng tợ như mặt trời có các tia sáng. 6304. Đấng Chiến Thắng Cao Quỵ có khuôn mặt vàng chói tợ như tảng đá có viên ngọc ma-ni, có trái tim tràn đay lòng bi mẫn cùng với đức hạnh như là biển cả. 6305. Và đấng Anh Hùng, bậc Hiền Trí có danh tiếng lẫy lừng ở thế gian tợ như ngọn núi tối thượng Sineru, đã được lan rộng với sự vinh quang tương tợ bầu trời. 6306. Đấng Lãnh Đạo có tâm không bị ràn^ buộc với tất cả các nơi như là làn gió. Bậc Hiền Trí thứ bảy là sự nâng đỡ đoi với tất cả chúng sanh tợ như trái đất. 6307. Ngài không bị vấy bẩn bởi the gian, giống như hoa sen không bị lấm lem bởi nước. Ngài chiếu sáng như là khối lửa có sự đốt cháy những lùm cây ngoại giáo. 6308. Ngài là người tiêu diệt chất độc phiền não ở tất cả các nơi như là phương thuốc chữa bệnh. Ngài được trang sức bằng hương thơm của đức hạnh, tợ như viên đá nghiền nát hương liệu. 6309. Đấng Chiến Thắng là kho chứa của các đức hạnh tợ như biển cả [là nơi chứa đựng] đối với các loại châu báu, là người mang đi các phiền não và ô nhiễm tợ như con sông Sindhu đối với những dãy rừng. 6310. Với sự tiêu diệt đạo binh của Ma vương, Ngài như là người chiến sĩ lực lưỡng có sự chiến thắng. Ngài là vi chúa te của các loại châu báu, là các chi phần đưa đến giác ngộ, tợ như đấng Chuyển Luân Vương. 6311. Ngài là người thây thuôc vê cơn bệnh sân hận tương tợ vị y sĩ vĩ đại. Ngài là người mổ xẻ mụt nhọt tà kiến giống như phẫu thuật viên hạng nhất. 6312. Khi ấy, được loài người và chư thiên kính trọng, bậc Quang Đăng Của Thế Gian, Ánh Mặt Trời Của Nhân Loại, đấng Chiến Thắng ấy thuyết giảng giáo pháp ở các hội chúng. 6313. Ngài đã chỉ dạy như vầy: “Sau khi dâng cúng vật thí thì trở nên có tài sản lớn lao, nhờ vào giới đi đến nhàn cảnh, và do sự tham thiền đạt đến Niết-bàn/5 6314. Toàn thể các hội chúng lắng nghe sự thuyết giảng có phẩm vi cao cả ấy, có sự tốt đẹp ở phần đầu, phần giữa và phần cuối, như là cao lương mỹ vi, có chát bô dưỡng lớn lao. 6315. Sau khi lắng nghe giáo pháp có vị ngọt tuyệt vời, tôi được tịnh tín với giáo pháp của đấng Chiên Thắng. Tôi đã đi đến nương nhờ đức Thiện Thệ và đã tôn kính Ngài đến hết cuộc đời. 6316. Khi ấy, tôi đã lau chùi nền đất ở hương thất của bậc Hiền Trí bằng chất thơm được sanh lên từ bon loại [bông hoa] vào tám ngày trong một tháng.

6317. Tôi đã ước nguyện về trạng thái có hương thơm ở thân thể bị mùi khó chiu. Khi ấy, đấng Chiến Thắng đã chú nguyện về việc đạt được cơ thể có hương thơm rang: 6318. "Người nào lau chùi nền đất của hương thất bằng chất thơm một lần, do kết quả

của nghiệp ấy, được sanh lên ở nơi này nơi khác. 6319. ở tất cả các nơi, người nam này sẽ có được thân hình có hương thơm ngạt ngào. Sau khi được gắn liền với hương thơm của đức hạnh, [người này] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.95 6320. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 6321. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh vào gia đình Bà-la-môn. Khi tôi đang trú ở trong bào thai, mẹ của tôi đã trở thành người có hương thơm ở cơ thể. 6322. Và vào lúc tôi rời khỏi lòng mẹ, khi ấy, thành Sāvatthi đã tỏa ra như là được tẩm bằng tất cả các loại hương thơm. 6323. Và có cơn mưa bông hoa thơm ngát làm thích ý, với các hương thơm của cõi trời và có các hương tram có giá trị cao đã thoi đen liền khi ấy. 6324. Và ở ngôi nhà tôi đã được sanh ra, chư thiên đã tẩm hương thơm ngôi nhà ấy bằng mọi thứ hương thơm, bằng hương trầm và các bông hoa. 6325. Và vào lúc tôi còn trẻ, hiền thiện, đang ở vào giai đoạn đầu của tuổi thanh niên, khi ây, đang Điêu Phục Nhân đã hướng dân Sela cùng nhóm tùy tùng. 6326. Cùng với tất cả những người ấy, Ngài đã ngự đến thành Sāvatthi. Sau khi nhìn thấy năng lực ấy của đức Phật, tôi đã xuất gia. 6327. Sau khi làm cho phát triên bôn pháp: Giới, định, tuệ và sự giải thoát vô thượng, tôi đã thành tựu sự đoạn tận các lậu hoặc. 6328. Và vào lúc tôi đã được xuất gia, vào lúc tôi trở thành vi A-la-hán, và vào lúc tôi sẽ Niết-bàn, khi ấy sẽ có cơn mưa hương thơm. 6329. Hương thơm ở cơ thể của tôi luôn luôn vượt trội các loại hương trầm, hương campaka và hương sen vô cùng giá tri, tương tợ như the ấy, khi tôi đi nơi này nơi khác, tôi tỏa ra hương thơm át hẳn tất cả các loại hương thơm khác về mọi phương diện. 6330. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6331. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn? đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6332. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

THÁNH NHÂN KÝ sự 521

Đại đức Trưởng lão CũIasugandha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão CũIasugandha55 là phần thứ mười. Phẩm Bhaddiya là phẩm thứ năm mươi lăm.

Phần tóm lược Vi Bhaddiya, vi Trưởng lão Revata, và vị Sĩvalĩ có lợi lộc lớn lao, vị Vañgīsa, vị Nandaka, và luôn cả vi Kāludāyi, và tương tợ là vị Ābhāya, vị Lomasa, vi Vanavaccha, và vị Sugandha đã được thực hiện là thứ mười, ở dây, có ba trăm câu kệ và mười sáu câu thêm vào đó nữa.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm Phẩm tên Kanikāra, phẩm về vi dâng cúng trái cây, phẩm về vi dâng cúng Cỏ, phàm Kaccāna và phàm Bhaddiya. Và các câu kệ này đã được tính đêm ở đây là chín trăm và tám mươi bốn. Có năm trăm năm mươi ký sự đã được giảng giải. Cùng với các câu kệ tóm lược, đây là sáu ngàn hai trăm câu kệ và mười tám câu thêm vào đó nữa.

522 KINH TIÊU Bộ

LVI.PHẢMYASA (YASAVAGGO)

551. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO YASA (īasattherāpadānam) 6333. Chỗ cư ngụ của tôi đã được hóa hiện ra ở gần biển cả, có hồ nước đã khéo được hóa hiện ra, được líu lo bởi loài ngỗng đỏ.1 6334. [Hồ nước] được che phủ bởi các cây mạn-đà-la? bởi các đóa sen xanh và sen đỏ. Và con sông chảy qua nơi ây có bên nước cạn xinh xăn làm thích ý. 6335. [Dòng sông] chứa đầy dẫy những cá và rùa, đông đúc với nhiều loại chim khác nhau, náo nhiệt bởi các chim công và chim cò cùng với những loài dơi và loài chim sáo, v.v... 6336. Và ở đây có các loài sống ở sông như là các con chim bồ câu, các loài ngỗng trời, các con ngỗng đỏ, các chim le le, các con chim cu, các loài pampaka và các con jīvamjīvaka. 6337. [Dòng sông] có các chim thiên nga, chim cò làm âm i, có nhiêu chim cú và loài piñgala, được đầy đủ bảy loại châu báu, với bãi cát có ngọc ma-ni và ngọc trai. 6338. Tất cả các cây đều làm bằng vàng được tỏa ra với nhiều hương thơm khác loại. Chúng thắp sáng chỗ trú ngụ ngày và đêm vào mọi thời điểm. 6339. Sáu mươi ngàn loại nhạc cụ được phát ra âm thanh sáng chiều. Mười sáu ngàn người nữ luôn luôn quây quần bên tôi. 6340. Tôi đã rời khỏi nơi cư ngụ [đi đến gặp] đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ bậc Có Danh Vọng Lớn Lao ấy. 6341. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã thỉnh mời Ngài cùng hội chúng. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian śumedha trí tuệ ấy đã chấp nhận. 6342. Sau khi thực hiện việc thuyêt giảng giáo pháp cho tôi, bậc Đại Hiên Trí đã giải tán. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác và đã đi ve chỗ cư ngụ của tôi. 6343. Tôi đã thông báo với nhóm tùy tùng rằng: uVào buổi sáng, đức Phật sẽ đi đến chỗ ngụ [này].,, Khi ấy, tất cả đã tụ hội lại [đáp rằng]: 6344. "Điều lợi ích cho chúng tôi đã được chúng tôi thành đạt khéo léo là chúng tôi sống thân cận với ngài. Chúng tôi cũng sẽ cúng dường đến bậc Đạo Sư là đức Phật tối thượng.,,

1 Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Sabbadãyaka, số 399, trang 330.

THÁNH NHÂN KÝ sự 523

6345. Sau khi sap đặt thức ăn và nước uông, tôi đã thông báo vê thời gian. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngự đến cùng với một trăm ngàn vị có năng lực. 6346. Tôi đã thực hiện việc tiếp đón với các loại nhạc cụ có đủ năm yếu tố. Bậc Tối Thượng Nhân đã ngồi xuống chiếc ghế làm toàn bằng vàng. 6347. Khi ấy, ở phía trên đã có chiếc lọng làm toàn bằng vàng. Có những cái quạt quạt gió đến hội chúng Tỳ-khưu vô thượng. 6348. Tôi đã làm thỏa mãn hội chúng Tỳ-khiru với cơm ăn nước uống dồi dào. Tôi đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu mỗi vị một xấp vải đôi. 6349. Sau khi ngồi xuống ở nơi hội chúng Tỳ-khưu, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng mà mọi người gọi là "Sumedha" đã nói lên lời kệ này: 6350. "Người nào đã làm thỏa mãn Ta và tát cả các vị này với cơm ăn nước uông, Ta sẽ tán dương người ây. Các người hãy lăng nghe Ta nói. 6351. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên một ngàn tám trăm kiếp và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. 6352. Người này sanh lên chốn nào, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có chiếc lọng làm toàn bằng vàng sẽ che cho người ấy. 6353. Vào ba mươi ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 6354. Là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ấy, là chánh thống, được

tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biêt toàn diện vê tát cả các lậu hoặc và sẽ Niêt- bàn không còn lậu hoặc. 6355. [Người này] sẽ ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và sẽ rống lên tiếng rông của loài sư tử. Nhiêu người câm chiêc lọng ở giàn hỏa thiêu, và [người này] bị thiêu ở bên dưới chiếc long?9 6356. Trạng thái Sa-môn đã được tôi đạt đến, các phiền não đã được tôi thiêu đốt. Dầu ở mái che hoặc ở gốc cây, sự run sợ không được biết đến ở tôi. 6357. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo sự dâng cúng mọi thứ. 6358. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6359. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6360. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Yasa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Yasaw là phần thứ nhất

552. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NADĪKASSAPA
(Nadīkassapattherapadānam)

.

6361. Nhân
dịp đức Thế Tôn Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế s \ r M I* .
Gian như thê ây đang hành hạnh khát thực, tôi đã câm lây trái cây đâu mùa danh tiếng hạng nhất và đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư. 6362. Do nghiệp ây, tôi trở thành vị chúa của chư thiên, bậc trưởng thượng của thế gian, là vi ưu tú của nhân loại, tôi đã từ bỏ hơn thua và đã đạt đến vị thế bất động. 6363. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây đầu mùa. 6364. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6365. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6366. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nadīkassapa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Nadīkassapa^ là phần thứ nhì.

553. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GAYÃKASSAPA (Gayākassapattherāpadānam) 6367. Vào lúc bấy giờ, tôi mặc y da dê, mang túi vật dụng. Tôi đã cầm lấy gói trái táo và đã mang vê khu ân cư. 6368. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn, đấng Chiến Thắng là đơn độc không người thứ hai. Trong khi đang làm cho sáng tỏ vào mọi thời điểm, Ngài đã đi r M 9 .
đên khu ân cư của tôi. 6369. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ vị có sự hành trì tốt đẹp. Bằng cả hai bàn tay, tôi đã nâng lên trái táo và đã dâng cúng đến đức Phật. 6370. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái táo. 6371. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt

đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6372. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

THÁNH NHÂN KÝ sự 525

6373. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Gayâkassapa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 4íKý sự về Trưởng lão Gaykassapa" ỉa phần thứ ba.

554. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KIMBILA (Kimbilattherāpadānam) 6374. Khi đấng Bà-la-môn toàn hảo Kakusandha Niết-bàn, tôi đã cầm lấy tràng hoa salala và đã cho thực hiện mái che. 6375. Trong khi đi đến cõi trời Đạo-lợi, tôi đã đạt được tòa lâu đài hạng nhất. Tôi rực rỡ hơn chư thiên khác; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 6376. Và vào ban ngày hoặc vào ban đêm, trong khi đi kinh hành và trong khi đứng, tôi được bao phủ bởi các bông hoa salala; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 6377. Việc tôi đã cúng dường đức Phật là ngay trong kiếp này, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 6378. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6379. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6380. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kimbila đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í4Ký sự về Trưởng lão Kimbila" là phần thứ tư.

555. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO VAJJIPUTTA (Vajjiputtattherāpadānam) 6381. Đức Thế Tôn có ngàn ánh hào quang, đấng Tự Chủ, vị không bị đánh bại sau khi xuất ra khỏi sự độc cư đã ra đi về việc khất thực. 6382. Có được nắm tay trái cây, tôi đã nhìn thấy đấng Nhân Ngưu và đã đi đến gần Ngài. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây savanta. 6383. Kể từ Idii tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 6384. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6385. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

526 KINH TIỂU BỒ

6386. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vajjiputta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Vajjiputta" là phần thứ năm.

556. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UTTARA (Uttarattherāpadānam) 6387. Đấng Toàn Giác tên Sumedha có ba mươi hai hảo tướng. Có ước muốn độc cư, đức Thế Tôn đã đi đến núi Hy-mã-lạp.2 6388. Sau khi đã đi sâu vào núi Hy-mã-lạp, đấng Bi Man Cao Cả, bậc Hiền Trí, đấng Tối Thượng Nhân đã xếp chân thế kiết-già rồi đã ngồi xuống. 6389. Khi ấy, tôi

đã là người nắm giữ pháp thuật, là vị du hành ở không trung. Sau khi cầm lấy cây chĩa ba được thực hiện khéo léo, tôi đi ở trên không trung. 6390. Đức Phật chói sáng ở trong khu rừng giông như ngọn lửa ở trên đỉnh núi, tợ như mặt trăng ngày rằm, như là cây sâla chúa được trổ hoa. 6391. Hào quang của đức Phật vượt ra khỏi chóp đỉnh của khu rừng và tỏa rộng giống như là màu sắc ngọn lửa của cây sậy, sau khi nhìn thấy tôi đã làm cho tâm được tịnh tín. 6392. Trong khi chọn lựa, tôi đã nhìn thấy bông hoa kanikāra có hương thơm của cối trời. Sau khi cầm lấy ba bông hoa, tôi đã cúng dường đến đức Phật tối thượng. 6393. Khi ấy, do nhờ năng lực của đức Phật, ba bông hoa của tôi [xoay ngược lại] có các cuống hoa ở bên trên và các cánh hoa ở bên dưới, tạo thành bóng râm che cho đức Phật. 6394. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 6395. Tại nơi ấy, có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi được biết [với tên] là "kapikarī", có chiều dài sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần. 6396. [Cung điện] có một ngàn cột trụ chống có màu lục, với một trăm mái tròn được trang hoàng với những ngọn cờ. Có một trăm ngàn tháp nhọn đã hiện diện ở cung điện của tôi. 6397. Có những chiếc ghế bành làm bằng vàng, làm bằng ngọc ma-ni và cũng làm bằng hồng ngọc nữa, luôn cả ngọc pha lê [hiện ra] ở bất cứ nơi nào và bất cứ khi nào theo ước muốn. 6398. Và có chiếc giường vô cùng giá trị được trải loại nệm bông gòn có một phần lông rái cá và được gắn liền với chiếc gối.

2 Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Tikanikārapupphiya, số 501, trang 448.

THÁNH NHÂN KÝ sự 527

6399. Khi nào tôi ước muốn việc ra đi, thì sau khi rời khỏi nơi cư ngụ và trong lúc thực hiện cuộc du hành cùng với chư thiên, tôi dẫn đầu hội chúng chư thiên. 6400. Tôi đứng ở phía bên dưới là bông hoa, ở phía bên trên của tôi xung quanh một trăm do-tuân có mái che được phủ bằng các bông hoa kanika. 6401. Có sáu mươi ngàn nhạc công đã phục vụ sáng chiều. Họ thường xuyên vây quanh tôi ngày đêm không biếng nhác. 6402. ở tại nơi ấy, tôi sướng vui với các điệu vũ, các lời ca, các tiếng chũm chọe và các khúc tấu nhạc, với niềm sướng vui của việc giải trí. Tôi vui thh . M. , theo sự mong muôn này mong muôn khác. 6403. Lúc bấy ệiờ, ở tại nơi ấy, tôi đã ăn, tôi đã uống, tôi vui thích ở cõi trời Tam Thập. Được gan gũi với các đám nữ nhân, tôi vui thích ở lâu đài tuyệt hảo. 6404. Và tôi đã cai quản thiên quốc năm trăm lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 6405. Trong khi luân hồi ở cối này cõi khác, tôi nhận lãnh của cải lớn lao, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 6406. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới trong bản thể thiên nhân và loài người, tôi không biết đến cõi tái sanh khác; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 6407. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và luôn cả Bà-la-môn, tôi không biết đến gia tộc hạ tiện; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 6408. về phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, kiệu khiêng và cỗ xe kéo, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 6409. về đám tôi trai, bầy tớ gái và các nữ nhân đã được trang điểm, tôi đạt được

tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 6410. về y phục làm bằng tơ lụa, bằng sợi len, bằng chỉ lanh và bằng bông vải, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 641L về vải vóc mới, trái cây tươi, thức ăn mới lạ có phẩm vị cao sang, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 6412. uNgài hãy nhai món này, ngài hãy ăn món này, ngài hãy nằm ở chiếc giường này", tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 6413. Tôi được tôn vinh ở tất cả các nơi, danh vọng của tôi được thăng tiến, tôi luôn luôn có phe cánh đông đảo, luôn luôn có hội chúng không bi chia rẽ.

6414. Tôi không biết đến sự lạnh [và] sự nóng, sự bực bội không được biết đến. Sự khổ sở thuộc về tâm ở trái tim của tôi không được biết đến. 6415. Sau khi có được làn da màu vàng ròng, tôi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi không biết đến việc tàn tạ sắc thân; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Ph. 6416. Sau khi mệnh chung ở thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã được sanh ra trong nhà đại bá hộ vô cùng sang trọng ở thành phố Sāvatthi. 6417. Sau khi từ bỏ năm phần dục lạc, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 6418. Sau khi nhận biết đức hạnh [của tôi], đức Phật, bậc Hữu Nhãn đã cho tu lên bậc trên, tôi là vị trẻ tuổi xứng đáng được cúng dường; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 6419. Thiên nhãn của tôi được thanh tịnh, tôi là thiện xảo về định, đã đạt đến Sự toàn hảo vê các thăng trí; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 6420. Tôi đã thành tựu các pháp phân tích, là vi rành rẽ về các nền tảng của thần thông, đã đạt đến sự toàn hảo về các pháp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 6421. Việc tôi đã cúng dưòĩig đức Phật trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 6422. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6423. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6424. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Uttara đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão uttara” là phần thứ sáu.

557. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UTTARA KHÁC (Apara-uttarattherāpadānam) 6425. Khi bậc Bảo Hộ Thế Gian, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha Niết- bàn5 tôi đã tập hợp quyến thuộc của tôi lại và tôi đã cúng dường Xá-lợi. 6426. [Ke từ khi] toi đã cúng dường Xá-lợi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường Xá-lợi. 6427. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6428. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6429. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Uttara khác đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 4íKý sự về Trưởng lão uttara khác55 là phần thứ bảy.

558. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BHADDAJI (Bhaddajittherūpadānam) 6430. Lúc bấy giờ, tôi đã lội xuống hồ nước đã bị nhiều con voi sử dụng, và vì lý do đói [bụng], tôi [đã] nhổ lên củ sen ở tại nơi ấy.3 6431. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn danh hiệu Padumuttara là vi Phật mặc y màu đỏ [đang] di chuyển ở trên không trung. r r 6432. Khi ây, trong khi Ngài đang phát phơ các lá y may từ vải bị quăng bỏ, tôi đã nghe được tiếng động. Trong khi chú ý ở phía bên trên, tôi đã nhìn thấy đaii LMih Đạo The GiZ :: y

6433. Trong khi đứng ngay tại nơi ấy, tôi đã thỉnh cầu đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng: "Xin đức Phật, bậc Hữu Nhãn, vì lòng thương tưởng hãy thọ lãnh mật ong cùng với các củ sen, sữa, bơ lỏng và rễ sen của con?5 6434. Do đó, đấng Bi Man, bậc Đạo Sư có danh vọng lớn lao đã ngự xuống. Bậc Hữu Nhãn vì lòng thương tưởng đã thọ nhận vật thực của tôi. Sau khi thọ nhận, bậc Toàn Giác đã thực hiện lời tùy hỷ đến tôi rằng: 6435. "Nấy người có đại phước, mong rằng ngươi được an lạc. Mong rằng cảnh giới tái sanh được thành tựu cho ngươi. Do việc dâng cúng củ sen này, ngươi sẽ đạt được sự an lạc lớn lao." 6436. Sau khi nói lên điều ấy, đấng Toàn Giác tên Padumuttara, bậc Toàn Giác, đang Chiên Thăng đã câm lây thức ăn roi đã ra đi băng đường không trung. 6437. Sau đó5 tôi đã cầm lấy củ sen và đã đi về lại khu ẩn cư của mình. Sau khi đã treo củ sen ở trên cây, tôi đã tưởng nhớ lại việc dâng cúng của mình. 6438. Khi ấy, có cơn gió lớn đã nổi lên và đã làm lay chuyển khu rừng. Bầu trời đã gào thét và sấm sét đã nổ ra. 6439. Sau đó, tia sét đánh xuống đã giáng vào đầu của tôi. Khi ấy, trong khi bi khuyụ xuống tôi đây đã lìa đời ở tại nơi ấy. 6440. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, tôi đã đi đến cõi trời Đẩu-suất. [Khi] thân thể của tôi bị ngã xuống, tôi sướng vui ở thế giới chư thiên. 6441. Có tám mươi sáu ngàn nữ nhân đã được trang điểm hầu cận sáng tối; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.3

3 Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Bhisadâyaka, số 483, trang 425.

6442. Sau khi đi đến sự sanh ra ở loài người, tôi luôn luôn được sung . v.Y ỵ A •

sướng, tôi không có sự thiêu hụt vê của cải; điêu này là quả báo của việc dâng cúng củ sen. 6443. Là người được thương tưởng bởi vị Trời Của Chư Thiên như thế ấy, [tôi có] tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 6444. Ke từ khi tôi đã dâng cúng rễ sen trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen. 6445. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6446. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6447. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí

đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bhaddaji đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Bhaddaji" là phần thứ tám.

559. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĪVAKA (Sīvakattherāpadānam) 6448. Khi bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī đang đi về việc tìm kiếm [vật thực]. Tôi đã nhìn thấy bình bát trong trơn va tôi đã đe đầy sữa kem. 6449. Ke tò khi tôi đã dâng cung vật thực trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của sữa kem. 6450. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6451. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiên của đức Phật tôi thượng. 6452. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sĩvaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. íaKý sự về Trưởng lão Sivaka" là phần thử chín.

Tóm lược của phẩm này
Vị Yasa, vị Nadĩkassapa, vị Gaykassapa, vị Kimbila, vị Vajjiputta, hai vị
Uttara, vi Bhaddaji và luôn cả vị Sĩvaka tối thượng.
Phẩm Yasa là phẩm thứ năm mươi sáu.
TRƯỞNG LÃO KÝ sự ĐƯỢC ĐÀY ĐỦ.
THÁNH NHÂN KÝ sự 531

D. TRƯỞNG LÃO NI KÝ Sự (THERĪAPADĀNAM) .

I. PHẨM SUMEDHA (SUMEDHĀVAGGO)

1. KÝ Sự VỀ SUMEDHA (Sumedhāpadānam) 1. Vào thời đức Thế Tôn Konāgamana, chúng tôi gồm ba người bạn gái1 thân thiết đã dâng cúng trú xá ở tại chô cư ngụ mới là tu viện của hội chúng. 2. Chúng tôi đã tái sanh mười lần, trăm lần, ngàn lần, mười ngàn lần ở các cõi trời thì ở cõi người có điều gì để nói. 3. Chúng tôi đã có đại thần lực ở cõi trời thì ở cõi người có điều gì để nói. Tôi đã là hoàng hậu, là báu vật nữ nhân trong số bảy loại báu vật. 4. ở nơi này, do phước thiện đã được tích lũy, Dhanañjānī, Khemā và tôi nữa, ba người đã là hậu duệ của các gia tộc vô cùng giàu có. 5. Sau khi tạo lập tu viện được xây dựng khéo léo và được trang hoàng về mọi phương diện, chúng tôi đã dâng đên hội chúng có đức Phật đứng đầu và [chúng tôi] đã được hoan hỷ. 6. Do mãnh lực của nghiệp ây, ở bát cứ nơi nào tôi sanh ra, ở các cõi trời và cũng y như thế ở giữa loài người, tôi đều đạt được phẩm vị cao quý. 7. Ngay trong kiêp này, trong sô các vị đang thuyêt giảng, đã hiện khởi đàng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên. 8. Khi ấy, đức vua của xứ Kâsi tên Kikī ở tại kinh thành Bārānasī, vị chúa tể của nhân loại đã là người hộ độ cho bậc Đại Ẩn Sĩ. 9. Bảy người con gái của đức vua đã là những nàng công chúa khéo được nuôi dưỡng. Được vui thích trong việc hộ độ đức Phật, các nàng đã thực hành Phạm hạnh [của người thiếu nữ]. 10. Là bạn của những cô [công chúa] ấy, tôi đã khéo chuyên chú vào các giới, đã dâng cúng các vật thí một cách cung kính, và đã thực hành phận sự dầu chỉ

là người tại gia. 11. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 1 Sumedha và hai người bạn gái là Dhanañjanī và Khemā được đề cập ở phần dưới.

12. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã đi đến cõi ươi Dạ-ma, từ đó đã đi đến cõi trời Đẩu-suất, và từ đó đến cõi Hóa Lạc thiên, rồi từ đó đến cõi Tha Hóa Tự Tại. 13. Là người đã được thành tựu thiện nghiệp, ở bất cứ nơi nào tôi sanh ra tôi đều đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các vị vua ở chính tại các nơi ấy. 14. Từ nơi ấy chết đi [sanh] vào thân nhân loại, tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các đấng Chuyển Luân Vương và của các vi vua cai quản các lãnh thổ. 15. Tôi đã thọ hưởng sự thành đạt ở giữa chư thiên và ở ệiữa loài người, đã được an vui ở tất cả các nơi, và đã luân hồi qua nhiều kiếp sống. 16. Nhân ây, nguồn sanh khởi ây, căn nguyên ây, sự chăm chỉ ây trong giáo pháp, sự liên két đầu tiên ấy, việc Niêt-bàn ây là do sự thỏa thích trong giáo pháp. 17. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu2 đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 18. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 19. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Sumedha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ký sự về Trưởng lão Ni Sumedha^ là phần thứ nhất.

2. KÝ Sự VỀ MEKHALÃDÃYIKÃ (Mekhalādāyikāpadanam)3 20. Tôi đã là người cho thực hiện ngôi bảo tháp của đức Thế Tôn Siddhartha. Tôi đã dâng cúng sợi dây thắt lưng đến công trình xây dựng dành cho bậc Đạo Sư. 21. Và khi ngôi đại bảo tháp đã hoàn tất, được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng thêm sợi dây thắt lưng đến bậc Hiền trí, đấng Bảo Hộ Thế Gian. 22. Ke từ khi tôi đã dang cúng sợi dây thắt lưng trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biêt đến khô cảnh; điêu này là quả báo của việc xây dựng ngôi bảo tháp. 23. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cát đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sông không còn lậu hoặc. 24. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 25. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

2 Kāmabhavādayo sabbe nava bhavā mayā samūhatā (ÁpA. 295) = Toàn bộ 9 hữu như là dục hữu, (sắc hữu, vô sắc hữu), v.v... đã được tôi xóa sạch. 3 Mekhalãdãyikã nghĩa là ungười nữ dâng cúng sợi dây thắt lưng.,,

Tỳ-khiru-ni Mekhalādāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Ni Mekhalādāyikā95 là phần thứ nhì.

3. KÝ Sự VÈ MANDAPADĀYIKĀ (Mandapadāyikāpadānam)4 26. Mái che dành cho đang Hiên Trí Konāgamana đã được tôi cho thực hiện. Và tôi đã thường xuyên dâng cúng y

đến đức Phật, bậc Quyến Thuộc Của Thế Gian. * 27. Bất cứ xứ sở, phố chợ, kinh thành nào tôi đi đến, ở tại tất cả các nơi ấy tôi đều được tôn vinh; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 28. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 29. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 30. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Mandapadāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6ẾKý sự về Trưởng lão Ni Mandapadāyikā55 là phần thứ ba.

4. KÝ Sự VÈ SAÑKAMANATTHĀ (Sañkamanatthāpadānam)5 31 . Trong lúc đức Thế Tôn Vipassī, bậc Tối Thượng của thế gian như thế ấy đang bước đi trên đường, đang tiếp độ chúng sanh. 32. Tôi đã bước ra khỏi nhà, cúi mình và nằm dài xuống. Bậc Thương Tưởng, đấng Bảo Hộ Thế Gian đã bước lên đỉnh đầu của tôi. 33. Sau khi bước lên đầu [của tôi], đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ra đi. Do sự e r Ấ 9 A — . 1 y • ,Ẫ, Á tịnh tín ây ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi trời Đâu-suất. 34. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 35. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 36 Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Sañkamanatthā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 4íKý sự về Trưởng lão Ni SaAkamanatthã" là phần thứ tư.

4 Mandapadāyikā nghĩa là "người nữ dâng cúng mái che." 5 Sañkamanatthā nghĩa là 4tngười nữ thành lập con đường di."

5. KÝ Sự VÈ NALAMÃLIKẢ (Naỉamâỉikãpadãnam)6 37. Khi ấy, tôi đã là loài Kim Si điểu78cái ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng Tự Chiỉ, bậc Không Bị Đánh Bại. 38. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lên. Tôi đã cầm lấy tràng hoa sậy và đã cúng dường đến đấng Tự Chủ. 39. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân xác Kim Si điểu, tôi đã đi đến cõi Tam Thập. 40. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của ba mươi sáu vị Thiên vương. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của mười đấng Chuyển Luân Vương. Sau khi đã khiến cho tâm của tôi bị chấn động, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 41. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa. 42. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 43. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 44. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 45. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức

Phật. Tỳ-khưu-ni NaḶamâlikã đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Ni Nalamālikā^ là phần thứ năm.

6. KÝ Sự VÈ EKAPINDAPÃTADẢYIKÃ (Ekapindapātadāyikāpadānamf 46. ở thành phố Bandhumatī, có vị Sát-đế-lỵ tên là Bandhumā. Tôi đã là người vợ của vị vua ấy. Có một lần tôi đã khiến [người] đưa tôi đi [du ngoạn]. 47. Khi ấy, tôi đã đi đến nơi thanh vắng và ngồi xuống, tôi đã suy nghĩ như vầy: “Dầu đã đạt được vi thế xứng đáng, nhưng không điều lành nào đã được ta thực hiện! 48. Có lẽ ta sẽ đi đến địa nc là nơi vô cùng nóng bức, khổ sở, có dáng vẻ rùng rợn, vô cùng khiếp đảm; điều này đối với ta là không có sự hoài nghi [nữa].” 49. Tôi đã đi đến gặp đức vua và đã nói lời nói này: uTâu vi Sát-đế-ly, xin hãy ban cho thiếp một VỊ Sa-môn. Thiếp sẽ chăm lo ve vật thúc.”

6 NaḶamãlikã nghĩa là t4người nữ có tràng hoa say." 7 Kinnara, kinnarĩ: Loài nhân điểu nam hoặc nữ, có thân người đầu chim. (ND) 8 Ekapindapātadāyikā nghĩa là ungười nữ dâng cúng một phần vật thực.,,

50. Vi đại vương đã ban cho tôi [một] vị Sa-môn có [các] giác quan đã được tu tập. Sau khi nhận lấy bình bát của vị ấy, tôi đã đặt đầy [bình bát] với vật thực thưcmg hạng. 51. Sau khi đã đặt đầy [bình bát] với vật thực thượng hạng, tôi đã thoa dầu thơm, rồi đã che đậy lại bằng xấp vải đôi có giá trị đến một ngàn. 52. Đối với tôi, tôi [sẽ] ghi nhớ cảnh tượng nay đến hết cuộc đời. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín vào điều ây, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 53. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của ba mươi vị Thiên vương. Điều ước nguyện trong tâm của tôi là được tái sanh theo như ước muốn. 54. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của hai mươi đấng Chuyển Luân Vương. Sau khi thành tựu kết quả, tôi luân hồi ở nhiều cõi. 55. Tôi đã được giải thoát khỏi tất cả các điều trói buộc. Đối với tôi, các sự liên quan đến tái sanh đã xa lìa, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 56. Ke từ khi tôi đã dâng cung vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của món vật thực. 57. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 58. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiên của đức Phật tôi thượng. 59. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Ekapindapātadāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 64Ký sự về Trưởng lão Ni Ekapindapātadāyikā" là phần thứ sáu.

7. KÝ Sự VÈ KATACCHUBHIKKHÃDÃYIKÃ (Kaḷacchubhikkhữdâyikãpadânamỷ 60. Trong khi bậc Đạo Sư tên Tissa đang đi khất thực, tôi đã nâng lên muỗng vật thực và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. 61. Sau khi thọ lãnh, đấng Toàn Giác Tissa, bậc Đạo Sư, vị Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian dửng ở đường lộ? đã thực hiện lời tùy hỷ [phước báu] đến tôi: 62. "Sau khi bố thí muỗng vật thực, con sẽ đi đến cõi trời Đạo-lợi. Con sẽ làm chánh hậu của ba mươi sáu vị Thiên vương. 63. Con sẽ làm chánh hậu của năm mươi đang Chuyên Luân Vương. Con sẽ luôn luôn thành tựu tất cả các điều ước nguyện

ở trong tâm. 64. Sau khi thọ hưởng sự thành đạt, con sẽ xuất gia không có [tài sản] gì. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, con sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

9 Katacchubhikkhādāyikā nghĩa là ungười nữ dâng cúng muỗng vật thỊTC.”

65. Nói xong điều ấy, đấng Toàn Giác Tissa, bậc Trí Tuệ, vi Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian đã bay lên không trung, tợ như loài thiên nga chúa ở trên bầu trời. 66. Đối với tôi)sự bố thí cao quý là đã được bố thí tốt dẹp, sự thành công trong việc cống hiến là đã được cống hiến tốt đẹp. Sau khi bố thí muỗng vật thực, tôi đã đạt đến vị thế không bị lay chuyển. 67. Ke từ khi tôi đã dâng cung vật thí trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng vật thực. 68. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 69. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 70. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Katacchubhikkhādāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Ni Katacchubhikkhādāyikā" là phần thứ bảy.

8. KÝ Sự VÈ SATTUPPALAMẢLIKÃ (Sattuppalamālikāpadānam)^ 71. ở thành phố Arunavatī, có vị Sát-đế-lỵ tên là Arunavā. Tôi đã là người vợ của vị vua ấy. Tôi [thường] bảo [người] đưa tôi đi đó đây. 72. Sau khi nhận được bảy đóa sen xanh có hương thơm của cõi trời, tôi đã ngồi xuống ở nơi cao quý của tòa lâu đài, và ngay khi ấy đã suy nghĩ như vầy: 73. "Với bảy đóa hoa này được gắn ở đầu của ta thì ta có được gì? Điều cao quý đối với ta là được vươn đến trí tuệ của đức Phật tối thượng?5 74. Trong lúc chờ đợi đấng Toàn Giác, tôi đã ngồi xuống ở gần cánh cửa lớn [nghĩ rằng]: "Khi nào đấng Toàn Giác ngự đến, ta sẽ cúng dường đến bậc Đại Hiên Trí?5 ' ' 75. Nổi bật, chói sáng, y như con sư tử là vua của các thú rừng, đấng Chiến Thắng được tháp tùng bởi hội chúng Tỳ-khưu đã đi đến ở trên đường lộ. 76. Sau khi nhìn thấy hào quang của đức Phật, tôi đã trở nên mừng rỡ, có tâm ý phấn khởi. Tôi đã mở cửa ra và đã cúng dường đến đức Phật tối thượng. 77. Bảy đóa hoa sen xanh đã được phân tán ra ở trên không trung. Chúng tạo thành hình mái che và nằm yên ở trên đỉnh đàu của đức Phật. 78. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lên. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín vào điều ấy, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 79. Chúng hình thành tấm che màu xanh thẩm ở trên đầu của tôi, tôi tỏa ra hương thơm của cõi trời; điều này là quả báo của bảy đóa sen xanh.

10 Sattuppalamãlikã nghĩa ỉa "người nữ có bảy đóa hoa sen xanh."

80. Lúc bấy giờ, vào một làn nào đó trong khi tôi được tập thể quyến thuộc dẫn di, hết thảy nhóm người của tôi đều được khoác lên [một] màu xanh thẫm. 81. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của bảy mươi vi Thiên vương. Sau khi trở thành vi nữ hoàng ở khắp mọi nơi, tôi [đã] luân hôi ở cõi này cõi khác. 82. Tôi đã được thiết lập vào

ngôi chánh hậu của sáu mươi ba đấng Chuyển Luân Vương. Tất cả đều thuận theo tôi, tôi đã có lời nói hợp lý. 83. Màu da của tôi chính là [màu] của hoa sen xanh và còn tỏa ra hương thơm nữa. Tôi không biết đến làn da xấu xí; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 84. Được thiện xảo về các nền tảng của phép thần thông, được thích thú trong việc tu tập các chi phần đưa đến giác ngộ, được thành tựu các thắng trí và các pháp toàn hảo; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 85. Được thiện xảo trong các sự thiết lập về niệm, có các hành xứ về thiền định, được gắn bó với các sự nỗ lực đúng đắn; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 86. Tôi có sự tinh tân, có khả năng tiên hành các phận sự là điêu kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 87. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy frước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa. 88. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 89. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 90. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Sattuppalamālikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Ni Sattuppalamâlikã" là phần thứ tám.

9. KÝ Sự VỀ PAÑCADĪPIKĀ (Pañcadīpikāpadānam)n 91. Khi ấy, tôi đã là nữ du sĩ ở thành phố Hamsavatī. Là người tầm cầu sự tốt đẹp, tôi đi từ tu viện này đến tu viện khác. 92. Vào một ngày thuộc hạ huyền, tôi đã nhìn thấy cội cây Bồ-đề tối thượng. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín tôi đã ngồi xuống ở gốc cây Bồ-đề. 93. Sau khi thiết lập tâm cung kính, tôi đã chắp tay lên ở đầu và bày tỏ lòng hoan hỷ. Ngay khi ấy, tôi đã suy nghĩ như vầy:

11 Pañcadīpikā nghĩa là "người nữ có năm ngọn

94. "Nếu đức Phật có đức hạnh vô lượng, không người sánh bằng, xin cội Bồ-đề này hãy thi hiện thần thông, hãy chói sáng cho tôi thấy.” 95. Cùng với điều suy nghĩ của tôi, ngay khi ấy cội Bồ-đề đã phát sáng, đã biến thành vàng toàn bộ và đã chiêu sáng tát cả các phương. 96. Tôi đã ngồi xuống tại nơi ấy, ở gốc cây Bồ-đề bảy ngày đêm. Khi đạt đến ngày thứ bảy, tôi đã thực hiện việc cúng dường các ngọn đèn. 97. Sau khi được đặt quanh chỗ ngồi, năm ngọn đèn đã phát sáng. Khi ấy, các ngọn đèn của tôi đã phát sáng cho đến khi mặt trời mọc lên. 98. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 99. Tại nơi ây, có cung điện đã khéo được kiên tạo dành cho tôi gọi tên là "Ngũ Bng”, có chiều cao là sáu mươi do-tuần? chiều rộng ba mươi do-tuần. 100. Xung quanh tôi có vô sô ngọn đèn chiêu sáng. Cho đên cung điện của chư thiên cũng sáng rực bởi ánh sáng của các ngọn đèn. 101. Sau khi ngồi xuống với mặt quay về hướng khác, nếu tôi muốn nhìn thây ở bên trên, bên dưới và chiêu ngang, tôi đêu nhìn thây tát cả băng mát. M t y 1 Á . Mai M 102. Ngay cả khi tôi mong muôn nhìn thây những sự việc tót đẹp hoặc xâu xa thì

không có gì che đậy được việc ấy, dầu ở các cây cối hoặc ở các núi non. 103. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của tám mươi vị Thiên vương. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của một trăm đấng Chuyển Luân Vương. 104. Mỗi khi tôi tái sanh dầu là cảnh giới chư thiên hoặc loài người, có một trăm ngàn ngọn đèn quây quần xung quanh tôi và chiếu sáng. 105. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, tôi đã tái sanh vào bụng mẹ. Trong khi đi vào bụng mẹ và trụ lại, mắt của tôi không nhắm lại. 106. Một trăm ngàn ngọn đèn là kết quả của nghiệp phước thiện, chúng chiếu sáng ở nhà bảo sanh; điều này là quả báo của năm ngọn đèn. 107. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, tôi đã gìn jgiữ tâm ý. Tôi đã chạm đến Niết-bàn là trạng thái mát mẻ, không già, không chét. 108. Bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Sau khi biết được đức hạnh [của tôi], đức Phật Gotama đã cho tôi tu lên bậc trên. 109. Trong lúc tôi tham thiên ở mái che hoặc ở góc cây, ở các tòa nhà lớn hoặc ở các hang động và ở nơi trống vắng, có năm ngọn đèn chiếu sáng tôi. 110. Thiên nhãn của tôi được thanh tịnh, tôi được thiện xảo về định, được thành tựu các thăng trí và các pháp toàn hảo; điêu này là quả báo của năm ngọn đèn. 111. "Bạch đấng Đại Hùng, bậc Hữu Nhãn, con là Pañcadīpā có toàn bộ nguồn nhiên liệu đã cạn, có các phận sự đã được làm xong, không còn các lậu hoặc, con xin đảnh lễ ơ bàn chân [Ngai]/9

THÁNH NHÂN KÝ sự 539

112. Ke từ khi tôi đã dâng cúng ngọn đèn trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của năm ngọn đèn. 113. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 114. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 115. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Pañcadīpikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Ni Paflcadīpikā^ là phần thứ chín.

10. KÝ Sự VÈ UDAKADÃYIKÃ (Udakadãyikãpadãnam)n 116. ở thành phố Bandhumatī, tôi đã là cô gái đội nước.12 13 Tôi sống nhờ vào việc đội nước. Nhờ vào việc ấy, tôi nuôi dưỡng các đứa trẻ. 117. Và tôi không có gì xứng đáng đê dâng cúng đên phước điên vô thượng. Tôi đã đi đến bể chứa và đã cung cấp nước. 118. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. ở nơi ấy, có cung điện đã được kiến tạo khéo léo, đã được hóa hiện ra dành cho tôi do [công đức của] việc đội nước. 119. Khi ấy, chính tôi là người đứng đầu của một ngàn tiên nữ? tôi luôn luôn cai quản tất cả các nàng ấy cùng với mười khu vực. 120. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của năm mươi vị Thiên vương. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của hai mươi đấng Chuyển Luân Vương. 121. Tôi [đã] luân hồi trong hai cảnh giới, ở bản thể chư thiên và nhân loại. Tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc bố thí nước. 122. Cho dù ở đỉnh núi hoặc ở ngọn cây, ở trên không trung và ở trên mặt đất, khi nào tôi ước muốn về nước thì tôi đạt được ngay lập tức. 123. Không có phương nào là không có mua, và không bi nóng bức hoặc bị thiêu đốt; sau khi biết được ý định của tôi, đám

mây lớn [sẽ] đô mưa xuống. 124. Lúc bây giờ, vào một lân nào đó trong khi tôi được tập thê quyên thuộc dẫn di, khi nào tôi muốn mưa thì khi ấy đám mây lớn đổ mưa xuống. 125. Sự nóng nực hoặc bưc bội không được biết đến ở cơ thể của tôi, và bụi bặm không có ở trên thân thể của tôi; điều này là quả báo của việc bố thí nước. 126. Hiện nay, do tâm ý thanh tịnh, các ác pháp đã lìa, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

12 Udakadâyikã nghĩa là 44người nữ dâng cúng nước.,, 13 Từ udakahārikā được dịch sát nghĩa là người vận chuyển nước (đội, gánh, mang, vác, v.v...).

127. Ke từ khi tôi đã ứiực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc bố thí nước. 128. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 129. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 130. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Ưdakadãyikã đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Nỉ Ưdakadãyikâ95 là phần thứ mười.

Tóm Lược Của Phẩm Này Vị Ni Sumedha, cô gái dâng dây nịt, dâng cúng mái che và con đường di, cô gái có tràng hoa sậy, cô gái thí vật thực, muỗng [thức ăn], và cô gái dâng cúng đóa sen xanh, cô gái dâng các ngọn đèn, và luôn cả cô gái bố thí nước. Các câu kệ ngôn đã được tính đếm ở đây là một trăm câu kệ ngôn và ba mươi câu thêm vào đó nữa. Phẩm Sumedhâ ỉa phẩm thứ nhất

n. PHẨM MỘT LÀN TRAI GIỚI (EKUPOSATHIKAVAGGO)

11. KÝ Sự VÈ EKUPOSATHIKẢ (Ekuposathikãpadãnamy 131. ở thành phố Bandhumatī, có vị Sát-đế-lỵ tên là Bandhumā. Vào ngày trăng tròn, vị ấy thực hành bát quan trai giới. 132. Vào lúc bấy giờ9 tôi đã là cô nô tỳ đội nước ở tại nơi ấy. Sau khi nhìn thấy đoàn quân cùng với đức vua, khi ấy tôi đã suy nghĩ như vầy: 133. “Ngay cả đức vua cũng đã buông bỏ vương quyền và thực hành bát quan trai giới, chác hẳn việc làm ấy là có quả báo khiến đám đông người hứng thú.” 134. Sau khi suy xét chín chắn về cảnh giới khổ đau và sự nghèo khó, tôi đã tự làm cho tâm được hoan hỷ và đã thực hành bát quan trai giới. 135. Tôi đã thực hành bát quan trai ệiới theo lời dạy của đấng Chánh Đẳng Giác. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tót đẹp, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 136. Tại nơi ấy5 có cung điện đã được kiến tạo khéo léo dành cho tôi, phía bên trên vươn cao một do-tuần? được kề cận với ngôi nhà mái nhọn quý giá, được trang hoàng với các chỗ nằm ngồi. 137. Một trăm ngàn tiên nữ luôn luôn kề cận tôi. Tôi luôn luôn vượt trội và rực rỡ hơn các vị thiên nhân khác. 138. Tôi đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của sáu mươi bốn vị Thiên vương. Tôi đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của sáu mươi ba đấng Chuyển Luân Vương. 139. Có được màu da vàng chói, tôi luân hồi ở các cảnh

giới. Tôi là người cao quý ở tát cả các nơi; điêu này là quả báo của bát quan trai giới. 140. về phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng n^ựa, phương tiện di chuyển bằng xe và kiệu khiêng, tôi cũng đều đạt được tát cả [các] điều ấy; điều này là quả báo của bát quan trai giới. 141. Khi ấy, ngay cả vật làm bằng vàng, làm bằng bạc, làm bằng ngọc pha lê, luôn cả vật làm bang hồng ngọc, tôi đều đạt được tất cả. 142. Các tấm mền làm bằng tơ lụa, bằng sợi len và bông vải, cùng với các tấm vải có giá trị cao, tôi đều đạt được tất cả. 143. Thức ăn, nước uống, vật để nhai, vải vóc và các chỗ nằm ngồi, tôi đều đạt được tất cả [các] thứ ấy; điều này là quả báo của bát quan trai giới.

1 Ekuposathikã nghĩa là 64người nữ có một lần thực hành bát quan trai giới.^,

144. Hương thơm cao quý, tràng hoa, bột phấn thơm, dầu thoa, tôi đều đạt được tất cả [các] thứ ấy; điểu này là quả báo của bát quan trai giới. 145. Ngôi nhà mái nhọn, tòa lau đài, mái che, tòa nhà dài, hang động, tôi đều đạt được tất cả [các] thứ ấy; điều này là quả báo của bát quan trai giới. 146. Bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Chưa đầy nửa tháng, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 147. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 148. Ke từ khi toi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bát quan trai giới. 149. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn5 đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiên của đức Phật tối thượng. 150. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Ekuposathikã đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Ni Ekuposathikâ" là phần thứ nhất

12. KÝ Sự VÈ SALALAPUPPHIKÃ (Salalapupphikāpadānam)2 151. Khi ấy, tôi đã là loài Kim Si điểu cái ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đấng Nhân Ngưu, vi Trời Của Chư Thiên đang đi kinh hành. 152. Sau khi hái xuống bông hoa salala, tôi đã dâng lên đức Phật tối thượng, [nói rằng:] "Bạch đang Đại Hùng, thỉnh Ngài ngửi bông hoa salala có hương thơm của cõi trời.,, 153. Sau khi thọ nhận, đấng Toàn Giác Vipassī, bậc Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hùng đã ngửi [bông hoa ấy], trong khi ấy tôi đang chăm chú nhìn. 154. Tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ đấng Tối Thượng Nhân. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tìr nơi ấy tôi đã đi lên ngọn núi. 155. Ke tư khi tôi đã dâng cúng bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 156. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 157. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiên của đức Phật tói thượng. 158. Bôn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thăng trí đã được tôi đác chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Salalapupphikã đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 64Ký sự về Trưởng lão Ni Salalapupphikã" là phần thứ nhì. 2 Salalapupphỉkã nghĩa là "người nữ có bông hoa salala".

13. KÝ Sự VÈ MODAKADĀYIKĀ (Modakadāyikāpadānam)3 159. ở thành phố Bandhumatī, tôi đã là n^ười nữ tỳ đội nước. Là người vận chuyển nước, tôi đã ra đi sau khi nhận lấy phan [nước] của mình. 160. ở đường lộ, tôi đã nhìn thấy vị Sa-môn có tâm thanh tịnh, định tĩnh. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng ba cục thịt vò viên. 161. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý? tôi đã không đi đến đọa xứ chín mươi mốt kiếp. 162. Sau khi đã làm thành tựu điều ấy, tôi đạt được mọi thứ. Sau khi cúng dường ba cục thịt vò viên, tôi đã đạt đến vị thế không bi lay chuyển. 163. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 164. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 165. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khmi-ni Modakadāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Ni Modakadãyikâ59 là phần thứ ba.

14. KÝ Sự VÈ EKÃSANADẢYIKẢ (Ekāsanadāyikapadānam)4 166. Lúc bấy giờ, tôi đã là cô thiếu nữ ở tại thành phố Hamsavatī. Mẹ và luôn cả cha của tôi, họ đều đã đi làm công việc. 167. Vào lúc mặt trời ở chính ngọ, tôi đã nhìn thấy vị Sa-môn đang đi dọc theo đường lộ nên tôi đã xếp đặt chỗ ngồi. 168. Sau khi xếp đặt chỗ ngồi bằng nhiều loại lông cừu, v.v... rồi với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã nói lời nói này: 169. "Mặt đất bị nóng bỏng, bi thiêu đốt, mặt trời đã đứng ở chính ngọ, và các cơn gió ngưng thổi, vậy là lúc ngài hãy nghỉ ở đây. 170. Thưa bậc đại hiền trí, đây là chỗ ngồi đã được sắp xếp dành cho ngài. Vì lòng thương tưởng, xin ngài hãy ngồi xuống chỗ ngồi của con." 171. Với tâm ý thanh tịnh, vị Sa-môn được rèn luyện chu đáo đã ngồi xuống ở tại nơi ấy. Tôi đã nhận lãnh bình bát của vi ấy và đã dâng cúng không chút sai sót. 172. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 173. Tại nơi ấy, tôi có cung điện đã khéo được xây dựng, đã khéo được 3 Modakadãyikã nghĩa là "nguôi nữ dâng cúng thịt vò viên,,. 4 Ekâsanadãyikã nghĩa ỉa 4tnguời nữ dâng cúng một chỗ ngồi,,.

hóa hiện ra với chô ngôi, có chiêu cao sáu mươi do-tuân, chiêu rộng ba mươi do-tuần. 174. Cũng vào khi ây, tôi có các ghê dài nhiêu kiêu làm băng vàng, làm bằng ngọc ma-ni, làm bằng ngọc pha lê, và làm bằng hồng ngọc nữa. 175. Các ghế dài của tôi khéo được trải lót với các tấm nệm bằng len dệt, với nhiều loại tấm trải bằng tơ dệt có đính các viên ngọc, và với các tấm trải viền ren ở một bên. 176. Khi nào tôi ước muôn sự ra đi với mục đích giải trí nô đùa, điêu ước nguyện của tôi là tôi ra đi bằng chiếc ghế dài thù thắng của tôi. 177. Tôi đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của tám mươi vị Thiên vương. Tôi đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của bảy mươi đấng Chuyển Luân Vương. 178. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đã đạt được tài sản lớn lao. Đối với tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của một chỗ ngồi. 179. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới, trong bản thể chư thiên và nhân loại. Tôi không còn biết

đến các cõi khác; điều này là quả báo của một chỗ ngồi. 180. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và cả Bà-la-môn nữa. ơ mọi nơi, tôi đêu thuộc gia đình thượng lưu; điêu này là quả báo của một chỗ ngồi. 181. Tôi không biết đến tam sân hận và sự bực bội của tâm. Tôi không biết đến việc tàn tạ dung nhan; điều này là quả báo của một chỗ ngồi. 182. Các nữ tỳ hầu hạ tôi, nhiều ngươi bị gù lưng, bị chảy nước dãi. Tôi đã [được ẳm bồng] di chuyển từ hông này đến hông khác; điều này là quả báo của một chỗ ngồi. 183. Luôn luôn có các cô này tam [cho tôi], các cô kia chăm lo thức ăn, các cô khác làm cho tôi vui thích, các cô nọ thoa dầu thơm [cho tôi]; điều này là quả báo của một chỗ ngồi. 184. Trong lúc tôi sông ở mái che, ở góc cây, hoặc ở ngôi nhà trông văng, chiếc ghế dài biết được ý đinh của tôi hiện diện kề bên. 185. Đây là kiếp sống cuối cùng của tôi, là lần hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Hiện nay, tôi đã từ bỏ vương quốc và đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 186. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của một chỗ ngoi. 187. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 188. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

THÁNH NHÂN KÝ sự 545

189. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Vi Tỳ-khưu-ni Ekāsanadāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Ni Ekāsanadāyikā55 là phần thứ tư.

15. KÝ Sự VỀ PAÑCADĪPADĀYIKĀ (Pañcadīpadāyikāpadānam)5 190. Khi ấy, tôi đã là nữ du sĩ ở thành phố Hamsavatī. Có sự tầm cầu thiện pháp, tôi [đã] đi từ tu viện này đến tu viện khác. 191. Vào một ngày thuộc hạ huyền, tôi đã nhìn thấy cội cây Bồ-đề tối thượng. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã ngồi xuống ở gốc cây Bồ-đề7 192. Sau khi thiết lập tâm cung kỉnh, tôi đã chắp tay lên ở đầu và bày tỏ lòng hoan hỷ. Ngay khi ấy tôi đã suy nghĩ như vầy: 193. “Nếu đức Phật có đức hạnh vô lượng, không người sánh bằng, xin cội Bồ-đề này hãy thị hiện thần thông, hãy chói sáng cho tôi thấy.” 194. Cùng với điều suy nghĩ của tôi, ngay khi ấy cội Bồ-đề đã phát sáng, đã biến thành vàng toàn bộ và đã chiếu sáng tất cả các phương. 195. Tôi đã ngồi xuống tại nơi ấy, ở gốc cây Bồ-đề bảy ngày đêm. Khi đạt đến ngày thứ bảy, tôi đã thực hiện việc cúng dường các ngọn đèn. 196. Sau khi được đặt quanh chô ngôi, năm ngọn đèn đã phát sáng. Khi ây, các ngọn đèn của tôi đã phát sáng cho đến khi mặt trời mọc lên. 197. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 198. Tại nơi ấy, cung điện đã được kiến tạo khéo léo dành cho tôi được gọi là "Ngũ Bng", có chiều cao sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần. 199. Xung quanh tôi có vô số ngọn đèn chiếu sáng. Cho đến cung điện của chư thiên cũng sáng rực bởi ánh sáng của các ngọn đèn. 200. Sau khi ngồi xuống mặt quay về hướng khác, nếu tôi muốn nhìn thấy ở bên trên, bên dưới và chiều ngang, tôi đều nhìn thấy tất cả bằng mắt. 201. Ngay cả khi tôi mong muôn nhìn thây những việc tót đẹp hoặc xâu xa thì không có gì che đậy được việc ấy, dầu ở các cây cối hoặc ở

các núi non. 202. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của tám mươi vị Thiên vương. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của một trăm đấng Chuyển Luân Vương. 203. Mỗi khi tôi nhập thai bào, dầu là cảnh giới chư thiên hoặc loài người, có một trăm ngàn ngọn đèn chiếu sáng ở xung quanh tôi.

5 Pañcadīpadāyikā nghĩa là ungười nữ dâng cúng năm ngọn dèn". Câu chuyện này tương tợ câu chuyện số 9 của Pañcadīpika (người nữ có năm ngọn đen).

204. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, tôi đã tái sanh vào bụng mẹ. Trong khi đi vào bụng mẹ và trụ lại, mắt của tôi không nham lại. 205. Một trăm ngàn ngọn đèn là kết quả của nghiệp phước thiện, chúng chiếu sáng ở nhà bảo sanh; điều này là quả báo của năm ngọn đèn. 206. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, tôi đã gìn giữ tâm ý. Tôi đã chạm đến Niết-bàn là trạng thái mát mẻ9 không già, không chết. 207. Bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vi A-la-hán. Sau khi biết được đức hạnh [của tôi], đức Phật Gotama đã cho tôi tu lên bậc trên. 208. Trong lúc sinh sống ở mái che, ở gốc cây, hoặc ở ngôi nhà trống vắng, luôn luôn có ngọn đèn chiếu sáng; điều này là quả báo của năm ngọn đèn. 209. Thiên nhãn của tôi được thanh tịnh, tôi được thiện xảo về định, được thành tựu các thăng trí và các pháp toàn hảo; điêu này là quả báo của năm ngọn đèn. 210. “Bạch đấng Đại Hùng, bậc Hữu Nhãn, con là Pañcadīpā có toàn bộ nguồn nhiên liệu đã cạn, có các phận sự đã được làm xong, không còn các lậu hoặc, con xin đảnh lễ ở bàn chân [Ngài].” 211. Ke từ khi tôi đã dâng cúng ngọn đèn trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đên khô cảnh; điêu này là quả báo của năm ngọn đèn. 212. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 213. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 214. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Vị Tỳ-khưu-ni Pañcadīpadāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Ni Pañcadīpadāyikā^ là phần thứ năm.

16. KÝ Sự VỀ SẢLAMÃLIKÃ (Salamālikāpadānam)6 215. Khi ấy, tôi đã là loài Kim Si điểu cái ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng Tự Chủ, bậc Không Bi Đánh Bại. 216. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lên. Tôi đã cầm lấy tràng hoa sãla và đã cúng dường đến bậc Tự Chủ. 217. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân xác Kim Si điểu, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 218. Toi đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của ba mươi sáu vị Thiên vương. Điều ước nguyện trong tâm của tôi là được tái sanh theo ước muốn.

6 Ký sự này tương tợ Ký sự về Nalamālikā, số 5, trang 534.

219. Tôi đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của mười đấng Chuyển Luân Vương. Sau khi thành tựu két quả, tôi luân hôi ở nhiêu cõi. 220. Điều tốt lành của tôi đã được tìm

thấy, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Hiện nay, tôi là bậc xứng đáng sự cúng dường ở trong giáo pháp của người con trai dòng dõi Sakyā [Thích-ca]. 221. Hiện nay, với tâm ý đã được thanh tinh, các ác pháp đã không còn, tất cả các lậu hoặc đã cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 222. [Ke từ khi] toi đã cúng dường đến đức Phật trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tràng hoa sâla. 223. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 224. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn9 đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 225. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Vi Tỳ-khưu-ni Sālamālikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Ni Sālamālikā" là phần thứ sáu.

17. KÝ SựVỀ MAHĀPAJĀPATIGOTAMĪ (Mahāpafāpatigotamī-apadānam)1 226. Một thời, bậc Quang Đăng Của Thế Gian, đấng Điều Phục Nhân trú tại thành Vesālī, khu Đại Lâm, ở ngôi nhà mái nhọn, trong giảng đường xinh xắn. 227. Khi ấy, người dì ruột của đấng Chiến Thắng là Tỳ-khưu-ni Mahāgotamī đã cư ngụ tại tu viện của Tỳ-khưu-ni được xây dựng ở tại nơi ây, trong thành phô đáng yêu. 228. Khi đang ở nơi thanh vắng cùng với năm trăm vị Tỳ-khưu-ni đã được giải thoát, có điều suy tầm đã khởi đến tâm của vi Ni ấy như vầy: 229. "Ta sẽ không thể chứng kiến sự viên tịch Niết-bàn của đức Phật, hoặc của hai vị Tối thượng Thinh văn, của Rāhula, Ānanda và Nandā. 230. Trước khi có thể buông bỏ thọ hành rồi thành tựu Niết-bàn? ta cần được đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Đại Ẩn Sĩ cho phép." 231. Sự suy tầm của năm trăm vi Tỳ-khưu-ni cũng như thế, chính điều suy tầm này cũng đã khởi đến các vị Ni như là Khemā, v.v... 232. Khi ấy, đã có sự lay động của trái đất, tiếng trống của cõi trời đã vang lên. Các thiên nhân cư ngụ ở Ni viện đã bi dày vò bởi sầu muộn. Tại nơi ấy, trong khi than vãn với niềm bi mẫn họ đã tuôn rơi những giọt nước mắt.7

7 Mahãpcỳâpatỉgotamĩ nghĩa ỉa "người nữ lãnh tụ vĩ đại thuộc dòng họ Gotama".

233. Cùng với các vị [thiên nhân] ấy, các vị Tỳ-khưu-ni bạn đã đi đến gặp bà Gotamĩ. Họ đã quỳ xuông, đê đâu ở bàn chân và đã nói lời nói này: 234. “Thua Ni sư, chúng tôi đã tưới nước ở tại nơi ấy rồi đã đi đến nơi thanh vắng. Trái đất có sự vững chãi đã bị lay động, tiếng trong của cõi trời đã được vang lên, và những tiếng than khóc đã được nghe đến. Bà Gotamĩ, chẳng lẽ có sự việc gì hay sao?” 235. Khi ấy, bà Gotamĩ đã kể lại mọi việc theo như đã được suy tầm. Các vị Ni ấy cũng đã kể lại mọi việc theo như đã được suy tầm: 236. "Thua Ni su, thưa vị có sự hành trì tốt đẹp, nếu Niết-bàn tối thắng thù diệu được bà thích thú thì tất cả chúng tôi cũng sẽ Niết-bàn với sự chấp thuận của đức Phật. 237. Chúng tôi sẽ cùng nhau rời khỏi ngoi nhà và rời khỏi luôn cả sự hiện hữu, chúng tôi sẽ cùng nhau đi đến thành phố Niết-bàn tối thượng?9 238. Bà Gotamĩ đã nói rằng: "Ta sẽ nói gì đây đối với những người đang đi đến Niết-bàn?" Khi ấy, bà Gotamĩ cùng với tất cả các vị Ni ấy đã rời khỏi chỗ cư ngụ của các Tỳ-khưu-ni. 239. "Xin chư thiên đang ngự tại trú xá hãy thông cảm cho ta. Đây là sự nhìn thấy Ni viện lần cuối

cùng của ta. 240. Nơi nào sự già hoặc sự chết, sự gần gũi với những gì không yêu thích, sự xa lìa với những gì yêu thích là không c6, thì ta nên đi đến nơi ấy là nơi không bị tạo tác.” 241. Nghe được lời nói ấy, những vi Tỳ-khưu-ni của đấng Thiện Thệ có tham ái chưa được xa lìa bị dằn vặt bởi sâu muộn nên đã than vãn rằng: "Than ôi, chúng tôi có phước báu kém cỏi. 242. Trú xứ này của các Tỳ-khưu-ni thiếu vắng các vị ấy [sẽ] trở nên trống không. Các vị Tỳ-khưu-ni của đấng Chiến Thăng [sẽ] không còn được nhìn thấy, ví như các vì sao không còn được nhìn thấy vào ban ngày. 243. Bà Gotamĩ đi đến Niết-bàn cùng với năm trăm vị tương tợ như sông Gañgā cùng với năm trăm dòng sông chảy về biên cả/9 244. Sau khi nhìn thấy bà Gotamĩ r đang đi ở trên đường, Yt các nữ cư sĩy thành tín đã đi ra khỏi nhà, roi đã quỳ xuông ở hai bàn chân [của bà] và đã nói điêu này: 245. “H&i vị có tài sản vĩ đại, xin người hoan hỷ. Xin chớ lìa bỏ chúng con [trở thành] không n^ười bảo hộ. Xin người chớ quyết đinh Niet-ban^, họ đã than van ầm ĩ như thể. 246. Nhằm mục đích xóa đi nỗi sầu muộn của họ, bà Gotamĩ đã nói với giọng nói ngọt ngào rằng: "Này các con, than khóc đã đủ rồi, hôm nay đây là thời điểm vui cười của các con. 247. Khổ đã được ta biết toàn diện, nhân của khổ đã được ta dứt bỏ, sự diệt tận đã được ta tác chứng, và Đạo cũng đã được ta thực hành khéo léo?9 Dứt tụng phẩm thứ nhất

THÁNH NHÂN KÝ sự 549

248. Bậc Đạo Sư đã được ta phục vụ, lời dạy của đức Phật đã được ta thực hành, nhiệm vụ nặng nề đã được đặt xuống, lối dẫn đi tái sanh đã được xóa tan. 249. Vì mục đích nào ta đã rời khỏi gia đình, xuất gia vào đời sống không gia đình, mục đích ấy tức là sự đoạn tận tất cả các sự trói buộc đã được ta đạt đến. 250. Này các con, đức Phật và Chánh pháp không bi thiếu sót của Ngài vẫn còn tồn tại vào thời điểm Niết-bàn của ta, chớ có khóc than cho ta. 251. Kondañña, Ānanda, Nandā, V.V..vi Râhula chiến thắng còn tại tiền, hội chúng là được an lạc, hòa hợp, còn đối với các ngoại đạo thì niềm kiêu hãnh đã bị tiêu tan. 252. Danh tiếng của dòngệ tộc Okkãka với sự tiêu diệt Ma vương đã được giương cao. Này các con, chang phải chính lúc này là thời điểm cho mục đích Niết-bàn của ta hay sao? 253. Điều ước nguyện của ta được nung đúc từ lâu, hôm nay được thành tựu. Này các con, giờ đây là thời điểm của những tiếng trống vui mừng, việc gì với những giọt nước mắt của các con? 254. Nêu có lòng thương mến đối với ta, và nếu có lòng bi mẫn, tất cả các con hãy the hiện sự tinh tan kiên co cho sự ton tại của Chánh pháp. 255. Khi được ta thỉnh cầu, đấng Toàn Giác đã ban cho sự xuất gia một cách lưỡng lự. Do điều đó, ta đã hoan hỷ như thế nào thì các con hãy thuận theo điều ấy như thế.95 256. Sau khi dặn dò như thể, bà Gotamĩ dẫn đầu các vị Tỳ-khưu-ni đã đi đến đảnh lễ đức Phật, rồi đã nói lời nói này: 257. “Bạch đấng Thiện Thệ, con là mẹ của Ngài. Và bạch đấng Anh Hùng, Ngài là cha của con. Bạch đấng Bảo Hộ, Ngài là người ban cho niềm an lạc trong Chánh pháp. Bạch Ngài Gotama, con đã được sanh ra bởi Ngài. 258. Bạch đấng Thiện Thệ, hình hài và thân xác này của Ngài đã được lớn mạnh là nhờ con. Còn Pháp thân không thê phê phán của con đã được tăng trưởng là nhờ vào Ngài. 259. Nhờ con, Ngài đã được uống nước sữa làm dịu đi sự khao khát trong chốc lát. Nhờ Ngài, con cũng đã được uống chính dòng sữa giáo pháp thanh tịnh vô cùng tận. 260. Bạch đấng Đại Hiền Trí, trong việc dưỡng nuôi chăm sóc của con, Nệài không có

nợ nần. Mong sao cho các phụ nữ có lòng mong mỏi con trai có thê đạt được người con trai như thê này. 261 . Mẹ của các vị vua như đức Vua Mandhâtu, v.v... là ở trong biển cả của hiện hữu. Này con trai, ta đã bị chìm đắm, nhờ Ngài ta đã vượt qua khỏi đại dương của hiện hữu. 262. Đối với hàng phụ nữ, danh xưng 'Hoàng hậu mẹ của đức vua' là dễ dàng đạt được. Còn danh xưng 'Người mẹ của đức Phật9 là đạt được vô cùng khó khản.

263. Và bạch đấng Anh Hùng, nhờ Ngài con đã đạt được điều ước nguyện ấy của con. Với con toàn bộ điều ấy dầu nhỏ bé hay lớn lao đều đã được tròn đủ. 264. Con muốn từ bỏ xác thân này, con muốn viên tịch Niết-bàn. Bạch đấng Anh Hùng, bậc Lãnh Dạo, vi Đoạn Tận Kho Bau, xin Ngài hãy cho phép con. 265. Xin Ngài hãy duỗi ra [hai] bàn chân mềm dịu như hoa sen được điểm tô bằng những cây căm bánh xe và các ngọn cờ, con sẽ thể hiện sự tôn kính đến Ngài với lòng yêu mến đối với người con trai. 266. Bạch đấng Lãnh Bạo, xin Ngài hãy thể hiện rõ ràng thân thể tợ như khối vàng; sau khi thực hiện việc chiêm ngưỡng thân thể của Ngài, con sẽ đi về chốn an tinh." 267. Đấng Chiến Thắng đã khiến cho người dì nhìn thấy thân thể được thành tựu ba mươi hai tướng trạng và được điểm tô với những hào quang xinh xắn trông giống như ánh mặt trời non trẻ từ đám mây chiều. 268. Sau đó, bà Gotamĩ đã đê đầu ở lòng bàn chân được in dấu hình bánh xe, trông tợ như đóa hoa sen nở rộ có ánh sáng của mặt trời buổi bình minh. 269. "Con xin đảnh lễ đấng Mặt Trời Của Nhân Loại, vị tiêu biểu của dòng dõi mặt trời. Đây là lần tử biệt cuối cùng của con, con không gặp Ngài nữa rồi. 270. Bạch đấng Cao Cả Của Thế Gian, hàng nữ nhan gây nên mọi điều xấu xa rồi chết đi. Và bạch đấng Thể Hiện lòng bi mẫn, nếu con có điều sai trái gì xin Ngài tha thứ. 271. Và bạch đấng Nhân Ngưu, con đã liên tục cầu xin sự xuất gia cho hàng phụ nữ, trong việc này nếu con có điều sai trái xin Ngài hãy thứ tha điều ấy. 272. Bạch đấng Đại Hùng, các Tỵ-khiru-ni đã được con dạy dỗ với sự cho phép của Ngài. Bạch đấng Chúa Te ve kham nhẫn, trong trường hợp này nếu có vấn đề huấn luyện kém cỏi, xin Ngài hãy thứ tha điều ẫy." 273. [Đức Phật đáp lại rằng:] uNày người có đức hạnh là vật trang điểm, có thể kham nhẫn những điều gọi là không thể kham nhẫn thì còn có việc gì? Ta sẽ nói điều gì hơn nữa đối với bà là người đang tiến đến Niết-bàn? 274. Khj hội chúng Tỳ-khưu của Ta là thanh tịnh không khiếm khuyết đang tiến bước để ra khỏi thế gian này, ví như quầng trăng ra đi vào lúc rạng đông sau khi nhìn thấy sự biến mất dần của các vì thiên thể." 275. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu-ni kia đã hướng vai phải nhiễu quanh đấng Chiến Thắng cao cả, trông giống như các vì sao theo gót mặt trăng di chuyển xung quanh núi Sumeru. Sau đó họ đã quỳ xuống đê đầu ở bàn chân [đức Phật], rồi đứng lên chiêm ngưỡng khuôn mặt [của Ngài]. 276. "Mắt chưa có sự thỏa mãn đối với việc nhìn ngắm Ngài, tai chưa có sự thỏa mãn đối với việc được [nghe] Ngài thuyết giảng, chỉ riêng một mình tâm của con đã đạt được sự thỏa mãn ấy nhờ vào hương vị của giáo pháp. 277. Bạch đấng Cao Quý Của Loài Người, trong khi Ngài tuyên thuyết ở

hội chúng, những người nào nhìn thấy khuôn mặt của Ngài là vị đánh đổ sự kiêu căng của những người đối chất, những người ấy là hữu duyên. 278. Bạch đấng có lóng [tay chân] dài, những người nào sẽ khom mình ở bàn chân xinh đẹp có gót chân nhô ra, bạch bậc Thượng Đức, những người ấy cũng là hữu duyên. 279. Bạch đấng Thượng Nhân, những người nào sẽ lắng nghe những lời nói ngọt ngào, vui vẻ, tiêu diệt lỗi lầm và có lợi ích của Ngài, những người ấy cũng là hữu duyên. 280. Bạch đấng Đại Hùng, với sự nhiệt tâm trong việc lễ bái bàn chân [Ngài], con đã vượt qua khu rừng rậm luân hồi nhờ vào lời thiện thuyết của đấng Quang Vinh, con là hữu duyên với Ngài.99 281. Sau đó, vị Ni có hạnh kiểm tốt đẹp ấy cũng đã thông báo đến hội chúng Tỳ-khiru. Và sau khi đảnh lễ các vị Râhula, Ānanda, Nandā, bà đã nói điều này: 282-83. "Mq nhơm gớm cái xác thân tợ như chỗ trú của rắn độc, là chỗ nệụ của bệnh tật, bị chồng chất khổ đau, là chốn lai vãng của sự già và sự chết, đay dẫy nhiễm ô và tội lỗi, bị lệ thuộc vào người khác, không năng động. Vì thế, mẹ muốn Niết-bàn. Này các con trai, hãy thông cảm [cho mẹ].,, 284. Vị Nandā và bậc Hiền thiện Râhula có sầu muộn đã lìa, không còn lậu hoặc, bên vững, không bị lay động, chăc chăn, kiên quyêt, đã suy xét vê lẽ tự nhiên rang: 285. "Thật là xấu hổ cho [xác thân] bị tạo tác, chao đảo, không có lõi, tương tợ như cây chuối, giống như trò xảo thuật hay ảo ảnh, ngắn ngủi, không bền vững. 286. Ngay cả bà Gotamĩ này, đối với đấng Chiến Thắng là người dì, là người nuôi dưỡng đức Phật, rồi cũng đi đến sự tử vong; tất cả pháp hữu vi là vo thường?9 287. Và lúc bấy giờ, Ngài Ānanda, vị có lòng thương mến đối với đấng Chiến Thắng, là bậc Hữu học, đã bị dằn vặt vì sầu muộn. Tại đó, trong khi tuôn trào những giọt lệ, vi ấy rên rỉ nỗi tiếc thương: 288. "Hỡi ôi! Bà Gotamī đi đến chốn thanh tịnh. Hiển nhiên, chẳng bao lâu nữa đức Phật cũng đi đến tịch diệt ví như ngọn lửa hết nguồn nhiên liêu.” 289. Bà Gotamĩ đã nói với vị Ānanda đang than vãn ấy như vầy: "Này vị sâu sắc như biển cả về việc nghe [học hỏi]. Này vị nhiệt tâm trong việc hầu cận đức Phật. 290. Này con trai, chớ miệt mài thương tiếc khi thời điểm cười vui đã đến đối với con. Này con trai, nơi nương nhờ của ta là Niết-bàn đã đến. 291. Này con yêu, được cầu khẩn bởi con, [đức Phật] đã cho phép sự xuất gia đến chúng tôi. Này con trai, chớ có phiền muộn, sự nỗ lực của con là có kết quả.

552 KINH TIÊU BÔ

292. Đạo lộ ấy thậm chí không được nhìn thấy bởi các vị ngoại đạo sư trước đây, lại được biết đến bởi những bé gái hiền thiện bảy tuổi. 293. Này vị hộ trì giáo pháp của đức Phật, [giờ là] lần nhìn thấy cuối cùng của con. Này con trai, nơi nào khi đã đi đến là không được nhìn thấy thì ta đi đến nơi ấy.” 294. Có lần nọ, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian bi hắt hơi trong khi đang thuyết giảng giáo pháp, khi ấy với lòng thương tưởng tôi đã nói lời mong mỏi rằng: 295. "Bạch đấng Đại Hung, xin Ngài hãy sống thọ. Bạch bậc Đại Hiền Trí, xin Ngài hãy tồn tại trọn kiếp. Vì lợi ích của tất cả thế gian, xin Ngài hãy là vị Thiên Thần Bất Lao." j 296. Với tôi là người nữ có lời nói như thế về điều ấy, đức Phật ấy đã nói điều này: "Này Gotamĩ, chư Phật không nên được tôn vinh như thế, giống như cách bà đã tôn vinh." 297. "Bạch đấng Toàn Tri, vậy thì các đấng Như Lai là nên được tôn vinh như thế nào? Chư Phật là không nên được tôn vinh như thế nào? Được hỏi, xin Ngài hãy giảng cho con về điều ấy.” 298. "Bà hãy nhìn xem các vị đệ tử là

có sự hòa h%, có sự ra sức tinh tấn, có tính khẳng quyết, có sự nỗ lực mạnh mẽ một cách ben bỉ; ấy là sự tôn vinh chư Phật?5 299. Từ nơi ấy, sau khi đi về Ni viện, chỉ có một mình tôi đã suy nghiệm rằng: “Đấng Bảo Hộ, vi đi đến tận cùng tam giới, hài lòng về tập thể có sự hòa hợp. 300. Vậy thì ta sẽ Niết-bàn? ta chớ chứng kiến sự băng hoại ấy." Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã diện kiến bậc Đệ Nhất Ẩn Sĩ. 301. Tôi đã thông báo thời điểm viên tịch Niết-bàn của tôi đến bậc Hướng Đạo. Do đó, Ngài đã đồng ý rằng: uNày Gotamĩ, bà hãy biết lấy thời điểm." 302. uCác phiên não của con đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc. 303. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 304. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phát." 305. "Này Gotamĩ, những kẻ ngu có khuynh hướng không chú tâm và trì trệ trong việc lãnh hội giáo pháp, bà hãy thị hiện thần thông vì lợi ích cho sự từ bỏ tà kiên của những ke ấy. 306. Khi ấy, với sự cho phép của đức Phật, bà Gotamĩ đã quy xuốnẹ [đảnh lễ] đấng Toàn Giác rồi đã bay lên không trung và đã thị hiện nhiều loại than thông.

307-08. Là một, bà đã trở thành nhiều, và tương tợ như thế là nhiều trở thành một. Bà đã hiện ra, biên mát, đi xuyên qua vách tường, xuyên qua ngọn núi không bi chướng ngại. Bà cũng đã chìm vào trong trái đất. Bà đã đi ở trên nước mà không làm chao động như là ở trên đát liên. 309. Khi ây, bà đã di chuyên với thê kiêt-già tương tợ như loài chim ở trên không trung. Bằng thân, bà đã thể hiện sự tác động đên tận chỗ ngụ của đấng Phạm thiên. 310. Sau khi đã làm ngọn núi Sineru thành cây cán lọng và đã làm đại địa cầu thành cái lọng che, bà đã xoay ngược lại đến tận gốc rễ. Trong khi cầm [lọng che], bà đã đi kinh hành ở hư không. 311. Và bà đã làm thế gian mù mịt khói đúng vào lúc mọc iên của sáu mặt trời. Bà đã gây rối ren bàng những tràng hoa rực lửa như là thế gian vào lúc hoại kiêp. 312. Vê tảng đá không lô Mucalinda, núi Mem, núi Mandâra và núi Daddara, bà đã nắm lấy toàn bộ bằng một nắm tay như là [nắm lấy] những hạt cải. 313. Với đầu ngón tay bà đã che khuất mặt trơi cùng với mặt trăng. Bà đã nắm giữ một ngàn mặt trăng và mặt trời như là [nắm giữ] tràng hoa đội đầu. 314. Bà đã năm giữ nước của bôn bê băng một bàn tay, đã làm đô mưa trận mưa lớn có hình dáng của đám mây đen vào lúc tận thế. 315. Bà đã biến hóa thành đấng Chuyển Luân Vương cùng với tùy tùng ở Ạ ' r • l " ..D . bê mặt của không trung. Bà đã khiên cho nhìn thây loài Kim Si điêu, loài voi và loài sư tử đang gầm rống. 316. Chỉ một mình, bà đã biến hóa thành hội chúng Tỳ-khưu-ni vô số kể, sau đó lại làm cho biến mất chỉ còn một minh, roi đã nói với bậc Hiền Trí rằng: 317. "Bạch đấng Đại Hùng, bạch bậc Hữu Nhãn, người dì của Ngài là người nữ thực hành theo lời dạy của Ngài và đã đạt được lợi ích cho bản thân, giơ [xin] đảnh lễ ở bàn chân [Ngài]?5 318. Sau khi thị hiện nhiều thể loại thần thông, vi Ni ấy đã từ bề mặt của không trung đáp xuống đảnh lễ đấng Quang Đăng Của Thế Gian rồi đã ngồi xuông ở một bên. 319. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đây đã được một trăm hai mươi tuổi tính từ lúc sanh. Bạch đấng Anh Hùng, chừng ấy là vừa đủ. Bạch đấng Lãnh Đạo, con sẽ Niet-ban?9 320. Khi ấy, toàn thể hội chúng ấy vô cùng

sửng sốt đã chắp tay lên nói rằng: “Thua Ni su, làm thế nào bà đã trở thành vị có thần thông và sự nỗ lực không thể sánh bằng?“ 321. Trước đây một trăm ngan kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp đã hiện khởi. 322. Khi ây5 tôi đã được sanh ra ở tại Harpsavatĩ trong gia đình vị quan cận thần được đầy đủ mọi thứ tiện nghi, sung túc, thịnh vượng, có đại tài sản.

323. Có lân nọ, tôi đã dân đâu nhóm nữ tỳ cùng người cha với đoàn tùy tùng đông đảo đi đến đấng Nhân Ngưu ấy. 324. Tợ như vị [Thiên vương] Vāsava đang làm mưa, đấng Chiến Thắng, bậc Không Còn Lậu Hoặc, rực rỡ với quầng hào quang giống như mặt trời của mùa thu, đang làm đổ xuống cơn mưa pháp. 325. Sau khi nhìn thấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín và đã lắng nghe [giáo pháp] khéo được thuyết giảng cúa đấng Lãnh Đạo Nhân Loại ấy trong khi Ngài đang thiết lập vị Tỳ-khưu-ni Mātucchā vào vị thế hàng đầu. 326. Sau khi lắng nghe, tôi đã dâng cúng đại thí và nhiều vật dụng trong bảy ngày đến bậc Tối Thượng Nhân như thế áy cùng với hội chúng [của Ngài]. 327. Tôi đã nằm dài xuống ở bàn chân [Ngài] và đã phát nguyện vị thế ấy. Sau đó, vị Đệ Nhất Ẩn Sĩ đã nói với đoàn tùy tùng đông đảo rằng: 328. "Người nữ nào đã chăm lo bữa ăn đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian cung với hội chúng trong bảy ngày, Ta sẽ tán dương người nữ ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 329. Vào một trăm ngàn kiên vê sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thê gian. 330. [Người nữ này] sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Gotanu. 331. Người nữ này sẽ là người dì nuôi dưỡng mạng sống của vị Phật ấy và sẽ đạt được vị thế hạng nhất trong số các Tỳ-khưu-ni kỳ cựu." 332. Sau khi nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, tôi đã hộ độ đấng Chiến Thắng bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời, sau đó đã từ trần. 333. Được sanh lên giữa chư thiên thuộc cõi Đạo-lợi có các sự dồi dào về mọi dục lạc, tôi đã vượt trội các vị [trời] khác về mười phương diện: 334. Là các sắc, các thinh, các hương, các vị và các xúc, luôn cả tuổi thọ và sắc đẹp, sự an lạc và luôn cả danh tiếng nữa. 335. Với ưu thế như thế ấy, tôi đã nổi bật và sáng chói. Tôi đã là hoàng hậu yêu dấu của vị Trời Đế-thích ở tại nơi ấy. 336. Trong khi trôi nổi luân hồi, bi dời chuyển dưới tác động của nghiệp, tôi đã được sanh ra ở trong ngôi làng dân nô lệ thuộc lãnh địa của đức vua xứ Kâsi. 337. Khi ấy, có không dưới năm trăm người nô lệ cư ngụ ở nơi ấy. Tại đó, người nào là đứng đầu của tất cả [nhóm người], tôi đã trở thành vợ của người ấy. 338. Năm trăm bậc Tự chủ đã đi vào làng để khất thực. Sau khi nhìn thấy các vị ấy, tôi cùng với tất cả quyến thuộc đã vui mừng. 339. Chúng tôi cùng với những người chông đã xây dựng năm trăm cóc liêu, đã hộ độ trong bốn tháng, đã dâng cúng ba y và đã trở nên hoan hỷ. 340. Từ nơi ấy chết đi, chúng tôi cùng với những người chồng đã đi đến cõi

trời Đạo-lợi. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, chúng tôi đã được sanh ra ở thành phố Devadaha. 341. Cha của tôi là Añjana thuộc dòng Sakyā, mẹ của tôi là [Hoàng hậu] Sulakkhanā. Sau đó, tôi đã đi đến nhà [làm vợ] của [đức Vua] Suddhodana ở thành

Kapilavatthu. 342. Những người còn lại đã được sanh vào gia tộc Sakyā, đã đi đến nhà [làm vợ] của các vị dòíiệ Sakyā. Là ưu việt trong so tất cả, tôi đã là người bảo mẫu cua đấng Chiến Thang. 343. Người con trai của tôi sau khi lìa bỏ ra đi đã trở thành đức Phật. bậc Hướng Đạo. Vê sau, tôi đã xuất gia cùng với năm trăm vị [công nương]. 344-45. Cùng với các công nương dòng Sakyā, tôi đã chạm đến sự an lạc của Niết-bàn. Khi ấy, những người nào đã là chồng của chúng tôi trong cuộc sống trước đây, những người cùng thực hiện phước báu, những người đã tạo ra thời điểm trọng đại, được đấng Thiện Thệ thương tưởng những người ấy đã chạm đến phẩm vị A-la-hán. 346. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu-ni kia đã ngự lên bề mặt của không trung. Có đại thần lực? các vị Ni đã chói sáng như là các vì sao đã được quần tụ lại. 347. Các vị Ni đã thị hiện nhiều loại thần thông, tương tợ như những thợ vàng khéo được huấn luyện đã làm ra nhiều mẫu mã trang sức đối với kim loại vàng đã được chế biến. 348. Khi ấy, các vi Ni đã thị hiện các phép lạ đa dạng nhiều loại và đã làm hoan hỷ bậc Hiền Trí, vi Thuyết Giảng hàng đầu, cùng với đồ chúng. 349. Sau khi từ không trung đáp xuống, các vị Ni đã đảnh lễ bậc An Sĩ tối thượng. Được sự cho phép của đấng Tối Thượng Nhân, các VỊ Ni đã ngồi xuống đúng theo vị the [nói rang]: 350. "Oi! Bạch đấng Anh Hùng, bà Gotamĩ là người có lòng từ mẫn đối với tất cả chúng con. Được sống nhờ vào những phước báu của Ngài, chúng con đã đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc. 351. Các phiên não của chúng con đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là những con voi cái [đã được cởi trói], chúng con sống không còn lậu hoặc. 352. Quả vậy, chúng con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 353. Bôn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thăng trí đã được chúng con đắc chứng; chúng con đã thực hành lời dạy của đức Phật. 354. Bạch đấng Đại Hiền Trí, chúng con đã có năngệ lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, chúng con đã có năng lực về trí biêt tâm của người khác. 355. Chúng con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

556 KINH TIÊU BÔ

356. Bạch đấng Đại Hùng, trí của chúng con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và về phép biện giải được phát hiện và được thành tựu trong sự hiện điện cua Ngài. 357. Bạch đấng Lãnh Bạo, Ngài đã hành xử đối với chúng con bằng các tâm từ ái. Bạch đấng Đại Hiền Trí, xin Ngài cho phép về việc Niết-bàn đen tất cả [chúng con]." 358. Đấng Chiến Thắng đã nói rằng: "Khi các nàng nói: 'Chúng con sẽ Niết-bgn' như thế thì Ta còn nói điều gì nữa. Vậy thì giờ đây, các nàng hãy suy nghĩ ve thời điểm của các nng." 359. Khi ấy? các vị Tỳ-khưu-ni ấy đứng đầu la Gotamĩ, v.v... đã đảnh lễ đấng Chiến Thắng. Rồi các vị Ni ấy đã từ chỗ ngồi ấy đứng dậy và đã ra đi. 360. Bậc Anh Hùng ấy, vị Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian cùng với đại chúng đông đảo đã cùng đi theo người dì cho đến tận cổng. 361. Khi ấy, bà Gotamĩ đã cúi xuống ở các bàn chan của đấng Quyến Thuộc Thế Gian, là sự đảnh lễ bàn chân lần cuối cùng với tất cả các vị Ni kia. 362. uĐây là lần nhìn thấy đấng Bảo Hộ Thế Gian lần cuối cùng của con. Con sẽ không còn nhìn thây lại khuôn mặt của Ngài là nguôn phát sanh lên sự bất tử. 363. Và bạch đấng Anh Hùng, [đây] không phải là sự đảnh lễ của con ở bàn chân vô cùng mềm mại của Ngài. Bạch

đấng Cao Cả Của Thế Gian, con sẽ sờ nắn [chúng]; hôm nay con đi đến nơi an tịnh. 364. Có gì với sắc tướng này của Ngài khi pháp đã được thấy đúng theo bản thể? Toàn bộ sắc tướng này chỉ là hữu vi, không được thoải mái, là tạm bợ' 365. Sau khi đi về tu viện Tỳ-khưu-ni của mình cùng với các vị Ni ấy, bà Gotamĩ đã xếp chân bán già ngồi xuống ở trên chỗ ngồi cao nhất. 366. Khi ây, các nữ cư sĩ mên chuộng Phật pháp ở tại nơi ây, sau khi nghe được tin tức ve bà ấy, đã đi đến đảnh lễ ở bàn chân [của bà]. 367. Bị dằn vặt vì sầu muộn, họ đã đấm vào ngực bằng những bàn tay. Rồi giống như là các dây leo bị chặt đứt góc rễ, họ đã ngã xuống ở trên đất trong khi nức nở tiếng khóc lóc thảm thương rằng: 368. "Hỡi người ban bố sự nương nhờ, hỡi người bảo hộ, xin người dừng từ bỏ chúng con mà đi đên nơi an tịnh. Toàn thê người nữ chúng con quỳ xuông đê đầu thỉnh cầu [người]. 369. Trong khi xoa đâu của người nữ cư sĩ có sự nô lực cao nhát, có tín tâm, có trí tuệ trong số ấy, bà Gotamĩ đã nói lời nói này: 370. "Này các con, thôi đủ rồi bởi vì thất vọng là sự xoay vần theo mưu kế của Ma vương. Tất cả pháp hữu vi là vô thường, sự chia lìa và sự tử vong là không chừng đổiy 371 . Sau đó, bà ấy đã giã từ những người nữ ấy rồi đã thể nhập thiền tối thượng bậc thứ nhất, thứ nhì, thứ ba và luôn cả bậc thứ tư.

THÁNH NHÂN KÝ sự 557

372. Tương tợ như thế, theo tuần tự bà đã thể nhập [các bậc thiền] không gian xứ, thức xứ, vô sở hữu, phi tưởng. 373. Bà Gotamĩ đã thể nhập các bậc thiền theo chiều nghịch về lại bậc thiền thứ nhất, rồi từ đó tiến đến bậc thứ tư. 374. Từ đó, bà đã xuất ra và đã Niêt-bàn, tợ như ngọn lửa của cây đèn cạn dầu. Đã có sự chuyển động dữ dội của trái đất, sét đã giáng xuống từ bầu trời. 375. Các tiếng trống đã được vang lên, chư thiên đã than vãn, và cơn mưa bông hoa từ bầu trời đã đổ xuống trái đất. 376. Ngọn núi chúa Meru cũng đã rung động tương tợ như người vũ công ở giữa sàn nhảy. Chính vì sầu muộn, biển cả đã có sự gào thét vô cùng thảm thiết. 377. Vào giây phút ấy, chư thiên, các long vương, các a-tu-la và đấng Phạm thiên bị chấn động đã thốt lên rằng: uCác pháp hữu vi quả thật là vô thường, theo như thế ấy vị Ni này đã đi đến sự hoại diệt. 378. Và các vị Ni nào là những n^ười thực hành theo lời dạy của bậc Đạo Sư đã tháp tùng vị Ni này, các vị Ni áy cũng không còn chấp thủ, như là ngọn lửa của cây đèn đã bi lụi tàn/9 379. Và đã có sự than vãn rằng: “Chao ôi! Các sự hội tụ có sự chia lìa là điểm kết thúc. Chao ôi! Tất cả pháp hữu vi là vô thường. Chao ôi! Cuộc sống có sự tiêu hoại là điểm kết thúc.” 380. Sau đó, chư thiên và đấng Phạm thiên [đã] tiến hành công việc thuận theo pháp thế gian, thích hợp thời điểm, rồi đã đi đen gần vi Đệ Nhất Ẩn Sĩ. 381. Khi ấy, bậc Đạo Sư đã bảo Ngài Ānanda là vị có sự học ví như biển cả rằng: "Này Ānanda, hãy đi thông báo đen các Tỳ-khưu về việc Niết-bàn của mẹ? 382. Khi ấy, Ngài Ānanda, không còn nét hân hoan,8 mắt đẫm lệ, đã nói với giọng nói nghẹn ngào rằng: “Hoi chư Tỳ-khưu, hãy cùng nhau đi đến. 383. Hỡi chư Tỳ-khưu là các đệ tử của đấng Thiện Thệ đang ngụ ở các hướng Đông, Nam, Tây, Bắc, xin hãy lắng nghe lời nói của tôi. 384. Bà Gotamĩ ấy, người đã ra sức nuôi dưỡng xác thân cuối cùng của đấng Hiền Trí, đã đi đen nơi an tịnh như là vì sao vào lúc ló dạng của mặt trời. 385. Sau khi đã thiết lập danh xưng cho vị Ni đã ngự đến Niết-bàn là 'Người Mẹ của đức Phật\ đấng Lãnh Đạo, dầu là bậc Ngũ Nhãn, cũng không nhìn thấy nơi nào là nơi [bà] đã đi đên. 386. Vi

nào có niềm tin vào đấng Thiện Thệ, và vị nào yêu quý bậc Đại Hiền Trí, xin vị đệ tử của đấng Thiện Thệ hãy thể hiện sự tôn kính đoi với người mẹ của đức Phật.^ 387. Sau khi nghe được điều ấy, các vị Tỳ-khưu thậm chí từ quốc độ vô cùng xa xôi đã nhanh ch6ng đi đến, một số vị là nhờ vào năng lực của đức Phật, một số vị là được rành rẽ vê các phép thân thông.

8 '"Ānando nir-ānando>y là phép chơi chữ, không thể diễn tả bằng tiếng Việt.

388. ở trong ngôi nhà mái nhọn cao quý đáng yêu, toàn bộ làm bằng vàng sáng chói, các vị đã cùng nhau sắp đặt chiếc giường nhỏ là nơi bà Gotamĩ an nghỉ. 389. Bốn vị [trời] hộ trì thế gian ấy đã cùng nhau gánh vác bằng những bả vai. Chư thiên còn lại như là [vua Trời] Sakkā, v.v... đã cùng nhau khiêng các ngôi nhà mái nhọn. 390. Toàn bộ đã có đến năm trăm ngôi nhà mái nhọn có màu sắc như ánh mặt trời vào mùa thu đều đã được tạo nên bởi vị Trời Vissakamma. 391. Toàn thể các vị Tỳ-khưu-ni ấy đã được đặt nằm trên những chiếc giường được nâng lên đặt ở vai của chư thiên rồi được tuần tự rước đi. 392. Có mái che đã che phủ toàn bộ bề mặt của không trung. Mặt trăng, mặt trời, cùng các vì sao đã được ghi dấu hiệu bằng vàng. 393. Vô số ngọn cờ đã được dựng lên, các tấm màn hoa đã được trải rộng. Từ trên không trung những đóa hoa sen đã rơi xuông, ở trên mặt đát là bông hoa đã được vun cao. 394. Mặt trăng và mặt trời được nhìn thấy và các vì sao lấp lánh. Và mặt trời dầu đã đi đen chính ngọ nhưng không làm cho nóng bức, tợ như là mặt trăng vậy. 395. Chư thiên đã cúng dường bằng các hương thơm ở cõi trời, những tràng hoa thơm ngát, các khúc nhạc, những điệu vũ và các bản đồng ca. 396. Và các vị long vương, chư thiên và các Phạm thiên tùy theo khả năng, tùy theo sức lực đã cúng dường người mẹ của đức Phật đã Niết-bàn đang được rước đi. 397. Toàn bộ các vi Ni đệ tử của đấng Thiện Thệ đã tịch diệt là được rước đi ở phía trước, bà Gotamĩ, người đã nuôi dưỡng đức Phật, được kính trọng, đã được rước đi ở phía sau. 398. Chư thiên và nhân loại cùng với các long vương, a-tu-la, Phạm thiên là ở phía trước, đức Phật cùng các vị Thinh văn đi ở phía sau nhằm mục đích tôn vinh người mẹ. 399. Lễ viên tịch Niết-bàn của đức Phật đã là như thế nào chứ không được như the này, lễ viên tịch Niết-bàn của bà Gotamĩ đã là vô cùng phi thường. 400. ở lễ Niết-bàn của đức Phật, đức Phật không hiện diện [chỉ có] các vi Tỳ-khưu. ở lễ Niết-bàn của bà Gotamĩ có đức Phật, cũng như có các vị Sāriputta, v.v... 401. Các vị ấy đã thực hiện các giàn hỏa thiêu được làm bằng tất cả các loại vật thơm, được rải rắc các loại bột phấn thơm, rồi đã hỏa thiêu bà ở nơi đó. 402. Các phần còn sót lại đã được đốt cháy toàn bộ9 toàn bộ phần còn lại là các hạt xương. Và khi ấy, Ngài Ānanda đã nói lời nói khơi dậy nỗi chấn động: 403. "Bà Gotamĩ đã đi đến sự yên nghỉ, và thi thể của bà ấy đã được thiêu đốt. Tôi e rằng sự Niết-bàn của đức Phật sẽ là không lâu.”

404. Sau đó, được đức Phật khuyên bảo vị Ānanda ấy đã dâng lên đấng Bảo Hộ các Xá-lợi của bà Gotamĩ đã được đặt vào trong bình bát của bà ấy. 405-06. Sau khi đã nâng lên các Xá-lợi bằng bàn tay, vị Đệ Nhất Ẩn Sĩ đã nói rằng: "So sánh với thân cây to lớn

có lõi đang đứng thẳng, giống cây nào dầu có tầm vóc lớn hơn vẫn bị ngã xuống bởi vì tính chất vô thường, tương tợ như thế, bà Gotamī của hội chúng Tỳ-khưu-ni đã viên tịch Niết-bàn. 407. Ôi! Quả là ngạc nhiên đối với Ta! Ngay cả trong sự Niết-bàn của người mẹ chỉ còn lại phần nhỏ về Xá-lợi, và không có sự sầu muộn hay than vãn. 408. Không có sự sầu khổ ở những người khác. Bà ấy có biển cả luân hồi đã được vượt qua, có sự bực bội đã lìa, được trạng thái mát mẻ, đã Niết-bàn tốt đẹp. 409. Bà đã là vị thông thái có tuệ vĩ đại, và tương tợ như thế ấy, bà là vi có tuệ bao quát, là VỊ kỳ cựu trong số các Tỳ-khưu-ni. Này các Tỳ-khưu, các ngươi hãy ghi nhận như thê. 410. Bà Gotamī đã có năng lực về thần thông, về thiên nhĩ giới, và đã có năng lực vê trí biêt tâm của người khác. 411. Bà đã biết được đời sốnẸ trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, đoi với bà ấy không còn tái sanh nữa. 412. Bà ây đã có được trí hoàn toàn thanh tịnh vê ý nghĩa, vê pháp, vê ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải; vì thế không nên sầu muộn. 413. Giống như đối với ngọn lửa cháy sáng hủy hoại luôn cả chiếc búa sắt [nhưng khi] đã được dập tắt theo tuần tự thì nơi đi đến cũng không được biết. 414. Tương tợ như vậy, đối với những người đã được giải thoát đúng đắn, có sự vượt qua dòng lũ ràng buộc của các dục lạc, đã đạt được vị thế bất động thì không còn cảnh giới tái sanh nào đế nhận biết nữa. 415. Do đó, các ngươi hãy là hòn đảo của chính bản thân, có hành xứ là các sự thiết lập niệm. Sau khi tu tập bảy chi phan giác ngộ, các ngươi sẽ làm cham dưt sự kho dàu." Vị Tỳ-khưu-ni Mahāpaj āpatigotamī đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 64Ký sự về Trưởng lão Ni MahāpajāpatigotamF9 là phần thứ bảy.

18. KÝ Sự VỀ KHEMĀ (Khemāpadānam) 416. Trước đầy một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp, đấng Lãnh Đạo đã hiện khởi. 417. Khi ây, tôi đã được sanh ra ở tại Hamsavatī trong gia đình triệu phú được rạng rỡ với nhiều loại châu báu? tôi đã được thừa hưởng lạc thú lớn lao. 418. Tôi đã đi đến đấng Đại Hùng ấy và đã lắng nghe lời giảng pháp. Sau đó, với niêm tịnh tín sanh khởi tôi đã đi đên nương tựa vào đấng Chiên Thắng. 419. Và tôi cũng đã yêu cầu mẹ cha, rồi đã thỉnh mời đấng Hướng Đạo cùng với các vị Thinh văn và đã cung ứng vật thực trong bảy ngày.

420. Và khi bảy ngày đã trôi qua, đấng Điều Phục Nhân đã thiết lập vị Tỳ- khưu-ni đứng đầu trong số các vị Ni có đại trí tuệ vào vị thế tối thắng. 421. Được hoan hỷ sau khi lắng nghe điều ấy, tôi đã thể hiện sự tôn kính đến bậc Đại Ẩn Sĩ ấy lần nữa rồi đã nằm dài xuống và đã phát nguyện vị thế ấy. 422. Do đó5 đấng Chiến Thắng ấy đã nói với tôi rằng: uĐiều phát nguyện của nàng [sẽ] được thành tựu. Sự tôn kính đã được nàng thực hiện ở nơi Ta cùng với hội chúng là có quả báo vô lượng. 423. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thê gian. 424. Nàng sẽ có tên là Khemā, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, và sẽ đạt được vị thế t6i thắng." 425. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý? sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 426. Mệnh chung từ nơi ấy, tôi đã đi đến cõi trời

Dạ-ma, từ đó đã đi đến cõi trời Đẩu-suất, và từ đó đến cõi Hóa Lạc Thiên, rồi từ đó đến cõi Tha Hóa Tự Tại. 427. Do mãnh lực của nghiệp ấy, ở bất cứ nơi nào tôi sanh ra, tôi đều đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các vị vua ở chính tại các nơi ây. 428. Từ nơi ấy chết đi [sanh] vào thân nhân loại, tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các đấng Chuyển Luân Vương và các vi vua cai quản các lãnh thổ. 429. Tôi đã thọ hưởng sự thành đạt ở giữa chư thiên và loài người, đã được an vui ở tất cả các nơi, và đã luân hồi trong nhiều kiếp. 430. Trước đây chín mươi mốt kiếp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī là vi có ánh mắt thu hút, vị thấy rõ tất cả các pháp đã hiện khởi. 431. Tôi đã đi đến gặp bậc Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Điều Phục Nhân ấy. Sau khi lắng nghe giáo pháp cao quý, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 432. Sau khi thực hành Phạm hạnh trong giáo pháp của đấng Anh Hùng ấy mười ngàn năm, tôi đã gắn bó vào thiền tập, có sự nghe nhiều [học rộng]. 433. Là vị thiện xảo về các biểu hiện của duyên [tùy thuận sanh khởi], có niềm tự tín ở bốn sự thật, là người khôn khéo, là vị thuyết giảng hay, là người thực hành theo lời dạy của bậc Đạo Sư. 434. Từ nơi ấy chết di, tôi đã đạt đến cõi trời Đẩu-suất, là tiên nữ có danh tiếng. Tại nơi ấy, tôi đã vượt trội những người khác nhờ vào quả báo của việc thực hành Phạm hạnh. 435. ở bất cứ nơi nào tôi được sanh ra, tôi đều có nhiều của cải, nhiều tài sản, là người có sự sáng suốt, có sắc đẹp, và có luôn cả hội chúng đã được rèn luyện nữa.

436. Do nghiệp ấy có sự gắn bó với giáo pháp của đấng Chiến Thắng, tất cả các sự thành tựu của tôi đêu đạt được dê dàng và là các niêm yêu quý của tâm. 437. Thậm chí ở bất cứ nơi đâu tôi sanh đến, bất cứ ngưòd nào là chồng của tôi đều không khinh miệt tôi nhờ vào quả báo tu tập của tôi. 438. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đang cao quý tên Konāgamana, có danh tiêng vĩ đại, là thân quyên của đang Phạm thiên. 439. Khi ấy, tôi là hậu duệ của một gia đình vô cùng giàu có ở tại Bārānasī. Dhanañjāni, Sumedha và tôi nữa là ba người. 440. Là những người cộng sự trong việc bô thí trước đây và là những người tạo lập, chúng tôi đã xác định tru xá là của hội chúng, rồi đã dâng cúng tu viện đen hội chúng. 441 . Từ nơi ấy chết đi, tất cả chúng tôi đã đi đến cõi Đạo-lợi, đã đạt được tư cách cao tột vê danh vọng, và tương tợ y như thê ở giữa loài người. 442. Chính ở vào kiêp này, trong sô các vị đang thuyêt giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên. 443. Khi ấy, có vị quân vương là đức vua xứ Kâsi tên Kikī ở tại kinh thành Bārānasī, là người hộ độ của bậc Đại Ẩn Sĩ. 444. Tôi đã là người con gái lớn nhất của vị ấy, được nổi danh là Samanī. Sau khi lắng nghe giáo pháp của đấng Chiến Thắng cao cả, tôi đã xin xuất gia. 445-46. Cha đã không cho phép chúng tôi. Khi ây? là những người con gái của đức vua khéo được nuôi dưỡng, chúng tôi đã thực hành Phạm hạnh của người thiếu nữ ngay tại nhà trong hai chục ngàn năm, không xao lãng. Được hoan hỷ, bảy người con gái đã vui thích trong việc hộ độ đức Phật. 447. Samani, Samanaguttā, Bhikkhunī, Bhikkhudāsikā, Dhammā, luôn cả Sudhammā nữa và Sañghadāsikā là thứ bảy. 448. Tôi, uppalavannā, Patācārā, Kundalā, Kisāgotamī, Dhammadinnā và Visākhā là thứ bay [vào thời hiện tại]. 449. Có lần nọ, đấng Mặt Trời Của Nhân Loại ấy thuyết giảng giáo pháp tuyệt vời. Sau khi lắng nghe bài Kinh

MahānidāncP tôi đã học thuộc lòng bài kinh ấy. 450. Do các nghiệp áy đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 451 . Và trong kiếp cuối cùng hiện nay, tôi là người con gái vui tính, đáng mến, đáng yêu của đức Vua Madda ở tại kinh thành Sāgalā. 452. Cùng với sự việc đã được sanh của tôi là trong kinh thành ấy đã có

9 Xem D. II. 55, Kỉnh Đại duyên (Mahānidānasuttani), số 15.

Sự thái bình. Vì thế, tên “Khemā" đã được sanh lên cho tôi phát xuất từ công đức [ấy]. 453. Khi đạt đến tuôi thanh xuân, tôi được tô diêm bởi sác đẹp và sự mặn mà, khi ấy người cha đã dâng tôi cho đức Vua Bimbisâra. 454. Tôi đã là người nữ vô cùng yêu quý của vị [vua] ấy. Thích thú trong việc trau chuôi xác thân, tôi đã không tỏ ra rộng lượng đôi với những lời nói vê sự xấu xa của các sắc thân. 455. Khi ấy, với sáng kiến nhằm giúp đỡ cho tôi, đức Vua Bimbisâra đã ngợi khen về VeỊuvana [Trúc Lâm], và đã bảo các ca sĩ ca hát cho tôi nghe rằng: 456. "Chúng tôi quan niệm rằng: 'Người nào chưa nhìn thấy VeỊuvana đáng yêu, chốn ngụ cư của đấng Thiện Thệ, thì người ấy chưa nhìn thấy [vườn hoa] Nandana [của cõi trời]. 457. Người nào đã nhìn thấy Veịuvana là [vườn hoa] hoan lạc Nandana của nhân loại, người ấy đã nhìn thấy [vườn hoa] Nandana vô cùng hoan lạc của vị Thiên vương.' 458. Chư thiên sau khi rời [vườn hoa] Nandana ngự xuống mặt đất và đã nhìn thây VeỊuvana đáng yêu thì vô cùng sửng sót và không còn tiêc nuôi nữa. 459. [Veịuvana] đã được sanh lên do phước báu của đức vua, được làm đẹp nhờ vào phước báu của đức Phật, có ai là người thuật lại một cách trọn vẹn về tổng thể các đức tính tốt đẹp của khu vườn ấy?” 460. Sau khi nghe được sự thành công của khu rừng ấy, đối với tôi là cọ sự quyên rũ vào tai. Lúc bây giờ, có lòng mong muôn nhìn thây khu vườn ây tôi đã trình lên đức vua. 461. Và khi ấy, vị lãnh chúa ấy đã sốt sắng ra lệnh cho đoàn tùy tùng đông đảo đưa tôi đi để nhìn xem khu vườn ấy [và đã nói với tôi rằng]: 462. "H&i nàng là của cải vĩ đại, nàng hãy di, hãy nhìn xem khu rừng đem lại sự bổ ích cho cặp mắt, là nơi luôn luôn chói sáng với sự vinh quang, được rực rỡ với hào quang của đấng Thiện The.” 463. Và vào lúc đấng Hiền Trí đã đi vào kinh thành Giribbaja để khất thực, đúng vào lúc ấy tôi đã đi đến để nhìn thấy khu rừng. 464. Khi ấy, khu rừng cây trải dài ấy10 được rì rào tiếng vo ve của ong vò vẽ các loại, được phối hợp với tiếng rù rù của loài chim cu, được nhảy múa bởi đám chim công. 465. [Khu rừng cây] có ít tiếng động, không bị phân tán, được điểm tô bằng các đường kinh hành khác nhau, được rải rác với các cụm liêu cốc, được nổi bậc với các hành giả cao quý. 466. Trong khi dạo quanh, tôi đã suy nghĩ răng: uMăt ta có được thành 10 Dịch theo các bản PãỊi của Thái Lan, Miến Điện, PTS: Tadā tamphullapivinarn...

qua.95 Cũng tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy vị Tỳ-khmi trẻ gắn bó [thiền tập] và đã suy gẫm rang: 467. "Vị này ở vào độ tuổi rất trẻ và được phú cho dáng vóc dễ thương như là mùa xuân lại chịu ở trong khu rừng dẫu cho là đáng yêu như vầy. 468. Ngôi ở góc cây,

đâu cạo, đăp y hai lớp, tham thiên, quả nhiên vị Tỳ- khưu này đã từ bỏ khoái lạc sanh lên từ đối tượng [bên ngoài]. 469. Phải chăng con người vô cùng hiền thiện này nên thọ hưởng [ngũ] dục cho thoải mái với cuộc đòd tại gia, sau này về già mới nên thực hành giáo pháp?” 470. Sau khi biết được rằng "Suññaka" là hug thất, là chỗ ngụ của đấng Chiến Thắng, tôi đã đi đến gần và đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng tợ như mặt trời đang mọc lên. 471 [Tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng] ngồi mỗi một mình một cách an lạc, đang được quạt bởi người nữ quý phái. Sau khi nhìn thấy tôi đã suy gẫm như vầy: "Bậc Nhân Ngưu này không có quê kệchy 472. Người thiêu nữ ây có diện mạo [sáng] như vàng, có khuôn mặt và đôi mắt như đóa sen, có môi đỏ, có răng màu hoa nhài, có sự thu hút con tim và ánh mắt. 473. Có đôi tai lâp lánh khuyên vàng, có ngực dạng bâu bâu, có eo thon, có mông đẹp, có đùi thân chuối và có đồ trang sức xinh xắn. 474. Với chiêc áo khoác ngoài lên đôi vai gợi tình, với y phục tinh khiêt màu xanh, được sở hữu tính chất phụ nữ với hình dáng [nhìn] không thể nào thỏa mãn. 475. Sau khi nhìn thấy nàng ấy, tôi đã suy nghĩ như vầy: uÔi, nàng này tuyệt đẹp, ta chưa từng nhìn thấy trước đây bằng [cặp] mắt này?9 476. Kế đó, bị chế ngự bởi sự già, nàng ấy [trở nên] có dung nhan tàn tạ, khuôn mặt chảy dài, răng sứt mẻ, đầu bạc, miệng có nước dãi, dơ dáy. 477. [Nàng ấy] có tai bi co rút, mắt trắng [đục]5 bộ ngực xấu xí đong đưa, tất cả các bộ phận cơ thể bị nhăn nheo chảy xệ, thân thể nổi đầy gân. 478. [Nàng ấy] có lưng bị còng, có gậy là bạn, vô cùng nhợt nhạt, gầy còm, trong lúc run rẩy bị té nhào, chốc chốc lại bi hụt hơi. 479. Do đó, tôi đã có sự chấn động, kinh ngạc, lông dựng đứng: "Thật là xấu hổ cho xác thân bất tịnh là nơi mà những kẻ ngu hứng thú!" 480. Lúc bấy giờ, sau khi nhìn thấy [tôi có] tâm bị chấn động, đấng Đại Bi, bậc Thiện Thệ với tâm phấn chấn đã nói lên những lời kệ này: 481. "Này Khemā, hãy nhìn xem thân thể bệnh hoạn, bất tịnh, hôi thối đang tiết ra, đang rò rỉ lại được hứng thú đối với những kẻ ngu. 482. Nàng hãy tu tập tâm cho được chuyên nhất khéo tập trung về đề mục bát mỹ, niệm hãy được hướng đên thân, nàng hãy có nhiêu sự nhàm chán.

564 KINH TIỀU Bộ

483. Thân này như thế nào thì xác kia như vậy, xác kia như thế nào thì thân này như vậy. Nàng hãy lìa bỏ sự mong muốn về thân ở bên trong lẫn bên ngoài. 484. Và nàng hãy tu tập về vô tướng, hãy dứt bỏ ngã mạn ngủ ngầm. Từ đó, có được sự lãnh hội về ngã mạn nàng sẽ sống thanh tinh. 485. Những người bi đăm nhiêm ái dục rơi vào dòng chảy, tương tợ như con nhện sa vào mạng lưới được tạo nên bởi chính nó, sau khi cát đứt luôn cả điêu ấy, xuất gia, từ bỏ dục lạc, trở thành những người vô tư lụ*.” 486. Kê đó, sau khi biêt được tôi có tâm đã được săn sàng, đang Điêu Phục Nhân đã thuyết giảng bài Kinh Mahānidānau nhằm hướng dẫn cho tôi. 487. Sau khi lắng nghe bài kinh tuyệt vời ấy, tôi đã tưởng nhớ về quá khứ. Tôi được an tịnh ngay khi đang đứng tại nơi ấy, tôi đã làm cho pháp nhãn được thanh tịnh. 488. Ngay khi ấy, tôi đã cúi xuống ở nơi bàn chân của bậc Đại Hiền Trí nham mục đích bày tỏ tội lỗi, và đã nói lời nói này: 489. "Bạch đấng Toàn Tri, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Hành Bi Mãn, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Đã Vượt Qua Luân Hồi, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Ban Cho Sự Bất Tử, con kính lễ Ngài! 490. Con đã lao theo sự nắm bắt tà kiến, bi lầm lạc trong ái dục, nhờ vào Ngài với phương pháp đúng đắn con đã được dẫn dắt, được thỏa thích trong sự rèn luyện.

491. Do việc không nhìn thấy các bậc Đại Hiền Trí như thế ấy, các chúng sanh không có phước phần phải gánh chịu khổ đau lớn lao trong biển cả luân hồi. 492. Vào lúc con đã không nhận ra Ngài là chốn nương nhờ của thế gian, là bậc không dục vọng đã đạt đến tận cùng của sự chết, là sự lợi ích cận kề, con xỉn bày to lỗi lầm ấy. 493. Bi đắm say xác thân, con đã không đến gần bậc có lợi ích lớn, vị có sự bố thí cao quý, hoài nghi là: 'Không có lợi ích', con xin bày tỏ lỗi lầm ấy." 494. Khi ấy, trong lúc rưới rắc sự bất tử đến tôi, bậc Đại Bi, đấng Chiến Thắng, vị có giọng nói vang ngọt ngào, đã nói rằng: "Này Khemā, hãy đứng l@i!" 495. Khi ấy, sau khi đã đê đầu đảnh lễ và đã thực hiện việc nhiễu quanh vị ấy, tôi đã ra đi. Sau khi nhìn thấy đấng quân vương, tôi đã nói lời nói này: 496. "Ôi, vị khuất phục kẻ thù, phương pháp đúng đắn này đã được suy tính bởi bệ hạ. Do ước muôn nhìn thấy khu rừng mà bậc Hiền Trí, vi ban phát Niết- bàn, đã được nhìn thấy. 497. Tâu bệ hạ, nếu ngài vui thích thiếp sẽ xuất gia trong giáo pháp của vi nhu thế ấy. Nhờ vào lời nói của bậc Hiền Trí, thiếp đã nhàm chán sắc thân." Dứt tụng phẩm thứ nhi. 11 Xem D II. 55, Kinh Đại duyên {Mahānidānasuttam), số 15.

THÁNH NHÂN KÝ sự 565

498. Khi ấy, vị lãnh chúa ấy đã chắp tay lên và nói rằng: "Này Hiền thê, trẫm cho phép nàng, cầu chúc sự xuất gia được thành tựu đến nàng.” 499. Và sau khi xuất gia, khi ấy đã được nửa tháng, sau khi nhìn thấy sự sáng lên của ngọn đèn và sự diệt tắt. tôi có tâm bị chấn động. 500. Nhàm chán tát cả các hành, được rành rẽ vê biêu hiện của duyên [tày thuận sanh khởi], sau khi đã vượt qua bốn dòng nước lũ,12 tôi đã đạt được phẩm vi A-la-hán. 501. Toi đã có năng lực về thần thông, về thiên nhĩ giới, và tôi cũng đã có năng lực về trí biết tâm của người khác. 502. Tôi biết được đời sống trước dây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 503. Trí tuệ hoàn toàn thanh tinh của tôi về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải, là được thành tựu trong giáo pháp cùa đức Phạt. 504. Tôi được thiện xảo về các [pháp] thanh tinh, tự tin trong vấn đề tranh luận, biết về phương thức của Vi diệu pháp, và đã đạt được năng lực ở giáo pháp. 505. Sau đó9 được đức Vua [Pasenadi], chủ quản xứ Kosala hỏi các câu hỏi khôn khéo về vấn đề vật thực, tôi đã giải thích đúng theo bản thể. 506. Sau đó, vi vua ấy đã đi đến gặp đấng Thiện Thệ và đã hỏi lại. Các điều ấy đã được tôi giải thích như thế nào thì đức Phật đã giải thích y như thế ấy. 507. Đấng Chiến Thắng, bậc Tối Thượng Nhân hoan hỷ về đức hạnh ấy đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng là "Vj đứng đầu các vị có đại tue” trong số các vị Tỳ-khưu-ni. 508. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 509. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 510. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Khemā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Ni Khemaṃ là phần thứ tám.

19. KÝ Sự VÈ UPPALAVANNĀ (Uppalavannāpadānam) 511 . Tỳ-khưu-ni Uppalavannā được đạt đen sự toàn hảo về thần thông, đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư rồi đã

nói lời nói này: 512. "Bạch đang Đại Hiên Trí, con xin trình răng con đã vượt qua sự tái sanh luân hồi, đã đạt được vi thế bất động, con đã cạn kiệt tất cả khổ đau.

Tứ bộc: Dục bộc, hữu bộc, kiến bộc, vô minh bộc.

513. Cho đến nhóm người có lòng tinh tín vào giáo pháp của đấng Chiến Thắng, và con có lỗi lầm đối với những ai, mong rằng họ hãy tha thứ ở trước mặt đấng Chiến Thắng. 514. Bạch đấng Đại Hùng, con xin trình rằng trong khi luân chuyển ở vòng luân hồi, nếu con có điều lầm lỗi xin Ngài tha thứ cho điều sai trái ấy." 515. "Nàng cũng nên phô bày thần thông cho những người hành theo giáo pháp của Ta được thây. Hôm nay nàng hãy cát đứt sự hoài nghi cho cả tứ chúng?9 516. "Bạch đấng Đại Hùng, bậc Trí Tuệ, đấng Quang Minh, con là con gái của Ngài, con đã làm được nhiều công việc khó làm và vô cùng khó làm. 517. Màu da của con chính là màu của hoa sen, tên gọi Ưppala là theo tên gọi của hoa sen. Bạch đấng Đại Hùng, con là nữ Thinh văn của Ngài. Bạch đấng Hữu Nhãn, con xin đảnh lễ ở bàn chân [của Ngài]. 518. Trong nhiều trăm lần tái sanh, Râhula và luôn cả con nữa đã được sanh ra trong cùng một dòng tộc do ý muôn tương tợ nhau. 519. Có sự sanh ra cùng nhau trong nhiều lần tái sanh của con. Trong kiếp sống cuối cùng được thành tựu, cả hai lại có dòng tộc khác nhau. 520. Và người con trai tên là Râhula, người con gái tên gọi uppala. Bạch đấng Anh Hùng, xin hãy nhìn xem thần thông của con, con sẽ thị hiện năng lực đến bậc Đạo Su."

521. Vị Ni đã đặt bốn đại dương ở trong lòng bàn tay, tương tợ như vị y sĩ Jīvaka Komârabhacca đã đổ dầu vào bàn tay. 522. Vị Ni đã bứng trái đất lên rồi đặt ở trong lòng bàn tay, tương tợ như người thiếu niên trẻ tuổi đã nhổ lên cọng cỏ muñja nhiều màu sắc. 523. Vị Ni đã đưa bàn tay tợ như vũ trụ che ở đỉnh đầu và đã làm đổ xuống giọt mưa nhiêu màu sác thành nhiêu đợt. 524. Vị Ni đã biến mặt đất thành cái cối giã, đã biến hạt cát thành thóc lúa, đã biến ngọn núi Sineru thành cái chày, rồi đã giã nát tương tợ như cồ thiếu nữ [giã lúa gạo]. 525. "Con là con gái của đức Phật tối thượng có tên gọi là uppala, đã có được năng lực về các thắng trí, là người thực hành theo lời dạy của Ngài. 526. Bạch đấng Hữu Nhãn, sau Idii đã thực hiện và đã phô bày vô số phép biến hóa đến vị Lãnh Đạo Thế Gian, sau khi công bố tên và dòng họ, con xin đảnh lễ ở bàn chân [của Ngài]. 527. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về thần thông, về thiên nhĩ giới, và đã có năng lực vê trí biêt tâm của người khác. 528. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 529. Trí tuệ của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế

về phép biện giải là được trong sạch, không bợn nhơ vào quyền năng của bậc Đại Ẩn Sĩ. 530. Bạch đấng Đại Hiền Trí, nhiều việc làm hướng thượng của con đến các đấng Chiến Thắng cao cả trong quá khứ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp là nhằm mục đích về Ngài. 531. Bạch đang Hiên Trí, thiện nghiệp nào của con đã được con làm tròn đủ, xin Ngài hãy nhớ lại. Bạch đấng Đại Hùng, phước báu đã được tích lũy bởi con là mục đích

về Ngài. 532. Bạch đấng Đại Hùng, sau khi tránh xa những nơi không xứng đáng, trong khi từ bỏ tánh hạnh xấu, mạng song quý báu đã được từ bỏ là nham mục đích về Ngài. 533. Bạch đang Đại Hiên Trí, con đã bô thí mười ngàn koti, và mạng sông của con đã được dứt bỏ là nhằm mục đích về Ngài/5 534. Khi ấy, vô cùng sửng sốt, tất cả đã chắp tay lên ngay ở đầu và đã nói rằng: "Thua Ni sư, làm thế nào Ni sư có được sự nỗ lực vê thần thông không thể sánh bang?99 535. Trước đây một trăm ngàn kiếp, khi ấy tôi là con gái của Long vương có tên là Vimalā, được công nhận là tốt lành trong số những người con gái. 536. Có vi chúa rông là loài rông không lô, được tịnh tín với giáo pháp của đấng Chiến Thắng, nên đã thỉnh mời đấng Đại Quyền Lực Padumuttara cùng với các vị Thinh văn. 537. [Vị ấy đã cho chuẩn bị] mái che làm bằng châu báu, ghế dài làm bằng châu báu, và vật dụng làm bằng châu báu được rắc rải các hạt cát châu bảu. 538. Và vị ấy đã cho chuẩn bị đường đi được trang hoàng với các ngọn cờ bằng châu báu. Trong khi được vang lên bởi các nhạc cụ, vị ấy đã đi ra tiếp rước bậc Toàn Giác. 539. Được tháp tùng bởi tứ chúng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngồi xuống ở chỗ ngồi cao nhát trong cung điện của vị chúa rồng. 540. Vi Long vương có danh tiếng vĩ đại đã dâng lên thức ăn nước uống vật thực cứng, vật thực mềm có giá trị lớn lao vô cùng quý báu. 541. Sau khi thọ thực, đấng Toàn Giác đã rửa bình bát theo khuôn phép, rồi đã nói lời tùy hỷ đến vị Long vương có đại thần lực. 542. Sau khi nhìn thấy đấng Toàn Tri một cách trọn vẹn, người con gái có danh vọng lớn lao của vi Long vương đã được tịnh tín đối với bậc Đạo Sư, và tâm đã được gắn liền chặt chẽ với ý. 543. Và sau khi biết được tâm của tôi, bậc Đại Hùng, đấng Lãnh Đạo Padumuttara vào giây phút ấy đã bảo vị Tỳ-khưu-ni thị hiện thần thông. 544. Được tự tin, vị Tỳ-khiru-ni ấy đã thị hiện nhiều loại thần thông. Được hoan hỷ, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã nói với bậc Đạo Sư điều này:

545. “Bạch đấng Anh Hùng, con cũng đã nhìn xem loại thần thông này nhưng với tâm vui mừng khác. Làm thế nào nàng ấy đã được vô cùng tự tin về thần th6ng?" 546. "Người con gái có đại thân lực của Ta là chánh thông, được sanh ra từ miệng, là người thực hành theo giáo pháp của Ta, vô cùng tự tin về thần thông.55 547. Sau khi lăng nghe lời nói của đức Phật, khi ây tôi đã ước nguyện như vầy: “Mong sao cho tôi cũng được vô cùng tự tin về thần thông như thế ấy." 548. Được hoan hỷ, với tâm vui mừng, tôi đã đạt đên ý nghĩ cao quý răng: "Bạch đấng Lãnh Đạo, mong sao trong tương lai xa vời con sẽ là như thế ấy.” 549. ở chiếc ghế dài làm bằng ngọc ma-ni tại mái che sáng ngời, tôi đã làm hài lòng đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng bằng cơm ăn và nước uống. 550. Tôi đã cúng dường đang Lãnh Đạo Thê Gian đóa hoa sen xanh cao quý của loài rồng tên là Aruna [nguyện rằng]: "Mong sao cho tôi có được màu da như thế này?9 551 . Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý? sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 552. Từ nơi ấy chết đi, được sanh vào loài người, tôi đã dâng vật thực được đậy lại băng những đóa sen xanh đên đang Tự Chủ. 553. Trước đây chín mươi mốt kiếp đã hiện khởi đấng Lãnh Đạo tên Vipassī, là vị có ánh mắt thu hút, là bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp. 554. Khi ấy, là con gái của người triệu phú ở kinh thành Bārānasī, tôi đã thỉnh mời đấng Toàn Giác, vị Lãnh Đạo

Thế Gian cùng với hội chúng. 555. Sau khi dâng cúng đại thí và đã cúng dường những đóa sen xanh đến đấng Hướng Bạo, tôi đã ước nguyện về sự xinh đẹp của làn da chỉ bằng tâm ý. 556. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đang cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiêng vĩ đại, là thân quyên của đấng Phạm thiên. 557. Khi ấy, có vị quân vương là đức vua xứ Kãsi tên Kikī ở tại kinh thành Bārānasī, là người hộ độ của bậc Đại Ẩn Sĩ. 558. Tôi đã là người con gái thứ hai của vị [vua] ây có tên là Samanagutta. Sau khi lăng nghe giáo pháp của đang Chiên Thăng Cao Cả, tôi đã xin xuất gia. 559-60. Cha đã không cho phép chúng tôi. Khi ấy, là những người con gái của đức vua khéo được nuôi dưỡng, chúng tôi đã thực hành Phạm hạnh của người thiếu nữ ngay tại nhà trong hai chục ngàn năm, không xao lãng. Được hoan hỷ, bảy người con gái đã vui thích trong việc hộ độ đức Phật. 561. Samanī, Samanaguttā, Bhikkhunī, Bhikkhudāsikā, Dhammā, luôn cả Sudhammã nữa và Sañghadāsikā là thứ bảy.

THÁNH NHÂN KÝ sự 569

562. Tôi, Khemā có trí tuệ, Patācārā, Kundalā, Kisāgotamī, Dhammadinnā và Visākhā là thứ bảy [vào thời hiện tại]. 563. Do các nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác y, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 564. Từ nơi ấy chết đi, được sanh vào giữa loài người, trong đại gia tộc, tôi đã dâng đến vị A-la-hán tấm vải màu vàng mịn màng quý giá. 565. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã được sanh vào gia tộc dòng Bà-la-môn ở trong thành Arittha, là con gái của Tiritavaccha, có nét quyến rũ, tên là Ummādantī. 566. Từ nơi ấy chết đi, được sanh ra vào gia đình nọ không được giàu có lắm ở trong quốc độ, khi ấy tôi đã chăm sóc lúa sāli. 567. Sau khi nhìn thấy vị Độc Giác Phật, tôi đã dâng năm trăm hạt cốm được che đậy bởi những đóa hoa sen [và đã ước nguyện] năm trăm người con trai. 568. Sau khi dâng Cling mật ong đến đấng Tự Chủ, tôi đã ước nguyện về những người con trai ấy.13 Từ nơi ấy chết di, tôi đã được sanh ra ở trong lòng đóa hoa sen ở trong rừng. 569. Tôi đã trở thành chánh hậu của đức vua xứ Kãsi, được tôn vinh kính trọng. Tôi đã sanh ra năm trăm vị hoàng tử không thiếu [một vi]. 570. Khi đạt được tuổi thanh niên, những người con trai ấy trong lúc chơi giỡn cuộc vui ở trong nước đã nhìn thây đóa hoa sen bị rụng cánh, họ đã trở thành các vi Lãnh Đạo Độc Giác. 571. Không có những người con trai cao quý áy, tôi đây có sự sâu muộn. Chết đi, tôi đã được sanh ra ở ngôi làng nhỏ tại sườn núi Isigili. 572-73. Khi ấy, tôi đã lớn lên, có con cái. Và tôi đã mang món cháo cho những người con trai và cả người chông nữa. Trong khi đi tôi đã nhìn thây tám vị Lãnh Đạo Độc Giác đang đi vào làng để khất thực, và đã tưởng nhớ lại những người con trai. Khi ấy, bầu sữa tôi đã tiết ra ngoài bởi lòng thương yêu những người con trai của tôi. 574. Sau đó, được tịnh tín tôi đã tự tay mình dâng món cháo đến các vi ấy. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã đạt đến vườn hoa Nandana ở cõi Tam Thập. 575. “Bạch đấng Đại Hùng, con đã trải qua an lạc khổ đau, đã luân hồi cõi này cõi khác, và mạng sông đã được dứt bỏ là nhăm mục đích vê Ngài?9 576. Như vậy là đã có khổ đau đa dạng và thành công nhiều hình thức. Khi đạt đên cuộc sông cuôi cùng, tôi đã được sanh ra ở thành Sāvatthi. 577. Tôi đã có được sự thành tựu về tất cả các dục lạc ở trong gia đình triệu phú có đại tài sản, được rực rỡ bởi nhiều loại châu báu khác nhau, được an vui, M được chu cap như

thê áy.

13 Tepi patthesum = Các vị ấy cũng đã ước nguyện (?), vì thế đã dịch theo tạng Thái Lan: Patthesim tesuputtesu.

570 KINH TIÊU BÔ

578. Tôi đã được kính trọng, được tôn vinh, được nể vì, được cung kỉnh như thế ấy, được thành tựu vẻ xinh đẹp của dáng vóc, được trọng vọng ở các gia đình. 579. Và tôi đã được ao ước vô cùng mãnh liệt bởi những người có sắc tướng, giàu có, sang trọng, và được ao ước bởi hàng trăm người con trai nhà triệu phu. 580. Sau khi từ bỏ gia đình, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Không đầy nửa tháng, tôi đã đạt được phẩm vị A-la-hán. 581. Sau khi đã hóa hiện bằng thần thông thành chiếc xe bốn ngựa, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của đức Phật, đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Quang Vinh. 582. "Hỡi vị Tỳ-khưu-ni, sau khi đi đến tột đỉnh của việc đã được phát triển toàn diện, nàng một mình đứng ở gốc cây sâla. Và này người có phẩm chất về sắc đẹp, nàng không có người thứ nhì, nàng không hãi sợ lũ ngu dốt trong số những kẻ tồi bại hay sao?4 583. "Cho dầu là trăm ngàn kẻ tồi bại như ngươi có đi đến nơi đây, ta cũng không chao động sợi lông, ta cũng không bối rối. Này Ma vương, ngươi chỉ một minh, ta không hãi sợ ngươd." 584. "Hỡi nàng, ta sẽ biến mất hoặc ta sẽ đi vào trong bụng của nàng. Dàu ta đang đứng ở ngay giữa lông mày, nàng vẫn không nhìn thấy ta.” 585. "Các nên tảng của thân thông đã khéo được tu tập ở trong tâm, có được năng lực. Này ông bạn, ta đã được thoát khỏi mọi sự trói buộc, ta không sợ hãi ngươi/9 586. "Các dục như là gươm giáo, các uân như là cái thớt. Điêu ngươi đã gọi là sự thích thú trong các dục, thì giờ đây ta đã có được sự không thích thú [trong các dục] ấy.” 587. "Sụ* vui thích đã được phá hủy ở tất cả các nơi. Khối đống mê mờ đã được phá tan. Này ác nhân, ngươi hãy biết như the. Này tử than, người đã bi đánh bại.^ 588. Hoan hỷ về đức hạnh đấng Chiến Thắng, bậc Lãnh Đạo, ở giữa các chúng đã thiết lập tôi vào vi thế tối thang là "Vị đứng đầu trong số các vi Ni có thần thong?9 589. Bậc Đạo Sư đã được tôi phục vụ, lời dạy của đức Phật đã được tôi thực hành, nhiệm vụ nặng nê đã được đặt xuông, lôi dân đi tái sanh đã được xóa tan. 590. Vì mục đích nào tôi đã rời khỏi gia đình xuất gia vào đời sống không gia đình, mục đích ấy tức là sự đoạn tận tất cả các sự trói buộc đã được tôi đạt đến. 591. Trong phút chốc, hàng ngàn người từ các nơi dâng lên y phục, đồ ăn khất thực, thuoc men và chỗ nam ngồi.

14 Các câu kệ từ 581-87 được thấy ở Trưởng lão Nì kệ (Therĩgãthã), Chương XI, Mười hai kệ, miêu tả cuộc đối thoại giữa Ma vưcmg và vị Trưởng lão Ni.

THÁNH NHÂN KÝ sự 571

592. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 593. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 594. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni uppalavannā đã nói lên những lời kệ này như thê ây. 66Ký sự về Trưởng

lão Ni Uppalavannā59 là phần thứ chín.

20. KÝ Sự VÈ PATÃCÃRÃ (Patācārāpadānam) 595. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi. 596. Khi ấy, tôi đã được sanh ra ở tại Hamsavatī, trong gia đình triệu phú được rạng rỡ với vô số loại châu báu, tôi đã được thừa hưởng lạc thú lớn lao. 597. Tôi đã đi đến bậc Đại Hùng ấy ya đã lắng nghe lời giảng pháp. Sau đó, với niềm tịnh tín sanh khởi tôi đã đi đến nương tựa vào đấng Chiến Thắng. 598. Sau đó, đấng Lãnh Đạo đã tán dương vi Tỳ-khưu-ni có sự tự tin về các điều được phép hoặc khônệ được phép và khiêm ton như the ấy, là đứng đầu trong số các vị Ni thông suốt vê Luật. 599. Khi ây, với tâm hoan hỷ, có sự mong muôn vê vị thê ây? tôi đã thỉnh mời đấng Thập Lực, vị Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng. 600. Sau khi đã dâng vật thực trong bảy ngày, tôi đã dâng cúng ba y, rồi đã quỳ xuống đê đầu ở bàn chân và đã nói lời nói này: 601. "Bạch đang Anh Hùng, vị Ni đã được Ngài tán dương vào tám ngày trước đây. Bạch đấng Lãnh Đạo, nếu được thành tựu con sẽ trở thành như vi Ni y.” 602. Khi ấy, bậc Đạo Sư đã nói với tôi rằng: "Này cô gái hiền thục, chớ lo ngại, hãy yên tâm. Trong thời vị lai xa xôi, nàng sẽ đạt được điều mong ước ấy. 603. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 604. Nàng sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo Su, là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Patācārā. 605. IGìi ấy, tôi đã được hoan hỷ. Với tâm từ mẫn, tôi đã phục vụ đấng Chiến Thắng, bậc Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng từ đó cho đến hét cuộc đời. 606. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

607. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vi đang thuyết giảng đã hiện khởi, đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ dại, là thân quyến của đấng Phạm thiên. 608. Khi ấy, có vị quân vương là đức vua xứ Kâsi tên Kikī ở tại kinh thành Bārānasī, là người hộ độ của bậc Đại Ẩn Sĩ. 609. Tôi đã là người con gái thứ ba của vị [vua] ấy, được nổi danh là Bhikkhunī. Sau khi lắng nghe giáo pháp của đấng Chiến Thắng Cao Cả, tôi đã xin xuất gia. 610-11. Cha đã không cho phép chúng tôi. Khi ấy, là những người con gái của đức vua khéo được nuôi dưỡng, chúng tôi đã thực hành Phạm hạnh của người thiếu nữ ngay tại nhà trong hai chục ngàn năm, không xao lãng. Được hoan hỷ? bảy người con gái đã vui thích trong việc hộ độ đức Phật. 612. Samanī, Samanaguttā, Bhikkhunī, Bhikkhudāsikā, Dhammā, luôn cả Sudhammā nữa và Sañghadāsikā là thứ bảy. 613. Tôi, uppalavannā, Khemā, Bhikkhunī hiền thục, Kisāgotamī, Dhammadinnā và Visākhā là thứ bảy [vào thời hiện tại]. 614. Do các nghiệp áy đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác V, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 615. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh vào gia đình triệu phú sung túc, thịnh vượng, có tài sản lớn lao ở trong kinh thành Sāvatthi. 616. Và khi đã đạt đến tuổi thanh xuân, tôi đã bị tác động của sự suy tầm. Sau khi gặp người đàn ông quê mùa, tôi đã bỏ đi cùng với người ấy. 617. Tôi

đã sanh ra một người con trai, đứa thứ nhì còn ở trong bụng của tôi. Khi ấy, tôi đã ước muốn mãnh liệt rằng: "Ta sẽ gặp lại cha mẹ.n 618. Người chồng của tôi đã không bằng lòng. Khi ấy, trong lúc người ấy đi vắng, mỗi một mình tôi đã rời khỏi ngôi nhà để đi đến kinh thành Sāvatthi. 619. Sau đó, người chồng của tôi đã đi đến và đã gặp tôi ở trên đường lộ. Khi ấy, có cơn gió vô cùng khủng khiếp sanh lên do nghiệp của tôi đã ào tới. 620. Và có trận mưa lớn đã xuất hiện vao lúc lâm bồn của tôi. Khi ấy, người chồng đã ra đi vì mục đích [tìm] củi gỗ [để sưởi ấm] và đã bị chết bởi con rắn. 621. Khi ấy, do đau đớn vì đã sanh đẻ không người bảo hộ, tôi đã trở nên khốn khổ. Trong khi đi đến chỗ tru ngụ của gia đình, tôi đã nhìn thấy con sông cạn bị tràn ngập. 622. Sau khi ẵm lấy đứa bé toi đã lội qua, và còn mỗi một đứa ở bờ bên kia. Tôi đã đặt đứa con trai thơ dại nằm xuống vì việc mang đứa kia sang. 623. Tôi đã quay trở lại. Có con chim ưng đã tha đi đứa nhỏ đang kêu khóc và dòng nước đã cuốn trôi đứa kia; tôi đây đã bi xâm chiếm bởi sầu muộn. 624. Sau khi đi đến thành Sāvatthi, tôi đã nghe rằng những người thân đã

M 1«? .. /\ A 1 . 1*>.. ĩ chét. Khi ây, bị dăn vặt bởi nôi sâu muộn, bị xâm chiêm bởi nôi sâu muộn lớn lao, tôi đã nói rằng: 625. uCả hai người con trai đã lìa đời, chồng của tôi đã bị chết ở trên đường, mẹ cha và người em trai đã được thiêu chung ở một giàn hỏa táng." 626. Khi ấy, trở nên ốm yếu, vàng vọt, không ngườỳi bảo hộ? tâm ý thê lương, trong lúc đi quanh quẩn đó đây tôi đã nhìn thấy đấng Điều Phục Nhân. 627. Sau đó, bậc Đạo Sư đã nói với tôi răng: "Này con gái, chớ khóc than, hãy bình tâm. Con hãy tìm kiếm lại chính mình. Sao con lại buồn đau một cách vô ích? 628. Không có những người con trai, không có người cha, cũng không có những người thân trong việc bảo vệ. Đối với người đã bị khuất phục bởi sự chết, sự bảo vệ ở những người thân là không c6."i5 629. Sau khi lắng nghe lời nói ấy của bậc Hiền Trí, tôi đã chứng đạt quả vi thứ nhất. Sau khi xuất gia không bao lâu, tôi đã thành tựu phẩm vi A-la-hán. 630. Là người thực hành theo lời dạy của đấng Đạo Sư, tôi có năng lực về các thần thông, về thiên nhĩ giới, tôi biết được tâm của người khác. 631. Tôi biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh. Sau khi quăng bỏ tất cả các lậu hoặc, tôi được thanh tịnh, hoàn toàn không ô nhiễm. 632. Sau đó, trong sự hiện diện của đấng Toàn Tri, tôi đã học toàn bộ về Luật cùng tất cả phần chi tiết và đã trình bày đúng theo như thế. 633. Hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng rằng: “Chi mỗi một mình Patācārā là đứng đầu trong số các vi Ni thông suốt về Luật.^ 634. Bậc Đạo Sư đã được tôi phục vụ, lời dạy của đức Phật đã được tôi thực hành, nhiệm vụ nặng nề đã được đặt xuống, lối dẫn đi tái sanh đã được xóa tan. 635. Vì mục đích nào tôi đã rời khỏi gia đình, xuất gia vào đời sống không gia đình, mục đích ấy tức là sự đoạn tận tất cả các sự trói buộc đã được tôi đạt đến. 636. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 637. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 638. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Patācārā đã nói lên những lời kệ này

như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ni Patācārā^ là phần thứ mười.

ỉ5Dh. v. 288.

Tóm lược của phẩm này Vị Ni Ekuposathikã, luôn cả vị Ni Salala, rồi vị Ni Modaka, vị Ni Ekâsana, vị Ni Pañcadīpa, vi Ni Sālamālikā, vị Ni Gotamī, vị Ni Khemā, vị Ni uppala-vannā, Tỳ-khưu-ni Patācārā, [tổng cộng] là năm trăm câu kệ ngôn và chín câu nữa cũng được thêm vào đó. Phẩm Một lần Trai giới là phẩm thứ nhỉ.

m. PHẨM KUNDALAKESĪ (KUNDALAKESĪVAGGO)

21. KÝ Sự VỀ KUNDALAKESĀ (Kundalakesāpadānam) 639. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp, đấng Lãnh Đạo đã hiện khởi. 640. Khi ấy, tôi đã được sanh ra tại Hamsavatī trong gia đình triệu phú được rạng rỡ bởi vô số loại châu báu, được đầy đủ với những lạc thú lớn lao. 641. Tôi đã đi đến đấng Đại Hùng ấy và đã lắng nghe lời giảng pháp. Sau đó, có niềm tịnh tín sanh khởi, tôi đã đi đến nương tựa vào đấng Chiến Thắng. 642. Khi ấy, đấng Đại Bi tên Padumuttara đã thiết lập Tỳ-khưu-ni Subhâ vào vị thế tối thắng trong số các vị Ni có thắng trí nhạy bén. 643. Sau khi nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ và đã dâng cúng vật thí đến bậc Đại Ẩn Si, rồi đã quỳ xuống đê đầu ở bàn chân và đã phát nguyện vi thế ấy. 644. Đấng Đại Hùng đã nói lời tùy hỷ rằng: "Này cô gái hiền thục, điều nào đã được nàng ước nguyện toàn bộ điều ấy sẽ được thành tựu. Hãy được an lạc, hãy được Niet-bàn. 645. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thê gian. 646. Nàng sẽ là Bhaddā Kundakesā, nữ Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp.” 647. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 648. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã đi đến cõi trời Dạ-ma, từ đó đã đi đến cõi trời Đẩu-suất, và từ đó đến cối Hóa Lạc Thiên, rồi từ đó đến cõi Tha Hóa Tự Tại. 649. Do mãnh lực của nghiệp ấy, ở bất cứ nơi nào tôi sanh ra, tôi đều đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các vị vua ở chính tại các nơi ấy. 650. Từ nơi ấy chết đi, [sanh lên] ở giữa loài người tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các vị vua có quyền lực và của các vị vua có lãnh thổ. 651. Tôi đã thọ hưởng sự thành công ở giữa chư thiên và nhân loại, tôi đã được an vui ở trong mọi nơi, tôi đã luân hồi vô số [đại] kiếp. 652. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi

đấng cao quý tên Kassapa, thuộc đòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên. 653. Khi ấy, có vị quân vương là đức vua xứ Kāsi tên Kikī ở tại kinh thành Bārānasī là người hộ độ của bậc Đại Ẩn Sĩ. 654. Tôi đã là người con gái thứ tư của vị [vua] ấy được nổi danh là “Bhikkhumsi". Sau khi lắng nghe giáo pháp của đấng Chiến Thắng Cao Cả, tôi đã xin xuất gia. 655-56. Cha đã không cho phép chúng tôi. Khi ấy, là

những người con gái của đức vua khéo được nuôi dưỡng, chúng tôi đã thực hành Phạm hạnh của người thiếu nữ ngay tại nhà trong hai chục ngàn năm, không xao lãng. Được hoan hỷ, bảy người con gái đã vui thích trong việc hộ độ đức Phật. 657. Samanī, Samanaguttā, Bhikkhunī, Bhikkhudāsikā, Dhammā, luôn cả Sudhammā nữa và Sañghadāsikā là thứ bảy. 658. Khemā, uppalavannā, Patācārā, thêm vào tôi, Kisāgotamī, Dhammadmnā và Visākhā là thứ bảy [vào thời hiện tại]. 659. Do các nghiệp áy đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác y9 sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 660. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra tại kinh thành Giribbaja, trong gia đình triệu phú thịnh vượng. Rồi đến lúc tôi đã ở vào lứa tuổi thanh xuân. 661. Sau khi nhìn thấy kẻ trộm đang bị dẫn đi để xử tử, tôi đã bị luyến ái với gã. Do đó, cha của tôi đã giải cứu gã ấy khỏi cái chết bằng ngàn đồng tiền. 662. Sau khi biết được tâm ý của tôi, cha đã ban gã ấy cho tôi. Tôi đã trở nên thân thiết, vô cùng yêu thương, gắn bó đối với gã ấy. 663. Vì lòng tham đối với các đồ trang sức của tôi, gã nghịch thù ấy có ý định gây tội, đã đưa [tôi] đến ngọn núi có vực thẳm Kẻ Trộm và đã nghĩ đến việc giết chét [tôi]. 664. Khi ây, trong lúc bảo vệ mạng sông của mình, tôi đã cúi lạy, nghiêm chỉnh chắp tay lại với người chồng và đã nói lời nói này: 665. "Thưa tướng công, vàng vòng ngọc trai ngọc bích này có nhiều, xin chàng hãy tự mang đi tất cả. Và hãy thông báo rằng thiếp là 6nô tỳ'" 666. "Này người đẹp, nàng phải chét. Chớ than vãn nhiêu quá. Và ta biêt chắc rằng không giết thì tài sản không mang đi duọrc." 667. ÍẾKể tư khi thiếp ghi nhớ được bản thân, kể từ khi thiếp đạt được sự hiểu biết, và thiếp biết chắc rằng không ai khác được yêu thương hơn là chàng. 668. Xin chàng hãy đến, thiếp sẽ ôm lấy chàng và sẽ nhiễu quanh chàng. Và giờ đây không còn có sự gân gũi nào giữa thiêp và chàng nữa."

Xem Bổn sanh 'Nàng Sulas*' (Sulasājātakam) số 419, TTPV, tập 32. (ND)

THÁNH NHÂN KÝ sự 577

669. Không hẳn trong mọi trường hợp người nam là khôn ngoan. Người nữ có sự cẩn thận nhiều bề cũng là khôn ngoan. 670. Không hẳn trong mọi trường hợp người nam là khôn ngoan. Người nữ cân nhắc điều lợi ích một cách mau chóng cũng là khôn ngoan. 671. Quả nhiên, một cách nhẹ nhàng và mau chóng, tôi đã suy nghĩ mưu kế. Giống như bộ lông [giết chết] con thú, khỉ ấy tôi đã giet chết gã Sattuka như thế. 672. Và người nào không mau chóng nhận ra điều lợi ích đã bị vuột mất, người có trí kém cỏi ấy sẽ bị giết như là kẻ trộm ở hẻm núi. 673. Và người nào thật mau chóng nhận ra điều lợi h đã bi vuột mất, [người áy] thoát khỏi sự quây roi của kẻ thít, giông như tôi và Sattuka vào lúc áy vậy. 674. Khi ấy, tôi đã quăng ệẫ Sattuka ấy vào hóc núi, rồi đã đi đến gặp những người [ngoại đạo] mặc vải trăng và đã xuât gia. 675. Và khi ấy, sau khi đã nhổ lên toàn bộ những sợi tóc của tôi bằng nhíp,2 họ đã cho tôi xuất gia và đã chỉ dạy giáo lý không có gián đoạn. 676-77. Tôi đã học xong [giáo lý] ấy từ họ. Tôi đã ngồi xuống mỗi một mình và đã suy xét về [giáo lý] ấy. Có con chó tha bàn tay người đã bị đứt lìa và đã đánh rơi ở cạnh tôi rồi bỏ chạy. Sau khi nhìn thấy cảnh tượng [ấy], tôi đã nhặt lấy bàn tay có đầy dòi bọ ấy. 678. Sau khi từ chỗ ấy đứng dậy, bị chấn động, tôi đã hỏi những người đồng đạo. Họ đã nói rằng: "Những vị Tỳ-khưu dòng Sakyā biết rõ ý nghĩa ấy.”

679. [Nghĩ rằng:] "Ta sẽ hỏi ý nghĩa ấy", tôi đây đã đi đến các vị Thinh văn của đức Phật. Sau khi đón nhận tôi, các vị ấy đã đi đến bên đức Phật tối thượng. 680. Và đấng Lãnh Đạo ấy đã thuyết pháp cho tôi về: "Uẩn, xứ, giới, đề mục bất mỹ, vô tìiường, khổ nao, vô ngã.55 681-82. Sau khi lắng nghe giáo pháp của vị ấy, tôi đã làm cho pháp nhãn được thanh tịnh. Sau đó, được hiểu rõ Chánh pháp, tôi đã yêu cầu sự xuất gia và sự tu lên bậc trên; Khi ấy, đấng Lãnh Đạo áy đã nói rằng: uNày cô gái hiền thục, hãy đến!" Khi ấy, tôi đã được tu lên bậc trên. Tôi đã nhìn thấy một ít nước. 683. Với sự rửa sạch bàn chân, tôi đã biết được là có sự tiêu hoại với nước. Khi ấy, tôi đã tự suy xét rằng: "Tất cả các hành cũng là tương tợ như thế." 684. Do đó, tâm tôi đã được ệiải thoát trọn vẹn khônệ còn chấp thủ. Khi ấy, đấng Chiến Thắng đã tuyên bo tôi là đứng đầu trong so các vi Ni có thắng trí nhạy bén. 685. Là ïiệười thực hành theo lời dạy của bậc Đạo Su, tôi có năng lực về các thần thông, ve thiên nhĩ giới, tôi biết được tâm của người khác. 686. Tôi biêt được đời sông trước đây, thiên nhãn được thanh tinh. Sau khi đã quăng bỏ tất cả các lậu hoặc, tôi đã được thanh tinh, hoàn toàn không ô nhiễm.

2 Sau khi đã được nhổ sạch, những sợi tóc mọc lại bị xoắn nên có biệt hiệu là Kundalakesā (tóc xoắn).

687. Bậc Đạo Sư đã được tôi phục vụ? lời dạy của đức Phật đã được tôi thực hành, nhiệm vụ nặng nề đã được đặt xuống, lối dẫn đi tái sanh đã được xóa tan. 688. Vì mục đích nào tôi đã rời khỏi gia đình, xuất gia vào đời sống không gia đình, mục đích ấy tức là sự đoạn tận tất cả các điều trói buộc đã được tôi đạt đến. 689. Trí tuệ của tôi về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là bao la, trong sạch ở giáo pháp của đức Phật tối thượng. 690. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 691. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 692. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Bhaddā Kundalakesā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Ni Bhaddā Kuọdaỉakesã" là phần thứ nhất

22. KÝ Sự VÈ KISÃGOTAMĨ (Kisāgotamī-apadānam) 693. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi. 694. Khi ấy, tôi đã được sanh ra ở một gia đình nọ trong [thành] Hamsavatī. Tôi đã đi đến và đã nương nhờ vào bậc Quý Nhân ấy. 695. Và tôi đã lăng nghe giáo pháp ngọt ngào của vị ây bao gôm bôn sự thật, có phẩm vị tối thắng, đưa đến sự an lạc và tịnh lặng của vòng luân hồi. 696. Và khi ấy, trong khi thiết lập vị Tỳ-khiru-ni mặc y thô vào vị thế tối thắng, đấng Anh Hùng, bậc Tối Thượng Nhân đã khen ngợi. 697. Sau khi đã làm sanh lên niềm phỉ lạc không nhỏ nhoi, sau khi lắng nghe đức hạnh của vị Tỳ-khưu-ni, tôi đã làm công việc phục vụ đến đức Phật tùy theo khả năng, tùy theo sức lực. 698. Tôi đã quỳ xuống ở bậc Hiền Trí Anh Hùng ấy và đã ước nguyện vị thế ấy. Lúc đó, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo đã nói lời tùy hỷ về sự lợi

ích của vị thê [áy] răng: 699. "Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 700. [Người nữ này] sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là dốta 701. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái tôi đã

chăm sóc đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời. 702. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 703. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ dại, là thân quyến của đấng Phạm thiên. 704. Khi ấy, có vi quân vương là đức vua xứ Kâsi tên Kikī ở tại kinh thành Bārānasī, là người hộ độ của bậc Đại Ẩn Sĩ. 705. Tôi đã là người con gái thứ năm của vị [vua] ấy, được nổi danh với tên là Dhammā. Sau khi lắng nghe giáo pháp của đấng Chiến Thắng Cao Cả, tôi đã xin xuất gia. 706-07. Cha đã không cho phép chúng tôi. Khi ấy, là những người con gái của đức vua khéo được nuôi dưỡng, chúng tôi đã thực hành Phạm hạnh của người thiếu nữ ngay tại nhà trong hai chục ngàn năm, không xao lãng. Được hoan hỷ, bảy người con gái đã vui thích trong việc hộ độ đức Phật. 708. Samanī, Samanaguttā, Bhikkhunī, Bhikkhudāsikā, Dhammā, luôn cả Sudhammã nữa và Sañghadāsikā là thứ bảy. 709. Khemā, uppalavannā, Patācārā, Kundalā, tôi, luôn cả Dhammadinnā và Visākhā là thứ bảy [vào thời hiện tại]. 710. Do các nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 711. Và trong kiếp cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra trong gia đình triệu phú bị lâm cảnh khốn cùng, không tài sản, bi khánh tận, và tôi đã được gả vào gia đình có tài sản. 712. Ngoại trừ người chồng, những người còn lại giễu [tôi] là "Nữ nhân không tài sn.” Và đến khi tôi có con trai, khi ấy tôi đã được cảm tình của tất cả. 713. Vào lúc đứa bé trai hiên hậu ây có cơ thê mem mại, được nuôi dưỡng trong sung sướng, được yêu quý như chính mạng sống của tôi đã đi đến cõi chết. 714. Bi dằn vặt bởi sầu muộn, có vẻ mặt thê lương, mắt đẫm lệ, miệng khóc than, tôi đã bồng ẵm thi thể đã chết. Trong lúc than vãn, tôi đã đi lang thang. 715. Khi ấy, tự nhận định [sự việc] một mình tôi đã đi đến vị Đệ Nhất Lương Y và đã nói rằng: "Thua ông, xin ông hãy cho thuốc đem lại sự sống cho con " 716. Đấng Chiến Thắng, bậc rành rẽ về phương thức huấn luyện, đã nói rằng: "Những người chết không được tìm thấy ở tại ngôi nhà nào thì nàng hãy mang lại hạt cải từ nơi [ngôi nhà] ấy.” 717. Khi ấy, tôi đã đi ở trong thành Sāvatthi, và đã không đạt được ngôi nhà như thế ấy. Do đó, tôi đã đạt được trí nhớ rằng: "Hạt cải ở đâu, từ nơi dâu?"

718. Sau khi đã quăng bỏ thây chết, tôi đã đi đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Sau khi nhìn thấy tôi từ rất xa, vị có âm giọng ngọt ngào đã nói rằng: 719. "Và người nào đã sống trăm năm không nhìn thấy sự sanh diệt, cuộc sống một ngày là tốt hơn đối với người đang nhìn thấy sự sanh diệt.3 720. Không phải là quy luật thuộc về ngôi làng, không

phải là quy luật thuộc vê phô chợ, quy luật này cũng không phải thuộc vê một gia đình mà thuộc về tất cả thế gian luôn cả chư thiên; quy luật ấy chính là tính chất vô thương.” 721. Sau khi lắng nghe lời kệ này, tôi đây đã làm cho pháp nhân được thanh tịnh. Sau đó5 được hiểu rõ Chánh pháp, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 722. Trong khi đã được xuất gia như thế, trong khi gắn bó vào giáo pháp của đấng Chiến Thắng, trong thời gian không bao lâu tôi đã thành tựu phẩm vi A-la-hán. 723. Là người thực hành theo lời dạy của đấng Đạo Su, tôi có năng lực về các thần thông, về thiên nhĩ giới, tôi biết được tâm của người khác. 724. Tôi biết được đời sống trước dây, thiên nhãn được thanh tịnh. Sau khi đã quăng bỏ tất cả các lậu hoặc, tôi đã được thanh tinh, hoàn toàn không ô nhiêm. 725. Bậc Đạo Sư đã được tôi phục vụ, lời dạy của đức Phật đã được tôi thực hành, nhiệm vụ nặng nề đã được đặt xuống, lối dẫn đi tái sanh đã được xóa tan. 726. Vì mục đích nào tôi đã rời khỏi gia dinh, xuất gia vào đời sống không gia đình, mục đích ấy tức là sự đoạn tận tất cả các sự trói buộc đã được tôi đạt đến. 727. Trí tuệ của tôi về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là trong sạch, không bợn nhơ, nhờ vào sự tác động của đức Phật tối thượng. 728. Sau khi mang vê từ đông rác, từ mộ địa và thậm chí từ đường lộ, từ đó tôi đã thực hiện y hai lớp và đã mặc y thô. 729. Hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo ở giữa các chúng đã thiết lập [tôi] vào vi thế tối thắng trong việc mặc y thô. 730. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 731. Quả vậy, n tôi , đã thành công mỹ mãn, ođã thành tựu tam minh, đã thực d /x M
. *1

hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiên của đức Phật tôi thượng. 732. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

3 .v. 113.

THÁNH NHÂN K* su 581

Tỳ-khưu-ni Kisāgotamī đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKỷ sự về Trưởng lão Ni Kisāgotamī99 là phần thứ nhì.

23. KÝ Sự VỀ DHAMMADINNÃ (Dhammadinnāpadānam) 733. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vi Lãnh Bạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi. 734. Khi ấy, tôi đã ở trong một gia đình nọ tại thành Hamsavatī. Tôi đã là người nữ làm thuê cho người khác, cẩn trọng, gìn giữ tánh hạnh. 735. Sujātā, vị Thinh văn hàng đầu của đức Phật Padumuttara, đã rời khỏi trú xá đi khất thực. 736. Là người nữ đội nước, khi ấy trong lúc cầm lấy bầu nước đang di, tôi đã nhìn thây vi ây. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng [vị áy] món bánh ngọt. 737. Sau khi thọ lãnh, vi ây đã ngôi xuông ngay tại nơi ây và đã thọ dụng. Sau đó, tôi đã đưa vi ấy về nhà và đã dâng vật thực đến vị ấy. 738. Do đó, người chủ của tôi hoan hỷ đã nhận làm con dâu của mình. Tôi đã cùng với người mẹ chồng đi đến và đã đảnh lễ bậc Toàn Giác. 739. Khi ấy, Ngài đã tán dương và đã thiết lập vị Tỳ-khưu-ni là vị thuyết giảng giáo pháp vào vi

thê tôi thăng. Sau khi nghe được điêu ây, tôi đã hoan hỷ. 740. Tôi đã thỉnh mời đức Thiện Thệ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng, rồi đã dâng cúng đại thí và đã ước nguyện vị thế ấy. 741-42. Sau đó, với giọng có âm điệu đêu đêu vang vang, đang Thiện Thệ đã nói với tôi răng: "Này người thiêu nữ hiên thục là người dâng vật thực, được vui thích trong việc hộ độ Ta cùng với hội chúng, được gắn bó trong việc lắng nghe Chánh pháp, với tâm ý được tăng trưởng về đức hạnh, nàng hãy hoan hỷ, nàng sẽ đạt được kết quả của điều nguyện ước. 743. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thê gian. 744. Nàng sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo Su, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Dhammadinnâ." 745. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái tôi đã chăm sóc đàng Chiên Thăng, bậc Hướng Đạo băng các vật dụng cho đên hét cuộc đời. 746. Do nghiệp áy đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 747. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên.

582 KINH TIÊU BÔ

748. Khi ấy, có vi quân vương là đức vua xứ Kãsi tên Kikī ở tại kinh thành Bārānasī là người hộ độ của bậc Đại Ấn Sĩ. 749. Tôi đã là người con gái thứ sáu của vi [vua] ấy được nổi danh là Sudhammā. Sau khi lắng nghe giáo pháp của đấng Chiến Thắng Cao Cả, tôi đã xin xuất gia. Dứt tụng phẩm thứ ba.

750-51. Cha đã không cho phép chúng tôi. Là những người con gái của đức vua khéo được nuôi dưỡng có sự cư ngụ cùng với gia đình, chúng tôi đã thực hành Phạm hạnh của người thiếu nữ trong hai chục ngàn năm, không xao lãng. Được hoan hỷ, bảy người con gái đã vui thích trong việc hộ độ đức Phật. 752. Samanī, Samanaguttā, Bhikkhunī, Bhikkhudāsikā, Dhammā, luôn cả Sudhammā nữa và Sañghadāsikā là thứ bảy. 753. Khemā, uppalavannā, Patācārā, Kundalā, Gotamī, tôi và luôn cả Visākhā là thứ bay [vao thời hiến tại]. 754. Do các nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 755. Và vào kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra ở kinh thành Giribbaja trong gia đình triệu phú, thịnh vượng, có sự dồi dào về tất cả các dục lạc. 756. Vào lúc đạt đên sac đẹp và đức hạnh ở vào thời đâu của tuôi thanh xuân, khi ấy tôi đã đi đến gia tộc khác [làm vợ] và đã sống thọ hưởng lạc thú. 757. Sau khi đi đến đấng Nương Nhờ Của Thế Gian và đã lắng nghe thuyết giảng giáo pháp, chồng của tôi đã đạt đến quả vi Bất lai, có trí giác ngộ hoàn hảo. 758. Khi ấy, tôi đã thuyết phục vị ấy rồi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Trong thời gian không bao lâu, tôi đã thành tựu phàm vị A-la-hán. 759. Khi ấy, vi nam cư sĩ ấy đã đi đến tôi và đã hỏi về các tuệ thâm sâu và khôn kheo. Toi đã giảng giải ve tát ca các điêu ây/ 760. Hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng đã thiết lập toi vào vị thế tối thắng: "Ta không nhìn thây vi Tỳ-khưu-ni nào khác là vị thuyêt giảng giáo pháp như là vị Ni này. 761 . Này các Tỳ-khưu, Dhammadinnâ là vị Ni sáng trí, các ngươi hãy ghi nhớ như the." Được đấng Lãnh Đạo thương xót, tôi đã trở thành vị Ni trí

tuệ như thế. i 762. Bậc Đạo Sư đã được tôi phục vụ, lời dạy của đức Phật đã được tôi thực hành, nhiệm vụ nặng nề đã được đặt xuống, lối dẫn đi tái sanh đã được xóa tan. 763. Vì mục đích nào tôi đã rời khỏi gia đình, xuất gia vào d s6ng không gia đình, mục đích ấy tức là sự đoạn tận tất cả các sự trói buộc đã được tôi đạt đến.

4 Xem thêm M. L 299, Tiểu kinh Phương quảng (Cūlavedallasuttam), số 44.

THÁNH NHÂN KÝ sự 583

764. Là người thực hành theo lời dạy của đấng Đạo Su, tôi có năng lực về các thần thông, về thiên nhĩ giới, tôi biết được tâm của người khác. 765. Tôi biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh. Sau khi đã quăng bỏ tất cả các lậu hoặc, tôi được thanh tinh, hoàn toàn không ô nhiễm. 766. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 767. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 768. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Dhammadinnâ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ni Dhammadinnã" là phần thứ ba.

24. KÝ Sự VỀ SAKULẢ (Sakulāpadānam) 769. Trước đây một trăm n^àn kiếp, vị Lãnh Bạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi. 770. Vì sự tấn hóa, vì sự lợi ích, vì sự an lạc của tất cả chúng sanh, đấng Siêu Nhân, bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng đã sanh ra ở thế gian gồm cả thiên giới. 771 . Đã đạt đên danh vọng cao tột, đang Chiên Thăng có sự vinh quang, có được sự tán dương ca ngợi. Ngài được tôn vinh, được nổi danh ở tất cả các phương của toàn thể thế gian. 772. Ngài đã vượt lên trên sự hoài nghi, đã vượt qua sự lưỡng lự, đã tròn đủ tâm tư, đã đạt đen quả vị Toàn giác toi thượng. 773. Là người khai mở con đường chưa được khai mở, đấng Tối Thượng Nhân đã nói đến điều chưa được nói đên và đã nhận thức điêu chưa được nhận thức. 774. Đấng Nhân Ngiru là vị biết được đạo lộ, là vị rành mạch về đạo lộ, là vị thuyết về đạo lộ. Được thiện xảo về đạo lộ, đấng Đạo Sư là cao quý tối thượng trong số các bậc Điều Ngự (người điều khiển xe). 775. Đang Đại Bi, bậc Đạo Su, vi Lãnh Đạo đã thuyêt giảng giáo pháp. Ngài tiếp độ những chúng sanh [đang] bị đắm chìm trong đầm lầy ái dục. 776. Khi ấy, tôi đã được sanh ra ở tại Hamsavatī, là niềm hoan hỷ của dòng Sát-đế-lỵ. Và tôi đã có sắc đẹp tuyệt vời, có tài sản, được yêu quý và có sự vẻ vang. 777. Là người con gái vô cùng xinh đẹp của vi Đại vương Ānanda, và cũng là người em gái khác mẹ của vị [Phật] tên Padumuttara. 778. Được tháp tùng bởi các người con gái của đức vua, được trang điểm

584 • KINH TIỂU Bỏ

với tất cả các đồ trang sức, tôi đã đi đến đấng Đại Hùng và đã lắng nghe thuyết giảng giáo pháp. 779. Chính vào khi ấy, bậc Thầy của thế gian ấy ở ^iữa các chun^ đã tán dương vi Tỳ-khưu-ni có thiên nhãn và đã thiết lập vị Ni ấy vào vị the toi thắng. 780. Sau khi lắng nghe điều ấy, được mừng rỡ tôi đã dâng cúng vật thí đến bậc Đạo Sư. Và sau khi cúng dường đến bậc Toàn Giác, tôi đã ước nguyện về thiên nhãn. 781. Do đó, bậc

Đạo Sư đã nói với tôi rằng: "Này người thiếu nữ vui vẻ, nàng sẽ đạt được điều đã ước nguyện. Điều đã khéo được mong muốn này là quả báo của các việc dâng cúng đèn và giáo pháp. 782. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 783. Nàng sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo Su, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Sakulā?9 784. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cối trời Đạo-lợi. 785. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vi đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên. 786. Khi ấy, tôi đã là nữ du sĩ ngoại đạo có hạnh độc hành. Sau khi đi lang thang để khất thực, tôi đã nhận được một số lượng dầu thắp. 787. Sau khi thắp sáng ngọn đèn với số [dầu] đó, với tâm ý trong sạch tôi đã phục vụ ngôi bảo tháp của đấng Tối Thượng Nhân trọn cả đêm. 788. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 789. Do mãnh lực của nghiệp ấy, ở bất cứ nơi nào tôi sanh ra thì có các ngọn đèn lớn chiếu sáng ở chính tại các nơi ấy khi tôi đi đến. 790. Nếu tôi muốn, tôi [có thể] nhìn thấy ngọn núi sau khi đã vượt lên xuyên qua bức tường, xuyên qua tảng đá; điều này là quả báo của việc dâng củng đèn. 791. Tôi có cặp mắt trong ngần và tôi chói sáng với danh vọng, lại còn có đức tin và trí tuệ nữa; điều này là quả báo của việc dâng cúng đèn. 792. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh vào gia đình Bà-la-môn có nhiều tài sản và lúa gạo, được hài lòng, được đức vua tôn trọng. 793. Được thành tựu toàn vẹn về cơ thể, được trang điểm với tất cả các đồ trang sức, đứng ở cửa sổ, tôi [đã nhìn thấy] đấng Thiện Thệ ở lối đi vào thành. 794. Tôi đã nhìn thấy Ngài đang chói sáng với danh vọng, được trọng vọng bởi chư thiên và nhân loại, được hội đủ các tướng mạo phụ, được điểm tô bằng những tướng mạo chính.

THÁNH NHÂN KÝ sự 585

795. Với tâm phân chân, với ý vui mừng, tôi đã xin xuất gia. Trong thời gian không bao lâu tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 796. Là người thực hành theo lời dạy của đang Đạo Su, tôi có năng lực vê các thần thông, về thiên nhĩ giới, tôi biết được tâm của người khác. 797. Tôi biết được đời sống trước dây, thiên nhãn được thanh tinh. Sau khi đã quăng bỏ tất cả các lậu hoặc, tôi đã được thanh tịnh, hoàn toàn không ô nhiễm. 798. Bậc Đạo Sư đã được tôi phục vụ, lời dạy của đức Phật đã được tôi thực hành, nhiệm vụ nặng nê đã được đặt xuống, lôi dân đi tái sanh đã được xóa tan. 799. Vì mục đích nào tôi đã rời khỏi gia đình, xuất gia vào đời sống không gia đình, mục đích ấy tức là sự đoạn tận tất cả các sự trói buộc đã được tôi đạt đến. 800. Do đó, đấng Đại Bi, bậc Tối Thượng Nhân đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng uSakulâ là vi Ni đứng đầu trong các vị Ni có thiên nhãta." 801. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 802. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 803. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khiru-ni Sakulâ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự

về Trưởng lão Ni Sakul” là phần thứ tư.

25. KÝ Sự VỀ NANDĀ - MỸ NHÂN CỦA xứ sở (Nandãịanapadakaỉyănĩ-apadãnam) 804. Trước đây một trăm n^àn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi. 805. Là vị giáo giới, vị làm cho hiểu rõ, vị hành xử đối với tất cả chúng sanh, là thiện xảo trong việc chỉ dạy, đức Phật đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua. 806. Là bậc Thương Tưởng, đấng Bi Man, vị tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh, Ngài đã an trú vào ngũ giới cho tất cả các ngoại đạo đã đi đến. 807. Như thế, được tô điểm với các vị A-la-hán có được năng lực như thế ấy, [thế gian] đã không bị rối loạn và không có các ngoại đạo. 808. Bậc Đại Hiền Trí ấy cao năm mươi tám ratana (mười bốn mét rưỡi) tợ như cây cột trụ bang vàng, có ba mươi hai quý tướng. 809. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại như thế, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua.

810. Khi áy, tôi đã được sanh ra ở tại Hamsavatī, trong gia đình triệu phú được rạng rỡ với vô số loại châu báu, được đầy đủ với những lạc thú lớn lao. 811. Tôi đã đi đến đấng Đại Hùng ấy và đã lắng nghe thuyết giảng giáo pháp bất tử, có phẩm vị tối thắng, làm rõ về chân lý tuyệt đối. 812. Khi ấy, được tịnh tín, tôi đã thỉnh mời đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng và đã tự tay mình dâng cúng đại thí đên vị áy. 813. Tôi đã quỳ xuống đê đầu đến bậc Anh Hùng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng, tôi đã ước nguyện vị thê tôi thăng trong sô các Tỳ-khưu-ni có thiền chứng. 814. Khi ấy, bậc Điều Phục Những Ai Chưa Được Điều Phục, đấng Nương Nhờ Của Ba Cõi, vị Chúa Tể, bậc Nhan Báo đã chú nguyện rằng: "Nàng sẽ đạt được điều đã khéo được ước nguyện ấy. 815. Vào một trăm ngàn kiêp vê sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkãka sẽ xuất hiện ở thế gian. 816. Nàng sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Nandā?9 817. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái tôi đã chăm sóc đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời. 818. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 819. Mệnh chung từ nơi ấy, tôi đã đi đến cõi trời Dạ-ma, từ đó đã đi đến cõi trời Bẩu-suất, và từ đó đến cõi Hóa Lạc Thiên, rồi từ đó đến cõi Tha Hóa Tự Tại. 820. Do mãnh lực của nghiệp ây, ở bát cứ nơi nào tôi sanh ra, tôi đêu đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các vị vua ở chính tại các nơi ấy. 821. Mệnh chung từ nơi ấy [sanh] vào thân nhân loại, tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các đang Chuyển Luân Vương và các vị vua cai quản các lãnh thổ. 822. Tôi đã thọ hưởng sự thành đạt ở giữa chư thiên và loài người, đã được an vui ở tất cả các nơi, và đã luân hồi qua nhiều đại kiếp. 823. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, tôi đã là người con gái hoàn hảo của đức Vua Suddhodana tại thành phố tên là Kapila. 824. Nhìn thấy [tôi] có nét đẹp vô cùng rạng rỡ, gia đình ấy đã trở nên vui vẻ; vì thế tôi có tên là "Nandā" (vui vẻ). Tôi đã được công nhận là xinh đẹp. 825. Và cũng ở trong thành phố đáng yêu ấy, tôi đã được nổi danh là "Mỹ nhân" trong số tất cả các thiếu nữ, ngoại trừ Yasodharâ.

826. Người anh trai đầu là đấng Cao Cả của tam giới, cũng vậy, người út là vị A-la-hán. Mỗi một mình tôi là người tại gia, tôi đã bị mẹ quở trách rằng: 827. "Này con, được sanh trong gia tộc dòng Sakyā (Thích-ca), con là em gái của đức Phật. Con cũng không còn có Nandā nữa, việc gì con lại ở tại gia? 828. Tuổi trẻ có sự già là nơi cư ngụ, xác thân được xem là bất tịnh, sức khỏe cũng có cơn bệnh là điểm cuối cùng, mạng sống có sự chết là nơi chấm dứt. 829. Sắc thân này của con dầu là xinh đẹp, được yêu dấu như là mặt trăng, quyến rũ, có sự trang điểm của những đồ trang sức tợ như được gắn liền với sự rạng rỡ. 830. [Sắc thân này của con] được gộp chung lại thuần sự tinh túy của thế gian, là sự đem lại chất vị cho những con mắt, là sự sản xuất ra danh thơm của các điều phước thiện, là niềm vui của gia tộc Okkâka. 831. Vào thời gian chẳng bao lâu nữa, sự già sẽ ngự trị. Này cô gái trẻ, hãy từ bỏ gia đình. Này cô gái hoàn hảo, hãy thực hành giáo pháp." 832. Được vui thích với sắc đẹp và tuổi thanh xuân, sau khi nghe lời nói • r . * e r . y

của người mẹ, tôi đã xuất gia vào đời sông không gia đình băng thân chứ không phải bằng tâm. 833. Và với sự cố gắng lớn lao, mẹ [tôi đã] nói để thuyết phục tôi gắn bó vào việc tham thiên, nhưng tôi đã không năng nô vê việc ây. 834. Do đó, bậc Đại Bi, đấng Chiến Thắng đã nhìn thấy tôi có lòng khao khát về các dục, và đối với tôi ý nghĩa của sự nhàm chán về xác thân là qua lộ

trình của mát. 835. Bằng năng lực tự thân, Ngài đã làm hiện ra người phụ nữ lộng lẫy, đáng nhìn, rất dễ thương, vô cùng xinh đẹp hơn hẳn luôn cả tôi. 836. Sau khi nhìn thấy người nữ có thân thể vô cùng kinh ngạc ấy, tôi đã sửng sót. Và tôi đã suy nghĩ vê sự lợi ích thuộc vê nhân gian đôi với con măt rằng: "C6 quả báo đến ta 837. [Tôi đã nói rằng:] "Này em yêu dấu, hãy đến với chị đây. Có cần gì em hãy nói với chị. Hãy nói với chị về gia đình, tên, dòng họ của em nếu em ưng ý.

838. [Cô gái đáp:] "Này chi yêu dấu, không phải là lúc hỏi han. Hãy cho em tựa vào lòng. Tay chân của em như là chìm xuống. Chị hãy ru em ngủ một ch6c." 839. Sau đó, nàng có đôi mắt xinh đẹp ấy đã kê đầu vào hông của tôi rồi đã thiêp đi. Có con nhện vô cùng ghê rợn đã rơi xuông ở trán của nàng. 840. Cùng với sự rơi xuồng của con nhện ây, mụn nhọt đã nôi lên. Chúng đã rò rỉ, vỡ ra và toàn thân là mủ và máu. 841. Và khuôn mặt đã bị nứt nẻ? thi thể có mùi hôi thối. Toàn thân bị trương lên, đổi sang màu tím và thối rửa.

842. Với tất cả các chi thể bị run rẩy, chốc chốc lại bị hụt hơi, nàng ấy trong khi cảm nhận sự khổ đau của mình đã than vãn một cách thê lương rằng: 843. "Em bị khổ sở vì nỗi đau đớn, và các cảm thọ được chạm đến, em bị đắm chìm trong nỗi khổ đau lớn lao. Này cô bạn gái, chị hãy là nơi nương nhờ của em". 844.44Vẻ đẹp ở khuôn mặt của cô đâu rồi? Lỗ mũi cao của cô đâu rồi? Làn môi màu đỏ của trái cây bimba tuyệt hảo của cô, khuôn mặt của cô đã đi đâu rồi? 845. Gương mặt tợ như mặt trăng đâu rồi? Chiếc cổ ba ngấn đã đi đâu rồi? Và các lỗ tai run rẩy lung linh của cô đã đi đến tình

trạng thay đổi rồi. 846. Bộ ngực có hình dáng đóa hoa sen còn dạng chồi tợ như bầu nước đã trở thành thi thể hôi thối, bị phân rã, có mùi khó chịu. 847. Eo thon, mông đầy đặn bị sưng lên, có sự lở lói và độc hại, trở thành nơi chứa đầy vật không trong sạch; ôi, xác thân là không vĩnh viễn! 848. Toàn bộ nguồn gốc của thân thể là có mùi hôi thối, có sự hãi sợ, như là bãi tha ma kinh hoàng, lại là nơi mà những kẻ ngu hứng thii!" 849. Lúc bấy giờ, sau khi nhìn thấy tôi có tâm bị chấn động, đấng Đại Bi, bậc Lãnh Đạo Thế Gian, người anh trai của tôi, đã nói lên những lời kệ này: 850. uNày Nandā, hãy nhìn thân thể bệnh hoạn, bất tịnh, hôi thối. Em hãy tu tập tâm về đề mục bất mỹ [tử thi] trở thành chuyên nhất, khéo được tập trung. 851. Thân này như thế nào thì xác kia như vậy, xác kia như thế nào thì thân này như vậy, [là vật] có mùi khó chịu hoặc hôi thoi lại được hứng thú đối với những kẻ ngu. 852. Trong khi xem xét xác thân này như thế đêm ngày không mệt mỏi, từ đó với niệm với tuệ sau khi đã nhàm chán thì em sẽ nhìn thấy." 853. Do đó, sau khi nghe được các lời kệ khéo thuyết, tôi đã bị vô cùng chấn động. Đứng tại chỗ ấy, trong lúc quán sát tôi đã đạt được phẩm vị A-la-hán. 854. Ngồi xuống ở bất cứ nơi nào, tôi luôn luôn có mục đích chính là thiền. Hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng. 855. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt? tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 856. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 857. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Nandā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKỷ sự về Trưởng lão Ni Nandā95 là phần thứ năm.

THÁNH NHÂN KÝ su 589

26. KÝ Sự VỀ SONĀ (Sonāpadānam) 858. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi. 859. Khi ấy, tôi đã được sanh ra trong gia đình triệu phú, được hạnh phúc, được tôn vinh, yêu quý. Tôi đã đi đến bậc Hiền Trí cao quý ấy và đã lắng nghe lời nói ngọt ngào. 860. Đấng Chiến Thắng đã tán dương vị Tỳ-khưu-ni đứng đầu trong số các vị Ni có sự ra sức tinh tấn. Sau khi nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ và tôi đã thể hiện sự thành kính đến bậc Đạo Sư. 861. Khi ấy, tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác và đã ước nguyện vị thế ấy. Đấng Đại Hùng đã nói lời tùy hỷ rằng: <6ƯỚC nguyện của nàng sẽ được thành tựu. 862. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian. 863. Nàng sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy? là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là SoỊiâ." 864. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái tôi đã chăm sóc đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo bang các vật dụng cho đến hết cuộc đời. 865. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 866. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh vào gia đình triệu phú sung túc, thịnh vượng, có tài sản lớn lao ở trong kinh thành Sāvatthi. 867. Và khi đã đạt đến tuổi thanh xuân, tôi đã đi đến nhà người chồng và đã sanh ra mười người con trai, hết thảy đều có vóc dáng hoàn hảo. 868. Và tất cả bọn chúng đều được nuôi dưỡng trong sung sướng, có sự thu

hút ánh mắt của mọi người. Ngay cả đối với những kẻ nghịch thù, chúng cũng được ưa thích. Chúng được yêu mến còn hơn cả tôi nữa. 869. Sau đó, với sự không mong muôn của tôi, người chông ây của tôi được khích lệ bởi mười người con trai, đã xuất gia trong giáo pháp vị Trời Của Chư Thiên. 870. Khi ấy, còn mỗi một mình tôi đã suy xét rằng: uĐã đủ cho cuộc sống của ta là kẻ bị chồng và những người con trai bỏ rơi, lại già cả và thảm thương. 871. Ta cũng sẽ đi đến nơi nào mà người chồng của ta đã đạt đến." Sau khi suy xét như thế, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 872. Và sau đó, các vi Tỳ-khưu-ni đã để tôi ở lại tu viện của các Tỳ-khưu-ni như thế, rồi đã đi [nghe] giáo giới, [bảo rằng:] "Bà hãy đun nóng nước7, 873. Khi ấy, tôi đã đem nước lại đổ vào trong nồi, sau đó đặt ở bếp lửa, rồi đã ngồi xuống. Do đó tâm đã được định tĩnh.

590 KINH TIÊU BÔ

874. Sau khi nhìn thấy các uẩn là vô thường, là khổ não và là vô ngã, tôi đã cat đứt tát cả các lậu hoặc và đã thành tựu phàm vi A-la-hán. 875. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu-ni đã quay lại và đã hỏi về nước nóng. Sau khi chú nguyện vào bản thể của lửa, tôi đã đun nóng nước một cách mau chóng. 876. Ngạc nhiên, các vị Ni ấy đã trình lại sự việc này đến đấng Chiến Thắng Cao Quý. Sau khi nghe điều ấy, được hoan hỷ, đấng Bảo Hộ đã nói lên lời kệ này: 877. “Và người nào đã sống trăm năm, lười biếng, có sự tinh tấn thấp thỏi, cuộc sống một ngày của người đang ra sức tinh tấn một cách bền bỉ là tốt hơn.„5 878. Được hài lòng với sự thực hành tốt đẹp của tôi, đấng Đại Hùng, bậc Đại Hiền Trí ấy đã nói tôi là đứng đầu trong số các vi Ni có sự ra sức tinh tấn. 879. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 880. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 881. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Sonā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Ni Sonã^ là phần thứ sáu.

27. KÝ Sự VỀ BHADDÃKÃPILÃNĨ (Bhaddākāpilānī-apadānam) 882. Trước đây một trăm nậàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Ve Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi. 883. Khi ấy, ở tại Hamsavatī có người triệu phú tên là Viđeha có rất nhiều châu báu. Tôi đã là vợ của người ấy. 884. Có lần nọ, người ấy cùng nhóm tùy tung đã đi đến đấng Mặt Trời Của Nhân Loại và đã lăng nghe giáo pháp đưa đên sự diệt tận tát cả khô đau của đức Phật. 885. Đấng Lãnh Đạo đã ngợi khen vị Thinh văn đứnệ đầu trong số các VỊ thuyết về sự giũ bỏ (pháp Đầu-đà). Sau khi lắng nghe, chong tôi đã dâng cúng vật thí đến đúc Phật như thế ấy trong bảy ngày. 886-87. Chồng tôi, trong khi lam hội chúng vui vẻ đã quỳ xuống đê đầu ở bàn chân và đã ước nguyện vị thê ây. Chính vào khi ây, đàng Cao Quý Của Loài Người vì lòng thương tưởng đến người triệu phú, đã nói những lời kệ này: "Này con trai, ngươi sẽ đạt được vi thế đã ước nguyện rồi ngươi hãy Niết-bàn. 888. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkãka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5 Dh. N. 112.

889. Ngươi sẽ trở thành nam Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên ỉa Kassapa.” 890. Nghe được điều ấy, chồng tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái chồng tôi đã chăm sóc đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời. 891. Vị [Phật] ấy đã làm chói sáng giáo pháp, đã chế phục các ngoại đạo, đã hướng dẫn những ai đáng được hướng dẫn, rồi đã Niết-bàn cùng các vị Thinh van. 892-93. Khi đấng Cao Cả Của Thế Gian ấy đã Niết-bàn? nhằm mục đích cúng dường đến bậc Đạo Su, chồng tôi đã tập hợp các bạn bè quyến thuộc, rồi cùng với những người ấy đã cho xây dựng ngôi bảo tháp làm bằng châu báu cao bảy do-tuần, chói sáng như là trăm ánh hào quang, được tỏa rộng ra như là bông hoa sâla chúa. 894. Tại nơi ây5 chông tôi đã cho thực hiện bảy trăm ngàn chiêc đĩa nhỏ băng chính bảy loại châu báu, chúng đang chói sáng như là ngọn lửa của cây sậy. 895. Chông tôi đã cho đô đây với dâu thơm roi đã cho tháp sáng các ngọn đẹn tại nơi ấy, nhằm mục đích cúng dường đến bậc Đại Ẩn Si, đấng Bi Man của mọi sanh linh. 896. Chồng tôi đã cho thực hiện bảy trăm ngàn chậu đầy đặn, được chứa đầy với thuần các loại châu báu, nhằm mục đích cúng dường đến bậc Đại Ẩn Sĩ. 897. ở giữa của mỗi nhóm tám chậu là những vật giá trị như vàng được chất đống. Chúng sáng rực với màu sắc tợ như ánh mặt trời vào mùa thu. 898. Chiếu sáng ở bốn cửa là các vòm cổng làm bằng châu báu. Chiếu sáng là những tấm ván xinh xắn làm bằng châu báu được dựng đứng. 899. Chói sáng là các lẵng hoa khéo tạo ra được đặt vòng quanh. Chói sáng là các cờ xí bằng châu báu được dựng đứng. 900. Và ngôi bảo tháp làm bằng ngọc quý này khéo được tô màu, khéo được thực hiện, sáng rực với màu sắc tợ như mặt trời vào lúc hoàng hôn. 901. Ngôi bảo tháp có ba bệ thờ. Chồng tôi đã chất đầy một bệ với đá màu vàng, một bệ với đá màu đỏ và một bệ với đá màu đen. 902. Sau khi đã cho thực hiện việc cúng dường đáng yêu như thế ấy đến bậc Thuyết Giảng Cao Quý, chồng tôi đã dâng cúng vật thí đến hội chúng tùy theo năng lực cho đến hết cuộc đời. 903. Sau khi đã cùng với người triệu phú ây thực hiện toàn bộ những việc phước báu ấy cho đến hết cuộc đời, tôi đã đi đến nhàn cảnh cùng với chính người ấy. 904. Sau khi đã thọ hưởng sự thành công ở bản thể chư thiên rồi nhân loại, tôi đã luân hồi cùng với chính người ấy như là hình bóng với xác thân vậy.

905. Trước đây chín mươi mốt kiếp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī, vị có ánh mắt thu hút, bậc thấy rõ tất cả các pháp đã hiện khởi. 906. Khi ây ở tại Bandhumatī, người này là vị Bà-la-môn được công nhận là tốt lành, dồi dào về việc thâu đạt kiến thức, và đã bị lâm vào cảnh vô cùng khó khăn về tài sản. 907. Cũng vào khi ấy, với tâm ý tương d8ng, tôi đã là nữ Bà-la-môn [vợ] của người ấy. Có lần, người Bà-la-môn cao quý ấy đã đi đến bậc Đại Hiền Trí. 908. [Đức Phật] ngồi ở đám ngươi đang thuyết giảng về vị thế bất tử. Sau khi nghe pháp, được hoan hỷ người ấy đã dâng cúng một tấm vải choàng. 909. Quay về lại nhà với một mảnh vải, người ấy đã nói với tôi điều này: "Nàng hãy tùy hỷ việc phước lớn lao, tấm vải choàng đã được dâng đến đức Phật.55 910. Khi ấy, được hài lòng xiết bao, tôi đã chắp tay lên nói lời tùy hỷ rằng: "Phu quân à, tam vải choàng là đã

khéo được dâng đến đức Phật tối thượng như thế ấy.” 911. Được an vui, trở nên gắn bó, trong khi luân hồi cõi này cõi khác, người ấy đã trở thành đức vua, vị lãnh chúa ở thành phố Bārānasī đáng yêu. 912. Khi ây, tôi trở thành chánh hậu của người ây, là tôi cao trong đám nữ nhân. Tôi đã được cảm tình rất mực của người ấy do sự yêu mến trước đây của chồng. 913. Sau khi nhìn thấy tám vị Lãnh Đạo Độc Giác đang đi quanh để khất thực, người ấy đã trở nên hoan hỷ và đã dâng vật thực vô cùng giá trị. 914. Sau khi thỉnh mời lần nữa, người ấy đã thực hiện mái che bằng châu báu. Lọng che bằng vàng [rộng] trăm cánh tay đã được những người thợ rèn kiến thiết 915. Sau khi đã hướng dẫn tất cả các Ngài ấy tiến vào các chỗ ngồi bằng vàng, được tịnh tín, người ấy đã tự tay mình dâng cúng vật thí đến các Ngài ấy. 916. Khi ấy, tôi cũng đã dâng cúng vật thí ấy cùng với đức vua xứ Kâsi. Tôi đã được sanh ra ở Bārānasī lần nữa, tại ngôi làng nhỏ ngoại thành. 917. [Sanh ra] ở trong gia đình giàu có thịnh vượng, người ây được an lạc, có em trai. Tôi đã là người vợ vô cùng chung thủy của người anh cả. 918. Sau khi rứĩn thấy vị Phật Độc Giác, người em gai của chồng tôi đã dâng phần cơm đến vi ấy, và đã thuật lại khi chồng tôi đi đến. 919. Chồng tôi không hoan hỷ với việc dang cúng. Do đó, tôi đã lấy lại phần cơm ấy từ bình bát rồi đã trao cho chồng. Chồng tôi đã dâng cúng [phần cơm ấy] một lần nữa đến chính vi Phật ấy. 920. Khi ấy, tôi đã quăng bỏ đi phần cơm ấy và đã độc ác đối với đức Phật. Tôi đã dâng bình bát ấy chứa đầy bùn đến vị Phật như thế ấy. 921. Vê vật cho cũng như việc nhận giông như là vật không trong sạch và đóa hoa sen, khi ấy tôi đã nhìn khuôn mặt có tâm bình thản và đã vô cùng chấn động.

THÁNH NHÂN KÝ sự 593

922. Sau khi nhận lại bình bát, tôi đã làm sạch bằng chất thơm, rồi với tâm tinh tín, tôi đã chứa đầy với bơ lỏng và đã dâng lên một cách cung kính. 923. ở bất cứ nơi đâu tôi được sanh ra, tôi đều có sắc xinh đẹp do sự bố thí và có mùi hôi do lời nói và do thái độ không phải phép đối với đức Phật. 924. Lần khác, khi ngôi bảo tháp của đấng Chiến Thắng Kassapa đang được hoàn tất, được hoan hỷ, tôi đã dâng cúng phiến ngói cao quý bằng vàng. 925. Tôi đã tẩm phiến ngói ấy bằng hương thơm sanh lên từ bốn nguồn. Tôi đã được thoát khỏi khuyết điểm về mùi hôi thối và đã được thành tựu tốt đẹp về toàn bộ các phần thân thể. 926. [Chông tôi] đã cho thực hiện bảy ngàn cái đĩa băng chính bảy loại châu báu, được chứa đầy bơ lỏng và hàng ngàn tim đèn. 927. Với tâm ý thanh tinh, sau khi đã đặt [tim đèn] vào và thắp sáng, người ấy đã xếp thành bảy hàng nhằm mục đích cúng dường đến bậc Bảo Hộ Thế Gian. 928. Khi ấy, tôi cũng có phần đóng góp đặc biệt trong việc phước thiện ấy. Người ấy đã được sanh ra ở xứ Kâsi lần nữa, được nổi danh là Sumitta. 929. Tôi đã là vợ của người ây, được an vui, được găn b6, được yêu quý. Khi ấy, người ấy cũng đã dâng đến vị Hiền Trí Độc Giác tấm vải choàng bền chắc. 930. Tôi đã hoan hỷ về việc bố thí tối thượng và cũng đã có phần trong việc ấy. Vị ấy cũng đã sanh ra lần nữa trong quốc độ Kâsi thuộc dòng dõi Koliya. 931. Khi ấy, cùng với năm trăm người con trai dòng Koliya, người ấy đã hộ độ năm trăm vi Phật Độc Giác. 932. Và sau khi đã làm hài lòng [chư Phật Độc Giác] trong ba tháng, người ấy đã dâng ba y. Khi ấy, đi theo lộ trình của nghiệp phước thiện, tôi đã là vợ của người ấy. 933. Từ nơi ấy chết di, người ấy đã trở thành vị vua tên là Nandā có danh tiếng vĩ đại.

Tôi cũng đã trở thành chánh hậu của người ấy, có sự thành tựu về tất cả các điều dục lạc. 934. Và khi ấy, người ấy đã trở thành vị lãnh chúa Brahmadatta. Khi ấy, những người con trai của bà Padumavatī đã trở thành các bậc Hiền Trí Độc Giác. 935. Người ấy đã hộ độ năm trăm vi không thiếu vị nào cho đến hết cuộc đời. Chư Phật Độc Giác đã cư ngụ tại vườn hoa của đức vua rồi đã Niết-bàn và người ấy đã cúng dường. 936. Và sau khi cho xây dựng các ngôi bảo tháp, cả hai chúng tôi đã xuất gia. Sau khi tu tập các vô lượng [tâm], chúng tôi đã đi đến cõi Phạm thiên. 937. Từ nơi ấy chết di, người ấy đã khéo được sanh ra tại Mahâtittha [tên] là Pipphalãyana, mẹ là Sumanadevĩ, cha là người Bà-la-môn dòng tộc Kosiyā. 938. Tôi đã là người con gái của vị Bà-la-môn Kapila, mẹ là Sucĩmatĩ, ở tại kinh thành Sāgalā trong xứ sở Madda.

939. Sau khi tạo ra tôi với hình tượng bằng vàng khối, người cha đã gả tôi cho bậc trí Kassapa là người đã kiêng cữ các dục. 940. Lân nọ, con người có lòng bi mân ây đã đi xem xét công việc làm. Sau khi nhìn thấy các sinh vật bị những loài như là quạ, v.v... ăn thịt, người ấy đã bị động tâm. 941. Và tôi ở nhà, sau khi nhìn thấy những cây mè mọc lên trong sự thiêu đốt của ánh nang mặt trời và loài sâu bọ bi các con quạ ăn thịt, khi ấy tôi đã có sự động tâm. 942. Lúc bấy giờ, con người trí tuệ ấy đã xuất gia. Tôi đã xuất gia theo vị ấy. Tôi đã sống theo hạnh du sĩ ngoại đạo trong năm năm. 943. Đen khi bà Gotamĩ, người nuôi dưỡng đấng Chiến Thắng đã được xuất gia, khi ấy tôi đã đi theo bà ấy và đã được chỉ dạy bởi đức Phật. 944. Trong thời gian không bao lâu tôi đã thành tựu phẩm vi A-la-hán. ôi, tính chất bạn hữu tốt lành đối với vị Kassapa vinh quang! 945. Kassapa là con trai, là người thừa tự của đức Phật, khéo được định tĩnh, nhìn thấy được cõi trời và địa ngục, và là vị đã biết được đời sống trước đây. 946. Roi [vị áy] đã đạt đên sự diệt tận của sự sanh, là vị hiên trí được hoàn hảo về thắng trí, với ba sự hiểu biết ấy trở thành vị Bà-la-môn có tam minh. 947. Tương tợ như thế ấy, Bhaddā Kāpilānī là vị Ni có tam minh, có sự dứt bỏ tử thần, mang thân mạng cuối cùng sau khi đã chiến thắng Ma vương cùng với đạo quân binh. 948. Sau khi nhìn thấy điều tai hại ở thế gian, cả hai chúng tôi đã xuất gia. Chúng tôi đây có các lậu hoặc đã cạn kiệt, đã được huấn luyện, đã có được trạng thái mát mẻ, đã được Niết-bàn. 949. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 950. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 951. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lởi dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Bhaddākāpilānī đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trường lão Ni Bhaddākāpilānf9 là phần thứ bảy.

28. KÝ Sự VỀ YASODHARÃ (Yàsodharãpadãnam) 952. Vào một thuở nọ, đấng Lãnh Đạo Nhân Loại đang ngự tại một sườn núi cao quý ở thành Rājagaha đáng yêu, trù phú.6

6 Các câu kệ từ 952-57 không thấy ở tạng Thái Lan và PTS.

953. Khi đang cư ngụ tại tru xứ đáng yêu của các Tỳ-khưu-ni ở trong thành phố ấy, đã có suy nghĩ như vầy khởi đến vị Tỳ-khưu-ni Yasodharâ rằng: 954. "Nandā, Râhula hiền thiện và tương tợ y như thế, [hai] vị tối thượng Thinh văn, Đại vương Suddhodana và bà Pajāpati Gotamĩ. 955. Cùng các vi Đại trưởng lão đã đạt thắng trí, và các Trưởng lão Ni có đại thân lực, các vi ây đã ngự đên nơi an tịnh không còn lậu hoặc, như là tim của cây đèn hết nhiên liệu. 956. Và luôn cả ta nữa cũng sẽ đi đến vị thế an toàn ngay trong khi đấng Lãnh Đạo Thế Gian còn hiện tiền.” Trong khi xem xét tuổi thọ của mình, vi Ni đã suy nghĩ như thê. 957. Sau khi xem xét thọ hành sẽ đi đến sự hoại diệt trong chính ngày hôm ấy, vị Ni đã cầm lấy bình bát và y rồi đã rời khỏi chốn tinh cư của mình. 958. Vị Ni co đại thần lực, có đại trí tuệ ấy đã dẫn đầu một trăm ngàn vị Tỳ-khưu-ni đi đến bạc Toàn Giác. 959. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, vị Ni ấy đã ngồi xuống ở một bên và đã nói lời nói này với bậc Đạo Sư là vị có dấu hiệu bánh xe: 960. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã bảy mươi tám tuổi. Giai đoạn cuối cùng của tuôi tác đang tiên đên. Con đã đạt đên ngay ở sườn dóc, con xin thưa rõ. 961. Sự tiêu hoại của con đã chín muồi, mạng sống của con còn chút ít. Rời bỏ Ngài, con sẽ ra đi. Sự nương nhờ của bản thân đã được con thực hiện. 962. Chính ở thời điểm cuối cùng, sự chết chặn đứng tuổi thọ. Bạch đấng Đại Hùng, hôm nay vào ban đêm con sẽ thành tựu Niết-bàn. 963. Bạch đấng Hiền Trí, [Niết-bàn] là nơi không có sự sanh, sự già, sự bệnh và sự chết. Bạch đang Anh Hùng, nơi nào khi đã đi đen là không còn được nhìn thấy thì con đi đến nơi ấy. 964. Bạch đang Hiên Trí, cho đên nhóm người của bậc Đạo Sư ngôi chung ở nơi dây, [nếu] nhận biết lỗi lầm [nào của tôi], xin quý vị hãy tha thứ ở trước mặt. 965. Và sau khi đã xoay vân trong vòng luân hôi, nêu có điêu sai trái của con đối với Ngài, bạch đấng Đại Hùng, con xin thưa rõ, xin Ngài hãy tha thứ lỗi lầm cho con.” 966. Sau khi lắng nghe lời nói của vị Ni ấy, đấng Hiền Trí Vương đã nói điều này: "Ta sẽ nói điều gì hơn về nàng là người đang đi đến Niết-bàn? 967. Và nàng cũng nên thị hiện thần thông cho các vị hành theo giáo pháp của Ta được thấy. Và hãy chặt đứt sự nghi ngờ về giáo pháp cho tất cả các chúng?9 968. Sau khi lắng nghe lời nói của bậc Hiền Trí ấy, vị Tỳ-khưu-ni Yasodharâ ấy đã đảnh lễ đấng Hiền Trí Vương ấy và đã nói lời nói này: 969. "Bách đang Anh Hùng, con là Yasodharâ, ở tại gia là người vợ của Ngài. Được sanh ra trong gia tộc Sakyā, con đã duy trì phận sự của người nữ.

970. Bạch đấng Anh Hùng, trong số một trăm chín mươi sáu ngàn phụ nữ ở nhà của Ngài, con là người đứng đầu, là người chủ quản tất cả. 971. Là người có được sắc đẹp, tánh tình và đức hạnh, ở vào tuổi thanh xuân, có lời nói đáng yêu, tất cả chư thiên cũng như loài người đều quý trọng con. 972. Con đứng đầu một ngàn thiếu nữ ở trong cung của người con trai dòng Sakyā. Các cô ấy cùng vui buồn giống nhau tợ như chư thiên ở [vườn hoa] Nandana. 973. Con đã vượt lên trên lãnh vực dục tinh, được khẳng đinh về mặt thể hình, không có người tương đương về sắc đẹp ngoại trừ đấng Lãnh Đạo Thế Gian.” 974. Sau khi đã nói như thế, v.v... Yasodharâ, với sự cho phép của đức Phật, đã bay lên không trung và đã thi hiện vô số thần thông. 975. [Yasodharā đã thị hiện] cơ thể tương đương với bầu vũ trụ, đầu là [đảo] Kuru ở về phía Bắc, hai cánh là hai hòn đảo, thân mình là đảo Jambu.7 976. Và đuôi công là cái hô ở phía Nam nhưng các cánh

chim là các cành lá khác nhau, mặt trăng và mặt trời là mắt, núi Meru là chóp đỉnh. 977. Ngọn núi của bầu vũ trụ là mỏ chim. Trong lúc phe phẩy cayjambu cùng với cội rễ [làm cây quạt], vi Ni đã đi đến và đảnh lễ đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 978. Tương tợ y như thế, vị Ni đã thị hiện hình dáng con voi, con ngựa, ngọn núi và biển cả, rồi mặt trăng, mặt trời, núi Meru và vóc dáng của vị Trời Sakkā. 979. “Bạch đấng Anh Hùng, bạch đấng Hữu Nhãn, con là Yasodharã đảnh lễ ở bàn chân [Ngài]. Con đã che khuất một ngàn thế giới bằng đóa sen nở rộ/9 980. Và sau khi hóa hiện ra vóc dáng của đang Brahmā, vi Ni đã thuyết giảng giáo pháp về Không tánh. "Bạch đấng Anh Hùng, bạch đấng Hữu Nhãn, con là Yasodharã xin đảnh lễ ở bàn chân [Ngài]. 981. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác. 982. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 983. Bạch đấng Đại Hùng, trí của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài. 984. Sự gặp gỡ đối vơi chư Phật là các đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã được Ngài nhìn thấy rõ. Bạch đấng Đại Hiền Trí, có nhiều hành động hướng thượng của con là nhằm mục đích về Ngài. 985. Bạch đấng Hiền Trí, xin Ngài nhớ lại thiện nghiệp trước đây của con. Bạch đang Đại Hùng, phước báu đã được con tích lũy là nham mục đích ve Ngài.

7 Jambudĩpa\ Bán đảo Ấn Độ.

986. Bạch đấng Đại Hùng, sau khi đã tránh xa những nơi không thích hợp và đã ngăn trừ điều không giới hạnh, mạng sống đã được con hy sinh là nhằm mục đích về Ngài. 987. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố ứií con nhằm mục đích làm vợ [kẻ khác] nhiều ngàn koiỹ lần. Con không có bất bình về điều ấy là nhằm mục đích về Ngài. 988. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố thí con vì sự hỗ trợ [kẻ khác] nhiều ngàn koti lần. Con không có bất bình ve điều ấy là nhằm mục đích về Ngài. 989. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố thí con nhằm mục đích vật thực [cho kẻ khác] nhiều ngàn hoti lần. Con không có bất bình về điều ấy là nhằm mục đích về Ngài. 990. Con đã từ bỏ nhiêu ngàn hoti mạng sông. Con từ bỏ mạng sông của con, [nghĩ rằng:] 'Ta sẽ thực hiện sự giải thoát khoi nỗi sợ hãi/ 991. Bạch đang Đại Hiên Trí, con không cát giâu các đô trang sức được dùng cho cơ thể, nhiều vải vóc các loại, các vật dụng của phụ nữ là nhằm mục đích về Ngài. 992. Con đa dứt bỏ tài sản, lúa gạo, các làng và các phố chợ. Bạch đấng Đại Hiền Trí, các ruộng vườn, những người con trai và con gái là đã được dứt bỏ. 993. Bạch đấng Đại Hùng, không thể đếm được những con voi, ngựa, trâu bò, luôn cả các nữ tỳ và tớ gái đã được dứt bỏ là nhằm mục đích về Ngài. 994. về việc Ngài bảo con rằng: 'Ta sẽ cho vật thí đến người hành khất', con không nhìn thấy sự bất bình của con trong khi Ngài bố thí vật thí tối thượng. 995. Bạch đang Đại Hùng và con đã trải qua^nhiêu khô đau khác loại không thể đếm được, ở nhiều hình thức trong sự luân hồi là nhằm mục đích về Ngài. 996. Bạch đấng Đại Hiền Trí, đạt được sung sướng con không vui thích và không có tâm bực bội trong những khổ đau, con được quân bình trong mọi trường hợp là nhằm mục đích về Ngài. 997. Theo lộ trình mà bậc Toàn Giác [quá khứ] đã khẳng

định về pháp [giải thoát], thì đấng Đại Hiền Trí đã đạt đến sự giác ngộ sau khi trải qua an lạc và khổ đau. 998. Bạch đấng Phạm Thiên, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Gotama, Ngài với con đã có nhiều lần gặp gỡ với các đấng Bảo Hộ Thế Gian khác. 999. Bạch đấng Đại Hiền Trí, nhiều hành động hướng thượng của con là nhằm mục đích về Ngài. Con là nữ ty của Ngài trong lúc Ngài tầm cầu Phật pháp.” 1000. Vào thuở bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp, bậc Đại Anh Hùng, vị Lãnh Đạo Thế Gian Dīpañkara đã hiện khởi. 1001. Sau khi đã thỉnh mời đức Như Lai, những người ở khu vực vùng biên địa làm sạch sẽ con đường đi đến của Ngài với tâm hoan hỷ.

8 Một kotỉ là mười triệu.

1002. Vào thời điểm ấy, người ấy đa là vi Bà-la-môn tên Sumedha và đã sửa soạn con đường của đấng Toàn Tri đang đi đến. 1003. Vào thời điểm ấy, con đã là người thiếu nữ xuất thân Bà-la-môn tên Sumittã. Con đã đi đến cuộc tụ hội. 1004.—Con đã cầm1 tám -ty Ẩ nắm hoa sen nhằm mục đích cúng dường đến bậc Ả J .

Đạo Sư. Con đã nhìn thây vị ân sĩ được nôi bật ở giữa đám người. 1005. Sau khi nhìn thây con n^ười đang ngôi khoác áo vỏ cây vô cùng đáng yêu quyến rũ đang ngồi, khi ây con đã nghĩ răng: "Mạng sống của ta là có kết quả?9 1006. Khi ấy, con đã nhìn thấy sự nỗ lực ấy của vị ẩn sĩ là có được kết quả. Do nghiệp quá khứ, tâm của con cũng đã tịnh tín vào đấng Toàn Giác. 1007. Con đã có tâm tịnh tín hơn nữa đối với vị ẩn sĩ có tâm ý hướng thượng. [Con đã nói rằng:] uNày vị ẩn sĩ, tôi không nhìn thấy vật nào khác nên được dâng cúng, tôi cho ông các đóa hoa. 1008. Này vị ẩn sĩ, hãy là của ông năm nắm, hãy là của tôi ba nắm. Này vi ẩn sĩ5 như thế sự thành tựu hãy là bằng nhau đối với mục đích giác ngộ của Ngai." Dứt tụng phẩm thứ tư.

1009. Sau khi cầm lấy các đóa hoa, vị ẩn sĩ ở giữa đám người đã cúng dường đên bậc Đại An Sĩ có danh tiêng vĩ đại đang đi đên nhăm mục đích giác ngộ. 1010. Bậc Đại Hiền Trí Dīpañkara, đấng Đại Hùng đã nhìn thấy ở giữa đám người và đã chú nguyện cho vị ẩn sĩ có tâm ý hướng thượng rằng: 1011. "Này vị đại ẩn si, [người nữ này] sẽ có tâm tương đương, có nghiệp tương đương, có hành động tương đương, sẽ trở thành người vợ do nghiệp báo đối với mục đích của ngươi. 1012. [Người nữ này] có dáng nhìn xinh đẹp, vô cùng đáng yêu, vui vẻ, có lời nói đáng mến, sẽ trở thành người vợ yêu quý, người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy. 1013. Cũng giống như các người chủ gìn giữ cái rương của cải, người nữ này sẽ hộ trì như thế ấy đối với các thiện pháp. 1014. Trong khi thương tưởng đến ngươi đây, [người nữ này] sẽ làm tròn đủ các pháp toàn hảo, sẽ đạt được quả vị giác ngộ tương tợ như con sư tử phá vỡ cái chuồng.^ A > 9 r

1015. Áy là điêu đức Phật đã chú nguyện cho con trước đây vô lượng kiêp. Trong khi tùy hỷ lời nói ấy, con đã là người có hành động như vậy. 1016. Tại nơi ấy, con đã có tâm tinh tín đối với việc làm đã được thực hiện tốt đẹp ấy. Con đã sanh vào bản thể trời và người với số lần không thể đếm được. 1017. Con đã trải qua lạc và khổ ở các cõi trời và ở loài người. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, con đã sanh ra trong gia tộc Sakyā.

1018. Con có sac đẹp, có của cải, có danh vọng và giới hạnh tương tợ như thế. Con có sự thành tựu vẹn toàn thân thể, được vô cùng kính trọng về các điều lành. 1019. Lợi lộc, danh vọng, cung kính, sự hội tụ của các pháp thế gian và tâm bị khổ não là không c6, con sống không sợ hãi.9 1020. Con đã nhàm chán các sự luân hôi và đã xuất gia vào đời sông không gia đình. Sau khi xuất gia cùng với một ngàn người hầu cận, con không có gì. 1021. Sau khi từ bỏ gia đình, con đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Khi chưa đạt đến nửa tháng, con đã đạt được bốn sự thật. 1022. Nhiều người, không phải một, đem lại y phục, vật thực, thuốc men và chỗ nằm ngồi tợ như các làn sóng của biển cả. 1023. Các phiên não của con đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc. 1024. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 1025. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật. 1026. Như vậy là có khổ đau đa dạng và thành công nhiều hình thức. Được đạt đến trạng thái thanh tinh, con nhận lãnh mọi sự thành tựu. 1027. Nàng ấy bố thí chính bản thân mình vì mục đích phước báu của vị đại ân sĩ. Họ có sự thành tựu vê bạn hữu. Vị thê Niêt-bàn là không còn tạo tác. 1028. "Quá khứ, hiện tại và vi lai đã được cạn kiệt, tất cả nghiệp của con đã được cạn kiệt. Bạch đấng Hữu Nhãn, con xin đảnh lễ ở bàn chân [Ngài]?9 Tỳ-khưu-ni Yasodharâ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 4íKý sự về Trưởng lão Ni Yasodharâ" là phần thứ tám.

29. KÝ Sự VỀ MƯỜI NGÀN VỊ TỲ-KHƯU-NI (Dasabhikkh unīsahassāpadānam) 1029. Vào thuở bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng, vị Lãnh Đạo Thế Gian tên là Dīpañkara đã hiện khởi. 1030. Đấng Đại Hùng, bậc Hướng Đạo Dīpañkara đã chú nguyện cho Sumedha và Sumittâ có trạng thái hạnh phúc và khổ đau tương tợ như nhau. 1031. Trong lúc nhìn thấy [thế gian] cùng với chư thiên và trong lúc đi đó đây ở [thế gian] luôn cả cõi trời, chúng con đã đi đến nơi tụ hội vào dịp tuyên dương của hai người ấy [và đã nói rằng]:

9 Ke tiếp có 20 câu kệ được thấy ở tạng Thái Lan, Miến Điện, PTS, nhưng không thấy ở tạng Sri Lanka. Vì nội dung không co gì đặc sắc nên không thêm vào.

1032. "Trong lần tụ hội ở ngày vị lai, xin ngài hãy là chồng của tất cả chúng tôi. Hết thảy tất cả sẽ là những người vợ vui vẻ, có lời nói đáng yêu của ngài/9 1033. Bạch đấng Đại Hiền Trí, tất cả chúng con có bố thí với trì giới, và tham thiền đã khéo được tu tập. Và mọi thứ thuộc về chúng con đã được buông bỏ từ lâu. 1034. Bạch đấng Đại Hiền Trí, bất cứ điều gì đã được ao ước [như là] hương thơm, vật thoa, tràng hoa, đèn, vật làm bằng châu báu, tất cả đã được buông bỏ. 1035. Bạch đấng Đại Hiền Trí, ya luôn cả nghiệp nào khác đã được thực hiện cũng như sự thụ hưởng thuộc về nhân loại, mọi thứ thuộc về chúng con đã được buông bỏ từ lâu rồi. 1036. Trong khi luân hồi nhiều kiếp sống, chúng con đã làm được nhiều phước báu. Chúng con đã thọ hưởng quyên thế và đã luân hôi cõi này cõi khác. 1037. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng ở trong cung của người con trai dòng Sakyā, chúng con đã được sanh ra trong nhiều gia tộc khác nhau,

là những mỹ nhân có ái dục và sắc đẹp. 1038. Chúng con đã đạt đến danh vọng cùng với lợi lộc tột đỉnh, được tôn vinh, được tất cả tôn trọng, luôn luôn được cung cấp các lợi lộc về cơm ăn nước uống. 1039. Sau khi từ bỏ gia đình, chúng con đã xuất gia vào đời s6ng không gia đình. Khi chưa đạt đên nửa tháng, tát cả chúng con đã đạt được Niêt-bàn. 1040. Nhiêu người đem lại mọi thứ lợi lộc vê cơm ăn nước uông, y phục và chỗ nằm ngồi. Chúng con luôn luôn được tôn kính cúng dường. 1041. Các phiền não của chúng con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là những con voi cái [đã được cởi trói], chúng con song không còn lậu hoặc. 1042. Quả vậy, chúng con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 1043. Bôn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thăng trí đã được chúng con đắc chứng; chúng con đã thực hành lời dạy của đức Phật. Mười ngàn vị Tỳ-khiru-ni, đứng đầu là Yasodharâ trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về mười ngàn vi Tỳ-khini-nP là phần thứ chín.

30. KỶ Sự VÈ MƯỜI TÁM NGÀN VỊ TỲ-KHƯU-NI (Atthārasabhikkhunīsahassāpadānam) 1044. Mười tám ngàn vị Tỳ-khưu-ni xuất thân dòng Sakyā đứng đầu là Yasodharâ đã đi đến gặp đấng Toàn Giác. 1045. Tất cả mươi tám ngàn vị Ni đều có đại thần lực. Trong khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Hiền Trí, các vị Ni trình rõ đúng theo năng lực rang:

1046. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, sự sanh, sự già, sự bệnh và sự chết đã được cạn kiệt. Bạch đấng Lãnh Đạo, chúng con đã đi đến vị thế bất tử, an tịnh, không còn lậu hoặc. 1047. Bạch đấng Đại Hiền Trí, nếu có điều sai trái gì trước đây của tất cả chúng con vì không biết là lỗi lầm, bạch đấng Hướng Đạo, xin Ngài hãy tha thứ cho chúng con.” 1048. "Là những người thực hành theo giáo pháp của Ta, các nàng cũng nên thị hiện thần thông. Và hãy chặt đứt sự nghi ngờ đã có cho tất cả các chúng.” 1049. "Bạch đấng Đại Hùng, là những vị Ni danh tiếng, vui vẻ, có dáng vóc đáng yêu, bạch đấng Đại Hùng, tất cả đã là vợ của Ngài lúc còn tại gia. 1050. Bạch đấng Anh Hùng, trong số một trăm chín mươi sáu ngàn phụ nữ ở nhà của Ngài, chúng con là những vi đứng đầu, là những người chủ quản tất cả. 1051. Là những người có được sác đẹp? tánh tình và đức hạnh, ở vào tuôi thanh xuân, có lời nói đáng yêu, tất cả chư thiên cũng như loài người đều quý trọng [chúng con]. 1052. Khi ấy, tất cả mười tám ngàn vị Ni đều xuất thân dòng Sakyā, một ngàn vi Ni có danh tiếng là những vi đứng đầu, là những người chủ quản. 1053. Bạch đấng Đại Hiền Trí, [các cô ấy] đã vượt qua dục giới, đã được an trú vào sắc giới. Không có gì tương đương với sắc đẹp của một ngàn cô ấy.” 1054. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, các vị Ni đã phô bày thần thông đến bậc • • Sư. Các vi• Ni cũng đã thi• hiện Đạo • thần lực • đại • với nhiều hình thức khác loại. • 1055. [Các vị Ni đã thi hiện] cơ thể tương đương với bầu vũ trụ, đầu là [đảo] Kuru ở về phía Bắc, hai cánh là hai hòn đảo, thân mình là đảo Jambu. 1056. Và đuôi công là cái hồ ở phía Nam nhung các lông chim là các cành lá khác nhau, mặt trăng và mặt trời là cặp mắt to, núi Meru là chóp đỉnh. 1057. Ngọn núi của bâu vũ trụ là mỏ chim. Trong lúc phe phây cây jambu cùng với cội rễ [làm cây quạt], các vị Ni đã đi đến và đảnh lễ đấng Lãnh Đạo Thế Gian. “

1058. Tương tợ y như thê, các vị Ni đã thi hiện hình dáng con voi, con ngựa, ngọn núi và biển cả, rồi mặt trăng, mặt trời, núi Meru và vóc dáng của vị trời Sakkā. 1059. “Bạch vị Anh Hùng, bạch đấng Hữu Nhãn, chúng con là các vị Yasodharâ xin đảnh lễ ở bàn chân [Ngài]. Bạch vị Anh Hùng, bạch đấng Lãnh Đạo Của Nhân Loại, chúng con đã được hoàn thành nhờ vào quyền uy của Ngai. 1060. Bạch đang Đại Hiên Trí, chúng con đã có nng lực vê các loại thân thông và thiên nhĩ giới, chúng con đã có năng lực về trí biêt tâm của người khác. 1061. Chúng con biết được đời sống trước dây, thiên nhãn được thanh tinh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

602 KINH TIÊU BÔ

1062. Bạch đấng Đại Hùng, trí của chúng con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài. 1063. Bạch đấng Đại Hiền Trí, sự gặp gỡ đối với các đấng Lãnh Đạo Thế Gian trước đây đã được chúng con nhìn thây rõ. Nhiêu hành động hướng thượng của chúng con là nhằm mục đích về Ngài. 1064. Bạch bậc Hiền Trí, xin Ngài nhớ lại thiện nghiệp trước đây của chúng con. Bạch đấng Đại Hùng, phước báu đã được tích lũy bởi chúng con là nhằm mục đích về Ngài. 1065. Bạch đấng Đại Hùng, sau khi đã tránh xa những nơi không thích hợp và đã ngăn trừ điều không giới hạnh, mạng sông đã được chúng con hy sinh là nhằm mục đích về Ngài. 1066. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố thí chúng con nhằm mục đích làm vợ [kẻ khác] nhiều ngàn koti lần. Chúng con không có bất bình về điều ấy là nhằm mục đích về Ngài. 1067. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố thí chúng con vì sự hỗ trợ [kẻ khác] nhiều ngàn koti lần. Chúng con không có bát bình vê điêu ấy là nhăm mục đích về Ngài. 1068. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố thí chúng con nhằm mục đích vát thực [cho kẻ khác] nhiều ngàn ko ti lan. Chúng con không có bất bình ve điều ấy là nhăm mục đích vê Ngài. 1069. Chúng con đã từ bỏ nhiêu ngàn koti mạng sông. Chúng con đã từ bỏ các mạng sống, [nghĩ rằng:] 'Chúng ta sẽ thực hiện sự giải thoát khỏi nỗi sợ hãi? 1070. Bạch đấng Đại Hiền Trí, chúng con không cất giấu các đồ trang sức được dùng cho phụ nữ, cùng nhiều vải vóc các loại và các vật dụng của phụ nữ là nham mục đích ve Ngài. 1071. Chúng con đã dứt bỏ tài sản, lúa gạo, các ngôi làng và các phố chợ. Bạch đấng Đại Hiền Trí, các ruộng vườn, những người con trai và những người con gái đã được dứt bỏ. 1072. Bạch đấng Đại Hùng, không thể đếm được những con voi, ngựa, trâu, bò, luôn cả các nữ tỳ và tớ gái đã được dứt bỏ là nhằm mục đích về Ngài. 1073. về việc Ngài bảo chúng con rằng: 'Ta sẽ cho vật thí đến người hành khất\ chiing con không nhìn thấy sự bất bình của chúng con trong khi Ngài bố thí vạt thí toi thượng. 1074. Bạch đấng Đại Hùng, chúng con đã trải qua nhiều khổ đau khác loại không thể đếm được, và ở sự luân hồi với nhiều hình thức là nhằm mục đích về Ngài. 1075. Bạch đấng Đại Hiền Trí, đạt được sung sướng chúng con không vui thích và không có tâm bực bội trong những khô đau, chúng con được quân bình trong mọi trường hợp là nhằm mục đích vê Ngài.

THÁNH NHÂN KÝ sự 603

1076. Theo lộ trình mà bậc Toàn Giác [quá khứ] đã khẳng định về pháp [giải thoát], thì đấng Đại Hiền Trí đã đạt đến sự giác ngộ sau khi trải qua an lạc và khổ đau. 1077. Bạch

đấng Phạm Thiên, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Gotama, Ngài với chúng con đã có nhiều lần gặp gỡ với các đấng Bảo Hộ Thế Gian khác. 1078. Bạch đấng Đại Hiền Trí, nhiều hành động hướng thượng của chúng con là nhằm mục đích về Ngài. Chúng con là những nữ tỳ của Ngài trong lúc Ngài tầm cầu Phật pháp.” 1079. Vào thuở bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp, bậc Đại Anh Hùng, vị Lãnh Đạo Thế Gian Dīpañkara đã hiện khởi. 1080. Sau khi đã thỉnh mời đức Như Lai, những người ở khu vực vùng biên địa làm sạch sẽ con đường đi đến của Ngài với tâm hoan hỷ. 1081. Vào thời điểm ấy, người ấy đã là vi Bà-la-môn tên Sumedha, và đã sửa soạn con đường của đang Toàn Tri đang đi đến. 1082. Vào thời điểm ấy, tất cả chúng con đã có xuất than là Bà-la-môn. Chúng con đã mang đến cuộc tụ hội những đóa hoa mọc trên đất liền và dưới nước. 1083. Vào lúc ấy, đức Phật Dīpañkara, bậc Đại Hùng có danh tiếng vĩ đại ấy đã chú nguyện cho vị ẩn sĩ có tâm ý hướng thượng. 1084. Trong khi tuyên dương hành động của vị ân sĩ có tâm ý hướng thượng ấy, quả đất [đã] lay chuyển, gào thét, rung động cùng với thiên giới. 1085. Các tiên nữ và loài người, luôn cả chúng con cùng với chư thiên đã dâng lên phẩm vật cúng dường khác nhau rồi đã ước nguyện. 1086. Đức Phật tên Jotidīpa [Dīpañkara] đã chú nguyện cho các vi ấy rằng: “Những điều đã được ước nguyện vào ngày hôm nay sẽ trở thành hiện thực.^, 1087. Ấy là điều đức Phật đã chú nguyện cho chúng con trước đây vô lượng kiếp. Trong khi tùy hỷ lời nói ấy, chúng con đã là những người hành động như thế. 1088. Tại nơi áy, chúng con đã có tâm tịnh tín đôi với việc làm đã được thực hiện tốt đẹp ấy. Chúng con đã sanh vào bản thể trời và người với số lần không thể đếm được. 1089. Chúng con đã trải qua an lạc và khổ đau ở các cõi trời và loài người. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, chúng con đã sanh ra trong gia tộc Sakyā. 1090. Chúng con có sắc đẹp, có của cải, do đó có danh vọng và giới hạnh. Chúng con có sự thành tựu vẹn toàn thân thể, được vô cùng kính trọng ở các gia đình. 1091. Lợi lộc, danh vọng, cung kính, sự hội tụ của các pháp thế gian và tâm bị khổ não là không có, chúng con sống không sợ hãi. 1092. Khi ấy, điều này đã được đức Thế Tôn nói ra ở trong kinh thành của

đức Vua [Suddhodana]. Và đấng Anh Hùng đã chỉ ra việc hỗ trợ trước đây của các vị Sát-đế-ly: 1093-94. "Người nữ nào là hữu ân, người nữ nào cùng chung vui sướng khổ đau, người nữ nào nói lời hữu ích và người nữ nào có lòng thương tưởng, thời hãy thực hành pháp thiện hạnh, chớ thực hành ác hạnh ấy. Người thực hành giáo pháp thọ hưởng an lạc ở đời này và đời sau." 1095. Sau khi từ bỏ gia đình, chúng con đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Chưa đạt đến nửa tháng, chúng con đã chạm đến bốn sự thật. 1096. Nhiều người đem đến cho chúng con y phục, vật thực, thuốc men và chỗ nằm ngồi tợ như các làn sóng của biển cả. 1097. Các phiền não của chúng con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], chúng con sống không còn lậu hoặc. 1098. Quả vậy, chúng con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 1099. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được chúng con đắc chứng; chúng con đã thực hành lời dạy của đức Phật. 1100. Như vậy là có khổ đau đa dạng và thành công nhiều hình thức. Được đạt đến

trạng thái thanh tịnh, chúng con nhận lãnh mọi sự thành tựu. 1101. Những nàng nào bố thí chính bản thân mình vì mục đích phước báu của vị Đại Ẩn Sĩ là có sự thành tựu về bạn hữu, còn vị thế Niết-bàn là không còn tạo tác. 1102. 66Quá khứ, hiện tại và vị lai đã được cạn kiệt, tất cả nghiệp của chúng con đã được cạn kiệt. Bạch đấng Hữu Nhãn. chúng con xin đảnh lễ ở bàn chân [Ngài].,, 1103. "Ta sẽ nói điều gì hơn nữa về các nàng là những người đang tiến đến Niết-bàn? Bởi vì các nàng đã đạt được vị thế bất tử, [là cảnh giới mà] sự tạo tác và điều sai trái đã được tịnh l/ng." Mười tám ngàn vi Tỳ-khưu-ni, đứng đầu là Yasodharã trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về mười tám ngàn vi Tỳ-khưu-ni có Yasodharâ đứng dầu" là phần thứ mười. Phẩm Kundalakesī là phẩm thứ ba.

Tóm lược của phẩm này Vị Ni Kundalā, vị Ni Kisāgotamī, luôn cả vị Ni Dhammadinnā, vị Ni Sakulā, vị Ni Nandā cao quý, vị Ni Sonā, vị Ni Bhaddākāpilānī, vị Ni Yasodharā, mười ngàn Ty-khxru-ni và mười tám ngàn vị Ni, [tong cộng] là bon trăm bảy mươi sáu câu kệ cả thảy.

THÁNH NHÂN KÝ sự 605

IV PHẨM SÁT-ĐẾ-LỴ {KHATTIYĀVAGGO)

31. KÝ Sự VỀ CÁC TỲ-KHƯU-NI ĐỨNG ĐẦU LÀ YASAVATĪ (Yasavaffpamukhabhikkhuñīnam apadãnam) 1104. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, chúng con xin trình rằng, tất cả các hữu của chúng con đã được cạn kiệt, mối liên hệ với sự tái sanh của chúng con đã được mở ra, và các lậu hoặc của chúng con không còn. 1105. Bạch đấng Đại Hiền Trí, bất cứ thiện nghiệp nào trước đây đã được ước nguyện tót đẹp [và] vật dụng đã được bô thí là nhăm mục đích về Ngài. 1106. Bạch đấng Đại Hiền Trí, vật dụng đã được bố thí đến các vị Phật, đến các vị Phật Độc Giác, và đến các vị Phật Thinh Văn là nhằm mục đích về Ngài. 1107. Bạch đấng Đại Hiền Trí, hành động cao cả hoặc tầm thường đến các vị Tỳ-khưu đã được ước nguyện tốt đẹp, hành động khởi đầu này đây cho việc [sanh vào] các gia tộc thượng lưu đã được thực hiện. 1108. Sự thành tựu của nghiệp được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, trong khi vượt trội loài người chúng con đã được sanh vào gia tộc Sát-đế-lỵ. 1109. Trong sự sanh ra và trong việc làm đã được thực hiện, và luôn cả trong sự tái sanh cùng với nhau, chúng con đã được sanh ra chung với nhau trong [kiếp sống] cuối cùng, có xuất thân gia tộc Sát-đế-lỵ. 1110. Bạch đấng Đại Hùng, có sắc dẹp, có của cải, được tôn vinh bằng các lợi lộc và sự kính trọng, chúng con ở trong kinh thành như là ở [vườn hoa] Nandana của chư thiên. 1111. Chúng con đã nhàm chán và đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Trong vài ngày, tất cả chúng con đã đạt được Niết-bàn. 1112. Nhiều người đem đến cho chúng con y phục, vật thực, thuốc men và chỗ nằm ngồi, chúng con luôn luôn được kính trọng tôn vinh. 1113. Các phiền não của chúng con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], chúng con sống không còn lậu hoặc. 1114. Quả vậy, chúng con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 1115. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được chúng con đắc chứng; chúng con đã thực hành lời dạy của đức Phát."

Mười tám ngàn vị Tỳ-khưu-ni công nươrng dòng Sát-đế-lỵ đứng đầu là Yasavatī trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về mười tám ngàn vi Tỳ-khưu-ni đứng đầu là Yasavatī^ là phần thứ nhất

32. KÝ Sự VỀ CÁC VỊ TỲ-KHƯU-NI THIÊU NỮ BÀ-LA-MÔN (Brahmanakañ ñābhikkhuñīnam apadānam) 1116. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, tám mươi bốn ngàn vi Ni xuất thân gia tộc Bà-la-môn, có tay chân mềm mại, là thuộc về Ngài trước đây. 1117. Bạch đang Đại Hiên Trí, nhiêu thiêu nữ đã được sanh ra trong gia tộc thương buôn và nô lệ, là chư thiên, loài rồng và Kim Si điểu, thuộc bốn châu lục, là thuộc về Ngài trước đây. 1118. Có một sô đã được xuất gia, nhiêu vị có sự nhìn thây sự thật. Còn chư thiên, Kim Si điểu, loài rồng sẽ được giác ngộ trong ngày vi lai. 1119. Sau khi thọ hưởng danh vọng, sau khi đạt đến thành công toàn diện, tất cả đã đạt được niềm tịnh tín ở Ngài, sẽ được giác ngộ trong ngày vị lai. 1120. Bạch đấng Đại Hùng, bạch đấng Hữu Nhãn, chúng con là những người con gái của các Bà-la-môn? xuất thân gia tộc Bà-la-môn, chúng con xin đảnh lễ ở bàn chân của Ngài là vị đang xem xét chúng con. 1121. Tất cả các hữu đã được phá hủy, ái dục cội nguồn đã được thủ tiêu, các khuynh hướng ngủ ngầm đã được chặt dứt, các sự tạo tác đem lại phước báu đã được xé tan. 1122. Chúng con có tất cả các hành xứ về định, tương tợ như thế về khả năng thể nhập. Nhờ thiền, chúng con sẽ luôn luôn sống với sự thỏa thích trong giáo pháp. 1123. Lối dẫn đến tái sanh, vô minh, và luôn cả các pháp còn tạo tác đã được quăng bỏ. Bạch đấng Lãnh Đạo, xin Ngài cho phép [chúng con] đi đến vị thế khó nhìn thấy vô cùng.^, 1124. "Các nàng là nguồn hỗ trợ cho Ta, là người đã có sự thực hành dài lâu. Tất cả các nàng hãy cắt đứt sự hoài nghi của bốn [chúng] rồi hãy đi đến Niết-bàn/9 1125. Sau khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Hiền Trí và đã thực hiện sự biến hóa thần thông, một số vị Ni thị hiện ánh sáng, còn một số khác thị hiện bóng tối. 1126. Các vị Ni thị hiện mặt trăng, mặt trời và biển cả có cả loài cá. Các vị thị hiện dãy núi Sineru và giống cây san hô [thuộc cõi trời]. 1127. Với thần thông, các vị Ni làm cho nhìn thấy cung trời Đạo-lợi, Dạ-ma, Đẩu-suất, các vị trời có uy lực lớn lao ở cõi Hóa Lạc Thiên và Tha Hóa Tự Tại. 1128. Một số vị Ni làm cho nhìn thấy con đường kinh hành vô cùng giá

trị của đấng Phạm thiên. Và sau khi biến hóa thành hình dáng của đấng Phạm thiên, các vị Ni thuyết giảng giáo pháp về Không tánh. 1129. Sau khi đã thực hiện sự biến hóa khác nhau và đã phô bày thần thông đến bậc Đạo Sư, tất cả đã trình bày năng lực và đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư. 1130. “Bạch đấng Đại Hiền Trí, chúng con có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, chúng con có năng lực về trí biết tâm của người khác. 1131. Chúng con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tinh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 1132. Bạch đấng Đại Hùng, trí của chúng con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài. 1133. Bạch đấng Đại Hiền Trí, sự gặp gỡ đối với các đấng Lãnh Đạo Thế Gian trước đây đã được chúng con nhìn thấy rõ. Nhiều hành động hướng thượng của chúng con là nhằm mục đích về

Ngài. 1134. Bạch đấng Hiền Trí, xin Ngài nhớ lại nghiệp thiện đã được chúng con thực hiện. Bạch đấng Đại Hùng, phước báu đã được tích lũy bởi chúng con là nhằm mục đích về Ngài." 1135. Trước đây một trăm ngàn kiếp, có bậc Đại Hiền Trí Padumuttara. Thành phô tên Hamsavatī là chô cư ngụ của gia đình đang Toàn Giác. 1136. Sông Gañgā luôn luôn chảy qua cửa khẩu của thành Hamsavatī. Bị khuấy rổi bởi dòng sông, các vị Tỳ-khưu ấy không có được đường đi. 1137. Các vị ấy không có được đường đi đã hai ngày, ba ngày và luôn cả * : r

bảy ngày, sau đó là một tháng, thậm chí bôn tháng đã được tròn đủ. 1138. Khi ấy, bậc ưu tú của loài người đã là viên quan lại tên là Jatila. Sau khi nhìn thay các vị Tỳ-khưu bị ngăn trở, người đã cho xây dựng cây cầu ở sông Gañgā. 1139. Khi ấy, người đã cho xây dựng cây cầu ở sông Gañgā với một trăm ngàn, và đã cho xây dựng ngôi trú xá của hội chúng ở bờ sông bên này. 1140. Những người đàn bà luôn cả đàn ông cùng các gia đình thượng và hạ lưu, họ đã góp phần bằng nhau cho cây cầu và ngôi tru xá của vị ấy. 1141. Với tâm ý vui mừng, chúng con và những người khác ở thành phố và ở các quốc độ là những người thừa tự các việc làm của vi ấy. 1142. Những người đàn bà, đàn ông, thiếu niên và luôn cả nhiều thiếu nữ? họ đã rải cát cho cây cầu và ngôi tru xá. 1143. Sau khi làm việc quét dọn con đường, họ đã thực hiện các lá phướn, các chum đây [nước], các cây cờ, nhang tháp, bột phân, tràng hoa là việc tôn kính đến bậc Đạo Sư.

1144. Sau khi cho thực hiện cây càu và ngôi tru xá, người đã thỉnh mời đấng Hướng Đạo, rồi đã dâng cúng đại thí, và đã ước nguyện quả vị Toàn giác. 1145. Bậc Đại Hiền Trí, đấng Đại Hùng Padumuttara, bậc giúp cho tất cả các chúng sanh vượt qua đã nói lời tùy hỷ đên vị Jatila răng: 1146. "Khi một trăm ngàn kiếp đã trôi qua sẽ là kiếp Bhaddā, [người này] sau khi trải qua kiếp này kiếp khác sẽ đạt đen quả vị Giác ngộ. 1147. Những người đàn ông và đàn bà nào đã thực hiện công việc hỗ trợ bằng tay, trong tương lai dài lâu tất cá sẽ gặp lại nhau." 1148. Do kết quả của nghiệp ấy và do các nguyện lực của tác ý, những người nữ tỳ ấy của Ngài đã được sanh lên cung điện của chư thiên. 1149. Trong khi thọ hưởng sự sung sướng vô lượng thuộc về cõi trời và vô lượng thuộc về nhân loại một thời gian dài, chúng con đã luân hồi cõi này cõi khác. 1150. Trong một trăm ngàn kiêp vê trước, sự thành tựu của nghiệp đã được thể hiện tốt đẹp, chúng con được trẻ đẹp ở giữa loài người rồi ở cung trời cao quý. 1151. Chúng con liên tục thọ lãnh trọn vẹn sự thành tựu của nghiệp đã khéo được thể hiện về sắc đẹp, của cải, danh vọng, luôn cả tiếng tăm và sự kính trọng. 1152. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, chúng con đã được sanh ra trong gia tộc Bà-la-môn, có tay chân mềm mại, ở trong cung của người con trai dòng Sakyā. 1153. “Bạch đấng Đại Hiền Trí, thậm chí trong mọi thời điểm chúng con cũng không nhìn thấy quả đất là không được trang hoàng, chúng con không nhìn thấy đam lầy và mạt đất là bị ô nhiem. 1154. Trong khi sống tại gia, chúng con có được sự tôn trọng trong mọi thời điểm. Do năng lực của nghiệp trước đây, người ta luôn luôn đem lại cho chúng con mọi thứ. 1155. Sau khi từ bỏ gia đình, chúng con đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Chúng con đã được thoát khỏi đạo lộ luân hồi, có tham ái đã được lìa bỏ. 1156. Từ nơi kia từ nơi nọ, người

ta luôn luôn đem lại cho chúng con hàng ngàn y phục, vật thực, thuốc men và chô năm ngôi.,, 1157. Các phiền não của chúng con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], chúng con sống không còn lậu hoặc. 1158. Quả vậy, chúng con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 1159. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được chúng con đắc chứng; chúng con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

THÁNH NHÂN KÝ sự > 609

Tám mươi bốn ngàn vị Tỳ-khưu-ni thiếu nữ Bà-la-môn trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về tám mươi bốn ngàn vị Tỳ-khưu-niw là phần thứ nhì.

33. KÝ Sự VỀ UPPALADÃYIKÃ (Uppaladāyikāpadānam) 1 1160. ở thanh phố Aruṇavatī, có vị Sát-đế-lỵ tên là Aruna. Con đã là người vợ của vị vua ấy. Có một lần con đã khiến [người] đưa con đi [du ngoạn]. 1161. Khi ấy, con đã đi đến nơi thanh vắng và ngồi xuống, con đã suy nghĩ như vầy: “Dầu đã đạt được vị thế xứng dáng, nhưng không điều lành nào đã được ta thực hiện! 1162. Có lẽ ta sẽ đi đến địa ngục là nơi vô cùng nóng bức, khổ sở, có dáng vẻ rùng rợn, vô cùng khiếp đảm; điều này đối vód ta là không có sự hoài nghi [nữa],^, 1163. Sau khi suy nghĩ như thế và sau khi đã làm cho tâm được mừng rỡ? con đã đi đến gặp đức vua và đã nói lời nói này: 1164. "Tâu bệ hạ, chúng thiếp là phụ nữ luôn luôn đi theo sau người nam. Tâu vị Sát-dế xin hãy ban cho thiếp một vị Sa-môn. Thiếp sẽ chăm lo về vật thực.,, 1165. Khi ấy, đức vua đã ban cho con [một] vị Sa-môn có [các] giác quan đã được tu tập. Sau khi nhận lấy bình bát của vi ấy, con đã đặt đầy [bình bát] với vật thực thượng hạng. 1166. Sau khi đã đặt đày [bình bát] với vật thực thượng hạng, con đã đậy lại bằng tấm vải lớn trị giá một ngàn và đã dâng lên với tâm ý hớn hở. 1167. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại con đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 1168. Con đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của một ngàn vị Trời Đe- thh Con đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của một ngàn đấng Chuyển Luân Vương. 1169. Vương quyên của địa phận là bao la, vô lượng vê phương diện tính đếm. Từ đó, quả báo của nghiệp ấy còn có nhiều hình thức đa dạng khác nữa. 1170. Màu da của con chính là màu của hoa sen, con là người nữ đẹp vô cùng, có dáng nhìn xinh xắn, được thành tựu toàn vẹn về cơ thể, được sanh vào nơi quyền quý, có sự lộng lẫy. 1171. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, con đã được sanh ra trong gia tộc Sakyā, đứng đầu một ngàn nữ nhân của người con trai của [đức Vua] Suddhodana. 1172. Nhàm chán cuộc sông tại gia, con đã xuất gia vào đời sông không gia đình. Chưa đến đêm thứ bảy, con đã đạt được bốn sự thật. 1173. Con không thể nào ước lượng được số lượng y phục, vật thực, thuốc men và chỗ nằm ngôi; điều này là quả báo của món vật thực.

Uppaladãyikâ có ý nghĩa là "người nữ dâng cúng hoa sen xanh."

610 KINH TIÊU Bộ

1174. Bạch đấng Hiền Trí, xin Ngài nhớ lại việc làm tốt đẹp trước đây của con. Bạch đấng Đại Hùng, nhiều thứ đã được con buông bỏ là nhằm mục đích về Ngai. 1175. Ke từ khi con đã dâng cúng vật thí trước đây ba mươi mốt kiếp, con không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của món vật thực. 1176. Con nhận biết hai cảnh giới là bản thể chư thiên và nhân loại, con không biêt đên cảnh giới nào khác; điêu này là quả báo của món vật thực. 1177. Con được sanh vào gia tộc thượng lưu, có đại sảnh đường, có tài sản lớn lao, con không biết đến gia tộc nào khác; điều này là quả báo của món vật thực. 1178. Sau khi luân hồi cõi này cõi khác, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch con không nhìn thấy điều không vừa ý; [điều này] là quả báo đã được thực hiện với tâm hoan hỷ. 1179. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác. 1180. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 1181. Bạch đấng Đại Hùng, trí của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài. 1182. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc. 1183. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 1184. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Uppaladāyikā trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như the ấy. “Ky sự về Trưởng lão Ni Uppaladāyikā95 là phần thứ ba.

34. KÝ Sự VÈ SIGÃLAMÃTẢ (Sigâỉamãtãpadãnam)2 1185. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Bạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi. 1186. Khi ấy, con đã được sanh ra tại Hamsavatī, trong gia đình vị quan cận thần được rạng rỡ với châu báu khác loại, sung túc, thịnh vượng, có đại tài sản. 1187. Sau khi cùng với người cha dẫn đầu đám đông người đi đến và lắng nghe giáo pháp của đức Phật, con đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

2 Sigãlamãtã nghĩa là 4<Mẹ của Sigāla,\

1188. Sau khi xuất gia, con đã lánh xa nghiệp ác do thân. Sau khi từ bỏ sở hành xấu xa về lời nói, con đã thanh lọc sự nuôi mạng sống. 1189. Con được tinh tín với đức Phật, có sự tôn sùng giáo pháp và hội chúng. Con được găn bó với việc lăng nghe Chánh pháp và có lòng khao khát về việc nhìn thay đức Phật. 1190. Khi ấy, con đã nghe về vị Tỳ-khiru-ni đứng đầu trong số các vi Ni có khuynh hướng về đức tin. Sau khi ước nguyện vi thế ấy, con đã làm tròn đủ Tam học. Do đó, đấng Thiện Thệ với khuynh hướng thuận theo lòng bi mẫn đã nói với con răng: 1191. "Dức tin của người nào đôi với đức Như Lai là không bị lay chuyên, khéo được thiết lập, và giới của người nào là tốt đẹp, tương xứng với bậc Thánh, được ngợi khen. 1192. Người nào có niềm tịnh tín vào hội chúng, có bản thể chính trực và có sự nhận thức, người ta nói về vi ây là 'kẻ không nghèo\ đời sống của vị ấy là không vô ích. 1193. Vì thê, người sáng suốt, trong

khi ghi nhớ lời dạy của chư Phật, hãy gắn bó vào đức tin, vào giới, vào niềm tinh tín và vào việc nhận thức giáo pháp." 1194. Sau khi lăng nghe điêu ây, được hoan hỷ con đã hỏi vê điêu phát nguyện của con. Khi ấy, đang Hướng Đạo tối cao, vô lượng, đã chú nguyện rang: 1195. uNày người thiện nữ, được tịnh tín vào đức Phật, nàng sẽ đạt được điều đã ước nguyện ấy. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka, sẽ xuất hiện ở thế gian. 1196. Nàng sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo Su, là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ấy, là chánh thông, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là 'Mẹ của Sigālaka"9. 1197. Nghe được điêu ây, con đã trở nên hoan hỷ. Khi ây9 với tâm từ ái con đã phụng sự đang Chiến Thang, bậc Lãnh Đạo với các sự hành đạo cho đen hết cuộc đời. 1198. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại con đã đi đên cõi trời Đạo-lợi. 1199. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, con đã được sanh ra ở kinh thành Giribbaja, trong gia đình triệu phú, thịnh vượng, có sự tích lũy các châu báu lớn lao. 1200. Người con trai của con tên Sigâlaka là thích thú vào con đường sái quấy. Trong khi lao theo việc nắm giữ tà kiến, nó có sự nhiệt thành với việc cúng dường các phương hướng.3 1201. Trong khi đi vào thành phố để khất thực, đức Phật, bậc có sự giáo huấn, sau khi nhìn thấy nó đang lễ bái các phương hướng khác nhau, đấng Hướng Đạo đã thiết lập Sigâlaka vào đạo lộ.

3 Xem 0.31, Kinh Thi-ca-la-việt (Sigālasuttarri).

1202. Trong khi Ngài đang thuyêt giảng giáo pháp, âm điệu của Ngài đáng kinh ngạc. Đã có sự lãnh hội giáo pháp của hai koti người nam và người nữ.4 1203. Khi ấy, con đã đi đến đám đông và đã lắng nghe lơi thuyết giảng của đức Thiện Thệ. Con đã đạt đến quả vị Nhập lưu và đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 1204. Có lòng khao khát về việc nhìn thấy đức Phật, sau khi tu tập pháp tùy niệm ấy trong thời gian không bao lâu, con đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 1205. Con luôn thường xuyên đi đến nhằm mục đích chiêm ngưỡng đức Phật. Con nhìn không biết chán diện mạo có sự hoan hỷ ở đôi mắt. 1206. Con sống, không biết chán với sắc thân cao quý, được hiện hữu với tất cả các pháp toàn hảo, được phân bố với mọi sự tốt lành, là nơi chứa đựng các điều may mắn. 1207. Hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng đã thiết lập con vào vi thế tối thắng: uMẹ của Sigâlaka là vị có khuynh hướng về đức tin hạng nhất." 1208. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác. 1209. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tinh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 1210. Bạch đấng Đại Hùng, trí của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài. 1211. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc. 1212. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 1213. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Sigālamātā trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ni Sigālamātā55 là phần thứ tư.

35. KÝ Sự VỀ SUKKĀ (Sukkāpadānam) 1214. Trước đây chín mươi mốt kiếp, đã hiện khởi đấng Lãnh Đạo tên Vipassī, là vị Có Ánh Mắt Thu Hút, là vị Thấy Rõ Tất Cả Các Pháp. 1215. Khi ấy, con đã được sanh ra trong một gia đình nọ tại thành Bandhumatī. Sau khi lăng nghe giáo pháp của bậc Hiên Trí, con đã xuất gia vào đời sông không gia đình.

4 Hai koti là 20 triệu.

1216. Là người nghe nhiêu [học rộng], thông thạo giáo pháp, tài biện giải cũng như thế, là vị thuyết giảng hay, và cũng là người thực hành theo lời dạy của đấng Chiến Thắng. 1217. Khi ấy, con đã thực hiện việc thuyết pháp có nhiều lợi ích cho dân chúng. Từ nơi ấy chết đi, con đã đạt đến cõi trời Đẩu-suất, có được danh tiếng. 1218. Trước đây ba mươi mốt kiếp, trong số các vi đang thuyết giảng đã hiện khởi ở thế gian, bậc Chiến Thắng Sikhī cao quý, chói sáng với danh tiếng như là ngọn lửa. 1219. Khi ấy, con cũng đã xuất gia. Là vị rành rẽ về lời dạy của đức Phật, con đã làm rạng rỡ những lời giảng của đấng Chiến Thắng, sau đó cũng đã đi đến cõi Đạo-lợi. 1220. Trước đây ba mươi môt kiêp, đang Lãnh Đạo tên Vessabhū có đại trí tuệ đã hiện khởi. Và cũng vào lúc ấy, con đã được sanh ra tương tợ y như thế. 1221. Sau khi xuất gia, thông thạo giáo pháp, con đã làm rạng rỡ lời dạy của đấng Chiến Thắng. Sau khi đi đến thành phố chư thiên xinh đẹp, con đã thọ hưởng lạc thú lớn lao. 1222. Trong kiếp Bhaddā này, đấng Chiến Thắng Tối Thượng Kakusandha, bậc Nhân Báo đã hiện khởi. Và cũng vào lúc ấy, con đã được sanh ra tương tợ y như thế. 1223. Sau khi xuất gia, con đã làm rạng rỡ quan điểm của bậc Hiền Trí cho đến hết tuổi thọ. Từ nơi ấy chết đi, con đã đi đến cõi trời Đạo-lợi tợ như đi đến chỗ ngụ của mình. 1224. Chính ở trong kiếp này, đã hiện khởi đấng Lãnh Đạo Konāgamana, bậc Nương Nhờ Của Thế Gian, là đấng Tối Thượng Của Tất Cả Chúng Sanh. 1225. Cũng vào khi ây, sau khi xuất gia trong giáo pháp của bậc như thê ây, là người nghe nhiều [học rộng], thông thạo giáo pháp, con đã làm rạng rỡ lời dạy của đang Chiến Thắng. 1226. Chính ở trong kiếp này, đã hiện khởi đấng Tối Thượng Nhân Kassapa, là con mắt của thế gian, không dục vọng, bậc đã đi đến tận cùng của sự chết. 1227. Con cũng đã xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng của loài người ấy, có Chánh pháp đã được học tập, là tự tin trong việc chất vấn. 1228. Có giới tốt đẹp, có sự khiêm tốn và rành rẽ về Tam học (giới, đinh, tuệ). Con đã nhiều lần thực hiện việc thuyết pháp đem lại điều lợi ích cho đến hết cuộc đời. 1229. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý5 sau khi từ bỏ thân nhân loại con đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 1230. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, con đã được sanh ra tại kinh thành Giribbaja, trong gia đình triệu phú, thịnh vượng, có sự tích lũy châu báu lớn lao.

r 1231. Vào lúc ấy, được tháp tùng bởi một ngàn vị Tỳ-khưu? đấng Lãnh Đạo __ . . e e r ___ •

Thê Gian đã đi vào thành Rājagaha, và đã được ca ngợi bởi vị có ngàn mat (Trời Sakkā): 1232. "Là bậc đã chế ngự cùng với các vị đã được chế ngự, là bậc đã giải thoát cùng với các vi đã được giải thoát trước đây là các đạo sĩ tóc bện, đức Thế Tôn có màu da tợ như vàng đã đi vào thành Rājagaha?95 1233. Sau khi nhìn thấy oai lực ấy của đức Phật và sau khi lắng nghe sự tích lũy về đức hạnh, con đã làm cho tâm được tịnh tín ở đức Phật và đã cúng dường Ngài tùy theo năng lực. 1234. Và vào thời điểm khác, trong sự hiện diện của vị Ni Dhammadinnã, con đã rời khỏi gia đình và đã xuất gia vào đời sông không gia đình. 1235. Trong khi các sợi tóc đang được cạo, con đã tham thiền về các phiền não. Sau khi xuất gia không bao lâu, con đã học xong toàn bộ giáo pháp. 1236-37. Sau đó, con đã thuyết giảng giáo pháp ở hội chúng đông người. Trong khi giáo pháp đang được thuyết giảng, đã có sự lãnh hội giáo pháp của nhiều ngàn người. Sau khi biết được điều đó, có vị dạ-xoa đã vô cùng ngạc nhiên. Vô cùng tịnh tín đối với con, vị dạ-xoa đã đi quanh thành Giribbaja [thông báo rằng]: 1238. “Trời ơi! Những người dân ở Rājagaha đã làm gì như là đã uống [say] mật ong mà không đi đến vị Ni Sukkā đang thuyết giảng về vị thế bất tử? 1239. Và việc ấy là không nên cưỡng lại, việc ấy là có hương vi ngọt ngào. Những người có trí tuệ nghĩ đên 'việc uông9 [giáo pháp áy] tợ như người lữ hành nghĩ đen đám mây [che nang].^, 1240. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực vê trí biêt tâm của người khác. 1241. Con biết được đời sống trước dây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 1242. Bạch đấng Đại Hùng, trí của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như the ve phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài. 1243. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc. 1244. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 1245. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

5 Việc này được đề cập ở Luật Đại phầm, Chương 1.

THÁNH NHÂN KÝ sự 615

Tỳ-khưu-ni Sukkā trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Ni Sukkā” là phần thứ năm. Dứt tụng phẩm thứ năm.

36. KÝ Sự VÈ RŪPANANDĀ (Rũpanandãpadữnam) 1246. Trước đây chín mươi mốt kiếp, đã hiện khởi đấng Lãnh Đạo tên Vipassī, là vị Có Ánh Mắt Thu Hút, là bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp. 1247. Khi ấy, con đã được sanh ra ở Bandhumatī, trong gia tộc lớn, sung túc, thịnh vượng, có sắc dẹp, được yêu quý và xứng đáng sự tôn vinh của dân chúng. 1248. Con đã đi đến đấng Đại Hùnẹ, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī. Sau khi lắng nghe giáo pháp, con đã đi đen nương nhờ vào bậc Lãnh Đạo Của Nhân Loại. 1249. Con đã thu thúc trong các giới. Và khi đấng Tối Thượng Nhân Niết- bàn, con đã cúng

dường chiếc lọng che bang vàng ở bên trên ngôi bảo tháp Xá-lợi. 1250. Là người nữ có sự xả bỏ đã được mở ra, có giới hạnh cho đến hết cuộc đời, con đã mệnh chung từ nơi ấy. Sau khi từ bỏ thân nhân loại, con đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 1251-52. Khi ấy, con đã hưởng thụ mười điều thừa thải là: Các sắc, các thinh, các hương, các vị, các xúc, cùng với tuổi thọ, sắc đẹp, sung sướng, danh vọng và quyền uy là tương tợ y như thế. Con đã vượt trội, con đã huy hoàng. 1253. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, con đã được sanh ra ở thành Kapila, là con gái của Khemaka dòng Sakyā, được nổi danh với tên là Nandā. 1254. Sắc đẹp tuyệt trần là tên hiệu công nhận về vẻ yêu kiều của con. Khi đạt đến tuổi thanh xuân, con đã được điểm tô với sắc đẹp mặn mà. 1255. Khi ấy, sự tranh chấp giữa các vị dòng Sakyā về việc của con đã trở nên vô cùng trầm trọng. Do đó, cha đã khiến [con] xuất gia: "Chớ để dòng Sakyā bị hủy hoại.^, 1256. Sau khi xuất gia, nghe rằng đức Như Lai, bậc Tối Thượng Nhân là người có sự chỉ trích về sắc thân, tự hào về sắc đẹp của mình con đã không đến [gặp Ngài]. 1257. E ngại về việc diện kiến đức Phật, con cũng không đi về việc giáo giới. Khi ấy, bang phương kế, đấng Chiến Thắng đã đưa [con] đến gặp Ngài. 1258. Nhờ vào thần thông, bậc Rành Rẽ về Đạo Lộ đã thị hiện ra ba người phụ nữ có sác đẹp tương tợ tiên nữ, còn trẻ tuôi, bi già và bị chét. 1259. Sau khi nhìn thấy ba người nữ ấy, bị vô cùng chấn động, không còn tham ái ở xác thân, con đã ổn đinh, đã nhàm chán hiện hữu. Khi ấy, bậc Lãnh Đạo đã nói với con rang:

1260. "Ny Nandā, hãy xem xét thân thể bệnh hoạn, bất tịnh, hôi thối đang tiết ra, đang rò rỉ lại được hứng thú đối với những kẻ ngu. 1261. Nàng hãy tu tập tâm được chuyên nhất, khéo tập trung về đề mục bất mỹ [tử thi], thân này như thế nào thì xác kia như vậy. 1262. Trong khi quán xét xác thân này như thế, đêm ngày không mệt mỏi, sau đó với tuệ của chính mình nàng hãy nhàm chán rồi an tru.,^ 1263. Trong khi con đây đang sống không xao lãng ở nơi đây một cách đúng đắn, thân xác này đã được nhìn thấy bên trong lẫn bên ngoài đúng theo thực thể. 1264. Khi ấy, con đã nhàm chán về thân và con đã ly tham nội phần. Con không xao lãng, không vướng bận, an tinh, Niêt-bàn. 1265. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác. 1266. Con biết được đời sống trước dây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 1267. Bạch đấng Đại Hùng, trí của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài. 1268. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc. 1269. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 1270. Bôn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thăng trí đã được con đác chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Rũpanandâ trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6ẾKý sự về Trưởng lão Ni Rūpanandā" là phần thứ sáu.

37. KÝ Sự VÈ ADDHAKĀSĪ (Addhakāsī-apadānam) 1271. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vi đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên là Kassapa, có danh tiếng vĩ

đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên. 1272. Khi ấy, sau khi xuất gia trong giáo pháp của vi Phật ấy, con đã thu thúc trong Giới bổn (Patimokkho) và ở năm giác quan. 1273-74. Là người có sự tri túc trong vật thực và còn được gắn bó trong việc tỉnh thức nữa, trong khi sống con có thiền tập được gắn bó. Với tâm ác xấu, con đã mắng nhiếc vị Tỳ-khưu-ni có lậu hoặc đã được xa lìa. Và khi ấy, con đã nói rằng: "Đồ kỹ nữ". Do ác nghiệp ấy, con đã bi nung nấu ở địa ngục.

THÁNH NHÂN KÝ sự 617

1275. Do phân dư sót của chính nghiệp áy, con đã bị sanh ra trong gia đình kỹ nữ, đa phần bi phụ thuộc vào người khác cho đến cuộc sống cuối cùng. 1276. Do quả báo của việc thực hành Phạm hạnh, con đã được sanh ra ở xứ Kāsi trong gia đình triệu phú. Con đã có sự thành tựu về sắc đẹp như là cô tiên nữ ở giữa chư thiên. 1277. Sau khi nhìn thấy con là [xinh xắn] đáng nhìn, họ đã sắp xếp con vào thân phận gái điếm ở trong kinh thành Giribbaja vì quả báo về sự mắng nhiếc của con. 1278. Con đây sau khi lắng nghe lời thuyết giảng Chánh pháp của đức Phật tối thượng, con đã xuất gia vào đời sống không gia đình; con đã đạt được cuộc sống trước đây. 1279. Sau đó, trong khi đi đến gặp đấng Chiến Thắng vì mục đích tu lên bậc trên, con đã nghe rằng các kẻ vô lại đứng chặn ở trên đường, và con đã đạt được sự tu lên bậc trên bằng sứ giả.6 1280. Tất cả các nghiệp đã được cạn kiệt, và tương tợ như thế về phước thiện và điều ác xấu. Con đã vượt qua tất cả các sự luân hồi, và thân phận gái điếm đã được quăng bỏ. 1281. Bạch đang Đại Hiên Trí, con đã có năng lực vê các loại thân thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác. 1282. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 1283. Bạch đấng Đại Hùng, trí của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài. 1284. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc. 1285. Quả vậy? con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiên của đức Phật tôi thượng. 1286. Bôn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thăng trí đã được con đăc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Addhakāsī trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ni Addhakāsf9 là phần thứ bảy.

38. KÝ Sự VÈ PUNNĀ (Punnāpadānam) 1287. [Trong giáo pháp] của đức Thế Tôn Vipassī, Sikhī, Vessabhū, Kakusandha, và như thế ấy [trong giáo pháp] của bậc Hiền Trí Konāgamana.

6 Việc này được đề cập ở Luật Tiểu phẩm, Chương 10.

618 KINH TIỂU Bộ

1288. Và trong giáo pháp của đức Phật Kassapa, sau khi xuất gia, con đã là vị Tỳ-khưu-ni thành tựu vê giới, cân trọng, có các giác quan được thu thúc. 1289. Là người nghe nhiều [học rộng], thông thạo giáo pháp, là người vấn hỏi các ý nghĩa của giáo pháp, là người học tập và lắng nghe các pháp, là người phục vụ [bậc Đạo Sư]. 1290.

Trong khi thuyết giảng ở giữa dân chúng, con đã ở trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Với sự học rộng ây, hạnh tót, con đã tự cao. 1291. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, con đã được sanh ra tại kinh thành Sāvatthi trong nhà của Anāthapindika, [con] của người nữ tỳ lo việc đội nước. 1292. Đi đội nước, con đã nhìn thấy vị Bà-la-môn Sotthiya bi khổ sở vì lạnh ở trong nước. Sau khi nhìn thấy vi ấy, con đã nói điều này: 1293. "Là người nữ đội nước, tôi ở trong sự lạnh lẽo, tôi đã thường xuyên lội xuống nước. Tôi sợ hãi vì nỗi lo về hình phạt của những người chủ, bi khổ sở vì nỗi lo về sự sai trái của lời nói. 1294. Này người Bà-la-môn, ngài sợ hãi điêu gì khiên ngài đã thường xuyên lội xuống nước? Với các bộ phận của cơ thể đang run rẩy, ngài tự biết sự lạnh la kinh lẩiửng.” 1295. "Này cô Punnikā, quả nhiên trong khi cô biết lại còn chất vấn ta là người đang thực hiện việc tốt và đang cản ngăn điều ác đã làm. 1296. Này cô, người nào dầu già hoặc còn trẻ thực hiện nghiệp ảc9 do việc tắm gội bằng nước [người ấy] được thoát khỏi nghiệp ác." 1297. Con đã nói cho người đang lội ra [khỏi nước] về đạo lộ hội đủ pháp và ý nghĩa. Và sau khi biết được điều ấy, bi chấn động, người ấy đã xuất gia và đã trở thành vi A-la-hán. 1298. Do việc con đã được sanh ra ở gia đình nô bộc làm tròn đủ một trăm [người] không thiếu hụt, vì việc đó tên của con là Punnā. Những người [chủ] ấy đã cho con trở thành người tự do. 1299. Nhờ vào điều ấy, con đã làm cho người triệu phú được hoan hỷ và con đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Trong thời gian không bao lâu, con đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 1300. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác. 1301. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 1302. Trí tuệ của con vê ý nghĩa, vê pháp, vê ngôn từ, và tương tợ y như thê về phép biện giải là trong sạch, không bợn nhơ, nhờ vào sự tác động của đức Phạt tồ thượng. J 1303. Do việc tu tập, con trở thành vị Ni có đại trí tuệ; và do việc nghe, con

trở thành vị Ni thông thái. Việc bị sanh ra trong gia tộc hạ tiện do ngã mạn chính là vì nghiệp không bị tiêu hoại. 1304. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc. 1305. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 1306. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Punnā trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Ni Puññaṃ là phần thứ tám.

39. KÝ Sự VÈ AMBAPĀLĪ (Ambapālī-apadānam) 1307. Vị có vòng hoa đội đầu được phát ra hào quang là bậc Đại Hiền Trí tên Phussa. Con đã là người em gái của vị ấy. Con đã được sanh ra trong gia tộc Sát-đế-lỵ. 1308. Sau khi lắng nghe giáo pháp của vị ấy, với tâm tư trong sạch, con đã dâng cúng đại thí và đã ước nguyện sự thành tựu về sắc đẹp. 1309. Trước đây ba mươi mốt kiếp, đã hiện khởi bậc Quang Đăng Của Thế Gian, đấng Chiến Thắng, vị Lãnh Đạo Thế Gian Sikhī, bậc Nương Nhờ Của Tam Giới. 1310. Khi ấy,

con xuất thân gia tộc Bà-la-môn ở trong thành Aruna xinh đẹp. Bị sân hận, con đã cho người nguyên rủa vi Tỳ-khưu-ni có tâm giải thoát răng: 1311-12. "Co chính là gái điếm, không có hạnh kiểm, là kẻ làm bại hoại giáo pháp của đấng Chiến Thắng.” Con đã cho người mắng nhiếc như thế. Do hành động xấu xa ấy, con đã đi đến địa ngục khắc nghiệt, bị thọ lãnh khổ đau cùng cực. Từ nơi ấy chết di, con đã được sanh ra giữa loài người, là nữ đạo sĩ kho hạnh. 1313. Con đã bi buộc làm thân phận gái điếm mười ngàn kiếp sống. Do việc ác ấy con đã không được giải thoát, như là đã thọ dụng chất độc xấu xa vậy. 1314. Con đã rèn luyện Phạm hạnh trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng Kassapa. Do kết quả của nghiệp ấy, con đã được sanh ra ở cõi trời Đạo-lợi. 1315. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, con đã là người được hóa sanh. Con đã được sanh ra ở giữa cành cây xoài, vì thế con là "Ambapair9. 1316. Được tùy tùng với nhiều koti sanh mạng, con đã xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Con đã đạt đến vị thế bất động, được tồn tại, là chánh thống cua đức Phật.

1317. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và sự thanh tịnh về nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác. 1318. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 1319. Trí tuệ của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là trong sạch, không bợn nhơ, nhờ vào sự tác động của đức Phạt toi thượng. 1320. Các phiên não của con đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc. 1321. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 1322. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Ambapālī trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Ni Ambapāli là phần thử chín.

40. KÝ Sự VÈ PESALĀ (Pesalãpadãnam) 1323. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên là Kassapa, có danh tiếng vĩ dại, là thân quyến của đấng Phạm thiên. 1324. Con đã được sanh ra trong gia đình cư sĩ tại kinh thành Sāvatthi. Sau khi nhìn thấy đấng Chiến Thắng Cao Quý ấy, con đã lắng nghe lời thuyết giảng. 1325. Sau khi đi đên nương tựa vào vị Anh Hùng ây, con đã thọ trì các giới. Có lần nọ, bậc Đại Hùng ấy ở tại cuộc tụ hội của đám đông dân chúng. 1326. Đấng Nhân Ngưu đã công bố quả vi Chánh đẳng giác của mình: “về các pháp trước đây chưa từng được nghe, về khổ, v.v... 1327. [Pháp] nhãn, trí, tuệ, minh và ánh sáng đã có cho Ta." Sau khi lắng nghe điều ấy, con đã học và đã vấn hỏi các vi Tỳ-khưu. 1328. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại con đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 1329. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, được sanh ra trong đại gia đình triệu phú con đã đi đến đức Phật và đã lắng nghe Chánh pháp bao gồm các sự thật. 1330. Sau khi xuất gia chẳng bao lâu, trong khi suy xét về ý nghĩa của các sự thật, con đã quăng bỏ tất cả các lậu hoặc và đã thành tựu

phàm vị A-la-hán. 1331. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

THÁNH NHÂN KÝ sự 621

1332. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 1333. Trí tuệ của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là trong sạch, không bợn nhơ, nhờ vào sự tác động của đức Phạt toi thượng. ex e r r 1334. Các phiên não của con đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc. 1335. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 1336. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Pesalā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Ni Pesalā^ là phần thứ mười. Phẩm Sát-đế-lỵ là phẩm thứ tư.

Tóm lược của phẩm này Các vi Ni dòng Sát-đế-lỵ, luôn cả các vi Ni dòng Bà-la-môn5 tương tợ như thế là vị Ni uppaladāyikā, vị Ni Sigālamātā, vị Ni Sukkā, vi Ni vô cùng xinh đẹp [Rūpanandā], vị Ni Addhakāsikā, vị Ni Punnā, vị Ni Ambapālī và vị Ni Pesalā ấy là mười. ở dây, có hai trăm câu kệ ngôn và thêm vào bốn mươi hai câu nữa.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm [Bôn phàm] Sumedha, Ekūposathā, Kundalakesī, Khattiyā được gộp chung lại có một ngàn ba trăm bôn mươi bảy kệ ngôn. Cùng với các câu kệ của phân tóm lược đã được tính đếm bởi các bậc trí là một ngàn ba trăm năm mươi bảy câu kệ cả thảy. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NI ĐƯỢC ĐÀY ĐỦ. TẬP APADẢNA ĐƯỢC ĐẦY ĐỦ.

PHẬT SỬ (BUDDHAVAMSA)

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ

Chú giải của tập Buddhavamsa (Phật sử) có tên là Madhuratthavilāsim được thực hiện do công của Ngài Buddhadatta vào khoảng cuối the kỷ v Tây lịch. về nội dung, tập Buddhavamsa trình bày quá trình tu tập và chứng đạt quả vị Toàn giác của đức Phật Gotama (Cồ-đàm), tức là đức Phật Thích-ca đang e ' r y . được chúng ta thờ phượng hiện nay. Duyên khởi của tập này bát đâu với việc đấng Phạm thiên thỉnh cầu đức Phật Gotama thuyết pháp, qua đó giới thiệu sơ lược về quá trình tế độ chúng sanh của Ngài từ lúc chuyển vận pháp luân cho đến lúc quay trở về thành Kapilavatthu để tế độ đức Vua cha Suddhodana (Tinh Phạn). Lúc ấy, ở bờ sông Rohinī Ngài đã sử dụng thần thông làm hiện ra con đường kinh hành được trang hoàng bằng châu báu ở trên không trung. Cũng vào lúc đó5 Ngài Sāriputta đang đứng ở Gijjhakūta (núi Linh Thứu) tại thành Rājagaha (Vương Xá), tuy khoảng cách xa đến hàng trăm cây số nhưng Ngài Sāriputta vẫn có thể chiêm ngưỡng được đức Phật. Ke đó, Ngài Sāriputta cùng năm trăm vị A-la-hán trong đó có các Ngài Moggallãna, Mahãkassapa, Anuruddha, upāli, Punna đã dùng thần thông bay đến bên đức Phật để hỏi đức Phật vê công hạnh nào đã được thực hiện trong quá khứ khiên Ngài có được oai lực cao quý như thê. Băng trí tuệ hướng vê

các kiếp sông trước đây, đức Phật đã giảng giải về lịch sử của chư Phật nhằm mục đích đem lại điều lợi ích cho chư thiên và nhân loại. Trong tập này, tên của 28 vị Phật Toàn Giác thuộc thời quá khứ đã được đề cập đến nhưng chỉ trình bày sử liệu của 25 vị từ đức Phật Dīpañkara, là vị đầu tiên đã ban lời chú nguyện cho đức Bồ-tát Sumedha, cho đến đức Phật Gotama tức là Phật Thích-ca thời hiện tại gồm các chi tiết như sau: Thời điểm của vị Phật tính theo kiếp (kappo), tên của vi Phật, sô lân của sự lãnh hội (abhisamayo), sô lần của các cuộc hội tụ (samāgamo), tên của thành phố, cha và mẹ, thời gian sống tại gia, tên của ba tòa lâu đài, số lượng người nữ hầu hạ, tên vợ, tên con trai, bôn điêu báo hiệu, phương tiện di chuyên lúc ra đi, thời gian hành khô hạnh, Phạm thiên thỉnh cầu, địa điểm chuyển vận pháp luân, tên hai vi Tỳ-khưu Thinh văn hàng dầu, tên vị thị giả, tên hai vị Tỳ-khưu~ni Thinh văn hàng đầu, tên cội Bồ-đề, tên hai vị nam thí chủ hộ độ hàng đầu, tên hai vị nữ thí chủ hộ độ hàng đâu, chiêu cao của đức Phật, hào quang, tuôi thọ của Ngài, việc tịch diệt Niêt- bàn, bảo tháp và Xá-lợi. về phần bản thân đức Bồ-tát trong thời vị Phật ấy, có các sử liệu vê nguồn góc xuât thân, danh tánh, phàm hạnh, hành động thù thăng

đã được thực hiện và lời chú nguyện của vi Phật đương thời. Qua tập này, có một số điểm đáng được lưu ý như sau: Các vị Phật đều hiện khởi ở Jambudīpa (Ấn Độ). Đức Phật Gotama (Thích-ca) của chúng ta có nhiều điểm thua sút so với các vị Phật khác: Tuổi thọ ngắn nhất (80 năm), dài nhất là 100.000 năm của các vi Dīpañkara, Kondañfla, Anomadassī, Paduma, Padumuttara, Atthadassī, Dhammadassī, Siddhattha, Tissa. Thời gian hành khổ hạnh dài nhất (6 năm), ngắn nhất là 7 ngày của các vi Sobhita, Nãrada, Padumuttara, Dhammadassī, Kassapa. Chiêu cao, tuổi thọ, thời gian sông tại gia, hào quang phát ra đều thua sút tất cả các vị Phật khác, về sự ra đi vĩ đại, trong số 25 vị Phật đã được trình bày chi tiết, có sáu vị sử dụng phương tiện voi, sáu vị khác sử dụng phương tiện cỗ xe, năm vị có cả đức Phật Gotama sử dụng phương tiện ngựa, bốn vị sử dụng phương tiện là tòa lâu đài, ba vị sử dụng phương tiện kiệu khiêng, và một vị đi bộ. Ve xuất thân, chỉ có ba vi Phật xuất thân dòng Bà-la-môn là Kakusandha, Konâgamana, Kassapa, các vị còn lại đều xuất thân dòng Sát-đế-lỵ. Các yếu tố khác như là cội cây Bồ-đề, hành động thù thắng, số lần của các cuộc hội tụ, v.v... đều có sự khác biệt. Đặc biệt, chương cuối cùng về việc phân chia Xá-lợi của đức Phật Thích-ca, chắc chắn là đã được thêm vào sau này, đặc biệt có nội dung phong phú hơn nếu so sánh với bài kinh Mahāparinibbānasutta (Kinh Đại Bát-niết-bàrỉ) ở Trường bộ. Xét về hình thức, Buddhavamsa được thực hiện dựa theo lối trường thi (tương tợ như thê Mahãkãvya của ngôn ngữ Sanskrit) gôm nhiêu câu kệ (gāthā) hợp thành. Mỗi câu kệ được ghi thành 2 dòng và được chia làm 4 pâda\ thông thường mỗi câu kệ như vậy là một câu văn hoàn chỉnh về phương diện văn phạm. về khía cạnh dịch thuật, cũng có một số điểm cần được nêu lên như sau: Vê các thì của động từ, trong nguyên tác có nhiêu hành động ở vào thời quá khứ nhưng lại được trình bày ở thì hiện tại và một vài hành động ở vào thời vị lai lại được trình bày ở thì quá khứ. Chúng tôi ghi lại các thì theo sát văn bản nghĩ rằng những điểm này dễ dàng nhận diện qua ngữ cảnh và không làm xáo trộn ý nghĩa. Bản tiếng Việt chúng tôi đã được phiên dịch trực tiếp từ nguyên bản PâỊi,

một số từ dịch đã được dựa theo lời giải thích bản Chú giải PăỊi là Madhuratthavỉlãsim. Tuy có tham khảo bản dịch tiếng Anh của cô L B. Homer và bản dịch tiếng Sinhala ở Tam tạng song ngữ của nước Sri Lanka nhưng lời dịch Việt này được ghi lại theo sự xét đoán của chúng tôi và không thể hiện quan điểm của bản dịch nói trên. Chúng tôi ghi lại lời dịch Việt theo tinh thần "hiểu văn bản như thế nào thì cố gắng ghi lại đúng như thế ấy." Đối với các bản văn c6, chúng tôi không có tham vọng vươn đến các tiêu chuẩn phiên dịch cao hơn. Các sự sai sót trong phiên dịch đương nhiên không thể tránh khỏi, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về trình độ yếu kém.

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU 627

Cuối cùng, ngưỡng mong phước báu phát sanh trong công việc soạn thảo và ấn tống tập Phật sử này được thành tựu đến tất cả chúng sanh. Nguyện cho hết thảy đều được an vui, sức khỏe, có trí tuệ và tinh tấn tu tập ngõ hầu thành đạt cứu cánh giải thoát, chấm dứt khổ đau.

Kính bút,

Đêm ram thảng Bảy

Ngày 08 thảng 8 năm 2006

Tỳ-khưu Indacanda (Trương Đình Dũng)

CHƯƠNG CON ĐƯỜNG KINH HÀNH BẰNG CHÂU BÁU (^TANACAÑKAMANAKANDO)

L Khi ấy, vị Phạm thiên Sahampati chúa tể của thế gian đã chắp tay thỉnh cầu đức Phật rằng: "d dây, có những chúng sanh có bản chất ít bị ô nhiễm,12xin Ngài hãy vì lòng bi mẫn thuyết giảng giáo pháp đến hạng chúng sanh này. 2. N^ài là vị đã thành tựu toàn vẹn trí tuệ và đức hạnh (Minh Hạnh Túc) như thế ẫy? là đấng Quang Minh có thân mạng cuối cùng, là đức Như Lai không người sánh kịp; lòng bi mẫn đối với tất cả chúng sanh đã sanh khởi đến Ngài?5 3. [Đức Phật đã quán rằng:] "Bởi vì chư thiên và đam người này không biết được đức Phật, đấng Tối Thượng Nhân này là như thế nào, [không biết được] năng lực thần thông và năng lực trí tuệ là như thế nào, [không biết được] Phật lực của đấng Te Đọ Chúng Sanh là như thế nào. 4. Bởi vì chư thiên và đám người này không biết được đức Phật, đấng Tối Thượng Nhân này là như thế này, [không biết được] năng lực thần thông và năng lực trí tuệ là như thế này, [không biết được] Phật lực của đấng Te Độ Chúng Sanh là như thế này. 5. Như vậy, Ta sẽ thi hiện Phật lực tôi thượng. Ta sẽ làm hiện ra con đường kinh hành được trang hoàng bằng châu báu ở trên không trung."2 6 Chư thiên thuộc địa cầu, thuộc cõi Tứ Đại Thiên Vương, thuộc cõi Đạo- lợi, thuộc cõi Dạ-ma, thuộc cõi Bẩu-suất, thuộc cõi Hóa Lạc Thiên, thuộc cõi Tha Hóa Tự Tại, luôn cả đoàn tùy tùng của đang Brahma nữa cũng hoan hỷ và đã tạo nên tiếng hò reo vang dội. 7. Khi ấy, sau khi chứng kiến điều kỳ diệu phi thường, quả địa cầu cùng với các cõi trời đã được chiếu sáng, các khoảng không gian bao la ở giữa các cõi thế giới không còn bị bao trùm, và bóng toi đen dày đặc đã bị tiêu tan. 1 Apparcỳakkha (appa-rcỳa-akkhà): ít bị ô nhiễm, dịch sát từ sẽ là 44mắt có ít bụi,,. 2 Thời điểm đức Phật thuyết giảng Buddhqvamsa (Phật sử): Vào mùa an cư mưa thứ nhất, đức Phật ngự ở Vườn Nai, Isipitana (tại Barāriasī) và tế độ 5 VỊ

Aññakondaññña (Kiều Trần Như). Sau khi mùa mưa chấm dứt, đức Phật đã đi đến Ưruvelã và trong 3 tháng ở tại nơi ấy đã tế độ nhóm 1000 đạo sĩ tóc bện của 3 anh em Kassapa. Sau đó, Ngài đã ngự đen thanhjlājagaha (Vương Xa) và trú ở đây 2 tháng. Như vậy, 5 tháng đã trôi qua và mùa lạnh đã hoàn toàn chấm dút. Lúc ấy, sư gia cùa đức Vua Suddhodana (Tịnh Phạn) là KãIudãyi đã đi đến gặp đức Phật để nhắn lời thỉnh mời. Và trong tháng Phagguna (tháng 2 hoặc 3 dương lịch), đức Phật đã suy nghĩ đen việc trở về thành Kapila. Thờl gian di chuyên cua đực Phật từ thành Rājagaha đến thành Kapila là 2 tháng. Tại đó, đức Phật đã thị hiển song thông và thuyết giảng bài kinh nay (BvsA. 3-4).

630 KINH TIÊU BÔ

r a e e \

8. Anh sáng chói lọi rực rỡ đã hiện ra bên dưới, bên trên, chiêu ngang và chiêu dọc ở giữa các hạng thiên nhân, càn-thát-bà, nhân loại và quỷ sứ ở cả hai nơi: ở thế gian này và ở thế giới khác. 9. Được chư thiên và nhân loại cúng dường, bậc Đạo Sư, đấng Tối Thượng Của Chúng Sanh, nhà Lãnh Đạo Khôn^ Ai Vượt Trội, vị có đại oai lực, có trăm tướng mạo về phước báu đã thị hiện điêu kỳ diệu phi thường. 10. Khi được thỉnh cầu bởi vị Thiên Nhân Cao Quý, bậc Hữu Nhãn ấy, đấng Tối Thượng Nhân, vị Lãnh Đạo Thế Gian, sau khi quán xét về điều lợi ích đã làm hiện ra con đường kinh hành được hoàn thành khéo léo và được thực hiện bang tất cả các loại châu báu. 11. Đức Thế Tôn đã thuần thục về ba điều kỳ diệu là: Thần thông, tài thuyết giảng và sự giáo hóa. Đấng Lãnh Đạo The Gian đã làm hiện ra con đường kinh hành được hoàn thành khéo léo và đã được thực hiện bằng tất cả các loại châu báu. 12. ở tại mười ngàn thế giới, Ngài đã thi hiện theo tuần tự những con đường kinh hành làm bằng châu báu giống như các cột trụ ở ngọn núi Sineru tối thắng. 13. Sau khi vượt qua mười ngàn thê giới, đang Chiên Thăng đã tạo ra con đường kinh hành làm toàn bằng vàng ở bên cạnh con đường kinh hành làm bằng châu báu. 14. Cả hai con đường đều tương đương, được lót nền bằng vàng miếng. Các lan can đêu toàn băng vàng đã được thực hiện ở cả hai bên. 15. Được thực hiện bằng các loại châu báu, được rải rắc lớp cát là ngọc ma- ni và ngọc trai, con đường chiếu sáng khắp cả các phương giong như ánh mặt trời đã mọc lên. 16. Trong việc đi kinh hành ấy, bậc Toàn Giác, đấng Chiến Thắng Sáng Suốt rực rỡ với ba mươi hai tướng trạng cao quý, đã đi kinh hành ở con đường kinh hành. 17. Tất cả chư thiên đã tụ hội lại, rải rắc xuống bông hoa Mạn-đà-la? hoa Sen, hoa San Hô thuộc cõi trời [tán thán] về việc đi kinh hành [của đức Phật]. 18. Hội chúng chư thiên thuộc mười ngàn thê giới đã hoan hỷ chiêm ngưỡng đức Phật. Trong lúc kính lễ, họ hớn hở, mừng rỡ, vui sướng, quỳ mọp người xuống. 19. Chư thiên ở cõi Đạo-lợi, cõi Dạ-ma, luôn cả cõi Đẩu-suất, chư thiên ở cõi Hóa Lạc và chư thiên ở cõi Tha Hóa Tự Tại chiêm ngưỡng vi Lãnh Đạo Thế Gian với tâm phan khởi hân hoan. 20. Cùng với chư thiên, các hạng càn-thát-bà5 nhân loại, quỷ sứ, các loài rồng, thiên điểu, luôn cả loài Kim Si điểu,3 nhìn thấy đấng Te Độ Chúng Sanh có lòng bi mẫn ấy giống như mặt trăng tròn đã mọc lên ở ngay trên bầu trời.

3 Kim Si điểu là nghĩa cùa từ kinnarã được thấy ở tạng Thái Lan, Miến Điện, PTS; thay vì rakkhasã ở dòng thứ nhì (vì co hai chữ rakkhasã được dùng ở câu kệ này).

21. Chư thiên ở các cõi Quang Âm thiên, Biến Tịnh thiên, Quảng Quả thiên và Vô Tưởng thiên với trang phục bằng vải vóc vô cùng tinh khiết thanh bạch đứng chắp tay. 22. Hơn nữa, các vị còn rắc xuống bông hoa Mạn-đà-la năm màu được trộn lẫn với bột phấn gỗ đàn hương và vung vẫy các tấm vải ở trên không trung [ca ngợi rằng]: “Oi, đấng Chiến Thắng, bậc Có Lòng Bi Man Te độ Chúng Sanh. 23. Ngài là vị thầy, là ngọn cờ, là biểu hiện, là trụ cột của chúng sanh, là nơi chốn nâng đỡ, là ngọn đèn, [là hòn đảo],4 là bậc Tối Thượng Của Loài Hai Chan?9 J 24. [Với vẻ] hớn hở, mừng rỡ5 vui sướng, chư thiên có đại thần lực thuộc mười ngàn thế giới vây quanh lại tỏ sự tôn kính. 25. Với tâm tư hớn hở tín thành, các thiên nhân và các tiên nữ cúng dường những bông hoa ngũ sắc đến bậc Nhân Ngưu. 26. [Được] tín thành, có tâm tư hớn hở, hội chúng chư thiên chiêm ngưỡng vị ấy và cúng dường những bông hoa ngũ sắc đến bậc Nhân Ngưu [tán thán rằng]: 27. "0i, thật là điều kỳ diệu, phi thường, khiến lông dựng đứng ở trên thế gian! Điều kỳ diệu khiến lông dựng đứng giống như việc này trước đây chưa từng xảy ra!" 28. Sau khi nhìn thấy điều kỳ diệu ở trên bầu trời, các thiên nhân ấy đã ngồi xuống ở cung điện của chính mỗi một vi và nở nụ cười vang. 29. Các vị ngự ở không trung và ngự ở trên đất liền, các vi ngự ở các ngọn cỏ và đường đi chắp tay lên nghiêng mình kính lễ [với vẻ] hớn hở, mừng rỡ, vui sướng. 30. Ngay cả các loài rồng trường thọ có phước báu và đại thần lực cũng vui sướng lễ bái và cúng dường đến bậc Tối Thượng Nhân. 31. Sau khi nhìn thấy điều kỳ diệu ở trên bầu trời, các vị xướng lên những bài đồng ca ở khoảng không gian trên bầu trời và trình tấu những chiếc trống da. 32. Sau khi nhìn thấy điều kỳ diệu ở trên bầu tròi, nhiều vi cũng đã biểu diễn các tù và vỏ ốc, có các phèng la nữa, và luôn cả những chiếc trong con ở trên không trung [tán thán rằng]: 33. “Quả nhiên, điều phi thường khiến lông dựng đứng đã sanh khởi đến chúng ta ngày hôm nay. Chúng ta đạt được sự thành tựu lợi ích bền vững. Thời điểm của chung ta đã đến rồi. 34. Khi nghe rằng: "Đức Phát", niềm phi lạc đã tức thời sanh khởi đến các vị ấy. Họ đã đứng yên, chắp tay, thốt lên rang: "Dức Phật! Đức Phật!95 35. Và ở trên không trung, nhiêu hạng chúng sanh chăp tay, thót lên lời tán thán, ca ngợi, cổ vũ, reo hò. 36. Các vị ca hát, hò hét, tấu nhạc, vỗ tay và nhảy múa. Hơn nữa, các vị còn 4 Chủ giải ghi nghĩa của dīpā theo cả hai cách: Ngọn đèn và hòn đảo (BvsA. 38).

rắc xuống bông hoa ngũ sắc, bông hoa Mạn-đà-la được trộn lẫn với bột phấn gỗ đàn hương [tán dương rằng]: 37. "Hỡi đang Đại Hùng, giông như dâu hiệu bánh xe ở hai bàn chân của Ngài là được tô điểm với ngọn cờ, lưỡi tầm sét, huy hiệu, hộp bột phấn và gậy móc câu. 38. Không có ai tương đương vê dáng vóc, vê giới, vê đinh, vê tuệ. Ngài tương đương với các bậc không thê sánh băng về sự giải thoát và vê việc chuyên vận bánh xe Chánh pháp. 39. Sức mạnh tự nhiên trong cơ thể của Ngài là sức mạnh của mười con voi. Không ai sánh bằng Ngài về năng lực thần thông trong việc chuyển vận bánh xe Chánh pháp. 40. Các vị hãy kmh lễ bậc Đại Hiền Triết, đấng Từ Bi, vi Chúa Te

Thế Gian đã được thành tựu tất cả các đức hạnh và đã đạt được toàn bộ các yếu tố như thế ấy. 41. Ngài xứng đáng tất cả các sự tôn kính, ca tụng, đảnh lễ, tán dương, lễ bái và cúng dường. 42. Bạch đấng Đại Hùng, bất cứ những ai nên được đảnh lễ, những ai xứng đáng sự đảnh lễ ở trên thế gian, Ngài là vị đứng đầu tất cả. Người băng Ngài không có?5 43. Vị Sāriputta có đại trí tuệ, thông thạo vê đinh và thiên, chiêm ngưỡng đấng Lãnh Đạo Thế Gian dầu đang đứng ở Gijjhakūta (núi Linh Thứu).5 44. Vị ây nhìn thây đang Nhân Ngưu trông giông như cây sāla chúa nở hoa đều khắp, tương tợ như mặt trăng ở trên bầu trời, y như là mặt ươi lúc chính ngọ. 45. Vi ấy nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Sáng Suốt rực rỡ ánh sáng hào quang trông giống như cây trụ đèn đang cháy rực, tương tợ như mặt trời hừng đông đã ló dạng. 46. Sāriputta đã tức thời tựu hội lại năm trăm vị Tỳ-khmi là những vị có các lậu hoặc đã tận? không còn ô nhiễm, có các phận sự đã được hoàn thành như thế ấy [nói rằng]: 47. “Bức Phật đã làm hiện rõ điều kỳ diệu tên là 'Sự phô bày thế giới\ Chúng ta cũng sẽ đi đến nơi ấy và chúng ta sẽ đảnh lễ đấng Chiến Thắng. 48. Hãy đến, tất cả chúng ta sẽ đi. Chúng ta sẽ hỏi đấng Chiến Thắng. Chúng ta sẽ xua tan mối hoài nghi sau khi nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian." 49. Sau khi đáp lại rằng: "Lành thay!", các vị thông thái ấy, có các căn được hộ trì, đã cầm lấy y và bình bát rồi mau chóng đi đến. 50. Cùng với các vi Lậu tận đã được rèn luyện trong sự rèn luyện tối thượng, không còn ô nhiễm, bậc Đại Trí tuệ Sāriputta đã đi đến bằng thần thông.

5 Ngài Sāriputta nhìn thấy đức Phật đang thị hiện thần thông ở Sāvatthi (khoảng cách giữa hai địa điểm ước lượng khoảng 650 ki-10-mét).

PHẬT SỬ e 633

51. Được tháp tùng bởi các vị Tỳ-khưu ấy, vị có hội chúng đông Sāriputta đã đi đến bằng thần thông, trông như vị thiên nhân đang chói sáng ở trên không trung. 52. Sau khi ngăn lại tiếng tằng hắng và sự khịt mũi, các vị có đức hạnh đã tiến đến gần bậc Toàn Giác với sự kính cẩn, thận trọng. 53. Sau khi đến gần, các vị nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc Tự Mình Chứng Ngộ, vị Sáng Suốt, đã ngự lên ở trên không trung trông tợ như mặt trăng ở trên bầu trời. 54. Các vi nhìn thây đang Lãnh Đạo Thê Gian tương tợ như là cây trụ đèn đang cháy rực, như là tia chớp ở trên không trung, như là mặt trời lúc chính ngọ. 55. Toàn bộ năm trăm vi Tỳ-khưu nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian giống như là hồ nước sâu thẳm không bi chao động, như là đóa hoa sen đang nở rộ. 56. Hớn hở, mừng rỡ, vui sướng, các vi đã chắp tay lên và trong lúc kính lễ các vị quỳ xuống ở dấu hiệu bánh xe [nơi bàn chân] của bậc Đạo Sư. 57. Vi có đại trí tuệ Sāriputta, thiện xảo về định và thiền, được xem như tương đương với loài hoa Koranda, đảnh lễ đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 58. Vị có đại thần lực Moggallâna, vang động như là đám mây dèn, được xem như tương đương với đóa sen xanh, là không ai sánh bang ve năng lực thần thông. 59. Còn vị Trưởng lão Mahâkassapa tương tợ vàng tinh luyện, được công nhận là vị đứng đầu trong đức hạnh Đầu-đà, được [chư thiên và nhân loại] tán dương, đã được bậc Đạo Sư khen ngợi. 60. Đứng đầu trong số các vi có Thiên nhãn là Anuruddha, có đồ chúng đông đảo? hạng nhất trong hàng quyến thuộc của đức Thế Tôn, đang đứng không xa. 61. Ưpâli là vị rành rẽ về sự phạm tội, về sự

không phạm tội, về việc sám hối tội, được công nhận là vị đứng đầu về Luật, đã được bậc Đạo Sư khen ngợi. 62. Vi ẩn sĩ con trai của bà Mantānī, phân tích ý nghĩa vi tế và bén nhạy, đứng đầu các vị Pháp sư, có đồ chúng, được nổi tiếng với tên là Punna.6 63. Biết được tâm của các vị ấy, đấng Mâu-ni là vi Thiện Xảo về Sự So Sánh, là đấng Đại Hùng, là vị Dứt Trừ Sự Nghi Hoặc, đã thuyết giảng về đức hạnh của bản thân: 64. "C6 bốn điều không thể tính đếm được và không biết được điểm tận cùng của các điều ấy: Tập hợp các chúng sanh, bầu không gian, các cõi thế giới vô biên, trí tuệ vô lượng của chư Phật; những điều này là không thể biết rõ. 65. Có phải sự biến hóa thần thông của Ta là điều kỳ diệu ở thế gian? Còn có nhiều sự việc khác nữa là kỳ diệu, phi thường, khiến lông dựng đứng.

6 Punna Mantāniputta, con trai nữ Bà-la-môn Mantānī (BvsA. 51), là vị đệ nhất về thuyết pháp (xem M. I. 145, Kinh Trạm xe (Rathavimtasuttam), số 24).

66. Vào lúc Ta ở tại cung trời Đẩu-suất, khi ấy Ta có tên là Santusitā. Các vi thuộc mười ngàn thế giới đã tụ hội lại chắp tay thỉnh cầu Ta rằng: 67. 'Hỡi bậc Đại Hùng, giờ là thời điểm của Ngài. Hãy sanh vào bụng mẹ. Trong khi giúp cho the gian luôn cả chư thiên vượt qua, Ngài sẽ giác ngộ đạo lộ bất tử/ 68. Lúc Ta hạ sanh vào bụng [mẹ] sau khi đã mạng chung từ cõi trời Đẩu- suất, khi ấy mười ngàn thế giới và quả đất rúng động. 69. Khi Ta rời khỏi bụng mẹ với sự giác tỉnh, mười ngàn thế giới đã rung động, thốt lên tiếng: 'Lành thay! 70. Không gì sánh bang việc nhập thai của Ta. Từ việc sanh ra, trong việc ra đi cao cả, trong việc tự mình giác ngộ, và trong việc chuyển vận bánh xe Chánh pháp, Ta là vi đứng du." 71. [Chư thiên đã thốt lên rằng:] "ôi, tính chất vĩ đại về đức hạnh của chư Phật là điều kỳ diệu ở trên dời!" Khi ấy, mùod ngàn thế giới đã rúng động sáu cách.7 Và có ánh sáng vĩ đại đã xuất hiện. Là điều phi thường khiến lông dựng đứng! 72. Và vào khoảng thời gian ấy, trong lúc hiện ra cho thế gian luôn cả chư thiên chiêm ngưỡng, đức Thế Tôn, bậc Tối Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Chiến Thắng đã đi kinh hành bằng thần thông. 73. Ngay tronệ lúc đang đi kinh hành ở đường kinh hành, đấng Lãnh Đạo Thê Gian đã thuyêt giảng. Như thê [đang đi] ở trên con đường kinh hành [có chiều dài] bốn cánh tay, Ngài không quay ngược trở lại [khi đang] ở vào khoảng giữa [con đường].8 74. Sāriputta là vị có đại trí tuệ, thiện xảo vê định và thiên, đã đạt đên sự toàn hảo về trí tuệ, hỏi bậc Lãnh Đạo Thế Gian rằng: 75. "Bạch đấng Đại Hùng, bậc Nhân Ngưu, lời phát nguyện của Ngài là như thế nào? Bạch đấng Sáng Suốt, sự giác ngộ tối thượng đã được Ngài mong mỏi vào thời gian nào? 76. Bố thí, [trì] giới, xuất ly, trí tuệ, tinh tấn là như thế nào? Nhẫn nại, chân thật, quyết định, từ ái, hành xả là như thế nào? 77. Bạch đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sáng Suốt, theo Ngài mười pháp toàn hảo là như thế nào? Thế nào là pháp toàn hảo bậc trên được tròn đủ? Thế nào là pháp toàn hảo bậc toi thượng?^, 78. Được vi ấy hỏi, Ngài đã trả lời với giọng nói ngọt ngào [như giọng hót] của loài chim Karavīkā [Ca-lăng-tần-già] làm mát mẻ con tim, làm hoan hỷ thế gian luôn cả chư thiên.

7 Sáu cách là: Trái đất ở trong mười ngàn thế giới đã nghiêng từ Đông sang Tây, từ Tây sang Đông, từ Bắc qua Nam, từ Nam qua Bắc, từ trung tâm ra bên ngoài, tư bên ngoài

vao trung tâm (BvsA. 56). 8 Con đường kinh hành này nối dài từ thế giới ở phía Đông sang đến thế giới ở phía Tây. Và đức Phật đã đi kinh hanh từ đầu đương phía bên nay sang đến điểm cuối con đường ở phía bên kia chứ không quay ngược trở lại lúc đang đi ơ vào khoảng giưa (BvsA. 57).

PHẬT SỬ 635

' , /xi À ỉ 1 • Ẩ Á ọ •' 79. Băng trí tuệ hướng vê các kiêp sông trước đây, Ngài đã giảng giải vê pháp đã được chư Phật quá khứ là các đấng Chiến Thắng thuyết giảng, về lịch sử đã được truyền thừa theo tuần tự chư Phật, là điều lợi ích cho thế gian luôn cả chư thiên. 80. [Đức Phật đã nói rằng:] "[Lịch sử ấy] là điều làm sanh lên niềm hoan hỷ vui mừng, là sự nhổ lên mũi tên sầu muộn, là việc thành tựu tất cả các sự chứng dạt, các ngươi hãy chú tâm lắng nghe Ta. 81. [Lịch sử ấy] là điều làm tiêu tan các sự đắm say, là sự xua đi các nỗi buồn rầu, là việc hoàn toàn thoát khỏi luân hồi, là đạo lộ tiêu diệt tất cả khổ đau, các ngươi hãy nghiêm trang theo d6i." Dứt chương uCon đường kinh hành bằng châu báu?9

PHẦN NÓI VÈ SUMEDHA (SUMEDHAKATHĀ)

L Vào thuở bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp,9 có thành phố tên Amara là đáng nhìn, xinh xắn. 2[Thành phố này] dồi dào thức ăn nước uống và nhộn nhịp với mười loại âm thanh như tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng trống, tiếng tù và vỏ ốc, tiếng xe cộ? và còn được giới thiệu về thức ăn nước uống: “Xin hãy nhai, xin hãy uống.^, 3. Thành phố được đầy đủ về mọi yếu tố và thành tựu tất cả hoạt động về nghề nghiệp, có đầy đủ bảy loại châu báu9 đông đảo với đủ hạng người, thịnh vượng tợ như thành phố của chư thiên, là nơi cư ngụ của những người có được thiện nghiệp.

9 Bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp (kappe ca satasahasse ca caturo cạ asañkhiye): về định nghĩa của từ a-tăng-kỳ (asañkheyya), đa số cạc tai liệu giải thích đều cho trích dẫn ở Añguttaranikāya (Kỉnh Tăng chỉ bọ): '"Nay các Ty-kheo, có bốn vô lượng của kiếp (kappassa asañkheyyani) này. Thế nào là bốn? l/- Khi kiếp chuyển thành, này các Tỷ-khèo7thật không de gì để ước tính có bao nhiêu năm như vậy, có nhiều trăm năm như vậy, có nhiều ligàn năm như vậy, có rứiiều trăm ngàn năm như vậy. 2/- Khi kiêp đã chuyển thành và dừng lại, này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì ước tính như vậy. 3/- Khi kiếp chuyển hoại, này các Tỷ-kheòi thật không dễ gì ước tính có nhiêu năm như vậy... như vạy. 4/- Khi kiếp đã chuyển hoại và dừng lại, này các Tỷ-kheo? thật không dễ gì ước tính... như vậy. Này các Tỷ-kheo, cóbốnvôlưcmgcủakiepnay,,(^n. 142). Theo định nghĩa này, asañkheyya (a-tăngkỳ) là một đơn vị đo thời gian và bon asañkheyya (a-tăng-kỳ) thành, trụ, hoại, không sẽ tạo thành mộĩ kappa (kiếp). Theo ngữ canh của Buddhavamsa, định nghía asañkheyya (a-tăng-kỳ) như trên xem không được thích hợp lắm. Trong ngữ cảnh này, bản thân chúng tôi nghĩ Tằng asqnkheyya có thể là con số đem theo nghĩa đơn thuần cua asañkheyya là một con số rát lớn không thể đếm được. {Concise Pali-English Dictionary của Ngài A. p. Buddhadatta ghi là "không thể đếm được, là con số đêm lớn nhất được ghi với 141 con số kh6ng" (tr. 37)). Và lời giải thích chúng tôi tìm thấy không phải ở BvsA. mà ở CpA. Với lời giải thích của Chu giải sư

Dhammapãla: 4tở đấy, asañkheyya là không có khả năng để đem, khỏng the tính đếm được? COX ý nghĩa là vượt quá sự tính đếm.^, Ngài Dhammapāla còn giải thích rõ thêm: "V nghĩa ở đây là bon lần không thể đềm được (bổn a-tăng-ky) của các đại kiếp cộng thêm một trăm ngàn đại kiếp" (tĩ. 12). Như vậy, bốn a-tăng-kỳ cộng thêm mọt trăm ngàn" là một con số có gia trị vô cung lơn. Kiếp (kappo) là đơn vị tính thời gian, là đại kiếp (mahãkappă), không phải kiếp của tuổi thọ (āyukappa) (BvsA. 65). Như thế, thời gian keo dài cua mạt kiếp sẽ lạ bao lâu? Chú giải sư Dhammapāla trích dẫn lời đức Phật giải thích cho các Tỳ-khựu rằng: uMột kiếp (kappo) là không thể tính chừng ấy năm, hoặc chừng ấy trăm năm, hoặc chưng ấy ngàn năm, hoặc chừng ẩy trăm ngàn năm (CpẢ. 11). Trong Samyuttamkaya, đức Phạt đã cho ví dụ Idji giải thích vẩn đề nạy: “Ví như/này Tỷ-ldieo, có một hòn núi đá lớn, một do-tuần bề dài, một do-tuần bê rộng, một do-tuân bề cao, không có khe hở, không có lỗ hổng, một tảng đá thuần đặc. Rồi một người đến, cứ sau một trăm năm lại lau hòn đá ẩy một lần với tấm vải kâsi. Này Tỷ-kheo, hòn núi đá lớn ấy được làm như vậy có thể đi đến đoạn tận, đoạn diệt mau hơn là một kiếp." Hoặc "Ví như, này Tỷ-kheo, có một thành bang sắt, dài một do-tuan, rộng môt do-tuần? cao một do-tuần, chứa đầy hột cải cạo như chóp^khăn đầu. Một người từ nơi chỗ ấy, sau mỗi trăm năm lấy ra một hột cải. Này Tỷ-kheo, đống hột cải ấy được làm như vậy, có thể đi đến đoạn tận, đoạn diệt mau hơn là một kiếp^, (S. II. 181-82). Như vậy, khoảng thời gian kéo dài chỉ riêng của một kiếp thoi cũng đã vượt quá khả nang suy nghĩ của con người.

4. Vị Bà-la-môn tên Sumedha ở thành phố Amaravatĩ là có được nhiều koti tiền tích lũy, có dồi dào về tài sản và lúa gạo. 5. Là vị chuyên vê phúng tụng, năm vững chú thuật, thônệ thạo ba bộ Vệ- đà, đã đạt đến sự toàn hảo về khoa tướng sô, về truyền thuyêt và về phận sự chánh yêu. 6. Khi ấy, sau khi ngồi xuống ở nơi thanh vắng Ta đã suy nghĩ như vầy: "Sịt tái sanh, sự tiêu hoại của xác thân là khổ. Sự mê mờ, sự chết, sự đày đọa của sự già là khổ. 7. Và trong khi luôn có trạng thái sanh, trạng thái già, trạng thái bệnh hoạn, Ta sẽ tầm cầu sự không già, sự không chết, sự an ổn, Niết-bàn. 8. Hay là Ta nên từ bỏ tấm thân hôi thối chất chứa đầy các loại chất phế thải này và trở thành người không vướng bận, không mong cầu? 9. Đạo lộ ấy là có và sẽ xuất hiện. Đạo lộ ấy không thể không có gốc gác. Ta sẽ tầm cầu đạo lộ ấy để hoàn toàn giải thoát khỏi hữu. 10. Cũng giống như khi khổ đau được tìm thấy thì điều gọi là an lạc cũng được tìm thay, tương tợ như thế khi hữu được tìm thấy thì phi hữu cũng là điều nên được mong mỏi. 11. Cũng giống như khi sự nóng được tìm thấy thì điều khác là sự lạnh cũng được tìm thay, tương tợ như thế khi ba loại lửa [tham, sân, si] được tìm thấy thì Niết-bàn cũng là điêu nên được mong mỏi. 12. Cũng giống như khi điều ác được tìm thấy thì điều thiện cũng đươc tìm thấy, tương tợ y như thế khi sanh được tìm thấy thì vô sanh cũng là điều nên được mong mỏi. 13. Giống như người bi dính phẩn nhìn thấy hồ nước đầy mà không tìm đến hồ nước ấy thì việc sai trái ấy không phải là của hồ nước. 14. Tương y J tợ• như vậy, khi hồ nước ĩ bất thấy cho việc \ tử được tìm .'j. * q rửa gột bợn nhơ phiên não, người không tìm đên hô nước ây thì điêu sai trái không phải là của hồ nước bất tử. 15. Giống như người bị vây hãm xung quanh bởi những kẻ đối nghịch, khi con đường

thoát ra được tìm thây, người ây không tâu thoát thì việc sai trái ấy không phải là của con đường. 16. Tương tợ như vậy, người bị vây hãm toàn diên bởi phiền não, khi đạo lộ Thánh thiện được tìm thấy, người không chịu tìm đến đạo lộ ấy thì điều sai trái không phải là của đạo lộ Thánh thiện. 17. Cũng giống như n^ười bị bệnh, khi vi thầy thuốc được tìm thấy, người không để cho [vi thầy thuốc] chữa trị căn bệnh ấy thì việc sai trái ấy không phải là của vi thây thuôc. 18. Tương tợ như vậy, người bị khổ đau, bị hành hạ toàn diện bởi những căn bệnh phiền não [nhưng] không chiu tìm đến vị thầy thì điều sai trái ấy không phải là của vị thây hướng dẫn.

PHẬT SỬ 639

19. Cũng giống như người sau khi rũ bỏ thây chết ghê tởm vướng ở cổ có thể đạt đến an lạc, sống tự tại, theo ý muốn. 20. Tương tợ y như thế, sau khi từ bỏ tấm thân hôi thối tập hợp đủ loại chất phế thải này, Ta có thể trở thành người không vướng bận, không mong cầu. 21. Giống như những người nam hoặc nữ sau khi thải bỏ phẩn ở nhà tiêu rồi ra đi không vướng bận, không mong cầu. 22. Tương tợ y như thế, sau khi từ bỏ tấm thân được chất chứa đủ loại phế thải này, Ta sẽ ra đi giống như người sau khi đã đi tiêu thì [rời khỏi] nhà xí. 23. Cũng giống như những chủ nhân sau khi quăng bỏ con thuyền cũ kỹ, rã rời, có sự rò rỉ nước thì ra đi không còn vướng bận, không mong càu. 24. Tương tợ y như thế, sau khi từ bỏ tấm thân có chín khiếu thường xuyên tiết ra chất dơ này, Ta sẽ ra đi giống như những chủ nhân quăng bỏ con thuyền đã bi vỡ tan. 25. Giống như người mang theo hàng hóa đi cùng bọn trộm cướp, sau khi nhận thấy nỗi lo sợ bởi việc cướp giật hàng hóa, liền tách biệt ra đi. 26. Tương tợ y như thế, thân này được ví tương đương với kẻ cướp lớn, Ta sẽ chối bỏ thân này và ra đi, thoát khỏi nỗi sợ hãi ve việc bi cướp đoạt thiện pháp." 27. Sau khi suy nghĩ như thế, Ta đã bố thí của cải hàng trăm kotỷ^ đến những người có nơi nương tựa lẫn những người không nơi nương tựa rồi đã đi đến Hy-mã-lạp sơn. 28. ở không xa Hy-mã-lạp sơn, có ngọn núi tên Dhammaka là khu ẩn cư khéo được tạo lập dành cho Ta có ngôi nhà lá khéo được xây dựng.10 11 29. Nơi ây Ta đã tạo ra đường kinh hành không phạm vào năm điêu sai trái.12 Ta đã đạt được năng lực của thắng trí hội đủ tám đức tính.13 30. ở nơi ấy Ta đã quăng bỏ tấm vải choàng liên quan đến chín điều sai trái.14 Ta đã mặc y phục vỏ cây có được mười hai đức tính.15

10 l koti = 10 triệu, 100 koti = l tỷ, hàng trăm koịi = nhiều tỷ. 11 Do Thiên tử Vissakamma thực hiện theo lệnh của Chúa trời Sakkā (BvsA. 75). 12 Năm điều sai trái của đường kinh hành là: Cứng không bằng phẳng, cây mọc ở bên trong, lợp dày, quá chật hẹp, quá rộng. Đường kinh hành nên dài 60 ratana^ rộng 1.5 ratana (15 mét và 37.5 cm)(BvsA. 75-6).

13 Tám đức tính của thắng trí là: Tâm được định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không bợn nhơ, dứt khỏi tùy phiền não, Ưạng thái nhu nhuyến thích hợp cho hành động, vững vàng, bất động (BvsA. 76). 14 Chín điều sai trái của việc sử dụng tấm vải choàng là: Có giá trị, trạng thái phụ thuộc vào người khác, mau dơ khi sử dụng và khi bị dơ phải giặt rồi nhuọm màu lại, trạng thái SOT cũ do sử dụng và khi bi sờn cũ phải mạng va lại, khó đạt được Wii tầm cầu, không thích hợp cho vị xuất gia làm ẩn s được phố

biến đoi với các kẻ thù nghịch và phải lo gìn giữ đê khỏi bị trộm cắp, là đồ trang sức khi mặc vào, có dục vọng lớn lao khi mặc đi đường (BvsA. 76). 15 Mười hai đức tính của việc mặc y phục vỏ cây là: Có giá trị thấp, không phụ thuộc vào người^khác, có thể tự tay làm lấy, khi bị sờn cũ do sử dụng không cầnphải may vá, không phải sợ trộm cáp, dễ dàng thực hiện Idii có Iihu cầu, thích hợp cho vị xuất gia làm ẩn sĩ, khổng được xem là vật trang sưc, có ươc muốn nhỏ nhoi về y phục, trạng thái thoải mái lúc sử dụng, vỏ cây đạt được dễ dang, trạng thái thản nhiên khi y phục vo cây bị mất (BvốTÍ. 76-7).

640 KINH TIÊU BÔ

31. Ta đã từ bỏ ngôi nhà lá dính líu tám điều sai trái.16 Ta đi đến ngụ ở gốc cây có được mười đức tính.17 32. Ta đã hoàn toàn từ bỏ mễ cốc đã được gieo, đã được trồng. Ta đã thọ dụng trái cây rơi rụng được hội đủ vô số đức tính. 33. Tại nơi ấy Ta đã ra sức nỗ lực trong việc ngồi, đứng, đi kinh hành. Ta đã đạt được năng lực của thắng trí trong thời gian bảy ngày. 34. Như thế, khi Ta đạt được sự thành tựu [năm thắng trí, ngũ thông] và trở nên tự tại trong pháp tu tập [của đạo sĩ] thì đấng Chiến Thắng tên Dīpañkara, vị Lãnh Đạo Thế Gian, đã hiện khởi. 35. Đắm chìm trong sự thỏa thích của thiền, Ta đã không chứng kiến bốn điều báo hiệu về sự nhập thai, đản sanh, giác ngộ và thuyết giảng giáo pháp. 36. [Những người dân] ở khu vực biên địa, sau khi thỉnh mời đức Như Lai, đã dọn sạch sẽ con đường ngự đến của Ngài với tâm trí hớn hở. 37. Vào lúc bấy giờ, sau khi rời khỏi khu ẩn cư của bản thân, Ta khi ấy, vừa đi ở trên không trung vừa chỉnh lại bộ y phục bằng vỏ cây. 38. Nhìn thây dân chúng tràn ngập niêm phân khởi, hớn hở? mừng rỡ, vui sướng, Ta đã từ không trung đáp xuông roi lập tức hỏi mọi người răng: 39. "Đông đảo dân chúng được hớn hở, mừng rỡ, vui sướng, tràn ngập niềm phấn khởi. Đạo lộ, con đường, lối di, ngõ vào được dọn sạch sẽ cho ai vay?" 40. Được Ta hỏi, họ đã đáp rằng: “Bức Phật, bậc Tối Thượng ở Thế Gian, đấng Chiến Thắng, vị Lãnh Đạo Thế Gian tên là Dīpafdcara đã hiện khởi. Đạo lộ, con đường, lối đi, ngõ vào được dọn sạch sẽ cho vi ấy." 41. Khi nghe rằng: “Bức Phát", pháp hỷ đã sanh khởi đến Ta ngay lập tức. Ta đã bày tỏ tam hoan hỷ, thốt lên rang: “Sức Phật! Đức Phát!" 42. Đứng tại nơi ấy, với tâm trí phấn chấn, hớn hở, Ta đã suy nghĩ: "Ta sẽ gieo các nhân lành ở nơi đây [đức Phật]. Đương nhiên chớ để thời khắc trôi di", [rồi nói rằng]: 43. "Nếu các người dọn sạch sẽ vì đức Phật, xin các người hãy nhường cho tôi một khu vực. Tôi cũng sẽ dọn sạch sẽ con đường, lối di, ngõ vào.”

16 Tám điều sai trái của việc cư ngụ ở ngôi nhà là: Thành tựu do nhiều công sức, việc thường xuyên quan tâm đến, cỏ, lá, đất sét, vv..., thưc giác vào ban đêm nghĩ rằng: 4tChỗ ngụ bị cũ kỹn khiên tâm không định, cơ thể yếu đuối vì được ngăn cách với thời tiêt nóng lạnh, nguyên nhân của việc che giấu điều bị chê trách (vì nghĩ rằng): "Bi vào nhà rồi có thể làm bất cứ điều gì xấu a”, việc gìn giữ của cải (nghĩ rằng): <ẾCai này ỉa của fa", có người cùng sống chung trong nhà, có nhiều sự chung đụng với các loài rận rẹp, bọ chét, thằn lằn, v.v... (BvsA. 77). 17 Mười đức tính của viêc ngụ ở cội cây là: ít bị bận rộn, (nghĩ rằng): "Chi việc đi đến rồi cư ngvT, không phạm tội lỗi do dế dàng đạt được, thường xuyên sanh khởi sự nghĩ tưởng về vô thường khi nhìn sự biên đoi hình thức của lá cây, không bon xen về chỗ ngụ, không thuận tiên làm việc xấu xa (nghĩ

rặng): xấu hổ trong khi làm điều xàu xa ở nơi ấy", không phải gìn giữ, sồng chunvới chư thiên, việc từ bỏ mái che, an lạc trong việc thọ dụng, không lo lắng W11 đi đen mọi nơi VI việc dễ dàng có được cho ngụ ở gốc cây (BvsA. 77).

PHẬT SỬ 641

44. Roi họ đã nhường cho Ta dọn sạch sẽ con đường ở một khu vực. Khi ấy, Ta làm sạch sẽ con đường trong lúc nghĩ tưởng đến "Đức Phật! Đức Ỹhậir i J

45. Khi khu vực của Ta còn chưa hoàn tất, bậc Đại Hiền Triết, đấng Chiến Thắng Dīpañkara, cùng với bốn trăm ngàn vi Lậu tận, không còn ô nhiễm, có sáu thăng trí (lục thông) như thê ây đã bước lên con đường. 46. Nhiều người di chuyển từ phía đối diện, họ vỗ kêu những chiếc trống. Chư thiên và nhân loại vui mừng đã thốt lên tiếng: "Lành thay!" 47. Chư thiên ngam nhìn loài người và loài người cũng nhìn ngam chư thiên. Cả hai nhóm ấy cũng đã chắp tay lên đi theo sau đức Như Lai. 48. Chư thiên với nhạc khí cõi trời, loài người với nhạc khí của nhân gian, cả hai nhóm ấy vừa trình tấu vừa đi theo sau đức Như Lai. 49. Chư thiên di chuyển trên bàu trời ở trong không gian rải rắc hoa Mạn- đà-la9 hoa Sen, hoa San Hô của cõi trời xuống hướng này hướng nọ. 50. Loài người di chuyển ở trên bề mặt trái đất ném các bông hoa Chăm-pa? bông hoa Salala, bông hoa Nīpa, bông hoa Nāgā, Punnâga và Ketaka tỏa khắp các phương. 51. Tại nơi ây, sau khi xõa tóc, > £ 5 r Tar đã trải ra bộ y phục vỏ cây và da thú ở A

trên bãi bùn lây, roi Ta đã năm sáp xuông [nói răng]: 52. "Xin đức Phật hãy bước lên [người] con. Xin Ngài cùng các đệ tử hãy tiến bước. Xin các vị chớ bước đi ở chỗ ấy trong bùn lầy; [việc này] sẽ đem lại sự lợi ích cho con." 53. Khi đang nằm ở trên mặt đất, tư tưởng như vầy đã khởi đến Ta: u[Neu] mong muốn, Ta có thể thiêu đốt các phiền não của Ta trong ngày hôm nay. 54. Ta có được gì ở đây khi chứng đắc giáo pháp theo phương thức không được tiếng tăm? Ta nên thành tựu quả vị Toàn tri và trở thành đức Phật ở thế gian có cả chư thiên. 55. Ta có được gì khi là người biết được sức mạnh [của bản thân] lại vượt qua chỉ một mình? Ta nên thành tựu quả vị Toàn tri và giúp cho the gian luôn cả chư thiên vượt qua. 56. Với hành động hướng thượng này của Ta đã được thực hiện đến bậc Tối Thượng Nhân, Ta sẽ thành tựu quả vị Toàn tri và sẽ giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua. 57. Sau khi cắt đứt dòng chảy luân hồi và phá hủy ba cõi [tái sanh], Ta sẽ ngự lên con thuyên Chánh pháp và sẽ giúp cho thê gian luôn cả chư thiên vượt qua." 58. Sự phát nguyện được thành tựu nhờ vào sự tổng hợp của tám pháp: Bản thân là loài người, thành tựu nam căn, có chủng tử, nhìn thấy bậc Đạo

642 KINH TIỂU BỔ_____

Su, là vi xuất gia, hội đủ đức hạnh, có hành động hướng thượng và lòng ước muốn.18 59. Đấng Thong Suốt Thế Gian Dīpañkara, vị Thọ Nhận Các Vật Cling Dường đã đứng kề cận đỉnh đầu của Ta và đã nói lời này: 60. uCác ngươi hãy nhìn người đạo sĩ tóc bện có khổ hạnh cao tột này. Trong vô lượng kiêp tính từ thời diêm này, [người này] sẽ trở thành vị Phật ở r

thê gian. 61. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh]. 62. Sau khi ngồi xuống ở

cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền). 63. ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn. 64. Ke đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha.19 65. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama. 66. Kolita và upatissa không còn lậu hoặc, tham ái đã lìa, có tâm an tịnh và định tĩnh, sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. 67. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng ấy. Khemā và uppalavannā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. 68. [Hai vi] không còn lậu hoặc, tham ái đã lia, có tâm an tịnh và định tĩnh. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha5.

18 Đây là lời giải bày cụ thể về những điều kiện đầu tiên cần phải có của một vị Bồ-tát để đạt được sự chú nguyện (yyākarana) về việc chác chắn được thành tựu quả vị Phật Toàn Giác trong ngày vị lai: Trước hết, VỊ Bồ-tát phai cỏ sự phát nguyện ban đầu (abhinīhāra), và lời phát nguyện ban đầu chỉ có hiệu quả khi nào vị Bồ-tát hội đu tám điêu kiện: 1) Ban thân là loai người; 2) Là người nam thành tựu nam căn; 3) Có chung tử (có khả năng chửng đắc quả vị A-la-hán trong kiếp sống ấy); 4) Nhìn thấy bạc Đạo Sư (phải sanh vao Júc vị Phật đang còn tại tiễn); 5) Là vị xuất gia (sốngzđơi ẩn sì), 6) Hội đu đưc hạnh (chứng đắc về,thiền và thần thông); 7) Có hành động hướng thượng (đến vị Phát đương thời); 8) Và có lòng ước muốn theo đuổi thực hanh hanh nguyện (Chương I, cẩu kẹ 58). VỊ Bp-tát cần phải the hiện hành^động hướng thượng (adhikāra) đến đức Phạt đương thơi và được VỊ Phạt ấy chú nguyện (L 59-69). Ke đến, vị Bo-tát cần quán xét ve bản thân (I: 79-80) và các phập tu tạp cấn phải thực hanh để đạt đến quả vị Phật cao quý (I: 115-165) là: Trong thời gian dài đăng đẳng kế tiếp, trải qua không biết là bao nhiêu kiếp^sống troi noi luân hồi, vị Bồ-tátcần phai đạt đến sự toàn hảo ve mười pháp (10 pháp Ba-la-mật) là: Bố thí, trì giới, xuất ly, trí tuệ, tinh tấn, nhẫii nại, chan thật, quyết định, từ ai và hành xả. Hơn nưa, mức độ của sự thực hành mười pháp này là vị Bồtát phải đạt đen sự toàn hảo tối thượng (paramatthapāramiĩ) là sẵn sàng hy sinh mạng sống bản than để hoan thành pháp toàn hảo ấy. Từ câu kệ 60-69 là lời chú nguyện của đức Phật Dīpañkara cho Bồ-tát Sumedha. Lời chú nguyện này sẽ được 23 vị Phật kế tiếp lặp lại để chú nguyện cho vị Bồ-tát tiền thân của đức Phật Gotama. 19 Các vị Phật đã giác ngô ở tại gốc cây nào, giống cây ấy được gọi là cây Bồ-đề (bodhỉrukkha)^ nghĩa là cây của sự giác ngộ (Bồ-đề là từ dịch âm của bodhi có nghĩa là trí giác ngộ). Như vậy, nên hiếu răng tên gọi cây Bô-đề là tên gọi chung, còn mỗi cội cây Bồ-đề của từng vị Phật đêu có tên gọi riêng. Ví dụ đức Phật Thích-ca đã chứng ngộ Phật quả ở dưới cội cây có tên là Assattha, đức Phật Dīpañkara là cội cây tên Pipphalĩ, đức Phật Koidañña ỉa cội cây Sãla, v.v...

PHẬT SỬ 643

69. Citta và Hatthālavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ la [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm nm."2 70. Sau khi nghe được lời nói này của vi Đại Ẩn Sĩ không ai

sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ ràng]: uVị này là chủng tử mầm mống của chư Phật." 71. Họ thốt lên những tiếng reo hò9 vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chăp tay cúi lạy [nói răng]: 72. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời. 73. Giống như những người băng ngang dòng sông khônệ đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được ben bờ ở bên dưới. 74. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vi kia trong tương lai xa vời.95 75. Đấng Thong Suốt Thế Gian Dīpañkara, vị Thọ Nhận Các Vật Cúng Dường đã công bố về hành động của Ta rồi đã đi nhiễu quanh Ta.20 21 76. Các vi Thích tử hiện diện ở tại nơi ấy đã đi nhiễu quanh [Ta]. Chư thiên, nhân loại và các a-tu-la đã đảnh lễ [Ta] rồi ra đi. 77. Khi vị Lãnh Đạo Thế Gian cùng hội chúng đã đi khỏi tầm nhìn của Ta, khi áy Ta đã tư cho nam vươn dạy roi xép vao the kiet-gia. 78. Khi ấy, Ta được an lạc với sự an lạc, được vui sướng với sự vui sướng, và trong khi được tràn ngập với pháp hỷ, Ta đã xếp vào tư thế kiết-già. 79. Sau khi ngồi xuống với tư thế kiết-già, khi ấy Ta đã suy nghĩ như vầy: "Được tự tại trong pháp thiền, Ta đã đạt đến sự toàn hảo về thắng trí. 80. ở trong mười ngàn thế giới, các ẩn sĩ ngang bằng với Ta là không có. Không có vị nào bằng về các phép thần thông. Ta đã đạt được sự an lạc như thế ấỳ? 81. Với tư thế kiết-gia của Ta, cư dân ở mười ngàn thế giới đã phát ra lời nói vang dội rằng: "Chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật. 82. Trước đây, những điềm báo hiệu nào đã được thể hiện khi các vi Bồ-tát xép vào tư thê kiêt-già cao quý, những điêu ây được thê hiện ngày hôm nay. 83. Sự lạnh lẽo được biến đi và sự nóng nảy được lắng dịu. Những điều ấy được thể hiện ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật. 84. Mười ngàn thế giới không có tiếng động và không bị chộn rộn. Những điều ấy được thể hiện ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật.

20 Dịch theo từ sẽ là: t4Tuổi thọ của vị Gotama có danh tiếng ấy là 100 năm.,^ Vì tuổi thọ của đức Phật Gotama chỉ là 80 năm nên đã được dịch như trên. 21 Djch theo từ sẽ là 4<rồi đã nâng bàn chân phải len,5 thay vì uđã hướng vai phải nhiễu quanh,,. Chú giải đề cặp cả hai cách dịch (BvsA. 99).

85. Các cơn gió lớn ngừng thổi, các dòng nước ngừng chảy. Những điều ấy được thể hiện ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật. 86. Các bông hoa mọc ở trên đất và mọc ở trong nước, tất cả lập tức nở hoa. Tất cả những bông hoa ấy cũng được nở ra ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật. 87. Và nếu là những dây leo hay là những cây cối thì lập tức trở thành trĩu nặng những quả. Tất cả các cây ấy cũng được kết trái ngày hôm nay; chắc chắn Ngai sẽ trở thành đức Phật. 88. ở trên không trung và ở đất liền, các châu báu lập tức rực sáng. Các châu báu ấy cũng rực sáng ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật. 89. Các loại nhạc cụ của loài người và của cõi trời lập tức tấu nhạc. Cả hai loại nhạc cụ ấy cũng trình tấu ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật. 90. Những bông hoa các loại đã lập tức rơi xuống từ bầu trời. Chúng cũng được thể hiện ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật. 91. Đại dương lùi ra xa, mười thế giới rúng động. Cả hai việc ấy cũng ầm ĩ ngày

hôm nay; chắc chan Ngài sẽ trở thành đức Phật. 92. Mười ngàn ngọn lửa ở các địa ngqc lập tức được dập tắt. Các ngọn lửa ấy cũng được dập tắt ngày hôm nay; chác chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật. 93. Mặt trời không bị u ám, tất cả các ngôi sao được nhìn thấy. Các việc ấy cũng được thể hiện ngày hôm nay; chắc chăn Ngài sẽ trở thành đức Phật. 94. Dầu không có mưa nhưng nước lập tức được phun lên từ mặt đất. Nước ấy cũng được phun lên từ mặt đát ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đưc Phạt. 95. Các chòm sao, các vì tinh tú chiêu sáng ở trên vòm trời. Chòm sao Visākhā được liên kết với mặt trăng; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật. 96. Các loài thú ở hang, các loài thú ở hốc rời khỏi chỗ ngụ của chúng. Chúng cũng chối từ chỗ ngụ ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật. 97. Không có sự không vui thích ở các chúng sanh, họ lập tức trở nên hớn hở. Tất cả bọn họ cũng hớn hở ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật. 98. Tật bệnh được giảm thiểu và nạn đói được tiêu trừ. Các điều ấy cũng được thể hiện ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật. 99. Khi ấy, tham dục trở nên nhỏ nhoi, sân hận si mê được tiêu trừ. Tất cả các điêu ây cũng đã biên mát ngày hôm nay; chác chăn Ngài sẽ trở thành đức Phật. 100. Khi ấy, nỗi sợ hãi không hiện diện. Điều ấy cũn^ được thể hiện ngày hôm nay. Với hiện tướng ấy, chúng tôi biết được chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phạt. 101. Bụi bặm không bốc lên phía bên trên. Điều ấy cũng được thể hiện ngày

hôm nay. Với hiện tướng ấy, chúng tôi biết được chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phạt. 102. Mùi khó chịu biến đi. Mùi hương của cõi trời tỏa đến. Hương thơm ấy cũng tỏa ra ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật. 103. Tất cả chư thiên đều hiện ra ngoại trừ các vị ở cõi vô sắc. Tất cả các vi ây cũng được nhìn thây ngày hôm nay; chác chăn Ngài sẽ trở thành đức Phật. 104. Cho đến các nơi gọi là địa ngục, toàn bộ lập tức được nhìn thấy. Tất cả các nơi ấy cũng được nhìn thấy ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật. 105. Khi ấy, các bức tường thành, các cánh cửa và các tảng đá không còn là các vật chướng ngại. Ngày hôm nay, chúng cũng đều trở thành những khoảng không; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật. 106. Sự chết và sự tái sanh không xảy ra vào thời khắc ấy. Chúng không được nhìn thấy ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật. 107. Hãy nỗ lực tinh tấn một cách bền bỉ. Chớ có quay lui, hãy tiến bước. Chúng tôi cũng biết rõ điều này; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phát." 108. Nghe được lời nói của cả hai là của đức Phật và của [chư thiên] mười ngàn thế giới, khi ấy Ta trở nên hớn hở, mừng rỡ? vui sướng và đã suy nghĩ như vầy: 109. "Chu Phật, các đấng Chiến Thắng khônệ có nói hai lời, không có lời nói rồ dại. Chư Phật không có sự dối trá, chắc chan Ta sẽ trở thành vị Phật. 110. Giống như cục đất được ném ở khoảng không thì chắc chắn rơi xuống đất, tương tợ y như thế, lời nói của chư Phật là chắc chắn và có cơ sở. Chư Phật không có sự dối trá, chắc chắn Ta sẽ trở thành vi Phật. 111. Cũng giống như sự chết của tất cả chúng sanh là chắc chắn và có cơ sở, tương tợ y như thế, lời nói của chư Phật tối thượng là chắc chắn và có cơ sở. Chư Phật không có sự dối trá, chắc chắn Ta sẽ trở thành vị Phật. 112. Giống như khi đêm tàn đã đến thì có sự mọc lên của mặt trời là điều chác chăn, tương tợ y như thê? lời nói của chư Phật tôi thượng là chác chăn và có cơ sở. Chư Phật không có sự dối trá, chắc chắn Ta sẽ trở thành vị

Phật. 113. Giống như tiếng rống của con sư tử khi rời khỏi chỗ nằm là điều chắc chắn, tương tợ y như thế, lời nói của chư Phật tối thượng là chắc chắn và có cơ sở. Chư Phật không có sự dối trá, chắc chắn Ta sẽ trở thành vị Phật. 114. Giống như việc hạ sanh của các sản phụ là điều chắc chắn, tương tợ y như thế, lời nói của chư Phật tối thượng là chắc chắn và có cơ sở. Chư Phật không có sự dối trá, chắc chắn Ta sẽ trở thành vị Phật. 115. Vậy, Ta hãy xem xét các pháp tạo thành quả vị Phật từ nơi này và từ nơi này, ở bên trên [cõi trời], ở bên dưới [cõi nhân loại], và các phương hướng cho đến tận bản thể của các pháp ấy."

116. Khi ây, trong lúc xem xét Ta đã nhận ra pháp thứ nhát là sự toàn hảo về bố thí (bố thí ba-la-mật), là đạo lộ thênh thang đã được thực hành bởi các VỊ Đại ẩn sĩ tiền bối. 117. Ngươi hãy củng cô và thọ trì cho được pháp thứ nhát này. Ngươi hãy đạt đến sự toàn hảo về bố thí nếu ngươi muốn đạt được quả vi Giác ngộ. 118. Cũng giống như cái chum được chứa đầy đã bị úp ngược lại bởi bất cứ người nào thì tuôn nước ra không còn dư sót, hoàn toàn không giữ lại ở trong đó. 119. Tương tợ y như thê, khi nhìn thây những người câu xin dâu hèn, sang, hay trung bình, ngươi hãy cho ra vật thí không chừa lại ví như cái chum đã được úp ngược. 120. Nhưng các pháp tu thành Phật sẽ không chỉ có chừng ấy, Ta sẽ xem xét các điều khác cũng là các pháp làm chín muồi sự giác ngộ. 121 . Khi ây? trong lúc xem xét Ta đã nhận ra pháp thứ nhì là sự toàn hảo vê giới đã được các vị Đại ẩn sĩ tiền bối thực hành, gắn bó. 122. Ngươi hãy củng cố và thọ trì cho được pháp thứ nhì này. Ngươi hãy đạt đên sự toàn hảo vê giới nếu ngươi muôn đạt được giác ngộ. 123. Cũng giống như con bò mộng có cái đuôi bị vướng vào bất cứ vật gì thà chấp nhận cái chết ở tại nơi ấy chứ không làm đứt cái đuôi. 124. Tương tợ y như thế, ngươi hãy làm tròn đủ các giới luật trong bốn lãnh vực,22 hãy luôn luôn gìn giữ vẹn toàn giới luật giống như là con bò mộng hộ trì cái đuôi vậy. 125. Nhưnệ các pháp tạo thành quả vị Phật sẽ không chỉ có chừng ấy, Ta sẽ xem xét các điêu khác nữa cũng là các pháp làm chín muôi sự giác ngộ. 126. Khi ấy, trong lúc xem xét Ta đã nhận ra pháp thứ ba là sự toàn hảo về xuât ly đã được các vị Đại ân sĩ tiên bôi thực hành, găn bó. 127. Ngươi hãy củng cố và thọ trì cho được pháp thứ ba này. Ngươi hãy đạt đến sự toàn hảo về xuất ly nếu ngươi muốn đạt được quả vị Giác ngộ. 128. Giống như người sống đã lâu ở trong nhà tù, bi hành hạ khổ sở, không khởi lên lòng ái luyến đối với nơi ấy mà tầm cầu chỉ mỗi sự tự do. 129. Tương tợ y như thế, ngươi hãy nhìn tất cả các cõi tái sanh [dục giới, sắc giới, vô sắc giới] như ỉa các nhà tù. Hãy hướng về xuất ly nhắm đến sự hoàn toàn giải thoát khỏi các cõi. 130. Nhưng các pháp tạo thành quả vị Phật sẽ không chỉ có chừng ấy, Ta sẽ xem xét các điêu khác nữa cũng là các pháp làm chín muồi sự giác ngộ. 131. Khi ấy, trong lúc xem xét Ta đã nhận ra pháp thứ tư là sự toàn hảo về trí tuệ đã được các vị Đại ẩn sĩ tiền bối thực hành, gắn bó.

22 Bốn lãnh vực của giới là: Thu thúc trong Giới bổn (Patimokkho), thu thúc các giác quan, nuôi mạng thanh tịnh và liên quan đen các vật dụng (BvsA. 106).

. f

132. Ngươi hãy củng cô và thọ trì cho được pháp thứ tư này. Ngươi hãy đạt đến sự toàn hảo về trí tuệ nếu ngươi muốn đạt được quả vị Giác ngộ. 133. Cũng giống như vi Tỳ-khưu trong khi đi khất thực không bỏ qua các gia đình dầu hèn, sang, hay trung lưu, và đạt được phương tiện sinh sống như ứiế ấy. 134. Tương tợ y như thê, trong khi vân hỏi người có trí tuệ vào mọi thời điểm, ngươi sẽ đạt đến sự toàn hảo về trí tuệ và sẽ thành tựu quả vi Toàn giác. 135. Nhimg các pháp tạo thành quả vi Phật sẽ không chỉ có chừng ấy, Ta sẽ xem xét các điều khác nữa cũng là các pháp làm chín muồi sự giác ngộ. 136. Khi ấy, trong lúc xem xét Ta đã nhận ra pháp thứ năm là sự toàn hảo về tinh tấn đã được các vị Đại ẩn sĩ tiền bối thực hành, gắn bó. 137. Ngươi hãy củng cố và thọ trì cho được pháp thứ năm này. Ngươi hãy đạt đên sự toàn hảo vê tinh tân nêu ngươi muôn đạt được quả vi Giác ngộ. 138. Cũng giông như con sư tử, vua các loài thú, trong khi ngôi, đứng, đi tới lui, có sự tinh tấn không uể oải và có tâm cảnh giác vào khi ấy. 139. Tương tợ y như thế, ở tại tất cả các cõi tái sanh ngươi hãy nỗ lực sự tinh tấn bền vững, sau khi đạt đến sự toàn hảo về tinh tấn ngươi sẽ thành tựu quả vị Toàn giác. 140. Nhưng các pháp tạo thành quả vị Phật sẽ không chỉ có chừng ấy, Ta sẽ xem xét các điều khác nữa cũng là các pháp làm chín muồi sự giác ngộ. 141. Khi ấy, trong lúc xem xét Ta đã nhận ra pháp thứ sáu là sự toàn hảo về nhẫn nại đã được các vị Đại ẩn sĩ tiền bối thực hành, gắn bó. 142. Ngươi hãy củng cố và thọ trì cho được pháp thứ sáu này. Với tâm trí không chao động ở trong pháp ấy, ngươi sẽ thành tựu quả vị Toàn giác. 143. Cũng giống như trái đất chịu đựng tất cả các vật quăng bỏ, cả sạch sẽ lẫn dơ dáy, không tỏ ra bực bội hay thích thú. 144. Tương tợ y như thế, ngươi cũng hãy chấp nhận sự trọng vọng hoặc khinh khi của tất cả? sau khi đạt đến sự toàn hảo về nhẫn nại ngươi sẽ thành tựu quả vi Toàn giác. 145. Nhimg các pháp tạo thành quả vi Phật sẽ không chỉ có chừng ấy, Ta sẽ xem xét các điều khác nữa cũng là các pháp làm chín muồi quả vị Giác ngộ. 146. Khi ây, trong lúc xem xét Ta đã nhận ra pháp thứ bảy là sự toàn hảo vê chân thật đã được các vị Đại ẩn sĩ tiền bối thực hành, gắn bó. 147. Ngươi hãy củng cố và thọ trì cho được pháp thứ bảy này. Không có nói hai lời trong pháp này [thì] ngươi sẽ thanh tựu quả vị Toàn giác. 148. Cũng giông như [ngôi sao] osadhĩ, có trạng thái cân băng ở tại thê gian luôn cả các cõi trời, không đi lệch ra ngoài quỹ đạo vào thời điểm trong năm hoặc mùa tiết.

149. Tương tợ y như thế, chớ đi lệch ra khỏi đường lối của các sự thật, sau khi đạt đến sự toàn hảo về chân thật ngươi sẽ thành tựu quả vị Toàn giác. 150. Nhưng các pháp tạo thành quả vị Phật sẽ không chỉ có chừng ấy, Ta sẽ xem xét các điêu khác nữa cũng là các pháp làm chín muồi sự giác ngộ. 151. Khi ấy, trong lúc xem xét Ta đã nhận ra pháp thứ tám là sự toàn hảo về quyết định đã được các vị Đại ẩn sĩ tiền bối thực hành, gắn bó. 152. Ngươi hãy củng cố và thọ trì cho được pháp thứ tám này. Sau khi trở nên không còn dao động trong pháp này ngươi sẽ thành tựu quả vi Toàn giác. 153. Cũng giống như hòn núi đá bền vững, khéo được kết Cấu, đứng yên tại chính vị trí của nó, không rung động vì những cơn gió dữ dội. 154. Tương tợ y như thế, ngươi cũng hãy

luôn luôn không chao đảo trong sự quyết đinh, sau khi đạt được sự toàn hảo về quyết đinh ngươi sẽ thành tựu quả vị Toàn giác. 155. Nhưng các pháp tạo thành quả vị Phật sẽ không chỉ có chừng ấy, Ta sẽ xem xét các điêu khác nữa cũng là các pháp làm chín muôi sự giác ngộ. 156. Khi ấy, trong lúc xem xét Ta đã nhận ra pháp thứ chín là sự toàn hảo về từ ái đã được các vị Đại ẩn sĩ tiền bối thực hành, gan bó. 157. Ngươi hãy củng cố và thọ trì cho được pháp thứ chín này. Hãy là người không ai sánh bằng về lòng từ ái nếu ngươi muốn đạt được quả vị Giác ngộ. 158. Cũng giốnậ như nước tẩy sạch bụi bặm cáu ghét, và đem lại sự mát mẻ cho những người hiên và những kẻ ác một cách bình đăng. 159. Tương tợ y như thế, ngươi hãy phát triển tâm từ ái một cách bình đẳng đối với người thân hay kẻ nghịch. Sau khi đạt được sự toàn hảo về từ ái ngươi sẽ thành tựu quả vị Toàn giác. 160. Nhunệ các pháp tạo thành quả vị Phật sẽ không chỉ có chừng ấy, Ta sẽ xem xét các điêu khác nữa cũng là các pháp làm chín muôi sự giác ngộ. 161. Khi ấy, trong lúc xem xét Ta đã nhận ra pháp thứ mười là sự toàn hảo về hành xả đã được các vị Đại ẩn sĩ tiền bối thực hành, gắn bó. 162. Ngươi hãy củng cố và thọ trì cho được pháp thứ mười này. Được cân bằng và trở nên vững chãi, ngươi sẽ thành tựu quả vị Toàn giác. 163. Cũng giống như trái đất bình thản đối với vật dơ vật sạch đã được ném xuống, không phạm vào cả hai điều là giận dữ hay ưu đãi ấy. 164. Tương tợ y như thế, ngươi hãy luôn luôn giữ trạng thái cân bằng đối với lạc và khổ, sau khi đạt đến sự toàn hảo về hành xả ngươi sẽ thành tựu quả vi Toàn giác. 165. Các pháp làm chín muôi sự giác ngộ ở thế gian chỉ có chừng ấy, không có pháp nào khác hơn thê nữa. Ngươi hãy thiêt lập bền vững trong các pháp ấy. 166. Trong khi Ta đang suy nghiệm các pháp này về bản thể, tính chất và đặc điểm, do oai lực của các pháp quả đất và mười ngàn thế giới đã rung động.

PHẬT SỬ 649

167. Quả đất lay động gào thét như là máy ép mía bị khuấy rối. Máy ép dầu có bánh xe rung chuyển như thế nào thì trái đất rung động như thế ấy. 168. Cho đến nhóm người ở tại nơi dâng cúng vật thực đến đức Phật, trong lúc run rẩy họ bi choáng váng rồi nằm dài trên mặt đất tại nơi ấy. 169. Hàng ngàn hũ đựng nước và nhiều trăm chiếc lu va chạm lẫn nhau bị vỡ tan, bị nghiền nát ở tại nơi ấy. 170. Với tam trí lo âu, sợ hãi, hoảng hốt, hồi hộp, bối rối, dân chúng đã tụ hội lại rồi đi đến gặp [đức Phật] Dīpañkara [hỏi rằng]: 171. "Điều gì sẽ xảy ra ở thế gian? Là điều tốt hay điều xấu? Toàn bộ thế gian bị khuấy động, xin bậc Hữu Nhãn hãy xua tan điều ấy." 172. Khi ấy, bậc Đại Hiền Triết Dīpañkara đã giải thích rõ cho họ rằng: uHãy yên tâm. Chớ có hoảng hốt về việc động đất này. 173. Người mà hôm nay Ta đã công bố sẽ trở thành vi Phật ở thế gian, người ấy suy nghiệm về pháp đã được thực hành bởi các đấng Chiến Thắng thời quá khứ. 174. Trong khi vi ây đang suy nghiệm vê pháp là nên tảng của chư Phật không có thiếu sót, vì thế trái đất này với mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên đã rung dOng." 175. Sau khi lắng nghe lời nói của đức Phật, lập tức tâm [mọi người] được lăng dịu. Tát cả đã đen gân Ta roi cũng đã đanh le lan nữa. 176. Sau khi đã thọ trì đức hạnh của chư Phật và lập tâm kiên cố, khi ấy Ta đã cúi lạy [đức Phật] Dīpañkara và đã tư chỗ ngồi đứng dậy. 177. Với những bông hoa, cả hai hạng chư thiên và nhân loại rải rắc bông hoa của cõi trời và của loài người xuống Sumedha đang từ chỗ ngồi đứng dậy. 178. Và cả hai hạng

chư thiên và nhân loại ấy J)hát biểu lời chúc tốt lành rằng: "Lời phát nguyện của Ngài thật vĩ đại. Mong rằng Ngài sẽ đạt được điều ấy theo như ước muốn. 179. Mong rằng tất cả các điều rủi ro được xa lánh. Mong rằng sầu não, bệnh tật được tiêu trừ. Mong rang sự nguy hiểm đừng xảy đen cho Ngài. Ngài hãy mau mau đạt đến quả vị Giác ngộ tối thượng. 180. Cũng giống như cây cho hoa nở hoa khi đến mùa, tương tợ y như thế, hỡi đức Phật Anh Hùng, xin Ngài hãy trổ hoa với trí tuệ của vị Phật. 181. Giống như bất cứ những vị nào là Toàn Giác đều đã làm tròn đủ sự toàn hảo của mười pháp, tương tợ y như thế, hỡi đấng Đại Hùng, xin Ngài hãy làm tròn đủ sự toàn hảo của mười pháp. 182. Giống như bất cứ những vi nào là Toàn Giác đã giác ngộ ở khuôn viên cội Bồ-đề, tương tợ y như thế, hỡi đấng Đại Hùng, xin Ngài hãy giác ngộ ở cội Bồ-đề của đấng Chiến Thắng. 183. Giống như bất cứ những vị nào là Toàn Giác đã chuyển vận bánh xe

r • « í 7 Chánh pháp, tương tợ y như thê, hỡi đang Đại Hùng, xin Ngài hãy chuyên vận bánh xe Chánh pháp. jF A e -r e r

184. Giông như mặt trăng vào ngày răm là thanh khiêt và chiêu sáng, tương tợ y như thế, Ngài đã được vẹn toàn, xin Ngài hãy chiếu sáng mười ngàn thế giới. 185. Giống như mặt trời được thoát khỏi thần Râhu23 thì vô cùng rạng rỡ với nguồn năng lượng, tương tợ y như thế sau khi thoát ra khỏi thế gian xin Ngài hãy tỏa sáng với sự vinh quang. 186. Giông như mọi con sông đêu chảy xuôi vê biên cả, tương tợ như thê các thế gian luôn cả chư thiên xuôi dòng trong sự hiện diện của Ngài." 187. Khi ấy, được họ tán dương và ca ngợi, vi ấy đã thọ trì mười pháp. Và trong khi làm tròn đủ các pháp ấy, vị ấy đã tiến vào khu rừng thẳm. Dứt phần nói về Sumedha.

23 Hiện tượng nhật thực được giải thích theo truyền thuyết Ấn Độ là mặt trời bị thần Rãhu nuốt lấy. (ND)

1. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT DĪPAÑKARA (PĪPAÑKARABUDDHAVAMSO)

1. Lúc bấy giờ, sau khi đã dâng vật thực đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng [Tỳ-khưu], họ đã đi đên nương nhờ [quy y] bậc Đạo Sư Dīpañkara ấy. 2. Đức Như Lai đã an trú người này vào việc đi đến nương nhờ [quy y], người kia vào năm giới, người khác vào mười giới. 3. Ngài ban cho vị này tư cách Sa-môn trong bốn quả vị tối thượng. Ngài ban cho vị kia tuệ phân tích thuộc vê các pháp không gì sánh kịp. 4. Đang Nhân Ngưu ban cho người này tám tâng thiên quý báu, ban tặng cho người kia ba minh, sáu thắng trí (lục thông). 5. Bậc Đại Hiền Triết ấy đã giáo huấn đám đông bằng phương thức ấy. Nhờ vậy, giáo pháp của đang Lãnh Đạo The Gian đã được pho biến rộng rãi. 6. Vị có tên Dīpañkara, có quai hàm lớn vai rộng, giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua, giúp cho họ hoàn toàn thoát khỏi khổ cảnh. 7. Sau khi nhìn thấy chúng sanh có thể giác ngộ dầu ở cách trăm ngàn do- tuần, bậc Đại Hiền Triết đi đến trong khoảnh khắc và giác ngộ người ấy. 8. Trong sự lãnh hội lần thứ nhất, đức Phật đã giác ngộ một trăm koti (một tỷ) vị. Trong sự lãnh hội lần thứ nhì, bậc Lãnh Đạo đã giác ngộ chín mươi kati (chín trăm triệu) vị. 9. Và khi đức Phật thuyết giảng giáo pháp ở tại cung trời,

đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của chín mươi ngàn koti (chín ưăm tỷ) vị. 10. Bậc Đạo Sư Dīpañkara có ba lần tụ hội. Cuộc tụ hội lần thứ nhất là của một trăm ngàn koti (một ngàn tỷ, một triệu triệu) vi. 11. Hơn nữa, khi đang Chiên Thăng sông biệt cư tại đỉnh núi Nârada, một trăm hoti bậc Lậu tận không còn ô nhiễm đã tụ hội lại. 12. Vào thời gian đang Đại Hùng ngự ở ngọn núi Sudassanaṃ bậc Đại Hiên Triết đã hành lễ Pavãraṵấ24 với chín mươi ngàn koti vi. 13. Vào lúc bấy giờ, Ta là đạo sĩ bện tóc có khổ hạnh cao tột, đi lại ở trên không trung, toàn hảo về năm thắng trí.

24 Lễ Pavāranā thường được tiến hành vào ngày rằm tháng 9 âm lịch sau khi đã hoàn tất ba tháng an cư mùa mưa. Các vị ly-khưu tụ hội lại và thỉnh cầu hội chung chỉ dạy về những điều giới luật mà các thành viên của hội chung đã nhận thay, nghe được, hoặc có hoài nghi về bản ữiân vị thỉnh cầu đã vi phạm trong thời gian qua.

14. Đã có sự lãnh hội giáo pháp của mười ngàn, hai mươi ngàn vi. Sự lãnh hội của một hai vị là không kể đến theo cách thức tính toán. 15. Khi ấy, giáo pháp vô cùng thanh tịnh của đức Thế Tôn Dīpañkara đã được phát triển, thành công, và phổ biến rộng rãi đến số đông người. 16. Bốn trăm ngàn vị Lục thông có đại thần lực luôn luôn tề tựu xung quanh bậc Thông Suốt Thế Gian Dīpañkara. 17. Vào lúc bấy giờ, những ai từ bỏ bản thể nhan loại còn là những bậc Hữu học có tâm trí chưa được thành đạt, những người ấy bị chê trách. 18. Nhờ vào các vị A-la-hán có các lậu hoặc đã tận không còn ô nhiễm như thế ấy, lời tuyên thuyết được khéo léo đơm hoa luôn luôn sáng chói. 19. Thành phố có tên là Rammavatĩ, vị vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Sudeva, người mẹ của đấng Đạo sư Dīpañkara tên là Sumedha. 20. Đấng Chiến Thắng đã ở giữa gia đình trong mười ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời gọi tên là Harps Koficā và Mayũrã. 21. Có ba trăm ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy [người vợ] tên là Padumâ. Con trai tên là usabhakkhandha. 22. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, đấng Chiến Thắng đã ra đi bằng phương tiện voi và đã ra sức nỗ lực mười tháng không thiếu sót. 23. Sau khi thực hành hạnh nỗ lực, bậc Hiền Triết đã giác ngộ bằng tâm. Bậc Đại Hiền Triết Dīpañkara đã được đấng Phạm thiên thỉnh cầu. 24. Bậc Đại Hùng, đấng Chiến Thắng Oai Lực có bánh xe [Chánh pháp] được chuyển vận tại tu viện Nandā. Ngồi ở gốc cây sirisa, Ngài đã khuất phục hàng ngoại đạo. 25. Sumañgala và Tissa đã là [hai vi] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đạo Sư Dīpañkara tên là Sãgata. 26. Nandā và luôn cả Sunandã đã là [hai vi] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Tipphair9. 27. Tapussa và Bhallika đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Sirimā và Sonā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ của bậc Đạo Sư Dīpankara. 28. Cao tám mươi cánh tay,25 vị Đại Hiền Triết Dīpañkara sáng ngời như cây cột đèn, như là cây sâla chúa đã được trổ hoa. 29. Tuôi thọ của vị Đại An Sĩ ây là một trăm ngàn năm. Trong khi tôn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua. 30. Ngài đã làm rạng rỡ Chánh pháp và đã giúp cho dân chúng vượt qua. Sau khi rực cháy như là khoi lửa, Ngài cùng với các vị Thinh văn đã Niết-bàn. 31. Thân thông ây, danh tiêng ây và các bánh xe châu báu ây ở hai bàn chân, tất cả đều hoàn toàn biết mất; phải chăng tất cả các hành là trống không?

25 80 hattha (cánh tay) = 40 mét (l hattha = 0.50 mét). (ND)

PHẬT SỬ 653

32. Đấng Chiến Thắng, bậc Đạo Sư Dīpañkara đã Niết-bàn tại tu viện Nandā. Bảo tháp của đấng Chiến Thắng dành cho vị ấy có chiều cao ba mươi sáu do-tuần là ở ngay tại nơi ấy. 6ốLịch sử đức Phật Dipahkara" là phần thứ nhất

654 KINH TIỂU BỘ

2. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT KONDAÑÑA (KONDAÑÑABUDDHAVAMSO)

1. Sau [đức Phật] Dīpañkara, vị Lãnh Đạo tên Kondañfla có vinh quang vô tận, danh tiếng vô cùng, không thể đo lường, khó có thể đạt đến. 2. Vị ấy được ví như trái đất về sự kham nhẫn, như biển cả về giới hạnh, như núi Meru về thiền định, như bầu trời về trí tuệ. 3. Vì lợi ích của tất cả chúng sanh, đức Phật luôn luôn giảng giải bài giảng về căn quyền, về lực, về các chi phần đưa đến giác ngộ, về đạo lộ? về chân lý. 4. Trong khi đang Lãnh Đạo Thê Gian Kondañfia đang chuyên vận bánh xe Chánh pháp, đã có sự lãnh hội lần thứ nhất là của một trăm ngàn koti vị. 5. về sau vào lúc khác, trong khi thuyết giảng ở cuộc tụ hội của loài người và chư thiên, đã có sự lãnh hội lân thứ nhì là của chín mươi ngàn koíi vị. 6. Trong khi khuất phục các ngoại đạo, lúc ây đức Phật đã thuyêt giảng giáo pháp; đã có sự lãnh hội giáo pháp của tám mươi ngàn kati vị. 7. Bậc Đại Ẩn Sĩ Kondafiña đã có ba lần tụ hội gồm các vị Lậu tận, không còn ô nhiễm, có tâm thanh tinh như thế ấy. 8. Cuộc hội tụ thứ nhất gồm có một trăm ngàn koti vị, thứ nhì gồm có một ngàn koti vi, thứ ba gồm có chín mươi koti vi. 9. Vào lúc bấy gi&, Ta là vị Sát-đế-lỵ tên Vijitāvī. Ta thể hiện quyền thống trị từ đầu này đến đâu kia của biển cả. 10. Ta đã làm hài lòng một trăm ngàn koti vị Đại ẩn sĩ không còn ô nhiễm cùng với đấng Lãnh Đạo Tối Thắng Của Thế Gian bằng vật thực tuyệt hảo. 11. Đức Phật ấy, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Konidañfia cũng đã chú nguyện cho Ta răng: "Trong vô lượng kiêp tính từ thời diêm này, [người này] sẽ trở thành vi Phạt ở thế gian. 12. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh]. 13. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy roi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền). 14. ơ tại bờ sông Nerafljarā, đang Chiên Thăng áy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn. 15. Ke đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị có danh tiếng vĩ đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha.

PHẬT SỬ 655

16. Người mẹ sanh ra vi này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddho- dana. Vị này sẽ là Gotama. _ 17. Kolita và Upatissa sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng ây. 18. Khemā và uppalavannā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Ton ấy được gọi ten là 'Assattha\ 19. Citta và Hatthālavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ la [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm.,^ 20. Sau khi nghe được lời nói này của vi Đại Ẩn Sĩ không ai sánh

bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: 66Vị này là chủng tử mầm mống của chư Phát.” 21. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chăp tay cúi lạy [nói răng]: 22. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vi kia trong tương lai xa vời. 23. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới. 24. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời." 25. Sau khi nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Trong khi làm hoàn mỹ cho chính mục đích ấy,26 Ta đã dâng lên đấng Chiến Thắng vương quốc rộng lớn. Sau khi từ bỏ vương quốc rộng lớn, Ta đã xuất gia trong sự chứng minh của vị ấy. 26. Sau khi học tập toàn bộ Kinh và luôn cả Luật tức là giáo pháp của bậc Đạo Sư gồm chín thể loại, Ta đã làm rạng rỡ giáo pháp của đấng Chiên Thắng. 27. Trong khi sống không xao lãng trong giáo pháp ấy trong khi ngòi, đứng, đi kinh hành, sau khi làm toàn hảo các thắng trí, Ta đã đi đến thế giới của Phạm thiên. 28. Thành phố có tên là Rammavatī, vị vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Sunanda, người mẹ của vị Đại Ẩn Sĩ Kondafifta tên là Sujātā. 29. Vị ấy đã ở giữa gia đình mười ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Suci, Suruci và Subha. 30. Có ba trăm ngàn phụ nữ được trang diêm. Nữ nhân ây [người vợ] tên là Rucidevī. Con trai tên là Vijitasena. 31. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, đấng Chiến Thắng đã ra đi bằng phương tiện cỗ xe và đã ra sức nỗ lực mười tháng không thiếu sót.

26 Là tròn đủ pháp toàn hảo về bố thí nhằm mục đích thành tựu quả vị Phật (BvsA. 139).

32. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, bậc Tối Thượng Nhân, đấng Đại Hùng Kondañña đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở khu rừng lớn của chư thiên. 33. Bhaddā và luôn cả Subhadda đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vi thị giả của bậc Đại Ẩn Sĩ Kondaflfia tên là Anuruddha. 34. Tissa và Upatissâ đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của vị Đại Ẩn Sĩ Kondañfia là giống cây sâla tốt lành (sāla-kalyānika). 35. Sona và upasona đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Nandā và luôn cả Sirimā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. 36. Cao tám mươi tám cánh tay (bôn mươi mét), bậc Đại Hiên Triêt ây sáng ngời tợ như mặt trăng,27 giống như mặt trời lúc chính ngọ. 37. Tuổi thọ được biết là kéo dài đến một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vi ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua. 38. Trái đất được điểm tô với những bậc Lậu tận không còn ô nhiễm giống như là bầu trời được tô điểm bởi các vì tinh tú, và vị ấy đã rạng rỡ như thế. 39. Các bậc Long tượng ấy là vô lượng, không bị dao động, khó thể đạt đến. Sau khi thi hiện giống như là tia chớp, các vị có danh tiếng vĩ đại ấy đã Niết-bàn. 40. Thần thông ấy và [thiền] định đã được phát triển toàn diện bằng trí tuệ của đấng Chiến Thắng là vô song, tất cả đều hoàn toàn biết mất; phải chăng tất cả các hành là trống không? 41. Đức Phật Kondañña, bậc Có Niềm Vinh Quang đã Niết-bàn tại tu viện Canda. Ngôi bảo tháp đẹp đẽ [dành cho vị ấy] đã được dựng lên cao bảy do- tuần ở ngay tại nơi ấy. “Ljch sử đức Phật Kondañña" ỉa phần thứ

nhì.

27 Ulurāja: Vị vua của các vì tinh tú, tức là mặt trăng. (ND)

PHẬT SỬ 657

3. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT MAÑGALA (MANGALABUDDHAVAMSO)

1. Sau [đức Phật] Kondañña, vi Lãnh Đạo tên là Mañgala đã hủy diệt bóng tối ở thế gian và nâng cao ngọn đuốc Chánh pháp. 2. Hào quang của vị ây là vô song, vượt trội các đang Chiên Thăng khác, tiêu diệt ánh sáng mặt trăng mặt trời, và rọi sáng mười ngàn thế giới. 3. Đức Phật ây cũng đã giảng giải vê bôn chân lý cao quý tôi thượng. Những ai đã uống chất tinh túy của chân lý? những vi ấy xua tan bóng tối mịt mùng. 4. Sau khi đạt đên quả vị Giác ngộ vô song, trong buôi thuyêt giảng giáo pháp lần đầu tiên, đã có sự lãnh hội lần thứ nhất của một trăm ngàn koti vị. 5. Đức Phật đã thuyết giảng giáo pháp ở cung điện của vị Chúa trời. Khi ấy đã có sự lãnh hội lần thứ nhì của chín trăm ngàn koti vị. 6. Khi đức Chuyên Luân Vương Sunanda đi đên gặp đang Toàn Giác, khi ây đấng Toàn Giác đã gióng tiếng trống cao quý tối thượng của giáo pháp. 7. Và khi ấy, những người tùy tùng của [đức Vua] Sunanda gồm có chín mươi koti vị. Tất cả những người ấy không thiếu sót ai đã trở thành Tỳ-khxru theo hình thúc gọi đến.28 8. Vị Đại Ẩn Sĩ Mangala đã có ba lần tụ hội. Cuộc hội tụ thứ nhất gồm có một trăm ngàn koti vị. 9. Lân thứ nhì gôm có một ngàn koti vị. Lân thứ ba gôm có chín mươi koti vị. Khi ấy, là cuộc hội tụ của các bậc Lậu tận không còn ô nhiễm. 10. Vào lúc bấy giờ, Ta là Bà-la-môn tên Suruci, là vị trì tụng, nắm vững chú thuật, thành thạo ba bộ Vệ-đà. 11. Ta đã đi đên gặp và đã quy y bậc Đạo Sư áy. Ta đã Cling dường hương thơm và tràng hoa đến hội chúng có bậc Toàn Giác đứng đầu. Sau khi Cling dường huơng thơm và tràng hoa, Ta đã làm hài lòng [các vị] với món gavapāna.29 12. Vị Phật ấy, đấng Tối Thượng Nhân Mañgala cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: “Trong vô lượng kiếp tính từ thời điểm này, người này sẽ trở thành vị Phật. 28 Đức Phật chỉ gọi "Ehi bhikkhu nghĩa là: NàyrTỳ-khưu hãy đến" thì vị được gọi tự nhiên có tóc được cạo sạch, mặc y mang bình bát, tương mạo giống như các vị Tỳ-khưu đã tu lau nam vậy. Nhiều vị sẽ được gọi là 6Etha bhikkhavo nghĩa là: Này các Ty-khưu hãy đến,\ (ND) 29 Gavapāna được thực hiện từ bốn thứ mật ong^ đường mật, bột và bơ lỏng nấu chung lại, còn được gọi tên là catumadhurabhojana nghĩa là món ăn gôm bốn thư mật (BvsA. 149-50).

658 KINH TIỂU BÔ

13. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [kho hạnh]. 14. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lây món cơm sữa ở tại nơi ây roi đi đên Nerañjarā (Ni-liên-thiền). 15. ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn. 16. Ke đó5 sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha. 17. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama. 18. Kolita và upatissa sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ananda sẽ phục vụ đấng Chiên Thăng ây. 19.

Khemā và uppalavannā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha\ 20. Citta và Hatthālavaka sẽ là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đàu. Tuổi thọ [vào thời] của vi Gotama có danh tiếng ấy là một trăm nm." 21. Sau khi nghe được lời nói này của bậc Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: này là chủng tử mầm mống của chư Phát." 22. Họ thốt lên những tiếng reo hò? vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thể giới luôn cả chư thiên chăp tay cúi lạy [nói răng]: 23. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời. 24. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới. 25. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đoi diện vị kia trong tương lai xa vòi." 26. Nghe được lơi nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết định sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp. 27. Khi ấy, trong lúc đang tăng trưởng niềm hoan hỷ đối với việc đạt đến quả vị Toàn giác cao quý, Ta đã cúng dường ngôi nhà của Ta đến đức Phật và đã xuất gia trong sự chứng minh của vị ấy. 28. Sau khi học tập toàn bộ Kinh và luôn cả Luật tức là giáo pháp của bậc Đạo Sư gồm chín thể loại, Ta đã làm rạng rỡ giáo pháp của đấng Chiên Thắng. 29. Trong khi sông không xao lãng trong giáo pháp ây, sau khi tu tập pháp hành của Phạm thiên và làm toàn hảo các thăng trí, Ta đã đi đến thế giới của Phạm thiên.

PHẬT SỬ 659

30. Thành Ệhố có tên là Uttara, vị vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Uttara, người mẹ của vị Đại Ẩn Sĩ Mañgala tên là Uttarā. 31. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình trong chín ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Yasavā, Sucimâ và Sirimā. 32. Có đây đủ ba mươi ngàn phụ nữ được trang diêm. Nữ nhân ây [người vợ] tên là Yasavatī. Con trai tên là Sĩvala. 33. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, đấng Chiến Thắng đã ra đi bằng phương tiện ngựa và đã ra sức nỗ lực tám tháng không thiếu sót. 34. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hùng Mañgala đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở khu rừng Siri cao quý tối thượng. 35. Sudeva và Dhammasena đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đại Ẩn Sĩ Mañgala tên là Pālita. 36. Sĩvalā và Asokā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tồn ấy được gọi là "Cây Nga" 37. Nandā và luôn cả Visākhā đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Anulâ và luôn cả Sutanã đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. 38. Bậc Đại Hiền Triết cao tám mươi tám ratana.3Q Từ thân vị ấy phát ra hàng trăm ngàn ánh hào quang. 39. Tuổi thọ được biết là kéo dài đến chín mươi ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua. 40. Cũng giống như sóng ở biển, không thể nào tính đếm chúng được; tương tợ y như thế, các Thinh văn của Ngài không thể nào tính đếm các vị ấy được. 41. Trong khi bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Mañgala còn hiện tiền, vào khi ấy không có cái chết vẫn còn phiền não ở trong giáo pháp của vị ấy. 42. Sau khi đã nâng đỡ ngọn đuốc Chánh pháp, sau khi đã giúp cho đại chúng vượt qua, sau khi rực cháy như là cây cột khói, vị có danh tiếng lớn lao ấy đã Niết-ban. 43. Sau khi đã chỉ cho thê gian luôn cả chư thiên thây được bản chát cơ bản của các hành, [vị

ấy] đã phát cháy như là khối lửa, tương tợ như mặt trời đã lặn. 44. Đức Phật Mangala đã Niết-bàn tại công viên tên là Vèssara. Ngôi bảo tháp của đấng Chiến Thắng dành cho vị ấy đã được dựng lên cao ba mươi do- tuần ở ngay tại nơi ấy. uLịch sử đức Phật Mangala" là phần thứ ba.

30 22 mét, l ratana = 25cm. (ND)

4. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SUMANĀ UMANABUDDỈỈAVA^SƠ)

1. Sau [đức Phật] Mahgala, vi Lãnh Đạo tên Sumanā là bậc Tối Thượng Của Tất Cả Chúng Sanh, không ai sánh bằng về tất cả các pháp [giới, định, tuệ]. 2. Khi ấy ở thành phố Mekhala, Ngài đã gióng len tiếng trống bất tử được liên kết với những hồi tù và giáo pháp là lời giáo huấn của đấng Chiến Thắng gồm chín thể loại] 3. Sau khi chiên thăng các phiên não, đang Đạo Sư ây đã đạt đên quả vi Toàn giác tối thượng và đã tạo lập thành phố là thành phố Chánh pháp cao quý tối thượng. 4. Vi ấy đã tạo ra con đường lớn không bị cách khoảng, không khúc khuỷu, thẳng tắp, dài và rộng, [ấy là] tứ niệm xứ cao quý tối thượng. 5. Nơi đó, ở tại con đường Nệài đã trưng bày bốn quả vi Sa-môn, bốn tuệ phân tích, sáu thắng trí và tám thiền chứng. 6. Những ai không dể đuôi, [tâm] không bị ngăn trở, có được sự hổ thẹn tội lỗi và sự tinh tấn, chính những người ấy đạt được các đức hạnh cao quý này một cách dễ dàng. 7. Như thê băng phương thức ây, bậc Đạo Sư trong lúc nâng đỡ đại chúng, đã giác ngộ trước tiên một trăm ngàn koti vi. 8 Trong thời diêm đang Đại Hùng đã giáo huân các đô chúng ngoại dạo, là lúc thuyết giảng giáo pháp lần thứ nhì, một trăm ngàn koti người đã lãnh hội. 9. Vào lúc chư thiên và nhân loại có sự đồng lòng nhất trí đã vấn câu hỏi về sự tịch diệt và luôn cả sự nghi ngờ ở trong tâm nữa. 10. Khi ấy, cũng vào dịp thuyết giảng giáo pháp giải thích rõ ràng về sự tịch diệt, đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của chín mươi ngàn koti vi. 11. Bậc Đại Ẩn Sĩ Sumanā đã có ba lần tụ hội gồm các vị Lậu tận không còn ô nhiễm, có tâm thanh tịnh như thế ấy. 12. Khi đức Thế Tôn đã trải qua [an cư] mùa mưa, vào ngày lễ Pavāranā đã được công bố, đức Như Lai đã hành lễ Pavāranā cùng với một trăm ngàn koti vi. 13. Sau đó vào lúc khác, khi các vi không còn ô nhiễm đã tụ hội ở ngọn núi Kañcana, đã có cuộc hội tụ thứ nhì của chín mươi ngàn koíi vị. 14. Khi Chúa trời Sakkā đi đến chiêm ngưỡng đức Phật, đã có cuộc hội tụ thứ ba của tám mươi ngàn koti vị.

15. Vào lúc bấy giờ, Ta là vị Long vương tên Atula, có đại thần lực, có sự tích lũy các thiện pháp được doi dào. 16. Khi ấy, sau khi rời khỏi long cung, Ta đã cùng thân quyến phục vụ đấng Chiến Thắng cùng với hội chúng bang các nhạc cụ thiên đình của loài rồng. 17. Ta đã làm hài lòng một trăm ngàn koíi vị với thức ăn và nước uống. Sau khi dâng mỗi một vị hai xấp vải, Ta đã quy y vị ấy. 18. Đức Phật ấy, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumanā cũng đã chú nguyện cho Ta răng: "Trong vô lượng kiêp tính từ thời diêm này, người này sẽ trở thành vi Phạt. 19. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ

hạnh]. 20. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê? đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerafijarā (Ni-liên-thiền). 21. ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn. 22. Ke đó? sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề tối thắng, vị có danh tiếng vĩ đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha. 23. Người mẹ sanh ra vi này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama. 24. Kolita và upatissa sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng ấy. 25. Khemā và uppalavannā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Ton ấy được gọi ten là 'Ấssattha5. 26. Citta và Hatthālavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamâtā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiêng ây là một trăm năm." 27. Sau khi nghe được lời nói này của vi Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ răng]: này là chủng tử mâm mông của chư Phật.,, 28. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chăp tay cúi lạy [nói răng]: 29. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời. 30. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới. 31. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời?9

32. Nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết đinh sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp. 33. Thành phố có tên là Mekhala, vị vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Sudatta, người mẹ của vị Đại Ẩn Sĩ Sumanā tên là Sirimā. 34. Vi ấy đã sống ở giữa gia đình chín ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Canda, Sucanda và Vatamsa. 35. Có sáu mươi ba trăm ngàn [sáu triệu ba trăm ngàn] phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy [người vợ] tên là Vatamsikā. Con trai tên là Anupama. 36. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, đấng Chiến Thắng đã ra đi bằng phương tiện voi và đã ra sức nỗ lực mười tháng không thiếu sót. 37. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vi Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hùng Sumanā đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở thành phố Mekhala cao quý tối thượng. 38. Sarana và Bhāvitattā đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đại Ẩn Sĩ Sumanā tên là Udena. 39. Sonā và Upasonā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Đức Phật ấy, vị tương đương với các bậc không thê sánh băng, cũng đã giác ngộ cũng ở cội cây Nāgā. 40. Varuna và Sarana đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Cālā và upacālā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. 41. Vươn lên đên chín mươi cánh tay [bôn mươi lăm mét] vê chiêu cao, đức Phật ấy tỏa sáng mười ngàn thế giới tợ như kim loại vàng quý giá. 42. Tuổi thọ được biết là kéo dài đến chín mươi ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vi ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua. 43. Sau khi đã giúp cho vượt qua những người xứng đáng được vượt qua và đã giác ngộ những người xứng đáng được giác ngộ5 đấng Toàn Giác đã Vô dư Niết-bàn ví như mặt trăng [vua của các vì sao] đã lặn. 44. Đức Phật ấy là không gì sánh được, và các vi Tỳ-khưu ấy là các bậc Lậu tận. Sau khi thị hiện ánh sáng

vô song, các vị có danh tiếng lớn lao ấy đã Niết-bàn. 45. Trí tuệ vô song ấy và các châu báu không gì so sánh ấy, tất cả đều hoàn toàn biết mất; phải chăng tất cả các hành là trống không? 46. Đức Phật Sumanā, bậc Có Danh Tiếng đã Niết-bàn tại tu viện Angara. Ngôi bảo tháp của đấng Chiến Thắng dành cho vị ấy đã được dựng lên cao bốn do-tuần ở ngay tại nơi ấy. ÍẾLịch sử đức Phật Sumanā" là phần thứ tư.

PHẬT SỬ 663

5. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT REVATA (REVATĂBUDDHAVAMS^

ỉ. Sau [đức Phật] Sumanā có vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Revata là vô song, tối thượng, không có tương đương, không gì sánh được. 2. Được thỉnh cầu bởi đấng Phạm thiên, vi ấy cũng đã giảng giải giáo pháp, định nghĩa về [năm] uẩn, [mười tám] giới chưa từng được chuyển vận ở tam giới. 3. Trong sự thuyết giảng giáo pháp của vị ấy, đã có ba lần lãnh hội. Sự lãnh hội lần thứ nhất là không thể nói được bằng cách tính đếm. 4. Vào lúc bậc Hiền Triết Revata chỉ dạy đức Vua Arindama, khi ấy đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của một ngàn koti vi. 5. Sau khi xuất ra khỏi thiền tịnh bảy ngày, đấng Nhân Ngưu đã chỉ dạy về các quả vị tối thượng cho một trăm kotỉ chư thiên và nhân loại. 6. Bậc Đại Ẩn Sĩ Revata đã có ba lần tụ hội gồm các VỊ Lậu tận không còn ô nhiễm* đã khéo giải thoát như thế ấy. 7. Các vi đi đến vào lần đầu tiên là vượt quá phương thức tính đếm. Cuộc hội tụ thứ nhì gồm có một trăm ngàn kotỉ vị. 8. Người phụ trợ trong việc chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] của đức Phật là khôn^ ai sánh bằng về trí tuệ. Lúc bấy giờ, vị ấy bi bệnh và đã đạt đến tình trạng bấp bênh về mạng sống. 9. Khi ấy, các vị Hiền triết đã đi đến để thăm hỏi bệnh tình của vi ấy; đã có cuộc hội tụ thứ ba của một trăm ngàn koti vị A-la-hán. 10. Vào lúc bấy giờ, Ta là vị Bà-la-môn tên Atideva. Ta đã đi đến gặp đức Phật Revata. Ta đã quy y vị ấy. 11. Sau khi ca tụng giới, định và đức hạnh tôi thăng vê tuệ của vị ây, Ta đã dâng lên thượng y phù hợp với khả năng. 12. Đức Phật ấy, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Revata, cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: "Trong vô lượng kiếp tính từ thời điểm này, người này sẽ trở thành vị Phạt. 13. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh]. 14. Sau khi ngôi xuông ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lây món cơm sữa ở tại nơi ây roi đi đên Nerafījarā (Ni-liên-thiên).

664 KINH TIỂU BỒ_____

*J> . 1 T A M u r Á 1 l r 15. ơ tại bờ sông Nerañjarā, đang Chiên Thăng ây thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn. 16. Ke đó? sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vi Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha. 17. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama. 18. Kolita và upatissa sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ananda sẽ phục vụ đang Chiên Thăng ây. 19. Khemā và Uppalavannā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha9. 20. Citta và Hatthālavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm nm." 21. Sau khi nghe được lời

nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: này là chủng tử mầm mống của chư Phát." , , 22. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rang]: 23. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời. 24. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đôi diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới. 25. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vòi." 26. Nghe được lời nói của vi ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết định sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp. 27. Cũng vào khi ây, Ta đã nhớ lại và làm cho tăng trưởng pháp của chư Phật [nghĩ rằng:] "Điều gì Ta đã phát nguyện thì Ta sẽ đem lại điều áy.9531 28. Thành phố có tên là Sudhañña vatī, vị vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Vipula, người mẹ của vị Đại Ẩn Sĩ Revata tên là Vipulā. 29. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình trong sáu ngàn năm. Ba tòa lâu đài tuyệt vời đã được trang hoàng Sudassanaṃ Ratanagghi và ÂveIa là đã được phát sanh lên do thiện nghiệp. 30. Có ba mươi ba ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân (người vợ) tên là Sudassanâ. Con trai tên là Varuna. 31. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, đấng Chiến Thắng đã ra đi bằng phương tiện xe và đã ra sức nỗ lực bảy tháng không thiếu sót.

31 Ý nói đến quả vị Phật (BvsA. 165).

PHẬT SỬ 665

32. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Chiến Thắng, bậc Đại Hùng Revata có oai lực đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở tại khu vườn Varuna. 33. Varuna và Brahmadeva đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vi thị giả của bậc Đại Ẩn sĩ Mañgala tên là Sambhava. l 34. Bhaddā và luôn cả Subhaddā đã là [hai vị] nữ Thinh van hàng đầu. Khi ấy, đức Phật ấy, vị tương đương với các bậc không thể sánh bằng, cũng đã giác ngộ ở cội cây Nāgā. 35. Paduma và luôn cả Kuñjara đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Sirimā và luôn cả Yasavatā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. 36. Vươn lên đến tám mươi cánh tay (bốn mươi mét) về chiều cao, đức Phật ấy tỏa sáng khắp cả các phương như là cây cờ hiệu của thần Inda đã được dựng lên. 37. Vòm hào quang tối thắng phát xuất từ cơ thể của vị ấy tỏa ra xung quanh một do-tuan dâu là ban ngày hay ban đêm. 38. Tuôi thọ được biêt là kéo dài đên sáu mươi ngàn năm. Trong khi tôn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua. 39. Sau khi thi hiện Phật lực, Ngài đã giảng giải pháp bất tử ở thế gian và đã Niết-bàn không còn chấp thủ tợ như ngọn lửa đã cạn nguồn nhiên liệu. 40. Và thân thể như là châu báu ấy, giáo pháp không gì tương đương ấy, tất cả đều hoàn toàn biến mất; phải chăng tất cả các hành là trống không? 41. Đức Phật Revata, bậc Có Danh Tiếng, vị Đại Hiền Triết ấy đã Niết-bàn. Đã có sự phân tán Xá-lợi từ xứ sở ấy đến khắp các nơi. "Ljch sử đức Phật Revata^ là phần thứ năm.

666 KINH TIÊU Bộ

6. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SOBHITA (SOBHỈTABUDDỈL4iaMSO)

1. Sau [đức Phật] Revata, vi Lãnh Đạo tên Sobhita là định tĩnh, có tâm thanh tịnh, không kẻ sánh bằng, không người đối thủ. 2. ở tại ngôi nhà của mình, đấng Chiến Thắng ấy đã chuyển đổi tâm trí, đã đạt đến sự giác ngộ hoàn toàn, và đã chuyển vận bánh xe Chánh pháp. 3. Từ phía dưới là từ địa ngục Avīci và từ phía trên là từ cối trời cao nhất, trong cuộc thuyết giảng giáo pháp đã có một tập thê [tụ hội] ở khoảng giữa của hai nơi này. 4. Đấng Toàn Giác đã chuyển vận bánh xe Chánh pháp ở tại hội chúng ấy. Đã có sự lãnh hội lần thứ nhất là không thể nói được bằng cách tính đếm. 5. Vê sau vào lúc khác, trong khi thuyêt giảng ở cuộc hội tụ của chư thiên, đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của chín mươi ngàn koti vị. 6. Vào lần khác nữa, có vị vương tử dòng Sát-đế-lỵ tên Jayasena sau khi cho trông trọt khu vườn đã công hiên đên đức Phật trong dịp ây. 7. Trong khi công bố sự hiến dâng của vi ấy, bậc Hữu Nhãn đã thuyết giảng giáo pháp. Khi ây, đã có sự lãnh hội lân thứ ba là của một ngàn koti vi. 8. Bậc Đại Ẩn Sĩ Sobhita đã có ba lần tụ hội gồm có các vi Lậu tận, không còn ô nhiêm, có tâm thanh tịnh như thê ây. 9. Đức vua tên Uggata ấy dâng cúng vật thí đến đấng Tối Thượng Nhân. Trong lần cúng dường ấy, một trăm koti vị A-la-hán đã tụ hội lại. 10. Vào lần khác nữa, có nhóm người thuộc đoàn thể dâng cúng vật thí đến đấng Tối Thượng Nhân. Khi ấy, đã có cuộc hội tụ thứ nhì của chín mươi koti vị. 11. Vào lúc đấng Chiến Thắng giáng trần sau khi đã cư ngụ ở cõi trời, khi ấy đã có cuộc hội tụ thứ ba của tám mươi hoti vi. 12. Vào lúc bấy giờ, Ta là vị Bà-la-môn tên Sujātā. Khi ấy, Ta đã làm hài lòng đức Phật cùng các vị Thinh văn băng thức ăn nước uông. 13. Đức Phật ấy, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sobhita, cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: "Trong vô lượng kiếp tính từ thời điểm này, người này sẽ trở thành vị Phật. 14. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh].

PHẬT SỬ 667

15. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy roi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền). 16. ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn. 17. Ke đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề? bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha. 18. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama. 19. Kolita và Upatissa sẽ là [hai vij Thinh văn hàng đầu. Vi thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thăng ây. 20. Khemā và uppalavannā sẽ là [hai vi] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên làAssattha'. 21. Citta và Hatthālavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ la [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vi Gotama có danh tiếng ấy là một trăm nm." 22. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: “Vi này là chủng tử mầm mống của chu Phát.” “ — — - 23. Họ thót lên những tiêng reo hò, vô tay và nở nụ cười. Mười ngàn thê giới luôn cả chư thiên chap tay cúi lạy [nói rằng]: 24. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vi kia trong tương lai xa vời. 25. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đoi diện, họ vượt

qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được ben bờ ở bên dưới. 26. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dip với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vi kia trong tương lai xa vòi." 27. Lăng nghe lời nói của vị ây, Ta trở nên mừng rỡ, có tâm trí phân chân. Ta đã thực hiện sự nỗ lực tích cực nhằm theo đuổi chính mục đích ấy. 28. Thành phố có ten là Sudhamma, vị vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Sudhamma, người mẹ của vi Đại Ẩn Sĩ Sobhita tên là Sudhammã. 29. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình chín ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Kumuda, Kalĩra và Paduma. 30. Có bảy mươi ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Makhilâ. Con trai tên là Sĩha. 31. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, bậc Tối Thượng Nhân đã ra đi bằng tòa lâu đài32 và đã thực hành sự nỗ lực bảy ngày. Và khi áy trong lúc giác ngộ^đức Phật ấy đã giác ngộ ở cội cây Nāgā.

32 Tòa lâu đài bay lên không trung đưa vị Bồ-tát đến gần cội cây Bồ-đề để thực hành khổ hạnh và sau đó chứng đắc qua vị Toàn giác {BvsA. 166-7).

32. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hùng Sobhita đã chuyên vận bánh xe [Chánh pháp] ở vườn thượng uyên Sudhamma tuyệt vời. 33. Asamā và Sunetta đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thi giả của bậc Đại Ẩn Sĩ Sobhita tên là Anoma. Nakulâ và Sujātā đã là [hai vi] nữ Thinh văn hàng đầu. 34. Rammā và luôn cả Sudatta đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Nakulâ và luôn cả Citta đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. 35. Cao năm mươi tám ratana (mười bốn mét rưỡi), vị Đại Hiền Triết chiếu sáng tất cả các phương như là mặt trời mọc. 36. Giống như khu rừng lớn nở rộ hoa tỏa hương với các hương thơm khác loại, tương tợ y như thê lời tuyên thuyêt của vị ây tỏa hương với các hương thơm của giới. 37. Cũng giống như biển cả không thể được thỏa mãn bởi sự ngắm nhìn, tương tợ y như thê lời tuyên thuyêt của vị ây không thê được thỏa mãn bởi sự lắng nghe. 38. Tuổi thọ được biết là kéo dài đến chín mươi ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua. 39. Sau khi đã ban lời giáo huấn và nhắc nhở các chúng sanh còn lại,33 vị ấy cùng với các bậc Thinh văn đã phát cháy giống như ngọn lửa rồi đã Niết-bàn. 40. Đức Phật ây là vi tương đương với các bậc không thê sánh băng, và các vị Thinh văn ây là đã thành tựu các năng lực, tát cả đêu hoàn toàn biên mát; phải chăng tất cả các hành là trống không? 41. Đức Phật Sobhita, đấng Toàn Giác Cao Quý đã Niết-bàn tại tu viện Sĩha. Đã có sự phân tán Xá-lợi từ xử sở ấy đến khắp các nơi. “L]ch sử đức Phật Sobhita” ỉa phần thứ sáu.

33 Nghĩa là chưa đạt đến sự thấu triệt chân lý (BvsA. 171).

7. LỊCH SỬ ĐỨC PHẶTANOMADASSĨ (ANOMADASSIBUDDHAVAMSO)

1. Sau [đức Phật] Sobhita, đấng Toàn Giác Anomadassĩ là đấng Tối Thượng Nhân có danh tiếng vô lượng, có oai lực khó mà vượt trội. 2. Sau khi cắt đứt tất cả các sự trói buộc và hủy diệt [nghiệp tái sanh ở] ba cõi, vi ấy đã thuyết giảng cho chư thiên và loài người về đạo lộ đưa đến việc không còn luân hồi. 3. Vi ấy không chao động ví như biển

cả9 khó có thể đạt đến như là ngọn núi? không có điểm cuối cùng ví như bầu không gian, và đã nở hoa như là cây sâla chúa. 4. Chỉ với sự nhìn thây đức Phật ây là chúng sanh khởi lên hoan hỷ. Sau khi lắng nghe lời nói đang diễn giải, họ đạt được bất tử. 5. Khi ấy, sự lãnh hội về giáo pháp của vị ấy là thành công và đạt được số lượng. Hàng trăm kotỉ [chúng sanh] đã lãnh hội trong cuộc thuyết giảng giáo pháp lần thư nhất. 6. về sau vào lúc khác, trong khi đang đổ xuống những cơn mưa giáo pháp trong cuộc thuyết giảng giáo pháp lan thứ nhì, tám chục koti [chúng sanh] đã lãnh hội. 7. Vê sau vào lúc khác, khi đang đô xuông cơn mưa [giáo pháp] và ngay trong lúc đang làm hài lòng chúng sanh, đã có sự lãnh hội lan thứ ba là của bảy mươi tám kotỉ vị. 8. Và bậc Đại Ẩn Sĩ ấy cũng đã có ba lần tụ hội gồm các vị đã đạt đến năng lực của các thắng trí và đã được đơm hoa trong sự giải thoát. 9. Khi ây, đã có cuộc tụ hội của tám trăm ngàn vị có sự tham đăm si mê đã được đoạn tận và có tâm thanh tịnh như thế ấy. 10. Lần hội tụ thứ nhì là của bảy trăm ngàn vị không còn ô nhiễm, thoát khỏi bụi trân, có sự an tinh như thê ây. 11. Lần hội tụ thứ ba là của sáu trăm ngàn vị đã đạt đến năng lực của các thắng trí, có sự nỗ lực cao, đã chứng Niết-bàn. 12. Vào lúc bấy giờ, Ta là loài dạ-xoa có đại thần lực? là chúa tể cai quản nhiều kotỉ dạ-xoa. 13. Khi ấy, Ta cũng đã đi đến gặp bậc Đại Ẩn Sĩ, đức Phật cao quý ấy, và đã làm hài lòng đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng hội chúng bằng cơm nước.

14. Khi ây, bậc Hiên Triêt ây có nhãn quan thanh tịnh, cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: "Trong vô lượng kiếp tính từ thời diêm này, người này sẽ trở thành vị Phật. 15. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh]. 16. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy roi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền). 17. ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn. 18. Ke đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha. 19. Ngưòd mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama. 20. Kolita và Ưpatissa sẽ là [hai vịj Thinh văn hàng đầu. Vị thi giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đang Chiến Thắng ây. 21. Khemā và uppalavannā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên làAssattha'

22. Citta và Hatthālavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm.,, 23. Sau khi nghe được lời nói này của vi Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vi này là chủng tử mầm mống của chư Phát.” 24. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chăp tay cúi lạy [nói rằng]: 25. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời. 26. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới. 27.

Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vòd." 28. Nghe được lời nói của vị ấy, Ta trở nên mừng rỡ, có tâm trí phấn chấn, đã quyết định sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp. 29. Thành phố có tên là Candavatĩ, vị vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Yasavā, người mẹ của bậc Đạo Sư Anomadassĩ tên là Yasodharâ. 30. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình trong mười ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Siri, upasiri và Sirivaddha. 31. Có hai mươi ba ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Sirimā. Con trai tên là Upavâna.

32. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, đấng Chiến Thắng đã ra đi bằng kiệu khiêng và đã ra sức nỗ lực mười tháng không thiếu sót. 33. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Đại Hiền Triết, đấng Đại Hùng Anomadassĩ ây, đã chuyên vận bánh xe [Chánh pháp] ở tại công viên Sudassana. 34. Nisabha và Anoma đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thi giả của bậc Đạo Sư Anomadassĩ tên là Varuna. 35. Sundarī và Sumanā đã là [hai vi] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là "Ạ^una". 36. Nandivaddha và Sirivaddha đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Uppalâ và luôn cả Padumã đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. 37. Bậc Đại Hiền Triết cao năm mươi tám ratana (mười bốn mét rưỡi). Hào quang của vi ấy phát ra như là ánh mặt trời mọc. 38. Tuổi thọ được biết là kéo dài đến một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vi ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua. 39. Giáo pháp của đấng Chiến Thắng đã được rạng rỡ, lời tuyên thuyết khéo được đơm hoa nhờ vào các vị A-la-hán đã ly tham ái, không còn ô nhiễm như thế ấy. 40. Bậc Đạo Sư có danh tiêng vô lượng ây và hai vị [Thinh văn hàng đâu] vô song ấy, tất cả đều hoàn toàn biến mất; phải chăng tất cả các hành là trống không? 41. Đấng Chiến Thắng, bậc Đạo Sư Anomadassĩ đã Niết-bàn tại tu viện Dhammā. Ngôi bảo tháp của đang Chiên Thăng dành cho vị ây có chiêu cao hai mươi lăm [do-tuần] ở ngay tại nơi ấy. “L]ch sử đức Phật AnomadassF là phần thứ bảy.

8. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT PADUMA (PADUMABUDDHAVAMSO)

1. Sau [đức Phật] Anomadassī, đấng Toàn Giác, bậc Tối Thượng Nhân tên Paduma là không kẻ sánh bằng, không người đối thủ. 2. Giới của vị ây là không ai sánh băng, định là không có giới hạn, trí tuệ cao quý là không thể tính đếm, và giải thoát là không có tương đương. 3. Cũng vào lúc chuyển vận bánh xe Chánh pháp của vị có oai lực vô song ấy, đã có ba cuộc lãnh hội là sự xua đuổi đi bóng đêm mù mịt. 4. ở sự lãnh hội lần thứ nhất, đức Phật đã giác ngộ một trăm koti vị. ở sự lãnh hội lần thứ nhì, bậc Thông Minh đã giác ngộ chín mươi koti vị. 5. Và vào lúc đức Phật Paduma giáo huấn người con trai của mình, khi ấy đã có sự lãnh hội lan thứ ba là của tám chục koíi vi. 6. Bậc Đại Ẩn Sĩ Paduma đã có ba lần tụ hội. Cuộc hội tụ thứ nhất là của một trăm ngàn kotỉ vị. 7. Vào dịp tiến hành lễ Kathina, khi y Kathina được phát sanh, các vi Tỳ- khưu đã may y để giao cho vị Tướng quân Chánh pháp. 8. Khi ấy, ba trăm ngàn vị đã tụ hội lại. Các vị

Tỵ-khưu ấy là không còn ô nhiễm, có sáu thắng trí, có đại thần lực, không bị khuất phục. 9. Cũnệ vào dịp khác, đấng Nhân Ngưu ấy đã vào [an cư] mùa mưa ở trong rừng. Khi ây, đã có cuộc hội tụ của hai trăm ngàn vị. 10. Vao lúc bấy giờ, Ta là con sư tử chúa tể của các loài thú. Ta đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng đang thực hành hạnh độc cư ở trong rừng. 11. Ta đã đê đầu đảnh lễ ở chân [của đức PhậtỊ rồi đã đi nhiễu quanh vi ấy, sau đó đã rống lên ba lần rồi đã phục vụ đấng Chiến Thắng bảy ngày. 12. Sau khi xuất khỏi bảy ngày nhập thiên cao quý, đức Như Lai dụng tâm suy xét rồi đã triệu tập một koti (mười triệu) vị Tỳ-khưu. 13. Khi ấy, ở giữa các vị [Tỳ-khưu] ấy, đấng Đại Hùng ấy cũng đã chú nguyện rằng: "Trong vô lượng kiếp tính từ thời điểm này, người này sẽ trở thanh vị Phạt. 14. Sau khi rời khỏi [thành pho] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh]. 15. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lây món cơm sữa ở tại nơi ấy roi đi đên Nerañjarā (Ni-liên-thiên).

PHẬT SỬ 673

16. ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn. 17. Ke đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề tối thắng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha. 18. Người mẹ sanh ra vi này sẽ có tên là Māyā. Ngưòd cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama. 19. Kolita và Upatissa sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vi thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thăng ây. 20. Khemā và Uppalavannā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha9. 21. Citta và Hatthālavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ la [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm nm." 22. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại An Sĩ không ai sánh băng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: này là chủng tử mầm mống của chư Phát.” 23. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rang]: 24. "N&u chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời. 25. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới. 26. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vòd.” 27. Nghe được lời noi của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết định sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp. 28. Thành phố có tên là Campaka, vị vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Asamā, người mẹ của vị Đại Ẩn Sĩ Paduma tên là Asamā. 29. Vị ây đã sông ở giữa gia đình trong mười ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Uttara, Vasu và Yasuttara. 30. Và có ba mươi ba ngàn phụ nữ được trang diêm. Nữ nhân ây (người vợ) tên là Uttarā. Con trai tên là Rammā. 31. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, đấng Chiến Thắng đã ra đi bằng phương tiện xe và đã ra sức nỗ lực tám tháng không thiếu sót. 32. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hùng Paduma đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở tại công viên Dhanañja tuyệt vời. 33. Sâla và Ưpasâla đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vi thi giả của bậc Đại Ẩn Sĩ Paduma tên là

Varuna.

674 KINH TIỀU BỐ

34. Rādhā và luôn cả Surādhā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi là "Soija vĩ dại". 35. Bhiyya và luôn cả Asamā đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Rucī và Nandirāmā đa là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. 36. Vi Đại Hiền Triết ấy cao năm mươi tám ratana (mười bốn mét rưỡi). Hào quang không gì sánh băng của vị ây chiêu sáng tát cả các phương. 37. Ánh sánh của mặt trăng, ánh sáng của mặt trời, ánh sáng của châu báu và ngọc ma-ni đắt giá, tất cả các loại ánh sáng ấy đều bị tiêu tan khi sánh cùng hào quang tối thượng của đấng Chiến Thắng. 38. Tuổi thọ được biết là kéo dài đến một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vi ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua. 39. Sau khi đã giác ngộ những chủng sanh có tâm trí đã được chín muồi không thiếu sót [người nào], sau khi chỉ dạy những người còn lại vị ấy cùng các vị Thinh văn đã Niết-bàn. 40. Ví như con rắn bỏ đi lớp da già cỗi, ví như cây cối rũ bỏ lá úa tàn, vị ấy sau khi buông bỏ các hành đã Niết-bàn tương tợ như ngọn lửa đã được dập tắt. 41. Bậc Đạo Sư Paduma, đấng Chiến Thắng Cao Quý đã Niết-bàn tại tu viện Dhammā. Đã có sự phân tán Xá-lợi từ xứ sở ây đên kháp các nơi. uLịch sử đức Phật Paduma" là phần thứ tám.

PHẬT SỬ 675

9. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT NÃRADA (NĀRADABUDDHAVAMSO)

1. Sau [đức Phật] Paduma, có đấng Toàn Giác, bậc Tối Thượng Nhân tên Nârada là không kẻ sánh bằng, không người đối thủ. 2. Đức Phật ấy, người con trai trưởng yêu quý của vị Chuyển Luân Vương, có sự trang sức với vòng hoa bang ngọc trai đã đi [bộ] đen công viên. 3. ở tại nơi ấy có cội cây lẫy lừng danh tiếng, tuyệt đẹp, to lớn, thanh khiết. Sau khi đi đến nơi ấy, vị ấy đã ngồi xuống ở dưới cội cây sona vĩ đại. 4. ở tại nơi ấy, trí tuệ cao quý, vô biên, [sắc bén] tợ kim cương đã được sanh khởi. Nhờ đó, vị ấy đã khảo sát các hành theo lối ngửa lên và theo lối úp xuống. 5. ơ tại nơi ây, vị ây đã xua đi tát cả phiên não không còn dư sót, đã đạt đên quả vị hoàn toàn giác ngộ và mười bốn trí tuệ của vị Phật.34 6. Sau khi đạt đên quả vị Toàn giác, vi ây đã chuyên vận bánh xe Chánh pháp. Đã có sự lãnh hội lần thứ nhất là của một trăm ngàn koti (một ngàn tỷ, một triệu triệu) vị. 7. Trong lúc huấn luyện Long vương Mahādona, bậc Đại Hiền Triết đã thể hiện điều kỳ diệu ấy [song thông] cho thế gian luôn cả chư thiên nhìn thấy. 8. Lúc bấy giờ, trong lần giảng giải giáo pháp ấy cho chư thiên và nhân loại, chín chục ngàn koti (chín trăm tỷ) vi đã vượt qua tất cả các mối nghi hoặc. 9. Vào thời điểm đấng Đại Hùng giáo giới người con trai của mình, đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của tám chục ngàn hoti (tám trăm tỷ) vị. 10. Bậc Đại Ẩn Sĩ Nârada đã có ba lần tụ hội. Cuộc hội tụ thứ nhất là của một trăm ngàn koti vi. 11. Vào lúc đức Phật giảng giải vê đức hạnh của chư Phật có cả phân duyên khởi, khi ấy chín chục ngàn koti vị không còn ô nhiễm đã tụ hội lại. 12. Vào lúc con rồng Verocana dâng cúng vật thí đến bậc Đạo Sư, khi ấy tám mươi trăm ngàn (tám triệu) người con trai của đấng Chiến Thắng đã tụ hội lại. 13. Vào lúc bấy giờ, Ta là đạo sĩ tóc bện, có khổ hạnh cao tột, đi lại ở trên không trung, toàn

hảo về năm thắng trí.

34 Mười bốn trí tuệ của vị Phật gồm có 8 trí về Đạo Quả và 6 trí không phổ thông đến các Thinh văn là: Trí biết được khuynh hướng ngũ ngầm của chúng sanh (āsayānusayanānam), tn biết được năng lực của người khác (indriyaparoparīyañanarri), trí thị hiện song thông (yamakapatihāriyañāriain), tn thể nhập đại bi (mahākarunā-samāpattiñānarn), trí toàn tri (sabbañnutaññānarri), trí không chương ngại (anavarananānam) (BvsA. 185).

14. Khi ấy, sau khi làm hài lòng vị tương đương với các bậc không thể sánh bằng cùng với hội chúng và đoàn tháp tùng bang cơm nước, Ta đã cúng dường gỗ đàn hương. 15. Đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Nãrada ấy cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: "Trong vô lượng kiếp tính từ thời điểm này, [người này] sẽ trở thành vi Phật ở thế gian. 16. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh]. 17. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền). 18. ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn. 19. Ke đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề? bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha. 20. Người mẹ sanh ra vi này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vi này sẽ là Gotama. 21. Kolita và Upatissa sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ananda sẽ phục vụ đang Chiên Thăng ây. 22. Khemā và uppalavannā sẽ là [hai vi] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Ton ấy được gọi ten là cAssattha\ 23. Citta và Hatthālavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm,^, 24. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ răng]: này là chủng tử mâm mông của chư Phật?5 25. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rang]: 26. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời. 27. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới. 28. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vòi.” 29. Nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã khiến tâm được mừng rỡ bội phần. Ta đã quyêt định sự thực hành tôi thăng đê làm tròn đủ sự toàn hảo vê mười pháp. 30. Thành phố có tên là Dhañfiavatī, vị vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Sudeva, người mẹ của vi Đại Ẩn Sĩ Nãrada tên là Anomã.

31. Vị ây đã sông ở giữa gia đình chín ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Jitā, Vijita và Vijitābhirāma. 32. Có bốn mươi ba ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy

(người vợ) tên là Vijitasenā. Con trai tên là Nanduttara. 33. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, vị Lãnh Đạo Thế Gian đã ra đi bằng sự đi bộ (sự đi bằng bàn chân) và đã thực hành hạnh nỗ lực bảy ngày. 34. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hùng Nārada đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở công viên Dhanañjaya tuyệt vời. 35. Bhaddasāla và Jitamitta đã là [hai vi] Thinh văn hàng đầu. Vi thị giả của bậc Đại Ẩn Sĩ Nārada tên là Vāsettha. 36. Uttarā và luôn cả Phaggunī đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi là uSona vĩ dại". 37. Uggarinda và Vasabha sẽ là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Indīvarī và Undī sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. 38. Cao tám mươi tám ratana (hai mươi hai mét), bậc Đại Hiền Triết ấy chiếu sáng mười ngàn the giới tương tợ như cột trụ bang vàng có gắn tràng hoa. 39. Khi ấy, thân thể có ánh sáng hào quang của vi ấy chiếu ra các phương liên tục ngày đêm và tỏa sáng [xung quanh] một do-tuần. 40. Vào lúc bấy giờ, được tràn ngập bởi hào quang của đức Phật, những người ở xung quanh một do-tuần không ai thắp sáng các ngọn đèn đuốc. 41. Tuổi thọ được biêt là kéo dài đên chín mươi ngàn năm. Trong khi tôn tại r t \ • X <•r đên chừng ây, vi ây đã giúp cho nhiêu chúng sanh vượt qua. 42. Giống như bầu trời được trang điểm và chói sáng bởi các vì sao, tương tợ như thế ấy giáo pháp của vị ấy rạng rỡ nhờ vào các vị A-la-hán. 43. Sau khi đã thiết lập vững chắc cây cầu Chánh pháp để giúp vượt qua dòng chảy luân hồi đối với số người còn lại đã đạt được [đạo quả Hữu học], đấng Nhan Ngưu ấy đã Niết-bàn. 44. Đức Phật ấy là vị tương đương với các bậc không thể sánh bằng, và các bậc Lậu tận ấy là có oai lực vô song. tất cả đều hoàn toàn biến mất; phải chăng tất cả các hành là trống không? 45. Đấng Chiến Thắng Hàng Đầu Nārada đã Niết-bàn tại thành phố Sudas- sana. Ngôi bảo tháp cao quý của đấng Chiến Thắng đã được dựng lên cao bốn do-tuân ở ngay tại nơi ây. uLịch sử đức Phật Nârada" là phần thứ chín.

10. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT PADUMUTIARA (PADUMUTTARABUDDHAVAMSO)

1. Sau [đức Phật] Nārada, có đấng Toàn Giác, bậc Tối Thượng Nhân tên Padumuttara là không bi chao động, tương tợ như biển cả. 2. Và đức Phật đã sanh lên vào kiếp Manda ấy.35 Chúng sanh đã sanh lên trong kiếp ấy là vô cùng tốt lành.36 3. Trong khi đức Thế Tôn Padumuttara thuyết giảng giáo pháp lần thứ nhất, đã có sự lãnh hội giáo pháp của một trăm ngàn koti vi. 4. về sau vào lúc khác nữa, trong lúc đổ xuống cơn mưa [pháp] khiến cho các hạng chúng sanh được hài lòng, đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của ba mươi bảy trăm ngàn kotỉ (ba triệu bảy trăm ngàn) vi. 5. Vào thời điểm đấng Đại Hùng đi đến gặp [người cha là] Ānanda, Ngài đã đi đến trong sự hiện diện của người cha và đã gióng lên tiếng trống bất tử. 6 Khi tiếng trống bất tử đã được gióng lên và trong khi cơn mưa Pháp bảo đang rơi xuống, đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của năm mươi trăm ngàn koti (năm triệu) vị. 7. Đức Phật là vi giáo giới, là vi làm cho hiểu rõ9 là vị giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua, là vi thiện xảo ve thuyết giảng; Ngài đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua. 8. Bậc Đạo Sư Padumuttara đã có ba lần tụ hội. Cuộc hội tụ thứ nhất là của một trăm ngàn kotỉ vi. 9. Khi đức Phật, vi tương đương với các bậc không thể sánh bằng, cư ngụ ở tại ngọn núi Vebhâra, đã có cuộc hội tụ thứ nhì của chín mươi

ngàn koti vị. 10. Hơn nữa, trong khi ra đi du hành từ các làng mạc, thi trân và quôc độ, đã có cuộc hội tụ thứ ba của tám mươi ngàn kotỉ vị.

35 Đức Phật Padumuttara sanh vào sârakappa (kiếp chỉ có l vị Phật), nhưng có tánh chất như ỉầ mandakappa (kiếp có 2 vi Phật) vì thành tựu nhiêu đức hạnh; do đó được gọi la mandakappa, (BvsA. 191). Sự phân loại của kappa (kiếp): Có hai loại kappa (kiếp): l/ Suñña-kappa (kiếp trống không) tức là kiếp không có đức Phật Toàn Giác, đức Phật Độc Giác, hoặc vị Chuyển Luân Vương xuất hiện, nghĩa là kiếp không có những nhân vật có đưc hạnh sanh lên. 2/ Và a-suñña-kappa (kiếp không trống không) là có năm hạng: Sãrakappa (có l vị Phật Toàn Giác xuất hiện), manda-kappa (có 2 ...), vara-kappa (có 3 ...), sāramanda-kappa (có 4...) và bhadda-kappa (có 5 VỊ Phật Toàn Giác xuất hiện); nhiều vị Phạt hơn nưa trong một kiep là không có. 36 Chủ giải ghi như sau: Ussannakusalãtỉ upacitapuññā'. "V6 cùng tốt lanh^, nghĩa là 4íđỗ tích lũy được nhiều phước bSu" (BvsA. 191).

PHẬT SỬ 679

11. Vào lúc bấy giờ, Ta là vi lãnh chúa tên Jatila. Ta đã cúng dường vải cùng với bữa ăn đến hội chúng [Tỳ-idiưu] có bậc Toàn Giác đứng đầu. 12. Đức Phật ây, ngôi giữa hội chúng, cũng đã chú nguyện cho Ta răng: "Trong một trăm ngàn kiếp tính từ thời điểm này, người này sẽ trở thành vi Phật. 13. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh]. 14. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lây món cơm sữa ở tại nơi ây roi đi đên Nerafijarā (Ni-liên-thiền). 15. ở tại bờ sông Nerafijarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn. 16. Ke đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vi Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha. 17. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Sud- dhodana. Vị này sẽ là Gotama. 18. Kolita và upatissa sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thi giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng áy. 19. Khemā và uppalavannā sẽ là [hai vi] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Ton ấy được gọi ten là cAssattha\ 20. Citta và Hatthālavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamãtã sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm nm." 21. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: này là chủng tử mầm mống của chư Phát." 22. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chap tay cúi lạy [nói rằng]: 23. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời. 24. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới. 25. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vi kia trong tương lai xa v&i." 26. Nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã quyết định sự thực hành tối thắng. Ta đã thực hiện sự nỗ lực vô cùng bền bỉ đê làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp. 27. Khi ây, tát cả các người ngoại đạo bị mông bỏ trở nên

hót hoảng, có tâm trí chán nản. Đối với bọn họ, không còn có người nào phục vụ. Mọi người xua đuổi họ ra khỏi quốc đọ. 28. Tất cả đã tụ hội lại tại nơi ấy và đã đi đến gặp đức Phật [nói rằng]:

"Bạch đấng Đại Hùng, Ngài là vi lãnh đạo. Hỡi bậc Hữu Nhãn, Ngài hãy là chốn nương nh&." 29. Bậc Có Lòng Thương Xót, đấng Bi Man, vị Tầm cầu Lợi ích Cho Tất Cả Chung Sanh đã an trú vào năm giới cấm cho tất cả những người ngoại đạo đã đi đến [với Ngài]. 30. Như thế, giáo pháp đã không bị pha trộn, không còn các n^oại đạo, và được tô diêm bởi các vị A-la-hán ở vào trạng thái thu thúc như thê ây. 31. Thành phố có tên là Hamsavatī, vị vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Ānanda, người mẹ của vị Đại Ẩn Sĩ Padumuttama tên là Sujātā. 32. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình mười ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Naravâhana, Yasa và Yasavatti. 33. Có bốn mươi ba ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Vasuladattã. Con trai tên là Uttara. 34. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, bậc Tối Thượng Nhân đã ra đi bang tòa lâu đài và đã thực hành hạnh nỗ lực bảy ngày. 35. Được đang Phạm thiên thỉnh câu, vị Hướng Đạo, đang Đại Hùng Padumuttara đã chuyên vận bánh xe [Chánh pháp] ở công viên tuyệt vời Mithilā. 36. Devala và Sujātā đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vi thị giả của bậc Đạo Sư Padumuttara tên là Sumanā. 37. Amitâ và luôn cả Asamā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội Bồ- đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là "Salala". 38. Vitinna và luôn cả Tissa đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Hatthā và luôn cả Vicittā đã là [hai] nữ thí chủ họ độ hàng đầu. 39. Đạt đên năm mươi tám ratana (mười bôn mét rưỡi) vê chiêu cao, đàng Đại Hiên Triêt với ba mươi hai tướng trạng cao quý tương tợ như cột trụ bằng vàng có găn tràng hoa. 40. Các tường thành, cửa lớn, vách đất, cây cối, mỏm đá ở xung quanh mười hai do-tuần không có che khuất vi ấy. 41. Tuổi thọ được biết là kéo dài đến một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua. 42. Sau khi đã giúp cho nhiêu người vượt qua, sau khi đã căt đứt tát cả các điều nghi hoặc, vị ấy đã rực cháy như là khối lửa rồi đã Niết-bàn cùng với các vị Thinh văn. 43. Đức Phật, đấng Chiến Thắng Padumuttara đã Niết-bàn tại tu viện Nandā. Ngôi bảo tháp cao quý dành cho vị ấy có chiều cao mười hai do-tuần ở ngay tại nơi ấy. uLịch sử đức Phật Padumuttara99 là phần thứ mười.

11. LỊCH SỬĐỨC PHẬT SUMEDHA (SUMEDHABUDDHAVAMSO)

1. Sau [đức Phật] Padumuttara, có bậc Lãnh Đạo ten Sumedha là đấng Hiền Triết Tối Thượng Của Toàn Thể Thế Giới có oai lực nổi bật, khó có thể đạt đến. 2. Có cặp mắt an tịnh, khuôn mặt đầy đặn, [thân hình] cao lớn, ngay thẳng, hùng dũng, là người tầm cầu lợi ích cho tất cả chúng sanh, [vi ấy] đã giúp cho nhiều người thoát khỏi sự trói buộc. 3. Khi đã thành tựu toàn vẹn quả vị Giác ngộ tôi thượng, đức Phật đã chuyên vận bánh xe Chánh pháp ở tại thành pho Sudassana. 4. Trong việc thuyết giảng giáo pháp của vị ấy, đã có ba sự lãnh hội. Sự lãnh hội lần thứ nhất là của một trăm ngàn koti vị. 5. Hơn nữa vào lân khác, đang Chiên Thăng ây đã thuân phục dạ-xoa Kumbhakanna. Đã có sự lãnh

hội lần thứ nhì là của chín mươi ngàn hoti (chín trăm tỷ) vị. 6. Hơn nữa vào lần khác, bậc Có Danh Tiếng Vô Hạn đã giảng giải về bốn chân lý. Đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của tám mươi ngàn koti (tám trăm tỷ) vị. 7. Bậc Đại Ẩn Sĩ Sumedha đã có ba lần tụ hội gồm các vi Lậu tận không còn ô nhiễm có tâm thanh tịnh như thế ấy. 8. Vào lúc đấng Chiến Thắng ngự đến thành phố Sudassana, khi ấy một trăm koti (một tỷ) vị Tỳ-khưu là các bậc Lậu tận đã tụ hội lại. 9. Hơn nữa vào lần khác, lúc tiến hành lễ [dâng y] Kathina cho các vi Tỳ- khiru ở tại Devakūta, khi ấy đã có cuộc hội tụ thứ nhì của chín mươi koịi vị. 10. Hơn nữa vào lần khác, lúc đấng Thập Lực đi du hành, khi ấy đã có cuộc hội tụ thứ ba của tám mươi kati vi. 11. Vào lúc bấy giờ, Ta là người thanh niên Bà-la-môn tên Uttara. Tài sản đã được tích lũy trong nhà của Ta là tám mươi koịi (tám trăm triệu). 12. Sau khi đã cúng dường toàn bộ tất cả đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng [Tỳ-khưu], Ta đã đi đến nương nhờ vị ấy và đã hứng thú với việc xuất gia. 13. Trong khi thể hiện sự tùy hỷ [phước báu], đức Phật ấy cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: “Trong ba mươi ngàn kiếp, người này sẽ trở thành vị Phật. 14. Sau khi rời khỏi [thành phô] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh].

682 KINH TIÊU BÔ

15. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ây roi đi đên Nerañjarā (Ni-liên-thiên). 16. ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn. 17. Ke đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha. 18. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama. 19. Kolita và upatissa sẽ là [hai vjj Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng ấy. 20. Khemā và Uppalavannā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha5. 21. Citta và Hatthālavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamãtâ sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vi Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm.,, 22. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vị này là chủng tử mầm mống của chư Phật.55 23. Họ thốt lên những tiếng reo hò? vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rang]: 24. “Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vi kia trong tương lai xa vời. 25. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bên bờ ở bên dưới. 26. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vi kia trong tương lai xa vời.,, 27. Nghe được lơi nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết đinh sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp. 28. Sau khi học tập toàn bộ Kinh và luôn cả Luật tức là giáo pháp của bậc Đạo Sư gồm chín thể loại, Ta đã làm rạng rỡ giáo pháp của đang Chiến Thắng. 29. Trong khi sống không xao lãng tronệ giáo pháp ấy vào lúc ngồi, đứng, đi kinh hành, sau khi làm toàn hảo các thang trí, Ta đã đi đến the giới của Phạm thiên. 30. Thành phố có ten là Sudassanaṃ vị

vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Sudatta, người mẹ của bậc Đại Ẩn Sĩ Sumedha tên là Sudattā. 31. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình trong chín ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Sucandanaka, Kofica và Sirivaddha. 32. Có ba lần mười sáu ngàn (bốn mươi tám ngàn) phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Sumanā. Con trai tên là Punabbasumitta.

33. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, đấng Chiến Thắng đã ra đi bằng phương tiện voi và đã ra sức nỗ lực tám tháng không thiếu sót. 34. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hùng Sumedha đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở tại công viên Sudassana tuyệt vời. 35. Sarana và Sabbakāma đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đại Ẩn Sĩ Sumedha tên là Sāgara. 36. Rāmā và luôn cả Surāmā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là "Cây Nīpa vĩ dại". 37. Uruvela và luôn cả Yasava đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Yasodharâ và Sirimā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. 38. Cao tám mươi tám ratana (hai mươi hai mét), bậc Đại Hiền Triết chiếu sáng tất cả các phương tợ như mặt trăng ở giữa tập thể các vì sao. 39. Giống như viên ngọc ma-ni của vị Chuyển Luân Vương chiếu sáng một do-tuần, tương tợ y như thế, ngọc quý của vị ấy tỏa sáng một do-tuần ở xung quanh.37 40. Tuổi thọ được biết là kéo dài đến chín mươi ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua. 41. [Giáo pháp] này đã được hưng thịnh nhờ vào các vị A-la-hán tốt lành, đã thành tựu tam minh, sáu thắng trí và năng lực như thế ấy. 42. Tất cả các vị ấy đều có danh tiếng vô hạn, đã được giải thoát, không còn tái sanh. Sau khi thi hiện ánh sáng của trí tuệ, tất cả các vị có danh tiếng lớn lao ấy đã Niết-bàn. 43. Đức Phật, đấng Chiến Thắng Cao Quý Sumedha đã Niết-bàn tại tu viện Medha. Đã có sự phân tán Xá-lợi từ xứ sở ấy đến khắp các nơi. uLịch sử đức Phật Sumedha" là phần thứ mười một.

37 Nghĩa là hào quang từ cơ thể của vị ấy tỏa sáng khoảng không gian ở xung quanh có bán kính là một do-nían (BvsA. 201-02).

12. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SUJĀTĀ (SUJĀTABUDDHAVAMSO)

1. Cũng chính trong kiếp Manda ấy,38 có vi Lãnh Đạo tên Sujātā là có hàm sư tử, vai rộng, không thể đo lường, khó có thể đạt đến. 2. Không bợn nhơ và tinh khiết như mặt trăng, huy hoàng như mặt trời, luôn chói sáng với sự vinh quang, đấng Toàn Giác rạng rỡ như thế ấy. 3. Sau khi thành tựu toàn vẹn quả vị Giác ngộ tối thượng, đấng Toàn Giác đã chuyển vận bánh xe Chánh pháp ở tại thành phố Sumañgala. 4. Trong khi đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sujātā thuyết giảng giáo pháp cao quý vào dịp thuyết giảng giáo pháp lần thứ nhất, tám mươi koti (tám trăm triệu) vị đã lãnh hội. 5. Khi vị có danh tiếng vô lượng Sujātā vào [an cư] mùa mưa ở cõi trời, đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của ba mươi bảy trâm ngàn (ba triệu bảy trăm ngàn) [vị]. 6. Vào lúc [đức Phật] Sujātā, vị tương đương với các bậc không thể sánh bằng, đi đến gặp người cha, đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của sáu mươi trăm ngàn (sáu triệu) [vi]. 7. Bậc Đại Ẩn Sĩ Sujātā đã có

ba lần tụ hội gồm các vi Lậu tận không còn ô nhiễm, có tâm thanh tinh như thế ấy. 8. Trong sô các vị đã đạt đên năng lực của các thăng trí, không còn tái sanh vào cõi này cõi khác, các vị ấy [với số lượng] sáu trăm ngàn đã tụ hội lại là lần thứ nhất. 9. Vào lần khác nữa, trong cuộc tụ hội vào dịp đấng Chiến Thắng từ cõi trời hạ thế, đã có cuộc hội tụ lần thứ nhì của năm chục trăm ngàn (năm triệu) vị. 10. Vi Thinh van hàng đầu của vị ấy? khi đi đến gặp đấng Nhân Ngưu, bậc Toàn Giác, đã đi đến với bốn trăm ngàn vị [là lần thư ba]. 11. Vào lúc bấy giờ, Ta là vị lãnh chúa ở bốn hòn đảo, là vị Chuyển Luân Vương có năng lực lớn lao, di chuyển ở trên không trung. 12. Sau khi chứng kiến điều kỳ diệu ở thế gian, [là việc] phi thường, khiến lông dựng đứng, Ta đã đi đến và đảnh lễ đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sujātā ấy. 13. Sau khi đã dâng lên vương quốc rộng lớn gồm bốn hòn đảo và bảy vật báu toi thắng đen đức Phật, Ta đã xuất gia trong sự chứng minh của vi ấy.

38 Kiếp Manda (mandakappa) là kiếp có 2 vị Phật xuất hiện. Trường hợp này là đức Phật Sumedha và đức Phật Sujātā 202).

PHẬT SỬ 685

14. Những người hộ tự ở trong xứ sở, sau khi gom góp phẩm vật đã đem lại đồ dùng thiết yếu, vật trải nằm lót ngồi, dâng lên hội chúng Tỳ-khưu. 15. Khi ấy, vị Chúa Te Trong Mười Ngàn Thế Giới cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: “Trong ba mươi ngàn kiếp, người này sẽ trở thành vị Phật. 16. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh]. 17. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền). 18. ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn. 19. Ke đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề5 bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha. 20. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama. 21. Kolita và upatissa sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vi thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng ấy. 22. Khemā và uppalavannā sẽ là [hai vi] nữ Thinh văn hàng đàu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Ton ấy được gọi ten là 'Assattha9. 23 Citta và Hatthālavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vi Gotama có danh tiếng ấy là một trăm nm." 24. Sau khi nghe được lời nói này của vi Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ răng]: “vj này là chủng tử mâm mông của chư Phát." 25. Họ thốt lên những tiếng reo hò5 vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rang]: 26. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vi kia trong tương lai xa vời. 27. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới. 28. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vi kia trong tương lai xa v&i." 29. Nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã sanh khởi niềm hoan hỷ bội phần. Ta đã quyết định sự thực hành tột bực để làm tròn đủ sự

toàn hảo về mười pháp. 30. Sau khi học tập toàn bộ Kinh và luôn cả Luật tức là giáo pháp của bậc Đạo Sư gồm chín thể loại, Ta đã làm rạng rỡ giáo pháp của đấng Chiến Thắng. 31. Trong khi sông không xao lãng trong giáo pháp ây5 sau khi tu tập thiên

Phạm thiên và đạt đến sự toàn hảo trong các thắng trí, Ta đã đi đến thế giới của Phạm thiên. 32. Thành phố có tên là Sumañgala, vị vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Uggata, người mẹ của vị Đại Ẩn Sĩ Sujātā tên là Pabhāvatī. 33. Vi áy đã sông ở giữa gia đình chín ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Sin, Upasirī và Nandā. 34. Có hai mươi ba ngàn phụ nữ được trang diêm. Nữ nhân áy (người vợ) tên là Sirinandā. Con trai tên là upasena. 35. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, đấng Chiến Thắng đã ra đi bằng phương tiện ngựa và đã ra sức nỗ lực chín tháng không thiếu sót. 36. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hùng Sujātā đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở công viên tuyệt vời Sumañgala. 37. Sudassana và Sudeva đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thi giả của bậc Đại Ẩn Sĩ Sujātā tên là Nārada. 38. Nāgā và Nāgasamālā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây BỒ- đề của đức Thế Tôn ấy được gọi là Mahāvelu [cây tre vĩ đại]. 39. Và cây tre ấy có thân đặc, không có bọng, rậm lá, là loại cây thẳng đuột, to lớn, đáng nhìn, xinh xắn. 40. Giống cây ấy có một thân, khi đã phát triển thì được phân thành các nhánh từ thân ấy như là chùm lông đuôi của chim công được buộc chặt lại; giống cây ấy xinh đẹp như thế. 41. Không có các gai ở cây ấy và cũng không có lỗ bọng lớn, cành cây xòe rộng, không thưa thớt, bóng râm dày đặc, xinh xắn. 42. Sudatta và luôn cả Citta đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Subhaddā và luôn cả Padumā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. 43. Với chiều cao năm mươi ratana (mười hai mét rưỡi), đấng Chiến Thắng ấy đạt đến sự cao quý về mọi mặt và thành tựu tất cả các đức hạnh. 44. Tương đương với các loại hào quang không thể sánh bằng, hào quang của vị ấy tỏa sáng xung quanh. Vị ấy là vô lượng, vô song, với các sự so sánh đối chiếu không có người tương tợ. 45. Tuổi thọ được biết là kéo dài đến chín mươi ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vi ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua. 46. Cũng giông như các làn sóng ở biên cả, giông như các vì sao ở bâu trời, tương tợ như thế, lúc bấy giờ lời tuyên thuyết [của đức Phật ấy] được tô điểm nhờ vào các vị A-la-hán. 47. Đức Phật ấy, vị tương đương với các bậc không thể sánh bằng, và các đức hạnh vô song ấy, tất cả đều hoàn toàn biết mất; phải chăng tất cả các hành là trống không?

48. Đức Phật, đấng Chiến Thắng Cao Quý Sujātā đã Niết-bàn tại tu viện Sĩla. Ngôi bảo tháp được dựng lên cao ba gãvuta (tương đương mười hai ki-lô-mét) dành cho bậc Đạo Sư ở ngay tại nơi ấy. ^Lịch sử đức Phật Sujātā59 là phần thứ mười hai.

13. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT PIYADASSĪ (Pr^ASSIBUDDHAVAMSO)

1. Sau [đức Phật] Sujātā, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Piyadassī là vi tự mình chứng ngộ, khó có the đạt đen, tương đương với các vi không the sánh bang, có danh tiếng vĩ đại. 2.

Có danh tiếng vô hạn, đức Phật ây cũng chiêu sáng tợ như mặt trời. Sau khi hủy diệt tất cả bóng tối, Ngài đã chuyển vận bánh xe Chánh pháp. 3. Đối với vị có oai lực vô song ấy, cũng đã có ba sự lãnh hội. Sự lãnh hội lần thứ nhất là của một trăm ngàn koti vị. 4. Thiên vương Sudassana đã thuận theo tà kiên. Trong khi xua tan tà kiên của vị ấy, bậc Đạo Sư đã thuyết giảng Chánh pháp. 5 Cuộc tụ hội của các hạng chúng sanh là vô song. Khi ấy, đám đông đã tụ hội lại. Đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của chín mươi ngàn kotỉ vi. 6. Vào lúc bậc Điêu Khiên Nhân Loại huân luyện con voi Donamukha, đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của tám mươi ngàn koti vị. 7. Vị Piyadassĩ ấy cũng đã có ba lần tụ hội. Cuộc hội tụ thứ nhất là của một trăm ngàn kati vị. 8. Sau đó vào lúc khác, chín mươi koti vị Hiền triết đã hội họp chung lại với nhau. ở cuộc hội tụ thứ ba, đã có tám mươi koti vị. 9. Vào lúc bấy giờ? Ta là người thanh niên Bà-la-môn tên Kassapa, là vị trì tụng, nam vững chú thuật, thành thạo ba bộ Vệ-đà. 10. Sau khi lắng nghe ệiáo pháp của vị [Phật] ấy, Ta đã sanh khởi niềm tin. Với một trăm ngàn koti [đông tiền] Ta đã tạo lập tu viện cho hội chúng. 11. Sau khi dâng cúng tu viện đến vi ấy, Ta trở nên mừng rỡ? có tâm trí phấn chấn, đã tạo lập sự vững chãi trong việc nương nhờ và đã thọ trì năm giới. 12. Đức Phật ấy, ngồi giữa hội chúng, cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: “Trong mười tám trăm (một ngàn tám trăm) kiếp, người này sẽ trở thành vi Phật. 13. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh]. 14. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy roi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền). 15. ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn.

16. Ke đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vi Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha. 17. Người mẹ sanh ra vi này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama. 18. Kolita và Upatissa sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vi thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thăng ây. 19. Khemā và Uppalavunnā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Ton ấy được gọi ten là 'Assattha9. 20. Citta và Hatthālavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ la [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm.^, 21. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: này là chủng tử mầm mống của chư Phát.” 22. Họ thốt lên những tiếng reo hí), vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chăp tay cúi lạy [nói răng]: 23. “Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời. 24 Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới. 25. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vi kia trong tương lai xa vời.^, 26. Nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết định sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp. 27. Thành phố có tên là Sudhañña, vị vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Sudatta, người mẹ của đấng Đạo Sư Piyadassĩ

tên là Sucandâ. 28. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình trong chín ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Sunimmala, Vimala và Giribrahâ. 29. Có ba mươi ba ngàn phụ nữ được trang diêm. Nữ nhân ây (người vợ) tên là Vimalā. Con trai là Kañcanāvela. 30. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, bậc Tối Thượng Nhân đã ra đi bằng phương tiện xe và đã thực hành sự nỗ lực sáu tháng. 31. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, bậc Đại Hiền Triết, đấng Đại Hùng Piyadassĩ đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] tại công viên Ưsabha xinh đẹp. 32. Pãlita và Sabbadassĩ đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thi giả của đang Đạo Sư Piyadassĩ tên là Sobhita. 33. Sujātā và Dhammadinnā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là "Kakudhā".

34. Sandhaka và Dhammaka đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Visākhā và Dhammadinnā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. 35. Có danh tiếng vô hạn, với ba mươi hai tướng trạng cao quý, và chiều cao tám mươi cánh tay,39 đức Phật ấy được nhìn thấy như là cây sāla chúa. 36. Không có ánh sáng của ngọn lửa, của mặt trăng hay mặt trời, tương tợ như hào quang của bậc Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng ấy. 37. Tuổi thọ của vị ấy cũng dài như là [tuổi thọ] của các hàng thiên nhân. Bậc Hữu Nhãn đã ton tại ở the gian chín mươi ngàn năm. 38. Đức Phật áy, vị tương đương với các bậc không thê sánh băng, luôn cả các đức hạnh vô song ấy, tất cả đều hoàn toàn biết mất; phải chăng tất cả các hành là trống không? 39. Đấng Hiền Triết Cao Quý Piyadassī ấy đã Niết-bàn tại tu viện Assattha. Ngôi bảo tháp của đang Chiến Thang dành cho vị ấy đã được dựng lên cao ba do-tuần ở ngay tại nơi ấy. “L]ch sử đức Phật Piyadassf9 là phần thứ mười ba.

39 80x0.5 = 40 m.

14. LỊCH SỬ ĐỨC PHATATTHADASSĪ (ATTHADASSIBUDDHAK4MSO)

1. Cũng chính trong kiếp Manda ấy,4bậc Nhân Ngưu Atthadassĩ sau khi hủy diệt bóng đêm mịt mù đã đạt đến quả vị Toàn giác tối thượng. 2. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vi ấy đã chuyển vận bánh xe Chánh pháp và đã làm hài lòng thế gian mười ngàn the giới luôn cả chư thiên bằng sự bất tử. 3. Đối với đấng Lãnh Đạo Thế Gian ấy, cũng đã có ba sự lanh hội. Sự lãnh hội lần thứ nhất là của một trăm ngàn koti vi. 4. Vào lúc đức Phật Atthadassĩ đi du hành ở cõi trời, đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của một trăm ngàn hoti vị. 5. Vào dịp khác nữa, khi đức Phật thuyết giảng trong sự hiện diện của người cha, đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của một trăm ngàn hoti vị. 6. Và bậc Đại Ẩn Sĩ ấy đã có ba lần tụ hội gồm các vi Lậu tận không còn ô nhiễm, có tâm thanh tịnh như thế ấy. 7. Cuộc hội tụ thứ nhất là của chín mươi tám ngàn koti vi. Cuộc hội tụ thứ nhì là của tám mươi ngàn kotỉ vị. 8. Cuộc hội tụ thứ ba là của bảy mươi tám ngàn koti (bảy trăm tám mươi tỷ) vị Đại Ân sĩ đã hoàn toàn giải thoát khỏi chấp thủ, không còn ô nhiễm. 9. Vào lúc bấy giờ, Ta là vị đạo sĩ tóc bện có sự khổ hạnh cao tột tên là Susima, được xem là hạng nhất ở trên trái đất. 10. Sau khi mang từ thế giới chư thiên bông hoa Mạn-đà-la, hoa Sen, hoa San Hô của cõi trời, Ta đã cúng dường đến đấng Toàn Giác. 11. Đức Phật ấy, bậc Đại Hiền Triết Atthadassĩ, cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: "Trong

mười tám trăm (một ngàn tám trăm) kiếp, người này sẽ trở thành vị Phật. 12. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [kho hạnh]. 13. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền).

40 Mandakappa là kiếp có 2 vị Phật xuất hiện. Kiếp này có đến 3 vi Phật xuất hiện là Piyadassĩ, Atthadassĩ và Dhammadassĩ lẽ ra phải gọi là varakappư, điều này đã được đe cập ở phần Chủ giai Lịch sử đức Phật Padumuttara 216).

14. ở tại bờ sông Nerafijarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn. 15. Ke đó5 sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vi Có Danh Tiêng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha. 16. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vi này sẽ là Gotama. 17. Kolita và upatissa sẽ là [hai vịj Thinh văn hàng đầu. Vi thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thăng ây. 18. Khemā và uppalavannā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Ton ấy được gọi ten là 'Assattha9. 19. Citta và HatthãIavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm nm.” 20. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vj này là chủng tử mầm mống của chư Phát.” 21. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rang]: 22. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời. 23. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới. 24. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đôi diện vị kia trong tương lai xa vòd." 25. Nghe được lời nói của vị ấy, Ta trở nên mừng rỡ, có tâm trí phấn chấn, đã quyết đinh sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp. 26. Thành phố có tên là Sobhanā, vi vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Sâgara, người mẹ của bậc Đạo Sư Atthadassĩ tên là Sudassanã. 27. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình mười ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Amaragiri, Suragiri và Girivãhana. 28. Có ba mươi ba ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Visākhā. Con trai ten la sêla. 29. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, đấng Chiến Thắng đã ra đi bằng phương tiện ngựa và đã ra sức nỗ lực trong tám tháng không thiếu sót. 30. Được đấng Phạm thiên thỉnh càu, vị có danh tiếng lớn lao, đấng Đại Hùng, bậc Nhân Ngưu Atthadassĩ đã chuyên vận bánh xe [Chánh pháp] ở công viên Anoma. 31. Santa và Upasanta đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đạo Sư Atthadassĩ tên là Ābhāya.

32. Dhammā và luôn cả Sudhammā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là "Campaka". 33. Nakula và luôn cả Nisabha đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Makilã và Sunandã đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hang đầu. 34. Cao tám mươi ratana (hai mươi mét), được vẹn toàn như là mặt trăng [chúa của các vì sao], đức Phật ấy, vi tương đương với các bậc không thể sánh bằng, sáng chói như là cây sâla chúa. 35. Hàng trăm koti hào quang tự nhiên của vị ây luôn luôn tỏa rộng một do- tuần ở khắp mười phương, bên trên và bên dưới. 36. Đức Phật ấy, bậc Nhân Ngưu, đấng Hiền Triết Tối Thượng Của Tất Cả Chúng Sanh, bậc Hữu Nhãn cũng đã tồn tại ở thế gian một trăm ngàn năm. 37. Sau khi thi hiện hào quang vô song và đã chiếu sáng thế gian luôn cả chư thiên, vị ấy cũng đạt đến hiện trạng vô thường tương tợ như ngọn lửa cạn nguồn nhiên liệu. 38. Đấng Chiến Thắng Cao Quý Atthadassĩ đã Niết-bàn tại tu viện Anoma. Đã có sự phân tán Xá-lợi từ xứ sở ây đên kháp các nơi. wLịch sử đức Phật AtthadassT59 là phần thứ mười bốn.

15. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT DHAMMADASSĪ (DHAMMADASSIBUDDHAVAMSO)

1. Cũng chính trong kiếp Manda ấy, vị có danh tiếng lớn lao Dhammadassĩ đã xua tan bóng đêm tăm tôi và chiêu sáng thê gian luôn cả các cõi trời. 2. Cũng trong việc chuyển vận bánh xe Chánh pháp của vị có oai lực vô song ấy, đã có sự lãnh hội lan thứ nhất là của một trăm ngàn koti vị. 3. Vào lúc đức Phật Dhammadassĩ hướng dẫn vị ẩn sĩ Sañjaya, khi ấy đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của chín mươi koti vị. 4. Vào lúc [Chúa trời] Sakkā cùng với tùy tùng đi đến gặp bậc Hướng Đạo, khi ấy đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của tám mươi koti vị. 5. Đấng Thiên Nhân của chư thiên ấy cũng đã có ba lần tụ hội gồm các vị Lậu tận không còn ô nhiễm, có tâm thanh tịnh như thế ấy. 6. Lúc đức Phật Dhammadassĩ vào [an cư] mùa mưa ở Sarana, khi ấy đã có cuộc hội tụ thứ nhát của một ngàn koti vị. 7. Vào lần khác nữa, lúc đức Phật từ cõi trời đi đến cõi nhân loại, khi ấy cũng đã có cuộc hội tụ thứ nhì của một trăm koti vị. 8. Vào lần khác nữa, lúc đức Phật giảng giải về các đức hạnh là các pháp Đầu-đà, khi ấy đã có cuộc hội tụ thứ ba của tám mươi hoti vị. 9. Vào lúc bấy giờ, Ta là [Chúa trời] Sakkā, [có danh hiệu là] Purindada. Ta đã cúng dường hương thơm của cõi trời, tràng hoa, nhạc cụ [đến đức Phật]. 10. Lúc bây giờ, đức Phật ây ngôi ở giữa chư thiên cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: “Trong mười tám trăm (một ngàn tám trăm) kiếp, người này sẽ trở thành vị Phật. 11. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh]. 12. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê? đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ây roi đi đên Nerañjarā (Ni-liên-thiền). 13. ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn. 14. Ke đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề9 bậc Vô Thượng, vi Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha. 15. Người mẹ sanh ra vi này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vi này sẽ là Gotama.

16. Kolita và upatissa sẽ là [hai r • M . vị] Thinh văn hàng đầu. Vị. thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đang Chiên Thăng ây. 17. Khemā và uppalavannā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha'. 18. Citta và Hatthālavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm.,, 19. Sau khi nghe được lời nói này của VỊ Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ răng]: này là chủng tử mâm mông của chư Phát." 20. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chăp tay cúi lạy [nói răng]: 21. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời. 22. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới. 23. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa v&i.” 24. Nghe được lời nói của vi ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã thực hiện sự nỗ lực tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp. 25. Thành phố có tên là Sarana, vi vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Sarana, người mẹ của bậc Đạo Sư Dhammadassī tên là Sunandâ. 26. Vị ây đã sông ở giữa gia đình tám ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Araja, Viraja và Sudassana. 27. Có bốn mươi ba ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Vicitolī. Con trai tên là Puññavaddhana. 28. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, bậc Tối Thượng Nhân đã ra đi bằng tòa lâu đài và đã thực hành hạnh nỗ lực bảy ngày. 29. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, bậc Nhân Ngưu, đấng Đại Hùng, vị Tôi Thượng Nhân Dhammadassī đã chuyên vận bánh xe [Chánh pháp] ở Migadãya (Vườn Nai). 30. Paduma và Phussadeva đã là [hai vi] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đạo Sư Dhammadassī tên là Sunetta. 31. Khemā và Saccanāmā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi là "Bimbijala". 32. Subhadda và luôn cả Katissaha sẽ là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Sāliyā và Valiyā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu.

33. Cao tám mươi cánh tay (bốn mươi mét), đức Phật ấy, vị tương đương với các bậc không thể sánh bằng, nổi bật trong mười ngàn thế giới nhờ vào oai lực. 34. Tợ như cây sāla chúa nở rộ bông, giống như tia sét ở trên bầu trời, như là mặt trời lúc chính ngọ, khi ấy VỊ ấy đã chiếu sáng như thế. 35. Mạng sống (tuổi thọ) của vị có oai lực vô song ấy cũng tương tợ [như loài người], bậc Hữu Nhãn đã tồn tại ở thế gian một trăm ngàn năm. 36. Sau khi đã thị hiện hào quang và làm cho giáo pháp không còn ô nhiễm, vị ấy cùng với các Thinh văn đã Niết-bàn tương tợ như mặt trăng đã lặn ở trên bau trời. 37. Đấng Đại Hùng Dhammadassī đã Niết-bàn tại tu viện Kesā. Ngôi bảo tháp cao quý được dựng lên cao ba do-tuân dành cho chính vị ây ở ngay tại nơi ấy. “Ljch sử đức Phật DhammadassT" là phần thứ mười lăm.

16. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SIDDHATTHA ịsiDDHATTHABUDDHAVAMSƠ)

1. Sau [đức Phật] Dhammadassí, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha đã tiêu diệt tất cả tăm tối như là mặt trời đã mọc lên ở không trung. 2. Sau khi đạt được quả vị Toàn giác, vị ấy cũng đã làm cơn mưa với đám mây Chánh pháp giúp cho thế gian luôn cả chư thiên vượt qua, và tế độ thế gian luôn cả chư thiên chứng ngộ Niêt-bàn. 3. Đối với vị có oai lực vô song ấy, cũng đã có ba sự lãnh hội. Sự lãnh hội lần thứ nhất là của một trăm ngàn koti vi. 4. Cũng vào dịp khác nữa, vào lúc Ngài gióng lên tiếng trống ở Bhĩmaratha (quốc độ của sự kinh hoàng), khi ấy đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của chín mươi hoti VỊ. 5. Vào lúc đức Phật, bậc Tối Thượng Nhân ấy, thuyết giảng giáo pháp ở Vebhāra, khi ấy đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của chín mươi koti vị. 6. Và bậc Tối Thượng Của Loài Người ấy cũng đã có ba lần tụ hội gồm các VỊ Lậu tận không còn ô nhiễm, có tâm thanh tinh như thế ấy. 7. Đây là ba số liệu về việc hội tụ của các vị không còn ô nhiễm: Của một trăm koti VỊ, của chín mươi [koti] vị và của tám mươi koti vị. 8. Vào lúc bây giờ, Ta là vị đạo sĩ khô hạnh tên Mañgala có oai lực cao tột, khó có ai vượt trội, đã thành tựu thiên định và năng lực của các thăng trí. 9. Sau khi mang lại trái cây từ cây Jambu/1 Ta đã dâng đến [đức Phật] Siddhattha. Sau khi nhận lãnh, bậc Toàn Giác đã nói lên lời này: 10. “Các ngươi hãy nhìn vị đạo sĩ kho hạnh tóc bện có kho hạnh cao tột này. Trong chín mươi bôn kiêp tính từ thời diêm này, người này sẽ trở thành vị Phật. 11. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khô hạnh]. Ỉ2. Sau khi ngôi xuông ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lây món cơm sữa ở tại nơi ây roi đi đên Nerañjarā (Ni-liên-thiên). 13. ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn. 14. Kế đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề9 bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiêng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha.

41 Trái Jambu là trái mận đỏ, đào đỏ. (ND)

15. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama. 16. Kolita và upatissa sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thang ấy. 17. Khemā và uppalavannā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 4Assattha\ 18. Citta và Hatthālavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm/9 19. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ răng]: "Vi này là chủng tử mâm mông của chư Phát.” 20. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]: 21. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời. 22. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới. 23. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời?9 24. Nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã tăng

thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết định sự thực hành tôi thăng đê làm tròn đủ sự toàn hảo vê mười pháp. 25. Thành phố có tên là Vebhāra, vị vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Udena, người mẹ của bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha tên là Suphassā. 26. Vi ấy đã sống ở giữa gia đình trong mười ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Kokā, Suppalā và Kokanadā. 27. Có ba lân mười sáu ngàn (bôn mươi tám ngàn) phụ nữ được trang diêm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Sumanā. Con trai tên là Anupama. 28. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, đấng Chiến Thắng đã ra đi bằng phương tiện kiệu khiêng và đã ra sức nỗ lực mười tháng không thiếu sót. 29. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hùng, bậc Tối Thượng Nhân Siddhartha đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở tại Migadâya (Vườn Nai). 30. Sambala và Sumitta đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha tên là Revata. 31. Sīvalā và Surāmā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi là "Kapik

32. Suppiya và Samudda đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Rammā và luôn cả Surammã đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. 33. Vươn lên bầu trời [chiều cao] sáu mươi ratana (mười lăm mét), đức Phật ây chiêu sáng mười ngàn thê giới tương tợ như cột trụ băng vàng có găn tràng hoa. 34. Đức Phật ấy3 vị tương đương với các bậc không thể sánh bằng, là bậc Vô Song, không người đối địch. Bậc Hữu Nhãn cũng đã tồn tại ở thế gian một trăm ngàn năm. 35. Sau khi thị hiện hào quang tuyệt vời và giúp cho các môn đồ đơm hoa kết trái. Sau khi đã được rạng rỡ với sự chứng ngộ5 vi ấy cùng với các Thinh văn đã Niết-bàn. 36. Đức Phật Siddhattha, đấng Hiền Triết Cao Quý đã Niết-bàn tại tu viện Anoma. Ngôi bảo tháp cao quý dành cho vị ấy đã được dựng lên cao bốn do-tuần ở ngay tại nơi ấy. 6Ljch sử đức Phật Siddhattha" là phần thứ mười sáu.

17. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT TISSA {TISSABUDDHAVAMSO)

1. Sau [đức Phật] Siddhartha, bậc Lãnh Đạo Hàng Đầu Của Thế Gian Tissa là không ai sánh bằng, không người đoi địch, có oai lực vô biên, có danh vọng vô lượng. 2. Sau khi đã xua tan bóng đen tăm tối và chiếu sáng thế gian luôn cả các cối trời, vi Có Lòng Thương Xót, đấng Đại Hùng, bậc Hữu Nhãn đã hiện khởi ở thế gian. —ẩ ỵ ."..Y— A r
3. Cũng có thân thông vô song, giới và định vô song, sau khi đạt đên sự toàn hảo về mọi phương diện, VỊ ấy đã chuyển vận bánh xe Chánh pháp. 4. Đức Phật ấy đã công bố lời diễn thuyết thanh tịnh ở trong mười ngàn thế giới. Hàng trăm koti vi đã lãnh hội trong cuộc thuyết giảng giáo pháp lần thứ nhất. 5. Lần thứ nhì là của chín mươi ngàn koti vị. Lần thứ ba là của sáu mươi ngàn hoti vị. Khi ấy, Ngài đã giúp cho nhân loại và chư thiên đã tề tựu lại được giải thoát khỏi các sự trói buộc. 6. Bậc Lãnh Đạo Hàng Đầu Của Thế Gian Tissa cũng đã có ba lần tụ hội gồm các vi Lậu tận không còn ô nhiễm, có tâm thanh tịnh như thế ấy. 7. Đã có cuộc hội tụ thứ nhất của một trăm ngàn bậc Lậu tận. Đã có cuộc hội tụ thứ nhì của chín mươi trăm ngàn (chín triệu) vị. 8. Đã có cuộc hội tụ thứ ba của tám mươi trăm ngàn (tám triệu) bậc Lậu tận, không còn ô nhiễm, đã nở hoa trong sự giải thoát. 9. Vào lúc bấy giờ, Ta là vị Sát-đế-lỵ tên Sujātā. Sau khi buông bỏ tài

sản lớn lao, Ta đã xuất gia làm ẩn si. 10. Khi Ta đã xuất gia, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã xuất hiện. Sau khi nghe được tiếng nói rằng: “Bức Phát!" Khi ấy phỉ lạc đã phát khởi ở Ta. 11. Sau khi nắm lấy hoa Mạn-đà-la, hoa Sen, hoa San Hô của cõi trời bằng cả hai tay, Ta đã vội va đi đến. 12. Ta đã cầm lấy bong hoa ấy và đặt lên đỉnh đầu của đấng Chiến Thng, bậc Lãnh Đạo Hàng Đầu Của Thế Gian Tissa đang được vây quanh bởi bốn thành phần.& 13. Khi ấy, ngồi giữa mọi người đức Phật ấy cũng đã chú nguyện cho Ta 42 Bốn thành phần là Sát-đế-ly, Bà-la-môn, gia chù và Sa-môn (BvsA. 236).

rằng: "Trong chín mươi hai kiếp tính từ thời điểm này, người này sẽ trở thành vị Phật. 14. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh]. 15. Sau khi ngôi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền). 16. ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn. 17. Ke d6, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha. 18. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama. 19. Kolita và Upatissa sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vi thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng ấy. 20. Khemā và uppalavannā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Ton ấy được gọi ten là 'Assattha\ 2L Citta và Hatthālavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị .M A Gotama có danh tiêng ây là một trăm nm." 22. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ răng]: "Vj này là chủng tử mâm mông của chư Phát.” * 23. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]: 24. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời. 25. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới. 26. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dip với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vi kia trong tương lai xa vòd." 27. Nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết định sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp. 28. Thành phố có tên là Khemaka, vi vua dòng Sát-đế-ly tên là Janasandha, người mẹ của bậc Đại Ân Sĩ Tissa tên là Padumā. 29. Vị áy đã sông ở giữa gia đình bảy ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Guhā, Selanāri, Nisabhā. 30. Có đầy đủ ba mươi ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Subhaddā. Con trai tên là Ānanda.

31. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, đấng Chiến Thắng đã ra đi bằng phương tiện ngựa và đã ra sức nỗ lực tám tháng không thiếu sót. 32. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, bậc Lãnh Đạo Hàng Đầu Của Thế Gian Tissa, đang Đại Hùng đã chuyên vận bánh xe [Chánh pháp] ở khu rừng tuyệt vời Yasavatī. 33. Brahmadeva và Udaya đã là [hai vị]

Thinh văn hàng đầu. Vi thi giả của bậc Đại Ẩn Sĩ Tissa tên là Samañga. 34. Phussa và luôn cả Sudattā đã là [hai vi] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là "Asana". 35. Sambala và luôn cả Sirĩ sẽ là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Kisāgotamī và Upasenā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. 36. Cao sáu mươi ratana (mười lăm mét), đức Phật, đang Chiên Thăng ây không có vi tương đương, không có ai sánh bằng, được nhìn thấy như là núi Hy-mã-lạp. 37. Tuổi thọ của vị có oai lực vô song ấy là tối thắng.43 Bậc Hữu Nhãn đã tồn tại ở thế gian một trăm ngàn năm. 38. Sau khi đã thọ hưởng danh vọng lớn lao, tối thượng, cao quý, nhất hạng, vi ấy đã rực cháy như là khối lửa rồi đã Niết-bàn cùng với các vị Thinh văn. 39. Tương tợ như đám mây [biến mất] bởi làn gió, như là làn sương [biến mát] bởi mặt trời, như là bóng tôi [biên mát] bởi ngọn đèn, vị ây cùng với các Thinh văn đã Niết-bàn. 40. Đức Phật, đấng Chiến Thắng Cao Quý Tissa đã Niết-bàn tại tu viện Nandā. Ngôi bảo tháp của đấng Chiến Thắng dành cho vị ấy đã được dựng lên cao ba do-tuần ở ngay tại nơi ấy. í6Lịch sử đức Phật Tissa" là phần thứ mười bảy.

43 Tuổi thọ là 100.000 năm, không quá dài và không quá ngắn (BvsA. 231).

PHẬT SỬ 703

18. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT PHUSSA (PHUSSABUDDHÁăMSƠ)

1. Cũng chính trong kiếp Manda ấy, đã có bậc Đạo Sư Phussa là đấng Vô Thượng, không có vị tương tợ9 không có ai sánh bang, là bậc Lãnh Đạo Hàng Đầu Cua Thế Gian. • 3 2. Sau khi đã hủy diệt tất cả bóng tối và tháo gỡ mạng lưới khổng lồ, trong lúc làm hài lòng thê gian luôn cả chư thiên, vị ấy cũng đã đổ cơn mưa bằng nước bất tử. 3. Trong khi [đức Phật] Phussa đanệ chuyển vận bánh xe Chánh pháp ở lễ hội tinh tú, đã có sự lãnh hội lân thứ nhát là của một trăm ngàn koti vi. 4. Đã có sự lãnh hội lân thứ nhì là của chín mươi trăm ngàn koti (chín triệu) vị. Đã có sự lãnh hội lan thứ ba là của tám mươi trăm ngàn (tám triệu) vị. 5. Và bậc Đại Ẩn Sĩ Phussa cũng đã có ba lần tụ hội gồm các bậc Lậu tận không còn ô nhiễm có tâm thanh tịnh như thế ấy. 6. Đã có cuộc hội tụ thứ nhát của sáu mươi trăm ngàn (sáu triệu) [vị]. Đã có cuộc hội tụ thứ nhì của năm mươi trăm ngàn (năm triệu) [vi]. 7. Đã có cuộc hội tụ thứ ba của bốn mươi trăm ngàn (bốn triệu) vi đã được giải thoát, không còn chấp thủ, có sự tái sanh đã được đoạn tận. 8. Vào lúc bấy giờ, Ta là vi Sát-đế-lỵ tên Vijitāvī. Sau khi buông bỏ vương quốc rộng lớn, Ta đã xuất gia trong sự chứng minh của vị ấy. 9. Bậc Lãnh Đạo Hàng Đầu Của Thế Gian Phussa ấy cũng đã chú nguyện cho Ta rang: "Trong chín mươi hai kiếp tính từ thời điểm này, người này sẽ trở thành vị Phật. 10. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh]. 11. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê5 đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy roi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền). 12. ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây BÒ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn. 13. Ke đó9 sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha. 14. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

15. Kolita và Upatissa sẽ là [hai vịj Thinh văn hàng đầu. Vi thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng áy. 16. Khemā và uppalavannā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha9. 17. Citta và Hatthālavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm.,, 18. Sau khi nghe được lời nói này của vi Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: này là chủng tử mầm mống của chư Phát." 19. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chăp tay cúi lạy [nói rằng]: 20. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời. 21. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới. 22. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa v&i." 23. Nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết đinh sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp. 24. Sau khi học tập toàn bộ Kinh và luôn cả Luật tức là giáo pháp của bậc Đạo Sư gồm chín thể loại, Ta đã làm rạng rỡ giáo pháp của đấng Chiên Thắng. 25. Trong khi sống không xao lãng trong giáo pháp ấy, sau khi tu tập thiền Phạm thiên và làm toàn hảo các thắng trí, Ta đã đi đên thê giới của Phạm thiên. 26. Thành phố có tên là Kâsika, vị vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Jayasena, và người mẹ của vị Đại Ẩn Sĩ Phussa tên là Sirimā. 27. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình chín ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là GaruḶapakkha, Hamsa và Suvannabhārā. 28. Có ba mươi ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Kisāgotamī. Con trai tên là Anupama. 29. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, bậc Tối Thượng Nhân đã ra đi bằng phương tiện voi và đã thực hành hạnh nỗ lực sáu tháng. 30. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, bậc Lãnh Đạo Hànệ Đầu Của Thế Gian Phussa, đấng Đại Hùng, bậc Tối Thượng Nhân đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở Migadāya (Vườn Nai). 31. Surakkhita và Dhammasena đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đại Ẩn Sĩ Phussa tên là Sabhiya. 32. Cãlã và upacālā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ẩy được gọi la "AmZijda".

33. Dhanañcaya và Visākhā đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Padumã và luôn cả Nāgā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. 34. Đạt đến chiều cao năm mươi tám ratana (mười bốn mét rưỡi), được vẹn toàn như là mặt trăng [chúa của các vì sao], bậc Hiên Triêt ây cũng chiêu sáng tương tợ mặt trời. 35. Tuổi thọ được biết là kéo dài đến chín mươi ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua. 36. Sau khi đã giáo giới nhiêu chúng sanh và đã giúp cho nhiêu người vượt qua, bậc Đạo Sư có danh tiêng vô song ây cùng với các vị Thinh văn đã Niết-bàn. 37. Đấng Chiến Thắng Cao Quý, bậc Đạo Sư Phussa đã Niết-bàn tại tu viện Senā; đã có sự phân tán Xá-lợi từ xứ sở ấy đến khắp các nơi. “Ljch sử đức Phật Phussa” là phần thứ

mười tám.

706 KINH TIÊU BÔ

19. LỊCH SỬ ĐỨC PHẠT VIPASSĪ (yiPASSIBUDDH^AMSO)

L Sau [đức Phật] Phussa, bậc Toàn Giác, đấng Tối Thượng Nhân, vị Hữu Nhãn tên Vipassī đã sanh lên ở thế gian. 2. Sau khi làm vỡ tung toàn bộ vô minh và đạt đến quả vị Toàn giác tôi thượng, Ngài đã đi đến thành phố Bandhumatī để chuyển vận bánh xe Chánh pháp. 3. Bậc Lãnh Đạo đã chuyển vận bánh xe Chánh pháp và đã giác ngộ cả hai người.44 Đã có sự lãnh hội lần thứ nhất là không thể nói được bằng cách tính đếm. 4. Vào lần khác nữa, bậc có danh tiếng vô hạn đã giảng giải về chân lý ở tại nơi ấy. Đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của tám mươi bốn ngàn vị. 5. Tám mươi bôn ngàn người đã xuất gia theo đang Toàn Giác. Khi những người ấy đi đến tu viện, bậc Hữu Nhãn đã thuyết giảng giáo pháp đến họ. 6. Sau khi lắng nghe và an trú vào [đức Phật] đang thuyết giảng theo nhiều phương thức, các vị ây cũng đã đạt đến giáo pháp cao quý; [đây] là sự lãnh hội lần thứ ba. 7. Bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī đã có ba lần tụ hội gồm các vị Lậu tận không còn ô nhiễm, có tâm thanh tinh như thế ấy. 8. Cuộc hội tụ thứ nhất là của sáu mươi tám trăm ngàn (sáu triệu tám trăm ngàn) vị. Cuộc hội tụ thứ nhì là của một trăm ngàn vị Tỳ-khưu. 9. Cuộc hội tụ thứ ba là của tám mươi ngàn vị Tỳ-khiru. Tại nơi ấy, ở giữa tập thể Ty-khưu? đấng Toàn Giác đã chói sáng. 10. Vào lúc bấy giờ, Ta là vị Long vương tên Atula có đại thần lực, có phước báu, có luồng hào quang. 11. Khi ây, trong lúc đang vây quanh [đức Phật] với vô sô koti con rông và đang trình tấu bằng các nhạc cụ của cõi trời, Ta đã đi đến gặp đấng Tối Cao Của Thế Gian. 12. Sau khi đi đến gặp đấng Toàn Giác, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī, Ta đã thỉnh cầu rồi đã dâng lên đàng Pháp Vương chiêc ghê băng vàng được cẩn ngọc ma-ni, ngọc trai, châu báu, và được trang điểm với tất cả các đồ trang sức. 13. Đức Phật áy, ngoi giữa hội chúng, cũng đã chú nguyện cho Ta răng: “Trong chín mươi mốt kiếp tính từ thời điểm này, người này sẽ trở thành vi Phật.

44 Là hoàng tử Khanda người em trai cùng cha khác mẹ và Tissa con trai của viên quan tế tự. Hai người này đã trở thành 2 vị Thinh văn hàng đầu của vị Phật này (BvsA. 237).

PHẬT SỬ 707

r 14. Sau khi rời khỏi [thành phô] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh]. 15. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền). 16. ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn. 17. Ke đó9 sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề? bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha. 18. Người mẹ sanh ra vi này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vi này sẽ là Gotama. 19. Kolita và Upatissa không còn lậu hoặc, tham ái đã lia, có tâm an tịnh và đinh tĩnh sẽ là [hai vi] Thinh văn hàng đầu. Vi thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đang Chiến Thắng nay. 20. Khemā và

uppalavannā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên làAssattha' 21 Citta và Hatthālavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vi Gotama có danh tiếng ấy là một trăm nm." 22. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: này là chủng tử mầm mống của chư PhẶt.” 23. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]: 24. “Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời. 25. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới. 26. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời.” 27. Sau khi nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết định sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp. 28. Thành phố có tên là Bandhumatī, vị vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Bandhumā, người mẹ của vị Đại Ẩn Sĩ Vipassī tên là Bandhumatī. 29. Vị ây đã sông ở giữa gia đình trong tám ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Nandā, Sunanda và Sirimā. 30. Có bốn mươi ba ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Sutanâ. Con trai là Samavattakkhandha. 3L Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, đấng Chiến Thắng đã ra đi bằng

phương tiện xe. Bậc Tối Thượng Nhân đã ra sức nỗ lực tám tháng không thiếu sót. 32. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hùng, bậc Tối Thượng Nhân Vipassī đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở Migadâya (Vườn Nai). 33. ỈGìanda và vị tên Tissa đã là [hai vi] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đại Ẩn sì Vipassī tên là Asoka. 34. Candâ và Candamittā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ- đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là Pātalī. 35. Punabbasumitta và Nāgā đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Sirimā và luôn cả Uttarā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. 36. Đang Lãnh Đạo Thê Gian Vipassī có chiêu cao tám mươi cánh tay (bôn mươi mét). Hào quang của vi ấy tỏa sáng bảy do-tuần ở xung quanh. 37. Tuổi thọ được biết là kéo dài đến tám mươi ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua. 38. Vị ấy đã giải thoát sự trói buộc cho nhiều chư thiên và nhân loại. Ngài đã chỉ ra đạo lộ và không phải đạo lộ cho các phàm nhân còn lại. 39. Sau khi đã thi hiện ánh sáng và giảng giải về trạng thái bất tử, vị ấy đã rực cháy như là khoi lửa roi đã Niết-bàn cùng với các vị Thinh văn. 40. Thần thông cao quý, phước báu cao quý, và [các] tướng trạng đã được đơm hoa, tất cả đều hoàn toàn biến mất; phải chăng tất cả các hành là trống không? 41. Đức Phật, bậc Chiến Thắng Cao Quỵ Vipassī đã Niết-bàn tại tu viện Sumitta. Ngôi bảo tháp cao quý dành cho vi ấy đã được dựng lên cao bảy do- tuần ở ngay tại nơi ấy. ^Lịch sử đức Phật Vipassī9' là phần thứ mười chín.

20. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SIKHĪ (sikhĩbuddhavẨmsơ)

1. Sau [đức Phật] Vipassī, có bậc Toàn Giác, vị Tối Thượng Nhân, đấng Chiến Thắng tên gọi Sikhī là bậc không ai sánh bằng, không người đối thủ. 2. Sau khi trừ diệt binh đội của Ma vương và đạt đến quả vị Toàn giác tối thượng, vi ấy đã chuyển vận bánh xe Chánh pháp vì lòng thương xót chúng sanh. 3. Trong khi bậc Hiền Triết Hàng Đầu Sikhī đang chuyển vận bánh xe Chánh pháp, đã có sự lãnh hội lần thứ nhất là của một trăm ngàn koti vị. 4. Cũng vào lúc khác, trong khi đấng Tối Thượng Nhân, bậc Đứng Đầu Hội Chúng đang thuyết giảng giáo pháp, đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của chín mươi ngàn koti vị. 5. Trong khi thị hiện song thông đến loài người luôn cả chư thiên, đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của tám mươi ngàn koti vị. 6. Bậc Đại Ẩn Sĩ Sikhī đã co ba lần tụ hội gồm các vi Lậu tận không còn ô nhiễm có tâm thanh tịnh như the ấy. 7. Cuộc hội tụ thứ nhất là của một trăm ngàn vi Tỳ-khưu. Cuộc hội tụ thứ nhì là của tám mươi ngàn vị Tỳ-khưu. 8. Cuộc hội tụ thứ ba của bảy mươi ngàn vị Tỳ-khưu là không bị lấm nhơ, tương tợ như đóa hoa sen không bị vấy bùn dầu sanh trưởng ở trong nước. 9. Vào lúc bấy giơ, Ta là vị Sát-đế-lỵ ten Arindama. Ta đã thỏa mãn hội chúng [Tỳ-khưu] có đấng Toàn Giác đứng đâu với cơm ăn? nước uống. 10. Sau khi cúng dường nhiều vải vóc quý giá không dưới mười triệu tấm vải, Ta đã dâng đến đấng Toàn Giác con voi đã được trang hoàng làm phương tiện di chuyển. 11. Ta đã tạo lập ra phương tiện di chuyên là voi và đã được biêt răng là điều được phép. Ta đã làm tròn đủ tâm ý đã được phát nguyện trường kỳ và bền vững của Ta. 12. Đức Phát ấy, đấng Lãnh Đạo Cao puý Của Thế Gian, cũng đã chú nguyện cho Ta rang: "Trong ba mươi mốt kiếp tính từ thời điểm này, người này se trơ thành vị Phạt. 13. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh]. 14. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ây roi đi đến Nerañjarā [Ni-liên-thiền].

710 KINH TIỂU BỒ

7. A . M X All 15. ơ tại bờ sông Nerañjarā, đang Chiên Thăng áy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn. 16. Ke đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vi Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha. 17. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama. 18. Kolita và Upatissa không còn lậu hoặc, tham ái đã lìa, có tâm an tịnh và định tĩnh sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đau. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng này. 19. Khemā và uppalavannā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha9. 20. Citta và Hatthālavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vi Gotama có danh tiếng ấy là một trăm nm.” 21. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: “vj này là chủng tử mầm mống của chư Phát." 22. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rang]: 23. “Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời. 24. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến

bờ ở bên dưới. 25. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện VỊ kia trong tương lai xa v&i." 26. Sau khi nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết định sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp. 27. Thành phô có tên là Arunavatī, vị vua dòng Sát-đê-lỵ tên là Arunavā, người mẹ của bậc Đại Ẩn Sĩ Sikhī tên là Pabhāvatī. 28. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình trong bảy ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Sucanda, Giri và Vasabha. 29. Có hai mươi bốn ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Sabbakāmā. Con trai tên là Atula. 30. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, bậc Tối Thượng Nhân đã ra đi bang phương tiện voi và đã thực hành hạnh nỗ lực tám tháng. 31. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo Cao Quý Của Thế Gian, đấng Đại Hùng, bậc Tối Thượng Nhân Sikhī đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở tại Migācire (Vườn Nai).

PHẬT SỬ711

32. Abhibhū và Sambhava đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thi giả của bậc Đại ẩn sĩ Sikhī tên là Khemañkara. 33. Makhilā và Padumā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đàu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi là "Tundarīka^.45 34. Sirivaddha và Nandā đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Citta và luôn cả Suguttã đã là [hai] nữ thí chủ hộ đọ hắng đầu. 35. Đức Phật ấy có chiều cao bảy mươi cánh tay (ba mươi lăm mét), với ba mươi hai tướng trạng cao quý tương tợ như cột trụ bằng vàng có gắn tràng hoa. 36. Anh sáng hào quang từ cơ thê của vị ây phát ra kháp các phương ngày và đêm không gián đoạn. Hào quang ấy [có độ dài] là ba do-tuần. 37. Tuổi thọ của bậc Đại Ẩn Sĩ ấy là bảy mươi ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vi ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua. 38. Sau khi đổ cơn mưa đám mây Chánh pháp và làm cho chúng sanh luôn cả chư thiên được thấm nhuần, vi ấy sau khi đạt đến bản thể an tinh đã Niết-bàn cùng với các vị Thinh văn. 39. Ba mươi hai tướng trạng cao quý đã đạt được cùng với các tướng phụ, tất cả đều hoàn toàn biến mất; phải chăng tất cả các hành là trống không? 40. Đức Phật Sikhī, đấng Hiền Triết Cao Quý đã Niết-bàn tại tu viện Dussa. e < £

Ngôi bảo tháp cao quý dành cho vi ây đã được dựng lên cao ba do-tuân ở ngay tại nơi ấy. uLịch sử đức Phật Sikhī9' là phần thứ hai mươi.

45 Pundarīka là cây xoài trắng (setambarukkhà) (BvsA. 247).

21. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT VESSABHŪ ^SSABHŪBUDDHAVAMSO)

1. Cũng chính trong kiếp Manda ấy, đấng Lãnh Đạo tên Vessabhū ấy, bậc không ai sánh bằng, không người đối thủ, đã hiện khởi ở thế gian. 2. Khi ấy, biết rằng ngọn lửa ái dục đang thiêu đốt thế gian này là căn cử địa của các ái, vi ấy sau khi cắt đứt sự trói buộc đã đạt đến quả vị Toàn giác tối thượng, ví như con long tượng [được tự do] sau khi đã giật đứt xích xiềng.46 3. Trong khi đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vessabhū đang chuyển vận bánh xe Chánh pháp; đã có sự lanh hội lần thứ nhất là của tám mươi ngàn hoti (tám trăm tỷ) vi. 4. Trong khi đấng Hàng Đầu Thế Gian, bậc Nhân Ngưu ra đi du hành trong

xứ sở, đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của bảy mươi ngàn koti (bảy trăm tỷ) vi. 5. Trong khi xua tan tà kiến nghiêm trọng, vi ấy thể hiện thần thông. Nhân loại và chư thiên trong mười ngàn thế giới tính luôn các cõi trời đã hội tụ lại. 6. Sau khi nhìn thấy điều kỳ diệu vĩ dại, phi thường, khiến lông dựng đứng, sáu mươi koti (sáu trăm triệu) chư thiên và luôn cả loài người đã được giác ngộ. 7. Bậc Đại Ẩn Sĩ Vessabhū đã có ba lần tụ hội gồm các vị Lậu tận không còn ô nhiễm, có tâm thanh tinh như thế ấy. 8. Đã có cuộc hội tụ thứ nhát của tám mươi ngàn koti vị Tỳ-khưu. Đã có cuộc hội tụ thứ nhì của bảy mươi ngàn vi Tỳ-khưu. 9. Đã có cuộc hội tụ thứ ba của sáu chục ngàn vị Tỳ-khưu chính thức của bậc Đại Ẩn Sĩ là các vi đã qua khỏi các sự hãi sợ như sự già, v.v... 10. Vào lúc bấy giờ, Ta là vi Sát-đế-lỵ tên Sudassana. Sau khi thỉnh mời bậc Đại Hùng và đã dâng cúng vật thí vô cùng xứng đáng, Ta đã cúng dường đấng Chiến Thắng cùng với hội chúng [Tỳ-khưu] cơm nước và y phục. 11. Bánh xe tối thắng của đức Phật không gì sánh bằng ấy đã được chuyển vận. Sau khi lắng nghe giáo pháp tuyệt vời, Ta đã thích thú sự xuất gia. 12. Sau khi đã tiến hành cuộc đại thí không ngơi nghỉ đêm ngày, Ta đã tiến hành sự xuất gia hội đủ các ưu điểm trong sự chứng minh của đấng Chiến Thắng. 13. Được thành tựu sở hành và đức hạnh, nghiêm túc trong các phận sự và

46 Dịch theo lời giải thích của Chủ giải (BvsA. 249).

giới hạnh, trong lúc tầm cầu quả vi Toàn tri, Ta được thỏa thích trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng. 14. Sau khi đã đạt được niềm tin và sự hoan hỷ, Ta đảnh lễ đức Phật, bậc Đạo Sư. Niềm hoan hỷ được sanh lên đến Ta có nguyên nhân chính là quả vi giác ngộ. 15. Biết được tâm ý [của Ta] khonjg còn thối chuyển, đấng Toàn Giác đã nói lên điều này: "Trong ba mươi mốt kiếp tính từ thời điểm này, người này sê trở thành vị Phật. 16. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh]. 17. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lây món cơm sữa ở tại nơi ây roi đi đên Nerañjarā (Ni-liên-thiên). 18. ơ tại bờ sông Nerañjarā, đang Chiên Thăng ây thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn. 19. Ke đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha. 20. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama. 21. Kolita và Ưpatissa không còn lậu hoặc, tham ái đã lìa, có tâm an tịnh và định tĩnh sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đau. Vị thi giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đang Chiến Thang nay. 22. Khemā và uppalavannā sẽ là [hai vi] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Ton ấy được gọi ten là 4Assattha\ 23. Citta và Hatthālavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vi Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm?5 24. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: uVị này là chủng tử mầm mống của chư Phật/9 25. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chăp tay cúi lạy [nói răng]: 26. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện

vi kia trong tương lai xa vời. 27. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới. 28. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa v&i." 29. Sau khi nghe được lơi nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết đinh sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp.

30. Thành phô có tên là Anupama, vị vua dòng Sát-đê-lỵ tên là Suppatita, người mẹ của bậc Đại Ẩn Sĩ Vessabhū tên là Yasavatī. 31. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình trong sáu ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Ruci, Suruci và Rativaddhana. 32. Có không dưới ba mươi ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Sucinā. Con trai tên là Suppabuddha. 33. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, bậc Tối Thượng Nhân đã ra đi bang kiệu khiêng và đã thực hành hạnh nỗ lực sáu tháng. 34. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hùng, bậc Tối Thượng Nhân Vessabhū đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] cũng ở tại Aruna. 35. Sona và luôn cả Uttara đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vi thị giả của bậc Đại ẩn sĩ Vessabhū tên là upasanta. 36. Damā và luôn cả Samālā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi là "sla". 37. Sotthika và luôn cả Rammā đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Gotamī và Sirimā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. 38. Có chiêu cao sáu mươi ratana tương đương với cây cột băng vàng. Hào quang phát ra từ cơ thể giống như là ngọn lửa ở trên ngọn núi vào ban đêm. 39. Tuổi thọ của vị ây được biêt là đên sáu mươi ngàn năm. Trong khi tôn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua. 40. Sau khi đã hoằng khai giáo pháp, đã phân hạng dân chúng và đã thiêt lập con thuyền Chánh pháp, vị ấy cùng với các Thinh văn đã Niết-bàn. 41. Tất cả những người [đức Phật và các vi Thinh văn], cách sinh hoạt, lề lối oai nghi đáng được chiêm ngưỡng, tất cả đều hoàn toàn biến mất; phải chăng tất cả các hành là trống không? 42. Đấng Chiến Thắng Cao Quý, bậc Đạo Sư Vessabhū đã Niết-bàn tại tu viện Khemā. Đã có sự phân tán Xá-lợi từ xứ sở ây đên kháp các nơi. 4iLich sử đức Phật Vessabhū^ là phần thứ hai mươi mốt

22. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT KAKUSANDHA (KAKUSANDHABUDDHAVAMSO)

1. Sau [đức Phật] Vessabhū, có bậc Toàn Giác, đấng Tối Thượng Nhân tên Kakusandha là vị không thể đo lường, khó có thể đạt đến. 2. Sau khi làm tiêu hoại tát cả các sự tái sanh, vị ây đã đạt đên sự toàn hảo trong các hạnh, đã đạt đến quả vị Toàn giác tối thượng, tương tợ như con sư tử [đã được tự do] sau khi bẻ gãy chiếc lồng giam giữ. 3. Trong khi đấng Lãnh Đạo Thế Gian Kakusandha đang chuyển vận bánh xe Chánh pháp, đã có sự lãnh hội lần thứ nhất là của bốn mươi ngàn koti [bốn trăm tỷ] vị. 4. Sau khi đã hóa hiện song thông ở không trung trên bầu trời, vi ấy đã giác ngộ ba mươi ngàn koti [ba trăm tỷ] chư thiên và nhân loại. 5. Sự lãnh hội giáo pháp của vi ây trong lân giảng giải vê bôn chân lý cho dạ-xoa Naradeva là không thể đếm được theo cách thức

tính toán. 6. Đức Thế Tôn Kakusandha đã có một làn tụ hội gồm các bậc Lậu tận không còn ô nhiêm, có tâm thanh tịnh như thê ây. 7. Khi ấy, đã có cuộc hội tụ của bốn mươi ngàn vị đã đạt đến nền tảng của việc huấn luyện nhờ vào sự diệt tận các nhóm kẻ thù là lậu hoặc. 8. Vào lúc bấy giờ, Ta là vị Sát-đế-lỵ tên Khemā. Ta đã dâng lên vật thí không nhỏ đến đức Như Lai và những người con trai của đấng Chiến Thắng. 9. Sau khi cúng dường bình bát, y phục, thuốc bôi, mật mía, Ta đã chuẩn bị tất cả mọi thứ này nọ vô cùng quý giá đã được mong mỏi. 10. Đấng Hiền Triết, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Kakusandha ấy, cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: "Trong kiếp Bhaddā này,47 người này sẽ trở thành vi Phật.^, 11. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh]. 12. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê? đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerafijarā [Ni-liên-thiền]. 13. ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn.

47 Kiếp Bhaddā (bhaddakappă) có 5 vị Phật sanh lên. Chúng ta đang ở vào kiếp Bhaddā gồm có 4 vị Phật đã sanh lên là Kakusandha, Konāgamana, Kassapa, Gotama (Phật Thich-ca). Vị Phật sẽ sanh lên trong thời vị lai là Metteyya (BvsA. 252).

14. Ke đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha. 15. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama. 16. Kolita và Upatissa không còn lậu hoặc, tham ái đã lia, có tâm an tịnh và định tĩnh sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vi thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đang Chiến Thang nay. 17. Khemā và Uppalavannā sẽ là [hai vi] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ~đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha9. 18. Citta và Hatthālavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiêng ây là một trăm nm." 19. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Án Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vj này là chủng tử mầm mống của chư Phát.” 20. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]: 21. “Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời. 22. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới. 23. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời." 24. Sau khi nghe được lời nói của vi ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết định sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp. 25. Thành phố có tên là Khemavatī. Khi ấy, Ta có tên là Khemā. Trong khi tầm cầu quả vị Toàn tri, Ta đã xuất gia trong sự chứng minh của vi ấy. 26. Và vị Bà-la-môn Aggidatta ấy đã là người cha của đức Phật. Người mẹ của bậc Đại Ẩn Sĩ Kakusandha tên là Visākhā. 27. Cư trú tại nơi ây ở trong thành Khemā, gia tộc vĩ đại của đang Toàn Giác là dòng dõi cao quý hạng nhất trong loài

người, có danh tiếng vĩ đại. 28. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình trong bốn ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Ruci, Suruci và Rativaddhana. 29. Có đầy đủ ba mươi ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Virocamānā. Con trai tên là Uttara. 30. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, đấng Chiến Thắng đã ra đi bằng phương tiện xe và đã ra sức nỗ lực tám tháng không thiếu sót. 31. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại

Hùng, bậc Tối Thượng Nhân Kakusandha đã chuyển vận bảnh xe [Chánh pháp] ở tại Migadāya (Vườn Nai). 32. Vidhura và Sañjīva đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đại Ẩn Sĩ Kakusandha tên là Buddhija. 33. Sāmā và Campā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi ten là '§irasa". 34. Accutā và Sumanā đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Nandā và luôn cả Sunandâ đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. 35. Bậc Đại Hiền Triết cao bốn mươi ratana (mười mét), hào quang màu hoàng kim phát ra mười đo-tuần ở chung quanh. 36. Tuổi thọ của bậc Đại Ấn Sĩ ấy là bốn mươi ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua. 37. Sau khi đã phô bày gian hàng ẹiáo pháp đến những người nam nữ luôn cả chư thiên, sau khi rống lên như là tiêng rống của loài sư tử, vị ấy đã Niết-bàn cùng với các Thinh văn. 38. [Đức Phật] đã thành tựu tám chi phần về lời nói/8 những phẩm chất không bao giờ khiếm khuyết, tất cả đều hoàn toàn biến mất; phải chăng tất cả các hanh là trống không? 39. Đấng Chiến Thắng Cao Quý Kakusandha đã Niết-bàn tại tu viện Khemā. Ngôi bảo tháp cao quý dành cho vị ấy đã vươn lên bầu trời một gãvuta ở ngay tại nơi ấy. wLịch sử đức Phật Kakusandha" ỉa phần thứ hai mươi hai.48

48 Tám chi phần về lời nói là: Lưu loát, dễ hiểu, dịu ngọt, nghe rõ ràng, sung mãn, phân minh, thâm sâu và vang đổng (£>. II. 201, Kinh Xả-ni-sa (Janavasabhasuttani), số 18).

23. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT KONÃGAMANA (KONĀGAMANABUDDHAVAMSO)

1. Sau [đức Phật] Kakusandha, có đấng Toàn Giác, bậc Tối Thượng Nhân, đấng Chiến Thắng, vị Đứng Đầu Thế Gian, bậc Nhân Ngưu tên là Konāgamana. 2. Sau khi làm tròn đủ mười pháp, vị ấy đã vượt qua bãi sa mạc [luân hồi]. Sau khi tẩy rửa mọi điều nhơ bẩn, vị ấy đã đạt đến quả vị Toàn giác tối thượng. 3 Trong khi vị Lãnh Đạo Konāgamana đang chuyên vận bánh xe Chánh pháp, đã có sự lãnh hội lần thứ nhất là của ba mươi ngàn koti (ba trăm tỷ) vị. 4. Và trong khi thể hiện thần thông trừ diệt các học thuyết khác, đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của hai mươi ngàn koti (hai trăm tỷ) vị. 5. Ke đến, sau khi thể hiện sự biến hóa [thần thông], đấng Chiến Thắng đã đi đến thành phố của chư thiên. Tại nơi ấy, bậc Toàn Giác đã ngự trên tảng đá là ngai vàng của vị Chúa trời Sakkā. 6. Bậc Hiền Triết ấy an cư mùa mưa [ở cõi trời], trong khi thuyết giảng bảy bộ sách [Vi diệu pháp], đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của mười ngàn koti (một trăm tỷ) vi. 7. Vị Thiên Nhân ấy của chư thiên đã có chỉ một lần hội tụ gồm các bậc Lậu tận không còn ô nhiễm, có tâm thanh tịnh như the ấy. 8. Khi ấy, đã có cuộc

hội tụ của ba mươi ngàn vị Tỳ-khưu đã vượt qua khỏi dòng nước lũ và đã làm tiêu tán sự tử vong. 9. Vào lúc bấy giờ, Ta là vị Sát-đế-lỵ tên Pabbatā hội đủ các thân hữu và quan viên, có binh lực và xe cộ không phải là ít. 10. Sau khi đã đi đến diện kiến đấng Toàn Giác và lắnệ nghe giáo pháp tối thượng, Ta đã thỉnh mời hội chúng cùng với đấng Chiến Thắng và đã dâng cúng vật thí theo như ước muốn. 11. Ta đã cúng dường bậc Đạo Sư và các vi Thinh văn vải xứ Pattunna, vải Trung Quốc, tơ lụa xứ Kâsi, cùng với mền len và luôn cả đôi dép bằng vàng nữa. Ỉ2. Bậc Hiền Triết ấy ngồi giữa hội chúng, cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: “Trong kiếp Bhaddā này, người này sẽ trở thành vị Phật. 13. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh]. 14. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy roi đi đên Nerañjarā (Ni-liên-thiền).

PHẬT sử^ 719

15. ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn. 16. Ke đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề? bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha. 17. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama. 18. Kolita và Upatissa không còn lậu hoặc, tham ái đã lia, có tâm an tinh và định tĩnh sẽ là [hai vi] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đang Chiến Thang nay. 19. Khemā và Uppalavannā không còn lậu hoặc, tham ái đã lìa, có tâm an tịnh và định tĩnh sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha'. 20. Citta và Hatthālavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm.,, 21. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vj này là chủng tử mầm mống của chư Phát." 22. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]: 23. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời. 24. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới. 25. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đoi diện vị kia trong tương lai xa vòd." 26. Sau khi nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết định sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp. 27. Trong khi tầm cầu quả vị Toàn tri, Ta đã cúng dường vật thí đến đấng Tối Thượng Nhân. Sau khi từ bỏ vương quốc rộng lớn, Ta đã xuất gia trong sự chứng minh của vị ấy. 28. Thành phố có tên là Sobhavatī, vị vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Sobha. Tại nơi ấy, gia tộc vĩ đại của đấng Toàn Giác cư ngụ ở trong thành phố. 29. Và VỊ Bà-la-môn Yañfiadatta ấy đã là người cha của đức Phật. Người mẹ của bậc Đạo Sư Konāgamana tên là Uttarā. 30. Vị ây đã sông ở giữa gia đình trong ba ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Tusitā, Santusitā và Santuttha. 31. Có không dưới mười sáu ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Rucigattâ. Con trai tên là Satthavāha.

32. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, bậc Tối Thượng Nhân đã ra đi bằng phương tiện voi và đã thực hành hạnh nỗ lực sáu tháng. 33. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo, đấng Đại Hùng, bậc Tối Thượng Nhân tên Konāgamana đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở tại Migadâya (Vườn Nai). 34. Bhiyyasa và Uttara đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc có danh tiếng Konāgamana tên là Sotthija. 35. Samuddā và Uttarā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi là "Udumbara". 36. Uggā và Somadeva đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Sīvalā và luôn cả Sāmā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. 37. Đức Phật ấy đạt đến chiều cao ba mươi cánh tay (mười lăm mét). Tương tợ như chiếc vòng vàng ở trong lò lửa của thợ rèn, vị ấy đã rực rỡ với các hào quang như thế ấy. 38. Tuổi thọ được biết là đến ba chục ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vi ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua. 39. Sau khi giương cao ngôi bảo tháp Chánh pháp được tô điểm với những biểu ngữ về Chánh pháp, vi ấy đã kết thành chùm hoa Chánh pháp rồi đã Niết- bàn cùng với các Thinh văn. 40. Môn đồ của vi ấy có thần lực vĩ đại, có sự giảng giải giáo pháp huy hoàng, tất cả đều hoàn toàn biến mất; phải chăng tất cả các hành là trống không? 41. Đấng Toàn Giác Konāgamana đã Niết-bàn tại tu viện Pabbatā. Đã có sự phân tán Xá-lợi từ xứ sở ấy đến khắp các nơi. aíLịch sử đức Phật Konāgamana" là phần thứ hai mươi ba.

PHẬT SỬ 721

24. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT KASSAPA ị^SSAPABUDDHAVAMSO)

1. Sau [đức Phật] Konāgamana, có bậc Toàn Giác, đấng Tối Thượng Nhân tên Kassapa là vị Pháp Vương tỏa sáng hào quang. 2. Vị ấy sau khi biếu tặng vật thí là tài sản gia đình đã được xả bỏ và nhiều cơm ăn nước uống đến những người ăn xin và làm tròn đủ tâm ý, vị ấy đã đạt đến quả vị Toàn giác tối thượng, ví như con bò mộng đã [được tự do sau khi] phá vỡ chuồng trại. 3 Trong khi đang Lãnh Đạo Thê Gian Kassapa đang chuyên vận bánh xe Chánh pháp, đã có sự lãnh hội lần thứ nhất là của hai mươi ngàn koịi (hai trăm tỷ) vi. 4. Vào lúc đức Phật đi du hành ở thế gian trong bốn tháng, đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của mười ngàn koti (một trăm tỷ) vị. 5. Sau khi đã thể hiện sự biến hóa song thông, vị ấy đã giảng giải về bản thể của trí tuệ; đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của năm ngàn kotỉ (năm mươi tỷ) vi. 6 ở tại thành phố của chư thiên Sudhammâ xinh xắn, đấng Chiến Thắng đã giảng giải giáo pháp ở tại nơi ấy và đã giác ngộ ba ngàn koti (ba mươi tỷ) chư thiên. 7. Trong lần thuyết giảng giáo pháp khác cho dạ-xoa Naradeva, sự lãnh hội của những người ấy là không thể đếm được theo cách thức tính toán. 8. Vị Thiên Nhân ấy của chư thiên đã có chỉ một lần hội tụ gồm các bậc Lậu tận không còn ô nhiễm, có tâm thanh tinh như thế ấy. 9. Khi ấy, đã có cuộc hôi tụ của hai mươi ngàn vị Tỳ-khưu là những vị đã vượt qua tham ái bằng sự hổ thẹn [tội lỗi] và giới hạnh như thế ấy. 10. Vào lúc bấy giờ, Ta là thanh niên Bà-la-môn nổi tiếng với tên Jotipāla, là người trì tụng, nắm vững chú thuật, thành thạo ba bộ Vệ-đà. 11. Ta đã đạt đên sự toàn hảo vê khoa tướng mạo, vê truyên thuyêt và vê các phận sự chánh yếu, là vi rành rẽ về trời đất, có trí tuệ đã được hoàn tất, thuần thục. 12. Vị hộ độ của đức Thế

Tôn Kassapa tên Ghatikāra (thợ làm đồ gốm) là người có sự tôn kính, có sự vâng lời, đã đạt Niết-bàn trong quả vi thứ ba (Bất lai). 13. Ghatikāra đã đưa Ta đi đến gặỊ)đấng Chiến Thắng Kassapa. Sau khi lắng nghe giáo pháp của vị ấy, Ta đã xuất gia trong sự chứng minh của vi ấy.

14. Sau khi đã khởi sự tinh cần và là người thông thạo trong các phận sự lớn nhỏ, Ta không bỏ sót bất cứ điều gì và làm tròn đủ giáo pháp của đấng Chiến Thắng. 15. Cho đên những gì đã được đức Phật nói lên tức là giáo pháp của đang Chiến Thắng gồm chín thể loại; sau khi học tập toàn bộ, Ta đã làm rạng rỡ giáo pháp của đấng Chiến Thắng. 16. Sau khi nhìn thấy điều kỳ diệu ở nơi Ta, đức Phật ấy cũng đã chú nguyện rằng: “Trong kiếp Bhaddā này, người này sẽ trở thành vị Phật. 17. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh]. 18. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lây món cơm sữa ở tại nơi ấy roi đi đên Nerañjarā (Ni-liên-thiền). 19. ở tại bờ sông Nerañjarā, [đức Như Lai] thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn. 20. Ke đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng Nhân, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ ngồi xuống vào tư thế kiết-già và sẽ được giác ngộ ở chô ngôi giác ngộ tôi thăng trong vị thê bát bại. 21. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama. 22. Kolita và Upatissa không còn lậu hoặc, tham ái đã lìa, có tâm an tịnh và đinh tĩnh sẽ là [hai vi] Thinh văn hàng đau. Vi thi giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đang Chiến Thắng nay. 23. Khemā và uppalavannā không còn lậu hoặc, tham ái đã lìa, có tâm an tịnh và định tĩnh sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ầy được gọi ten là 'Assattha\ 24. Citta và Hatthālavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ la [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm nm." 25. Sau khi nghe được lời nói này của vi Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: “Vi này là chủng tử mầm mống của chư Phát." 26. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chăp tay cúi lạy [nói răng]: 27. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời. 28. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới. 29. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa v&i."

30. Sau khi nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyêt định sự thực hành tôi thăng đê làm tròn đủ sự toàn hảo vê mười pháp. 31. Như thế, sau khi đã trôi nổi [luân hồi] và trong khi tránh xa điều sai trái, Ta có điều khó thực hành được đã được thực hành, và nguyên nhân chính là vì quả vị Giác ngộ của Ta. 32. Thành phố có ten là Bārānasī, vi vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Kikī. Tại nơi ấy, gia tộc vĩ đại của đấng Toàn Giác cư ngụ ở trong thành phố. 33. Và vị Bà-la-môn Brahmadatta ây đã là người

cha của đức Phật. Người mẹ của bậc Đại Ẩn Sĩ Kassapa tên là Dhanavatī. 34. Vi ấy đã sống ở giữa gia đình hai ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Hamsa, Yasa và Sirinanda. 35. Có ba lần mười sáu ngàn (bốn mươi tám ngàn) phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Sunandâ. Con trai tên là Vijitasena. 36. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, bậc Tối Thượng Nhân đã ra đi bằng tòa lâu đài và đã thực hành hạnh nỗ lực bảy ngày. 37. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hùng, bậc Tối Thượng Nhân Kassapa đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở tại Migadâya (Vườn Nai). 38. Tissa và Bhāradvāja đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đại An Sĩ Kassapa tên là Sabbamitta. 39. Anulā và Uruvelā đã là [hai vi] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi là "Nigrodha95. 40. Sumañgala và Ghatīkāra đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đàu. Vijitasenā và Bhaddā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. 41. Đạt đên chiêu cao hai mươi ratana (năm mét), đức Phật ây tương tợ như lằn tia chớp ở trên bầu trời, như là mặt trăng được tròn đầy bởi quầng ánh sáng. 42. Tuổi thọ của bậc Đại Ẩn Sĩ ấy là hai mươi ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua. 43. Sau khi đã tạo ra hồ nước Chánh pháp, đã ban hành dầu thơm giới [đức], đã mặc vào tấm vải Chánh pháp, đã phân phối tràng hoa Chánh pháp.49 44. Sau khi đã thiết lập cho đại chúng tấm gương giáo pháp không tỳ vết, [vị ấy đã nói rằng]: "Những ai mong mỏi Niết-bàn, hãy nhìn vào vật trang sức của Ta.99 45. Sau khi đã ban cho tấm áo giáp là giới, có tấm da chắn bảo vệ là thiền phủ lên, sau khi đã trùm lên tam da giáo pháp [là niệm và tỉnh giác], sau khi đã ban cho tấm chiến bào tối thắng [là Tứ chánh cần]. 46. Sau khi đã ban cho tấm mộc che là niệm, cây thương là trí tuệ sắc bén, 49 Hồ nước ví như pháp học, dầu thơm là Tứ thanh tịnh giới, tấm vải là hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi, tràng hoa là 37 pháp đưa đến giác ngộ 269).

sau khi đã ban cho cây gươm cao quý là giáo pháp và giới nhằm mục đích trừ diệt sự gắn liền [với các phiền não]. 47. Sau khi đã ban cho vật tô điểm là ba minh, vòng nguyệt quế là bốn quả vị, sau khi đã ban cho vật trang sức là sáu thắng trí và tràng hoa giáo pháp [là chín pháp siêu thế]. 48. Sau khi đã ban cho chiếc lọng trắng Diệu pháp ngăn chặn các điều sai trái, sau khi làm hiện ra bông hoa vô úy, vị ây đã Niêt-bàn cùng với các Thinh văn. 49. Chính vị này là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác không thể đo lường, khó có thể đạt đến. Đây chính là Pháp bảo đã khéo được thuyết giảng, hãy đến và thấy. 50. Đây chính là Tăng bảo đã thực hành đúng đắn và vô thượng; tất cả đều hoàn toàn biến mất; phải chăng tất cả các hành là trống không? 51. Bậc Đạo Sư, đấng Chiến Thắng Cao Quý Mahâkassapa đã Niết-bàn tại tu viện Setavyâ. Ngôi bảo tháp của đang Chiên Thăng dành cho vị ây đã được dựng lên có chiều cao một do-tuàn ở ngay tại nơi ấy. “Ljch sử đức Phật Kassapa55 là phần thứ hai mươi bốn.

25. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT GOTAMA (GOTAMABUDDHAVAMSO)

1. Sau khi ra sức nỗ lực, Ta đã đạt được quả vị Toàn giác tối thượng trở thành đấng Toàn Giác Gotama trong thời hiện tại và là sự vinh hiển của dòng họ Sākya (Thich-ca). 2. Được đang Phạm thiên thỉnh câu, Ta đã chuyên vận bánh xe Chánh pháp. Đã có sự lãnh hội lần thứ nhất là của mười tám koti (một trăm tám chục triệu) vị. 3. Sau đó vào dịp khác, trong khi đang thuyết giảng ở cuộc tụ hội của loài người và chư thiên, đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là không thể nói được bằng cách tính đếm. 4. Trong thời hiện tại, Ta đã giáo giới người con trai của Ta ngay ở nơi đây; đã có sự lãnh hội lần thứ ba là không thể nói được bằng cách tính đếm. 5. Ta đã có một lần tụ hội gồm các vi Thinh văn đại ẩn sĩ. Đã có cuộc hội tụ của một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu. 6. Sáng chói không ô nhiễm ở giữa hội chúng Tỳ-khưu, Ta đã ban phát tất cả các điều đã được mong mỏi,50 tương tợ như ngọc ma-ni ban cho mọi điều ước muốn. 7. Vì lòng thương tưởng chúng sanh, Ta đã giảng giải bốn chân lý đến những người tầm cầu sự dứt bỏ lòng mong muốn tái sanh và đang ước ao [Thánh] quả. 8. Đã có sự lãnh hội giáo pháp của mười ngàn, hai mươi ngàn. Sự lãnh hội của một hoặc hai người là không thể đếm được theo cách thức tính toán. 9. ở đây, jgiao lý của Ta, của đấng Hiền Triết dòng Sâkya, là khéo được thanh lọc, phổ biến đến nhiều người, có kết quả, phong phú, đã được nở rộ bông hoa. 10. Hàng trăm vị Tỳ-khưu, không còn lậu hoặc, tham ái đã lìa, có tâm thanh tinh, định tĩnh; tất cả luôn quây quần xung quanh Ta. 11. Giờ đây trong thời hiện tại, những vị nào buông bỏ sự tái sanh trong cõi người [nhưng] tâm ý chưa đạt,51 [còn] là các bậc Hữu học, những vi Tỳ-khưu ấy bị bạc trí chê trách. 12. Những người ca ngợi đạo lộ của các bậc Thánh nhân, luôn luôn thỏa 50 Nghĩa là sự an lạc các loại thuộc về thế gian và siêu thế (BvsA. 293). 51 Chưa đạt được quả vị A-la-hán (BvsA. 293).

thích trong giáo pháp, có niệm, là những người sẽ được giác ngộ dầu còn bị xuôi dòng chảy luân hồi. 13. Thành phô của Ta là Kapilavatthu, người cha là đức Vua Suddhodana, người mẹ sanh ra Ta gọi là "Hoàng hậu Māyā9\ 14. Ta đã sống đời sống gia đình trong hai mươi chín năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Rammā, Suramma, Subhaka. 15. Có bốn mươi ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Bhaddakaccānā. Con trai tên là Râhula. 16. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, Ta đã ra đi bằng phương tiện ngựa và đã thực hành hạnh nỗ lực trong sáu năm là việc khó thực hành được. 17. Ta là bậc Toàn Giác Gotama, đấng Chiến Chang đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] tại Isipatana, thành Bārānasī và là nơi nương nhờ của tất cả chúng sanh. 18. Hai vị Tỳ-khưu Kolita và upatissa là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vi thi giả tên là Ānanda luôn hiện diện bên cạnh Ta. 19. Tỳ-khưu-ni Khemā và uppalavannā là [hai vi] nữ Thinh văn hàng đầu. Citta và Hatthālavaka là [hai] nam cư sĩ thí chủ hộ độ hàng đầu. 20. Nandamātā và Uttarā là [hai] nữ cư sĩ thí chủ hộ độ hàng đầu. Ta đã đạt đến quả vi Toàn giác tối thượng ở cội cây Assattha. 21. Ánh sáng hào quang của Ta luôn luôn vươn cao mười sáu cánh tay (tám mét). Vào thời hiện tại của Ta lúc bấy giờ, tuổi thọ được biết là ít ỏi [chỉ] một trăm năm. Trong khi tôn tại đên chừng ây, Ta đã giúp cho nhiêu chúng sanh vượt qua. 22. Sau khi thiết lập ngọn đuốc Chánh pháp và sự giác ngộ cho chúng sanh sau này, cũng chẳng bao lâu nữa Ta cùng với hội chúng Thỉnh văn sẽ viên tịch Niết-bàn ở ngay tại nơi này, như là ngọn lửa cạn nguồn nhiên liệu. 23.

Các oai lực vô song ấy,52 mười lực và các thần thông này, và đây là cơ thể chứa đựng các đức hạnh được tô điểm với ba hai tướng trạng cao quý. 24. Sau khi chiếu sáng khắp mười phương tợ như mặt trời với các hào quang sáu loại, tất cả sẽ hoàn toàn biến mất; phải chăng tất cả các hành là trống không? wLịch sử đức Phật Gotama" là phần thứ hai mươi lăm.

52 Ám chỉ 2 vị Thinh văn hàng đầu là Sāriputta và Moggallâna (Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên) (BvsA. 295).

26. CHƯƠNG TÔNG HỢP VÈ CHƯ PHẬT (BUDDHAPAKINNAKAKAmOf3

1. Vô lượng kiếp trước dây, đã có bốn bậc Hướng Đạo là Tanhañkara, Medhañkara, cùng với Saranañkara và đấng Toàn Giác Dīpañkara. Các đấng Chiến Thắng ấy là thuộc về chung một kiếp. 2. Sau [đức Phật] Dīpañkara, có bậc Lãnh Đạo tên là Kondañña. Chỉ một mình trong một kiếp, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua. 3[Số lượng] các kiếp ở vào khoảng giữa của hai vị này, [tức là] đức Thế Tôn Dīpañkara và đấng Đạo Sư Kondañña, là không thể đếm được theo cách thức tính toán. 4. Sau [đức Phật] Kondañña, có bậc Lãnh Đạo tên là Mangala. [Số lượng] các kiếp ở vào khoảng giữa của hai vị này cũng là không thể đếm được theo cách thức tính toán. 5. Mangala, Sumanā, Revata và bậc Hiền Triết Sobhita, các đức Phật, các bậc Hữu Nhãn, các đấng Quang Minh ấy cũng ở vào một kiếp. 6. Sau [đức Phật] Sobhita là vị Anomadassĩ có danh tiếng vĩ đại. [Số lượng] các kiếp ở vào khoảng giữa của hai VỊ ấy cũng là không thể đếm được theo cách thức tính toán. 7. Anomadassĩ, Paduma, luôn cả bậc Lãnh Đạo Nãrada, các đức Phật, các đấng Chấm Dứt Bóng Đêm, các bậc Hiền Triết ấy cũng ở vào một kiếp. 8. Sau [đức Phật] Nârada, có bậc Lãnh Đạo tên là Padumuttara. Được sanh lên [riêng biệt] trong một kiếp, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua. 9. [Số lượng] các kiếp ở vào khoảng giữa của hai vị ấy, [tức là] đức Thế Tôn 53 Thứ tự của 28 vị Phật sắp xếp theo các kappa (kiếp) được trình bày như sau: Sāramanda-kappa: Có bốn VỊ Phật là Tanhankara, Medhañkara, Sara-nañkara và Dīpañkara. Sāra-kappa: Mọt vị Phật là kondañña. Sāramaộda-kappa: Bốn vị Phật là Mañgala, Sumanā, Revata, Sobhita. Vara-kappa: Ba vị Phật là Anomadassī, Paduma, Nārada. Sāra-kappa: Một vị Phật là Padumuttara. Manda-kappa: Hai vị Phật là Sumedha, Sujātā. Vara-kappa: Ba vị Phật là Piyadassī, Atthadassī, Dhammadassī. Sāra-kappa: Một vị Phật là Siddhartha. Manda-kappa: Hai vị Phật là Tissa, Phussa. Sāra-kappa: Một vị Phật là Vipassī. Manda-kappa: Hai vị Phật là Sikhī, Vessabhū. Bhadda-kappa: Năm vị Phật là Kakusandha, Konāgamana, Kassapa, Gotama và đức Phật Metteyya vào thời vị lai.

Nãrada và đang Đạo Sư Padumuttara, cũng là không thê đêm được theo cách thức tính toán. 10. Một trăm ngàn kiếp [trước đây] đã có một bậc Đại Hiền Triết, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, là vị thọ lãnh các vật cúng dường. 11. Ba mươi ngàn kiếp sau [đức Phật] Padumuttara, đã có hai bậc Hướng Đạo là Sumedha và Sujātā. 12. Mười tám trăm (một ngàn tám trăm) kiếp [trước đây], vào sau [thời đức Phật] Sujātā, đã có ba bậc

Hướng Đạo là các bậc Lãnh Đạo Piyadassĩ, Atthadassĩ và Dhammadassĩ; [các vi áy] là các bậc Toàn Giác, là các đấng Tối Thượng Nhân. 13. Chín mươi bốn kiếp trước đây, đã có một bậc Đại Hiền Triết. Vị ấy là đấng Hiểu Biết Thế Gian Siddhattha, sâu sắc và vô thượng. 14. Chín mươi hai kiếp trước đây, đã có hai bậc Hướnẹ Đạo. Tissa và đấng Toàn Giác Phusssa là không kẻ sánh bang, không người đoi thủ. 15. Chín mươi mốt kiếp trước đây, [đã có] đấng Lãnh Đạo tên là Vipassĩ. Đức Phật ấy cũng là đấng Bi Man đã giải thoát chúng sanh khỏi sự trói buộc. 16. Ba mươi mốt kiếp trước đây, đã có hai bậc Hướng Đạo. Sikhĩ và luôn cả Vessabhũ là không kẻ sánh bằng, không người đôi thủ. 17. Trong kiếp Bhaddā này đã có ba bậc Hướng Đạo là Kakusandha, Konāgamana và luôn cả vị Lãnh Đạo Kassapa. Hiện nay, Ta là đang Toàn Giác và cũng sẽ có vị Metteyya nữa. 18. Cả năm vi Phật này là các bậc thông thái và là những vị có lòng thuơng xót thế gian. Sau khi chỉ ra đạo lộ ấy của các đang Pháp Vương này cho vô so koịi người khác, các vị ấy đã Niết-bàn cùng với các vi Thinh văn. Dứt chương Tổng hợp về chư Phật.

PHẬT SỬ 729

Giảng giải về việc phân chia Xá-lợi

1. Đấng Chiến Thắng Cao Quý Gotama vĩ đại đã Niết-bàn tại Kusinārā. Đã có sự phân tán Xá-lợi từ xứ sở ấy đến khắp các nơi. 2. Một phần thuộc về [đức Vua] Ajātasattu. Một phần ở thành Vesālī. Một phần ở thành Kapilavatthu. Và một phân dành cho người dân ở Allakappa. 3. Và một phân ở Rāmagāma. Và một phân dành cho người dân ở Vetthadīpa. Một phần dành cho người dân Mallā ở Pāvā. Và một phần dành cho người dân ở Kusinārā. 4. Bà-la-môn tên Dona đã xây dựng ngôi bảo tháp cho bình đựng [Xá-lợi]. Những người Moriyā với tâm tư hớn hở đã xây dựng ngôi bảo tháp thờ tro. 5. Chính vào thời ấy, có tám ngôi bảo tháp [thờ] Xá-lợi, ngôi bảo tháp của bình đựng [Xá-lợi] là thứ chín, ngôi bảo tháp thờ tro là thứ mười đã được thiết lập. 6. Một chiếc răng nanh ở thành phố của cõi trời Ba Mươi, một ở Long Cung, một ở lãnh địa Gandhãra, một thuộc về đức vua xứ Kaliñga.54 7. Chư thiên theo tuân tự của môi một thê giới đã mang đi bôn mươi chiêc răng bang nhau và toàn bộ tóc lông. 8. Bình bát, cây ^ậy và y của đức Thế Tôn là ở Madhurâ. Y nội là ở Kusaghara. Tâm trải năm là ở [thành] Kapila. 9. Bình đựng nước, dây thắt lưng là ở thành Pātaliputta. Vải lọc nước là ở Campā. Và sợi lông giữa hai lông mày là ở Kosala. 10. Y ca-sa là ở cõi Phạm thiên.55 Vải che đầu là ở thành phố của cõi trời Ba Mươi. Dấu chân ở Pāsānaka là nhất hạng và cũng là dấu chân không bị hư hoại. Khi ấy, tấm lót ngồi, tấm trải nằm là ở vương quốc Avantipura.

54 Như vậy là 4 chiếc răng nanh, 2 ở hàm trên, 2 ở hàm dưới. (ND) 55 Các câu kệ này được thấy ở các sách của Maramma, không có ở các sách của SĩhaḶa. a. Phần xương sọ, toàn thể [bốn] cái răng và luôn cả [hai] xương vai là các phần Xá-lợi; bảy phần này không bị vỡ, các Xá-lợi còn lại chỉ là các mảnh vỡ. b. Các viên cỡ lớn có kích thước hạt đậu, các viên cỡ trung bình là các hạt gạo bị bể, các viên cỡ nhỏ có kích thước hạt cải. Và các Xá-lợi có nhiều màu sắc khác nhau. c. Các viên cỡ lớn có màu vàng, các viên cỡ trung bình có màu ngọc trai và các viên cỡ nhỏ có màu chồi non; khối lượng là mười sau dona. d Các viên cỡ lớn là năm nãli và các viên cỡ trung bình là năm nãỉi, còn các

viên cỡ nhỏ là sáu nâỉi\ tất cả đây cũng là các Xá-lợi. e. Xá-lợi xương sọ là ở đảo SThaỊa, xương vai bên trái là ở cõi Phạm thiên, và xương vai bên phải là ở xứ SĩhaỊa; tất ca các Xá-lợi này cũng còn tồn tại.

11. Và cái bật lửa là ở Mithilā. Đồ lọc nước là ở Videha. Khi ấy, dao cạo và luôn cả hộp đựng kim là ở thành pho Indapatta. 12. Khi ấy, dân chúng ở vùng ven của xứ sở đã bảo quản các vật dụng thiết yếu còn lại đa được sử dụng bởi bậc Hiền Triết. 13. Khi áy, tài liệu cô [porānikam] đã nói răng: “Vi lòng thương tưởng chúng sanh, đã có sự phân tán Xá-lợi của bậc Đại Ẩn Sĩ Gotama." Dứt phần giảng giải về việc phân chia Xá-lợi. PHẬT SỬ ĐƯỢC CHẤM DỨT.

HẠNH TẠNG (CARIYĀPITAKA)

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ

Chủ giải của tập Cariyāpitaka (Hạnh tạng) có tên là Paramatthadīpañī do công của Ngài Dhammapāla. Tập Chủ giải đã được thực hiện vào khoảng cuối thế kỷ V Tay lịch. ' Tập Cariyāpitaka có tựa đề nêu bật được nội dung chứa đựng ở bên trong. Cụ thể tập này trình bày về 35 câu chuyện các tiền thân của đức Bồ-tát đã chuyên tâm thực hành các đức hạnh đê đạt đên sự toàn hảo (pãramitã) của các đức hạnh ấy trong thời gian bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp nhằm làm chín muôi quả vị Giác ngộ. Nói vê mười sự toàn hảo này, các dịch giả tiên bôi đã dịch là mười pháp ba-la-mật hay thập độ. Điều đáng ngạc nhiên trong tập : y " r r này là chỉ có bảy sự toàn hảo được đê cập đên thay vì mười, và sô lượng các câu chuyện cho mỗi đức hạnh lại không thống nhất, không rõ do bị thất thoát trong việc truyền thừa hay là việc thực hiện tập này chưa được hoàn tất. Sở dĩ chúng tôi có nhận xét như vậy vì tập này được chia làm ba chương: Chương I nói về bố thí có 10 chuyện, chương II nói về trì giới có 10 chuyện, và chương III bao gôm 15 chuyện còn lại, xuất ly 5 chuyện, quyêt đinh l chuyện, chân thật 6 chuyện, từ ái 2 chuyện và hành xả l chuyện. Muôn tìm hiêu rõ hơn vê điểm này, chúng ta có the tham khảo chương Pakinnakakathā thuộc Chủ giải của tập Cariyāpitaka này, vì có giảng đầy đủ về mười đức hạnh đồng thời có đầy đủ những chi tiết liên quan đến vị mong mỏi việc thực hành hạnh nguyện Bo-tát(Q?^. 276-332). * Xét về hình thức, tập Cariyāpitaka được thực hiện dựa theo lối trường thi (tương tợ như thể Mahākāvya của ngôn ngữ Sanskrit) gồm nhiều câu kệ (gāthā) hợp thành. Mỗi câu kệ được ghi thành 2 dòng và được chia làm 4 pãda\ thông thường mỗi câu kệ như vậy là một câu văn hoàn chỉnh ve phương diện văn phạm. về khía cạnh dịch thuật, cũng có một số điểm cần được nêu lên như sau: Vê các thì của động từ, trong nguyên tác có nhiêu hành động ở vào thời quá khứ nhưng lại được trình bày ở thì hiện tại và một vài hành động ở vào thời vị lai lại được trình bày ở thì quá khứ. Chúng tôi ghi lại các thì theo sát văn bản nghĩ răng những diêm này dê dàng nhận diện qua ngữ cảnh và không làm xáo trộn ý nghĩa. Bản tiếng Việt chúng tôi đã được phiên dịch trực tiếp từ nguyên bản PãỊi. Một số từ dịch đã được dựa theo lời giải thích ở bản Chú giải Pali là Paramatthadĩparã. Tuy có tham khảo bản dịch tiếng Anh của cô L B. Homer và

bản dịch tiếng Sinhala ở Tam tạng song ngữ của nước Sri Lanka nhưng lời dịch Việt này được ghi lại theo sự xét đoán của chúng tôi và không thể hiện quan điểm của bản dịch nói trên. Chúng tôi ghi lại lời dịch Việt theo tinh thần "hiểu văn bản như thế nào thì cố gắng ghi lại đúng như thế y" Đối với các bản văn cổ, chúng tôi không có tham vọng vươn đến các tiêu chuẩn phiên dịch cao hơn. Các sự sai sót trong phiên dịch đương nhiên không thể tránh khỏi, chúng tôi xin chiu hoàn toàn trách nhiệm về trình độ yếu kém. Cuối cùng, ngưỡng mong phước báu phát sanh trong công việc soạn thảo và ấn tổng tập này được thành tựu đến tất cả chúng sanh. Nguyện cho hết thảy đều được an vui, sức khỏe, có trí tuệ và tinh tấn tu tập ngõ hầu thành đạt cứu cánh giải thoát, chấm dứt khổ đau.

Kính bút,
Đêm rằm tháng Bảy
Ngày 08 tháng 8 năm 2006
Tỳ-khưu Indacanda (Trương Đình Dũng)
L Sự TOÀN HẢO VỀ BỒ THÍ (PÂNAPẢRAMITẦ)

1. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] AKITTI (Akittìcaríyam)ỵ 1. Các hạnh nào được thực hành trong khoảng thời gian này,12 [tức là] bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp, tất cả các hạnh ấy là điều kiện làm cho chín muồi quả vị giác ngộ. 2. Trừ ra các hạnh đã được thực hành trong kiếp quá khứ thuộc đời này hoặc đời khác, Ta sẽ nói đen hạnh đã được thực hiện trong kiếp này, ngươi hãy lắng nghe.3 3 Lúc bấy giờ, Ta là vi đạo sĩ khổ hạnh tên Akitti. Ta đã đi sâu vào và cư ngụ ở khu rừng rậm, hoang vắng, là lâm viên có nhiều cây. 4. Khi ấy, Chúa của chư thiên Sakkā4 bị nóng bức5 bởi năng lực khổ hạnh của Ta nên đã đi đến gần Ta để xin vật thực trong dáng vóc vị Bà-la-môn. 5. Nhìn thấy [vi ấy] đứng ở cánh cửa [căn choi lá] của Ta, Ta đã bày ra chỉ có một tô lá cây đã được gió gom lại, không có dầu và cũng không có muối.6 6. Sau khi bố thí lá cây đến vi này, Ta đã lật úp cái tô lại, từ bỏ việc tìm kiếm [thức ăn] một lần nữa và đã đi vào căn chòi lá. 7. Lần thứ nhì, rồi lần thứ ba, vi ấy cũng đã đi đến gặp Ta. Không dao động, không dính mắc, Ta đã bố thí như hai lần trước. 8. [Nhưng] không vì nguyên nhân ấy mà thân thể của Ta trở nên tiều tụy, Ta đã trải qua ngày hôm ấy với niềm phỉ lạc và hứng thú. 9. Nếu như Ta có được một vị xứng đáng để cúng dường thì Ta có thể dâng cúng vật thí tối thượng luôn cả một tháng, hai tháng mà không dao động, không lưỡng lự. 10. Trong khi bố thí phẩm vật cho vị ấy, Ta đã không mong cầu danh và lợi. Ta đã thực hiện những hành động ây trong khi ước mong phàm vị Toàn tri. ^Hạnh của [đức Bồ-tátl AkittP là phần thứniất.

1 Bổn sanh “An sĩ Akitti,, (Akittijātakam), số 480, TTP v, tập 32. (ND) 2 Ettha carỉtantì cariyã'. ở đây, điều đã được thực hành là hạnh (CpẤ. 17). 3 Đức Phật đang giảng giải cho Ngài Sāriputta (Xá-lợi-phất) (CpA. 20). 4 Tidivãdhibhũ là Chúa cõi trời Tidivâ, tức là côi Tāvatimsa (Đạo-lợi) (CpA. 24). 5 Bị oi bức do hơi nóng phát ra ở tảng đá ngồi có phủ gấm vàng của vị ấy (CpA. 24). 6 Mô tả tính chất bố thí bất cứ vật gì thuộc về bản thân

không phân biệt (CpA. 24). Như vậy, lúc này, đức Bồ-tát chỉ sử dụng lá cây ở trong rừng để làm thức ăn.

2. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] SAÑKHA (Sañkhacariyam)1 11. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là vi Bà-la-môn tên gọi Sañkha. Có ý định băng qua đại dương, Ta đã đi đến bến tàu. 12. Tại nơi ấy, Ta đã nhìn thấy ở phía bên kia đường một vị Phật Độc Giác, là bậc không bị kẻ khác hàng phục, đang đi ở con đường xa vắng, trên mặt đất gồ ghề, nóng bỏng. 13. Sau khi nhìn thấy vi ấy ở phía bên kia đường, Ta đã suy xét về sự việc này: “Bây là phước điền đã được thành tựu đến cho người mong cầu phước báu." 14. Cũng giốnẹ như người nông phu nhìn thấy thửa ruộng có triển vọng thu hoạch lớn, nẹười ây không gieo hạt giống ở nơi ấy [nghĩa là] người ấy không có nhu cầu vê thóc lúa. 15. Tương tợ như thê, là người có mong câu vê phước báu, sau khi nhìn thấy phước điền cao quý tối thượng, nếu Ta không thể hiện hành động ở phước điền ấy thì Ta không phải là người mong cầu về phước báu. 16. Giông như vị quan đại thân mong muôn có uy quyên đôi với những người trong cung mà không ban cho những người ấy tài sản và thóc gạo thì sẽ bị suy giảm về uy quyền. 17. Tương tợ như thế, là người có mong cầu về phước báu, sau khi nhìn thấy bậc cao thượng xứng đáng để cúng dường, nếu Ta không dâng cúng vật thí đến vị ấy thì Ta sẽ bị suy giảm về phước báu. 18. Sau khi suy nghĩ như thế, Ta đã cởi ra đôi dép, rồi đảnh lễ ở hai bàn chân của vị ấy và đã cúng dường dù và dép. 19. Mặc dầu Ta có cơ thể mảnh mai và được nuôi dưỡng cẩn thận gấp trăm lần so với vị ấy, tuy nhiên trong khi làm tròn đủ hạnh bố thí, Ta cũng đã cúng dường đến vị ây như thế. 46Hạnh của [đức Bồ-tát] Sahkha” là phần thứ nhì.

3. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] KURUDHAMMA (Kurudhammacarỉyamỷ 20. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là vị vua tên Dhanañjaya ở tại kinh thành Indapattha và được thuần thục về mười thiện nghiệp. 21. Những người Bà-la-môn từ lãnh thổ vương quốc Kaliñga đã đi đến gặp Ta. Họ đã cầu xin Ta con long tượng được xem là biêu hiện của sự thịnh vượng và may mắn. • r 22. [Họ đã nói răng:] "Xứ sở chúng tôi khôn^ có mưa, thức ăn hiêm hoi, đói kém tram trọng. Xin Ngài hãy ban cho con hắc long tượng cao quý có tên là Añjana.„

7 Bổn sanh uBà-la-môn Sahkha” (Sañkhajātakam), số 442, TTPV, tập 32. (ND) 8 Bổn sanh uTập quán xứ Kuru" (Kurudhammajātakam), số 276, TTPV, tập 32. (ND)

23. [Ta nghĩ rằng:] "Đối với Ta, khi có được người cầu xin thì sự từ chối là điều không đúng đắn. Sự thọ trì của Ta chớ có bi đổ vỡ. Ta sẽ bố thí con voi vĩ dại.” 24. Sau khi nắm lấy con voi ở chiếc ngà và rưới nước từ chiếc bình làm bằng ngọc quý lên bàn tay, Ta đã cho con voi đến các vị Bà-la-môn. 25. Khi con voi ấy đã được cho đi, các quan đại thần đã nói điều này: "Sao Ngài lại cho con voi quý báu của Ngài đến những kẻ cầu xin? 26. Con voi là tối ưu trong việc chiến thắng ở trận tiền, được thành tựu sự thịnh vượng và may man. Khi con voi ấy đã được cho đi thì cái gì sẽ vận hành vương quốc của Ngài?" 27. Ta có thể bố thí luôn cả toàn bộ vương quốc của Ta. Ta có thể bố thí cả

thân mạng của mình. Đối với Ta, quả vị Toàn tri là yêu quý; vì thế Ta đã bố thí con long tượng. “Hgnh của [đức Bồ-tát] Kurudhamma" là phần thứ ba.

4. HẠNH CỦA [ĐỨC BÒ-TÁT] MAHÃSUDASSANA (Mahãsudassanacaríyamỷ 28. Khi ở ứiành phố Kusāvatī, Ta đã là vi Lãnh Chúa, đấng Chuyển Luân Vương có quyền lực lớn lao tên Mahâsudassana. 29. Tại thành phố ấy, Ta đã cho thông báo ba lần trong ngày ở khắp các nơi rằng: "Ai muốn [hoặc] mong mỏi vật gì? Của cải gì nên được ban phát? [Ban phát] đến ai? 30. Ai đói? Ai khát? Ai [cần] vòng hoa? Ai [cần] dầu thoa? Có các loại vải vóc đủ màu, ai trần truồng thì sẽ mặc vào? 31. Ai đi đường cần đến dù? Ai [cần đến] giày dép mềm mại, đẹp đẽT' Ta đã cho thông báo sáng chiều ở khắp các nơi như thế. 32. Của cải ấy đã được chuẩn bị cho những người cầu xin không phải chỉ ở mười địa điểm, hoặc ở một trăm địa điểm, mà ở hàng trăm địa điểm. 33. Nếu có người nghèo khổ đi đến cho dù ban ngày hoặc ban đêm, họ đều được nhận lãnh tài sản theo như ý thích rồi ra đi với hai tay tràn đầy của cải. 34. Ta đã bố thí những phẩm vật lớn lao có hình thức như thế cho đến trọn đời. Ta cho ra của cải không phải là vì không thích ý, cũng không phải là vì Ta không có chỗ để cất giữ. 35. Cũng giống như người bị bệnh, sau khi làm hài lòng vị thầy thuốc với vàng bạc cho việc chữa lành căn bệnh, thì [sẽ] được hoàn toàn thoát khỏi căn bệnh. 36. Tương tợ y như thế, khi biết được [điều ấy], để làm viên mãn [pháp bố

9 D. II. 170, Kình Đại Thiện Kiến Vương {Mahāsudassanasuttaṃ sổ 17; Bổn sanh "Vua Mahāsudassana,, (Mahāsudassanajātakam}^ số 95, TTPV, tập 32. (ND)

thí] không bị thiếu sót và làm cho đầy đủ tâm ý còn khiếm khuyết, Ta đã ban phát vật thí cho những người cầu xin, không luyến tiếc, không mong mỏi sự đền đáp nhằm thành tựu quả vị Toàn giác. “Hnh của [đức Bồ-tát] Mahāsudassanaṃ là phần thứ tư.

5. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] MAHẢGOVINDA (Mahāgovindacariyam)[() 37. Vào một thời điểm khác nữa, khi là Bà-la-môn Mahâgovinda, Ta đã là viên quan tế tự của bảy vị vua và được các đấng quân vương cung phụng. 38. Khi ấy, phẩm vật ở trong bảy vương quốc đã là của Ta. Với phẩm vật ấy Ta đã ban phát cuộc đại thí, tợ như biển cả không bi xáo động. 39. Không phải là của cải và lúa gạo là không được vừa ý đối với Ta và cũng không phải là ở nơi Ta không có sự tích trữ. Quả vị giác ngộ đối với Ta rất là cao quý, do đó Ta bố thí tài sản quý giá. wHạnh của [đức Bồ-tát] Mahāgovindaṃ là phần thứ năm.

6. HẠNH CỦA ĐỨC VUA NIMI (Nimirũịacaríyam)n 40. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là vị đại vương tên Nimi, là bậc trí tuệ và là người tầm cầu thiện pháp ở tại kinh thành Mithilā. 41. Khi ấy5 Ta đã cho thực hiện bốn sảnh đường, [mỗi sảnh đường] có bốn cổng ra vào [ở bốn hướng chính], ở tại nơi ấy, Ta đã cho tiến hành việc bố thí đến các thú vật, chim chóc, loài người, v.v... 42. Ta đã thực hiện không ngừng nghỉ (ngày đêm không gián đoạn đến lúc dứt tuổi thọ)10 và đã cho tiến hành cuộc đại thí [gồm có] y phục, giường ghế, 1213 11 cơm ăn? nước uống và thực phẩm [các loại]. 43. Cũng giống như người đầy tớ, vì lý do lươĩiậ bổng, tiếp cận chủ nhân và suy tầm cách làm hài lòng băng thân, khâu, ý (băng hành động, lời nói và tư tưởng). 44. Tương tợ y như thê, trong

tát cả mọi kiếp sông Ta cũng sẽ tâm câu việc làm sanh khởi sự giác ngộ. Sau khi làm thỏa mãn các chúng sanh với vật bo thí, Ta mong cầu quả vị giác ngộ tối thượng. í6Hạnh của đức Vua Nimi" là phần thứ sáu.

7. HẠNH CỦA HOÀNG TỬ CANDA (Candakumāracariyamy3 45. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là vị hoàng tử tên Canda, con trai của Ekarāja, ở tại thành phố Pupphavatĩ.

10 So sánh với D. II. 220, Kinh Đại Điển Tôn (Mahāgovindasuttam), số 19. 11 Bổn sanh "Dức Vua (Nimijātakarn), số 5417T*, tập 34. (ND) 12 CpA. 54. 13 Bồn sanh "Quan Te tự Khandahãla,, (Khandahālajātakam), số 542, TTP v, tập 34. (ND)

46. Khi ấy, Ta đã được thoát khỏi cuộc tế thần và đã rời khỏi khu vực cuộc lễ tế. Sau khi đã tạo nên niềm xúc động, Ta đã tiến hành cuộc đại thí. 47. [Khi] không được bố thí đến những người xứng dáng sự bố thí, Ta không uống, không ăn, cũng không thọ dụng vật thực, thậm chí đên năm sáu đêm. 48. Cũng giông như người thương buôn sau khi đã tích trữ hàng hóa thì sẽ đem hàng hóa ấy đến nơi nào có nhiều lợi nhuận, 49. Tương tợ y như thế, ngay cả việc bố thí đến người khác vật đã được thọ dụng bởi bản thân cũng có quả báo lớn; vì thế nên bố thí đến tha nhân, sẽ có được [kết quả] gấp trăm lần. 50. Biết được năng lực của chân lý ấy, Ta đã ban phát vật bố thí kiếp này đến kiếp khác. Ta không suy giảm việc bố thí nhằm thành tựu quả vị Toàn giác. uHạnh của Hoàng tử Canda" là phần thứ bảy.

8. HẠNH CỦA ĐỨC VUA SIVI (Sivirãịacarìyam)14 51. ở tại thành phố có tên gọi là Arittha, Ta đã là vị Sát-đế-lỵ tên Sivi. Vào lúc ngồi ở tòa lâu đài quý báu, Ta đã suy nghĩ như vầy: 52. "Không có bất cứ vật thí nao thuộc về nhân loại mà Ta chưa từng bố thí. Thậm chí người nào yêu cầu Ta về con mắt thì Ta cũng có thể bố thí, không bị dao động?5 53. Biết được tâm tư của Ta, vị Chúa trời Sakkā ngồi ở giữa tập thể chư thiên đã nói lên lời này: 54. "Dức Vua Sivi có đại oai lực trong khi ngồi ở tòa lâu đài quý báu suy nghĩ về vật bố thí đủ các loại, vị ấy không nhìn thấy vật chưa từng được bố thí. 55. Điều này là đúng hay không đúng sự thật? Vậy hãy để Ta thử thách vị ấy. Các người hãy chờ một chốc lát đến khi Ta biết được tâm ý ấy." 56. Sau khi biến thành dáng vóc người mù lòa, đang run rẩy, có đầu tóc bạc phơ, cơ thể nhăn nheo, già yếu, bệnh hoạn, [Chúa trời Sakkā] đã đi đến gặp đức vua. 57. Khi ây, ông ta đã giơ cánh tay trái và cánh tay phải lên chăp lại ở dâu, rồi đã nói lời này: 58. "Tâu Đại vương, tôi câu xin ngài. Oi, vị làm tiên triên vương quôc vê phương diện đạo đức, danh tiếng của ngài về sự hoan hỷ trong bố thí đã vang khắp chốn nhân thiên. 59. Cả hai con mắt dẫn đường của tôi bị mù lòa, hư hỏng. Hãy bố thí cho tôi một con mắt, ngài cũng hãy còn sống với một con mắt vay." 60. Nghe được lời nói của người ấy, Ta đã mừng r&, có tâm trí phấn chấn. Tràn ngập niềm phấn khởi, Ta đã chắp tay lại rồi đã nói lời này:

14 Bổn sanh í4Đức Vua Sivi" (Sivijātakam), số 499, TTPV, tập 33. (ND)

61. ULÚC này đây, sau khi suy nghĩ trẫm đã rời tòa lâu đài đi đến nơi đây. Còn ngươi, sau khi biết được tâm của trâm đã đi đên đê câu xin con mát. 62. Oi, ý định của Ta đã được thành tựu, điêu ước mong đã được vẹn toàn! Hôm nay, Ta sẽ ban cho người hành khất tặng vật cao quý chưa từng được bố thí trước đây. 63. Này Sĩvaka,15 hãy lại gan. Hãy mạnh dạn lên, đừng chần chờ, chớ có run rẩy. Hãy móc ra cả hai con mắt và trao cho người cầu thinh." 64. Sau đó, bi Ta thúc giục, vị Sĩvaka ấy là người thi hành mệnh lệnh đã lấy ra [hai con mắt] giống như nạo cơm dừa, roi đã trao cho người hành khất. 65. Trong khi chuẩn bị bố thí, khi đang bố thí, khi tặng vật đã được Ta bố thí, tâm không có thay đổi với lý do chỉ là vì quả vị Giác ngộ. 66. Hai con mắt không có bi Ta ghét bỏ, bản thân không có bị Ta ghét bỏ, đối với Ta, quả vi Toàn giác là yêu quý; vì thế Ta đã bố thí con mắt. uHạnh của đức Vua Sivi" là phần thứ tám.

9. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] VESSANTARA (Vessantaracariyamy 6 67. Người mẹ ruột của Ta là nữ nhân dòng Sát-đế-lỵ tên Phusati. Bà ấy là hoàng hậu yêu quý của [Chúa trời] Sakkā vào những kiêp sông trước.17 68. Nhìn thấy sự dứt tuổi thọ của bà ấy, vị Chúa trời đã nói điều này: "Này Quý phi, trẫm ban cho khanh mười điều ân huệ, hãy chọn lựa theo như ý thích.” 69. Và khi được nói như vậy, bà Hoàng hậu ấy đã đáp lại [Chúa trời] Sakkā điều này: 'Thiếp có lỗi lầm gì vậy? Phải chăng thiếp bi ngài ghét bỏ khiến ngài lưu đày thiếp khỏi chốn bồng lai như là ngọn gió thôi trốc góc cây vay?" 70. Và khi được nói như vậy, vị [Chúa trời] Sakkā ấy đã đáp lại bà ta điều này: "Chẳng phải khanh đã làm điều sai trái và cũng chẳng phải là ta không yêu quý khanh. 71. Sở dĩ như thế ấy chính là vì tuổi thọ của khanh, thời điểm tử vong sắp đến. Hãy tiếp nhận mười điều ân huệ quý báu tối cao đã được trẫm ban thưởng.,, 72. Với mười điều ân huệ được [Chúa trời] Sakkā ban thưởng, bà Phusati ấy, hớn hở, mừng rỡ, vui sướng, đã lựa chọn mười điều ân huệ sau khi đã tính gộp luôn cả Ta [vào các điều ân huệ ấy]. 73. Mệnh chung từ nơi đó, bà Phusati ấy đã sanh vào dòng dõi Sát-đế-lỵ ở thành phố Jetuttara và đã kết hôn với Sañjaya. 74. Khi ấy, Ta đã hạ sanh vào lòng bà Phusati, người mẹ yêu quý. Do nhờ oai lực của Ta, người mẹ của Ta đã luôn luôn hứng thú trong việc bố thí. 75. Bà bố thí cho những người không có tài sản, người không có của cải,

15 Sĩvaka là tên vị ngự y của đức Vua Sivi (CpA. 66). 16 Bổn sanh "Vessantara vĩ dại” (Mahāvessantarajātakani), sổ 547, TTP v, tập 34. (ND) 17 Chủ giải ghi rằng: Vào kiếp sống quá khứ liền trước đó (CpA. 74).

người bệnh hoạn, người già cả, người ăn xin, người đi đường, các vi Sa-môn, các Bà-la-môn và những người bị khánh tận. 76. Sau khi mang thai Ta được mười tháng, bà Phusati trong lúc đang đi quanh thành phố đã sanh Ta ở giữa đường phố của những người thương buôn. r r 77. Tên của Ta không liên quan đên họ mẹ, cũng không xuất phát từ họ cha. Ta đã được sanh ra ở đường phô của những người thương buôn, vì thê Ta đã là Vèssantara. 78. Đen khi Ta đã trở thành đứa bé trai được tám tuổi tính từ lúc sanh, khi ấy Ta đã ngồi ở tòa lâu đài và đã suy nghĩ về việc bố thí tăng vật. 79. Ta có tìiể bố thí tim, mắt, luôn cả thịt và máu của mình. Ta đã thông báo là Ta có thể bố thí xác thân của mình nếu có người van xin. 80. Trong khi Ta đang suy xét về bản tánh không

dao động không hẹp hòi, tại nơi ấy trái đất với tràng hoa là khu rừng ở núi Sineru đã rung động. 81. Mỗi nửa tháng, vào ngày mười lăm và ngày cuối tháng là ngày trai giới, Ta đã cưỡi lên con voi Paccayā và đã đi đến để bố thí tặng phẩm. 82. Những người Bà-la-môn từ lãnh thổ vương quốc Kaliñga đã đi đến gặp Ta. Họ đã cầu xin Ta con long tượng được xem là biểu hiện của sự thịnh vượng và may mắn: 83. "Xứ sở chúng tôi không có mưa, thức ăn hiếm hoi, đói kém trầm trọng. Xin ngài hãy ban cho con long tượng cao quý, toàn màu trắng, tối thắng của loài voi." 84. Ta bố thí điều mà những người Bà-la-môn yêu cầu Ta; Ta không rung động. Ta không thu giấu vật đang sở hữu. Tâm ý của Ta hoan hỷ trong việc bố thí. 85. [Nghĩ rằng:] "Đối với Ta, khi có được người cầu xin thì sự từ chối là điều không đúng đắn. Sự thọ trì của Ta chớ có bị đổ vỡ. Ta sẽ bố thí con voi vĩ dại.” 86. Sau khi năm lây con voi ở chiêc ngà và rưới nước từ chiêc bình làm bằng ngọc quý lên bàn tay, Ta đã cho con voi đến các vị Bà-la-môn. 87. Lại một lần nữa, trong khi Ta đang bố thí con voi tối thắng toàn màu trắng, khi ấy trái đất với tràng hoa là khu rừng ở núi Sineru cũng đã rúng động. 88. Do việc bố thí con voi ấy, những người dân xứ Sivi giận dữ đã tụ họp lại và đã trục xuất [Ta] ra khỏi vương quôc của Ta, [nói răng:] "Hãy cho ông ta đi đến ngọn núi Vahka." 89. Trong khi bọn họ xua đuổi, Ta đã yêu cầu một ân huệ để tiến hành cuộc đại thí, không dao động, không hẹp hòi. 90. Khi được yêu cầu, tất cả những người dân xứ Sivi đã ban cho Ta một ân huệ. Sau khi cho vô kêu hai chiêc trông lớn, Ta đã trao tặng món quà vĩ đại.

91. Lúc bây giờ, tại nơi ây có âm thanh âm ĩ, ôn ào, ghê rợn vang lên. Bởi sự bố thí [này], họ đã lôi kéo Ta đi; một lần nữa Ta đã trao tặng món quà vĩ đại. 92. Sau khi đã bo thí voi, ngựa, xe cộ, tôi trai, tớ gái, trâu bò, của cải và đã ban phát cuộc đại thí, vào khi ấy Ta đã rời khỏi thành phố. 93. Sau khi rời khỏi thành phố, Ta đã quay người lại quan sát, khi ấy trái đất với tràng hoa là khu rừng ở núi Sineru cũng đã rúng động. 94. Sau khi bố thí cỗ xe bốn ngựa kéo, Ta đứng ở ngã tư đường, chỉ một mình không người hầu cận, và Ta đã nói với Hoàng hậu Maddī điều này: 95. "Này Maddī, nàng hãy ẵm Kanhā[jinā], con bé nhẹ và là em gái. Ta sẽ ẵm Jāli bởi vì nó nặng và là arửi trai.” 96. Maddī đã ôm lấy Kanhājinā như thể ôm lấy đóa sen xanh hoặc đóa sen trắng. Ta đã ôm lấy vị Sát-đế-lỵ Jāli như thể ôm lấy bầu đựng nước bằng vàng. 97. Bốn người Sát-đế-ly, dònệ dõi quý tộc, có vóc dáng mảnh mai, tiến bước trên mặt đất lúc gô ghê lúc băng phăng đi vê hướng ngọn núi Vañka. 98. Chúng tôi đã hỏi những người đi cùng đường hoặc theo hướng ngược lại về lộ trình: “Ngon núi Vañka ở nơi nào?” 99. Nhìn thấy chúng tôi ở nơi ấy, họ đã thốt lên lời thương xót. Họ bày tỏ nỗi đau xót [nói rằng]: "Ngọn núi Vañka ở xa lắm.” 100. Nêu hai đứa trẻ nhìn thây những cây có trái ở trong khu rừng, hai đứa trẻ bật khóc vì nguyên nhân của những trái cây ấy. 101. Trông thây hai đứa trẻ khóc lóc, những cội cây cao lớn xum xuê tự động khom mình xuống đến gần hai đứa trẻ. 102. Sau khi nhìn thấy điều kỳ diệu phi thường khiến lông tóc rởn ốc này, [Hoàng hậu] Maddī, với sự rạng rỡ ở toàn thân, đã thốt lên lời tấn thán [rằng]: 103. "Quả thật là điều kỳ diệu phi thương ở thế gian khiến lông tóc rởn ốc. Những cội cây đã tự động khom mình xuống bởi vì oai lực của Vessantara.,ls 104. Vì lòng thương xót hai đứa trẻ, các hàng dạ-xoa đã thâu ngăn đường đi; chỉ nội trong ngày khởi hành họ đã đi

đến vương quốc Ceta. 105. Lúc bấy giờ, có sáu mươi nệàn vị vua cư ngụ ở Mãtulã.18 19 Tất cả đã chăp tay lên, than khóc và đã đi đên gân. 106. ở tại nơi ấy, sau khi trao đổi trò chuyện cùng với các vi vương tử xứ Ceta ấy, rồi từ đó bôn người đã đi đến ngọn núi Vañka. 107. Chúa trời đã triệu tập vị Vissakamma có đại thần lực [ra lệnh rằng]: “Khanh hãy khéo biến hóa ra một khu ẩn cư được xây dựng tốt đẹp có gian nhà lá xinh xắn." 108. Nghe theo lời của [Chúa trời] Sakkã, vi Vissakamma có đại thần lực đã khéo biến hóa ra một khu ẩn cư được xây dựng tốt đẹp có gian nhà lá xinh xắn.

18 Do nhờ năng lực phước báu của Vessantara (CpA. 87). 19 Mãtulã là tên của một thành phố thuộc vương quốc Ceta (CpA. 87).

109. Sau khi đã đi sâu vào khu rừng có ít tiếng động không có xáo trộn, bốn người chúng tôi đã sống ở tại nơi ấy, phía bên trong ngọn núi. 110. Khi ấy, Ta và Hoàng hậu Maddĩ cùnệ với hai con là Jãli và Kanhãjinã đã sông ở khu ân cư giúp nhau xóa tan nỗi niêm sâu muộn. 111. Trong khi chăm nom hai đứa trẻ, Ta không có đơn độc ở khu ẩn cư. Nàng Maddĩ mang về trái cây; nàng ấy nuôi dưỡng ba người. 112. Khi Ta đang sống ở trong khu rừng, có người khách đi đường đã đến gặp Ta và đã câu xin cả hai người con của Ta là Jãli và Kanhãjinã. 113. Khi trông thấy người cầu xin đi đến gần, sự mừng rở đã sanh khởi ở Ta. Khi ấy, Ta đã dắt cả hai người con và đã trao tặng cho vị Bà-la-môn. 114. Khi Ta dứt bỏ hai người con của chính bản thân cho vị Bà-la-môn Jujaka, khi ấy trái đất với tràng hoa là khu rừng ở núi Sineru cũng đã rúng động. 115. Hơn thế nữa, [Chúa trời] Sakkã, sau khi ngự xuống với dáng vóc vị Bà- la-môn, đã cầu xin Ta Hoàng hậu Maddĩ là người vợ có giới hạnh và chung thủy. 116. Sau khi nắm lấy nàng Maddĩ ở cánh tay và làm đầy hai bàn tay bụm lại với nước, Ta đã ban bố nàng Maddĩ cho vị ấy với tâm ý và tư duy hoan hỷ. 117. Khi nàng Maddĩ đang được bố thí, chư thiên ở cõi trời đã mừng rỡ. Khi ấy, trái đất với tràng hoa là khu rừng ở núi Sineru cũng đã rúng động. 118. Trong khi dứt bỏ [người con trai] Jãli, người con gái Kanhãjinã, và Hoàng hậu Maddĩ, người vợ chung thủy, Ta đã không phải nghĩ ngợi với lý do chỉ là vì quả vị Giác ngộ. 119. Cả hai người con không có bi Ta ghét bỏ? Hoàng hậu Maddĩ không có bị Ta ghét bỏ, đối với Ta, quả vị Toàn giác là yêu quý; vì thế Ta đã bố thí những người thân yêu. 120. Vào một dịp khác nữa, khi hội ngộ cùng cha mẹ ở tại khu rừng bao la, trong khi bọn họ đang than khóc bi thảm nói về nỗi niềm hạnh phúc và khổ đau. 121. Do sự tôn kính, Ta đã đến gặp song thân với sự hổ thẹn và ái ngại. Khi ấy, trái đất với tràng hoa là khu rừng ở núi Sineru cũng đã rung động. 122. Vào một dịp khác nữa, Ta cùng với thân quyến đã lìa khỏi khu rừng bao la và đi vào thành phố tráng lệ là kinh thành Jetuttara. 123. Khi ấy, bảy loại châu báu đã đổ xuống cơn mưa, có đám mây lớn đã đổ tuôn mưa. Lúc bấy giờ, trái đất với tràng hoa là khu rừng ở núi Sineru cũng đã rúng động. 124. Ngay cả trái đất vô tư này không nhận thức được nỗi niềm hạnh phúc và khô dàu, nó cũng đã rung chuyên bảy lần bởi vì năng lực bố thí của Ta. wHạnh của [dức Bồ-tát] Vessantara^ là phần thứ chín.

10. HẠNH CỦA CON THỎ HIỀN TRÍ (Sasapanditacariyam) 125. Vào một thời diêm khác nữa, khi Ta là con thỏ lang thang ở trong

rừng, có thức ăn là cỏ, lá cây, rau cải và quả củ. Ta lánh xa việc hãm hại các kẻ khác. 126. Lúc bay giờ, có một con khỉ, một con chó rừng, một con rái cá nhỏ, và Ta sống trong cùng một khu vực, gặp gỡ nhau sáng chiều. 127. Ta giảng dạy cho chúng vê các hành động lành dữ: "Các ngươi hãy xa lìa các điều ác, các ngươi hãy gắn bó với các việc thiên.” 128. Sau khi nhìn thấy mặt trăng đã tròn vào ngày trai giới, tại nơi ấy Ta đã chỉ bảo chúng rang: "Hôm nay là ngày trai giới?5 129. Các ngươd hãy chuẩn bi những tặng phẩm để bố thí đến bậc xứng đáng được dâng cúng. Sau khi đã bố thí tặng phẩm đến bậc xứng đáng được dâng cúng, các ngươi hãy thực hành ngày trai gi&i.” 130. Chúng đã nói với Ta rằng: "Sādhu, lanh thay!" Rồi tùy theo khả năng, tùy theo sức lực, sau khi chuẩn bị các tặng phẩm chúng đã đi tìm bậc xứng đáng được dâng Cling. 131. Ta đã ngôi xuống và suy nghĩ vê tặng phàm thích hợp với bậc xứng đáng được dâng cúng: "Nếu Ta đạt được một bậc xứng đáng được dâng cúng thì tặng phẩm của Ta sẽ là gì? 132. Ta không có mè, đậu xanh, đậu tây, gạo hay bơ. Ta sông băng cỏ nhưng bố thí cỏ là không thể duqc.” 133. Nếu có người là bậc xứng đáng được dâng cúng đi đến nơi Ta để khất thực, Ta sẽ cúng dường bản thân của mình; người ấy sẽ không [phải] ra đi mà không có gì. 134. Biết được ý định của Ta, [Chúa trời] Sakkā với

140. Khi đống cây củi to lớn đã phát cháy bùng lên mạnh mẽ, Ta đã nhảy lên và rơi vào ở chính giữa ngọn lửa. 141. Giống như bất cứ ai đã đi vào trong làn nước mát lạnh thì được diu đi nỗi bực bội và cơn phiền muộn [của mình] đồng thời làm sanh khởi21 sự hứng thú và phỉ lạc. 142. Tương tợ y như thế, khi Ta đi vào ngọn lửa đang cháy rực, tất cả nỗi bực bội đã được dịu đi, tợ như [đi vào] làn nước mát lạnh vậy. 143. Ta đã bố thí đến vị Bà-la-môn hết thảy toàn bộ thân thể gồm có lớp da ngoài, da trong, thịt, gân, xương và cơ tim. ^Hạnh của con thỏ hiền trí” là pÉ3KỳKaâKâKỳK3KKKưdậẢừK3KKKư

21 Deti được giải thích là uppãdetỉ (làm sanh khởi) (CpA. 107).

n. SựTOÀN HẢO VÈ GIỚI (SlLAPẴRAMITẦ)

ỉ. HẠNH CỦA VỊ NUÔI DƯỠNG MẸ (Mātuposakacariyam) 148. Vào lúc Ta là con voi nuôi dưỡng voi mẹ ở trong rừng rậm. Lúc bấy giờ, ở trên trái đất không có người tương đương với Ta về giới đức. 149. Có người đi rừng, sau khi nhìn thấy Ta ở khu rừng rậm, đã thông báo với đức vua răng: "Tâu Đại vương, có con voi được xứng đáng với ngài đang sống ở trong rừng. 150. Không cân phải gây thương tích cho nó? cũng không cân đên cọc trói và hầm hố. Khi được nắm ở vòi của chính nó, tự thân nó sẽ đi đến chỗ nay?5 151. Nghe được lời nói ấy của ông ta, ngay cả đức vua cũng có tâm trí hớn hở và đã phái đi người thuần hóa voi, là bậc thây kinh nghiệm, đã được huấn luyện rành rẽ. 152. Sau khi đi đến, người thuần hóa voi ấy đã nhìn thấy [Ta], ở trong hồ sen, đang nhổ lên rễ và ngó sen nhằm mục đích nuôi dưỡng mẹ. 153. Biết được giới đức của Ta, n^ười này đã xác đinh các đặc điểm và đã nói rằng: “Này con trai, hãy đi đến", roi đã nam chặt cái vòi của Ta. 154. Khi ấy, sức mạnh tự nhiên đồng hành với cơ thể của Ta là

tương đương với sức mạnh của một ngàn con voi ngày hôm nay. 155. Nếu Ta nổi cơn giận dữ với những người đã đi đến để bắt Ta, Ta có thừa khả năng đối với bọn họ, thậm chí luôn cả vương quốc của những người ấy nữa. 156. Hơn nữa, vì gìn giữ giới để làm viên mãn sự toàn hảo về giới, Ta không làm thay đôi tâm ý trong khi họ xô đây Ta vào cây cọc trói. 157. Nếu bọn họ có làm tổn thương Ta bằng những cái rìu và những cây thương, Ta cũng chẳng nổi cơn giận dữ đôi với bọn họ vì Ta có nỗi lo sợ bị đứt giai. uHạnh của vi nuôi dưỡng mẹ" là phần thứ nhất.

2. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] BHŨRIDATTA (Bhŭridattacaríyam)22 158. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là Bhũridatta có đại thần lực. Ta đã đi đen cõi trời cùng với vị Đại vương Virũpakkha.23 22 Bổn sanh "Long vương Bhūridatta,, (Bhūridattajātakani), số 543, TTPV, tập 34. (ND) 23 Cõi trời này là cõi trời Tāvatirnsa (Đạo-lợi) và Virũpakkha là một vị thủ lãnh của loài rồng rắn (nãgâdhỉpatĩ) (CpA.

159. Sau khi nhìn thấy chư thiên ở tại nơi ấy được thọ hưởng an lạc trọn vẹn, Ta đã thọ trì giới cấm nhằm mục đích đi đến cõi trời ấy.24 160. Sau khi làm phận sự đối với cơ thể25 và thọ dụng chỉ đủ để nuôi sống, Ta đã quyết định về bốn chi phần [của cơ thể]26 rồi đã nằm ở trên đỉnh của gò mối. 161. Đối với người nào có việc cần dùng đến da ngoài, da trong, thịt, các sợi gân, hoặc các khúc xương [ở cơ thể Ta], chính vì là vật đã được bố thí nên hãy để người ấy mang đi. 162. Khi Ta đang nằm, kẻ vô ơn Âlambana2728 đã nắm lấy Ta ném vào trong giỏ rồi đã bắt Ta làm trò vui ở nơi này nơi khác. 163. Ngay cả trong khi ông ấy ném [Ta] vào giỏ, thậm chí trong khi ông ấy dùng bàn tay đè bẹp [Ta] xuông, Ta không giận dữ đôi với Alambana vì Ta có nỗi lo sợ bị đứt giới. 164. Sự xả bỏ sanh mạng bản thân của Ta là nhẹ hơn cọng cỏ. Sự phá giới đối với Ta tương tợ như việc đảo ngược trái đất. 165. Liên tục một trăm kiêp sông, Ta có thê xả bỏ mạng sông của Ta chứ không thể nào làm đứt giới cho dù là vì nguyên nhân [làm vua cai trị] bốn châu lục. 166. Hơn nữa, vì gìn giữ giới để làm viên mãn sự toàn hảo về giới, Ta không làm thay đổi tâm ý trong khi [Ālambana] ném [Ta] vào trong giỏ. 66Hạnh của [đức Bồ-tát] Bhũridatta^ là phần thứ nhì.

3. HẠNH CỦA CON RỒNG CAMPEYYA (Campeyyanāgacariyam)2S 167. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là Campeyyakā có đại than lực. Vào thời ấy, Ta cũng đã là người nghiêm túc, hành trì giới cấm.29 168. Cũng vào khi ấy, trong khi Ta là người hành pháp đang thực hành ngày trai giới, một người luyện ran đã tóm bắt lấy Ta roi đã bắt Ta làm trò vui ở cong hoàng cung. 169. Gã ây nghĩ vê màu nào, xanh, vàng, hoặc đỏ, còn Ta, trong khi biên đôi theo ý nghĩ của gã ây, trở thành [có màu sác] giông như đã được suy nghĩ [bởi ngươi ấy]. 170. Ta có thể biến đất thành nước và cũng có thể biến nước thành đất.

24 Đi đến bằng phương thức tái sanh (ụppattivasenà) (CpA. 117). 25 Là thực hiện việc chăm sóc cơ thể như rửa mặt, v.v... (CpA. 117). 26 Bốn chi phần của cơ thể là da (ngoài và trong), thịt, gân, xương (CpA. 117), như sẽ được đề cập đến ở câu kế. 27 Câu chuyện được ghi lại ở CpA. 118-22. 28 Bốn sanh uRồng chúa Campeyya,, (Campeyyajātakam),

số 506, TTPV, tập 33. (ND) 29 Dhammiko (người nghiêm túc) được giải thích là dhammacãrĩ (người hành pháp) (CpẢ. 126). Ke đó, dhammacãrĩđược giải thích ỉa "ngươi thực hành thập thiện nghiệp đạo như bố thi, trì giới, v.v... và không thực hành điếu sai trái dầu là nhỏ nhen^, (CpA. 129-30).

Nếu Ta nổi giận đối với gã ấy, Ta có thể biến [gã ấy] trở thành tro bụi trong một sát-na.3031 171. Nếu như Ta thể hiện năng lực của tâm, Ta sẽ từ bỏ giới; [và] mục đích tối thượng không được thành tựu đến người từ bỏ giới. 172. Dầu sao đi nữa, hãy để thân xác này bị tan vỡ? hãy để nó bị phân tán ở ngay đây; trong khi bị tan tác giống như bụi phấn, Ta cũng không thể nào làm đưt giới. “Hạnh của con rồng Campeyya” là phần thứ ba.

4. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] CULLABODHI (Cuỉỉabodhicaríyam)3[173. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là Cullabodhi, là người có giới hạnh. Nhìn thấy hiện hữu là nguy hiểm, Ta đã ra đi theo hạnh xuất ly. 174. Ta có người vợ dòng dõi Bà-la-môn có nước da như vàng ròng. Cô ta cũng không mong muốn luân hồi nên đã ra đi theo hạnh xuất ly. 175. Không dính mắc, thân quyến đã lìa, không mong muốn về gia đình, [hay] về đồ chúng, chúng tôi du hành qua làng mạc phố chợ và đã đi đến Bārānasī. 176. ở tại nơi ấy5 chúng tôi đã sống khôn khéo, không cấu kết gia đình, bè đảng. Cả hai đã sống trong khu vườn của đức vua, không bị quấy rầy, ít có tiếng động. 177. Đức vua đã đi đến

30 Người luyện rắn này hành hạ ta vô cùng tàn bạo và không biết thần lực của u. Khi nổi cơn giận dữ, ta đã nghĩ răng:44Vậy thì ta sẽ phô bày thân lực của ta đối với gã này." Cho dầu chỉ là một sự suy xét, nhưng nếu như ta the hiện năng lực cua tâm thì gã ấy đã bị phan tán tương tợ như một ĩiắm bụi phấn (Q?/130). - , • —

31 Bốn sanh “Tiểu Giác ngộ?, (Cullabodhyātakam), số 443, TTPV, tập 32. (ND)

sức mạnh của Ta không có. Đối với Ta, quả vị Toàn giác ỉa yêu quý; vì thế Ta sẽ gìn giữ giới hạnh. “Hạnh của [đức Bồ-tát] CuIlabodhP là phần thứ tư.

5. HẠNH CỦA CON TRÂU CHÚA (Mahisarãịacaríyam)32 184. Vào một thời diêm khác nữa, khi Ta là con trâu lang thang ở trong khu rừng rậm, có thân thể phát triển, khỏe mạnh, to lớn, trông thấy phải sợ hãi. 185. Nơi ấy, trong hang động, ở sườn núi dốc, dưới cội cây, [gần] nơi hồ nước, có [các] khu vực rải rác đó đây dành cho loài trâu. 186. Trong

32 Bổn sanh “Con trâu" (Mahisajātakam), số 278, TTPV, tập 32. (ND) 33 Là sự giải thoát khỏi kho đau và sự giết hại sanh mạng (CpA. 143). 34 Là đạt được trí Toàn giác theo như ước muốn. 35 Bổn sanh uNai chúa " (Rurumigạịãtakanì), số 482, TTPV, tập 32. (ND)

196. Ta đã đi đến trú ngụ tại nơi ấy, ở một khu đất xinh xắn, đáng yêu, thanh vắng, không có loài người, bên bờ sông Gañgā3637 thích ý. 197. Khi ây, ở thượng nguôn sông

Gañgā, có người đàn ông bi bức bách bởi những chủ nợ nên đã gieo mình xuống dòng sông Gañgā [nghĩ rằng]: “Ta hoặc là sống hay là chết.,, 198. Trong khi bi cuốn trôi ở dòng nước lớn và kêu la thảm thiết ngày đêm, người ấy trôi ra giữa dòng sông Gañgā. 199. Nghe được tiếng kêu la thảm thiết của người ấy đang than khóc, Ta đã đứng ở bờ sông Gañgā hỏi rằng: "ông là người nào?" 200. Và khi được Ta hỏi, người ấy đã giải thích hành động của mình: uSợ hãi những người chủ nợ, bị hoảng hốt, tôi đã lao mình xuống dòng sông lớn." 201. Khởi tâm thương xót người ấy, Ta đã buông bỏ mạng sống của mình, lao vào [dòng nước], và đã vớt người ấy lên trong bóng tối của ban đêm. 202. Nhận biết được thời điểm đã được hồi phục, Ta đã noi với người ấy điều này: "Ta yêu cau ngươi một ân huệ là ngươi chớ có nói về Ta đối với bất cứ người nào.^, 203. Sau khi đi đên thành phô, người ây vì nguyên nhân của cải đã nói ra khi được hỏi, rồi đã đưa đức vua đi đến vùng phụ cận của Ta. 204. Toàn bộ sự việc đến đâu đã được Ta tường thuật cho đức vua. Nghe được lời kể lại, đức vua đã hướng mũi tên vào người ấy [nói rằng]: "Trẫm sẽ giết chết kẻ đê tiện phản bội bạn bè ngay tại chỗ này.® 205. Trong khi bảo vệ cho người ấy, Ta đã hoán đổi [người ấy] bằng bản thân của Ta, [nói rằng:] "Tâu Đại vương, hãy để cho người ấy sống! Thần sẽ là người tạo ra lạc thú cho ngài.” 206. Ta dã bảo vệ giới của Ta. Ta đã không bảo tồn mạng sống của mình. Bởi vì, vào lúc ấy Ta đã là người có giới hạnh với lý do chỉ là vì quả vi Giác ngộ. uHạnh của con nai chúa Rum” ỉa phần thứ sáu.

7. HẠNH CỦA [ĐỨC BÒ-TÁT] MĀTAÑGA (Mãtangacarìyamý1 207. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là đạo sĩ tóc bện nghiêm trì khổ hạnh, có giới đức, định tâm bền vững, tên là Mãtañga. 208. Ta ya một vị Bà-la-môn, cả hai sống ở bên bờ sông Gañgā. Ta sống ở thượng nguồn, còn vị Bà-la-môn sống ở hạ nguồn. 209. Trong khi đi lang thang dọc theo bờ sông, vị Bà-la-môn đã nhìn thấy khu ẩn cư của Ta ở thượng nguồn. Tại nơi ấy, sau khi mắng nhiếc Ta, vị ấy đã nguyền rủa về sự vỡ tan cái đầu [của Ta].

36 Tên con sông này được ghi lại theo âm ỉa Hằng Hà. (ND) 37 Bổn sanh "An sĩ MātañgaM (Mātañgajātakam), số 97, TTP v, tập 33. (ND)

210. Nếu Ta nổi cơn giận dữ đối với vị này, nếu Ta không gìn giữ giới, thì sau khi nhìn vào vị ấy Ta có thể làm cho trở thành như là tro bụi. 211. Lúc bấy giờ, điều mà vị ấy nguyền rủa Ta trong lúc bị bực tức và có tâm ý xấu xa lại được áp dụng ở trên cái đầu của chính vị ấy. Ta đã giúp cho vi ấy được thoát khỏi [việc bị bể đầu thành bảy mảnh] bằng thủ thuật.38 212. Ta dã bảo vệ giới của Ta. Ta đã không bảo tồn mạng sống của mình. Bởi vì, vào lúc ấy Ta đã là người có giới hạnh với lý do chỉ là vì quả vị Giác ngộ. “Hạnh của [đức Bồ-tát| Mātañga55 là phần thứ bảy.

8. HẠNH CỦA THIÊN TỬ DHAMMĀ (Dhammadevaputtacarìyam)3940 213. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là đại dạ-xoa tên là Dhammā, có tùy tùng đông đảo, có đại thần lực, có lòng bi mẫn đối với tất cả thế gian. 214. Trong lúc khuyến khích dân chúng hành trì thập thiện nghiệp đạo? Ta cùng với bạn bè và những người hầu cận đi đến các thôn làng phô chợ. 215. Có con dạ-xoa độc ác, bon xẻn, trong lúc giảng giải vê thập ác, nó với

bạn bè và những người hầu cận cũng đi khắp trái đất này. 216. Là những người nói về Chánh pháp và tà pháp, cả hai chúng tôi là đối thủ. Trong khi va chạm càng xe với càng xe ở lối đi ngược chiều, cả hai đối mặt nhau. 217. Cuộc xung đột giữa thiện và ác đã xảy ra một cách ghê rợn, và trận chiến đau lớn lao vì việc rời khỏi đường lộ là sắp sửa xảy ra. 218. Nếu như Ta nổi cơn giận dữ đối với gã ấy, nếu như Ta phá vỡ đức tính khổ hạnh, Ta có thể làm cho gã ấy và đoàn tùy tùng trở thành tro bụi. 219. Tuy nhiên, nhằm mục ch gìn giữ giới hạnh, Ta đã làm nguội lạnh tâm ý. Sau khi cùng với đám người bước xuống, Ta đã nhường đường cho kẻ ác. 220. Cùng lúc Ta đang rời khỏi đường lộ sau khi đã làm nguội lạnh tâm ý, trái đất ngay lập tức đã tạo ra khe nứt dành cho con dạ-xoa ác xấu. wHạnh của thiên tử Dhammā" là phần thứ tám.

9. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] ALĪNASATTA (Attnasattacariyam)^ 221. ở trong kinh thành Kampillã, thành phố tráng lệ thuộc vương quốc Pancãla, có đức vua tên Jayaddisa đã được thành tựu giới đức. 222. Là Alĩnasatta, người con trai của đức vua ấy, Ta được học tập, có giới hạnh tốt, có đức độ, luôn luôn quan tâm đến người hầu cận.

38 Đức Bồ-tát đã bảo dùng cục đất sét đặt ở trên đầu của vị Bà-la-môn rồi cho vị ấy lội xuống và đứng ở trong nước. Khi mặt trời mọc lên thì vị Bà-la-môn hụp xuống, đầu chìm ở trong nước. Còn cục đất sét (thay thế cái đầu) ở trên mặt nước đã bị mặt trời làm vỡ tan thành bảy mảnh (CpA. 159). Bon sanh "Thiên tử Dhamma^, (Dhammaịãtakam), số 457, TTPV, tập 32. (ND) 40 Bổn sanh "Vua Jayaddisa,, (Jayaddisajātakam), số 513, TTP v, tập 33. (ND)

754 KINH TIÊU BÔ

m. sự TOÀN HẢO VỀ XUẤT LY (NEKKHAMMAPẴRAMITÃ)

1. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] YUDHAÑJAYA (YudhaỉựayacaríyamỴ3 242. Khi Ta là Hoàng tử Yudhanjaya có danh tiếng vô lượng, Ta đã động tâm sau khi nhìn thấy giọt sương mai bị tiêu tan dưới ánh nắng mặt trời.4344 243. Sau khi trầm tư về chính điều ấy, Ta đã làm cho nỗi động tâm tăng trưởng. Ta đã cúi lạy mẹ cha và xin phép xuất gia. 244. Họ cùng với các thị dân và các cư dân của xứ sở, hai tay chắp lại, thỉnh cau Ta rang: "Này con, ngay ngày hôm nay con hãy cai quản lãnh địa rộng lớn, tiến triển và thịnh vượng.,, 245. Trong khi họ, có cả đức vua, có cả phi tân, có thị dân, có cư dân của xứ sở, đang khóc lóc thảm thương, bởi vì Ta đã xuất gia, không lưu luyến. 246. Trong khi từ bỏ toàn bộ trái đất, vương quốc, quyến thuộc, người hầu -r 5

và danh vọng, Ta đã không suy nghĩ [đên điêu gì khác] với lý do chỉ là vì quả vị Giác ngộ. 247. Mẹ cha không có bị Ta ghét bỏ, danh vọng lớn lao cũng không có bị Ta ghét bỏ? đối với Ta, quả vị Toàn giác là yêu quý; vì thế Ta đã từ bỏ vương quốc. uHạnh của [đức Bồ-tát] Yudhañjaya^ là phần thứ nhất

2. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] SOMANASSA (Somanassacaríyam)45 248. Vào một thời điểm khác nữa, khi ở tại kinh thành Indapatta, Ta là người con trai được mong mỏi, được yêu quý, được nổi tiếng [với tên] là Somanassa. 249. Ta là người có giới, được thành tựu đức hạnh, có lối ứng xử lịch thiệp, CÓ sự tôn kính bậc trưởng thượng, có sự khiêm tôn và rành rẽ vê các cách tiêp độ. 250. Có gã đạo sĩ giả trá được đức vua ây yêu

mên. Ong ta trông trọt rau quả hoa màu rồi sinh sống. 251. Nhận biết ông là giả trá ví như đống trấu không có hạt gạo, ví như thân cây có lỗ bọng lớn ở bên trong, ví như cây chuối không có lõi cứng. 252. Không có pháp của các bậc thiện trí ở người này. Vì lý do nuôi dưỡng

43 Bổn sanh "Thái tử Yudhahjaya" (Yudhañjayajātakani), số 460, TTP v, tập 32. (ND) 44 Do tác động của sự tưởng đến vô thường (CpA. 183). 45 Bổn sanh "Ho ng tử Somanassa,^ (Somanasscyātakam), số 505, TTP v, tập 33. (ND)

mạng sống, người này đã xa rời Sa-môn hạnh, đã từ bỏ pháp trong sạch là sự khiêm tốn. 253. Vùng biên gi&i đã bi khuấy động bởi những kẻ lâm tạc thuộc các xứ lân bang. Khi ra đi để dẹp yên việc ấy, cha [Ta] đã dạy bảo Ta rằng: 254. "Này con yêu dấu, con chớ có lơ là với vị đạo sĩ tóc bện nghiêm trì khổ hạnh. Hãy thi hành điều [vị ấy] ước muốn bởi vì vị ấy là người ban bố [cho chúng ta] mọi điều lạc thú?5 255. Ta đã đi đến phục vụ vị ấy và đã nói lời này: “Này gia chủ, ông có được an vui kh6ng?" hoặc: "Vật gì cần được mang lại cho ông?59 256. Vì thế, kẻ giả trá, chất chứa ngỗi mạn ấy đã giận dữ [nói rằng]: "Hôm nay, ta sẽ làm cho ngươi hoặc là bị giết chét, hoặc là bị trục xuất ra khỏi vương quốc?9 257. Sau khi bình định khu vực biên giới, đức vua đã nói với kẻ giả trá [ấy] rằng: "Thua ngài, ngài có được thoải mái, có được sự tôn kính khong?^ Gã xẩu xa đã nói với đức vua rằng: "Hoàng tử cần phải bị trừng tri như thế.” 258. Sau khi nghe được lời nói ấy của kẻ ấy, vị chúa tể của trái đất đã ra lệnh rằng: "Hãy chém đầu ngay tại chỗ, roi phân [thây] thành bốn mảnh và cho trưng bày ở khắp các ngã đường; đó là phần số dành cho kẻ miệt thị vi đạo sĩ tóc ben?9 259. Tại nơi ấy,46 những người hành quyết độc ác, hung dữ, bất nhân đã lôi kéo Ta đang ngồi ở lòng mẹ rồi dẫn đi.46 4748 260. Ta đã nói với họ như vầy: "Hãy cấp tốc đưa Ta đã bi trói bằng gông xiềng chắc chắn đến trình diện đức vua, Ta có các việc cần làm cho đức vua." 261. Bọn họ đã đưa Ta đến gặp vị vua ác xấu là người thân cận với kẻ ác xâu. Sau khi tiêp kiên, Ta đã làm cho đức vua hiêu rõ và Ta đã tạo được uy thê cho Ta. 262. Đức vua đã yêu câu thứ lôi vê việc ây và đã trao vương quôc rộng lớn lại cho Ta. Ta đây, sau khi phá tan sự mê muội, đã xuất gia theo hạnh không nhà. 263. Vương quốc rộnệ lớn không có bi Ta ghét bỏ, sự hưởng thụ các dục không có bi Ta ghét bỏ, đoi với Ta, quả vị Toàn giác là yêu quý; vì thế Ta đã từ bỏ vương quốc. í4Hạnh của [đức Bồ-tát] Somanassaṃ là phần thứ nhỉ.

3. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] AYOGHARA (Ayogharacarìyam)^ 264. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là người con trai của đức Vua Kâsi, Ta đã lớn lên trong căn nhà bằng sắt49 và đã được gọi với tên là Ayoghara.

46 Tattha, được giải thích là: tẾVới sự ra lệnh của đức vua..." (CpA. I9l). 47 Lúc ấy, đức Bồ-tát được bảy tuổi (CpA. 189). 48 Bổn sanh uTòa nhà sắt” (Ayogharajātakarri), số 510, TTP v, tập 33. (ND) 49 Đức Bồ-tát đã được nuôi lớn lên trong ngôi nhà lớn hoàn toàn bằng sắt được xây dựng theo hình thức gian nhà hình tứ giác nhằm mục đích ngan ngừa các tai họa do phi nhân. Hai người ailh trai của đức Bồ-tát đã bị con nữ dạ-xoa ăn thịt lúc mơi sanh ra (CpA. 195-6).

Ao .1

265. [Vua cha đã phán răng:] uNày con, mạng sông của con được tiêp nhận một cách khó khăn, được nuôi dưỡng ở nơi bực bội. Ngay chính ngày hôm nay, con hãy cai quản toàn thể trái đất này. r

266. Cùng với cư dân trong xứ sở, luôn cả phô chợ và loài người nūa?9 Sau khi đảnh lễ vị Sát-đế-ly, Ta đã chắp tay lên và đã nói lời này: 267. "Bát cứ chúng sanh nào ở trên trái đất, dâu kém cỏi, cao quý hoặc trung bình, lớn lên trong nhà của chính họ cùng với các thân quyến không cần sựbaovệ.^, 268. [Rồi Ta đã suy nghĩ rằng:] "Sự nuôi dưỡng này của Ta ở trong nơi bực bội là hy hữu ở trên thế gian. Ta đã được lớn lên trong căn nhà bằng sắt thiếu hẳn ánh sáng mặt trăng và

279. Là người mong muôn điêu tót đẹp, Ta đã nói với họ, những người đang tầm cầu lợi ích [cho Ta] rằng: "Tôi không mong muốn trạng thái người tại gia, tôi thỏa thích trong sự xuất ly." 280. Sau khi lắng nghe lời nói của Ta, họ đã thuật lại cho cha mẹ [Ta]. Mẹ cha Ta đã nói như vầy: uNày quý vị, tất cả chúng tôi cũng xuất gia." 28L Cả hai mẹ cha của Ta, người em gái và bảy em trai đã buông bỏ của cải vô số rồi đi vào trong khu rừng lớn. wHạnh của [đức Bồ-tát] Bhisa" là phần thứ tư.

5. HẠNH CỦA VỊ HIÊN TRÍ SONA (Sonapanditacariyam)5X 282. Vào một thời diêm khác nữa, khi Ta sông ở thành phô Brahmavaddhana, tại nơi ấy Ta đã được sinh ra trong gia đình cao quý, ưu tú, vô cùng giàu có. 283. Khi ấy, Ta cũng đa nhận thấy thế gian là bi mù quáng, bị bao phủ bởi bóng tối. Tâm [Ta] chối từ sự hiện hữu như thể bi châm chích thô bạo bởi cây gậy nhọn. 284. Sau khi nhận thấy sự xấu xa dưới nhiều hình thức khác nhau, Ta đã suy nghĩ như vầy: "Lúc nào Ta sẽ lìa bỏ gia đình, Ta sẽ đi vào rừng?,, 285. Cũng vào khi ây, các thân quyên đã mời mọc Ta với các sự thọ hưởng e r L .
r* 4 e vê dục lạc, Ta cũng đã nói cho những người ây vê ước muôn [của Ta] răng: "Xin các vị chớ có mời mọc Ta bằng những thứ ấy." 286. Em trai của Ta tên là Nandā là bậc trí tuệ. Vi ấy, trong khi học tập theo Ta, cũng đã thích thú với việc xuất gia. 287. Khi ấy, Ta Sona và Nandā cùng với cả hai cha mẹ của Ta cũng đã buông bỏ của cải vô số rồi đi vào trong khu rừng lớn. "Hạnh của vi Hiền trí Soqa" là phần thứ năm. Dứt phần sự toàn hảo về xuất ly.*

51 Bổn sanh uSona và Nandā" (Sonanandajātakam)^ số 532, TTP K tập 33. (ND)

IV Sự TOÀN HẢO VÈ QUYẾT ĐỊNH (ẠDHITTHẴNAPẴRAMITÂ)

6. HẠNH CỦA VỊ HIỀN TRÍ TEMIYA (Temiyapanditacariyam)52 288. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là người con trai của đức vua xứ Kâsi có tên là Mũgapakkha, nhưng mọi người gọi Ta là Temiya.53 289. Khi ấy, mười sáu ngàn phi tần [của đức vua] không có được một người con trai [luôn cả con gái]. Sau nhiều ngày đêm, chỉ mỗi một mình

Ta đã được sanh ra. 290. [Vua] cha đã nuôi dưỡng Ta, người con trai yêu quý, đạt được một cách khó nhọc, đã được sanh ra vẹn toàn, có thân tâm sáng lạng, ở trên chiếc giường đã được che chiếc lọng màu trắng. 291 . Khi ây, trong lúc đang ngủ trên chiêc giường cao quý, Ta đã thức giác và nhìn thấy chiếc lọng nhạt màu, nghĩa là Ta sẽ bi đi địa ngục. 292. Có nỗi sợ hãi ghê gớm đã khởi lên ở Ta khi được nhìn thấy chiếc lọng. Ta đã đi đến quyết định: “Ta sẽ được thoát khỏi điều này5455bằng cách nào?5955 293. Có vị tiên nữ trước đây cùng huyết thống với Ta56 có lòng mong muốn điều tốt đẹp cho Ta, sau khi nhìn thấy bản thân Ta bị đau khổ, đã căn dặn về ba thái độ: 294. uChớ ra vẻ khôn ngoan, hãy là kẻ ngu si đôi với tát cả chúng sanh, hãy làm cho mọi người khinh khi; như thế sẽ có sự tốt đẹp cho con." 295. Khi được nói như vậy, Ta đã nói với bà ấy lời này: "Bà tiên ơi, con sẽ thực hành theo lời mà bà đã chỉ bảo. Mẹ ơi, mẹ đã có lòng mong muốn điều tốt đẹp cho con. Bà tiên ơi, bà đã có mong muốn điều lợi ích cho con.^, 296. Sau khi nghe được lời nói của bà ấy, Ta đã thọ nhận như là đã đến được đất liền ở giữa biển khơi. Mừng rỡ, với tâm ý phấn chấn, Ta đã quyết định ba điều: 297. Ta đã là người câm; điếc; què quặt, việc đi lại đã được từ bỏ. Ta đã quyêt định các điêu nay va đã song mười sau năm.

52 Bổn sanh "Hoàng tử què câm^, (Mũgapakkhaịãtakanì), số 538, TTPV, tập 34. (ND) 53 Vào ngày đức Bồ-tát được sanh ra, trời đã đổ cơn mưa xuống toàn thể vương quốc Kãsi, nên được gọi là Temiya (được ẩm ươi) (CpA. 216-17). 54 Là thoát khỏi vương quốc xui xẻo này (CpA. 218). 55 Dịch theo kathāham imam muñcissam thay vì kadāham...? (Khi nào Ta sẽ...?) (ND) 56 Vị này ngự ở trên chiếc lọng ấy và là người mẹ ruột trong một kiếp sống trước đây (CpA. 218).

HẠNH TẠNG 759

298. Do đó, họ đã xoa bóp tay chân, lưỡi và tai của Ta. Sau khi nhận thấy không có sự khiếm khuyết ở Ta, họ đã chê bai là: "Kẻ bất hạnh." 299. Sau đó, tất cả dân chúng trong xứ sở, các tướng lãnh quân đội, các viên quan tế tự, tất cả đã nhất trí bằng lòng việc truất phế. 300. Sau khi nghe ý kiến của những người ấy, Ta đây đã trở nên mừng rỡ, có tâm trí phấn chấn. Sự khổ hạnh đã được thể hiện [bởi Ta] vì mục đích nào thì mục đích ấy của Ta đã được thành công. 301. Sau khi đã tắm rửa, xức dầu, đội lên vương miện, làm lễ rưới nước [cho Ta], rồi với chiếc lọng che họ đã tiến hành việc đi nhiễu vòng quanh thành phố. 302. Sau khi đã duy trì chiếc lọng trong bảy ngày, đến lúc vầng sáng của mặt trời hiện ra, người đánh xe đã đưa Ta ra khỏi [thành phố] bằng chiếc xe ngựa rồi đi về phía khu rừng. 303. Sau khi dừng chiếc xe ở một khoảng trống, người đánh xe đã buộc ngựa để được rảnh tay rồi đã đào cái hố để chôn Ta ở trong lòng đất. 304. Trong khi nhiều nguyên nhân đủ các loại đang đe dọa điều quyết tâm đã được khẳng đinh, Ta đã không làm đổ vỡ việc tuân thủ đã được quyết định với lý do chỉ là vì quả vị Giác ngộ. 305. Mẹ cha không có bi Ta ghét bỏ? bản thân cũng không có bi Ta ghét bỏ, đối với Ta, quả vị Toàn giác là yêu quý; vì thế Ta đã quyết đinh việc tuân thủ. 306. Sau khi quyêt đinh các điêu này, Ta đã sông trong mười sáu năm. Không có ai băng [Ta] vê sự quyêt đinh, điêu này là sự toàn hảo vê quyêt định của Ta. uHạnh của [đức Bồ-tát] Temiya55 là phần thứ sáu. Dứt phần sự toàn hảo về quyết đinh.

V sự TOÀN HẢO VỀ CHÂN THẬT (SACCAPĀRAMITĀ)

7. HẠNH CỦA CON KHỈ CHÚA (Kapừậịacaríyam)51 307. Vào lúc Ta là con khỉ sống trong hang ở bờ sông, Ta đã bị đe dọa bởi con cá sấu nên không đạt được việc ra đi. 308. Tại địa điểm Ta thường đứng ở bờ bên này rồi nhảy qua bờ bên kia, tại chỗ ấy có con cá sấu là kẻ thù, là kẻ sát thủ, có dáng vóc hung tợn. 309. Con cá sấu đã thong báo với Ta rằng: "Cứ việc đi đến." Ta đã nói với nó rằng: "Tôi đang đi đến", rồi đã bước lên đầu của nó và đã đứng vững bờ bên kia. 310. Điều đã được nói với con cá sấu không phải là không đúng sự thật [vì] Ta đã hành động đúng theo lời nói. Không có ai bằng [Ta] về sự chân thật, điều này là sự toàn hảo về chân thật của Ta. uHạnh của con khỉ Chua99 là phần thứ bảy.

8. HẠNH CỦA ĐẠO sĩ SACCA (Saccatāpasacariyam) 311. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là đạo sĩ khổ hạnh tên gọi Sacca. Ta đã hộ trì thế gian bằng sự chân thật; Ta đã làm cho mọi người hợp nhất. wHạnh của đạo sĩ Saccaṃ là phần thứ tám.

9. HẠNH CỦA CHIM CÚT CON (Vattapotakacariyam)^ 312. Vào một thời điểm khác nữa, khi ở tại Magadha, Ta là con chim cút con, cánh chưa được mọc, còn non nớt, [như] là miếng thịt ở trong tổ. 313. [Chim] mẹ tha [môi] lại trong mỏ và nuôi dưỡng Ta. Ta sông còn do sự tiếp xúc với chim mẹ; Ta không có sức mạnh ở thân. 314. Trong năm vào mùa nóng, có nạn cháy rừng bộc phát. Ngọn lửa cuộn khói đen tiến về hướng chúng tôi. 315. Ngọn lửa lớn lao trong lúc gào thét đã tạo ra luồng khói này cuộn khói nọ. Trong khi lần lượt làm phát cháy, ngọn lửa đã tiến đến gần Ta. 316. Lo sợ vì sự ô ạt của ngọn lửa, mẹ cha của Ta trở nên kinh hãi, hoảng hốt, đã bỏ rơi Ta lại ở trong tổ và đã giải thoát cho bản thân.57 58

57 Bổn sanh “Khi chiía" (Vānarindajātakarn), số 57, TTP v, tập 32. (ND) 58 Bổn sanh "Chim cút con,> (Vattakajatakani), số 35, TTP v. tập 32. (ND)

317. Ta đã ra sức hai chân, hai cánh; Ta không có sức mạnh ở thân. Ta đây không đi được. Khi đó, tại nơi ấy, Ta đã suy nghĩ như vầy: 318. "Bj kinh hãi, hoảng hốt, run sợ, Ta có thể chạy đến gần cha mẹ, nhưng họ đã bỏ rơi Ta và tẩu thoát. Ta nên hành động như thế nào ngày hôm nay? 319. Đức hạnh của giới, sự chân thật, sự trong sạch, lòng bi mẫn hiện hữu ở trên đời; với sự chân thật ấy, Ta có thể hiện hành động chân thật tối thắng/5 320. Ta đã hướng về sức mạnh của giáo pháp, tưởng nhớ đến các đấng Chiến Thắng5960 trước đây, và nương tựa vào sức mạnh của sự chân thật, Ta đã 61 thể hiện hành động chân thật rằng: 321. "C6 cánh không thể bay, có chân không thể đi. Mẹ cha đã lìa khỏi, lửa ơi hãy lui di.“ 322. Với sự chân thật đã được thực hiện bởi Ta, ngọn lửa cháy rực to lớn đã lùi trở lại mười sáu karīsaṃ ệiống như ngọn lửa đã gặp phải nước. Không có ai bằng [Ta] về sự chân thật, điêu này là sự toàn hảo ve chân thật của Ta. ÍẾHạnh của chim cút con” là phần thứ chín.

10. HẠNH CỦA VUA CÁ (Maccharậịacaríyam)6ì 323. Vào một thời diêm khác nữa, khi Ta là vua của loài cá ở trong cái hô rộng lớn. Và nước ở trong hồ bị khô cạn vào mùa nắng, dưới sự đốt cháy của ánh mặt trời. 324. Do đó, các con quạ, các con diều hâu, các con cò, các con chim ưng và chim ó đã đáp xuống, ăn các con cá ban ngày lẫn ban đêm.62 325. Tại nơi ấy, cùng với các thân quyến Ta đã bị áp bức, và Ta đã suy nghĩ như vầy: "Vậy thì bằng cách nào để Ta có thể giải thoát cho thân quyến khỏi khổ đau?" ” ’

326. Sau khi xem xét ý nghĩa của các pháp, Ta đã nhận ra sự chân thật là nơi nương tựa. Căn cứ vào sự chân thật, Ta đã cởi bỏ thảm họa bị diệt chủng ấy cho các thân quyến. 327. Sau khi hồi tưởng về thiện pháp, Ta đã suy nghiệm về chân lý tuyệt đối. Ta đã thể hiện hành động chân thật là pháp bền vững và thường còn ở thế gian rằng: 328. ẾÍKể từ lúc Ta nhớ được về bản than, kể từ khi Ta đạt đến sự hiểu biết, Ta không biết đến việc đã cố ý hãm hại dầu chỉ một sanh mạng.63 Do lời nói chân thật này, xin Thân mây64 hãy đô mưa xuông.

59 Jina (đấng Chiến Thắng) cũng là danh hiệu tôn kính chỉ cho đức Phật. 60 KarTsa là đơn vị đo diện tích. 61 Bổn sanh “Con '(Macchajātakam). số 75, TTPV, tập 32. (ND) 62 Lúc này, hồ đã bị cạn nước, các con cá nằm trong các bãi bùn rải rác đó đây (CpA. 237). 63 Dịch theo câu văn Pãịi ở phần cước chú. (ND) 64 Dịch theo Chủ giải: ... pajjuno megho abhivassatu (CpA. 238).

329. Hỡi Thần mây, hãy vang lên tiếng sấm, hãy làm tiêu tan kho lương dự trữ của loài quạ,65 hãy vây hãm loài quạ bằng sự buôn rầu, hãy giải thoát loài cá khỏi nỗi phiên muộn?5 330. Đồng lúc với sự chân thật cao quý được thể hiện, Thần mây đã gầm lên tiếng sấm và trong giây lát đã đổ mưa xuống, làm tràn ngập vùng đất liền và trũng thấp. 331. Sau khi thể hiện sự tinh tấn tột đỉnh là pháp chân thật cao quý có hình thức như thế, [có sự] tin cậy vào năng lực và uy quyền của sự chân thật, Ta đã làm cho đám mây lớn đổ mưa xuống. Không có ai bằng [Ta] về sự chân thật, điều này là sự toàn hảo về chân thật của Ta. ^Hạnh của vua cáw là phần thứ mười.

11. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] KANHADĪPĀYANA (Kanhadīpāyanacariyamf6 332. Vào một thời điểm khác nữa, khi là vị ẩn sĩ Kanhadīpāyana, Ta đã sống không được hoan hỷ hơn năm mươi năm. 333. Không ai biết tâm ý không hoan hỷ này của Ta. Ta đã không nói ra với ai cả và sự không hoan hỷ diễn tiến ở trong tâm ý của Ta. 334. Bà-la-môn Mandabya, bạn của Ta, là một vị đại ẩn sĩ đã bị thọ lãnh [hành phạt] cắm cọc nhọn do trả quả của nghiệp quá khứ,65 67 66 335. Ta đã chăm sóc và đã phục hôi sức khỏe cho vị ây. Sau khi cáo từ, Ta đã trở về lại chốn ẩn cư của mình. 336. Người bạn Bà-la-môn của Ta đã đưa vợ và đứa con trai nhỏ đến. Ba người cùng đi và đã đi đến với tư thế của những người khách. 337. Trong lúc Ta đang ngôi tại chôn ân cư của mình chuyện trò với những người ấy, đứa bé trai đã ném trái banh và làm cho con rắn có nọc độc giận dữ. 338. Sau đó, trong lúc dõi theo lộ trình di chuyển của trái banh, đứa bé trai ấy đã chạm bàn tay vào đầu của con rắn độc. 339. Do sự đụng chạm của đứa bé, con rắn đã trở nên giận dữ. Ỷ lại vào sức mạnh của nọc độc, bị bực bội với sự bực bội

cùng tột, con rắn ngay lập tức đã cắn đứa bé. 340. Khi bị cắn bởi con rắn độc, đứa bé đã ngã xuống ở trên nền đất. Vì điều ấy9 Ta đã trở nên đau buồn; nỗi buồn đau ấy đã tác động đến Ta. 341. Sau khi an ủi họ [là những người] đang bị đau khổ, đang bị mũi tên sầu muộn, Ta đã thể hiện hành động chân thật tột đỉnh cao quý tối thượng lần đầu tiên rằng:

65 Kho lương dự trữ ám chỉ đến các con cá đang vướng trong bùn. Nếu trời đổ mưa làm đầy nước trong hồ thì kho lương dự trữ của loài quạ sẽ bị tiêu tan (CpA. 238-39). 66 Bổn sanh uẨn sĩ Kanhadīpāyana,9 {Kanhadīpāyanajātakarn), số 444, TTP v, tập 32. (ND) 67 Trong thời quá khứ, tiền thân vị này đã dùng một mảnh gỗ mun đâm xuyên qua con ruồi (CpA. 243).

342. "Là người mong mỏi phước thiện, Ta đã thực hành Phạm hạnh với tâm tín thành chỉ được bảy ngày. Từ đó về sau, Phạm hạnh của Ta là năm mươi năm và thêm nữa. 343. Ta thực hành [Phạm hạnh] không có nhiệt tình, chỉ qua ngày. Do lời nói chân thật này, hãy có được sự tốt lành, chất độc hãy được tiêu trừ và Yañña datta6869hãy s6g." 344. Với sự chân thật của Ta đã được thể hiện, đứa bé Bà-la-môn bi run rẩy bởi sức mạnh của nọc độc đã được tỉnh lại, đã đứng lên, không tật bệnh. Không có ai bằng [Ta] về sự chân thật, điều này là sự toàn hảo về chân thật của Ta. “Hạnh của [đức Bồ-tát] Kanhadīpāyana" là phần thứ mười một

12. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] SUTASOMA (Sutasomacariyam)^ 345. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là đức Vua Sutasoma. Bị bắt giữ bởi Porisâda [kẻ ăn thịt người], Ta đã nhớ lại lời hứa với vị Bà-la-môn. 346. Sau khi xỏ dây ở lòng bàn tay của một trăm vị Sát-đế-lỵ rồi [treo lên] phơi khô họ, kẻ ấy đã đưa Ta đi nhằm mục đích tế thần. 347. Kẻ ăn thịt người đã hỏi Ta rằng: “C6 phải ngài mong muốn việc cởi trói? Ta sẽ làm theo ý thích của ngài nếu ngài còn quay trở lại.” 348. Vào lúc ấy, sau khi đã hứa hẹn đối với câu hỏi của kẻ [ăn thịt người] ấy về việc trở lại của Ta, Ta đã đi đến thành phố tráng lệ và đã chối từ vương quốc. 349. Sau khi tưởng nhớ đến Chánh pháp đã được thực hành bởi các đấng Chiến Thắng thời quá khứ, Ta đã trao lại tài sản cho vị Bà-la-môn và đã đi đến gặp kẻ ăn thịt người. 350. Trong trường hợp ấy, không có sự phân vân ở Ta về việc kẻ ấy sẽ giết hay không [giết]. Trong khi bảo vệ lời nói chân thật, Ta đã đi đến để buông bỏ mạng sông. Không có ai băng [Ta] vê sự chân thật, điêu này là sự toàn hảo vê chân thật của Ta. uHạnh của [đức Bồ-tát] Sutasoma" là phần thứ mười hai. Dứt phần sự toàn hảo về chân thật.

68 Tên của đứa bé trai (CpA. 245). 69 Bổn sanh "Bại Sutasoma,, {Mahāsutasomajātakarri), số 537, TTP v, tập 33. (ND)

VI. SựTOÀN HẢO VÈ TỪ ÁI (METTĀ PÃRAMITÃ)

13. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] SUVANNASĀMA (Suvannasāmacariyamy^ 351 . Vào lúc Ta là Sāmā ở trong khu rừng đã được [Chúa trời] Sakkā hóa hiện ra. ở trong khu rừng

lớn, Ta đã rải tâm từ ái đến các loài sư tử và cọp. 352. Ta đã sống ở trong khu rừng, được quây quần xung quanh bởi các loài sư tử, cọp, beo, gâu, trâu rừng, nai đôm và heo rừng. 353. Không loài thú nào e ngại Ta, Ta cũng không sợ hãi loài thú nào. Lúc bấy giờ, được duy trì nhờ vào năng lực từ ái, Ta hứng thú ở trong khu rừng lớn. 64Hạnh của [đức Bồ-tát] Suvaasma" là phần thứ mười ba.

14. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] EKARĀJA (Ekarậiacaríyam)^ 354. Vào một thơi điểm khác nữa, khi Ta được nổi tiếng [với tên] là Ekarāja. Ta đã phát nguyện về giới hạnh tối cao và đã cai quản trái đất to lớn.7072 71 355. Ta đã thực hành về thập thiện nghiệp đạo không thiếu sót. Ta đã thâu phục đám đông dân chúng bằng bốn phép tiếp độ. 356. Trong lúc Ta đang tinh tấn như thế vì lợi ích ở đời này và thế giới khác, Dabbasena73 đã tiến đến chiếm cứ thành phố của Ta. 357. Sau khi thực hiện việc thâu tóm tất cả gồm có nhân sự của đức vua, các thị dân, cùng với quân đội và các cư dân của xứ s&, [vị áy] đã chôn Ta ở trong cái hô. 358. [Vị ấy] đã chiếm đoạt quần thần, vương quốc thịnh vượng và hậu cung của Ta. Ta đã nhìn thấy chính đứa con trai yêu dấu đang bị bắt đi. Không có ai bằng [Ta] về từ ái, điều này là sự toàn hảo về từ ái của Ta. 66Hạnh của [đức Bồ-tát] Ekāj a" là phần thứ mười bốn. Dứt phần sự toàn hảo về từ ái

70 Bồn sanh "sma" (Sãmạiãtakarn), số 540, TTPV, tập 34. (ND) 71 Bổn sanh "Vua Ekarặịa" (Ekarājcyātakani), số 303, TTP v, tập 32. (ND) 72 Đã cai quản vùng đất rộng lớn ở vương quốc Kâsi 300 do-tuần (CpA. 264). 73 Dabbasena là đức vua xứ Kosala (CpA, 264).

vn. sự TOÀN HẢO VÈ HÀNH XẢ (UPEKKHẢPÂRAMITÂ)

15. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] MAHĀLOMAHAMSA (Mahālomahamsacariyam)14 _ r

359. Ta năm ở trong bãi tha ma tựa vào bộ xirơng người chét. Đám trẻ con nhà quê đã đi đến và đã phô diễn hình thức [khuấy roi] không phải là ít. 360. Các đứa khác mừng rỡ, với tâm trí phân chân, mang lại các quà tặng là hương thơm, vòng hoa và vô số thực phẩm các loại. 361. Ta đều bình đẳng đối với tất cả những ai gây ra khổ đau cho Ta cũng như những ai đem lại cho Ta an lạc; thương và giận đều không được biết đến. 362. Là thăng bằng giữa an lạc và khổ đau, giữa các danh thơm và nhữnẹ tiếng xấu, Ta đều bình đang trong mọi trường hợp; điều này là sự toàn hảo ve hành xả của Ta. 66Hạnh của [đức Bồ-tát] Mahālomahamsa" là phần thứ mười lăm. Dứt phần sự toàn hảo về hành xả.

BÀI KỆ TÓM TẮT •

363. Chuyện Yudhañjaya, chuyện Somanassaṃ chuyện Ayoghara [ngôi nhà sắt], chuyện Bhisa, chuyện Sona và Nanda, chuyện Mūgapakkha [Temiya], chuyện con khỉ chúa và chuyện vị [đạo sĩ] tên Sacca. 364. Chuyện chim cút con, chuyện vua cá, chuyện ẩn sĩ Kanhadīpāyana, lại nữa Ta đã là Sutasoma, Sāmā, và Ekarājā, và đã có sự toàn hảo về hành xả; như thế đã được thuyết giảng bởi vị Đại Ẩn Sĩ. 365. Sau khi kinh nghiệm khổ đau dưới nhiều hình thức và thành công với nhiêu thê loại ở lân tái sanh

này đên lân tái sanh khác như thê, Ta đã đạt đên quả vi Toàn giác tối thượng. 366. Sau khi bô thí những gì cân được bô thí, sau khi làm viên mãn giới hạnh không thiếu sót, sau khi đạt đến sự toàn hảo về xuất ly, Ta đã đạt đến quả vị Toàn giác tối thượng. 367. Sau khi đã vấn hỏi các bậc hiền trí, sau khi đã thể hiện sự tinh tấn tối thượng, sau khi đã đạt đến sự toàn hảo về nhẫn nại, Ta đã đạt đến quả vị Toàn giác toi thượng.* 74 Có thể liên quan đến Bổn sanh "Rởn I6ng" (Lomahamsqjātakam), số 94, TTPV, tập 32. (ND)

766 KINH TIỂU BÔ

368. Sau khi đã thực hành sự quyêt định vững chác, sau khi đã hộ trì lời nói chân thật, sau khi đã đạt đên sự toàn hảo vê từ ái, Ta đã đạt đên quả vị Toàn giác tối thượng. 369. Đối với lợi lộc và không lợi lộc, đối với danh thơm và tiếng xấu, đối với sự kính trọng và chê

MILINDAVẤNĐẠO (MILINDAPAÑHA)

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ

Milindapañhapāli là một tác phẩm có giá trị trong nền văn học Phật giáo Theravãda. Milinda là tên của một vị vua, còn từ pañha có nghĩa là "câu h6i". Như vậy, tựa đề Milindapañha được dịch sát nghĩa sang tiếng Việt sẽ là "Những câu hỏi của Milindd'; chúng tôi chọn tựa đề tiếng Việt cho tác phẩm Milindapañhapāli là "Milinda vấn O."
Tập kinh Mihndapañhapāli thuật lại cuộc đối thoại giữa đức Vua Milinda và vi Tỳ-khưu Nāgasena. Tập kinh này giải thích về một số điểm khúc mắc trong giáo pháp và còn là một tài liệu có giá tri về khía cạnh ngôn ngữ. Tuy nhiên, danh tánh của tác giả cũng như thời điểm thực hiện không thể xác đinh được, có tài liệu phỏng định rang tác phẩm này đã xuất hiện vào khoảng the kỷ I Tây lịch. Một cách xác định khác là căn cứ vào việc văn bản này có đề cập đến tu viện Asoka ở thành phố Pātaliputta để đưa đến kết luận rằng việc thực hiện tác phẩm này đã được tiến hành sau thời kỳ đức Vua Asoka, nghĩa là sau thế kỷ III TTL. Thêm vào đó, một điểm mốc khác được xác định chắc chắc là văn bản này đã được thực hiện trước thế kỷ v Tây lịch, là thời điểm vị Chú giải sư Buddhaghosa thực hiện các bộ Atthakathā (Chú giải), bởi vì các Chủ giải ấy đã có đề cập đến văn bản Milindapañhapāli. Căn cứ vào dòng chữ cuối của bản kinh, được biết rằng vị Đại Trưởng lão tên Doni sông ở thành phô Doni thuộc xứ Lanka đã nghe và viêt lại thành sách đúng theo sự sắp xếp của nó. Có sự nhận định rằng tập kinh này tuy đã được ghi lại ở xứ Tích Lan nhưng vẫn có xuất xứ từ Ấn Độ, bởi vì các địa danh được đề cập trong văn bản này hoàn toàn là các địa danh ở An Độ, và không có địa điểm nào của Tích Lan được nói đến. Tuy nhiên, cũng không thể truy nguyên được nguồn gốc là bằng cách nào và vào lúc nào tập kinh này đã được truyền đến hòn đảo Tích Lan. Một điểm khác nữa đáng được lim ý là bản dịch tiếng Trung Quốc tên Nāgasenabhiksusūtra, có thời điểm thực hiện được biết vào khoảng thế kỷ IV đã được tìm thấy. Bản dịch này ngắn gọn hơn và có một vài điểm khác biệt so với văn bản Pali, điều ấy đưa đến giả thuyết cho rằng văn bản đầu tiên của Milindapañha đã được thực hiện chỉ có bấy nhiêu, sau đó được truyền sang Trung Quốc rồi được dịch sang tiếng bản xứ, còn văn bản PãIi tồn tại ở Ẩn Độ đã được tiêp tục phát triên thêm trong khoảng

thời gian vê sau đê có được văn bản như ngày hôm nay; để khẳng định điều này, cần phải có thêm nhiều chứng cớ khác nữa. Ngoài ra, còn có tác phẩm Milindatīkā (Sớ giải Milinda)

đã được thực hiện ở Tích Lan bởi vị Trưởng lão Mahātipitaka Cūlābhayathero, nghĩa là vị Trưởng lão tên Cūjābhaya có danh hiệu là Mahātipitaka (Đại Tam tạng). Sớ

Vực của Phật giáo, và các câu trả lời thông minh của vị Tỳ-khưu Nâgasena giúp cho người đọc có thể hiểu thêm về lời dạy của đức Phật. Vê hình thức sáp xép, phân Nigamanam (Đoạn két) ở cuôi tập kinh có ghi như sau: "Các câu hỏi của đức Vua Milinda được truyền đạt ở trong tập sách này gồm có 262 câu hỏi, được chia thành 22 phẩm, thuộc về 6 chương, như vậy là đây đủ. Tuy nhiên còn có 42 câu hỏi chưa được truyền đạt. Tông cộng tát cả các câu hỏi đã được truyền đạt và chưa được truyền đạt là 304 câu hỏi. Hết thảy tất cả được gọi tên là: "Các câu hỏi của đức Vua Milinda^ ở dây, 6 chương đã được nêu ra là: Sự liên hệ trong quả khứ. Câu hỏi của đức Vua Mỉlinda. Cảu hỏi vê hành tướng. Câu hỏi đôi chọi. Câu hỏi (giảng băng sự) suy luận, Câu hỏi giảng về các vỉ dụ; còn các con số 22 phẩm (yagga) và 304 câu hỏi vẫn là điều đang làm phân vân các nhà nghiên cứu. về 42 câu hỏi chưa được truyền đạt, phân Mātikā (Các tiêu đê) ở chương Opammakathāpañhā (Câu hỏi giảng vê các vỉ dụ) giới thiệu 105 ví dụ, nhưng chỉ có 67 ví dụ được trình bày dưới dạng câu hỏi, và các câu hỏi chưa được trình bày là 38 chứ không phải 42. Nói tóm lại, đây là một sự kiện có thật đã xảy ra ở tu viện Sankheyya, thuộc kinh đô Sagala của nước Bactria. Các công trình nghiên cứu đã xác định rằng đức Vua Milinda chính là vi vua người gốc Hy Lạp (Greek) tên Menander đã cai tri xứ Bactria ở vùng Tây Bắc của Án Độ (India) vào khoảng thế kỷ II Tây lịch. Còn lai lịch của vi Tỳ-khưu Nâgasena không tìm ra được, có the vì các sử liệu chỉ tập trung ghi lại các sinh hoạt của triều đại vua chúa. Có hai điểm lưu ý cần được nêu lên ở đây là việc đức Vua Milinda đã từng đi đến tham vấn sáu vi Giáo chủ ngoại đạo Pūrana Kassapa, Makkhali Gosāla, Nigantha Nātaputta, Sañjaya Bellatthiputta, Ajita Kesakambalī, Kakudhā Kaccāyana. Điều này xét ra không được hợp lý vì những vi Giáo chủ này sống cùng thời với đức Phật. Như vậy, nếu các giáo phái này còn tồn tại đến thời kỳ của đức Vua Milinda thì cũng chỉ có thê là các hậu duệ của sáu vi này. Điêu khác nữa là có nhiều trích dẫn của Tỳ-khưu Nāgasena cho biết là lời dạy của đức Phật nhưng không the tìm ra được ở Tam tạng Pali đang sử dụng hiện nay; do đó chúng tôi chỉ ghi lại những phần trích dẫn mà chúng tôi có thể kiểm tra được dựa vào kết quả nghiên cứu của cố Giáo sư L B. Homer qua bản dịch tiếng Anh Milinda s Questions. 2 tập của người. về phương diện dịch thuật và trình bày văn bản tiếng Việt, chúng tôi đã ghi nghĩa Việt của các câu kệ ngôn bằng văn xuôi nhằm diễn tả trọn vẹn ý nghĩa của văn bản gốc, và được trình bày bằng dạng chữ nghiêng để làm nổi bật sự khác biệt. về văn phong của lời dịch, chúng tôi chủ trương ghi lại tiếng Việt sát theo văn bản gốc và cố gắng không bỏ sót từ nào không dịch. Lời văn tiếng Việt của chúng tôi có chứa đựng những mấu chốt giúp cho những ai có ý thích nghiên cứu PâIi thấy ra được cấu trúc

của loại ngôn ngữ này, đồng thời tạo sự thuận tiện cho công việc hiệu đính trong tương lai. Việc làm này của chúng tôi

772 KINH TIỂU BỔ

không hẳn đã được hoàn hảo, dẫu sao cũng là bước khởi đầu nhằm thúc đẩy phong trào nghiên cứu cổ ngữ Phật học của người Việt Nam. Tuy nhiên, một số sai sót trong quá trình phiên dịch đương nhiên không thể tránh khỏi, chúng tôi xin chiu hoàn toàn trách nhiệm. Cuối cùng, ngưỡng mong phước báu phát sanh trong công việc soạn thảo tập kinh này được thành tựu đến Thầy Tổ? song thân và tất cả chúng sanh trong tam giới. Nguyện cho hết thảy đều được an vui, sức khỏe, có trí tuệ và tinh tấn tu tập ngõ hầu thành đạt cứu cánh giải thoát, chấm dứt khổ đau.

Kính bút, Ngày 12 thảng 6 năm 2011 Tỳ-khưu Indacanda (Trương Đình Dũng)

PHÀN NGOẠI THUYẾT (BẢHIRẢkATHẦ)

1.6 vua ấy tên là Milinda ở kỉnh thành Sãgala đã đi đến gặp Nãgasena, VỈ như dòng sông Gañgã đi đên với biên cả. Sau khi đi đên gân vỉ có sự thuyết giảng tài hoa, vi đang câm ngọn đuôc xua tan bóng tối, đức Vua đã hỏi những câu hỏi khôn khéo, đa dạng, đưa đến sự xác quyết hay phủ nhận. Các câu hỏi và luôn cả các câu trả lời được gắn liền với ỷ nghĩa thâm sâu. Chủng đi vào trải tim, làm thoải mái lỗ tai, là phỉ thường, khiến nổi da gà. Được thâm nhập vào Vi diệu pháp và Luật, được tồn tại ở mạng lưới của Kinh, các lời giảng giải của Ngài Nãgasena là đa dạng với các vỉ dụ và các cách suy luận. Xỉn quỷ vỉ hãy gom trí tuệ vào đây, hãy làm tâm ỷ được vui vẻ, và hãy lắng nghe những câu hỏi khôn khéo khơi dây những cho có sự nghi ngày

Việc ấy được nghe như thế này: Có thành phố tên Sãgala, trung tâm thương mãi của những người xứ Yonaka, được lộng lẫy với sông và núi, có lãnh thô và địa thê đáng yêu; được vẹn toàn với các khu vườn, công viên, rừng cây, hồ nước, đầm sen; đáng được say mê với những con sông, núi non, rừng thẳm; được tạo nên bởi những người có học thức; có các kẻ chống đối và thù nghịch đã bị tiêu diệt, không còn bị chướng ngại; tháp canh và cổng thành có nhiêu loại, đa dạng, vững chác; có vô sô mái vòm và vọng gác cao sang; nội thành được bao quanh với hào sâu và thành lũy màu trắng; đường lộ, đường băng ngang, ngã tư, bồn binh khéo được bố trí; bên trong cửa tiệm đầy ắp vô số loại hàng hóa quý giá khéo được trưng bày; được rạng rỡ với hàng trăm phước xá các loại; được điểm tô với hàng trăm ngàn ngôi nhà sang trọng tương tợ như đỉnh núi Tuyết; được đông đúc với những voi, ngựa, xe cộ và người bộ hành; được qua lại với những đám người nam nữ xinh đẹp, có dân chúng chen chúc, có thường dân, Sát-đế-ly, Bà-la-môn, thương nhân và nô lệ; được gắn liền với sự giao hảo của nhiều hạng Sa-môn và Bà-la-môn; được tới lui bởi nhiều hạng người thông thái, nam nhân và anh hùng; có đủ các hạng cửa hàng vải vóc của các xứ Kãsi, Kotumbara, VV... được tỏa ngát các hương thơm từ nhiều cửa hiệu bông hoa xinh đẹp, các loại khéo được bày biện; được tràn trề với nhiều loại

774 KINH TIỂU BỔ

châu ngọc quyến rũ; được lai vãng bởi đám thương buôn lịch lãm ở các cửa tiệm được trưng bày khéo léo hướng ra các phương; được tràn đầy với các đồng tiền kahâpana, bạc, vàng, tiền kamsa và đá quý, là nơi chốn của tài sản lưu trữ đang lấp lánh; có bắp, lúa, của cải và vật sở hữu dự phòng dồi dào; có phòng chứa và kho hàng đầy ắp; có nhiêu cơm nước; có vô sô các loại vật thực cứng, mem, đáng nêm, đáng uông, đáng thưởng thức, tương tợ như ở Uttarakurū; có vụ thu hoạch sung mãn như ở Ālakamandā, thành phố của chư thiên. 2. Nên dừng ở đây và nói đến nghiệp quá khứ của hai người họ. Và trong khi thuyết giảng, nên phân chia và thuyết giảng thành sáu phần, tức là: Sự liên hệ trong quá khứ, Câu hỏi của đức Vua Milinda, Câu hỏi ve hành tướng. Câu hỏi đoi chọi. Câu hỏi (giảng bang sự) suy luận, Câu hỏi giảng ve các ví dụ. ở đây, Câu hỏi của đức Vua Milinda gồm hai phần là Câu hỏi về hành tướng và Câu hỏi cắt đứt sự phân vân; Câu hỏi đoi chọi cũng gom có hai phan là Đại phàm và Câu hỏi giảng vê vi hành giả. Sự liên hệ trong quá khứ là nghiệp quá khứ của hai người ấy.

sự LIÊN HỆ TRONG QUÁ KHỨ (PUBBAYOGO)

ỉ. Nghe nói ở thời quá khứ, trong khi giáo pháp của đức Thế Tôn Kassapa đang vận hành, có hội chúng Tỳ-khưu đông đảo cư n^ụ tại một trú xứ cạnh dòng sông. Tại nơi ây, các vị Tỳ-khưu được thành tựu vê phận sự và giới hạnh, sau khi thức dậy vào lúc sáng sớm, cầm lấy cây chổi dài cán, trong lúc suy tưởng về ân đức Phật, các vị quét sân và gom rác thành đống. Khi ấy, có một vị Tỳ-khiru đã nói với một vị Sa-di rằng: "Này Sa-di, hãy đến! Hãy đổ bỏ rác này!" Vị ấy vẫn bước đi như là không nghe. Trong khi được gọi đến lần thứ nhì, roi đến lần thứ ba, vị ấy vẫn bước đi như là không nghe. Do đó, vị Tỳ-khưu ấy [nghĩ rằng]: "Sa-di này khó dạy", rồi nổi giận và đã ban cho cú đánh bằng cái cán chổi. Do đó, vị [Sa-di] ấy vừa khóc lóc vì sợ hãi vừa đổ bỏ rác, đã lập nên lời phát nguyện thứ nhất rằng: "Do nghiệp phước thiện của việc đổ bỏ rác này, cho đến khi tôi đạt được Niết-bn, trong khoảng thời gian ấy, tại mỗi nơi được lần lượt sanh ra, mong rằng tôi có đại quyền lực, có đại oai lực như là mặt trời lúc giữa trưa." Sau khi đổ bỏ rác, vị ấy đã đi đến bến sông để tắm. Sau khi nhìn thấy làn sóng của dòng sông đang rì rào, vị ấy cũng đã lập nên lời phát nguyện thứ nhì rằng: "Do nghiệp phước thiện của việc đổ bỏ rác này, cho đến khi tôi đạt được Niết-bàn, trong khoảng thời gian ấy, tại mỗi nơi được lần lượt sanh ra, mong rằng tôi có tài ứng đối được sanh lên đúng trường hợp, có tài ứng đối không bị ngập ngừng như là làn sóng này vay." Vị Tỳ-khiru ây, sau khi cát cây choi ở phòng đê choi, cũng đang đi đên bên sông để tắm. Sau khi nghe được lời phát nguyện của vị Sa-di, vị ấy đã suy nghĩ rằng: "Cũng vì bị tác động bởi ta nên người này phát nguyện như thế. Có phải là sẽ không ảnh hưởng đến ta?", và đã lập nên lời phát nguyện rằng: "Cho đến khi tôi đạt được Niết-bàn, trong khoảng thời gian ấy, tại mỗi nơi được lần lượt sanh ra, mong rằng tôi có tài ứng đối không bị ngáp ngừng như là làn sóng ở sông này vậy. Mong rằng tôi có khả năng đe gỡ rối5 đe tháo gỡ mọi sự ứng đối về câu hỏi được hỏi đi hỏi lại bởi người này.59 Cả hai người ấy, trong khi luân hồi giữa chư thiên và loài người, đã trải qua một khoảng thời gian giữa hai vị Phật. Và vị Trưởng lão Moggaliputtatissa đã được đức Phật của chúng ta nhìn thấy như thế nào thì hai người này cũng đã được nhìn thấy như thế: "Khi năm trăm

bởi Ta, hai người này sẽ làm cho Pháp và Luật ấy được tháo gỡ5 được rõ ràng bàng phương thức hỏi đáp và sự đúng đắn về ví dụ so sánh, rồi sẽ hệ thống lại." 2. Trong hai người ấy, vi Sa-di đã trở thành đức vua tên Milinda ở thành Sâgala thuộc xứ Jambudīpa (Ấn B)là người sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, có năng lực trọng thời quá khứ, hiện tại và vị lai, là người hành động có suy xét trong lúc thực hiện mọi công việc rèn luyện và phô diễn. Và vị này có nhiều học thuật đã được học như là: Sự hiểu biết do lắng nghe, sách dạy về âm thanh, tính toán, ứng dụng, học thuật về hướng dẫn và phân biệt, thiên văn, âm nhạc, y khoa, bốn bộ Vệ-đà, cổ thư, sử học, chiêm tinh học, ảo thuật, chú thuật, lý luận, chiến đấu, âm luật, hải dương học và Phật ngôn là mười chín. Đức Vua là nhà tranh luận khó sánh bằng, khó khuất phục, được xem là hàng đầu trong số đông các vi giáo chủ. Trong toàn cõi xứ Jambudīpa, không có ai sánh bằng đức Vua Milinda về sức mạnh, nhanh nhẹn, dũng cảm và trí tuệ. Đức Vua là người giàu sang, có nhiều tài sản, nhiều của cải, vô số binh lực và xe cộ. 3. Vào một ngày nọ? đức Vua Milinda rời khỏi thành với ước muốn xem xét nơi đóng quân và dàn binh của bốn binh chủng gồm vô số binh lực và xe cộ. Sau khi cho kiểm điểm quân đội ở ngoại thành, đức Vua ấy vốn là nẹười mở đau câu chuyện và hứng thú việc khơi mào cuộc mạn đàm với các triết gia và các nhà ngụy biện, đã nhìn mặt trời rồi nói với các quan đại thần rằng: Ngày hãy còn dài, chúng ta sẽ làm gì nếu đi vào thành ngay bây giờ? Có vị Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào là người sáng trí, có hội chúng, có đô chúng, là giáo thọ sư của tập thể, tự xưng là A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có khả năng để chuyện trò với trẫm để giải tỏa điều nghi hoặc? Khi được nói như vậy, năm trăm người xứ Yonaka1 đã nói với đức Vua rằng: -Tâu Đại vương, có sáu vị thầy là Pūrana Kassapa, Makkhali Gosāla, Nigantha Nātaputta, Sañjaya Bellatthiputta, Ajita Kesakambalī, Kakudhā Kaccāyana.2 Các vi ấy có hội chúng, có đồ chúng, là giáo thọ sư của tập thể, được biết tiếng, có danh vọng, là các giáo chủ, được nhiều người đánh giá cao. Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy đi đến, hãy hỏi họ câu hỏi, hãy giải tỏa điều nghi hoặc. 4. Khi ấy, được tháp tùng bởi năm trăm người xứ Yonaka, đức Vua Milinda đã bước lên cỗ xe ngựa cao quý, loại phương tiện di chuyển tuyệt hảo, đi đến gặp Pūrana Kassapa; sau khi đen đã tỏ vẻ thân thiện với Pūrana Kassapa, sau khi trao đôi lời xã giao thân thiện roi đã ngôi xuông một bên. Ngôi xuống một bên, đức Vua Milinda đã hỏi Pūrana Kassapa điêu này: Thưa thầy Kassapa, ai bảo hộ thế gian? Tâu Đại vương, trái đất bảo hộ thế gian.

Thưa thây Kassapa, nêu trái đát bảo hộ thê gian, thê thì vì sao chúng sanh

1 Nhiều học giả xác định Yonaka là một vùng thuộc nước Greece (Hy Lạp). 2 Sáu vị này đồng thời với đức Phật Gotama, nhiều học giả đã lưu ý và luận về điểm này.

đi đến địa ngục Vô Gián lại đi ngang qua trái đất trước rồi mới đi đến địa ngục Vô Gián? Được hỏi như vậy, Pūrana không những đã không thể nuốt trôi mà cũng không thê ói ra được, chỉ ngôi ủ rũ, im lặng, trâm ngâm. 5. Sau đó, đức Vua Milinda đã hỏi với Makkhali Gosāla điều này: Thưa thầy Gosāla, có các nghiệp thiện và bất thiện không?

Có quả thành tựu của các nghiệp đã được làm tốt và đã được làm xấu không? -Tâu Đại vương, không có các nghiệp thiện và bất thiện, không có quả thành tựu của các nghiệp đã được làm tót và đã được làm xâu. Tâu Đại vương, những người nào ở đời này dòng dõi Sát-đế-lỵ5 những người ấy đi đến đời sau cũng sẽ là dòng dõi Sát-đế-lỵ. Những người nào dòng dõi Bà-la-môn, thương buôn, nông phu, hạ tiện, hot rác; những người ây đi đên đời sau cũng sẽ là dòng dõi Bà-la-môn, thương buôn, nông phu, hạ tiện, hốt rác; thì có điều gì là bởi các nghiệp thiện và bất thiện? Thưa thầy Gosāla, nếu những người ở đời này là dòng dõi Sát-đế-lỵ, Bà- la-môn, thương buôn, nông phu, hạ tiện, hốt rác; những người ấy đi đến đời sau cũng sẽ là dòng dõi Sát-đế-lỵ, Bà-la-môn, thương buôn, nông phu, hạ tiện, hot rác; không có điêu gì được tạo nên bởi các nghiệp thiện và bát thiện. Thưa thầy Gosāla, như thế thì những người nào ở đời này bị chặt tay thì đi đến đời sau cũng sẽ bi chặt tay, những người nào bị chặt chân thì cũng sẽ bị chặt chân, những người nào bị xẻo tai thì cũng sẽ bi xẻo tai phải không ạ? Được nói như vậy, Gosāla đã im lặng. Khi ấy, đức Vua Milinda đã khởi ý điều này: “Xứ Jambudīpa quả thật trống trơn! Xứ Jambudīpa quả thật vô nghĩa! Không có Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào có khả năng để chuyện trò với trẫm để giải toa điều nghi hoặc?” 6. Sau đó9 đức Vua Milinda đã nói với các quan đại thân răng: Đêm trăng trong quả thật đáng yêu! Phải chăng hôm nay chúng ta nên đi đến gặp vị Sa-môn hoặc Bà-la-môn để hỏi câu hỏi? Vị nào có khả năng để chuyện trò với trẫm để giải tỏa điều nghi hoặc? Được nói như vậy, các quan đại thần đã im lặng, đứng yên, ngước nhìn khuôn mặt của đức Vua. 7. Vào lúc bấy giờ, thành Sâgala đã vắng bóng các Sa-môn, Bà-la-môn5 gia chủ sáng trí trong mười hai năm. Nghe tin "các Vị Sa-môn, Bà-la-môn, gia chủ sáng trí trú ngụ^ ở nơi nào, đức Vua đi đên nơi ây và hỏi các vị ây câu hỏi. Không có khả năng để làm hài lòng đức Vua với câu trả lời cho câu hỏi, tất cả các vị ấy ra đi đến nơi này hoặc nơi khác. Những người nào không ra đi đến phương trời khác, tất cả bọn họ ở lại. giữ thái độ im lặng. Còn các vị Tỳ-khưu, phân đông đi đên dãy Hy-mã-lạp sơn. Vào lúc bây giờ, có một trăm koti (một tỷ) vị A-la-hán cư ngụ tại cao nguyên Rakkhita, núi Hy-mã-lạp.

8. Lúc đó? Đại đức Assagutta với thiên nhĩ giới đã nghe được lời nói của đức Vua Milinda. Ngài đã cho triệu tập hội chúng Tỳ-khmi tại đỉnh núi Yugandhara và đã hỏi các vị Tỳ-khưu rang: -Này các Sư đệ9 có vị Tỳ-khưu nào có năng lực để chuyện trò với đức Vua Milinda để giải tỏa điều nghi hoặc? Được hỏi như vậy, một trăm koti vị A-la-hán đã im lặng. Các vi đã im lặng khi được hỏi đến lần thứ nhì, đến lần thứ ba. Khi ấy, Đại đức Assagutta đã nói với hội chúng Tỳ-khưu điêu này: Này các Sư đệ, ở cõi trời Đạo-lợi, về phía Đông của lâu đài Vejayanta, có cung điện tên là Ketumatī. Nơi ấy có vị thiên tử tên Mahâsena cư ngụ. Vi ấy có năng lực để chuyện trò với đức Vua Milinda để giải tỏa điều nghi hoặc. Khi ây, một trăm koti vi A-la-hán đã biên mát ở ngọn núi Yugandhara và hiện ra ở cõi trơi Đạo-lợi. Thiên chủ Sakkā đã nhìn thấy các vi Tỳ-khiru ấy từ đàng xa đang tiên đên, sau khi nhìn thấy đã đi đên gặp Đại đức Assagutta, sau khi đi đến đã đảnh lễ Đại đức Assagutta rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, Thiên chủ Sakkā đã nói với Đại đức Assagutta điều này: -Bạch Ngài, đại chúng Tỳ-khiru đã ngự đến. Tôi là người của tu viện của hội chúng. Có nhu cầu về điều gì? Có

việc gì tôi cần phải làm? Khi ây, Đại đức Assagutta đã nói với Thiên chủ Sakkā điêu này: -Tâu Đại vương, vi vua này tên Milinda tại thành Sãgala, xứ Jambudīpa, là nhà tranh luận khó sánh bằng, khó khuất phục, được xem là hàng đầu trong số đông các vị giáo chủ. Ông ta đi đến gặp hội chúng Tỳ-khmi hỏi câu hỏi theo học thuyết về tà kiến và đã gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khiru. Khi ấy, Thiên chủ Sakkā đã nói với Đại đức Assagutta điều này: Bạch Ngài, vị Vua Milinda này đã chết đi từ nơi này rồi tái sanh vào loài người. Bạch Ngài, có vị thiên tử này tên là Mahâsena cư ngụ ở cung điện Ketumatī. Vi ấy có năng lực để chuyện trò với đức Vua Milinda để giải tỏa điều nghi hoặc. Chúng ta sẽ thỉnh cầu vị thiên tử ấy về việc tái sanh vào thế giới loài người. 9. Khi ấy, Thiên chủ Sakkā đã dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đi vào cung điện Ketumatī, ôm chầm lấy thiên tử Mahâsena roi đã nói điều này: -Này thiên tử, hội chúng Tỳ-khưu thỉnh cầu thiên tử về việc tái sanh vào thế giới loài người. -Bạch Ngài, tôi không có mục đích gì ở thế giới loài người. Thế giới loài người là căng thẳng bởi nhiều công việc. Bạch Ngài, tôi sẽ là người lần lượt chứng đạt cao hơn rồi sẽ Niết-bàn ngay tại đây, nơi thiên giới. Trong khi Thiên chủ Sakkā thỉnh cầu đến lần thứ nhì, đến lần thứ ba, thiên tử Mahâsena cũng đã nói như vầy: Bạch Ngài, tôi không có mục ch gì ở thế giới loài người. Thế giới loài

người là căng thẳng bởi nhiều công việc. Bạch Ngài, tôi sẽ là người lần lượt chứng đạt cao hơn rồi sẽ Niết-bàn ngay tại đây, nơi thiên giới. 10. Khi ấy, Đại đức Assagutta đã nói với thiên tử Mahâsena điều này: Thưa thiên tử, trong lúc xem xét thế gian này gồm cả chư thiên, chúng tôi nhận thấy rằng không ai khác ngoại trừ Ngài có được khả năng đập đổ luận thuyết của đức Vua Milinda để nâng đỡ giáo pháp. Thưa thiên tử, hội chúng Tỳ- khiru thỉnh cầu Ngài. Lành thay, bậc Thiện nhân! Xin Ngài hãy hạ sanh vào thế giới loài người, xin Ngài hãy nâng đỡ và ban bố giáo pháp của đấng Thập Lực. Được nói như vậy, thiên tử Mahãsena [nghĩ răng]: "Nghe nói ta sẽ có khả năng để đập đổ luận thuyết của đức Vua Milinda để nâng đỡ giáo ph” đã trở nên mừng rỡ, phấn chấn, rất là phấn khởi và đã bày tỏ sự chấp thuận: Bạch Đại đức, thật tót đẹp thay! Tôi sẽ tái sanh vào thê giới loài người. 11. Sau đó? khi đã hoàn thành công việc cân làm ở thiên giới, các vị Tỳ- khưu ấy đã biến mất giữa chư thiên ở cõi trời Đạo-lợi và hiện ra ở cao nguyên Rakkhita, núi Hy-mã-lạp. Khi ấy, Đại đức Assagutta đã nói với hội chúng Tỳ-khiru điều này: Này các Sư đệ? trong hội chúng Tỳ-khưu có vị Tỳ-khưu nào đã không đi đến cuộc hội họp? Được hỏi như vậy, có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với Đại đức Assagutta điều này: Bạch Ngài, có Đại đức Rohana cách đây bảy ngày đã đi vào núi Hy-mã- lạp và nhập thiền diệt, xin Ngài hãy phái sứ giả đi đến gặp vị ấy. Đúng vào giây phút ấy, Đại đức Rohana cũng vừa xuất khỏi thiền diệt [biết rằng]: "Hội chúng chờ đợi ta" nên đã biến mất ở núi Hy-mã-lạp và hiện ra ở cao nguyên Rakkhita, phía trước một trăm koti vị A-la-hán. Khi ấy, Đại đức Assagutta đã nói với Đại đức Rohana điều này: -Này Sư đệ Rohana, trong khi lời dạy của đức Phật đang suy tàn, không lẽ đệ không nhận thấy các việc cân phải làm của hội chúng? -Bạch Ngài, tôi đã thiếu sự quan tâm. Này Sư đệ Rohana, chính vì điều ấy đệ hãy thực hành hình phạt.

Bạch Ngài, tôi sẽ làm gì? Này Sư đệ Rohana, ở sườn núi Hy-mã-lạp có ngôi làng Bà-la-môn tên là Kajañgalā. Người Bà-la-môn tên Sonuttara cư ngụ tại nơi đó. Người con trai của ông sẽ được sanh ra; đứa bé trai tên là Nâgasena. Này Sư đệ Rohana, chính vì điều ấy, đệ hãy đi vào khất thực ở gia đình ấy trong thời gian bảy năm mười tháng. Sau khi đi vào khất thực, đệ hãy tiếp độ đứa bé trai Nâgasena rồi cho xuất gia. Và khi đứa bé trai đã xuất gia thì đệ sẽ được thoát khỏi hình phạt. r Vị ây đã nói như vậy. 12. Đại đức Rohana cũng đã chấp thuận rằng: Lành thay!

Còn về thiên tử Mahāsena sau khi từ thiên giới chết đi đã chấp nhận sự tiếp nối (tái sanh) trong bụng người vợ của Bà-la-môn Sonuttara. Có ba điều kỳ diệu phi thường đã xuất hiện cùng lúc với việc chấp nhận sự tiếp nối (tái sanh): Các vật dụng chiến đấu đã phát lên ngọn lửa, trái cây đau mùa chín tới, có đám mây lớn đã đổ mưa. Vê phân Đại đức Rohana, kê từ việc châp nhận sự tiêp nôi (tái sanh) của vi thiên tử, trong khi đi vào khất thực ở gia đình ấy trong thời gian bảy năm mười tháng, đã không nhận được một muỗng cơm, hay là một vá canh, hoặc là sự đảnh lễ, sự chắp tay, hay là hành động thích hợp, dầu là một ngày. Khi ấy, Đại đức đã nhận được chỉ là sự chửi rủa, chỉ là sự mắng nhiếc. Dầu là chút ít lời nói: “Nầy ông, ông hãy đi di”,3 cũng đã không có người nói. Tuy nhiên, khi đã đến hạn kỳ bảy năm mười tháng, vào một ngày nọ, Đại đức đã nhận được chút ít lời nói: "Này ông, ông hãy đi di.” Đúng vào ngày hôm ấy, cũng chính người Bà-la-môn? trong khi đi trở về do công việc bên ngoài, đã gặp vị Trưởng lão ở lối ngược chiều và đã nói rằng: Này ông xuất gia, ông đã đi đến nhà của chúng tôi chưa? Này ông Bà-la-môn9 đúng vậy. Tôi đã đi đến.

-Vậy có phải ông đã nhận được cái gì đó? Này ông Bà-la-môn, đúng vậy. Tôi đã nhận được. 13. Người Bà-la-môn với tâm ý hoan hỷ34 đã đi về nhà và hỏi rằng: Mấy người đã cho vị xuất gia ấy vật gì đó phải không? Chúng tôi đã không cho bất cứ vật gì. Vào ngày kế, người Bà-la-môn đã ngồi ngay tại cửa nhà [nghĩ rằng]: "Hôm nay, ta sẽ bắt bẻ vị xuất gia về việc nói d6i." Vào ngày kế, vị Trưởng lão đã đến tại cửa nhà của người Bà-la-môn. Sau khi nhìn thấy vị Trưởng lão, người Bà- la-môn đã nói như vầy: Hôm qua, ông đã không nhận được bất cứ vật gì ở nhà chúng tôi mà lại nói là uđã nhận được.,, Chẳng lẽ nói dối là thích đáng đối với các ông hay sao? Vị Trưởng lão đã nói rằng: Này ông Bà-la-môn, trong bảy năm mười tháng, chúng tôi đã không nhận được ở nhà của ông dầu là chút ít lời nói: "Này ông, ông hãy đi di”còn hôm qua tôi đã nhận được chút ít lời nói: “Này ông, ông hãy đi di." Vì có liên quan đến chút ít lời nói nhã nhặn này mà tôi đã nói như thế. Người Bà-la-môn đã suy nghĩ rằng: "Những người này sau khi nhận được dầu là chút ít lời nói nhã nhặn mà lại ca tụng ở giữa mọi người là: 'Chúng tôi đã nhận được\ vậy thì sau khi nhận được bất cứ loại vật thực cứng hoặc vật thực mềm nào khác, vì lẽ gì mà họ lại không ca tụng?" Sau khi phát khởi niềm

3 Sự xưng hô ở đây và các câu đối thoại bên dưới đều dùng ngôi thứ nhất và thứ hai số nhiều. 4 Văn bản của Miến Điện và của Pali Text Society đã ghi là không hoan hỷ (anattamano).

tin, Ông ta đã bảo bố thí một muỗng cơm và thức ăn phù hợp từ bữa cơm được chuẩn bị sẵn cho việc sử dụng của bản thân, rồi đã nói rằng: Ngài sẽ nhận được vật thực này vào mọi lúc. Kể từ ngày kế, sau khi nhìn thấy sự trầm tĩnh của vị Trưởng lão trong khi đi đến, người Bà-la-môn càng phát khởi niềm tin nhiều hơn nữa và đã thỉnh cầu vị Trưởng lão việc thọ thực bữa ăn tại nhà của mình một cách thường xuyên. Vị Trưởng lão đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Mỗi một ngày, sau khi làm phận sự về thọ thực, trước khi từ giã, vi Trưởng lão đều thuyết giảng chút ít Phật ngôn rồi mới ra đi. 14. Quả nhiên, đến hạn kỳ mười tháng, người nữ Bà-la-môn ấy cũng đã sanh ra người con trai. Tên của đứa bé đã là "Nagasena". Đứa bé từ từ lớn lên và đã sanh được bảy năm. Khi ấy, người cha của Nâgasena đã nói với đứa bé trai Nâgasena điều này: Này Nâgasena thương, con cần phải học các môn học ở gia tộc Bà-la- môn này. Cha yêu quý, những điều gì gọi là các môn học ở gia tộc Bà-la-môn này?

Này Nâgasena thương, ba bộ Vệ-đà gọi là các môn học. Các học thuật còn lại gọi là học thuật. Cha yêu quý, như thế thì con sẽ học. 15. Sau đó, người Bà-la-môn Sonuttara đã trao một ngàn đồng là phần lương của vị thây cho người thây giáo Bà-la-môn, roi cho sáp xép cái giường nhỏ ở một bên tại một căn phòng bên trong tòa nhà dài, roi đã nói với người thầy giáo Bà-la-môn điều này: Thưa vị Bà-la-môn? thầy hãy cho đứa bé trai này đọc tụng các chú thuật.

Này bé trai thương, như thê thì con hãy học các chú thuật. Roi người thây giáo Bà-la-môn đọc tụng. Đôi với đứa bé trai Nâgasena, chỉ với một lần đọc thì ba bộ Vệ-đà đã được đi vào tâm, đạt được giọng, khéo được năm băt5 khéo được xác định, khéo được tác ý. Chỉ cân một lân, kiên thức vê ba bộ Vệ-đà cùng các từ vựng và nghi thức, luôn cả âm từ với sự phân tích và truyền thống là thứ năm, đã sanh khởi đến đứa bé. Nó đã biết về cú pháp, về văn phạm, và đã không thiếu về phần triết học và các tướng trạng của bậc Đại nhân. 16. Khi ây, đứa bé trai Nâgasena đã nói với người cha điêu này: Cha yêu quý, ở gia tộc Bà-la-môn này còn có các môn cân phải học nào thù thắng hơn thế này hay là chỉ chừng này thôi? Này Nãgasena thương, ở gia tộc Bà-la-môn này không còn có các mồn cần phải học nào thù thắng hơn thế này. Chỉ chừng này là cần phải học thôi. Sau đó? khi đã trả lời cuộc kiêm tra của thây giáo, đứa bé trai Nâgasena đã từ tòa nhà dài bước xuống, tâm tự khiển trách ve cuộc sống trong thời gian qua, rồi đã đi đến nơi thanh vắng trầm tư. Trong khi xem xét phần đầu, phần giữa và

phần cuối đối với học thuật của mình, nó đã không nhìn thấy cốt lối, dầu là chút ít, ở phần đầu, phần giữa hay phần cuối. [Nghĩ rằng:] “Các bộ Vệ-đà này quả là rỗng không! Các bộ Vệ-đà này quả thật vô nghĩa, không có cốt lõi, thiếu đi cốt lõi!55, nó đã trở nên ân hận, không hoan hỷ. 17. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Rohana ngồi tại tru xứ Vattaniya đã dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đứa bé trai Nagasena% nên đã quấn y, trùm y, rồi cầm lấy bình bát và y biến mất ở trú xứ Vattaniya, rồi hiện ra ở phía trước ngôi làng Bà-la-môn Kajañgalā. Đứa bé trai Nâgasena đứng ở cánh công ra vào căn nhà của

mình, đã nhìn thấy Đại đức Rohana từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã hoan hỷ5 phấn khởi, vui mừng, sanh tâm phỉ lạc [nghĩ răngI: “C6 lẽ vị xuất gia này có thể biết được cái gì đó là cốt 16i” nên đã đi đến gan Đại đức Rohana, sau khi đen gan đã nói với Đại đức Rohana điều này: Thưa ông, ông là ai mà cạo đầu mặc y ca-sa như vầy? Này cậu bé, ta được gọi là bậc xuất gia. Thưa ông, với việc gì mà ông được gọi là bậc xuất gia? Là bậc xuất gia để loại bỏ các điều ô nhiễm xấu xa. Này cậu bé, với điều ấy mà ta được gọi là bậc xuất gia. 18. - Thưa ông, vì lý do gì mà tóc của ông không giông như [tóc] của những người khác? Này cậu bé, sau khi nhìn thây mười sáu điêu vướng bận này, ta đã cạo bỏ râu tóc trở thành bậc xuất gia. Mười sáu điều ệi? Sự vướng bận về trang điểm; sự vướng bận về trau chuốt; sự vướng bận ve xức dầu; sự vướng bận về gội rửa; sự vướng bận về tràngệ hoa; sự vướng bận về chất thơm; sự vướng bận về thuốc bôi; sự vướng bận ve thuốc harītaka; sự vướng bận về thuốc āmalaka; sự vướng bận về nhuộm tóc; sự vướng bận về buộc tóc; sự vướng bận về chải tóc; sự vướng bận về thợ hớt tóc; sự vướng bận về gỡ tóc rối; sự vướng bận về chấy rận; khi các sợi tóc bị rụng, nhiều người buồn rầu, than vãn, rên rí, đấm ngực khóc lóc, rơi vào mê muội. Này cậu bé, bị rối rắm trong mười sáu điều vướng bận này, loài người xao lãng tất cả các học thuật vô cùng tinh tế. 19. Thưa ông9 vì lý do gì mà ngay cả các vải quàng của ông cũng không giống như [các vải quàng] của những người khác? Này cậu bé, các vải quàng xinh đẹp được nương tựa vào lòng ham muốn, là các biêu hiện của hàng tại gia. Những lo sợ nào đó được sanh lên từ vải vóc, những điều ấy không có ở việc mặc vải ca-sa. Vì điều ấy mà ngay cả các vải quàng của ta cũng không giông như [các vải quàng] của những người khác. Thưa ông, ông có biết cái gọi là các học thuật? Này cậu bé, có chứ. Ta biết các học thuật. Chú thuật hạng nhất ở thế gian, ta cũng biết. Thưa ông, có thể nào ban điều ấy cho tôi không? Này cậu bé, được chứ. Có thể.

Như thế thì ông hãy ban cho tôi đi.5 Này cậu bé, không phải lúc. Chúng ta hãy đi khất thực ở xóm nhà. 20. Khi ấy, đứa bé trai Nâgasena đà cầm lấy bình bát từ tay của Đại đức Rohana rồi hướng dẫn đi vào nhà, sau đó đã tự tay làm hài lòng và toại ý Đại đức Rohana với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đen khi Đại đức Rohana đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, cậu bé đã nói điều này: Thưa ông, bây giờ ông hãy ban chú thuật cho tôi đi. Này cậu bé, khi nào con không còn sự vướng bận, và thuyết phục được mẹ cha cho phép, rồi khoác vào hình tướng xuất gia mà ta đã đạt được, đến khi ấy ta sẽ ban cho. Vị Trưởng lão đã đáp lại. Sau đó, đứa bé trai Nâgasena đã đi đến gặp mẹ cha và nói rằng: Thưa mẹ cha, vị xuất gia này nói rằng: "Ta biết chú thuật hạng nhất ở thế gian." Nhưng không ban cho kẻ không xuất gia trong sự chứng minh của mình. Con sẽ xuât gia trong sự chứng minh của vị này và sẽ học chú thuật ấy. 21. Khi ây, mẹ cha của đứa bé nghĩ răng: "Hãy đê cho con trai của chúng ta cũnẹ xuất gia rồi học chú thuật. Học xong rồi thì quay trở ”và đã cho phép răng: Này con, hãy học đi! Sau đó, Đại đức Rohana đã dẫn đứa bé trai Nãgasena đi đến trú xứ Vàttaniya, rồi Vijambhavatthu, sau khi đi đến trú xứ Vijambhavatthu đã ngụ lại một đêm rồi đi đến cao nguyên Rakkhita, sau khi đi đến đã cho đứa bé trai Nãgasena xuất gia giữa một trăm koti vị A-la-hán. Và khi đã được xuất gia, Nâgasena đã nói với Đại đức Rohana

điều này: Bạch Ngài, hình tướng của Ngài, con đã đạt được. Bây giờ xin Ngài hãy ban chú thuật cho con. Khi ấy, Đại đức Rohana đã suy nghĩ rằng: “Ta nên hướng dẫn Nâgasena cái gì trước, Kinh hay Vi diệu pháp?", rồi đã hướng dẫn Vi diệu pháp trước [nghĩ rằng]: "Nãgasena này quả là sáng trí, có thể học Vi diệu pháp một cách thoải mái. Và Đại đức Nâgasena chỉ với một lần đọc đã rành rẽ tát cả tạng Vi diệu pháp ấy [tức là]: Bộ Dhammasañ^anī (Pháp tụ) gồm có nhóm ba, nhóm hai như là "các pháp thiện, các pháp bát thiện, các pháp vô ky”; bộ Vìbhanga (Phân tích) gôm có mười tám chương phân tích, khởi đâu là chương Phân tích vê uẩn; bộ Dhãtukathâ (Chất ngữ) được phân loại thành mười bốn phần, khởi đầu là phần “yếu hiệp bất yếu hiệp^; bộ Puggalapaññatti (Nhân chế đỉnh) được phân loại thành sáu phần, khởi đầu là phần “uẩn chế đinh, xứ chế định,5; bộ Kathãvatthu (Ngữ tông) được phân loại sau khi đã tông hợp một ngàn bài giảng "năm trăm

5 Cậu bé xưng hô với Đại đức Rohana bằng ngôi thứ hai số ít, trong khi ở phần trước người cha xưng hô bằng ngôi thứ hai số nhiều. (ND)

bài giảng về học thuyết của phái mình, năm trăm bài giảng về học thuyết của phái khác”; bộ Yamaka (Song đối) được phân loại thành mười phần, khởi đầu là phần "căn song, uẩn song"; bộ Patthāna (Vị trí) được phân loại thành hai mươi bón phần, khởi đầu là phần "nhân duyên, cảnh duyên.,, Đại đức Nãgasena đã nói rằng: Bạch Ngài, xin hãy dừng lại, chớ giảng thêm nữa. Con sẽ đọc chỉ với chừng này. Sau đó5 Đại đức Nãgasena đã đi đến gặp một trăm koti vị A-la-hán, sau khi đi đến đã nói với một trăm kotỉ vi A-la-hán điều này: Bạch các Ngài, sau khi xếp vào trong ba câu này là "các pháp thiện, các pháp bất thiện, các pháp vô ky”, con sẽ giảng chi tiết toàn bộ tạng Vi diệu pháp. Nãgasena, lành thay! Con hãy giảng! 22. Khi ây, Đại đức Nãgasena đã giảng chi tiết bảy bộ sách trong bảy tháng. Quả đất đã gam lên. Chư thiên đã ban lời tán thưởng: "Lành thay!" Các Phạm thiên đã vỗ tay. Các bột trầm hương của cõi trời và các bông hoa Mạn-đà-la của cõi trời đã đo mưa. Sau đó, khi Đại đức Nâgasena được tròn đủ hai mươi tuổi, một trăm koti vị A-la-hán đã cho tu lên bậc trên ở cao nguyên Rakkhita. Và khi đã được tu lên bậc trên, Đại đức Nãgasena vào cuối đêm ấy lúc rạng đông, đã quấn y, trùm y rồi câm bình bát và y, trong khi cùng với thây tê độ đi vào làng đê khát thực, đã sanh khởi ý nghĩ suy tầm như vầy: "Thầy tế độ của ta quả là rỗng không! Thầy tế độ của ta quả là ngu dốt! Ông đã bỏ qua phần còn lại về lời dạy của đức Phật và đã hướng dẫn ta Vi diệu pháp trước.^, 23. Khi ấy, Đại đức Rohana sau khi dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của Đại đức Nâgasena, đã nói với Đại đức Nâgasena điều này: Này Nâgasena, con đã suy tầm về ý nghĩ suy tầm không thích đáng. Này Nâgasena, hơn nữa điều này quả là không thích đáng đối với con. Khi ấy, Đại đức Nãgasena đã khởi ý điều này: "Thật là kỳ diệu! Thật là phi thường! Thầy tế độ của ta biết được ý nghĩ suy tam bằng tâm. Thầy tế độ của ta quả là sáng trí. Hay là ta nên xin Ngài thứ 16i?" Khi ây, Đại đức Nâgasena đã nói với Đại đức Rohana điêu này: Bạch Ngài, xin Ngài thứ lôi cho con. Con sẽ không suy tâm như thê nữa. Khi ây? Đại đức Rohana đã nói với Đại đức Nãgasena điêu này: Này Nãgasena, chỉ với chừng ây thì ta không thứ lôi cho con đâu.

Này Năgasena, có thành phố tên là Sâgala. Tại nơi ấy, có đức vua tên Milinda cai tri vương quốc. Ông ta hỏi câu hỏi theo học thuyết về tà kiến và đã gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu. Nếu con đi đến nơi đó, cải hóa và tạo niềm tin cho đức Vua ấy; được vậy thì ta sẽ thứ lỗi cho con. 24. Đại đức Nâgasena đã nói rằng: "Bạch Ngài, xin hãy để yên một đức Vua

Milinda. Bạch Ngài, nếu tất cả các đức vua ở toàn cõi Jambudīpa đi đến để hỏi con câu hỏi, con sẽ trả lời và vạch rõ mọi điều ấy. Bạch Ngài, xin Ngài thứ lỗi cho con"; khi được trả lời: "Ta không thứ thì đã nói rằng: "Bạch Ngài, như thế thì ba tháng này con sẽ sống nương nhờ vào vị nao?^ Này Nāgasena, Đại đức Assagutta này cư ngụ tại trú xứ Vàttaniya. Này Nâgasena, con hãy đi đến gặp Đại đức Assagutta, sau khi đi đến hãy đê đầu đảnh lễ hai bàn chân của Đại đức Assa^utta với lời thăm hỏi của ta. Và con hãy nói với vị ấy như vầy: "Bạch Ngài, thay tế độ của con xin đê đầu đảnh lễ hai bàn chân của Ngài, và hỏi thăm về sự ít bênh, ít dàu, trạng thái nhẹ nhàng, khỏe mạnh, sống thoải mái [của Ngài]. Thầy tế độ của con đã gởi con đến sống hầu cận Ngài trong ba tháng." 25. Và khi được hỏi: "Thầy tế độ của con là vị nào", thì con nên đáp rằng: "Bạch Ngài, gpi là Đại đức Rohana/5 Khi được hỏi: "Ta đây tên gi?", thì con nên đáp rang: "Bạch Ngài, thầy tế độ của con biết tên của NgAi." Bạch Ngài, xin vâng. Và Đại đức Nâgasena, sau khi đảnh lễ Đại đức Rohana, đã hướng vai phải nhiễu quanh, rồi cầm lấy bình bát và y, trong khi tuần tự du hành đã đi đến trú xứ Vattaniya nơi Đại đức Assagutta, sau khi đi đến đã đảnh lễ Đại đức Assagutta rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên9 Đại đức Nâgasena đã nói với Đại đức Assagutta điều này: Bạch Ngài, thầy tế độ của con xin đê đầu đảnh lễ hai bàn chân của Ngài. Và người dặn dò như vầy. Người hỏi thăm về sự ít bệnh, ít đau, trang thái nhẹ nhàng, khỏe mạnh, sống thoải mái [của Ngài]. Bạch Ngài, thầy tế độ của con đã gởi con đến sống hầu cận Ngài trong ba tháng. Khi ấy, Đại đức Assagutta đã nói với Đại đức Nâgasena điều này: "Con tên gi?" "Bạch Ngài, con tên NāgasenaJ5 "Thầy tế độ của con tên gi?" "Bạch Ngài, thầy tế độ của con gọi là Đại đức Rohana?9 "Ta đây tên gi?" “Bạch Ngai, thầy tế độ của con biết tên của Ngài." "Này Nāgasena, tốt lắm! Hãy đem cất bình bát và y.” “Bạch Ngài, lành thay!”, rồi đã đem cất bình bát và y, rồi vào ngày kế tiếp, đã quét phòng, đã đem lại nước rửa mặt và tăm xỉa răng. Vị Trưởng lão đã quét lại chỗ đã được quét, đã đô đi nước ây roi đem lại nước khác, và đã dời đi gỗ chà răng ấy rồi lấy gỗ chà răng khác. Ngài đã không trao đổi chuyện trò. Sau khi đã làm như vậy bảy ngày, vào ngày thứ bảy Ngài đã hỏi lân nữa. Khi được Đại đức Nâgasena trả lời y như thế, Ngài đã cho phép việc cư trú mùa mưa. 26. Vào lúc bấy giờ, có môt đại tín nữ đã hộ trì Đại đức Assagutta thời gian ba mươi năm. Khi ấy, vào cuối thời điểm ba tháng, đại tín nữ ấy đã đi đến gặp Đại đức Assagutta, sau khi đến đã nói với Đại đức Assagutta điêu này: - Bạch Sư, có vị Tỳ-khưu nào khác hầu cận Sư không? Này đại tín nữ, có vị Tỳ-khưu tên Nâgasena hầu cận chúng tôi. Bạch Sư Assagutta, như thế thì xin Sư cùng với vi Nâgasena hãy nhận lời bữa thọ trai vào ngày mai.

Đại đức Assagutta đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Sau đó, vào cuối đêm ấy lúc rạng đông, Đại đức Assagutta đã quấn y, trùm y rồi cầm bình bát và y, cùng với Đại đức Nāgasena la vi Sa-môn hầu cận, đã đi đến tư gia của người đại tín nữ, sau khi đi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi đã được xếp đặt. Khi ấy, người đại tín nữ ấy đã tự tay làm hài lòng và toại ý Đại đức Assagutta và Đại đức Nãgasena với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mem. Sau đó, khi Đại đức Nâgasena đã thọ thực xong bàn tay đã rời khỏi bình bát, Đại đức Assagutta đã nói với Đại đức Nâgasena điều này: "Này Nãgasena, con hãy nói lời tùy hỷ cho người đại tín nữ", nói xong điêu ây đã rời chô ngôi đứng dậy và ra đi. 27. Sau đó, người đại tín nữ ấy đã nói với Đại đức Nâgasena điều này: Bạch Sư Nâgasena, tôi đã lớn tuổi. Hãy nói lời tùy hỷ cho tôi với bài giảng pháp thâm thúy. Khi ấy, Đại đức Nãgasena đã nói lời tùy hỷ cho người đại tín nữ ấy với bài giảng Vi diệu pháp thâm thúy, vượt trên thê gian, liên quan đên Không tánh. Khi ây, ngay tại chỗ ngôi ây? pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đên người đại tín nữ ây: "Điêu gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet." Còn Đại đức Nãgasena, sau khi nói lời tùy hỷ cho người đại tín nữ ấy, trong khi quán xét lại pháp do mình thuyết giảng, đã khởi sự việc minh sát, và trong khi đang ngồi ngay tại chỗ ngồi ấy, đã thành tựu quả Nhập lưu. Khi ấy, Đại đức Assagutta ngồi ở ngôi nhà tròn, sau khi biêt được việc đạt thành pháp nhãn của cả hai người, đã thót lời tán thưởng rằng: "Lành thay, lành thay! Này Nãgasena, với một phát bắn mũi tên mà hai thân thể to lớn đã bị vỡ tung." Và nhiều ngàn chư thiên đã thốt lời tán thưởng: “Lành thay!" 28. Sau đó, Đại đức Nãgasena đã từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến gặp Đại đức Assagutta, sau khi đi đến đã đảnh lễ Đại đức Assagutta rồi ngồi xuống một bên. Khi Đại đức Nãgasena đã ngồi xuống một bên, Đại đức Assagutta đã nói với Đại đức Nâgasena điều này: Này Nâgasena, con hãy đi đến Pātaliputta. ở thành phố Pātaliputta, tại tu viện Asoka, có Đại đức Dhammarakkhita cư ngụ. Con hãy học lời dạy của đức Phật trong sự chứng minh của vị ấy. Bạch Ngài, từ đây đến thành phố Pātaliputta là bao xa?

-Này Nāgasena, một trăm do-tuân. Bạch Ngài, đường đi quả là xa. Trên đường di, vật thực khó kiếm. Con sẽ đi thể nào? Này Nãgasena, con hãy đi. Trên đường đi, con sẽ nhận được đồ ăn khất thực gôm có cơm gạo ngon không có hạt đen, nhiêu canh, nhiều thức ăn. Bạch Ngài, xin vâng. Sau khi đảnh lễ Đại đức Assagutta và hướng vai phải nhiễu quanh, Đại đức Nãgasena đã cầm lấy bình bát và y, rồi ra đi du hành về phía Pātaliputta.

MILINDAVÁN ĐẠO 787

Vào lúc bấy ệìờ, nhà triệu phú người Pātaliputta cùng với năm trăm cỗ xe đang di chuyên ở con đường dẫn đên Pātaliputta. Nhà triệu phú người Pātaliputta đã nhìn thây Đại đức Nâgasena từ đàng xa đang tiên đên, sau khi nhìn thấy đã quay năm trăm cỗ xe trở lại và tiến đến gần Đại đức Nâgasena, sau khi đến gần đã đảnh lễ Đại đức Nãgasena rồi nói rang: Bạch Sư, Sư đi đâu? Này gia chủ, Pātaliputta. -Tốt quá, thưa Sư! Chúng tôi cũng đi Pātaliputta. Sư hãy thoải mái đi cùng chúng tôi. Sau đó, nhà triệu phú người Pātaliputta có được niềm tin vào bốn oai nghi của Đại đức Nâgasena nên đã tự tay làm hài lòng và toại ý Đại đức Nãgasena với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đên khi

Đại đức Nāgasena đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, ông ta đã cầm lấy một chiếc ghế thấp rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, nhà triệu phú người Pātaliputta đã nói với Đại đức Nâgasena điều này: Bạch Sư, Sư tên gì? Này gia chủ, tôi tên Nãgasena. Bạch Sư, vậy Sư có biết lời dạy của đức Phật không? Này gia chủ, tôi có biết các câu ve Vi diệu pháp.

Bạch Sư, thật là lợi ích cho chúng ta! Bạch Sư, thật khéo đạt được cho chúng ta! Bạch Sư, con cũng thích Vi diệu pháp, Sư cũng chuyên về Vi diệu pháp. Bạch Sư, thỉnh Sư nói về các câu Vi diệu pháp. 29. Khi ây, Đại đức Nâgasena đã thuyêt giảng Vi diệu pháp cho nhà triệu phú người Pātaliputta. Ngay trong khi đang lần lượt thuyết giảng, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến nhà triệu phú người Pātaliputta: "Diều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet." Sau đó, nhà triệu phú người Pātaliputta đã cho năm trăm cỗ xe đi trước, còn bản thân đi phía sau. Ông ta đã dừng lại ở đường rẽ hai, không xa thành Pātaliputta, rồi nói với Đại đức Nâgasena điều này: Bạch Sư Nâgasena, đường này dẫn đến tu viện Asoka. Bạch Sư, còn đây là tấm mền len quý báu của tôi, bề dài mười sáu cánh tay, bề rộng tám cánh tay. Bạch Su, vì lòng thương tưởng xin Sư hãy thọ nhận tấm mền len quý báu này. Đại đức Nâgasena vì lòng thương tưởng đã thọ nhận tấm mền len quý báu ấy. Khi ấy, nhà triệu phú người Pātaliputta được hoan hỷ, phấn khởi, vui mừng, sanh tâm phỉ lạc, đã đảnh lễ Đại đức Nâgasena, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi. 30. Sau đó, Đại đức Nãgasena đã đi đến tu viện Asoka gặp Đại đức Dhammarakkhita, sau khi đi đến đã đảnh lễ Đại đức Dhammarakkhita, và nói về lý do đi đến của mình. Sau đó, trong sự chứng minh của Đại đức Dhammarakkhita, Đại đức Nāgasena đã học Tam tạng, lời dạy của đức Phật, về phần văn tự chỉ với một lần đọc trong ba tháng, rồi thêm ba tháng nữa chú

A \ e r e tâm vê phân ý nghĩa. Khi ây, Đại đức Dhammarakkhita đã nói với Đại đức Nāgasena điêu này: Này Nāgasena, cũng giống như ïiậười chăn bò bảo vệ con bò, còn những kẻ khác thưởng thức hương vị (sản phàm) của bò. Này Nāgasena, tương tợ y như thế, mặc dù đang thuộc lòng Tam tạng, lời dạy của đức Phật, con không hưởng được phần của bản thể Sa-môn. Bạch Ngài, hãy là vậy. Với chừng này là đủ rồi. Rồi ngay trong ngày ấy, đêm ấy, Đại đức Nāgasena đã đạt được phẩm vị A-la-hán cùng với các tuệ phân tích. Cùng với việc thâm nhập chân lý của Đại đức Nãgasena, tất cả chư thiên đã ban lời tán thưởng: "Lành thay!" Trái đất đã gầm lên. Các Phạm thiên đã vỗ tay. Các bột trầm hương của cõi trời và các bông hoa Mạn-đà-la của cõi trời đã đổ mưa. 31. Vào lúc bấy giờ, một trăm kotỉ vị A-la-hán đã tụ hội tại cao nguyên Rakkhita núi Hy-mã-lạp, và đã phái sứ giả đi đến gặp Đại đức Nâgasena [nói rằng]: Nāgasena hãy đến. Chúng tôi có ý muốn gặp Nâgasena. Khi ấy, sau khi nghe được lời nói của người sứ giả, Đại đức Nâgasena đã biến mất ở tu viện Asoka và đã hiện ra ở cao nguyên Rakkhita núi Hy-mã-lạp, phía trước một trăm kotỉ vi A-la-hán. Khi ấy, một trăm koti vi A-la-hán đã nói với Đại đức Nâgasena điều này: Này Nâgasena, đức Vua Milinda này gây khó khăn cho hội chúng Tỳ- khưu với việc hỏi câu hỏi theo học thuyết ve tà kiến.

Này Nâgasena, thật tót đẹp thay! Con hãy đi và cải hóa Milinda. Bạch các Ngài, xin hãy đê yên một đức Vua Milinda. Bạch các Ngài, nêu tất cả các đức vua ở toàn cõi Jambudīpa đi đến để hỏi con câu hỏi, con sẽ trả lời và vạch rõ mọi điều ấy. Bạch các Ngài, các Ngài hãy đi đến thành phố sgala, không phải lo sợ. 32. Sau đó, các vi Tỳ-khưu Trưởng lão đã làm cho thành phố Sāgala trở thành quầng ánh sáng màu y ca-sa với sự di chuyển ngược xuôi của các vị ẩn sĩ. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Āyupāla trú ngụ tại tự viện Sañkheyya. Khi ấy, đức Vua Milinda đã nói với các quan đại thần rằng: Đêm trăng trong quả thật đáng yêu! Phải chăng hôm nay chúng ta nên đi đến gặp vị Sa-môn hoặc Bà-la-môn để hỏi câu hỏi? Vị nào có khả năng để chuyện trò với trẫm để giải tỏa điều nghi hoặc? Được nói như vậy, năm trăm người xứ Yonaka đã nói với đức Vua rằng: -Tâu Đại vương, có vị Trưởng lão tên Āyupāla thông Tam tạng, là vi nghe nhiêu, kinh điên được truyên thừa. Hiện nay, vị ây trú ngụ tại tự viện Sañkheyya. Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy đi đến Đại đức Āyupāla và hỏi câu hỏi. Này các khanh, như thế thì các khanh hãy thông báo đến Ngài Đại đức.

Sau đó, một nhà tiên tri đã phái sứ giả đi đến gặp Đại đức Āyupāla [nói rằng]: Thưa Ngài, đức Vua Milinda có ý muốn gặp Đại đức Âyupãla. Đại đức Āyupāla cũng đã nói như vầy: Như thế thì Ngài hãy đến.

33. Sau đó, được tháp tùng bởi năm trăm người xứ Yonaka, đức Vua Milinda đã bước lên cỗ xe ngựa cao quý đi đến tự viện Sañkheyya gặp Đại đức Āyupāla, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với Đại đức Āyupāla, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Milinda đã nói với Đại đức Āyupāla điều này: Bạch Ngài Āyupāla, sự xuất gia của Ngài là với mục đích gì? Và mục đích tột cùng cua Ngài là gì? Vi Trưởng lão đã nói rằng: -Tâu Đại vương, sự xuất gia có mục đích thực hành giáo pháp và thực hành sự bình lặng. Bạch Ngài, có người tại gia nào cũng có sự thực hành giáo pháp [và sự thực hành pháp bình lặng]? -Tâu Đại vương, có chứ. Cũng có người tại gia có sự thực hành giáo pháp và có sự thực hành pháp bình lặng. Tâu Đại vương, trong khi đức Thê Tôn chuyển vận bánh xe pháp ở thành Bārānasī, Isipatana, nơi Vườn Nai, đã có sự lãnh hội giáo pháp của mười tám koỊỈ vi Phạm thiên. Còn sự lãnh hội giáo pháp của chư thiên thì vượt qua cách thức tính đếm. Tất cả những vị ấy đều là người tại gia, không phải bậc xuất gia. Tâu Đại vương, và hơn nữa, trong khi bài Kinh Mahãsamaya đang được thuyết giảng, trong khi bài Kinh Mahāmañgala đang được thuyết giảng, trong khi bài Kỉnh Samacittapariyâya đang được thuyết giảng, trong khi bài Kinh Rãhuỉovãda đang được thuyết giảng, trong khi bài Kinh Parãbhava đang được thuyết giảng bởi đức Thế Tôn, đã có sự lãnh hội giáo pháp của chư thiên vượt lên trên cách thức tính đếm. Tất cả những vi ấy đều là người tại gia, không phải bậc xuất gia.6 34. Đức Vua Milinda đã nói rằng: Bạch Ngài Āyupāla, như thế thì sự xuất gia của Ngài là vô nghĩa; do kết

6Chú thích về các bài kinh đã được trích dẫn: -D. II. 253, (20) Mahāsamayasuttam (Kinh Đại hội). -Mahāmañgalasutta được tim thấy ở hai nơi là Tiểu tụng, phần v (Kh. 3) và Kinh tập, chương II, bài kinh số 4 (Sn. 46). , . -Samacittapariyāyasutta, xem Tăng chi

bộ9 phẩm Tâm thăng bằng (Samacittavaggă), phần Hai pháp (41.62). , -Rāhulovādasutta, xem Thing bộ, có 3 bài kinh mang tựa Rāhulovāda làM 61, Ambalatthikarāhulovādasuttam {Kinh Giảo giới La-hâu-ỉa ở rừng Am-bâ-ỉa); M. 62, Mahārāhulovādasuttam (Đại kỉnh Giảo giới La- hầu-là)\ M. 147, Cūlarāhulovādasuttam (Tiểu kỉnh Giảo giới La-hầu-ỉa). , -Parabhavasutta'. Có 2 bài kinh mang cùng tên Parābhavasuttam ở Tăng chi bộ, phẩm III. Vajjī (Vajjisattakavaggā), phần Bảy pháp, Kinh Thối đọa (Parābhavasutta) (A. IV. 26) và ở Kinh tạp, chương I, bài lanh so 6 (Sn. 18).

quả của nghiệp ác đã làm trong quá khứ mà các Sa-môn Thích tử xuất gia và gìn giữ các pháp từ khước.7 Bạch Ngài Āyupāla, những vị Tỳ>khưu [hành pháp] một chỗ ngoi [khi thọ thực], có lẽ trong quá khứ họ là những kẻ đạo tặc đoạt lay tài sản của những người khác; sau khi cướp đoạt các tài sản của những người khác, mà nẹày nay do két quả của nghiệp ây, họ trở thành các vi [hành pháp] một chỗ ngoi [khi thọ thực], không chấp nhận thọ thực lúc này lúc khác, nhiều chỗ ngồi. Đối với những vị ấy thì chẳng có giới hạnh, chẳng có khổ hạnh, chẳng có Phạm hạnh. Bạch Ngài Āyupāla, những vị Tỳ-khưu [hành pháp] ngụ ở ngoài trời, có lẽ trong quá khứ họ là những kẻ đạo tặc tàn phá xóm làng; sau khi tiêu hủy các căn nhà của những người khác, mà ngày nay do kết quả của nghiệp ấy, họ trở thành các vi [hành pháp] ngụ ở ngoài trời, không châp nhận thọ dụng các chỗ trú ngụ. Đối với những vị ấy thì chẳng có giới hạnh, chẳng có khổ hạnh? chẳng có Phạm hạnh. Bạch Ngài Āyupāla, những vị Tỳ-khưu [hành pháp] về oai nghi ngồi (không nằm), có lẽ trong quá khứ họ là những kẻ đạo tặc cướp đường; sau khi bắt giữ các khách đi đường, trói lại, rồi bắt họ ngồi xuống, mà ngày nay do kết quả của nghiệp ấy, họ trở thành các vi [hành pháp] về oai nghi ngồi (không nằm), không chấp nhận được phép nằm. Đối với những vị ấy thì chăng có giới hạnh, chăng có khô hạnh, chăng có Phạm hạnh. 35. Được nói như vậy, Đại đức Āyupāla đã im lặng, không đáp lại điều gì. Khi ấy, năm trăm người xứ Yonaka đã nói với đức Vua Milinda điều này: -Tâu Đại vương, vị Trưởng lão là bậc sáng trí, tuy nhiên Ngài không tự tin nên không đáp lại điều gì. Sau đó, khi nhìn thấy Đại đức Āyupāla có thái độ im lặng, đức Vua Milinda đã vỗ tay, reo lên, rồi nói với những người xứ Yonaka điều này: Xứ Jambudīpa quả thật trống trơn! Xứ Jambudīpa quả thật vô nghĩa! Không có Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào có khả năng để chuyện trò với trẫm để giải toa điều nghi hoặc? 36. Sau đó, đức Vua Milinda, trong khi quan sát toàn thể hội chúng ấy, đã nhìn thấy những người Yonaka không bị sợ hãi, không có trạng thái bối rối, nên đã khởi ý điều này: "Ta nghĩ rằng chắc chắn là có vi Tỳ-khưu sáng trí nào khác có khả năng để chuyện trò với ta để giải tỏa điều nghi hoặc nên những người xứ Yonaka này không có trạng thái bối rối?9 Khi ấy, đức Vua Milinda đã nói với những người xứ Yonaka điều này: Này các khanh, có vi Tỳ-khưu sáng trí nào khác có khả năng để chuyện trò với trẫm để giải tỏa điều nghi hoặc? 37. Vào lúc bấy giờ? Đại đức Nãgasena được vây quanh bởi tập thể Sa-môn, là vi có hội chúng, có đồ chúng, là giáo thọ sư của tập thể, được biết tiếng, có danh vọng, được nhiều người đánh giá cao, là vi sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khôn khéo, hiểu biết, rành mạch, nghiêm chỉnh, tự tin, nghe nhiều, thông

7 Đã được dịch âm là thu đông, đầu-đà (dhutañga).

Tam tạng, hiểu biết sâu sắc, trí đã được khai mở, kinh điển được truyền thừa, tuệ phân tích đã được khai mở, rành rẽ pháp học về lời dạy của bậc Đạo sư gồm chín thể loại, đã đạt đến sự toàn hảo, thiện xảo trong việc thâm nhập lời thuyết giảng về ý nghĩa của giáo pháp trong lời dạy của đấng Chiến Thắng, có tài ứng đối linh hoạt không bị ngập ngừng, có sự thuyết giảng phong phú, có sự phát biểu khéo léo, là vị khó sánh bằng, khó khuất phục, khó trội hơn, khó chèn, khó ép, không lao chao ví như biển cả, không dao động ví như núi chúa, dứt bỏ dục vọng, xua đi tăm tối, phát ra ánh sáng, là diễn giả hùng hồn, gây xáo trộn tập thể của các vị có đồ chúng khác, khuất phục các giáo chủ tà giáo khác, đối với các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni, các cận sự nam, các cận sự nữ, các vua chúa, các quan đại thần của đức vua thì được trọng vọng, được cung kính, được sùng bái, được cúng dường, được nể nang, nhận được các vật dụng về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh, đã đạt được đỉnh cao về lợi lộc và đỉnh cao về danh vọng, đang trình bày sự quý báu về lời dạy của đấng Chiến Thắng gồm chín thể loại đến những bậc hiểu biết lớn tuổi đang tập trung lắng nghe, đang chỉ ra con đường giáo pháp, đang nắm giữ ngọn đèn giáo pháp, đang nâng lên tòa lâu đài giáo pháp, đang hy sinh cống hiến cho giáo pháp, đang nâng đỡ biểu hiện của giáo pháp, đang nâng lên ngọn cờ giáo pháp, đang làm vang lên tiếng tù và của giáo pháp, đang vỗ trống giáo pháp, đang rống tiếng rống sư tử, đang gầm tiếng gầm của vị trời Inda (tiếng sấm), đang làm hài lòng toàn bộ thế gian với việc đã thốt lên giọng nói ngọt ngào, với việc đã trùm lên mạng lưới tia sét của trí tuệ, với việc đã mang nặng dòng nước thương yêu, với trận mưa lớn về sự bất tử của giáo pháp, trong khi tuần tự du hành qua làng mạc thị trấn kinh thành, đã ngự đến thành phố Sãgala. ở nơi ấy, Đại đức Nãgasena ngụ tại tự viện Sañkheyya cùng với tám chục ngàn vi Tỳ-khưu. Vì the, đã có lời rằng: "Là vỉ nghe nhiều, có sự thuyết giảng phong phú, khôn khẻo, tự tin, thiện xảo về thời điểm, có tài ứng đổi và thông thái. Và các Tỳ-khưu thông Tam tạng, cùng với các vi thông năm bộ kinh và luôn cả các vị thông bon bộ kỉnh, các vị ấy tôn vinh Nãgasena. Nãgasena là vị có tuệ thâm sâu, thông minh, biêt được đạo và không phải là đạof đã đạt đến mục đích tối thượng, có sự tự tin. Được các vi Tỳ-khưu khôn khẻo, có lời nói chân thật ấy tháp tùng, trong khi du hành qua làng mạc thị trẩn, đã đi đến Sãgala. Từ đó, Nãgasena đã ngụ tại tự viện Sañkheyya. Giông như con sư tử ở ngọn núi, vi ấy thuyết giảng cho nhiều ngườiy 38. Khi ấy, vị Devamantiya đã nói với đức Vua Milinda điều này: Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy chờ đợi! Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy chờ đợi! Tâu Đại vương, có vị Trưởng lão tên Nâgasena là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, nghiêm chỉnh, tự tin, nghe nhiều, có sự thuyết giảng phong phú, có tài ứng đoi khôn khéo, đã đạt đen sự toàn hảo trong các tuệ

phân tích vê ý nghĩa, vê các pháp, vê ngôn từ và vê phép biện giải. Hiện nay, vị ấy ngụ tại tự viện Sañkheyya. Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy đi đến, hãy hỏi Đại đức Nāgasena câu hỏi. Vi ấy có khả năng để chuyện trò với Đại vương để giải tỏa điều nghi

hoặc. 39. Khi áy, đức Vua Milinda, chợt nghe đên tên "Ngasena", đã có sự sợ hãi, đã có sự khiếp đảm, đã có nổi da gà. Khi ấy, đức Vua Milinda đã nói với Devamantiya điều này: Này khanh, có phải Ngài Tỳ-khiru Nāgasena có khả năng để chuyện trò với trẫm? Tâu Đại vương, vi ấy có khả năng để chuyện trò với cả vi trời Inda, Yāmā, Varuna, Kuvera, Pajāpati, Suyâma, các vị hộ trì cõi trời Đẩu-suất, luôn cả Đại Phạm thiên là bậc cha ông thì có gì với loài người? 40. Khi ấy, đức Vua Milinda đã nói với Devamantiya điều này: Này Devamantiya, như thế thì khanh hãy phái sứ giả đi đến gặp Ngài Đại đức. Tâu Bệ hạ, xin vâng. Roi Devamantiya đã phái sứ giả đi đên gặp Đại đức Nãgasena [nói răng]: Bạch Ngài, đức Vua Milinda có ý muôn gặp Đại đức Nâgasena. Đại đức Nâgasena cũng đã nói rằng: Như thế thì vị ấy hãy đến.

41. Sau đó? được tháp tùng bởi năm trăm người xứ Yonaka, đức Vua Milinda đã bước lên cỗ xe ngựa cao quý cùng với đội quân binh đi đến tự viện Sañkheyya gặp Đại đức Nâgasena. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Nâgasena đang ngồi ở ngôi nhà tròn cùng với tám mươi ngàn vi Tỳ-khưu, Đức Vua Milinda đã nhìn thấy hội chúng của Đại đức Nâgasena từ đàng xa, sau khi nhìn thấy đã nói với Devamantiya điều này: Này Devamantiya, hội chúng đông đảo này là của ai vậy? Tâu Đại vương, là hội chúng của Đại đức Nâgasena. Lúc đó, sau khi nhìn thấy hội chúng của Đại đức Nâgasena từ đàng xa, đức Vua Milinda đã có sự khiếp đảm, đã có nổi da gà. Khi ấy, đức Vua Milinda, tợ như con voi bị bao vây bởi những con tê giác, tợ như con rồng bị bao vây bởi những con Kim Si điểu, tợ như con chó rừng bị bao vây bởi những con trăn, tợ như con gấu bi bao vây bởi nhữnệ con trâu rưng, tợ như con ếch bị đuổi theo bởi con rắn, tợ như con nai bi đuổi theo bởi con báo, tợ như con rắn bị chạm trán người bắt rắn, tợ như con chuột bi chạm trán con mèo, tợ như con yêu tinh bi chạm trán thầy trừ tà, tợ như mặt trăng đi vào miệng của Râhu (bị nguyệt thực), tợ như con rắn bị sa vào giỏ, tợ như con chim bi rơi vào lồng, tợ như con cá bị dính vào lưới, tợ như con người bị đi lạc vào rừng có thú dữ, tợ như loài dạ-xoa phạm lỗi đối với Thiên vương Vessavana, tợ như vị thiên tử có tuổi thọ

bị cạn kiệt, trở nên sợ hãi, kinh hoàng, dao dác, rúng động, lông dựng dưng lên, thất thần, lo âu, tâm bi tán loạn, nhụt ý, sau khi lấy lại sự can đảm [nghĩ rang]: "Chớ để người này xem thường ta", đức vua đã nói với Devamantiya điều này: Này Devamantiya, khanh chớ giới thiệu Đại đức Nāgasena cho trẫm, trẫm sẽ nhận biết Nāgasena dầu chưa được nói ra. Tâu Đại vương, lành thay! Xin Đại vương hãy tự nhận biết. 42. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Nāgasena ở nơi hội chúng Tỳ-khưu của Ngài gồm bốn mươi ngàn vị Tỳ-khưu kém thâm niên ở phía trước và bốn mươi ngàn vị Tỳ-khiru thâm niên hơn ở phía sau. Khi ấy, trong khi quan sát toàn thể hội chúng Tỳ-khưu ấy từ phía trước, từ phía sau và ở chính giữa, đức Vua Milinda đã nhìn thấy từ ở đàng xa Đại đức Nâgasena đang ngồi ở giữa hội chúng Tỳ-khưu tợ như sư tử có bờm, không chút sợ hãi khiếp đảm, không bị nổi da gà, không sợ hãi thẹn thùng; sau khi nhìn thấy, đã nhận ra nhờ vào sự biểu hiện: "Người này đây chính là Nāgasena?9 Khi ấy, đức Vua Milinda đã nói với Devamantiya điều này: Này Devamantiya, có phải vi

ấy chính là Đại đức Nâgasena? Tâu Đại vương, đúng vậy. Vi ấy chính là Đại đức Nãgasena. Tâu Đại vương, thật là tốt đẹp! Đại vương đã nhận ra vị Nâgasena. Vì thế, đức Vua đã trở nên hớn hở: -Dầu không được nói, trẫm đã nhận ra được Nâgasena. Lúc đó, sau khi đã nhìn thấy Đại đức Nãgasena, đức Vua Milinda đã có sự sợ hãi, đã có sự khiếp đảm, đã có nổi da gà. Vì thế, có lời nói rằng: "Sau khi nhìn thấy Nãgasena được thành tựu tánh hạnh, đang khẻo được rèn luyện trong sự rèn luyện tối thượng, đức Vua đã nói lời nói này: 'Ta đã gặp nhiêu nhà thuyêt giáo, đã tham dự nhiêu cuộc bàn luận, ta đã không có sự sợ hãi như the này, như là sự run sợ của ta ngày hôm nay. Sự thất bại chắc chắn sẽ xảy ra cho ta ngày hôm nay, khi tâm không được tập trung như vây, và chính phân thăng sẽ là của Nāgasenāya Dứt phần Ngoại thuyết.

L ĐẠI PHẨM (MAHĀVAGGO)

1. Khi ấy, đức Vua Milinda đã đi đến gặp Đại đức Nâgasena, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với Đại đức Nâgasena, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã nệồi xuống một bên. Đại đức Nãgasena cũng đã tỏ bày vẻ thân thiện, chính vì thế đã làm hài lòng tâm ý của đức Vua Milinda. Khi ấy, đức Vua Milinda đã nói với Đại đức Nâgasena điều này: Ngài Đại đức được nhận biết bằng cách nào? Thưa Ngài, Ngài tên gì? Tâu Đại vương, tôi được nhận biết là "Ngasena". Tâu Đại vương, các vị đồng Phạm hạnh gọi tôi là "Ngasena". Hơn nữa, mẹ cha đặt tên là "N^gasena", hoặc là "Sũrasena"hoặc là "Vírasena", hoặc là "SThasena". Tâu Đại vương, vả lại "Nagasena" cũng chỉ là từ phân biệt, là tên thừa nhận, là tên quy định, là tên gọi thông thường, bởi vì không người nào được tìm thấy ở đây. Khi ấy, đức Vua Milinda đã nói với như vầy: -Xin quý vị năm trăm người xứ Yonaka và tám mươi ngàn vị Tỳ-khưu hãy lăng nghe trẫm. Vị Nâgasena này đã nói như vầy: "Bởi vì không người nào được tìm thấy ở đây?9 Vậy có hợp lý để chấp nhận điều ấy không? Khi ây9 đức Vua Milinda đã nói với Đại đức Nâgasena điêu này: Thưa Ngài Nâgasena, nếu không người nào được tìm thấy, vậy thì ai bố thí y phục vật thực chỗ trú ngụ và thuôc men chữa bệnh cho Ngài? Ai thọ dụng vật ấy? Ai trì giới? Ai ệắn bó với sự tu tập? Ai chứng ngộ Đạo, Quả và Niết- bàn? Ai sát hại mạng sống? Ai lấy vật không được cho? Ai tà hạnh trong các dục? Ai nói dối? Ai uống chất lên men? Ai gây nên năm nghiệp vô gián? Như thế thì không có thiện, không có bất thiện, không có người làm hoặc người sai bảo làm đối với các nghiệp thiện và bất thiện. Khônệ có sự thành tựu quả đối với các nghiệp đã được làm tốt hoặc đã được làm xấu. Thưa Ngài Nâgasena, nếu có người giết chết Ngài thì người ấy cũng không có tội giết hại mạng sống. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài cũng không có thầy dạy học, không có thầy tế độ? không có sự tu lên bậc trên, điều Ngài nói rằng: "Tâu Đại vương, các vị đồng Phạm hạnh gọi tôi là Ngasena"vậy ở đây cái gì là Nâgasena? Thưa Ngài, có phải các sợi tóc là Nâgasena? -Tâu Đại vương, không phải. Có phải các sợi lông là Nâgasena? -Tâu Đại vương, không phải.

CÓ phải các móng (tay chân)... (nt)... các răng, da, thịt, gân, xương, tủy xương, thận, tim, gan, cơ hoành, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, thực phẩm chưa tiêu, phân, mật, đàm, mủ5 máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, nước mỡ (huyết tương), nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiêu, bộ não ở đầu là Nāgasena? -Tâu Đại vương, không phải. Thưa Ngài, có phải sắc là Nāgasena?

-Tâu Đại vương, không phải.

Có phải thọ là Nāgasena?

Tâu Đại vương, không phải.

Có phải tưởng là Nāgasena?

-Tâu Đại vương, không phải.

Có phải các hành là Nāgasena?

-Tâu Đại vương, không phải.

Có phải thức là Nāgasena?

-Tâu Đại vương, không phải.

Thưa Ngài, vậy thì sắc, thọ, tưởng, hành, thức là Nāgasena?

-Tâu Đại vương, không phải. Thưa Ngài, vậy thì trừ ra sắc, thọ, tưởng, hành, thức là Nāgasena?

Tâu Đại vương, không phải. Thưa Ngài, trong khi lần lượt hỏi về điều ấy mà trẫm vẫn không thấy ra được Nāgasena. Thưa Ngài, chăng lẽ âm thanh lại là Nāgasena? Vậy thì ở đây5 người nào là Nāgasena? Thưa Ngài, Ngài nói không có Nāgasena là điều không thật, là lời dối tra. Khi ấy, Đại đức Nāgasena đã nói với đức Vua Milinda điều này: -Tâu Đại vương, Đại vương quả là có sự thanh lịch của dòng dõi Sát-đế-lỵ5 có sự thanh lịch tột bực. Tâu Đại vương, đối với Bệ hạ đây trong lúc dẫm đạp lên các miếng chai, đá, cát sần sùi ở lớp cát nóng của mặt đất hừng hực và đi bộ vào lúc giữa trưa, han nhiên các bàn chân đau nhức, thân mệt nhọc, tâm bị lui sụt, thân thức gắn liền với khổ sanh khởi. Vậy thì Bệ hạ đi đến bằng chân, hay bằng xe cộ? Thưa Ngài, trẫm không đi đến bằng chân, trẫm đi đến bằng cỗ xe. Tâu Đại vương, nếu Bệ hạ đi đến bằng cỗ xe, xin Bệ hạ hãy chỉ cỗ xe cho tôi. Tâu Đại vương, có phải cái gọng là cỗ xe? Thưa Ngài, không phải. Có phải cái trục là cỗ xe? Thưa Ngài, không phải. Có phải các bánh xe là cỗ xe?

Thưa Ngài, không phải.

Có phải thùng xe là cỗ xe?

Thưa Ngài, không phải.

- Có phải thanh chống là cỗ xe?

Thưa Ngài, không phải.

Có phải cái ách là cỗ xe?

Thưa Ngài, không phải. Có phải dây cương là cỗ xe? Thưa Ngài, không phải. Có phải gậy thúc là cỗ xe? Thưa Ngài, không phải. -Tâu Đại vương, vậy có phải gọng,

trục, bánh xe, thùng xe, thanh chống, ách, dây cương, gậy thúc là cỗ xe? Thưa Ngài, không phải. Tâu Đại vương, vậy thì trừ ra gọng, trục, bánh xe, thùng xe, thanh chống, ách, dây cương, gậy thúc là cỗ xe? Thưa Ngài, không phải. -Tâu Đại vương, trong khi lân lượt hỏi vê điêu ây mà tôi vân không thây ra được cỗ xe. Tâu Đại vương, chẳng lẽ âm thanh lại là cỗ xe? Vậy thì ở đây cái gì là cỗ xe? Tâu Đại vương, Đại vương nói khônậ có cỗ xe là điều không thật, là lời dối trá. Tâu Đại vương, Đại vương là vị vua toi cao của toàn cõi xứ Jambudīpa, tại sao Đại vương lại sợ hãi và nói lời dối trá? Xin quý vi năm trăm người xứ Yonaka và tám mươi ngàn vị Tỳ-khưu hãy lắng nghe tôi. Đức Vua Milinda này đã nói như vầy: "Trẫm đi đến bằng cỗ xe." Trong khi được nói rằng: "Tâu Đại vương, nếu Bệ hạ đi đến bằng cỗ xe, xin Bệ hạ hãy chỉ cỗ xe cho tôi" thì không trình ra được cỗ xe. Vậy có hợp lý đe chấp nhận điều ấy không? Khi được nói như vậy, năm trăm người xứ Yonaka đã tán thưởng Đại đức Nâgasena bằng tiếng: "Lành thay!", rồi đã nói với đức Vua Milinda điều này: uTâu Đại vương, lúc này trong khi Đại vương có khả năng, xin Đại vương hãy n6i.” Khi ấy, đức Vua Milinda đã nói với Đại đức Nâgasena điều này: Thưa Ngài Nãgasena, trẫm không nói lời dối trá. Do cái gọng, do cái trục, do các bánh xe, do thùng xe, do thanh chống mà có được từ phân biệt, tên thừa nhận, tên quy định, tên gọi thông thường là ucỗ xe". -Tâu Đại vương, thật tốt đẹp thay, Đại vương nhận ra được cỗ xe. Tâu Đại vương, cũng tương tợ y như the đối với tôi, do các sợi tóc, do các sợi lông,... (nt)... do bộ não, do săc? do thọ, do tưởng, do các hành, do thức mà có được từ phân biệt, tên thừa nhận, tên quy định, tên thông thường là "Ngasena". Tuy nhiên, theo ý nghĩa rốt ráo thì không người nào được tìm thấy ở đây. Tâu Đại

vương, điều này cũng đã được Tỳ-khưu-ni Vajirā nói lên trong sự hiện diện của 4-A rin A c đức The Ton răng: "Giông y như việc ráp chung lại các bộ phận thì có tiêng gọi là 'cô xe", tương tợ như vậy khi các uẩn hiện diện thì có sự công nhận là 'con người'y Thưa Ngài Nāgasena, thật la kỳ diệu! Thưa Ngài Nāgasena, thật là phi thường! Các sự ứng đối câu hỏi rất tuyệt vời đã được trình bày. Nếu đức Phật còn tại tiền thì Ngài cũng tán thưởng bằng tiếng: "Lành thay!" Này Nāgasena, thật tốt đẹp thay, thật tốt đẹp thay! Các sự ứng đối câu hỏi rất tuyệt vời đã được trình bày. 2. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài được bao nhiêu năm tu? -Tâu Đại vương, tôi được bảy năm tu. Thưa Ngài, bảy đó là gì? Ngài là bảy hay sự tính đếm là bảy? Vào lúc bấy giờ, đức Vua Milinda đã được chưng diện với mọi thứ trang sức, đã được trang điểm và phục sức, có b6ng (chiếu xuống) được nhìn thấy ở mặt đất, có bóng (chiếu xuống) được nhìn thấy ở chậu nước nữa. Khi ấy, Đại đức Nâgasena đã nói với đức Vua Milinda điều này: -Tâu Đại vương, cái bóng này của Đại vương được nhìn thấy ở mặt đất và ở chậu nước. Tâu Đại vương, thế thì Đại vương [đây] là đức vua hay cái bóng là đức vua? Thưa Ngài Nâgasena, trẫm [đây] là đức vua, cái bóng này không phải là đức vua. Tuy nhiên, nương vào trẫm [đây] mà có được cái bóng. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, việc tính đêm các năm tu là bảy, tôi [đây] không phải là bảy. Tuy nhiên, nương vào tôi [đây] mà có được con số bảy. Tâu Đại vương, Đại vương hãy hiểu như ví dụ về cái bóng. Thưa Ngài Nāgasena, thật là kỳ diệu! Thưa Ngài Nãgasena, thật là phi thường! Các sự

ứng đối câu hỏi rất tuyệt vời đã được trình bày. 3. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, Ngài sẽ trò chuyện với trẫm phải không?

-Tâu Đại vương, nêu Đại vương trò chuyện theo lôi nói của bậc trí thì tôi sẽ trò chuyện. Tuy nhiên, nếu Đại vương trò chuyện theo lối nói của vị vua thì tôi sẽ không trò chuyện. Thưa Ngài Nâgasena, các bậc trí trò chuyện như thế nào? -Tâu Đại vương, trong cuộc trò chuyện của các bậc trí thì việc gây rối cũng được làm, việc tháo gỡ cũng được làm, việc phê bình cũng được làm, việc công kích cũng được làm, nói khác đi cũng được làm? nói trái ngược cũng được làm, và không vì the mà các bậc trí bực bội. Tâu Đại vương, các bậc trí trò chuyện là như vậy. Thưa Ngài Nâgasena, thế còn các vị vua trò chuyện như thế nào?

Tâu Đại vương, trong cuộc trò chuyện các vị vua thông báo một sự việc.

Ai không ưng thuận sự việc ấy, các vị vua ra lệnh hình phạt người ấy: uCác khanh hãy ban hình phạt cho kẻ này/5 Tâu Đại vương, các vị vua trò chuyện là như vậy. Thưa Ngài, trẫm sẽ trò chuyện theo lối nói của bậc trí, không theo lối nói của vị vua. Xin Ngài Đại đức hãy yên tâm trò chuyện. Ngài trò chuyện với Tỳ- khưu5 với Sadi, với nam cư sĩ, hoặc với người hộ tự như thế nào, xin Ngài Đại đức hãy yên tâm trò chuyện như thế, chớ lo sợ. -Tâu Đại vương, thật tốt lắm. Vị Trưởng lão đã tán thành. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, trẫm sẽ hỏi.

Tâu Đại vương, xin hãy hỏi. Thưa Ngài, Ngài đã được trẫm hỏi rồi.

_ Tâu Đại vương, đã được trả lời roi. Thưa Ngài, vậy chớ điều gì đã được Ngài trả lời? -Tâu Đại vương, vậy chớ điều gì đã được Đại vương hỏi? 4. Khi ấy, đức Vua Milinda đã khởi ý điều này: "Vị Tỳ-khưu này quả là sáng trí, có năng lực để trò chuyện với ta, và ta có nhiều sự việc cần phải hỏi. Cho đến khi các sự việc ấy còn chưa được hỏi xong thì mặt trời sẽ lặn, có lẽ ta nên trò chuyện vào ngày mai ở nội cung." Khi ấy, đức vua đã nói với Devamantiya điều này: "Này Devamantiya, như vậy thì khanh có thê thông báo cho Ngài Đại đức răng: 'Ngày mai sẽ có cuộc trò chuyện với đức vua ở nội cung.'" Nói xong điêu này, đức Vua Milinda đã rời chỗ ngồi đứng dậy, chào hỏi Nâgasena, leo lên ngựa, rồi ra đi trong khi còn đang lẩm nhẩm "Nãgasena, Ngasena". Sau đó, Devamantiya đã nói với Đại đức Nãgasena điêu này: Thưa Ngài, đức Vua Milinda đã nói như vây: "Ngày mai sẽ có cuộc trò chuyện ở nội cung." -Thật tốt lắm. Vị Trưởng lão đã tán thành. Sau đó, vào cuối đêm ấy, Devamantiya, Anantakāya, Mañkura và Sabbadinna đã đi đến gặp đức Vua Milinda, sau khi đến đã nói với đức Vua Milinda điều này: -Tâu Đại vương, có phải Ngài Đại đức Nâgasena sẽ đên? Đúng vậy, hãy để Ngài đến. Hãy để Ngài đến cùng với bao nhiêu vị Tỳ-khưu?

Ngài muôn bao nhiêu vi Tỳ-khưu thì hãy đê Ngài đên cùng với bây nhiêu vi Tỳ-khưu.

Khi ấy, Sabbadinna đã nói rằng: -Tâu Đại vương, hãy đê Ngài đên cùng với mười vị Tỳ-khưu. Đen lần thứ nhì, đức Vua Milinda đã nói rằng: Ngài muốn bao nhiêu vị

Tỳ-khưu thì hãy để Ngài đến cùng với bấy nhiêu vi Tỳ-khưu. Đen lần thứ nhì, Sabbadinna đã nói rằng: Tâu Đại vương, hây để Ngài đến cùng với mười vị Tỳ-khmi. Đen lần thứ ba, đức Vua Milinda đã nói rằng: Ngài muốn bao nhiêu vị Tỳ-khưu thì hãy để Ngài đến cùng với bấy nhiêu vi Tỳ-khưu. Đen lần thứ ba, Sabbadinna đã nói rằng: Tâu Đại vương, hãy đê Ngài đên cùng với mười vi Tỳ-khưu. Tất cả việc tôn vinh này đã được chuẩn bị nên trẫm nói rằng: "Ngài muốn bao nhiêu vị Tỳ-khưu thì hãy để Ngài đến cùng với bấy nhiêu vị Tykhưu." Này các khanh, Sabbadinna này lại nói khác đi. Chẳng lẽ chúng ta không có khả năng để dâng cơm đến các Tỳ-khưu? Khi được nói như vậy, Sabbadinna đã xấu hổ. Sau đó5 Devamantiya, Anantakãya và Maủkura đã đi đến gặp Đại đức Nâgasena, sau khi đến đã nói với Đại đức Nâgasena điều này: -Thưa Ngài, đức Vua Milinda đã nói như vầy: "Ngài muốn bao nhiêu vi Tỳ-khưu thì hãy để Ngài đến cùng với bấy nhiêu vị Tỳ-khưu/5 Sau đó, Đại đức Nãgasena vào buổi sáng sớm đã mặc y, cầm lấy bình bát và y rồi cùng với tám mươi ngàn vị Tỳ-khưu đã đi vào thành Sãgala. Lúc ấy, Anantakãya khi đang đi gần Đại đức Nãgasena đã nói với Đại đức Nâgasena điều này: Thưa Ngài Nãgasena, điều mà tôi gọi là "Nagasena", ở đây cái gì là Nâgasena? Vị Trưởng lão đã nói rằng: Ngươi suy nghĩ xem "& đây ai là Nãgasena?95 Thưa Ngài, sự sống, tức là gió ở bên trong, đi vào rồi đi ra, tôi nghĩ rằng "cái ấy là Nãsenā." Vậy nếu gi6 ấy đi ra rồi không đi vào, hoặc đi vào rồi không đi ra, thì người ấy còn sông không? Thưa Ngài, không. Những người thổi tù và vỏ ốc, khi thổi tù và vỏ ốc thì gió của họ có đi vào lại không? Thưa Ngài, không. Những người thổi sáo, khi thổi sáo thì gió của họ có đi vào lại không?

Thưa Ngài, không.

Những người thôi tù và sừng trâu, khi thôi tù và sừng trâu thì gió của họ có đi vào lại không?

Thưa Ngài, không.

Thế thì tại sao họ lại không chết đi?

Thưa Ngài, tôi không có khả năng đê trò chuyện với nhà diên thuyêt như Ngài. Thưa Ngài, lành thay xin Ngài nói về ý nghĩa. Cái ấy không phải là sự sống. Hơi thở vào hơi thở ra, những cái này gọi là thân hành. Vi Trưởng lão đã thuyết giảng về Vi diệu pháp, rồi Anantakâya đã tuyên bố mình trở thành người cận sự nam. 5. Sau đó, Đại đức Nâgasena đã đi đến nơi trú ngụ của đức Vua Milinda, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi đã được sắp đặt. Khi ấy, đức Vua Milinda đã tự tay làm hài lòng, toại ý Đại đức Nãgasena và hội chúng với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm, rồi đã dâng mỗi một vị Tỳ-khưu mỗi một xấp vải đôi, đã dâng Đại đức Nãgasena với ba y5 rồi đã nói với Đại đức Nãgasena điều này: Thưa Ngài Nãgasena, xin Ngài hãy ngồi lại đây cùng với mười vị Tỳ- khiru, hãy cho các vị còn lại đi về. Sau đó, biết được Đại đức Nãgasena đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, đức Vua Milinda đã cầm lấy một chiếc ghế thấp rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Milinda đã nói với Đại đức Nâgasena điều này: Thưa Ngài Nâgasena, cuộc trao đổi trò chuyện là về điều gì? -Tâu Đại vương, chúng ta là những nệười có sự mong cầu về mục đích, vậy hãy là

cuộc trao đôi trò chuyện thuần vê mục đích. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, sự xuất gia của Ngài là với mục đích gì? Và mục đích tối hậu của Ngài là gì? * Vi Trưởng lão đã nói rằng: -Tâu Đại vương, làm cách nào để cho khổ này diệt và khổ khác không thể sanh lên? Tâu Đại vương, sự xuất gia của chúng tôi là với mục đích ấy. Còn mục đích tối hậu của chúng tôi là Niết-bàn không còn chấp thủ. Thưa Ngài Nãgasena, có phải tất cả đều xuất gia với mục đích này? Tâu Đại vương, không hẳn. Một số xuất gia với mục đích này. Một số xuất. Y gia vì sợ• hãi đức \vua. Một • r số xuất r gia vì sợ hãi kẻ đạo / ... tặc. Một • số xuất Dgia. VÌ bị hành hạ bởi nợ nân. Một sô xuât gia vì mục đích nuôi mạng. Những người nào xuất gia chân chánh, những người ấy xuất gia với mục đích này. Thưa Ngài, có phải Ngài đã xuất gia với mục đích này? -Tâu Đại vương, tôi đã xuất gia khi còn là một cậu bé. Tôi không biết là

“t6i xuất gia với mục đích này.” Tuy nhiên, tôi đã khởi ý như vầy: "Các vị Sa- môn Thích tử này là các bậc trí. Các vị sẽ cho ta học tap.55 Tôi đây đã được học tập với họ, tôi biết và nhận thức rằng: "Sịt xuất gia là với mục đích nay.59 Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 6. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, có người nào chết mà không tái sanh? Vị Trưởng lão đã nói rằng: Tâu Đại vương, có người tái sanh, có người không tái sanh. Người nào tái sanh? Người nào không tái sanh? -Tâu Đại vương, người còn phiền não tái sanh. Người không còn phiền não không tái sanh. Thưa Ngài, có phải Ngài sẽ tái sanh? Tâu Đại vương, nếu tôi còn chấp thủ, tôi sẽ tái sanh. Nếu tôi không còn chấp thủ, tôi sẽ không tái sanh. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 7. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, người nào không tái sanh, chẳng lẽ người ấy không tái sanh do tác ý đúng đường lối? Tâu Đại vương, do tác ý đúng đường lối, do tuệ và do các thiện pháp khác. Thưa Ngài, chẳng lẽ tác ý đúng đường lối chính là tuệ? Tâu Đại vương, không phải. Tác ý đúng đường lối là cái khác, tuệ là cái khác. Tâu Đại vương, đối với hai pháp này, thì các loài dê, cừu, bò, trâu, lạc đà? lừa có sự tác ý? tuy nhiên chúng không có tuệ. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo.

CÁC CÂU HỎI VÈ TƯỚNG TRẠNG (LAKKHANAP4ÑHĀ)

8. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài, tác ý có gì là tướng trạng, tuệ có gì ià tướng trạng? Tâu Đại vương, tác ý có sự cân nhắc là tướng trạng, tuệ có sự cắt đứt là tướng trạng. Thưa Ngài, tác ý có sự cân nhắc là tướng trạng nghĩa là thế nào? Tuệ có sự cat đứt là tướng trạng nghĩa là thê nào? Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, Đại vương có biêt vê những người gặt lúa không? - Thưa Ngài, đúng vậy. Trẫm có biết. -Tâu Đại vương, những người gặt lúa cắt cây lúa như thế nào? Thưa Nệài, họ năm bó lúa băng tay trái, câm cái liêm băng tay phải, roi cắt bằng cái liêm. Tâu Đại vương, giống như người gặt lúa nắm lấy bó lúa bằng tay trái, cầm cái liềm bằng tay phải, rồi cắt bằng cái liềm, tương tợ y như thế, hành giả nắm lấy ý bằng sự tác ý rồi cắt đứt các phiền não bằng tuệ. Tâu Đại vương, tác ý có sự cân nhắc là tướng trạng nghĩa là như vậy, tuệ có sự cắt đứt là tướng trạng nghĩa là như vậy. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 9. - Thưa Ngi Nãgasena, điều mà Ngài đã nói là ucác thiện pháp khc”, các thiện pháp ây

là những gì? -Tâu Đại vương, là giới, tín, tấn, niệm, định, những cái này là các thiện pháp ấy. Thưa Ngài, giới có gì là tướng trạng? - Tâu Đại vương, giới có sự đặt nên tảng là tướng trạng. Giới là nên tảng của tất cả các thiện pháp, của các sự thê nhập các quyên, các lực, các chi phần đưa đến giác ngộ, các đạo, các sự thiết lập niệm, các chánh tinh tấn, các nền tảng của thần thông, các thiền, các sự giải thoát, các tầng định. Tâu Đại vương, đoi với người đã đặt nen tảng ở giới thì tất cả các thiện pháp không bi suy giảm. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giông như các loại hạt giông và các loài thảo mộc nào đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh, tất cả các loại hạt giống và các loài thảo mộc ấy đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh như thế này đều

nương tựa vào đất, đều đặt nền tảng ở đất. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, hành giả tu tập năm quyền: Tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyên đều nương tựa vào giới, đêu đặt nên tảng ở giới. Xin Ngài cho thêm ví dụ. Tâu Đại vương, giống như các công việc nặng nhọc1 nào được thực hiện, tất cả các c6ng việc nặng nhọc được thực hiện như thế này đều nương tựa vào đất, đều đặt nen tảng ở đất. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, hành giả tu tập năm quyền: Tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, đinh quyền, tuệ quyền đều nương tựa vào giới, đều đặt nền tảng ở giới. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như nhà kiến trúc đô thi có ý định xây dựng thành phố thì trước tiên cho làm sạch sẽ khu vực thành phố, cho dời đi gốc cây và các gai góc, cho làm bằng phẳng, sau đó phân chia khu vực của các con đường, các lô đất vuông, các ệiao lộ, v.v... roi mới xây dựng thành phố. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, hành giả tu tập năm quyền: Tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền đều nương tựa vào giới, đều đặt nền tảng ở giới. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giong như diên viên nhao lọn co y đinh biêu diên nệhê nghiệp thì cho người đào đất, cho dời đi sạn sỏi mảnh sành, cho làm bang phẳng, rồi biểu diễn nghề nghiệp ở mặt đất mềm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, hành giả tu tập năm quyền: Tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền đều nương tựa vào giới, đều đặt nên tảng ở giới. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thê Tôn nói đên: Sau khi đặt nên tảng ở gi&i, người có tri tu tập tâm và tuệ. Vị Tỳ-khiru tinh cân, chỉn chăn, vi ây có thê gỡ ra môi roi này. Đây là nên tảng ví như trải đát đổi với các sinh mạng, và đây là gốc của sự phát triển các điều tốt đẹp. và đây là phần đầu ở lời dạy của tất cả các đấng Chiến Thắng, chỉnh là giới uẩn thuộc ve Giới bon (Pãtimokkha) cao quỷ, Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 10. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, tín có gì là tướng trạng? -Tâu Đại vương, tín có sự thanh lọc là tướng trạng và có sự tiến vào là tướng trạng. -Thưa Ngài, tín có sự thanh lọc là tướng trạng nghĩa là thế nào? -Tâu Đại vương, tín trong khi được sanh lên thì loại trừ các pháp che lấp, làm cho tâm thoát khỏi các pháp che lâp, không bị bợn nhơ, trong sạch, không bị vẩn đục. Tâu Đại vương, tín có sự thanh lọc là tướng trạng nghĩa là như vậy. Xin Ngài cho ví dụ.

Balakaranīyyā, dịch sát nghĩa sẽ là 4<cần phải làm bằng sức mạnh.^,

_ Tâu Đại vương, gi6ng như đức Chuyển Luân Vương di chuyển đường xa cùng với đạo quân gồm bôn binh chủng vượt qua vũng nước nhỏ; vũng nước nhỏ ấy bởi các con voi, bởi các con ngựa, bởi các cỗ xe và bởi các bộ binh, bị khuấy động, bị vẩn đục, bị quậy lên, trở thành bùn lầy. Và khi đã vượt qua, đức Chuyển Luân Vương ra lệnh cho mọi người rằng: ccNày các khanh, hãy mang nước lại, trẫm sẽ uống nước.,, Và đức vua có viên ngọc ma-ni lọc nước. "Tâu Bệ hạ, xin tuân lênh." Những người ấy vâng lệnh đức Chuyển Luân Vương và thả viên ngọc ma-ni lọc nước ấy vào trang nước. Ngay khi viên ngọc ấy được thả vào trong nước thì số lượng rong rêu biến mất và bùn lắng xuống, nước trở nên không bị bợn nhơ, trong sạch, không bị vân đục, sau đó họ đã dâng nước uống đến đức Chuyển Luân Vương: "Tâu Bệ hạ, xin Bệ hạ hãy uống mr&c." Tâu Đại vương, nước là như thế nào thì tâm nên được xem xét như vậy. Những người ấy là như thế nào thì hành giả nên được xem xét như vậy. số lượng rong rêu và bùn là như thế nào thì các phiền não nên được xem xét như vậy. Viên ngọc ma-ni lọc nước là như thế nào thì tín nên được xem xét như vậy. Giống như khi viên ngọc ma-ni lọc nước được thả vào trong nước thì so lượng rong rêu biến mất và bùn lắng xuống, nước trở nên không bị bợn nhơ, trong sạch, không bi vẩn đục. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, tín trong khi được sanh lên thì loại trừ các pháp che lấp, làm cho tâm thoát khỏi các pháp che lấp, không bi bợn nhơ, trong sạch, không bi vẩn đục. Tâu Đại vương, tín có sự thanh lọc là tướng trạng nghĩa là như vậy. 11. Thưa Ngài, tín có sự tiến vào là tướng trạng nghĩa là thế nào? Tâu Đại vương, giông như sau khi nhìn thây tâm của những người khác đã được giải thoát, vị hành giả tiến vào quả Nhập lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất lai, hoặc phẩm vị A-la-hán, thực hành việc tu luyện để đạt đến pháp chưa được đạt đến, để chứng đạt pháp chưa được chứng dạt, để chứng đắc pháp chưa được chứng đắc. Tâu Đại vương, tín có sự tiến vào là tướng trạng nghĩa là như vậy. Xin Ngài cho ví dụ. Tâu Đại vương, giống như đám mây lớn ở phía trên núi đổ mưa xuống, nước mưa ấy trong khi di chuyển xuống chỗ thấp, sau khi làm đầy các rãnh, các khe, các suối của ngọn núi, thì có thể làm đầy con sông; con sông trôi chảy ngập tràn hai con đê. Rồi có đám đôn^ người đi đến, trong khi không biết mức độ cạn hay sâu của con sông, sợ hãi, ngan ngại, đứng ở bờ sông. Rồi một người nam đi đến, trong khi nhận biết thể lực và sức mạnh của mình đã buộc chặt chiếc khố rồi tiến vào và vượt qua. Sau khi nhìn thấy người ấy đã vượt qua được, đám đông người cũng vượt qua. Tâu Đại vương, giống như sau khi nhìn thấy tâm của những người khác đã được giải thoát, vi hành giả tiến vào quả Nhập lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất lai, hoặc phẩm vi A-la-hán, thực hành việc tu luyện để đạt đến pháp chưa được đạt đến, để chứng đạt pháp chưa được chứng dạt, để chứng đắc pháp chưa

được chứng đắc. Tâu Đại vương, tín có sự tiến vào là tướng trạng nghĩa là như vậy. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến ở Tương ưng bộ quý báu: Vượt qua cơn lũ nhờ vào tín, vượt qua biên cả nhờ vào sự không xao lãng, vượt lên kho đau nhờ vào sự tỉnh tan, được hoàn toàn trong sạch nhờ vào tuệ. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 12. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, tấn có gì là tướng trạng? -Tâu Đại vương, tấn có sự nâng đỡ là tướng trạng. Được nâng đỡ bởi tấn, tất cả

các thiện pháp không bị suy giảm. Xin Ngài cho ví dụ. Tâu Đại vương, giống như khi ngôi nhà đang sụp đổ, người đàn ông nâng đỡ bằng thanh gỗ khác. Trong khi được nâng đỡ như vậy, ngôi nhà ấy không thê bị sụp đổ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế? tấn có sự nâng đỡ là tướng trạng. Được nâng đỡ bởi tấn, tát cả các thiện pháp không bị suy giảm. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như đội binh lớn có thể đánh tan đội binh nhỏ, vì thế có người báo cho đức vua, đức vua cho đội binh khác tiếp ứng, tiếp viện đội binh nhỏ, với đội binh tiếp viện ấy đội binh nhỏ có thể đánh tan đội binh lớn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thể, tấn có sự nâng đỡ là tướng trạng. Được nâng đỡ bởi tấn, tất cả các thiện pháp không bị suy giảm. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưuf có sự tinh tấn, vỉ Thánh đệ tử từ bỏ pháp bất thiện, tu tập pháp thiện, từ bỏ pháp bi chê trách, tu tập pháp không bị chê trách, gìn giữ bản thân trong sạch." Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 13. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, niệm có gì là tướng trạng? -Tâu Đại vương, niệm có sự không lơ đễnh là tướng trạng, có sự nắm lấy là tướng trạng? Thưa Ngài, niệm có sự không lơ đễnh là tướng trạng, nghĩa là thế nào? -Tâu Đại vương, niệm trong khi được sanh lên thì không lơ đễnh các pháp có sự xen lẫn là thiện, bất thiện, có tội, không có tội, hạ liệt, cao quý, đen, trắng rằng: "Đây là bốn sự thiết lập niệm, đây là bốn chánh cần, đây là bốn nền tảng của thần thông, đây là năm quyền, đây là năm lực, đây là bảy chi phần đưa đến giác ngộ, đây là Thánh đạo tám chi phan, đây là chỉ tịnh, đây là minh sát, đây là minh, đây là giải thot."Nhờ đó, hành giả thực hành các pháp nên thực hành, không thực hành các pháp không nên thực hành, thân cận các pháp nên thân cận, không thân cận các pháp không nên thân cận. Tâu Đại vương, niệm có sự không lơ đễnh là tướng trạng nghĩa là như vậy.

Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như viên quan giữ kho của đức Chuyển Luân Vương sáng chiều nhắc nhở cho đức Chuyển Luân Vương về sự vinh quang rằng: "Tâu Bệ hạ, Bệ hạ có chừng này voi, chừng này ngựa, chừng này cỗ xe, chừng này bộ binh, chừng này vàng khoi, chừng này vàng ròng, chừng này tài sản, xin Bệ hạ hãy ghi nhớ điều ấy" và không lơ đễnh về tài sản của đức vua. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, niệm trong khi được sanh lên thì không lơ đễnh các pháp có sự xen lẫn là thiện, bất thiện, có tội, không có tội, hạ liệt, cao quý, đen, trắng rằng: "Đây là bốn sự thiết lập niệm, đây là bốn chánh cần, đây là bốn nền tảng của thần thông, đây là năm quyên, đây là năm lực, đây là bảy chi phần đưa đến giác ngộ, đây là Thánh đạo tám chi phần, đây là chỉ tinh, đây là minh sát, đây là minh, đây là giải thoát.^ Nhờ đó, hành giả thực hành các pháp nên thực hành, không thực hành các pháp không nên thực hành, thân cận các pháp nên thân cận, không thân cận các pháp không nên thân cận. Tâu Đại vương, niệm có sự không lơ đễnh là tướng trạng nghĩa là như vậy. Thưa Ngài, niệm có sự nắm lấy là tướng trạng nghĩa là thế nào?

-Tâu Đại vương, niệm trong khi được sanh lên thì xem xét các hành vi của các pháp có lợi ích và không có lợi ích rằng: "Các pháp này có lợi ích, các pháp này không có lợi ích. Các pháp này hữu dụng, các pháp này không hữu dung/9 Nhờ đó, hành giả bỏ đi các

pháp không có lợi ích, nắm lấy các pháp có lợi ích, bỏ đi các pháp không hữu dụng, nắm lấy các pháp hữu dụng. Tâu Đại vương, nắm lấy quả là như vậy. Tâu Đại vương, niệm có sự nắm lấy là tướng trạng nghĩa là như vậy. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giông như vị tướng quân báu của đức Chuyên Luân Vương biết được điều lợi ích và không lợi ích cho đức vua rằng: "Đôi với đức vua, các điều này có lợi ích, các điều này không có lợi ích, các điều này hữu dụng, các điều này không hữu dỊing", nhờ đó bỏ đi các điều không có lợi ích, nắm lấy các điều có lợi ích, bỏ đi các điều không hữu dụng, nắm lấy các điều hữu dụng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, niệm trong khi được sanh lên thì xem xét các hành vi của các pháp có lợi ích và không có lợi ích rằng: "Các pháp này có lợi ích, các pháp này không có lợi ích. Các pháp này hữu dụng, các pháp này không hữu dụng." Nhờ đó, hành giả bỏ đi các pháp không có lợi ích, nắm lấy các pháp có lợi ích, bỏ đi các pháp không hữu dụng, nắm lấy các pháp hữu dụng. Tâu Đại vương, niệm có sự nắm lấy là tướng trạng nghĩa là như vậy. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khưu, Ta nói rằng niệm quả là có lợi ích về mọi mặty Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 14. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, định có gì là tướng trạng?

-Tâu Đại vương, đinh có sự dẫn đầu là tướng trạng. Tất cả các thiện pháp đều có định là pháp dẫn đầu, có định là nơi quy về, có định là nơi hướng đến, có định là nơi tiến tới. Xin Ngài cho ví dụ. Tâu Đại vương, giống như tất cả các cây đà của ngôi nhà mái nhọn có chóp nhọn là nơi đi đến, có chóp nhọn là nơi quy về, có chóp nhọn là nơi hội tụ. Chóp nhọn được gọi là đỉnh của chúng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tất cả các thiện pháp đều có định là pháp dẫn dầu, có định là nơi quy về, có định là nơi hướng đến, có định là nơi tiên tới. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như một vị vua lao vào cuộc chiến đấu cùng với đạo quân gôm có bôn binh chủng, và toàn thê đạo quân gôm các con voi, các con ngựa, các cỗ xe và bộ binh có đức vua là vị dẫn đầu, có đức vua là nơi quy về, có đức vua là nơi hướng đến, có đức vua là nơi tiến tới, chúng di chuyển xung quanh đức vua. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tất cả các thiện pháp đều có định là pháp dẫn đầu, có định là nơi quy về, có định là nơi hướng đến, CÓ đinh là nơi tiên tới. Tâu Đại vương, định có sự dân đâu là tướng trạng nghĩa là như vậy. Tâu Đại vương điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khuuf hãy tu tập ve đinh. Vi đã đỉnh, nhận biết như thậty Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 15. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, tuệ có gì là tướng trạng? -Tâu Đại vương, quả là đã được tôi nói đến trước đây: "Tuệ có sự cắt đứt là tướng trạng." Và tuệ còn có sự soi sáng là tướng trạng. Thưa Ngài, tuệ có sự soi sáng là tướng trạng nghĩa là thế nào? Tâu Đại vương, tuệ trong khi được sanh lên thì xua tan bóng tối vô minh, tạo ra ánh sáng ngời của minh, phô bày ánh sáng của trí, làm cho các chân lý cao thượng được hiển hiện. Nhờ đó, hành giả nhìn thay với tuệ chân chánh rằng: uLà vô thuơng”, hoặc Tà khổ no", hoặc T vô nga". Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như người đàn ông đem cây đèn vào trong ngôi nhà tối tăm. Cây đèn khi đã được đem vào thì xua tan bóng tối, tạo ra ánh sáng ngời, phô bày ánh sáng, làm cho các vật thể được hiển hiện. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tuệ trong khi được sanh lên thì

xua tan bóng tối vô minh, tạo ra ánh sáng ngời của minh, phô bày ánh sáng của trí, làm cho các chân lý cao thượng được hiển hiện. Nhờ đó, hành giả nhìn thay với tuệ chân chánh rang: “Là vô thuơng”hoặc T khổ nao", hoặc Tà vô ng*'. Tâu Đại vương, tuệ có sự soi sáng là tướng trạng nghĩa là như vậy. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo.

MILINDA VẤN ĐẠO 809

16. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nāgasena, các pháp này là khác biệt, nhưng có phải chúng đạt tơi cùng một mục đích? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Các pháp này là khác biệt, nhưng chúng đạt tới cùng một mục đích là diệt trừ các phiền não. Thưa Ngài, các pháp này là khác biệt, nhimg chúng đạt tới cung một mục đích là diệt trừ các phiền não nghĩa là thế nào? Xin Ngài cho ví dụ. Tâu Đại vương, giống như các đạo quân là khác nhau: Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe và bộ binh, nhưng chúng đạt tới cung một mục đích là chiến thắng đạo quân đối địch ở chiến trường. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, các pháp này là khác biệt, nhưng chúng đạt tới cùng một mục đích là diệt trừ các phiền não. Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo. Đại phẩm là phần thứ nhất. (Trong phẩm này có mười sáu câu hỏi)

810 > KINH TIỂU Bộ

n. PHẨM HÀNH TRÌNH (ADDHẨNAVĂGGƠ)

1. Đức Vua Milinda đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, người đi tái sanh thì cũng chính là người ấy hay là người khác? Vị Trưởng lão đã nói rằng: Không phải là người ấy mà cũng không phải là người khác.

Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì vê điêu này? Khi Đại vương còn nhỏ, trẻ thơ, bé bỏng, nằm ngửa; có phải chính đứa bé ấy là Đại vương hiện nay đã được trưởng thành? Thưa Ngài, không phải. Đứa nhỏ, trẻ thơ, bé bỏng, nằm ngửa ấy là khác; trẫm hiện nay trưởng thành là khác. -Tâu Đại vương, trong khi là như vậy thì cũng sẽ không có người gọi là “mq", cũng sẽ không có người gọi là "cha", cũng sẽ không có người gọi là "thầy”, cũng sẽ không có người gọi là "nghe nh2n", cũng sẽ không có người gọi là ubậc giới dức cũng sẽ không có người gọi là "bậc trí". Tâu Đại vương, phải chăng người mẹ của bào thai mới tượng là khác, người mẹ của bào thai thời kỳ thứ hai là khác, người mẹ của bào thai thời kỳ thứ ba là khác, người mẹ của bào thai thời kỳ thứ tư là khác, người mẹ của người con lúc bé là khác, người mẹ của người con trưởng thành là khác, người học nghề là người khác, người thạo nghề là người khác, người làm việc ác là người khác, người có tay chân bi chặt là người khác? Thưa Ngài, không phải. Thưa Ngài, nêu được nói như vậy thì Ngài có thê đáp lại điều gi? Vi Trưởng lão đã nói rằng: -Tâu Đại vương, chính tôi đã là đứa nhỏ, trẻ thơ, bé bỏng, nằm ngửa; chính tôi hiện nay đã được trưởng thành, tất cả các sự việc ấy được tổng hợp chung lại nương vào chính thân xác này. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như một người nào đó thắp sáng ngọn đèn, có phải ngọn đèn có thể chiêu sáng trọn đêm? Thưa Ngài, đúng vậy. Nó có thê chiêu sáng trọn đêm.

MILINDAVẤN ĐẠO 811

Tâu Đại vương, vậy có phải ngọn lửa ở canh đầu là ngọn lửa ở canh giữa?

Thưa Ngài, không phải. -Tâu Đại vương, vậy có phải cây đèn ây ở canh đâu là khác, cây đèn ở canh giữa là khác, cây đèn ở canh cuối là khác? Thưa Ngài, không phải. Nó được chiếu sáng trọn đêm nương vào chính cây đèn ấy. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, sự diên tiên của pháp được liên két lại. Sanh lên là cái khác, hoại diệt là cái khác, được liên kết như là không trước không sau. Vì thế, không phải là người ấy, mà cũng không phải là người khác, tâm thức trước đi đến sự kết hợp với tâm thức sau. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như sữa tươi được vắt ra sau một thời gian thì trở thành sữa chua, từ sữa chua trở thành sữa đông, từ sữa đông trở thành sữa trong. Tâu Đại vương, vậy thì người nào nói như vay: "Vật nào là sữa tươi chính vật ấy là sữa chua, chính vật ấy là sữa đông, chính vật ấy là sữa trong"; tâu Đại vương, trong khi nói như thế có phải là người ấy nói đúng? Thưa Ngài, không đúng. Vật được tạo thành là nương vào chính sữa tươi ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, sự diễn tiến của pháp được liên kết lại. Sanh lên là cái khác, hoại diệt là cái khác, được liên kết như là không trước không sau. Vì thế, không phải là người ấy, mà cũng không phải là người khác, tâm thức trước đi đến sự kết hợp với tâm thức sau. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 2. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, người nào không tái sanh, có phải người ấy biết rằng: 6Ta sẽ không tái sanh^ Tâu Đại vương, đúng vậy. Người nào không tái sanh, người ây biêt răng: "Ta sẽ không tái sanh.,, Thưa Ngài, làm sao biết? -Tâu Đại vương, nhân nào duyên nào đưa đến việc tái sanh, do sự chấm dứt của nhân ấy duyên ấy nên người ấy biết rằng: "Ta sẽ không tái sanh.^, Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như người nông dân gia chủ, sau khi cày đất và gieo hạt, có thê làm đầy kho lúa; người ây vào lúc khác không cày đát không gieo hạt, rồi thọ dụng thóc lúa đã được tích trữ hoặc phân phát hoặc sử dụng tùy duyên, tâu Đại vương, có phải người nông dân gia chủ ấy biết rằng: "Ta sẽ không làm đầy kho lúa" Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể biết được. Làm sao biết được?

Nhân nào duyên nào đưa đến việc làm đầy kho lúa, do sự chấm dứt của nhân ấy duyên ấy nên người ấy biết rằng: “Ta sẽ không làm đầy kho lúa của ta.” -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nhân nào duyên nào đưa đến việc tái sanh, do sự chấm dứt của nhân ấy duyên ấy nên người ấy biết rằng: “Ta sẽ không tái sanh.” Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 3 Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, trí sanh lên cho ngưM nào thì tuệ sanh lên cho người ấy phải không? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Trí sanh lên cho người nào thì tuệ sanh lên cho người ấy. Thưa Ngài, có phải cái nào là trí thì chính cái ấy là tuệ? Tâu Đại vương, đúng vậy. Cái nào là trí thì chính cái ấy là tuệ.

Thưa Ngài, chính trí ây chính tuệ ây được sanh lên cho người nào, có phải người ấy còn mê mờ5 hay không còn mê mờ? -Tâu Đại vương, còn mê mờ vê lãnh vực nào đó, không còn mê mờ vê lãnh vực nào đó. Thưa Ngài, còn mê mờ vê lãnh vực gi, không còn mê mờ vê lãnh vực gì? -Tâu Đại vương, còn mê mờ vê những lãnh vực nghê nghiệp chưa được biết trước đây, hoặc về những địa phương chưa được đi đến trước đây, hoặc

về những tên gọi và điều quy đinh chưa được nghe trước đây. Không còn mê mờ về lãnh vực gì? Tâu Đại vương, điều nào đã được xử lý bởi tuệ ấy tức là "v6 thường,, hoặc là “khổ nào' hoặc la “v6 ngâT thì không còn mê mơ về lãnh vực ấy. Thưa Ngài, vậy thì sự si mê của người này đi đâu? -Tâu Đại vương, vào lúc trí được sanh lên thì si mê diệt mát ngay tại chô ây. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giốn^ như người nào đó mang cây đèn vào căn nhà tối tăm, do đó bóng tối diệt mát, ánh sáng hiện ra; tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vào lúc trí được sanh lên thì si mê diệt mất ngay tại chỗ ấy. Thưa Ngài, vậy thì tuệ đi đâu? -Tâu Đại vương, tuệ sau khi làm xong phận sự của nó thì diệt mất ngay tại chỗ ấy. Tuy nhiên, điều đã được xử lý bởi tuệ ấy tức là "v6 thường,, hoặc là "ìdiổ não59 hoạc là "v6 ngỗT thì không diệt mất. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài đã nói là: "Tuệ sau khi làm xong phận sự của nó thì diệt mất ngay tại chỗ ấy", và "điều đã được xử lý bởi tuệ ấy tức là 'vô thường5 hoặc là 'kho não9 hoặc là 'vô ngã5 thì không diệt mất", xin Ngài cho ví dụ ve điêu áy.

MILINDA VẤN ĐẠO 813

-Tâu Đại vương, giống như người nào đó có ý định gởi đi bức thơ vào ban đêm, có thể cho gọi người thơ ký đến, bảo đem lại cây đèn rồi bảo viết bức thơ. Khi bức thơ đã được viết xong thì có thể cho làm tắt cây đèn, mặc dầu cây đèn đã được làm tắt, bức thơ vẫn không biến mất; tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tuệ sau khi làm xong phận sự của nó thì diệt mất ngay tại chỗ ấy, và điều đã được xử lý bởi tuệ ấy tức là "vô thuơng" hoặc là "khổ no" hoặc là "v6 ngã,9 thì không diệt mất. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như các xứ sở ở phương Đông, người ta để năm chum nước dọc theo tưng nhà một để dập tắt hỏa hoạn. Khi căn nhà bị bốc cháy thì ném năm chum nước ấy ở phía bên trên căn nhà, do đó ngọn lửa được dập tắt. Tâu Đại vương, có phải những người ấy sẽ khởi ý rằng: "Chúng ta sẽ làm công việc dập tắt lửa với năm chum nước ấy lần nữa?” -Thưa Ngài, không phải. Đã xong roi với năm chum nước ây9 còn việc gì với năm chum nước ấy? -Tâu Đại vương, năm chum nước là như thế nào thì ngũ quyền gồm có tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, đinh quyền, tuệ quyền nên được xem xét như vậy. Những người ấy là như thế nào thì hành giả nên được xem xét như vậy. Ngọn lửa là như thế nào thì các phiền não nên được xem xét như vậy. Ngọn lửa được dập tắt bởi năm chum nước như the nào thì các phiền não được dập tắt bởi năm quyền là như vậy. Các phiền não đã được dập tắt thì không xuất hiện lại nữa. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, tuệ sau khi làm xong phận sự của nó thì diệt mất ngay tại chỗ ấy, và điều đã được xử lý bởi tuệ ấy tức là "v6 thường,, hoặc là "khổ não,5 hoặc là "v6 nga" thì không diệt mất. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giông như người thây thuôc lây năm loại thuôc rê cây đi đến gặp người bệnh. Sau khi nghiền nát năm loại thuốc rễ cây ấy rồi cho người bệnh uống để loại trừ các sự khó chịu nhờ vào năm loại thuốc rễ cây ấy. Tâu Đại vương, có phải người thày thuốc ấy sẽ khởi ý rằng: "Ta sẽ làm công việc chữa trị với năm loại thuốc rễ cây ấy lần n&a?" Thưa Ngài, không phải. Đã xong roi với các loại thuôc rê cây ây, còn việc gì với các loại thuốc rễ cây ấy? -Tâu Đại vương, năm loại thuốc rễ cây là như thế nào thì ngũ quyền gồm có tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền nên được xem xét như vậy. Người thầy thuốc là như thế nào thì hành giả nên được xem xét như vậy. Căn bệnh là như the nào thì các phiền não

nên được xem xét như vậy. Người bị bệnh là như thế nào thì phàm nhân nên được xem xét như vậy. Khi sự khó chịu của căn bệnh được loại trừ nhờ vào năm loại thuốc rễ cây rồi người bệnh được hết bệnh như thế nào thì các phiền não được loại trừ nhờ vào năm quyền là như vậy, và các phiền não đã được loại trừ thì không xuất hiện lại nữa.

814 KINH TIÊU BÔ

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tuệ sau khi làm xong phận sự của nó thì diệt mất ngay tại chỗ ấy, và điều đã được xử lý bởi tuệ ấy tức là "v6 thường,, hoặc là "kho não,9 hoặc la “v6 ngâT thì không diệt mất. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như người chiến sĩ tham gia chiến trận cầm lấy năm mũi tên lao vào chiến trận để đánh bại đội quân địch, vị ấy có thể phóng năm mũi tên ấy ở chiến trận và nhờ chúnệ đội quân địch bị phá tan; tâu Đại vương, có phải người chiến sĩ tham gia chiên trận ấy sẽ khởi ý rằng: "Ta sẽ làm công việc bắn tên với năm mũi tên ấy lần nữa?^ Thưa Ngài, không phải. Đã xong rồi với năm mũi tên ấy, còn việc gì với năm mũi tên áy? -Tâu Đại vương, năm mũi tên là như thế nào thì ngũ quyền gồm có tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền nên được xem xét như vậy. Người chiến sĩ tham gia chiến trận là như thế nào thì hành giả nên được xem xét như vậy. Đội quân địch là như the nào thì các phiền não nên được xem xét như vậy. Đội quân địch bị phá tan bởi năm mui tên như thế nào thì các phiền não bi phá tan bởi năm quyền là như vậy, và các phiền não đã bị phá tan thì không xuất hiện lại nữa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tuệ sau khi làm xong phận sự của nó thì diệt mất ngay tại chỗ ấy, và điều đã được xử lý bởi tuệ ấy tức là "vô thường,, hoặc là "khổ não95 hoặc là "v6 ngM' thì không diệt mất. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo, 4. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, người nào không tái sanh, người ấy còn nhận biết thọ khổ nao đó phải không? Vị Trưởng lão đã nói rằng: Còn nhận biết thọ nào đó? không nhận biết thọ nào đó. - Nhận biết thọ gì, không nhận biết thọ gì? -Tâu Đại vương, nhận biết thọ thuộc về thân, không nhận biết thọ thuộc về tâm. Thưa Ngài, nhận biết thọ thuộc về thân là thế nào, nhận biết thọ thuộc về tâm là thế nào? Nhân nào duyên nào đưa đến việc sanh lên thọ khổ thuộc về thân, do sự chưa chấm dứt của nhân ấy duyên ẩy nên người ấy nhận biết thọ khổ thuộc về thân. Nhân nào duyên nào đưa đên việc sanh lên thọ khô thuộc vê tâm, do sự châm dứt của nhân áy duyên áy nên người áy không nhận biêt thọ khô thuộc vê tâm. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Người ấy nhận biết một thọ, thuộc về thân không thuộc về tam^ Thưa Ngài Nāgasena, người áy nhận biêt thọ khô thuộc vê thân, tại sao người ấy không viên tịch Niết-bàn?

MILINDA VẤN ĐẠO 815

Tâu Đại vương, đối với A-la-hán không có sự bám víu hay sự ghét bỏ. Và các vị A-la-hán không hủy diệt điều chưa chín tới. Các bậc trí chờ đợi sự chín muồi. Tâu Đại vương, điểu này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp, noi đến: "Tôi khônệ vui thích sự chết, tôi không vui thích sự sống, và tôi trông chờ thời diêm; giông như người làm công trông chờ tiên lương. Tôi không vui thích sự chét, tôi không vui thích sự sông, và tôi trông chờ thời điểm, tỉnh giác, có niệmy Thưa Ngài

Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. y 5. Đức Vua đã nói răng: Thưa Ngài Nâgasena, các thọ lạc là thiện hay là bất thiện, hay là không xác đinh? -Tâu Đại vương, có thể là thiện, có thể là bất thiện, có thể là không xác định. Thưa Ngài, nếu là thiện thì không khổ, nếu là khổ thì không phải là thiện, “vừa là thiện vừa là kh6" không xảy ra. -Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì vê điêu này? Trường hợp đặt xuống khối sắt được nung đỏ ở bàn tay của người đàn ông, ở bàn tay thứ nhì đặt xuống cục tuyết lạnh, tâu Đại vương, phải chăng cả hai vật ấy đều có thể gây bỏng? Thưa Ngài, đúng vậy. Cả hai vật ấy đều có thể gây bỏng. Tâu Đại vương, có phải cả hai vật ấy đều nóng?

-Thưa Ngài, không phải. -Tâu Đại vương, có phải cả hai vật ấy đều lạnh? Thưa Ngài, không phải. Đại vương hãy nhận biêt lời băt bẻ. Nêu vật được nung đỏ gây bỏng, tuy nhiên không phải cả hai vật ấy đều là nóng, vì thế không xảy ra. Nếu vật lạnh gây bỏng, tuy nhiên không phải cả hai vật ấy đều là lạnh, vì thế không xảy ra. Tâu Đại vương, vậy thì tại sao cả hai vật ấy đều gây bỏng? Không phải cả hai vật ấy đều là nóng, không phải cả hai vật ấy đều là lạnh, mà là một nóng, một lạnh. Vậy mà cả hai vật ấy đều gây bỏng, vì thế không xảy ra. Thưa Ngài, trẫm không có khả năng để trò chuyện với nhà diễn thuyết như Ngài. Thưa Ngài, lành thay xin Ngài nói về ý nghĩa. Do đó, vị Trưởng lão đã giúp cho đức Vua Milinda hiêu được băng sự thuyết giảng liên quan đến Vi diệu pháp: "'Tâu Đại vương, đây là sáu hỷ tâm liên quan thế tục, sáu hỷ tâm liên quan xuất ly, sáu sân tâm liên quan thế tục, sáu sân tâm liên quan xuất ly, sáu xả tâm liên quan the tục, sáu xả tâm liên quan xuất ly; đây là sáu nhóm sáu. Hơn nữa, ba mươi sáu thọ thuộc quá khứ, ba mươi sáu thọ thuộc vị lai, ba mươi sáu thọ thuộc hiện tại, sau khi gom lại đặt chung lại với nhau thì có một trăm lẻ tám thọ. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo.

816 KINH TIẾU BÔ

6. Đức Vua đã nói răng: Thưa Ngài Nãgasena, ai đi tái sanh? Vị Trưởng lão đã nói rằng: Tâu Đại vương, danh sắc đi tái sanh. Có phải chính danh sắc này đi tái sanh? Tâu Đại vương, không phải chính danh sắc này đi tái sanh. Tâu Đại vương, tuy nhiên con người tạo nghiệp thiện hoặc ác với danh sắc này, do nghiệp ấy mà danh sắc khác đi tái sanh. Thưa Ngài Nâgasena, nếu không phải chính danh sắc này đi tái sanh, không lẽ người ấy sẽ được thoát khỏi các nghiệp ác? Vị Trưởng lão đã nói rằng: Nếu không đi tái sanh thì có thể thoát khỏi các nghiệp ác. Tâu Đại vương, và chính vì đi tái sanh mà không được thoát khỏi các nghiệp ác. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giong như người nao đo lay trộm trai xoài cua người nao khác, người chủ trái xoài bắt lấy chính người ấy rồi đem trình diện đức vua: "Tâu Bệ hạ, các trái xoài của thần bị người này lấy trộm.,, Người ấy nói như vầy: "Tâu Bệ hạ, thần không lấy trộm các trái xoài của người này. Các trái xoài đã được người này trồng là các trái khác, các trái xoài đã bị thần lấy trộm là các trái khác. Thần không đáng bị hình phạt.” Tâu Đại vương, phải chăng người ấy đáng bi hành phạt? Thưa Ngài, đúng vậy. Đáng bi hành phạt. Vì lý do gì? Thưa Ngài, cho dâu người ây có thê nói như thê, người ây có thê choi bỏ trái xoài trước, vẫn đáng bị hành phạt với trái xoài sau. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, con người tạo nghiệp thiện hoặc ác với danh sắc này, do nghiệp ấy mà danh sắc khác đi

tái sanh, do đó không được thoát khỏi các nghiệp ác. Xin Ngài cho thêm ví dụ. Tâu Đại vương, giống như người nào đó lấy trộm lúa sāli... (nt)... lấy trộm mía của người nào khác... (nt)... Tâu Đại vương, giống như người nào đó vào mùa đông đốt ngọn lửa, sau khi sưởi ấm đã không dập tắt rồi ra đi. Sau đó5 ngọn lửa ấy đốt cháy ruộng lúa của người khác. Người chủ ruộng bắt lấy chính nệười ây roi đem trình diện đức vua: "Tâu Bệ hạ, ruộng của thần bị người này đót chay." Người ấy nói như vầy: 'Tâu Bệ hạ, thần không đốt cháy ruộng của người này. Ngọn lửa thần quên dập tắt ấy là khác, ngọn lửa đốt cháy ruộng của người này là khác. Thần không đáng bị hình ph/t." Tâu Đại vương, phải chăng người ấy đáng bị hành phạt? Thưa Ngài, đúng vậy. Đáng bi hành phạt.

-Vì lý do gì? Thưa Ngài, cho dầu người ấy có thể nói như thế, người ấy có thể chối bỏ ngọn lửa trước, vẫn đáng bị hành phạt với ngọn lửa sau. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế? con người tạo nghiệp thiện hoặc ác với danh sắc này, do nghiệp ấy mà danh sắc khác đi tái sanh, do đó không được thoát khỏi các nghiệp ác. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như người nào đó cầm lấy cây đèn rồi leo lên căn gác và sử dụng nó. Cây đèn trong khi được đốt cháy có thê đốt cháy c6, cỏ trong khi được đốt cháy có thể đốt cháy căn nhà, căn nhà trong khi được đốt cháy có thể đốt cháy ngôi làng, dân làng bắt lấy chính người ấy rồi nói như vầy: “Này ông, tại sao ông đót cháy ngôi lang?" Người ây nói như vây: uNày các ông, tôi không đốt cháy ngôi làng. Ngọn lửa của cây đèn mà tôi đã sử dụng ánh sáng là khác, ngọn lửa đã đốt cháy ngôi làng là khác.” Trong khi tranh cãi, họ đã đi đến gặp Bệ hạ. Tâu Đại vương, Đại vương có thể chấp nhận lời giải thích của ai? Thưa Ngài, của dân làng. -Vì lý do gì? Thưa Ngài. cho dầu người ấy có thể nói như thế. tuy nhiên ngọn lửa ấy đã phát khởi chính từ đó. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, cho dầu danh sắc cận tử là khác, danh sắc trong sự đi tái sanh là khác, tuy nhiên danh sắc ấy đã phát khởi chính từ đó, vì thế không được thoát khỏi các nghiệp ác. -Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giông như người nao đo hoi cưới co con gai con nho, sau khi dâng vật đính hôn rồi ra đi. Cô gái ấy sau này trưởng thành đến tuổi thành hôn. Sau đó có người đàn ông khác dâng vật đính hôn roi cử hành đám cưới. Người kia trở lại và nói như vầy: "Này ông, vì sao ông dẫn đi người vợ của t6i?” Người ấy nói như vầy: uNày ông, tôi không đẫn đi người vợ của ông. Cô con gái còn nhỏ trẻ tuổi đã được ông hỏi cưới và dâng vật đính hôn là cô khác, cô con gái trưởng thành đến tuổi thành hồn được tôi hỏi cưới và dâng vật đính hôn là cô khác." TroỊìg khi tranh cãi, họ đã đi đến gặp Bệ hạ. Tâu Đại vương, Đại vương có thể chấp nhận lời giải thích của ai? Thưa Ngài, của người trước. Vì lý do gì? Thưa Ngài, cho dầu người ấy có thể nói như thế, tuy nhiên cô gái ấy trưởng thành phát khởi chính từ đó. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, cho dầu danh sắc cận tử là khác, danh sắc trong sự đi tái sanh là khác, tuy nhiên danh sắc ấy đã phát khởi chính tư đỏ, vì thế không được thoát khỏi các nghiệp ác. Xin Ngài cho thêm ví dụ.

Tâu Đại vương, giống như người nào đó mua lọ sữa tươi tư tay của người chăn bò, sau khi để lại ở tay của chính người ấy rồi ra đi [nói rằnệ]: "Ngày mai, tôi sẽ nhận lấy

rồi khởi hnh." Ngày hôm sau, sữa tươi áy có the trở thành sữa chua. Người kia đi đến và nói như vầy: "Hãy trao cho tôi lọ sữa tươi.,, Người chăn bò trao sữa chua. Người kia nói như vầy: "Tôi không mua sữa chua từ tay của ông. Hãy trao cho tôi lọ sữa tươd." Người ấy nói như vầy: "Bộ ông không biết sữa tươi của ông đã trở thành sữa chua?" Trong khi tranh cãi, họ đã đi đen gặp Bệ hạ. Tâu Đại vương, Đại vương có thể chấp nhận lời giải thích của ai? Thưa Ngài, của người chăn bò. -Vì lý do gì? Thưa Ngài, cho dâu người ây có thê nói như thê, tuy nhiên sữa chua ây phát khởi chính từ đó. . r r -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, cho dâu danh săc cận tử là khác, danh sắc trong sự đi tái sanh là khác, tuy nhiên danh sắc ấy đã phát khởi chính từ đó. Vì thế không được hoàn toàn thoát khỏi các nghiệp ác. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 7. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, có phải Ngài sẽ đi tái sanh? -Tâu Đại vương, thôi đi. Điều gi với việc hỏi điều ấy? Không phải tôi đã nói trước đây là: uTâu Đại vương, nếu tôi còn chấp thủ tôi sẽ tái sanh. Nếu tôi không còn chấp thủ thì tôi sẽ không đi tái sanh?" Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như người nào đó làm việc phục vụ cao quý đến đức vua, đức vua hoan hỷ ban cho phần thưởng. Với phần thưởng ấy, người ấy đạt được, có được, hưởng được năm phần dục lạc. Nếu người ấy tuyên bố với mọi người rằng: "Đức vua không đền đáp cho t6i." Tâu Đại vương, phải chăng người ấy có sự hành xử đúng đắn? Thưa Ngài, không phải. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, điêu gì cho Đại vương với việc hỏi điều này? Không phải tôi đã nói trước đây là: "Tâu Đại vương, nếu tôi còn chấp thủ tôi sẽ tái sanh. Nếu tôi không còn chấp thủ thì tôi sẽ không đi tái sanh?" Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 8. Đức Vua đã nói rằng: -Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài đã nói là í6danh sắc", ờ nơi ấy cái gì là danh, cái gì là sác? -Tâu Đại vương, ở nơi ây cái nào thô thiên cái ây là sao. ơ nơi ây những pháp nào vi tế, là tâm và sở hữu tâm, cái ấy là danh. -Thưa Ngài Nâgasena, vì lý do gì không chỉ riêng danh đi tái sanh, hoặc không chỉ riêng sắc [đi tái sanh]?

-Tâu Đại vương, các pháp này nương tựa lẫn nhau, sanh lên chung với nhau. Xin Ngài cho ví dụ. Tâu Đại vương, giông như không có mâm trứng ở con gà mái thì cũng không có quả trứng. Và trong trường hợp ấy, cái nào là mầm trứng và cái nào là quả trứng, cả hai vật này nương tựa lẫn nhau, chúng có sự sanh lên chung với nhau. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, ở nơi ấy nếu không có danh thì cũng không có sắc. ở nơi ấy cái nào là danh, cái nào là sắc, cả hai cái này cũng nương tựa lẫn nhau, chúng có sự sanh lên chung với nhau. Như vậy, hành trình2 diệu vợi này được tạo nên. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 9. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài đã nói là uhành trình diệu vợi", hành trình này gọi là gì? -Tâu Đại vương, quá khứ là hành trình, vị lai là hành trình, hiện tại là hành trình. Thưa Ngài, phải chăng hành trình là hiện hữu? -Tâu Đại vương, cũng có loại hành trình là hiện hữu, cũng có loại hành trình là không hiện hữu. Thưa Ngài, loại nào là hiện hữu, loại nào là không hiện hữu? Tâu Đại vương, các hành quá khứ đã qua khỏi, bị hoại diệt, bị biến đổi, loại hành trình ấy không hiện hữu. Các pháp tạo quả và các pháp có nhân tạo quả, chúng ban cho sự đi tái sanh ở nơi khác, loại hành trình ấy là hiện hữu. Các chúng sanh chết đi rồi sanh lên ở nơi khác, loại hành trình ấy là hiện hữu. Các chúng sanh chết đi rồi

không sanh lên ở nơi khác, loại hành trình ấy là không hiện hữu. Và các chúng sanh nào viên tịch Niết-bàn, loại hành trình ấy là không hiên hữu, là sự viên tịch Niết-bàn. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. Phẩm Hành trình là thứ nhì. (Trong phẩm này có chín câu hỏi)

2 về hai từ addhā và addhāna, HT. Giới Nghiêm dịch là 'thời gian', bản dịch tiếng Anh của L B. Homer cũng ghi là 'time', còn Bhikkhu Pesalā sử dụng cả hai nghĩa 'time' và "journey" ở bản dịch của mình.

m. PHẨM sở HỮU TỨ (VICÂRAVAGGO)

ỉ. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, cái gì là cội nguồn của hành trình quá khứ? Cái gì là cội nguồn của hành trình vị lai? Cái gì là cội nguồn của hành trình hiện tại? -Tâu Đại vương, vô minh là cội nguồn của hành trình quá khứ, của hành trình vị lai và của hành trình hiện tại. Do duyên vô minh, các hành [sanh khởi]. Do duyên các hành, thức [sanh khởi]. Do duyên thức, danh sắc [sanh khởi]. Do duyên danh sắc, sáu xứ [sanh khởi]. Do duyên sáu xứ, xúc [sanh khởi]. Do duyên xúc, thọ [sanh khởi]. Do duyên thọ, ái [sanh khởi]. Do duyên ái, thủ [sanh khởi]. Do duyên thủ, hữu [sanh khởi]. Do duyên hữu, sanh [sanh khởi]. Do duyên sanh, lão-tử-sầu-bi-khổ-ưu-não sanh khởi. Như thế, điểm mốc đầu tiên của toàn bộ hành trình khô uân này không được nhận biêt. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 2. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nã^asena, điều mà Ngài đã nói là 64điểm mốc đầu tiên không được nhận biêt", xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, ệiônệ như một người đặt xuông hạt giông nhỏ ở đát, từ đó mầm cây mọc lên, dan dần đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh, rồi cho trái. Cũng từ đó, sau khi lấy hạt giống rồi lại gieo trồng, cũng từ đó mầm cây mọc lên, dần dần đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh, rồi cho trái. Như vậy, phải chăng có điểm chấm dứt của tiên trình này? -Thưa Ngài, không có. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thậm chí điểm mốc đầu tiên của hành trình này không được nhận biết. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như "từ con gà mái có quả trứng, từ quả trứng có con gà mái, từ con gà mái có quả trứng." Như vậy, phải chăng có điểm chấm dứt của tiến trình này? Thưa Ngài, không có. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thậm chí điểm mốc đầu tiên của hành trình này không được nhận biết.

-Xin Ngài cho thêm ví dụ. Vi Trưởng lão đã vạch vòng tròn ở mặt đất rồi nói với đức Vua Milinda điều này: -Tâu Đại vương, có điểm chấm dứt của vòng tròn này chăng? -Thưa Ngài, không có. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những vòng quay này đã được đức Thế Tôn nói đến: 'Tùy thuận vào mắt và các cảnh sắc mà nhãn thức sanh lên. Sự hội tụ của ba điều này là xúc, do duyên xúc có thọ, do duyên thọ có ái, do duyên ái có nghiệp, từ nghiệp mắt lại được sanh ra." Như vậy, phải chăng có diễm chấm dưt cua tiến trinh này? Thưa Ngài, không có. "Tùy thuận vào tai và các cảnh thinh... (nt)... Tùy thuận vào ý và các cảnh pháp mà ý thức sanh lên. Sự hội tụ của ba điều này là xúc, do duyên xúc có thọ, do duyên thọ có ái, do duyên ái có nghiệp, từ nghiệp ý lại được

sanh ra.” Như vậy, phải chăng có điểm chấm dứt của tiến trình này? Thưa Ngài, không có. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, thậm chí diêm móc đâu tiên của hành trình này không được nhận biêt. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 3. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nã^asena, điều mà Ngài đã nói là "điểm mốc đầu tiên không được nhận biêt59, và điểm mốc đầu tiên ấy là cái nào? Tâu Đại vương, cái nào là hành trình quá khứ, cái ấy là điểm mốc đầu tiên. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài đã nói là "điểm mốc đầu tiên không được nhận biề?', thưa Ngài, phải chăng hết thảy tất cả điểm mốc đầu tiên đều khổng được nhận biết? -Tâu Đại vương, có điểm mốc được nhận biết, có điểm mốc không được nhận biết. Thưa Ngài, diêm móc nào được nhận biêt, diêm móc nào không được nhận biết? -Tâu Đại vương, từ đây trở về trước, với mọi hình thức, bằng mọi cách, vô minh đã không hiện hữu, điểm mốc đầu tiên ấy không được nhận biết. Còn [hành trình] nào từ khônệ hiện hữu rồi được hình thành, sau khi hiện hữu rồi phân tán, thì điểm mốc đầu tiên ấy được nhận biết. -Thưa Ngài Nâgasena, hành trình nào từ không hiện hữu rồi được hình thành, sau khi hiện hữu rồi phân tán, chẳng lẽ nó được cắt ở hai đầu thì biến mất? -Tâu Đại vương, nêu [hành trình] được căt ở hai đâu thì biên mát, có phải [điểm mốc] được cắt ở hai đầu thì có thể tăng trưởng? Đúng vậy, nó cũng có thể tăng trưởng.

Thưa Ngài, trẫm không hỏi điều này, phải chăng có thể tăng trưởng từ điểm mốc? Đúng vậy, có thể tăng trưởng.

Xin Ngài cho ví dụ. Vi Trưởng lão đã làm ví dụ về cái cây cho đức vua [rồi kết luận]: -Va cao uan la các mâm mong cua toan bọ kho uan? Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo. 4. Đức Vua đã nói răng: Thưa Ngài Nāgasena, phải chăng có các pháp hữu vi nào đó được sanh lên? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Có các pháp hữu vi được sanh lên. Thưa Ngài, chúng là những cái nào? Tâu Đại vương, khi có mat và các cảnh sac thì có nhãn thức; khi có nhãn thức thì có nhãn xúc; khi có nhãn xúc thì có thọ; khi có thọ thì có ái; khi có ái thì có thủ; khi có thủ thì có hữu; khi có hữu thì có sanh; từ sự sanh, lão-tử-sầu-bi- khổ-ưu-não sanh khởi. Như thế là sự sanh lên của toàn bộ khổ uẩn này. Tâu Đại vương, khi không có mắt và không có các cảnh sắc thì không có nhãn thức; khi không có nhãn thức thì không có nhãn xúc; khi không có nhãn xúc thì không có thọ; khi không có thọ thì không có ái; khi không có ái thì không có thủ; khi không có thủ thì không có hữu; khi không có hữu thì không có sanh; khi không có sanh thì không có lão-tử-sầu-bi-khổ-mi-não. Như thế là sự diệt tận của toàn bộ khổ uẩn này. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 5. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, phải chăng có các pháp hữu vi nào đó chưa từng hiện hữu mà được sanh ra? -Tâu Đại vương, không có các pháp hữu vi nào đó chưa từng hiện hữu mà được sanh ra cả. Tâu Đại vương, chính các pháp hữu vi từng hiện hữu mà được sanh ra. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Phải chăng cái nhà này, nơi mà Đại vương đang ngồi, là chưa từng hiện hữu mà được sanh ra? Thưa Ngài, không có cái gì ở đây là chưa từng hiện hữu mà đã được sanh ra, chính vật từng hiện hữu là đã được sanh ra. Thưa Ngài, những cây gỗ này quả đã có ở trong rừng. Và đất sét này đã có ở

trong đất. Và do sự ra sức đúng đắn của những người đàn bà và đàn ông mà cái nhà này đã được hình thành như vầy.

3 Không nắm được ý nghĩa của phần câu hỏi này. (ND)

-Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có các pháp hữu vi nào đó chưa từng hiện hữu mà được sanh ra cả, chính các pháp hữu vi từng hiện hữu mà được sanh ra. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giông như các hạt giông và loài thảo mộc nào đó được đặt ở đất dần dần đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh, rồi cho trái; các cây ấy không phải là chưa từng hiện hữu mà đã được sanh ra? chính các cây ấy từng hiện hữu mà đã được sanh ra. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có các pháp hữu vi nào đó chưa từng hiện hữu mà được sanh ra cả, chính các pháp hữu vi từng hiện hữu mà được sanh ra. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như người thợ gốm lấy lên đất sét từ đất rồi làm ra nhiều loại thau chậu, các thau chậu ấy không phải là chưa từng hiện hữu mà đã được sanh ra, chính các vật ấy từng hiện hữu mà đã được sanh ra. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có các pháp hữu vi nào đó chưa từng hiện hữu mà được sanh ra cả5 chính các pháp hữu vi từng hiện hữu mà được sanh ra. -Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như đối với cây đàn vīnā, nếu không có khung đàn, nếu không có da bọc, nếu không có bầu đàn, nếu không có cần đàn, nếu không có cổ dàn, nếu không có dây đàn, nếu không có phím đàn, và nếu không có sự ra sức đúng đắn của con người thì âm thanh có thể phát ra không? Thưa Ngài, không có. -Tâu Đại vương, trong trường hợp đối với cây đàn vīnā, nếu có khung đàn, nếu có da bọc, nếu có bầu dàn, nêu có cân đàn, nêu có cô đàn, nếu có dây đàn, nếu có phím đàn, và nếu có sự ra sức đúng đan của con người thì âm thanh có thể phát ra không? Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể phát ra. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có các pháp hữu vi nào đó chưa từng hiện hữu mà được sanh ra cả, chính các pháp hữu vi từng hiện hữu mà được sanh ra. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như nếu không có vật tạo lửa, nếu không có trục xoay, nếu không có dây kéo, nếu không có thanh gỗ ở trên, nếu không có giẻ bùi nhùi, và nếu không có sự ra sức đúng đắn của con người thì ngọn lửa ấy có thể sanh ra không? Thưa Ngài, không có. -Tâu Đại vương, trong trường hợp nêu có vật tạo lửa, nêu có trục xoay, nếu có dây kéo, nếu có thanh gỗ ở trên, nếu có giẻ bùi nhùi, và nếu có sự ra sức đúng đắn của con người thì ngọn lửa ấy có thể sanh ra không?

Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể sanh ra. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có các pháp hữu vi nào đó chưa từng hiện hữu mà được sanh ra cả, chính các pháp hữu vi từng hiện hữu mà được sanh ra. Xin Ngài cho thêm ví dụ. Tâu Đại vương, giống như nếu không có ngọc ma-ni, nếu không có tia nắng, nếu không có phân bò thì ngọn lửa ấy có thể sanh ra không? Thưa Ngài, không có. .M,. ' -Tâu Đại vương, trong trường hợp nêu có ngọc ma-ni, nêu có tia năng, nêu có phân bò thì ngọn lửa ấy có thể sanh ra không? Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể sanh ra. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế,

không có các pháp hữu vi nào đó chưa từng hiện hữu mà được sanh ra cả, chính các pháp hữu vi từng hiện hữu mà được sanh ra. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như nếu không có tấm gương, nếu không có ánh sáng, nếu không có khuôn mặt thì hình người có thể sanh ra không? Thưa Ngài, không có. -Tâu Đại vương, trong trường hợp nêu có tâm gương, nêu có ánh sáng, nếu có khuôn mặt thì hình người có thể sanh ra không? Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể sanh ra. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có các pháp hữu vi nào đó chưa từng hiện hữu mà được sanh ra cả, chính các pháp hữu vi từng hiện hữu mà được sanh ra. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 6 Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, có phải sự hiểu biết có thể đạt được? Tâu Đại vương, sự hiểu biết ấy là cái gì? Thưa Ngài, sự sống bên trong nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, nghe âm thanh bằng tai, ngửi mùi bằng mũi, nếm vi bằng lưỡi, chạm cảnh xúc bằng thân, nhận thức cảnh pháp bằng ý? giống như chúng ta ngồi ở đây, trong tòa lâu đài, muốn nhìn bằng cửa sổ nào thì có thể nhìn bằng cửa sổ ấy, chúng ta có thể nhìn bằng cửa sổ hướng Đông, chúng ta cũng có thể nhìn bằng cửa sổ hướíiệ Tây, chúng ta cũng có thê nhìn băng cửa sô hướng Bác, chúng ta cũng có thê nhìn bản^ cửa sổ hướng Nam. Bạch Ngài, tương tợ y như thế, sự sống bên trong này muốn nhìn bang cửa lớn nào thì nhìn bằng cửa lớn ấy. Vị Trưởng lão đã nói rằng: Tâu Đại vương, tôi sẽ nói về năm cửa lớn (ngũ môn, năm giác quan). Đại

vương hãy lắng nghe điều ấy, Đại vương hãy khéo chú ý. Nếu sự sống bên trong nhìn thây cảnh sac bng mat, giông như chúng ta ng8i ở đây, trong tòa lâu đài, muôn nhìn băng cửa sô nào thì có thê nhìn cảnh sac băng cửa sô ấy, chúng ta CÓ thê nhìn cảnh sac băng cửa sô hướng Đông, chúng ta cũng có thê nhìn cảnh sắc bằng cửa sổ hướng Tây, chúng ta cũng có thể nhìn cảnh sắc bằng cửa sổ hướng Bắc, chúng ta cũng có thể nhìn cảnh sắc bằng cửa sổ hướng Nam. Như vậy, với sự sống bên trong này, cảnh sắc có thể được nhìn thấy bằng mắt, phải chăng cảnh sắc có thể được nhìn thấy bằng tai, cảnh sắc có thể được nhìn thấy bằng mũi, cảnh sắc có thể được nhìn thấy bằng lưỡi, cảnh sắc có thể được nhìn thấy bằng thân, cảnh sắc có thể được nhìn thấy bằng ý; phải chăng âm thanh có thể được nghe bằng mắt, âm thanh có thể được nghe bằng mũi, âm thanh có thể được nghe bằng lưỡi, âm thanh có thể được nghe bằng thân, âm thanh có thể được nghe bang ý; phải chăng mùi có the được ngửi bằng mat, mùi có the được ngửi bằng tai, mùi có thể được ngửi bằng lưỡi, mùi có thê được ngửi bằng thân, mùi có thể được ngửi bằng ý; phải chăng vị có thể được nếm bằng mắt, vị có thể được nếm bằng tai, vi có thể được nếm bằng mũi, vi có thể được nếm bằng thân, vị có thể được nếm bằng ý; phải chăng cảnh xúc có thể được chạm bằng mat, cảnh xúc có thê được chạm băng tai, cảnh xúc có thê được chạm bằng mũi, cảnh xúc có thê được chạm băng lưỡi, cảnh xúc có thê được chạm băng ý; phải chăng cảnh pháp có thể được nhận biết bằng mắt, cảnh pháp có thể được nhận biêt bằng tai, cảnh pháp có thể được nhận biêt bằng mũi, cảnh pháp có thể được nhận biết bằng lưỡi, cảnh pháp có thể được nhận biết bằng thân? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, quả là Đại vương không liên kết điều sau với điều trước, hoặc điều trước với điều sau. Tâu Đại vương, hoặc là giống như chúng ta

ngồi ở đây, trong tòa lâu đài, nhìn thấy rõ rệt hơn cảnh sắc ở bên ngoài trước mặt qua không gian bao la khi hệ thông các cửa sô này được mở rộng, như vậy sự sông bên trong này có thể nhìn thấy cảnh sắc rõ rệt hơn cảnh sắc ở bên ngoài trước mặt qua không gian bao la khi các nhãn môn này được mở rộng. Phải chăng có thê nghe âm thanh, có thể ngửi mùi, có thể nếm vi, có thể chạm rõ rệt hơn cảnh xúc ở bên ngoài trước mặt qua không gian bao la khi các tai được mở rộng, khi mũi được mở rộng, khi lưỡi được mở rộng, khi thân được mở rộng? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, quả là Đại vương không liên kết điều sau với điều trước, hoặc điều trước với điều sau. Tâu Đại vương, hoặc là giống như vi Dinna này đi ra bên ngoài rồi đứng ở công bên ngoài cửa lớn, tâu Đại vương, phải chăng Đại vương biêt vị Dinna này đã đi ra bên ngoài rồi đứng ở cổng bên ngoài cửa lớn? -Thưa Ngài, đúng vậy. Trẫm biết. -Tâu Đại vương, hoặc là giống như vị Dinna này đi vào bên trong rồi đứng phía trước Đại vương, tâu Đại vương, phải chăng Đại vương biết vị Dinna này đã đi vào bên trong roi đứng phía trước Đại vương?

- Thưa Ngài, đúng vậy. Trẫm biết. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, khi vị nếm được đặt ở lưỡi, phải chăng sự sống bên trong này có thể biết được vị chua, hoặc vị mặn, hoặc vị đắng, hoặc vị cay, hoặc vị chát, hoặc vị ngọt? Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể biết. Khi các vị nếm ấy đã đi vào bên trong [cổ họng], phải chăng có thể biết được vị chua, hoặc vị mặn, hoặc vị đắng, hoặc vị cay, hoặc vi chát, hoặc vi ngọt? Thưa Ngài, không đúng. Tâu Đại vương, quả là Đại vương không liên két điêu sau với điêu trước, hoặc điều trước với điểu sau. Tâu Đại vương, ví như người nào đó bảo mang lại một trăm hũ mật ong, bảo đổ đầy máng mật ong, rồi bít kín miệng của một người đàn ông và đặt vào ở máng mật ong. Tâu Đại vương, người đàn ông ấy có thê biêt được có mật ong hay không có? - Thưa Ngài, không thể. -Vì lý do gì? Thưa Ngài, bởi vì mật ong đã không đi vào miệng của người ấy.

Tâu Đại vương, quả là Đại vương không liên két điêu sau với điêu trước, hoặc điều trước với điều sau. Thưa Ngài, trẫm không có khả năng để trò chuyện với nhà diễn thuyết như Ngài. Thưa Ngài, lành thay, xin Ngài nói về ý nghĩa. Vị Trưởng lão đã giúp cho đức Vua Milinda hiêu được băng sự thuyêt giảng liên quan đến Vi diệu pháp: -Tâu Đại vương, trong trường hợp này, tùy thuận vào mắt và các cảnh sắc mà nhãn thức sanh lên, như vậy các pháp này sanh lên do duyên. Xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý là đồng sanh với nó. Bởi vì ở đây sự hiểu biết có thể đạt được là không đúng. Tùy thuận vào tai và các cảnh thinh... (nt)... Tùy thuận vào ý và các cảnh pháp mà ý thức sanh lên. Xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyên, tác ý là đông sanh với nó, như vậy các pháp này sanh lên do duyên. Bởi vì ở đây sự hiêu biết có thê đạt được là không đúng. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 7. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, có phải nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ờ nơi ấy? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy. Thưa Ngài Nãgasena, có phải nhãn thức sanh lên trước ý thức sanh lên sau, hay là ý thức sanh lên trước nhãn thức sanh lên sau? Tâu Đại vương, nhãn

thức sanh lên trước ý thức sanh lên sau. Thưa Ngài Nâgasena, có phải nhãn thức ra lệnh cho ý thức rằng: "Tôi

sanh lên ở nơi nào thì anh cũng sanh lên ở nơi ây”hay là ý thức ra lệnh cho nhãn thức rằng: “Anh sẽ sanh lên ở nơi nào thì tôi cũng sẽ sanh lên ở nơi ấy"? -Tâu Đại vương, không đúng. Chúng không có sự chuyện trò với nhau. Thưa Ngài Nãgasena, nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy nghĩa là thế nào? -Tâu Đại vương, là tính chất xuôi chiều, tính chất cửa lớn, tính chất tập quán và tính chát thực hành. Thưa Ngài Nâgasena, thế nào là tính chất xuôi chiều khiến nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy? Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này, trong khi trời đang mưa, nước di chuyển theo lối nào? Thưa Ngài, lối nào là lối đi xuống thì đi theo lối đó. Rồi vào lúc sau đó trời vẫn mưa thì nước ấy di chuyển theo lối nào? Thưa Ngài, nước lúc trước đã di chuyển theo lối nào thì nó cũng di chuyển theo lối đó. -Tâu Đai vương, phải chăng nước lúc trước ra lệnh cho nước lúc sau rằng: "Tôi di chuyển theo lối nào thì anh cũng di chuyên theo lối ây", hay là nước lúc sau ra lệnh cho nước lúc trước rằng: “Anh sẽ di chuyên theo lối nào thì tôi cũng sẽ di chuyển theo lối ấy” Tâu Đại vương, không đúng. Chúng không có sự chuyện trò với nhau. Chúng di chuyên theo tính chát xuôi chiêu. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tính chất xuôi chiều khiến nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ây. Nhãn thức không ra lệnh cho ý thức rang: "Tôi sanh lên ở nơi nào thì anh cũng sanh lên ở nơi ấy." Y thức cũng không ra lệnh cho nhãn thức rằng: “Anh sẽ sanh lên ở nơi nào thì tôi cũng sẽ sanh lên ở nơi ấy." Chúng không có sự chuyện trò với nhau. Chúng sanh lên theo tính chất xuôi chiều. Thưa Ngài Nãgasena, thế nào là tính chất cửa lớn khiến nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy? Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì vê điêu này, thành ở biên địa của đức vua có tường vững chắc, cổng chào và một cửa lớn, do đó một người đàn ông có ý đinh đi ra thì có thể đi ra theo lối nào? Thưa Ngài, có thể đi ra theo lối cửa lớn. Rồi một người đàn ông khác ý đinh đi ra thì có thể đi ra theo lối nào? Thưa Ngài, người đàn ông trước đã đi ra theo lối nào thì người ấy cũng đi ra theo lối đó. -Tâu Đại vương, phải chăng người đàn ông trước ra lệnh cho người đàn ông sau rằng: "Tôi đi theo lối nào thì anh cũng đi theo lối ấy", hay là người đàn ông sau ra lệnh cho người đàn ông trước rằng: "Anh sẽ đi theo lối nào thì tôi cũng sẽ đi theo lối ấyW J

Thưa Ngài, không đúng. Họ không có sự chuyện trò với nhau. Họ đi theo tính chất cửa lớn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, tính chát cửa lớn khiên nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy. Và nhãn thức khônệ ra lệnh cho ý thức rang: "T6i sanh lên ở nơi nào thì anh cũng sanh lên ở nơi ấy.” Ý thức cũng không ra lệnh cho nhãn thức rằng: "Anh sẽ sanh lên ở nơi nào thì tôi cũng sẽ sanh lên ở nơi ấy.” Chúng không có sự chuyện trò với nhau. Chúng sanh lên theo tính chất cửa lớn. Thưa Ngài Nâgasena, thế nào là tính chất tập quán khiến nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy? Xin Ngài cho ví dụ. Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì vê

điêu này, một xe tải hàng đi dâu, vậy xe tải hàng thứ nhì cồ thể đi theo lối nào? Thưa Ngài, xe tải hàng trước đã đi lối nào thì nó cũng đi theo lối đó.

-Tâu Đại vương, phải chăng xe tải hàng trước ra lệnh cho xe tải hàng sau rằng: "Tôi đi theo lối nào thì anh cũng đi theo lối ấy", hay là xe tải hàng sau ra lệnh cho xe tải hàng trước rằng: "Anh sẽ đi theo lối nào thì tôi cũng sẽ đi theo lồi ấy" Thưa Ngài, không đúng. Chúng không có sự chuyện trò với nhau. Chúng đi theo tính chất tập quán. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tính chất tập quán khiến nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy. Và nhãn thức không ra lệnh cho ý thức rằng: "T6i sanh lên ở nơi nào thì anh cũng sanh lên ở nơi ấy. Ý thức cũng không ra lệnh cho nhãn thức rằng: “Anh sẽ sanh lên ở nơi nào thì tôi cũng sẽ sanh lên ở nơi ấy.” Chúng không có sự chuyện trò với nhau. Chúng sanh lên theo tính chất tập quán. Thưa Ngài Nãgasena, thê nào là tính chát thực hành khiên nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy? Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như sự vụng về của người thợ mới trong các lãnh vực của nghề nghiệp về do, đếm, tính, viết; rồi thời gian sau đó5 với tính chất thực hành của sự làm việc cẩn thận khiến không còn vụng về. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tính chất thực hành khiến nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy. Và nhãn thức không ra lệnh cho ý thức rằng: "Tôi sanh lên ở nơi nào thì anh cũng sanh lên ở nơi ấy." Ý thức cũng không ra lệnh cho nhãn thức rang: "Anh sẽ sanh lên ở nơi nào thì tôi cũng sẽ sanh lên ở nơi ấy.” Và chúng không có sự chuyện trò với nhau. Chúng sanh lên theo tính chất thực hành. Thưa Ngài Nâgasena, có phải nhĩ thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy? ... (nt)... tỷ thức sanh lên ở nơi nào.(nt)... thiệt thức sanh lên ở nơi nào... (nt).. thân thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy?

Tâu Đại vương, đúng vậy. Thân thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy. Thưa Ngài Nãgasena, có phải thân thức sanh lên trước ý thức sanh lên sau? Hay là ý thức sanh lên trước thân thức sanh lên sau? -Tâu Đại vương, thân thức sanh lên trước ý thức sanh lên sau. Thưa Ngài Nãgasena, có phải... (nt)... Chúng không có sự chuyện trò với nhau. Chúng sanh lên theo tính chất thực hành. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 8. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãẹasena, có phải ý thức sanh lên ờ nơi nào thì xúc, thọ cũng sanh lên ờ noi ây? Tâu Đại vương, đúng vậy. Ý thức sanh lên ở nơi nào thì xúc cũng sanh lên ở nơi ấy, thọ cũng sanh lên ở nơi ấy, tưởng cũng sanh lên ở nơi ấy, tư cũng sanh lên ở nơi ấy, tầm cũng sanh lên ở nơi ấy, tứ cũng sanh lên ở nơi ấy, tất cả các pháp có thọ đứng đầu cũng sanh lên ở nơi ẩy. Thưa Ngài Nagasena, xúc có cái gì là hành tướng? -Tâu Đại vương, xúc có sự chạm vào là hành tướng. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như hai con cừu húc nhau. Trong hai con cừu ấy, một con cừu được xem như là mắt, con cừu thứ hai được xem như là cảnh sắc. Sự va chạm nhau của chúng được xem như là xúc. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như hai bàn tay được vỗ vào nhau. Trong hai bàn tay ấy, một bàn tay được xem như là mắt, bàn tay thứ hai được xem như là cảnh sắc. Sự va chạm nhau của chúng được xem như là xúc. Xin Ngài cho thêm ví dụ. Tâu Đại vương,

giống như hai chập choá được vỗ vào nhau. Trong hai chập choá ấy, một chập choá được xem như là mắt, chập choá thứ hai được xem như là cảnh sắc. Sự va chạm nhau của chúng được xem như là xúc. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 9. - Thưa Ngài Nãgasena, thọ có cái gì là hành tướng? -Tâu Đại vương, thọ có sự cảm nhận là hành tướng và sự kinh nghiệm là hành tướng. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như người nào đó làm việc phục vụ cao quý đến đức vua, đức vua hoan hỷ ban phần thưởng cho người ấy. Với phần thưởng ấy, người ấy đạt được, có được, hưởng được năm phần dục lạc. Người ấy khởi ý như sau: "Trước đây, quả là ta đã làm việc phục vụ cao quý đên đức vua, đức

vua hoan hỷ đã ban phần thưởng cho ta đây. Do nhân ấy ta đây nhận biết thọ này có hình thức như vầy." Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nào đó đã làm việc thiện, do sự hoại rã của thân, do sự chết di, được sanh vào chốn an vui, cõi trời. Tại đó, người ấy đạt được, có được, hưởng được năm phần dục lạc thiên đường. Người ấy khởi ỵ như sau: "Trước đây, quả là ta đã làm việc thiện. Do nhân ấy, ta dây nhận biêt thọ này có hình thức như vy." Tâu Đại vương, tương tợ y như the, thọ có sự cảm nhận là hành tướng và sự kinh nghiệm là hành tướng. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 10. - Thưa Ngài Nãgasena, tưởng có cái gì là hành tướng? _ Tâu Đại vương, tưởng có sự tự nhận biết là hành tướng. Tự nhận biết điều gì? Tự nhận biết màu xanh, tự nhận biết màu vàng, tự nhận biết màu đỏ, tự nhận biết màu trang, tự nhận biết màu tím. Tâu Đại vương, tưởng có sự tự nhận biết là hành tướng nghĩa là như vậy. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như viên quan giữ kho của đức vua sau khi đi vào nhà kho nhìn thấy và tự nhận biết các vật thể, các của cải thuộc về đức vua là có màu xanh, vàng, đỏ, trang, tím. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, tưởng có sự tự nhận biết là hành tướng. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 11. Thưa Ngài Nâgasena, tư có cái gì là hành tướng? -Tâu Đại vương, tư có sự quyết định là hành tướng và có sự tạo tác lả hành tướng. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giông như người nào đó tạo ra thuôc độc roi tự mình uông và cho các người khác uống. Bản thân người ấy bi khổ sở, những người khác cũng bị khổ sở. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, ở đây có một người nào đó suy nghĩ với sự quyết định về điều bát thiện, do sự hoại rã của thân, do sự chết di, bị sanh vào chốn bất hạnh, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục. Luôn cả những người học tập theo người ấy, do sự hoại rã của thân, do sự chết di, cũng bị sanh vào chốn bất hạnh, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nào đó tạo ra một hỗn hợp bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía rồi tự mình uống và cho các người khác uống. Bản thân người ay được khoái lạc, những người khác cũng được khoái lạc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, ở đây có một người nào đó suy nghĩ với sự quyết đinh về điều thiện, do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, được sanh vào chốn an vui, cõi trời. Luôn cả những người học tập theo người ấy, do sự hoại rã của thân, do sự chết di, cũng được sanh vào chốn an vui, cõi trời. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tư có sự quyết định là hành tướng và có sự tạo tác là hành tướng.

Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo, 12. Thưa Ngài Nāgasena, thức có cái gì là hành tướng? -Tâu Đại vương, thức có sự nhận biết là hành tướng. Xin Ngài cho ví dụ. - Tâu Đại vương, giống như người giữ thành, ngồi ở ngã tư giữa thành phố, có thể nhìn thấy người đang đi đến từ hướng Đông, có thể nhìn thấy người dang đi đến từ hướng Nam, có thể nhìn thây người đang đi đên từ hướng Tây, có thê nhìn thấy người đang đi đến từ hướng Bắc. Tâu Đại vươnệ,ong tợ y như thế, con người nhìn thấy cảnh sắc bằng con mắt và nhận biết sac ấy bang thức, nghe âm thanh bằng tai và nhận biết thinh ấy bằng thức, ngửi mùi bằng mũi và nhận biết hương ấy bằng thức, nếm vị bằng lưỡi và nhận biết vị ấy bằng thức, chạm cảnh xúc bằng thân và nhận biết xúc ấy bằng thức, nhận thức cảnh pháp bằng ý và nhận biết pháp ấy bằng thức. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thức có sự nhận biết là hành tướng. Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo. 13. Thưa Ngài Nāgasena, tầm có cái gì là hành tướng? Tâu Đại vương, tầm có sự áp vào là hành tướng.

Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như người thợ mộc áp thanh gỗ đã khéo được chuẩn bị trước vào chỗ ráp nối. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tầm có sự áp vào là hành tướng. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 14. - Thưa Ngài Nãgasena, tứ có cái gì là hành tướng? -Tâu Đại vương, tứ có sự áp sát là hành tướng. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như cái cồng được vỗ vào sau đó vang lên và dội lại. Tâu Đại vương, sự vỗ vào là như the nào thì tam nên được xem như vậy, sự dội lại là như thế nào thì tứ nên được xem như vậy. Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo. Phẩm Sờ hữu tứ là thứ ba. (Trong phàm này có mười bôn câu hỏi)

832 KINH TIỂU BÔ

IV PHẨM NIẾT-BÀN (NIBBĀNAVAGGO)

1. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, đối vói các pháp được gom chung thành một bản thể này, có thể nào lần lượt tách rời và chỉ ra sự khác biệt của chúng: 6°Cái này là xúc, cái này là thọ, cái này là tưởng, cái này là tư, cái này là thức, cái này là tầm, cái này ỉa tứ95? -Tâu Đại vương, đôi với các pháp được gom chung thành một bản thê này, không thể nào lần lượt tách rời và chỉ ra sự khác biệt của chúng: "Cái này là xúc, cái này là thọ, cái này là tưởng, cái này là tư, cái này là thức, cái này là tầm, cái này là tứ? Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như người đầu bếp của đức vua thực hiện món súp hoặc nước chấm, người ấy nêm sữa, nêm muối, nêm gừng, nêm thìa là, nêm tiêu, nêm các gia vi khác vào trong món đó; đức vua nói với người ấy như vầy: "Hãy đem cho trẫm nước chấm vị sữa, hãy đem cho trẫm nước chấm vị muôi, hãy đem cho trẫm nước chấm vị gừng, hãy đem cho trẫm nước chấm vị thìa là, hãy đem cho trẫm nước chấm vị tiêu, hãy đem cho trẫm nước chấm đã được nêm tất cả các thứ." Tâu Đại vương, đối với các vi nếm được gom chung thành một bản thể ấy, có thể nào lần lượt tách rời và mang lại nước chấm có vị chua, hoặc có vi mặn, hoặc có vi đắng, hoặc có vị cay, hoặc có vị chát, hoặc có vị ngọt không? Thưa Ngài, đối với các vi nếm được gom chung thành một bản thể ấy, không thể nào lần lượt tách rời và mang lại nước chấm có vị chua, hoặc có vị mặn, hoặc có vị đắng, hoặc có vị cay, hoặc có vị chát, hoặc có vị ngọt được, mặc dầu chúng hiện diện với đặc điểm riêng của từng vị một.

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với các pháp được gom chung thành một bản thể này không thể nào lần lượt tách rời và chỉ ra sự khác biệt của chúng: uCái này là xúc, cái này là thọ, cái này là tưởng, cái này là tư, cái này là thức, cái này là tầm, cái này là tứ", mặc dầu chúng hiện diện với đặc điểm riêng của từng pháp một. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 2. Vị Trưởng lão đã nói rằng: -Tâu Đại vương, muối có thể được nhận biết bằng mắt không?

Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể được nhận biết bằng mắt. -Tâu Đại vương, có đúng là Đại vương biết một cách chắc chắn? Thưa Ngài, phải chăng có thể được nhận biết bằng lưỡi?

Tâu Đại vương, đúng vậy. Có thê được nhận biêt băng lưỡi. Thưa Ngài, phải chăng nhận biết tất cả các loại muối bằng lưỡi? Tâu Đại vương, đúng vậy. Nhận biết tất cả các loại muối bằng lưỡi. Thưa Ngài, nếu nhận biết tất cả các loại muối bằnậ lưỡi, tại sao những con bò mang muối lại bằng các xe kéo? Không lẽ có thể mang lại chỉ riêng muối thôi? Tâu Đại vương, không thê mang lại chỉ riêng muôi thôi. Các vật được gom chung thành một bản thể này có bản chất khác biệt về lãnh vực, và muối có tính chát nặng nề. -Tâu Đại vương, phải chăng có thê cân muôi băng cân? - Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể. Tâu Đại vương, không có thể cân muối bằng cân. Tính chất nặng nề [của muối] được cân bằng cân. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 3. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, có phải năm xứ4 được sanh lên do các việc làm khác nhau, hay là do một việc làm? -Tâu Đại vương, chúng được sanh lên do các việc làm khác nhau, không phải do một việc làm. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Năm loại hạt giống gieo ở một cánh đồng, đôi với các loại hạt giông khác nhau phải chăng các quả khác nhau được sanh lên? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Chúng được sanh lên. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, năm xứ được sanh lên do các việc làm khác nhau, không phải do một việc làm. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 4. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, vì lý do gì mà toàn thể loài người là không giống nhau, những kẻ này yểu thọ, các kẻ khác trường thọ; những kẻ này nhiều bệnh, các kẻ khác ít bệnh; những kẻ này có sắc xấu, các kẻ khác có sắc tốt; những kẻ này có ít quyền lực, các kẻ khác có nhiều quyền lực; những kẻ này có ít của cải, các kẻ khác có nhiều của cải; những kẻ này có gia tộc hạ tiện, các kẻ khác có gia tộc thượng lưu; những kẻ này có tuệ tồi, các kẻ khác có tuệ?

4 Năm xứ là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ và thân xứ. (ND)

Vị Trưởng lão đã nói rằng: -Tâu Đại vương, vì sao tất cả các cây cối là khônệ giống nhau, những cây này là chua, các cây khác là mặn, những cây này là đăng, các cây khác ỉa cay, những cây này là chát, các cây khác là ngọt? Thưa Ngài, trẫm nghĩ là vì việc làm khác nhau của hạt giống. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vì việc làm khác nhau của các nghiệp mà toàn thể loài người là không giống nhau, những kẻ này yểu thọ, các kẻ khác trường thọ; những kẻ này nhiều bệnh, các kẻ khác ít bệnh; những kẻ

này có sắc xấu, các kẻ khác có sắc tốt; những kẻ này có ít quyền lực, các kẻ khác có nhiều quyền lực; những kẻ này có ít của cải, các kẻ khác có nhiều của cải; những kẻ này có gia tộc hạ tiện, các kẻ khác có gia tộc thượng lưu; những kẻ này có tuệ tồi, các kẻ khác có tuệ. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đen: "Này người thanh niên, chúng sanh là các chủ nhân của nghiệp, là những ke mưa tự cua nghiệp, co nghiệp la can nguyên, co nghiệp la than quyên, co nghiệp là nơi nương tựa, nghiệp phân loại các chủng sanh tức là theo tỉnh chất hạ liệt hay cao quỷy Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 5. Đức Vua đã nói răng: Thưa Ngài Nâgasena, Ngài nói rằng: wLàm cách nào để cho khổ này diệt và khổ khác không thể sanh lên? Tâu Đại vương, sự xuất gia của chúng tôi là với mục đích ấy.” Có lợi ích gì vói việc đã tinh tấn trước đây? Chẳng phải là nên tinh tấn trong thời hiện tại hay sao? Vị Trưởng lão đã nói rằng: -Tâu Đại vương, sự tinh tấn trong thời hiện tại thì chưa làm được việc, sự tinh tấn trước đây thì đã làm được việc. -Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Phải chăng khi nào Đại vương bị khát thì khi ấy Đại vương mới bảo đào giếng nước, mới bảo đào hồ nước [nghĩ rằng]: “Ta se uống niról"? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, sự tinh tấn trong thời hiện tại thì chưa làm được việc, sự tinh tấn trước đây thì đã làm được việc. Xin Ngài cho thêm ví dụ. Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì vê điêu này? Phải chăng khi nào Đại vương thèm ăn thì khi ấy Đại vương mới bảo cày ruộng, mới bảo trồng lúa sāli, mới bảo đem thóc lại [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dụng bữa n"? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, sự tinh tấn trong thời hiện tại thì chưa làm được việc, sự tinh tấn trước đây thì đã làm được việc.

Xin Ngài cho thêm ví dụ. Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì vê điêu này? Phải chăng khi nào Đại vương lâm trận thì khi ây Đại vương mới bảo đào hào, mới bảo đáp lũy, mới bảo xây cổng thành, mới bảo làm vọng gác, mới bảo đem lại thóc; khi ẩy Đại vương mới rèn luyện về voi, mới rèn luyện về ngựa, mới rèn luyện về xe, mới rèn luyện về cung, mới rèn luyện về gươm? Thưa Ngài, không đúng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, sự tinh tấn trong thời hiện tại thì chưa làm được việc, sự tinh tấn trước đây thì đã làm được việc. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Người biết việc nào lợi ích cho mình thì nên làm việc ấy trước. Không có ỷ nghĩ như kẻ đảnh xe bò, bậc thông minh sảng trí nên co gang. Giốnệ như kẻ đánh xe bò từ bỏ con đường lớn bằng phẳng đi vào con đường go ghe, bi gãy trục xe rồi bực bội. Như vậy, sau khi xa lìa Chảnh pháp, xu hướng theo phi pháp, kẻ ngu bị rơi vào miệng thần chết, sầu muộn như kẻ bi gãy trục xe vậyy Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 6. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, Ngài nói rằng: wLửa địa ngục nóng dữ dội hơn lửa bình thường. Một hòn đá nhỏ bé được ném vào trong lửa bình thường, trong khi bi đốt cháy trọn ngày vẫn không bị tiêu hoại, còn tảng đá thậm chí lớn bằng ngôi nhà mái nhọn được ném vào trong lửa địa ngục liền bi tiêu hoại trong giây lát.55 Trẫm không tin lời nói này. Hơn nữa, Ngài còn nói như vầy: “Chúng sanh nào sanh ra ở nơi ấy, trong khi bị nung nấu ở địa ngục thậm chí trong nhiều ngàn năm, vẫn không bi tiêu hoại", trẫm cũng không tin lời nói này. Vi Trưởng lão đã nói rằng: -Tâu Đại vương, Đại

vuông nghĩ gì về điều này? Các loài như cá đao cái, ca sâu cai, rua cái, cong mai, bo cau mai, phải chăng chúng ăn các hon đa va các hạt cát cứng rắn? Thưa Ngài, đúng vậy. Chúng ăn. Vậy có phải các thứ này khi đã đi vào bên trong bao tử ở bụng của chúng thì bị tiểu hoại? Thưa Ngài, đúng vậy. Chúng bị tiêu hoại. -Vậy còn bào thai ở trong bụng của các loài thú cái ấy cũng bị tiêu hoại? Thưa Ngài, không đúng. -Vì lý do gì? Thưa Ngài, trẫm nghĩ do tác động của nghiệp khiến chúng không bị tiêu hoại.

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, do tác động của nghiệp khiến chúng sanh ở địa ngục, trong khi bị nung nấu ở địa ngục thậm chí trong nhiều ngàn năm vẫn không bị tiêu hoại; họ sanh ra ngay tại nơi ấy, lớn lên ngay tại nơi ấy, chét đi ngay tại nơi ấy. Tâu Đại vương, điêu này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Cho đến khỉ nào nghiệp ác ấy còn chưa được diệt tận thì chúng sanh địa ngục ấy vẫn không chết Xin Ngài cho thêm ví dụ. Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì vê điêu này? Các loài như sư tử cái, cọp cái, beo cái, chó cái, phải chăng chúng cũng ăn các khúc xương và các miếng thịt cứng rắn? Thưa Ngài, đúng vậy. Chúng ăn. -Vậy có phải các thứ này khi đã đi vào bên trong bao tử ở bụng của chúng thì bị tiểu hoại? Thưa Ngài, đúng vậy. Chúng bị tiêu hoại. Vậy còn bào thai ở trong bụng của các loài thú cái ấy cũng bi tiêu hoại?

Thưa Ngài, không đúng. Vì lý do gì? Thưa Ngài, trẫm nghĩ do tác động của nghiệp khiến chúng không bị tiêu hoại. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, do tác động của nghiệp khiến chúng sanh ở địa ngục, trong khi bị nung nấu ở địa ngục thậm chí trong nhiều ngàn năm, vẫn không bị tiêu hoại. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì vê điêu này? Các phụ nữ như các cô mảnh mai xứ Yona, các cô mảnh mai dòng Sát-đế-lỵ? các cô mảnh mai dòng Bà-la-môn, các cô gia chủ mảnh mai, phải chăng họ cũng ăn các vật nhai và các miếng thịt cứng rắn? Thưa Ngài, đúng vậy. Họ ăn. -Vậy có phải các thứ này khi đã đi vào bên trong bao tử ở bụng của họ thì bi tiêu hoại? Thưa Ngài, đúng vậy. Chúng bị tiêu hoại. Vậy còn bào thai ở trong bụng của những phụ nữ ây cũng bi tiêu hoại? Thưa Ngài, không đúng. _ Vì lý do gì? Thưa Ngài, trẫm nghĩ do tác động của nghiệp khiến chúng không bị tiêu hoại. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, do tác động của nghiệp khiên chúng sanh ở địa ngục, trong khi bị nung nấu ở địa ngục thậm chí trong nhiều ngàn

năm, vẫn không bi tiêu hoại; họ sanh ra ngay tại nơi ấy, lớn lên ngay tại nơi ấy, chết đi ngay tại nơi ây. Tâu Đại vương, điêu này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Cho đến khi nào nghiệp ác ấy còn chưa được diệt tận thì chúng sanh đỉa ngục ấy vẫn không chết, Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 7. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, Ngài nói rằng: ÍẾĐại địa cầu này được tồn tại ờ nước, nước được tồn tại ờ gió, gió được tồn tại ở hư không.95 Trẫm cũng không tin lòi nói này. Vi Trưởng lão đã lấy nước bằng bình đựng nước rồi giúp cho đức Vua Milinda hiên được răng: -Tâu Đại vương, nước này được nâng đỡ bởi gió như thế nào thì nước kia cũng được nâng đỡ bởi gió như thế ấy. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 8. Đức Vua đã nói rằng:

Thưa Ngài Nâgasena, có phải sự diệt tận là Niết-bàn? Tâu Đại vương, đúng vậy. Sự diệt tận là Niết-bàn. Thưa Ngài Nâgasena, sự diệt tận là Niết-bàn nghĩa là thế nào? -Tâu Đại vương, quả là tất cả những kẻ phàm phu ngu dốt thích thú tán thưởng, bám víu vào các nội và ngoại xứ. Chúng thả trôi theo dòng chảy ấy, không hoàn toàn thoát khỏi sự sanh, sự già, sự chết, các sự sầu-bi-khổ-ưu-não? tôi nói rằng chúng không hoàn toàn thoát khỏi khổ. Tâu Đại vương, còn vị Thánh đệ tử có sự học hỏi, không thích thú không tán thưởng, không bám víu vào các nội và ngoại xứ. Trong khi vị ấy không thích thú không tán thưởng, không bám víu vào các nội và ngoại xứ, ái bị diệt tận; do sự diệt tận của ái có sự diệt tận của thủ; do sự diệt tận của thủ có sự diệt tận của hữu; do sự diệt tận của hữu có sự diệt tận của sanh; do sự diệt tận của sanh, già-chết-sầu-bi-khổ-ưu-não bị diệt tận. Như thế là sự diệt tận của toàn bộ khổ uẩn này. Tâu Đại vương, sự diệt tận là Niết-bàn nghía là như vậy. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 9. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, có phải tất cả đều đạt được Niết-bàn? Tâu Đại vương, không phải tất cả đều đạt được Niết-bàn. Tâu Đại vương, người nào thực hành chân chánh biết rõ các pháp cần được biết rõ, biết toàn diện các pháp cần được biết toàn diện, dứt bỏ các pháp cần được dứt bỏ, tu tập các pháp cân được tu tập, chứng ngộ các pháp cân được chứng ngộ, người ây đạt được Niết-bàn. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo.

10. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nāgasena, người nào chưa đạt được Niết-bàn, có phải người ấy biết được Niết-bàn là an lạc? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Người nào chưa đạt được Niết-bàn, người ấy vẫn biết được Niết-bàn là an lạc. Thưa Ngài Nâgasena, trong khi không đạt được Niết-bàn làm thế nào lại biết được Niết-bàn la an lạc? -Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Đối với những người có tay chân không bị chặt đứt, tâu Đại vương, có phải họ có thể biết được sự chặt đứt tay chân là đau đớn. Thưa Ngài, đúng vậy. Làm thế nào họ có thể biết được? Thưa Ngài, sau khi lắng nghe tiếng rên rỉ của những người khác có tay chân bị chặt đứt, họ biết được sự chặt đứt tay chân là đau đớn. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, sau khi lăng nghe những người đã thấy được Niết-bàn mà biết được Niết-bàn là an lạc. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. Phẩm Niết-bàn là thứ tư. (Trong phẩm này có mười câu hỏi)

V PHẨM ĐỨC PHẬT (BUDDHAVAGGO)

1. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, có phải đức Phật đã được Ngài nhìn thấy?

Tâu Đại vương, không. Vậy có phải đức Phật đã được các vị thầy của Ngài nhìn thấy?

-Tâu Đại vương, không. Thưa Ngài Nâgasena, như vậy thì không có đức Phật. -Tâu Đại vương, vậy sông ūhā ở núi Hy-mã-lạp có được Ngài nhìn thấy không? Thưa Ngài, không. -Vậy có phải sông ūhā đã được cha của Ngài nhìn thấy? -Tâu Ngài, không. -Tâu Đại vương, như vậy thì không có sông ūhā. Thưa Ngài, có mà. Mặc dầu sông ūhā

không được trẫm nhìn thấy, sông ũhã cũng không được cha của trẫm nhìn thấy, nhưng mà có sông ũhā. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thể, mặc dầu đức Thế Tôn khônệ được tôi nhìn thây, đức Thê Tôn cũng không được các vị thây của tôi nhìn thây, nhưng ma co đức The Ton. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 2. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, có phải đức Phật là vô thượng? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Đức Phật là vô thượng. Thưa Ngài Nāgasena, làm thế nào Ngài biết được "Đức Phật là vô thượng,, khi chưa từng được thấy trước đây? Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Với những người mà biển cả chưa từng được thấy, tâu Đại vương, có phải những người ấy có thể biết được biển, nơi mà năm con sông lớn này, tức là Gañgā, Yāmunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī thường xuyên, liên tục đổ vào, là rộng lớn, sâu thẳm, không thể đo đạc, khó thăm dò, luôn cả sự thiếu hụt hay tràn đầy của nó cũng không được nhận ra? Thưa Ngài, họ có thể biết được.

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, sau khi nhìn thấy các vi Thinh văn vĩ đại viên tịch Niết-bàn, tôi biết được "Dức Thế Tôn là vô thuợng." Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 3. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, có thể biết được wĐức Phật là vô thượng95? Tâu Đại vương, đúng vậy. Có thể biết được "Dức Phật là vô thuợng." Thưa Ngài Nâgasena, làm thế nào có thể biết được "'Đức Phật là vô thượng95? -Tâu Đại vương, vào thời trước đây đã có vị thầy về văn tự tên là Trưởng lão Tissa. Vi ấy từ trân đã trải qua nhiêu năm, vì sao mà vị ây vẫn được biết đến? Thưa Ngài, nhờ vào văn tự. _ Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, người nào thây Pháp người ây thây đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, bởi vì Pháp đã được thuyết giảng bởi đức Thế Tôn. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 4. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, có phải Pháp đã được Ngài nhìn thấy? -Tâu Đại vương, các vị đệ tử cần phải thực hành theo sự hướng dẫn của đức Phật, theo điều quy đinh bởi đức Phật, cho đến trọn đời. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 5. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, có phải tái sanh không phải là chuyển sang?

-Tâu Đại vương, đúng vậy. Tái sanh không phải là chuyên sang. Thưa Ngài Nãgasena, tái sanh không phải là chuyển sang nghĩa là thế nào? Xin Ngài cho ví dụ. Tâu Đại vương, giông như người nào đó tháp sáng cây đèn từ cây đèn [khác], tâu Đại vương, phải chăng cây đèn ấy được chuyển sang từ cây đèn [kia]? Thưa Ngài, không phải. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tái sanh không phải là chuyển sang. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, có phải Ngài biết rõ là trong lúc còn niên thiếu đã có câu thơ nào đó được học ở người thây dạy về thơ? Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, phải chăng câu thơ đó được chuyển sang từ người thầy? Thưa Ngài, không phải. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tái sanh không phải là chuyển sang. Thưa Ngài Ngasena, Ngài thật khôn khéo. 6. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, có phải sự hiểu biết có thể đạt được?

Vị Trưởng lão đã noi răng: Tâu Đại vương, theo ý nghĩa tuyệt đối sự hiểu biết không thể đạt được.

Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo. 7. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nāgasena, có phải có chúng sanh nào từ thân này chuyển sang thân khác? -Tâu Đại vương, không phải. Thưa Ngài Nāgasena, nếu không có việc từ thân này được chuyển sang thân khác, không lẽ sẽ được thoát khỏi các nghiệp ác? Tâu Đại vương, đúng vậy. Nếu không tái sanh thì sẽ được thoát khỏi các nghiệp ác. Tâu Đại vương, chính vì tái sanh mà không được hoàn toàn thoát khỏi các nghiệp ác. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như người nào đó lấy trộm trái xoài của người khác, có phải người ấy đáng bị hành phạt? Thưa Ngài, đúng vậy. Người ấy đáng bi hành phạt.

-Tâu Đại vương, quả là người ây đã không lây trộm các trái xoài đã được trồng bởi người kia, tại sao lại đáng bị hành phạt? Thưa Ngài, những trái xoài ây được sanh lên có điêu kiện. Do đó, người ấy đáng bị hành phạt. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người tạo nghiệp tốt đẹp hoặc không tốt đẹp với danh sắc này, do nghiệp ấy danh sắc khác tái sanh, vì thế mà không được hoàn toàn thoát khỏi các nghiệp ác. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 8. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, nghiệp thiện hoặc bất thiện được tạo ra bởi danh sắc này, vậy các nghiệp ấy trú ờ đâu? Tâu Đại vương, các nghiệp ây theo sau tợ như bóng có sự không xa lìa [hình] vậy. Thưa Ngài, có thể nào chỉ cho thấy các nghiệp ấy là: "Các nghiệp ấy tru ở chỗ này,9 không? -Tâu Đại vương, không thê nào chỉ cho thây các nghiệp ây là: "Các nghiệp ấy trú ở chỗ này hay ở chỗ nSy." Xin Ngài cho ví dụ.

-Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì vê điêu này? Những cây nào có các trái chưa trổ, có thể nào chỉ cho thấy các trái của chúng là: "Các trái ấy trú ở chỗ này hay ở chỗ này" không?

Thưa Ngài, không. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, khi sự diễn tiến còn chưa bi cắt đứt thì không thể nào chỉ cho thấy các nghiệp ấy là: uCác nghiệp ấy tru ở chỗ này hay ở chỗ này." -Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 9. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, có phải người nào tái sanh thì người ấy biết được rằng: 66 sẽ tái sanh5 ? Tâu Đại vương, đúng vậy. Người nào tái sanh thì người ấy biết được rằng: "Ta sẽ tái sanh.,, Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giông như người nong dan gia chu sau khi gieo xuống các hạt giống ở đất, trong khi trời mưa điều hòa thì biết được rằng: "Thóc lúa sẽ được tạo ra.” Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể biết được.

-Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, người nào tái sanh thì người ây biêt được rằng: "Ta sẽ tái sanh. -Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 10. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, có phải là có đức Phật? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Có đức Phật. Thưa Ngài, có thể nào chỉ cho thấy đức Phật là uchỗ này hay chỗ này" không? Tâu Đại vương, đức Thế Tôn đã viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót. Không thể nào chỉ cho thấy đức Thế Tôn là "chỗ này hay chỗ nay." Xin Ngài cho ví dụ. Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì vê điêu này? Ngọn lửa của đông lửa lớn đang cháy đã bị

diệt tăt? có thê nào chỉ cho thây ngọn lửa ây là "chỗ này hay chỗ nà khòng? Thưa Ngài, không. Ngọn lửa ấy đã tắt, đã đi đến trạng thái không còn được nhận biết. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn đã viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót. Đức Thế Tôn đã diệt tắt, kh6ng thể nào chỉ cho thấy là "chỗ này hay chỗ này?9 Tâu Đại vương, tuy nhiên có thể chỉ cho thấy đức Thế Tôn bởi tổng thể các Pháp. Tâu Đại vương, bởi vì Pháp đã được thuyết giảng bởi đức Thế Tôn. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. Phẩm Đức Phật là thứ năm.

MILINDAVẤN ĐẠO 843

VI. PHẨM TRÍ NHỚ (SATIK4GGƠ)

ỉ. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, có phải thân thể đối vơi các bậc xuất gia là đáng yêu? -Tâu Đại vương, thân thể đối với các bậc xuất gia là không đáng yêu. Thưa Ngài, vậy tại sao Ngài lại nâng niu, quyến luyến?

Tâu Đại vương, khi Đại vương tham gia chiên trận, có phải đôi khi vào lúc nào đó Đại vương có bị tên bắn? Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, vậy có phải vét thương ây được bôi cao, được thoa dâu và được băng bó bằng miếng vải mềm? Thưa Ngài, đúng vậy. Nó được bôi cao, được thoa dầu và được băng bó bằng miếng vải mềm. -Tâu Đại vương, phải chăng vết thương là đáng yêu đối với Đại vương nên được bôi cao, được thoa dầu và được băng bó bằng miếng vải mềm? Thưa Ngài, vết thương quả là không đáng yêu đối với trẫm. Tuy nhiên, nhằm mục đích làm lành da thịt nên nó được bôi cao, được thoa dầu và được băng bó băng miêng vải mem. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thân thể đối với các bậc xuất gia là không đáng yêu, và các bậc xuất gia chăm nom thân thể mà không bi bám víu nhằm nâng đỡ việc thực hành Phạm hạnh. Tâu Đại vương, thân thể ví như vết thương đã được đức Thế Tôn đề cập đến. Vì thế, các bậc xuất gia chăm nom thân thể như là [chăm sóc] vết thương mà không bị bám víu. Tâu Đại vương, điều này cũng đa được đức Thế Tôn noi đến: "Được bao bọc bởi lớp da âm ướt, vét thương lớn có chỉn cửa (cửu khiêu) rỉ ra xung quanh những mùi hôi thôi, không trong sạchy Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 2. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, có phải đức Phật là vi biết tất cả, thấy tất cả? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Đức Thế Tôn là vị biết tất cả, thấy tất cả. Thưa Ngài Nâgasena, vậy thì tại sao đức Thế Tôn đã quy đinh điều học cho các đệ tử tìieo tưng điều mọt?

844 KINH TIỂU BÔ

-Tâu Đại vương, có người thây thuốc nào của Ngài biêt được toàn bộ dược phẩm ở trái đất này không? Thưa Ngài, đúng vậy. Có. -Tâu Đại vương, phải chăng người thây thuôc áy cho người bệnh uông thuốc khi thời điểm đã đến, hay la khi thời diêm chưa đến? Thưa Ngài, vị ấy cho người bệnh uống thuốc khi thời điểm đã đến, không phải khi thời điểm chưa đến. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn là vi biết tất cả, thấy tất cả; Ngài không quy đinh điều học cho các đệ tử khi không phải là thời điểm. Khi thời điểm đã đến, Ngài mới quy định điều học cho các đệ tử, cho đến trọn đời không nên vượt qua. Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo. 3. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nāgasena, có phải đức Phật hội đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại

nhân và được phân biệt với tám mươi tướng phụ, có sắc vàng, có làn da như là vàng, có hào quang một sải tay? Tâu Đại vương, đúng vậy. Đức Thế Tôn hội đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân và được phân biệt với tám mươi tướng phụ, có sắc vàng, có làn da như là vàng, có hào quang một sải tay. Thưa Ngài, có phải cha mẹ của đức Phật cũng hội đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân và được phân biệt với tám mươi tướng phụ, có sắc vàng, có làn da như là vàng, có hào quang một sải tay? -Tâu Đại vương, không phải. Thưa Ngài Nāgasena, trong khi là như vậy thì không thể nào đức Phật sanh lên được hội đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân và được phân biệt với tám mươi tướng phụ, có sắc vàng, có làn đa như là vàng, có hào quang một sải tay. Hơn nữa, con trai là giống mẹ hay bà con bên mẹ, hoặc con trai là giống cha hay bà con bên cha. Vi Trưởng lão đã nói rằng: Tâu Đại vương, có loại hoa sen nào có trăm cánh không? Thưa Ngài, đúng vậy. Có. -Vậy xuất xứ của nó là từ đâu? Nó sanh ra ở trong bùn, sống ở trong nước. -Tâu Đại vương, phải chăng hoa sen có sắc, hoặc có mùi, hoặc có vi tương tợ như bùn? Thưa Ngài, không đúng. -Vậy thì phải chăng hoa sen có sác, hoặc có mùi, hoặc có vị tương tợ như nước?

-Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn hội đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân và được phân biệt với tám mươi tướng phụ, có sắc vàng, có làn da như là vàng, có hào quang một sải tay. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 4. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, có phải đức Phật là người hành Phạm hạnh? Tâu Đại vương, đúng vậy. Đức Thế Tôn là người hành Phạm hạnh. Thưa Ngài Nâgasena, chính vì điều ấy có phải đức Phật là học trò của Phạm thiên? Tâu Đại vương, Đại vương có con voi đầu đàn không?

Thưa Ngài, đúng vậy. Có. -Tâu Đại vương, phải chăng con voi ấy đôi khi vào lúc nào đó rống tiếng rống như là của loài cò? Thưa Ngài, đúng vậy. Nó có rống.

Tâu Đại vương, chính vì điêu áy có phải con voi áy là học trò của những con cò? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, có phải Phạm thiên có tánh giác? -Thưa Ngài, có tánh giác. Tâu Đại vương, chính vì điều ấy Phạm thiên là học trò của đức Thế Tôn.

Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo. 5. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nāgasena, có phải việc tu lên bậc trên là tốt? Tâu Đại vương, đúng vậy. Việc tu lên bậc trên là tốt. Thưa Ngài, vậy đối với đức Phật có việc tu lên bậc trên, hay là không có? -Tâu Đại vương, đức Thế Tôn đã tu lên bậc trên ở cội cây Bồ-đề với trí biết tất cả. Đối với đức Thế Tôn khôn^có việc tu lên bậc trên được ban cho bởi những người khác. Tâu Đại vương, giống như việc đức Thế Tôn quy định điều học cho các đệ tử, cho đen trọn đời không nên vượt qua. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 6 Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, ngươi khóc vì việc qua đòi của mẹ và người khóc vì sự yêu mếnjpháp9 trong hai người đang khóc ấy nước mắt của ai là liều thuốc, nước mat của ai không phải là liều thuốc? -Tâu Đại vương, nước mắt của một người là nóng nảy do tham sân si, có vấy bụi, của một người là mát mẻ do hỷ và thiện tâm, không có vấy bụi. Tâu

Đại vương, cái nào mát mẻ cái ấy là liều thuốc, cái nào nóng nảy cái ấy không phải là liêu thuốc. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 7. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, cái gì là sự khác biệt ờ người có tham ái và ờ người đã lìa tham ái? Tâu Đại vương, một người là bi dính mắc, một người không bi dính mắc. Thưa Ngài, điều gì gọi là dính mắc và không dính mắc? -Tâu Đại vương, một người có mong cầu, một người không có mong cầu. -Thưa Ngài, trâm thây như vây: Người có tham ái và nguồi đã lìa tham ái, cả hai hạng này đều ưa thích vật thực loại cứng, loại mềm tót đẹp và không ưa thích bất cứ loại nào xấu. -Tâu Đại vương, người chưa lìa tham ái thọ dụng vật thực có sự nhận biết về mùi vị, có sự nhận biết về tham ái ở mùi vi, còn người đã lìa tham ái thọ dụng vật thực có sự nhận biết về mùi vi, nhưng sự nhận biết về tham ái ở mùi vi là không có. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 8. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, tuệ trú ờ noi nào? Tâu Đại vương, không ở nơi nào cả. Thưa Ngài Nãgasena, như vậy thì không có tuệ. Tâu Đại vương, gió tru ở nơi nào? Thưa Ngài, không ở nơi nào cả. Tâu Đại vương, như vậy thì không có gió. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 9. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài đã nói là wluân hồF\ luân hồi ấy là gì? -Tâu Đại vương, người sanh ra ở nơi đây, chết ngay tại nơi đây; chết tại nơi dây, sanh lên ở nơi khác; sanh ra ở nơi kia, chết ngay tại nơi kia; chết tại nơi kia, sanh lên ở nơi khác. Tâu Đại vương, luân hồi là như vậy. -Xin Ngài cho ví dụ. Tâu Đại vương, giống như người nào đó sau khi ăn trái xoài chín rồi ươm trồng cái hột, từ đó cây xoài nảy mầm, lớn lên, rồi cho các trái. Rồi người ấy sau khi ăn trái xoài chín cũng từ đó rồi ươm trồnậ cái hột, cũng từ đó cây xoài nảy mầm, lớn lên, rồi cho các trái. Như vậy, điểm tận cùng của các cây này không được biết đến. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người sanh ra ở nơi đây, chết ngay tại nơi đây; chết tại nơi đây, sanh lên ở nơi khác; sanh ra ở nơi

kia, chết ngay tại nơi kia; chết tại nơi kia, sanh lên ở nơi khác. Tâu Đại vương, luân hồi là như vậy. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 10. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, nhờ vào cái gì mà hồi tưởng lại việc đã làm từ lâu trong quá khứ? Tâu Đại vương, nhờ vào trí nhớ. Thưa Ngài Nâgasena, thê chăng phải hôi tưởng lại là băng tâm, không phải bằng trí nhớ? -Tâu Đại vương, Đại vương có nhận biêt được răng sau khi làm một việc cân làm nào đó roi quên lửng không? _ Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, phải chăng vào thời diêm ây Ngài là không có tâm? Thưa Ngài, không đúng. Vào thời điểm ấy trẫm đã không có trí nhớ. Tâu Đại vương, vậy tại sao Ngài đã nói như vầy: uHồi tưởng lại là bằng tâm, không phải bằng trí nhớ^? Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 11. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, toàn bộ trí nhớ được sanh lên là thuộc về chủ quan hay trí nhớ là thuộc về khách quan? Tâu Đại vương, trí nhớ được sanh lên vừa thuộc về chủ quan, trí nhớ vừa thuộc về khách quan. -Thưa Ngài Nãgasena, chính vì như thế phải chăng toàn bộ trí nhớ là thuộc vê chủ quan, không có trí nhớ thuộc vê khách quan? -Tâu Đại vương, nếu không có trí nhớ thuộc về khách quan thì những người thợ học nghề không có cái gì cần phải

làm đối với các lãnh vực về nghề nghiệp, đối với các lãnh vực về học tập, hoặc đối với các tư liệu về kiến thức; không có nhu cầu về các thầy dạy học. Tâu Đại vương, bởi vì có trí nhớ thuộc về khách quan mà có việc cần phải làm đối với các lãnh vực về nghề nghiệp, đối với các lãnh vực về học tập, hoặc đối với các tư liệu về kiến thức; và có nhu cầu về các thầy dạy học. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. Phẩm Trí nhớ là thứ sáu. (Trong phàm này có mười một câu hỏi)

vn. PHẨM XÁC ĐỊNH CÁC PHÁPVÔ SẮC (ARŪPĀDHAMMAVAVATTHĀNAVAGGO)

l. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, trí nhớ sanh lên với bao nhiêu hình thức? Tâu Đại vương, trí nhớ sanh lên với mười sáu hình thức.5 Với mười sáu hình thức gì? Tâu Đại vương, trí nhớ sanh lên do điều kiện chủ quan; Trí nhớ sanh lên do điều kiện khách quan; Trí nhớ sanh lên do nhận thức sự kiện trọng đại; Trí nhớ sanh lên do nhận thức điều tốt đẹp; Trí nhớ sanh lên do nhận thức điều không tốt đẹp; Trí nhớ sanh lên do dấu hiệu tương tợ; Trí nhớ sanh lên do dấu hiệu khác biệt; Trí nhớ sanh lên do hiểu rõ lời nói; Trí nhớ sanh lên do đặc điểm; Trí nhớ sanh lên do sự nhớ lại; Trí nhớ sanh lên do việc viết chữ; Trí nhớ sanh lên do việc tính toán; Trí nhớ sanh lên do việc thuộc lòng; Trí nhớ sanh lên do việc tu tập; Trí nhớ sanh lên do gắn bó với sách vở; Trí nhớ sanh lên do việc tiếp cận; Trí nhớ sanh lên do kinh nghiệm. Trí nhớ sanh lên do điều kiện chủ quan nghĩa là the nào? -Tâu Đại vương, giống như trường hợp Đại đức Ānanda và nữ cư sĩ Khiýj uttarā, hoặc bất cư những người nào khác có được năn§ lực về đời sống [quá khứ] nhớ lại đời sống [quá khứ]. Trí nhớ sanh lên do điêu kiện chủ quan nghĩa là như vậy. Trí nhớ sanh lên do điêu kiện khách quan nghĩa là thê nào? Người nào có bản tính hay quên, và những người khác thúc giục người ấy với mục đích nhắc nhở. Trí nhớ sanh lên do điêu kiện khách quan nghĩa là như vậy.

5 Tuy ghi là 16 nhưng đếm thì có đến 17 loại. Tạng Miến Điện ghi 17. (ND)

Trí nhớ sanh lên do nhận thức các sự kiện trọng đại nghĩa là thế nào? Khi được tấn phong vương quyền hoặc khi đạt được quả vị Nhập Ixru. Trí nhớ sanh lên do nhận thức các sự kiện trọng đại nghĩa là như vậy. Trí nhớ sanh lên do nhận thức điều tốt đẹp nghĩa là thế nào? Vị được hạnh phúc về điều nào đó rồi nhớ lại rằng: "Ta được hạnh phúc như vầy." Trí nhớ sanh lên do nhận thức điều tốt đẹp nghĩa là như vậy. Trí nhớ sanh lên do nhận thức điều không tốt đẹp nghĩa là thế nào? Vị bị đau khổ về điều nào đó rồi nhớ lại rằng: "Ta bị đau khổ như vy." Trí nhớ sanh lên do nhận thức điều không tốt đẹp nghĩa là như vậy. Trí nhớ sanh lên do dấu hiệu tương tợ nghĩa là thế nào? Sau khi nhìn thấy người tương tợ thì nhớ lại người mẹ, hoặc người cha, hoặc anh em trai, hoặc chi em gái; sau khi nhìn thay con lạc đà, hoặc con bò, hoặc con lừa thì nhớ lại con lạc đà, hoặc con bò, hoặc con lừa khác tương tợ như thế. Trí nhớ sanh lên do dấu hiệu tương tợ nghĩa là như vậy. Trí nhớ sanh lên do dấu hiệu khác biệt nghĩa là thế nào? Vị nhớ lại rằng: "Người kia có như vây: Sác thê này, thinh thê này, hương thê này, vị thê này, xúc thế này." Trí nhớ sanh lên do đau hiệu khác biệt nghĩa là như vậy. Trí nhớ

sanh lên do hiểu rõ lời nói nghĩa là thế nào? Người nào có bản tính hay quên, những người khác nhác nhở người ây, nhờ thê người ây nhớ lại. Trí nhớ sanh lên do hiểu rõ lời nói nghĩa là như vậy. Trí nhớ sanh lên do đặc điểm nghĩa là thế nào? Nhận ra nhờ vào dấu sắt nung của những con bò kéo là nhận ra do đặc điểm. Trí nhớ sanh lên do đặc điểm nghĩa là như vậy. Trí nhớ sanh lên do sự nhớ lại nẹhĩa là thê nào? Người nào có bản tính hay quên, những người khác liên tục nhác nhở người ấy rằng: "Nguôi hãy nhớ lại, ngươi hãy nhớ lai?9 Trí nhớ sanh lên do sự nhớ lại nghĩa là như vậy. Trí nhớ sanh lên do việc viết chữ nghĩa là thế nào? Do đã được học tập về chữ viết nên nhận biết được rằng: "Nên thực hiện chữ cái này liền với chữ cái này.^, Trí nhớ sanh lên do việc viết chữ nghĩa là như vậy. Trí nhớ sanh lên do việc tính toán nghĩa là thế nào? Những người kế toán, do đã được học tập về việc tính toán nên tính toán nhiều. Trí nhớ sanh lên do việc tính toán nghĩa là như vậy. Trí nhớ sanh lên do việc thuộc lòng nghĩa là thế nào? Những người chuyên học thuộc lòng, do đã được học tập về việc thuộc lòng nên thuộc lòng được nhiều. Trí nhớ sanh lên do việc thuộc lòng nghĩa là như vậy. Trí nhớ sanh lên do việc tu tập nghĩa là thế nao? ở đây, vị Tỳ-khưu nhớ lại nhiều kiếp sống trước như là một lần sanh, hai lần sanh, ba lần sanh, bốn lần sanh, năm lần sanh, mười lần sanh, hai mươi lần sanh, ba mươi lần sanh, bốn mươi lần sanh, năm mươi lần sanh, một trăm lần sanh, một ngàn lần sanh, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp: ctở nơi ấy, ta đã có tên

như vây, dòng họ như vây, giai cap như vây, thức ăn như vây, có sự nhận biêt lạc và khổ như vầy, có giới hạn tuổi thọ như vầy. Từ chỗ ấy, ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại chỗ kia. ở nơi kia, ta đã có tên như vầy, dòng họ như vầy, giai cấp như vầy, thức ăn như vầy, có sự nhận biết lạc và khổ như vầy, có giới hạn tuổi thọ như vầy. Từ nơi kia, ta đây đã chết đi roi đã sanh lên tại nơi nayy Như thế, vi ấy nhớ lại nhiều kiếp sống trước với các nét đại cương và cá biệt. Trí nhớ sanh lên do việc tu tập nghĩa là như vậy. Trí nhớ sanh lên do gắn bó với sách vở nghĩa là thế nào? Các vị vua trong khi tưởng nhớ về điều giáo huấn [rồi ra lệnh]: "Hãy mang lại một cuốn sAch", và tưởng nhớ lại nhờ cuốn sách ấy. Trí nhớ sanh lên do gắn bó với sách vở nghĩa là như vậy. Trí nhớ sanh lên do việc tiếp cận nghĩa là thế nào? Sau khi nhìn thấy hàng hóa được đặt xuống gần bên thì nhớ lại. Trí nhớ sanh lên do việc tiếp cận nghĩa là như vậy. Trí nhớ sanh lên do kinh nghiệm nghĩa là thế nào? Vi nhớ lại cảnh sắc do đã thấy, nhớ lại cảnh thinh do đã nghe, nhớ lại hương do đã ngửi, nhớ lại vi do đã nếm, nhớ lại xúc do đã chạm, nhớ lại pháp do đã nhận thức. Trí nhớ sanh lên do kinh nghiệm nghĩa là như vậy. Tâu Đại vương, trí nhớ sanh lên với mười sáu hình thức này. Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo. 2. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, Ngài nói như vầy: uNgười nào làm việc bất thiện trong một trăm năm, và vào lúc chết đạt được một niệm tưởng đến đức Phật thì người ấy có thể sanh ờ giữa chư thiên/5 Trẫm không tin lời nói nay. Hơn nữa, Ngài còn nói như vầy: “C6 thể đọa vào địa ngục do một lần giết hại mạng sống." Trẫm cũng không tin lòi nói này. -Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì vê điêu này? Không có chiêc thuyên, hòn đá dầu la nhỏ co thể nổi ở mxớc không? Thưa Ngài, không. -Tâu Đại vương, phải chăng một trăm xe đá được chất lên thuyền thì có

thểnổiởnươc? Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể nổi. -Tâu Đại vương, chiếc thuyền là như thế nào thì các nghiệp thiện nên được xem xét như vậy. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài thật khôn khéo. 3 Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, có phải Ngài tỉnh tấn nhằm loại bỏ khổ thuộc quá khứ? -Tâu Đại vương, không phải.

-Vậy có phải Ngài tinh tấn nhằm loại bỏ khổ thuộc vi lai? Tâu Đại vương, không phải. -Vậy có phải Ngài tinh tấn nhằm loại bỏ khổ thuộc hiện tại? Tâu Đại vương, không phải. Nếu Ngài không tinh tấn nhằm loại bỏ khổ thuộc quá khứ, không tinh tấn nhằm loại bỏ khổ thuộc vị lai, không tinh tấn nhằm loại bỏ khổ thuộc hiện tại, vậy Ngài tinh tấn nhằm mục đích gì? Vi Trưởng lão đã nói rằng: -Tâu Đại vương, làm cách nào để cho khổ này diệt và khổ khác không thể sanh lên? Chúng tôi tinh tấn nhằm mục đích này. Thưa Ngài Nâgasena, vậy [bây giờ] có khổ thuộc vị lai không?

Tâu Đại vương, không có. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài quả là quá sáng trí khi Ngài tinh tấn nhằm loại bỏ các khổ khòng hiện hữu! -Tâu Đại vương, vậy có những vị vua đối nghịch, những kẻ thù đối nghịch, những bạn bè đối nghịch chống đôi lại Ngài không? Thưa Ngài, đúng vậy. Có. Tâu Đại vương, phải chăng khi ấy Ngài mới bảo đào hào, mới bảo đắp lũy, mới bảo xây cổng thành, mới bảo làm vọng gác, mới bảo đem lại thóc? Thưa Ngài, không đúng. Việc ấy là được chuẩn bị trước.

Tâu Đại vương, phải chăng khi ây Ngài mới rèn luyện vê voi, mới rèn luyện về ngựa, mới rèn luyện về xe, mới rèn luyện về cung, mới rèn luyện về gươm? Thưa Ngài, không đúng. Việc ấy là được chuẩn bị trước. Nhằm mục đích gì? Thưa Ngài, nhằm mục đích ngăn chặn các nỗi lo sợ thuộc vi lai. -Tâu Đại vương, phải chăng [bây giờ] có nỗi lo sợ thuộc vị lai? Thưa Ngài, không có. Tâu Đại vương, Đại vương quả là quá sáng trí khi Ngài chuẩn bi nhằm mục đích ngăn chặn các nỗi lo sợ thuộc vị lai! Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Phải chăng khi nào Ngài bị khát thì khi ấy Ngài mới bảo đào giếng nước, mới bảo đào ao nước, mới bảo đao hồ nước [nghĩ rằng]: “Ta sẽ uống nước,5? Thưa Ngài, không đúng. Việc ấy là được chuẩn bị trước. Nhằm mục đích gì? Thưa Ngài, được chuẩn bị nhằm mục đích ngăn chặn các sự khát nước còn chưa đến.

-Tâu Đại vương, phải chăng [bây giờ] có sự khát nước ở vi lai? Thưa Ngài, không có. -Tâu Đại vương, Đại vương quả là quá sáng trí khi Ngài chuẩn bị việc ấy nhằm mục đích ngăn chặn các sự khát nước ở vị lai! Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Phải chăng khi nào Ngài thèm ăn thì khi ấy Ngài mới bảo cày ruộng, mới bảo trồng lúa sāli [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dụng bữa an,5? Thưa Ngài, không đúng. Việc ấy là được chuẩn bị trước. Nhằm mục đích gì?

Thưa Ngài, được chuân bị nhăm mục đích ngăn chặn các sự thèm ăn ở vị lai. -Tâu Đại vương, phải chăng [bây giờ] có sự thèm ăn ở vị lai? Thưa Ngài, không có. Tâu Đại vương, Đại vương quả là quá sáng trí khi Ngài chuẩn bi việc ấy nhằm mục đích ngăn chặn các sự thèm ăn không hiện hữu ở vị lai! Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn

khéo. 4. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nāgasena, cõi Phạm thiên cách đây bao xa? Tâu Đại vương, cõi Phạm thiên cách đây xa lắm. Tảng đá kích thước bằng ngôi nhà mái nhọn bi rơi từ nơi ấy, trong khi rơi xuống ngày đêm bốn mươi tám ngàn do-tuần thì bốn tháng mới có thể đen được trái đất. Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói như vây: "Cũng giông như người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ y như thế, vị Tỳ-khưu có thần thông đã đạt đến năng lực của tâm, biên mất ở Jambudīpa có thê hiện ra ở cõi Phạm thiên." Trẫm không tin lời nói này. Như vậy, VỊ ấy sẽ di chuyển cực kỳ nhanh đến cả nhiều trăm do-tuân? Vị Trưởng lão đã nói rằng: -Tâu Đại vương, sanh quán của Ngài ở đâu? Thưa Ngài, có hòn đảo tên là Alasandâ. Trẫm sanh ra tại nơi ấy.

-Tâu Đại vương, Alasandã cách đây bao xa? Thưa Ngài, khoảng cách hai trăm do-tuần. Tâu Đại vương, phải chăng Ngài biết rõ là Ngài đã làm một việc càn làm nào đó ở tại nơi ấy và Ngài vẫn còn nhớ? -Thưa Ngài, đúng vậy. Trẫm nhớ. Tâu Đại vương, quả là Ngài đã di chuyển khoảng cách hai trăm do-tuần một cách nhẹ nhàng.

Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

5. Đức Vua đã nói rằng:

Thưa Ngài Nā^asena, ngirời từ trần ờ đây rồi sanh vào cõi Phạm thiên, và người từ trân ờ đây roi sanh vào xứ Kasmĩra, ai là lâu hơn, ai là mau hơn?

-Tâu Đại vương, bằng nhau.

Xin Ngài cho ví dụ.

-Tâu Đại vương, thành phố quê hương của Ngài ở đâu?

-Thưa Ngài, có ngôi làng tên là Kalasi. Trẫm sanh ra tại nơi ấy.

-Tâu Đại vương, ngôi làng Kalasi cách đây bao xa?

Thưa Ngài, khoảng cách hai trăm do-tuân.

-Tâu Đại vương, Kasmĩra cách đây bao xa?

Thưa Ngài, mười hai do-tuần.

-Tâu Đại vương, Đại vương hãy nghĩ đến ngôi làng Kalasi đi?

- Thưa Ngài, đã nghĩ đến rồi.

-Tâu Đại vương, Đại vương hãy nghĩ đến Kasmĩra đi?

Thưa Ngài, đã nghĩ đến rồi.

-Tâu Đại vương, cái nào đã được suy nghĩ lâu, cái nào mau hơn? -Thưa Ngài, bằng nhau. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, người từ trân ở đây roi sanh vào cõi Phạm thiên, và người từ trân ở đây rồi sanh vào xứ Kasmĩra, họ sanh lên đều bằng nhau. Xin Ngài cho thêm ví dụ. -Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ vê điêu này? Hai con chim bay ở không trung, một con trong số đó đậu xuông ở cây cao, một con đậu ở cây thấp. Khi chúng đồng thời đáp xuống, bóng của con nào thành lập ở mặt đất trước, bóng của con nào thành lập ở mặt đát lâu hơn? Thưa Ngài, bằng nhau. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người từ trần ở đây rồi sanh vào cõi Phạm thiên, và người từ trân ở đây rồi sanh vào xứ Kasmĩra, họ sanh lên đều bang nhau. -Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật

khôn khéo. 6. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, có bao nhiêu giác chỉ [chỉ phần đưa đến giác ngộ]? -Tâu Đại vương, có bảy giác chi. Thưa Ngài, được giác ngộ bằng bao nhiêu giác chi?

-Tâu Đại vương, được giác ngộ bằng một giác chi là bằng trạch pháp giác chi. Thưa Ngài, vậy thì tại sao lại được nói là "by giác chi"? Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì vê điêu này? Cây gươm đã được tra vào vỏ, không được nắm bằng tay, có thể cắt được vật cần phải cắt? - Thưa Ngài, không thể. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thiếu đi trạch pháp giác chi thì không được giác ngộ bằng sáu chi phần [còn lại]. Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo. 7. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nāgasena, phước và tội cái nào nhiều hơn?

-Tâu Đại vương, phước thì nhiêu hơn, tội thì ít. -Vì lý do gì? -Tâu Đại vương, trong khi làm tội thì có sự ân hận răng: "Nghiệp ác được ta làm", do đó ác không tăng trưởng. Tâu Đại vương, trong khi làm phước thì không có sự ân hận. Đối với người không có sự ân hận, hân hoan sanh khởi; đối với người được hân hoan, hỷ sanh khởi; đối với người có tâm hỷ, thân khinh an; thân được khinh an thì cảm giác sự an lạc; có sự an lạc, tâm được định tĩnh; đã được định tĩnh thì nhận biết đúng theo thực thể. Vì lý do ấy, phước tăng trưởng. Tâu Đại vương, người có chân tay bị chặt đứt sau khi dang len đức Thế Tôn một bó hoa sen thì sẽ không rơi vào đọa xứ chín mươi mốt kiếp. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này mà tôi nói rằng: 'Thước thì nhiều hơn, tội thi ít." Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo. 8. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nāgasena, người làm nghiệp ác mà biết và người làm nghiệp ác mà không biết, người nào có tội nhiêu hơn? Vị Trưởng lão đã nói rằng: -Tâu Đại vương, người nào làm nghiệp ác mà không biết, người ấy có tội nhiều hơn. Thưa Ngài Nâgasena, chính vì điêu ây hoàng tử nào hoặc quan đại thân nào của chúng tôi làm nghiệp ác mà không biêt, có phải chúng tôi phạt người ấy gấp đôi? -Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì vê điêu này? Một người câm lây cục sắt được nung nóng, đốt nóng, cháy rực, có ngọn lửa mà không biết, một người cầm lấy mà biết, người nào bị phỏng với mức độ trầm trọng hơn? Thưa Ngài, người nào câm lây mà không biêt, người ây bi phỏng với mức độ trâm trọng hơn. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, người nào làm nghiệp ác mà không biết, người ấy có tội nhiều hơn.

Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo. 9. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nāgasena, có người nào có thể đi đến xứ uttarakurū, hoặc cõi Phạm thiên, hoặc hòn đảo khác bằng cách phân thân này không? -Tâu Đại vương, có người có thể đi đến xứ Uttarakurū, hoặc cõi Phạm thiên, hoặc hòn đảo khác bằng thân tứ đại này. Thưa Ngài Nâgasena, làm thê nào có thê đi đên xứ Uttarakurū, hoặc cõi Phạm thiên, hoặc hòn đảo khác bằng thân tứ đại này? -Tâu Đại vương, chắc Ngài biết rõ là đã nhảy lên khỏi trái đất này một gang tay hoặc một ratancíỉ6 -Thưa Ngài, trẫm biết rõ. Thưa Ngài Nâgasena, trẫm nhảy lên đến tám ratana. -Tâu Đại vương, làm thế nào Ngài nhảy lên đến tám

ratanciì Thưa Ngài, chính vì trẫm lập tâm rằng: "Ta sẽ rơi xuống ở chỗ nay?9 Với sự lập tâm ấy, thân thể của trẫm trở thành nhẹ. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vi Tỳ-khưu có thân thông đã đạt đên năng lực của tâm, sau khi đặt thân vào tâm rồi di chuyển ở không trung bằng năng lực của tâm. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 10. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, Ngài nói như vầy: "C6 những khúc xương dài một trăm dotuần.” Cho đến ngay cả cây cối còn không cao một trăm do-tuần, do đâu mà sẽ có được những khúc xương dài một trăm do-tuần? Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì vê điêu này? Có phải Ngài đã được nghe là ở đại dương có loài cá dài năm trăm do-tuần? Thưa Ngài, đúng vậy. Đã được nghe. -Tâu Đại vương, không phải những khúc xương của con cá dài năm trăm do-tuần sẽ là có chiều dài năm trăm do-tuần? Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 11. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, Ngài nói như vầy: "C6 thể ngưng các hơi thở ra hơi thở vào?55 Tâu Đại vương, đúng vậy. Có thể ngưng các hơi thở ra hơi thở vào. Thưa Ngài Nâgasena, làm thế nào có thể ngtmg các hơi thở ra hơi thở vào? Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Đại vương đã được nghe trước đây người nào đang ngáy không?

6 Ratana = 0.25m, đơn vi đo chiều dài. (ND)

Thưa Ngài, đúng vậy. Đã được nghe trước đây. -Tâu Đại vương, phải chăng âm thanh ây có thê ngưng lại khi cơ thê được khom vào? Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể ngưng lại. Tâu Đại vương, bởi vì âm thanh ấy có thể ngùng lại khi cơ thể được khom vào là đoi với người có thân chưa được tu tập, có giới chưa được tu tập, có định chưa được tu tập, có tuệ chưa được tu tập. Trái lại, đối với người có thân đã được tu tập, có giới đã được tu tập, có định đã được tu tập, có tuệ đã được tu tập, đã chứng đạt tứ thiên, phải chăng hơi thở ra hơi thở vào của người này sẽ không được ngưng lại? Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 12. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, điều được gọi ỉa ÍẾbiển, biển”. Vì lý do gì nước được gọi là “bi2n” Vị Trưởng lão đã nói rằng: -Tâu Đại vương, nước chừng nào thì muôi chừng ây5 muôi chừng nào thì nước chừng ấy; vì thế được gọi là "biển”. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 13. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, vì lý do gì mà biển có một vi là vi của muối? Tâu Đại vương, điều đã được tồn tại từ lâu là đối với nước thì biển có một vị là vị của muối. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 14. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, có thể cắt vật hoàn toàn vi tế không? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Có thể cắt vật hoàn toàn vi tế. Thưa Ngài, vậy cái gì là hoàn toàn vi tế? Tâu Đại vương, pháp là hoàn toàn vi tế. Tâu Đại vương, không phải tất cả các pháp đều là vi te. Tâu Đại vương, "vi hay "thô cứng”, điều này là sự diễn tả đối với các pháp. Bất cứ vật gì có thể cắt được thì cat toàn thể vật ấy bằng tuệ. Không có việc cắt bằng tuệ lần thứ nhì. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 15. Đức Vua đã nói rằng: Thưa Ngài Nãgasena, “thức" hay "tue” hay umạng sổng ờ chúng sanh”, các pháp này khác về nội dung khác về hình thức, hay là có chung nội dung chỉ khác về hình thức tên gọi? -Tâu Đại vương, thức có sự nhận thức là tướng trạng, tuệ có sự biết rõ là tướng trạng, mạng song ở chúng sanh

là không có.

MILINDAVẤN ĐẠO 857

Nếu mạng sống không có, vậy thì ai nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, nghe âm thanh bằng tai, ngửi hương bằng mũi, nếm vi bằng lưỡi, chạm cảnh xúc băng thân, nhận thức cảnh pháp băng ý? Vị Trưởng lão đã nói rằng: -Nếu mạng sống nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, nghe âm thanh bằng tai, ngửi hương bằng mũi, nếm vi bằng lưỡi, chạm cảnh xúc bằng thân, nhận thức cảnh pháp bằng ý; phải chăng mạng sống ấy, khi các mắt bi hoại, vẫn có thể nhìn thấy cảnh sắc rõ hơn ở bên ngoài trước mặt qua bầu không gian lớn hơn? Có phải khi các tai bi hoại, khi mũi bị hoại, khi lưỡi bị hoại, khi thân bị hoại, vân có thê nghe âm thanh, có thê ngửi mùi, có thê nêm vị, có thê chạm cảnh xúc rõ hơn qua bầu không gian lớn hơn? Thưa Ngài, không phải. Tâu Đại vương, chính vì điêu ây mạng sông ở chúng sanh là không có. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài thật khôn khéo. 16. Vi Trưởng lão đã nói rằng: -Tâu Đại vương, có phải hành động khó khăn đã được đức Thế Tôn thực hiện? Thưa Ngài, hành động khó khăn đã được đức Thế Tôn thực hiện là gì? -Tâu Đại vương, hành động khó khăn đã được đức Thế Tôn thực hiện là việc xác đinh đoi với các pháp không có hình tướng là tâm và sở hữu tâm đang diễn tiến ở một đối tượng đã được nói ra: "Bây là xúc, đây là thọ, đây là tưởng, đây là tư, đây là tâm.' Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như người nào đó đi vào biển cả bằng thuyền, lấy nước pằng bụm tay, rồi nếm bằng lưỡi. Tâu Đại vương, phải chăng người ấy có thê biêt được răng: C6Đây là nước của sông Gañgā, đây là nước của sông Yāmunā, đây là nước của sông Aciravatī, đây là nước của sông Sarabhũ, đây là nước của sông Mahī5? Thưa Ngài, là việc khó khăn để biết được. Tâu Đại vương, việc đã được đức Thế Tôn thực hiện còn khó hơn việc đó nữa là việc xác định các pháp không có hình tướng là tâm và sở hữu tâm đang diễn tiến ở một đối tượng đã được nói ra: "Dây là xúc, đây là thọ, đây là tưởng, đây là tư, đây là tâm.' Đức Vua đã vô cùng hoan hỷ: Thưa Ngài, thật quý hóa thay! Phẩm Xác định các pháp vô sắc là thứ bảy. (Trong phàm này có mười sáu câu hỏi)

VIỆC HỎIVÀ TRẢ LỜI CÁC CÂUHỎICỦAMILINDA (MILINDAPAÑHAPUCCHĀVISAJJANĀ)

Vị Trưởng lão đã nói rằng: Tâu Đại vương, Đại vương có biết bây giờ là giờ nào không?

Thưa Ngài, đúng vậy. Trâm biêt. Lúc này canh một đã qua. Đang là canh giữa. Các ngọn đuốc được thắp sáng. Bốn ngọn cờ đã được truyền lệnh [kéo lên]. Các vật dụng của hoàng gia từ nhà kho sẽ đen. Những người Yonaka đã nói như vây: "Tâu Đại vương, Đại vương thì khôn ngoan, còn vị Tỳ-khưu là sáng trí.^, uNày các khanh, đúng vậy. Vi Trưởng lão là bậc sáng trí. Người như vây có thể là thầy dạy học, và người học trò như trẫm không bao lâu nữa có thể trở thành bậc sáng trí, có thể hiểu được giáo pháp." Được hoan hỷ với lời giải thích các câu hỏi của vi ây5 đức Vua đã choàng lên vị Trưởng lão Nâgasena tấm mền len trị giá một trăm ngàn rồi nói rằng: Thưa Ngài Nâgasena, kể từ hôm nay, trẫm sẽ cho chuẩn bi một trăm lẻ tam phần ăn dâng Ngài. Và bất cứ vật gì đúng phép có ở nội thành, trẫm thỉnh cầu Ngài về vật áy. Tâu Đại vương,

tôi vừa đủ sông. Thưa Ngài Nâgasena, trẫm biết Ngài [vừa đủ] sống. Tuy nhiên, xin Ngài hãy bảo vệ bản thân và xin Ngài hãy bảo vệ trẫm. Ngài hãy bảo vệ bản thân nghĩa là thế nào? Lời phát biểu của những người khác có thể xảy đến là: "Nâgasena đã tạo niềm tin cho đức Vua Milinda, nhưng đã không nhận được vật gi"; Ngài hãy bảo vệ bản thân nghĩa là như vậy. Ngai hãy bảo vệ trẫm nghĩa là thế nào? Lời phát biểu của những người khác có thể xảy đến là: “Bức Vua Milinda đã được tịnh tín mà không bày tỏ biểu hiện đã được tịnh tín”; Ngài hãy bảo vệ trẫm nghĩa là như vậy. -Tâu Đại vương, hãy là như vậy. Thưa Ngài, cũng giống như con sư tử, chúa của loài thú, bị ném vào trong cái chuồng bằng vàng, nhưng khuôn mặt chỉ hướng ra ngoài, thưa Ngài, tương tợ y như thế, trẫm dầu sống ở gian nhà nào đó, tuy vẫn tồn tại nhưng khuôn mặt chỉ hướng ra ngoài. Thưa Ngài, nêu trẫm có thê rời nhà xuất gia sống không nhà, trẫm không thể sống thọ vì trẫm có nhiều kẻ thù. Khi ấy, Đại đức Nâgasena, sau khi trả lời câu hỏi của đức Vua Milinda, đã

từ chỗ ngồi đứng dậy đi về tu viện của hội chúng. Và khi Đại đức Nãgasena ra đi không bao lâu, đức Vua Milinda đã khởi ý điều này: "Biều gì đã được ta hỏi, điều gì đã được Ngài Đại đức trả 1?" Khi ấy đức Vua Milinda đã khởi ý điều nàỵ: "Tất cả đã được ta hỏi đúng đắn, tất cả đã được Ngài Đại đức trả lời đúnệ dan?9 Khi đi về lại tu viện của hội chúng, Đại đức Nãgasena cũng đã khởi ý điêu này: "Điều gì đã được đức Vua Milinda hỏi, điều gì đã được ta trả l&i?” Khi ấy Đại đứcNâgasena đã khởi ý điều này: "Tất cả đã được đức Vua Milinda hỏi đúng đắn, tất cả đã được ta trả lời đúng đắn.” Sau đó, khi trải qua đêm ấy, Đại đức Nâgasena vào buổi sáng đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến chỗ ngụ của đức Vua Milinda, sau khi đến đã ngồi xuống chỗ ngồi đã được sắp đặt sẵn. Khi ấy, đức Vua Milinda đã đảnh lễ Đại đức Nâgasena rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Milinda đã nói với Đại đức Nãgasena điều này: Mong răng Ngài Đại đức chớ khởi ý như vây: "Chính vì Nâgasena đã được ta hỏi câu hỏi rồi do tâm hoan hỷ đã không ngủ trọn đêm qua." Xin Ngài đừng nhận thấy như vậy. Thưa Ngài, trọn đêm qua trẫm đây đã khởi ý điều này: “Biều gì đã được ta hỏi, điều gì đã được Ngài Đại đức trả lai?55 Tất cả đã được ta hỏi đúng đắn, tất cả đã được Ngài Đại đức trả lời đúng đắn. Vi Trưởng lão cũng đã nói như vầy: Mong răng Đại vươnệ chớ khởi ý như vây: "Chính vì đức Vua Milinda đã được ta trả lời câu hỏi, roi do tâm hoan hỷ đã thức trọn đêm qua." Xin Đại vương đừng nhận thấy như vậy. Tâu Đại vương, trọn đêm qua tôi đây đã khởi ý điều này: "Điều gì đã được đức Vua Milinda hỏi, điều gì đã được ta trả lai?99 Tất cả đã được đức Vua Milinda hỏi đúng đắn, tất cả đã được ta trả lời đúng đắn. Như thê, hai bậc đại long tượng ây đã cùng tùy hỷ vê việc đã khéo ăn nói với nhau. 6íViệc hỏi và trả lòi các câu hỏi của Milinda” được đầy đủ.

PHÀN MỞĐẦU CÁC CÂU HỎI ĐỐI CHỌI {MENDAKAPAÑHĀRAMBHO)

"Là người hiểu biết về tranh luận, biết cách biện luận, rất thông minh, sắc sảo, Milinda đã đên gặp Nãgasena nhăm phăn tích vê trí tuệ. Trong khi sống dưới bóng che của vi ấy, trong khỉ hỏi đi hỏi lại, sau khi trí thông minh đã được mở ra, đức Vua cũng đã trở thành vi thông hiêu Tam tạng. Sau khi đã đi đến nơi thanh vắng, trong khỉ suy gẫm về

chín thể loại trọn đêm, đức Vua đã nhận thây những câu hỏi khó tháo gỡ, có sự bát bẻ. Trong giáo pháp của đấng Pháp Vương, có lời nói có tính giảng giải, có lời nói về sự liên hệf có lời nói về bản chất Do không hiểu đượcy nghĩa của chúng, về những vấn đề đối chọi trong lời dạy của đãng Chiên Thăng vào thời vi lai xa xôi, sẽ có sự tranh cãi vê chứng, Vậy thì sau khỉ đã có niêm tin vào vi thuyêt giảng, ta sẽ khiên cho các vân đề đổi chọi được chia chẻ. Trong ngày vỉ lai, người ta sẽ giải thích theo đường lôi đã được giải thích của vỉ ây." 1. Sau đó, lúc đêm đã tỏ bình minh đã rạng, đức Vua Milinda đã gội đầu, chắp tay lên ở trán, tưởng niệm đến chư Phật Toàn Giác quá khứ vị lai và hiện tại, đã thọ trì tám phận sự hành trì rằng: "Từ hôm nay cho đến bảy ngày sắp tới của trẫm, trẫm sẽ thọ trì tám đức tính, sẽ thực hành pháp đạo sĩ. Trong khi có pháp đạo sĩ đã được hoàn thành, trẫm đây sẽ làm cho vi thầy dạy học được hài lòng va sẽ hỏi các câu hỏi có tírùi chất đoi chọi?5 Sau đó, đức Vua Milinda đã bỏ đi cặp vải thường nhật, đã cởi ra các đồ trang sức, rồi mặc vào tấm vải ca-sa, buộc búi tóc của người tu ở trên dầu, đạt đến trạng thái của vi hiền sĩ, và thọ trì tám đức hạnh là: "Bảy ngày này, trẫm không chỉ bảo công việc triều chính; không sanh khởi tâm liên hệ đen ái luyến; không sanh khởi tâm liên hệ với sân hận; không sanh khởi tâm liên hệ đên si mê; có lối cư xử nhã nhặn với kẻ nô bộc, người làm, người hầu hạ; hộ trì thân khẩu; hộ trì toàn diện luôn cả sáu xứ; hướng tâm vào việc tu tập từ ái.” Rồi đức Vua đã thọ trì tám đức hạnh này, đã thiết lập tâm ý vào chính tám đức hạnh ấy, đã không đi ra bên ngoài và đã trải qua bảy ngày. Vào ngày thứ tám, khi đêm đã tỏ rạng, sau khi dùng điểm tâm rất sớm, đức Vua Milinda, với mắt nhìn xuống, với lời nói cân nhắc, với bốn oai nghi khéo được ổn đinh, với tâm không tán loạn, mừng rỡ, phấn chấn, tịnh tín, đã đi đến gặp Trưởng lão Nãgasena, sau khi đê đầu đảnh lễ hai bàn chân của vi Trưởng lão rồi đứng ở một bên và nói điều này:

Thưa Ngài Nāgasena, trẫm có vấn đề cần thảo luận với Ngài, không muốn có người thứ ba nào khác ở nơi ấy, là ớ chỗ trống vắng, ở khu rừng tách biệt đạt được tám điều kiện thích hợp cho các vị Sa-môn5 tại đó câu hỏi ấy sẽ được hỏi, tại đó trâm sẽ không giữ bí mật, sẽ không giâu gièm, tram xửng đáng đê nghe điều được giấu kín khi sự thảo luận tốt đẹp đã đạt đến. vấn đề ấy nên được xem xét thậm chí bằng ví dụ. Giống như là điều gì? Thưa Ngài Nāgasena, giống như trái đất vĩ đại là xứng đáng cho việc cất giấu khi việc cất giấu xảy đến, thưa Ngài Nâgasena, tương tợ y như thế, trẫm xứng đáng để nghe điều được giấu kín khi sự thao luận tốt đẹp đa đạt đến. 2. Sau đó, đức Vua đã đi vào khu rừng rậm tách biệt cùng với vị thầy và nói điều này: Thưa Ngài Nãgasena, ờ đây người có ý đinh thảo luận có tám noi cần xa lánh. Người có sự hiểu biết không thảo luận ở những nơi ấy. vấn đề dầu đã được thảo luận sẽ bi đo vỡ, không thành tựu. Là tám nơi nào? Nơi không bằng phẳng nên được xa lánh, có sự lo sợ nên được xa lánh, nơi có gió mạnh nên được xa lánh, nơi được che kín nên được xa lánh, nơi của chư thiên nên được xa lánh, đường lộ nên được xa lánh, chỗ qua lại nên được xa lánh, bến nước nên được xa lánh. Tám nơi này nên được xa lánh. 3. Vị Trưởng lão đã nói rằng: Có điều sai trái gì ở nơi không bằng phẳng, có sự lo sợ, có gió mạnh, được che kín, ở nơi của chư thiên, ở đường lộ, ở chỗ qua lại, ở bến nước? Thưa Ngài Nãgasena, vấn đề

được thảo luận ở nơi không bằng phẳng sẽ tản mạn, tiêu tan, nhỏ giọt, không thành tựu. ở nơi có sự lo sợ thì tâm ý bị khuấy động. Khi bị khuấy động thì không theo dõi vấn đề một cách đúng đắn. ở nơi có gió mạnh thì âm thanh không rõ. ở nơi được che kín thì nhiều người đứng nghe lén. ở nơi của chư thiên thì vấn đề được thảo luận trở thành nghiêm trọng. ở đường lộ thì vấn đề được thảo luận trở thành vô bổ. ở chỗ qua lại thì trở nên thất thường. ở bến nước thì trở nên lộ liễu. Vậy ở đây là: Nơi không bang phang, có sự lo sợ, có gió mạnh, được che kín, được chư thiên ngự, đường lộ, chỗ qua lại, ben nước, tám nơi này nên được xa lảnh. 4. Thưa Ngài Nãgasena, có tám hạng người này, trong khỉ thảo luận, họ làm hỏng vấn đề được thảo luận. Là tám hạng nào? Hạng có tánh ái luyến, hạng có tánh sân, hạng có tánh si, hạng có tánh ngã mạn, hạng tham lam, hạng lười biếng, hạng suy nghĩ một chiều, hạng ngu dốt. Tám hạng người này làm hỏng vấn đề được thảo luận.

5. Vị Trưởng lão đã nói rằng: Những người ấy có sự sai trái gì? Thưa Ngài Nâgasena, hạng có tánh ái luyến làm hỏng vấn đề được thảo luận do tác động của sự ái luyến. Hạng có tánh sân làm hỏng vấn đề được thảo luận do tác động của sân. Hạng có tánh si làm hỏnệ vấn đề được thảo luận do tác động của si. Hạng có tánh ngã mạn làm hỏng van đề được thảo luận do tác động của ngã mạn. Hạng tham lam làm hỏnậ vấn đề được thảo luận do tác động của tham. Hạng lười biêng làm hỏng vấn đề được thảo luận do sự lười biếng. Hạng suy nghĩ một chiều làm hỏng vấn đề được thảo luận do sự suy nghĩ một chiều. Hạng ngu dốt làm hỏng vấn đề được thảo luận do sự ngu dốt. Vậy ở đây là: Hạng bị ái luyến, sân hận, si mê, ngã mạn, tham lam, lười biếng là íươnẸ tợ, có suy nghĩ một chiều và ngu dốt, Các hạng người này làm hư hỏng van đe. 6. - Thưa Ngài Nâgasena, chín hạng người này bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận. Là chín hạng nào? Hạng có tánh ái luyến, hạng có tánh sân, hạng có tánh si, hạng hèn nhát, hạng nặng ve vật chất, phụ nữ, hạng nghiện ngập, hạng vô căn, trẻ con. Vi Trưởng lão đã nói rằng: Những người ấy có sự sai trái gì? Thưa Ngài Nãgasena, hạng có tánh ái luyên bộc lộ? không gìn giữ điêu bí mật đã được thảo luận do tác động của sự ái luyến. Hạng sân hận bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận do tác động của sân. Hạng si mê bộc 10, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận do tác động của si. Hạng hèn nhát bộc lộ? không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận do tác động của sự sợ hãi. Hạng nặng về vật chất bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận vì lý do vật chát. Phụ nữ bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận do tánh hay thay đoi. Hạng nghiện ngập bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận do tánh thèm rượu. Hạng vô căn bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận do tánh không kiên quyết. Trẻ con bộc lộ, không gìn giữ điêu bí mật đã được thảo luận do tánh lao chao. Vậy ở đây là: Hạng bỉ ái ỉuyên, sân hân, si mê, hèn nhát, xem trọng vật chát, phụ nữ, kẻ nghiện ngập, vô căn và thứ chỉn là trẻ con.

Chín hạng người này ở trên đời là hay thay đổi, bị dao động, chao đảo, vì những người này điêu bỉ mật đã được thảo luận mau chóng trở thành phô biến. 8.1 — Thưa Ngài

Nâgasena, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi do tám lý do. Do tám lý do gì? Do sự tiên triên của tuôi tác, tánh giác tiên triên đi đên chín muôi. Do sự tiên triên của danh tiêng, tánh giác tiên triên đi đên chín muôi. Do học hỏi, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi. Do sự sống gần gũi với vị lãnh đạo tinh thần, tánh giác tiến triển đi đến chín muôi. Do sự chú tâm đúng đắn, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi. Do sự bàn luận, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi. Do sự phục vụ với lòng thương, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi. Do sống ở xứ sở thích hợp, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi. Vậy ở đây là: Do tuôi tác, danh tiêng, học hỏi, do sông với vi lãnh đạo tinh thân, [chú tâm] đúng đan, do bàn luận, do sự phục vụ với lòng thương và do song ở xứ sở thích hợp. Tám sự việc này làm cho tánh giác được rô ràng. Những người nào có các điêu này được hiện hữu thì tánh giác của họ được đánh thức. 9. Thưa Ngài Nãgasena, phần lãnh thổ này được xa lánh tám điều sai trái đối với các nhà tư tưởng. Và trẫm ở thế gian là người bạn tối thắng của các nhà tư tưởng, trẫm có sự gìn giữ điều được bí mật. Trẫm sẽ gìn giữ điều được bí mat cho đến khi nào trẫm còn sông. Và tánh giác của trẫm đã đạt đến sự tiến triển nhờ vào tám lý do. Hiện nay người học trò thực hành đúng đắn như trẫm là khó kiếm được. Các vị thầy có hai mươi lăm đức tính của vị thầy đối với người học trò. Vị thầy nên thực hành đúng đắn các đức tính ấy. Là hai mươi lăm đức tính nào? Thưa Ngài, ở đây đối với người học trò, vị thầy nên thiết lập sự hộ trì một cách thường xuyên liên tục; Nên biết sự thân cận hay không thân cận; Nên biết tình trạng xao lãng hay không xao lãng; Nên biết về trường hợp cho phép nằm; Nên biết về sự bệnh hoạn; Nên biết vật thực đã được nhận hay chưa được nhận; Nên biết về cá tánh; Nên phân phát vật đã có ở bình bát; Nên an ủi rằng: "Chớ lo sợ? điều tốt lành sẽ đến cho con”

l Nguyên bản Pali đánh số nhầm, lẽ ra ở đây là số 7. Nội dung kinh vẫn đầy đủ (BBT).

Nên biết về sự tiếp xúc: “N6 tiếp xúc với nhân vật nay99; Nên biết về sự tiếp xúc ở trong làng; Nên biêt vê sự tiêp xúc ở trong chô cư ngụ; Không nên cười đùa giỡn hớt với người ấy; Sau khi nhìn thấy yếu điểm nên nhẫn nại; Nên là người có hành động thận trọng; Nên là người có hành động không nhỏ mọn; Nên là người có hành động không khuất lấp; Nên là người có hành động không thừa thãi; Nên thiết lập tâm của người đào tạo rằng: "Ta đào tạo người này về các ngành nghề” Nên thiết lập tâm về sự tiến triển: 6íLàm thế nào để người này không thể bị suy giảm?" Nên thiết lập tâm: "Ta đào tạo người này trở nên mạnh mẽ với sự mạnh mẽ của việc học tap” Nên thiết lập tâm từ; Không nên bỏ rơi trong các trường hợp bất hạnh; Không nên xao lãng việc cần làm; Nên sách tấn bằng pháp khi [học trò] bị lỗi lầm. Thưa Ngài, đây là hai mươi lăm đức tính của vị thây được dành cho vị thây. Xin Ngài hãy thực hành đúng đắn đối với trẫm bằng các đức tính này. Thưa Ngài, có điều hoài nghi đã sanh khởi đến trẫm: Có những câu hỏi đối chọi đã được thuyết giảng bởi đấng Chiến Thắng. Vào thời vi lai xa xôi, sẽ nảy sanh sự tranh cãi về chúng, và vào thời vị lai xa xôi, các bậc Giác ngộ như Ngài sẽ khó đạt được. Xin Ngài hãy cho ý kiến về những câu hỏi ấy của trẫm vì sự bắt bẻ của các học thuyêt khác. Vị Trưởng lão đã chấp thuận rằng: "Tốt lắm", rồi đã làm sáng tỏ về

mười đức tính cư sĩ dành cho người cư sĩ. Tâu Đại vương, mười đức tính cư sĩ này là dành cho người cư sĩ. Là mười đức tính gì? Tâu Đại vương, ở đây người cư sĩ cùng vui cùng khổ với hội chúng; Có pháp là chủ; Yêu thích việc san sẻ tùy theo khả năng; Sau khi nhìn thấy sự suy đồi ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng thì nỗ lực cho sự phát triển; Là người có chánh kiến, xa rời lễ hội náo nhiệt, không tuyên bố theo giáo chủ khác thậm chí vì nguyên nhân mạng sống; Thân và khẩu của người này đươc gìn giữ;

__ 9 r r CÓ sự vui thích trong sự hợp nhát, ưa thích sự hợp nhát, là người không ganh tỵ, và không thực hành giáo pháp theo cách dối trá; Đã đi đến nương nhờ vào đức Phật; Đã đi đến nương nhờ vào giáo pháp; Đã đi đến nương nhờ vào hội chúng; Tâu Đại vương, mười đức tính cư sĩ này là dành cho người cư sĩ. Tất cả mười đức tính ấy được tìm thấy ở Đại vương. Điều ấy được gắn bó, được đạt đến, là thích dáng, là phù hợp đôi với Đại vương, là việc sau khi nhìn thấy sự suy đồi ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng thì Đại vương mong muốn sự phát triển. Tôi cho phép Đại vương. Đại vương hãy hỏi tôi một cách thoải mái. Dứt Lời giảng về phần mở đầu các câu hỏi đối chọi.

CÁC CÂU HỎI ĐỐI CHỌI (MENDAKAB4ÑHĀ) .

I. PHẨM NĂNG Lực CỦA THẦN THÔNG (IDDHIBALAVAGGO)

L CÂU HỎI VỀ VIỆC KHÔNG THỌ NHẢN CÚNG DƯỜNG (Pūjā-appatiggahanapañho) 1. Khi ấy, đức Vua Milinda, với sự đã được cho phép, đã cúi xuống ở hai bàn chân của vị thầy, rồi đã chăp tay lên ở đầu và nói điều này: Thưa Ngài Nâgasena, các giáo chủ tà giáo này nói như vầy: “nSu đức Phật ưng thuận sự cúng dường thì đức Phật chưa đạt Niết-bàn, còn bi gắn bó với đời, còn ở trong dời, còn chung chạ với dòi. Vì thế, hành động hướng thượng được làm đên Ngài là vô ích, không có quả báo. Nếu đã đạt Niết-bàn thì Ngài không còn gắn bó với đời, đã tách rời khỏi tất cả các hữu, sự cúng dường đến Ngài không phát sanh nữa. Người đã đạt Niết-bàn, không ưng thuận điều gì. Hành động hướng thượng được làm đến người không ưng thuận là vô ích, không có quả báo.” Câu hỏi này có cả hai khía cạnh. Lãnh vực này không dành cho những kẻ có tâm trí chưa đạt, lãnh vực này chỉ dành cho những bậc vĩ đại. Xin Ngài hãy phá vỡ mạng lưới tà kiến này. Xin Ngài hãy xác định về điều chắc thật. Câu hỏi này được dành cho Ngài. Xin Ngài hãy ban cho sự nhận thức đến những ngirời con của đấng Chiến Thắng trong ngày vi lai để phản bác lại các học thuyêt khác. Vi Trưởng lão đã nói rằng: -Tâu Đại vương, đức Thế Tôn đã đạt Niết-bàn? và đức Thế Tôn không ưng thuận sự cúng dường. Ngay tại cội cây Bồ-đề, sự img thuận của đức Như Lai đã được dứt bỏ, vậy thì còn điều gì nữa đối với vi đã viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót? Tâu Đại vương, điêu này cũng đã được vi trưởng lão Tướng quân Chánh pháp Sāriputta nói đến: Các bậc tương đương với đấng Vô Song, trong khi được cúnệ dường bởi chư thiên và nhân loại, các vi ây không ưng thuận sự tôn vinh; điêu ấy là lẽ tự nhiên của chư Phật. 2. Đức Vua đã nói răng: Thưa Ngài Nãgasena, con nói lời ca ngợi cha, cha nói lời khen ngợi con, điều này không phải là lý do để phản bác lại các học thuyết khác. Điều này gọi

là lời tuyên bố về niềm tin. Vậy xin Ngài hãy nói rõ ràng cho trẫm lý do về trường hợp ấy nhằm thiết lập học thuyết của mình và nhằm việc tháo tung mạng lưới ta kiên. Vị Trưởng lão đã nói rằng: -Tâu Đại vương, đức Thế Tôn đã đạt Niết-bàn, và đức Thế Tôn không ưng thuận sự cúng dường. Chư thiên và nhân loại, trong khi thực hiện nền đất cho báu vật Xá-lợi của đức Như Lai dẫu cho Ngài không ung thuận và trong khi đeo đuổi pháp hành đúng đắn với đề mục là báu vật trí tuệ của đức Như Lai, vẫn đạt được ba sự thành tựu.1 Tâu Đại vương, giống như khối lửa lớn bốc cháy rồi tắt ngấm, tâu Đại vương phải chăng khối lửa ấy cũng ưng thuận việc bám víu vào co va củi? Thưa Ngài, ngay cả trong khi đang cháy, khôi lửa lớn ây cũng không ung thuận việc bám víu vào cỏ và củi, vậy thì việc gì lại ưng thuận khi đã tắt ngấm, được yên lặng, không còn tâm thức? Tâu Đại vương, phải chăng khi khối lửa lớn ấy đã ngừng nghỉ, được yên lặng, thì không còn ngọn lửa ở thế gian? Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, củi là nền tảng, là sự bám víu của ngọn lửa. Thưa Ngài, bất cứ những người nào có ước muốn về lửa, những người ấy xoay tròn nhánh củi bằng thê lực, sức mạnh và sự nỗ lực của bản thân; do việc làm của mỗi cá nhân thì làm phát sanh ngọn lửa, rồi với ngọn lửa ấy làm các công việc được làm bởi ngọn lửa. -Tâu Đại vương, chính vì điêu ây? lời nói của các giáo chủ tà giáo: "Hành động hướng thượng được làm đến người không ưng thuận là vô ích, không có quả báo^ là sai trái. Tâu Đại vương, giông như khối lửa lớn đã bốc cháy, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn đã bốc cháy với vẻ rực rỡ của vị Phát trong mười ngàn the giới. Tâu Đại vương, giống như khối lửa lớn bốc cháy rồi tắt ngam, tương tợ y như thế, đức Thê Tôn sau khi bốc cháy với vẻ rực rỡ của vị Phật trong mười ngàn thế giới rồi đã viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót. Tâu Đại vương, giống như khối lửa lớn đã tắt ngấm thì không còn img thuận việc bám víu vào cỏ và củi, tương tợ y như thế, sự ưng thuận của đấng Phúc Lợi Thế Gian r là đã ỉ được * bỏ, được yên lặng.• Tâu Đại dứt: y giống r Jvương, A như khi khối 9

lửa đã tát ngâm, không còn bám víu, những người xoay tròn nhánh củi băng thê lực, sức mạnh và sự nỗ lực của bản thân; do việc làm của mỗi cá nhân thì làm phát sanh ngọn lửa, rồi với ngọn lửa ấy làm các công việc được làm bởi ngọn lửa, tương tợ y như thế, chư thiên và nhân loại sau khi thực hiện nền đất cho báu vật Xá-lợi của đức Như Lai dẫu cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, và trong khi đeo đuôi pháp hành đúng đan với đề mục là báu vật trí tuệ của đức Như Lai, vẫn đạt được ba sự thành tựu. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này dẫu cho đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn img thuận, hành động hướng thượng được làm đến Ngài là không vô ích, có quả báo.

1 Ba sự thành tựu là thành tựu cõi trời, thành tựu cõi người và thành tựu Niết-bàn. (ND)

MILINDA VẤN ĐẠO e 869

3. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hành động hướng thượng được làm đến đức Như Lai, dẫu cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn, không

còn ưng thuận, là không vô ích, có quả báo. Tâu Đại vương, giống như cơn gió lớn thổi qua rồi ngừng nghỉ, tâu Đại vương phải chăng cơn gió đã ngừng nghỉ ấy cũng ưng thuận việc sanh lên lần nữa? Thưa Ngài, cơn gió đã ngừng nghỉ hẳn, không có tư tưởng hoặc tác ý cho việc sanh lên lần nữa. Vì lý do gì? Bản chất của gió ấy là không có suy tư. -Tâu Đại vương, phải chăng có việc nhận biết về "cơn gi6" khi cơn gió ấy đã ngừng nghỉ? Thưa Ngài, không có. Cành lá thốt nốt và cây quạt là điều kiện để tạo ra cơn gió. Những người nào bị bực bội bởi sức nóng, bi hành hạ bởi sự đốt nóng, những người ấy bằng thể lực, sức mạnh và sự nỗ lực của bản thân, do việc làm của môi cá nhân thì làm phát sanh lên cơn gió với cành lá thót nót hoặc với cây quạt rồi làm dập tắt sự nóng nực, làm dịu đi sự đốt nóng. Tâu Đại vương, chính vì điều ấy, lời nói của các giáo chủ tà giáo: "Hành động hướng thượng được làm đến người không ưng thuận là vô ích, không có quả báo" là sai trái. Tâu Đại vương, giống như cơn gió lớn đã thổi qua, tương tợ y như thê, đức Thê Tôn đã thôi đên cơn gió mát mẻ? ngọt ngào, êm diu và từ ái ở mười ngàn thế giới. Tâu Đại vương, giống như cơn gió lớn thổi qua rồi ngừng nghỉ, tương tợ y nhu thê, đức Thê Tôn sau khi thôi đên cơn gió mát mẻ9 ngọt ngào, êm dịu và từ ái rồi đã viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn, không còn dư sót. Tâu Đại vương, giống như cơn gió lớn đã ngừng nghỉ thì không còn ưng thuận việc sanh lên lần nữa, tương tợ y như thế, sự ưng thuận của đấng Phúc Lợi Thế Gian là đã được dứt bỏ, được yên lặng. Tâu Đại vương, giống như những người ấy bị bực bội bởi sức nóng, bị hành hạ bởi sự đốt nóng; tương tợ y như thế, chư thiên và nhân loại bi hành hạ bởi sức nóng bởi sự đót nóng của ngọn lửa gôm ba loại [tham, sân, si]. Giông như cành lá thốt nốt và cây quạt là điều kiện để tạo ra cơn gió, tương tợ y như thế, Xá-lợi và báu vật trí tuệ của đức Như Lai là điều kiện cho việc đạt được ba sự thành tựu. Giống như những người bị bực bội bởi sức nóng, bị hành hạ bởi sự đốt nóng thì làm phát sanh lên cơn gió với cành lá thốt nốt hoặc với cây quạt rồi làm tắt ngấm sự nóng nực, làm dịu đi sự đốt nóng; tương tợ y như thế, chư thiên và nhân loại sau khi cúng dường Xá-lợi và báu vật trí tuệ của đức Như Lai dẫu cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, sau khi làm phát sanh pháp thiện, với pháp thiện ây làm tát ngâm, làm dịu sự nóng nực và sự đót nóng của ngọn lửa gồm ba loại. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này dẫu cho đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đến Ngài là không vô ích, có quả báo. 4. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa để phản bác lại các học thuyết khác. Tâu Đại vương, giống như người đàn ông sau khi vỗ vào cái

trông thì tạo ra âm thanh; âm thanh nào của cái trông đã được tạo ra bởi người đàn ông thì âm thanh ấy sẽ biến mất. Tâu Đại vương, phải chăng âm thanh ấy cũng img thuận việc tạo ra lần nữa? Thưa Ngài, không đúng. Am thanh ây đã biên mat, nó không có tư tưởng hoặc tác ý cho việc sanh lên lần nữa. Khi âm thanh của cái trống đã được tạo ra một lân roi biên mát, âm thanh của cái trông ây được châm dứt. Thưa Ngài, tuy nhiên cái trống là điều kiện cho việc tạo ra âm thanh. Và người đàn ông khi có điều kiện vỗ vào cái trống bằng sự nỗ lực của chính mình thì tạo ra âm thanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn, sau khi xác lập báu vật Xá-lọd, cùng với Pháp,

Luật, và lời giáo huân đã được phát triên toàn vẹn nhờ vào giới, định, tuệ, giải thoát, trí tuệ và nhận thức về sự giải thoát chính là bậc Đạo Sư, rồi đã tự mình viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót. Và không phải khi đức Thế Tôn đã viên tịch Niết-bàn thì việc đạt được các sự thành tựu là bị gián đoạn. Các chúng sanh bị hành hạ bởi khổ đau ở sự hiện hữu, sau khi sử dụng báu vật Xá-lợi, Pháp, Luật và lời giáo huấn làm điều kiện, rồi có ước muốn về sự thành tựu thì đạt được các sự thành tựu. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này dẫu cho đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đến Ngài là không vô ích, có quả báo. Tâu Đại vươnệ, đức Thế Tôn đã nhìn thấy, đã thuyết giảng, đã nói lên, đã phát biểu về điều ấy cho thời vị lai xa xôi rằng: "'Này Ānanda, nếu các ngươi khởi ỷ như vầy: 'Có lời dạy của đấng Đạo sư trong quá khứ, còn [hiện nay] chủng ta không có bậc Đạo sư. Này Ānanda, điều này khônệ nên được nhận thức như thế. Này Ānanda, Pháp và Luật nào đã được thuyết giảng, đã được quy định bởi Ta, Pháp và Luật ấy, sau khi Ta tịch diệt, là bậc Đạo sư của các ngươi y về lời nói ấy của các giáo chủ tà giáo ấy rằng: “Bức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đến Ngài là vô ích, không có quả báo" là sai trái, không là sự thật, lìa sự chân thật, không đúng, là mâu thuẫn, là sai lệch, tạo sự khổ đau, có kết quả khổ đau, dẫn đến đĩa ngục. 5. Tâu Đại vương, hây lăne nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ây hành động hướng thượng được làm đên đức Như Lai, dẫu cho Ngài đã viên tịch Niết- bàn, không còn ưng thuận, là không vô ích, có quả báo. Tâu Đại vương, phải chăng đại địa cầu này img thuận rằng: "Tất cả hạt giống hãy mọc lên ở noi ta” Thưa Ngài, không đúng. Tâu Đại vương, vậy thì tại sao các hạt giống ấy, trong khi đại địa cầu không ưng thuận, lại mọc lên, tạo lập chùm rễ vững chãi, có thân cây, lõi cây và cành cây tỏa rộng xung quanh, có mang hoa và quả? Thưa Ngài, mặc dầu không ưng thuận đại địa cầu vẫn là nền tảng và tạo điêu kiện cho sự phát triên của các hạt giông ây. Các hạt giống ấy nương vào nền tảng ấy, nhờ vào điều kiện ấy mọc lên, tạo lập chùm rễ vững chãi, có thân cây, lõi cây và cành cây tỏa rộng xung quanh, có mang hoa và quả.

-Tâu Đại vương, chính vì điêu áy các giáo chủ tà giáo đã bi hư hoại, bị that bại, bi mâu thuẫn ở lời nói của họ nêu họ nói rang: “Hành động hướng thượng được làm đến người không ưng thuận là vô ích, không có quả bao?9 Tâu Đại vương, đại địa câu như thê nào thì đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Biến Tri như thế áy. Tâu Đại vương, đại địa cầu không ưng thuận bất cư điều gì như thế nào thì đức Như Lai không ưng thuan bất cứ điêu gì như thế ấy. Tâu Đại vương, các hạt giống ấy nương vào trái đất mọc lên, tạo lập chùm rễ vững chãi, có thân cây, lõi cây và cành cây tỏa rộng xung quanh, có mang hoa và quả như thê nào, thì chư thiên và nhân loại nương vào Xá-lợi và báu vật trí tuệ của đức Như Lai, dẫu cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, rồi tạo lập nền tảng vững chãi về pháp thiện, có thân cây là định, lõi cây là pháp và cành cây là giới tỏa rộng xung quanh, có mang hoa là sự giải thoát và quả là bản thể Sa-môn như thế ây. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này dẫu cho đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đên Ngài là không vô ích, có quả báo. 6. - Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hành

động hướng thượng được làm đến đức Như Lai, dẫu cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, là không vô ích, có quả báo. Tâu Đại vương, phải chăng các con lạc đà, các con bò, các con lừa, các con dê, các con thú, các con người này ưng thuận sự hiện hữu của các dòng họ giun sán ở trong bụng? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, vậy thì tại sao trong khi chúng không ưng thuận mà các con giun sán ấy lại hiện hữu và vô số con cháu lại đạt được sự phát triển ở trong bụng của chúng? Thưa Ngài, do năng lực của nghiệp ác mà các con giun sán ấy hiện hữu và vô sô con cháu đạt được sự phát triên ở trong bụng của các chúng sanh ấy mặc dầu chúng không ưng thuận. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, do năng lực của Xá-lợi và báu vật trí tuệ, dẫu cho đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đến đức Như Lai là không vô Ích, có quả báo. 7. - Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hành động hướng thượng được làm đên đức Như Lai, dâu cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn9 không còn ưng thuận, là không vô ích, có quả báo. Tâu Đại vương, phải chăng các con người này ưng thuận răng: "Chín mươi tám loại bệnh này hãy sanh len ở thân thể"? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, vậy thì tại sao các loại bệnh ấy lại giáng xuống thân thể của những người không ưng thuận? Thưa Ngài, do ác hạnh đã làm ở thời quá khứ. -Tâu Đại vương, nếu điều bất thiện đã làm ở thời quá khứ có thể được cảm thọ ở đây, tâu Đại vương, chính vì điều ấy nghiệp thiện hoặc bất thiện đã làm

ở thời quá khứ cũng như đã làm ở đây là không vô ích, có quả báo. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này dẫu cho đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đến Ngài là không vô ích, có quả báo. 8. Tâu Đại vương, hơn nữa Đại vương có được nghe trước đây rằng dạ- xoa tên Nandaka sau khi công kích VỊ Trưởng lão Sāriputta đã bi rơi vào trong trái đất? i -Thưa Ngài, đúng vậy, có được nghe. Điêu ây là rõ rệt ở thê gian. -Tâu Đại vương, phải chăng Trưởng lão Sāriputta đã ưng thuận việc nuốt vào của trái đất đối với dạ-xoa Nandaka? Thưa Ngài, ngay cả khi thế gian có cả chư thiên đang bi vỡ ra, ngay cả khi mặt trăng và mặt trời đang bị rơi xuống ở mặt đất, ngay cả khi núi chúa Sineru đang bị vỡ tung tóe, Trưởng lão Sāriputta cũng không ưng thuận sự khổ đau của người khác. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Do nhân nào mà Trưởng lão Sāriputta có thể nổi giận hoặc sân hận, nhân ấy đối với Trưởng lão Sāriputta đã được nhổ bỏ, đã được trừ tuyệt. Thưa Ngài, do tính chất đã được nhổ bỏ của nhân mà Trưởng lão Sāriputta không thể nào giận dữ dầu có liên quan đến việc bị tước đoạt mạng sống. -Tâu Đại vương, nếu Trưởng lão Sāriputta đã không ưng thuận việc nuốt vào của trái đất đối với dạ-xoa Nandaka, vậy thì tại sao dạ-xoa Nandaka lại rơi vào trong trái đất? Thưa Ngài, do năng lực của nghiệp bất thiện. -Tâu Đại vương, nêu do năng lực của nghiệp bát thiện mà dạ-xoa Nandaka rơi vào trong trái đất thì sự xúc phạm đã làm đến người dầu là không ưng thuận cũng là không vô ích, có quả báo. Tâu Đại vương, chính vì điều ấy do năng lực của nghiệp thiện, "hành động hướng thượng được làm đến người không ưng thuận là không vô ích, có quabao.99 Tâu Đại vương, cũng vì lý do này dẫu cho đức Như Lai đã viên tịch Niết- bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đến Ngài

là không vô ích, có quả báo. 9. Tâu Đại vương, vào thời bấy giờ những người đã rơi vào trong trái đất là bao nhiêu? Đại vương có được nghe về trường hợp ấy không? Thưa Ngài, đúng vậy, có được nghe. -Tâu Đại vương, vậy xin Đại vương hãy cho nghe với. Thưa Ngài, là "thiếu nữ Ciñcā, Suppabuddha dòng Sakyā, Trưởng lão Devadatta, dạ-xoa Nandaka và thanh niên Nandā." Thưa Ngài, điều này trẫm đã được nghe, năm người này đã rơi vào trong trái đất. -Tâu Đại vương, những người ấy đã xúc phạm đến ai? Thưa Ngài, đến đức Thế Tôn và các vi Thinh văn.

-Tâu Đại vương, phải chăng đức Thế Tôn hay các vị Thinh văn đã ưng thuận việc hút vào của trái đất đối với những người này? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, chính vì điều ấy hành động hướng thượng được làm đến đức Như Lai, dẫu cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, là không vô ích, có quả báo. Thưa Ngài Nâgasena, câu hỏi thâm sâu đã khéo được giảng giải, đã được làm rõ, điều bí mật đã được phơi bày, nút thắt đã được mở ra, bụi rậm đã được làm không còn bụi rậm, lời tuyên thuyết của ngoại đạo đã bị hư hoại, quan điểm xấu đã bị đo vỡ, các giáo chủ tà giáo đã không còn hào quang phát sanh, Ngài đã tiến đến vị thế cao quý và ưu tú trong số các vị có đồ chúng. uCâu hỏi về việc không thọ nhận cúng dường59 là thứ nhất

2. CÂU HỎI VỀ BẢN THỂ TOÀN TRI CỦA ĐỨC THẾ TÔN (Bhagavato sabbaññutāpañho) ỉ. - Thưa Ngài Nãgasena, có phải đức Phật là đấng Toàn Tri? - Tâu Đại vương, đúng vậy. Đức Thế Tôn là đấng Toàn Tri. Tuy nhiên đối với đức Thế Tôn, sự biết và thấy không hiện diện một cách thường xuyên, liên tục. Trí toàn tri của đức Thê Tôn găn liên vào sự hướng tâm. Sau khi hướng tâm thì Ngài biết theo như ý muốn. Thưa Ngài Nāgasena, như thế thì đức Phật là không toàn tri, nếu trí toàn tri của Ngài là do sự suy tầm. Tâu Đại vương, có một trăm xe lúa, mỗi xe là bảy tạ rưỡi và hai giạ lúa.2 Chừng ấy trăm ngàn hạt lúa có thể được xác đinh, có thể đạt đến kết quả cuối cùng bởi tâm được vận hành trong khoảng thời gian một khảy móng tay. ở đây, có bảy loại tâm này vận hành: Tâu Đại vương, những người nào còn luyến ái, còn sân hận, còn si mê, còn phiền não, có thân chưa được tu tập, có giới chưa được tu tập, có tâm chưa được tu tập, có tuệ chưa được tu tập, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp. Vì lý do gì? Vì tính chất chưa được tu tập của tâm. Tâu Đại vương, giống như đối với cành tre được tỏa ra, rậm rạp, lan rộng, bị kết chùm chưa được gỡ ra, bị rối rắm với những cụm cành lá, trong khi được lôi kéo thì sự chuyển động là trì trệ, chậm chạp. Vì lý do gì? Vì tính chất kết chùm chưa được gỡ ra của các cành. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào còn luyến ái, còn sân hận, còn si mê, còn phiền não, có thân chưa được tu tập, có giới chưa được tu tập, có tâm chưa được tu tập, có tuệ chưa được tu tập, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm

2 Ammanam và tumba: Là hai đơn vị đo lường, được phỏng dịch là tạ (100 kg) và giạ (40 lít) vì không tìm được ý nghĩa chính xác. (ND)

chạp. Vì lý do gì? Vì tính chất kết chùm chưa được gỡ ra bởi các phiền não. Đây là loại tâm thứ nhất. 2. ở đây, có loại tâm thứ nhì này đạt được sự xếp loại. Tâu Đại vương, những người nào là bậc Nhập lưu có các cõi khổ đã được đóng lại, đã đạt được chánh kiến, đã nhận thức được giáo pháp của bậc Đạo Sư, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng ở ba trường hợp,34sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch của tâm ở ba trường hợp, vì tính chất chưa được dứt bỏ của các phiền não bậc trên. Tâu Đại vương, giống như đối với cành tre đã được tỉa sạch các mắt ở ba lóng, còn bị rối rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên, trong khi được lôi kéo thì di chuyển một cách Ịihẹ nhàng chỉ đến ba lóng, từ đó trở lên thì bị dính cứng. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được tỉa sạch ở phần dưới, vì tính chất rối rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào là bậc Nhập lưu có các cõi khổ đã được đóng lại, đã đạt được chánh kiến, đã nhận thức được giáo pháp của bậc Đạo Su, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng ở ba trường hợp, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở ba trường hợp, vì tính chất chưa được dứt bỏ của các phiền não bậc trên. Đây là loại tâm thư nhì. 3. ở đây, có loại tâm thứ ba này đạt được sự xếp loại. Tâu Đại vương, những người nào là bậc Nhất lai có sự luyến ái, sân hận, si mê ở trạng thái giảm thiểu, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở năm trường hợp/ sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lý do gì? Vì tính chát đã được trong sạch của tâm ở năm trường hợp, vì tính chát chưa được dứt bỏ của các phiên não bậc trên. Tâu Đại vương, giống như đối với cành tre đã được tỉa sạch các mắt ở năm lóng, còn bi rối rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên, trong khi được lôi kéo thì di chuyển một cách nhẹ nhàng chỉ đến năm 16ng, từ đó trở lên thì bị dính cứng. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được tỉa sạch ở phan dưới, vì tính chất rối rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào là bậc Nhất lai có sự luyến ái, sân hận, si mê ở trạng thái giảm thiểu, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở năm trường hợp, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lý do gì? Vì tính chát đã được trong sạch của tâm ở năm trường hợp. Đây là loại tâm thứ ba. 4. ở đây, có loại tâm thứ tư này đạt được sự xếp loại. Tâu Đại vương, những người nào là bậc Bất lai có năm sự ràng buộc ở phần dưới đã được dứt bỏ, tâm

3 Ba trường hợp: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ. (ND)

4 Năm trường hợp: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, tham dục và sân hận. (ND)

MILINDAVẤN ĐẠO 875

z A

ây của những người ây sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở mười trường hợp,5 sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch của tâm ở mười trường hợp, vì

tính chất chưa được dứt bỏ của các phiền não bậc trên. Tâu Đại vương, giống như đối với cành tre đã được tỉa sạch các mắt ở mười lóng, còn bị roi rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên, trong khi được lôi kéo thì di chuyển một cách nhẹ nhàng chỉ đến mười lónạ? từ đó trở lên thì bi dính cứng. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được tỉa sạch ở phan dưới, vì tính chất rối rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những nẹười nào là bậc Bất lai có năm sự ràng buộc ở phần dưới đã được dứt bỏ? tâm áy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở mười trường hợp, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lẹ do gì? Vì tính chất đã được trong sạch của tâm ở mười trường hợp, vì tính chất chưa được dứt bỏ của các phiền não bậc trên. Đây là loại tâm thứ tư. 5. ở đây, có loại tâm thứ năm này đạt được sự xếp loại. Tâu Đại vương, những người nào là bậc A-la-hán có các lậu hoặc đã được cạn kiệt, có các bợn nhơ đã được rửa sạch, có các phiền não đã được ói ra, đã được hoàn mãn, có các việc cần làm đã làm, có các gánh nặng đã được đặt xuống, có mục đích của mình đã được đạt đến, có các sự trói buộc ở hữu đã được đoạn tận, có các tuệ phân tích đã đạt, đã được trong sạch ở các cảnh giới của vị Thinh văn, tâm của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở phạm vi của vị Thinh văn, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở cảnh giới của vi Phật Độc Giác. Vì lẹ do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở phạm vi của vị Thinh văn, vì tính chất chưa được trong sạch của tâm ở phạm vi của vị Phật Độc Giác. Tâu Đại vương, giống như đối với cành tre đã được tỉa sạch các mắt ở tất cả các lóng, trong khi được lôi kéo thì di chuyển một cách nhẹ nhàng, không bị dính cứng. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được tỉa sạch ở tất cả các lóng, vì tính chất không còn bám víu của thân cây tre. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, những người nào là bậc A-la-hán có các lậu hoặc đã được cạn kiệt, có các bợn nhơ đã được rửa sạch, có các phiền não đã được ói ra, đã được hoàn mãn, có các việc cần làm đã làm, có các gánh nặng đã được đặt xuống, có mục đích của bản thân đã được đạt đến, có các sự trói buộc ở hữu đã được đoạn tận, có các tuệ phân tích đã đạt, đã được trong sạch ở các cảnh giới của vị Thinh văn, tâm ây của những người ây sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở phạm vi của vị Thinh văn, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở cảnh giới của vị Phật Độc Giác. Vì lẹ do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở phạm vi của vị Thinh văn, vì tính chất chưa được trong sạch của tâm ở phạm vi của vị Phật Độc Giác. Đây là loại tâm thứ năm.

5 Mười trường hợp: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, tham dục, sân hận, ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật và vồ minh. (ND)

6. ở đây, có loại tâm thứ sáu này đạt được sự xếp loại. Tâu Đại vương, những người nào là Phật Độc Giác, bậc Tự Chủ, không thầy, độc hành tợ như sừng tê giác, có tâm đã được trong sạch không còn bợn nhơ ở phạm vi của mình, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở phạm vi của mình, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở cảnh giới của vi Phật Toàn Tri. Vì lý

do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở phạm vi của mình. vì tính chất vĩ đại ở phạm vi của vị Phật Toản Tri. Tâu Đại vương, giống như người nam có thể băng qua con sông nhỏ thuộc phạm vi của mình vào ban đêm lẫn ban ngày, theo như ước muốn, không bị hãi SỢ, nhưng sau đó khi nhìn thây đại dương sâu thăm, mênh mông, không thê ước lượng, không có bờ bên kia, có thể hãi sợ, có thể ngần ngại, không dám vượt qua. VÌ lý do gì? Vì tính chất đã được quen thuộc ở phạm vi của mình, vì tính chất vĩ đại của đại dương. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào là Phật Độc Giác, bậc Tự Chủ, không thầy, độc hành tợ như sừng tê giác, có tâm đã được trong sạch không còn bợn nhơ ở phạm vi của mình, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở phạm vi của mình, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở cảnh giới của vị Phật Toàn Tri. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở phạm vi của mình, vì tính chất vĩ đại ở phạm vi của vị Phật Toàn Tri, Đây là loại tâm thứ sáu. 7. ở đây, có loại tâm thứ bảy này đạt được sự xếp loại. Tâu Đại vương, những người nào là Phật Chánh Đẳng Giác, đấng Toàn Tri, bậc Nắm Giữ Mười Lực, có sự tự tin ở bốn pháp tự tin, hội đủ mười tám pháp của vị Phật, là đấng Chiến Thắng Vô Biên, có trí không bị che lấp, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở mọi nơi. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở mọi nơi. Tâu Đại vương, phải chăng có sự vụng về hoặc sự vướng víu của mũi tên khéo được làm sạch sẽ, không bợn nhơ, không có măc mứu, có thân mem mại, không bị uôn? không bị cong, không bi quẹo, được đặt lên cây cung vững chãi, được bắn ra bởi người có sức mạnh vào tấm vải gai mềm, lớp gòn mềm, tấm len mềm? Thưa Ngài, không có. -Vì lý do gì? Vì tính chất mềm mại của những tấm vải, vì tính chất được làm sạch sẽ của mũi tên và tính chát mạnh mẽ của phát băn ra. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào là Phật Chánh Đẳng Giác, đấng Toàn Tri, bậc Nắm Giữ Mười Lực, có sự tự tin ở bốn pháp tự tin, hội đủ mười tám pháp của vị Phật, la đấng Chiến Thắng Vô Biên, có trí không bị che lấp, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở mọi nơi. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở mọi nơi. Đây là loại tâm thứ bảy.

8. Tâu Đại vương, ở đây tâm này của chư Phật Toàn Tri vượt trội sự tính đếm của luôn cả sáu loại tâm, được trong sạch và nhẹ nhàng với đức tính vô số kể. Và tâu Đại vương, bởi vì tâm của đức Thế Tôn được trong sạch và nhẹ nhàng nên đức Thế Tôn mới phô diễn song thông. Tâu Đại vương, về song thông nên được biết rằng: "Tâm của chư Phật Thế Tôn có sự chuyển dịch nhẹ nhàng như thS." Trong trường hợp ấy, không thể nào nói hơn nữa về lý do. Tâu Đại vương, những loại thần thong có liên quan đến tâm của chư Phật Toàn Tri ấy đều không thể áp đặt phép đếm, phép tính, sự chia chẻ và luôn cả sự tách phần. Tâu Đại vương, trí toàn tri của đức Thế Tôn được gắn liền vào sự hướng tâm, sau khi hướng tâm thì biết được theo như ý muốn. Tâu Đại vương, giống như người nam có thể đặt xuống ở bàn tay thứ nhì bất cứ vật gì đã được đặt xuống ở bàn tay [thứ nhất], có thể phát ra lời nói bằng miệng đã được mở ra, có thể nuốt vào thức ăn đã đưa vào miệng, có thê mở mát ra roi nhăm lại, hoặc có thể nhắm mắt lại rồi mở ra, có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra?

việc ấy còn chậm hơn, tâu Đại vương, trí toàn tri của đức Thế Tôn là nhẹ nhàng hơn, sự hướng tâm là nhẹ nhàng hơn. Sau khi hướng tâm thì biết được theo như ý muốn. Dầu cho không có sự hướng tâm, chư Phật Thế Tôn ấy vẫn không gọi là không có toàn tri. 9. Thưa Ngài Nâgasena, sự hướng tâm là được thực hiện do sự suy tầm, vậy thì Ngài hãy giúp cho trẫm hiểu trường hợp ấy bằng lý lẽ. -Tâu Đại vương, giông như người giàu thì có nhiêu tài sản, có nhiêu của cải, có dôi dào vàng bạc và vật sở hữu dự phòng, có dồi dào tài sản và ngũ cốc là gạo thơm, thóc, lúa mạch, gạo xay, mè, đậu muggā, đậu māsā, các loại hạt chưa chế biến hoặc các loại khác nữa, bơ lỏng, dầu ăn, bơ đặc, sữa tươi, sữa đông, mật ong, mật đường và đường mía được chứa ở bình, chum, lu, hũ? chậu và có người khách là người xứng đáng để mời ăn và có sự mong mỏi về bữa ăn, đi đến với người ấy, nhưng tại nhà của người ấy thức ăn nấu chín là đã hết sạch thì có thể đem gạo từ chum lại rồi nấu chín. Tâu Đại vương, phải chăng do sự việc thiếu hụt thức ăn trong chốc lát mà người ấy trở thành người không có tài sản và nghèo khó? Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, ngay cả ở nhà của đức Chuyển Luân Vương cũng có sự thiếu hụt thức ăn vào lúc không đúng thời điểm, thì có điều gì đối với gia chủ. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, là trí toàn tri của đức Như Lai trong trường hợp không có sự hướng tâm, sau khi hướng tâm thì biết được theo như ý muôn. 10. Tâu Đại vương, hơn nữa giống như cây cối thì có thể kết trái, bị oằn xuống, bị uốn cong, bị mang nặng trĩu bởi những chùm trái và không có trái nào bị rơi rụng ở tại nơi ấy. Tâu Đại vương, phải chăng do sự việc không có trái cây rơi rụng trong chốc lát mà cây ấy trở thành không có trái cây?

878 KINH TIÊU BÔ

. , . M r 1 • À r • . Thưa Ngài, không đúng. Những trái cây áy được găn liên với sự rơi rụng. Khi được rơi rụng thì đạt được theo như ý muốn. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, là trí toàn tri của đức Như Lai trong trường hợp không có sự hướng tâm, sau khi hướng tâm thì biết được theo như ý muôn. Thưa Ngài Nāgasena, có phải sau khi hướng tâm thì đức Phật biết theo như ý muốn? Tâu Đại vương, đúng vậy. Đức Thế Tôn sau khi lần lượt hướng tâm thì biết được theo như ý muốn. Tâu Đại vương, giống như đức Chuyên Luân Vương khi nào nhớ đến bánh xe báu [khởi ý rằng]: "Bánh xe báu, hãy đến vód ta", trong khi nhớ đi nhớ lại thì bánh xe báu hiện đên. Tâu Đại vương, tương tgy như thê, đức Như Lai sau khi lần lượt hướng tâm thì biết được theo như ý muôn. Thưa Ngài Nāgasena, lý do là vững chãi. Đức Phật là đấng Toàn Tri. Chúng tôi chấp nhận đức Phật là đấng Toàn Tri. 66Câu hỏi về bản thể toàn tri của đức Thế Tôn" là thứ nhì.

3. CẨU HỎI VÈ Sự XUẤT GIA CỦA DEVADATTA (Devadattapabbafjāpañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, do vị nào mà Devadatta đã được xuất gia? -Tâu Đại vương, sáu vương tử dòng Sát-đế-lỵ này là Bhaddiya, Anuruddha, Ānanda, Bha^u, Kimbila, Devadatta và người thợ cạo Ưpâli là thứ bảy. Khi bậc Đạo Sư đã đác thành Chánh Đẳng Giác, trong việc đem lại nỗi vui mừng cho dòng họ Sakyā những vị ấy đã ra đi xuất gia theo đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã cho những vị ấy xuất gia. Thưa Ngài, không phải Devadatta sau khi xuất gia đã chia rẽ hội chúng? Tâu Đại vương, đúng vậy. Devadatta sau khi

xuât gia đã chia rẽ hội chúng. Không phải người tại gia chia rẽ hội chúng, không phải Tỳ-khưu-ni, không phải vi Ni tu tập sự, không phải vị Sa-di, khônệ phải vị Sa-di-ni chia rẽ hội chúng. Vị Tỳ-khưu bình thường, cùng chung sự đông cộng trú, đứng cùng chung ranh giới, chia rẽ hội chúng. 2. Thưa Ngài, người là kẻ chia rẽ hội chúng phạm vào nghiệp gì? -Tâu Đại vương, phạm vào nghiệp liên quan đên việc chiu đựng một kiêp. Thưa Ngài Nâgasena, vậy có phải đức Phật biêt răng: "Devadatta sau khi xuất gia sẽ chia rẽ hội chúng, sau khi chia rẽ hội chúng thì sẽ bị nung nấu ở địa ngục một kiep,9? Tâu Đại vương, đúng vậy. Đức Như Lai biết rằng: "Devadatta sau khi xuất gia sẽ chia rẽ hội chúng, sau khi chia rẽ hội chúng thì sẽ bị nung nấu ở địa ngục một kiếp." Thưa Ngài Nâgasena, nếu đức Phật biết rằng: "Devadatta sau khi xuất gia sẽ chia rẽ hội chúng, sau khi chia rẽ hội chúng thì sẽ bị nung nấu ở địa ngục

một kiếp", thưa Ngài Nãgasena, như thế thì lời nói rằng: "Đức Phật, đấng Bi Mẫn, bậc Thương Xót, vị Tầm cầu Lợi ích, sau khi xua đi điều bất lợi thì đem đến điều lợi ích cho tất cả chúng sanh" là sai trái. Nếu Ngài không biết điều ấy rồi đã cho xuất gia, như thế thì đức Phật là không toàn tri. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài, xin Ngài hãy tháo gỡ múi rối to lớn này, hãy đánh đô học thuyết của những kẻ khác. Trong ngày vị lai xa xăm, những vi Tỳ-khưu có sự giác ngộ tương đương Ngài sẽ khó đạt được. Trong trường hợp này, xin Ngài hãy bày tỏ năng lực của Ngài. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn là bậc Đại Bi và là đấng Toàn Tri. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn, trong lúc xem xét cảnh giới tái sanh của Devadatta với lòng bi mẫn và trí toàn tri, đã nhìn thấy Devadatta sau khi tích lũy nghiệp đưa đên trôi nôi luân hôi từ địa ngục đên địa ngục, từ đọa xứ đên đọa xứ trong nhiêu trăm ngàn koíi kiếp. Đức Thế Tôn, sau khi biết được điều ấy bằng trí toàn tri rằng: "Nghiệp đã được làm không có giới hạn của người này, nếu được xuất gia trong giáo pháp của Ta, sẽ trở thành có giới hạn. Khổ liên quan đến việc trước sẽ trở thành có giới hạn. Còn không được xuất gia thì kẻ rồ dại này sẽ tích lũy nghiệp kéo dài trọn kiếp"vì lòng bi mẫn Ngài đã cho Devadatta xuất gia. Thưa Ngài Nâgasena, như thế thì đức Phật gây tổn thương rồi thoa dầu, làm rơi xuống vực thẳm rồi đưa tay [kéo lên], làm cho chết rồi tìm kiếm mạng sống, là việc Ngài ban cho sự khổ đau trước rồi đem lại sự an lạc sau. -Tâu Đại vương, đức Như Lai dẫu có gây tổn thương cũng vì lợi ích cho chúng sanh, dẫu có làm rơi xuống cũng vì lợi ích cho chúng sanh, dẫu có làm cho chết cũng vì lợi ích cho chúng sanh. Tâu Đại vương, đức Như Lai gây tổn thương roi đem lại lợi ích cho chúng sanh, làm rơi xuống rồi đem lại lợi ích cho chúng sanh, làm cho chết rồi đem lại lợi ích cho chúng sanh. Tâu Đại vương, giống như mẹ cha gây tổn thương, làm rơi xuống, rồi đem lại lợi ích cho những người con, tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai gây tổn thương cũng vì lợi ích cho chúng sanh, làm rơi xuông cũng vì lợi ích cho chúng sanh, làm cho chết cũng vì lợi ích cho chúng sanh. Tâu Đại vương, đức Như Lai gây tổn thương rồi đem lại lợi ích cho chúng sanh, làm rơi xuống rồi đem lại lợi ích cho chúng sanh, làm cho chết rồi đem lại lợi ích cho chúng sanh. Với bất cứ cách thức nào có sự tăng trưởnẹ các đức hạnh cho chúng sanh thì Ngài đem lại lợi ích cho tất cả chúng sanh bang cách thức ấy. Tâu Đại vương, nếu đức Như Lai không cho Devadatta xuất gia thì Devadatta trong khi là người

tại gia sẽ làm nhiều nghiep ác dẫn đến địa nệục, trong khi trôi nổi từ địa ngục đến địa ngục, từ đọa xứ đen đọa xứ trong nhiều trăm ngàn koti kiếp sẽ cảm thọ nhiều khổ đau. Đức Thế Ton, trong khi biết được điều ấy, vì lòng bi mẫn đã cho Devadatta xuất gia [nghĩ rằng]: "Đối với người đã được xuất gia trong giáo pháp của Ta thì khổ đau sẽ trở thành có giới hạn.95 Vì lòng bi mẫn mà Ngài đã làm vơi nhẹ nỗi khổ đau trâm trọng. Tâu Đại vương, hơn nữa giông như người đàn ông có năng lực, nhờ vào năng lực về tài sản, tiếng tăm, danh vọng và sự thân thiết, sau khi nhìn thấy bà

con hoặc bạn bè của mình đang chịu hình phạt nặng nề của đức vua, liền làm vơi nhẹ nỗi khổ đau trầm trọng của người ấy nhờ vào điều kiện có nhiều sự thân thiết và khả năng của bản thân; tâu Đại vương, tương tợ y như thế ấy, đức Thế Tôn sau khi cho Devadatta, là người sẽ bị cảm thọ khô đau nhiêu trăm ngàn koti kiêp, xuât gia đã làm vơi nhẹ nôi khô đau trâm trọng nhờ vào điêu kiện vê năng lực và khả năng của giới, định, tuệ và giải thoát. Tâu Đại vương, hoặc là giốnẹ như người thầy thuốc phẫu thuật thiện xảo nhờ vào năng lực của phương thuốc mạnh làm vơi nhẹ căn bệnh trâm trọng; tâu Đại vương, tương tợ y như thế ấy, đức Thế Tôn là vị có năng lực về lòng bi mẫn, với sự hiểu biết về tu tập, sau khi cho Devadatta, là người sẽ bị cảm thọ khổ đau nhiêu trăm ngàn koti kiêp, xuât gia đã làm vơi nhẹ nôi khô đau trâm trọng nhờ vào năng lực của phương thuốc cứng rắn của giáo pháp. Tâu Đại vương, phải chăng đức Thế Tôn ấy, trong khi làm cho Devadatta đáng lẽ bị nhiều cảm thọ [khổ] chỉ còn ít cảm thọ [kho], lại tạo ra điều vô phước nào đó? Thưa Ngài, không tạo ra điều vô phước nào, dầu chỉ là một lượng thời gian ngắn ngủi như việc vắt sữa ở vú bò. -Tâu Đại vương, Đại vương hãy châp nhận lý do này theo ý nghĩa mà với lý do ấy đức Thế Ton đã cho Devadatta xuất gia. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã cho Devadatta xuất gia. Tâu Đại vương, giống như những người bắt được kẻ trộm phạm tội thì trình lên đức vua rằng: "Tâu Bệ hạ, kẻ frộm phạm tội này là thuộc về Bệ hạ. Đối với kẻ nàỵ, xin Bệ hạ hãy ra lệnh hành phạt mà Bệ hạ muốn.,, Đức vua có thể nói về kẻ ấy như vầy: 4tNày các khanh, như thế thì hãy đưa kẻ trộm này ra ngoại thành roi chém đâu ở bãi hành quyOt." “Tâu Bệ hạ, xin vang?9 Vâng lệnh đức vua, những người ấy đã đưa kẻ ấy ra ngoại thành rồi dẫn đến bãi hành quyết. Một người đàn ông nào đó, là người đã đạt được ân huệ từ đức vua, đã đạt được danh tiếng, tài sản, của cải, có lời nói được chấp nhận, có năng lực, có hành động theo ý thích, nhìn thấy kẻ ấy. Người ấy, khởi tâm bi mẫn đến kẻ trộm ấy, nên đã nói với những người ấy như vầy: “Này các ông, thôi đi. Các ông được gì với việc chặt đầu của người này? Này các ông, chính vì điều ấy các ông hãy chặt tay hoặc bàn chân của người này và hãy duy trì mạng sống cho gã. Ta sẽ trình tấu đến đức vua lý do của việc này." Những người ấy, do lời nói của người có năng lực ấy, có thể chặt tay hoặc bàn chân của kẻ trộm ấy và duy trì mạng sống cho gã. Tâu Đại vương, phải chăng người đàn ông ấy, với hành động như vậy, là có thể hiện trách nhiệm đối với kẻ trọm ấy? Thưa Ngài, người đàn ông ấy là người ban cho mạng sống đến kẻ trộm. Khi mạng sống đã được ban đến gã thì có điều gì gọi là đã không được làm cho kẻ ấy? r , • \ e r 1 /K .

Tuy nhiên, vê cảm thọ trong việc chặt tay chân của kẻ ây, không lẽ người ấy không tạo ra điều vô phước nào trong cái cảm thọ ấy?

MILINDAVẤN ĐẠO 881

Thưa Ngài, kẻ trộm ấy cảm nhận cảm thọ khổ đau do việc đã làm của mình. Còn người đàn ông, là người ban cho mạng sống, không tạo ra điều vô phước nào cả. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn vì lòng bi mẫn đã cho Devadatta xuất gia [nghĩ răng]: "Đôi với người đã được xuất gia trong giáo pháp của Ta thì khổ đau sẽ trở thành có giới hạn.,, Tâu Đại vương, và khổ đau của Devadatta trở thành có giới hạn. Tâu Đại vương, Devadatta vào thời điểm chết, đã đi đến việc nương nhờ khi còn sống [nói rằng]: "Với những khúc xương này, với các sanh mạng, tôi đi đên nương nhờ đức Phật, nhân vật cao cả ấyf vi Trời Vượt Trội Các Vi Trời, đấng Điều Ngự Trượng Phu, bậc Nhìn Thấy Toàn Diện, có đặc điểm của trăm phước bảu^ Tâu Đại vương, trong kiêp [trái đất] gôm sáu giai đoạn, thì Devadatta đã chia rẽ hội chúng khi giai đoạn thứ nhất đã trôi qua, sau khi bi nung nấu trong năm giai đoạn còn lại rồi từ đó sẽ được giải thoát, và sẽ trở thành vị Độc Giác Phật tên Atthissara. Tâu Đại vương, phải chăng đức Thế Tôn, với hành động như vậy, là có thê hiện trách nhiệm đôi với Devadatta? Thưa Ngài Nãgasena, đối với Devadatta, đức Như Lai là vị ban bố tất cả, là việc đức Như Lai sẽ khiến cho Devadatta đạt được quả vị Độc Giác Phật. Còn có điều gì đã không được làm bởi đức Như Lai đến Devadatta? -Tâu Đại vương, vả lại việc Devadatta sau khi chia rẽ hội chúng rồi cảm thọ khổ đau ở địa ngục, tâu Đại vương, phải chăng đức Thế Tôn do nhân ấy có thể tạo ra điều vô phước nào đó? Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, Devadatta bi nung nấu ở địa ngục một kiếp do việc đã làm bởi bản thân. Bậc Đạo Sư là người đã làm cho khổ đau trở thành có giới hạn, không tạo ra điều vô phước nào. Tâu Đại vương, Đại vương hãy chấp nhận lý do này theo ý nghĩa mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã cho Devadatta xuất gia. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã cho Devadatta xuất gia. Tâu Đại vương, giông như người thây thuôc phau thuật thiện xảo, trong khi làm êm diu vết thương bị tác động dữ dội bởi gió, mật, đàm đã tụ hội lại, bởi sự thay đổi của thời tiết, bởi sự chăm nom không đều dặn, bị xông lên mùi hôi thối của tử thi ô uế, có mũi nhọn bên trong tạo thành lỗ hổng, bi ngập đầy máu ứ, đành phải bôi miệng của vết thương bằng loại thuốc san sùi, xót xa, nhức nhối, đau đớn. Sau khi làm chín muồi [vết thương] bằng cách thức làm cho chín muôi, roi mô vét thương đã được đạt đên trạng thái mem mỏnệ băng dao, sau đó đót nóng băng cái thanh dẹp, rồi cho chát kiêm và muối vào vét thương ở chỗ đã được đốt nóng, sau đó bôi thuốc để làm lành vết thương nhằm đạt đến trạng thái tốt lành cho người bị bệnh. Tâu Đại vương, phải chăng người thầy thuốc phẫu thuật ấy có tâm không tốt nên mới bôi thuốc, mổ ra bằng dao, đốt nóng với cái thanh dẹp, rồi cho chất sát trùng vào vết thương?

882 KINH TIÊU Bộ_____

-Thưa Ngài, không đúng. Người thầy thuốc có tâm tốt, có lòng mong mỏi điêu tốt lành, nên mới làm những hành động ấy. -Vậy thì các cảm thọ khổ đau nào đã sanh lên do hành động việc làm và thuốc men đối với người ấy, do nhân ấy người thầy thuốc phẫu

thuật ấy có tạo ra điều vô phước nào không? Thưa Ngài, người thầy thuốc phẫu thuat có tâm tốt, có lòng mong mỏi điều tốt lành, nên mới làm những hành động ấy. Làm sao người ấy, do nhân ấy, lại có thể tạo ra điều vô phước? Thưa Ngài, người thầy thuốc phẫu thuật ấy là người sanh về cõi trời. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn vì lòng bi mẫn đã cho Devadatta xuất gia nhằm thoát khỏi khổ đau; Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã cho Devadatta xuất gia. Tâu Đại vương, giống như một người nam bị đâm bởi cây gai, rồi một người nam khác có tâm tốt, có lòng mong mỏi điều tốt lành, mới cat xung quanh [vết thương] bằng cây gai nhọn hoặc bằng mũi dao, rồi lấy cây gai ấy ra nhờ vào lượng máu đang bị phun ra, tâu Đại vương, phải chăng người nam ây có tâm không tót nên mới lây cây gai ấy ra? Thưa Ngài, khônệ đúng. Người nam ấy có tâm tốt5 có lòng mong mỏi điều tốt lành, nên mới lay cây gai ấy ra. Thưa Ngài, nếu người nam ấy không lấy cây gai ấy ra, do điều ấy người kia có thể gánh chịu sự chết hoặc khổ đau gân như chét. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, đức Như Lai vì lòng bi mân đã cho Devadatta xuất gia nhằm thoát khỏi sự khổ đau. Tâu Đại vương, nếu đức Thé Tôn không cho Devadatta xuất gia thì Devadatta có thể bi nung nấu ở địa ngục liên tiếp nhiều đời sống thậm chí trong trăm ngàn koti kiếp. Thưa Ngài Nâgasena, đức Như Lai đã đưa Devadatta, kẻ có sự bị cuốn trôi theo dòng nước, vào đạo lộ; đã ban cho Devadatta, kẻ đã bị rơi vào vực thẳm, chỗ đứng; đã đưa Devadatta, kẻ bước đi ở chỗ gập ghềnh, đến nơi bằng 9 9 J7 x Y X X - J

phăng. Thưa Ngài Nãgasena, không thê nhìn nhận những nhân tô này và những lý do này bởi người nào khác ngoại trừ bậc có sự giác ngộ như là Ngài vậy. “CAu hỏi về sự xuất gia của Devadatta” là thứ ba.

4. CÂU HỎI VÈ HIỆN TƯỢNG DAO ĐỘNG DỮ DÔI CỦA TRÁI ĐẤT (Mahãbh ũmicãỉapãtubhữvapanho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: 6Này các Tỳ-khưu, có tám nhân tám duyên này đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất." Đây là lời nói không thiếu sót, đây là lời nói đầy đủ, đây là lời nói không thay đỗi9 không có nhân thứ chín nào khác đưa đến hiện tượng dao dQng dữ dội của trái đất. Thưa Ngài Nâgasena, nếu có nhân thứ chín khác đưa đen hiện tượng dao động dữ dội của trái đất, đức Thế Tôn cũng sẽ nói đến nhân ấy. Và thưa Ngài Nâgasena, bởi vì không có nhân thứ

chín nào khác đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất, vì thế đã không được đức Thế Tôn đề cập đến. Và có nhân thứ chín này đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất được thấy là đại địa cầu đã rúng động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức Vua Vèssantara. Thưa Ngài Nâgasena, nếu chỉ có tám nhân tám duyên đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất, như thế thì lời nói "dại địa cầu đã rúng động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức Vua Vessantara” là sai trái. Nêu đại địa cầu đã rúng động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức Vua Vessantara, như thế thì lời nói 'chỉ có tám nhân tám duyên đưa đến hiện tượng dao độĩiẸ dữ dội của trái đất' cũnệ là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía

cạnh, vi te, khó tháo gỡ9 gây tăm toi và sâu xa. Nó được dành cho Ngài. Điều này không thể trả lời bởi người nào khác có trí tuệ nhỏ nhoi, ngoại trừ bậc có sự giác ngộ như là Ngài vậy. -Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưuf có tám nhân tám duyên này đưa đên hiện tượng dao động dữ dội của trái đấty Còn đại địa cầu đã rúng động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức Vua Vessantara, tuy nhiên điêu ây là bát thường, đôi lúc có xảy ra, được loại ra khỏi tám nhân. Vì thế không được tính vào tám nhân. 2. Tâu Đại vương, giông như ở thê gian chỉ có ba loại mưa được tính là "[mua] thuộc mùa mưa, [mưa] thuộc mùa lạnh và cơn mưa rao.99 Nếu có cơn mưa khác không thuộc vào ba loại này mà đổ mưa, thì cơn mưa ấy không được tính vào các loại mưa đã được công nhận và chỉ được xem là "cơn mưa sái mùa5\ Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc đại địa cầu đã rúng động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức Vua Vèssantara, điều này là bất thường, đôi lúc có xảy ra, được loại ra khỏi tám nhân. Việc ấy không được tính vào tám nhân. 3 Tâu Đại vương, hoặc là giông như năm trăm con sông chảy ra từ núi Hy-mã-lạp. Tâu Đại vương, trong so năm trăm con sông ấy, chỉ có mười con sông được tính vào việc tính đêm các con sông, tức là: Sông Gañgā, Yamuna, Aciravatī, Sarabhū, Mahī, Sindhu, Sarassatī, Vetravatī, Vitatthā, Candabhāgā. Các con sông còn lại không được tính vào việc tính đếm các con sông. Vì lý do gì? Các con sông ấy không có nước thường xuyên. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc đại địa cầu đã rúng động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức Vua Vessantara, điều này là bất thường, đôi lúc có xảy ra, được loại ra khỏi tám nhân. Việc ấy không được tính vào tám nhân. 4. Tâu Đại vương, hoặc là giống như các quan đại thần của đức vua thì cả trăm người, hai trăm người. Trong số những người ấy chỉ có sáu là được tính vào việc tính đếm các quan đại thần. tức là: Tướng quân, quan tế tự, quan xử án, quan thủ khố, quan giữ lọng, quan giữ gươm. Chỉ những người này được tính vào việc tính đêm các quan đại thân. Vì lý do gì? Vì trạng thái gắn bó với các phẩm chất của đức vua. Còn tất cả những người còn lại không được tính đếm mà chỉ được xem là "quan đại thần". Tâu Đại vương, tương tợ y nhu thế, việc

đại địa cầu đã rúng động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức Vua Vessantara, điều này là bất thường, đôi lúc có xảy ra, được loại ra khỏi tám nhân. Việc ấy không được tính vào tám nhân. Tâu Đại vương, phải chăng có được nghe là trong thời hiện tại nghiệp của những việc làm hướng thượng đã làm ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng là có cảm thọ lạc trong hiện tại, và danh tiếng của những việc này vang lên ở giữa chư thiên và nhân loại? Thưa Ngài, đúng vậy. Có được nghe là trong thời hiện tại nghiệp của những việc làm hướng thượng đã làm ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng là có cảm thọ lạc trong hiện tại, và danh tiếng của những việc này vang lên ở giữa chư thiên và nhân loại. Những người ấy là bảy người. Tâu Đại vương, là ai và ai vậy? Thưa Ngài, là "người làm tràng hoa Sumanā, Bà-la-môn Ekasātaka, người làm công Punnā, Hoàng hậu Mallikâ, Hoàng hậu Gopālamātā, cận sự nữ Suppiyâ và nữ tỳ Punnā.^ Bảy người này có cảm thọ lạc trong hiện tại, và danh tiếng của những người này vang lên ở giữa chư thiên và nhân loại. Vậy có được nghe những người khác

trong thời quá khứ đã đi đến cung trời Đạo-lợi băng chính thân thê và vóc dáng ây của con người? Thưa Ngài, đúng vậy. Có được nghe. -Tâu Đại vương, là ai và ai vậy? Là càn-thát-bà Guttila, đức Vua Sādhīna, đức Vua Nimĩ và đức Vua Mandhātā.95 Bôn người này được nghe là đã đi đên cung trời Đạo-lợi băng thân thể và vóc dáng của con người. Được nghe rằng việc đã làm tốt hoặc đã làm xấu đã được làm lâu lắm rồi. Tâu Đại vương, phải chăng Đại vương đã được nghe trước đây vào thời quá khứ xa xăm hoặc trong thời hiện tại xa xăm, đại địa cau đã rúng động một lan hoặc hai lần hoặc ba lần khi vật thí của người tên như vầy đang được trao ra? 6.6 - Thưa Ngài, không có. -Tâu Đại vương, tôi đã có sự truyên thừa, sự thành tựu, sự thuộc lòng kinh điển, sự lắng nghe, sự học tập, năng lực, sự mong mỏi lắng nghe, sự vấn hỏi, sự hầu hạ các vị thầy, tuy nhiên tôi cũng chưa từng được nghe trước đây đại địa cầu đã rúng động một lần hoặc hai lần hoặc ba lần khi vật thí của người tên như vầy đang được trao ra, ngoại trừ việc bo thí cao quý của vi vua kiệt xuất Vessantara. Tâu Đại vương, vào khoảng giữa của hai vị Phật là uđức Thế Tôn Kassapa và đức Thê Tôn Sakyamuni”nhiêu koti năm vượt quá cách thức tính đếm đã trôi qua, ngay cả trong khoảng thời gian đó tôi cũng không có nghe là “dại địa cầu đã rúng động một lần hoặc hai lần hoặc ba lần khi vật thí của người tên như vầy đang được trao ra.”

6 Nguyên bản PãỊi đánh số nhầm, lẽ ra ở đây là số 5. Nội dung kinh vẫn đầy đủ (BBT).

Tâu Đại vương, đại địa cầu không rúng động với sự tinh tấn chừng ấy, với sự nỗ lực chừng ấy. Tâu Đại vương, bị chông chất gánh nặng về đức hạnh, bị chồng chất toàn bộ gánh nặng về sự trong sạch, hành động và đức hạnh, trong khi không thể nâng đỡ, đại địa cầu lay động, rung động, chuyển động. 7. Tâu Đại vương, giống như khi chiếc xe tải bị chồng chất vật nặng quá tải thì các ổ trục và các vành bánh xe bung ra, trục xe bi gãy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, bị chồng chất toàn bộ gánh nặng về sự trong sạch, hành động và đức hạnh, trong khi không thể nâng đỡ, đại địa cầu lay động, rúng động, chuyển động. Tâu Đại vương, hoặc là giống như bầu trời bị bao phủ bởi sự chuyển động của gió và nước, bị chồng chất bởi gánh nặng về lượng nước dồi dào, do trạng thái bị đưa đây bởi cơn gió mạnh nên gâm rú, gào thét, rông lên. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, bi chông chát gánh nặng lớn lao và dôi dào vê năng lực bo thí của đức Vua Vèssantara, trong khi không thể nâng đỡ, đại địa cầu lay động, rúng động, chuyển động. 8. Tâu Đại vương, bởi vì tâm của đức Vua Vèssantara không vận hành do tác động của tham, không vận hành do tác động của sân, không vận hành do tác động của si, không vận hành do tác động của ngã mạn, không vận hành do tác động của tà kiến, không vận hành do tác động của phiền não, không vận hành do tác động của suy tầm, không vận hành do tác động của ganh ghét. Khi ấy, nó vận hành phần nhiều do tác động của sự bố thí: "Làm cách nào những người ăn xin chưa đi đên có thê đên gân ta, và những người ăn xin đã đi đên có thê nhận lãnh theo như ý muốn và có thể được hài lòng?59 Sự bố thí là chủ tể, là tâm ý đã được khẳng định một cách thường xuyên, liên tục. 9. Tâu Đại vương, tâm ý của đức Vua Vessantara đã được khẳng định một cách thường xuyên, liên tục trong mười trường hợp: ở sự huấn luyện, ở sự bình lặng, ở sự

nhẫn nại, ở sự phòng hộ, ở sự thu thúc, ở sự đè nén, ở sự không giận dữ, ở sự không hãm hại, ở sự chân thật, ở sự trong sạch. Tâu Đại vương, đôi với đức Vua Vessantara thì sự tâm câu vê dục đã được dứt b6, sự tầm cầu về hữu đã được yên lặng, chỉ riêng sự tầm cầu về Phạm hạnh là được đạt đến một cách sốt sắng. Tâu Đại vương, đối với đức Vua Vessantara thì sự bảo vệ bản thân đã được dứt bỏ, sự bảo vệ người khác đã được đạt đến một cách sốt sắng: "Làm cách nào những chúng sanh này có thể hợp nhất, không tật bệnh, có tài sản, có tuổi thọ dài lâu?55 tâm ý vận hanh phần nhiều là như the. Tâu Đại vương, và trong khi bố thí vật thí ấy, đức Vua Vessantara không bố thí vì nhân đạt đến tái sanh, không bố thí vì nhân tài sản, không bố thí vì nhân vật biếu lại, không bố thí vì nhân thu phục, không bố thí vì nhân tuổi thọ, không bố thí vì nhân sắc đẹp, không bố thí vì nhân hạnh phúc, không bố thí vì nhân sức mạnh, không bố thí vì nhân danh vọng, không bố thí vì nhân con trai,

không bố thí vì nhân con gái. Khi ấy đức vua đã bố thí vật thí cao quý, không thể đo lường, bao la, vô thượng có hình thức như thế ấy vì lý do của trí toàn tri, vì lý do của báu vật là trí toàn tri. Và khi đã đạt được bản the toàn tri, đức vua đã nói lên lời kệ này: “Chi vì ly do là sự giác ngộ, ta đã không nghĩ suy trong khi buông bỏ Jãlif con gái Kanhājinā và Hoàng hậu Maddĩ chung thủyy 10. Tâu Đại vương, đức Vua Vessantara chiến thắng giận dữ bằng khônẹ giận ảữ. chiến thắng sự xấu xa bằng sự tốt đẹp, chiến thắng keo kiệt bằng bo thí, chiến thắng giả dối bằng chân thật, chiến thắng tất cả bát thiện bằng thiện. Trong khi vi ấy, là người đã tiến bước theo giáo pháp, hướng về giáo pháp, đang bố thí như vậy, do tính chất bao la của sự tinh tân và năng lực của việc hoàn thành sự bố thí, có những cơn gió lớn xao động ở phía bên dưới. Chúng thổi qua một cách hoàn toàn roi loạn, chầm chậm từng cơn từng cơn một; chúng sà xuống, bóc lên, xoáy tròn; các cây bị trụi lá đô xuông, những đám mây dày đặc di chuyển ở bau trời, những cơn gió tích lũy đay bụi trở nên dữ dội? bầu trời bị hạ thấp, các cơn gió thổi cuốn đi ào ạt, âm thanh vô cùng ghê rợn phát ra; khi những cơn gió ấy giận dữ thì nước dao động tăng dần, khi nước bị dao động thì các con cá và rùa bị quấy nhiễu, các đợt sóng từng đôi từng đôi sanh lên, các chúng sanh là loài thủy tộc run sợ, sóng nước gợn tròn từng cặp, tiếng rì rào của sóng phát khởi, bong bóng nước ghê rợn nổi lên, những mảng bọt nước hiện hữu; đại dương nổi dậy, nước chạy khắp tám phương, các dòng nước trôi chảy từ miệng của các dòng nước xuôi ngược. Các loài a-tu-la, kim si điêu, rồng, dạ- xoa bị hoảng hót: "C6 thật không, băng cách nào mà biên cả xoay ngược lại?” rồi tìm kiếm lối ra đi với tâm hãi sợ; khi bầu nước bị quấy nhiễu, bị khuấy rối, đại địa câu cùng với núi non luôn cả biên cả rúng động, chóp đá của đỉnh núi Sineru nghiêng ngả trong khi bị xoáy tròn, các loài rắn, chồn, mèo, chó rừng, heo rừng, nai, chim chóc bị hết hồn, các dạ-xoa ít quyền lực khóc lóc, các dạ- xoa nhiêu quyền lực cười đùa trong khi đại địa cầu rung động. 11. Tâu Đại vương, giống như ngọn lửa đang cháy ở bên dưới cái chảo to lớn vĩ đại được chứa đầy nước, có gạo lôn nhôn, được đặt ở lò lửa, trước tiên [ngọn lửa] đốt nóng cái chảo, khi cái chảo đã được đốt nóng, nó đun nóng nước; khi nước đã được đốt nóng, nó đun nóng gạo; gạo đã được đốt nóng nổi lên, chìm xuống, làm sanh ra bong bóng nước, rồi những mảng bọt nước trời lên. Tâu Đại vương,

tương tợ y như thê, đức Vua Vèssantara đã từ bỏ vật khó từ bỏ ở thế gian. Khi vi ấy đang từ bỏ vật khó từ bỏ ấy, do sự hoàn thành từ bản chất của việc bô thí, những cơn gió lớn ở phía bên dưới, trong khi không thê nâng đỡ, đã bi khuây động. Khi những cơn gió lớn bị khuây động, nước đã rung động. Khi nước bị rung động, đại địa cầu đã rung động. Như thế vào khi ấy "những cơn gió lớn, nước và quả địa cầu", ba thứ này đã trở thành như là có chung một tâm ý. Do việc hoàn thành của sự bố thí vĩ dại, do năng lực và sự tinh tấn bao la, không có người nào khác có oai lực bố thí như thê này như là oai lực bô thí vĩ đại của đức Vua Vèssantara.

r 1 . . # 1 •Ầ 1 • J. 12. Tâu Đại vương, giông như các viên ngọc ma-ni nhiêu loại được tìm thấy ở trái đất, như là: Ngọc xa-phia, ngọc lục, ngọc như y, ngọc bích, ngọc hoa lanh, ngọc hoa keo, ngọc thu hồn, ngọc nhật lệ, ngọc nguyệt lệ, kim cương, ngọc lân tinh, hoàng ngọc, hồng ngọc, ngọc mắt mèo, thì viên ngọc ma-ni của đức Chuyển Luân vượt trội tất cả các viên ngọc này nên được gọi là nhất hạng. Tâu Đại vương, viên ngọc ma-ni của đức Chuyển Luân chiếu sáng một do-tuần ở chung quanh, tâu Đại vương, tương tợ y như thế, bất cứ sự bố thí nào được tìm thấy ở trái đất, dầu là sự bo thí tối thượng khônệ thể sánh bằng, sự bố thí vĩ đại của đức Vua Vessantara vượt trội tất cả các sự bo thí ấy nên được gọi là nhất hạng. Tâu Đại vương, khi sự bố thí vĩ đại của đức Vua Vessantara đang được trao ra thì đại địa cầu đã bị rung động bảy lần. Thưa Ngài Nãgasena, là sự kỳ diệu của chư Phật! Thưa Ngài Nâgasena, là sự phi thường của chư Phật! Là việc đức Thế Tôn, trong khi còn là Bồ-tát, với sự nhẫn nại như vậy, với tâm như vậy, với quyết định như vậy, với chủ tâm như vậy, so với thế gian không người sánh bằng. Thưa Ngài Nâgasena, sự nỗ lực của các đức Bồ-tát đã được phô bày. Và các pháp toàn hảo của các đấng Chiến Thắng được chiểu sáng còn nhiều hơn thậm chí trong khi các Ngài đang thực hành đức hạnh, cho đến bản thể tối thượng của đức Như Lai là được hiển hiện ở thế ệian có cả chư thiên. Thưa Ngài Nâgasena, thật tốt đẹp thay giáo pháp của đang Chiến Thắng đã được tán dương, các pháp toàn hảo của đấng Chiến Thắng đã được tỏa sáng, nút thắt ở học thuyết của các giáo chủ tà giáo đã được cắt dứt, bầu nước về học thuyết của những kẻ khác đã được đập bể, câu hỏi thâm sâu đã được làm rõ, bụi rậm đã được làm không còn bụi rậm, sự giải quyết của các vị con trai của đấng Chiến Thắng đã được tiếp thu đúng đắn. Hỡi vị cao quý và ưu tú trong số các vị có đồ chúng, xin Ngài hãy chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về hiện tượng dao động dữ dội của trái đất” là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ Sự BỐ THÍ MẮT CỦA ĐỨC VUA SIVI (Sivirañño cakkhudānapañho) L Thưa NgAi Nã^asena, Ngài đã nói như vầy: uCác con mắt đã được đức Vua Sivi bo thí n kẻ cầu xin, khi đức vua đã bi mù thì các thiên nhãn đã được tạo ra lại.”7 Lời nói này cưng có sự sái quẩy, có sự bắt bẻ, có khuyết điểm. Điều đã được nói ở trong kỉnh là: uKhi nhân đã bi lấy di, khi không có nhân, khi không có nền tảng, thì không có sự tạo ra thiên nhãn.w Thưa Ngài Nâgasena, nếu các con mắt đã được đức Vua Sivi bố thí đến kẻ cầu xin, như the thì lời nói rang: "Các thiên nhãn đã được tạo ra lại” là sai trái. Nếu các thiên nhãn đã được tạo ra, như thê thì lời nói răng: “Các con mát đã được đức Vua

Sivi bố thí đến kẻ cầu xin" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, bi thắt lại còn hơn nút thắt, bị xoắn lại còn hơn vật xoắn, bị rối rắm

7 Bẩn sanh "Đức Vua Sivi" {Sivijātakani), số 499, TTPV, tập 33. (ND)

còn hơn bụi rậm, nó được dành cho Ngài, ở đây, xin Ngài hãy khởi lên ước muốn về việc giải quyết vì sự bắt bẻ của các học thuyết khác. 2. - Tâu Đại vương, các con mắt đã được đức Vua Sivi bố thí đến kẻ cầu xin. Đại vương chớ khởi lên sự phân vân về trường hợp ấy. Và các thiên nhãn đã được tạo ra lại. Đại vương cũng chớ nảy sanh sự phân vân về trường hợp ấy. Thưa Ngài Nâệasena, phải chăng khi nhân đã bị lấy đi, khi không có nhân, khi không có nên tảng thì thiên nhãn cũng được tạo ra? -Tâu Đại vương, không đúng. Thưa Ngài Nâgasena, vậy thì ở đây điều gì là lý do mà với lý do ấy thiên nhãn lại được tạo ra khi nhân đã bi lấy đi, khi không có nhân, khi không có nền tảng? Vậy Ngài hãy giúp cho trẫm hiểu bằng lý lẽ. 3. - Tâu Đại vương, có chăng ở thê gian cái gọi là sự chân thật mà những người có lời nói chân thật về điều ấy tạo ra sự phát nguyện chân thật? Thưa Ngài, đúng vậy. Có cái gọi là sự chân thật ở thế gian. Thưa Ngài Nâgasena, những người nói lời chân thật với sự chân thật tạo ra sự phát nguyện chân thật khiên cho trời đô mưa, khiên cho lửa bị dập tăt,8 làm tiêu tan chát độc, và còn tạo ra việc có thể làm các loại khác nữa. -Tâu Đại vương, như thế thì nó liên quan, nó phù hợp với việc các thiên nhãn đã được tạo ra cho đức Vua Sivi là nhờ vào năng lực của sự chân thật. Tâu Đại vương, nhờ vào năng lực của sự chân thật mà thiên nhãn đã được tạo ra khi không có nền tảng, ở dây, chính sự chân thật là nền tảng cho việc tạo ra thiên nhãn. Tâu Đại vương, giống như những vi đạo sĩ nào đó cầu khấn lời chân thật rang: "Xin cho cơn mưa lớn hãy đổ xu6ng", cùng với việc đã cầu khấn lời chân thật của những người ấy, cơn mưa lớn đổ xuống. Tâu Đại vương, phải chăng có nhân của cơn mưa đã hội tụ lại ở khoảng không mà với nhân ấy cơn mưa lớn đổ xuống? -Thưa Ngài, không đúng. Trong trường hợp ấy, chính sự chân thật là nhân cho việc đổ xuống của cơn mưa lớn. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, việc ây không có nhân bình thường. Trong trường hợp này, chính sự chân thật là nền tảng cho việc tạo ra thiên nhãn. 4. - Tâu Đại vương, hoặc là giống như việc những vị đạo sĩ nào đó cầu khấn lời chân thật rằng: "Xin cho khối lửa lớn đã bộc phát hãy quay trở lại"; cùng với việc đã cầu khấn lời chân thật của những người ấy, khối lửa lớn đa bộc phát tức thời quay trở lại. Tâu Đại vương, phải chăng ở khối lửa lớn đã bộc phát ấy có nhân đã được hội tụ lại, mà do nhân ấy khối lửa lớn đã bộc phát tức thời quay trở lại? Thưa Ngài, không đúng. Chính sự chân thật là nền tảng cho việc tức thời quay trở lại của khối lửa lớn đã bốc phát ấy.

8 Bổn sanh "Chim cút con,, (Vattakajātakani), số 35, TTP v, tập 32. (ND)

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc ấy không có nhân bình thường. Trong trường hợp này, chính sự chân thật là nền tảng cho việc tạo ra thiên nhãn. 5. Tâu Đại vương, hoặc là ệiông như việc những vi đạo sĩ nào đó câu khân lời chân thật rằng: "Xin cho

chát độc dữ dội trở thành thuốc chữa bênh." Tâu Đại vương, phải chăng ở chất độc dữ dội có nền tảng đã hội tụ lại, mà với nền tảng ấy chất độc dữ dội trở thành thuốc chữa bệnh? Thưa Ngài, không đúng. Trong trường hợp ấy, chính sự chân thật là nguyên nhân cho việc tức thời tiêu diệt chất độc dữ dội. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, trong trường hợp này, chính sự chân thật là nền tảng cho việc tạo ra thiên nhãn, không phải nhân bình thường. -Tâu Đại vương, không có nền tảng nào khác cho việc thâm nhập bốn chân lý cao thượng. Bốn chân lý cao thượng được thâm nhập sau khi đã đặt nền tảng ở sự chân thật. Tâu Đại vương, có đức Vua Cĩna ở khu vực Cĩna. Đức vua có ước muôn tiên hành việc cúng tê ở đại duơng nên đã thực hiện sự phát nguyện chân thật vào mỗi bốn tháng, rồi cùng với chiec xe tiến vào trong đại dương một do-tuần. Khối lượng nước vĩ đại đi thụt lùi ở phía trước đầu chiếc xe của đức vua, đến khi đức vua đã vượt qua thì bao trùm lại. Tâu Đại vương, phải chăng the gian có cả chư thiên và nhân loại, với năng lực của cơ thể bình thường, có thể khiến cho đại dương ấy đi thụt lùi? Thưa Ngài, thế gian có cả chư thiên và nhân loại, với năng lực của cơ thể bình thường, cũng không thể khiến cho nước ở hồ nước vô cùng nhỏ đi thụt lùi, thì làm gì được đối với nước ở đại dương? 6. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này mà năng lực của sự chân thật được biết đến như vầy: "Không có nơi nào mà sự chân thật không thể đạt đến.” Tâu Đại vương, đức vua công chính Asoka ở thành phố Pātaliputta được tùy tùng bởi các thị dân, dân chúng, các viên chức, nhân công, binh lính và các quan đại thần, sau khi nhìn thấy sông Gañgā tràn đầy nước mới, ngập bờ, trải rộng có bề dài năm trăm do-tuần, bề ngang một do-tuân, đang trôi chảy, nên đã nói với các quan viên rằng: uNày các khanh, có ai có khả năng làm cho sông Gañgā vĩ đại này chảy ngược dòng kh6ng?" Các quan viên đã nói rằng: "Tâu Bệ ha, là việc khó làm." Có cô kỹ nữ tên Bindumatĩ đứng ở ngay tại bờ sông Gañgā ây đã nghe rằng: "Nghe nói đức vua đã nói như vầy: Có thể làm cho s6ng Gañgā vĩ đại này chảy ngược dòng không?^ Cô ấy đã nói như vầy: "Chính thiếp là người kỹ nữ ở thành phố lớn Pātaliputta, có cuộc sống nhờ vào sắc đẹp, là cách sinh nhai tồi tệ nhất. Mong rằng đức vua hãy chứng kiến sự phát nguyện chân thật của thiếp." Rồi cô ấy đã thực hiện sự phát nguyện chân thật. Vào giây phút của sự phát nguyện chân thật của cô ấy, con sông Gañgā vĩ đại ấy, trong lúc gầm lên tiếng rì rào, đã chảy ngược dòng cho đám đông người chứng kiến. Khi ấy, nghe được tiếng ầm ĩ tạo ra bởi tốc độ của sóng nước bi xoáy tròn, đức vua đã có sự ngạc nhiên được sanh lên do điều kỳ diệu phi thường, nên đã nói với các quan viên rằng: "Này các khanh, do người nào mà con sông Gañgā vĩ đại này

chảy ngược dong?99 Tâu Đại vương, cô kỹ nữ Bindumatī sau khi nghe lời nói của Đại vương đã thực hiện sự phát nguyện chân thật. Do sự phát nguyện chân thật của cô ấy mà con sông Gañgā chảy về phía thượng nguồn. Khi áy, có tâm bị chân động, đức vua đã đích thân đi đên vô cung vội vã và đã hỏi cô kỹ nữ ấy rằng: “NAy cô gái, nghe nói do sự phát nguyện chân thật của cô mà con sông Gañgā này chảy ngược dòng, có đúng không vậy?" “Tâu Bệ hạ, đúng vay.” Đức vua đã nói rằng: "C6 có năng lực gì về việc ấy? Ai mà tin lời nói của cô, nếu không bị điên khùng? Do năng lực gì mà cô đã làm cho con sông Gañgā vĩ đại này chảy ngược dòng?" Cô ấy đã nói rằng: "Tâu Đại vương, do năng

lực của sự chân thật mà thiếp đã làm cho con sông Gañgā vĩ đại này chảy ngược dong.n Đức vua đã nói rằng: "Năng lực của sự chân thật gì có ở nơi cô, khi cô là kẻ trộm, hạng người vô lại, không trong sạch, lường gạt, độc ác, bóc lột những kẻ mê mupi?^ uTau Đại vương, sự thật thì thiếp là người như thế ấy. Tâu Đại vương, nếu năng lực của sự chân thật có ở nơi thiep, thì với điều ấy, trong khi mong muốn, thiếp cũng có thể xoay chuyển thế gian có cả chư thiên? Đức vua đã nói rằng: "Vậy thì sự phát nguyện chân thật ấy là điều ?" "Vậy thì xin Đại vương hãy lang nghe thiếp. Tâu Đại vương, người nào dầu là Sát- đế-lỵ? hay Bà-la-môn? hoặc thương buôn, hay nô le, hoặc là bất cứ ai ban cho thiếp của cải, thì thiếp phục vụ những người ấy đều bình đẳng. Là "Sat-de-ly6 *9 không có gì đặc biệt. Là 'nô le' không có gì khinh chê. Thiếp hầu hạ người có của cải, thoát ra khỏi sự nuông chiều hay ghét bỏ. Tâu Bệ hạ, điều ấy là sự phát nguyện chân thật của thiếp, nhờ nó mà thiếp đã làm cho con sông Gañgā vĩ đại này chảy ngược dbíig." Tâu Đại vương, những người đứng vững ở sự chân thật cũng như thế, không có bất cứ ý nghĩa nào mà họ không biết. Tâu Đại vương, các con mắt đã được đức Vua Sivi bố thí đến kẻ cầu xin và các thiên nhân đã được tạo ra lại. Và điều ây là do sự phát nguyện chân thật. Điêu đã được nói ở trong kinh là: "Khi nhục nhãn đã bỉ hư hoại, khi khôrỉệ có nhần, khỉ không có nen tản^f thì không có sự tạo ra của thiên nhãn'\ điều áy được nói liên quan đến con mat có vật liệu là sự tu tập. Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy ghi nhớ điều này như thế. Thưa Ngài Nãgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được tháo gỡ, sự bắt bẻ đã khéo được giải thích, các học thuyết khác đã khéo được nghiền nát. Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. 6'Câu hỏi về sự bố thí mắt của đức Vua Sivi" là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ Sự NHẬP VÀO BÀO THAI (Gabbhāvakkantipañho) ỉ. Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn noi đến: uNày các Tỳ-khưu, sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu tố. ở dây, người mẹ và người cha két hợp với nhau, người mẹ có kinh nguyệt và chúng sanh đi đầu thai đã sẵn sàng. Này các Tỳ-khưu, sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu tố này.95 Đây là lời nói không thiếu sót, đây là lời

nói đầy đủ? đây là lời nói không thay đổi, đây là lời nói xứng đáng, đã được nói [bởi đức Thế Tôn] sau khi ngồi xuống ở giữa chư thiên và nhân loại. Và việc nhập vào bào thai này được hội tụ bởi hai yếu to đã được nhìn thấy: "Vào thời kỳ kinh nguyệt của nữ đạo sĩ Pārikā, lỗ rún của nàng đã bị chạm vào bởi ngón tay cái bên phải của đạo sĩ Dukũla, do việc chạm vào lỗ rún ấy của vị ấy mà đứa bé trai Sāmā được sanh ra.910 Vào thời kỳ kinh nguyệt của cô gái Bà- la-môn? lỗ rún của nàng cũng đã bị chạm vào bởi ngón tay cái bên phải của vị ẩn sĩ Mātañga, do việc chạm vào lỗ rún ấy của vị ấy mà thanh niên Bà-la-môn Mandavya được sanh ra."i° Thưa Ngài Nâgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn la: "Này các Tỳ-khưu5 sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu t6", như thế thì lời nói rằng: "Bé trai Sāmā và thanh niên Bà-la-môn Mandavya, cả hai người ấy được sanh ra do sự chạm vào lỗ run,, là sai trái. Nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: "Bé trai Sāmā và thanh niên Bà-la-môn Mandavya, cả hai người ấy

được sanh ra do sự chạm vào lỗ rún", nhu thế thì lời nói rằng: "Này các Tỳ- khưu, sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu t6" là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, vô cùng sâu xa, vô cùng khôn khéo, là lãnh vực dành cho những bậc có sự giác ngộ. Nó được dành cho Ngài. Xin Ngài hãy chặt đứt sự phân vân. Xin Ngài hãy năm giữ ngọn đèn cao quý của trí tuệ. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu tố. ở đây, người mẹ và người cha kết hợp với nhau, người mẹ có kinh nguyệt và chúng sanh đi đầu thai đã sẵn sàng. Sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu tố như vậyy Và có điều đã được nói là: "Bé trai Sāmā và thanh niên Bà-la-môn Mandavya, cả hai người ấy được sanh ra do sự chạm vào lỗ rún.^, Thưa Ngài Nâgasena, như thế thì câu hỏi khéo được giải quyết bằng lý lẽ nào, xin Ngài giúp cho trẫm hiểu bằng lý lẽ ấy. 3. Tâu Đại vương, phải chăng Đại vương đã được nghe trước đây là thanh niên Sarpkicca, đạo sĩ Isisiñga11 và Trưởng lão Kumãrakassapa, những người ấy được sanh ra do việc này? -Thưa Ngài, đúng vậy. Có được nghe. Việc sanh ra của những người ấy được loan truyền. Hai con nai cái, nhăm vào thời kinh nguyệt, đã đi đên chô tiêu tiện của hai vị đạo sĩ rồi uống nước tiểu có lẫn tinh dịch của họ, do tinh dịch ở nước tiểu ấy mà thanh niên Samkicca và đạo sĩ Isisiñga được sanh ra. Trưởng lão Udāyi đã đi đến chỗ ngụ của Tỳ-khưu-ni, trong lúc suy tưởng đến chỗ kín của vị Tỳ-khưu-ni với tâm ải luyến, đã bị xuất ra tinh dịch ở y ca-sa. Khi ây, Trưởng lão Udāyi đã bảo vị Tỳ-khmi-ni ấy điều này: "Này Sư tỷ, hãy đi và đem lại nước. Tôi sẽ giặt y nội." "Thua Ngài, hãy đưa đây. Chính tôi sẽ giặt." Sau

9 Bổn sanh "Sma" (Sāmajātakam), số 540, TTP v, tập 34. (ND) 10 Bổn sanh "An sĩ M tahga" {Mātañgajātakani}^ số 497, TTP v, tập 33. (ND) 11 Bồn sanh "TiSn nữ Alambusā,^ (A Iambus ājātakarn), số 523, TTP v, tập 33. (ND)

đó, vị Tỳ-khưu-ni ấy, đang ở vào thời kinh nguyệt, đã dùng miệnệ nuốt vào một phần tinh dịch ây? còn một phần đã đưa vào chỗ kín.12 Do việc ây, Trưởng lão Kumãrakassapa đã được sanh ra. Và người ta đã nói vê điêu ây như vậy. -Tâu Đại vương, vậy Ngài có tin vào lời nói ây không? Thưa Ngài, có chứ. Chúng tôi chập nhận lý do trong trường hợp ây là vững chãi, vì lý do ấy chúng tôi tin rằng: "Hq đã được sanh ra bởi lý do ấy." -Tâu Đại vương, ở đây điều gì là lý do? Thưa Ngài, phải chăng khi hạt giống được gieo vào mảnh đất ẩm đã được chuẩn bi kỹ lương thì sẽ nhanh chóng nẩy mầm? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Thưa Ngài, tương tợ y như thế, vị Tỳ-khmi-ni ấy khi đang có kinh nguyệt, khi noãn sào đã được thành lập, khi máu kinh có sức chảy đã ngưng lại, khi điều kiện đã được xác đinh, cô ấy đã nhận lấy tinh dịch ấy rồi đưa vào ở chỗ noãn sào ấy. Vì thế, bào thai đã thành tựu cho cô ấy. Chúng tôi ghi nhận lý do như vậy đối với việc sanh ra của những người ấy. -Tâu Đại vương, điêu ây là như vậy. Theo đó, tôi chập nhận là do sự xâm nhập vào tử cung mà bào thai được hình thành. Tâu Đại vương, phải chăng Ngài chấp nhận là có sự nhập vào bào thai của Trưởng lão Kumârakassapa? Thưa Ngài, đúng vậy. Tâu Đại vương, lành thay! Đại vương đã đi theo đường lối của tôi. Mặc dầu chỉ theo một cách thức trong khi nói về việc nhập vào

bào thai, Đại vương cũng sẽ đi theo sự thuyết phục của tôi. Giờ đến hai con nai cái đã đạt được bào thai sau khi uống nước tiểu, đối với chúng thì Đại vương có tin về sự nhập vào bào thai không? Thưa Ngài, có chứ. Bất cứ vật gì được ăn, được uống, được nhai, được liếm, thì tất cả trôi xuống noãn sào, rồi đạt đến sự phát triển ở nơi đã đi đến. Thưa Ngài Nâgasena, giống như bất cứ cái gì gọi là dòng nước chảy, tất cả đều chảy xuôi về đại dương, rồi đạt đến sự phát triển ở nơi đã đi đến. Thưa Ngài Nâgasena, tương tợ y như thế, bất cứ vật gì được ăn, được uống, được nhai, được liếm, thì tất cả đều trôi xuống noãn sào, rồi đạt đến sự phát triển ở nơi đã đi đến. Vì lý do ấy, trẫm tin về sự nhập vào bào thai cũng do vật đã được đưa vào miệng. Tâu Đại vương, lành thay! Đại vương đã dỉ theo đường lối của tôi một cách vững chắc hơn. Cũng do việc uống vào miệng mà có sự hội tụ của hai trường hợp. Tâu Đại vương, phải chăng Đại vương chấp nhận là có sự nhập vào bào thai của Samkicca, của đạo sĩ Isisiñga và của Trưởng lão Kumârakassapa? Thưa Ngài, đúng vậy. Đã được hội tụ thì trôi xuống.

12 Điều Nìssagiya Pãcỉttỉya thứ 4, TTPV, tập 02, trang 518.

5.13 — Tâu Đại vương, bé trai Sāmā và thanh niên Bà-la-môn Mandavya đều có chung một tính chất, được xếp vào ba sự hội tụ theo trường hợp đầu tiên. Tôi sẽ nói ve lý do của trường hợp này. Tâu Đại vương, đạo sĩ Dukũla và nữ đạo sĩ Pārikā, cả hai người ấy đã có sự cư n^ụ ở trong rừng, có khuynh hướng viễn ly, là những người theo đuổi mục đích tôi thượng, do quyên năng của sự khổ hạnh họ đã hâm nóng cho đến thế giới Phạm thiên. Khi 4y, Thiên chủ Sakkā ngày đêm đi đến phục vụ cho họ. Trong khi quan tâm đến họ bằng tâm từ được thể hiện với sự kính trọng, Thiên chủ Sakkā đã nhìn thấy sự hư hoại thị giác của cả hai người họ vào thời vị lai xa xăm, sau khi nhìn thấy đã nói với họ rằng: "Này hai vị, hãy thực hiện cho trẫm một việc. Tốt thay, hai vị hãy sanh ra một người con trai. Nó sẽ là người phục vụ và đỡ đần cho hai vj." uNày Kosiyā, thôi đi! Chớ có lời nói như vay." Họ đã không chấp nhận lời nói ấy của vi ấy. Là người có lòng bi mẫn, có sự mong mỏi điều lợi ích, Thiên chủ Sakkā đã nói với họ như thế đến lần thứ nhì, đến lần thứ ba rằng: “Này hai vị, hãy thực hiện cho trẫm một việc. Tốt thay, hai vị hãy sanh ra một người con trai. Nó sẽ là người phục vụ và đỡ đần cho hai vj." Đen lần thứ ba, họ đã nói rằng: "Này Kosiyā, thôi đi! Ngài chớ ràng buộc chúng tôi vào việc không có lợi ích. Thân này sẽ không tan rã cho đến khi nào? Thân này có sự tan rã là pháp tự nhiên, hãy để nó tan rã. Cho dầu trái đất đang bị tan rã5 cho dầu đỉnh núi đang rơi xuống, cho dầu bầu trời đang bị nứt ra, cho dầu mặt trăng mặt trời đang sụp xuống, chúng tôi cũng không bao giờ hòa nhập với các pháp thế tục. Ngài chớ đến gần đối mặt với chúng tôi. Chúng tôi nghĩ Ngài là hạng làm điều không có lợi ích; điều ấy là sự tin chác khi Ngai đi đen gần?9 Do đó? trong khi không đạt được tâm ý của họ? Thiên chủ Sakkā đã thể hiện sự kính trọng, chăp tay lên, thỉnh câu lân nữa: "Nêu hai vi không nô lực đê thực hiện lời nói của trẫm, vậy thì lúc nào nữ đạo sĩ là đến thời kỳ có kinh nguyệt, khi ấy thưa đạo si, ông có thể chạm vào lỗ run bằng ngón tay cái bên phải, do việc ấy nàng ấy sẽ mang thai. Chính điều ấy là sự đã được hội tụ của việc nhập vào bào thai." "Này Kosiyā, tôi có thể thực hiện điều ấy. Chỉ chừng ấy thì sự khổ hạnh của chúng

tôi sẽ không bi đổ vỡ. Hãy là như thế.59 Họ đã chấp nhận. Hơn nữa, vào thời điểm ấy, ở cõi trời có vi thiên tử có thiện căn dồi dào, có tuổi thọ đã cạn kiệt, đã đạt đến sự chấm dứt tuổi thọ, có khả năng hạ sanh theo như ước muốn, thậm chí vào gia tộc của đức Chuyển Luân. Khi ấy, Thiên chủ Sakkā đã đi đến gặp vị thiên tử ấy và nói như vầy: "Thua Ngài, hãy đến, là ngày vô cùng rạng rỡ cho Ngài. Việc thành công có ý nghĩa đã đên, là việc trẫm đã đi đến phục vụ cho Ngài, Ngài sẽ có chốn cư ngụ ở nơi đáng yêu, sẽ có sự tái sanh ở gia tộc thích hợp, sẽ có sự được nuôi dưỡng bởi cha mẹ tốt lành, hãy đến, hãy làm theo lời nói của trẫm.,, Rồi đã chắp tay ở đỉnh đầu thỉnh cầu đến lần thứ nhì, thỉnh cầu đến lần thứ ba. Do đó, vị thiên tử ấy đã nói như vày: "Thua Ngài, gia tộc nào mà Ngài liên tục ca tụng lặp đi lặp lại?" "Là đạo sĩ Dukũla và nữ13

13 Nguyên bản PâỊi đánh số nhầm, lẽ ra ở đây là số 4. Nội dung kinh vẫn đầy đủ (BBT).

đạo sĩ Prikẫ." Lăng nghe lời nói của vị ây5 vị thiên tử đã hoan hỷ chấp nhận: “Thua Ngài, tốt lắm! Vậy hãy theo ước muốn của Ngài. Thưa Ngài, tôi đang mong ước có thể sanh ra ở chủng loại đã được mong mỏi. Vậy tôi được sanh ra ở chủng loại nào: Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hay hóa sanh?” “Thua Ngài, Ngài được sanh ra theo lối thai sanh.^, 6 Khi ấy? Thiên chủ Sakkā, sau khi tính đếm ngày thọ sanh, đã thông báo cho đạo sĩ Dukũla rằng: "Vào ngày ấy, nữ đạo sĩ sẽ đến thời kỳ cồ kinh nguyệt, thưa ngài, khi ấy ngài nên chạm vào lỗ rún bang ngón tay cái bên phi.” Tâu Đại vương, vào ngày ấy nữ đạo sĩ đã đến thời kỳ có kinh nguyệt, và vị thiên tử đã đi đến, đã hiện diện ở nơi ấy. Và vi đạo sĩ đã chạm vào lỗ rún của vị nữ đạo sĩ băng ngón tay cái bên phải. Như thê, các việc ây đã là ba sự hội tụ. Do việc chạm vào lỗ rún, ái luyến đã sanh khởi ở người nữ đạo sĩ. Hơn nữa, ái luyến ấy của cô ta là do việc chạm vào lỗ rún. Xin Đại vương chớ nghĩ rằng việc chạm vào lỗ rún ấy chính là sự hư hỏng. Cười giỡn cũng là sự hội tụ. Ngợi khen cũng là sự hội tụ. Chú tâm cũng là sự hội tụ. Do sự sanh khởi của ái luyến đã được tạo ra trước đó, do sự chạm vào mà sự hội tụ được sanh lên. Do sự hội tụ mà có sự nhập thai. 7. Tâu Đại vương, sự nhập vào bào thai do sự chạm vào thì cũng không ở vào trường hợp hư hỏng. Tâu Đại vương, giống như ngọn lửa đang cháy xua đi sự lạnh cho người đã đến gần mặc dầu không có sự chạm vào. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, sự nhập vào bào thai do sự chạm vào thì cũng không ở vào trường hợp hư hỏng. Tâu Đại vương, sự nhập vào bào thai của chúng sanh là do bốn tác động: Do tác động của nghiệp, do tác động của nguồn gốc, do tác động của chủng loại, do tác động của sự thỉnh cầu. Hơn nữa, tất cả chúng sanh này có sự tạo thành do nghiệp, có sự sanh lên do nghiệp. Tâu Đại vương, sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của nghiệp nghĩa là the nào? Tâu Đại vương, các chúng sanh có thiện căn dồi dào sanh lên theo như ước muôn ở gia tộc Sát-đê-lỵ giàu có, hoặc ở gia tộc Bà-la- môn giàu có, hoặc ở gia tộc người tại gia ^iàu c6, hoặc ở giữa chư thiên, hoặc từ nguồn gốc noãn sanh, hoặc từ nguôn góc thai sanh, hoặc từ nguôn góc tháp sanh, hoặc từ nguồn gốc hóa sanh. Tâu Đại vương, giống như người nam có tài sản lớn, có của cải lớn, có dồi dào vàng bạc, dồi dào vật sở hữu dự phòng, có dồi dào tài sản và ngũ cốc, có dồi dào thân quyến và phe nhóm, sau khi cho ra tài sản đến hai ba lần rồi mua theo như ước muốn bất cứ vật gì

được mong mỏi bởi tâm, hoặc là tớ gái, hay tớ trai, hoặc là ruộng, vườn, làng mạc, thi trấn, hay là xứ sở. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, các chúng sanh có thiện căn dồi dào sanh lên theo như ước muốn ở gia tộc Sát-đế-lỵ giàu c6, hoặc ở gia tộc Bà-la-môn giàu có, hoặc ở gia tộc người tại gia giàu có, hoặc ở giữa chư thiên, hoặc từ nguồn gốc noãn sanh, hoặc từ nguồn gốc thai sanh, hoặc từ nguồn gốc thấp sanh, hoặc từ nguồn gốc hóa sanh. Sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của nghiệp nghĩa là như vậy.

MILINDA VẤN ĐẠO 895

8. Tâu Đại vương, sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của nguồn gốc nghĩa là thế nào? Tâu Đại vương, đối với giống gà mái thì có sự nhập vào bào thai do cơn gió, đối với loài hạc thì có sự nhập vào bào thai do cơn mưa. Thậm chí toàn bộ chư thiên không nằm trong bào thai cũng là chúng sanh. Đối với các hạng ấy thì có sự nhập vào bào thai bằng nhiều cách thức khác nhau. Tâu Đại vương, giốnệ như những con người đi lại trên trái đất theo nhiều cách thức khác nhau, một sô trùm kín phía trước, một sô trùm kín phía sau, một sô thì lõa thê, một sô thì cạo đâu mang vải màu trăng, một sô thì buộc tràng hoa, một số thì cạo đầu mặc y ca-sa, một số thì mặc y ca-sa cột búi tóc, một so thì bện tóc mang y bằng vỏ cây, một số thì mặc da thú, một số quấn các sợi dây. Tất cả những con người này đi lại trên trái đất theo nhiều cách thức khác nhau. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, chúng sanh chính là tất cả các hạng ấy. Đối với các hạng áy thì có sự nhập vào bào thai băng nhiêu cách thức khác nhau. Sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của nguồn gốc nghĩa là như vậy. 9. Tâu Đại vương, sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của chủng loại nghĩa là thế nào? Tâu Đại vương, chủng loại nghĩa là có bốn chủng loại: Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh. ở đây nếu chúng sanh đi đầu thai từ bất cứ nơi đâu đi đến rồi sanh lên ở chủng loại noãn sanh, trong trường hợp ấy nó là hạng noãn sanh.... (nt)... ở chủng loại thai sanh... (nt)... ở chủng loại thấp sanh... (nt)... sanh lên ở chủng loại hóa sanh, trong trường hợp ấy nó là hạng hóa sanh. Các chúng sanh như thế ấy hiện hữu trong các chủng loại ấy. Tâu Đại vương, giống như các con thú hay loài có cánh nào đó đi đến núi Hy-mã-lạp hoặc núi Sineru, tất cả bọn chúng lìa bỏ màu sắc của mình và trở thành màu sắc vàng chói. Tâu Đại vyơng, tương tợ y như thế, chúng sanh đi đầu thai nào đó từ bất cứ nơi đâu đi đến roi nhập vào nguồn gốc noãn sanh thì lìa bỏ vóc dáng thuộc về bản chất và trở thành hạng noãn sanh. ... (nt)... nhập vào nguồn gốc thai sanh... (nt)... thấp sanh... (nt)... hóa sanh thì lìa bỏ vóc dáng thuộc về bản chất và trở thành hạng hóa sanh. Sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của chủng loại nghĩa là như vậy. 10. Tâu Đại vương, sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của của sự thỉnh cầu nghĩa là thế nào? Tâu Đại vương, ở đây có gia tộc không có con trai, có nhiều của cải thừa tự, có đức tin, tịnh tín, có giới hạnh, có tư cách tốt dẹp, sống theo hạnh khắc khổ, và có vị thiên tử có thiện căn dồi dào và đến thời tử vong. Khi ấy, Thiên chủ Sakkā vì lòng thương tưởng đến gia tộc ấy đã thỉnh cầu vi thiên tử ấy rằng: “Thua Ngài, xin Ngài hãy ngự đến tử cung của người vợ chánh ở gia tộc kia." Do nguyên nhân thỉnh cầu của vị ấy, vị thiên tử ngự đến gia tộc ấy. Tâu Đại vương, giong như những người có lòng mong mỏi phước báu sau khi thỉnh câu vị Sa-môn xứng đáng được phát tâm, thì đi

vê nhà [nghĩ rằng]: "Vj này sau khi đến sẽ là nguồn an lạc cho toàn bộ gia t°c." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Thiên chủ Sakkā sau khi thỉnh cầu vị thiên tử ấy thì đi đến gia tộc ay. Sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của sự thỉnh cầu nghĩa là như vậy.

11. Tâu Đại vương, cậu bé trai Sāmā được Thiên chủ Sakkā thỉnh cầu đã nhập bào tử cung của nữ đạo sĩ Pārikā. Mẹ và cha là người có giới hạnh, có tư cách tốt đẹp. Người thỉnh cầu là Sakkā. Cậu bé trai Sāmā được sanh ra do tâm nguyện của ba người. Tâu Đại vương, ở đây có người nam rành rẽ cách thức gieo hạt giống ở thửa ruộng ẩm được cày kỹ lưỡng. Trong khi hạt giống ấy đang được ngăn ngừa tai họa, phải chăng có thê có tai họa nào đó cho sự phát triển của nó? Thưa Ngài, không thể. Hạt giống không bị hãm hại thì có thể tăng trưởng nhanh chóng. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, cậu bé trai Sāmā được thoát khỏi các tai họa đã khởi lên, đã được sanh ra do tâm nguyện của ba người. Tâu Đại vương, phải chăng Đại vương đã được nghe trước đây có xứ sở rộng lớn, giàu có, thịnh vượng, có dân cu, đã bị tiêu diệt hoàn toàn bởi tâm khởi sân của các vi an sĩ? Thưa Ngài, đúng vậy. Điều được nghe là ở trái đất khu rừng Dandaka, khu rừng Mejjha, khu rừng Kāliñga, khu rừng Mātañga, tất cả các khu rừng ấy đã trở thành không còn là rừng, có trạng thái không phải là rừng, và toàn bộ các xứ sở này cũng đã đi đến hoại diệt bởi tâm khởi sân của các vi ẩn sĩ. -Tâu Đại vương, nếu các xứ sở vô cùng giàu có bi tiêu diệt bởi tâm khởi sân của những vi ấy, phải chăng có sự an lạc nào đó có thể sanh lên bởi sự hoan hỷ ở tâm của các VI áy? Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, chính vì điều ấy cậu bé trai Sāmā đã được sanh ra do sự hoan hỷ ở tâm của ba hạng có năng lực là: Được tạo ra bởi hai vi an sĩ, được tạo ra bởi vi thiên nhân, được tạo ra do phước báu. Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy ghi nhớ điều này như thế. Tâu Đại vương, được thỉnh cầu bởi Thiên chủ Sakkā, ba vị thiên tử này đã sanh lên ở gia tộc. Ba vi nào? Cậu bé trai Sāmā, [vương tử] Mahapanâda/4 và đức Vua Kusa.14 15 Cả ba người này đều là các đức BÒ-tát. Thưa Ngài Nâgasena, sự nhập vào bào thai đã khéo được giải thích. Lý do đã được giảng giải rõ ràng. Ánh sáng đã được tạo ra ở nơi tăm tối. Cục roi đã được tháo gỡ. Học thuyết của những kẻ khác không còn chói sáng. Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. 6Câu hỏi về sự nhập vào bào thai" là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ Sự BIỂN MẤT CỦA CHÁNH PHÁP (Saddhammantaradhānapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

14 Bồn sanh uĐức Vua Suruci^, (Surucifātakarn), số 489, TTPV, tập 32. (ND) 15 Bản sanh "Dức Vua Kusa" (Kuscỳãíakam), so 531, TTPV, tập 33. (ND)

Ế6Này Ānanda, giờ đây Chánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm.55 Và thêm nữa, vào thời điểm viên tịch Niết-bàn, được hỏi bởi du sĩ ngoại đạo Subhadda, đức Thế Ton đã nói rằng: uNày Subhadda, nếu các Tỳ-khưu này sống chân chánh, thế gian sẽ không thiêu vắng các vi A-la-hán." Đây là ỈM nói không thiếu sót, đây là lòi nói đầy đủ9 đây^

là lòi nói không thay đổL Thưa Ngài Nâgasena, nêu đức Thế Tôn đã nói rằng: wNày Ānanda, giờ đây Chánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm”như thế thì lời nói rằng: 66Thế gian sẽ không thiếu vắng các vi A-la-hán59 là sai trái. Nếu đức Thế Tôn đã nói rằng: 66Thế gian sẽ không thiếu vắng các vi A-la-hán55, như thế thì lời nói rằng: wNày Ānanda, giờ đây Chánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, bị rối rắm còn hơn bụi rậm, mạnh mẽ hơn người lực si, bi thắt lại còn hơn nút thắt, nó được dành cho Ngài, ở đây, xin Ngài hãy phô bày sự triển khai về năng lực trí tuệ của Ngài như là con kình ngư di chuyển ở giữa biển khơi. . 2. - Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này Ānanda, giờ đây Chánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm.,, Và vào thời điểm viên tịch Niết-bàn, có lời đã được nói cho du sĩ ngoại đạo Subhadda rằng: “Nầy Subhadda, nếu các Tỳ-khưu này sống chân chánh, thế gian sẽ không thiêu vắng các vị Ala-hán.” Tâu Đại vương, hơn nữa lời nói ấy của đức Thế Tôn là có ý nghĩa khác nhau và có văn tự khác nhau. Điêu này là ệiới hạn của giáo pháp, điều kia là sự làm sáng tỏ về việc thực hành. Cả hai điêu ấy là cách biệt xa vời với nhau. Tâu Đại vương, giống như bầu không gian là cách biệt xa vời với trái đất, địa ngục là cách biệt xa vời với cõi trời, thiện là cách biệt xa vời với bất thiện, lạc là cách biệt xa vời với khô. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, cả hai điều ấy là cách biệt xa vời với nhau. Tâu Đại vương, tuy nhiên chớ làm cho câu hỏi của Đại vương là vô bổ. Tôi sẽ so sánh và giảng giải cho Đại vương về phần cốt yếu. Điều mà đức Thế Tôn đã nói rằng: “Này Ānanda, giờ đây Chảnh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm nănf\ trong khi làm sáng tỏ sự hoại diệt ấy Ngài đã xác định phần còn lại rằng: “Này Ānanda, Chánh pháp có thể tồn tại một ngàn năm nếu các Tỳ-khicu-ni không xuất gia. Này Ānanda, ^iờ đây Chánh pháp sẽ tôn tại chỉ còn năm trăm năm." Tâu Đại vương, đức Thê Tôn trong khi nói như vậy phải chăng Ngài nói về sự biến mất của Chánh pháp hay là Ngài bác bỏ về sự lãnh hội? Thưa Ngài, không phải vậy. Tâu Đại vương, trong khi công bố về việc bị tiêu hoại, trong khi làm sáng tỏ, Ngài đã xác định phần còn lại. Tâu Đại vương, giống như người bị phá sản, sau khi nắm chắc phần còn lại, có thể làm sáng tỏ đối với dân chúng rằng: 'Thần hàng hóa của tôi bi mất mát là chừng này, đây là phần còn lại." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn, trong khi làm sáng tỏ việc bị tiêu hoại, đã thuyết giảng cho chư thiên và nhân loại rang: “Này Ānanda, giờ đây Chánh pháp sẽ tôn tại chỉ còn năm trăm nămy Tâu Đại vương, tuy nhiên điều đã được nói bởi đức Thế Tôn rằng: “Này

Ānanda, giờ đây Chánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm nân”; điều ấy là giới hạn của giáo pháp. Còn điêu mà vào thời điểm viên tịch Niết-bàn, trong lúc công bố cho các vi Sa-môn, Ngài đã nói cho du sĩ ngoại đạo Subhadda rằnệ “Này Subhadda, nếu các Tỹ-khưu này sống chân chánh, thế gian sẽ không thiêu vắng các vi A-la-hán"; điều ấy là sự làm sáng tỏ về việc thực hành. Hơn nữa, Đại vương đã khiên cho sự giới hạn và sự làm sáng tỏ trở thành có chung điêu cốt yếu. Nêu Đại vương có sự mong muốn, tôi sẽ thuyết giảng. Xin Đại vương hãy chăm chú lắng nghe, hãy chú ý với tâm không bi xao lãng. Tâu Đại vương, ở đây có hô nước tràn đây nước mới, trong khi sẽ tràn bờ thì đã được giới hạn lại, đã được làm con đê bao quanh, khi nước ở chính cái hồ ấy chưa bị

tháo cạn, có đám mây lớn ở phía trên tuần tự đo mưa liên tục. Tâu Đại vương, phải chăng nước ở hồ nước ấy có thể đi đến sự cạn kiệt, đi đến sự tháo cạn? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, vì lý do gì? Thưa Ngài, vì sự liên tục của cơn mưa. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, cái hô nước Chánh pháp cao quý trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng được tràn đầy nước mới không ô nhiễm là tánh hạnh, giới dức, phận sự và sự thực hành, là vượt lên trên, vượt qua khỏi cảnh giới tột cùng của hiện hữu và tồn tại. Nếu những người con trai của đức Phật trong giáo pháp này có thể liên lục, có thể đổ xuống tuần tự cơn mưa từ đám mây ' tánh Y hạnh, giới A •đứcr .5 phận* rsự và : rsự thực hành, như thế hồ nước Chánh ^ 9 A e

pháp cao quý trong giáo pháp của đang Chiên Thăng có thê tôn tại thời gian lâu dài, và thế gian sẽ không thiêu vắng các vi A-la-hán. Liên quan đến ý nghĩa này là điều đã được đức Thế Tôn nói đến rằng: "'Nay Subhadda, nếu các Tỳ-khưu này sông chân chánh, thê gian sẽ không thiêu văng các vị A-ỉa-hány 3. Tâu Đại vương, hơn nữa ở đây trong khi đống lửa lớn đang rực cháy, người ta tuần tự đem lại các thứ cỏ, củi, phân bò khô. Tâu Đại vương, phải chăng khối lửa ầy có thể nguội tắt? Thưa Ngài, không đúng. Khối lửa ấy có thể rực cháy hơn nữa, có thể tỏa sáng còn nhiều hơn nữa. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, giáo pháp cao quý của đang Chiên Thắng rực cháy, tỏa sáng ở mười ngàn thế giới với tánh hạnh, giới đức, phận sự và sự thực hành. Tâu Đại vương, nếu những người con trai của đức Phật được hội đủ năm chi phần của sự nỗ lực, thường xuyên không bị xao lãng, có thể nỗ lực còn hơn the nữa, có the học tập với lòng ước muốn đã được sanh khởi ve tam học, có the làm đầy đủ một cách trọn vẹn về sự thực hành và sự kiêng cữ về giới, như thế giáo pháp cao quý này của đấng Chiến Thắng có the tồn tại thời gian lâu dài còn hơn thế nữa, và thế gian sẽ không thiếu vắng các vi A-la-hán. Liên quan đến ý nghĩa này là điều đã được đức Thế Tôn nói đến rằng: Subhadda, nếu các Tỳ-khưu này sổng chân chảnh, thế gian sẽ không thiếu vắng các vi A-la-hảny

4. Tâu Đại vương, hơn nữa ở đây họ có thể đánh bóng tuần tự tấm gương trơn láng, bằng phẳng, khéo được đánh bóng, có ánh sáng, hoàn toàn trong sáng, băng bột phân đỏ trơn và mịn. Tâu Đại vương, phải chăng vét bân, bùn, bụi bặm có thể hiện lên ở tấm gương ấy? Thưa Ngài, không đúng. Ngược lại, nó còn trở nên trong sáng hơn nữa. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, giáo pháp cao quý của đang Chiên Thắng tự nhiên vốn không có vét nhơ, đã xa lìa hẳn vết nhơ và bụi bặm phiền não. Nếu những người con trai của đức Phật có thể nhẫn nại thực hành giáo pháp cao quý của đấng Chiến Thắng với tánh hạnh, giới đức, phận sự, sự thực hành, sự giảm thiểu và hạnh từ khước, như thế giáo pháp cao quý này của đấng Chiến Thắng có thể tồn tại thời gian lâu dài, và the gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán điều đã được đức Thế Tôn nói rằng: “Pày, Subhadda, nếu các Tỳ-khỉm này s8ng chân chánh, the gian sẽ không thiếu vang các vỉ A-la-hán" là có liên quan đen ý nghĩa này. Tâu Đại vương, giáo pháp của bậc Đạo sư có căn bản là sự thực hành, có cốt lõi là sự thực hành, còn tồn tại khi nào sự thực hành chưa bị biến mất. Thưa Ngài Nãgasena, điều Ngài nói là: uSự biến mất của

Chảnh pháp"\ sự biến mất cua Chánh pháp ấy là gi? -Tâu Đại vương, đây là ba sự biến mất của giáo pháp. Ba điều gì? Sự biến mất của việc chứng đắc, sự biến mất của việc thực hành, sự biến mất của tướng mạo. Tâu Đại vương, khi việc chứng đắc bị biến mất, thì ngay cả đối với những người thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo pháp. Khi việc thực hành bi biến mất, thì điều học và sự quy định bị biến mất, chỉ còn tướng mạo tồn tại. Khi tướng mạo bi biến mất, thì có sự đứt đoạn của truyền thống. Tâu Đại vương, đây là ba sự biến mất của giáo pháp. Thưa Ngài Nãgasena, câu hỏi thâm sâu đã khéo được giảng giải, đã được làm rõ, nút thắt đã được mở ra, lời tuyên thuyết của ngoại đạo đã bi hư hoại, đã bi đổ vỡ, đã được làm cho không còn hào quang, Ngài đã tiến đến vị thế cao quý nhất trong số các vị có đồ chúng. ÍẾCâu hỏi về sự biến mất của Chánh pháp59 là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ VIỆC CẮT ĐỨr PHÁP BẤT THIỆN (Akusalacchedanapañho) l. Thưa Ngài Nāgasena, đức Thế Tôn đã đạt đến bản thể toàn tri sau khi thiêu đốt tất cả pháp bất thiện, hay là đã đạt đến bản thể toàn tri khi pháp bất thiện còn dư sót. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn đã đạt đến bản thể toàn tri sau khi thiêu đốt tất cả pháp bất thiện. Không có pháp bất thiện còn dư sót ở đức Thế Tôn. Thưa Ngài, phải chăng các thọ khổ trước đây đã khởi lên ở cơ thể của đức Như Lai? ' “

Tâu Đại vương, đúng vậy. o Rājagaha, bàn chân của đức Thế Tôn đã bi cắt đứt bởi miêng đá, cơn bệnh xuất huyet đã phát khởi, khi cơ thể bị tiết ra chất dơ Jīvaka đã cho sử dụng liều thuốc xo5 khi cơn bệnh gió phát khởi vị Trưởng lão thị giả đã tìm kiếm nước nóng. 2. Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Như Lai đã đạt đến bản thể toàn tri sau khi thiêu đốt tất cả pháp bất thiện, như thế thì lời nói rằng: "Bàn chân của đức Thế Ton đã bị cắt đứt bởi miêng đá, cơn bệnh xuất huyet đã phát khỏi” là sai trái. Nếu bàn chân của đức Như Lai đã bị cắt đứt bởi miêng dá, cơn bệnh xuất huyết đã phát khởi, như thế thì lời nói: “Bức Như Lai đã đạt đến bản thể toàn tri sau khi thiêu đốt tất cả pháp bất thiện^ cũnệ là sai trái. Thưa Ngài, không có cảm thọ tách rời khỏi nghiệp, tất cả cảm thọ ay có gốc rễ ở nghiệp, được cảm nhận chỉ do nghiệp. Câu hỏi này có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 3. Tâu Đại vương, không hẳn tất cả cảm thọ ấy có gốc rễ ở nghiệp. Tâu Đại vương, các cảm thọ sanh lên do tám lý do, do các lý do ấy chúng sanh phàm phu cảm nhận các thọ. Do tám lý do nào? Tâu Đại vương, một số cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là gió; tâu Đại vương... (nt)... có nguồn sanh khởi là mật; tâu Đại vươiiệ... (nt)... có nguồn sanh khởi là đàm; tâu Đại vương... (nt).. có liên quan đên sự tụ hội [của gió, mật, đàm]; tâu Đại vương... (nt)... do sự thay đổi của mùa tiết; tâu Đại vương... (nt)... do sự sinh hoạt không đều đặn; tâu Đại vương... (nt)... có liên quan đến việc ra sức; tâu Đại vương một số cảm thọ sanh lên do quả thành tựu của nghiệp. Tâu Đại vương, do tám lý do này chúng sanh phàm phu cảm nhận các thọ. ơ đây, những chúng sanh nào nói rằng: "Nghiệp đày đọa các chúng sanh”, những người ấy phủ nhận lý do. Lời nói ấy của những người ấy là sai trái. 4. Thưa Ngài Nâgasena, việc có liên quan đến gi6, việc có liên quan đến mật, việc co liên quan đen đam, việc co liên quan đen sự tụ hôi [cua gio, mạt, đàm], việc do sự thay đôi

của mùa tiết, việc do sự sinh hoạt không đều đặn, việc có liên quan đến việc ra sức, tất cả các việc ấy có nguồn sanh khởi cũng ở nghiệp, tất cả các việc ấy tạo thành cũng do nghiệp. -Tâu Đại vương, nếu tất cả các bệnh tật ấy có nguồn sanh khởi chỉ là nghiệp, thì chúng không có các đặc điểm để phân loại. Tâu Đại vương, gió trong khi bi rối loạn thì bị rối loạn theo mười cách: Do lạnh, do nóng, do đói, do khát, do ăn quá độ, do dưng, do tinh tân, do chạy, do việc ra sức, do quả thành tựu của nghiệp. Trong sô đó, có chín cách sanh lên không ở quá khứ, không ở vị lai, mà ở bản thể hiện tại. Vì thế, không nên nói rằng: 66Tat cả các thọ có sự tạo thành do nghiệp.95 Tâu Đại vương, mật trong khi bị rối loạn thì bi rối loạn theo ba cách: Do lạnh, do nóng, do vật thực không đều. Tâu Đại vương, đàm trong khi bị rối loạn thì bị rối loạn theo ba cách: Do lạnh, do nóng, do thức ăn thức uống. Tâu Đại vương, cái nào là gió, cái nào là mật, cái nào là dám, sau khi bị rối loạn do các sự roi loạn bởi chúng, sau khi có sự trộn lẫn thì kéo theo thọ của từng cái một.

Tâu Đại vương, thọ do sự thay đối của mùa tiết sanh lên do sự thay đổi của mùa tiết, thọ do sự sinh hoạt không đều đặn sanh lên do sự sinh hoạt không đều đặn. Tâu Đại vương, thọ có liên quan đến việc ra sức thì có cái do hành động, có cái do quả thành tựu của nghiệp. Thọ sanh lên do quả thành tựu của nghiệp sanh lên do nghiệp đã làm trước đây. Tâu Đại vương, như thế do quả thành tựu của nghiệp thì ít, phần còn lại thì nhiều hơn. ở đây, những kẻ ngu vượt quá [khi cho rằng]: "Tất cả đều do quả thành tựu của nghiep" thiếu đi trí tuệ của đức Phật không thể thực hiện việc xác định đôi với nghiệp ấy. Tâu Đại vương, hơn nữa việc bàn chân của đức Thế Tôn đã bị cắt đứt bởi miêng đả, cảm thọ ấy không có nguồn sanh khởi là gió, không có nguồn sanh khởi là mật, không có nguồn sanh khởi là đàm, không có liên quan đến sự tụ hội [của gió, mật, đàm], không do sự thay đổi của mùa tiết, không do sự sinh hoạt không đều dặn, không do quả thành tựu của nghiệp, chỉ có liên quan đến việc ra sức. Tâu Đại vương, bởi vì Devadatta đã buộc oan trái với đức Như Lai nhiêu trăm ngàn kiêp sông. Do sự oan trái ây, kẻ ây đã câm lây hòn đá to nặng rồi buông ra [nghĩ rằng]: "Ta sẽ làm cho rơi ở đỉnh dU."Khi ấy, có hai tảng đá khác đã tiến đến hứng chịu hòn đá ấy khi còn chưa chạm vào đức Như Lai. Do sự va chạm của chúng, có miêng đá bị bê đã rơi vào bàn chân của đức Thê Tôn và làm chảy máu. Tâu Đại vương, thọ ấy nảy sanh đến đức Thế Tôn hoặc là do quả thành tựu của nghiệp hoặc là do hành động; không có thọ khác ở trên việc ấy. Tâu Đại vương, giông như hạt giông không nây mâm hoặc là do tính chát tồi tệ của thửa ruộng, hoặc là do tính chất tồi tệ của hạt giống. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế ấy, thọ ấy nảy sanh đến đức Thế Tôn hoặc là do quả thành tựu của nghiệp hoặc là do hành động; không có thọ khác ở trên việc ấy. Tâu Đại vương, hoặc là giống như vật thực trở nên lổn cổn hoặc là do tính chất tồi tệ của bao tử, hoặc là do tính chất tồi tệ của thức ăn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê ây, thọ ây nảy sanh đên đức Thê Tôn hoặc là do quả thành tựu của nghiệp hoặc là do hành động; không có thọ khác ở trên việc ấy. Tâu Đại vương, hơn nữa đối với đức Thế Tôn không có thọ do quả thành tựu của nghiệp, không có thọ do sự sinh hoạt không đều đặn. Đối với đức Thế Tôn, thọ sanh lên do các nguôn sanh khởi còn lại. Hơn nữa, không thê đoạt lây mạng sông đức Thê

Tôn bởi thọ ây. Tâu Đại vương, các thọ được ưa thích hay không được ưa thích, tốt hay xấu, rơi xuống ở thân tứ đại này. Tâu Đại vương, ở đây cục đát được ném lên không trung thì rơi xuống đại địa câu. Tâu Đại vương, phải chăng cục đất ấy rơi xuống đại địa cầu do nghiệp đã làm trước đây? 5. Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, không có nhân ấy ở đại địa cầu, mà do nhân ấy đại địa cầu nhận chiu quả thành tựu thiện hay bất thiện. Thưa Ngài, cục đất ấy rơi xuống đại địa cầu do nhân hiện tại không có liên quan đen nghiệp.

-Tâu Đại vương, đại địa cầu là như thế nào thì đức Như Lai nên được xem xét như vậy. Giống như cục đất rơi xuống đại địa cầu không do nghiệp đã làm trước đây, tâu Đại vương, tương tợ y như thê, đôi với đức Như Lai miêng đá ây đã rơi xuống ở bàn chân không do nghiệp đã làm trước đây. Tâu Đại vương, vả lại ở đây con người cắt xẻ và đào xới đại địa cầu, tâu Đại vương, phải chăng con người cắt xẻ và đào xới đại địa cầu do nghiệp đã làm trước đây? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế ấy, miếng đá nào đã rơi xuống ở bàn chân của đức Thể Tôn miêng đá ấy đã rơi xuống ở bàn chân của đức Thế Tôn không do nghiệp đã làm trước đây. Tâu Đại vương, còn cơn bệnh xuất huyết đã phát khởi đến đức Thế Tôn, cơn bệnh ấy đã phát khởi không do nghiệp đã làm trước đây, nó đã phát khởi có liên quan đến chính sự tụ hội [của gió, mật, đàm]. Tâu Đại vương, mọi cơn bệnh thuộc về thân đã phát khởi ở đức Thế Tôn, chúng đã không sanh ra do nghiệp, mà đã được sanh ra từ nguồn sanh khởi nào đó trong số sáu nguồn sanh khởi. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời, nói đến ở lời giải thích cho Moliyasĩvaka ở đoạn Varalañchaka (Dấu an cao quỷ) thuộc Samyuttanikāya (Tương ưng bộ) rang: "Này Sĩvaka, ở đây, một sô cảm thọ sanh lên có nguôn sanh khởi là mật. Này Sĩvaka, tự bản thân nên biết về điều này ỉa một số cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là mật, Này Sĩvaka, ngay cả đổi với thế gian điều này cũng được chấp nhận là sự thật rang một so cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là mật. Này Sĩvaka, về điều này những Sa-môn, Bà-la-môn nào có học thuyết như vầy, có quan điểm như vầy: 'Bất cứ điều gì mà người nam này cảm giác được, là lạc, hay là kho, hay là không kho không lạc, tất cả điều ấy có nhân là việc đã làm trong quả khứ", họ vượt quả điều đã được tự mình biết, họ vượt quá điêu đã được chập nhận là sự thật ở thê gian. Vì thê, Ta nỏi răng: 'Điêu sai trái thuộc về các Sa-môn, Bà-la-môn ấy. 'Này Sĩvaka, ở đây, mọt sổ cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là đàm. Này Sĩvaka... (nt).. có nguồn sanh khởi là gió. Này Sĩvaka... (nt).. có nguồn sanh khởi là sự tụ hội [của gió, mật, đàm]. Này Sĩvaka (nt)... do sự thay đoi của mùa tiết. Này Sĩvaka (nt) ...do sự sỉnh hoạt không đều đặn, Này Sĩvaka... (rư)...có liên quan đến việc ra sức. Này Sĩvaka một sổ cảm thọ sanh lên do quả thành tựu của nghiệp. Này Sĩvaka tự bản thân nên biết ve điều này là một so cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là quả thành tựu của nghiệp. Này Sĩvaka, ngay cả đoi với the gian điều này cũng được chấp nhận là sự thật rằng một số cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là quả thành tựu của nghiệp. Này Sĩvaka, về điều này những Sa-mônf Bà-ỉa-môn nào có học thuyết như vầy, có quan điểm như vầy: 'Bất cứ điều gì mà người nam này cảm giác được, là lạc, hay là khô, hay là không kho không lạc, tất cả điều ấy có

nhân là việc đã làm trong quả khứ, họ vượt quá điều đã được tự mình biết, họ vượt quá điều đã được chấp nhận là sự thật ở thế gian. Vĩ thế, Ta nói rằng: 'Điều sai trải thuộc về các Sa-mônf Bà-la-môn ấy.'"

. F ? r Tâu Đại vương, như thê không han tát cả các thọ sanh ra do quả thành tựu của nghiệp. Tâu Đại vương, sau khi thiêu đốt tất cả pháp bất thiện, đức Thế Tôn đã đạt đến bản thể toàn tri, xin Đại vương hãy ghi nhớ điều này như thế. Thưa Ngài Nāgasena, tót lăm! Trâm chap nhận điêu này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về sự cắt đứt pháp bất thiện55 là thứ tám.

9. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT KHÔNG VIỆC GÌ CÀN PHẢI LÀM THÊM NỮA (Uttarikaranīyābhavapañho) ,1. - Thưa Ngài Nāgasena, Ngài đã nói rằng: í6Bất cứ việc gì cần phải làm đối vói đức Như Lai, tất cả các việc ấy đã được hoàn tất ờ ngay tại gốc cây Bồ-đề. Đối với đức Như Lai, không có việc gì cần phải làm thêm nữa, hoặc sự tích lũy thêm đối vói việc đã [ám.” Và ba tháng thiền tịnh này được ghi nhận. Thưa Ngài Nâgasena, nếu bất cứ việc gì cần phải làm đối với đức Như Lai, tát cả các việc ây đã được hoàn tát ở ngay tại góc cây Bô-đê. Đôi với đức Như Lai, không có việc gì cần phải làm thêm nữa, hoặc sự tích lũy thêm đối với việc đã làm, như thế thì lời nói 'ba tháng thiền tinh5 là sai trái. Nếu có ba tháng thiền tịnh, như thế thì lời nói 'bất cứ việc gì cần phải làm đối với đức Như Lai, tất cả các việc ấy đã được hoàn tất ở ngay tại góc cây Bồ-đề5 cũng là sai trái. Không có thiền tịnh đối với người có việc cần phải làm đã được làm xong, thiền tịnh là chỉ riêng đối với người có việc cần phải làm. Giống như chỉ riêng đối với người bị bệnh thì có việc can phải làm với thuốc men, còn đoi với người không bị bệnh thì có việc gì với thuốc men? Chỉ riêng đối với người đói thì có việc cần phải làm với thức ăn, còn đối với người không đói thì có việc gì với thức ăn? Thưa Ngài Nâgasena, tương tợ y như thế, không có thiền tinh đoi với người có việc cần phải làm đã được làm xong, thiền tịnh là chỉ riêng đối với người có việc cần phải làm. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh. Nó được dành cho Ngài, nên được giải quyết bởi Ngài. 2. - Tâu Đại vương, bất cứ việc gì cần phải làm đối với đức Như Lai, tất cả các việc ây đã được hoàn tát ở ngay tại góc cây Bô-đê. Đôi với đức Như Lai, không có việc gì cần phải làm thêm nữa5 hoặc sự tích lũy thêm đối với việc đã làm, và đức Như Lai có thiền tịnh ba tháng. Tâu Đại vương, thiền tinh quả là có nhiều công đức. Tất cả các đức Như Lai đều thiền tịnh rồi mới đạt đến bản thể toàn tri. Trong khi nhớ lại đức tính đã được thực hiện tốt đẹp ấy, các Ngài tiến hành thiền tịnh. Tâu Đại vương, giống như người nam đã nhận được ân huệ, đã đạt được của cải nhờ vào sự thân cận đức vua. Trong khi nhớ lại đức tính đã được thực hiện tót đẹp ây, gã liên tục đi đên phục vụ đức vua. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, tát cả các đức Như Lai đêu thiên tịnh roi mới đạt đến bản thể toàn tri. Trong khi nhớ lại đức tính đã được thực hiện tốt đẹp ấy, các Ngài tiến hành thiền tịnh. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nam bị nhiễm bệnh, khổ sở? có bệnh trầm trọng, sau khi đến gặp người thầy thuốc thì thành tựu sự an vui.

Trong khi nhớ lại đức tính đã được thực hiện tốt đẹp ấy, gã thường xuyên đi đến gặp người thầy thuốc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tất cả các đức Như Lai đều thiền tinh rồi mới đạt đến bản thể toàn tri. Trong khi nhớ lại đức tính đã được thực hiện tốt đẹp ấy, các Ngài tiến hành thiền tịnh. 3. Tâu Đại vương, hơn nữa đây là hai mươi tám đức tính của thiền tinh. Trong khi thấy rõ những đức tính này, các đức Như Lai tiến hành thiền tịnh. Hai mươi tám đức tính gì? Tâu Đại vương, ở đây thiền tịnh hộ trì bản thân người đang thiền tịnh, làm tăng trưởng tuổi thọ, ban cho sức mạnh, lấp lại tội lỗi, loại trừ điều tai tiếng, đem lại danh tiếng, xua đi sự không hứng thú, cung cấp sự hứng thú, loại trừ sự sợ hãi, làm sanh lên sự tự tin, loại trừ sự lười biếng, tạo ra sự tinh tấn, loại trừ sự tham đắm, loại trừ sự sân hận, loại trừ sự si mê, tiêu diệt sự ngã mạn, phá vỡ sự suy tư, làm cho tâm chuyên nhất, làm cho tâm được trong sáng, sanh ra sự tươi vui, tạo sự kính trọng, làm cho đạt được sự lợi ích, tạo sự cung kính, khiến cho thành tựu hỷ, tạo sự hân hoan, làm cho thấy được bản thể của các sự tạo tác, diệt trừ sự nối liền với việc tái sanh, ban cho toàn bộ Sa-môn hạnh. Tâu Đại vương, đây là hai mươi tám đức tính của thiền tịnh. Trong khi thấy rõ những đức tính này, các đức Như Lai tiến hành thiền tinh. Tâu Đại vương, hơn nữa với ý muốn tận hưởng sự an tinh, an lạc, sự hứng thú trong việc chứng dạt, các đức Như Lai tiến hành thiền tịnh với ý định dứt khoát. Tâu Đại vương, các đức Như Lai tiến hành thiền tịnh vì bốn lý do. Vì bốn lý do gì? Tâu Đại vương, các đức Như Lai tiến hành thiền tịnh vì tính chất an lạc của việc cư trú, các đức Như Lai tiến hành thiền tịnh nhằm sự gia tăng đức hạnh của việc không phạm lỗi lầm, các đức Như Lai tiến hành thiền tinh vì đường lối trọn vẹn của bậc Thánh, các đức Như Lai tiến hành thiền tinh vì đã được tán dương, khen ngợi, ca tụng của tất cả chư Phật. Tâu Đại vương, các đức Như Lai tiến hành thiền tịnh vì bốn lý do này. Tâu Đại vương, như thế các đức Như Lai tiến hành thiền tinh không phải vì có việc gì cần phải làm, không phải vì sự tích lũy thêm đối với việc đã làm. Quả vậy, các đức Như Lai tiến hành thiền tinh vì thấy được tính chất đặc biệt về đức tính [của thiền tịnh]. -Thưa Ngài Nãgasena, tót lăm! Trâm châp nhận điêu này đúng theo như vậy. uCâu hỏi về tính chất không việc gì cần phải làm thêm nữa95 là thứ chín.

10. CAU HỎI VỀ Sự NHẬN THỨC ĐỐI VỚI NĂNG Lực CỦA THẦN THONG (Iddhibaladassanapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: uNày Ānanda, bốn nền tảng về thần thông của Như Lai đã được tu tập, được thưc hành thường xuyên, được tạo thành phương tiện, được tạo thành nền tảng, được thiết lập, được tích lũy, đươc khởi đầu tốt đẹp. Nay Ānanda, Như Lai trong khi mong muốn có thể tồn tại môt kiếp hoặc hơn một kiếp.^ Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: “Tỉr nay cho đến hết ba tháng, Như Lai sẽ viên tịch Niết-bàn” Thưa Ngài Nâgasena, nếu điều đã được nói

bởi đức Thế Tôn là: "Ny Ānanda, bốn nền tảng về thần thông của Như Lai đã được tu tập,... (nt)... có thể tồn tại một kiếp hoặc hơn một kiếp95, như thế thì giới hạn ba tháng là sai trái. Nếu việc giới hạn ba tháng là sự thật, như thế thì lời nói rằng: “C6 thể tồn tại một kiếp hoặc hơn một kiếp" là sai trái. Đối với các đức Như Lai, không có việc đã phát

biểu về điều không có cơ sở. Chư Phật, Thế Tôn có lời nói không rồ dại, có lời nói chân thật, có lời nói không hai nghĩa. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, thâm sâu, vô cùng khôn khéo, khó phân giải. Nó được dành cho Ngài. Xin Ngài hãy phá vỡ mạng lưới tà kiến này. Xin Ngài hãy xác định về điều chắc thật. Xin Ngài hãy đánh đổ học thuyết của những kẻ khác. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: 66Này Ānanda, bốn nền tảng về thần thông của Như Lai đã được tu tập,..(nt).. có thể tồn tại một kiep hoặc hơn một kiếp.w Và ệiới hạn ba tháng đã được nói đên. Và hơn nữa, kiêp ây được gọi là kiêp của tuôi thọ. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn không phải là đang tán duơng năng lực của bản thân mà đã nói như vậy. Tuy nhiên, tâu Đại vương, đức Thê Tôn trong khi đang tán dương năng lực của thần thông mà đã nói như vậy: “Ny Ānanda, bốn nền tảng về thần thông của Như Lai đã được tu tập5... (nt)... có thể tồn tại một kiếp hoặc hơn một kiếp/9 Tâu Đại vương, giống như con ngựa thuần chủng của đức vua có sự di chuyển nhanh với tốc độ của gió. Đức vua trong khi tán dương năng lực về tốc độ của con ngựa có thê nói ở giữa dân chúng gôm có thị dân, dân chúng, nhân công, binh lính, Bà-la-môn, gia chủ, và các quan đại thần như vầy: "Này các khanh, con ngựa quý giá này của trẫm trong khi mong muốn có thể đi dọc theo trái đất được bao quanh bởi nước của biên cả roi đi vê đây trong giây lat?9 Dầu không phô bày sự di chuyển nhanh chóng cho hội chúng ấy, nhưng sự nhanh chóng ây của nó được biết đến, và nó có khả năng đi dọc theo trái đát được bao quanh bởi nước của biển cả trong giây lát. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn không phải là đang tán dương năng lực của bản thân mà đã nói như vậy. Tuy nhiên, điều ấy đã được nói [bởi đức Thế Tôn] sau khi ngồi xuống ở giữa các vị A-la-hán có ba minh, sáu thắng trí, không ô nhiễm, có các lậu hoặc đã cạn kiệt, cùng với chư thiên và nhân loại rang: “Này Ānanda, bon nen tảng ve thần thông của Như Lai đã được tu tập, được thực hành thường xuyên, được tạo thành phương tiện, được tạo thành nền tảng, được thiết lập, được tích lũy, được khởi đầu tốt đẹp. Này Ānanda, Như Lai trong khi mong muốn có thể tồn tại một kiếp hoặc hơn một kỉépy Tâu Đại vương, và năng lực thần thông ấy của đức Thế Tôn được biết đến, và đức Thế Tôn có khả năng tồn tại một kiếp hoặc hơn một kiếp nhờ vào năng lực thần thông. Nhưng đức Thế Tôn không phô bày năng lực thần thông cho hội chúng ấy. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn không có mong muốn đối với tất cả các hữu, và đối với đức Thế Tôn tất cả các hữu là bị chê trách. Tâu Đại vương, điêu này cũng đã được đức Thê Tôn nói đên: “Này các Tỳ-khưu, cũng như phân bò dầu chỉ chút ít cũng có mùi thoi, này các Tỳ-khưuf tương tợ y như

thê, Ta không ca ngợi vê sự hiện hữu dâu chỉ chút ít, thậm chỉ chỉ là thời gian của một khảy móng tayy Tâu Đại vương, sau khi xem tất cả các hữu, các cảnh giới, và các nguồn đưa đến tái sanh là tương đương với phân bò, phải chăng đức Thế Tôn còn thể hiện sự ước muốn và tham đắm ở các hữu thông qua năng lực của thần thông? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, chính vì điều ấy trong khi tán dương năng lực của thần thông đức Thế Tôn đã gầm lên tiếng rống sư tử của bậc Giác Ngộ có hình thức như thế. J Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về sự nhận thức đối vói năng lực của thần thông" là thứ mười. Phẩm Năng lực của

thần thông ỉa phẩm thứ nhất (ở phẩm này có mười câu hỏi)

n. PHẨM KHÔNG BỊ CHIA RẼ (ABHEJJAVAGGO)

ỉ. CÂU HỎI VỀ CÁC ĐIÊU NHỎ NHẶT VÀ TIỂU TIẾT (Khuddānukhuddakapañho) 1. Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: 6'Này các Tỳ-khưu, Ta thuyết giảng giáo pháp sau khi đã hiểu biết tận tường, không phải không do thắng trí.” Và còn nữa, ờ sự quy đinh về Luật, Ngài đã nói như vầy: wNày Ānanda, sau khi Ta tịch diệt, hoi chúng trong khi mong muốn hãy hủy bỏ các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiết.59 Thưa Ngài Nâgasena, về việc đức Thế Tôn bảo hủy bỏ các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiết sau khi Ngài đã tịch diệt, phải chăng các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiết đã được quy đinh sai, hay là đã được quy đinh khi không có sự việc [xảy ra], sau khi đã không nhận biết? Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: “Này các Tỳ-khưu, Ta thuyết giảng giáo pháp sau khi đã hiểu biết tận tường, không phải không do thắng trí”như thế thì lời nói rằng: í6Này Ānanda, sau khi Ta tịch diet, hoi chúng trong khi mong muốn hãy hủy bỏ các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiếf9 là sai trái. Nếu ở sự quy đinh về Luật, đức Như Lai đã nói như vầy: “NAy Ānanda, sau khi Ta tịch diet, hội chúng trong khi mong muốn hãy hủy bỏ các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiếf\ như thế thì lời nói: 6'Này các Tỳ-khưu, Ta thuyết giảng giáo pháp sau khi đã hiểu biết tận tường, không phải không do thắng trí” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, tinh vi, tế nhị, vô cùng khôn khéo, vô cùng sâu xa, khó phân giải. Nó được dành cho Ngài, ở đây, xin Ngài hãy thể hiện sự triển khai ve năng lực trí tuệ của Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khưu, Ta thuyết giảng giáo pháp sau khi đã hiểu biết tận tường, không phải không do thắng trí.” Và ở sự quy định về Luật, Ngài đã nói như vầy: wNày Ānanda, sau khi Ta tịch diệt, hội chúng trong khi mong muốn hãy hủy bỏ các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiết.” Tâu Đại vương, đức Như Lai đã nói điều ấy trong khi thử thách các vị Tỳ-khưu rằng: “Sau khi Ta tịch diệt, các đệ tử của Ta, trong khi hết bị ràng buộc với Ta, thì sẽ loại bỏ các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiết, hay là sẽ gắn b6?" Tâu Đại vương, giống như đức Chuyển Luân Vương có thể nói với các con trai như vầy: "Này các con, lãnh thổ rộng lớn này được bao bọc bởi đại dương ở tất cả các phương. Này các con, để duy trì chừng ấy [lãnh tho] bang binh lực là việc làm khó khăn. Này các con, sau khi

ta băng hà các con hãy buông bỏ các khu vực biên dja." Tâu Đại vương, phải chăng sau khi vua cha băng hà? các hoàng tử có thể buông lơi tất cả các khu vực biên địa ấy là phần lãnh tho đã nắm trong tay? Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, các vị vua còn ham muốn nhiều hơn. Các hoàng tử vì lòng tham đối với vương quốc có thể tóm thâu lãnh thổ hai lần ba lần hơn thế nữa, làm sao họ có thể buông lơi phần lãnh thổ đã nắm trong tay? -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai trong khi thử thách các vi Tỳ-khưu đã nói như vầy: "Này Ānanda, sau khi Ta tịch diệt, hội chúng trong khi mong muốn hãy hủy bỏ các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiết." Tâu Đại vương, nhăm giải thoát

hoàn toàn khô đau, những người con trai của đức Phật với lòng tham muốn về giáo pháp có thể gìn giữ còn nhiều hơn một trăm năm mươi điều học, làm sao các vị lại buông lơi điều học đã được quy định theo truyền thống? Thưa Nẹài Nâgasena, điều mà đức Thế Tôn đã nói về "các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiếf\ ở đây đám người này là mê muội, bị sanh khởi nỗi phân vân, bị tác động, bị khởi lên sự nghi ngờ. Các điều học nhỏ nhặt ấy là các điều nào? Các điều học tiểu tiết là các điều nào? -Tâu Đại vương, điều học nhỏ nhặt là tội dukkata (đã làm sai trái). Điều học tiểu tiết là tội dubbhāsitā (đã nói sai trái). Hai loại này là các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiết. Tâu Đại vương, các vị Đại trưởng lão trước đây đã nêu lên sự phân vân về điều này. Do đức Thế Tôn mà câu hỏi này đã được nêu ra; nó cũng đã gây ra sự không đồng nhất trong cuộc thảo luận về việc duy trì giáo pháp bởi các vị ấy. Thưa Ngài Nâgasena, điều bí ẩn của đấng Chiến Thắng bị bỏ quên bấy lâu, vào lúc này hôm nay đã được mở ra, đã được làm rõ ràng ở thế gian. “Câu hỏi về các điều nhỏ nhặt và tiểu tiết” ỉa thứ nhất

2. CÂU HỎI VÈ CÂU TRẢ LỜI NÊN ĐƯỢC ĐÌNH CHỈ (Thapantyabyākaranapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này Ānanda, không có bàn tay nắm lại của vị thầy ờ các giáo lý của đức Như Lai.” Và thêm nữa khi được Trưởng lão Māluñkyaputta hỏi cau hỏi, Ngài đã không trả lời. Thưa Ngài Nãgasena, câu hỏi này có hai đầu mối và sẽ được nương vào một đầu mối: Hoặc là do sự không biết hoặc là do việc che giấu. Thưa Ngài Nāgasena. nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: uNày Ānanda, không có bàn tay nắm lại của vi thầy ờ các giáo lý của đức Như Lai”như thế thì do không biết mà đã không trả lời cho Trưởng lão Māluñkyaputta. Nếu trong khi biết mà đã không trả lời, như thế thì có bàn tay nắm lại của vị thầy ở các giáo lý của đức Như Lai. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

MILĨNDAVẤN ĐẠO 909

2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Ny Ānanda, không có bàn tay nắm lại của vi thầy ờ các giáo lý của đức Như Lai”, và câu hỏi được hỏi bởi Trưởng lão Māluñkyaputta đã không được trả lời. Nhưng điều ấy không phải do sự không biết, không phải do việc che giấu. Tâu Đại vương, đây là bốn cách trả lời câu hỏi. Bốn cách nào? "Câu hỏi nên được trả lời dứt khoát, câu hỏi nên được trả lời sau khi phân tích, câu hỏi nên được trả lời bằng sự hỏi lại, câu hỏi nên được đình chí." Tâu Đại vương, câu hỏi nên được trả IM dứt khoát là câu hỏi nào? “C6 phải sắc là vô thường,, là câu hỏi nên được trả lời dứt khoát. UCÓ phải thọ là vô thuơng", "c6 phải tưởng là vô thuơng”"c6 phải các hành là vô thuơng", “c6 phải thức là vô thuơng" là câu hỏi nên được trả lời dứt khoát. Đây là câu hỏi nên được trả lời dứt khoát. Câu hỏi nên được trả lòi sau khi phân tích là câu hỏi nào? "Chẳng lẽ sắc là vô thường,, là câu hỏi nên được trả lời sau khi phân tích. "Chẳng lẽ thọ là vô thuơng”, "chẳng lẽ tưởng là vô thuơng", "chẳng lẽ các hành là vô thuơng”, "chẳng lẽ thức là vô thường55 là câu hỏi nên được trả lời sau khi phân tích. Đây là câu hỏi nên được trả lời sau khi phân tích. Câu hỏi nên được trả lời bằng sự hỏi lại là câu hỏi nào? 'Thải chăng nhận thức mọi thứ bằng con mắt?,, Đây là câu hỏi nên được trả lời bằng sự hỏi lại. Câu hỏi nên được đình chỉ là câu

hỏi nào? “Thế giới là thường c6n” là câu hỏi nên được đình chí. “Thế giới là không thường cím", “thế giới là có giới hạn”, "thế giới là không có giới hạn", "thế giới là có giới hạn và không có giới hạn", "thế giới không phải là có giới hạn và cũng kh6ng phải là không có giới hạn”, “mạng sống là vật ấy thân thể là vật ấy", “mạng song là vật khác thân thể là vật khác9\ "c6 phải đức Như Lai hiện hữu ở nơi khác sau khi chết”, “c6 phải đức Như Lai không hiện hữu ở nơi khác sau khi chếf\ "c6 phải đức Như Lai hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết", "c6 phải đức Như Lai không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chef là câu hỏi nên được đình chỉ. Đây là câu hỏi nên được đình chỉ. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn đã không trả lời câu hỏi nên được đình chỉ ấy của Trưởng lão Māluñkyaputta. Vậy thì vì lý do gì mà câu hỏi ấy là nên được đình chỉ? Không có nguyên nhân hay là lý do cho việc làm sáng tỏ nó, do đó câu hỏi ấy là nên được đình chỉ. Đối với chư Phật Thế Tôn, không có việc thốt lên lời nói không có lý do, không có nguyên nhân. -Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về việc trả lời nên được đình chí” là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VÈ VIỆC SỢ HÃI HAY KHÔNG sợ HÃI sự CHẾT (Maccubhāyanābhāyanapañho) L Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

"ất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết.55 Và thêm nữa Ngài đã nói rằng: 6íVị A-la-hán đã vượt qua mọi sự sợ hãi/5 Thưa Ngài Nâgasena, phải chăng vị A-la-hán không run sợ đoi với mọi sự sợ hãi ve hình phạt? Hay là các chúng sanh địa ngục bị đốt cháy, bị đun sôi, bi đốt nóng, bị đun nóng ở địa ngục, trong khi đang chết từ đại địa ngục có màng lưới lửa cháy rực ấy, mới sợ hãi sự chết? Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: "Tất cả run sợ hình phạt, tất cả sự hãi sự chết", như thế thì lời nói rằng A-la-hán đã vượt qua mọi sự sợ hi” là sai trái. Nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: "Vj A-la-hán đã vượt qua mọi sự sợ hi”, như thế thì lời nói rằng: uTất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. Tâu Đại vương, lời nói này đã được nói bởi đức Thế Tôn: "Tất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết" là không liên quan đến các vị A-la-hán. Các vị A-la-hán là ngoại lệ trong sự việc này. Nhân gây sợ hãi đã được các vi A-la-hán trừ diệt. Tâu Đại vương, những chúng sanh nào có phiên não, có tà kiến về bản ngã quá lố, có tính khí thăng trầm theo lạc và khổ, thì điều đã được nói bởi đức Thế Tôn: wTất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết55 là liên quan đến những người ấy. Tâu Đại vương, đối với vị A-la-hán, tất cả cảnh giới tái sanh đã bị chặt dứt, nguồn sản xuất đã bị tiêu hoại, sự nối liền với việc tái sanh đã bị hủy diệt, khung sườn đã bị phá vỡ, tất cả các điều kiện của hữu đã bi tiêu hủy, tất cả các hành đã bị trừ tuyệt, thiện và bất thiện đã bị thủ tiêu, vô minh đã bi tiêu tan, thức không còn chủng tử đã được tạo lập, tất cả phiền não đã được đốt cháy, các pháp thế gian đã được vượt lên; vì thế vị A-la-hán không run sợ đối với tất cả các nỗi sợ hãi. Tâu Đại vương, ở đây bốn vị quan đại thần của đức vua là trung thành, đã đạt danh tiếng,

được tin cậy, được phong tước vi có quyên hành lớn lao. Roi vào lúc có sự việc cân làm nào đó sanh khởi, đức vua ra lệnh đến tất cả dân chúng ở trong lãnh địa của mình rằng: "Hết thảy tất cả hãy nộp thuế cho trẫm. Các khanh, bốn quan đại thần, hãy hoàn thành sự việc cần làm ấy." Tâu Đại vương, phải chăng sự run sợ do nỗi sợ hãi về thuế có thể sanh khởi cho bốn vị quan đại thần ấy? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, vì lý do gì? Thưa Ngài, bốn người ấy đã được đức vua phong tước vi tối cao. Không có thuế má đối với họ. Họ vượt qua khỏi các loại thuế má. Điều đã được đức vua ra lệnh: “Hết thảy tất cả hãy nộp thuế cho trẫm" là liên quan đến những người còn lại. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, lời nói này đã được nói bởi đức Thế Tôn là không liên quan đến các vi A-la-hán. Các vi A-la-hán là ngoại lệ trong sự việc này. Nhân gây sợ hãi đã được các vị A-la-hán trừ diệt. Tâu Đại vương, những chúng sanh nào có phiên não, có tà kiên vê bản ngã quá lô, có tính khí

thăng trầm theo lạc và khổ, thì điều đã được nói bởi đức Thế Tôn: 66[ất cả run sợ hình phạt, tất cả sự hãi sự chết55 là liên quan đến những người ấy. Do đó, vị A-la-hán không run sợ đối với tất cả các nỗi sợ hãi. Thưa Ngài Nãgasena, lời nói ấy không bao gồm phần còn lại, lời nói "tất cả" ấy là trừ ra phần còn lại. về việc ấy, xin Ngài hãy nói cho trẫm thêm về lý do để xác định lời nói ấy. -Tâu Đại vương, ở đây người trưởng làng ở ngôi làng có thể ra lệnh cho viên mõ làng rằng: "Này ông mõ làng, hết thảy tất cả dân làng ở trong làng hãy mau chóng tụ tập lại trước mặt t6i.” Người ây, sau khi chấp nhận: í6Tốt lắm, thưa trưởng làng”, đã đứng ở giữa làng thông báo ba lần rằng: “Hết thảy tất cả dân làng ở trong làng hãy mau mau tụ tập lại trước mặt trưởng lang/9 Sau đó, do lời nói của viên mõ làng, các dân làng đã cấp tốc tụ tập lại rồi báo cho ông trưởng làng rang: "Thua trưởng làng, tất cả dân làng đã tụ tập lại. Ngài có việc gì cần làm, xin hãy tiến hành điều ấy.55 Tâu Đại vương, người trưởng làng ấy, trong khi bảo những người chủ chốt tụ tập lại, thì ra lệnh cho tất cả dân làng như thê, và những người (dân làng) ấy dầu được ra lệnh nhưng không phải tất cả đều tụ tập lại, chỉ có những người chủ chốt tụ tập lại. Và người trưởng làng chấp nhận như thế: “Chí bấy nhiêu là dân làng của t6i." Những người khác đã không đen là nhiều hơn: Đàn bà, đàn ông, tớ gái, tôi nam, người làm thuê, nhân công, khách lữ hành, nạười bệnh, bò, trâu, dê5 cừu, chó; tất cả những ai không đến đều không tính. Điểu đã được ra lệnh: “Tất cả hãy tụ tap“i" chỉ liên quan đến những người chủ chốt. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế5 lời nói này đã được nói bởi đức Thế Tôn là không liên quan đến các vị A-la-hán. Các vi A-la-hán là ngoại lệ trong sự việc này. Nhân gây sợ hãi đã được các vi A-la-hán trừ diệt. Tâu Đại vương, những chúng sanh nào có phiền não? có tà kiến về bản ngã quá lố, có tính khí thăng trầm theo lạc và khổ, thì điều đã được nói bởi đức Thế Tôn: "'Tat cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết" là liên quan đến những người ấy. Do đỏ, vị A-la-hán không run sợ đối với tất cả các nỗi sợ hãi. Tâu Đại vương, có lời nói thiếu sót với ý nghĩa thiếu sót, có lời nói thiếu sót với ý nghĩa khônẹ thiếu sót, có lời nói không thiếu sót với ý nghĩa thiếu sót, có lời nói không thiêu sót với ý nghĩa không thiêu sót. Y nghĩa nên được tiếp thu theo từng trường hợp một. Tâu Đại vương, ý nghĩa nên được tiêp thu theo năm cách: Theo đoạn văn trích dẫn, theo nghĩa chính yếu, theo truyền thống của vị thầy,

theo ý định, theo tính chất vượt trên lý do. Chính ở đây, "đoạn văn trích dẫn" là đoạn kinh thích hợp, "nghĩa chính yếu,5 là phù hợp với kinh, "truyền thống của vi tịiầy" là học thuyết của vi thầy, uý djph" là quan niệm của bản thân, "tính chất vượt trên lý do" là lý do đã được tổng hợp từ bốn cách này. Tâu Đại vương, ý nghĩa nên được tiếp thu theo năm lý do này. Câu hỏi ấy nên được giải quyết một cách khéo léo đúng y như thế.

2. Thưa Ngài Nāgasena, hãy là như vậy, trẫm chấp nhận điều ấy. Xem như các vị A-la-hán là ngoại lệ trong sự việc này, và các chúng sanh còn lại run sợ. Trái lại, các chúng sanh địa ngục ở nơi địa ngục, trong khi cảm nhận các thọ khổ sắc bén, nhức nhối, với tất cả các phần thân thể và tứ chi bị thiêu đốt, bi đốt cháy, với miệng khóc lóc, rên rỉ thảm thương, than vãn, van xin, bi nhận lãnh các nỗi kho đau sắc bén không the chịu đựng, không có sự bảo vệ, không nơi nương nhờ, ở tình trạng không có chốn nương nhờ, không ít sầu bệnh, có cảnh giới tái sanh tận sau cùng, chôn đên kê tiêp toàn là sâu muộn, có sự đót cháy và chói sáng nóng bức, mãnh liệt, dữ tợn và thô tháo, có các âm thanh ồn ào của tiếng gào thét gây ra sự khiếp đảm và sợ hãi, bị bao vây bởi màng lưới lửa sáu màu kết lại với nhau, với cường độ của ngọn lửa tỏa nóng đến một trăm do-tuần ở xung quanh, trong khi nói đến đại địa ngục cùng cực, nóng bức, có phải họ sợ hãi sự chết? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Thưa Ngài Nâgasena, chẳng lẽ địa ngục là phải chịu cảm thọ toàn là khổ đau? Hơn nữa, tại sao các chúng sanh địa ngục phải chịu cảm thọ toàn là khổ đau lại sợ hãi sự chết trong khi lìa khỏi địa ngục? ở địa ngục có cái gì mà họ thích thú? Tâu Đại vương, không phải các chúng sanh địa ngục ấy thích thú nơi địa ngục, chúng quả có mong muốn được giải thoát khỏi địa ngục. Tâu Đại vương, điều ấy là oai lực của sự chết, vì điều ấy mà sự run sợ sanh khởi ở các chúng sanh ấy. Thưa Ngài Nâgasena, trẫm không tin điều ấy là việc sự run sợ sự chết sanh khởi ở những người có mong muốn được giải thoát. Thưa Ngài Nâgasena, việc những người ây đạt được điêu đã mong mỏi; sự kiện ây nực cười. Xin Ngài . A r

hãy giúp cho trâm hiêu băng lý lẽ. 3. Tâu Đại vương, cái "su chết" này là cơ sở đem lại sự run sợ cho những người chưa nhìn thấy sự thật; hạng người này run sợ và bị kích động về việc này. Tâu Đại vương, và người nào sợ hãi rắn mãng xà, người ấy trong khi sợ hãi sự chết thì sợ hãi rắn mãng xà. Và người nào sợ hãi voi,... (nt). sợ hãi sư tử, hổ, báo, gấu, chó sói, trâu rừng, bò mộng, lửa, nước, chông, gai. Và người nào sợ hãi gươm dao, người ấy trong khi sợ hãi sự chết thì sợ hãi gươm đao. Tâu Đại vương, việc chúng sanh còn phiền não run sợ, sợ hãi sự chết, điều ấy là quyên lực của thực chát và bản thê của sự chét. Tâu Đại vương, mặc dâu có mong muốn được giải thoát chúng sanh địa ngục cũng run sợ sự chết. Tâu Đại vương, ở đây có bệnh mỡ đóng cục sanh khởi ở thân thể của người đàn ông. Người ấy bị khổ sở vì căn bệnh ấy, có ước muốn được thoát khỏi hẳn cơn nguy kịch, nên cho mời người thầy thuốc phẫu thuật. Người thầy thuốc phẫu thuật, sau khi chấp nhận người ấy, sẽ đem lại dụng cụ để lấy đi căn bệnh ấy của người ấy, sẽ mài bén con dao mổ, sẽ đặt thanh dẹp cho việc đốt nóng

ở ngọn lửa, sẽ cho nghiền nát chất kiềm và muối ở đá nghiền, tâu Đại vương, phải chăng sự run sợ có thể sanh khởi ở người bệnh ấy do việc mổ xẻ bằng con dao bén, do việc đốt nóng bằng hai thanh dẹp, do việc đắp vào chất kiềm và muối? Thưa Ngài, đúng vậy. 4. -Tâu Đại vương, như thê người bệnh ay? mặc dâu có ước muôn được giải thoát khỏi căn bệnh, cũng có sự run sợ do nỗi sợ hãi về cảm thọ sanh khởi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, các chúng sanh địa ngục mặc dầu có ước muốn được giải thoát khỏi địa ngục, cũng có sự run sợ do nỗi sợ hãi về sự chết sanh khởi. Tâu Đại vương, ở đây có người là kẻ phạm tội đối với chủ nhân bị bắt, bị tống vào phòng giam với sự trói lại bằng sợi xích, có ước muốn được tự do. Chủ nhân ấy, có ý muốn trả tự do, bảo đưa người ấy đến, tâu Đại vương, phải chăng sự run sợ do việc nhìn thấy chủ nhân sẽ sanh khởi ở người ấy, là kẻ phạm tội đối với chủ nhân, trong khi biết rằng: "Ta đã làm quấy" Thưa Ngài, đúng vậy. Tâu Đại vương, như thê người áy, là kẻ phạm tội đôi với chủ nhân, mặc dầu có ước muốn được tự do, cũng có sự run sợ do nỗi sợ hãi chủ nhân sanh khởi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với các người ở địa ngục, mặc dầu có ước muốn được giải thoát khỏi địa ngục, sự run sợ do nỗi sợ hãi về sự chết cũng sẽ sanh khởi ở nơi họ. Thưa Ngài, xin hãy nói thêm về lý do khác nữa, nhờ vào lý do ấy trẫm có thể xác định niềm tin. 5. Tâu Đại vương, ở đây có người nam bi cắn bởi rắn độc có nọc độc ở nanh. Do tác động của nọc độc ấy, người ấy ngã xuống, té lên, lăn qua, lăn lại. Khi ấy, có một người nam khác với câu bùa chú có năng lực đem lại con rắn độc có nọc độc ở nanh ấy, rồi cho hút ngược trở lại nọc độc ở nanh ấy, tâu Đại vương, đối với người nam bi nhiễm nọc độc ấy, khi con rắn có nọc độc ở nanh ấy đang tiến đến gần với nguyên nhân tốt lành, phải chăng nỗi run sợ có thể sanh annual ay? v

-Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, ở hình thức tương tợ như thế, trong khi con rắn đang tiến đến gần, mặc dầu với nguyên nhân tốt lành, nỗi run sợ cũng sanh khởi ở người áy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê đôi với các chúng sanh ở địa ngục, mặc dầu có ước muốn được giải thoát khỏi địa ngục, sự run sợ do nỗi sợ hãi về sự chết cũng sanh khởi nơi họ. Tâu Đại vương, đối với tất cả chúng sanh, sự chết là điêu không được mong muôn. Do đó, các chúng sanh ở địa ngục, mặc dâu có ước muôn được giải thoát khỏi địa ngục, cũng sợ hãi vê sự chét. Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về việc sợ hãi hay không sợ hãi sự chếtw là thứ ba.

4. CÂU HỎI VÈ Sự THOÁT KHỎI CÁI BẢY CỦA THẦN CHẾT (Maccupâsãmuttìkapaũhò) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: 66Không phải ờ bầu trời, không phải ờ giữa biển khoi, không phải đã đi vào khe của những ngọn núi mà tử thân không thê áp đảo người đứng ờ nơi áy, vì khu vực ấy ờ trên trái đất không được tìm thấy.” Và thêm nữa, các chú thuật hộ trì đã được đức Thế Tôn chỉ ra như là: Ratanasutta, Khandhaparitta^ Moraparitta^ Dhạiaggaparìtta^ Ātānāfiyaparitta9 AhgulimũỊaparitta. Thưa Ngài Nâgasena, nếu cho dầu đi đến không trung, cho dầu đi đến giữa biển khơi, cho dầu đi đến tòa lâu đài, chòi, hang, động, sườn núi, hốc kẹt, khe

núi, bên trong tảng đá mà cũng không được thoát khỏi gông cùm của thần chết, như thế thì công việc chú thuật hộ trì là sai trái. Nếu do công việc chú thuật hộ trì mà có sự thoát khỏi gông cùm của thần chết, như thế thì lời nói rằng: uKhông phải ờ bầu trời,... (nt). không được tìm thấy" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, bị thắt lại còn hơn nút thắt, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Không phải ở bâu trời, không phải ở giữa biên khơi, không phải đã đi vào khe của những ngọn núi mà tử thần không thể áp đảo người đứng ở nơi ấy, vì khu vực ấy ở trên trái đất không được tìm thấyy Và các bài kinh hộ trì đã được đức Thế Tôn chỉ ra. Tuy nhiên, điều ấy là dành cho người có tuổi thọ vẫn còn, đã đạt đến tuổi trưởng thành, sự ngăn cản của nghiệp đã được trừ khử, tâu Đại vương, nhưng không có việc áp dụng hay sự nỗ lực để duy trì đối với người có tuổi thọ đã cạn kiệt. Tâu Đại vương, giống như đối với cây đã chết, khô héo, ráo nhựa, hết tươi tắn, sức sống đã bị ngưng lại, sự tạo tác của tuổi thọ đã qua, trong khi rưới nước dầu là một ngàn chậu cũng không thể trở nên tươi tắn hoặc có trạng thái đâm chồi mọc lá xanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có việc áp dụng hay sự nỗ lực để duy trì đối với người có tuổi thọ đã cạn kiệt bằng thuốc men và việc làm chú thuật hộ trì. Tâu Đại vương, những thuốc men chữa bệnh ở trên trái đất thì cũng không làm được phận sự gì đối với người có tuổi thọ đã cạn kiệt. Tâu Đại vương, chú thuật hộ trì bảo vệ, gìn giữ người có tuổi thọ vẫn còn, đã đạt đến tuổi trưởng thành, sự ngăn cản của nghiệp đã được trừ khử. Vì sự lợi ích ấy mà các chú thuật hộ trì đã được đức Thế Tôn chỉ ra. Tâu Đại vương, giống như người nông dân có thể ngăn cản việc dẫn nước vào khi lúa đã chín đều, cọng lúa đã khô. Trái lại, khi cây lúa còn non, tương tợ như đám mây, đã đạt đen lúc trưởng thành, thì nó phát triển nhờ vào sự cung cáp nước. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê đôi với người có tuôi thọ đã cạn kiệt, các việc áp dụng thuốc men và chú thuật hộ trì bi đình chỉ, bi chối bỏ. Trái lại, những người có tuôi thọ vân còn, đã đạt đên tuôi trưởng thành, vì lợi ích cho

những người ấy chú thuật hộ trì và thuốc men được đề cập đến. Những người ấy lớn mạnh nhờ vào chú thuật hộ trì và thuốc men. 3. Thưa Ngài Nāgasena, nếu người có tuổi thọ đã cạn kiệt thì chết, người có tuổi thọ vẫn còn thì sống, như thế thì chú thuật hộ trì và thuốc men là không có lợi ích. -Tâu Đại vương, có phải Ngài đã được nhìn thấy trước đây một loại bệnh nào đó được đẩy lùi bởi các loại thuốc men? Thưa Ngài, đúng vậy. Đã được nhìn thấy hàng trăm. -Tâu Đại vương, như thế thì lời nói rằng: "Việc áp dụng chú thuật hộ trì và thuốc men không có lọd ích" là sai trái. Thưa Ngài Nāgasena, các sự nô lực của các thây thuôc gôm có thuôc men, thức uống, cao bôi được nhìn thấy, nhờ sự nỗ lực ấy của các thầy thuốc mà căn bệnh được đẩy lùi. -Tâu Đại vương, trong khi những người đang tụng đọc các chú thuật hộ trì thì tiếng của họ được nghe, lưỡi bi khô, tim đập mạnh, cổ họng bị khan tiếng. Nhờ vào sự vận hành ấy của các chú thuật hộ trì mà tất cả các bệnh tật được tiêu trừ, tất cả các sự rủi ro qua đi. Tâu Đại vương, phải chăng Đại vương đã được nhìn thấy trước đây người nào đó bị rắn cắn đang tẩy trừ nọc độc, đang làm tiêu tan nọc độc, đang rửa sạch bên trên bên dưới nhờ vào câu chú thuật? 4. Thưa Ngài, đúng vậy. Thậm chí vào lúc này hôm nay điều ấy vẫn tồn tại

ở thế gian. Tâu Đại vương, như thế thì lời nói rằng: "Việc áp dụng chú thuật hộ trì và thuốc men không có lọd ích" là sai trái. Tâu Đại vương, bởi vì người có chú thuật hộ trì đã được thực hiện thì con rắn, có ý đinh cắn, vẫn không cắn và ngậm lại cái miệng đã há ra. Thậm chí cây côn của các kẻ trộm dầu đã được nâng lên cũng không có tác dụng; chúng buông rơi cây côn và thể hiện sự trìu mến. Ngay cả con long tượng bị lên cơn giận dữ đang lao đến cũng diu lại. Khối lửa lớn đã phát cháy đang tiến gần cũng bị tắt ngấm. Thậm chí chất độc dữ tợn đã được ăn vào tự biến thành thuốc giải độc hoặc là phát tán theo dạng thức ăn. Những kẻ giết người có ý đinh giết chết sau khi đen gan thì trở nên trạng thái của người nô lệ. Ngay cả bẫy sập đã được bước lên cũng không hoạt động. Tâu Đại vương, hơn nữa Đại vương đã được nghe trước đây về con chim công có chú thuật hộ trì đã được thực hiện khiến người thợ săn trong bảy trăm năm đã không thể dụ đến gần bẫy sập. Khi chú thuật hộ trì không được thực hiện thì chính vào ngày ấy người thợ săn đã dụ được nó vào bẫy sập. Thưa Ngài, có được nghe. Tiếng đồn ấy đã được loan truyền ở thế gian có cả chư thiên. 5. y Tâu Đại vương, như thế thì lời nói rằng: "Việc áp dụng chú thuật hộ trì và thuốc men không có lợi ích,, là sai trái. Tâu Đại vương, hơn nữa Đại vương đã được nghe trước đây về người khổng lồ, trong khi gìn giữ người vợ, liền cho

vào vỏ bọc, nuôi vào và mang theo ở trong bụng. Khi ây, có người thây pháp đã đi vào miêng của người không lô ây và vui thú với người vợ. Đên khi người khổng lô ây biêt được thì ói ra cái bọc roi mở nó ra. Khi cái bọc được mở ra thì người thầy pháp đã thoát thân theo như ý muốn. Thưa Ngài, có được nghe. Tiếng đồn ấy cũng đã được loan truyền ở thế gian có cả chư thiên. -Tâu Đại vương, không lẽ người thây pháp ây được thoát khỏi sự bát giữ nhờ vào năng lực của chú thuật hộ trì? Thưa Ngài, đúng vậy. Tâu Đại vương, như thế thì có năng lực của chú thuật hộ trì. 6. Tâu Đại vương, hơn nữa phải chăng Đại vương đã được nghe trước đây về một người thầy pháp khác gian díu với hoàng hậu ở nội cung của đức vua xứ Bārānasī, trong khi đang bị bắt giữ thì trong phút chốc đã trở nên không còn nhìn thấy nhờ vào năng lực của chú thuật? Thưa Ngài, có được nghe. -Tâu Đại vương, không lẽ người thầy pháp ấy được thoát khỏi sự bắt giữ nhờ vào năng lực của chú thuật hộ trì? Thưa Ngài, đúng vậy. Tâu Đại vương, như thế thì có năng lực của chú thuật hộ trì. Thưa Ngài Nâgasena, có phải chú thuật hộ trì bảo vệ cho tất cả? Tâu Đại vương, bảo vệ một sô người, không bảo vệ một sô người. -Thưa Ngài Nâgasena, như thế thì chú thuật hộ trì là không có lợi ích cho tất cả. Tâu Đại vương, phải chăng vật thực bảo vệ mạng sông cho tát cả? Thưa Ngài, bảo vệ một số người, không bảo vệ một số người. Vì lý do gì? Thưa Ngài, khi một số người ăn vào quá nhiều chính vật thực ấy thì bị chết vì bệnh ói mửa. -Tâu Đại vương, như thế thì vật thực không bảo vệ mạng sống cho tất cả. Thưa Ngài Nãgasena, vật thực tước đoạt mạng sống vì hai lý do: Do đã ăn quá nhiều hoặc do năng lực yếu kém của lửa [tiêu hóa]. Thưa Ngài Nâgasena, vật thực là vật ban cho tuổi thọ, do việc sử dụng sai trái mà tước đoạt mạng sống. 7. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, chú thuật hộ trì bảo vệ một số người, không bảo vệ một số người. Tâu Đại vương, chú thuật hộ trì không bảo vệ vì ba lý do: Do sự ngăn cản của nghiệp, do sự ngăn cản của phiền não, do

sự không có niềm tin. Tâu Đại vương, chú thuật hộ trì là sự bảo tồn chúng sanh, nhưng buông bỏ sự bảo vệ do việc đã làm của bản thân. Tâu Đại vương, giống như người mẹ nuôi dưỡng đứa con đã nhập thai, rồi sanh ra với sự chăm sóc tốt đẹp. Sau khi

sanh ra, còn tây uê vật dơ, chát bân và nước nhây, roi thoa hương thơm quý giá hạng nhất. Vào thời gian sau, khi những người con trai của những kẻ khác đang mắng chửi hoặc đánh [nó], nó đánh lại chúng. Những người ấy nổi giận với nó rồi lôi đến nơi tập thể, và nắm lấy nó đưa đến các vị chủ CIuản. Nếu người con trai của bà áy là phạm tội, vượt qua luật lệ, thì đám người [áy], trong khi lôi kéo nó đến các vị chủ quản, quất roi, đánh đập nó bằng gậy gộc, dùi cui, đầu gối, nắm tay. Tâu Đại vương, đôi với việc lôi đi, kéo lê, bat giữ đê thực hiện việc đưa đến gặp các vi chủ quản, phải chăng người mẹ của nó gánh chịu? 8. Thưa Ngài, không đúng. —Vì lý do gì? -Thưa Ngài, vì sự phạm tội của bản thân [người con trai]. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, sự bảo vệ các chúng sanh trở nên vô hiệu vì sự phạm tội của bản thân. Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được giải quyết, bụi rậm đã được làm không còn bụi rậm, bóng tối đã được làm thành ánh sáng, mạng lưới tà kiến đa bị tháo rời, Ngài đã tiến đến VỊ thế cao quý và ưu tú trong số các vị có đồ chúng. 66Câu hỏi về sự thoát khỏi cái bẫy của thần chết" là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ Sự CHƯỚNG NGẠI TRONG VIỆC THỌ NHẬN CỦA ĐỨC THÉ TÔN (Bhagavato lābhantarāyapañho) 1. Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: uĐức Thế Tôn có được sự thọ nhận về các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ nằm ngồi và thuốc chữa bệnh." Và thêm nữa, 6íĐức Thế Tôn sau khi đi vào khất thực ờ ngôi làng Bà-la-môn Pañcasālā đã không nhận được bất cứ vật gì, rồi đã trở ra với bình bát đã được rửa sạch như thế." Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Thế Tôn có được sự thọ nhận về các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ nằm ngồi và thuốc chữa bệnh, như thế thì lời nói rằng: "Dức Thế Tôn sau khi đi vào khất thực ở ngôi làng Bà-la-môn Pañcasālā, đã không nhận được bất cứ vật gì, rồi đã trở ra với bình bát đã được rửa sạch như thế" là sai trái. Nếu đức Thế Tôn sau khi đi vào khất thực ở ngôi làng Bà-la- môn Pañcasālā, đã không nhận được bất cứ vật gì, rồi đã trở ra với bình bát đã được rửa sạch như thế, như thế thì lời nói rằng: "Bức Thế Tôn có được sự thọ nhận về các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ nằm ngồi và thuốc chữa bênh" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, vô cùng quan trọng, khó tháo gỡ, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn có được sự thọ nhận về các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ nằm ngồi và thuốc chữa bệnh. Ngài sau khi đi vào khất thực ở ngôi làng Bà-la-môn Pañcasālā đã không nhận được bất cứ vật gi, rồi đã

trở ra với bình bát đã được rửa sạch như thế. Tuy nhiên, việc làm ấy có lý do là bởi Ma vương ác độc. Thưa Ngài Nāgasena, như thế thì thiện pháp của đức Thế Tôn, được tạo lập theo cách thức tính toán bằng kiếp sống đã trải qua, đã được hoàn tất như thế nào? Sự triển khai về tốc độ và năng lực của thiện pháp ấy đã bi Ma vương ác độc, kẻ mới

xuất hiện vào lúc này, đónẹ lại như thế nào? Thưa Ngài Nâgasena, như thế thì trong việc này sự chỉ trích tiêp cận dựa trên hai cơ sở: Bất thiện pháp có sức mạnh hơn cả thiện pháp, năng lực của Ma vương có sức mạnh hơn cả năng lực của đức Phật. Vì lý do gì mà cây cối lại có ngọn mang nặng hơn cả rễ? Và điều ác lại có sức mạnh hơn cả đức hạnh đã được tích tụ? 3. - Tâu Đại vương, đương nhiên chỉ với chừng ấy thì không thể nói là bất thiện pháp có sức mạnh hơn cả thiện pháp, năng lực của Ma vương có sức mạnh hơn cả năng lực của đức Phật. Vậy thì lý do ở trường hợp này là được mong mỏi. Tâu Đại vương, giống như có người đàn ông đem mật ong, hoặc bánh mật ong, hoặc tặng phẩm dâng lên đức Chuyển Luân Vương, người gác cổng của đức vua nói với người ấy như vầy: uNày ông, nay kh6ng phải là thời điểm để diện kiên đức vua. Này ông, như thê thì ông hãy câm lây tặng phàm của ông và mau mau đi trở lui. Chớ để đức vua giáng hình phạt đến ông.55 Do đó, người đàn ông ấy bị run rây, bị chấn động do nỗi sợ hãi vê hình phạt, liên cầm lấy tặng phàm ây và mau mau đi trở lui. Tâu Đại vương, phải chăng chỉ với từng ấy sự việc không đúng thời điểm của tặng phẩm mà gọi là đức Chuyển Luân ấy có năng lực kém hơn người gác cổng, hay là đức Chuyển Luân còn có thể nhận bất cứ tặng phẩm nào khác nữa? 4. Thưa Ngài, không đúng. Do bản chát ganh ghét mà người gác công ây ngăn chặn tặng phẩm. Tuy nhiên tặng phẩm của đức vua, thậm chí có phẩm chát cả trăm ngàn lần, đi đến bằng cánh cửa khác. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, do bản chát ganh ghét mà Ma vương ác độc đã nhập hồn vào gia chủ Bà-la-môn ở Pañcasālā. Trái lại, hàng trăm ngàn thiên nhân mang theo thuốc bất tử, là dưỡng chất của cõi trời, đến gần lễ bái đức Thế Tôn rồi đứng chắp tay [thưa rằng]: "Chúng tôi sẽ đặt dưỡng chất vào cơ thể của đức Thế Ton,^ Thưa Ngài Nāgasena, hãy là vậy. Đối với đức Thế Tôn, bậc Tối Thượng Nhân ở thế gian, bốn món vật dụng là dễ dàng nhận được, chừng ấy thức ăn được thọ nhận theo như ước muốn. Được thỉnh cầu bởi chư thiên và nhân loại mà đức Thế Tôn thọ dụng bốn món vật dụng. Tuy nhiên, ý định của Ma vương có sự thành tựu liền tức thời, là việc Ma vương đã tạo ra sự chướng ngại về vật thực đến đức Thế Tôn. Thưa Ngài, trong việc này nỗi hoài nghi của trẫm không được cắt đứt. Trẫm bị sanh khởi nỗi phân vân, bi rơi vào sự nghi ngờ. về việc ấy, tâm ý của trẫm không chấp nhận việc Ma vướng, là thây ma, hèn hạ, nhỏ nhoi, độc ác, không cao thượng, tội lỗi, đã tạo ra sự chướng ngại trong việc thọ nhận của đức Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, nhân vật cao quý tối

cao ở thê gian có cả chư thiên, cội nguôn của những phước báu cao quý vê thiện pháp, không ai sánh bằng, không kẻ tương đương, không người tương xứng. 5. - Tâu Đại vương, quả là có bốn sự chướng ngại: Chướng ngại do chưa được nhìn thấy, chướng ngại khi đã chỉ định [người nhận], chướng ngại khi đã được chuẩn bị xong, chướng ngại về sự thọ dụng, ở dây, chướng ngại do chưa được nhìn thấy nghĩa là khi vật được làm xong còn chưa chỉ định [nẹười nhận] do việc chưa nhìn thấy thì có người nào đó tạo ra sự chướng ngại răng: 'C6 điều gì với việc cho đến người khác?9 Đây gọi là chướng ngại do chưa được nhìn thấy. Chướng ngại khi đã chỉ đinh [người nhận] là thế nào? ở đây, vật thực là được chuẩn bi dành cho, được chỉ định cho một cá nhân, rồi có người nào đó tạo ra sự chướng ngại cho người ấy. Đây gọi là chướng ngại khi đã chỉ

đinh [người nhận]. Chướng ngại khi đã được chuẩn bi xong là thế nào? ở đây, bất cứ vật gì đã được chuẩn bị xong còn chưa được thọ nhận. Tại nơi ấy, có người nào đó tạo ra sự chướng ngại. Đây gọi là chướng ngại khi đã được chuẩn bi xong. Chướng ngại về sự thọ dụng là thế nào? ở đây là bất kỳ sự thọ dụng nào, tại nơi ấy có người nào đó tạo ra sự chướng ngại. Đây gọi là chướng ngại về sự thọ dụng. Tâu Đại vương, đây là bốn sự chướng ngại. Hơn nữa, việc Ma vương ác độc đã nhập hồn vào gia chủ Bà-la-môn ở Pañcasālā là vật thọ dụng còn chưa thuộc về đức Thế Tôn, chưa được đem đến gần, chưa được chỉ đinh [người nhận], và Ngài còn chưa đi đến, chưa ngự đến; chướng ngại đã được tạo ra đối với Ngài là do việc chưa được nhìn thấy. Hơn nữa, việc ấy không phải chỉ riêng một mình đức Thế Tôn. Vào thơi điểm ấy, thậm chí tất cả những người đã rời khỏi, đã đi đến vào ngày hôm ấy cũng đã không nhận được vật thực. Tâu Đại vương, tôi không nhìn thấy người nào ở the gian, tính luôn cõi chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, có thể tạo ra chướng ngại khi đã chỉ định [người nhận], chướng ngại khi đã được chuẩn bi xong, chướng ngại về sự thọ dụng đối với đức Thế Tôn ấy được. Nếu có kẻ nào đó do ganh ghét rồi tạo ra chướng ngại khi đã chỉ đinh [người nhặn], chướng ngại khi đã được chuẩn bị xong, chướng ngại về sự thọ dụng [đối với đức Thế Tôn] thì sẽ khiến cho đầu của kẻ ấy vỡ ra thành trăm mảnh hoặc ngàn mảnh. 6. Tâu Đại vương, đay là bốn đức tính không thể bi che lấp bởi bất cứ người nào của đức Như Lai. Bốn đức tính gì? Tâu Đại vương, lợi lộc đã được chỉ đinh dành cho đức Thế Tôn, đã được chuẩn bi xong, thì không người nào có thể tạo ra chướng ngại cho Ngài. Tâu Đại vương, ánh sáng hào quang của đức Thế Tôn là di chuyển dọc theo thân, không người nào có the tạo ra chướng ngại. Tâu Đại vương, bản thể toàn tri là vật báu trí tuệ của đức Thế Tôn, không người nào có thể tạo ra chướng ngại cho Ngài. Tâu Đại vương, không người nào có thể tạo ra chướng ngại đến mạng sống của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, đây là bốn đức tính không thể bị che lấp bởi bất cứ người nào của đức Như Lai. Tâu Đại vương, tất cả các đức tính này chỉ có một phẩm chất, không bị bệnh, không bị chuyển

dịch, không có sự sánh kịp bởi những người khác, là những sự việc không bị đụng chạm. Tâu Đại vương, nhờ vào việc không nhìn thấy, Ma vương ác độc đã ẩn núp rồi nhập hồn vào gia chủ Bà-la-môn ở Pañcasālā. Tâu Đại vương, giống như ở các vùng biên địa khôn^ bằng phẳng của đức vua, nhờ vào việc không nhìn thấy, các kẻ cướp đã ẩn nâp rồi làm hư hỏng con đường. Tuy nhiên, nêu đức vua nhìn thây các kẻ cướp ây, phải chăng những kẻ cướp ây có thê đạt được sự bình yên? Thưa Ngài, không đúng. Đức vua có thể ra lệnh phanh thây bằng búa thành trăm mảnh hay ngàn mảnh. 7. - Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nhờ vào việc không nhìn thấy, Ma vương ác độc đã ẩn núp rồi nhập hồn vào gia chủ Bà-la-môn ở Pañcasālā. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người đàn bà có chồng nhờ vào việc không nhìn thấy, ẩn núp rồi gần gũi người đàn ông khác. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nhờ vào việc không nhìn thấy, Ma vương ác độc đã ẩn núp rồi nhập hồn vào gia chủ Bà-la-môn ở Pañcasālā. Tâu Đại vương, nếu người đàn bà gan gũi người đàn ông khác trước mặt chồng, phải chăng người đàn bà ấy có thể đạt được sự bình yên? Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, người chồng có

thể giết chết, hành hạ, giam cầm cô ấy, hoặc đem đi làm nô lệ. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nhờ vào việc không nhìn thấy, Ma vương ác độc đã ẩn núp rồi nhập hồn vào gia chủ Bà-la-môn ở Pañcasālā. Tâu Đại vương, nếu Ma vương ác độc tạo ra chướng ngại khi đã chỉ đinh [người nhận], chướng ngại khi đã được chuẩn bi xong, chướng ngại về sự thọ dụng đối với đức Thế Tôn thì có thể khiến cho đầu của Ma vương bị vở ra thành trăm mảnh hoặc ngàn mảnh. Thưa Ngài Nâgasena, Ma vương ác độc đã làm điều ấy tương tợ như kẻ cướp. Ma vương ác độc đã ẩn núp rồi nhập hồn vào gia chủ Bà-la-môn ở Pañcasālā. Thưa Ngài, nếu Ma vương ác độc tạo ra chướng ngại khi đã chỉ định [người nhận], chướng ngại khi đã được chuẩn bị xong, chướng ngại về sự thọ dụng đối với đức Thế Tôn thì có thể khiến cho đầu của Ma vương bị vỡ ra thành trăm mảnh hoặc ngàn mảnh, hoặc thân thể của Ma vương có the tan tác như là nắm trấu. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. 66Câu hỏi về sự chướng ngại trong việc thọ nhận của đức Thế Tônw là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ VIỆC CÓ NHIỀU TỘI ở HÀNH ĐỘNG Ác CỦA NGƯỜI KHÔNG BIẾT (Ajānantassa pāpakarane bahu-apuññapañho) 1. - Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: uNgười nào giết hại mạng sống trong khi không biết, người ấy tạo ra tội trầm trọng hơn.” Và thêm

nữa, ờ phần quy đinh về Luật, đức Thế Tôn đã nói như vầy: “Ngiròi không biết thì không vi phạm tội." Thưa Ngài Nãgasena, nếu người giết hại mạng sống trong khi không biết thì tạo ra tội trầm trọng hơn, như thế thì lời nói rằng: "Người không biết thì không vi phạm tQi" là sai trái. Nếu người không biết thì không vi phạm tội, như thế thì lời nói rằng: "Người giết hại mạng sống trong khi không biết thì tạo ra tội trầm trọng hơn” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, khó vượt trội, khó vượt qua, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. - Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Người nào giết hại mạng sổng trong khi khôn^ biết, người ấy tạo ra tội tram trọng hơn? Và thêm nữa, ở phần quy định ve Luật, đức Thế Tôn đã nói như vầy: "Người không biết thì không vi ^hạm tộiy Tuy nhiên, trường hợp ấy có sự khác biệt về ý nghĩa. Sự khác biệt ve ý nghĩa ở đây là thế nào? Tâu Đại vương, có loại tội vi phạm có sự nhận thức, có loại tội vi phạm không có sự nhận thức. Tâu Đại vương, điều đã được đức Thế Tôn nói rằng: 46Người không biết thì không vi phạm tQi” có liên quan đến loại tội ấy, là loại tội vi phạm có sự nhận thức. -Thưa Ngài Nãgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về việc có nhiều tội ở hành động ác của người không biết” là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ VIỆC QUẢN TRỊ HÔI CHÚNG TỲ-KHƯU (Bhikkhusanghapariharanapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: Này Ānanda, Như Lai không khởi ý như vầy: “Ta sẽ quản tri hội chúng Tỳ-khưu59 hoặc là: uHội chúng Tỳ-khưu là thuoc sự chỉ đao của Ta.” Và thêm nữa, trong khi làm sáng tỏ đức hạnh về bản thể của đức Thế Tôn Metteyya, Ngài đã nói như vầy: uVị ấy sẽ quản tri hội chúng Tỳ-khưu nhiều ngàn năm, cũng giống như Ta hiện nay quản tri hội chúng Tỳ-khưu nhiều trăm năm/97 * Thưa Ngài Nãgasena, nếu

điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: Này Ānanda, Như Lai không khởi ý như vầy: uTa sẽ quản trị hội chúng Tỵ-khưuw hoặc là: uHội chúng Tỳ-khưu là thuoc sự chỉ đạo của Ta”như thế thì trong khi làm sáng tỏ đức hạnh về bản thể của đức Thế Tôn Metteyya, Ngài nói rằng: 66Vị ấy sẽ quản trị hội chúng Tỳ-khưu nhiều ngàn năm, cũng giống như Ta hiện nay quản tri hội chúng Tỳ-khưu nhiều trăm năm9\ lời nói ấy là sai trái. Nêu trong khi làm sáng tỏ đức hạnh vê bản thê của đức Thê Tôn Metteyya, Ngài đã nói như vầy: áy sẽ quản tri hội chúng Tỳ-khưu nhiều ngàn năm, cũng giống như Ta hiện nay quăn tri hội chúng Tỳ-khưu nhiều trăm nm”, như thế thì lời nói rằng: Này Ānanda, Như Lai không khỏi ý như vầy: 6°Ta sẽ quản tri hội chúng Tỳ-khưu55 hoặc là: “H0i chúng Tỳ-khưu là thuộc sự chỉ đạo của Ta" là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: Này Ānanda, Như Lai không khởi ý như vầy: 6íTa sẽ quản trị hội chúng Tỳ- khiru” hoặc là: 6íHội chún^ Tỳ-khưu là thuộc sư chỉ đạo của Ta.” Và trong khi làm sáng tỏ đức hạnh về bản thể của đức Thể Ton Metteyya, Ngài đã nói như vầy: uVị ấy sẽ quản tri hội chúng Tỳ-khưu nhiều ngàn năm, cũng giống như Ta hiện nay quản tri hội chúng Tỳ-khưu nhiều trăm năm.w Tâu Đại vương, ở câu hỏi này, một ý nghĩa có sự thiếu sót, một ý nghĩa không có sự thiếu sót. Tâu Đại vương, đức Như Lai không phụ thuộc vào tập thể, trái lại tập thể phụ thuộc vào đức Như Lai. Tâu Đại vương, điều này là quan niệm chung: "của tôi", điều này không phải là ý nghĩa tuyệt đoi. Tâu Đại vương, đoi với đức Như Lai việc được lìa xa là điều ưa thích, việc được lìa xa là điều yêu mên. Đôi với đức Như Lai không có sự năm giữ như là "của tôi,\ Tuy nhiên, do sự bám víu mà có sự nương nhờ. Tâu Đại vương, giống như địa cầu đất là nơi nâng đỡ cho các chúng sanh có sự cư ngụ ở mặt đát. Và các chúng sanh này cư ngụ ở địa câu. Nhưng đại địa câu không có điêu mong mỏi ở những người ấy rằng: "Họ thuộc về t6i.” Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai là nơi nâng đỡ cho tất cả chúng sanh và ban cho chỗ ẩn náu. Và các chúng sanh này có đức Như Lai là chốn nâng đỡ. Nhưng đức Như Lai không có điều mong mỏi ở những người ấy rằng: "Họ thuộc về t3i." 3. Tâu Đại vương, hoặc là giống như đám mây to lớn khổng lồ trong khi đổ mưa thì ban cho sự tăng trưởng của cỏ, cây, thú vật, loài người, rồi duy trì sự tiếp nối. Và tất cả các chúng sanh này có sự sinh tồn nhờ vào mưa, nhưng đám mây lớn không có điều mong mỏi ở những người ấy rằng: “Hq thuộc vê tôi.95 Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai làm sanh ra và duy trì các pháp thiện đối với tất cả các chúng sanh, và tất cả các chúng sanh này có sự sinh tồn nhờ có đấng Đạo Su, nhưng đức Như Lai không có điều mong mỏi ở những người ấy rằng: "Họ thuộc về tôi/89Điều ấy có nguyên nhân là gì? Sự dứt bỏ đối vơi tà kiến ve bản thân [tùy ngã kiến]. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được tháo gờ bằng nhiều cách thức với nhiều lý lẽ, điều thâm sâu đã được làm rõ, nút that đã được mở ra, bụi rậm đã được làm không còn bụi rậm, bóng toi đã được làm thành ánh sáng, lời tuyên thuyết của ngoại đạo đã bị đổ vỡ, (pháp) nhãn đã được sanh khởi cho những người con trai của đấng Chiến Thắng. uCâu hỏi về việc quản tri hội chúng Tỳ-khưuw là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ VIỆC HÔI CHÚNG KHÔNG BỊ CHIA RẼ (Abhejjaparisatāpañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, Ngài nói rằng: uĐức Như Lai có hội chúng không bi chia rẽ.w Và còn có nói rằng: 66Năm trăm Tỳ-khưu đã bi chia rẽ cùng một lúc bởi Devadatta.59 Thưa Ngài Nâgasena, nếu đức Như Lai có hội chúng không bi chia rẽ, như thế thì lời nói rằng: "Nm trăm Tỳ-khiru đã bị chia

rẽ cùng một lúc bởi Devadatta" là sai trái. Nếu năm trăm Tỳ-khưu đã bị chia rẽ cùng một lúc bởi Devadatta, như thế thì lời nói rằng: “Dức Như Lai có hội chúng không bi chia rẽ" là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài, là thâm sâu, khó tháo gỡ5 bị thắt lại còn hơn nút thắt, ở dây, nhóm người này là bi ngăn cản, bị bung bít, bị che đậy, bị bao trùm. Xin Ngài hãy phô bày năng lực trí tuệ của Ngài về các lời nói của những người khác. 2. Tâu Đại vương, đức Như Lai có hội chúng không bị chia rẽ. Và năm trăm Tỳ-khưu đã bị chia rẽ cùng một lúc bởi Devadatta. Tuy nhiên, việc ấy là do năng lực của người chia rẽ. Khi người chia rẽ đang hiện hữu, tâu Đại vương, không có việc không bi chia rẽ. Khi có người chia rẽ, mẹ cũng bị chia rẽ với con, con cũng bị chia rẽ với mẹ, cha cũng bị chia rẽ với con, con cũng bị chia rẽ với cha, anh em trai cũng bị chia rẽ với chị em gái, chị em gái cũng bi chia rẽ với anh em trai, bạn bè cũng bi chia rẽ với bạn bè, thậm chí con thuyền được kết hợp bởi nhiều thanh gỗ cũng bị chia rẽ bởi tốc độ và sự đập vỗ của sóng nước, cây côi có trái đây đủ chất mật ngọt bị va chạm với sức mạnh và tốc độ của gió cũng bị chia rẽ, vàng có phàm chất tự nhiên cũng bị chia rẽ bởi đồng. 3 Tâu Đại vương, vả lại việc này không phải là ý định của những người hiểu biết, không phải là khuynh hướng của chư Phật, điều này không phải là ước muốn của các bậc sáng suốt, là việc "Bức Như Lai có hội chúng bị chia rẽ." Hơn nữa, ở đây còn có lý do, mà với lý do ây đức Như Lai được gọi là "c6 hội chúng không bi chia rẽ." Lẹ do ở đây là thế nào? Tâu Đại vương, 'hội chúng bi chia rẽ5 do sự không bố thí đã làm, hoặc do lời nói không trìu mên, hoặc do việc thực hành điều không lợi ích, hoặc do tính cách không bình đẳng của đức Như Lai trong lúc Ngài đang thực hành đức hạnh về bất cứ việc nào ở bất cứ nơi đâu là điều chưa từng được nghe trước đây. Bởi lý do ấy, đức Như Lai được gọi là “c6 hội chúng không bị chia rẽ." Tâu Đại vương, Đại vương cũng nên biết điều này: Trong lời dạy của đức Phật gồm chín thê loại, có bài kinh được truyền thừa nào gọi là với lý do này, [nghĩa là] với việc đã làm của Bồ-tát, mà hội chúng của đức Như Lai bí chia re? Ẹ Thưa Ngài, không có. Điều ấy không được thấy, cũng không được nghe ở thế gian. Thưa Ngài Nâgasena, tơi lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vạy. “Câu hỏi về việc hội chúng không bi chia r” là thứ tám. Phẩm Không bi chia rẽ ỉa phẩm thứ nhì. (ở phẩm này có tám câu hỏi)

m. PHẨM ĐÃ BỊ ĐUÔI ĐI (PĂNẢMITĂĨâGGO)

1. CÂU HỎI VỀ GIÁO PHÁP TỐI THƯỢNG (Setthadhammapañho) 1. -Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này Vāsettha, chính giáo pháp là tối thượng ờ đời này ngay trong thời hiện tại và thời vi lai.” Và thêm nữa, ungưM cư

sĩ tại gia là bậc Nhập lưu, có các đọa xứ đã được đóng lại, đã đạt chánh kiến, đã hiểu giáo pháp, vẫn đảnh lễ, vẫn dúng dậy đối voi vi Tỳ-khini hoặc Sa-di phàm nhân.” Thưa Ngài Nâgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Như Lai là: “Này Vāsettha, chính giáo pháp là tối thượng ờ đời này ngay trong thời hiện tại và thòi vị lai”như the thì lời nói rằng: "Người cư sĩ tại gia là bậc Nhập lưu, có các đọa xứ đã được đóng lại, đã đạt chánh kiến, đã hiểu giáo pháp, vẫn đảnh lễ? vẫn đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu hoặc Sa-di phàm nhân95 là sai trái. Nếu người cư sĩ tại gia là bậc Nhập lưu, có các đọa xứ đã được đóng lại, đã đạt chánh kiến, đã hiểu giáo pháp, vẫn đảnh lễ, vẫn đứng dậy đối với vi Tỳ-khưu hoặc Sa-di phàm nhân, như thế thì lời nói rằng: 6Này Vāsettha, chính giáo pháp ỉa tối thượng ờ đời này ngay trong thờl hiện tại và thòi v] lai” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.
2. Tâu Đại vương, điều nay cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: uNày Vāsettha, chính giáo pháp là tối thượng ờ đời này ngay trong thời hiện tại và thời vi lai* và 6ngiròi cư sĩ tại gia là bậc Nhập lưu, có các đọa xứ đã được đóng lại, đã đạt chánh kiến, đã hiểu giáo pháp, vẫn đảnh lễ, vẫn đứng dậy đối vói vi Tỳ-khưu hoặc Sa-di phàm nhân." Hơn nữa, ở trường hợp này là có lý do. Ly do ấy là gì? * Tâu Đại vương, đây là hai mươi pháp tạo thành Sa-môn và hai đặc điểm của vị Sa-môn9 do những điều ấy vi Sa-niôn là xứng đáng với sự đảnh lễ, đứng dậy, kính nể, cúng dường. Hai mươi pháp tạo thành Sa-môn và hai đặc điểm của vị Sa-môn là những pháp nào? Sự đặt để ở địa vị tối thượng, sự kềm chế tột đỉnh, sự thực hành, sự an trú [tứ vô lượng tâm], sự thu thúc [giác quan], sự phòng hộ [trong Giới bon], sự kham nhẫn, hiền hòa, thực hành sự đơn độc, thích thú sự đơn độc9 ẩn cư thiên tịnh, tàm quý, tinh tân, không xao lãng, thọ trì việc học tập, việc đọc tụng [Chánh tạng], học hỏi [Chú giải], thỏa thích giới, đinh, tuệ, không mong

Cầu, CÓ Sự tròn đủ các điều học, việc mặc y ca-sa và hình thức cạo tóc. Tâu Đại vương, đây là hai mươi pháp tạo thành Sa-môn và hai đặc điểm của vi Sa-môn. Vị Tỳ-khưu thọ trì và hành theo các đức tính này. Do tính chất khôn^ thiếu sót, do tính chất đã được tròn đủ, do trạng thái đã đạt đến đầy đủ, vi ấy tiến vào địa vị của bậc Vô Học, địa vị của bậc A-la-hán, tiến vào vị thế tối thượng khác nữa. [Nghĩ răn^:] "Là vị đã đi đên gân phàm vị A-la-hán,\ người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cân phải đảnh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khira phàm nhân. [Nghi rằng:] uVị ấy chính là bậc có lậu hoặc đã được cạn kiệt, đã tiến đến bản thể Sa-môn5 cơ hội ấy chưa có đối với ta", người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đảnh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khmi phàm nhân. [Nghĩ rằng:] uVị ấy đã tiến đến hội chúng tối cao, ta chưa tiến đến vị thế ấy”, người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đảnh lễ, đứng dậy đối với vi Tỳ- khưu phàm nhân. [Nghĩ rằng:] 6íVị ấy đạt được tư cách để nghe đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhă). ta chưa đạt được tư cách để nghe điều ấy”, người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đảnh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu phàm nhân. [Nghĩ rằng:] uVị ấy cho những nệười khác xuất gia, cho tu lên bậc trên, làm tăng trưởng giáo pháp của đấng Chiên Thăng, ta chưa đạt được tư cách để làm việc này9\ người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đảnh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu phàm nhân. [Nghĩ rằng:] uLà vị có sự thực hành đầy đủ về các điều học nhiều

vô số, ta không thực hành về các điều ấy", người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đảnh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khiru phàm nhân. [Nghĩ rằng:] uVị ấy đã tiến đến biểu tượng của Sa-môn? đã tồn tại trong sự mong muốn của đức Phật, ta bị tách rời ra xa đối với biểu tượng ấy", người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đảnh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu phàm nhân. [Nghĩ răng:] "Vị ây có lông nách mọc dài, không thoa son, không trang sức, được bôi xức bang hương thơm của giới, còn ta thì thích thú việc tranẹ sức, tô diêm”người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cân phải đảnh lễ, đứng dậy đôi với vị Tỳ-khưu phàm nhân. Tâu Đại vương, và thêm nữa [nghĩ rằng]: "Hai mươi pháp tạo thành Sa- môn và hai đặc điểm ấy, tất cả các pháp này được hiện hữu ở vị Tỳ-khưu, chính vị ấy duy trì các pháp ấy, thậm chí còn cho những người khác học tập về việc ấy, sự truyền thừa ấy và việc huấn luyện [người khác] là không có đối với ta”, người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cân phải đảnh lễ, đứng dậy đối với vi Tỳ- khưu phàm nhân. 3. Tâu Đại vương, giống như vị hoàng tử thu thập kiến thức và học tập lề lối của dòng dõi Sát-đế-lỵ nơi vị quân sư. Vi ấy, về sau này, đã được đăng quang, vẫn đảnh lễ, vẫn đứng dậy đối với vi thầy [nghĩ rằng]: "Người này là vị tạo điều kiện cho ta việc học tāp/9 Tâu Đại vương, tương tợ y như thế [nghĩ rằng]:

“Vi Tỳ-khưu là vị tạo điều kiện cho việc học tập, người duy trì truyền th6ng”, người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đảnh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu phàm nhân. Tâu Đại vương, hơn nữa theo cách thức này, Đại vương hãy nhận biết trạng thái vĩ đại và bao la không sánh bằng này của địa vị Tỳ-khưu. Tâu Đại vương, nếu người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu chứng ngộ phẩm vị A-la-hán, đối với người ấy chỉ có hai lối đi, không có lối khác: Hoặc là vô dư Niết-bàn nội tronẹ ngày hôm ấy, hoặc là tiến đến trạng thái Tỳ-khưu. Tâu Đại vương, bởi vì sự xuất gia ấy là không bị dao động, vĩ đại, vươn lên cao tột đỉnh, tức là địa vị Tỳ-khưu. Thưa Ngài Nâgasena, câu hỏi liên quan đến trí tuệ đã khéo được tháo gỡ bởi Ngài là người có năng lực và vô cùng sáng suốt. Không có người nào khác có khả năng để tháo gỡ câu hỏi này như vậy, ngoại trừ bậc có sự giác ngộ như là Ngài. “Câu hỏi về giáo pháp tối thượng95 là thứ nhất

2. CÂU HỎI VỀ Sự BAN PHÁT ĐIỀU LỢI ÍCH ĐEN TẤT CẢ CHÚNG SANH (Sabbasattahitapharanapañho) 1. Thưa Ngai Nāgasena, Ngai nói rằng: 66Đức Như Lai xua đi điều bất lợi và đem lại điều lợi ích cho tất cả chúng sanh.” Và thêm nữa, Ngài còn nói rằng: "Trong khi bài pháp Vỉ dụ về đổng ỉửaì6 đang được thuyết giảng, máu nóng đã trào ra từ miệng của các Tỳ-khưu có số lượng sáu mươi Thưa Ngài, trong khi đức Như Lai đang thuyết giảng bài pháp Vỉ dụ về đốn^ lửa, Ngài đã xua đi điều lợi ích và đem lại điều bất lợi cho các Tỳ-khưu có số lượng sáu mươi vị. Thưa Ngài Nãgasena, nếu đức Như Lai xua đi điều bất lợi và đem lại điều lợi ích cho tất cả chúng sanh, như thế thì lời nói rằng: "Trong khi bài pháp Vỉ dụ về đổng lửa đang được thuyết giảng, máu nóng đã trào ra từ miệng của các Tỵ-khưu có số lượng sáu mươi vj" là sai trái. Nếu trong khi bài pháp Vỉ dụ về đông lửa đang được thuyết giảng, máu nóng đã trào ra từ miệng của các Tỳ-khưu có số lượng sáu mươi VỊ, như thế thì lời nói rằng: "Bức Như Lai xua đi điều bất lợi và đem lại điều lợi ích cho tất cả chúng sanh" cũng là sai trái. Câu

hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. - Tâu Đại vương, đức Như Lai xua đi điều bất lợi và đem lại điều lợi ích cho tất cả chúng sanh. Trong khi bài pháp Vỉ dụ về đống lửa đang được thuyết giảng, máu nóng đã trào ra từ miệng của các Tỳ-khưu có số lượng sáu mươi vi. Tuy nhiên, điều ấy không phải do việc đã làm của đức Như Lai, mà do việc đã làm của bản thân chính các vị ấy. Thưa Ngài Nâgasena, nêu đức Như Lai không thuyêt giảng bài pháp Vỉ dụ về đống lửa, phải chăng máu nóng có thể trào ra từ miệng của các vị ấy?

16 Xem A. IV. 128, Kinh Vỉ dụ nhỏm lửa (Aggikkhandhopamasuttam).

Tâu Đại vương, không thể. Tâu Đại vương, đối với các vị đã thực hành sai trái ấy thì sau khi lắng nghe bài pháp của đức Thế Tôn có sự nóng nảy đã sanh khởi. Do sự nóng nảy ấy của các vị ấy mà máu nóng đã trào ra từ miệng. Thưa Ngài Nāgasena, như thế thì do việc đã làm của chính đức Như Lai mà máu nóng đã trào ra từ miệng của các vị ấy. Trong trường hợp ấy chính đức Như Lai là tác nhân đưa đến sự tổn hại cho những vi ấy. Thưa Ngài Nāgasena, giống như câu chuyện con rắn đi vào hang mối, rồi có người đàn ông nọ cần dùng đất nên phá vỡ gò mối rồi đem đất đi. Do việc đem đất đi của người ấy làm lấp lại các lỗ hổng của gò mối. Và con rắn, ở ngay tại chỗ ấy, trong khi không đạt được hơi thở vào nên bị chết. Thưa Ngài, không lẽ con răn đi đên sự chết vì việc đã làm của người ấy? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Thưa Ngài Nāgasena, tương tợ y như thế, trong trường hợp ấy chính đức Như Lai là tác nhân đưa đến sự tôn hại cho những vi ấy. 3. Tâu Đại vương, đức Như Lai trong khi thuyêt giảng giáo pháp không thê hiện sự ưa thích hay ghét bỏ. Được thoát khỏi hẳn sự ưa thích hay ghét bỏ, Ngài thuyết ệiảng giáo pháp. Trong khi giáo pháp đang được thuyết giảng như vậy, tại nơi ây những người nào thực hành đúng đan thì được giác ngộ, trái lại những người nào thực hành sai trái thì rơi xuống. Tâu Đại vương, giống như người đàn ông trong lúc làm lay động cây xoài, cây mận, hoặc cây cam thảo, thì ở nơi ấy những trái nào có phẩm chất, có sự gắn bó chắc chắn, thì còn tồn tại ở chính nơi ấy không bị tổn hại; trái lại, ở nơi ấy những trái nào có cuống hay cọng bị thối rưa thì rơi xuống. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai trong khi thuyết giảng giáo pháp không thể hiện sự ưa thích hay ghét bỏ. Được thoát khỏi hẳn sự ưa thích hay ghét bỏ, Ngài thuyết giảng giáo pháp. Trong khi giáo pháp đang được thuyết giảng như vậy, tại nơi ấy những người nào thực hành đúng đắn thì được giác ngộ, trái lại những người nào thực hành sai trái thì rơi xuống. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nông dân có ý định gieo hạt bắp nên cày thửa ruộng. Khi người ấy đang cày thì hàng trăm ngàn cỏ dại bị chết. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, đức Như Lai đã được thoát khỏi han sự ưa thích hay ghét bỏ, Ngài thuyết giảng giáo pháp để giác ngộ các chúng sanh có tâm ý đã được chín muồi. Trong khi giáo pháp đang được thuyết giảng như vậy, tại nơi ấy những người nào thực hành đúng đắn thì được giác ngộ; trái lại những người nào thực hành sai trái thì rơi xuống, ví như các cỏ dại ấy bị chết. Tâu Đại vương, hoặc là giống như những người ép cây mía bang máy ép vì nguyên nhân nước cốt. Khi những người ấy đang ép cây mía, những con sâu bọ nào đi vào miệng máy ép thì bị ép nát. Tâu Đại vương,

tương tợ y như thế, đức Như Lai ép máy ép giáo pháp để giác ngộ các chúng sanh có tâm ỵ đã được chín muồi. Tại nơi ấy những người nào thực hành sai trái thì bị chết giống như các con sâu bọ. 4. Thưa Ngài Nãgasena, không lẽ các Tỳ-khưu ấy bị rơi xuống vì sự thuyết giảng giáo pháp ấy?

-Tâu Đại vương, phải chăng người thợ đẽo gỗ trong khi bảo vệ khúc cây thì làm cho ngay thẳng và hoàn toàn trơn tru? Thưa Ngài, không đúng. Người thợ đẽo gỗ sau khi bỏ đi chỗ hư hỏng rồi mới làm cho khúc cây ngay thẳng và hoàn toàn trơn tru. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai trong khi [chỉ lo] bảo vệ hội chúng thì không thể giác ngộ các chúng sanh có khả năng giác ngộ; sau khi loại ra các chúng sanh thực hành sai trái như vậy rồi mới giác ngộ các chúng sanh có khả năng gic ngộ này. Tâu Đại vương, hơn nữa những người thực hành sai trái ây rơi xuông do việc đã làm của bản thân. Tâu Đại vương, giông như cây chuối, cây tre, con ỉa khi thành quả được tạo ra bởi bản thân17 thì bị chết, tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người thực hành sai trái ấy bị chết và rơi xuống do việc đã làm của bản thân. Tâu Đại vương, giống như những kẻ trộm gánh chịu sự móc mắt, đặt trên giáo nhọn, chặt đầu do việc đã làm của bản than, tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người thực hành sai trái ấy bị chết và rơi khỏi giáo pháp của đấng Chiến Thắng do việc đã làm của bản thân. Tâu Đại vương, đối với các Tỳ-khưu, số lượng sáu mươi vị có máu nóng đã trào ra từ miệng, điều ấy không phải do việc đã làm của đức Thế Tôn, không phải do việc đã làm của những người khác, khi ấy là do việc đã làm của chính bản thân các vị ấy. Tâu Đại vương, giống như người ban bố thuốc bất tử cho tất cả dân chúng, những người ấy sau khi ăn vào thuốc bất tử trở thành vô bệnh, sống lâu, có thể thoát khỏi tất cả các tai họa. Rồi có người nam khác sau khi ăn vào thuôc ây theo cách hành xử âu tả có thê gánh lây cái chét. Tâu Đại vương, phải chăng người cho thuốc bất tử do nguyên cớ ấy có thể đạt đến tội lỗi nào đó? Thưa Ngài, không đúng. 5. - Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, đức Như Lai ban bô món quà giáo pháp là sự bất tử đến cho chư thiên và nhân loại ở mười ngàn thế ệiới. Những chúng sanh nào có khả năng thì được giác ngộ nhờ vào giáo pháp bát tử, trái lại những chúnệ sanh nào không có khả năng thì chúng bị chết, bị rơi xuống bởi vì giáo pháp bát tử. Tâu Đại vương, vật thực duy trì mạng sống cho tất cả chúng sanh. Một số người ăn vật thực bi chết vì cơn thổ tả. Tâu Đại vương, phải chăng người bố thí vật thực ấy do nguyên cớ ấy có thể đạt đến tội lỗi nào đó? -Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai ban bố món quà giáo pháp là sự bất tử đến cho chư thiên và nhân loại ở mười ngàn thế ệiới. Những chúng sanh nào có khả năng thì được giác ngộ nhờ vào giáo pháp bát tử, trái lại những chúng sanh nào không có khả năng thì bi chết, bị rơi xuống bởi vì giáo pháp bất tử. j Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về sự ban phát điều lợi ích đến tất cả chúng sanh” là thứ nhì.

17 Sau khi cây chuối trổ buồng, bụi tre nở hoa, la cái sanh con thì chúng tàn lụi và chết đi.

3. CÂU HỎI VỀ VIỆC BIỂU LÔ VẬT ĐƯỢC CHE GIẤU SAU LỚP VẢI (Vatthaguyhanidassanapañho} 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Như Lai nói đến: 66Lành thay sự phòng hộ thân! Lành thay sự phòng hộ lời nói! Lành thay sự phòng hộ ý! Lành thay sự phòng hộ tất c Và thêm nữa, đức Như Lai sau khi ngồi xuống ở giữa tứ chúng đã phô bày tướng mã âm tàng18 cho Bà-la-môn Sela nhìn thấy ở phía trước chư thiên và nhân loại. Thưa Ngài Nâgasena, nếu điều đã được đức Thế Tôn nói là: 6'Lành thay sự phòng hộ thân!" như thế thì lời nói rằng: "Ngài đã phô bày tướng mã âm tàng cho Bà-la-môn Sela nhìn thấy" là sai trái. Nếu Ngài đã phô bày tướng mã âm tàng cho Bà-la-môn Sela nhìn thay, như the thì lời nói rang: "Lành thay sự phòng hộ than!" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. - Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Như Lai nói đến: 6Lành thay sự phòng hộ thân!"và tướng mã âm tàng đã được phô bày cho Bà-la- môn Sela nhìn thấy. Tâu Đại vương, đối với người nào có sự hoài nghi sanh khởi về đức Như Lai, vì mục đích giúp cho người ấy giác ngộ mà đức Thế Tôn đã phô bày phần thân thể ấy bằng thần thông. Chỉ có người ấy nhìn thấy thần thông ấy. Thưa Ngài Nâgasena, vả lại ai sẽ tin rang chỉ có một người ở hội chúng nhìn thấy vật được che giấu sau lớp vải ấy, và số còn lại đang ở ngay tại chỗ ấy lại không nhìn thấy? Trong trường hợp này, xin Ngài hãy xác đinh cho trẫm lý do ấy, xin hãy giúp cho trẫm hiểu bằng lý lẽ. Tâu Đại vương, có phải Đại vương đã được nhìn thấy trước đây một người đàn ông nào đó bi bệnh, được vây quanh bởi bà con và bạn bè? Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, phải chăng nhóm người nhìn thấy cái cảm thọ ấy, là cái cảm thọ mà người đàn ông ấy cảm nhận? Thưa Ngài, không được. Chỉ có người đàn ông ây cảm nhận bởi chính bản thân. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, chỉ đôi với người nào có sự hoài nghi sanh khởi về đức Như Lai, vì mục đích giúp cho chính người ấy giác ngộ mà đức Thế Tôn đã phô bày phần thân thể ấy bằng thần thông, chỉ có người ấy nhìn thấy thần thông ấy. Tâu Đại vương, hoặc là giống như việc vong linh có thể nhập vào một người nam nào đó, tâu Đại vương, phải chăng nhóm người ấy nhìn thấy vong linh ấy đang tiến đến gần? Thưa Ngài, không được. Chỉ có người bệnh ấy nhìn thấy sự tiến đến gần của vong linh ấy.

18 Vật được bao bọc lại bằng lớp màng và được che giấu sau lớp vải. (ND)

-Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, chỉ đối với người nào có sự hoài nghi sanh khởi về đức Như Lai, chỉ có người ấy nhìn thấy thần thông ấy. Thưa Ngài Nāgasena, việc khó làm đã được thực hiện bởi đức Thế Tôn trong lúc Ngài phô bày vật không thể nhìn thấy ấy cho một người thôi. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn không phô bày vật được che giấu, trái lại đã cho nhìn thấy cái hình bóng bằng thần thông. Thưa Ngài, dầu chỉ là cái hình bóng được nhìn thấy nhưng đúng là vật che giấu đã được nhìn thấy, sau khi nhìn thấy vật ấy thì đã đạt được mục đích. -Tâu Đại vương, đức Như Lai làm việc khó làm để giác ngộ những chúng sanh có khả năng giác ngộ. Tâu Đại vương, nếu đức Như Lai buông lơi công việc thì những chúng sanh có khả năng giác ngộ khônệ thể giác ngộ. Tâu Đại vương, và bởi vì đức Như Lai biết được phương thức đe giác ngộ những chúng

sanh có khả năng giác ngộ, vì thế bằng phương thức nào khiến cho những chúng sanh có khả năng giác ngộ được giác ngộ thì đức Như Lai giác ngộ những chúng sanh có khả năng giác ngộ theo phương thức ấy. 3. Tâu Đại vương, giống như người thầy thuốc phẫu thuật, bằng phương thuốc nào khiến người bệnh được lành bệnh thì đi đến người bệnh với phương thuốc ấy, làm cho nôn mửa người cần phải nôn mửa, làm xổ người can phải XÔ, bôi dâu người cân phải bôi dâu, tâm hương người cân phải tâm huơng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai băng phương thức nào khiên cho những chúng sanh có khả năng giác ngộ được giác ngộ, thì giác ngộ những chúng sanh có khả năng giác ngộ theo phương thức ấy. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nữ có bào thai ngược, phô bày vật che giấu không đáng được nhìn thấy cho người thầy thuốc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, để giác ngộ những người có khả năng giác ngộ, đức Như Lai đã phô bày bằng thần thông cái hình bóng của vật che giấu không đáng được nhìn thấy. Tâu Đại vương, vật gọi là không đáng được nhìn thấy thì không có cơ hội dành cho cá nhân. Tâu Đại vương, nếu người nào đó sau khi nhìn thấy trái tim của đức Thế Tôn mà được giác ngộ thì đức Thế Tôn theo phương thức cũng cho người ấy nhìn thấy trái tim. Tâu Đại vương, đức Như Lai là người biết được phương thức và thiện xảo về việc thuyết giảng. Tâu Đại vương, không lẽ sau khi biết được khuynh hướng của Trưởng lão Nandā, đức Như Lai đã đưa vị ấy đến thiên cung và cho nhìn thấy các cô con gái ở cõi trời [nghĩ rằng]: "Người con trai gia đình danh giá này sẽ được giác ngộ nhờ vào việc nay9\ và nhờ đó người con trai gia đình danh giá ấy đã được giác ngộ. Tâu Đại vương, như thế trong khi khi dễ, trong khi chê trách, trong khi nhơm gớm hình tướng mỹ miều bằng nhiều phương thức, đức Như Lai đã cho vị ấy nhìn thấy những cô tiên nữ có các bàn chân bô câu vì nguyên nhân giúp cho vị ấy giác ngộ. Đức Như Lai là người biết được phương thức và thiện xảo về việc thuyết giảng như thế ấy. 4. Tâu Đại vương, còn có việc khác nữa, vào lúc Trưởng lão Cullapanthaka bị người anh đuổi ra [khỏi tu viện] nên có tâm trí buồn bã, đức Như Lai đã đi

đên và trao cho miêng vải mem [nghĩ răng]: "Người con trai gia đình danh giá *9 Bởi lý do ấy, vị ấy đã đạt được bản thể này sẽ được giác ngộ nhờ vào việc này?4 năng lực về giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Đức Như Lai là người biết được phương thức và thiện xảo về việc thuyết giảng như thế ấy. Tâu Đại vương, còn có việc khác nữa, đức Như Lai đã không trả lời câu hỏi được vị Bà-la-môn Mogharāja hỏi đến lần thứ ba [nghĩ rằng]: "Nhu vậy thì sự ngã mạn của người con trai gia đình danh giá này sẽ được lắng xuống, do sự lắng xuống của ngã mạn sẽ có sự chứng ng6." Và nhờ thế, ngã mạn của người con trai gia đình danh giá ấy đã được lắng xuống, do sự lắng xuống của ngã mạn mà vị Bà-la-môn ây đã đạt được bản thê năng lực vê sáu thắng trí. Đức Như Lai là người biết được phương thức và thiện xảo về việc thuyết giảng như thế ấy. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được tháo gỡ bằng nhiều cách thức với nhiều lý lẽ, bụi rậm đã được làm không còn bụi rậm, bóng tối đã được làm thành ánh sáng, nút thắt đã được mở ra, lời tuyên thuyết của ngoại đạo đã bị đổ vỡ, [pháp] nhãn đã được sanh khởi cho những người con trai của đấng Chiến Thắng, các ngoại đạo không còn chói sáng, Ngài đã tiến đến vị thế cao quý và ưu tú trong sô các vị có đô chúng. uCâu hỏi về việc biểu lộ

vật được che giấu sau lớp vải" là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ BẢN THỂ CỦA LỜI NÓI GAY GẮT (JPharusavācābhāvapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp, nói đến: "Này các Đại đức, đức Như Lai có cách hành xử về lời nói hoàn toàn trong sạch. Đức Như Lai không có lối cư xử xấu xa về lời nói khiến đức Như Lai phải gìn giữ rằng: Chớ để người khác biết việc này của Ta." Và thêm nữa, trong khi quy định tội pārājika về việc phạm lỗi của Trưởng lão Sudinna Kalandaputta, đức Như Lai đã xưng hô bằng từ kẻ rồ dại với những lời nói gay gắt. Và vì thế, vị Trưởng lão ấy bị run sợ, có sự ân hận, đã không thể thấu triệt Thánh đạo. Thưa Ngài Nâgasena, nếu đức Như Lai có cách hành xử về lời nói hoàn toàn trong sạch, đức Như Lai không có lối cư xử xấu xa về lời nói, như thế thì lời nói rằng: 'Trong việc phạm lỗi của Trưởng lão Sudinna Kalandaputta, đức Thế Tôn đã xưng hô bằng từ kẻ rồ dạilà sai trái. Nếu trong việc phạm lỗi của Trưởnẹ lão Sudinna Kalandaputta, đức Thế Tôn đã xưng hô bằng từ kẻ rồ dại, như the thì lời nói rằng: "Đức Như Lai có cách hành xử về lời nói hoàn toàn trong sạch, đức Như Lai không có lối cư xử xấu xa về lời n6i" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vi Tướnẹ quân Chánh pháp, nói đên: "Này các Đại đức, đức Như Lai có cách hành xử vê lời nói hoàn toàn trong sạch. Đức Như Lai không có lối cư xử xấu xa về lời nói

khiến đức Như Lai phải gìn giữ rằng: Chớ để người khác biết việc này của Ta." Và thêm nữa, trong khi quy định tội pārājika ve việc phạm lỗi của Trưởng lão Sudinna Kalandaputta, đức Thế Tôn đã xưng hô bằng từ kẻ rồ dại. Tuy nhiên, điều ấy là không do tâm xấu xa? không do sự giận dữ, mà là với biểu hiện đúng đắn. Và ở đây biểu hiện đúng đắn là gì? Tâu Đại vương, đối với cá nhân nào mà sự chứng ngộ bốn sự thật không có ở bản ngã này, thì bản thể con người của kẻ ấy là rồ dại, trong khi cái nàỵ đang được làm thì lại thành tựu với cái khác; do điều ấy mà được gọi là "kẻ ro dạf\ Tâu Đại vương, như thế đối với Trưởng lão Sudinna Kalandaputta, đức Thế Tôn đã xưng hô bang lời nói về bản thể, không phải bằng lời không đúng sự thật. 3. Thưa Ngài Nâgasena, người nào trong khi mắng nhiếc [kẻ khác] mà nói đến cho dầu là đúng với bản thể, đối với n^ười ấy chúng ta nên bắt chịu hình phạt nhẹ. Người ây rõ ràng là có lỗi, người ây măng nhiếc trong khi thể hiện sự bày tỏ căn cứ vào sự kiện theo tính cách riêng. Tâu Đại vương, có phải Đại vương đã được nghe trước đây về việc đảnh lễ, đứng dậy, tôn vinh, hoặc dâng biếu quà tặng đến người bị lỗi lầm chăng? Thưa Ngài, không có. Người ấy đã bi lỗi lầm vì điều gì, do đâu, ở nơi nào, ở bất cứ đâu, là xứng với sự rầy la, xứng với sự quở trách, đối với kẻ này người ta còn chặt đầu, hành hạ, trói lại, giết chết và thiêu đốt nữa. -Tâu Đại vương, như thế thì chỉ có việc nên làm là được đức Thế Tôn thực hiện, chứ không có việc không nên làm? Thưa Ngài Nãgasena, ngay cả hành động cân phải làm còn được thực hiện một cách phù hợp, một cách thích đáng. Thưa Ngài Nâgasena, đối với đức Như Lai, chỉ riêng với việc nghe danh thôi thì thế gian có cả chư thiên đều kinh hãi, hổ thẹn, với việc nhìn thấy thì còn nhiều hơn, với việc

phục vụ khi đi đến gần thì còn vượt trội cả điều ấy nữa. 4. - Tâu Đại vương, phải chăng người thầy thuốc ban cho các loại thuốc thoa trong trường hợp cơ thể bị tiết dịch, có chát độc hoành hành? Thưa Ngài, không đúng. Với sự mong mỏi về sức khỏe, ông ta ban cho các loại thuốc mạnh, có the gây con cào. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai ban cho lời chỉ bảo nhằm làm lặng yên tất cả các căn bệnh phiền não. Tâu Đại vương, lời nói của đức Như Lai dầu là gay gắt nhưng xoa dịu chúng sanh, làm cho trở thành nhu thuận. Tâu Đại vương, giống như nước nóng làm mềm mại bất cứ vật gì có thể làm mềm mại, làm cho trở thành nhu nhuyến. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, lời nói của đức Như Lai dầu là gay gắt nhưng có lợi ích, được gan liến với lòng thương xót. Tâu Đại vương, giống như lời nói của người cha đối với các con trai là có lợi ích, được gắn liền với lòng thuơng xót. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, lời nói của đức Như Lai dầu là gay găt nhưng có lợi ích, được gắn liền với lòng

thương xót. Tâu Đại vương, lời nói của đức Như Lai dầu là gay gắt nhưng đưa đến sự dứt bỏ phiền não của các chúng sanh. Tâu Đại vương, giông như nước tiêu trâu bò dâu có mùi thôi mà được uông vào, món thuốc dầu không có mùi vị mà được ăn vào, lại diệt trừ căn bệnh cho các chúng sanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, lời nói của đức Như Lai dầu là gay gắt nhưng có lợi ích, được gắn liền với lòng thương xót. Tâu Đại vương, giống như đống gòn, dầu lớn, rơi xuống ở cơ thể của người khác vẫn không gây ra thương tích. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, lời nói của đức Như Lai dâu là gay gắt nhưng không làm sanh lên sự khô đau cho bất cứ ai. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được giải quyết bằng nhiều lý lẽ. Thưa Ngài Nãgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. 66Câu hỏi về bản thể của lòi nói gay gắt của đức Như Lai" là thứ tư.

5. CÂU HỎI VÈ BẢN THẺ SUY TƯ CỦA CÂY CỐI (Rukkhācetanabhāvapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều này cũng đã được đức Như Lai nói đến: "Này Bà-la-môn, nguyên nhân của điều gì mà ngươi, là người có sự tinh tấn đã được ra sức, thường xuyên không xao lãng, lại hỏi han cây cối về sự ngủ nghỉ thoải mái trong khi biết rằng cây này là loài không có tâm tư, không nghe, không biết?" Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: 6'Cây phandana đã tức thời đáp lại rằng: Tôi cũng có lòi trình. Này Bhāradvāja, hãy lắng nghe t6i." Thưa Ngài Nâgasena, nếu cây cối là không có tâm tư, như thế thì lời nói rằng: 'Cây phandana đã chuyện trò với Bhāradvāja' là sai trái. Nếu cây phandana đã chuyện trò với Bhāradvāja, như thế thì lời nói rằng: 'Cây cối là không có tâm tư cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngai." 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Như Lai nói đến: "Cây cối là không có tâm tư." Và cây phandana đã chuyện trò với Bhāradvāja. Tuy nhiên, lời nói ấy đã được nói theo cách diễn đạt của thế gian. Tâu Đại vương, đối với cây cối không có tâm tư không có việc gọi là chuyện trò. Tâu Đại vương, tuy nhiên ở cây ấy có thiên nhân n^ự. Cái từ gọi "cây" ấy là ám chỉ vị thiên nhân. Và nói "cây cối trò chuyện9\ đay là quy định của thế gian. Tâu Đại vương, giônệ như chiêc xe kéo được chất đầy lúa thì người ta ệọi là "xe Ilia", tuy rang chiếc xe kéo ấy làm bằng gỗ. Do tính chất đã được

chát đống của lúa ở chiêc xe kéo ấy mà người ta gọi là "xe lha" Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, cây cối không trò chuyện. Cây cối không có tâm tư. Tuy nhiên, ở cây ấy

CÓ thiên nhân ngự. Cái từ gọi ucay,9 ấy là ám chỉ vi thiên nhân. Và "cây cối trò chuyên", đay là quy định của the gian. 3. Tâu Đại vương, hoặc là giống như trong khi khuấy sữa đông thì gọi là: "Tôi khuấy bo." Vật mà người ấy khuấy không phải là bơ. Người ấy đang khuấy chính là sữa đông nhưng lại nói là: "Tôi khuấy bo." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, cây cối không trò chuyện. Cây cối không có tâm tư. Tuy nhiên, ở cây ấy có thiên nhân ngU Cái từ gọi "cây" ấy là ám chỉ vi thiên nhân. Và "cây cối trò chuyên", đay là quy định của the gian. Tâu Đại vương, giông như người đang tạo ra vật chưa hình thành thì nói là: "T6i tạo ra vật đã hình thành.Nói về vật chưa thành tựu là: "Vật đã thành tựu" như vậy điều ấy là cách diễn đạt của thế gian. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, cây cối không trò chuyện. Cây cối không có tâm tư. Tuy nhiên, ở cây ấy có thiên nhân nệự. Cái từ gọi "c2y" ấy là ám chỉ vi thiên nhân. Và "cây coi trò chuyên", đây là quy định của thê gian. Tâu Đại vương, đức Như Lai thuyết giảng giáo pháp cho chúng sanh cũng theo y như cách diễn đạt của thê gian mà người ta thường nói. -Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo vậy. 66Câu hỏi về bản thể suy tư của cây c6i" là thứ năm.

6. CÂU HỎI VÈ QUẢ BÁO LỚN CỦA MÓN THÍ THỰC (Pindapātamahapphalapañho) ỉ. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được các vị Trưởng lão thực hiện cuộc trùng tụng giáo pháp nói đến: ÍẾTôi đã được nghe rằng: Sau khỉ thọ dụng bữa ăn của người thợ rèn Cunda, bậc Sáng Trí đã mắc phải cơn bệnh khốc liệt, kề cận cai chết' Và thêm nữa, đức Thế Tôn đã nói rằng: wNày Ānanda, hai phần thí thực này là như nhau, có quả báo như nhau, có ạuả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác. Hai phần thí thực nào? Phần thí thực mà sau khi thọ dụng đức Như Lai đã giác ngộ phẩm vi Chánh đẳng giác tối thương, và phần thí thực sau khi thọ dụng đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn ờ cảnh giới Niết-bàn, không còn dư sót Hai phần thí thực này là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác.^ Thưa Ngài Nâgasena, nếu đức Như Lai, sau khi thọ dụng bữa ăn của Cunda, có cơn bệnh trầm trọng đã sanh lên, có cảm thọ khốc liệt đã phát khởi, kề cận cái chết, như thế thì lời nói rằng: "Này Ānanda, hai phần thí thực này là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác,5 là sai trái. Nếu hai phần thí thực này là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí

thực khác, như thế thì lời nói rằng: "Đức Thế Tôn, sau khi thọ dụng bữa ăn của Cunda, có cơn bệnh tram trọng đã sanh lên, có cảm thọ khốc liệt đã phát khởi, kê cận cái chef cũng là sai trái. Thưa Ngài Nâgasena, không lẽ phần thí thực ấy có quả báo lớn do tình

trạng đã bị nhiễm độc, có quả báo lớn do việc đã làm sanh lên cơn bệnh, có quả báo lớn do việc đã làm hoại đi tuổi thọ, có quả báo lớn do việc đã lấy đi mạng sống của đức Thế Tôn? về việc này, xin Ngài hãy nói cho trẫm lý do nhằm phản bác lại các học thuyết khác, về việc ấy, đám người bị mê muội này cho rằng: "Bệnh lỵ xuất huyết sanh lên bởi đã ăn quá nhiều do tác động của tham.” Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. - Tâu Đại vương, điều này cũng đã được các vị Đại trưởng lão thực hiện CUỘC trùng tụng giáo pháp nói đên: 6'T6i đã được nghe răng: Sau khi thọ dụng bữa ăn của người thợ rèn Cunda, bậc Sáng Trí đã mắc phải cơn bệnh khốc liệt, kề cận cái chếty Và đức Thế Tôn đã nói rằng: 6'Này Ānanda, hai phần thỉ thực này là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rát nhiêu so với các món thí thực khác. Hai phân thí thực nào? Phần thí thực mà sau khi thọ dụng đức Như Lai đã giác ngộ phẩm vi Chánh đẳng giác tối thượng, và phần thí thực sau khi thọ dụng đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót. Hai phần thí thực này là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác." Hơn nữa, phân thí thực ây có nhiêu đức tánh, có nhiêu quả thành tựu, có nhiêu quả báo. Tâu Đại vương, chư thiên đã mừng rỡ, có tâm ý tịnh tín [nghĩ rằng]: "Bây là lần thọ thực cuối cùng của đức Thế nên đã rắc dưỡng chất thuộc cõi trời ở món thịt lợn rừng.19 Hơn nữa, món ấy đã được nấu đúng cách, đã được nấu nhuần nhuyễn theo ý thích, có nhiều chất bổ, có lợi cho sức nóng của ngọn lửa (tiêu hóa) ở bao tử. Tâu Đại vương, không phải do duyên cớ ấy khiến cơn bệnh nào đó chưa khởi lên đã khởi lên cho đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hơn nữa khi cơ thể của đức Thế Tôn vốn đã suy yếu, tuổi thọ đã hết, thì cơn bệnh đã khởi lên càng gia tăng thêm nữa. Tâu Đại vương, giống như ngọn lửa đang cháy một cách bình thường, khi có nhiên liệu khác được cho vào thì bùng cháy

19 Sūkaramaddavaṃ Các bộ Chủ giải đã không xác định rõ ràng vềm6n thí thực này. Chủ giải của Dīghanikāya {Kỉnh Trường bọ) gìn như sau: l ^Sūkaramaddava la phần thịt ngon nhất đã được làm sẵn của con heo rưng không quá tre, không quá già. Món ấy nhừ và beo, đã được cho chuẩn bị và nấu kỹ lưỡng. 2) Một so vị giải thích là: 'Một loại nước xúp bo được nấu với năm loại hương vi.9 3) Nhiều vị khác cho rằng: 'Món ấy là chất bổ dưỡng5 (DA. II. 568). Chủ giải Udãnq (Kỉnh Phật tự thuyết) cũng giải thích giống như (1) và (3) ở trên, ngoài ra còn có lời giải thích Jdiác rằng:'Sūkaramaddava không phải là thịt heo rừng mà là một loại măng tre đã bị loài heo rừng giẫm đạp, hoặc là loại nấm mọc lên ợ vùng đất đã được heo rừng cày ủi.9 Chu giải này còn ghi thêm rang: 'Thợ rèn Cunda đã chuẩn bị chất bổ dưỡng ấy và đã cúng dường đến đức Phật nham kéo dài tuổi thọ vì nghe rằng Ngài sẽ viên tịch Niết- bàn trong ngày đó (UdA. 399).

hơn nữa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, khi cơ thể của đức Thế Tôn vốn đã suy yêu, tuôi thọ đã hét, thì cơn bệnh đã khởi lên càng gia tăng thêm nữa. Tâu Đại vương, hoặc là giống như con suối đang chảy một cách tự nhiên, khi có đám mây lớn đổ mưa

thì trở thành dòng chảy lớn, cơn nước lũ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, khi cơ thể của đức Thế Tôn vốn đã suy yếu, tuổi thọ đã hết, thì cơn bệnh đã khởi lên càng gia tăng thêm nữa. Tâu Đại vương, hoặc là giông như bao tử đang no đây một cách bình thường, khi có vật nào khác chưa nấu chín được nuốt vào thì có thể bị căng cứng hơn nữa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, khi cơ thể của đức Thế Tôn vốn đã suy yếu, tuổi thọ đã hết, thì cơn bệnh đã khởi lên càng gia tăng thêm nữa. Tâu Đại vương, không có gì sai trái ở món thí thực ấy. Và không thể gán điều sai trái cho món ấy. 3. Thưa Ngài Nãgasena, bởi lý do gì mà hai phân thí thực ây là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác? -Tâu Đại vương, do năng lực của sự thuần thục và chứng đạt các pháp mà hai phân thí thực ây là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác. \ r Thưa Ngài Nâgasena, do năn^ lực của sự thuần thục và chứng đạt đôi với các pháp nào mà hai phần thí thực ấy là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác? -Tâu Đại vương, do năng lực của sự thể nhập theo chiều thuận và chiều nghịch đối với chín sự chứng đạt và an tru theo tuần tự mà hai phần thí thực ấy là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác. -Thưa Ngài Nâgasena, có phải đức Như Lai đã thể nhập theo chiều thuận và chiều nghịch một cách nổi bật đối với chín sự chứng đạt và an trú theo tuần tự chỉ trong hai ngày thôi sao? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Thưa Ngài Nāgasena, thật là kỳ diệu! Thưa Ngài Nājgasena, thật là phi thường! Việc nào dầu là sự bố thí tột đỉnh không thể sánh bằng ở ruộng phước đức Phật cũng không sánh được với hai phần thí thực này. Thưa Ngài Nãgasena, thật là kỳ diệu! Thưa Ngài Nāgasena, thật là phi thường! Chín sự chứng đạt và an trú theo tuần tự vĩ đại đến chừng nào, thì do năng lực của sự chứng đạt và an trú theo tuần tự mà sự bố thí ở chính nơi ấy là có được quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn. Thưa Ngài Nãgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. 6°Câu hỏi về quả báo lớn của món thí thực55 là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VÈ sự CÚNG DƯỜNG ĐỨC PHẬT (Buddhapūjanapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này Ānanda, các ngươi chớ bi bận rộn với việc cúng dường nhục thân của Như Lai." Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: í6Các ngươi hãy cúng dường Xá-lợi của bậc đáng được cúng dường. Làm như vậy, các ngươi từ chốn này sẽ đi đến cõi trời.” Thưa Ngài Nâgasena, nếu đức Như Lai đã nói rằng: "Này Ānanda, các ngươi chớ bị bận rộn với việc cúng dường nhục thân của Như Lai", như thế thì lời nói rằng: "Các ngươi hãy cúng dường Xá-lợi của bậc đáng được cúng dường. Làm như vậy, các ngươi từ chốn này sẽ đi đến cõi tr&i" là sai trái. Nếu đức Như Lai đã nói rằng: "Các ngươi hãy cúng dường Xá-lợi của bậc đáng được cúng dường. Làm như vậy, các ngươi từ chốn này sẽ đi đến cõi tr&i", như thế thì lời nói rằng: "Này Ānanda, các ngươi chớ bi bận rộn với việc cúng dường nhục thân của Như Lai" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải

quyết bởi Ngài. 2. - Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này Ānanda, các ngươi chớ bị bận rộn với việc cúng dường nhục thân của Như Lai." Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: "Các ngươi hãy cúng dường Xá-lợi của bậc đáng được cúng dường. Làm như vậy, các ngươi từ chốn này sẽ đi đến cõi trời?9 Tuy nhiên, điều đã được nói ấy: uNày Ānanda, các ngươi chớ bị bận rộn với việc cúng dường nhục thân của Như Lai" không dành cho tất cả, mà chỉ liên quan đến các người con trai của đấng Chiến Thắng. Tâu Đại vương, điều này, tức là việc cúng dường, không phải là việc làm của những người con trai của đấng Chiến Thắng. Việc quán sát về các hành, tác ý đúng đường lối, quan sát về bốn sự thiết lập niệm, nắm lấy điều tinh túy của đề mục, sự chiến đấu với các phiền não, sự bám theo mục đích của minh, điều này là việc cân phải làm của những người con trai của đang Chiên Thăng. Cúng dường là việc nên làm đối với các thành phần còn lại là chư thiên và nhân loại. Tâu Đại vương, giống như đối với các vi hoàng tử ở trên quả đất thì có các môn học về voi, ngựa, xe, cung, gươm, viết chữ, quản lý, binh thư, lắng nghe, khéo tiêp nhận, chiên đâu, động viên là công việc cân phải làm; còn đôi với các thành phần còn lại như các thương buôn và nô lệ phàm phu thì việc trồng trọt, buôn bán, chăn giữ trâu bò là việc cần phải làm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc này tức là việc cúng dường, không phải là việc làm của những người con trai của đấng Chiến Thắng. Việc quán sát về các hành, tác ý đúng đường lối, quan sát về bốn sự thiết lập niệm, nắm lấy điều tinh túy của đề mục, sự chiến đấu với các phiền não, sự bám theo mục đích của mình, điều này là việc cần phải làm của những người con trai của đấng Chiến Thắng. Cúng dường là việc nên làm đối với các thành phần còn lại là chư thiên và nhân loại.

3. Tâu Đại vương, hoặc là giống như đối với các thanh niên Bà-la-môn thì các môn học như (bốn bộ Vệ-đà) Rig-Vèda, Yajur-Veda, Sāmā-Veda, Atharva-Veda, tướng sô, truyên thông, r truyên thuyêt, ỉ từ Jvựng, nghi thức, sự phân tích âm từ, cú a

pháp, văn phạm, câu trúc ngôn ngữ, hiện tượng, giác mơ, diêm báo hiệu, sáu chi phân (của kinh Vệ-đà)? nguyệt thực, nhật thực, sự di chuyên che khuât của các thiên thể, sự tranh giành ảnh hưởng của các vì sao, sự xuất hiện, sự rơi của thiên thể, sự động đất, sự bừng sáng ở các phương, bầu khí quyển, thiên văn học, tương lai của thế gian, điềm báo từ loài chó, điềm báo từ loài thú, điểm báo từ vị trí của các vì sao, hiện tượng bị xáo trộn, tiêng kêu của các loài chim là việc cân phải làm; còn đối với các thành phần còn lại như các thương buôn và nô lệ phàm phu thì việc trông trọt, buôn bán, chăn giữ trâu bò là việc cân phải làm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc này tức là việc cúng dường, không phải là việc làm của những người con trai của đấng Chiến Thắng. Việc quán sát vê các hành, tác ý đúng đường lôi, quan sát vê bôn sự thiêt lập niệm, năm lay điều tinh túy của đề mục, sự chiến đấu với các phiền não? sự bám theo mục đích của mình, điều này là việc cần phải làm của những người con trai của đấng Chiến Thắng. Cúng dường là việc nên làm đối với các thành phần còn lại là chư thiên và nhân loại. Tâu Đại vương, đo đó đức Như Lai [nghĩ rằng]: "Chớ để những người này vướng bận về những việc không phải là phận sự. Hãy để những người này găn bó với những công

việc của chính mình^, nên đã nói rằng: "Này Ānanda, các ngươi chớ bi bận rộn với việc cúng dường nhục thân của Như Lai." Tâu Đại vương, nếu đức Như Lai không nói điều này thì các vị Tỳ- khưu sau khi nhận lấy y và bình bát của mình rồi làm chỉ mỗi việc cúng dường đức Phật. J -Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. Ế6Câu hỏi về sự cúng dường đức Phật59 là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ VIỆC BỊ THƯƠNG BỞI MIẾNG ĐÁ ở BÀN CHÂN (Pādasakalikāhatapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài nói rằng: 6'Trong khi đức Thế Tôn đang di, đại địa cầu không có suy tư này nâng cao lên những chỗ bi lõm xuống và hạ thấp xuống những chỗ bi nhô lên/8 9 Và thêm nữa, Ngài còn nói rằng: “Bàn chân của đức Thế Tôn đã bi cắt đứt bởi miêng d.” về miêng đá đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn, tại sao miêng đá ấy đã không né tránh bàn chân [của đức Thế Tôn], Thưa Ngài Nâgasena, nếu trong khi đức Thế Tôn đang di, đại địa cầu không có suy tư này nâng cao lên những chỗ bị lõm xuống và hạ thấp xuống những chỗ bị nhô lên, như thế thì lời nói rằng: "Bàn chân của đức Thế Tôn đã bị cắt đứt bởi miêng đáy là sai trái. Nếu bàn chân của đức Thế Tôn đã bị cắt đứt bởi miêng đá, như thế thì lời nói rằng: "Trong khi đức Thế Tôn đang đi, đại địa cầu không có suy tư này nâng cao lên những chỗ bị lõm xuống

và hạ thấp xuống những chỗ bi nhô ln” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, việc ấy là thật. Trong khi đức Thế Tôn đang đi, đại địa cầu không có suy tư này nâng cao lên những chỗ bị lõm xuống và hạ thấp xuống những chỗ bị nhô lên. Và bàn chân của đức Thế Tôn đã bị cắt đứt bởi miếng đá. Tuy nhiên, miêng đá ấy đã không rơi theo bản thể tự nhiên của nó, mà đã rơi do mưu mô của Devadatta. Tâu Đại vương, Devadatta đã buộc oan trái với đức Thế Tôn nhiều trăm ngàn kiếp sống. Do sự oan trái ấy, kẻ ấy đã buông ra tảng đá lớn có kích thước bằng ngôi nhà mái nhọn [nghĩ rằng]: "Ta sẽ làm cho rơi ở phía trên của đức Thế Ton?9 Khi ấy9 có hai khối đá đã trồi lên từ trái đất và đã hứng chiu tảng đá ấy. Rồi do sự va chạm của chúng, có mảnh đá đã bi vỡ ra khỏi tảng đá, trong khi lăn lóc rơi xuống đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn. Thưa Ngài Nãgasena, hai khôi đá đã hứng chiu tảng đá ây như thê nào thì mảnh đá [bi vỡ ra] cũng nên được hứng chịu y như the ấy. -Tâu Đại vương, mặc dầu đã được hứng chịu nhưng ở đây một mảnh nào đó vuột qua, văng di, rồi mất dạng. Tâu Đại vương, giống như nước được giữ lại bởi bàn tay thì vuột qua các khe hở của ngón tay, trôi đi, roi mất dạng; [giông như] sữa tươi, sữa đông, bơ lỏng, mật ong, dầu ăn? sốt cá, sốt thịt được giữ lại bởi bàn tay, thì vuột qua các khe hở của ngón tay, trôi đi, rồi mất dạng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, do sự va chạm của hai khối đá được tiến đến gần nhằm mục đích hứng chịu, có mảnh đá đã bị vỡ ra khỏi tảng đá, trong khi lăn lóc rơi xuống đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hoặc là giống như cát trơn, mịn, li ti, tương tợ hạt bụi được giữ lại bởi nắm tay, thì vuột qua các khe hở của ngón tay, trôi di, rồi mất dạng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, do sự va chạm của hai khối đá được tiên đến gần nhằm mục đích hứng chiu, có mảnh đá đã bi vỡ ra khỏi tảng đá, trong khi

lăn lóc rơi xuống đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hoặc là giống như vắt cơm được giữ lại bởi cái miệng, ở đây có thể một phan nào đó từ miệng của người ấy bị trào ra, vuột qua, trôi đi, rồi mất dạnẹ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, do sự va chạm của hai khối đá được tiến đen gần nhằm mục đích hứng chịu, có mảnh đá đã bị vỡ ra khỏi tảng dá, trong khi lăn lóc rơi xuống đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn. 3. Thưa Ngài Nāgasena, hãy là vậy. Hãy cho là tảng đá được hứng chịu bởi hai khối đá. Thế thì mảnh đá cũng nên thể hiện sự cung kính [đối với đức Phật] giống y như đại địa cầu vậy. -Tâu Đại vương, có mười hai hạng này không thể hiện sự cung kính. Mười hai hạng nào? Hạng luyến ái do tác động của sự luyến ái không thể hiện sự cung kính, hạng xấu xa do tác động của sân, hạng mê mờ do tác động của si, hạng cao ngạo do tác động của ngã mạn, hạng thiếu tánh tốt do không có ưu điểm, hạng quá bướng bỉnh do thiếu sự răn đe, hạng hạ liệt do bản tánh hạ liệt, hạng làm theo lời sai bảo do thiếu bản lãnh, hạng ác xấu do tánh bon xẻn, hạng bi chiu

khổ do tánh tự làm cho khổ, hạng tham lam do bị ngự trị bởi tham, hạng bị bận rộn do chuyên chú vào của cải không thể hiện sự cung kính. Tâu Đại vương, đây là mười hai hạng không thể hiện sự cung kính. Và hơn nữa, mảnh đá ấy sau khi bị vỡ ra do sự va chạm của tảng đá? trong khi lăn lóc rơi xuống không theo hướng quy định đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hoặc là giông như hạt bụi trơn, mịn, li ti, bị gom lại bởi sức mạnh của cơn gió thì lăn lóc tung tóe không theo hướng quy định. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, mảnh đá ấy sau khi bị vỡ ra do sự va chạm của tảng đá, trong khi lăn lóc rơi xuống không theo hướng quy định đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, nếu mảnh đá ấy không bị tách rời khỏi tảng đá, thì sau khi trồi lên hai khối đá ấy cũng có thể tóm lấy mảnh vỡ của tảng đá ấy. Tâu Đại vương, hơn nữa sau khi bị vỡ ra do lực va chạm của tảng dá, mảnh đá ấy không trụ ở mặt đất, không trú ở không trung, trong khi lăn lóc rơi xuống không theo hướng quy đinh đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hoặc là giông như chiêc lá úa bị cuôn lên bởi cơn gió lóc thì lăn lóc rơi xuống không theo hướng quy định. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, mảnh đá ấy sau khi bị vỡ ra do lực va chạm của tảng đá, trong khi lăn lóc rơi xuống không theo hướng quy định đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hơn nữa do tiến trình gánh lấy khổ đau của Devadatta vô ơn, bon xẻn mà miếng đá ấy đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn. Thưa Ngài Nãgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. í6Câu hỏi về việc bi thương bởi miêng đá ờ bàn chân" là thứ tám.

9. CÂU HỎI VÈ VỊ SA-MÔN CAO QUÝ HẠNG NHẮT (Aggaggasamanapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Do sự cạn kiệt của các lậu hoặc mà trở thành vị Sa-môn.^ Và thêm nữa, Ngài đã noi rằng: WV| có trạng thái đã sở hữu bốn pháp, đương nhiên thế gian đã gọi vị ấy là Sa-mon?9 * * * * Trong trường hợp ấy, bốn pháp này là: Kham nhẫn, hạn chế về vật thực, dứt trừ han sự thỏa thích, không sở hữu bất cứ vật gì. Tuy nhiên, người có lậu hoặc chưa được đoạn diệt, thậm chí còn ô nhiễm, vẫn có tất cả các pháp này. Thưa Ngài Nâgasena, nếu do sự đoạn tận

của các lậu hoặc mà trở thành vị Sa-môn, như thế thì lời nói rằng: i4Vi có trạng thái đã sở hữu bốn pháp, đương nhiên thế gian đã gọi vi ấy là Sa-mônw là sai trái. Nếu được thành tựu bốn pháp là trở thành vị Sa-môn, như thế thì lời nói rằng: 66Do sự cạn kiệt của các lậu hoặc mà trở thành vi Sa-mônw cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Do sự

cạn kiệt của các lậu hoặc mà trở thành vị Sa-môn.^, Và đức Thế Tôn đã nói rằng: có trạng thái đã sở hữu bốn pháp, đương nhiên thế gian đã gọi vị ấy là Sa-m6n." Tâu Đại vương, lòi nói này đây đã được nói về phương diện đức hạnh của những con người ẩy đấy: có trạng thái đã sở hữu bốn pháp, đương nhiên thế gian đã gọi vi ấy là Sa-môn?5 Còn đây là lời nói trọn vẹn: "Do sự cạn kiệt của các lậu hoặc mà trở thành vỉ Sa-mônу Hơn nữa tâu Đại vương, liên quan và đề cập đến tất cả những vi đã thực hành nhằm làm an tịnh các phiền não thì vị Sa-môn có lậu hoặc đã cạn kiệt được gọi là hạng nhát. Tâu Đại vương, giống như trong số bất cứ các loài hoa nào sống ở nước hoặc sốnjg ở đất liền, thì hoa nhài được gọi là hạng nhất. Hơn nữa, liên quan và đề cập đen tất cả các loài hoa nào đó còn lại, đủ các hạng, thì chỉ riêng hoa nhài là được con người mong cầu, ước muốn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, liên quan và đê cập đên tát cả những vi đã thực hành nhăm làm an tịnh các phiền não thì vị Sa-môn có lậu hoặc đã cạn kiệt được gọi là hạng nhát. Tâu Đại vương, hoặc là giông như trong sô tát cả các loại hạt thì gạo sāli được gọi là hạng nhất. Liên quan và đề cập đến bất cứ các loại hạt còn lại, đủ các hạng, là các loại vật thực nhăm nuôi dưỡng cơ thê, thì chỉ riêng gạo sāli được gọi là hạng nhất trong số các loại ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, liên quan và đề cập đến tất cả những vi đã thực hành nhằm làm an tịnh các phiền não thì vị Sa-môn có lậu hoặc đã cạn kiệt được gọi là hạng nhất. Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. 66Câu hỏi về vi Sa-môn cao quý hạng nhất” là thứ chín.

10. CÂU HỎI VÈ VIỆC NÓI LỜI CA NGỢI (Vannabhananapañho) 1. Thưa Ngài Nâ^asena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: 6°Này các Tỳ-khưu, nêu những người khác nói loi ca ngợi về Ta, nói lời ca ngợi về giáo pháp hoặc về hội chúng, trong trường hợp ấy các ngươi không nên thể hiện nỗi vui mừng, niềm hoan hỷ, hay tâm trạng phấn khởi của tam.55 Và thêm nữa, trong khi lời ca ngợi đúng theo sự thật của Bà-la-môn Sela đang được nói lên, đức Như Lai đã vui mừng, hoan hỷ? phấn khởi tuyên dương nhiều hơn, trội hơn về đức hạnh của bản thân rằng: “Này Sela, Ta là đức vua, đấng Pháp VươTig vô thượng. Ta chuyển vận bánh xe theo giáo pháp, là bánh xe không thể bị chuyển vận nghịch lại.” Thưa Ngài Nâgasena, nếu đức Thế Tôn đã nói rằng: "Ny các Tỳ-khưu, nếu những người khác nói lời ca ngợi về Ta, nói lời ca ngợi về giáo pháp hoặc về hội chúng, trong trường hợp ấy các ngươi không nên thể hiện nỗi vui mừng, niềm hoan hỷ, hay tâm trạng phân khởi của tâm", như thế thì lời nói rằng: "Trong khi lời ca ngợi đúng theo sự thật của Bà-la-môn Sela đang được nói lên, đức Như Lai đã vui mừng, hoan hỷ, phấn khởi tuyên dương nhiều hơn, trội hơn về đức

hạnh của bản thân" là sai trái.

Nếu trong khi lời ca ngợi đúng theo sự thật của Bà-la-môn Sela đang được nói lên, đức Như Lai đã vui mừng, hoan hỷ, phấn khởi tuyên dương nhiều hơn, trội hơn về đức hạnh của bản thân, như thế thì lời nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, nếu những người khác nói lời ca ngợi về Ta, nói lời ca ngợi về giáo pháp hoặc về hội chúng, trong trường hợp ấy các ngươi không nên thể hiện nỗi vui mừng, niềm hoan hỷ, hay tâm trạng phấn khởi của tâm" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Nay các Tỳ-khiru? nếu những người khác nói lời ca ngợi ve Ta, nói lời ca ngợi về giáo pháp hoặc về hội chúng, trong trường hợp ấy các ngươi không nên thể hiện nỗi vui mừng, niềm hoan hy, hay tâm trạng phấn khởi của tâm." Và trong khi lời ca ngợi đúng theo sự thật của Bà-la-môn Sela đang được nói lên, Ngài đã tuyên dương nhiều hơn, trội hơn về đức hạnh của bản thân rằng: "Này Selaf Ta là đức vua, đấng Pháp Vương vô thượng. Ta chuyển vận bánh xe theo giảo pháp, là bảnh xe không the bị chuyển vận nghịch lạiy Tâu Đại vương, trong khi đang giải thh về hiện tướng của bản thể luôn cả cốt lõi, về bản thể, về sự hiển hiện, về sự hiện hữu, về thực thể, về trạng thái thật của giáo pháp, đức Thế Tôn đã nói lên câu thứ nhất rằng: "Nay các Tỳ-khưu5 nếu những người khác nói lời ca ngợi về Ta, nói lời ca ngợi về giáo pháp hoặc về hội chúng, trong trường hợp ấy các ngươi không nên thể hiện nỗi vui mừng, niềm hoan hỷ, hay tâm trạng phấn khởi của lâm.” Trái lại, trong khi lời ca ngợi đúng theo sự thật của Bà-la-môn Sela đang được nói lên? đức Thế Tôn đã tuyên dương nhiều hơn, trội hơn về đức hạnh của bản thân rằng: uNày Sela, Ta là đức vua, đấng Pháp Vương vô thirợng”điều ấy không do nhân lợi lộc, không do nhân danh vọng, không do nhân phe nhóm, không vì lòng mong mỏi đệ tử. Khi ấy, vì lòng thương tưởng, vì lòng bi mẫn, vì ước muốn điều lợi ích [nghĩ rằng]: “Nhu vầy sẽ có sự lãnh hội cho người này và ba trăm thanh niên Bà-la-môn,5, nên Ngài đã công bố nhiều hơn, vượt trội hơn vê đức hạnh của bản thân răng: uNày Sela, Ta là đức vua, đang Pháp Vương vô thượng.^, Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. wCâu hỏi về việc nói IM ca ngợi” là thứ mười.

11. CÂU HỎI VÈ Sự KHÔNG HÃM HẠI VÀ sự TRẤN ÁP (Ahimsāniggahapañho) ỉ. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Trong khi không hãm hại người khác ờ trên đời, ngươi sẽ trở thành người được yêu mến, được thân can?9 Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: "Hy trấn áp kẻ xúng đáng với sự trấn áp, hãy nâng đỡ kẻ xứng đáng với sự nâng

đỡ.59 Thưa Ngài Nāgasena, trấn áp nghĩa là chặt tay, chặt chân, trưng phạt, giam cầm, hành hạ, giết chết, làm tổn thương sự tiếp nối [mạng sống]. Lời nói này đối với đức The Tôn là không được đúng đắn. Và đức The Tôn không thể nào nói lời nói này. Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Thế Tôn đã nói rằng: "Trong khi không hãm hại người khác ở trên

đời, ngươi sẽ trở thành người được yêu mến, được thân can", như thế thì lời nói rằng: "Hãy trấn áp kẻ xứng đáng với sự trấn áp, hãy nâng đỡ kẻ xứng đáng với sự nâng đỡ" là sai trái. Nêu đức Như Lai đã nói rang: "Hãy trấn áp kẻ xứng đáng với sự trấn áp, hãy nâng đỡ kẻ xứng đáng với sự nâng như thế thì lời nói rằng: "Trong khi không hãm hại người khác ở trên đời, ngươi sẽ trở thành người được yêu mên, được thân cān,5 cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: ^Trong khỉ không hãm hại người khác ờ trên đời, ngươi sẽ trở thành người được yêu mến, được thân cận?9 Và Ngài đã nói rằng: "Hy trấn áp kẻ xứng đáng với sự trấn áp, hãy nâng đỡ kẻ xứng đáng với sự nâng dỡ*." Tâu Đại vương, điều nói là: "Trong khi không hãm hại người khác ở trên đời, ngươi sẽ trở thành người được yêu mến, được thân cān9\ đối với tất cả các đức Như Lai thì điều này được chấp thuận, điều này là sự chỉ dạy, điều này là sự giảng giải giáo pháp. Tâu Đại vương, bởi vì giáo pháp có sự không hãm hại là tướng trạng. Điêu này là lời nói về bản thể. Tâu Đại vương, còn vê việc đức Như Lai đã nói răng: "Hay trân áp kẻ xứng đáng với sự trấn áp, hãy nâng đỡ kẻ xứng đáng với sự nâng âỡ'\ điều ấy là ngôn từ. Tâu Đại vương, tâm bị kích động là cần được trấn áp, tâm trì trệ là cần được nâng đỡ. Tâm bất thiện là cần được trấn áp, tâm thiện là cần được nâng đỡ. Tác ý không đúng đường lối là cần được trấn ap>, tác ý đúng đường lối là cần được nâng đỡ. Sự thực hành sai trái là cần được trấn áp, sự thực hành đúng đắn là cần được nâng đỡ. Người không thánh thiện là cần được trấn áp, người thánh thiện là cần được nâng đỡ. Kẻ trộm cướp là cần được trấn áp, kẻ không là trộm cướp là cần được nâng đỡ. Thưa Ngài Nāgasena, hãy là vậy. Giờ đây Ngài mới đề cập đến vấn đề của trẫm, trẫm quan tâm đến ý nghĩa của điều trẫm hỏi. Thưa Ngài Nāgasena, như vậy trong khi trấn áp kẻ trộm cướp thì nên tran áp như the nào? Tâu Đại vương, trong khi trấn áp kẻ trộm cướp thì nên trấn áp như vầy: Kẻ đáng quở trách thì nên quở trách, kẻ đáng trừng phạt thì nên trừng phạt, kẻ đáng lưu đày thì nên lưu đày, kẻ đáng giam cầm thì nên giam cầm, kẻ đáng tử hình thì nên tử hình. Thưa Ngài Ngasena, như vậy việc tử hình những kẻ trộm cướp có được các đức Như Lai chấp thuận không? Tâu Đại vương, không.

Thưa Ngài Nāgasena, vậy thì tại sao việc kẻ trộm cướp cần được chỉ dạy lại được các đức Như Lai chấp thuận9 Tâu Đại vương, kẻ nào bị tử hình, không phải do sự chấp thuận của các đức Như Lai mà kẻ ấy bị tử hình. Kẻ ấy bi tử hình bởi việc đã làm của chính bản thân. Thêm nữa, kẻ ấy được chỉ dạy theo sự chỉ dạy về giáo pháp. Tâu Đại vương, phải chăng bậc trí có thể bắt giữ người không gây án không phạm tội đang đi trên đường rồi giết chết không? - Thưa Ngài, không thể. Tâu Đại vương, vì lý do gì? Thưa Ngài, vì là người không gây án. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, kẻ trộm cướp sẽ bi giết chết không phải do sự chấp thuận của các đức Như Lai. Kẻ ây sẽ bị giêt chét bởi việc đã làm của chính bản thân. Như thế, phải chăng trong trường hợp này người chỉ dạy phạm vào lỗi lầm nào đó? Thưa Ngài, không có. Tâu Đại vương, như thế thì sự chỉ dạy của các đức Như Lai là sự chỉ dạy đúng đắn. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. 6'Câu hỏi về sự không hãm hại

và sự trấn p” là thứ mưM một

12. CÂU HỎI VỀ VIỆC ĐÃ GIẢI TÁN CÁC VỊ TỲ-KHƯU (Bhikkhupanāmitapañho) ỉ. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Ta không có nổi giận, không có khắt khe.” Và thêm nữa, đức Như Lai đã giải tán hai vi Trưởng lão Sāriputta và Moggallâna cùng với đồ chúng [của hai vi]. Thưa Ngài Nâgasena, có phải đức Như Lai đã giải tán đồ chúng khi bị nổi giận, hay là đã giải tán khi được vui vẻ? Xin Ngài nhận biết cho việc ấy là thuộc về trường hợp này. Thưa Ngài Nãgasena, nếu đã giải tán đồ chúng khi bi nổi giận, như thế thì đối với đức Thế Tôn sự nổi giận con chưa được dứt trừ. Nếu đã giải tán đồ chúng khi được vui vẻ, như thế thì [đồ chúng] đã bị giải tán khi không có cớ SỊT, trong khi không hay biết. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Ta không có nổi giận, không có khắt khe", và hai vi Trưởng lão Sāriputta và Moggallâna cùng với đồ chúng đã bị giải tán. Tuy nhiên, điều ấy không do sự nổi giận. Tâu Đại vương, ở đây có người nam nào đó vấp chân vào rễ cây, gốc cây, cục dá, miêng sành, hoặc chỗ đất không bằng phẳng rồi té ngã. Tâu Đại vương, phải chăng đại địa càu này bị nổi giận rồi làm cho kẻ ấy té ngã? Thưa Ngài Nãgasena, không đúng. Đối với đại địa cầu không có sự nổi

giận hay vui thích. Đại địa cầu được thoát khỏi sự ưng ý và ghét bỏ. Kẻ ấy chính tự mình lơ đễnh nên mới bị vấp chân rồi té ngã. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với các đức Như Lai không có sự nổi giận hay vui thích. Các đức Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã thoát khỏi sự ưng ý và ghét bỏ. Lúc bấy giờ, các vị ấy chính vì việc đã làm của mình nên mới bị giải tán vì sự sai trái của bản thân. Tâu Đại vương, hơn nữa ở đây biển cả không sống chung với xác chết. Nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết ấy ra khỏi, hoặc hát lên đất liền. Tâu Đại vương, phải chăng biển cả bi nổi giận rồi đưa xác chết ấy ra khỏi? 3. Thưa Ngài, không đúng. Đôi với biên cả không có sự nôi giận hay vui thích. Biển cả được thoát khỏi sự ưng ý và ghét bỏ. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với các đức Như Lai không có sự nổi giận hay vui thích. Các đức Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã thoát khỏi sự ưng ý và ghét bỏ. Lúc bấy giờ, các vị ấy chính vì việc đã làm của mình, vì sự sai trái của bản thân nên mới bị giải tán. Tâu Đại vương, giống như người bi lỗi lầm với trái đất rồi té nẹã, tương tợ y như thế, người bị lỗi lầm với lời dạy cao quý của đấng Chiến Thang thì bi giải tán. Giống như xác chết ở trong biển cả thì bị đưa ra khỏi, tương tợ y như thế, người bị lỗi lầm với lời dạy cao quý của đấng Chiến Thắng thì bị giải tán. Tâu Đại vương, hơn nữa việc đức Như Lai đã giải tán các vị ấy với sự mong muốn điều tốt đẹp, mong muốn điều lợi ích, mong muốn sự an lạc, mong muốn sự thanh tịnh cho các vị ấy; Ngài đã giải tán [nghĩ rằng]: "Nhu vậy, những người này sẽ được hoàn toàn giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, ch&t." Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về việc đã giải tán các vi Tỳ-khưuw là thứ mười hai. Phẩm Đã bi giải tán là thứ ba. (Trong phẩm này có mười hai câu hỏi)

IV PHẨM VỀ TRÍ TOÀN TRI (SABBAÑÑUTAÑĀNAVAGGO)

1. CÂU HỎI VỀ QUẢ THÀNH Tựu CỦA NGHIỆP có NANG Lực LỚN HƠN THẦN THÔNG (Iddhiyā kammavipākabalavatarapañho) 1. - Thưa Ngài Nãgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Nầy các Tỳ-khưu, vi đứng đầu trong số các Tỳ-khưu đệ tử có thần thông của Ta tức là Mahâmoggallãna." Và thêm nữa, nghe nói vị ấy bị đánh bằng những cây côn, đầu bị vỡ, xương thịt gân bị nghiền nát thành bột và toàn thân bị chặt đứt, rồi viên tịch Niết-bàn. Thưa Ngài Nâgasena, nếu vị Trưởng lão Mahāmoggallāna đã đạt đến tột đỉnh của thần thông, như thế thì lời nói rằng: 66Bị đánh bằng những cây côn rồi viên tịch Niết-pn" là sai trái. Nếu bị đánh bằng những cây côn rồi viên tịch Niết-bàn, như thế thì lời nói rằng: "Đã đạt đến tột đỉnh của thần thong" cũng là sai trái. Có phải vị ấy không có khả năng về thần thông để tránh né việc chết chóc của mình, để trở thành đối tượng nương nhờ của thế gian luôn cả chư thiên? Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, vị đứng đầu trong số các Tỳ-khưu đệ tử có thần thông của Ta tức là Mahmoggallna.” Và Trưởng lão Mahãmoggallâna đã bi đánh bằng cây côn rồi viên tịch Niết-bàn. Tuy nhiên, điều ấy là do đã bị chế ngự bởi nghiệp. Thưa Ngài Nâgasena, thế không phải lãnh vực của thần thông đối với người có thần thông và quả thành tựu của nghiệp là hai điều không thể nghĩ bàn hay sao? Và có thể tránh né việc không thể nghĩ bàn [này] bằng việc không thể nghĩ bàn [khác]? Thưa Ngài, giống như những ai mong muốn trái cây thì chọi thẳng trái táo rừng bang trái táo rừng, chọi thẳng trái xoài bang trái xoài, thưa Ngài Nâgasena, tương tợ y như the, sau khi đoi chọi việc không thể nghĩ bàn [này] bằng việc không thể nghĩ bàn [khác] thì có thể tránh né được. -Tâu Đại vương, tuy nhiên trong hai điều không thể nghĩ bàn thì một điều là trội hơn, có năng lực lớn hơn. Tâu Đại vương, giống như các vị vua ở trên trái đất là tương đương về dòng dõi. Tuy nhiên trong số các vị tương đương về dòng dõi ấy, có một vị thống trị tất cả và thê hiện quyền hành. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, trong số các điều không thể nghĩ bàn ấy thì chính quả thành tựu của nghiệp là trội hơn, có năng lực lớn hơn. Chính quả thành tựu của nghiệp thống tri tát cả và thê hiện quyền hành. Đối với người đã bị chế ngự bởi nghiệp, các hành động còn lại không đạt được cơ hội.

Tâu Đại vương, hơn nữa trong trường hợp một người nam vi phạm một sự việc nào đó thì người mẹ, hoặc người cha, hoặc anh chị em, hoặc bạn bè thân hữu của người ấy không bảo vệ được anh ta, khi ấy chính đức vua thống trị ở nơi ấy và thể hiện quyền hành. Trong trường hợp ấy cái gì là nguyên nhân? Do tình trạng vi phạm tội. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, trong số các điều không thể nghĩ bàn ấy thì chính quả thành tựu của nghiệp là trội hơn, có năng lực lớn hơn. Chính quả thành tựu của nghiệp thống trị tất cả và thể hiện quyền hành. Đối với người đã bi chế ngự bởi nghiệp, các hành động còn lại không đạt được cơ hội. Tâu Đại vương, hoặc là giống như đám lửa rừng khi đã phát khởi ở trái đất thì cho dầu một ngàn lu nước cũnệ không thể nào dập tắt. Khi ấy, chính ngọn lửa thống tri ở nơi ấy và thê hiện quyên hành. Trong trường hợp ấy

cái gì là nguyên nhân? Là do sức mạnh của ngọn lửa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, trong số các điều không thể nghĩ bàn ấy thì chính quả thành tựu của nghiệp là trội hơn, có năng lực lớn hơn. Chính quả thành tựu của nghiệp thống trị tất cả và thể hiện quyền hành. Đối với người đã bị chế ngự bởi nghiệp, các hành động còn lại không đạt được cơ hội. Tâu Đại vương, do đó Trưởng lão Mahāmoggallāna là đã bi chế ngự bởi nghiệp, trong khi đang bị đánh bằng những cây côn đã không có được sự gom tụ lại của thần thông. Thưa Ngài Nãgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về thần thông và quả thành tựu của nghiệp^ là thứ nhất

2. CÂU HỎI VỀ PHÁP VÃ LUẬT ĐƯỢC CHE GIẤU HAY KHÔNG ĐƯỢC CHE GIẤU (Dhammavinayapaticchannāpaticchannapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: í6Này các Tỳ-khưu, Pháp và Luật đã được công bố bởi đức Như Lai là bộc lộ, chói sáng, không bi che giấu.” Và thêm nữa, việc đọc tụng Giới bổn (Pātimokkhaṃ và toàn bộ tạng Luật là được đóng lại, được che giấu. Thưa Ngài Năgasena, nếu Ngài đạt được sự gắn bó, hoặc sự thành tựu, hoặc sự lãnh hội trong giáo pháp của đấng Chiến Thang, thì sự quy định về Luật là được bộc lộ? có thể tỏa sáng. Vì lý do gì? Toàn bộ ở đây là sự thu thúc trong các điều học, sự kềm chế, sự quy định về giới đức và tánh hạnh đều có hương vị của mục dích, hương vi của giáo pháp, hương vị của giải thoát. Thưa Ngài Nâgasena, nếu đức Thế Tôn đã nói rằng: “Này các Tỳ-khưu5 Pháp và Luật đã được công bố bởi đức Như Lai là bộc lộ, chói sáng, không bi che giấu”, như thế thì lời nói rằng: "Việc đọc tụng Giới bổn và toàn bộ tạng Luật là được đóng lại, được che giấu” là sai trái. Nếu việc đọc tụng Giới bổn và toàn bộ tạng Luật là được đóng lại, được che giấu, như thế thì lời nói rằng: “Này các Tỳ-khưu, Pháp và Luật đã được công bố bởi đức Như Lai là bộc lộ9 chói sáng, không bị che giấu” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. - Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, Pháp và Luật đã được công bố bởi đức Như Lai là bộc lộ, chói sáng, không bị che giâu." Và thêm nữa, việc đọc tụng Giới bổn và toàn bộ tạng Luật là được đóng lại, được che giấu. Tuy nhiên, điều ấy không phải là đối với tất cả (mọi người), sau khi đã thực hiện ranh giới thì việc ấy được đóng lại. Tâu Đại vương, việc đọc tụng Giới bổn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại bởi đức Thế Tôn bởi vì ba tính chất: Được đóng lại theo quy luật truyền thong của các đức Như Lai thời trước, được đóng lại vì sự cung kính đối với giáo pháp, được đóng lại vì sự cung kính đối với địa vị của các Tỳ-khưu. Việc đọc tụng Giới bổn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại theo quy luật truyền thốnệ của các đức Như Lai thời trước [nghĩa] là thế nào? Tâu Đại vương, truyên thông này là của tát cả các đức Như Lai thời trước, tức là việc đọc tụng Giới bổn ở giữa các vị Tỳ-khưu, và đóng lại đối với các thành phần còn lại. Tâu Đại vương, gióng như kiến thức Sát-đế-lỵ của dòng Sát-đế-lỵ lưu truyền chỉ trong số các vị Sát-đế-lỵ9 việc như thế này là tập quán đối với thế gian của các vị Sát-đế-lỵ, và đóng lại đối với các thành phần còn lại. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, truyền thống này là của tất cả các đức

Như Lai thời trước, tức là việc đọc tụng Giới bổn ở giữa các vị Tỳ-khưu, và đóng lại đối với các thành phần còn lại. Tâu Đại vương, hoặc là ậiống như các nhóm người sinh sống ở trái đất gồm có: Thợ đấu vật, làm xiếc, uốn dẻo, tài tử, diễn viên, kịch sĩ, vũ công, múa rối, ảo thuật, hạng thờ phụng các vị Trời Manibhaddā, Punnabhaddā, thần Mặt trăng, thần Mặt trời, thần May mắn, thần Rủi ro, thần Siva, thần Visnu, thần Mây, thần Asipāsā, thần Bhaddiputta. Điều bí mật của mỗi một nhóm lưu truyền chỉ trong từng nhóm người ấy, và đóng lại đoi với các thành phần còn lại. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, truyền thống này là của tất cả các đức Như Lai thời trước, tức là việc đọc tụng Giới bôn ở giữa các vi Tỳ-khưu, và đóng lại đối với các thành phần còn lại. Việc đọc tụng Giới bôn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại theo quy luật truyền thống của các đức Như Lai thời trước [nghĩa] là như vậy. Việc đọc tụng Giới bổn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại vì sự cung kính đối với giáo pháp [nghĩa] là thế nào? Tâu Đại vương, giáo pháp là đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, ơ đây, người có sự thực hành đúng đan thì đạt được trí tuệ. Người đạt được điêu ây ở đây do sự thực hành đúng đắn theo sự truyền thừa, người không đạt được điều ấy ở đây do sự thực hành đúng đắn theo sự truyền thừa [nghĩ răng]: "Giáo pháp tinh túy, giáo pháp cao quý này chớ có rơi vào tay của những người có sự thực hành sai trái, rồi bi chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bi chê trách. Giáo pháp tinh túy, giáo pháp cao quý này chớ có đến với những người xấu xa, rồi bị chê bai, bi khinh thường, bị khi dễ, bi khinh miệt, bị chê trách.” Việc đọc tụng Giới bổn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại vì sự cung kính đoi với giáo pháp [nghĩa] là như vậy.

Tâu Đại vương, giông như vật gọi là trâm huyêt có lõi, cao quý, ưu tú, chính cống, nguyên chất, màu đỏ được đem đến nơi thị tứ ở thôn quê thì bị chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, có người [nghĩ rằng]: "Giáo pháp tinh túy, giáo pháp cao quý này chớ có rơi vào tay của những người có sự thực hành sai trái theo sự truyền thừa, rồi bi chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách. Giáo pháp tinh túy, giáo pháp cao quý này chớ có đến với những người xấu xa, rồi bị chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bi chê trách.” Việc đọc tụng Giới bổn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại vì sự cung kính đối với giáo pháp [nghĩa] là như vậy. Việc đọc tụng Giới bổn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại vì sự cung kính đối với địa vị của các Tỳ-khưu [nghĩa] là the nào? Tâu Đại vương, bản thể Tỳ-khưu ở trên đời quả là không so sánh được, không đo lường được, không định giá được, không ai có thể đem ra đánh giá, đem ra so sánh, đem ra đo lường [nghĩ rằng]: “Mong rằng người này đứng vững trong bản thể Tỳ-khưu như vầy và chớ trở thành đồng đẳng với thế gian", việc đọc tụng Giới bổn lưu truyền ở giữa chỉ riêng các vị Tỳ-khưu. Tâu Đại vương, giống như loại hàng hóa cao quý và ưu tú ở trên đời là tấm vải hoặc là tấm thảm trải, hoặc là voi, ngựa, xe, vàng, bạc, ngọc ma-ni5 ngọc trai, các châu báu của phụ nữ, v.v... hoặc là những việc làm và các vị anh hùng không bị đánh bại, tất cả các vật ấy đều đến với đức vua. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, hết thảy các điều học, các kinh điển khéo được truyền thừa và pháp học, các đức tính của việc thu thúc trong hành xử và của sự phòng

hộ các giới, tát cả các điêu ây đêu đên với hội chúng Tỳ-khưu. Việc đọc tụng Giới bôn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại vì sự cung kính đối với địa vi của các Tỳ-khưu [nghĩa] là như vậy. Thưa Ngài Nãgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về Pháp và Luật được che giấu hay không được che giấu” là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT NẶNG NHẸ CỦA LỜI NÓI DỐI (Musāvādagarulahubhāvapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: wKhi cố tình nói dối thỉ phạm tộipārājika.^ Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: wKhi cố tình nói dối thì phạm tội nhẹ với việc sám hối trong sự hiện diện của một vj.” Thưa Ngài Nâgasena, vậy thì ở đây có điều gì khác nhau? Lý do gì mà do một lời nói doi thì bị đứt đoạn và do một lời nói doi lại có được sự sửa chữa? Thưa Ngài Nâgasena, nếu đức Thế Ton đã nói rằng: “Khi cố tình nói dối thì phạm tội pãrãịika'\ như thế thì lời nói rằng: "Khi cố tình nói dối thì phạm tội nhẹ với việc sám hoi trong sự hiện diện của một là sai trái. Nếu đức Như Lai đã nói rằng: "Khi cố tình nói dối thì phạm tội nhẹ với việc sám hối trong sự

hiện diện của một vi", như thế thì lời nói rằng: "Khi cố tình nói dối thì phạm tội pārājika" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Khi cố tình nói dối thì phạm tội pārājikay Và Ngài đã nói rằng: “Khi cố tình nói dối thì phạm tội nhẹ với việc sám hối trong sự hiện diện của một vj." Và điều ấy là nặng hay nhẹ tùy theo mức độ của sự việc. Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? ở đây, có kẻ tung cú đấm bằng bàn tay vào người khác, Đại vương xét xử hình phạt gi đối với kẻ ấy? Thưa Ngài5 nếu n^ười kia nói: "T6i kh6ng tha thứ"thì chúng tôi sẽ bảo kẻ không được tha thứ áy mang lại một đồng tiền. Tâu Đại vương, trái lại ở đây nêu chính kẻ ây tung cú đâm băng bàn tay vào Đại vương, thì kẻ ấy chiu hình phạt gì? Thưa Ngài, đối với kẻ ấy trẫm có thể bảo chặt bàn tay, cũng có thể bảo chặt bàn chân, có thể bảo chặt theo lối xử trảm đến tận cái đầu, cũng có thể cho tịch thu toàn bộ nhà cửa của kẻ ấy và thủ tiêu hai bên nội ngoại cho đến bảy đời. -Tâu Đại vương, vậy thì ở đây có điều gì khác nhau? Lý do gì mà trong việc đấm bằng bàn tay vào một người thì chịu hình phạt nhẹ một đồng tiền, còn trong việc đam bằng bàn tay vào Đại vương thì chịu sự bi chặt bàn tay, sự bị chặt bàn chân, cho đen việc bị chặt theo loi xử trảm đen tận cái đau, sự tịch thu toàn bộ nhà cửa, sự thủ tiêu hai bên nội ngoại cho đen bảy đời. Thưa Ngài, do sự cách biệt giữa loài người. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, việc cô tình nói dôi là nặng hay nhẹ tùy theo mức độ của sự việc. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. uCâu hỏi về tính chất nặng nhẹ của lời nói d6i” là thứ ba.

4. CÂU HỎI VÈ QUY LUẬT Tự NHIÊN ĐỐI VỚI ĐỨC BỒ-TÁT (Bodhisattadhammatāpañho) L Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến ở bài giảng phAp về quy luật tự nhiên: "Ngay trong thời quá khứ, mẹ cha của các đức Bo-tát là được xác đỉnh, cội cây Bồ-đề là được xác định, các vi Thinh văn

hàng đầu là được xác đinh, người con trai là được xác đinh, vi thi giả là được xác đinh?45 Và thêm nữa, N i nói rằng: uKhi ngư ờ tập thể chưthiên Tusitā, đức Bồ-tát quán xét tám điều quán xét chánh yếu: Quán xét về thời điểm, quán xét về châu lúc, quán xét ve xứ sở, qun xét về gia tộc, quán xét về người mẹ, quán xét vê tuổi thọ, quán xét vê tháng (thời gian trụ thai), quán xét về việc xuất ly.” Thưa Ngài Nâgasena, khi trí chưa được chín muồi thì không có sự giác ngộ. Khi trí đã chín muồi thì không thể chờ đợi dầu chỉ trong nháy mắt. Trí đã chín muồi sẽ không bị vượt qua. Tại sao đức Bồ-tát quán

xét thời điểm rằng: “Ta tái sanh vào thời điểm nao?95 Khi trí chưa được chín muôi thì không có sự giác ngộ. Khi trí đã chín muôi thì không thê chờ đợi dâu chỉ trong nháy mắt. Tại sao đức Bồ-tát quán xét gia tộc rằng: "Ta tái sanh vào gia tộc no?" Thưa Ngài Nâgasena, nếu mẹ cha của các đức Bồ-tát là được xác đinh ngay trong thời quá khứ, như thê thì lời nói răng: "Quán xét vê gia tộc" là sai trái. Nếu [đức Bô-tát] quán xét vê gia tộc, như thê thì lời nói răng: "Mẹ cha của các đức Bồ-tát là được xác đinh ngay trong thời quá khứ^, cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. -Tâu Đại vương, mẹ cha của các đức Bồ-tát là được xác đinh ngay trong thời quá khứ, và đức Bồ-tát quán xét về gia tộc. Nhưng quán xét về gia tộc như thế nào? Quán xét về gia tộc như vầy: "Những người nào là mẹ cha của ta, có phải những người ấy là Sát-đế-lỵ hay là Bla-m6n?" Tâu Đại vương, sự việc chưa xảy đến nên được xem xét trước đối với tám hạng. Đối với tám hạng nào? Tâu Đại vương, đối với thương buôn, hàng hóa mua bán nên được xem xét trước. Đôi với con voi chúa, con đường chưa đi đên nên được xem xét trước bằng vòi. Đối với người đánh xe bò, bến nước cạn chưa đi đến nên được xem xét trước. Đối với người thuyền trưởng, bến tàu chưa đi đến nên được xem xét trước rồi mới nên cho thuyền tiến vào. Đối với người thây thuôc, nên xem xét trước vê tuôi thọ roi mới nên đên gân n^ười bệnh. Đôi với cây cầu để vượt qua, nên biết trước về tình trạng bền hay yêu rồi mới nên bước lên. Đối với vị Tỳ-khưu, nên quán xét trước về thời gian [thọ thực] còn chưa trôi qua rồi mới nên thọ dụng thức ăn. Đối với các đức Bồ-tát, nên xem xét trước về gia tộc là gia tộc Sát-đế-lỵ hay là gia tộc Bà-la-môn. Tâu Đại vương, đối với tám hạng này thì sự việc chưa xảy đến nên được xem xét trước. Thưa Ngài Nâgasena, tót lăm! Trâm chập nhận điêu này đúng theo như vậy. í6Câu hỏi về quy luật tự nhiên đối với đức Bồ-tát^ là thứ tư.

5. CÂU HỎI VÈ VIỆC Tự KÉT LIỄU BẢN THÂN (Attanipātanapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: 6Này các Tỳ-khưu, không nên tự kết liễu bản thân;20 vi nào tư kết liễu thì nên được hành xử theo pháp.55 Và thêm nữa, Ngài nói rằng: 66& bất cứ nơi nào, trong khỉ thuyết giảng giáo pháp cho các đệ tử, đức Thế Tôn thuyết giảng giáo pháp bang nhiều phương tiện nhằm cắt đứt hoàn toàn đối với sanh, đối với già, đối với bệnh, đối với chết Bởi vì bất cứ vị nào vượt qua sanh, già, bệnh, chết, Ngài ca ngợi vi ấy với lời ca ngợi cao cả nhất.55 Thưa Ngài Nâgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: uNày các Tỳ-khiru? không nên tự kết liễu bản

thân; vị nào tự kết liễu thì nên được hành xử theo pháp", như thê thì lời nói răng: "Ngài thuyêt giảng giáo pháp nhăm cát đứt hoàn toàn đối với sanh, đối với già, đối với bệnh, đối với chef là sai trái. Nếu Ngài

20 "Tịt kết liễu" là đã được dịch thoát. Từ PãỊipãteti có ý nghĩa là TAm cho rơi, lao xuống®

thuyết ging giáo pháp nhằm cat đứt hoàn toàn đối với sanh, đối với già, đối với bệnh, đoi với chết, như thế thì lời nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, không nên tự kết liễu bản thân; vi nào tự kết liễu thì nên được hành xử theo pháp" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, không nen tự kết liễu bản thân; vi nào tự kết liễu thì nên được hành xử theo pháp?9 ở bất cứ nơi nào, trong khi thuyết giảng giáo pháp cho các đệ tử, đức Thế Tôn thuyết ging giáo pháp bằng nhiều phương tiện nhằm cắt đứt hoàn toàn đối với sanh, đôi với già, đối với bệnh, đôi với chét. Tuy nhiên trường hợp ấy là có lý do, mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã khước từ và đã khuyến khích. Thưa Ngài Nâgasena, vậy thì ở đây có lý do gì mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã khước tư và đa khuyến ĩchích? Tâu Đại vương, n^ười có giới, đầy đủ về giới, giống như liều thuốc giải trong việc tiêu diệt chất độc phiền não của chúng sanh; gi6ng như phương thuôc làm dịu xuồng cơn bệnh phiên não của chúng sanh; giông như nước trong việc tay trừ bụi băm phiên nao cua chúng sanh; giông như viên ngọc quy ma- ni trong việc ban phát tất cả các sự thành tựu cho chúng sanh; giống như chiếc thuyên trong việc vượt lên trên bôn dòng lũ của chúng sanh; giông như người hướng dẫn đoàn xe trong việc vượt qua bãi sa mạc tái sanh của chúng sanh; giống như làn ệiỏ trong việc dập tắt sức nóng của ngọn lửa gom ba loại cho chúng sanh; giông như cơn mưa lớn trong việc làm tràn đây tâm ý của chúng sanh; giống như người thầy trong việc rèn luyện điều tốt đẹp cho chúng sanh; giống như người hướng dẫn khéo léo trong việc chỉ ra đạo lộ an toàn cho chúnệ sanh. Tâu Đại vương, người có hình thức như thế là có nhiều đức tính, có vô so đức tính, có vô lượng đức tính, có một khối đức tính, có một đống đức tính, là người làm lợi lạc cho chúng sanh, tâu Đại vương, vì lòng thương tưởng chúng sanh [nghĩ rằng]: uChớ để người có giới bi tiêu hoại", đức Thế Tôn đã quy đinh điều học: "Này các Tỳ-khiru, không nên tự kết liễu bản thân; vị nào tự kết liễu thì nên được hành xử theo pháp?5 Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy đức Thế Tôn đa khước từ. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được vị Trưởng lão Kumārakassapaṃ vi Pháp sư có tài hùng biện, trong lúc đang làm sáng tỏ về thế giới khác cho đức Vua Pāyāsi: "Thua Bệ hạ, các VỊ Sa-môn? Bà-la-môn có giới, có thiện pháp, tồn tại thời gian dài lâu như thế nào thì họ thực hành vì sự lợi ích cho nhiều người, vì sự an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng thế gian, vì sự tốt đẹp, vì sự lợi ích, vì sự an lạc cho chư thiên và loài người như thế ấy." Vậy thì vì lý do gì mà đức Thế Tôn đã khuyến khích? Tâu Đại vương, sanh cũng là khổ, già cũng là khổ, chết cũng là khổ, sầu muộn cũng là khổ, than vãn cũng là khổ, khổ đau cũng là khổ, tru phiền cũng là khổ, thất vọng cũng là khổ, sự liên hệ với những gì không yêu thích cũng

là khổ, sự xa lìa với những gì yêu

MILINDAVAN ĐẠO 953

thích cũng là khổ, cái chết của mẹ cũng là khổ, cái chết của cha cũng là khổ, cái chết của anh em trai cũng là khổ, cái chết của chị em gái cũng là khổ, cái chết của con cũng là khô, cái chét của vợ cũng là khô, mat mát vê thân quyên cũng là khổ, mất mát vì bệnh tật cũng là khổ, mất mát về tài sản cũng là khổ9 mất mát vê giới cũng là khô, mat mát vê kiên thức cũng là khô, sợ hãi vì đức vua cũng là khổ, sợ hãi vì trộm cướp cũng là khổ, sợ hãi vì kẻ thù cũng là khổ, sợ hãi vì vật thực khó khăn cũng là khổ, sợ hãi vì lửa cũng là khổ, sợ hãi vì nước cũng là khổ, sợ hãi vì sónẹ nước cũng là khổ, sợ hãi vì nước xoáy cũng là khổ, sợ hãi vì cá sấu cũng là kho, sợ hãi vì cá dữ cũng là khổ, sợ hãi vì sự quở trách của bản thân cũng là khổ, sợ hãi vì sự quở trách của người khác cũng là khổ, sợ hãi vì hình phạt cũng là khổ, sợ hãi vì khổ cảnh cũng là khổ, sợ hãi vì e ngại tập thể cũng là khổ, sợ hãi vì sự nuôi mạng cũng là khổ, sợ hãi vì sự chết cũng là khổ, việc đánh đập bằng những cây gậy cũng là khổ, việc đánh đập bằng những cây roi cũng là khổ, việc đánh đập bằng những cây đoản côn cũng là khổ, việc chặt bàn tay cũng là khổ, việc chặt bàn chân cũng là khổ, việc chặt bàn tay và bàn chân cũng là khổ, việc cắt tai cũng là khổ, việc xẻo mũi cũng là khổ, việc cắt tai và xẻo mũi cũng là khổ, việc [nhúng vào] hũ giấm chua cũng là khổ, việc cạo đau bôi vôi cũng la kho, việc đót lưa ơ miệng cung la kho, việc thiêu song cũng là khổ, việc đốt cháy ở bàn tay cunjg là khổ, việc lột da thành sợi cũng là khổ, việc mặc y phục vỏ cây cũng là khổ, việc kéo căngệ thân người ở trên đất cũng là kho, việc xiên da thịt bang lưỡi câu cũng là kho, việc khoét thịt thành đồng tiền cũng là khổ, việc chà xát với chất kiềm cũng là khổ, việc quay tròn ở trên thập tự giá cũng là khổ, việc ngồi ở ghế rơm cũng là khổ, việc rưới bằng dầu sôi cũng là khổ, việc cho những con chó gặm cũng là khổ, việc đặt trên giáo nhọn lúc còn sống cũng là khổ, việc chặt đầu bằng gươm cũng là khổ.21 Tâu Đại vương, người bị luân hồi gánh chịu các khổ đau nhiều thứ vô số loại có hình thức như the. Tâu Đại vương, giông như nước tích lũy ở núi Hy-mã-lạp ngập tràn ở các viên đá, sỏi, cát nhám, vực nước xoáy, ghềnh, thác, vật chướng ngại, vật ngăn cản, rễ cây, cành lá ở sông Gañgā; tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người bi luân hồi gánh chịu các khổ đau nhiều thứ vô số loại có hình thức như thế. Tâu Đại vương, khổ đau thì bi xoay chuyển, an lạc [Niết-bàn] thì không bị xoay chuyển. Tâu Đại vương, trong khi giải thích rõ về đức tính của sự không bị xoay chuyển và nguy hiểm của sự bị xoay chuyển, vì sự chứng ngộ pháp khônệ bị xoay chuyên, vì sự vượt qua sanh, già, bệnh, chét mà đức Thê Tôn đã khuyên khích. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã khuyến khích* Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được tháo gỡ. Lý do đã được giảng giải rõ ràng. Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về việc tự kết liễu bản thân” là thứ năm.

21 Một số hành phạt đã được phỏng đoán. (ND)

954 * KINH TIỂU Bộ

6. CÂU HỎI VỀ LỢI ÍCH CỦA TÂM TỪ (Mettānisamsapañho) 1. Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Ny các Tỳ-khưu, vói từ tâm giải thoát đã được rèn luyện, được tu tập, được thực hành thường xuyên, được tạo thành phương tiện, được tạo thành nền tảng, được thiết lập, được tích lũy, được khởi đâu tốt đẹp9 mười một điều lợi ích này là điều mong đợi. Mười một điều nào? [Vi ấy] ngủ an lạc, thức dậy an lạc, không nhìn thấy mộng mi xấu xa, được loài người thương mến, được phi nhân thương mến, chư thiên hộ trì, lửa hoặc thuốc độc hoác dao gươm không hại được vi ấy, tâm được đinh nhanh chóng, sắc mặt trầm tĩnh, từ trần không mê mờ, [nếu] chưa thấu triệt pháp cao hơn thì được sanh về thế giới Phạm Và thêm nữa, Ngài nói rằng: "Bé trai Sāmā, có sự an trú tâm từ, được vây quanh bởi bay nai, trong khi đi lang thang ở khu rừng bị đức Vua Piliyakkha bắn bằng mũi tên tẩm độc, đã bị bất tỉnh và ngã xuống ngay tại chỗ ấy. ”22 Thưa Ngài Nâgasena, nếu điều đã được noi bởi đức Thế Tôn là: "Này các Tỳ-khtru, với từ tâm... (nt)... được sanh về thế giới Phạm thiên", như thế thì lời nói rằng: "Bé trai Sāmā có sự an trú tâm từ, được vây (Iuanh bởi bầy nai, trong khi đi lang thang ở khu rừng bi đức Vua Piliyakkha bắn bằng mũi tên tẩm độc nên đã bi bất tỉnh và ngã xuống ngay tại chỗ y" là sai trái. Nêu bé trai Sāmā có sự an trú tâm từ, được vây quanh bởi bầy nai, trong khi đi lang thang ở khu rừng bị đức Vua Piliyakkha bắn bằng mũi tên tẩm độc, đã bị bất tỉnh và ngã xuống ngay tại chỗ ấy, như thế thì lời nói rằng: uNày các Tỳ-khưu, với từ tâm... (nt)... lửa hoặc thuốc độc hoặc dao gươm không hại được vị ấy" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, vô cùng khôn khéo, hết sức tinh vi, tế nhị, sâu xa. Thậm chí mồ hôi có thể tiết ra ở thân thể của những người vô cùng khôn khéo. Nó được dành cho Ngài. Xin Ngài hãy gỡ rối cục roi lớn đã bị rối lại. Xin Ngài hãy ban cho sự nhận thức đến những người con của đấng Chiến Thắng trong ngày vị lai bằng cách giải quyết. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khưu, với từ tâm... (nt)... lửa hoặc thuốc độc hoặc dao gươm không hại được vi ấy." Và bé trai Sāmā có sự an trú tâm từ, được vây quanh bởi bầy nai, trong khi đi lang thang ở khu rừng bi đức Vua Piliyakkha bắn bằng mũi tên tẩm độc, đã bị bất tỉnh và ngã xuống ngay tại chỗ ấy. Tâu Đại vương, tuy nhiên ở trường hợp ấy là có lý do. Lý do gì ở trường hợp ấy? Tâu Đại vương, các đức tính này không thuộc về cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ. Tâu Đại vương, bé trai Sāmā trong khi đang nâng lên vò nước, vào giây phút ấy đã bị xao lãng về sự phát triển tâm từ. Tâu Đại vương, vào giây phút nào con người thể nhập tâm từ thì vào giây phút ấy lửa hoặc thuốc độc hoặc dao gươm không hại được người ấy. Những ai có ý định không tốt đối với người ấy đi đến gần thì không nhìn thấy người ấy, không đạt được cơ hội ở nơi người ấy. Tâu Đại

22 Bổn sanh "Sama" (Sāmajātakani), số 540, TTP v, tập 34. (ND)

vương, các đức tính này không thuộc về cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ. Tâu Đại vương, ở dây, người nam là anh hùng chiến trận, khoác lên chiếc áo giáp lưới sắt không thể xuyên thiỉng rồi xông vào chiến trường, những mũi tên được bắn ra hướng đến người ây đêu bị rơi xuổng tung tóe, không đạt được cơ hội ở nơi người ấy.

Tâu Đại vương, đức tính ấy không thuộc về người anh hùng chiến trận, đức tính ấy thuộc vê chiêc áo giáp lưới sát không thê xuyên thủng, khiến những mũi tên được bắn ra hướng đến người ấy đều bị rơi xuốnệ tung tóe. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, các đức tính này không thuộc vê cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ. Tâu Đại vương, vào giây phút nào con người thể nhập tâm từ thì vào giây phút ấy lửa hoặc thuôc độc hoặc dao gươm không hại được người ấy. Những ai có ý định không tốt đối với người ấy đi đến gần thì không nhìn thấy người ấy, không đạt được cơ hội ở nơi người ấy. Tâu Đại vương, các đức tính này không thuộc về cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ. 3. Tâu Đại vương, hơn nữa ở đây một ngu&i sử dụng rễ cây làm tàng hình ở cõi trời nơi bàn tay. Khi nào rễ cây ây còn năm ở bàn tay của người ây thì không người bình thường nào nhìn thấy người ấy. Tâu Đại vương, đức tính ấy không thuộc về người ấy, đức tính ấy thuộc về rễ cây làm tàng hình, khiến người ấy không hiện ra trong tầm nhìn của những người bình thường. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, các đức tính này không thuộc về cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ. Tâu Đại vương, vào giây phút nào con người thể nhập tâm từ thì vào giây phút ây lửa hoặc thuốc độc hoặc dao gươm không hại được người ấy. Những ai có ý đinh không tốt đối với người ấy, đi đến gần thì không nhìn thấy người ấy, không đạt được cơ hội ở nơi người ấy. Tâu Đại vương, các đức tính này không thuộc vê cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ. Tâu Đại vương, hoặc là giống như cơn mưa to lớn khổng lồ đang đổ mưa không thể làm ướt con người đã đi vào trong hang lớn khéo được tạo lập. Tâu Đại vương, đức tính ấy không thuộc về người ấy, đức tính ấy thuộc về cái hang lớn, khiến cơn mưa to lớn khổng lồ đang đổ mưa không thê làm ướt người ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, các đức tính này không thuộc về cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ. Tâu Đại vương, vào giây phút nào con người thể nhập tâm từ thì vào giây phút ây lửa hoặc thuôc độc hoặc dao gươm không hại được người ấy. Những ai có ý đinh không tốt đối với người ấy, đi đến gần thì không nhìn thấy người ấy, không đạt được cơ hội ở nơi người ấy. Tâu Đại vương, các đức tính này không thuộc vê cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ. Thưa Ngài Nāgasena, thật là kỳ diệu! Thưa Ngài Nâgasena, thật là phi thường! Sự phát triển tâm từ có sự ngăn cản mọi điều xấu xa. -Tâu Đại vương, sự phát triển tâm từ có sự vận chuyển mọi đức tính tốt

đẹp đên những người tót và luôn cả những người xâu. Sự phát triên tâm từ có lợi ích lớn lao nên được phân phát đến tất cả những chúng sanh đã gắn liền với sự nhận thức. “Câu hỏi về lợi ích của tâm tù*” là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ Sự BẰNG NHAU CỦA THIỆN VÀ BẤT THIỆN (Kusalākusalasamapañho)
1. Thưa Ngài Nãgasena, quả thành tựu của người làm việc thiện cũng như của người làm việc bất thiện là tương đương nhau? Hay là có sự khác biệt nào đo? Tâu Đại vương, có sự khác biệt ệiữa thiện và bát thiện. Tâu Đại vương, thiện có an lạc là quả thành tựu đưa đen cõi trời. Bất thiện có khổ đau là quả thành tựu đưa đến địa ngục. 2. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài nói răng: "Devadatta thuần đen, hội đủ các pháp thuần đen. Đức Bồ-tát thuan trắng, hội đủ các pháp thuần tiắng.” Thêm nữa, Devadatta với

đức Bồ-tát trong từng kiếp một là tương đương nhau về danh vọng và đồ chúng, hoặc đôi lúc trội hơn. Vào lúc Devadatta đã là con trai viên quan tế tự của đức Vua Brahmadatta ở thành Bārānasī, khi ấy đức Bồ-tát đã là người thầy pháp có dòng dõi hạ tiện đáng thương, sau khi đọc thầm thần chú đã làm trổ ra các trái xoài sái mùa.2324 Khi ở vào trường hợp ấy, đức Bồ-tát là thấp kém về dòng dõi và thấp kém về danh vọng so với Devadatta. Còn có điêu khác nữa, vào lúc Devadatta đã là vị vua, chủ tê của đại địa cầu, có đầy đủ tất cả các dục, khi ấy đức Bồ-tát đã là vật sử dụng của nhà vua, là con long tượng có đủ mọi tướng tốt. Trong khi bị khó chịu với cử chỉ và điệu bộ duyên dáng của con voi, đức vua trong khi muốn giết nên đã nói với người thầy dạy voi như vầy: “Này ông thầy, con long tượng này không được ngươi dạy dỗ, ngươi hãy cho nó thực hiện việc tên là 'đi trên không trung' di."24 Lu6n cả trường hợp ấy, đức Bồ-tát là loài thú đáng thương, thấp kém ve dòng dõi so với Devadatta. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, kẻ bị phá sản ở trong rừng, khi ấy đức Bồ-tát đã là con khỉ tên Mahāpathavī.25 Cho đen lần này thì sự khác biệt giữa người và thú được nhận thấy. Luôn cả trường hợp ấy, đức Bồ-tát là thấp kém về dòng dõi so với Devadatta. 3. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người/là kẻ thợ săn mạnh mẽ tên Sonuttara, có sức mạnh hơn cả sức mạnh của con voi, khi ấy đức Bồ-tát đã là con voi chúa tên Chaddanta. Khi ấy, gã thợ săn ấy đã giết chét con long tượng ấy.26 Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn.

23 Bổn sanh uCây xoài" (Ambqjātakarn), số 474, TTP v, tập 32. (ND) 24 Bổn sanh t4Câu hỏi của Hoàng hậu Amara^ (Atnarādevipañho), số 122, TTP v, tập 32. (ND) 25 Bổn sanh "Con khỉ vĩ dại" {Mahākapijātakam), số 516, TTP v, tập 33. (ND) 26 Bổn sanh t4Voi chúa Chaddanta" (Chaddantajātakam), số 514, TTPV, tập 33. (ND)

4. Còn có điêu khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, là kẻ sông ở rừng, sống không có chỗ ở, khi ấy đức Bồ-tát đã là loài chim, là con chim đa đa CÓ sự học tập vê chú thuật. Khi ây, kẻ sông ở rừng ây cũng đã giêt chét con chim ấy. Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn về dòng dõi. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là vua xứ Kãsi tên Kalâbu, khi ấy đức Bồ-tát đã là vị đạo sĩ khổ hạnh giảng về sự kham nhẫn.27 Khi ấy, vị vua ấy bị nổi giận, đã cho chặt đứt các bàn tay và bàn chân của vị đạo sĩ khổ hạnh ấy như là chém các chồi măng non. Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn về dòng dõi và danh vọng. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, là kẻ sống ở rừng, khi ấy đức Bồ-tát đã là con khỉ chúa tên Nandiya. Cũng vào khi ấy, kẻ sống ở rừng ấy đã giết chết con khỉ chúa ấy cùng với khỉ mẹ và khỉ em.28 Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn về dòng dõi. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, là đạo sĩ lõa thể tên Kârambhiya, khi ấy đức Bồ-tát đã là con rồng chúa tên Pandaraka. Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn về dòng dõi. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, là đạo sĩ bện tóc ở trong rừng. Khi ấy đức Bồ-tát đã là con heo rừng lớn tên Tacchaka. Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn ve dòng dõi. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là đức vua tên Surapariсara của xứ Cetí, có sự di

chuyển trong không trung, ở bầu trời, phía bên trên của đám người, khi ấy đức Bồ-tát đã là vị Bà-la-môn tên Kapila.29 Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn về dòng dõi và danh vọng. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, có tên là Sāmā, khi ấy đức Bồ-tát đã là con nai chúa có tên Ruru. Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn về dòng dõi. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, là thợ săn sống ở rừng, khi ấy đức Bồ-tát đã là con long tượng. Kẻ thợ săn ấy đã bảy lần cắt lấy ngà của con long tượng ấy rồi mang đi.30 Luôn cả trường hợp áy, chính Devadatta là trội hơn về nguồn gốc xuất thân. y Còn có điêu khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài chó rừng, có tư cách của dòng dối Sát-đế-lỵ? nó đã làm cho hết thảy tất cả những vị vua của các xứ sở ở Jambudīpa trở thành chư hầu, khi ấy đức Bồ-tát đã là bậc sáng trí tên Vidhura.31 Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn về danh vọng. 5. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là con long tượng, nó đã giết

27 Bổn sanh 44Vị thuyết về nhẫn nại" (Khantivādijātakam), số 313, TTP v, tập 32. (ND) 28 Bổn sanh "Con khỉ CūỊanandiya,, {CũỊanandiycỳâtakam), số 222, TTPV, tập 32. (ND) 29 Bổn sanh "Vua Cetiyaṃ (Cetiyajātakam), số 422, TTPV, tập 32. (ND) 30 Bổn sanh <4Vòi chúa giới hạnh,9 (Sīlavanāgcyātakam), số 72, TTP v, tập 32. (ND) 31 Bổn sanh "Mọi loài thú có nanh" (Sabbadāthajātakam), số 241, TTP v, tập 32. (ND)

những chim con của con chim cút, khi ấy đức Bồ-tát cũng đã là con long tượng, chúa của một bầy.32 Cho đến trường hợp ấy, cả hai đã là tương đương nhau. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài dạ-xoa tên Ādhammā, khi ấy đức Bồ-tát cũng đã là loài dạ-xoa tên Dhammā.33 Luôn cả trường hợp ấy, cả hai cũng đã là tương đương nhau. 5 A

Còn có điêu khác nữa, vào lúc Devadatta đã là thuyên trưởng, là người chỉ huy của năm trăm gia đình, khi ấy đức Bồ-tát cũng đã là thuyền trưởng, là người chỉ huy của năm trăm gia đình.34 Luôn cả trường hợp ây5 cả hai cũng đã là tương đương nhau. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là người chỉ đạo đoàn xe, là người chỉ huy năm trăm cỗ xe, khi ấy đức Bồ-tát cũng đã là n^ười chỉ đạo đoàn xe, là người chỉ huy năm trăm cỗ xe.35 Luôn cả trường hợp ây, cả hai cũng đã là tương đương nhau. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là con nai chúa tên Sâkha, khi ấy đức Bồ-tát cũng đã là con nai chúa tên Nigrodha.36 Luôn cả trường hợp ấy, cả hai cũng đã là tương đương nhau. Còn có điêu khác nữa, vào lúc Devadatta đã là vi tướng quân tên Sãkha, khi ấy đức Bồ-tát đã là vị vua tên Nigrodha.37 Luôn cả trường hợp ấy, cả hai cũng đã là tương đương nhau. 6. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là vi Bà-la-môn tên Khandahāla, khi ấy đức Bồ-tát đã là vị vương tử tên Canda.38 Khi ấy, chính Khandahāla này là trội hơn. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là vị vua tên Brahmadatta, khi ây đức Bô-tát đã là vị hoàng tử tên Mahâpaduma, con trai của vị vua ây. Khi ây, vi vua ấy đã ra lệnh ném người con trai của mình xuống corapapâta (khe núi kẻ cướp).39 "Bởi vì ở mọi nơi, chính người cha là đặc biệt, là trội hơn những người con trai", như thế luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn. Còn có điều khác

nữa, vào lúc Devadatta đã là vị vua tên Mahāpatāpa, khi ấy đức Bồ-tát đã là vị hoàng tử tên Dhammapâla, con trai của vi vua ấy. Khi ấy, vị vua ấy đã ra lệnh chặt các bàn tay bàn chân và đầu của người con trai của mình.40 Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là cao hơn, trội hơn. Vào lúc này hôm nay, cả hai cũng đã sanh vào gia tộc Sakyā. Đức Bô-tát đã 32 Bổn sanh "Chim cúf, (Latukikajātakam), số 357, TTP v, tập 32. (ND) 33 Bắn sanh "Thiên tử Dhamma,, (Dhammajātakarn), số 457, TTP v, tập 32. (ND) 34 Bổn sanh uBiển cả và thương bu6n" (Samuddavanijcyātakam), số 466, TTP v, tập 32. (ND) 35 Bổn sanh "Không 16i l*m" (Apannakajātakarn\ số l, TTP v, tập 32. (ND) 36 Bổn sanh "Nai Nigrodha^, (Nigrodhamigqjātakam), số 12, TTP v, tập 32. (ND) 37 Bổn sanh "Vua Nigrodha,, (Nigrodhajātakarri), số 445, TTP v, tập 32. (ND) 38 Bổn sanh "Quan tế tự Khapdahla" (Khandahālqjātakam), số 542, TTP v, tập 34. (ND) 39 Bổn sanh “Hoàng tử Paduma vĩ dại" {Mahāpadumajātakani), số 472, TTP v, tập 32. (ND) 40 Bổn sanh "Tiểu Dhammapāla^, (Culladhammapalajatakarn), số 358, TTP v, tập 32. (ND)

trở thành đức Phật, đấng Toàn Tri, vị Lãnh Đạo Thế Gian, còn Devadatta sau khi xuất gia trong giáo pháp của vị chúa của chư thiên ấy, đã làm sanh khởi thần thông và đã thể hiện ước muốn làm Phật. Thưa Ngài Nãgasena, phải chăng điều đã được trẫm nói, mọi điều ấy đều là như thế ấy, hay là như the khác? 7. Tâu Đại vương, tát cả mọi lý do theo nhiêu loại đã được Ngài dân giải ấy đều y như thế ấy, khòng phải như thế khác. Thưa Ngài Nâgasena, nếu đen cũng như trắng là có cảnh giới tái sanh tương đương nhau, như thế thì phải chăng thiện cũng như bất thiện có quả thành tựu tương đương nhau? Tâu Đại vương, không phải thiện cũng như bát thiện là có quả thành tựu tương đương nhau. Tâu Đại vương, không hẳn là Devadatta đã chống đối lại tất cả mọi người, đã chống đối lại chính đức Bồ-tát. Mà sự chống đối của vị ấy đối với đức Bồ-tát được chín muồi và trổ quả ngay trong mỗi một kiếp sống ấy. Tâu Đại vương, ngay cả Devadatta khi được đặt vào ở vị thế quyền lực cũng ban bố sự bảo vệ đến các xứ sở, cũng cho xây dựng cầu cống, hội trường, phước xá9 cũng dâng cúng vật thí theo như mong mỏi đên các Sa-môn và Bà-la-môn, đến những người khốn khổ và nghèo khó có sự bảo hộ hoặc không có sự bảo hộ. Do quả thành tựu của điều ấy, Devadatta đạt được các sự thành tựu trong từng kiếp sống một. Tâu Đại vương, đối với người nào mà có thể nói về điều này: í6Sẽ hưởng thụ sự thành tựu mà không cần bố thí, rèn luyện, thu thúc, thực hành trai giới?^ Tâu Đại vương, hơn nữa về điều mà Đại vương nói như vầy: "Devadatta và đức Bồ-tát tuần tự luân chuyển chung với nhau”, việc gặp gỡ ấy đã xảy ra không phải với sự trải qua của trăm kiếp sống, không phải với sự trải qua của ngàn kiếp sống, không phải với sự trải qua của trăm ngàn kiếp sống, mà đôi lúc đôi khi đã xảy ra với sự trải qua của nhiều ngày đêm. Tâu Đại vương, hơn nữa về ví dụ về con rùa mù đã được đức Thế Tôn chỉ ra về [sự khó khăn trong] việc thành tựu bản thể nhân loại.41 Tâu Đại vương, hãy ghi nhận việc gặp gỡ của hai người này là [khó khăn] tương tợ như thế. Tâu Đại vương, không phải đã xảy ra sự gặp gỡ của đức Bồ-tát với riêng Devadatta, tâu Đại vương, Trưởng lão Sāriputta trong nhiều trăm ngàn kiếp sống cũng đã là cha, đã là ông nội? đã là chú, đã là anh [em] trai, đã là con trai, đã là chi [em] gái, đã là bạn bè của đức Bồ-tát. Tâu Đại vương, đức Bồ-tát trong nhiều trăm ngàn kiếp

sống cũng đã là cha, đã là ông nội, đã là chil, đã là anh [em] trai, đã là con trai, đã là chi [em] gái, đã là bạn bè của Trường lão Sāriputta. Tâu Đại vương, thậm chí tất cả [những ai] đã được gộp vào thành phần chúng sanh, bị xuôi theo dòng chảy luân hồi, bi cuốn trôi bởi dòng chảy luân hồi, đêu gặp gỡ với những người ghét lẫn người thương.

41 M. III. 164, Bālapanditasuttam (Kinh Hiền g)số 129.

Tâu Đại vương, giông như nước, trong khi bị cuồn trôi theo dòng thì gặp gỡ với vật sạch, dơ, đẹp, xấu, tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thậm chí tát cả [những ai] đã được gộp vào thành phần chúng sanh, bị xuôi theo dòng chảy luân hồi, bị cuôn trôi bởi dòng chảy luân hồi, đều gặp gỡ với những người ghét lẫn người thương. Tâu Đại vương, Devadatta trong khi là dạ-xoa với bản thân theo phi pháp, sau khi khuyến khích những người khác theo phi pháp đã bị nung nấu ở đại địa ngục trong năm trăm bảy mươi sáu triệu năm.42 Tâu Đại vương, còn đức Bồ-tát trong khi là dạ-xoa với bản thân theo đúng pháp, sau khi khuyên khích những người khác theo đúng pháp đã vui sướng ở cõi trời, có đầy đủ tất cả các dục, trong năm trăm bảy mươi sáu triệu năm. Tâu Đại vương, hơn nữa Devadatta trong kiêp sông này sau khi công kích đức Phật là bậc không nên công kích, sau khi chia rẽ hội chúng hòa hợp, đã đi vào trái đất. Đức Như Lai, sau khi được giác ngộ tất cả các pháp, rồi đã viên tịch Niết-bàn khi có sự tiêu diệt của các mầm tái sanh. -Thưa Ngài Nãgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về sự bằng nhau của thiện và bất thiên” là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VÈ HOÀNG HÂU AMARẢ (Amarādevīpañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “n2u có thể đạt được lúc thuận tiện hoặc chỗ kín đáo hoặc có được kẻ mời mọc là người vừa ý, tất cả các nữ nhân cũng có thể làm điều xấu xa với cả người què quặt khi không đạt được kẻ nào khác.59 Và thêm nữa được thuật lại rằng: 'Người đàn bà tên Amarâ, vợ của Mahosadha, đã ở lại trong thôn khi chồng đi xa. Ngồi xuống trong phòng kín, cô quạnh, nàng đã xem chồng như là vị vua và đã không làm điều xấu xa trong khi được mời mọc với một ngàn(tèng." Thưa Ngài Nâgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: 66Nếu có thể đạt được lúc thuận tiện hoặc chỗ kín đáo hoặc có được kẻ mòi mọc là người vừa y, tất cả các nữ nhân cũng có thể làm điều xấu xa với cả người què quặt khi không đạt được kẻ nào khác9\ như thế thì lời nói rằng: "Người đàn bà tên Amarâ, vợ của Mahosadha, đã ở lại trong thôn khi chồng đi xa. Ngồi xuống trong phòng kín, cô quạnh, nàng đã xem chồng như là vị vua và đã không làm điều xấu xa trong khi được mời mọc với một ngàn dong59 là sai trái. Nếu người đàn bà tên Amarã, vợ của Mahosadha, đã ở lại trong thôn khi chồng đi xa. Ngồi xuống trong phòng kín, cô quạnh, nàng đã xem chồng như là vị vua và đã không làm điêu xâu xa trong khi được mời mọc với một ngàn đồng, như thế thì lời nói rằng: 66Nếu có thể đạt được lúc thuận tiện hoặc chỗ

42 57 kotì và 60 trăm ngàn năm.

kín đáo hoặc có được kẻ moi mọc là người vừa ý, tất cả các nữ nhân cũng có thể làm điều xấu xa với cả người què quặt khi không đạt được kẻ nào khác95 cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: ẾÍNếu có thể đạt được lúc thuận tiện hoặc chỗ kín đáo hoặc có được kẻ mời mọc là người vừa ý, tất cả các nữ nhân cũng có thể làm điều xấu xa với cả người què quặt khi không đạt được kẻ nào khác.99 Và được thuật lại rằng: "Người đàn bà tên Amarâ, vợ của Mahosadha, đã ở lại trong thôn khi chồng đi xa. Ngồi xuống trong phòng kín, cô quạnh, nàng đã xem chồng như là vi vua và đã không làm điều xấu xa trong khi được mời mọc với một ngàn dong?5 Tâu Đại vương, người đàn bà ấy trong khi nhận được một ngàn đồng có thể làm hành động xấu xa với người nam vừa ý, [hay] nàng ấy có thể không làm nếu có thể đạt được lúc thuận tiện hoặc chỗ kín đáo hoặc có được kẻ mời mọc là người vừa ý? Tâu Đại vương, người đàn bà Amarâ ấy, trong khi xem xét, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện hoặc chỗ kín đáo hoặc có được kẻ mời mọc là ngườd vừa ý. Nàng đã không nhìn thấy do sợ hãi về sự chê trách ở đời này, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện do sợ hãi về địa ngục ở đời sau, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện [vì nghĩ rằng]: "Việc xấu xa có quả thành tựu đắng cay", đã không nhìn thấy lúc thuận tiện vì không có ý muốn buông bỏ người yêu, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện do sự kính trọng đối với chồng, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện trong khi tôn kính giáo pháp, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện trong khi đang chê trách việc không thánh thiện, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện vì không có ý muốn đổ bể việc làm. Nàng đã không nhìn thấy vì nhiều lý do có hình thức như thế. Còn về chỗ kín đáo, sau khi suy xét ở thế gian, nàng ấy trong khi không nhìn thây nên đã không làm điêu xâu xa. Nêu nàng ây có thê đạt được chô kín đáo đối với loài người thì có thể không đạt được chỗ kín đáo đối với phi nhân. Nếu có thể đạt được chỗ kín đáo đối với phi nhân thì có thể không đạt được chỗ kín đáo đối với những vị xuất gia biết được tâm của người khác. Nấu có thể đạt được chỗ kín đáo đối với những vị xuất gia biết được tâm của người khác thì có thể không đạt được chỗ kín đáo đối với chư thiên biết được tâm của người khác. Nếu có thể đạt được chỗ kín đáo đối với chư thiên biết được tâm của người khác thì có thể không đạt được chỗ kín đáo đối với các điều xấu xa bởi chính mình. Nếu có thể đạt được chỗ kín đáo đối với các điều xấu xa bởi chính mình thì có thể không đạt được chỗ kín đáo đối với điều phi pháp. Sau khi không đạt được chỗ kín đáo vì nhiều lý do có hình thức như thế, nàng đã không làm điều xấu xa.

962 KINH TIÊU Bộ

Còn vê kẻ mời mọc, sau khi xem xét ở thê gian, trong khi không đạt được người vừa ý, nàng ấy đã không làm điều xấu xa. 3. Tâu Đại vương, bậc sáng trí Mahosadha được hội đủ với hai mươi tám yếu tố. Được hội đủ với hai mươi tám yếu tố nào? Tâu Đại vương, Mahosadha là bậc anh hùng, có tàm5 có quý, có tùy tùng, đạt được bạn bè, nhẫn nại, có giới hạnh, nói lời chân thật, đạt được sự thanh tịnh, không giận dữ, không ngã mạn thái quá, không ganh tỵ, có sự tinh tấn, năng nỗ [làm phước thiện], hào phóng, rộng rãi, nói năng khéo léo, cư xử khiêm tốn, tế nhi, không gian trá, không xảo quyeq đạt được sự thông minh vượt bậc, khôn khéo, đạt được kiến thức, có sự tam cầu lợi ích cho

những người nương tựa, được mọi người mong mỏi, có tài sản, có danh vọng. Tâu Đại vương, bậc sáng trí Mahosadha được hội đủ với hai mươi tám yếu tố này. Nàng ấy sau khi không đạt được kẻ mời mọc nào khác vừa ý, nàng ấy đã không làm điều xấu xa. Thưa Ngài Nāgasena, tót lăm! Trâm chập nhận điêu này đúng theo như vậy. 66Câu hỏi về Hoàng hậu Āma" là thứ tám.

9. CÂU HỎI VỀ Sự KHÔNG sợ HÃI CỦA BẬC LẬU TÂN (Khīnāsavābhayanapañho) ỉ. Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: í6Các vi A-la-hán có sự sợ hãi và run rẩy đã được xa lia." Và thêm nữa ở thành Rājagaha, năm trăm bậc lậu tận sau khi nhìn thấy con voi Dhanapâlaka đang lao đen gần đức Thế Tôn, đã rời bỏ đấng Chiến Thắng Cao Quý và đã tản mác khắp các phương ngoại trừ một vị là Trưởng lão Ānanda. Thưa Ngài Nãgasena, phải chăng các vị A-la-hán ấy đã tản mác vì sợ hãi? Hay là đã tản mác với ước muốn được chứng kiến than thông không thể đo lường, vĩ đại, không thể sánh bằng của đức Như Lai? Thưa Ngài Nâgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: "Các vị A-la-hán có sự sợ hãi và run rẩy đã được xa lia", như thế thì lời nói rằng: "d thành Rājagaha, năm trăm bậc lậu tận sau khi nhìn thấy con voi Dhanapâlaka đang lao đen gần đức Thế Tôn, đã rời bỏ đấng Chiến Thắng Cao Quý và đã tản mác khắp các phương ngoại trừ một vị là Trưởng lão Ānanda" là sai trái. Nếu ở thành Rājagaha, năm trăm bậc lậu tận sau khi nhìn thấy con voi Dhanapãlaka đang lao đen gần đức Thế Tôn, đã rời bỏ đấng Chiến Thắng Cao Quý và đã tản mác khắp các phương ngoại trừ một vị là Trưởng lão Ānanda, như thế thì lời nói rằng: "Các vị A-la-hán có sự sợ hãi và run rẩy đã được xa lia" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Các vị A-la-hán có sự sợ hãi và run rây đã được xa lia." Và ở thành Rājagaha, năm trăm bậc lậu tận sau khi nhìn thây con voi Dhanapâlaka đang lao đến gần đức Thế Tôn, đã rời bỏ đấng Chiến Thắng Cao Quý và đã tản mác khắp các phương

ngoại trừ một vị là Trưởng lão Ānanda. Tuy nhiên, điều ấy không do sự sợ hãi, cũng không phải do sự mong muôn đê khiên cho đức Thê Tôn bị ngã gục. Tâu Đại vương, do nhân nào các vị A-la-hán có thể bi sợ hãi hoặc có thể bị run rẩy, nhân ấy đã được trừ tuyệt ở các vi A-la-hán; vì thế các vi A-la-hán có sự sợ hãi và run ray đã được xa lìa. Tâu Đại vương, vậy thì đại địa cau có bị sợ hãi trong khi [bị] đào xới, trong khi [bị] đổ vỡ, trong khi nâng đỡ biển cả, núi non và đỉnh núi? Thưa Ngài, không có. Tâu Đại vương, vì lý do gì? Thưa Ngài, nhân nào khiến cho đại địa cầu có thể bị sợ hãi hay bị run rẩy thì nhân ây không có ở đại địa câu. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, nhân nào khiên cho các vị A-la-hán có thể bị sợ hãi hay bị run rẩy thì nhân ấy không có ở các vị A-la-hán. Tâu Đại vương, vậy thì đỉnh núi có bị sợ hãi trong khi [bị] nứt nẻ, trong khi [bị] đổ vỡ? trong khi sụp xuống, hoặc trong khi [bị] đốt nóng bởi ngọn lửa? Thưa Ngài, không có. -Tâu Đại vương, vì lý do gì? 3. Thưa Ngài, nhân nào khiến cho đỉnh núi có thể bị sợ hãi hay bị run rẩy thì nhân ấy không có ở đỉnh núi. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, nhân nào khiên cho các vi A-la-hán có thể bị sợ hãi hay bi run rẩy

thì nhân ấy không có ở các vi A-la-hán. Tâu Đại vương, nếu như tất cả những ai đó được gộp vào thành phần chúng sanh ở trăm ngàn thế giới, với bàn tay cầm gươm, đuổi theo và dọa dẫm một vi A-la-hán, thì cũng không có bất cứ điều gì đổi khác ở tâm của vị A-la-hán. Vì lý do gì? Bởi vì sự không thực tê và tính chát không hợp lý. Tâu Đại vương, hơn nữa các vị A-la-hán ấy đã có ý nghĩ suy tầm như vầy: "Hôm nay, khi bậc cao quý và ưu tú của loài người, đấng Chiến Thắng anh hùng cao quý, đã tiến vào thành phô cao quý ở trên con đường thì con voi Dhanapãlakaka sẽ lao đên. Điêu không nghi ngờ là vị thi giả sẽ không rời bỏ vị chúa của chư thiên. Nếu tất cả chúng ta sẽ không rời bỏ đức Thế Tôn thì đức tính của Ānanda sẽ không được thể hiện, và chủ yếu là con long tượng sẽ không tự tiến đến gần đức Như Lai. Vậy chúng ta hãy tránh ra xa. Điều này là như vậy, sẽ có sự giải thoát khỏi sự trói buộc của phiền não cho đám đông người, và đức tính của Ānanda sẽ được thể hiên." Như vậy, sau khi nhìn thấy sự lợi ích5 các vi A-la-hán ấy đã tản mác khắp các phương. Thưa Ngài Nâgasena, câu hỏi đã khéo được phân giải. Điều ấy là như vậy, không có sự sợ hãi hoặc sự run rẩy đối với các vị A-la-hán. Các vị A-la-hán ấy, sau khi nhìn thấy sự lợi ích, đã tản mác khắp các phương. “Câu hỏi về sự không sợ hãi của bậc lậu tậnw là thứ chín.

10. CÂU HỎI VÈ BẢN THẺ TOÀN TRI CỦA ĐỨC NHƯ LAI (Tathāgatasabbaññutāpañho)

1. Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: ố6Đức Như Lai là đấng Toàn Tri.” Và thêm nữa, Ngài nói rằng: 6'Khi hội chúng Tỳ-khiru đứng đầu là Sāriputta và Moggallẫna bi đức Như Lai giải tán, các vi dòng Sakyā ờ tại Cãtumã và Phạm thiên Sahampati đã nhắc đến ví dụ về hạt giống và ví dụ về con bê nhỏ khiến cho đức Thế Tôn tin tưởng, tha thứ và đã tỏ vẻ hài lòng.95 Thưa Ngài Nâgasena, phải chăng đức Như Lai đã không biết đến các ví dụ ấy, và nhờ vào các ví dụ ấy mà đức Như Lai đã được thích thú, tha thứ, an tịnh và đã tỏ vẻ hài lòng? Thưa Ngài Nâgasena, nếu đức Như Lai đã không biết đến các ví dụ ấy, như thế thì đức Phật không là đấng Toàn Tri. Nếu biết, như thế thì Ngài đã ép buộc dời đi, đã giải tán, không có ý định tìm hiểu, như thế thì lòng thương xót không hiện hữu ở Ngài. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, đức Như Lai là đấng Toàn Tri. Và nhờ vào các ví dụ ấy mà đức Thế Tôn đã tin tưởng, thích thú, tha thứ, an tinh và đã tỏ vẻ hài lòng. Tâu Đại vương, đức Như Lai là đấng Pháp Chủ. Nhờ vào các ví dụ đã được chính đức Như Lai công bố ấy mà các vị đã làm cho đức Như Lai được vừa ý, vui vẻ, tin tưởng. Và tin tưởng vào các vi ấy, đức Như Lai đã nói lời tùy hỷ rằng: "T6t lắm!” Tâu Đại vương, hoặc là giông như người đàn bà nhờ vào tài sản của chính mình dành cho người chồng mà làm cho chồng được vừa ý, vui vẻ9 tin tưởng. Và người chồng nói với cô ấy lời tùy hỷ rằng: "T6t lắm!" Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nhờ vào các ví dụ đã được chính đức Như Lai công bố ấy mà các vị dòng Sakyā ở tại Cãtumā và Phạm thiên Sahampati đã làm cho đức Như Lai được vừa ý, vui vẻ? tin tưởng. Và tin tưởng vào các vị ấy, đức Như Lai đã nói lời tùy hỷ rang: "Tót m!” “ • 3 Tâu Đại vương, hoặc là giống như người thợ cạo, trong lúc trang điểm cái đầu của đức vua, nhờ vào cái lược vàng của chính mình dành cho đức vua mà làm cho đức vua được vừa ý, vui vẻ, tin tưởng. Và tin tưởng vào người ấy, đức vua nói lời tùy hỷ rằng: "Tốt lắm!”rồi ban

thưởng theo như ước muốn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nhờ vào các ví đụ đã được chính đức Như Lai công bo ấy mà các vị dòng Sakyā ở tại Cātumā và Phạm thiên Sahampati đã làm cho đức Như Lai được vừa y, vui vẻ, tin tưởng. Và tin tưởng vào các vị ấy, đức Như Lai đã nói lời tùy hỷ rằng: "Tốt lắm!" Tâu Đại vương, hoặc là giống như người đệ tử sau khi nhận lấy đồ ăn khất thực đã được mang lại cho thầy tế độ, trong khi dâng lên cho thầy tế độ mà làm cho thầy tế độ được vừa ý5 vui vẻ, tin tưởng. Và tin tưởng vào người ấy, thầy tế độ nói lời tùy hỷ rằng: "T6t lm!" Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nhờ vào các ví dụ đã được chính đức Như Lai công bố ấy mà các vi dòng Sakyā ở tại

Cātumā và Phạm thiên Sahampati đã làm cho đức Như Lai được vừa y, vui vẻ, tin tưởng. Và tin tưởng vào các vị ấy, đức Như Lai sau khi nói lời tùy hỷ rằng: "Tốt lắm!", rồi đã thuyết giảng giáo pháp đưa đến sự hoàn toàn giải thoát mọi khổ đau. -Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. 6Câu hỏi về bản thể toàn tri của đức Như Lai" là thứ mười. Phẩm về trí toàn tri là thứ tư. (Trong phẩm này có mười câu hỏi)

966 KINH TIÊU BÔ

V PHẨM THÂN THIẾT (SANTHAVAVAGGO)

1. CÂU HỎI VÈ Sự THÂN THIẾT (Santhavapañho) 1. Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Sq hãi sanh ra từ sự thân thiết, bụi bặm sanh ra từ nhà ở, không nhà ờ không thân thiết, quả thật điều ấy là quan điểm của bậc hiền tri2t."43 Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: "Nén cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều [học rộng] ngụ tại nơi ấy."44 Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Như Lai là: "Sợ hãi sanh ra từ sự thân thiết, bụi bặm sanh ra từ nhà ở, không nhà ở không thân thiết, quả thật điều ấy là quan điểm của bậc hiền triết", như thế thì lời nói rằng: "Nên cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều [học rộng] ngụ tại nơi ấy" là sai trái. Nếu điều đã được nói bởi đức Như Lai là: "Nên cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều [học rộng] ngụ tại nơi ấy", như thế thì lời nói rằng: "Shãi sanh ra từ sự thân thiết, bụi bặm sanh ra từ nhà ở, không nhà ở không thân thiết, quả thật điều ấy là quan điểm của bậc hiền triết" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Sq hãi sanh ra từ sự thân thiết, bụi bặm sanh ra từ nhà ở, không nhà ờ không thân thiết, quả thật điều ấy là quan điểm của bậc hiền triết." A

Và Ngài đã nói răng: "Nên cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều [học rộng] ngụ tại nơi ấy." Tâu Đại vương, điều đã được đức Thế Tôn nói là: "Sọr hãi sanh ra từ sự than thiết, bụi bặm sanh ra từ nhà ở, không nhà ở không thân thiết, quả thật điều ấy là quan điểm của bậc hiền triết"? điều ấy là lời nói về bản thể, là lời nói không thiếu sót, là lời nói không thay đoi, [điều ấy] tương xứng với Sa-môn? thích hợp với Sa-môn, thích đáng với Sa-môn5 xứng đáng với Sa-môn, [việc ấy] là hành xứ của Sa-môn, là

cách thức của Sa-môn, là pháp hành của Sa-môn. Tâu Đại vương, giống như con nai là loài thú rừng, trong khi lang thang ở

43 Suttanipâtapãịi (Kinh tập), TTPV, tập 29, trang 65, câu kệ 209. 44 Tạng Luật, tập 2, Tiểu phẩm, TTPV, tập 7, trang 133.

rừng cây, rừng rậm, không chỗ ngụ? không nhà ở, thì ngủ [nơi nào] theo như ý thích, tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị Tỳ-khưu nên suy tư rằng: "Sọt hãi sanh ra từ sự thân thiết, bụi bặm sanh ra từ nhà ở, không nhà ở không thân thiết, quả thật điều ấy là quan điểm của bậc hiền triết.' 3. Tâu Đại vương, trái lại về điều đã được đức Thế Tôn nói là: "Nên cho xay dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều [học rộng] ngụ tại nơi ấy", điều ấy đã được đức Thế Tôn nói trong khi xem xét về hai lợi ích. Hai điều nào? Việc gọi là bố thí trú xá được tất cả chư Phật ngợi khen, đồng ý, tán dương, ca tụng rằng: "Những người ấy sau khi dâng cúng vật thí về trú xá ấy thì sẽ hoàn toàn giải thoát khỏi sanh, già, chết." Đây là lợi ích thứ nhất trong việc bố thí trú xá. Còn có điều khác nữa, trong khi trú xá được hiện hữu thì các Tỳ-khưu-ni sẽ có được nơi gặp ệỡ các vi [Tỳ-khun] có kinh nghiệm, đối với những người có ước muôn tiêp kiên thì việc tiêp kiên sẽ la việc de dang đạt được, việc khó tiêp kiến sẽ xảy ra khi không có trú xứ. Đây là lợi ích thứ nhi trong việc bố thí tru xá. Trong khi xem xét về hai lợi ích này, đức Thế Tôn đã nói răng: "Nên cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều [học rộng] ngụ tại nơi ấy." Trong trường hợp ấy, người con trai của đức Phật không nên biến chỗ ngụ thành nhà ở. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. uCâu hỏi về sự thân thiEt” là thứ nhất.

2. CÂU HỎI VỀ VIỆC HẠN CHÉ BAO TỬ (Udarasamyatapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: ^Không nên xao lãng trong việc đứng [khất thực], nên hạn chế ờ bao tủ*.” Và thêm nữa? đức Thế Tôn đã nói rằng: "Này Udāyi, tuy nhiên một đôi khi Ta thọ thực với bình bát này đầy ngang miệng, thậm chí Ta còn thọ thực nhiều hơn thế nữa." Thưa Ngài Nâgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: "Không nên xao lãng trong việc đứng [khất thực], nên hạn chế ở bao tử", như thế thì lời nói rằng: "Này Udāyi, tuy nhiên một đôi khi Ta thọ thực với bình bát này đầy ngang miệng, thậm chí Ta còn thọ thực nhiều hơn thế nữa” là sai trái. Nếu điêu đã được nói bởi đức Như Lai là: uNày Udāyi, tuy nhiên một đôi khi Ta thọ thực với bình bát này đay ngang miệng, thậm chí Ta còn thọ thực nhiều hơn thế nữa95, như thế thì lời nói rằng: "Không nên xao lãng trong việc đứng [khất thực], nên hạn che ở bao tử" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Không nên xao lãng trong việc đứng [khất thực], nên hạn chế ở bao tử." Và Ngài đã nói rằng: "Này Udāyi, tuy nhiên một đôi khi Ta thọ thực với bình bát này đầy ngang miệng, thậm chí Ta còn thọ thực nhiều hơn thế nữa." Tâu Đại vương, điều mà đức Thế Tôn đã nói là: "Không nên xao lãng trong

việc đứng [khất thực], nên hạn chê ở bao tử", điều ấy là lời nói về bản thể, là lời nói không thiếu sót, là lời nói đầy đủ, là lời nói không thay đổi, là lời nói về sự thật, là lời nói đúng sự thật, là lời nói chính xác, là lời nói không sái quấy, là lời nói của bậc Ẩn Sĩ, là lời nói của bậc Hiền Triết, là lời nói của đức Thế Tôn, là lời nói của vị A-la-hán, là lời nói của vị Phật Độc Giác, là lời nói của đấng Chiến Thắng, là lời nói của đấng Toàn Tri, là lời nói của đức Như Lai, bậc A-la- hán, đấng Chánh Đẳng Giác. Tâu Đại vương, người không hạn chế ở bao tử giết hại mạng sống, lấy vật không cho, đi đến vợ người khác, nói lời dối trá, uống chất say, đoạt mạng sống của mẹ, đoạt mạng sống của cha, đoạt mạng sống của vị A-la-hán, chia rẽ hội chúng, làm chảy máu đức Như Lai với tâm ác xấu. Tâu Đại vương, chẳng phải Devadatta, kẻ không hạn chế ở bao tử, đã chia rẽ hội chúng và đã gây nên nghiệp kéo dài một kiếp (trái đất). Tâu Đại vương, sau khi nhìn thấy các lý do khác, nhiều loại, có hình thức như thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Không nên xao lãng trong việc đứng [khất thực], nên hạn chế ở bao tử.” 3. Tâu Đại vương, người hạn chế ở bao tử lãnh hội được sự lãnh hội về bốn sự thật, chứng ngộ bốn quả vị Sa-môn, đạt được bản thể năng lực về bốn tuệ phân tích, về tám thiền chứng, về sáu thắng trí, và làm tròn đủ toàn bộ phận sự của Sa-môn. Tâu Đại vương, chẳng phải con bồ câu xinh, sau khi hạn chế ở bao tử, đã làm rung động đến tận cung trời Đạo-lợi và đã khiến cho Sakkā, chúa của chư thiên, phải đi đến chăm sóc.45 Tâu Đại vương, sau khi nhìn thấy các lý do khác, nhiều loại, có hình thức như thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Không nên xao lãng trong việc đứng [khất thực], nên hạn che ở bao tử.” Tâu Đại vương, trái lại về điều đã được đức Thế Tôn nói là: "Này Udāyi, tuy nhiên một đôi khi Ta thọ thực với bình bát này đầy ngang miệng, thậm chí Ta còn thọ thực nhiều hơn thế nữa", điều ấy đã được đấng Toàn Tri, bậc Tự Chủ, đức Như Lai, vị có phận sự đã làm xong, có công việc đã hoàn thành, có mục đích đã được thành tựu, có nhiệm vụ đã hoàn mãn, không còn chướng ngại, nói về bản thân Ngài. Tâu Đại vương, giống như đối với người bị bệnh cần được ói ra, cần được xổ, cần phải thải độc, thì công việc chăm sóc là cần thiết, tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với người còn phiền não chưa thay được sự thật thì việc hạn chế ở bao tử là việc nên làm. Tâu Đại vương, giống như đối với viên ngọc quý ma-ni có hào quang, nguyên chất, có phẩm chất cao và hoàn toàn tinh khiết thì không có việc cần phải chùi mài, chà xát, đánh bóng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với đức Như Lai, vi đã đi đến sự toàn hảo trong cương vị của một bậc Giác Ngộ, thì không có sự trở ngại trong các hành động và việc làm. Thưa Ngài Nãgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. 6íCâu hỏi về việc hạn chế bao là thứ nhì.

45 Bổn sanh “Chim k6t lớn", số 429 và Bổn sanh “Chim két nhỏ,\ số 430, TTPV, tập 32. (ND)

MILINDAVÁN ĐẠO 969

3. CÂU HỎI VỀ Sự ÍT BỆNH CỦA ĐỨC THÉ TÔN (Bhagavato appābādhapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: í4Này các Tỳ-khưu, Ta là vi Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin, luôn có bàn tay đưa ra [bố thí], mang thân mạng cuối cùng, là vi y sĩ, vi phẫu thuật vô thương.^ Và thêm nữa, đức Thế Tôn đã nói

rằng: 66Này các Tỳ-khưu, vi đứng đầu trong số các Tỳ-khưu đệ tử ít có bệnh tật của Ta, tức là Bakkula." Và bệnh tật được nhìn thấy đã nhiều lần sanh khởi ở cơ thể của đức Thế Tôn. Thưa Ngài Nâgasena, nếu đức Như Lai là vô thượng, như thế thì lời nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, vị đứng đầu trong số các Tỳ-khưu đệ tử ít có bệnh tật của Ta, tức là Bakkula" là sai trái. Nếu Trưởng lão Bakkula là đứng đầu trong số các vị ít có bệnh tật, như thế thì lời nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, Ta là vi Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin, luôn có bàn tay đưa ra [bố thí], mang thân mạng cuối cùng, là vị y si, vị phẫu thuật vô thượng" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, Ta là vi Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin, luôn có bàn tay đưa ra [bố thí], mang thân mạng cuối cùng, là vị y sĩ, vi phẫu thuật vô thượng." Và Ngài đã nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, vị đứng đầu trong số các Tỳ-khưu đệ tử ít có bệnh tật của Ta, tức là Bakkula.Ỵ Tuy nhiên, điều ấy được nói có liên quan đến tình trạng đang có ở bản thân đối với sự chứng đắc và việc học tập ở bên ngoài [của Tam tạng]. Tâu Đại vương, hơn nữa có những vị đệ tử của đức Thế Tôn là các vi chuyên đứng và đi kinh hành. Các vi ấy trải qua ngày đêm với việc đứng và đi kinh hành. Tâu Đại vương, trái lại đức The Tôn trải qua ngày và đêm với việc đứng, đi kinh hành, ngoi và nam. Tâu Đại vương, những vi Tỳ-khưu nào chuyên đứng và đi kinh hành, những vi ấy là vượt trội về chi phần ấy. Tâu Đại vương, hơn nữa có những vi đệ tử của đức Thế Tôn là các vị thọ o — A >< r • Ắ 1 \\ y A i A M thực chỉ một chô ngôi. Các vị ây cho dù vì nguyên nhân mạng sông, cũng không thọ dụng hai bữa ăn. Tâu Đại vươnệ, trái lại đức Thế Tôn thọ dụng vật thực thậm chí đến lần thứ nhì luôn cả đến lan thứ ba. Tâu Đại vương, những vi Tỳ-khưu nào chỉ thọ thực một chỗ ngồi, những vị ấy là vượt trội về chi phần ấy. Tâu Đại vương, những việc làm ấy với nhiều hình thức được nói đến có liên quan đến việc này việc nọ của những vị này vị khác. Tâu Đại vương, tuy nhiên đức Thế Tôn là vượt trội về giới, về định, về tuệ, về giải thoát, về trí tuệ và nhận thức vê sự giải thoát, vê mười lực, vê bôn pháp tự tín, vê mười tám pháp của vi Phật, về sáu trí khônệ phổ thông [đến các vị Thinh văn]. Và điều áy đã được nói đên có liên quan đên toàn bộ cương vị của một bậc Giác Ngộ là: “Này các Tỳ-khưu, Ta là vị Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin, luôn có bàn tay đưa ra [bố thí], mang thân mạng cuối cùng, là vị y sĩ, vị phẫu thuật vô thượng.”

3. Tâu Đại vương, nơi đây ở giữa loài người: Một người là có dòng dõi, một người có tài sản, một người có kiến thức, một người có tài nghệ, một người là anh hùng, một người có sự cảnh giác, sau khi vượt trội tát cả những người này, chính đức vua là tối thượng trong số những người ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, đức Thế Tôn là vị đứng đâu, cao cả, tôi thượng trong sô tất cả các chúng sanh. Trái lại, về việc Đại đức Bakkula đã là người ít có bệnh tật, việc ấy là do năng lực của sự ước nguyện. Tâu Đại vương, bởi vì khi bệnh đau bụng bão của đức Thế Tôn Anomadassĩ đã sanh khởi, và khi bệnh hoa cỏ [dị ứng?] của đức Thế Tôn Vipassĩ và sáu mươi tám ngàn vi Tỳ-khưu đã sanh khỏi, vi ấy trong khi bản thân là đạo sĩ khổ hạnh, đã xua đi cơn bệnh ấỵ bằng vô số thuốc men khác loại nên đã đạt được trạng thái ít bệnh tật. Và điêu đã được nói là: “Này các

Tỳ-khmi, vị đứng đầu trong số các Tỳ-khưu đệ tử ít có bệnh tật của Ta, tức là Bakkula." Tâu Đại vương, trong khi căn bệnh của đức Thế Tôn đang sanh lên cũng như đang tiếp diễn, trong khi Ngài đang duy trì cũng như không duy trì pháp từ khước, không có bất cứ chúng sanh nào sánh bằng đức Thế Tôn. Điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời, nói đến ở đoạn Varalañchaka (Dấu ấn cao quỷ) thuộc Samyuttanikāya (Tương teng bộ) rằng: “Này các Tỳ-khưu, cho đen các hàng chủng sanh không chân, hoặc hai chân, hoặc bốn chân, hoặc nhiều chân, hoặc hữu hình, hoặc vô hình, hoặc hữu tưởng, hoặc vô tưởng, hoặc phi tưởng phỉ phi tưởng, trong sổ các hạnệ ấy đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chảnh Đang Giác được gọi là hạng nhấty Thưa Ngài Nãgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về sự ít bệnh của đức Thế T6n” là thứ ba.

4. CÂU HỎI VÈ VỊ LÀM SANH KHỞI ĐẠO Lô CHƯA ĐƯỢC SANH KHỞI (Anuppannamagguppādakapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã đuyc đức Thế Ton nói đến: 6Này các Tỳ-khưu, đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi.” Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: 6'Này các Tỳ-khưu, Ta đã nhìn thấy đạo lộ cổ xưa, con đường cổ xưa đã được các bậc Chánh Đẳng Giác trước đây di theo.” Thưa Ngài Nâgasena, nếu đức Như Lai là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi, như thế thì lời nói rằng: “Này các Tỳ-khưu, Ta đã nhìn thấy đạo lộ cổ xưa, con đường cổ xưa đã được các bậc Chánh Đẳng Giác trước đây đi [heo” là sai trái. Nếu đức Như Lai đã nói rằng: “Này các Tỳ-khưu, Ta đã nhìn thấy đạo lộ cổ xua, con đường cổ xưa đã được các bậc Chánh Đẳng Giác trước đây đi theo”, như thế thì lời nói rằng: "Đức Như Lai là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi^, cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: 6íNày các Tỳ-khưu, đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khỏi." Và Ngài đã nói rằng: 6Này các Tỳ-khưu, Ta đã nhìn thấy đạo lộ cổ xưa, con đường cổ xưa đã được các bậc Chánh Đẳng Giác trước đây đi theo.” Cả hai điều ấy đều là lời nói về bản thể. Tâu Đại vương, với sự biến mất của các đức Như Lai trước đây, trong khi không có người chỉ dạy, đạo lộ đã biến mất. Đức Như Lai ấy? trong khi quán sát bằng tuệ nhãn về đạo lộ đã bi tiêu hoại, đã bị đổ nát, đã bị phủ lấp, đã bi đóng lại, đã bi che kín, không còn có sự thực hành hoàn mãn ấy, đã nhìn thấy rằng đạo lộ ấy đã được các bậc Chánh Đẳng Giác trước đây đi theo. Bởi lý do ấy, Ngài đã nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, Ta đã nhìn thấy đạo lộ cổ xưa, con đường cổ xưa đã được các bậc Chánh Đẳng Giác trước đây đi theo.” Tâu Đại vương, với sự biến mất của các đức Như Lai trước đây, trong khi không có người chỉ dạy, đạo lộ đã bi tiêu hoại, đã bi đổ nát, đã bi phủ lấp, đã bị đóng lại, đã bi che kín, không còn có sự thực hành hoàn mãn ấy; giờ đây đức Như Lai đã thể hiện việc thực hành hoàn mãn. Bởi lý do ấy, Ngài đã nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, đức Như Lai là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khỏi." 3. Tâu Đại vương, ở đây do sự biên mát của đức Chuyên Luân Vương, viên ngọc

ạuý ma-ni ẩn tàng ở nơi đỉnh núi. Rồi do việc hành xử chính trực của đức Chuyên Luân Vương khác, nó lại hiện đến. Tâu Đại vương, phải chăng viên ngọc quý ma-ni ấy là được tạo ra cho vị ấy? Thưa Ngài, kh6ng đúng. Thưa Ngài, viên ngọc quý ma-ni vốn là vật hiển nhiên, tuy nhiên do vi ấy mà nó lại hiện ra. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đạo lộ an toàn có tám chi phần đã được thực hành bởi các đức Như Lai trước đây vốn là hiển nhiên trong khi không có người chỉ dạy, thì đã bị tiêu hoại, đã bị đổ nát, đã bị phủ lấp, đã bị đóng lại, đã bị che kín, không còn có sự thực hành hoàn mãn; đức Thế Tôn trong khi quán sát bằng tuệ nhãn đã làm sanh khởi, đã thể hiện việc thực hành hoàn mãn [đạo lộ ấy]. Bởi lý do ấy, Ngài đã nói rằng: "Này các Tỳ-khưu? đức Như Lai là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi.,, Tâu Đại vương, hoặc là giống như với việc sanh ra đứa con trai qua đường tử cung và đứa con đang hiện hữu thì người mẹ được gọi là "sanh mẫu,\ Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, trong khi quán sát bằng tuệ nhãn về đạo lộ vốn luôn hiện hữu nhưng đã bị tiêu hoại, đã bị đổ nát, đã bị phủ lấp, đã bi đóng lại, đã bị che kín, không còn có sự thực hành hoàn mãn, đức Như Lai đã làm sanh khởi, đã thể hiện việc thực hành hoàn mãn [đạo lộ ấy]. Bởi lý do ấy, Ngài đã nói răng: "Này các Tỳ-khưu, đức Như Lai là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi?9 4. Tâu Đại vương, hoặc là giống như một người nam nào đó nhìn thấy vật ẹì đó đã bị thất lạc, thì người ta đồn đãi rằnệ "Nhờ người ấy mà vật ấy được xuat hiện.,, Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, trong khi quán sát băng tuệ nhãn vê

đạo lộ vốn luôn hiện hữu nhưng đã bị tiêu hoại, đã bị đổ nát, đã bị phủ lấp, đã bị đóng lại, đã bị che kín, không còn có sự thực hành hoàn mãn, đức Như Lai đã làm sanh khởi, đã thể hiện việc thực hành hoàn mãn [đạo lộ ấy]. Bởi lý do ấy, Ngài đã nói rằng: “Này các Tỳ-khiru, đức Như Lai là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh kh&i." Tâu Đại vương, hoặc là giống như một nẹười nam nào đó dọn sạch mảnh rừng rồi ban ra thành đất bằng, thì người ta đon đãi rằng: “Mảnh đất ấy là của nệười ấy." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, trong khi quán sát bằng tuệ nhãn vê đạo lộ vốn luôn hiện hữu nhưng đã bị tiêu hoại, đã bị đô nát, đã bị phủ lâp, đã bị đóng lại, đã bi che kín, không còn có sự thực hành hoàn mãn, đức Như Lai đã làm sanh khởi, đã thể hiện việc thực hành hoàn mãn [đạo lộ ấy]. Bởi lý do ấy, Ngài đã nói rằng: uNày các Tỳ-khưu? đức Như Lai là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh kh&i." Thưa Ngài Nāgasena, tót lăm! Trâm chập nhận điêu này đúng theo như vậy. 6'Câii hỏi về vi làm sanh khỏi đạo lộ chưa được sanh khởi” là thứ tư.

5. CÂU HỎI VÈ LOMASAKASSAPA (Lomasakassapapañho) ỉ. Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: 66Vào thời quá khứ, trong khi có bản thể nhân ỉoại9 Ta đã là ngirời có bản tánh không hãm hại chúng sanh.” Và thêm nữa, Ngài đã nói răĩiệ wTrong khi ỉa vị ẩn sĩ tên Lomasakassapa đã giết chết hàng trăm mạng sống và đã hiến cúng đại lễ tế thần Vājapeyya.^6 Thưa Ngài Nâgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: "Vào thời quá khứ, trong khi có bản the nhân loại, Ta đã là ngiròi có bản tánh không hãm hại chúng sanh", như thế thì lời nói rằng: "Đại lễ te thần Vậịapeyya đã được ẩn sĩ Lomasakassapa hiến cúng sau khi đã giết chết hàng trăm

mạng s6ng" là sai trái. Nếu đại lễ tế thần Vājapeyya đã được ẩn sĩ Lomasakassapa hiến cúng sau khi đã giết chết hàng trăm mạng sống, như thế thì lời nói rằng: "Vào thời quá khứ, trong khi có bản thể nhân loại, Ta đã là người có bản tánh không hãm hại chúng sanh" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Vào thời quá khứ, trong khi có bản thể nhân loại, Ta đã là người có bản tánh không hãm hại chúng sanh." Và đại lễ tế thần Vặịapeyya đã được ẩn sĩ Lomasakassapa hiến cúng sau khi đã giết chết hàng trăm mạng sống. Tuy nhiên, việc ấy là do tác động của ái luyến, không có sự suy nghi, không có sự cố ý. Thưa Ngài Nâgasena, tám hạng người này giết hại mạng sống. Tám hạng nào? Hạng luyến ái giết hại mạng song do tác động của luyến ái, hạng xấu xa giết hại mạng sống do tác động của sân, hạng mê mờ giết hại mạng sống do tác

46 Bổn sanh 44Ẩn sĩ Lomasakassapa,, (Lomasakassapajātakam), số 433, TTPV, tập 32. (ND)

.. Mi,, n

động của si, hạng ngã mạn giêt hại mạng sông do tác động của ngã mạn, hạng tham lam giết hại mạng sống do tác động của tham, hạng không có gì giết hại mạng sống vì mục đích nuôi mạng, hạng ngu dốt giết hại mạng sống do tác động của sự đùa giỡn, đức vua giết hại mạng sống do tác động của kỷ cương. Thưa Ngài Nāgasena, đây là tám hạng người giết hại mạng sống. Thưa Ngài Nāgasena, có phải việc đã làm bởi đức BÒ-tát có tính chất tự nhiên? -Tâu Đại vương, việc đã làm bởi đức Bồ-tát không phải co tính chất tự nhiên. Tâu Đại vương, nếu đức Bồ-tát hạ thấp [phẩm cách] để hiến cúng đại lễ tế thần vì bản tánh tự nhiên thì không nói lên lời kệ này: 64Ta không mong muốn vùng đất có sự bao quanh của biển cả, có biển là vòng đai, cùng vối lời phỉ báng. Này Sayha, ngươi hãy nhận biết như vậy?947 3. Tâu Đại vương, với lời nói như vậy, đức Bô-tát do việc nhìn thây nàng Candavatī, con gái của đức vua, đã không còn có sự suy nghĩ, tâm bi tán loạn, bi luyến ái, có trạng thái không suy nghi, vô cùng bối rối, vô cùng vội vã. Với tâm đã bị tán loạn, đã bị lay động, đã bị khuấy động ấy, vị ấy đã hiến Cling đại lễ tế thần Vājapeyya với sự tích lũy to lớn khổng lồ về lượng máu từ cần cổ của những con thú bị giết. Tâu Đại vương, giống như kẻ bi điên có tâm bị tán loạn, bước lên ngọn lửa đã được đốt cháy, nam bắt con rắn độc đã bị lên cơn giận, cưỡi lên con voi đã bi noi điên, lao vao biên ca không nhìn thay ben bơ, giam đạp vao vũng nước luôn cả hố phân, leo lên hàng rào gai, lao vào vực thẳm, ăn vật dơ, thậm chí lõa lồ đi ở đường phố, [hoặc] làm nhiều công việc không xứng đáng khác nữa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Bồ-tát do việc nhìn thấy nàng Candavatī, con gái của đức vua, đã không còn có sự suy nghĩ, tâm bị tán loạn, bị luyến ái, có trạng thái không suy nghi, vô cùng bối rối, vô cùng vội vã. Với tâm đã bi tản loạn, đã bị lay động, đã bị khuấy động ệ ấy, vị ấy đã hiến cung đại lễ tế thần Vājapeyya với sự tích lũy to lớn không lô vê lượng máu từ cần cổ của những con thú bi giết. Tâu Đại vương, việc xấu xa đã được làm bởi kẻ có tâm bị tán loạn trong thời hiện tại không phải là có tội lỗi nghiêm trọng, và tương

tợ y như thế cũng không có quả thành tựu ở thời vi lai. Tâu Đại vương, ở đây một kẻ điên khùng nào đó phạm vào tội đáng chết thì Ngài sẽ giáng xuống kẻ đó hình phạt gì? 4. Thưa Ngài Nãgasena, sẽ là hình phạt gì đối với kẻ điên khùng? Chúng tôi cho người đánh đập rồi bảo đuổi kẻ ấy đi; chính điều ấy là hình phạt đối với kẻ ấy. -Tâu Đại vương, như thế cũng không có hình phạt trong việc phạm tội của kẻ điên khùng. Vì thế, trong việc đã làm của kẻ điên khhng thì không có sự sai trái, có thể tha thứ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi an sĩ Lomasakassapa do việc nhìn thấy nàng Candavatĩ, con gái của đức vua, đã không còn có sự suy

47 Bồn sanh “Quan đại thần Sayha" (Sayhajātakarri), số 310, TTP k, tập 32. (ND)

nghĩ, tâm bị tán loạn, bị luyến ái, có trạng thái không suy nghĩ, đã đi ra ngoài sự kiềm chế, vô cùng bối rối, vô cùng vội vã. Với tâm đã bị tán loạn, đã bị lay động, đã bị khuây động ây, vị ây đã hiên cúng đại lê tê thân Vājapeyya với sự tích lũy to lớn khổng lồ về lượng máu từ cần cổ của những con thú bị giết. Hơn nữa, đến khi đã có tâm trở lại bình thường, có trí nhớ đã được hồi phục, khi ấy [Lomasakassapa] sau khi xuất gia trở lại lần nữa, đã làm sanh khởi năm thắng trí và đã đi đến cõi Phạm thiên. -Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. 6'Câu hỏi về Lomasakassapa" là thứ năm.

6. CÂU HỎI VÈ CHADDANTAVÀ JOTIPĀLA (Chaddantafotipālapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến khi là voi chúa Chaddanta:48 ^Trong khi siết chặt [nghĩ rằng]: Ta có thể hủy diệt gã này, con voi đã nhìn thấy tấm y ca-sa9 biểu tượng của các vi ẩn sĩ. Con thú bi hành hạ đau khổ đã có ý tưởng sanh khởi rằng: Biểu tượng của các vị A-la-hán là cao quý, là hình bóng không thể bị hủy diet.” Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: “Trong khi là người thanh niên Bà-la- môn Jotipala thì đã sỉ vả, đã chê bai đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác Kassapa bằng những lời nói vô lễ, thô lỗ nói là kẻ trọc đầu, nói là kẻ Sa-môn nhỏ nhoi.” Thưa Ngài Nãgasena, nếu đức Bồ-tát trong khi là loài thú đã tôn kính tấm y ca-sa, như thế thì lời nói rằng: “Bức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác Kassapa đã bị người thanh niên Bà-la-môn Jotipāla sỉ vả, chê bai bằng những lời nói vô lễ, thô lỗ nói là kẻ trọc đầu, nói là kẻ Sa-môn nhỏ nhoi” là sai trái. Nếu đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác Kassapa đã bị người thanh niên Bà-la-môn Jotipāla sỉ vả? chê bai bằng những lời nói vô lễ, thô lỗ nói là kẻ trọc dầu, nói là kẻ Sa-môn nhỏ nhoi, như thế thì lời nói rằng: "Y ca-sa đã được tôn kính bởi voi chúa Chaddanta^, cũng la sai trái. Nếu đức Bồ-tát, lúc là loài thú, dẫu đang chịu đựng cảm thọ thô thiển, nhức nhối, đau đớn, cũng đã tôn kính tấm y ca-sa được kẻ thợ săn khoác lên, tại sao trong khi là loài người, có trí tuệ đã chín muồi, có sự hiểu biết đã chín muồi, sau khi nhìn thấy đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, đấng Thập Lực, vị Lãnh Đạo Thế Giai! Kassapa vô cùng nổi bật, có hào quang một sải tay rực sáng, bậc cao quý tối thượng đang khoác lên tấm y ca-sa vải xứ Kâsi cao quý và ưng ý thì đã không tôn kính? Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. - Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến khi là voi chúa Chaddanta: "Trong khi là người

thanh niên Bà-la-môn Jotipāla thì đã sỉ

48 Bổn sanh "Vói chúa Chaddanta^, (Chaddantaịātakam), số 514, TTPV, tập 33. (ND)

vả, đã chê bai đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác Kassapa bằng những lòi nói vô lễ, thô lỗ nói là kẻ trọc dầu, nói là kẻ Sa-môn nhỏ nhoi.” Và đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác Kassapa đã bị người thanh niên Bà-la-môn Jotipāla sỉ vả, chê bai bằng những lời nói vô lễ, thô lỗ nói là kẻ trọc đầu, nói là kẻ Sa-môn nhỏ nhoi. Tuy nhiên, điều đó là do tác động của dòng dõi, do tác động của gia tộc. Tâu Đại vương, thanh niên Bà-la-môn Jotipāla đã được sanh ra ở gia tộc không có đức tin, không có tịnh tín. Cha mẹ, anh chị em, những người tôi trai, tớ gái, kẻ hầu và tùy tùng của anh ta là những người thờ phụng đấng Brahmā, kính trọng đấng Brahmā. Họ [nghĩ rằng]: "Chi có các vị Bà-la-môn là tối thượng, cao quý, roi chê trách, nhơm gớm các vị xuất gia còn lại.” Thanh niên Bà-la-môn Jotipāla đã nghe điều ấy từ những người ấy, nên khi được người thợ làm đồ gốm Ghatīkāra mời mọc về việc diện kiến đấng Đạo Sư đã nói như vầy: "Cái gì với việc diện kiến vị Sa-môn nhỏ nhoi trọc đầu của ngươi?,, Tâu Đại vương, giống như thuốc trường sanh sau khi đặt gần thuốc độc thì trở nên đắng. Và giống như nước mát sau khi để gần ngọn lửa thì trở nên nóng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thanh niên Bà-la-môn Jotipāla đã được sanh ra ở gia tộc không có đức tin, không có tịnh tín; anh ta sau khi trở nên mù quáng vì tác động của gia tộc, đã sỉ vả, đã chê bai đức Như Lai. Tâu Đại vương, giống như khối lửa lớn đã được đốt lên phát cháy, có ánh sáng, sau khi gặp nước thì trở nên có màu đen, mát lạnh, ánh sáng và sức nóng bị mất di, tợ như trái cây niggundi đã được chín muồi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thanh niên Bà-la-môn Jotipāla có phước đức, có đức tin, có sự sáng láng bao la của trí tuệ, sau khi đã được sanh ra ở gia tộc không có đức tin, không có tinh tín; anh ta, sau khi trở nên mù quáng vì tác động của gia tộc, đã sỉ vả, đã chê bai đức Như Lai, và sau khi đi đến gần và đã biết được ân đức của Phật thì đã trở thành như là người hầu, và sau khi xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, đã làm sanh khởi các thắng trí và các thiền chứng, rồi đã đi đến cõi Phạm thiên. Thưa Ngài Nâgasena, tót lăm! Trâm chập nhận điêu này đúng theo như vậy. 6Câu hỏi về Chaddanta và Jotipālaṃ là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ GHATĪKĀRA (Ghatīkarapañho) ỉ. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: uCăn nhà của người thợ gốm Ghatīkãra có mái che là bầu trời đã tồn tại suốt cả ba tháng và đã không bị nước mira.” Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: wCốc liêu của đức Như Lai Kassapa bi mưa dột/5 Thưa Ngài Nâgasena, tại sao cốc liêu của đức Như Lai Kassapa, bậc Có Thiện Căn Đầy Đủ như thế lại bi mưa dột? Oai lực ấy của đức Như Lai là điều đáng được ao ước. Thưa Ngài Nâgasena, nêu căn nhà của người thợ gôm Ghatīkāra có mái che là bâu trời đã

không có mưa dột, như thế thì lời nói rằng: "Cốc liêu của đức Như Lai Kassapa bi mưa dột95 là sai trái. Nếu cốc liêu của đức Như Lai Kassapa bi mưa dột, như thế thì lời nói

rằng: "Căn nhà của người thợ gốm Ghatīkāra có mái che là bầu trời đã không có mưa dOt" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Căn nhà của người thợ gốm Ghatīkāra có mái che là bầu trời đã tồn tại suốt cả ba tháng và đã không bị nước mua." Và Ngài đã nói rằng: "Cốc liêu của đức Như Lai Kassapa bị mưa d0t." Tâu Đại vương, người thợ gốm Ghatīkāra là người có giới hạnh, có thiện pháp, có thiện căn đầy đủ? đang nuôi dưỡng cha mẹ mù lòa già yêu. [Các Tỳ-khưu] không có mặt của vị ây? còn chưa có hỏi ý, đã lây đi cỏ [lợp mái] ở nhà của vị ấy rồi che mái cho cốc liêu của đức Thế Tôn. Vi ấy, với việc lấy đi cỏ [lợp mái] ấy, đã đạt được niềm vui không bị lay chuyển, không bi dao động, khéo được ổn định, bao la, không thể sánh bằng, và còn làm sanh lên tâm hoan hỷ không thể ước lượng hơn thế nữa: "Oi, quả nhiên đức Thế Tôn, bậc Tối Thượng ở Thế Gian đã vô cùng tin tưởng ở ta!" Do việc ấy, quả thành tựu hiện tiền đã sanh lên cho vị ấy. Tâu Đại vương, bởi vì đức Như Lai không bị dao động vì chừng ấy sự xáo trộn. Tâu Đại vương, giống như núi chúa Sineru cũng không rung động, không dao động bởi sự don dập của hàng trăm ngàn cơn gió; đại dương, biên cả cao quý và ưu tú, cũng không tràn đầy, không đi đến sự xáo trộn vì hàng trăm vạn trăm ngàn con sông lớn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai không bi dao động vì chừng ấy sự xáo trộn. Tâu Đại vương, hơn nữa về việc cốc liêu của đức Như Lai bị mưa dột, việc ấy là vì lòng thương tưởng đối với số đông nhân loại. Tâu Đại vương, trong khi xem xét hai điều lợi ích này, các đức Như Lai không sử dụng vật thiết yếu được tự mình hóa hiện ra: Chư thiên và nhân loại [nghĩ rằng]: "Bậc Đạo Sư này là bậc đáng cúng dường hạng nhất" sẽ dâng cúng vật thiết yếu đến đức Thế Tôn và sẽ được hoàn toàn giải thoát khỏi mọi cảnh giới khổ đau. Chớ để những kẻ khác trách móc rằng: "Những vị này phô diễn điều kỳ diệu và tầm cầu sinh kế.” Trong khi xem xét hai điều lợi ích này, các đức Như Lai không sử dụng vật thiết yếu được tự mình hóa hiện ra. Tâu Đại vương, nếu [Chúa trời] Sakkā hoặc đấng Brahmā, hoặc tự thân [đức Thế Tôn] làm cho cốc liêu ấy hết mưa dột thì có thể có điều đáng nói; chính việc làm ây là có sự sai trái, có sự khiên trách răng: "Những người này gây ra chuyện rồi mê hoặc thế gian, làm việc có tính chất dư thừa." Do đó, việc làm ấy là đáng bi chê trách. Tâu Đại vương, các đức Như Lai không cầu xin vật chất. Do việc không cầu xin vật chất ấy, các Ngài không đáng bị quở trách. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. 66Câu hỏi về GhatTkãraw là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ LỜI NÓI LÀ BÀ-LA-MÔN VÀ LÀ VUA (Brāhmanarājavādapañho) 1. Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: í6Này các Tỳ-khưu, Ta là vi Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin.” Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: “Ta là đức Vua Sela.” Thưa Ngài Nâgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: "Này các Tỳ-khưu5 Ta là vi Bà-la-môn săn sàng đáp ứng sự câu xin”như thê thì lời nói răng: "Ta là đức Vua Sela" là sai trái. Nếu điều đã được nói bởi đức Như Lai là: “Ta là đức Vua Sela”, như thế thì lời nói rang: uNày các Tỳ-khưu, Ta là vị Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin” cũng là sai trái. Bởi vì chỉ có thê hoặc là Sát-đế-lỵ hoặc là Bà-la-môn, nghĩa

là không thể có hai giai cấp cho một lần sanh ra. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, Ta là vị Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin.^, Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: “Ta là đức Vua Sela." ở đây có lý do, mà với lý do ấy đức Như Lai vừa là vi Bà-la-môn vừa là vua. Thưa Ngài Nâgasena, vậy thì lý do ấy là gì, mà với lý do ấy đức Như Lai vừa là vị Bà-la-môn vừa là vua? -Tâu Đại vương, tất cả các ác bất thiện pháp của đức Như Lai đã được lánh xa, đã được dứt bỏ, đã được xa lìa, đã được dứt lìa, đã được chặt đứt, đã đi đến sự cạn kiệt, đã được diệt tắt, đã được an tịnh, vì thế đức Như Lai được gọi là "Bà-ìà-mồn". • Bà-là-môn nghĩa là đã vượt qua sự nghi ngờ, phân vân9 lưỡng lự. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng đã vượt qua sự nghi ngờ, phân vân, lưỡng lự. Vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là "Bà-1 -m6n”. Bà-là-môn nghĩa là đã lìa khỏi tất cả các nguồn gốc đưa đến hữu và cảnh giới tái sanh, đã thoát ra khỏi việc bi dính líu đến ô nhiễm và bụi bặm, không có bạn đồng hành. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng đã lìa khỏi tất cả các nguồn gốc đưa đến hữu và cảnh giới tái sanh, đã thoát ra khỏi việc bị dính líu đến ô nhiễm và bụi bặm, không có bạn đồng hành. Vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là “Bà-là-nỈ6n”. 3. Bà-là-môn nghĩa là có nhiều sự an tru cao cả? tối thượng, cao quý, ưu tú thuộc về cõi trời. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng có nhiều sự an trú cao cả? tối thượng, cao quý, ưu tú thuộc về cõi trời. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là "Bà-1 -m6n". Bà-là-môn nghĩa là người duy trì dòng dõi vê sự chỉ dạy và truyên thông trước đây về việc học thuộc lòng, giảng dạy, tiếp nhận vật thí, rèn luyện, thu thúc và kiềm chế. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng là người duy trì dòng dõi về sự chỉ dạy và truyền thống đã được thực hành bởi các đấng Chiến Thắng trước đây về việc học thuộc límg, giảng dạy, tiếp nhận vật thí, rèn luyện, thu thúc và kiềm chế. Cũng vì lý do áy, đức Như Lai được gọi là uBà-là-môn,5.

Bà-là-môn nghĩa là vị có sự tham thiền về thiền, có sự trú vào lạc bao la. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng là vi có sự tham thiền về thiền, có sự trú vào lạc bao la. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là "BA-l-m6n". Bà-là-môn nghĩa là vị biết sự vận hành và chọn lựa việc tái sanh ở tất cả các cảnh giới hữu và phi hữu. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng là vị biết sự vận hành và chọn lựa việc tái sanh ở tất cả các cảnh giới hữu và phi hữu. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là Tâu Đại vương, tên gọi "Ba-là-m6n" này của đức Thế Tôn không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh trai tạo ra, không do chị gái tạo ra, không do các bạn bè thân hữu tạo ra, không do các thân quyến cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn và Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra. Tên gọi này của chư Phật Thế Tôn liên quan đến mốc cuối cùng của sự giải thoát, cùng với sự đạt được trí toàn tri sau khi tiêu diệt đạo binh của Ma vương ở ngay dưới cội cây Bồ-đề, sau khi lánh xa các ác bất thiện pháp thuộc quá khứ, hiện tại và vị lai, là sự xác định thực tê vê việc đã đạt được, đã được hiên lộ, đã được sanh khởi, tức là 6aBà-là-môn,5. Vì lý do ấy. đức Như Lai được gQÌ là "Bà-m6îi".
-4. Thưa Ngài Nâgasena, vậy thì với lý do gì đức Như Lai được gọi là "Vua"? -Tâu Đại vương, vua nghĩa là người nào cai trị vương quốc, chỉ dạy thế gian. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng cai trị vương quốc bằng giáo pháp ở mười ngàn thế giới, chỉ dạy thế gian

tính luôn cõi chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến loài người luôn cả các vi Sa-môn và Bà-la-môn. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là "Vua". Tâu Đại vương, vua nghĩa là sau khi che ngự toàn bộ dân chúng loài người, trong khi làm hoan hỷ tập thể thân quyến, trong khi gây sầu muộn cho tập thể kẻ thù, rồi cho giương lên chiếc lọng che màu trắng tinh khiết là vật đem lại danh vọng và vinh quang lớn lao vĩ đại, có thanh cam bang lõi cây cứng chắc, được trang hoàng với một trăm thanh nan không thiêu sót. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn trong khi gây sầu muộn cho đội binh của Ma vương có sự thực hành sai trái, trong khi làm hoan hỷ chư thiên và nhân loại có sự thực hành đúng đắn, cũng cho giương lên ở mười ngàn thế giới chiếc lọng che màu trắng tinh khiết của sự giải thoát cao cả quý báu, là vật đem lại danh vọng và vinh quang lớn lao vĩ đại, có thanh câm băng lõi cây cứng chác là sự nhân nại, được trang hoàng với một trăm thanh nan trí tuệ cao quý. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là “Vua”. Tâu Đại vương, vua nghĩa là vị đáng được đảnh lễ bởi số đông dân chúng đã đi đến và gặp gỡ. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng là vi đáng được đảnh le bởi số đông chư thiên và nhân loại đã đi đến và gặp gỡ. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là “Vua". Tâu Đại vương, vua nghĩa là đối với người nào có sự ra sức thì tin tưởng, ban cho ân huệ đã chọn lựa, và làm thỏa mãn theo như ước muốn. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn đối với người nào có sự ra sức về thân, về khẩu, về ý, thì

cũng tin tưởng, ban cho ân huệ vô thượng đã chọn lựa là sự giải thoát hoàn toàn mọi sự khổ đau, và làm thỏa mãn trọn vẹn ân huệ theo như ước muốn. Cũng vì lý do ầy, đức Như Lai được gọi là Tâu Đại vương, vua nghĩa là đối với kẻ chống lại mệnh lệnh thì quở trách, loại trừ, tiêu diệt. Tâu Đại vương, trong giáo pháp cao quý của đức Thế Tôn, kẻ vô liêm sỉ vượt qua sự quy đinh cũng bị chê bai, khinh miệt, khiển trách vì tình trạng yếu hèn và bị loại ra khỏi giáo pháp cao quý của đấng Chiến Thắng. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi la "vùa". Tâu Đại vương, vua nghĩa là sau khi giảng giải về đúng pháp và sai pháp theo truyền thống và sự chỉ dạy của các vị vua chính trực trước đây, trong khi cai quản vương quốc một cách chính trực thì trở thành vị được ước muốn, được yêu mến, được mong cầu đối với dân chúng và loài người, rồi duy trì dòng dõi hoàng tộc lâu dài nhờ vào năng lực và ân đức của sự chính trực. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn sau khi cũn^ giảng giải về đúng pháp và sai pháp theo truyền thong và sự chỉ dạy của các đang Tự Chủ trước đây, trong khi chỉ dạy thế gian đúng theo pháp thì sẽ trở thành vị được ước muốn, được yêu mến, được mong cầu đối với chư thiên và nhân loại, roi chuyển vận giáo pháp lâu dài nhờ vào năng lực và ân đức của Pháp bảo. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là “Vua”. Tâu Đại vương, như vậy lý do có nhiêu loại, mà với lý do ây đức Như Lai có thể vừa là Bà-la-môn có thể vừa là vua. Vị Tỳ-khưu vô cùng khôn khéo cũng không co thể thành tựu được việc ấy cho dàu là một kiếp. Có ích gì với việc nói quá nhiều, điều khái quát nên được chấp nhận. Thưa Ngài Nāgasena, tót lăm! Trâm chập nhận điêu này đúng theo như vậy. 6Câu hỏi về lời nói là Bà-la-môn và là vua” l thứ tám.

9. CÂU HỎI GIẢNG VÈ VẬT THỰC DO VIỆC NGÂM NGA CÁC BÀI KỆ (Gāthābhigītabhojanakathāpañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: u[Vật thực do] việc ngâm nga các bài kệ sẽ không được Ta thọ dụng. Này Bà-la-môn, đối với những vi đang xem xét thì việc ấy không phải là pháp. Chư Phật khước từ việc ngâm nga các bài kệ. Này Bà-Ia-môn9 việc áy là cách hành xử khi giáo pháp hiện hữu." Và thêm nữa, đức Thê Tôn trong khi thuyêt giảng giáo pháp có phươnẹ pháp, trong khi giảng giải theo thứ lớp, trước tiên hét giảng giải bài thuyết vê bố thí, kế đến là bài thuyết về giới. Sau khi lắng nghe lời giảng giải của đức Thế Tôn ấy, vi Chúa Te Của Tất Cả Các Thế Giới, chư thiên và nhân loại chuẩn bi và dâng cúng vật thí. Vật thí ấy đã được gởi đến cho Ngài và các đệ tử thọ dụng. Thưa Ngài Nâgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: u[Vật thực do] việc ngâm nga các bài kệ sẽ không được Ta thọ dỊing"như thế thì lời nói rằng: "Bức Thế Tôn giảng giải bài thuyết về bố thí trước tiên55 là sai trái. Nếu

Ngài giảng giải bài thuyết về bố thí trước tiên, như thế thì lời nói rằng: "[Vật thực do] việc ngâm nga các bài kệ sẽ không được Ta thọ dung" cũng là sai trái. Vì lý do gì? Thưa Ngài, vị nào đó là bậc xứng đáng cúng dường, giảng giải cho hàng tại gia bài thuyết về quả thành tựu của việc bố thí vật thực, sau khi lắng nghe bài giảng về giáo pháp của vị ấy, họ có tâm tịnh tín rồi liên tục dâng cúng vật thí. Các vi nào thọ dụng vật thí ấy, tất cả các VỊ ấy thọ dụng [vật thực do] việc ngâm nga các bài kệ. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, khôn khéo, thâm sâu, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyêt bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: 66[Vật thực do] việc ngâm nga các bài kệ sẽ không được Ta thọ dụng. Này Bà-la-môn9 đối với những vi đang xem xét thì việc ấy không phải là pháp. Chư Phật khước từ việc ngâm nga các bài kệ. Này Bà-la-môn, việc ầy là cách hành xử khi giáo pháp hiện híhi." Và đức Thế Tôn giảng giải bài thuyết về bố thí trước tiên. Hơn nữa, điều ấy là việc làm của tất cả các đức Như Lai, trước hết bằng bài thuyết về bố thí, các Ngài làm cho tâm [người nghe] được thích thú vào việc ấy, sau đó khiến cho [người nghe] gắn bó vào giới. Tâu Đại vương, giống như đối với những đứa trẻ còn nhỏ, người ta trước tiên hết cho chúng những món đồ chơi như là móc câu, gậy ngắn, cối xay, vật đong đo, xe kéo, cây cung, sau đó gắn bó chúng theo hành động của mỗi đứa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, đức Như Lai trước tiên hết làm cho tâm [người nghe] được thích thú bằng bài thuyết về bố thí, sau đó khiến cho [người nghe] gắn bó vào giới. Tâu Đại vương, hoặc là giông như người thây thuôc đôi với những người bệnh, trước tiên hét cho uông dâu bôn năm ngày đê tạo ra sức mạnh đê làm cho mềm, sau đó cho thuốc xổ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai trước hết làm cho tâm được thích thú bằng bài thuyết về bố thí, sau đó khiến cho gan bó vào giới. Tâu Đại vương, tâm của những người bố thí, của những thí chủ là nhu thuận, diu dàng, mem mại. Nhờ cây cau và đường đi của việc bo thí ấy, những người ây tiên đên gân bờ bên kia của biên cả luân hôi nhờ vào con thuyên của sự bố thí. Do đó, đoi với những người ấy trước hết Ngài chỉ dạy về nền tảng của nghiệp, nhưng không vì điều ây mà phạm vào sự yêu câu. 3. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là "yêu cầu", vậy thì các sự yêu cầu ấy có bao nhiêu loại? 4.

Tâu Đại vương, đây là hai sự yêu cầu: Yêu cầu bằng thân và yêu cầu bằng khẩu. Trong trường hợp ấy, có sự yêu cầu bằn§ thân là có tội, có sự yêu cầu bằng thân là không có tội; có sự yêu cầu bằng khâu là có tội, có sự yêu cầu bằng khẩu là không có tội. Sự yêu cau bằng thân nào là có tội? ở đây, một vi Tỳ-khưu nào đó đi đến các gia đình, đứng ở chỗ không thích hợp, rồi đứng lì tại chỗ; đây là sự yêu cầu bằng thân có tội. Các bậc Thánh không thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy bị chê bai,

bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đến, bị xem là "c6 sự nuôi mạng bi hư hỏng.95 Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, ở đây một vi Tỳ-khưu nào đó đi đến các gia đình, đứng ở chỗ không thích hợp, nhướng co, nhìn soi mói với cái nhìn của loài công [nghĩ rằng]: “Nhu vậy thì những người này sẽ nhìn thấy." Và đo việc ấy, những người ấy nhìn thấy; đây là sự yêu cầu bằng thân có tội. Các bậc Thánh không thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy bi chê bai, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bi xem thường, không được đếm xỉa đến, bi xem là "c6 sự nuôi mạng bị hư hỏng." Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, ở đây một vi Tỳ-khưu nào đó yêu cau bang quai hàm, hoặc bang lông mày, hoặc bang ngón cái; đây là sự yêu cau bằng thân có tội. Các bậc Thánh không thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy bi chê bai, bị khi dễ, bi khinh miệt, bị chê trách, bi xem thường, không được đếm xỉa đến, bị xem là "c6 sự nuôi mạng bị hư hỏng.95 Sự yêu cầu bằng thân nào là không có tội? ở đây, một vị Tỳ-khưu nào đó đi đến các gia đình, có niệm, được định tĩnh, có sự tỉnh giác, đi đến chỗ đứng cũng như ở nơi không phải chỗ đứng theo lời chỉ dạy, rồi đứng tại chỗ, ở những người có ý định bố thí thì đứng [chờ], ở những người không có ý định bố thí thì bước đi; đây là sự yêu cầu bằng thân khong có tội. Các bậc Thánh thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy được khen ngợi, được ca tụng, được tán dương, được xem là "c6 hạnh giảm thiểu, có sự nuôi mạng trong sạch.” Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến: "Các bậc có trí tuệ không cầu xin, các bậc Thánh chê trách việc cầu xin. Các bậc Thánh đứng theo quy đinh, việc ấy là sự cầu xỉn của các bậc Thanhy 5. Sự yêu cầu bằng khẩu nào là có tội? Tâu Đại vương, ở đây vi Tỵ-khưu yêu cầu các vật dụng là y, vật thực, chô ngụ và thuôc men chữa bệnh băng lời nói theo nhiều cách; đây là sự yêu cau bang khau có tội. Các bậc Thánh không thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy bị chê bai, bị khi dễ, bi khinh miệt, bị chê trách, bi xem thường, không được đêm xỉa đên, bị xem là "c6 sự nuôi mạng bị hư h6ng." Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, ở đây một vi Tỳ-khiru nào đó nói như vậy khiến cho những người khác nghe được: “T6i có sự cần dùng với vật này.” Và do lời nói ấy, do việc làm cho những người khác nghe được, lợi lộc phát sanh đến vị ấy; đây là sự yêu cầu bằng khẩu có tội. Các bậc Thánh không thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy bị chê bai, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bi xem thường, không được đếm xỉa đến, bị xem là "c6 sự nuôi mạng bi hư hỏng?9 Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, ở đây một vị Tỳ-khưu nào đó thông

\ 9 5

báo cho hội chúng với việc loan tin băng khâu răng: "Nên dâng cúng vật như vây và như vây đên các vị Tỳ-khưu?9 Và do việc ây, những người ây nghe theo lời nói rồi mang lại vật đã được thông báo; đây là sự yêu cầu bằng khẩu có tội. Các bậc Thánh không thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy bi chê bai, bị khi dễ, bi khinh miệt, bị chê trách, bi xem thường, không được đếm xỉa đến, bị xem là "c6 sự nuôi mạng bị hư hong." Tâu Đại vương, quả là Trưởng lão Sāriputta trong lúc bi bệnh vào ban đêm khi mặt trời đã lặn, trong khi được Trưởng lão Mahāmoggallāna hỏi về thuốc chữa bệnh, đã nói ra lời. Do việc nói ra lời ấy của vị ấy, thuốc chữa bệnh đã phát sanh. Rồi Trưởng lão Sāriputta [nghĩ rằng]: “Do việc nói ra lời của ta mà thuốc chữa bệnh này đã được phát sanh. Chớ để cho sự nuôi mạng của ta bị hư hỏng,\ do sự lo âu về việc làm hư hỏng sự nuôi mạng nên đã từ chối, đã không sử dụng thuốc chữa bệnh ấy. Sự yêu cau bằng khau như vậy cũng có tội. Các bậc Thánh không thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy bị chê bai, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bi xem thường, không được đếm xỉa đến, bị xem là "c6 sự nuôi mạng bị hư hỏng.^, 6. Sự yêu cầu bằng khẩu nào là không có tội? Tâu Đại vương, ở đây vị Tỳ- khiru khi có duyên cớ rồi yêu cầu thuốc chữa bệnh ở các gia đình đã được thỉnh cầu và ở thân quyến; đây là sự yêu cầu bằng khẩu không có tội. Các bậc Thánh thọ dụng vật đã được yêu câu ây. Và theo quan diêm của các bậc Thánh, nhân vật ấy được khen ngợi, được ca tụng, được tán dương, được xem là "c6 hạnh giảm thiêu, có sự nuôi mạng được trong sạch", và được cho phép bởi các đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác. Tâu Đại vương, trái lại việc đức Như Lai đã từ choi bữa ăn của Bà-la-môn Kasbhāradvāja, bữa ăn ấy được phát sanh do việc gây rối, việc tháo gỡ, việc lôi kéo, việc phê bình và việc công kích. Do đó, đức Như Lai đã khước từ, đã không sử dụng phần vật thực ấy. Thưa Ngài Nâgasena, có phải chư thiên luôn luôn rắc dưỡng chất của cõi trời vào bình bát trong lúc đức Như Lai đang thọ thực, hay là đã rắc vào ở hai món là ở món thịt lợn rừng và ở món cơm sữa ngọt mà thôi? -Tâu Đại vương, trong lúc đức Như Lai thọ thực, chư thiên luôn luôn cầm lấy dưỡng chất của cõi trời, đứng gần bên, rồi rắc vào những nắm cơm mỗi một lúc được đưa lên [miệng]. Tâu Đại vương, giống như trong lúc đức vua đang ăn, người đầu bếp của vua cầm lấy món súp, đứng gần bên, rồi rưới súp vào mỗi một nắm cơm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, trong lúc đức Như Lai thọ thực, chư thiên luôn luôn cầm lay dưỡng chất của cõi trời, đứng gần bên, rồi rắc vào những nắm cơm mỗi một lúc được đưa lên [miệng]. Tâu Đại vương, thậm chí ở Verañjā trong lúc đức Như Lai đang thọ thực những hạt lúa mạch khô khan, chư thiên cũng tuần tự tẩm ướt [chúng] với dưỡnệ chất của cõi trời rồi đem lại. Nhờ thế, cơ thể của đức Như Lai đã được bồi bo.

Thưa Ngài Nāgasena, thật là điều lợi ích đối với chư thiên ấy, là các vị đã thường xuyên, liên tục thể hiện sự nỗ lực trong việc chăm sóc thân thể của đức Như Lai. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi giảng

về vật thực do việc ngâm nga các bài kệw là thứ chín.

10. CÂU HỎI VỀ TRẠNG THÁI KHÔNG NỖ Lực TRONG VIỆC THUYẾT GIẢNG GIÁO PHÁP (Dhammadesanāya appossukabhãvapaũho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài nói rằng: “Trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn kiếp, đức Như Lai đã làm cho trí toàn tri được chín muồi nhằm tế độ đám đông dân chung.” Và thêm nữa: 66Tâm của vi đạt đến phẩm vi Toàn tri đã thiên về sự không nỗ lực và không thuyết giảng giáo pháp.55 Thưa Ngài Nâgasena, giống như viên xạ thủ hoặc các học trò của viên xạ thủ, sau khi học tập thuật bắn cung vì mục đích chiến trận trong nhiều ngày, đến khi cuộc chiến đấu lớn xảy ra thì có thể thối lui. Thưa Ngài Nâgasena, tương tợ y như thế, trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn kiếp, đức Như Lai đã làm cho trí toàn tri được chín muồi nhằm tế độ đám đông dân chúng, nhimg khi đã đạt đến phẩm vị Toàn tri thì Ngài đã thối lui trong việc thuyết giảng giáo pháp. Thưa Ngài Nâgasena, hoặc là giông như người võ sĩ đâu vật, hoặc các học trò của người võ sĩ đấu vật, sau khi học tập thuật đấu vật trong nhiều ngày, đến khi trận đau lớn xảy ra thì có the thoi lui. Thưa Ngài Nãgasena, tương tợ y như thế, trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn kiếp, đức Như Lai đã làm cho trí toàn tri được chín muồi nhằm tế độ đám đông dân chúng, nhưng khi đã đạt đến phẩm vi Toàn tri thì Ngài đã thối lui trong việc thuyết giảng giáo pháp. 2. Thưa Ngài Nâgasena, phải chăng đức Như Lai đã thổi lui vì sợ hãi? Hay đã thôi lui vì chưa được rành rẽ? Hay đã thôi lui vì năng lực yêu kém? Hay đã thối lui vì chưa phải phẩm vị Toàn tri? ở đây, điều gì là lý do? Nào, xin Ngài hãy nói cho trẫm lý do nhằm vượt qua nỗi nghi hoặc. Thưa Ngài Nãgasena, nếu trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn kiêp, đức Như Lai đã làm cho trí toàn tri được chín muôi nhăm tê độ đám đông dân chúng, như thê thì lời nói răng: "Tâm của vị đạt đên phàm vị Toàn tri đã thiên về sự không nỗ lực và không thuyết giảng giáo pháp" là sai trái. Nêu tâm của vị đạt đên phàm vị Toàn tri đã thiên vê sự không nô lực và không thuyêt giảng giáo pháp, như thê thì lời nói răng: “Trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn kiếp, đức Như Lai đã làm cho trí toàn tri được chín muồi nhằm tế độ đám đông dân chilng" cũng là sai trái. Câu hỏi này

cũng có cả hai khía cạnh, thâm sâu, khó tháo gỡ, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 3. - Tâu Đại vương, trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỵ kiếp và một trăm ngàn kiếp, trí toàn tri đã được đức Như Lai làm cho chín muồi nham te độ đám đông dân chiing. Và tâm của vị đạt đen trí toàn tri đã thiên ve sự không nỗ lực và không thuyết giảng giáo pháp. Vả lại, sau khi nhìn thấy tính chất thâm sâu, khôn khéo, khó thay, khó giác ngộ, tinh vi, khó thau triệt của giáo pháp, trạng thái ham thích tiềm ẩn của chúng sanh, và tính chất bám víu cứng nhắc vào quan điểm của chính mình [thì nghĩ rằng]: “[Thuyết giảng] về cái gì? Bằng cách nào?" và tâm đã thiên về sự không nỗ lực và không thuyết giảng giáo pháp. Điều này chính là sự suy nghĩ và tâm ý ve việc giác ngộ của chúng sanh. Tâu Đại vương, giống như người thầy thuốc phẫu thuật, sau khi đi đến gặp người bị hành hạ bởi nhiều căn bệnh, thì suy nghĩ như vầy: "Bằng cách

thức gì, hoặc với phương thuôc nào thì căn bệnh của người này có thê được lắng xuống?95 Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với đức Như Lai, sau khi nhìn thay loài người bị hành hạ bởi mọi căn bệnh phiền não và tính chất thâm sâu, khôn khéo, khó thay, khó giác ngộ, tinh vi, khó thau triệt của giáo pháp [thì nghĩ rằng]: u[Thuyết giảng] về cái gì? Bằng cách ào?", và tâm đã thiên ve sự không nỗ lực và không thuyết giảng giáo pháp. Điều này chính là sự suy nghĩ và tầm ý về việc giác ngộ của chúng sanh. 4. Tâu Đại vương, giống như đối với đức vua dòng Sát-đế-lỵ đã được rưới nước thơm ở đầu [làm lễ phong vương], sau khi nhìn thấy những người giữ cổng, lính gác, quần thần, thị dân, nhân công, binh lính, quan đại thần, hoàng tộc, và thuộc hạ thì có thể khởi tâm như vầy: "Trẫm sẽ hậu đãi cái gì cho những người này? Bằng cách nào?^ Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với đức Như Lai, sau khi nhìn thấy tính chất thâm sâu, khôn khéo, khó thấy, khó giác ngộ, tinh vi, khó thau triệt của giáo pháp, trạng thái ham thích tiềm ẩn của chúng sanh, và tính chát bám víu cứng nhác vào quan diêm của chính mình [thì nghĩ rằng]: "[Thuyết giảng] về cái gì? Bằng cách nao?^, và tâm đã thiên về sự không nỗ lực và không thuyết giảnệ giáo pháp. Sự suy nghĩ và tâm ý về việc giác ngộ của chúng sanh chính là điêu này. 5. Tâu Đại vương, thêm nữa điều này là quy luật của các đức Như Lai, là việc các Ngài thuyết giảng giáo pháp khi được Phạm thiên thỉnh cầu. Vậy trong trường hợp ấy, điều gì là lý do? Vào lúc bấy giờ, tất cả các vị đạo sĩ khô hạnh, du sĩ, Sa-môn, Bà-la-môn là những người thờ phụng đấng Brahmā, kính trọng đấng Brahmā, nương tựa đấng Brahmā. Do đó [nghĩ rằng]: "Với sự hạ mình của vị [Brahmā] có năn^ lực, có danh vọng, được biêt tiếng, được nôi tiếng, hơn han, được vượt trội ây? thì thê gian luôn cả chư thiên sẽ hạ minh, sẽ tin tưởng, sẽ quy thuận [Ta]." Tâu Đại vương, và vì lý do này mà đức Như Lai thuyết giảng giáo pháp khi được Phạm thiên thỉnh cầu. Tâu Đại vương, giống như vị vua nào đó, hoặc quan đại thần của vị vua, hạ

minh, thể hiện sự cung kính đối với người nào, do sự hạ mình của vị ấy đối với người có năng lực trội hơn, mà số dân chúng còn lại hạ mình, thể hiện sự cung kính. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, khi Phạm thiên hạ mình đối với các đức Như Lai thì thế gian luôn cả chư thiên sẽ hạ mình. Tâu Đại vương, thế gian tôn vinh bậc đã được tôn vinh. Do đó, vi Phạm thiên ấy thỉnh cầu tất cả các đức Như Lai về việc thuyết giảng giáo pháp. Và vì lý do ấy, các đức Như Lai thuyết giảng giáo pháp khi được Phạm thiên thỉnh cầu. Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được tháo gỡ, việc giải thích thật là tuyệt hảo. Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về trạng thái không nỗ lực trong việc thuyết giảng giáo pháp của đức Thế Ton55 là thứ mười.

11. CÂU HỎI VÈ TRẠNG THÁI KHÔNG có THẦY CỦA VỊ THÀY (Ācariyānācariyakatāpañho) L Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: uKhông có ai là thầy của ta, người tirơng đương với ta không tìm thấy, ở thế gian luôn cả cỗi trời, không có ai là đối thủ của ta.” Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: 6ÉNày các Tỳ-khưu, như vậy ĀỊãra Kãlãma trong khi đang là thầy của Ta, đã đặt Ta, đang là người đệ tử, ngang hàng với mình, và đã tôn vinh Ta với sự ton vinh tọt bực/5

Thưa Ngài Nãgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Như Lai là: ^Không có ai là thầy của ta, người tương đương với ta không tìm thấy", như thế thì lời nói rằng: 6'Này các Tỳ-khưu, như vậy Ālāra Kālāma trong khi đang là thầy của Ta? đã đặt Ta, đang là người đệ tử, ngang hàng với minh" là sai trái. Nếu điều đã được nói bởi đức Như Lai là: uNày các Tỳ-khưuỹ như vậy ÃỊâra Kâlama trong khi đang là thầy của Ta, đã đặt Ta, đang là người đệ tử, ngang hàng với minh", như thế thì lời nói rằng: wKhông có ai là thầy của ta, người tương đương với ta không tìm thấy" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài. 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: wKhông có ai là thầy của ta, người tươnẹ đương với ta không tìm thấy. ở thế gian luôn cả cõi trời, không có ai là đoi thủ của ta." Và Ngài đã nói rằng: uNày các Tỳ-khưu, như vậy ÃỊãra Kãlãma trong khi đang là thầy của Ta, đã đặt Ta, đang là người đệ tử, ngang hàng với mình, và đã tôn vinh Ta với sự tôn vinh tột bực.55 Tuy nhiên, lời nói áy đã được nói liên quan đến bản thân vi thầy của chính đức Bồ-tát lúc chưa là bậc Chánh Đẳng Giác, trước khi giác ngộ. Tâu Đại vương, năm vị này là những người thây của đức Bô-tát lúc chưa là bậc Chánh Đẳng Giác, trước khi giác ngộ. Được chỉ dạy bởi những vị này, đức Bồ-tát đã trải qua ở nơi kia ở nơi nọ. Năm vị nào?

Tâu Đại vương, khi đức Bồ-tát ở giai đoạn đã được sanh ra, các vị ấy là tám vị Bà-la-môn đã xét đoán các tướng tốt, tức là các vị Rāma, phaja, Lakkhana, Mantq Yaññā, Suyma, Subhoja, Sudatta. Các vi ấy đã tuyên bố về điềm lành của đức Bồ-tát và đã thực hiện công việc bảo hộ; các vị ấy là những vị thầy đầu tiên. Tâu Đại vương, còn có vị khác nữa là vị Bà-la-môn tên Sabbamitta được sanh ra ở nơi quý phái, cao thượng, có dòng dõi, biết về cú pháp, về văn phạm, có sáu chi phần [của kinh Vệ-đà]. Vào lúc bấy giờ, người cha của đức Bồ-tát, đức Vua Suddhodana, sau khi rước về đã rưới nước với chiếc bình vàng, rồi đã trao cho [nói rằng]: "Hãy cho đứa bé trai này học tập" đây là vị thầy thứ nhì. Tâu Đại vương, còn có vị khác nữa là vị thiên nhân đã khiến cho đức Bồ-tát chân động tâm. Sau khi lăng nghe lời nói của vi ây, đức Bô-tát đã bị chân động, kinh hoàng, rồi vào chính thời khắc ấy đã ra đi xuất ly và đã xuất gia; đây là vị thầy thứ ba. Tâu Đại vương, còn có vị khác nữa là Ālāra Kālāma; đây là vị thầy thứ tư. Tâu Đại vương, còn có vi khác nữa là Uddaka Râmaputta; đây là vi thầy thứ năm. Tâu Đại vương, đây là năm vi thây của đức Bô-tát lúc chưa là bậc Chánh Đẳng Giác, trước khi giác ngộ. Tuy nhiên, các vị này là những người thầy về pháp thế gian. Tâu Đại vương, trái lại trong việc thấu friệt trí toàn tri về các pháp xuất thế gian này, thì không có vị hướng dẫn nào trội hơn đức Như Lai. Tâu Đại vương, đức Nhu Lai là đấng Tự Chủ, bậc không có thầy. Bởi lý do ấy, đức Như Lai đã nói rằng: "Không có ai là thầy của ta, người tương đương với ta không tìm thấy, ở the gian luôn cả cõi trời, không có ai là đối thủ của tay Thưa Ngài Nãgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. ố6Câu hỏi về trạng thái không có thầy của vi thầy" là thứ mười một Phẩm Thân thiết là thứ năm. (Trong phẩm này có mười một câu hỏi) CÁC CÂU HỎI ĐÓI CHỌI ĐƯỢC ĐÀY ĐỦ.

CÁC CÂU HỎI SUY LUẬN (ANUMĀNAPAÑHĀ)

L PHẨM ĐỨC PHẬT (BUDDHAVÂGGổ)

L CÂU HỎI VỀ VIỆC SANH LÊN CỦA HAI VỊ PHẬT (Dvībuddhuppādapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khini, điều này là không hợp lý và không có cơ sở, là việc hai bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác có thể sanh lên trong một thế giới không trước không sau, sự kiện này không được biết đến!” Thưa Ngài Nâgasena, k 9 f r -K Ti : # k 1 9 # tát cả các đức Như Lai, trong khi thuyết giảng đêu thuyết giảng ba mươi bảy pháp góp phần trong việc giác ngộ, trong khi giảng giải đều giảng giải bốn chân lý cao thượng, trong khi huấn luyện đều huấn luyện về ba sự học tập, trong khi chỉ dạy đều chỉ dạy sự thực hành về không xao lãng. Thưa Ngài Nâgasena, nếu tát cả các đức Như Lai đêu có sự thuyêt giảng thông nhát, sự giảng giải thông nhất, sự huấn luyện thống nhất, sự chỉ dạy thống nhất, vì lý do gì hai đức Như Lai không sanh lên trong cùng một thời điểm? Thế gian này được phát sáng với việc sanh lên của vị Phật cho dầu chỉ một vị, nếu có thêm vị Phật thứ nhì, với hai luồng ánh sáng thế gian này có thể được phát sáng nhiều hơn thế nữa. Và hai đức Như Lai, trong khi giáo giới có the giáo giới một cách thoải mái [trong khi chỉ dạy, có the chỉ dạy một cách thoải mái].1 Ve việc này, xin Ngài hãy nói cho trẫm lý do, theo đó trẫm có thể dứt khỏi sự nghi ngờ. 2. - Tâu Đại vương, mười ngàn thế giới này có sự nâng đỡ chỉ một vị Phật, nâng đỡ đức hạnh của chỉ một đức Như Lai. Nêu vị Phật thứ nhì sanh lên, mười ngàn thế giới này không thể nâng đỡ, có thể lay động, rúng động, nghiêng qua, hạ thấp xuống, uốn cong, phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, tiến đến việc bị hoại diệt. Tâu Đại vương, giống như chiếc thuyền là có sự nâng đỡ một người, khi có một người bước lên thì có thể đạt được sự yên ổn. Khi người thứ nhì đi đến có cùng tuổi tác, vóc dáng, thọ mạng, kích thước, ôm mập, toàn bộ cơ thê tứ chi tương đương người kia, rồi người ấy bước lên chiếc thuyền ấy. Tâu Đại vương, phải chăng chiếc thuyền ấy cũng có thể nâng đỡ cả hai người?

Được thêm vào từ văn bản Pali của Miến Điện và PTS. (ND)

988 KINH TIỂU Bộ

Thưa Ngài, không đúng. Nó có thể lay động, rúng động, nghiêng qua, hạ tháp xuông, uôn cong, phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, tiến đến việc bị hoại diệt, có thể chìm xuống nước. 3. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, mười ngàn thế giới này có sự nâng đỡ chỉ một vị Phật, nâng đỡ đức hạnh của chỉ một đức Như Lai. Nếu vị Phật thứ nhì sanh lên, mười ngàn thế giới này không thể nâng đỡ, có thể lay động, rúng động, nghiêng qua, hạ thấp xuống, uốn cong, phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, tiến đen việc bị hoại diệt. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nam ăn thức ăn theo như ý thích. Người ấy, sau khi chứa đầy món ăn được ưa thích đến tận cổ họng, được thỏa mãn, căng phồng, đầy ứ, không còn chỗ chứa, bị làm mệt, bị như cây gậy không khom xuống được, roi lại ăn thức ăn chừng ây thêm lần nữa. Tâu Đại vương, phải chăng người nam ấy có thể được thoải mái? Thưa Ngài, không được. Đã được ăn một lần thôi cũng có thể chết. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, mười ngàn thế giới này có sự nâng đỡ chỉ một vị Phật,

nâng đỡ đức hạnh của chỉ một đức Như Lai. Nếu vị Phật thứ nhì sanh lên, mười ngàn thế giới này không thể nâng đỡ, có thể lay động, rúng động, nghiêng qua, hạ thấp xuống, uốn cong, phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, tiến đen việc bị hoại diết. Thưa Ngài Nâgasena, phải chăng quả đất lay động với gánh nặng giáo pháp quá tải? Tâu Đại vương, ở đây hai chiếc xe hàng có thể được chứa đầy châu báu đến ngang miệng, sau khi lấy châu báu từ một chiếc xe hàng rồi đo vào chiếc xe hàng kia. Tâu Đại vương, phải chăng chiếc xe kéo ấy có thể chứa đựng châu báu của hai chiếc xe kéo? Thưa Ngài, không thể. Thậm chí ổ trục bánh xe của nó có thể nứt, các cây căm của nó có thể bị gãy, vành bánh xe của nó có thể sụm xuống, trục xe của nó có thể bị gãy. Tâu Đại vương, phải chăng chiêc xe hàng bi gãy đô với gánh nặng châu báu quá tải? Thưa Ngài, đúng vậy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, quả đất lay động với gánh nặng giáo pháp quá tải. Tâu Đại vương, hơn nữa lý do này được đưa ra để làm rõ năng lực của vị Phật. Xin Đại vương hãy lăng nghe lý do xác đáng khác nữa cho trường hợp ấy, mà vì lý do ấy hai vi Chánh Đang Giác không thể sanh lên trong cùng một thời điểm: [Tâu Đại vương, nếu hai vị Chánh Đẳng Giác sanh lên trong cùng một thời diêm.]2 Sự tranh cãi giữa hội chúng của hai vị ấy có thể sanh khởi: 'Thật của các vị, Phật của chúng t6i", rồi có thể bị sanh ra hai nhóm. Tâu Đại vương, giống như sự tranh cãi giữa hội chúng của hai vi quan đại thần

2 Được thêm vào từ văn bản PâỊi của Miến Điện và PTS. (ND)

CÓ quyền lực có thể sanh khởi: “Quan đại thần của các vị5 quan đại thần của chúng t6i", rồi bị sanh ra hai nhóm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nếu hai vị Chánh Đẳng Giác sanh lên trong cùng một thời điểm, sự tranh cãi giữa hội chúnệ của hai vị ấy có thể sanh khởi: 'Thật của các vị, Phật của chúng t6i”, rồi có the bị sanh ra hai nhóm. Tâu Đại vương, đây còn là một lý do, mà vì lý do ấy hai vị Chánh Đẳng Giác không thể sanh lên trong cùng một thời điểm. 5.3 Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa, mà vì lý do ấy hai vị Chánh Đẳng Giác không sanh lên trong cùng một thời điểm. Tâu Đại vương, nếu hai vị Chánh Đẳng Giác có thể sanh lên trong cùng một thời điểm, thì lời nói rằnệ "Bức Phật là cao cả” có thể là sai trái, thì lời nói rằng: "Đức Phật là lớn nhất” có thể là sai trái, thì lời nói rằng: uĐức Phật là hạng nhất" có thể là sai trái, thì lời nói rằng: "Dức Phật là nổi bậf\.. (nt)... “Bức Phật là tối thượng”...(nt).."Bức Phật là cao quý,5... (nt)... "Dức Phật là không người sánh bẫng".. (nt)... CÍĐức Phật là không kẻ tương duơng"... (nt).. "Bức Phật là không người đối xứng"... (nt)... "Đức Phật là không kẻ tương tg”... (nt)... "Dức Phật là không người đối thiỉ" có thể là sai trái. Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy chấp nhận theo ý nghĩa đây cũng là lý do, mà vì lý do ấy hai vị Chánh Đẳng Giác không thể sanh lên trong cùng một thời điểm. Tâu Đại vương, thêm nữa tính chất tự nhiên về bản thể của chư Phật Thế Tôn là chỉ một vị Phật sanh lên ở thế gian. Bởi vì lý do gì? Bởi vì tính chất vĩ đại về các đức hạnh của đức Phật Toàn Tri. Tâu Đại vươn vật khác cũng là vĩ đại ở thế gian, vật ấy là chỉ có một. Tâu Đại vương, quả đất là vĩ dại, nó chỉ có một. Biển cả là vĩ đại, nó chỉ có một. Núi chúa Sineru là vĩ đại, nó chỉ có một. Không gian là vĩ đại, nó chỉ có một.

(Thiên chủ) Sakkā là vĩ dại, vi ấy chỉ có một. Ma vương là vĩ đại, vi ấy chỉ có một. Đại Phạm thiên là vĩ đại, vi ấy chỉ có một ở thế gian. Nơi nào chúng sanh lên, thì nơi ấy không còn chỗ cho cái khác. Tâu Đại vương, vì thế đức Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đang Giác sanh lên ở the gian chỉ có một vị. Thưa Ngài Nâgasena, câu hỏi đã khéo được giảng giải bằng các ví dụ, với các lý lẽ. Ngay cả người không khôn ngoan sau khi lang nghe điều này cũng có thể trở nên hoan hy, người có đại trí tuệ như là trẫm thì đâu có điều gì. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lam! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. ^Câu hỏi về việc sanh lên của hai vi Phật" là thứ nhất

2. CÂU HỎI VỀ VIỆC DÂNG CÚNG TẤM VẢI CỦA BÀ GOTAMĪ (Gotamiyā vatthadānapañho) L Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến khi Dì mẫu Mahāpajāpati Gotamĩ đang dâng cúng tấm vải choàng tắm mưa: 66Này GotamT, hãy dâng cúng hội chúng. Khỉ hội chúng được bà dâng cúng,

3 Nguyên bản PâỊi đánh số nhầm, lẽ ra ở đây là số 4. Nội dung kinh vẫn đầy đủ (BBT).

chính Ta sẽ được tôn vinh và luôn cả hội chúng nữa." Thưa Ngài Nâgasena, việc đức Như Lai trong khi bản thân được người Dì mẫu của mình dâng cúng tấm vải choàng tắm mưa đã được bà đích thân nhuộm, đích thân chải, đích thân đập giũ, đích thân cắt, đích thân dệt, lại bảo dâng đến hội chúng, phải chăng đức Như Lai không là người quan trọng, không là bậc được kính trọng, không là bậc đáng được cúng dường so với hội chúng quý báu? Thưa Ngài Nâgasena, nếu đức Như Lai là vượt hẳn hội chúng quý báu, hoặc là trội hơn, hay nổi bật [nghĩ rằng]: "Khi Ta được dâng cúng thì sẽ có quả báo lớn", đức Như Lai không bảo dâng cúng đến hội chúng tấm vải choàng tắm mưa đã được người Dì mẫu đích thân nhuộm, đích thân chải, đích thân đập giũ. Thưa Ngài Nãgasena, [hay] bởi vì đức Như Lai không thu lợi, không gom vào cho bản thân, vì thế đức Như Lai đã bảo người Dì mẫu dâng cúng tấm vải choàng tắm mưa đến hội chúng. 2. - Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến khi Dì mẫu Mahāpajāpati Gotamĩ đang dâng cúng tấm vải choàng tắm mưa: "Này Gotamĩ, hãy dâng cúng hội chúng, Khi hội chủng được bà dâng củng, chính Ta sẽ được tôn vinh và luôn cả hội chủng nữa" Tuy nhiên, điều ấy không vì trạng thái không có quả thành tựu cho người có sự tôn kính, không phải vì tính chất không đáng được cúng dường của bản thân [Ngài], nhưng vì sự lợi ích, vì lòng thương tưởng [nghĩ rằng]: uVào thời vị lai xa xôi, sau khi Ta tịch diệt, hội chúng sẽ được quan tâm.^, Trong khi tán dương các đức tính quả đang được nhận biết, Ngài đã nói như vầy: "Này Gotamí, hãy dâng cúng hội chúng. Khi hội chúng được bà dâng cúng, chính Ta sẽ được tôn vinh và luôn cả hội chúng nữa." Tâu Đại vương, giống như người cha, ngay trong khi đang còn sống, tuyên dương tánh tốt quả đang được nhận biết ở người con trai trong sự hiện diện của đức vua, ở giữa quan đại thần, nhân công, binh lính, người giữ cổng, lính gác, quần thần, dân chúng [nghĩ rằng]: "Được xác lập ở đây, thì vào thời vi lai xa xôi sẽ được tôn vinh ở giữa dân chúng." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai vì sự lợi ích, vì lòng thương tưởng [nghĩ rằng]: "Vào thời vị lai xa xoi, sau khi Ta tịch diệt, hội chúng sẽ được quan tâm", trong khi tuyên dương các đức tính quả đang được nhận biết, đã nói như

vầy: "Này Gotamĩ, hãy dâng cúng hội chúng. Khi hội chúng được bà dâng cúng, chính Ta sẽ được tôn vinh và luôn cả hội chúng nữa.” Tâu Đại vương, nhimg không phải chỉ với chừng ấy việc ban cho tấm vải choàng tắm mưa mà hội chúng so với đức Như Lai được gọi là trội hơn, hay nổi bật. Tâu Đại vương, giống như người mẹ và cha xức dầu, xoa bóp, tắm rửa, kỳ cọ cho những đứa con trai. Tâu Đại vương, phải chăng chỉ với chừng ấy việc xức dầu, xoa bóp, tắm rửa, kỳ cọ mà đứa con trai so với mẹ cha được gọi là trội hơn, hay nổi bật? 3. Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, người mẹ và cha có những đứa con trai thì có những việc cần phải làm không theo ý muốn, vì thế người mẹ và cha thực hiện việc xức dầu, xoa bóp, tắm rửa, kỳ cọ cho những đứa con trai.

-Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không phải chỉ với chừng ấy việc ban cho tấm vải choàng tắm mưa mà hội chúng so với đức Như Lai được gọi là trội hơn, hay nổi bật. Thêm nữa, đức Như Lai, trong khi thực hiện công việc cần phải làm không theo ý muốn, đã bảo người Dì mẫu dâng cúng tấm vải choàng tắm mưa đến hội chúng. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nam nào đó mang đến tặng phẩm cho đức vua, đức vua có thể cho tặng phẩm ấy đến người nào đó? hoặc là nhân công hoặc binh lính, hoặc tướng lãnh, hoặc vi quân sư. Tâu Đại vương, phải chăng chỉ với chừng ấy việc nhận lãnh tặng phẩm mà người đàn ông ấy so với đức vua được gọi là trội hơn, hay noi bật? Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, người đàn ông ấy là người lãnh lương của đức vua, có cuộc sống phụ thuộc vào đức vua. Trong khi đặt để vào vị trí ấy mà đức vua ban cho tăng phẩm. 4. - Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, không phải chỉ với chừng ây việc ban cho tấm vải choàng tắm mưa mà hội chúng so với đức Như Lai được gọi là trội hơn, hay nổi bật, khi ấy [hội chúng] là người lãnh lương của đức Như Lai, có cuộc sống phụ thuộc vào đức Như Lai. Trong khi đặt để vào vị trí ấy mà đức Như Lai đã bảo dâng tấm vải choàng tắm mưa đến hội chúng. Tâu Đại vương, thêm nữa, đức Như Lai đã khởi ý như vầy: "Hội chúng là xứng đáng được cúng dường từ trong bản thể, ta sẽ cúng dường đến hội chúng với khả năng của minh", nên đã bảo dâng tấm vải choàng tắm mưa đến hội chúng. Tâu Đại vương, đức Như Lai không ca ngợi sự cúng dường đến chính bản thân, khi ấy những vị nào đáng được cúng dường ở thế gian, đức Như Lai cũng ca ngợi sự cúng dường đến các vi ấy. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Ton, vi Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đen trong khi tuyên dương sự thực hành ve ít ham muốn ở bài giảng pháp về sự thừa tự giáo pháp ở đoạn Varalañchaka (Dấu ấn cao quỹ) thuộc Mcỳjhỉmanikãya (Trung bộ) rằng: "Chính vị Tỳ-khưu đầu tiên ấy, đối với Ta, là đáng được cúng dường hơn và ca tụng hơn.,, Tâu Đại vương, ở các cõi không có chúng sanh nào so với đức Như Lai là xứng đáng được cúng dường, hoặc là trội hơn, hay nôi bật. Chính đức Như Lai là vượt hơn, trội hơn, nôi bật. 5. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được nói đến ở Tương ưng bộ quý báu bởi vị thiên tử Mānavagāmika khi đứng ở phía trước đức Thế Tôn, giữa chư thiên và nhân loại rang: Trong số các núi ở Rājagaha, núi Vipula được gọi là tối thắng, ở dãy Hy- mã-lạpf núi Setā là tôi thăng. Mặt trời [là tôi thăng] trong sô các thiên thê, Đại dương là tối thắng trong sổ các biển cả. Mặt trăng [là tối thẳng] trong số các vì tinh tủ. Đức Phật được gọi là tối cao ở thế gian luôn cả chư thiêng Tâu Đại vương, hơn nữa những lời kệ này đây đã được khéo ca,

không phải vụng ca, đã được khéo thuyết, không phải vụng thuyết bởi vị thiên tử

Mānavagāmika và đã được đức Thế Tôn chấp thuận. Tâu Đại vương, quả vậy Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp, cũng đã nói rằng: “Chi một việc có niềm tinh tín ở tâm, hoặc việc nghiêng mình, chắp tay, dỉ đen nương nhờ nơi đức Phật, bậc có sự tiêu diệt bỉnh đội của Ma vương, có khả năng giúp cho vượt qua [kho đau]y Và đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời đã nói rằng: "Này các Tỷ- khưuf có một nhân vật, trong khi được sanh ra ở thế gian, được sanh ra vì sự y . 5 •r lợi ích của nhiêu người, vì sự an lạc của nhiêu người, vì lòng thương tưởng thê gian, vì sự tốt đẹp, vì sự lợi ích, vì sự an lạc của chư thiên và nhân loại. Là một nhân vật nào? Đức Như Lai, bậc A-la-hán Chảnh Đẳng Giác, trong khi được sanh ra ở the gian, được sanh ra vì sự lợi ích của nhiều người, vì sự an lạc của nhiều người, vì lòng thương tưởng thể gian, vì sự tốt đẹp, vì sự lợi ích, vĩ sự an lạc của chư thiên và nhân ỉoạiy Thưa Ngài Nãgasena, tốt lắm! Trẩm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về việc dâng cúng tấm vải của bà Gotamā' là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VÈ VIỆC THỰC HÃNH ĐÚNG ĐẮN CỦA HÀNG TẠI GIA VÀ XUẤT GIA (Gihipabbajitasammāpatipattipañhci) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, Ta khen ngơi sự thực hành đúng đắn của người tại gia hoặc của vi xuất gia. Này các Tỳ-khưu, người tại gia hoặc vị xuất gia đã thực hành đúng đắn, do kết quả của việc thực hành đúng đắn mà trở nên người thành tựu thiện pháp đúng theo Thánh dạo.” Thưa Ngài Nâgasena, nếu người tại gia mặc y phục màu trắng, trong khi sinh sống có sự thọ hưởng các dục, có việc nằm chen chúc với vợ và con, trong khi hưởng thụ vải kãsi và trầm hương, trong khi đeo tràng hoa, vật thơm và vật thoa, trong khi ưng thuận vàng và bạc, buộc búi tóc có trang điểm ngọc ma-ni và vàng, đã thực hành đúng đắn và trở nên người thành tựu thiện pháp đúng theo Thánh đạo; còn vi xuất gia, đầu được cạo, mặc y ca-sa, đi đến khất thực ở những người khác, có sự thực hành trọn vẹn đúng đắn bốn giới uẩn, thọ lãnh và hành trì một trăm năm mươi điều học, hành trì không thiếu sót mười ba hạnh từ khước, đã thực hành đúng đắn thì cũng trở nên người thành tựu thiện pháp đúng theo Thánh đạo. Thưa Ngài, ở đây người tại gia hoặc vị xuất gia co cái gì là khác biệt? Có phải việc hành khổ hạnh là không có kết quả, việc xuất gia là không có lợi ích, việc gìn giữ các điều học là vô ích, sự thọ trì các hạnh từ khước là rồ dại? ở đây, có gì với việc theo đuổi sự khó khăn? Chẳng phải là sự an lạc có thể được chứng đạt bằng chính sự an lạc? 2. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khưu, Ta khen ngợi sự thực hành đúng đắn của người tại gia hoặc của vi xuất gia. Này các Tỳ-khưu, người tại gia hoặc vi xuất gia đã thực hành

đúng đắn, do kết quả của việc thực hành đúng đắn mà trở nên người thành tựu thiện pháp đúng theo Thánh đạo.w Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, chỉ có người đã thực hành đúng đắn là hạng nhất. Tâu Đại vương, thậm chí vị xuất gia [nghĩ rằng]: "Ta là vị

xuất gia" rồi không thực hành đúng đắn, thì vị ấy bị xa rời bản thể Sa-môn, bị xa rời phẩm vi Bà-la-môn; không càn đề cập đến người tại gia mặc y phục màu trắng. Tâu Đại vương, ngay cả người tại gia đã thực hành đúng đắn cũng trở nên người thành tựu thiện pháp đúng theo Thánh đạo. Tâu Đại vương, luôn cả vị xuất gia đã thực hành đúng đắn cũng trở nên người thành tựu thiện pháp đúng theo Thánh đạo. Tâu Đại vương, thêm nữa chính vị xuất gia là chúa tể5 là người chủ của bản thê Sa-môn. Tâu Đại vương, việc xuất gia là có nhiêu đức tính, có vô sô đức tính, có vô lượng đức tính, không thể thực hiện việc đo lường đức tính của việc xuất gia. Tâu Đại vương, giống như không thể thực hiện việc đo lường giá trị bằng tài sản đoi với bảo ngọc ma-ni, vật ban cho điều ước, là: "Giá tiền của viên bảo ngọc ma-ni là chừng này." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc xuất gia là có nhiều đức tính, có vô số đức tính, có vô lượng đức tính, không thể thực hiện việc đo lường đức tính của việc xuất gia. Tâu Đại vương, hoặc là giống như không thể thực hiện việc đo lường các làn sóng ở đại dương rằng: "Các làn sóng ở đại dương là chừng này.,, Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc xuất gia là có nhiều đức tính, có vô số đức tính, có vô lượng đức tính, không thể thực hiện việc đo lường đức tính của việc xuất gia. Tâu Đại vương, đối với vị xuất gia điều gì cần phải làm, tất cả mọi việc ấy được thành tựu thật nhanh chóng, không lâu lác. Vì lý do gì? Tâu Đại vương, vị xuất gia ít ham muốn, tự biết đủ, sống tách ly, không giao du, có sự nỗ lực tinh tấn, không mong cầu, không nhà ở, có giới tròn đủ, có hạnh giảm thiểu, thiện xảo việc thực hành các pháp từ khước. Vì lý do ấy, đối với vị xuất gia điều gì cần phải làm, tất cả mọi việc ấy được thành tựu thật nhanh chóng, không lâu lắc. Tâu Đại vương, giống như mũi tên, không san sùi, bằng phẳng, khéo được làm sạch, ngay thẳng, không vết nhơ, được bắn ra khéo léo thì di chuyển chính xác. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với vị xuất gia điều gì cần phải làm, tất cả mọi việc ấy được thành tựu thật nhanh chóng, không lâu lắc. Thưa Ngài Nāgasena, tót lăm! Trâm chập nhận điêu này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về việc thực hành đúng đắn của hàng tại gia và xuất gia” là thứ ba.

4. CÂU HỎI VÈ Sự SAI TRÁI TRONG ĐƯỜNG LỐI THỰC HÀNH (Patipadādosapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, khi đức Bô-tát thực hiện hành động khó thực

hành [khổ hạnh], không nơi nào khác đã có sự nỗ lực, sự cố gắng, sự chiến đấu với phiền não, sự làm tiêu tan đạo binh của than chết, sự kiêng vật thực, các hành động khó thực hành như thế này. ở sự gắng sức có hình thức như thế, đức Bồ-tát đã không đạt được bất cứ sự khoái lạc nào, đã bỏ rơi chính tâm ý ấy, và đã nói như vầy: "Tuy nhiên, với việc khô hạnh dữ dội này Ta không chứng đắc các pháp thượng nhân, là pháp đặc biệt thuộc về trí tuệ và sự thấy biết xứng đáng bậc Thánh. Có thể có chăng đạo lộ nào khác đưa đến giác ngộ?y Sau khi nhàm chán với việc ây, bằng một đạo lộ khác Ngài đã đạt đên bản thê toàn tri, rồi cũng vẫn chỉ dạy, khuyến khích các đệ tử về đường lối thực hành ấy rằng: uCác ngươi hãy nỗ lực, hãy cố gắng, hãy gắn bó vào IM dạy của đức Phật. Các ngươi hãy dẹp bỏ đạo binh của than chết, tợ như con voi phá bỏ căn chòi bằng lau sậy.,M Thưa Ngài Nāgasena, bởi vì lý do gi, đức Thế Tôn lại chỉ dạy,

khuyến khích các đệ tử vê đường lôi thực hành mà bản thân Ngài đã nhàm chán, có vẻ không còn quyến luyến ve việc ấy? 2. Tâu Đại vương, lúc ây cũng như hiện nay, việc ây vân là đường lôi thực hành. Sau khi thực hành chính đường lối thực hành ấy, đức Bồ-tát đã đạt đến bản thể toàn tri. Tâu Đại vương, thêm nữa, đức Bồ-tát trong khi thực hành tinh tấn tột độ đã ngưng lại vật thực không còn chút gì, do việc buộc ngưng lại vật thực của vị ấy mà sự yếu đuối của tâm đã sanh khởi. Do sự yếu đuối ấy, vi ấy đã không the đạt được bản the toàn tri. Trong khi sử dụng lại từng chút từng chút vật thực đã được vắt thành nắm, rồi với chính đường lối thực hành ấy không bao lâu sau, vi ấy đã đạt được bản thể toàn tri. Tâu Đại vương, chính đường lối thực hành ấy đưa đến sự đạt được trí toàn tri của tất cả các đức Như Lai. Tâu Đại vương, giống như vật thực là sự nâng đỡ cho tất cả chúng sanh, được nương tựa vào vật thực mà tất cả chúng sanh nhận được sự an lạc. Tâu Đại vương, tương tợ ỵ như thế, chính đường lối thực hành ấy đưa đến sự đạt được trí toàn tri của tất cả các đức Như Lai. Tâu Đại vương, sự sai trái khiến đức Như Lai vào thời điểm ấy đã không đạt được trí toàn tri không phải ở sự nỗ lực, không phải ở sự cố gắng, không phải ở sự chiến đấu với phiền não; nhưng sự sai trái ấy chính là ở việc buộc ngưng lại vật thực. Chính đường lối thực hành ấy luôn luôn được sẵn sàng. Tâu Đại vương, ệiống như người nam có thể đi rất nhanh đoạn đường dài, vì thế người ấy có thê bị tổn thương một bên [hông], hoặc có sự đi khập khiễng không tự đi lại được ở trên bề mặt trái đất. Tâu Đại vương, chẳng lẽ đại địa cầu cũng có sự sai trái khiến cho người nam ấy đã bi tổn thương một bên [hông]? Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, đại địa cầu luôn luôn được sẵn sàng. Do đâu mà nó có sự sai trái? Sự sai trái ấy chính là ở sự ra sức, vì nó mà người nam ấy đã tổn thương một bên [hông].

4 Câu kệ này được thấy ở TheragãthãpãỊỉ (Trưởng lão kệ), do Trưởng lão Abhibhũta nói lên (TTPV, tập 31, trang 91, câu kệ 256).

Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, sự sai trái khiên đức Như Lai vào thời điểm ấy đã không đạt được trí toàn tri không phải ở sự nỗ lực, không phải ở sự cố gắng, không phải ở sự chiến đấu với phiền não; nhung sự sai trái ấy chính là ở việc buộc ngưng lại vật thực. Chính đường lối thực hành ấy luôn luôn được sẵn sàng. Tâu Đại vương, hoặc là giông như người nam quân vào tâm vải choàng bi lấm lem, người ấy không cho giặt sạch nó; sự sai trái ấy không phải là của nước; nước luôn luôn được sẵn sàng. Sự sai trái ấy là của chính người ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, sự sai trái khiến đức Như Lai vào thời điểm ấy đã không đạt được trí toàn tri không phải ở sự nỗ lực, không phải ở sự cố gắng, không phải ở sự chiến đấu với phiền não; nhung sự sai trái ấy chính là ở việc buộc ngưng lại vật thực. Chính đường lối thực hành ấy luôn luôn được sẵn sàng. Vì thế, đức Như Lai chỉ dạy, khuyến khích các đệ tử về chính đường lối thực hành ấy. Tâu Đại vương, như vậy đường lối thực hành ấy luôn luôn được sẵn sàng, không có tội lỗi. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về sự sai trái trong đường lối thực hành95 là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ VIỆC TRỞ LẠI ĐỜI SỐNG TẠI GIA TẦM THƯỜNG (HTnāyāvattanapañho) L Thưa Ngài Nâgasena, giáo pháp này của đức Như Lai là vĩ đại, có lõi, cao quý, tối thượng, ưu tú, không thể sánh bằng, thanh tịnh, vô nhiễm, trong trắng, không chê trách được, không thích hợp để cho người vẫn còn tại gia xuất gia. Người tại gia sau khi đã hương dẫn đến một quả vi, khi nào có sự không quay trở lại nữa, khi ấy mói nên cho người ấy xuất gia. Vì lý do gì? Những người này vẫn còn là người xấu, sau khi xuất gia ở đây, trong giáo pháp trong sạch, sẽ quay lui, trở lại đời sống tại gia tầm thường. Với việc đi ngược trở lại của những người này, đám đông dân chúng này suy nghĩ như vầy: "Giáo pháp này của Sa-môn Gotama quả là rỗng không, khiến những người này quay lui." ở đây, điều này là lý do. 2. - Tâu Đại vương, giống như hồ nước được tràn đầy nước sạch, không do, mát mẻ; rồi người nào đó bị lấm lem, bị vấy bụi bặm và bùn đất sau khi đi đến hồ nước ấy không tắm rửa, rồi quay lui, vẫn còn bị lấm lem. Tâu Đại vương, trong trường hợp ấy dân chúng nên chê trách ai, kẻ bị lấm lem hay là hồ nước? -Thưa Ngài, dân chúng nên chê trách kẻ bị lâm lem răng: "Người này sau khi đi đến hồ nước ấy không tắm rửa, rồi quay lui, vẫn còn bi lấm lem. Làm sao hồ nước tự nó sẽ tắm rửa cho kẻ không có ý đinh tắm rửa này? Vậy có điều sai trái gì đối với hồ nước?^ -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai đã tạo ra hồ nước cao quý là Chánh pháp, được tràn đầy nước cao quý là sự giải thoát [nghĩ rằng]:

"Những người nào đó bị lấm lem bụi bặm phiền não, có suy tư, có trí tuệ, những người ấy sau khi tắm rửa ở đây sẽ tẩy sạch tất cả các phiền nao.^ Nếu người nào đó sau khi đi đến hồ nước Chánh pháp cao quý ấy không tắm rửa, rồi quay lui, trở lại đời sống tại gia tầm thường, vẫn còn phiền não. Dân chúng sẽ chê trách chính kẻ ấy rằng: "Người này sau khi xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, không đạt được chỗ đứng ở nơi ấy nên đã trở lại đời sống tại gia tầm thường. Làm sao giáo pháp của đấng Chiến Thắng sẽ tự mình làm trong sạch kẻ không thực hành này được? Vậy có điều sai trái gì đối với giáo pháp của đấng Chiến Thang?" “ 3. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nam bị bệnh trầm trọng, sau khi gặp người thầy thuốc giải phẫu, rành rẽ về nguyên nhân gây bệnh, có sự chữa trị hiệu quả và lâu dài, lại không cho chữa tri, rồi quay lui, vẫn còn bi bệnh. Trong trường hợp ấy dân chúng nên chê trách ai, kẻ bị bệnh hay là người thầy thuốc? Thưa Ngài, dân chúng nên chê trách kẻ bị bệnh rằng: "Người này sau khi gặp người thầy thuốc giải phẫu, rành rẽ về nguyên nhân gây bệnh, có sự chữa trị hiệu quả và lâu dài, lại không cho chữa tri, rồi quay lui, vẫn còn bị bệnh. Làm sao người thay thuốc tự mình sẽ chữa trị cho kẻ không chịu đe cho chữa tri này? Vậy có điều sai trái gì đối với người thầy thu6c?” -Tâu Đại vương, tương tợ y như the, đức Như Lai đã bỏ vào bên trong cái hộp giáo pháp phương thuốc bất tử có khả năng làm yên lặng toàn bộ tất cả căn bệnh phiên não [nghĩ rằng]: "Những người nào đó bị hành hạ bởi căn bệnh phiền não, có suy tư, có trí tuệ, những người ấy sau khi uống vào phương thuốc bất tử này sẽ làm yên lặng mọi căn bệnh J)hiền não." Nếu người nào đó sau khi không uống vào phương thuốc bất tử ấy, rồi quay lui, trở lại đời sống tại gia tầm thường, vẫn còn phiền não. Dân chúng sẽ chê trách chính kẻ ấy rằng: "Người này sau khi xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, không đạt được chỗ đứng ở nơi ấy nên đã trở lại đời

song tại gia tam thường. Làm sao giáo pháp của đấng Chiến Thắng sẽ làm trong sạch kẻ không thực hành này được? Vậy có điều sai trái gì đối với giáo pháp của đấng Chiến Thắng?^ 4. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nam bị đói, sau khi đi đến nơi phân phát vật thực phước thiện lớn lao, lại không ăn vật thực ấy, rồi quay lui, vẫn còn bị đói. Trong trường hợp ấy dân chúng nên chê trách ai, kẻ bị đói hay là vật thực phước thiện? -Thưa Ngài, dân chúng nên chê trách kẻ bi đói:"Người này, bị hành hạ bởi cơn đói, sau khi nhận lãnh vật thực phước thiện không ăn, roi quay lui, vẫn còn bị đói. Làm sao vật thực tự nó sẽ đi vào miệng của kẻ không ăn này được? Vậy cồ điều sai trái gì đối với vật thqc?" -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, đức Như Lai đã đê vào bên trong cái hộp giáo pháp món vật thực niệm đặt ở thân cao quý tột bậc, yên tịnh, an toàn, hảo hạng, bất tử, ngọt ngào tột bậc [nghi rằng]: “Những người nào đó bị đói ở nội phân do phiên não, có tâm bị chê ngự bởi tham ái, có suy tư, có trí tuệ,

những người ấy sau khi thọ dụng vật thực này sẽ xa lìa tất cả tham ái ở dục giới, sắc giới và vô sắc gi&i." Nếu n^ười nào đó sau khi không ăn vật thực ấy, rồi quay lui, trở lại đời sống tại gia tâm thường, vẫn còn bị ràng buộc bởi tham ái. Dân chúng sẽ chê trách chính kẻ ấy rằng: uNgười này sau khi xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, không đạt được chỗ dứng ở nơi ấy nên đã trở lại đời song tại gia tầm thường. Làm sao giáo pháp của đang Chiến Thắng sẽ làm trong sạch kẻ khôn^ thực hành này được? Vậy có điều sai trái gì đoi với giáo pháp của đấng Chiên Thắng?” 5. Tâu Đại vương, nếu đức Như Lai cho xuất gia chỉ riên^ người tại gia [nào] đã được hướng dẫn đến một quả vi, thế chăng phải việc xuât gia này nhăm đưa đen việc dứt bỏ phiền não hay đưa đen sự thanh tinh? Và không có việc gì cần phải làm với việc xuất gia? Tâu Đại vương, ệiống như người nam sau khi cho đào cái hô nước bằnệ hàng trăm lao độnẸ roi thông báo đên tập thê như vầy: "Này quý ông, chớ đê bất cứ những ai bị lâm lem bước xuống hồ nước này của tôi. Hãy để cho những người có bụi bặm dơ dáy đã được tẩy uế, trong sạch, đã kỳ cọ vét nhơ bước xuống hồ nước nay?9 Tâu Đại vương, phải chăng những người có bụi bặm dơ dáy đã được tẩy uế, trong sạch, đã kỳ cọ vết nhơ ấy là có việc cần làm với cái hồ nước ấy? 6. Thưa Ngài, khôn^ đúng. Với mục đích nào mà những người ấy đi đến hô nước ây, việc cân làm ây của những người ây đã được làm ở tại nơi khác roi. Họ còn có việc gì với hồ nước ấy? Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nếu đức Như Lai cho xuất gia chỉ riêng người tại gia [nào] đã được hướng dẫn đến một quả vị, chính ở trường hợp ấy việc cần phải làm của những người ấy đã được làm xong. Họ còn có việc gì với việc xuất gia? Tâu Đại vương, hoặc là giống như người thầy thuốc giải phẫu, người phục vụ tín cẩn của các vi ẩn sĩ, có sự ghi nhớ các chú thuật và các đoạn kệ ngôn đã được nghe, không là kẻ ngớ ngẩn, rành rẽ về nguyên nhân gây bệnh, có sự chữa trị hiệu quả và lâu dài, sau khi gom lại các loại thuốc men làm yên lặng tất cả các căn bệnh rồi thông báo đến tập thể như vầy: "Này quý ông, chớ để bất cứ những ai có bệnh đi đến gặp tôi. Hãy để cho những người không có bệnh, không ốm đau đi đến gặp tôi?9 Tâu Đại vương, phải chăng những người không có bệnh, không ốm đau, được toàn vẹn, được hưng phấn ấy là có việc cần làm với người thầy thuốc ấy? 7. Thưa Ngài, không đúng. Với mục đích nào mà những người ấy đi đến người thầy thuốc ấy,

việc cần làm ấy củanhững nệ người ấy đã được làm ở tại nơi khác roi. Họ còn có việc gì với người thay thuốc ấy? -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nếu đức Như Lai cho xuất gia chỉ riêng người tại gia [nào] đã được hướng dẫn đến một quả vị, chính ở trường hợp ây việc cân phải làm của những người ây đã được làm xong. Họ còn có việc gì với việc xuât gia? . 9r 9

Tâu Đại vương, hoặc là giông như người nam nào đó, sau khi cho chuân

bị bữa ăn hànệ trăm đĩa cơm sữa, roi thông báo đên tập thê như vây: “Này quý ông, chớ đê bát cứ những ai bi đói đi đên nơi phát chẩn này. Hãy để cho những người đã được ăn no, được thỏa mãn, được thừa thãi, no nê, cường tráng, đầy đủ đi đến nơi phát chẩn này.,? Tâu Đại vương, phải chăng những người đã ăn xong, được thỏa mân, được thừa thãi. no nê, cường tráng, đầy đủ ấy là có việc gì cân làm với bữa ăn ấy? 8. Thưa Ngài, không đúng. Với mục đích nào mà những người ấy đi đến nơi phát chẩn ấy, việc cần làm ấy của những người ấy đã được làm ở tại nơi khác rồi. Họ còn có việc gì với nơi phát chẩn ấy? -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nếu đức Như Lai cho xuất gia chỉ riêng người tại gia [nào] đã được hướng dẫn đến một quả vị, chính ở trường hợp ấy việc cần J)hải làm của những người ấy đã được làm xong. Họ còn có việc gì với việc xuất gia? Tâu Đại vương, phải chăng những người nào trở lại đời sống tại gia tầm thường, những người ấy phô bày năm đức tính không thể so sánh ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Năm đức tính nào? Họ phô bày tính chất vĩ đại của lãnh địa, phô bày tính chất thanh tịnh không ô nhiễm, phô bày tính chất không sống chung với những kẻ ác, phô bày tính chất khó thấu triệt, phô bày tính chát cân được bảo vệ với nhiêu sự thu thúc. 9. Họ phô bày tính chất vĩ đại của lãnh địa là như thế nào? Tâu Đại vương, giống như người nam không có tài sản, dòng dõi thấp kém, tầm thường, thấp thỏi về trí tuệ, sau khi đạt được vương quốc rộng lớn, không bao lâu sau sẽ sụp đô, tiêu hoại, suy giảm vê danh vọng, không thê duy trì vương quyên. Vì lý do gì? Vì tính chất vĩ đại của vương quyền. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào đó là tầm thường, không có phước báu đã tạo, thấp thỏi về trí tuệ, xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, những người ấy trong khi không thể duy trì việc xuất gia cao quý và tối thượng ấy? không bao lâu sau từ giáo pháp của đấng Chiến Thắng họ sụp đổ, tiêu hoại, suy giảm, trở lại đời sống tại gia tầm thường, không thể duy trì giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Vì lý do gì? Vì tính chất vĩ đại của lãnh địa giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Họ phô bay tính chất vĩ đại cua lãnh địa là như the ấy. 10. Họ pho bày tính chất thanh tinh không ô nhiễm là như thế nào? Tâu Đại vương, giống như nước ở lá sen sẽ phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, rồi mất dạng, không bám víu. Vì lý do gì? Vì tính chất thanh tịnh không ô nhiễm của loài sen. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào đó là gian trá, giả dối, cong quẹo, quanh co, có quan điểm không ổn định, xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, những người ấy không bao lâu sau từ giáo pháp thanh tịnh không ô nhiễm, không gai góc5 trong trắng, cao quý và ưu tú, sẽ phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, không trụ vững, không bám víu, trở lại đời sống tại gia tầm thường. Vì lý do gì? Vì tính chất thanh tịnh không ô nhiễm ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Họ phô

bày tính chất thanh tịnh không ô nhiễm là như thế ấy.

11. Họ phô bày tính chất không sống chung với những kẻ ác là như thế nào? Tâu Đại vương, giông như biên cả không sông chung với xác chét, nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết ấy vào bờ hoặc hất lên đất liền. Vì lý do gì? Vì việc cư trú của các chúng sanh to lớn ở nơi biển cả. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào đó có bản tánh không thu thúc, vô liêm si, không nghiêm chỉnh, có sự tinh tấn yếu ớt, biếng nhác, ô uế, đê tiện, xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, những người ấy không bao lâu sau sẽ lìa khỏi giáo pháp của đấng Chiến Thắng, khỏi nơi cư trú của các chúng sanh to lớn, các bậc A-la-hán, vô nhiễm, lậu tận, không cộng trú và trở lại đời sông tại gia tâm thường. Vì lý do gì? Vì tính chát không sông chung với những kẻ ác ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Họ phô bày tính chất không sống chung với những kẻ ác là như thế ấy. 12. Họ phô bày tính chất khó thấu triệt là như thế nào? Tâu Đại vương, giống như những người nào đó là cung thủ, không thành thạo, không được học tập, không rành nghề, không tập trung tâm, trong khi không thể xuyên thủng đầu của cọng tóc, buông rơi [cung], bỏ đi. Vì lý do gì? Vì tính chất tinh vi, tế nhị, khó xuyên thủng của đâu cọng tóc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, những người nào đó có tuệ tồi, ngu xuẩn, ngớ ngẩn, si mê, điệu bộ chậm chạp, xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, những người ấy trong khi không thể xuyên thủng việc thấu triệt ấy đối với bốn chân lý vô cùng tinh vi, tế nhị, buông rơi giáo pháp của đấng Chiến Thắng, bỏ đi, không bao lâu sau trở lại đời sống tại gia tàm thường. Vì lý do gì? Vì tính chất vô cùng tinh vi, tế nhị, khó thấu triệt của bốn chân lý. Họ phô bày tính chất khó thấu triệt là như thế ấy. 13. Họ phô bày tính chất cần được bảo vệ với nhiều sự thu thúc là như thế nào? Tâu Đại vương, giông như người nam nào đó đi đên gân bãi chiên trường lớn lao vĩ đại rồi bị bao vây chung quanh khắp các hướng chính hướnệ phụ bởi đội quân địch, sau khi nhìn thây người tay câm gươm đang tiến đên gân thì hoảng sợ? thối lui, quay trở lại, đào tẩu. Vì lý do gì? Vì nỗi sợ hãi trong việc bảo vệ các tiền tuyến của cuộc chiến đấu đa dạng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào đó có bản tánh không thu thúc, vô liêm sỉ, không nghiêm chỉnh, không nhẫn nại, thất thường, bị dao động, hay thay đổi, là những người ngu dốt, xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, những người ấy trong khi không thể bảo vệ trọn vẹn điều học có nhiều loại, thì thối lui, quay trở lại, đào tẩu, không bao lâu sau thì trở lại đời sống tại gia tầm thường. Vì lý do gì? Vì tính chất cần được bảo vệ sự thu thúc có nhiều loại thuộc giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Họ phô bày tính chất cần được bảo vệ với nhiều sự thu thúc là như thế ấy. 14. Tâu Đại vương, ở bụi hoa nhài trâu, dầu là hạng nhất trong số các loài hoa mọc ở đất bằng, cũng có những bông hoa bị sâu ăn, những choi non ấy, bị quắn lại, rồi rơi rụng chính vì sự hư hoại. Nhưng không vì chúng bi rơi rụng mà bụi hoa nhài bị xem thường. Những bông hoa nào còn tồn tại ở nơi ấy, chúng

tỏa khắp các hướng chính phụ với hương thơm chân chánh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào sau khi xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng rồi

trở lại đời sống tại gia tầm thường, những người ấy trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng có giới không còn phẩm chất và hình tướng, ví như những bông hoa nhài bị sâu ăn, mất đi màu sắc và hương thơm, không thể đưa đến sự phát triển trọn vẹn. Nhưng không vì việc trở lại đời sống tại gia tầm thường của những người ấy mà giáo pháp của đấng Chiến Thắng bị xem thường. Các vị Tỳ-khưu nào còn tồn tại ở nơi ấy, các vị ấy tỏa khắp thế gian luôn cả cõi trời với hương thơm cao quý của giới. Tâu Đại vương, có loại lúa sāli tên là karumbhaka, sau khi mọc lên ở khoảng giữa của các giống lúa sāli gạo đỏ không bị èo oặt, rồi bị tiêu hoại lúc còn ở giai đoạn giữa chừng. Nhưng không vì việc bị tiêu hoại của loại lúa ấy mà giống lúa sāli gạo đỏ bị xem thường. Những lúa sāli nào còn tồn tại ở nơi ấy, chúng là vật thực của đức vua. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào sau khi xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng rồi trở lại đời sống tại gia tầm thường, những người ấy, ví như karumbhaka ở khoảng giữa của các loại lúa sāli gạo đỏ, sau khi tăng trưởng không đạt đến sự phát triên trọn vẹn ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng, rồi trở lại đời sống tại gia tầm thường từ ở chùih khoảng ẹiữa. Nhưng không vì việc trở lại đời sống tại gia tầm thường của những người ây mà giáo pháp của đang Chiên Thăng bị xem thường. Các vị Tỳ-khưu nào còn tôn tại ở nơi ây, các vị ây là thích đáng đôi với phàm vị A-la-hán. 15. Tâu Đại vương, viên bảo ngọc ma-ni, vật ban cho điều ước có một phần sần sùi sanh khởi. Nhưng không vì việc bị sanh khởi phần sần sùi ở chỗ ấy mà viên bảo ngọc ma-ni bị xem thường. Phan nào ở chỗ ẩy của viên bảo ngọc ma- ni là trong suốt, phần ấy có sự tạo ra niềm vui thích cho dân chúng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào sau khi xuất gia trong giáo pháp của đang Chiên Thăng roi trở lại đời sông tại gia tâm thường, những người ây là lớp vỏ ngoài sần sùi ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Nhưng không vì việc trở lại đời sống tại gia tâm thường của những người ấy mà giáo pháp của đấng Chiến Thắng bị xem thường. Các vị Tỳ-khưu nào còn ton tại ở nơi ấy, các vị ấy có sự tạo ra niềm vui thích cho chư thiên và nhân loại. Tâu Đại vương, trầm hương màu đỏ chánh tông có một phần bị hư hỏng, [không có mùi thơm. Nhưng không vì việc ấy mà trầm hương màu đỏ bi xem thường.]5 Phần nào ở chỗ ấy là không hư hỏng, có mùi thơm, phần ấy xông khói, tỏa khắp xung quanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào sau khi xuất gia trong giáo pháp của đang Chiến Thắng rồi trở lại đời sống tại gia tầm thường, những người ấy ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng, ví như phần bị hư hỏng ở giữa lõi trầm hương màu đỏ, đáng được quăng bỏ. Nhưng không vì việc trở lại đời sống tại gia tầm thường của những người ấy mà giáo pháp của đấng Chiến Thắng bị xem thường. Các vị Tỳ-khiru nào còn tồn tại ở

5 Đoạn này được thêm vào từ văn bản PãỊi của Miến Điện và PTS. (ND)

nơi ấy, các vi ấy bôi xức thế gian luôn cả cõi trời với mùi thơm của trầm hương quý giá là giới. 16. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Bằng lý lẽ thích đáng vơi mỗi một trường hợp, tương xứng với mỗi một trường hợp, sự không có lỗi lầm đã được ghi nhận, giáo pháp của đấng Chiến Thắng với bản thể tối thượng đã được làm sáng tỏ. Thậm chí trong khi trở lại đời sống tại gia tầm thường, những người ấy cũng làm sáng tỏ chính

bản thể tối thượng thuộc về giáo pháp của đấng Chiến Thắng. “Câu hỏi về việc trở lại đời sống tại gia tầm thường59 là thứ năm.

6. CÂU HỎI VÈ Sự NHẬN BIẾT CẢM THỌ CỦA VỊ A-LA-HÁN (Arahato vedanāvediyanapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài nói răng: 6ốVị A-la-hán nhận biêt một cảm thọ, thuộc thân không thuộc tâm.” Thưa Ngài Nâgasena, việc mà tâm của vị A-la-hán vận hành nương vào thân, vậy có phải vi A-la-hán không phải là chúa tể, không phải là người chủ, không có quyền hành ở nơi ấy? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Thưa Ngài Nâgasena, việc vị ây không phải là chúa tê, không phải là người chủ, không có quyền hành đối với tâm của mình trong khi thân đang được vận hành là không đúng. Thậm chí con chim cho đến khi nào còn trú ở nơi tô chim thì nó là chúa tê, là người chủ, là có quyên hành ở nơi ây. 2. Tâu Đại vương, mười pháp này đi theo thân, chạy theo, vận hành theo thân ở mỗi một kiếp sống. Mười pháp nào? Lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, dã dượi buôn ngủ, già, bệnh, chết. Tâu Đại vương, đay là mười pháp đi theo thân, chạy theo, vận hành theo thân ở mỗi một kiếp sống. Vi A-la-hán không phải là chúa tể, không phải là người chủ, không có quyền hành ở nơi ấy. Thưa Ngài Nãgasena, vì lý do gi mà đối với vị A-la-hán, mệnh lệnh hay là uy quyền không vận hành ở thân? Ve việc này, xin Ngài hãy nói cho trẫm lý do. -Tâu Đại vương, giống như những chúng sanh nào đó là được nương tựa vào trái đất, tất cả bọn họ nương vào trái đất mà di chuyển, sinh sống, quyết định lối cư xử. Tâu Đại vương, phải chăng mệnh lệnh hay là uy quyền của những người ây vận hành ở trái đát? - Thưa Ngài, tất nhiên không. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tâm của vị A-la-hán vận hành nương vào thân. Tuy nhiên, đôi với vị A-la-hán mệnh lệnh hay là uy quyên không vận hành ở thân. 3. Thưa Ngài Nâgasena, vì lý do gì mà phàm nhân nhận biết cảm thọ thuộc thân luôn cả thuộc tâm? -Tâu Đại vương, vì tính chát không được tu tập của tâm khiên phàm nhân nhận biết cảm thọ thuộc thân luôn cả thuộc tâm. Tâu Đại vương, giống như con

bò đực bi đói, bị run rẩy, có thể được buộc lại bằng những cọng cỏ không chắc, yếu ớt, nhỏ nhắn, hoặc bằng sợi dây leo. Khi nào con bò đực ấy bị kích độnệ, khi ấy nó ra đi cùng với sợi dây buộc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đoi với tâm chưa được tu tập, cảm thọ sau khi sanh khởi thì làm cho tâm bi kích động. Tâm bị kích động thì uôn cong thân, vặn vẹo, làm thân xoay chuyên. Và người ấy, với tâm chưa được tu tập, run rẩy, kêu lên, thét lên tiếng kêu ghê rợn. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy phàm nhân nhận biết cảm thọ thuộc thân luôn cả thuộc tâm. Thưa Ngài, vì lý do gì mà vị A-la-hán nhận biết một cảm thọ, thuộc thân không thuộc tôm? -Tâu Đại vương, tâm của vi A-la-hán là đã được tu tập, đã khéo được tu tập, đã được rèn luyện, đã khéo được rèn luyện, biết nghe, có sự phục tùng. Vi ấy, trong khi bị tiếp xúc với cảm thọ khổ, nắm chắc ý nghĩ rằng: uLà vô thuơng", rồi buộc tâm vào cột trụ của định. Được buộc chặt vào cột trụ của định, tâm ấy của vị ấy không rung chuyển, không dao động, được vững chãi, không bi tán loạn. Tuy nhiên, do sự lan rộng sức khuây roi của cảm thọ, thân của vi ấy uốn cong, vặn vẹo, xoay chuyển. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy vi A-la-hán nhận biết một cản)thọ, thuộc thân không thuộc tâm.

4. Thưa Ngài Nâ^asena, về việc trong khi thân dao động mà tâm không dao động được gọi là điều kỳ diệu ở the gian. Ve việc này, xin Ngài hãy nói cho trẫm lý do. -Tâu Đại vương, giống như ở cội cây to lớn khổng lồ có đầy đủ thân, cành cây và lá cây, khi bị vùi dập bởi sức mạnh của gió thì cành cây dao động, phải chăng thân của cây cũng dao động? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, tương tợ ỵ như thế, vi A-la-hán trong khi bị tiếp xúc với cảm thọ khổ, nắm chắc ý nghĩ rằng: "La vô thuơng", rồi buộc tâm vào cột trụ của định. Được buộc chặt vào cột trụ của định, tâm ấy của vị ấy không rung chuyển, không dao động, được vững chãi, không bị tán loạn. Do sự lan rộng sức khuấy rối của cảm thọ, thân của vị ấy uốn cong, vặn vẹo, xoay chuyển. Tuy nhiên, tâm của vị ây không rung chuyên, không dao động, tợ như thân của cội cây to lớn vậy. Thưa Ngài Nâgasena, thật là kỳ diệu! Thưa Ngài Nâgasena, thật là phi thường! Ngọn đèn giáo pháp có hình thức như vầy vào mọi lúc là chưa từng được thấy trước đây bởi trẫm. uCâu hỏi về sự nhận biết cảm thọ của vi A-la-hán55 là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VẺ CHƯỚNG NGẠI CỦA sự CHỨNG NGÔ (Abhisamayantarāyapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, ờ đây có người tại gia nào đó phạm tội cực

nặng,6 người ấy vào lúc khác xuất gia, người ấy tự mình cũng không biết rằng: “Khi là người tại gia, ta đã phạm tội cực nặng95; cũng không có ai nói cho người ấy rằng: 66Khi là người tại gia, ngươi đã phạm tội cực nặng.^ Và người ấy thực hành để chứng dạt Niết-bàn, phải chăng đối với người ấy có thể có sự chứng ngộ giáo pháp? Tâu Đại vương, không có. Thưa Ngài, vì lý do gì? Điều kiện đưa đến sự chứng ngộ giáo pháp của người ấy đã bị đứt đoạn đối với người ấy, do đó không có sự chứng ngộ giáo pháp. -Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói răng: "Đôi với người biêt thì có sự hôi hận. Khi có sự hối hận thì có sự che lấp, khi tâm bị che lâp thì không có sự chứng ngộ giáo pháp." Tuy nhiên, người này trong khi không biết thì đã không sanh lòng hối hận, sống có tâm an tinh, vì lý do gì mà đối với n^ười này thì không có sự chứng ngộ giáo pháp? Câu hỏi này quanh co khúc mác. Xin Ngài suy nghĩ rồi hãy tra lơi. Tâu Đại vương, có phải hạt giống có phẩm chất, được ủ tốt đẹp sẽ nảy mâm ở thửa ruộng màu mỡ, được cày kỹ lưỡng, có bùn non? Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, phải chăng chính hạt giông ây có thê nảy mâm ở bê mặt tảng đá cứng? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, vậy thì tại sao cũng hạt giống ấy lại nảy mầm ở bãi bùn, tại sao lại không nảy mầm ở tảng đá cứng? 2. Thưa Ngài, điêu kiện cho việc nảy mâm của hạt giông ây không có ở tảng đá cứng. Do không có điều kiện, hạt giống không nảy mầm. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, với điều kiện nào mà người ấy có sự chứng ngộ giáo pháp, điều kiện ấy đối với người ấy đã bị trừ tuyệt. Do không có điêu kiện thì không có sự chứng ngộ giáo pháp. Tâu Đại vương, hoặc là giống như cây gậy, cục đất, cây côn, cái vồ đi đen việc trụ lại ở trái đất, phải chăng chính các cây gậy, cục đát, cây côn, cái vồ ấy đi đến việc trụ lại ở không trung? Thưa Ngài, không có. -Tâu Đại vương, vậy thì ở đây điều ệì là lý do mà với lý do ấy chính các cây gậy, cục đất, cây côn, cái vồ áy đi đen việc trụ lại ở trái đất? Vì lý do gì chúng không trụ lại ở không trung? -Thưa Ngài, điều kiện cho việc trụ lại của các cây gậy, cục đất, cây côn, cái vồ ấy không có ở không trung. Do không có điều kiện,

chúng không trụ lại.

6 Tội cực nặng là từ dịch của từ pārājika ở văn bản PâIi. Tuy nhiên, tội pārâjika chỉ dành riêng cho Tỳ-khưu (4 điêu) và Tỳ-khưu-ni (8 điếu), không thấy được áp dụng cho người tại gia; vì thế không xác định được bao gồm những tội nao. Có 2 bản dích tiếng Anh ghi la: Tội giết mẹ, tội giết cha, tội giết A-la-hán, tội làm nhơ Tỳ-khưu-ni, tội làm chảy máu (đức Phạt), nhưng Siông xác quyết. Vì thế tạm dịch tội pārâjika ở trường hợp này ỉa tội cực nạng.

1004 KINH TIỂU Bộ

-Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, do tội lỗi ấy điều kiện của sự chứng ngộ đã bi đứt đoạn đối với người ấy. Khi điều kiện đã bị tiêu diệt, do không có điều kiện thì không có sự chứng ngộ. Tâu Đại vương, hoặc là giống như ngọn lửa phát cháy ở đất bằng, tâu Đại vương, phải chăng chính ngọn lửa ấy phát cháy ở trong nước? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, vậy thì ở đây điều gì là lý do mà với lý do ấy chính ngọn lửa ấy phát cháy ở đất bằng? Vì lý do gì nó không phát cháy ở trong nước? Thưa Ngài, điều kiện cho việc phát cháy của ngọn lửa không có ở trong nước. Do không có điều kiện, nó không phát cháy. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, do tội lỗi ấy điều kiện của sự chứng ngộ đã bị đứt đoạn đối với người ấy. Khi điều kiện đã bị tiêu diệt, do không có điều kiện thì không có sự chứng ngộ. 3. Thưa Ngài Nāgasena, xin Ngài hãy suy nghĩ lại về ý nghĩa này. Trẫm không có sự tin chác ở tâm vê trường hợp ây là: "Đôi với người không biêt, khi không có sự hối hận, lại có sự che lấp." Hãy giúp cho trẫm hiểu bằng lý lẽ. Tâu Đại vương, phải chăng chất độc dữ dội đã được ăn vào mặc dầu không biết, cũng lấy đi mạng sống? Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc ác đã được làm mặc dầu không biết, cũng là việc tạo ra chướng ngại cho sự chứng ngộ. Tâu Đại vương, phải chăng ngọn lửa cũng thiêu đốt người bước lên mà không biết? -Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc ác đã được làm mặc dầu không biết, cũng là việc tạo ra chướng ngại cho sự chứng ngộ. Tâu Đại vương, phải chăng rắn độc sau khi cắn người không biết [bản thân đã bị rắn cắn] cũng lấy đi mạng sống? Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc ác đã được làm mặc dầu không biết, cũng là việc tạo ra chướng ngại cho sự chứng ngộ. Tâu Đại vương, quả là Samanakolañña, vua xứ Kâliủga, được tùy tùng với bảy báu vật, sau khi cỡi lên con voi báu, trong khi đi đến thăm gia đình, mặc dàu không biết cũng đã không thể di chuyển phía bên trên khu vực cội cây Bồ-đề. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy việc ác đã được làm, mặc dầu không biết, cũng là việc tạo ra chướng ngại cho sự chứng ngộ. Thưa Ngài Nâgasena, không thể bác bỏ lý do đã được đấng Chiến Thắng giảng giải. Điều này đúng là ý nghĩa của việc ấy. Trẫm chấp nhận như thế. “Câu hỏi về chướng ngại của sự chứng ngộw là thứ bảy.

MILINDAVẤNĐẠO^ 1005

8. CÂU HỎI VÈ GIỚI HẠNH TỒI (Dussīlapañho) L Thưa Ngài Nãgasena, cái gì là sự phân biệt giữa người tại gia phá giới7 và của Sa-môn phá giới? Cái gì là sự khác biệt? Có phải cả hai hạng này đều có cảnh giới tái sanh giống nhau? Có phải cả hai đều có quả

thành tựu giống nhau? Hay là có cái gì đó khác nhau? -Tâu Đại vương, mười đức tính này của vi Sa-môn phá giới là dư thừa cho sự phân biệt với người tại gia phá giới. Và sự cúng dường được trong sạch hơn bởi mười lý do. Mười đức tính nào của vị Sa-môn phá giới là dư thừa cho sự phân biệt với người tại gia phá giới? Tâu Đại vương, ở đây vị Sa-môn phá giới có sự tôn kính đức Phật, có sự tôn kính giáo pháp, có sự tôn kính hội chúng, có sự tôn kính những vị hành Phạm hạnh, ra sức trong việc đọc tụng và học hỏi, có nhiêu sự lăng nghe [da văn]; tâu Đại vương, vị có giới bị hỏng, có giới tồi, đi đến tập thể cũng the hiện tư cách; gìn giữ thân khâu vì sợ sự chê trách; tâm của vi này có sự hướng đến việc nỗ lực; đã đến gần bản thể Sa-môn của vị Tỳ-khưu; tâu Đại vương, trong khi làm điều ác, vị Sa-môn phá giới thực hiện một cách giấu giếm. Tâu Đại vương, giống như người nữ có chồng lén lút rồi thực hiện việc sái quấy một cách vô cùng bí mật. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, trong khi làm điêu ác, vị Sa- môn phá giới thực hiện một cách giấu giếm. Tâu Đại vương, mười đức tính này của vị Sa-môn phá giới là dư thừa cho sự phân biệt với người tại gia phá giới. 2. Sự cúng dường được trong sạch hơn bởi mười lý do nào? Sự cúng dường được trong sạch do việc mang lớp vỏ bọc không tội lỗi; sự cúng dường được trong sạch do việc mang đặc điểm đầu cạo tóc, là biểu hiện Sa-môn của ẩn sĩ; sự cúng dường được trong sạch do việc đã tham gia vào cuộc hội họp của hội chúng; sự cúng dường được trong sạch do việc đi đến nương nhờ đức Phật, giáo pháp và hội chúng; sự cúng dường được trong sạch do việc đã cư ngụ ở tập thể có khuynh hướng nỗ lực; sự cúng dường được trong sạch do việc tàm càu tài sản giáo pháp của đấng Chiến Thắng; sự cúng dường được trong sạch do việc thuyết giảng giáo pháp cao quý; sự cúng dường được trong sạch vì mục đích tôi hậu là việc đi đên hòn đảo giáo pháp; sự cúng dường được trong sạch do có quan điểm hoàn toàn chánh trực về: "Dức Phật là cao c*'; sự cúng dường được trong sạch do việc thọ trì ngày Uposatha. Tâu Đại vương, sự cúng dường được trong sạch hơn bởi mười lý do này. Tâu Đại vương, vị Sa-môn phá giới, mặc dâu bị phạm tội rõ ràng, cũng làm trong sạch sự cúng dường của các thí chủ. Tâu Đại vương, giống như nước, mặc dầu sền sệt5 cũng tẩy sạch bùn, lầy, bụi bặm, vết dơ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị Sa-môn phá giới, mặc dầu bị phạm tội rõ ràng, cũng làm trong sạch sự cúng dường của các thí chủ. Tâu Đại vương, hoặc là giống như nước nóng, mặc dầu đã được đun sôi dữ dội, cũng dập tắt được đám lửa lớn đang bốc cháy. Tâu Đại vương, tương tợ y

7 Lẽ ra nên dịch là t4người tại gia có giới hạnh t&i" và uSa-môn có giới hạnh (ND)

như thế, VỊ Sa-môn phá giới, mặc dầu bị phạm tội rõ ràng, cũng làm trong sạch sự cúng dường của các thí chủ. Tâu Đại vương, hoặc là giống như thức ăn, mặc dầu vô vi, cũng xua đi sự suy nhược vì cơn đói. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị Sa-môn phá giới, mặc dầu bị phạm tội rõ ràng, cũng làm trong sạch sự cúng dường của các thí chủ. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đen ở lời giải thích ve sự phân loại cúng dường ở đoạn Varalañchaka (Dâu ân cao quỷ) thuộc Mcyjhimanikāya (Trung bọ) răng: "Người nào có giới hạnh dâng cúng vật thí [do của cải] đã đạt được hợp pháp đen những kẻ có giới hạnh tồi với tăm khẻo tịnh tỉnf trong

khi có đức tin thì quả của nghiệp là tột bực; sự củng dường ấy được trong sạch về phía người thỉ chùy 3. Thưa Ngài Nãgasena, thật là kỳ diệu! Thưa Ngài Nâgasena, thật là phi thường! Chúng tôi đã hỏi câu hỏi có chừng ấy, thì Ngài trong khi giải thích nó bằng những ví dụ, bằng những lý lẽ, đã khiến cho vị ngọt của bất tử được lắng nghe. Thưa Ngài, giống như người đầu bếp hoặc học trò của người đầu bếp, sau khi nhận được chừng ấy thịt thì đã sửa soạn với nhiêu vật liệu các loại khác nhau, rồi làm ra món ăn cho đức vua. Thưa Ngài Nâgasena, tương tợ y như thế, chúng tôi đã hỏi câu hỏi có chừng ấy thì Ngài đã khi giải thích no bằng những ví dụ, bằng những lý lẽ, và đã khiến cho vị ngọt của bất tử được lắng nghe. “Cu hỏi về giới hạnh tồi55 là thứ tám.

9. CÂU HỎI VÈ VIỆC CÓ SINH MẠNG VÀ sự SỐNG CỦA NƯỚC L Thưa Ngài Nâgasena, nước này trong khi được đun nóng ờ ngọn lửa thì kêu tí ta tí tách và phát ra âm thanh nhiều loại. Thưa Ngài Nãgasena, vậy có phải nước sinh tôn? Có phải nước trong khi đùa giỡn thì phát ra âm thanh? Hay là bi vật khác quấy nhiễu thì phát ra âm thanh? Tâu Đại vương, nước dĩ nhiên không sinh tồn. Không có sự sống hoặc sinh mạng ở nước. Tâu Đại vương, thêm nữa, do tính chất mạnh bạo của lực đốt nóng ở ngọn lửa khiến nước kêu tí ta tí tách và phát ra âm thanh nhiều loại. Thưa Ngài Nâgasena, ở đây một số ngoại đạo khước từ nước lạnh [cho là]: "Nước sinh tồn,5? nên đun nóng nước và thọ dụng vật dơ bẩn. Những người ấy chê trách, xem thường các Ngài rằng: "Các Sạ-môn Thích tử hãm hại sự sống có một giác quan.” Xin Ngài hãy xua đi, đuổi di, loại trừ đi sự chê trách, sự xem thường ấy của họ. -Tâu Đại vương, nước dĩ nhiên không sinh tồn. Tâu Đại vương, không có sự sống hoặc sinh mạng ở nước. Tâu Đại vương, thêm nữa, do tính chất mạnh bạo về năng lực đốt nóng của ngọn lửa khiến nước kêu tí ta tí tách và phát ra âm thanh nhiều loại. Tâu Đại vương, giống như nước tụ ở hố, ao, suối, hồ, vũng,

hốc, khe, giếng, trũng, đầm sen bi cạn đi và biến mất vì tính chất mạnh bạo về năng lực của gió và sức nóng, trong trường hợp ấy có phải nước cũng kêu tí ta tí tách và phát ra âm thanh nhiêu loại? Thưa Ngài, không có. 2. - Tâu Đại vương, nêu nước sinh tôn, trong trường hợp ây nước cũng có thê phát ra âm thanh. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này xin Ngài hãy nhận biêt rằng: "Không có sự sống hoặc sinh mạng ở nước. Do tính chất mạnh bạo về năng lực đốt nóng của ngọn lửa khiến nước kêu tí ta tí tách và phát ra âm thanh nhiều loại.^ Tâu Đại vương, xin Ngài hãy lắng nghe thêm lý lẽ khác nữa [nói rằng]: "Không có sự song hoặc sinh mạng ở nước. Do tính chất mạnh bạo ve năng lực đốt nóng của ngọn lửa khiến nước phát ra âm thanh." Tâu Đại vương, khi nước được trộn với các hạt gạo rồi được bỏ vào nồi, đậy lại, chưa đặt lên bếp, trong trường hợp ấy có phải cũng nước phát ra âm thanh? Thưa Ngài, không có. Là không dao động, hoàn toàn yên tĩnh. -Tâu Đại vương, trái lại cũng chính nước ấy được bỏ vào nồi, rồi châm lửa, đặt ở bếp, trong trường hợp ấy có phải nước là không dao động, hoàn toàn yên tĩnh? Thưa Ngài, không đúng. Nó dao động, bị khuấy động, chuyển động, dấy động, bi nôi sóng, di chuyên trên dưới kháp các hướng, trôi lên, trào ra, có màng bọt. -Tâu Đại vương, vậy thì tại sao nước ấy ở trạng thái bình thường lại không dao

động, hoàn toàn yên tĩnh? Tại sao khi được đặt ở ngọn lửa thì lại dao động, bi khuấy động, chuyển động, dấy động, bị nổi sóng, di chuyển trên dưới khắp các hướng, có màng bọt? Thưa Ngài, nước ở trạng thái bình thường không dao động. Tuy nhiên, khi đặt ở ngọn lửa, do tính chất mạnh bạo về năng lực đốt nóng của ngọn lửa khiến nước kêu tí ta tí tách và phát ra âm thanh nhiều loại. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này, xin Ngài nhận biêt răng: "Không có sự sống hoặc sinh mạng ở nước. Do tính chất mạnh bạo về năng lực đốt nóng của ngọn lửa khiến nước phát ra âm thanh.” 3. Tâu Đại vương, xin Ngài hãy lăng nghe thêm lý lẽ khác nữa [nói răng]: "Không có sự sống hoặc sinh mạng ở nước. Do tính chất mạnh bạo về năng lực đốt nóng của ngọn lửa khiến nước phát ra âm thanh." Tâu Đại vương, có phải nước ấy được để vào lu nước ở mỗi nhà rồi đậy lại? -Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, phải chăng nước ấy cũng dao động, bị khuấy động, chuyển động, dấy động, bị nổi sóng, di chuyển trên dưới khắp các hướng, trồi lên, trào ra, có màng bọt?

Thưa Ngài, không có. Nó không dao động, ở trạng thái bình thường, là nước đã được để vào lu nước. -Tâu Đại vương, vậy Ngài có được nghe trước đây là nước ở đại dương dao động, bị khuấy động, chuyển động, dấy động, bị nổi sóng, di chuyển trên dưới khắp các hướng, trồi lên, trào ra, có màng bọt, vươn lên rồi vỗ vào bờ, phát ra âm thanh nhiều loại? Thưa Ngài, đúng vậy. Điều này đã được trẫm nghe trước đây và đã được thấy trước đây là nước ở đại dương vươn lên không trung một trăm cánh tay thậm chí đến hai trăm cánh tay.8 -Tâu Đại vương, tại sao nước được để vào lu nước không dao động, không phát ra âm thanh? Và tại sao nước ở đại dương lại dao động và phát ra âm thanh? Thưa Ngài, nước ở đại dương dao động, phát ra âm thanh vì tính chất mạnh bạo về năng lực của gió. Còn nước được để vào lu nước không bị kích động bởi bất cứ cái gì nên không dao động, không phát ra âm thanh. -Tâu Đại vương, giống như nước ở đại dương dao động, phát ra âm thanh vì tính chất mạnh bạo về nănậ lực của gió, tương tợ y như thế5 nước phát ra âm thanh vì tính chất mạnh bạo vê năng lực đốt nóng của ngọn lửa. Tâu Đại vương, thế không phải cái trống khô ráo được phủ căng tấm da trâu khô ráo, thì phát ra âm thanh? Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, phải chăng cũng có sự sông hoặc sinh mạng ở cái trông? Thưa Ngài, không đúng. Tâu Đại vương, vậy thì tại sao cái trống lại phát ra âm thanh?

Thưa Ngài, do sự ra sức phù hợp của người nữ hoặc người nam. -Tâu Đại vương, giống như cái trống phát ra âm thanh do sự ra sức phù hợp của người nữ hoặc người nam, tương tợ y như thế, do tính chất mạnh bạo về năng lực đốt nóng của ngọn lửa khiến nước phát ra âm thanh. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này, xin Ngài nhận biết rằng: "Không có sự sống hoặc sinh mạng ở nước. Do tính chất mạnh bạo về năng lực đốt nóng của ngọn lửa khiến nước phát ra âm thanh.,, 4. Tâu Đại vương, giờ đôi với chúng tôi cũng có điêu cân hỏi dành cho Đại vương, như vậy thì câu hỏi này là khéo được giải quyết. Tâu Đại vương, có phải nước ở tất cả các loại noi phát ra âm thanh trong khi được đốt nóng, hay là phát ra âm thanh trong khi được đốt nóng chỉ ở một số loại nồi? Thưa Ngài, không phải nước ở tất cả các loại nồi phát ra âm thanh trong khi

được đốt nóng, mà nước phát ra âm thanh trong khi được đốt nóng chỉ ở một số loại nồi.

8 Hattha (cánh tay) là đơn vị đo chiều dài, bằng 0,5m. Như vậy là 50m và lOOm.

MILINDA VẤN ĐẠO 1009

Tâu Đại vương, như thế thì Ngài đã bỏ rơi cơ hội của mình. Ngài đã quay về lại vấn đề của tôi là: "Không có sự sống hoặc sinh mạng ở nước?5 5. Tâu Đại vương, nếu nước ở tất cả các loại nồi có thể phát ra âm thanh trong khi được đốt nóng, thì hợp lý để nói điều này: "Nước sinh t8n.” Tâu Đại vương, bởi vì nước không thuộc về hai trường hợp: "Cái nào phát ra âm thanh, cái ấy sinh tồn. Cái nào không phát ra âm thanh, cái ấy không sinh t8n." Tâu Đại vương, nêu nước có thê sinh tôn thì khi các con long tượng không lô, có thân hình kềnh càng, bị lên cơn, sau khi hút nước lên bằng vòi, bỏ vào miệng, nuốt vào bụng, nước ấy? trong khi được lùa qua kẽ răng của chúng, cũng có thể phát ra âm thanh. Và chiếc thuyền lớn [dài] một trăm cánh tay, nặng nề? loại chở hàng, được chất đày với hàng trăm ngàn kiện hàng, du hành ở đại dương, nước trong khi bi tung tóe bởi những chiếc thuyền cũng có thể phát ra âm thanh. Ngay cả những con cá to lớn khổng lồ có thân hình hàng trăm do-tuần, là cá ông, cá voi, cá ông voi, trong khi cư ngụ với chỗ ngụ cố đinh, chìm vào ở bên trong lòng đại dương, hút vào và phun ra những ngụm nước lớn. Nước ấy, trong khi được lùa qua kẽ răng vào bên trong bao tử của chúng, cũng có thể phát ra âm thanh. Tâu Đại vương, bởi vì nước có thê phát ra âm thanh khi bị chèn ép bởi những sự chèn ép dữ dội có những hình thức thế này thế khác, vì thế "không có sự sống hoặc sinh mạng ở nước.^ Tâu Đại vương, Đại vương hãy ghi nhớ điều này như thế. 6. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Được hỏi đúng nơi, câu hỏi đã được phân giải với sự phân giải một cách thích đáng. Thưa Ngài Nâgasena, giống như viên ngọc quý ma-ni có giá tri vô cùng lớn lao, sau khi đến với người thợ ngọc ma-ni thành thạo, bậc thầy, khéo léo, được học tập, thì có thể nhận được sự nổi tiếng, sự tán dương, sự ca tụng; hay là viên bảo ngọc trân châu với người thợ ngọc trai, hay là xấp vải quý với người buôn vải, hay là trầm hương đỏ sau khi đến với nhà buôn hương liệu thì có thể nhận được sự nổi tiếng, sự tán dương, sự ca tụng. Thưa Ngài Nâgasena, tương tợ y như thế, được hỏi đúng nơi, câu hỏi đã được phân giải với sự phân giải một cách thích đáng. Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. 6'Câu hỏi về việc có sinh mạng và sự sống của nước59 là thứ chín. Phẩm Đức Phật được đầy đủ là phẩm thứ nhất (ở phẩm này có chín câu hỏi)

1010 KINH TIỂU BỒ

n. PHẨM KHÔNG CHƯỚNG NGẠI (NIPR4R4ÑCAK4GGO)

ỉ. CÂU HỎI VỀ PHÁP KHÔNG CHƯỚNG NGẠI (Nippapañcapañho) ỉ. Thưa Ngài Nâgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: 6Ny các Tỳ-khiru, các ngươi hãy sống có sự vui thích ờ pháp không chướng ngại, có sự thích thú ờ pháp không chướng ngại?5 Pháp không chướng ngại ấy là pháp nào? Tâu Đại vương, quả vị Nhập lưu là pháp không chướng ngại, quả vị Nhất lai là pháp không chướng ngại, quả vị Bất lai là pháp không chướng ngại, quả vị A-la-hán là pháp không chướng ngại. Thưa

Ngài Nâgasena, nếu quả vị Nhập lưu là pháp không chướng ngại, quả vi Nhất lai, quả vi Bất lai, quả vị A-la-hán là pháp không chướng ngại, vậy thì tại sao các vị Tỳ-khưu này lại đọc tụng, lại học hỏi về [chín the loại]: Suttam, geyyarn, veyyākaranam, gāthā, udānam, itivuttakam, jātakam, abbhutadhammam, vedallarn^ lại bị chướng ngại vì công trình mới, vì việc bố thí, và vì việc Cling dường? Không lẽ các vị lại tiến hành công việc đã bị đấng Chiến Thắng từ khươc? 2. - Tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu nào đọc tụng, học hỏi vê [chín thê loại]: Suttam, geyyam, veyyākaranam, gāthā, udānam, itivuttakarn, jātakam, abbhutadhammam, vedallam. bị chướng ngại vì công trình mới, vì việc bố

9 ở tài liệu Saddhammasañgaha {Diệu phảp yếu lược) có lời giải thích chi tiết về chín thể loại này như sau: t4Thế nào là có chín phần khi nói về thể (anga)? Bởi VI toàn bộ gồm có chín hình thức khác biệt, đó là Suita, Geyya, Veyyākarana, Gāthā, Udāna, Itivuttaka, Jātaka, Abbhūtadhamma, Vedalla. Trong trường hợp này, Ubhatovibhañga, Niddesa, Khandhaka, Parivārā, các bài kinh Mañgqlasutta, Ratanasutta,yNalakasutta, Tuvatakasutta trong Suttanipata {Kinh tập), và các lời dạy của đấng Như Lai có tựa đề là kinh {suttam) thì được xếp vao the Sutta. Các bài kinh có xen các bài kệ vào được biết là thể Geyya\ đặc biệt toàn bộ Thiên Có kệ (Sagāthāvagga) trong Kinh Tương ưng bộ là thể Geyya. Toàn bọ tạng Vi diệu pháp, các bài kinh khòng có xen các bài k và các lời dạy khác của đức Phạt không thuộc tam loại trên được xếp vào thể Veyyākarana. Kinh Pháp cú, Trưởng lão Tăng kê, Trưởng lao Ni kê, các bài có tên là kinh nhưng chỉ là kệ trong Suttanipata (Kinh tập) thì được xép vào the Gāthā. Tam mươi hai bài kinh liên quan đến các bài kệ do tuế giác hoan hy được xếp vào thể, Uo. Môt trăm mười hai bài kinh được giới thiệu bằng: 4 Vuttam h fetarn Bhagavatā tf (Đức Thế Tôn thuyết về điều ấy như vầy) thì được xép vào thể Itivuttaka. Năm trăm năm mươi Bổn sanh bắt đầu bằng Bổn sanh 'Apannaka9 được xếp vào thể Jātaka. Tất cả các bài kinh liên quan đến pháp kỳ diệu phi thường và được giới thiệu như sau: /Này các Tỳ-khưu, có bốn pháp kỳ diệu phi thương ơ Ananda\ được xếp vào thể Abbhutadhammā. Tất ca các bài kinh được hỏi và được liên tục ghi nhận trong sự hiểu biết và hoan hỷ như các bài kinh Cullavedalla, Mahāvedalla, Sammāditthi, Sakkapañhā, Sañkhāra-bhājaniya, Mahāpunnama, v.v... được xếp vào thể Vedalla. Như thế khi đề cập đen 'the9 thì có chín phần'' {Saddhammasañgaha - Diệu pháp yếu lược, chương I, câu 28).

thí, và VÌ việc cúng dường, tất cả những vị ấy làm nhằm đạt được pháp không chướng ngại. Tâu Đại vương, những vi nào được trong sạch tự bản chất, có sự huân tập đã được trải qua ở thời quá khứ, những vị ấy trong một chặp tâm thì có được pháp không chướng ngại. Trái lại, những vi Tỳ-khưu nào với tầm nhìn có nhiều bụi, những vị ấy có được pháp không chướng ngại với các sự gắng sức này. Tâu Đại vương, giống như một người nam sau khi gieo hạt giống ở thửa ruộng, roi trông trọt cây lua băng sức mạnh va no lực cua ban than, không can tường thành và hàng rào. Một người nam [khác] sau khi gieo hạt giống ở thửa ruộng, thì đi vào rừng chặt cành cây và nhánh cây làm hàng rào và tường, rồi trồng trọt cây lúa; trong trường hợp ấy việc tầm cầu hàng rào và

tường thành của người ấy là vì mong muốn đạt được cây lúa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những vị nào được trong sạch tự bản chất có sự huân tập đã được trải qua ở thời quá khứ, những vi ấy trong một chặp tâm thì có được pháp không chướng ngại, tợ như người nam có sự trồng trọt cây lúa không cần hàng rào và tường thành. Trái lại, những vi Tỳ-khưu nào với tầm nhìn có nhiều bụi, những vị ấy có được pháp không chướng ngại với các sự gang sức này, ví như người nam có sự trồng trọt cây lúa sau khi đã làm hàng rào và tường thành. Tâu Đại vương, hoặc là giống như có chùm trái ở ngọn cây xoài cao to vĩ đại, rồi một người nào đó có thần thông, sau khi đi đến nơi ấy có thể hái trái của cây ấy. Trái lại, tại nơi ấy người nào không có thần thông, người ấy chặt cành cây và dây leo rồi buộc thành cái thang, nhờ nó leo lên cây ấy, rồi hái trái; trong trường hợp ấy, việc tầm càu cái thang của người ấy là vì mong muốn đạt được trái cây. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những vị nào được trong sạch tự bản chất có sự huân tập đã được trải qua ở thời quá khứ, những vị ấy trong một chặp tâm thì có được pháp không chướng ngại, tợ như người có than thông hái được trái cây. Trái lại, những vị Tỳ-khưu nào với tầm nhìn có nhiều bụi, những vị ấy chứng ngộ các chân lý với các sự gắng sức này, tợ như người nam hái được trái cây nhờ vào cái thang. 3. Tâu Đại vương, hoặc là giống như một người nam là người làm theo chỉ tiêu, chỉ một mình đi đến gặp người chủ rồi hoàn thành chỉ tiêu. Một người [khác] có tài sản, phát triển đồ chúng nhờ vào năng lực của tài sản, rồi hoàn thành chỉ tiêu cùng với đồ chúng; trong trường hợp ấy việc tầm cầu đồ chúng của người ấy là vì mong muốn đạt được chỉ tiêu. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, những vị nào được trong sạch tự bản chát, có sự huân tập đã được trải qua ở thời quá khứ, những vị ấy trong một chặp tâm thì đạt được bản thể năng lực ở sáu thắng trí ví như người nam một mình thực hiện việc thành tựu chỉ tiêu. Trái lại, những vị Tỳ-khưu nào với tầm nhìn có nhiều bụi, những vị ấy hoàn thành mục tiêu của bản thể Sa-môn với các sự gắng sức này, tợ như người nam thực hiện việc thành tựu chỉ tiêu cùng với đồ chúng.

4. Tâu Đại vương, việc đọc tụng cũng có nhiều lợi ích, việc học hỏi cũn^ có nhiều lợi ích, việc xây dựng công trình mới cũng có nhiều lợi ích, việc bo thí cũng có nhiều lợi ích, việc cúng dường cũng có nhiều lợi ích cho những người này, những người nọ có công việc cần phải làm. Tâu Đại vương, giống như người nam hầu cận đức vua, có công việc đã được hoàn thành nhờ vào các quan đại thần, nhân công, binh lính, người giữ cổng, lính gác, quần thần, dân chúng, đối với người ấy khi công việc cần làm chưa đạt được thì tất cả những người ấy đều là những sự trợ giúp. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc đọc tụng cũng có nhiều lợi ích, việc học hỏi cũng có nhiều lợi ích, việc xây dựng công trình mới cũng có nhiều lợi ích, việc bố thí cũng có nhiều lợi ích, việc cúng dường cũng có nhiều lợi ích cho những người này, những người nọ có công việc cần phải làm. Tâu Đại vương, nêu tát cả đêu được thanh tịnh ở dòng dõi, có thê không có việc cần phải làm với việc chỉ dạy. Tâu Đại vương, và bởi vì có việc cần phải làm với việc lắng nghe. Tâu Đại vương. Trưởng lão Sāriputta có thiện căn đã được tích lũy liên quan đến vô lượng kiếp, không thể đếm được, đã đạt đến tột đỉnh của trí tuệ, ngay cả vị ây không có sự lăng nghe cũng không thê đạt được sự diệt tận các lậu hoặc. Tâu Đại vương, vì thế

việc lắng nghe cũng có nhiều lợi ích, việc đọc tụng, việc học hỏi cũng như thế. Vì thế, việc đọc tụng và học hỏi là pháp không chướng ngại, là pháp không tạo tác. Thưa Ngài Nâgasena, câu hỏi đã được giải quyết khéo léo. Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. í6Câu hỏi về pháp không chướng ngi" là thứ nhất

2. CÂU HỎI VỀ NGƯỜI TẠI GIA CHỨNG A-LA-HÁN (Gihī-arahantapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài nói rằng: 6'Người tại gia nào đạt đến phẩm vi A-la-hán, đối với vi này chỉ có hai lối đi không có lối khác^ Xuất gia nội trong ngày ấy, hoặc viên tịch Niết-bàn; ngày ấy là không thể vượt qua." Thưa Ngài Nâgasena, nếu vi ấy, trong ngày hôm ấy, không có được thầy tuyên ngôn, hoặc thầy tế độ, hoặc y và bình bát, có phải vị A-la-hán ấy có thể tự mình xuất gia, hoặc có thể để cho ngày ấy trôi qua? Hoặc có vị nào khác, là A-la-hán, có thần thông, đi đến rồi cho vị ấy xuất gia? Hoặc có thể viên tịch Niết-bàn? -Tâu Đại vương, vị A-la-hán ấy không thể tự mình xuất gia, trong khi tự mình xuất gia thì phạm vào việc trộm cắp [hình tướng]. Và không thể để cho ngày ấy trôi qua. Nấu có thể hoặc không thể có việc đi đến của vị A-la-hán khác, thì sẽ viên tịch Niết-bàn nội trong ngày ấy. 2. - Thưa Ngài Nâgasena, như thế thì bản thể an tinh của vị A-la-hán là bị bỏ di, bởi vì có sự lấy đi mạng sống của vị đã chứng đắc.

MILINDAVẤNĐẠO 1013

-Tâu Đại vương, hình tướng tại gia là không tương xứng. Khi hình tướng là không tương xứng, do tính chất yếu ớt của hình tướng, người tại gia đạt được phẩm vi A-la-hán [phải] xuất gia, hoặc viên tịch Niết-bàn nội trong ngày ấy. Tâu Đại vương, điều ấy không phải là sự sai trái của phẩm vị A-la-hán, điều ấy là sự sai trái của hình tướng tại gia, tức là tính chất yếu ớt của hình tướng. Tâu Đại vương, giống như vật thực là vật hộ trì tuổi thọ, là vật duy trì mạng sống của tất cả chúng sanh, nhưng lại lấy đi mạng sống của người có bao tử không điều hòa, có sự hấp thụ trì trệ yếu đuối, vì không tiêu hóa được. Tâu Đại vương, điều ấy không phải là sự sai trái của vật thực, điều ấy là sự sai trái của bao tử, tức là tính chất yếu ớt của lửa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, khi hình tướng là không tương xứng, do tính chất yếu ớt của hình tướng, người tại gia đạt được phẩm vi A-la-hán [phải] xuất gia, hoặc viên tịch Niết-bàn nội trong ngày ây. Tâu Đại vương, điêu ây không phải là sự sai trái của phàm vị A-la-hán, điều ấy là sự sai trái của hình tướng tại gia, tức là tính chất yếu ớt của hình tướng. 3 Tâu Đại vương, hoặc là giống như cọng cỏ nhỏ nhoi khi bị tảng đá nặng đặt lên trên, thì bị dập nát, đổ xuống vì tính chất yếu ớt. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, người tại gia đạt được phàm vi A-la-hán, vì hình tướng ây không thê nâng đỡ phàm vị A-la-hán nên [phải] xuât gia nội trong ngày ây, hoặc viên tịch Niết-bàn. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nam không có sức mạnh, yếu đuối, có dòng dõi thấp kém, phước báu nhỏ nhoi, sau khi đạt được vương quốc to lớn khổng lồ, trong khoảnh khắc sẽ sụp đổ, tiêu hoại, thối lui, không thể duy trì vương quyền. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người tại gia đạt được phẩm vị A-la-hán, vì hình tướng ấy không thể nâng đỡ phẩm vị A-la-hán nên [phải] xuất gia nội trong ngày ấy, hoặc viên tịch Niết-bàn. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. "Câu hỏi về người tại gia chúng A-la-hánw là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VỀ Sự THẤT NIỆM CỦA VỊ A-LA-HÁN (Arahato satisammosapaũhò) 1. Thưa Ngài Nãgasena, có sự thất niệm đối với vi A-la-hán? -Tâu Đại vương, các vi A-la-hán có các sự thất niệm đã được xa lìa. Đối với các vị A-la-hán không có sự thất niệm. Thưa Ngài, phải chăng vị A-la-hán có thể vi phạm tội?

-Tâu Đại vương, đúng vậy. -về sự việc gì? -Tâu Đại vương, vê việc làm cóc liêu, vê việc mai môi, vào lúc sái thời

A \ [lâm] tưởng là lúc đúng thời, vê vi đã ngăn [lâm] tưởng là chưa ngăn [vật thực dâng thêm], không phải thức ăn thừa [lầm] tưởng là thức ăn thừa.10 Thưa Ngài Nãgasena, Ngài nói rằng: "Những vị nào phạm tội, những vị ấy phạm bởi hai lý do: Vì không tôn trọng hoặc là do không biết.” Thưa Ngài, có phải việc vị A-la-hán phạm tội là vì vị A-la-hán có sự không tôn trọng? -Tâu Đại vương, không đúng. Thưa Ngài Nãgasena, nếu vị A-la-hán phạm tội, và không cố sự không tôn trọng ở vị A-la-hán, như thế thì có sự thất niệm ở vị A-la-hán? -Tâu Đại vương, không có sự thất niệm ở vi A-la-hán, và có việc vị A-la- hán phạm tội. Thưa Ngài, như thế thì xin Ngài hãy giúp cho trẫm hiểu bằng lý lẽ. ở đây, cái gì là lý do? 2. - Tâu Đại vương, đây là hai loại ô nhiễm: "Tội lỗi đối với thế gian và tội lỗi do sự quy djnh." Tâu Đại vương, tội lỗi đối với thế gian là việc nào? Mười loại nghiệp bất thiện. Việc này được gọi là tội lỗi đối với thế gian. Tội lỗi do sự quy đinh là việc nào? Việc nào ở thế gian là không đúng đắn, không hợp lẽ đối với hàng Sa-môn9 nhưng không phải là tội lỗi đoi với hàng tại gia, trong trường hợp ấy đức Thế Tôn quy định điều học cho các đệ tử, cho đến trọn đời không được vượt qua. Tâu Đại vương, vật thực sái giờ không là tội lỗi đối với thế gian, điều ấy là tội lỗi ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Việc làm tổn thương thảo mọc không la tôi loi đoi vơi the gian, điêu áy la tôi lôi ở giao pháp của đang Chiến Thắng. Việc chơi giỡn ở trong nước không là tội lỗi đối với thế gian, điều ấy là tội lỗi ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Tâu Đại vương, các hình thức như the và tương tợ là các tội lỗi ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Việc này được gọi là tội lỗi do sự quy định. Loại ô nhiễm nào là tội lỗi đối với thế gian, bậc lậu tận không thể vi phạm việc ấy; còn loại ô nhiễm nào là tội lỗi do sự quy định, trong khi không biết, có thể vi phạm việc ấy. Tâu Đại vương, đối với một vi A-la-hán thì không có trình độ để biết tất cả, bởi vì đối với vị ấy không có năng lực để biết tất cả. Tâu Đại vương, đối với vi A-la-hán tên họ của những người nữ người nam là không được biết; đối với vi ấy đường xá ở trái đất là không được biết. Tâu Đại vương, một vị A-la-hán có thể chỉ biết về sự giải thoát. Vị A-la-hán có sáu thăng trí có thê biêt vê lãnh vực của mình. Tâu Đại vương, chỉ có đức Như Lai, đấng Toàn Tri là biết tất cả. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Tram chấp nhận điều này đúng theo như vậy. "Câu hỏi về sự thất niệm của vị A-la-hán^ là thứ ba.

10 Các tội theo thứ tự là: Sañghādisesa 6, sañghādisesa 5, pãcittỉya 37 (thọ thực lúc sái thời) và 85 (đi vào làng lúc sải thời), pãciít^a 36, pãcittiya 35. (ND)

4. CÂU HỎI VÈ VẬT THẺ KHÔNG có ở THẾ GIAN (Loke natthibhāvapañho) 1. - Thưa Ngài Nāgasena, chư Phật được thấy ờ thế gian, chư Phật Đóc Giác được thấy, các đệ tử của đức Như Lai được thấy, các vi Vua Chuyến Luân được thấy, các vi vua của các xứ sở được thay, chư thiên và loài người được thấy, những người có tài sản được thấy, những người không có tài sản dirge thấy, những người may mắn được thấy, những ngiròi bất hạnh được thấy, tướng trạng người nữ xuất hiện ở người nam được thay, tướng trạng người nam xuất hiện ở người nữ được thấy, hành động khéo làm và vụng làm được thấy, các chúng sanh thọ hưởng quả thành tựu của các nghiệp thiện và ác được thấy. Có ở the gian các chúng sanh hạng noãn sanh, hạng thai sanh, hạng thấp sanh, hạng hóa sanh; có các chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân. Có ở thế gian các hàng da-xoa? quỷ sứ, người dạng(juỷ? a-tu- la, người khổng lồ, can-that-ba, nga quỵ, yêu tinh; có các hạng chim đau người, rắn chúa, long vương, điểu vương, thây phù thủy, thầy pháp; có các loài voi, ngựa, bò, trâu, lạc đà, lừa, dê, cừu, nai, heo rừng, sư tử, cọp, beo, gấu, chó sói, linh cẩu, chó hoang, chó rừng; có nhiều loại chim; có vàng, bạc, ngọc trai, ngọc ma-ni, vỏ sò, đá, san-ho? hồng ngọc, ngọc mắt mèo, ngọc bích, kim cương, pha- le? đồng đen, đồng đỏ, đồng hỗn hợp, đồng thau; có sợi lanh, tơ lụa, bông vải, gai thô, chỉ bố, sợi len; có lúa gạo sāli, lúa gạo, lúa mạch, kê, bắp, đậu varaka, lúa mì, đậu tây, đậu māsā, mè, đậu tằm; có hương của rễ cây, hương của lõi cây, hương của giác cây, hương của vỏ cây, hương của lá cây, hương của bông hoa, hươíiệ của trái cây, hương thơm của tát cả các loại; có cỏ dại, dây leo, bụi rậm, cây coi, dược thảo, cổ thụ, sông, núi, biển, cá, rùa. Tất cả có ở thế gian. Thưa Ngài, vật gì không có ở thế gian, xin Ngài hãy nói về vật ấy cho trẫm. 2. - Tâu Đại vương, ba vật này không có ở thế gian. Ba vật nào? Vật có tâm thức hoặc không có tâm thức mà không già hoặc không chết là không c6, tính chát thường còn của các hành là không có, cái được thừa nhận là chúng sanh theo ý nghĩa rốt ráo là không có. Tâu Đại vương, đây là ba vật không có ở the gian. Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. "Câu hỏi về vật thể không có ờ thế gian" là thứ tư.

5. CÂU HỎI VÈ VẬT KHÔNG SANH RA DO NGHIỆP (Akammafādipañho) 1. Thưa Ngài Nāgasena, các vật sanh ra do nghiệp đươc thấy ờ thế gian, sanh ra do nhân được thấy, sanh ra do mùa tiết được thấy. ở thế gian vật gì không sanh ra do nghiệp, không sanh ra do nhân, không sanh ra do mùa tiết, xin Ngài hãy nói về vạt ấy cho trẫm. -Tâu Đại vương, ở thế gian hai vật này không sanh ra do nghiệp, không sanh ra do nhân, không sanh ra do mùa tiết. Hai vật nào? Tâu Đại vương, hư

không không sanh ra do nghiệp, không sanh ra do nhân, không sanh ra do mùa tiết. Tâu Đại vương, Niết-bàn không sanh ra do nghiệp, không sanh ra do nhân, không sanh ra do mùa tiết. Tâu Đại vương, đây là hai vật không sanh ra do nghiệp, không sanh ra do nhân, không sanh ra do mùa tiết. Thưa Ngài Nâgasena, xin Ngài chớ bôi nhọ lời dạy của đấng Chiến Thắng. Không biết thì xin Ngài chớ trả lơi câu hỏi. Tâu Đại vương, tôi nói điều gì mà Đại vương lại nói với tôi như vầy: “Thua Ngài Nâgasena, xin Ngài chớ bôi nhọ lời dạy của đấng Chiến Thắng. Không biết thì xin Ngài chớ trả lời câu hỏi95?

Thưa Ngài Nâgasena, cho đến điều này thì vẫn còn hợp lý để nói rằng: “Hu không không sanh ra do nghiệp, không sanh ra do nhân, không sanh ra do mùa tiết.” Thưa Ngài Nâgasena, trái lại đạo lộ đưa đến việc chứng ngộ Niết-bàn đã được đức Thế Tôn nói ra cho các đệ tử bằng hàng trăm cách thức. Vậy mà Ngài lại nói như vầy: "Niết-bàn không sanh ra do nhân." Tâu Đại vương, đúng vậy. Đạo lộ đưa đến việc chứng ngộ Niết-bàn đã được đức Thế Tôn nói ra cho các đệ tử bằng hàng trăm cách thức. Tuy nhiên, nhân làm sanh khởi Niết-bàn là không được nói đến. 2. Thưa Ngài Nâgasena, ở đây chúng ta từ chỗ tối đi vào chỗ tối hơn, từ rừng đi vào rừng sâu hơn, từ bụi rậm đi vào bụi rậm hơn, chính là vì cái điều gọi là có nhân đưa đến việc chứng ngộ Niết-bàn, nhưng nhân làm sanh khởi pháp ấy lại không có. Thưa Ngài Nãgasena, nếu có nhân đưa đến việc chứng ngộ Niết-bàn, như thế thì cũng nên mong mỏi về nhân làm sanh khởi Niết-bàn. Thưa Ngài Nâgasena, hoặc là giống như có người cha của đứa con trai, vì lý do ấy cũng nên mong mỏi về người cha của người cha. Giống như có người thầy của người học trò, vì lý do ấy cũng nên mong mỏi về người thầy của người thầy. Giống như có hạt giống của cái mầm non, vì lý do ấy cũng nên mong mỏi về hạt giốn^ của hạt giống. Thưa Ngài Nâgasena, tương tợ y như thế, nếu có nhân đưa đên việc chứng ngộ Niết-bàn, như thế thì cũng nên mong mỏi về nhân làm sanh khởi Niết-bàn. Giống như khi có ngọn của thân cây hoặc của dây leo, vì lý do ấy cũng có phần thân, cũng có phần rễ. Thưa Ngài Nãgasena, tương tợ y như thế, nếu có nhân đưa đến việc chứng ngộ Niết-bàn, như thế thì cũng nên mong mỏi về nhân làm sanh khởi Niết-bàn. Tâu Đại vương, Niêt-bàn là không thê làm cho sanh được. Do đó, nhân làm sanh khởi Niết-bàn không được nói đến. Thưa Ngài Nâgasena, vậy thì sau khi đã chỉ cho thấy lý do, Ngài hãy giúp cho trẫm hiểu bằng lý lẽ theo đó trẫm có thể biết được rằng: "C6 nhân đưa đến việc chứng ngộ Niết-bàn, còn nhân làm sanh khởi Niết-bàn là không c6.” 3. Tâu Đại vương, như thế thì Đại vương hãy nghiêm chỉnh lắng tai, và hãy lắng nghe một cách cẩn thận, tôi sẽ nói lý do trong trường hợp này. Tâu Đại

vương, có phải người nam, với sức mạnh bình thường, từ nơi đây có thể đi đến núi chúa Hy-mã-lạp? Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, vậy có phải người nam ây, với sức mạnh bình thường, có thể mang núi chúa Hy-mã-lạp đến đây? -Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, có thể nói về đạo lộ đưa đến việc chứng ngộ Niêt-bàn nhưng không thê chỉ cho thây nhân làm sanh khởi Niêt- bàn. Tâu Đại vương, có phải người nam, với sức mạnh bình thường, có thể vượt qua đại dương bằng thuyền để đi đến bờ xa xa? Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, vậy có phải người nam ấy, với sức mạnh bình thường, có thê mang bờ xa xa của đại dương đên đây? _ Thưa Ngài, không đúng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, có thể nói về đạo lộ đưa đến việc chứng ngộ Niêt-bàn nhưng không thê chỉ cho thây nhân làm sanh khởi Niêt- bàn. Vì lý do gì? Vì tính chất không bị tạo tác của pháp. Thưa Ngài Nãgasena, có phải Niêt-bàn là không bi tạo tác? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Niết-bàn là không bị tạo tác, không bị tạo ra bởi bất cứ cái gì. Tâu Đại vương, không nên nói Niết-bàn là "được sanh lên9\ hoặc là "không được sanh lên9\ hoặc là usẽ được làm cho sanh hoặc là Uquá khứ", hoặc là "hiện tại”hoặc là uvị lai”hoặc là "được nhận thức bởi mắt", hoặc là

"duve nhận thức b&i tai", hoặc là "được nhận thức bởi mũi^, hoặc là "được nhận thức bởi lưỡi9\ hoặc là "được nhận thức bởi than.” 4. Thưa Ngài Nãgasena, nếu Niết-bàn không phải là được sanh lên, không phải là không được sanh lên, không phải là sẽ được làm cho sanh lên, không là quá khứ, không là hiện tại, không là vi lai, không được nhận thức bởi mắt, không được nhận thức bởi tai, không được nhận thức bởi mũi, không được nhận thức bởi lưỡi, không được nhận thức bởi thân. Thưa Ngài Nãgasena, như thế thì Ngài đã chỉ ra Niết-bàn là pháp không c6, có phải là không có Niết-bàn? Tâu Đại vương, có Niết-bàn. Niết-bàn được nhận thức bởi ý. Vị đệ tử của bậc Thánh thực hành đúng đắn với tâm ý trong sạch, hướng thượng, ngay thẳng, không bị ngăn che, không liên hệ vật chất thì nhìn thấy Niết-bàn. Thưa Ngài, vậy Niết-bàn ấy giống cái gì? Cái ấy nên được làm sáng tỏ bằng các ví dụ. Xin Ngài hãy giúp cho trẫm hiểu bằng các lý lê theo đó pháp có thật là nên được làm sáng tỏ bằng các ví dụ. 5. Tâu Đại vương, có phải có cái gọi là gió? Thưa Ngài, đúng vậy.

Tâu Đại vương, vậy xin Ngài hãy chỉ cho thấy gió qua màu sắc, hoặc qua vi trí, hoặc là vi tế hay thô thiển, hoặc là dài hay ngắn. Thưa Ngài Nãgasena, không thê chỉ cho thây gió được. Gió ây không đáp ứng việc nắm bắt bằng bàn tay hoặc sự đè nén. Tuy nhiên, gió ấy là có. -Tâu Đại vương, nếu không thể chỉ cho thấy gió, như thế thì gió là không có. Thưa Ngài Nâgasena, trẫm biết rằng: "Gi6 là c6." Nó đã đi vào trong tim của trẫm. Nhưng trẫm không có thể chỉ cho thấy gió được. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn là có. Nhưng không thể chỉ cho thấy Niết-bàn qua màu sắc, hoặc qua vi trí. Thưa Ngài Nãgasena, tốt lắm! Ví dụ đã khéo được phô bày. Lý lẽ đã khéo được giải thích. "C6 Niết-bàn”, trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. 6'Câu hỏi về vật không sanh ra do nghiệp55 là thứ năm.

6. CÂU HỎI VÈ VẬT SANH RA DO NGHIỆP VÀ KHÔNG SANH RA DO NGHIỆP (Kammajākammajapañho) 1. Thưa Ngài Năgasena, ờ đây những cái nào là sanh ra do nghiệp, những cái nào là sanh ra do nhân, những cái nào sanh ra do mùa tiêt, những cái nào không sanh ra do nghiệp, không sanh ra do nhân, không sanh ra do mùa tiết? 2. - Tâu Đại vương, những chúng sanh nào có suy tư, tất cả các hạng ấy là sanh ra do nghiệp. Lửa và tất cả các thứ được sanh ra từ hạt giống là sanh ra do nhân. Trái đất, núi, nước và gió, tất cả các thứ ấy là sanh ra do mùa tiết. Hư không và Niết-bàn? đây là hai thứ không sanh ra do nghiệp, không sanh ra do nhân, không sanh ra do mùa tiết. Tâu Đại vương, hơn nữa Niết-bàn không nên được nói là "sanh ra do nghiệp95, "sanh ra do nhân”“sanh ra do mùa tiết”, "được sanh len", hoặc là "không được sanh lên,9, hoặc là "sẽ được làm cho sanh hoặc là "quá khứ", hoặc 1A "hiện tại”, hoặc là lai”, hoặc là "được nhận thức bởi mắt", hoặc là "được nhận thức bởi tai", hoặc là "được nhận thức bởi mũi”hoặc là "được nhận thức bởi lu&i", hoặc là "được nhận thức bởi thân". Tâu Đại vương, Niết-bàn là được nhận thức bởi ý, vị đệ tử của bậc Thánh thực hành đúng đắn nhìn thấy Niết-bàn với tâm ý trong sạch. 3. Thưa Ngài Nâgasena, câu hỏi thú vị đã khéo được giải quyết, sự không còn nghi ngờ đã được xác định, sự phân vân đã được chặt đứt, Ngài đã tiến đến vị thế cao quý và ưu tú trong số các vị có đồ chúng.

“Câu hỏi về vật sanh ra do nghiệp và không sanh ra do nghiệp95 là thứ sáu.7*

7. CÂU HỎI VỀ THÂY CHÉT CỦA DẠ-XOA (Yakkhamatasarīrapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, có phải ờ thế gian có hạng gọi là dạ-xoa? -Tâu Đại vương, đúng vậy. ở thế gian có hạng gọi là dạ-xoa.

Thưa Ngài, phải chăng các dạ-xoa ấy lìa đời từ sanh chủng ấy? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Các đạ-xoa ấy lìa đời từ sanh chủng ấy. 2. Thưa Ngài Nâgasena, vậy thì tại sao thân xác của các dạ-xoa đã chết ấy không được nhìn thấy, mùi của xác chết cũng không tỏa ra? -Tâu Đại vương, thân xác của các dạ-xoa đã chết ấy được nhìn thấy. Mùi xác chết của chúng cũng tỏa ra. Tâu Đại vương, thân xác của các dạ-xoa đã chết với hình dáng của côn trùng được nhìn thấy, với hình dáng của con kiến được nhìn thấy, với hình dáng của con mối được nhìn thấy, với hình dáng của con châu chấu được nhìn thay, với hình dáng của con rắn được nhìn thấy, với hình dáng của con bọ cạp được nhìn thấy, với hình dáng của con rết được nhìn thấy, với hình dáng của con chim được nhìn thấy, với hình dáng của con thú được nhìn thấy. 3. Thưa Ngài Nâgasena, còn có người nào khác có thể trả lời khi được hỏi câu hỏi này, ngoại trừ bậc có sự giác ngộ như là Ngài vậy? í6Câu hỏi về thây chết của dxoa” là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ Sự QUY ĐỊNH ĐIỀU HỌC (Sikkhāpadapañňapanapañho) 1. Thưa Ngài Nãạasena, những người đã là những vi thầy ờ thòi quá khứ của các người thay thuốc, tức là: Nārada, Dhanimantarī, Añ^Trasa, Kapila, Kandaraggi, Sāmā, Atula, Pubbakaccāyana. Tất cả các vi thay này cùng một lúc biết một cách trọn vẹn về tất cả các điều ấy là về sự phát sanh của bệnh, sự khởi đầu, bản chất, nguồn sanh khởi, cách chữa trị, việc cần làm, thành công hay không thành công [nghĩ rằng]: cơ thể này chừng này thứ bệnh sẽ phát sanh”, sau đó gom chung lại một mối rồi buộc lại sợi chỉ [đầu mối]. Tát cả những vị này không phải là các bậc Toàn tri. Trái lại, đức Thế Tôn, trong khi là đấng Toàn Tri, với trí tuệ của vi Phật biết được sự việc ờ v| lai rằng: “Trong chừng này sự việc, sẽ phải quy đinh chừng này điều hQC* sau khi xác đinh tại sao Ngài đã không quy đinh điều học một cách toàn diện? Đen khi mỗi một sự việc đã được sanh khởi, tiếng xấu đã rõ rệt, sự sai trái đã lan rộng, đã đi xa, trong khi dân chúng phàn nàn, rồi vào tùng thời điểm một Ngài đã quy đinh điêu học cho các đệ tử? 2. Tâu Đại vương, đối với đức Như Lai, điều này đã được biết đến:66Vào lúc này, trong lúc những người này đang phàn nàn, một trăm năm mươi điều học có tính cách phụ trội sẽ phải được quy djnh'' Tuy nhiên, đức Như Lai đã khởi ý như vây: Nêu Ta sẽ quy định một trăm năm mươi điêu học có tính cách phụ trội vào một lúc, số đông người sẽ có sự hoảng sợ: "d đây, có nhiều việc cần phải gìn giữ. Quả là việc khó khăn để xuất gia ở giáo pháp của Sa-môn Gotama.^, Thậm chí những người có ý đinh xuất gia cũng sẽ không xuất gia. Và họ sẽ không tin vào lời nói của Ta. Trong khi không tin tưởng, những người

ấy sẽ đi đến chốn đọa đày. Đen khi mỗi một sự việc đã được sanh khởi, sau khi làm cho họ nhận thức nhờ vào sự thuyết giảng giáo pháp, khi sự sai trái đã rõ rệt, thì Ta sẽ quy định điều học. 3. Thưa Ngài Nãgasenạ, thật là kỳ diệu đối với chư Phật! Thưa Ngài Nãgasena, thật là phi thường đối với chư Phật! Trí toàn tri của đức Như Lai lớn lao đến the! Thưa Ngài Năgasena, điều này là như vậy, ý nghĩa này đã khéo được giải thích bởi đức Như Lai. Sau khi nghe rằng: "d dây, có nhiều việc cần phải gìn giữ", sự hoảng sợ có thể sanh khởi ở chúng sanh, thậm chí không có đến một người có thể xuất gia ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. 66Câu hỏi về sự quy định điều học59 là thứ tám.

9. CÂU HỎI VỀ Sự CHIỂU SÁNG CỦA MẶT TRỜI (Suriyatāpapañho) ỉ. Thưa Ngài Nãgasena, mặt trời này luôn luôn chiếu sáng thô tháo, hay là vào lúc nào đó thì chiếu sáng yếu ớt? -Tâu Đại vương, mặt trời luôn luôn chiếu sáng thô tháo, và không lúc nào chiếu sáng yếu ớt. Thưa Ngài Nãgasena, nêu mặt trời luôn luôn chiêu sáng thô tháo, vậy thì tại sao mặt trời một đôi khi chiêu sáng thô tháo, một đôi khi chiêu sáng yêu ớt? 2. — Tâu Đại vương, bôn điêu này là bệnh của mặt trời, bị quây nhiêu bởi một bệnh nào đó trong bốn bệnh ấy, mặt trời chiếu sáng yếu ớt. Bốn bệnh nào? Tâu Đại vương, mây là bệnh của mặt trời, bị quấy nhiễu bởi bệnh ấy, mặt trời chiêu sáng yêu ớt. Tâu Đại vương, sương mù là bệnh của mặt trời, bị quây nhiễu bởi bệnh ấy, mặt trời chiếu sáng yếu ớt. Tâu Đại vương, mưa là bệnh của mặt trời, bi quấy nhiễu bởi bệnh ấy, mặt trời chiếu sáng yếu ớt. Tâu Đại vương, nhật thực là bệnh của mặt trời, bị quây nhiêu bởi bệnh ây, mặt trời chiêu sáng yêu ớt. Tâu Đại vương, bôn điêu này là bệnh của mặt trời, bị quây nhiêu bởi một bệnh nào đó trong bốn bệnh ấy, mặt trời chiếu sáng yếu ớt. Thưa Ngài Nãgasena, thật là kỳ diệu! Thưa Ngài Nâgasena, thật là phi thường! Đối với vật có năng lượng thậm chí cho đến mặt trời mà bệnh còn sanh khởi, vậy thì có điều gì đối với những chúng sanh khác? Thưa Ngài, cách phân loại này không có ở người khác, ngoại trừ bậc có sự giác ngộ như là Ngài vậy. 6'Câu hỏi về sự chiếu sáng của mặt trời" là thứ chín.

10. CÂU HỎI THỨ NHÌ VÈ sự CHIẾU SÁNG CỦA MẶT TRỜI (Suriyatapanapañho dutiyo) 1. Thưa Ngài Nãgasena, tại sao mặt trời chiếu sáng thô tháo vào mùa lạnh, nhưng không như thế vào mùa nắng? 2. Tâu Đại vương, vào mùa nắng, bụi bặm không bị tiêu hoại. Các bụi

phấn bị khuấy động bởi gió, đi vào không trung, thậm chí ở không trung, mây là vô cùng dày đặc, và gió lớn thổi mạnh hơn. Tất cả các điều ấy với nhiều nguồn khác nhau, được tổng hợp lại, che chắn các tia sáng của mặt trời. Vì thế, vào mùa năng, mặt trời chiêu sáng yêu ớt. Tâu Đại vương, trái lại vào mùa lạnh, ở phía bên dưới, trái đất thì lạnh; ở phía bên trên, đám mây lớn được lắng đọng lại, bụi bặm thì yên tịnh; và bụi phấn di chuyển vô cùng êm ả ở không trung, bầu trời không có mây đen, và gió thổi vô cùng yếu ớt. Do sự lắng đọng của những việc này, các tia sáng của mặt trời là trong trẻo, khi mặt trời được thoát khỏi việc bị tổn hại, ánh sáng của nó chiếu sáng cực kỳ. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do, mà với lý do ấy mặt mặt trời chiếu sáng thô

tháo vào mùa lạnh, không như thế vào mùa nắng. 3 Thưa Ngài, mặt trời, khi được thoát khỏi tất cả các tai ương thì chiếu sáng thô tháo, khi đồng hành cùng các đám mây, v.v... thì không chiếu sáng thô tháo. 6'Câu hỏi về sự chiếu sáng của mặt trời" là thứ mười. Phẩm Không chướng ngại ỉa phẩm thứ nhì. (ở phẩm này có mười câu hỏi)

m. PHẨM VESSANTARA (VESSANTARAVAGGƠ)

1. CÂU HỎI VÈ VIỆC BỐ THÍ CON CỦA VESSANTARA (Vessantaraputtadānapañho) L Thưa Ngài Nãgasena, có phải hết thảy tất cả các đức Bồ-tát đều bố thí con và vợ, hay là chỉ riêng đức Vua Vessantara đã bố thí con và vợ? -Tâu Đại vương, tất cả các đức Bồ-tát cũng đều bố thí con và vợ, không phải chỉ riêng đức Vua Vessantara đã bố thí con và vợ.11 Thưa Ngài, phải chăng các vị ây bô thí với sự đông ý của những người ây? -Tâu Đại vương, người vợ thì đồng ý. Trái lại, hai đứa bé đã than vãn do bản chát trẻ thơ. Nêu chúng có thê biêt được mục đích, chúng cũng có thê tùy hy, chúng có thể không than vãn. 2. Thưa Ngài Nâgasena, hành động khó làm đã được làm bởi đức Bồ-tát là việc vị ấy đã bố thí những đứa con ruột thịt yêu quý của chính mình để làm nô lệ cho người Bà-la-môn. Việc thứ nhì này còn là hành động khó làm hơn hành động khó làm, là việc vi ấy đã dửng dưng sau khi nhìn thấy người Bà-la-môn ấy trói lại những đứa con ruột thịt yêu quý dại khờ thơ ấu của chính mình bằng dây rừng và đang đánh đập bằng dây rừng. Việc thứ ba này còn là hành động khó làm hơn hành động khó làm, là việc đứa bé trai, sau khi đã được thoát khỏi sự trói buộc nhờ vào sức mạnh bản thân, đã đi đến, bị lâm vào sự hoảng sợ, thì vị ấy đã trói bằng dây rừng rồi lại bố thí lần nữa. Việc thứ tư này còn là hành động khó làm hơn hành động khó làm, là khi đứa bé trai đang than vãn rằng: "Cha ơi, gã dạ-xoa này dẫn chúng con đi để ăn d6", vị ấy đã không an ủi rằng: "Các con chớ hãi sọC' Việc thứ năm này còn là hành động khó làm hơn hành động khó làm, là trong khi đứa bé trai Jāli đang khóc lóc, nằm mọp xuống ở hai bàn chân, cầu xin rằng: "Cha ơi, thôi đi! Hãy đưa Kanhājinā quay về. Chính con sẽ đi với gã dạ-xoa. Hãy để gã dạ-xoa ăn con di", vị ấy đã không chấp nhận như thế. Việc thứ sáu này còn là hành động khó làm hơn hành động khó làm, là trong khi đứa bé trai Jāli đang than vãn rằng: "Cha oi, không lẽ trái tim của cha giống

11 Bổn sanh "Vessantara vĩ đại " {Mahāvessantarajātakam), số 547, TTP v, tập 34. (ND)

như hòn đá mất rồi, bởi vì trong khi quan sát chúng con bị đau khổ, đang bị gã dạ-xoa dẫn đi vào trong khu rừng rộng lớn không có bóng người, mà cha không ngăn cản5\ vị ấy đã không thể hiện lòng thương xót. Hơn nữa, việc thứ bảy này còn là hành động khó làm hơn hành động khó làm, là khi đứa trẻ bị dẫn đi đã đi ra khỏi tầm nhìn, mà trái tim của vị ấy, dầu là vô cùng hoảng hốt, vô cùng kinh hãi. đã không vỡ ra thành trăm mảnh hay ngàn mảnh. Con người mong mỏi phước thiện được cái gì với việc gây khô đau cho kẻ khác? Không lẽ có thể đem cho thân quyến như là vật thí? r r -Tâu Đại vương, do trạng thái đã làm hành động khó làm, tiêng tăm tót đẹp của đức Bồ-tát đã được lan rộng ở mười ngàn thế giới có cả chư thiên và nhân loại. Chư thiên ở cõi trời

tán thán, các a-tu-la ở cõi a-tu-la tán thán, các nhân điểu . r con rồng ở long cung ở cõi nhân điểu tán \thán, các • A y tán thán, các dạ-xoa ở ĩ cõi dạ-xoa tán thán, theo tuân tự tiêng tăm tót đẹp của vị ây lân lượt đã đên được cuộc hội họp của chúng ta tại đây vào lúc này hôm nay. Trong khi họ tán thán thì chúng ta lại ngồi bôi bác việc bố thí [ấy suy nghĩ rằng]: '"Đã được bố thí tốt dẹp, hay là đã được bố thí tồi?" Tâu Đại vương, hơn nữa, tiếng tăm tốt đẹp này đây phô bày mười đức tính của các vị Bồ-tát khôn khéo, tri thức, hiểu biết, rành rẽ. Mười đức tính nào? Bản chất không tham muốn, không mong càu, buông xả, dứt bỏ, không quay trở lại, có sự tinh tế, vĩ đại, khó hiểu thấu, khó đạt được, không sánh băng, thuộc vê pháp của vị Phật. Tâu Đại vương, hơn nữa, tiêng tăm tốt đẹp này đây phô bày mười đức tính này của các vi Bồ-tát khôn khéo, hiểu biết, tri thức, rành rẽ. 3. Thưa Ngài Nâgasena, người nào làm cho kẻ khác khô đau roi đem bô thí [như là] vật thí, phải chăng sự bố thí ấy có quả thành tựu là sự an lạc, có thể đưa đến coi trời? Tâu Đại vương, đúng vậy. Có điều gì can phải nói? Thưa Ngài Nâgasena, vậy xin Ngài chỉ cho thấy lý do.

-Tâu Đại vương, ở đây có vị Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào đó là người có giới, có thiện pháp, vị ấy có thể bị liệt một bên, hoặc què quặt, hoặc mắc phải cơn bệnh nào đó. Roi một người nào đó, mong mỏi phước báu, mới đặt người kia vào chiếc xe rồi đưa đi đến xứ sở đã được ao ước. Tâu Đại vương, phải chăng do nhân ấy có thể có sự an lạc nào đó sanh khởi cho người nam ẩy? Có phải việc làm ấy có thể đưa đến cối trời? Thưa Ngài, đúng vậy. Có điêu gì cân phải nói? Thưa Ngài, người nam ây có thể đạt được phương tiện di chuyển là voi, hoặc phương tiện di chuyển là ngựa, hoặc phương tiện di chuyên là xe, phương tiện di chuyên ở đát liên khi ở đất liền, phương tiện di chuyển ở biển khi ở biển, phương tiện di chuyển của chư thiên khi ở giữa chư thiên, phương tiện di chuyển của loài n^ười khi ở giữa loài người, có thê sanh ra ở cõi này cõi khác thích hợp với điêu ây, phù hợp với điều ấy, và các sự an lạc thích hợp với điều ấy được sanh lên cho vi này, có thể đi đến từ chốn an vui [này] đến chốn an vui [khác], do kết quả của việc làm ấy

thôi, vị ấy có thể cỡi lên phương tiện di chuyển là thần thông và đạt đến thành phố Niết-bàn đã được ao ước. Tâu Đại vương, như thế thì vật thí đã được bố thí cunjg với việc làm kẻ khác khổ đau lại có quả thành tựu là sự an lạc, có thể đưa đến cõi trời, là việc người đàn ông ấy, sau khi gây khổ đau cho những con bò kéo, lại thọ hưởng sự an lạc có hình thức như thế. Tâu Đại vương, hãy lăng nghe thêm lý do khác nữa nói về vật thí đã được bố thí cùng với việc làm kẻ khác khổ đau lại có quả thành tựu là sự an lạc, có thể đưa đến cõi trời. Tâu Đại vương, ở đây một vị vua nào đó sau khi tăng thuế má một cách hợpjpháp từ nơi xứ sở, rồi do việc ban hành mệnh lệnh mà có thê ban phát tặng phàm. Tâu Đại vương, phải chăng do nhân ấy vi vua ấy có thể thọ hưởng sự an lạc nào đó? Có phải việc bố thí ấy có thể đưa đến cõi trời? Thưa Ngài, đúng vậy. Có điều gì cần phải nói? Thưa Ngài, do nhân ấy vị vua ấy có thể đạt được công đức nhiều trăm ngàn lân thêm hơn nữa là có thể trở thành vi vua vượt trội các vị vua, có thể trở thành vi trời vượt trội các vi trời, có the trở thành vị Phạm thiên vượt trội các vị Phạm thiên,

có the trở thành vị Sa-môn vượt trội các vị Sa-môn, có thể trở thành vị Bà-la-môn vượt trội các vi Bà-la-môn, có thể trở thành vị A-la-hán vượt trội các vị A-la-hán. -Tâu Đại vương, như thế thì vật thí đã được bố thí cung với việc làm kẻ khác khổ đau lại có quả thành tựu là sự an lạc, có thể đưa đến cõi trời, là việc vị vua ấy sau khi áp bức dân chúng bằng thuế má rồi với tặng phẩm đã được ban phát thì thọ hưởng sự an lạc về danh vọng có hình thức như thế thêm hơn nữa. 4. Thưa Ngài Nâgasena, vật thí vượt trội đã được đức Vua Vessantara bố thí, là việc vị ấy đã bố thí vợ của mình để làm vợ của kẻ khác, đã bố thí những đứa con ruột thịt của mình để làm nô lệ cho người Bà-la-môn. Thưa Ngài Nâệasena, vật thí vượt trội đã bị lên án, đã bị chê trách bởi các bậc hiểu biết ở the gian. Thưa Ngài Nâgasena, giống như bởi vật nặng quá tải mà cái trục của chiếc xe kéo bị gãy, vì vật nặng quá tải mà thuyền chim, vì đã được ăn quá nhiều mà vật thực trở thành khôíiệ tiêu, do mưa quá nhiều mà thóc lúa bị hư hại, do sự bố thí quá nhiều mà đưa đen việc khánh tận tài sản, do quá nóng mà phát cháy, do ái luyến quá mức mà trở thành kẻ điên, do quá sân mà trở thành đáng chết, do quá si mê mà lâm cảnh bất hạnh, do quá tham mà đi đến việc bi cướp bắt giữ, do quá sợ hãi mà bi tiêu hoại, do quá đầy mà sông tràn bờ, do gió quá mức mà sét đánh, do quá lửa mà cơm trào, do việc đi lang thang quá mức mà không sống lâu. Thưa Ngài Nâgasena, tương tợ y như thế, vật thí vượt trội đã bị lên án, đã bị chê trách bởi các bậc hiểu biết ở the gian. Thưa Ngài Nãệasena, vật thí vượt trội đã được đức Vua Vessantara bố thí, trong trường hợp ấy không có bất cứ quả báo nào là được mong mỏi. 5. - Tâu Đại vương, vật thí vượt ưội đã được ngọri khen, tán dương, ca tụng bởi các bậc hiểu biết ở thế gian. Bất cứ những ai bố thí vật thí như the này hay

như thế nào, thì người bố thí vật thí vượt trội đạt được tiếng tăm ở thế gian. Tâu Đại vương, giống như rễ cây rừng thuộc về cõi trời, với tính chất cao quý vượt trội, đã được nắm vào thì không bị những người khác thậm chí đứng trong tầm tay nhìn thấy; thuốc chữa bệnh với phẩm chất vượt trội là vật tiêu diệt sự đau đớn, làm chấm dứt các căn bệnh; ngọn lửa với ánh sáng vượt trội thì đốt cháy; nước với tính chất mát lạnh vượt trội thì dập tắt; hoa sen với tính chất trong sạch vượt trội thì không bị bùn nước làm lấm lem; ngọc ma-ni với đức tính vượt trội là vật ban cho điều ước; kim cương với tính chất vô cùng sắc bén thì xuyên thủng ngọc ma-ni, ngọc trai, ngọc pha-lê; trái đất với tính chất vô cùng to lớn thì nânệ đỡ con người, rắn, thú rừng, chim, nước, đá, núi, cây cối; biển cả bởi tính chát vô cùng rộng lớn mà không bị đây tràn; núi Sineru do sức nặng vượt trội mà không bị dao động; bầu trời do tính chất cực kỳ rộng lớn là vô biên; mặt trời với ánh sáng vượt trội tiêu diệt sự tăm toi; sư tử do dòng dõi vượt trội không còn sợ hãi; võ sĩ đấu vật do có sức mạnh cực kỳ quật ngã đối thủ một cách nhanh chóng; đức vua với phước báu vượt trội là vị chúa tể; vị Tỳ-khưu với giới hạnh vượt trội đáng được cúi chào bởi các hạng rồng, dạ-xoa, loài người và chư thiên; đức Phật do tính chất cực kỳ cao cả là không kẻ tương đương. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vật thí vượt trội đã được ngợi khen, tán dương, ca tụng bởi các bậc hiểu biết ở thế gian. Bất cứ những ai bố thí vật thí như thế này hay như thế nào, thì người bố thí vật thí vượt trội đạt được tiếng tăm ở thê gian. Với sự bố thí vượt trội, đức Vua Vèssantara đã

được ngợi khen, tán dương, ca tụng, trọng vọng, tiếng tăm ở trong mười ngàn thế giới. Chính nhờ vào sự bố thí vượt trội ấy, đức Vua Vèssantara giờ đây hôm nay đã được trở thành đức Phật, là bậc cao cả ở thế gian có cả chư thiên. Tâu Đại vương, phải chăng ở trên thế gian có loại vật thí là cần được đình chỉ, là không nên được bố thí cho người xứng đáng sự cúng đường, cho người đã đi đến? 6. Thưa Ngài Ngasena, mười sự bô thí này ở thê gian kh6ng được xem là bố thí. Người nào bo thí những vật thí này, nệười ấy có sự đi đen địa ngục. Mười sự bố thí nào? Thưa Ngài Nâgasena, sự bô thí chất say ở thế gian không được xem là bố thí. Người nào bố thí vật thí ấy, người ấy có sự đi đến địa ngục. Sự bố thí hôi hè... (nt)... Sự bố thí người nữ... (nt)... Sự bố thí bò đực... (nt).. Sự bố thí tranh ảnh [khêu gợi]..(nt)... Sự bố thí vũ khí... (nt)... Sự bố thí thuốc độc... (nt)... Sự bố thí xích xiềng... (nt).. Sự bố thí gà heo... (nt)... Thưa Ngài Nâgasena, sự bố thí cách ệian lận vê cân và cách gian lận về đo lường ở thế gian không được xem là bo thí. Người nào bố thí vật thí ấy, người ấy có sự đi đến địa nậục. Thưa Ngài Nãệasena, mười sự bố thí này ở thế gian không được xem là bố thí. Người nào bo thí những vật thí ấy, người ấy có sự đi đến địa ngục. 7. - Tâu Đại vương, tôi không hỏi Ngài vê việc không được xem là bô thí. Tâu Đại vương, tôi hỏi Ngài về điều này. Tâu Đại vương, phải chăng ở trên thế gian có loại vật thí là cần được đình chi, là không nên được bố thí cho người xứng đáng sự cúng đường đã đi đên?

1026 KINH TIỂU BÔ

Thưa Ngài Nāgasena, ở trên thê gian không có loại vật thí là cân được đình chỉ5 là không nên được bố thí cho người xứng đáng sự cúng đường đã đi đến. Khi sự tịnh tín của tâm được sanh khởi, một sô người dâng vật thực đên các bậc đánẹ cung dường, mọt so người dang y ao, mọt so người dânệ giường năm, mọt so người dâng chỗ ngụ, một số người dâng tấm trải và tấm đáp, một số người dâng tôi trai tớ gái, một số người dâng ruộng vườn, một số người dâng thú hai chân hoặc bốn chân, một số người dâng trăm, ngSn, trăm ngàn(tòng, một số người dâng vương quốc rộng lớn, một số người bô thí luôn cả mạng sông. -Tâu Đại vương, nếu một số người bố thí luôn cả mạng sống, thì vì lý do gì Ngài lại công kích thí chủ Vèssantara quá dữ dội về việc đã khéo bố thí các con và vợ. Tâu Đại vương, phải chăng có thói thường ở thế gian, tập quán ở the gian là người cha bi mắc nợ hoặc không có kế sinh nhai thì được cầm cố hoặc bán đi người con trai? Thưa Ngài, đúng vậy. Người cha bị mắc nợ hoặc không có kế sinh nhai thì được phép đê câm cô hoặc bán đi người con trai. -Tâu Đại vương, nếu người cha bị mắc nợ hoặc không có kế sinh nhai thì được phép để cầm cố hoặc bán đi người con trai. Tâu Đại vương, đức Vua Vessantara, trong khi không đạt được trí toàn tri, bị buồn rau, bị kho sở, nên đã cầm cố và đã bán đi các con và vợ nhằm đạt được tài sản giáo pháp ấy. Tâu Đại vương, như thế việc đã bố thí bởi đức Vua Vessantara cũng chỉ là việc đã bố thí của những người khác, việc đã làm cũng chỉ là việc đã được làm. Tâu Đại vương, vậy thì tại sao Ngài lại công kích thí chủ Vèssantara quá dữ dội về việc bố thí ấy? 8. Thưa Ngài Nâgasena, trẫm không chê trách việc bố thí của thí chủ Vessantara. Tuy nhiên, trong khi người ta cầu xin con và vợ thì nên mặc cả và nên bố thí bản thân mình. -Tâu Đại vương, việc ấy không phải là việc làm của người có đức hạnh, là trong khi người ta cau xin con và vợ thì lại bố thí bản thân mình. Bởi vì trong khi người ta cầu xin cái nào

thì chính cái ấy nên được bố thí. Đây là hành động của các bậc thiện nhân. Tâu Đại vương, giống như người nam nào đó bảo đem nước đến, người nào đem đến thức ăn cho ông ta, tâu Đại vương, phải chăng người nam ấy là người làm được việc cho ông ta? Thưa Ngài, không đúng. Ông ta bảo đem lại cái gì thì trong khi trao cho ông ta chính cái ấy mới là người làm được việc. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Vua Vessantara trong khi người Bà-la-môn cầu xin các con và vợ thì đã bố thí chính các con và vợ. Tâu Đại vương, nếu người Bà-la-môn cau xin thân xác của Vèssantara, tâu Đại vương, vi ấy sẽ không bảo vệ bản thân mình, không dao động, không bị quyến luyến, đối với vị ấy chính cái vật được bố thí, được xả bỏ, sẽ là thân xác. Tâu Đại vương, nêu ai đó đi đên thí chủ Vessantara và câu xin: "Hãy trở thành nô lệ của ta"thì chính cái vật được bố thí, được xả bỏ, sẽ là thân xác của vị ấy. Sau khi

đã bố thí, vi ấy không bứt rứt. Tâu Đại vương, thân thể của đức Vua Vessantara là chung cho cả so đông. Tâu Đại vương, giống như miếng thịt đã nấu chín là chung cho cả số đông. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thân thể của đức Vua Vessantara là chung cho cả số đông. Tâu Đại vương, hoặc là giống như cây đã được kết trái là chung cho các bây chim khác nhau. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, thân thê của đức Vua Vèssantara là chung cho cả so đông. Vì lý do gì? [Nghĩ rang:] "Trong khi thực hành như vầy, ta sẽ đạt được phẩm vị Chánh đang giác." Tâu Đại vương, giống như người nam không có tài sản tầm cầu về tài sản, trong khi đi lang thang tìm kiếm tài sản thì đi theo lối đi của loài dê, theo lối đi đầy gai góc, theo lối đi nơi hoang dã, tiến hành việc buôn bán ở sông nước hoặc ở đất liền, tom góp tài sản bằng thân, bằng khẩu, bằng y, nỗ lực nhằm đạt được tài sản. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, nhăm sự thành tựu báu vật là trí toàn tri, sau khi buông bỏ tài sản và lúa gạo, tôi trai và tớ gái, thuyền và xe, toàn bộ của cải, các con và vợ của mình luôn cả bản thân cho những người xin xỏ, thí chủ Vèssantara không có tài sản về tài sản của vi Phật, tầm cầu chỉ riêng phẩm vị Chánh đang giác. Tâu Đại vương, hoặc là giống như vị quan đại thần, mong muốn cái dấu ấn, có sự tranh chấp ve dấu an, bất cứ vật gì ở trong nhà như tài sản, lúa gạo, vàng khối, vàng ròng, thậm chí cho đi tất cả các thứ ấy, và nỗ lực nhằm đạt được cái dấu ấn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thí chủ Vessantara sau khi cho đi tát cả tài sản ở bên ngoài và bên trong ây9 còn cho luôn mạng sông của những người khác, và tầm cầu chỉ riêng phẩm vị Chánh đẳng giác. 9. Tâu Đại vương, thêm nữa thí chủ Vessantara đã khởi ý như vầy: "Vật mà người Bà-la-môn cầu xin, trong khi cho chính vật ấy đến gã, ta được gọi là người làm được viec." Như thế vi ấy đã bố thí các con và vợ đến gã ấy. Tâu Đại vương, thí chủ Vessantara không phải vì ghét bỏ mà đã bố thí các con và vợ đến người Bà-la-môn, không phải vì nghĩ rằng: "Các con và vợ của ta là quá nhiều, ta không thể nuôi dưỡng h" mà đã bố thí các con và vợ? đã không bất mãn [nghĩ rằng]: "Hq không được ta yêu quỷ" mà đã bố thí các con và vợ vì muốn đuổi đi. Khi ấy, vì lòng yêu quý đối với chỉ riêng báu vật là trí toàn tri, vì lý do của trí toàn tri, đức Vua Vessantara đã bố thí đến người Bà-la-môn vật thí quý giá gồm các con và vợ, là vật yêu quý, được ưa thích, được yêu mến, sánh bằng mạng sống, không thể đo lường, bao la, vô thượng có hình thức như thế. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt

Trội Các Vị Trời nói đến ở Carỉyãpitaka (Hạnh tạng): "Cả hai người con không có bỉ Ta ghét bỏ, Hoàng hậu Maddĩ không có bi Ta ghét bỏ, đối với Ta, quả vi Toàn giác là yêu quỷ; vì thế Ta đã bố thỉ những người thân yêu." Tâu Đại vương, ở nơi ây, đức Vua Vessantara, sau khi bô thí các con, đã đi

vào gian nhà lá rồi nằm xuống. Vị ấy, bị đau khổ do lòng thương mến quá độ, đã khởi lên cơn sầu muộn mãnh liệt, vùng trái tim đã trở nên nóng, khi mũi không được thông, đã đưa hơi thở ra vào nóng hổi qua đường miệng, các giọt nước mắt, sau khi lăn tròn trở thành những hạt máu đỏ9 đã đi ra từ những con mắt. Tâu Đại vương, với nỗi khổ đau như thế, đức Vua Vèssantara đã bố thí các con [nghĩ rằng]: "Chớ làm suy giảm đạo lộ bố thí của ta." Tâu Đại vương, thêm nữa, đức Vua Vèssantara đã bố thí hai đứa nhỏ cho người Bà-la-môn vì hai điều lợi ích. Hai điều nào? [Nghĩ rằng:] uĐạo lộ bố thí của ta sẽ không bị hư hỏng. Và khi những đứa con nhỏ của ta bị khổ sở vì rễ và trái cây rừng, do nhân này ông nội sẽ giải thoát chiing." Tâu Đại vương, bởi vì đức Vua Vessantara biết rằng: "Hai đứa nhỏ của ta không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Và ông nội sẽ chuộc lại hai đứa nhỏ này. Cuộc hành trình của chúng ta sẽ là như vậy?9 Tâu Đại vương, vì hai điều lợi ích này mà đức Bồ-tát đã bố thí hai đứa nhỏ cho người Bà-la-môn. Tâu Đại vương, hơn nữa, đức Vua Vessantara biết rằng: "Người Bà-la-môn quả đã già, lão, lớn tuổi, yếu đuối, tàn tạ, chống gậy, tuổi thọ đã hết, phước báu ít ỏi; gã này không có khả năng đe sử dụng hai đứa nhỏ này theo loi sử dụng nô lệ?5 Tâu Đại vương, phải chăng nguồi nam với sức mạnh tự nhiên có thể cầm lấy mặt trăng và mặt trời có đại thân lực có đại oai lực này bỏ vào cái hộp hay cái giỏ, làm cho hết ánh sáng, rồi sử dụng theo lối sử dụng cái đĩa? Thưa Ngài, không được. 10. - Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Vessantara được xem như mặt trăng và mặt trời ở thế gian này, hai đứa nhỏ của vị ấy không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hai đứa nhỏ của Vessantara không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, giống như viên ngọc quý ma-ni của đức Chuyển Luân Vương là rực rỡ, có phẩm chất, đã khéo được gọt giũa thành tám mặt, bề dài bốn cánh tay, có chu vi giống như trục bánh của chiếc xe kéo, không the bị bất cứ ai bao bọc lại bằng mảnh vải rồi bỏ trong cái hộp, và sử dụng theo lối sử dụng đá mài dao. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Vessantara được xem như viên ngọc quý ma-ni của đức Chuyển Luân Vương ở thế gian, hai đứa nhỏ của vị ấy không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hai đứa nhỏ của Vessantara không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, giống như tượng vương uposatha bị tiết dục ở ba noi, hoàn toàn màu trắng, được vững chãi gấp bảy lần, có chiều cao tám ratana^2 chiều dài và chu vi chín ratana, duyên dáng, đáng nhìn, không thể bi bất cứ ai che đậy lại bằng cái nia hoặc cái vung, hoặc quăng vào trại bò để chăm nom như là con

12 Ratana = 0.25m, đơn vị đo chiều dài. (ND)

bò con. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Vessantara được xem như tượng vương uposatha ở thế gian, hai đứa nhỏ của vi ấy không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hai đứa nhỏ của Vèssantara không thể bi bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, giống như đại dương được trải rộng bao la về chiều dài, sâu thẳm, không thể đo lường, khó thể vượt qua, chưa bị thăm dò, không bị che lại, không thể bi bất cứ ai đóng lại tất cả các nơi để tiến hành việc sử dụng bằng một bến tàu. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Vèssantara được xem như đại dương ở thế gian, hai đứa nhỏ của vị ấy không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hai đứa nhỏ của Vèssantara không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, ệiống như núi chúa Hy-mã-lạp vươn cao lên không trung năm trăm do-tuần, chiêu dài và chiều rộng ba ngàn do-tuần? được điểm tô với tám mươi bốn ngàn đỉnh núi, là khởi nẹuyên của năm trăm con sông lớn, là chỗ ngụ của những đoàn sinh vật khổng lo, nơi chất chứa các hương thơm nhiều loại, được điểm trang với hàng trăm dược thảo ở cõi trời, được nhìn thấy vươn lên cao như là đám mây ở không trung. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Vèssantara được xem như núi chúa Hy-mã-lạp ở thế gian, hai đứa nhỏ của vi ấy không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lôi sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hai đứa nhỏ của Vèssantara không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, giống như khối lửa lớn đang cháy sáng ở bên trên đỉnh núi trong đêm tối đen mờ mịt được nhận biết dầu ở rất xa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Vua Vèssantara tợ như khối lửa lớn đang cháy sáng ở đỉnh núi, được nổi tiếng, được nhận biết dầu ở rất xa. Hai đứa nhỏ của vi ấy không thể bị bất cứ ai sử dụng theo loi sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hai đứa nhỏ của Vèssantara không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, giống như ở núi Hy-mã-lạp, vào mùa hoa của cây thiết mộc, khi có ngọn ệió trực chỉ đang thổi thì hương của các bông hoa tỏa ra mười, mười hai do-tuân. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tiếng tăm tốt đẹp của đức Vua Vèssantara cũng được loan truyền và hương thơm cao quý về giới hạnh của vị này tỏa ra một ngàn do-tuần ở các cung điện của chư thiên, a-tu-la, nhân điểu, càn-thát-bà, dạ-xoa? quỷ sứ, rắn chúa, chim đầu người và vi thần Inda, ở khoảng giữa của các nơi ấy cho đến cõi sắc Cứu Cánh, vì thế hai đứa nhỏ của vi ấy không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, Hoàng tử Jālī đã được vua cha Vessantara chỉ dạy là: “Này con yêu, trong khi ông nội của con trao tài sản cho người Bà-la-môn và chuộc lại con, thì ông nội hãy trao cho ông ta một ngàn đồng tiền vàng rồi chuộc lại.

Trong khi chuộc lại Kanhājinā, thì ông nội hãy trao ra mỗi thứ một trăm là trăm tôi trai, trăm tớ gái, trăm voi, trăm ngựa, trăm bò sữa, trăm bò mộng, trăm đồng tiên vàng, roi chuộc lại. Này con yêu, nêu ông nội của con giành lây các con từ tay của người Bà-la-môn bang mệnh lệnh, bang sức lực, hoặc miễn phí, thì các con chớ làm theo lời nói của ông nội, mà hãy đi theo chính người BS-la-mGn.” Sau khi chỉ dạy như thế rồi đã gởi đi. Sau đó, Hoàng tử Jālī đã ra đi, đến khi được ông nội hỏi, đã nói rằng: "Thưa ông,

bởi vì cha đã cho con đến người Bà-la-môn với giả một ngàn, còn cô con gái Kanhājinā là bằng tài sản cá nhân và giả của những con voi." Thưa Ngài Nâgasena, câu hỏi đã khéo được tháo gỡ, mạng lưới tà kiến đã khéo được phá vỡ, các học thuyết khác đã khéo được nghiền nát, kiến thức của bản thân đã khéo được giải thích, vấn đề phụ thuộc đã khéo được làm rõ, ý nghĩa đã khéo được phân tích. Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về việc bố thí con của Vessanta^ là thứ nhất

2. CÂU HỎI VỀ VIỆC HÀNH KHỔ HẠNH (Dukkarakārikāpañho) 1. Thưa Ngài Nāgasena, toàn bộ tất cả các đức Bồ-tát đều thực hiện việc hành khổ hạnh, hay là việc hành khổ hạnh đã được chỉ riêng Bồ-tát Gotama thực hiện? -Tâu Đại vương, không có việc hành khổ hạnh đối với tất cả các đức Bồ- tát. Việc hành khổ hạnh đã được chỉ riêng Bồ-tát Gotama thực hiện. -Thưa Ngài Nâgasena, nếu như vậy thì việc có sự khác biệt giữa các vi Bồ-tát với các vị Bồ-tát là không hợp lý. -Tâu Đại vương, sự khác biệt giữa các vị Bồ-tát với các vi Bồ-tát là bởi bốn sự kiện. Bởi bốn sự kiện nào? Sự khác biệt về dònệ dõi, sự khác biệt về khoảng thời gian, sự khác biệt về tuổi thọ, sự khác biệt ve kích thước. Tâu Đại vương, sự khác biệt giữa các vi Bồ-tát với các vị Bồ-tát là bởi bốn sự kiện này. Tâu Đại vương, tất cả các vị Bồ-tát không có sự khác biệt về vóc dáng, về giới, về đinh, về tuệ, về giải thoát, về trí tuệ và nhận thức về sự giải thoát, về bốn pháp tự tín, về mười Như Lai lực, về sáu trí không phổ thông [đến các vị Thinh văn], về mười bốn trí của vị Phật, về mười tám pháp của vi Phật, và toàn bộ các đức hạnh của vị Phật. Tất cả chư Phật đều là đồng đẳng về các pháp của vị Phật. 2. Thưa Ngài Nâgasena, nếu tất cả chư Phật đều là đồng đẳng về các pháp của vị Phật, thì vì lý do gì mà việc hành khổ hạnh đã được chỉ riêng Bồ-tát Gotama thực hiện? -Tâu Đại vương, khi trí chưa được chín muồi, khi sự giác ngộ chưa được chín muồi thì đức Bồ-tát Gotama đã ra đi theo hạnh xuất ly. Trong khi đang làm chín muôi trí chưa được chín muôi thì đức Bô-tát đã thực hiện các việc hành kho hạnh.

Thưa Ngài Nāgasena, vì lý do gì mà đức Bồ-tát, khi trí chưa được chín muồi, khi sự giác ngộ chưa được chín muồi, lại ra đi theo hạnh xuất ly? Chẳng phải là nên làm chín muồi trí trước, khi trí đã được chín muồi thì sẽ ra đi? Tâu Đại vương, đức Bô-tát sau khi nhìn thây hậu cung bị lộn xộn, đã có sự ân hận, khi vị ấy có sự ân hận, sự không còn hứng thú đã khởi lên. Sau khi nhận ra tâm không còn hứng thú đã được sanh khởi, một vị thiên tử nào đó thuộc nhóm của Ma vương [nghĩ rằng]: uĐây quả là lúc để xua đi tâm không còn hứng thii", rồi đã đứng ở không trung và nói lời nói này: "Thua Ngài, thưa Ngài, xin Ngài chớ bất mãn. Vào ngày thứ bảy kể từ hôm nay, bánh xe báu thuộc cõi trời có ngàn căm, có bánh xe, có trục, được đây đủ mọi bộ phận, sẽ hiện ra cho Ngài. Và các báu vật di chuyển ở trên đất và ngự ở trên trời cũng sẽ tự động di chuyển đến với Ngài, mệnh lệnh từ miệng của một mình Ngài sẽ vận hành ở bốn châu lục và hai ngàn đảo nhỏ phụ thuộc, Ngài sẽ có hơn một ngàn con trai, là những dũng sĩ có dáng vóc và chi thể của người anh hùng, có sự nghiền nát đạo quân đối phương. Được tháp tùng bởi những người con trai ấy, được thành tựu bảy báu vật, Ngài sẽ lãnh đạo bốn châu Iqc.” Tâu Đại vương, ệiống như cái cọc sắt bị đốt lửa nguyên ngày, đang được

nung nóng toàn bộ, roi xuyên vào lỗ tai, tâu Đại vương, lời nói ấy đã đi vào lỗ tai của đức Bồ-tát tương tợ y như thế. Tóm lại, vi ấy lúc bình thường vốn đã bị bất mãn, vì lời nói của vị thiên nhân ấy, đã bị dao động, đã bị chấn động, đã đạt đến trạng thái chấn động với mức độ nhiều hơn nữa. Tâu Đại vương, hoặc là giống như khối lửa to lớn khổng lồ đang cháy sáng, được bỏ thêm củi khác vào thì có thể cháy sáng thêm hơn nữa. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, đức Bồ-tát lúc bình thường von đã bị bất mãn, vì lời nói của vi thiên nhân ấy, đã bi dao động, đã bị chấn động, đã đạt đến trạng thái chấn động với mức độ nhiều hơn nữa. Tâu Đại vương, hoặc là giống như đại địa cầu, bình thường đã bị ẩm ướt, có những vùng cỏ xanh mới mọc, có nước tưới lên, trở thành lầy lội, có thể trở nên lầy lội hơn với mức độ nhiều hơn khi có cơn mưa lớn lại đổ xuống lần nữa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Bồ-tát lúc bình thường vốn đã bị bất mãn, vì lời nói của vị thiên nhân ấy, đã bị dao động, đã bị chấn động, đã đạt đen trạng thái chấn động với mức độ nhiều hơn nữa. 3. Thưa Ngài Nâgasena, nếu vào ngày thứ bảy bánh xe báu thuộc cõi trời sanh lên cho đức Bồ-tát, có phải khi bánh xe báu thuộc cõi trời được sanh lên thì đức Bồ-tát sẽ quay trở lui lại? -Tâu Đại vương, bởi vì vào ngày thứ bảy bánh xe báu thuộc cõi trời không sanh lên cho đức Bo-tát, thì vị thiên nhân ấy đã nói lời nói dối nhằm khêu gợi lòng tham. Tâu Đại vương, nếu vào ngày thứ bảy bánh xe báu thuộc cõi trời sanh lên thì đức Bồ-tát sẽ không quay trở lui. Vì lý do gì? Tâu Đại vương, đức Bồ-tát đã nắm giữ chắc chắn rằng: “Là vô thuơng', đa nắm giữ chắc chắn rằng: "Là khổ não, là vô ngỗT, đã đạt đến sự cạn kiệt về chấp thủ.

1032 KINH TIÊU Bộ

Tâu Đại vương, giống như nước từ hồ nước Anotatta chảy vào sông Gañgā, từ sông Gañgā chảy vào đại dương, từ đại dương đi vào miệng của lòng trái đất, phải chăng nước ây từ miệng của lòng trái đát có thê quay trở lui lại rồi chảy vào đại dương, từ đại dương chảy vào sông Gañgā, từ sông Gañgā chảy vào lại hồ Aiỉotatta? Thưa Ngài, không thể. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, pháp thiện đã được đức Bồ-tát làm cho chín muồi trong bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiêp vì lý do của lần hiện hữu này. Vị ấy có lần hiện hữu sau cùng đã được đạt đến, có trí giác ngộ đã được chín muồi, sau sáu năm sẽ trở thành đức Phật, đấng Toàn Tri, nhân vật cao cả ở the gian. Tâu Đại vương, có phải đức Bồ-tát có the quay trở lại vì lý do bánh xe báu? Thưa Ngài, không thể. -Tâu Đại vương, thêm nữa, đại địa cầu với rừng với núi có thể lật ngược lại, nhưng đức Bồ-tát không bao giờ quay trở lại khi chưa đạt được phẩm vị Chánh đẳng giác. Tâu Đại vương, nếu nước của sông Gañgā cũng có thể chảy ngược dòng, nhưng đức Bô-tát không bao giờ quay trở lại khi chưa đạt được phẩm vi Chánh đẳng giác. Tâu Đại vương, nếu đại dương với sự chứa đựng lượng nước vô hạn, cũng có thê khô cạn như là nước ở dâu chân bò, nhưng đức Bồ-tát không bao giờ quay trở lại khi chưa đạt được phàm vị Chánh đẳng giác. Tâu Đại vương, nêu núi chúa Sineru cũng có thê đô vỡ thành trăm mảnh, nhưng đức Bồ-tát không bao giờ quay trở lại khi chưa đạt được phẩm vị Chánh dẳng giác. Tâu Đại vương, nếu mặt trăng và mặt trời luôn cả các vì sao cũng có the rơi xuống như là cục đất rơi xuống mặt đất, nhưng đức Bồ-tát không bao giờ quay trở lại khi chưa đạt được phàm vị Chánh đăng giác. Tâu Đại vương, nếu bầu trời cũng có thê cuộn tròn như là chiếc chiếu, nhưng đức Bồ-tát không bao giờ quay trở lại khi chưa đạt

được phàm vị Chánh đăng giác. Vì lý do gì? Vì trạng thái đã được phá vỡ đối với tất cả các sự trói buộc. 4. - Thưa Ngài Nâgasena, có bao nhiêu sự trói buộc ở thế gian? -Tâu Đại vương, đây là mười sự trói buộc ở thế gian, bị trói buộc bởi những sự trói buộc này chúng sanh không thê ra đi, sau khi ra đi rồi cũng quay trở lui. Mười sự trói buộc nào? Tâu Đại vương, mẹ là sự trói buộc ở thế gian. Tâu Đại vương, cha là sự trói buộc ở thế gian. Tâu Đại vương, vợ là sự trói buộc ở thê gian. Tâu Đại vương, các con là sự trói buộc ở thế gian. Tâu Đại vương, thân quyến là sự trói buộc ở thế gian. Tâu Đại vương, bạn bè là sự trói buộc ở thế gian. Tâu Đại vương, tài sản là sự trói buộc ở thế gian.

Tâu Đại vương, lợi lộc và sự tôn vinh là sự trói buộc ở thế gian. Tâu Đại vương, quyên uy là sự trói buộc ở thê gian. Tâu Đại vương, năm loại dục là sự trói buộc ở thế gian. Tâu Đại vương, đây là mười sự trói buộc ở thê gian, bị trói buộc bởi những sự trói buộc này chúng sanh không thể ra đi, sau khi ra đi rồi cũng quay trở lui. Mười sự trói buộc ây của đức Bô-tát đã bị chặt đứt, đã bị tách ra, đã bị phá vỡ. Tâu Đại vương, vì thế đức Bồ-tát không quay trở lui. 5. Thưa Ngài Nãgasena, nếu đức Bồ-tát, khi tâm không còn hứng thú đã được sanh khởi, do lời nói của vị thiên nhân mà ra đi theo hạnh xuất ly vào lúc trí chưa được chín muồi, vào lúc sự giác ngộ chưa được chín muồi, và do việc hành khổ hạnh đã được thực hiện thì vi ấy có được điều gì? Chẳng lẽ sự chín muồi của trí sẽ được tu tập bởi người đang mong đợi nhờ vào tất cả các loại vật thực? -Tâu Đại vương, mười hạng người này ở thế gian bị chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bi chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đến. Mười hạng nào? Tâu Đại vương, người nữ là góa phụ ở thế gian bị chê bai, bi khinh thương, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đến. Tâu Đại vương, người yếu đuối, Tâu Đại vương, người không bạn bè và thân quyến, Tâu Đại vương, người ham ăn, Tâu Đại vương, người chưa sống ở nhà của thầy giáo, Tâu Đại vương, người có bạn ác, Tâu Đại vương, người thấp kém về tài sản, Tâu Đại vương, người thấp kém về tánh hạnh, Tâu Đại vương, người thấp kém về nghiệp, Tâu Đại vương, người tháp kém vê sự găng sức ở thê gian bị chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bi chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đến. Tâu Đại vương, đây là mười hạng người ở thế gian bị chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bi khinh miệt, bị chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đen. Tâu Đại vương, trong khi nhớ lại mười trường hợp này, đức Bồ-tát có ý tưởng như vầy đã sanh kh&i: "Ta chớ có trở thành người thấp kém về nghiệp, thấp kém về sự gắng sức, bị chu thiên và loài người chê trách. Tốt hơn ta nên là chủ nhân của nghiệp, nên sống không xao lãng, có sự tôn trọng nghiệp, có sự làm chủ đoi với nghiệp, có thói quen ở nghiệp, có hành trang là nghiệp, có chỗ ngụ ở trong nghiep." Tâu Đại vương, đức Bồ-tát trong khi làm chín muồi trí đã thực hiện việc hành khổ hạnh như thế.

6. - Thưa Ngài Nāgasena, đức Bồ-tát? trong khi thực hiện việc hành khổ hạnh, đã nói như vầy: "Do việc hành khổ hạnh nhức nhối này, ta không chứng đắc các pháp thượng nhân, pháp đặc biệt thuộc về trí tuệ và sự thấy biết xứng đáng bậc Thánh; có thể có đạo

lộ khác đưa đến sự giác ngO?" Có phải vào lúc ấy đức Bồ-tát đã có sự mất mát về trí nhớ liên quan đến đạo lộ? -Tâu Đại vương, đây là hai mươi lăm pháp làm tâm yêu đuôi, tâm bị chúng làm yếu đuối không được tập trung đúng đắn để diệt trừ các lậu hoặc. Hai mươi lăm pháp nào? Tâu Đại vương, sự giận dữ làm tâm yếu đuối, tâm bị nó làm yếu đuôi không được tập trung đúng dăn đê diệt trừ các lậu hoặc. Tâu Đại vương, sự thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bon xẻn, xảo trá, bội bạc, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, kiêu căng, đam mê, xao lãng, dã dượi buồn ngủ, uể oải, lười biếng, bạn xấu, các sắc, các thinh, các hương, các vị, các xúc, sự đói, sự khát, sự không hứng thú làm tâm yếu đuối, tâm bi nó làm yếu đuối không được tập trung đúng đắn đe diệt trừ các lậu hoặc. Tâu Đại vương, đây là hai mươi lăm pháp làm tâm yếu đuối, tâm bị chúng làm yếu đuối không được tập trung đúng đắn để diệt trừ các lậu hoặc. Tâu Đại vương, hơn nữa, thân thể của đức Bồ-tát đã bị kiệt que vì sự đói khát, khi thân thể bị kiệt quệ tâm không được tập trung đúng đắn đe diệt trừ các lậu hoặc. Tâu Đại vương, trong bôn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiêp, đức Bô- tát đã theo đuổi sự chứng ngộ về bốn chân lý cao thượng ở những kiêp sống ấy. Vậy thì tại sao ở lần hiện hữu cuối cùng của vị ấy, kiếp sống của sự chứng ngộ, lại có sự mất mát về trí nhớ liên quan đến đạo lộ? Tâu Đại vương, thêm nữa, đức Bồ-tát đã có ý tưởng sanh khởi rằng: "C6 thể có đạo lộ khác đưa đến ệiấc ngO?" Tâu Đại vương, quả là trước đây, đức Bồ-tát, vào lúc một tháng tuổi, ở nơi công trường của người cha và dòng Sakyā, tại bóng mát của cây mận đỏ, tại chiếc giường lộng lẫy, đã ngồi, xếp chân vào thế kiết-già, sau khi tách ly hẳn các dục, tách ly các bất thiện pháp, đạt đến và an trú sơ thiền, có tầm, có tứ, có hỷ lạc sanh lên do sự tách ly. Thưa Ngài Nãgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. Trong khi làm chín muồi trí tuệ, đức Bồ-tát đã thực hiện việc hành khổ hạnh. "Câu hỏi về việc hành khổ hạnh" là thứ hai.

3. CÂU HỎI VỀ THIỆN HAY BÁT THIỆN MẠNH HƠN (Kusalākusalabalavatarapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, cái nào trội hon, mạnh hơn, thiện hay là bất thiện? -Tâu Đại vương, thiện là trội hơn, mạnh hơn, bất thiện thì không như vậy. Thưa Ngài Nãgasena, trẫm không chấp nhận lời nói ấy: "Thiện là trội hơn, mạnh hơn, bất thiện thì không như vay." Thưa Ngài Nâgasena, ở đây được thấy những kẻ giết hại mạng sống, lấy vật chưa được cho, có hành vi sai trái trong các dục, nói lời dối trá, tàn phá làng mạc, quân cướp đường, gian lận, lường gạt,

tất cả những kẻ ấy nhận chịu việc bị chặt bàn tay, chặt bàn chân, chặt bàn tay và bàn chân, cắt tai, xẻo mũi, cắt tai và xẻo mũi, [nhúng vào] hũ giấm chua, cạo đầu bôi vôi, đốt lửa ở miệng, thiêu sống, đốt cháy ở bàn tay, lột da thành sợi, mặc y phục vỏ cây, kéo căng thân người ở trên đất, xiên da thịt bằng lưỡi câu, khoét thịt thành đồng tiền, chà xát với chất kiềm, quay tròn ở trên thập tự giá, ngồi ở ghế rơm, rưới bằng dầu sôi, cho những con chó gặm, đặt trên giáo nhọn, chặt đầu bằng gươm tương xứng với tội ác, những ai làm điều ác ban đêm thì gánh chịu hậu quả ngay trong đêm, những ai làm ban đêm thì gánh chịu trong ngày [kế], những ai làm ban ngày thì gánh chịu ngay trong đêm, những ai đã trải qua hai ba ngày thì gánh chịu hai ba ngày, tất cả những

người ấy đều gánh chịu hậu quả ngay trong hiện tại. Thưa Ngài Nâgasena, trái lại có phải có người nào đó sau khi bô thí vật thí có cả vật phụ tùng đến một vị, hoặc hai vị, hoặc ba vi, hoặc bốn vị, hoặc năm vị, hoặc mười vị, hoặc một trăm vị? hoặc một ngàn vị, hoặc một trăm ngàn vị9 thì trở thành người hưởng thụ của cải, hoặc danh tiếng, hoặc an lạc, nhờ vào giới hoặc việc hành trai giới trong thời hiện tại? -Tâu Đại vương, có bốn người sau khi bố thí vật thí, sau khi thọ trì giới, sau khi thực hiện việc hành trai giới thì đạt đến danh vọng ở thành phố của chư thiên bằng chính cơ thể thân xác ấy ngay trong thời hiện tại. 2. Thưa Ngài, ai và ai vậy? -Tâu Đại vương, đức Vua Mandhātā, đức Vua Nimi, đức Vua Sādhīna và Càn-thát-bà Guttila. Thưa Ngài Nâgasena, điều ấy rõ ràng là đã trải qua nhiều ngàn đời. Điều ấy cũng là vượt ngoài tầm nhìn của hai chúng ta. Nếu Ngài có khả năng, xin Ngài hãy nói về cuộc đời đang còn tiếp diễn, vào thời điểm đang còn đức Thế Tôn. -Tâu Đại vương, thậm chí ở cuộc đời đang còn tiếp diễn, kẻ nô lệ Punnaka sau khi dâng vật thực đến Trưởng lão Sāriputta thì đã đạt đên địa vi nhà triệu phú ngay trong ngày ấy, vị ấy hiện nay đã được biết là: "Triệu phú Punnaka.,, Hoàng hậu Gopālamātā sau khi bán mái tóc của chính mình, với tám đồng tiền nhận được đã dâng đồ ăn khất thực đến Trưởng lão Mahākaccāyana, [cùng với bảy vị khác] và bản thân Ngài là vị thứ tám, thì đã đạt được ngôi vị hoàng hậu chánh cung của đức vua xứ Udena ngay trong ngày ấy. Nữ cư sĩ Suppiyâ sau khi đã dâng nước súp nấu với thịt đùi của chính mình đến một vi Tỳ-khưu bệnh nọ, thì ngay trong ngày thứ nhì vết thương đã được liền lại, có làn da dẹp, đã được hết bềnh. Mallikādevī, sau khi dâng phân cháo chua của đêm hôm qua đên đức Thê Tôn, đã trở thành hoàng hậu chánh cung của đức vua xứ Kosala ngay trong ngày ấy. Người thợ làm tràng hoa Sumanā, sau khi cúng dường đức Thế Tôn với tám nam hoa nhài, đã đạt được sự thành tựu lớn lao ngay trong ngày ấy. Vi Bà-la-môn Ekasātaka [có độc một tấm vải che thân], sau khi cúng dường đức Thế Tôn với tấm vải khoác ngoài, đã đạt được tất cả mỗi thứ tám món ngay

trong ngày ấy. Tâu Đại vương, tất cả những người này cũng đã hưởng thụ của cải và danh vọng ở thời hiện tại. . .L 3. Thưa Ngài Nâgasena, sau khi chọn lựa và tìm kiêm, có phải Ngài đã thấy chỉ có sáu người? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Thưa Ngài Nâgasena, như thế thì chính bất thiện là trội hơn, mạnh hơn, thiện thì không như vậy. Thưa Ngài Nâgasena, bởi vì chỉ trong một ngày trẫm nhìn thấy mười người nam, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi người nam đang bị đặt trên các giáo nhọn do hậu quả của nghiệp ác. Trẫm nhìn thấy trăm người nam, ngàn người nam đang bị đặt trên các giáo nhọn do hậu quả của nghiệp ác. Thưa Ngài Nâgasena, người con trai của vị tướng quân thuộc dòng họ Nandā có tên là Bhaddasâla. Cuộc chiến đấu giữa vị ấy và đức Vua Candagutta đã diễn ra ác liệt. Thưa Ngài Nâgasena, hơn nữa trong cuộc chiến đấu ấy, đã có tám mươi thây người cụt đầu ở cả hai đoàn quân. Nghe nói khi một cái giỏ đựng đầu được tràn đầy thì có một thây người cụt đầu đứng dậy. Tất cả những người này lâm vào tai họa và bất hạnh do hậu quả của chính nghiệp ác. Thưa Ngài Nãgasena, cũng vì lý do này mà trẫm nói rằng: "Chính bất thiện là trội hơn, mạnh hơn, thiện thì không như vậy?5 Thưa Ngài Nâgasena, có phải được nghe là trong thời giáo

pháp của đức Phật này, vật thí không thể sánh bằng đã được bố thí bởi đức vua xứ Kosala? Tâu Đại vương, đúng vậy. Có được nghe. Thưa Ngài Nâgasena, phải chăng đức vua xứ Kosala, sau khi bố thí vật thí không thể sánh bằng ấy, do nhân ấy đã nhận được của cải hay danh vọng hay sự an lạc nào đó trong thời hiện tại? -Tâu Đại vương, không có. Thưa Ngài Nâệasena, nếu đức vua xứ Kosala, thậm chí sau khi bố thí vật thí không thể sánh bang có hình thức như thế, do nhân ấy đã không nhận được của cải hay danh vọng hay sự an lạc trong thời hiện tại. Thưa Ngài Nâgasena, như thế thì chính bất thiện là trội hơn, mạnh hơn, thiện thì không như vậy. 4. - Tâu Đại vương, vì tính chất nhỏ nhoi nên bất thiện chuyển biến mau chóng. Do tính chất rộng lớn nên thiện chuyển biến cần thời gian dài. Tâu Đại vương, điều này nên được quan sát bằng ví dụ. Tâu Đại vương, giống như ở xứ sở Aparanta, có giống lúa tên là kumudabhandikā sau một tháng thì được gặt rồi đem vào trong nhà. Các lúa sāli chín sau năm sáu tháng. Tâu Đại vương, vậy thì ở đây có điều gì khác nhau? Giữa lúa kumudabhandikā và các loại lúa sāli có điều gì là khác biệt? Thưa Ngài, vì tính chất nhỏ nhoi của lúa kumudabhandikā và tính chất rộng lớn của các lúa sāli. Thưa Ngài Nâgasena, các lúa sāli là xứng đáng với đức vua, là thực phẩm của đức vua, còn lúa kumudabhandikā là thực phẩm của các nô bộc và những người làm công việc.

-Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vì tính chất nhỏ nhoi nên bất thiện chuyển biến mau chóng. Do tính chất rộng lớn nên thiện chuyển biến cần thời gian dài. Thưa Ngài Nãgasena, trong trường hợp ấy cái nào chuyển biến mau chóng, cái ấy ở thế gian gọi là trội hơn, mạnh hơn. Do đó, bất thiện là trội hơn, mạnh hơn, thiện thì không như vậy. Thưa Ngài Nâgasena, giông như người lính chiến nào đó, sau khi tiến vào cuộc chiến đấu lớn lao vĩ đại, thì nắm lấy kẻ thù . A r : e L L ở nách, lôi đi, roi mau chóng hơn nữa đưa đên các chủ soái, người lính chiên ây ở thế gian gọi là dũng sĩ tài năng. Và người thầy thuốc nào nhanh chóng lấy ra mũi tên, xua đi cơn bệnh, người thầy thuốc ấy gọi là thông thạo. Người kế toán nào tính toán vô cùng mau lẹ và nhanh chóng phô bày [kết quả], người kế toán ây gọi là thông thạo. Người võ sĩ nào nhanh chóng nhác bông và vật ngã ngửa đối thủ, người võ sĩ ấy gọi là dũng sĩ tài năng. Thưa Ngài Nâgasena, tương tợ y như thế, cái nào chuyển biến mau chóng, dầu là thiện hay là bất thiện, cái ấy ở thế gian là trội hơn, mạnh hơn. 5. - Tâu Đại vương, luôn cả hai nghiệp ấy đều được cảm thọ trong tương lai. Tuy nhiên, bất thiện do có tội lỗi nên lập tức chịu cảm thọ trong thời hiện tại. Tâu Đại vương, các vi Sát-đế-lỵ trước đây đã thành lập quy đinh này: "Kẻ nào giết hại mạng sống, kẻ ấy xứng đáng hình phạt; kẻ nào lấy vật chưa cho, kẻ nào đi đến vợ người khác, kẻ nào nói lời dối trá, kẻ nào tàn phá xóm làng, kẻ nào cướp giật đường sá, kẻ nào thực hiện việc gian lận và lường gạt, kẻ ấy xứng đáng hình phạt, nên bị giết chết, nên bị chém, nên bị phanh [thây], nên bị trừng phạt." Căn cứ vào việc ây5 sau khi cân nhác xét đoán, họ gia hình, giêt chết, chém, phanh [thây] và trừng phạt. Tâu Đại vương, phải chăng có điều quy đinh đã được thành lập bởi những ai đó rằng: "Người nào bố thí vật thí, hoặc gìn giữ giới, hoặc thực hiện việc hành trai giới, thì người ấy sẽ được ban thưởng tài sản hoặc danh vẹmg?" Phải chăng sau khi cân nhác xét đoán vê việc ây, họ ban thưởng tài sản hoặc danh vọng, tương tợ như việc giết chết

hoặc giam cầm đoi với hành động đã làm của kẻ trộm cướp? Thưa Ngài, không có. -Tâu Đại vương, nêu họ sau khi cân nhác xét đoán có thê ban thưởng tài sản hoặc danh vọng đến các thí chủ, thì thiện cũng có thể được cảm thọ trong hiện tại. Tâu Đại vương, bởi vì họ không cân nhác vê các thí chủ răng: "Chúng ta sẽ ban thưởng tài sản hoặc danh vqng"vì thế thiện không được cảm thọ trong hiện tại. Tâu Đại vương, vì lý do này bất thiện chịu cảm thọ trong hiện tại, và kẻ ấy cảm nhận cảm thọ trội hơn, mạnh hơn ngay trong tương lai. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Thiếu vắng bậc có sự giác ngộ như là Ngài, câu hỏi này đã không khéo được tháo gỡ. Thưa Ngài Nâgasena, việc thuộc về thế gian đã được giảng giải bằng cách vượt trên thế gian. “Câu hỏi về thiện hay bất thiện mạnh hơn” là thứ ba.

1038 KINH TIỂU Bộ

4. CÂU HỎI VỀ VIỆC HỒI HƯỚNG ĐÈN QUYÊN THUỘC ĐÃ QUÁ VÃNG (Pubbapetādisapañho) 1. Thưa Ngài Nāgasena, các thỉ chủ này sau khi bố thí vật thí, hồi hướng đến các quyến thuộc đã quá vãng rằng: 66Việc này hãy thành tựu cho những người ây.” Phải chăng những người ấy do nhân ấy nhận được quả thành tựu nào đó? Tâu Đại vương, một số nhận được, một số không nhận được.

Thưa Ngài, những ai nhận được, những ai không nhận được? -Tâu Đại vương, những người đã sanh vào địa ngục không nhận được, những người đã đi đến cõi trời không nhận được, những người đã đi đến bản thể loài thú không nhận được, trong số bốn hạng người đã quá vãng, ba hạng người đã quá vãng không nhận được là hạng chỉ ăn đồ được mửa ra, hạng bị hành hạ bởi sự đói khát, hạng luôn bi dằn vặt bởi sự khao khát. Hạng người đã quá vãng nhận được là hạng sống nhờ vào sự bố thí của người khác, thậm chí những ngưòd ấy ngay trong khi nhớ đến cũng nhận được. Thưa Ngài Nâgasena, như thế thì sự bố thí của các thí chủ đã được làm để hồi hướng đến những người nào, nếu những người ấy không nhận được thì bị uổng phí, thì không có kết quả? -Tâu Đại vương, việc bố thí ấy không hẳn là không có kết quả, là không có quả thành tựu. Chính các thí chủ thọ hưởng kết quả của việc ấy. Thưa Ngài Nâgasena, như thế thì xin Ngài giúp cho trẫm hiểu bằng lý lẽ? -Tâu Đại vương, ở đây một số người nào đó chuẩn bị cá? thịt, rượu, thức ăn, vật nhai, rồi đi đến nhà của thân quyến. Nếu những thân quyến ấy không thọ nhận quà biêu ấy, phải chăng quà biêu ây trở nên uông phí, hoặc bị mát mát? Thưa Ngài, không đúng. Vật ấy là thuộc về chính các người chủ. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, chính các thí chủ thọ hưởng kết quả của việc ấy. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nam đã đi vào nội phòng, trong khi lối đi ra không có ở phía trước thì có thể đi ra bằng cách nào? Thưa Ngài, bằng chính lối đã đi vào. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, chính các thí chủ thọ hưởng kết quả của việc ấy. Thưa Ngài Nâgasena, hãy là vậy. Chúng tôi chấp nhận điều này đúng theo như vậy: "Chính các thí chủ thọ hưởng kết quả của việc ấy. Chúng tôi không ban cãi ve ly lẽ áy. 2. Thưa Ngài Nãgasena, nêu vật thí đã được bô thí của các thí chủ này thành tựu đến các quyến thuộc đã quá vãng, và họ thọ hưởng quả thành tựu của việc ấy, như thế thì kẻ nào có sự giết hại mạng sống, là thợ săn, có bàn tay vấy máu5 có tâm tư toi tệ, sau khi giết chết nhiều người, sau khi gây ra hành động tàn bạo, rồi hồi hướng đến các

quyến thuộc đã quá vãng rằng: 66Quả thành tựu của việc

làm này của tôi hãy thành tựu đến các quyến thuộc đã quá vng", phải chăng quả thành tựu của việc ấy thành tựu đến các quyến thuộc đã quá vãng? -Tâu Đại vương, không đúng. -Thưa Ngài Nâgasena, trong trường hợp ấy, cái gì là nhân, cái gì là lý do khiến cho thiện thành tựu, còn bát thiện không thành tựu? Tâu Đại vương, câu hỏi ấy là không nên hỏi. Tâu Đại vương, xin Đại vương chớ [nghĩ rằng]: “C6 người trả lời roi hỏi câu hỏi không the trả lời được: 'Tại sao bầu trời không có vật máng lên? Tại sao sông Gañgā không chảy về phía thượng nguồn? Tại sao những người này là lưỡng sanh và có hai chân, còn loài thú có bốn chân? Có phải Đại vương cũng sẽ hỏi tôi câu hỏi ấy?'” Thưa Ngài Nāgasena, trâm hỏi Ngài không phải vì có ý muôn gây khó khăn. Tuy nhiên, trẫm hỏi nhằm mục đích làm tiêu tan sự nghi ngờ. Nhiều người ở thế gian có sự cầm nắm bằng tay trái, có mắt bị lòa, trẫm hỏi Ngài điều ấy là như vầy: “Vi điều gì mà những người ấy không thể đạt được cơ h0i?” -Tâu Đại vương, không thể san sẻ nghiệp ác với người đã không làm, với nạười không tùy hỷ theo. Tâu Đại vương, giống như những người chuyển nước đên nơi rát xa bang ông dẫn nước. Tâu Đại vương, phải chăng núi đá rắn chắc to lớn có thể chuyên dịch theo như ý muốn cũng bằng ống dẫn? _ Thưa Ngài, không được. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, có thể san sẻ thiện không thể san sẻ bất thiện. Tâu Đại vương, hoặc là giống như có thể đốt sáng ngọn đèn với dầu. Tâu Đại vương, phải chăng có thể đốt sáng ngọn đèn với nước? Thưa Ngài, không được. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, có thê san sẻ thiện không thê san sẻ bất thiện. Tâu Đại vương, hoặc là giống như những người nông dân lấy nước từ hồ nước rồi nấu chín gạo. Tâu Đại vương, phải chăng có thể lấy nước từ biển cả rồi nấu chín gạo? Thưa Ngài, không được. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, có thể san sẻ thiện không thể san sẻ bất thiện. 3. Thưa Ngài Nāgasena, vì lý do gì mà có thê san sẻ thiện, không thê san sẻ bất thiện? Xin Ngài giúp cho trẫm hiểu bằng lý lẽ. Trẫm không phải là mù lòa và không có ánh sáng, sau khi lắng nghe trẫm sẽ hiểu. -Tâu Đại vương, bất thiện là ít ỏi, thiện thì dồi dào. Do tính chất ít ỏi, bất thiện tác động chỉ riêng người tạo tác. Bởi tính chất dòi dào, thiện bao phủ thế gian luôn cả cõi trời. Xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như một §iọt nước nhỏ nhoi rơi xuống trái đất. Tâu Đại vương, phải chăng giọt nước áy có thể phủ lên luôn cả mười, mười hai do-tuần?

Thưa Ngài, không đúng. Giọt nước ấy đã rơi xuống ở nơi nào thì nó tác động chỉ ở nơi ấy thôi. -Tâu Đại vương, vì lý do gì? Thưa Ngài, vì tính chất nhỏ nhoi của giọt nước. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, bất thiện là nhỏ nhoi. Do tính chất nhỏ nhoi, nó tác động chỉ riêng người tạo tác, không the san sẻ. Tâu Đại vương, hoặc là giống như đám mây to lớn khổng lồ, trong khi làm hài lòng mặt đất, có thể đổ mưa. Tâu Đại vương, phải chăng đám mây to lớn ây có thê phủ lên kháp nơi? Thưa Ngài, đúng vậy. Đám mây to lớn ấy sau khi làm tràn đầy hố, ao, suối, cành cây, hốc, khe, hồ, vũng, giếng, đầm sen, cũng có thể phủ lên luôn cả mười, mười hai do-tuần. -Tâu Đại vương, vì lý do gì? Thưa Ngài, vì tính chất to lớn của đám mây. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế,

thiện thì dồi dào. Do tính chất dồi dào, có thể san sẻ với chư thiên và loài người. 4. Thưa Ngài Nâgasena, vì lý do gì mà bất thiện là ít ỏi, còn thiện là dồi dào hơn? -Tâu Đại vương, ở đây có ai đó dâng cúng vật thí, thọ trì giới, thực hành việc trai giới, người ấy vui mừng, mừng rỡ, vừa lòng, hài lòng, hoan hỷ, có tâm tinh tín, hân hoan sanh khởi, đoi với vị ấy hỷ sanh lên liên tục, đoi với người có tâm hỷ thiện phát triên nhiêu thêm hơn nữa. Tâu Đại vương, giông như ở giêng nước được tràn đây với nhiêu nước, nước có thể đi vào bằng một lối, thoát ra bằng một lối, mặc dầu đang được thoát ra nước cũng vẫn liên tục sanh khởi, không thể nào bị lâm vào sự cạn kiệt. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thiện phát triển nhiều thêm hơn nữa. Tâu Đại vương, nếu một người có thể hướng tâm đến việc thiện đã làm thậm chí cả một trăm năm, khi được liên tục hướng tâm thì thiện phát triển nhiều thêm hơn nữa. Đối với người ấy, thiện ấy có thể san sẻ cho những người mong mỏi như thế ấy. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy thiện là dồi dào hơn. Tâu Đại vương, trái lại người đang làm việc bất thiện thì về sau có sự ân hận; đối với người có sự ân hận, thì tâm thâu hẹp lại, co rút lại, quay trở lại, không trải rộng, buồn rau, bứt rứt, tiêu tán, cạn kiệt, không phát triển, tác động chỉ ở nơi ây thôi. Tâu Đại vương, giông như chút ít nước đang rơi xuống phía bên trên của dòng sông khô cạn có bãi cát lớn lồi lõm uốn cong khúc khuỷu, thì tiêu tán, cạn kiệt, không phát triển, tác động chỉ ở nơi ấy thôi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với người đang làm việc bất thiện, tâm thâu hẹp lại, co rút lại, quay trở lại, không trải rộng, buồn rau, bứt rứt, tiêu tán, cạn kiệt, không phát triển, tác động chỉ ở nơi ấy thôi. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy bất thiện là ít ỏi.

Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về việc hồi hướng đến quyến thuộc đã quá vãng55 là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ GIẤC Mơ (Supinapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, nhữn^ người nam và nữ ờ thế gian này nhìn thấy giấc mơ, tót đẹp, xấu xa, đã thấy trước dây, chưa thấy trước đây, đã làm trước dà* chưa làm trước đây, bình yên, có sự sợ hãi, ờ xa, ờ gần. Họ nhìn thấy nhiều loại, hàng ngàn hình dáng. Và cái gọi là giấc mơ áy là cái gì? Và ai nhìn thấy điều nay? -Tâu Đại vương, cái gọi là giấc mơ ấy là điềm báo hiệu, là cái tiến đến gần lãnh vực của tâm. Tâu Đại vương, sáu hạng này nhìn thấy giấc mơ: Hạng nhìn thấy giấc mơ liên quan đến gió, hạng nhìn thấy giấc mơ liên quan đến mật, hạng nhìn thấy giấc mơ liên quan đến đờm, hạng nhìn thấy giấc mơ do chư thiên đem lại, hạng nhìn thấy giấc mơ do đã được làm thường xuyên, hạng nhìn thấy giấc mơ do diêm báo hiệu. Tâu Đại vương, ở đây, nhìn thây giác mơ nào do điềm báo hiệu thì chính cái ây là thật, phân còn lại là giả. 2. Thưa Ngài Nâậasena, người nào nhìn thấy giấc mơ do điềm báo hiệu, có phải tâm của nẹười ấy tự đi đến và tìm kiếm điềm báo hiệu ấy, hay là điềm báo hiệu ấy tiến đen gần lãnh vực của tâm, hay là cái nào khác đi đến và thông báo cho người ấy? -Tâu Đại vương, không phải tâm của người ây tự đi đên và xem xét diêm báo hiệu ấy, cũng không phải cái nào khác đi đến và thông báo cho người ấy. Khi ây, chính diêm báo hiệu ây tiên đên gân lãnh vực của tâm. Tâu Đại vương, giống như tấm gương soi không tự đi đên nơi nào đó và xem xét cái bóng phản chiếu, cũng không phải cái

nào khác đem cái bóng phản chiếu lại và áp vào tấm girơng soi. Khi ấy, từ nơi nào đó cái bóng phản chiểu đi đến và lại gần lãnh vực của tâm gương soi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, không phải tâm của người ấy tự đi đến và xem xét điềm báo hiệu ấy, cũng không phải cái nào khác đi đến và thông báo. Khi ấy, từ nơi nào đó điềm báo hiệu ấy tiến đến gần lãnh vực của tâm. 3. Thưa Ngài Nâgasena, tâm nào đó nhìn thây giác mơ, phải chăng tâm ây biết được rằng: “Kết quả sẽ là như vầy, hoặc là bình yên hoặc là sợ hâd?” Tâu Đại vương, không phải là tâm ấy biết được rằng: "Kết quả sẽ là như vầy, hoặc là bình yên hoặc là sợ hi." Trái lại, khi điềm báo hiệu được sanh lên, thì nó nói cho những cái khác. Sau đó, những cái ấy nói ra ý nghĩa. Thưa Ngài Nâgasena, vậy xin Ngài chỉ cho thây lý do. -Tâu Đại vương, giống như các nốt ruồi, mụt nhọt, ghẻ lở xuất hiện ở cơ thể là đưa đến việc có lợi lộc hay không có lợi lộc, có danh tiếng hay không có danh tiêng, chê trách hay khen ngợi, an lạc hay khổ đau. Tâu Đại vương, phải chăng các nót ruồi, mụt nhọt, ghẻ lở sanh lên sau khi biêt được răng: "Chúng tôi sẽ tạo ra sự việc ny?”

Thưa Ngài, không đún^. ở bất kỵ vị trí nào mà các mụt nhọt sanh lên? sau khi nhìn thấy các mụt nhọt áy ở chỗ ấy, các nhà tướng số giải thích: "Kết quả sẽ là như vày." -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tâm nào đó nhìn thấy giấc mơ5 không phải là tâm ây biêt được răng: "Két quả sẽ là như vây, hoặc là bình yên hoặc là sợ hai." Trái lại, khi điềm báo hiệu được sanh lên, thì nó nói cho những cái khác; sau đó, những cái ấy nói về ý nghĩa. 4. Thưa Ngài Nāgasena, người nào nhìn thây giác mơ thì người ây nhìn thấy trong lúc đang ngủ hay là nhìn thấy trong khi còn thức? -Tâu Đại vương, người nào nhìn thấy giấc mơ thì không phải người ấy nhìn thấy trong lúc đang ngủ, cũng không phải nhìn thấy trong khi còn thức, tuy nhiên nhìn thây giác mơ ở vào khoảng giữa của giai đoạn đang rơi vào trạng thái ngủ mơ màng nhưng chưa đạt đến luồng tâm hộ kiếp. Tâu Đại vương, đối với người đã đạt đến trạng thái ngủ mơ màng thì tâm tiến đến luồng tâm hộ kiếp; tâm đã đi vào luồng tâm hộ kiếp thì không vận hành; tâm không vận hành thì không nhận biết an lạc hay khổ đau; trong khi kh6ng nhận thức thì không có giác mơ, khi tâm đang được vận hành thì nhìn thây giác mơ. Tâu Đại vương, giống như ở nơi mờ mịt, tối tăm, không có ánh sáng, thì bóng phản chiếu không được nhìn thấy ở gương soi, dầu là vô cùng trong sạch. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, khi tâm đã đạt đên trạng thái ngủ mơ màng đã đi vào luồng tâm hộ kiếp, và đang được duy trì, thì tâm là không vận hành ở cơ thể; tâm không vận hành thì không nhìn thấy giấc mơ. Tâu Đại vương, tấm gương soi là như thế nào thì cơ thể nên được xem xét như vậy. Sự tối tăm là như the nào thì trạng thái ngủ mơ màng nên được xem xét như vậy. Anh sáng là như thê nào thì tâm nên được xem xét như vậy. Tâu Đại vương, hoặc là ệiống như khi mặt trời bị che lại bởi băng giá thì ánh sáng không được nhìn thay; tia sáng mặt trời tuy có hiện hữu nhưng không vận hành; khi tia sáng mặt trời không vận hành thì không có ánh sáng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với người đã đạt đến trạng thái ngủ mơ màng thì tâm đi vào luồng tâm hộ kiếp; tâm đã đi vào luồn^ tâm hộ kiếp thì không vận hành; tâm không vận hành thì không nhìn thấy giấc mơ. Tâu Đại vương, mặt trời là như thế nào thì cơ thể nên được xem xét như vậy. Sự che lại bởi

băng giá là như the nào thì trạng thái ngủ mơ màng nên được xem xét như vậy. Tia sáng mặt trời là như thế nào thì tâm nên được xem xét như vậy. 5. Tâu Đại vương, mặc dầu cơ thể đang hiện hữu nhưng tâm không vận hành trong hai trường hợp: Đối với người đã đạt đến trạng thái ngủ mơ màng, đã đi vào luồng tâm hộ kiếp, mặc dầu cơ thể đang hiện hữu nhưng tâm không vận hành; đối với người đã thể nhập thiền diệt, mặc dầu cơ thể đang hiện hữu nhưng tâm không vận hành. Tâu Đại vương, đối với người đang tỉnh táo, tâm lao xao, mở ra, năng động, không cố định, điềm báo hiệu không tiến đến gần lãnh vực ở tâm của người có trạng thái như vậy. Tâu Đại vương, giống như những ước

muôn thâm kín xa lánh người nam cởi mở, năn^ động, không nghiêm chỉnh, không kín đáo. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, nghĩa lý siêu tự nhiên không tiến đến gần lãnh vực của người đang tỉnh táo. Do đó, người đang tỉnh táo không nhìn thấy giấc mơ. Tâu Đại vương, hoặc là giông như các thiện pháp dự phân vào giác ngộ không tiên đên gần lãnh vực là vi Tỳ-khưu có sự nuôi mạng bi sứt mẻ, không nết hạnh, có bạn ác, có giới tồi, biếng nhác, có sự tinh tấn thấp kém. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, nghĩa lý siêu tự nhiên không tiến đen gan lãnh vực của người đang tỉnh táo. 6. - Thưa Ngài Nāgasena, có phải trạng thái ngủ mơ màng là có chăng đầu, chặng giữa và chặng cuối? -Tâu Đại vương, đún^ vậy. Trạng thái ngủ mơ màng có chặng đầu, có chặng giữa và có chặng cuôi. Chặng đầu là cái nào, chặng giữa là cái nào và chặng cuối là cái nào? -Tâu Đại vương, trạng thái nào là sự che đậy, sự bao bọc lại, sự yếu đuối của danh uân và sắc uẩn, là trạng thái trì trệ, không sẵn sàng cho hành động của thân; đây là chặng đầu của trạng thái ngủ mơ màng. Tâu Đại vương, người nào có được giấc ngủ của con khỉ, ngủ mơ màng một cách lộn xộn [nửa ngủ nửa thức]; đây là chặng giữa của trạng thái ngủ mơ mànệ. Chặng cuối là việc đi vào luông tâm hộ kiêp. Tâu Đại vương, nạrời đã tiên đên gân chặng giữa, có được giấc ngủ của con khỉ, thì nhìn thấy giấc mơ. Tâu Đại vương, giống như người nào đó có sự thực hành về tiết chế, có tâm được định tĩnh, có pháp được bền vững, có sự sáng suôt không dao động, sau khi đi sâu vào khu rừng, nơi đã được dứt hẳn sự loạn động và tiêng động, rồi suy nghĩ về ý nghĩa vi tê, và ở nơi ấy, người ấy khônệ rơi vào trạng thái ngủ mơ màng, ơ nơi ấy, được đinh tĩnh, có tâm chuyên nhát, người ấy thấu hiêu được ý nghĩa vi tế. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, người tỉnh táo khônẸ đạt đên trạng thái ngủ mơ màng, tiến đên gân giấc ngủ của con khỉ, có được gic ngủ của con khỉ, thì nhìn thấy giấc mơ. Tâu Đại vương, sự loạn động và tiêng động là như thê nào thì sự tỉnh táo nên được xem xét như vậy. Khu rừng tách biệt là như thế nào thì việc có được giấc ngủ của con khỉ nên được xem xét như vậy. "Người ây sau khi từ bỏ sự loạn động và tiếng động, sau khi tránh né trạng thái ngủ mơ màng, có được trạng thái trầm tinh, thì thấu hiểu được ý nghĩa vi tế" là như thế nào thì "người tỉnh táo, không đạt đến trạng thái ngủ mơ màng, có được giác ngủ của con khỉ, thì nhìn thấy giấc mo" là như vậy. Thưa Ngài Nâgasena, tót lăm! Trâm châp nhận điêu này đúng theo như vậy. uCâu hỏi về giấc mo” là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ VIỆC CHẾT KHÔNG ĐÚNG THỜI (Akālamaranapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, các chúng sanh chết đi9 tất cả bọn họ đều chết đúng thời hay là cũng có chết không đúng thời?

-Tâu Đại vương, có cái chết đúng thời, cũng có cái chết không đúng thời. Thưa Ngài Nãgasena, những người chết đúng thời ấy là những người nào? Chết khòng đúng thời là những người nào? -Tâu Đại vương, phải chăng Đại vương đã nhìn thấy trước đây những trái cây, cả trái non lẫn trái chín, đang rụng xuồng từ cây xoài, hoặc từ cây mận, hoặc từ cây có trái khác nữa? Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, những trái cây nào rụng từ cây xuống, tất cả những trái ấy rụng xuống đều đúng thời hay là cũng có không đúng thời? Thưa Ngài Nãgasena, những trái cây nào là chín muồi, được phát triển đầy đủ, rồi rụng xuồng, tất cả những trái ây rụng xuồng đúng thời. Trái lại, những trái cây nào còn lại, trong sô đó những trái nào bị sâu đục roi rụng xuông, những trai nao bi thọc bởi gạy gộc roi rụng xuông, những trai nao bi cuôn đi bơi gio roi rụng xuong, những trai nao bị thoi ơ ben trong roi rụng xuổng, tát ca những trái áy rụng xuổng không đúng thời. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người bị tàn tạ bởi tác động của tuổi già rồi chết, chính những nguồi ấy chết đúng thời. số còn lại, những ai đó bị thúc bách bởi nghiệp rồi chét, những ai đó bị thúc bách bởi cảnh giới tái sanh rồi chết, những ai đó bi thúc bách bởi hành động roi chét [những người này chết không đúng thời]. Thưa Ngài Nãgasena, những người bi thúc bách bởi nghiệp rồi chết, những người bi thúc bách bởi cảnh giới tái sanh rồi chết, những người bi thúc bách bởi hành động rồi chết, những người bi thúc bách bởi tác động của tuổi già rồi chết, tất cả những người ấy chét đều đúng thời. Người nhập thai ở bụng mẹ rồi chết, [vì] thời điểm ấy là thuộc về người ấy [nên] người ấy chết cũng đúng thời. Người [được sanh ra] ở nhà bảo sanh roi chét, [vì] thời diêm ấy là thuộc về người ấy [nên] người ấy chét cũng đúng thời. Người một tháng tuôi rồi chết,... (nt)... Người một năm tuổi rồi chét, [vì] thời điểm ấy là thuộc về người ấy [nên] người ấy chết cũng đúng thời. Thưa Ngài Nâgasena, như thê thì không có cái gọi là chết không đúng thời. Những ai đó chét đi, tát cả những người ây chết đêu đúng thời. 2. Tâu Đại vương, bảy hạng người này chết không đúng thời ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn. Bảy hạng nào? Tâu Đại vương, người bị thèm ăn5 trong khi không nhận được vật thực, có nội tạng bi tôn thương, chết không đúng thời ngay trong khi tuôi thọ vẫn đang còn. Tâu Đại vương, người bị thèm uống, trong khi không đạt được nước uống, trái tim bị khô kiệt, chết không đúng thời ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn. Tâu Đại vương, người bi răn căn, bi hành hạ bởi tác động của nọc độc, trong khi không đạt được người chữa tri, chết không đúng thời ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn.

Tâu Đại vương, người đã ăn vào chát độc, trong khi các bộ phận cơ thê chính và phụ đang bị nung nóng, trong khi không đạt được thuôc giải, chét không đúng thời ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn. Tâu Đại vương, người bị rơi vào ngọn lửa, trong khi bị thiêu đốt, trong khi không đạt được sự dập tắt, chết không đúng thòi, ngay trong khi

tuổi thọ vẫn đang còn. Tâu Đại vương, người bi té vào nước, trong khi không đạt được sự nâng đỡ, chết không đúng thời ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn. Tâu Đại vương, người bị thương tích bởi gươm đao, bị lâm bệnh, trong khi không đạt được thầy thuốc, chết không đúng thời ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn. Tâu Đại vương, bảy hạng người này chét không đúng thời ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn. Tâu Đại vương, ở đây tôi cũng vân nói một cách khăng định. Tâu Đại vương, việc tử vong của các chúng sanh là theo tám cách thức: Với nguồn sanh khởi là gió, với nguồn sanh khởi là mật, với nguồn sanh khởi là dám, do sự hội tụ [của các dịch chất trong cơ thể], do sự chuyển biến của mùa tiết, do sự bảo dưỡng không đều đặn, do sự đột ngột, do quả thành tựu của nghiệp; tâu Đại vương là việc tử vong của các chúng sanh. Tâu Đại vương, ở đây tức là sự tử vong do quả thành tựu của nghiệp, ở đây chính việc ấy là sự tử vong phù hợp thời gian, các việc còn lại là sự tử vong không phù hợp thời gian. Vậy là: “Do bỉ thèm ăn, do bị thèm uông, bỉ răn căn, do chát độc, do lửa, nước và gươm đao, ở đây là bỉ chết không đúng thời. Do gió và mật, do đàm, do sự hội tụ, do các mùa tiết, do không đều đặn, do sự đột ngột và do nghiệp, ở đây là bị chết không đúng thời." 3. Tâu Đại vương, các chúng sanh nào đó chết do quả thành tựu của nghiệp bất thiện vì đã làm việc này việc nọ trong thời quá khứ. Tâu Đại vương, ở đây kẻ nào trước đây làm những người khác bị chết vì thèm ăn, kẻ ấy trong nhiều trăm ngàn năm, [sẽ] bi hành hạ bởi sự thèm ăn5 bị đói, bị kiệt sức, trái tim bị khô héo tàn tạ, muốn được ăn5 bị co quắp, đang bị thiêu đốt, đang bị đốt cháy ở nội tạng, chết chính vì sự thèm ăn ngay cả lúc còn nhỏ, trung niên, già cả. Đây cũng là sự tử vong phù hợp thời gian đối với kẻ ấy. Kẻ nào trước đây làm những người khác bị chết vì thèm uống, kẻ ấy trong nhiều trăm ngàn năm, trong khi trở thành nga quỷ hạng bị thiêu đốt và bị khao khát, trở nên cằn cỗi, ốm o, trái tim bị khô kiệt, chết chính vì sự thèm uống ngay cả lúc còn nhỏ, trung niên, già cả. Đây cũng là sự tử vong phù hợp thời gian đối với kẻ ấy. Kẻ nào trước đây làm những người khác bị rắn cắn làm cho bị chết, kẻ ấy trong nhiều trăm ngàn năm, sau khi bị luân chuyển từ miệng trăn đến miệng trăn, từ miệng hắc xà đến miệng hắc xà, bị nhai đi nhai lại bởi chúng, chết chính

VÌ bị những con rắn cắn ngay cả lúc còn nhỏ, trung niên, già cả. Đây cũng là sự tử vong phù hợp thời gian đối với kẻ ấy. Kẻ nào trước đây cho những người khác chất độc làm cho bi chết, kẻ ấy trong nhiều trâm ngàn năm, với các bộ phận cơ the chính và phụ đang bị nung nóng, với cơ thể đang bị rữa ra, trong khi tỏa ra mùi thối của tử thi, chết chính vì chất độc ngay cả lúc còn nhỏ, trung niên, già cả. Đây cũng là sự tử vong phù hợp thời gian đối với kẻ ấy. Kẻ nào trước đây làm những người khác bi chết vì lửa, kẻ ấy trong nhiều trăm ngàn năm, sau khi bị luân chuyển từ núi than hừng đến núi than hừng, từ lãnh địa của Dạ-ma đến lãnh địa của Dạ-ma? có tứ chi bị đốt cháy, bị thiêu cháy, chết chính vì lửa ngay cả lúc còn nhỏ, trung niên, già cả. Đây cũng là sự tử vong phù hợp thời gian đối với kẻ ấy. Kẻ nào trước đây làm những người khác bị chết vì nước, kẻ ấy trong nhiều trăm ngàn nm, có thân thể bị hành hạ, bị bóc lột, bị gãy đổ, yếu đuối, có tâm bị xáo trộn, chết ở trong nước ngay cả lúc còn nhỏ, trung niên, già cả. Đây cũng là sự tử vong phù hợp thời gian đối với kẻ ấy. Kẻ nào trước đây làm những

người khác bi chét vì gươm đao, kẻ ây trong nhiều trăm ngàn năm, bị cắt bi xẻ bị băm bi lóc, bị đánh đập bằng mũi dao, chết chính vì gươm đao ngay cả lúc còn nhỏ, trung niên, già cả. Đây cũng là sự tử vong phù hợp thời gian đối với kẻ ấy. 4. Thưa Ngài Nâgasena, Ngài nói rằng: "C6 cái chết không đúng thòri", vậy xin Ngài hãy chỉ cho trẫm lý do của trường hợp ấy. Tâu Đại vương, giông như khôi lửa to lớn không lô có cỏ, củi, cành, lá đã được đem lại, có đồ tiếp liệu đã được tiêu thụ hết, bi tắt ngấm do cạn nguồn nhiên liệu. Ngọn lửa ấy được gọi là "đã được tắt ngấm hợp lúc, không có rủi ro, không có bất hạnh." Tâu Đại vương, tương tợ y như the, người nào đó sau khi sống nhiều ngàn ngày trở nên già lão, rồi chết do hết tuổi thọ, không có rủi ro, không có bất hạnh, người ấy được gọi là "đã tiến đến cái chết hợp hic." Tâu Đại vương, hoặc là giống như khối lửa to lớn khổng lồ có cỏ, củi, cành, lá đã được đem lại, rồi có đám mưa to lớn khổng lồ đổ xu6ng làm tắt ngấm khối lửa ấy mặc dầu cỏ, củi, cành, lá còn chưa được tiêu thụ hết. Tâu Đại vương, phải chăng khối lửa to lớn khổng lồ ấy gọi là đã được tắt ngấm hợp lúc? Thưa Ngài, không đúng. Tâu Đại vương, vậy thì tại sao khối lửa thứ hai ấy đã không có hành trình giống hệt với khối lửa thứ nhất? Thưa Ngài, bị quấy nhiễu bởi cơn mưa đột ngột, khối lửa ấy đã được tắt ngấm không hợp lúc. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó chết không đúng thời, người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió, bởi nguồn sanh khởi là mật? bởi nguồn sanh khởi là đàm, do sự hội tụ [của các

dịch chất trong cơ thể], do sự chuyển biến của mùa tiết, do sự bảo dưỡng không đều đặn, do sự đột ngột, hoặc bị quấy nhiễu bởi sự thèm ăn, bởi sự thèm uống, do việc bị rắn cắn, do việc bị ăn vào chất độc, do lửa, do nước, hoặc bởi gươm dao, roi chét không đúng thời. Tâu Đại vương, ở đây điêu này là lý do mà với lý do ấy có sự chết không đúng thời. 5. Tâu Đại vương, hoặc là giông như đám mây mưa to lớn không lô sau khi hiện ra ở bầu trời rồi đổ mưa làm tràn đầy vùng trũng và đất liền, nó được gọi là "đám mây đổ mưa không có rủi ro, không có bất hạnh.,, Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó sống lâu trở nên già lão, rồi chết do hết tuổi thọ, không có rủi ro, không có bất hạnh, người ấy được gọi là "đã tiến đến cái chét hợp C." *

Tâu Đại vương, hoặc là giống như đám mây mưa to lớn khổng lồ sau khi hiện ra ở bầu trời rồi đi đến sự triệt tiêu vì cơn gió lớn ở ngay bên trong. Tâu Đại vương, phải chăng đám mây đó gọi là đã tiêu tan hợp lúc? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, vậy thì tại sao đám mây thứ hai ấy đã không có hành trình giống hệt vơi đám may thứ nhát? Thưa Ngài, bi quây nhiêu bởi cơn gió đột ngột, đám mây ây chính vì đã được thành lập không hợp lúc, nên đã tiêu tan. 6. - Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó chết không đúng thời, người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió,... (nt)... hoặc bị quấy nhiễu bởi gươm đao, rồi chết không đúng thời. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy có sự chết không đúng thời. Tâu Đại vương, hoặc la giông như con răn đọc co sức mạnh, bi noi giận roi cắn người nam nào đó9 chất độc ấy có thể gây ra cái chết cho người ấy, không có rủi ro, không có bất hạnh. Chất độc ấy được gọi là "đã đạt đến điểm tận cùng, không có rủi ro, không có

bất hạnh.,, Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó sống lâu trở nên già lão, rồi chết do hết tuổi thọ, không có rủi ro, không có bất hạnh, người ấy được gọi là "đã đạt đến điểm tận cùng, đã tiến đến cái chết hợp lúc, không có rủi ro, không có bất hạnh?9 Tâu Đại vương, hoặc là giông như người thây bát răn, đôi với người bị con rắn độc có sức mạnh cắn, sau khi cho thuốc giải vào tận bên trong thì có thể làm cho hết độc. Tâu Đại vương, phải chăng chất độc ấy gọi là được tiêu tan hợp lúc? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, vậy thì tại sao chất độc thứ hai ấy đã không có hành trình giống hệt vơi chất đọc thứ nhất? Thưa Ngài, bị quấy nhiễu bởi thuốc giải đột ngột, chất độc, còn chưa đạt đến điểm tận cùng, đã bị tiêu tan. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó chết không đúng thời,

người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió,... (nt).. hoặc bị quấy nhiễu bởi gươm đao, rồi chết không đúng thời. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy có sự chết không đúng thời. 7. Tâu Đại vương, hoác là giông như người cung thủ băn ra mũi tên, nêu mũi tên ấy đi đến diêm cuối của cuộc hành trình theo đúng lộ trình, mũi tên ấy được gọi là "đã đi đến điểm cuối của cuộc hành trình theo đúng lộ trình, không có rủi ro, không có bất hạnh." Tâu Đại vương, tương tợ y như the, người nào đo sống lâu trở nên già lão, rồi chết do hết tuổi thọ, không có rủi ro, không có bất hạnh, người ấy được gọi là "đã đạt đến điểm tận cùng, đã tiến đên cái chết hợp lúc, không có rủi ro, không có bát hạnh." Tâu Đại vương, hoặc là giống như người cung thủ bắn ra mũi tên, ngay vào giấy phút ấy người nào đó chộp lấy mũi tên ấy của người ây. Tâu Đại vương, phải chăng mũi tên ấy gọi là đã đi đến điểm cuổi của cuộc hành trình theo đúng lộ trình? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, vậy thì tại sao mũi tên thứ hai ấy đã không có hành trình giống hệt vơi mũi ten thư nhất? Thưa Ngài, việc di chuyển của mũi tên ấy đã bị gián đoạn vì sự chộp lấy đột ngột. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, người nào đó chét không đúng thời, người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gi6,...(nt)... hoặc bị quấy nhiễu bởi gươm đao, roi chết không đúng thời. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ây có sự chết không đúng thời. 8. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nào đó gõ vào cái chậu bằng đong, do việc gõ cua người ây am thanh phát ra va truyên đi đen diêm CUO1 của cuộc hành trình theo đúng lộ trình. Am thanh ấy được gọi là "đã đi đến điểm cuối của cuộc hành trình theo đúng lộ trình, không có rủi ro, không có bất hạnh.” Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó sau khi sông nhiều ngàn ngày trở nên già lão, rồi chết do hết tuôi thọ, không có rủi ro, không có bất hạnh, người ấy được gọi là "đã đạt đến điểm tận cùng, đã tiến đến cái chết hợp lúc, không có rủi ro, không có bất hạnh." Tâu Đại vương, hoặc là giông như người nào đó gõ vào cái chậu băng đông, do việc gõ của người ấy âm thanh phát ra. Khi âm thanh đã được phát ra và truyền đi xa, người nào đó chạm vào, với việc chạm vào âm thanh bi ngưng lại. Tâu Đại vương, phải chăng âm thanh ây gọi là đã đi đên diêm cuôi của cuộc hành trình theo đung lộ trình? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, vậy thì tai sao âm thanh thứ hai ây đã không có hành trình giống hệt vơi âm thanh thứ nhát? Thưa Ngài, việc di chuyển của âm thanh ấy đã bị ngưng lại vì sự chạm vào đột ngột.

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó chết không đúng thời, người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió,... (nt)... hoặc bi quấy nhiễu bởi gươm đao, rồi chết không đúng thời. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy có sự chết không đúng thời. 9. Tâu Đại vương, hoặc là giống như hạt lúa giống đã được mọc lên tốt đẹp ở thửa ruộng, nhờ vào cơn mưa đang được vận hành đúng đắn mà được cắm sâu, tỏa rộng, chen chúc, có nhiều kết quả và đạt đến lúc phát triển mùa mànệ. Hạt lúa ây được gọi là "da thành tựu mùa vụ, không có rủi ro, không có bát hạnh." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó sau khi sống nhiều nẹàn ngày trở nên già lão, rồi chét do hết tuôi thọ, không có rủi ro, không có bát hạnh, nệười ấy được gọi là uđã tiến đến cái chết hợp lúc, không có rủi ro, không co bát hạnh.59 Tâu Đại vương, hoặc là giống như hạt giống lúa đã được mọc lên tốt đẹp ở thửa ruộng, bị thiêu nước, có thê chét. Tâu Đại vương, phải chăng hạt lúa ấy gọi là đã thành tựu mùa vụ? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, vậy thì tại sao hạt lúa thứ hai ấy đã không có hành trình giống hệt với hạt lúa thư nhất? Thưa Ngài, bi quấy nhiễu bởi sức nóng đột ngột nên hạt lúa ấy đã bị chết. 10. - Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó chết không đúng thời, người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió,... (nt)... hoặc bị quấy nhiễu bởi gươm đao, rồi chết không đúng thời. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy có sự chết không đúng thời. Tâu Đại vương, có phải Ngài đã được nghe trước đây là khi mùa màng còn non được đạt đến thì các con sâu xuất hiện và tàn phá bộ rễ? Thưa Ngài, điêu ây không những trâm đã được nghe trước đây mà còn được nhìn thấy trước đây nữa. -Tâu Đại vương, vậy thì mùa màng ấy bi hư hại đúng thời, hay là bị hư hại không đúng thời? Thưa Ngài, không đúng thời. Thưa Ngài, nêu các con sâu không gặm nhấm mùa màng ấy thì có thể đạt đến lúc thâu hoạch mùa màng. -Tâu Đại vương, vậy thì có phải do bị phá hoại đột ngột mà mùa màng bị hư hại, còn mùa màng không bi hư hại thì đạt đến lúc thâu hoạch mùa màng? Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó chết không đúng thời, người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió,... (nt)... hoặc bị quấy nhiễu bởi gươm đao, rồi chết không đúng thời. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy có sự chết không đúng thời. 11. Tâu Đại vương, có phải Ngài đã được nghe trước đây là khi mùa màng được đạt đến, được trĩu cong bởi gánh nặng của những hạt, đạt được sự phát

7 e r triên trọn vẹn, thì có trận mưa sanh lên gọi là mưa đá rơi xuống và phá hoại, làm cho không có kết quả? -Thưa Ngài, điều ấy không những trẫm đã được nghe trước đây mà còn được nhìn thấy trước đây nữa. -Tâu Đại vương, vậy thì mùa màng ấy bị hư hại đúng thời, hay là bị hư hại không đúng thời? Thưa Ngài, không đúng thời. Thưa Ngài, nếu trận mưa đá không đổ mưa xuồng mùa màng ây, thì có thê đạt đên lúc thâu hoạch mùa màng. -Tâu Đại vương, vậy thì có phải do bi phá hoại đột ngột mà mùa màng bị hư hại, còn mùa màng không bị hư hại thì đạt đến lúc thâu hoạch mùa màng? -Thưa Ngài, đúng vậy. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó chết không đúng thời,

người ấy bi quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió, bởi nguồn sanh khởi là mật, bởi nguồn sanh khởi là đàm, do sự hội tụ [của các dịch chất trong cơ the], do sự chuyển biến của mùa tiết, do sự bảo dưỡng không đều đặn, do sự đột ngột, hoặc bị quấy nhiễu bởi sự thèm ăn, bởi sự thèm uống, do việc bị răn căn, do việc bị ăn vào chát độc, do lửa, do nước, hoặc bởi gươm đao, roi chết không đúnệ thời. Tuy nhiên, nếu không bi quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột thì có thể đạt đen cái chét đúng thời. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ây có sự chét không đúng thời. 12. - Thưa Ngài Nâgasena, thật là kỳ diệu! Thưa Ngài Nâgasena, thật là phi thường! Lý do đã được chỉ rõ? ví dụ đã được chỉ rõ nhằm làm sáng tỏ về việc chết không đúng thời, vấn đề "có sự chết không đúng thòi" đã được làm rõ, đã được làm rõ ràng, đã được làm hiên hiện. Thưa Ngài Nâgasena, cho dầu chỉ cần với một ví dụ thôi, thậm chí người có tâm lơ đễnh cũng có thể đi đến kết luận là "c6 sự chết không đúng thờr\ vậy thì còn có điều gì nữa với người có tâm tư? Thưa Ngài, chỉ với ví dụ đầu tiên thì trẫm đã hiểu được là: "C6 sự chết khôĩiệ đúng thòd." Tuy nhiên, là người có ước muốn được nghe sự giải quyết theo tuẫn tự nên trẫm đã không chấp nhận. 6'Câii hỏi về việc chết không đúng thời" là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VÈ ĐIỀU KỲ DIỆU ở BẢO THÁP (Cetiyapātihāriyapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, có điều kỳ diệu ờ bảo tháp của tất cả các vi đã viên tịch Niết-bàn, hay là của chỉ một số vi? -Tâu Đại vương, có [điêu kỳ diệu ở bảo tháp] của một sô vị, không có của một số vị. -Thưa Ngài, có [điều kỳ diệu ở bảo tháp] của những vi nào? Không có của những vi nào? -Tâu Đại vương, do sự chú nguyện của một hạng nào đó trong ba hạng mà có điêu kỳ diệu ở bảo tháp của vị đã viên tịch Niêt-bàn. Của ba hạng nào?

Tâu Đại vương, ở đây vị A-la-hán vì lòng thương tưởng đến chư thiên và loài người, ngay trong khi đang còn tôn tại chú nguyện răng: "Hãy có thần thông ở bảo tháp tên như vy." Do năng lực chú nguyện của vi ấy nên có điều kỳ diệu ở bảo tháp. Như vậy, do năng lực chú nguyện của vị A-la-hán nên có điều kỳ diệu ở bảo tháp của vị đã viên tịch Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, vị thiên nhân vì lòng thương tưởng đến loài người nên phô bày điều kỳ diệu ở bảo tháp của vị đã viên tịch Niết-bàn [nghĩ rang]: “Do điều kỳ diệu này, Chánh pháp sẽ được duy trì lâu dài và loài người được tịnh tín, sẽ tăng trưởng về thiện pháp." Như vậy, do sự chú nguyện của chư thiên nên có điều kỳ diệu ở bảo tháp của vi đã viên tịch Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, người nữ hoặc là người nam, có đức tin, được tịnh tín, sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, đạt được tánh giác, sau khi suy nghĩ đúng đường lối, sau khi quyết định rồi đem vật thơm, hoặc tràng hoa, hoặc vải vóc, hoặc bát cứ vật gì đê ở ngôi bảo tháp [nguyện răng]: "Hãy là có tên như vầy.” Như vậy, do năng lực quyết định của loài người nên có điều kỳ diệu ở bảo tháp của vị đã viên tịch Niết-bàn. Tâu Đại vương, do năng lực chú nguyện của một hạng nào đó trong ba hạng mà có điều kỳ diệu ở bảo tháp của VỊ đa viên tịch Niết-ban. Tâu Đại vương, nếu không có sự chú nguyện của ba hạng ấy thì không có điều kỳ diệu ở bảo tháp dầu là của bậc Lậu Tận, có sáu thắng trí, đã đạt đến năng lực của tâm. Tâu Đại vương, thậm chí khi không có điều kỵ diệu, thì

nên nhìn xem nét hạnh vô cùng trong sạch, nên tin cậy, nên đi đên két luận, nên tin tưởng rang: "Người con trai này của đức Phật đã khéo viên tịch Niết-bàn/5 Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trầm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. uCâu hỏi về điều kỳ diệu ờ bảo tháp" là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VÈ Sự LÃNH HÔI GIÁO PHÁP (Dhammābhisamayapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, đối với những vi thực hành đúng đắn thì có sự lãnh hội giáo pháp cho toàn bộ tất cả, hay là chỉ có đối với vi nào đó? -Tâu Đại vương, có đối với vị nào đó, không có đối với vị nào đó. Thưa Ngài, có đối với vị nào? Không có đối với vị nào? -Tâu Đại vương, đối với thú vật cho dầu đã thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo pháp, đối với kẻ đã tái sanh vào cảnh giới nga quỷ, đối với kẻ có tà kiến, đối với kẻ xảo trá, đối với kẻ giết mẹ, đối với kẻ giết cha, đối với kẻ giết A-la-hán, đối với kẻ chia rẽ hội chúng, đối với kẻ làm chảy máu [đức Phật], đối với kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu]? đối với kẻ đã đi theo ngoại dạo, đối với kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni, đối với kẻ chưa được thoát tội sau khi đã vi phạm tội nào đó trong mười ba tội nặng, đoi với kẻ vô căn, đoi với kẻ lưỡng căn, cho dầu đã thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo pháp. Ngay cả con người là đứa bé trai chưa đủ bảy tuổi, đối với vị ấy cho dầu đã thực hành

r 9 e jF

tót đẹp cũng khônạ có sự lãnh hội giáo pháp. Tâu Đại vương, đôi với mười sáu cá nhân này cho dầu đã thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo pháp. 2. Thưa Ngài Nãgasena, sự lãnh hội giáo pháp có thể là có hay là không có đối với mười lăm hạng người đã bi ngăn cản thật sự, còn vì lý do gì đối với con người là đứa bé trai chưa đủ bảy tuổi cho dầu đã thực hành tốt đẹp, cũng không có được sự lãnh hội giáo pháp? cần có câu hỏi cho trường hợp này. Đương nhiên đứa bé trai không có luyến ái, không có sân, không có si, không có ngã mạn, không có tà kiến, không có bất bình, không có dục tầm, không bi trộn lẫn với những ô nhiễm, thì đứa bé trai ấy đã gắn bó, đã đạt đến, và xứng đáng để thấu triệt với sự thấu triệt trọn vẹn về bốn chân lý? Tâu Đại vương, ở đây chính điều ấy là lý do, mà với lý do ấy tôi nói rằng: uĐối với người chưa đủ bảy tuổi, cho dầu đã thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo ph&p." Tâu Đại vương, nếu người chưa đủ bảy tuổi có thể bị luyến ái ở vật gây luyến ái, sân ở vật gây sân, si ở vật gây si, đam mê ở vật làm đam mê, nhận thức được tà kiến, nhận thức sự thích thú và không thích thú, suy tầm về thiện và bất thiện, thì có thể có sự lãnh hội giáo pháp đối với người ấy. Tâu Đại vương, thêm nữa tâm của người chưa đủ bảy tuổi là không mạnh m yếu đuối, nhỏ nhoi, ít ỏi, chút xíu, lờ đờ, chưa được phát triển; còn cảnh giới Vô vi Niết-bàn là quan trọng, nghiêm trọng, rộng lớn, vĩ đại. Tâu Đại vương, người chưa đủ bảy tuổi với tâm yếu đuối, nhỏ nhoi, lờ đờ? chưa được phát triên ây không thê thâu triệt cảnh giới Vô vi Niêt-bàn quan trọng, nghiêm trọng, rộng lớn, vĩ đại được. Tâu Đại vương, giống như núi chúa Sineru là quan trọng, nghiêm trọng, rộng lớn, vĩ đại, tâu Đại vương, phải chăng người nam với sức mạnh, sức lực, và sự tinh tấn bình thường của bản thân có thể nhấc lên núi chúa Sineru ấy? Thưa Ngài, không được. 3. Tâu Đại vương, vì lý do gì? Thưa Ngài, vì sức lực yếu kém của người nam, vì

tính chất vĩ đại của núi chúa Sineru. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tâm của người chưa đủ bảy tuổi là không mạnh mẽ? yếu đuối, nhỏ nhoi, ít ỏi, chút xíu? lờ đờ, chưa được phát triển; còn cảnh giới Vô vi Niết-bàn là quan trọng, nghiêm trọng, rộng lớn, vĩ đại. Người chưa đủ bảy tuổi với tâm yếu đuối, nhỏ nhoi, lờ đờ, chưa được phát triển ấy không thể thấu triệt cảnh giới Vô vi Niết-bàn quan trọng, nghiêm trọng, rộng lớn, vĩ đại được. Vì lý do ấy, đối với người chưa đủ bảy tuổi cho dầu đã thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo pháp. Tâu Đại vương, hoặc là giống như đại địa cầu này là dài, được trải dài, rộng, được trải rộng, thênh thang, được mở ra, bao la, vĩ đại. Tâu Đại vương, phải chăng có thể tẩm ướt và làm đại địa cầu ấy trở thành đầm nước lầy bằng giọt nước nhỏ nhoi?

MILINDAVẤNĐẠO^ 1053

Thưa Ngài, không được. 4. - Tâu Đại vương, vì lý do gì? Thưa Ngài, vì tính chất nhỏ nhoi của giọt nước, vì tính chất vĩ đại của đại địa cầu. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tâm của người chưa đủ bảy tuổi là không mạnh mẽ, yếu đuối, nhỏ nhoi, ít ỏi, chút xíu, lờ đờ5 chưa được phát triển; còn cảnh giới Vô vi Niết-bàn là dài, được trải dài, rộn^, được trải rộng, thênh thang, được mở ra5 bao la, vĩ đại. Người chưa đủ bảy tuổi với tâm yếu đuối, nhỏ nhoi, lờ đờ, chưa được phát triển ấy không thể thấu triệt cảrứi giới Vô vi Niết- bàn vĩ đại được. Vì lý do ấy, đối với người chưa đủ bảy tuổi cho dầu đã thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo pháp. Tâu Đại vương, hoặc là giống như ngọn lửa không mạnh mẽ, yếu đuối, nhỏ nhoi, ít ỏi5 chút xíu, lờ đờ. Tâu Đại vương, phải chăng có thể xua tan bóng tối và phô bày ánh sáng ở thế gian có cả chư thiên bằng ngọn lửa lờ đờ? Thưa Ngài, không được. -Tâu Đại vương, vì lý do gì? Thưa Ngài, vì tính chất lờ đờ của ngọn lửa và tính chất vĩ đại của thế gian.

5. - Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, tâm của người chưa đủ bảy tuôi là không mạnh mẽ? yếu đuối, nhỏ nhoi, ít ỏi, chút xíu, lờ đờ? chưa được phát triển, và bị che lại bởi bóng tối vo minh vĩ đại. Do đó5 là điều khó làm để phô bày ánh sáng trí tuệ. Vì lý do ấy, đối với người chưa đủ bảy tuổi cho dầu đã thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo pháp. Tâu Đại vương, hoặc là giống như con sâu gạo bệnh hoạn, ốm o, nhỏ tí xíu, có cơ thể bi giới hạn, sau khi nhìn thấy con long tượng bị tiết dục ở ba nơi, có bề dài chín, bề rộng ba, chu vi mười, cao tám ratana đi đến gần chỗ đứng thì kéo lại đê nuốt vào. Tâu Đại vương, phải chăng con sâu gạo áy có thê nuôt vào con long tượng ấy? Thưa Ngài, không được. -Tâu Đại vương, vì lý do gì? Thưa Ngài, vì tính chất nhỏ nhoi của cơ thể con sâu gạo, vì tính chất vĩ đại của con long tượng. -Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tâm của người chưa đủ bảy tuổi là không mạnh mẽ, yếu đuối, nhỏ nhoi, ít ỏi, chút xíu, lờ đờ, chưa được phát triển, và cảnh giới Vô vi Niết-bàn là vĩ đại. Người ấy với tâm yếu đuối, nhỏ nhoi, lờ đờ, chưa được phát triển ấy không thể thấu triệt cảnh giới Vô vi Niết-bàn vĩ đại được. Vì lý do ấy, đối với người chưa đủ bảy tuổi, cho dầu đã thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo pháp. Thưa Ngài Nãgasena, tót lăm! Trâm chập nhận điêu này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về sự lãnh hội giáo pháp95 là thứ tám.

1054 KINH TIỂU BÔ

9. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT KHÔNG BỊ XEN LẪN KHỔ CỦA NIẾT-BÀN (Nibbānassa adukkhamissabhāvapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, có phải Niết-bàn là thuần lạc, hay bi xen lẫn khổ? Tâu Đại vương, Niết-bàn là thuần lạc, không bị xen lẫn khổ. Thưa Ngài, chúng tôi không tin lời nói ấy: "Niết-bàn là thuần lạc." Thua Ngài Nâgasena, trong trường hợp này chúng tôi đối lâp lại như vầy: "Niết-bàn bị xen lẫn khổ.,? Và chúng tôi chấp nhận lý do ở đây rằng: "Niết-bàn bi xen lẫn khổ/9 Lý do ở đây là điều nào? Thưa Ngài Nâgasena? đối với những người tầm cầu Niết-bàn thì sự khổ hạnh, sự hành xác của thân và của tâm được nhìn thấy, sự thận trọng trong việc đứng đi n^ồi nằm và thức ăn5 sự chống chọi lại cơn buồn ngủ, sự chế ngự đối với các đoi tượng của giác quan, sự dứt bỏ tài sản, lúa gạo, thân quyến và bạn bè yêu quý. Những người nào ở thế gian được lạc thú, được cung phụng lạc thú, những người ấy, thậm chí tất cả, làm cho các giác quan được thích thú, được quen thuộc với năm loại dục; làm cho mắt được thích thú, được quen thuộc với sắc có biểu hiện tốt đẹp, nhiều loại, làm hài lòng, làm thích ý; làm cho tai được thích thú, được quen thuộc với thinh có biểu hiện tốt đẹp, nhiều loại, của tiếng ca tiếng đàn, làm hài lòng, làm thích ý; làm cho mũi được thích thú, được quen thuộc với hương có biểu hiện tốt đẹp, nhiều loại, của bông hoa, trái cây, lá cây, vỏ cây, rễ cây, lõi cây, làm hài lòng, làm thích y; làm cho lưỡi được thích thú, được quen thuộc với vị có biểu hiện tốt đẹp, nhiều loại, của vật nhai, vật ăn, vật nhấm nháp, vật uống, vật nếm, làm hài lòng, làm thích ý; làm cho thân được thích thú, được quen thuộc với xúc có biểu hiện tốt đẹp, nhiều loại, trơn tru, min màng, mềm mại, êm dịu, làm hài lòng, làm thích ý; làm cho ý được thích thú, được quen thuộc với các suy nghĩ và chú tâm, nhiều loại, thiện và ác, đẹp và xấu, làm hài lòng, làm thích ý. Còn Ngài thì tiêu diệt, phá hoại, chặt đứt, bẻ gãy, ngăn chặn, ngùng lại việc làm cho quen thuộc ấy của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Vì the, thân cũng bị bực bội? tâm cũng bi bực bội, khi thân bị bực bội thì cảm nhận thọ khổ thuộc thân, khi tâm bị bực bội thì cảm nhận thọ khổ thuộc tâm. Chẳng phải du sĩ ngoại đạo Mâgandiya trong lúc chê trách đức Thế Tôn cũng đã nói như vầy: "Sa-môn Gotama có sự hành hạ chúng sinh." ở đây, điều này là lý do mà với lý do ấy trẫm nói rằng: uNiết-bàn bị xen lẫn khổ/9 2. Tâu Đại vương, Niết-bàn hẳn nhiên không bi xen lẫn khổ. Niết-bàn là thuần lạc. Tâu Đại vương, còn điều mà Ngài đã nói rằng: "Ni&t-bàn là kh6", khổ ấy không ^ọi là Niết-bàn. Tuy nhiên, điều đó là phần xảy ra trước của việc chứng ngộ Niêt-bàn, điều ấy là sự tìm kiếm Niết-bàn. Tâu Đại vương, Niết-bàn quả là thuần lạc, không bị xen lẫn khô. Tôi sẽ nói về lý do của trường hợp ấy. Tâu Đại vương, đôi với các vi vua, có phải có lạc của vương quyên? Thưa Ngài, đúng vậy. Có lạc của vương quyên.

MILINDAVÁNĐẠO^ 1055

-Tâu Đại vương, phải chăng lạc của vương quyền ấy bi xen lẫn khổ? Thưa Ngài, không đúng. Tâu Đại vương, vậy thì tại sao khi biên thùy dấy loạn, nhằm việc ngăn chặn những kẻ sống ở vùng biên thùy ấy, các vị vua ấy5 được tháp tùng bởi các quan đại than, tướng lãnh, nhân công, binh lính, ra đi viễn chinh, bị quấy nhiễu bởi ruồi muỗi gió nắng, chạy khắp ở mặt đất bằng phẳng và gồ ghề, rồi tiến hành trận chiến lớn, và có sự hoài nghi về mạng sống? -Thưa Ngài Nâgasena, điêu ây không gọi là lạc của vương quyên. Điêu đó là phần xảy ra trước của việc tầm cầu lạc của vương quyền.

Thưa Ngài Nâgasena, các vị vua, sau khi tầm cầu vương quyền một cách cực khổ thì hưởng thụ lạc của vương quyền. Thưa Ngài Nâgasena, lạc của vương quyền không bị xen lẫn khổ là như vậy; lạc của vương quyền ấy là cái khác, khổ là cái khác. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, Niêt-bàn là thuẫn lạc, không bị xen lẫn khổ. Tuy nhiên, những người nào tầm cầu Niết-bàn thì họ khiến cho thân và tâm khốn khổ, thận trọng về việc đứng đi ngồi nằm và thức ăn, chống chọi lại cơn buồn ngủ, che ngự đoi với các đoi tượng của giác quan, buông bỏ thân xác và mạng sống; sau khi tầm cầu Niết-bàn một cách cực khổ thì hưởng thụ Niết-bàn, thuần lạc. Nệay khi các kẻ đối nghịch bị tiêu diệt, các vị vua hưởng thụ lạc của vương quyên. Tâu Đại vương, Niêt-bàn là thuân lạc, không bị xen lẫn khổ, là như vậy; Niết-bàn là cái khác, khổ là cái khác. 3. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa: "Niết-bàn là thuần lạc, không bị xen lẫn khổ; Niết-bàn là cái khác, khổ là cái khac.^ Tâu Đại vương, có cái gọi là lạc của nghề nghiệp đối với các vi thầy về nghề nghiệp? Thưa Ngài, đúng vậy. Có cái gọi là lạc của nghề nghiệp đối với các vị thầy về nghề nghiệp. -Tâu Đại vương, phải chăng lạc của nghệ thuật ấy bị xen lẫn khổ? Thưa Ngài, không đúng. -Tâu Đại vương, vậy thì tại sao đối với các vị thầy thì những người [học trò] ây khiên cho thân khôn khô với việc đảnh lê, đứng dậy, mang nước lại, quét nhà, cung cấp gỗ chà răng, nước rửa mặt, với việc dọn dẹp rác rưởi, thoa bóp, tắm rửa, chăm sóc bàn chân, với việc hành xử thuận theo tâm của người khác sau khi buông tâm của mình, với việc ngủ một cách khổ cực, với thức ăn không đều đặn? Thưa Ngài Nâgasena, điều ấy không gọi là lạc của nghề nghiệp. Điều đó là phần xảy ra trước của việc tầm cầu nghề nghiệp. Thưa Ngài Nâgasena, các vị thầy, sau khi tầm cầu nghề nghiệp một cách cực khổ, thì hưởng thụ lạc của nghề nghiệp. Thưa Ngài Nãgasena, như vậy lạc của nghề nghiệp là cái khác, khổ là cái khác. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn là thuần lạc, không bi xen lẫn khổ. Tuy nhiên, những người nào tầm cầu Niết-bàn thì họ khiến cho thân và

mạng sống khốn khổ, thận trọng về việc đứng đi ngồi nằm và thức ăn, chống chọi lại cơn buồn ïiệủ, chế ngự đối với các đối tượng của giác quan, buông bỏ thân xác và mạng sông; sau khi tâm câu Niêt-bàn một cách cực khô thì hưởng thụ Niết-bàn, thuần lạc, tợ như các vị thầy hưởng thụ lạc của nghề nghiệp. Tâu Đại vương, Niết-bàn là thuần lạc, không bị xen lẫn khổ, là như vậy; Niết-bàn là cái khác, khổ là cái khác. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

uCâu hỏi về tính chất không bi xen lẫn khổ của Niếtbàn” ỉa thứ chín.

10. CÂU HỎI VÈ HÌNH THẺ VÀ VỊ TRÍ NIẾT-BÀN (Nibbanarūpasanthānapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là^ wNiết-bàn, Niết-bàn^, vây thỉ có thể bang ví dụ, hoặc bằng lý lẽ, hoặc bằng nguyên nhân, hoặc băng suy luận để chỉ ra hình thể, hay vi trí, hay tuổi thọ, hay kích thước của Niet-bañ ấy không? Tâu Đại vương, Niết-bàn là không có vật đối chiếu. Không thể bằng ví dụ, hoặc bằng lý lẽ5 hoặc bằng nguyên nhân, hoặc bằng suy luận để chỉ ra hình thể, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước của Niết-bàn. Thưa Ngài Nãgasena, trẫm không chấp nhận điều ấy, là việc không có được sự xác định băng ví dụ, hoặc băng lý lẽ, hoặc băng nguyên nhân, hoặc bằng suy luận ve

hình thể, hay vi trí, hay tuổi thọ, hay kích thước của Niết-bàn là pháp có thật. Vậy Ngài hãy giúp cho trẫm hiểu bằng lý lẽ. Tâu Đại vương, hãy là vậy. Tôi sẽ giúp cho Ngài hiểu bằng lý lẽ. Tâu Đại vương, có cái gọi là đại dương không? -Thưa Ngài, đúng vậy. Có cái đại dương ây. -Tâu Đại vương, nếu có ai đó hỏi Đại vương như vầy: "Tâu Đại vương, có bao nhiêu nước ở đại dương? Và các chúng sanh cư ngụ ở đại dương là bao nhiêu?,, Tâu Đại vương, được hỏi như vậy, Đại vương giải thích cho người ấy như thế nào? Thưa Ngài, nêu có ai đó hỏi trâm như vây: "Tâu Đại vương, có bao nhiêu nước ở đại dương? Và các chúng sanh cư ngụ ở đại dương là bao nhiêu?" Thưa Ngài, trẫm sẽ nói với người ấy như vầy: “Này ông, ông hỏi trẫm điều không nên hỏi, câu hỏi ấy là không nên hỏi bởi bất cứ người nào, câu hỏi ấy nên được bỏ qua, đại dương chưa được phân tích bởi các nhà tự nhiên học, khôn^ thể ước lượng nước ở đại dương, hoặc các chúng sanh đã đi đến cư ngụ ở nơi ấy.” Thưa Ngài, trẫm sẽ cho người ấy câu trả lời như vậy. 2. Tâu Đại vương, tại sao Ngài lại cho câu trả lời như vậy về đại dương là pháp có thật, sao không tính toán rồi thuật lại cho người ấy rang: "Nước ở đại dương là chừng này, và chúng sanh cư ngụ ở đại dương là chừng nay99? Thưa Ngài, không thể được. Câu hỏi này là không có thực tế.

-Tâu Đại vương, giông như đại dương đúng là pháp có thật còn không thê tính toán lượng nước hoặc các chúng sanh đã đi đến cư ngụ ở nơi ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với Niết-bàn đúng là pháp có thật, cũng khônệ the bằng ví dụ, hoặc bang lý lẽ, hoặc bang nguyên nhân, hoặc bang suy luận đe chỉ ra hình thể, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước. Tâu Đại vương, người có than thông đã đạt đen năng lực của ý, có the tính toán nước ở đại dương và chúng sanh có chỗ ở tại nơi ấy. Nhưng vị ấy có thần thông đã đạt đến năng lực của ý, vẫn không thể bằng ví dụ, hoặc bằng lý lẽ, hoặc bằng nguyên nhân, hoặc bằng suy luận để chỉ ra hình thể, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước của Niet-ban. 3 Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa: "Kh6ng thể bằng ví dụ, hoặc bằng lý lẽ? hoặc bằng nguyên nhân, hoặc bằng suy luận để chỉ ra hình thể, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước của Niết-bàn? đúng là pháp có thật." Tâu Đại vương, trong sô chư thiên có hạng gọi là chư thiên thuộc tập thể vô sắc không? Thưa Ngài, đúnệ vậy. Được nghe là: "Trong số chư thiên có hạng gọi là chư thiên thuọc tập the vồ sắc.” -Tâu Đại vương, phải chăng đối với chư thiên thuộc tập thể vô sắc ấy, có thể bằng ví dụ5 hoặc bang lý lẽ, hoặc bang nguyên nhân, hoặc bang suy luận để chỉ ra hình the, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước? Thưa Ngài, không được. Tâu Đại vương, như thế thì không có chư thiên thuộc tập thể vô sắc. - Thưa Ngài, có chư thiên thuộc tập thể vô sắc. Và đối với các vị ấy, khÔHỆ thể bằng ví dụ, hoặc bằng lý lẽ, hoặc bang nguyên nhân, hoặc bằng suy luận đe chỉ ra hình thể, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước. -Tâu Đại vương, giông như không thê băng ví dụ, hoặc băng lý lẽ, hoặc bằng nguyên nhân, hoặc bằng suy luận để chỉ ra hình thể, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước của chư thiên thuộc tập thể vô sắc, đúng là các chúng sanh có thật. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không thể bằng ví dụ, hoặc bằng lý lẽ, hoặc bằng nguyên nhân, hoặc bằng suy luận để chỉ ra hình thể, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước của Niết-bàn, đúng là pháp có thật. 4. - Thưa Ngài Nāgasena, Niết-bàn là thuần lạc. Và

không thể bằng ví dụ, hoặc bằng lý lẽ, hoặc bằng nguyên nhân, hoặc bằng suy luận để chỉ ra hình thể, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước của Niết-bàn. Thưa Ngài, vậy thì có đức tính nào đó của Niết-bàn được liên quan với các thứ khác có the làm ví dụ so sánh? Tâu Đại vương, về phương diện hình thể thì không có. Tuy nhiên, có thể có cái gì đó về phương diện đức tính để chỉ ra làm ví dụ so sánh. Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẫm tiếp nhận việc giải thích từng phần một về đức tính của Niết-bàn như thế nào thì băng cách mau chóng như thế ấy

Ngài hãy nói lên, hãy dập tắt sự nóng nảy ở trái tim của trẫm, hãy đưa nó đi bằng làn gió mát lạnh, ngọt ngào của lời nói. 5. - Tâu Đại vương, cây sen có một đức tính được liên quan đến Niết-bàn, nước có hai đức tính, thuốc giải độc có ba đức tính, đại dương có bốn đức tính, vật thực có năm đức tính, bầu trời có mười đức tính, ngọc báu ma-ni có ba đức tính, trầm hương đỏ có ba đức tính, nước trong của bơ lỏng có ba đức tính, đỉnh núi có năm đức tính được liên quan đen Niết-bàn. 6. - Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: "Loài sen có một đức tính được liên quan đến Niết-bàn,\ loài sen có một đức tính nào được liên quan đến

Tâu Đại vương, giống như loài sen kh6ng bi lấm lem bởi nước. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn không bị lam lem bởi tất cả các phiền não. Tâu Đại vương, loài sen có một đức tính này được liên quan đến Niêt-bàn. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: "Nước có hai đức tính được liên quan đến Niết-bàn", nước có hai đức tính nào được liên quan đến Niết-bàn? -Tâu Đại vương, giống như nước mát lạnh có sự làm tắt ngấm sự nóng nực. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn mát lạnh có sự làm tắt ngấm sự nóng nực của tất cả các phiền não. Tâu Đại vương, nước có đức tính thứ nhất này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, nước xua đi cơn khát của các loài người và thú bị nhọc mệt, bị run rẩy, bị khát, bị thiêu đốt bởi sự nóng bức. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn xua đi cơn khát về dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Tâu Đại vương, nước có đức tính thứ nhì này được liên quan đến Niết- bàn. Tâu Đại vương, nước có hai đức tính này được liên quan đen Niết-bàn. 7. - Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: "Thuốc giải độc có ba đức tính được liên quan đến Niết-bàn", thuốc giải độc có ba đức tính nào được liên quan đen Niết-bàn? -Tâu Đại vương, giống như thuốc giải độc là nơi nương tựa của các chúng sanh bị hành hạ bởi thuốc độc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn là nơi nương tựa của các chúng sanh bị hành hạ bởi thuốc độc phiền não. Tâu Đại vương, thuốc giải độc có đức tính thứ nhất này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, thuốc giải độc làm chấm dứt các căn bệnh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn làm chấm dứt tất cả các khổ đau. Tâu Đại vương, thuốc giải độc có đức tính thứ nhì này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, thuốc giải độc [đem lại] sự bất tử. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn [đem lại] sự bất tử. Tâu Đại vương, thuốc giải độc có đức tính thứ ba này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, thuốc giải độc có ba đức tính này được liên quan đến Niết-bàn. 8. Thưa Ngài Nãgasena, điêu mà Ngài nói là: "Bại dương có bôn đức tính

được liên quan đên Niêt-bàn”đại dương có bôn đức tính nào được liên quan đến Niet-ban? -Tâu Đại vương, giống như đại dương là trống không đối với tất cả các xác chết. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn là trống không đối với tất cả các xác chết phiền não. Tâu Đại vương, đại dương có đức tính thứ nhất này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đại dương là rộng lớn, không có bờ này bờ kia, không bi tràn đầy bởi tất cả các dòng sông. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn là rộng lớn, không có bờ này bờ kia, không bị tràn đầy bởi tất cả các chúng sanh. Tâu Đại vương, đại dương có đức tính thứ nhì này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đại dương là nơi cư trú của các sinh vật vĩ đại. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn là nơi cư trú của các bậc A-la-hán vĩ đại, là các sinh vật vĩ đại không bị ô nhiễm, có các lậu đã cạn kiệt, đã đạt được năng lực, có trạng thái làm chủ. Tâu Đại vương, đại dương có đức tính thứ ba này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đại dương được trổ hoa với các bông hoa là những làn sóng vô so ke, đa dạng, trải rộng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niêt-bàn được trô hoa với các bông hoa là sự thanh tịnh, minh và giải thoát vô số kể, đa dạnệ, trải rộng. Tâu Đại vương, đại dương có đức tính thứ tư này được liên quan đen Niết-bàn. Tâu Đại vương, đại dương có bốn đức tính này được liên quan đến Niết-bàn. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: 4CVật thực có năm đức tính được liên quan đến Niết-bàn”, vật thực có năm đức tính nào được liên quan đến Niểt-bàn? -Tâu Đại vương, giông như vật thực duy trì sự sông của tát cả chúng sanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niêt-bàn đã được chứng ngộ thì duy trì sự sống nhờ vào việc tiêu diệt sự già và sự chết. Tâu Đại vương, vật thực có đức tính thứ nhất này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, vật thực làm tăng trưởng sức mạnh của tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn đã được chứng ngộ làm tăng trưởng sức mạnh về thần thông của tất cả chúnệ sanh. Tâu Đại vương, vật thực có đức tính thứ nhì này được liên quan đên Niêt-bàn. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, vật thực làm sanh ra săc đẹp của tát cả chúng sanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn đã được chứng ngộ làm sanh ra sắc đẹp về đức hạnh của tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, vật thực có đức tính thứ ba này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, vật thực làm lăng dịu sự buôn bực của tát cả chúng sanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn đã được chứng ngộ làm lăng diu sự buồn bực về mọi phiền não của tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, vật thực có đức tính thứ tư này được liên quan đến Niết-bàn.

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, vật thực xua đi cơn đói và sự yếu đuối của tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn đã được chứng ngộ xua đi cơn đói và sự yếu đuối ve mọi sự kho đau của tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, vật thực có đức tính thứ năm này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, vật thực có năm đức tính này được liên quan đến Niết-bàn. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: “Hu không có mười đức tính được liên quan đến Niết-bàn,\ hư không có mười đức tính

nào được liên quan đến Niết-ban? Tâu Đại vương, giống như hư không là khônẹ bị sanh, không bị già, không bị chết, không lìa đời, không sanh lên, khó che ngự, không bị trộm lấy đi, không bị lệ thuộc, là chốn di chuyên của loài chim, khônệ bị chướng ngại, không có nơi tận cùng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, Niêt-bàn là không bi sanh, không bi gi không bị chét, không lìa đời, không sanh lên, khó chế ngu, không bị trộm lay đi, không bị lệ thuộc, là chốn di chuyển của các bậc Thánh, không bị chướng ngại, không có nơi tận cùng. Tâu Đại vương, hư không có mười đức tính này được liên quan đên Niêt-bàn. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: "Ngọc báu ma-ni có ba đức tính được liên quan đến Niết-bàn,5, ngọc báu ma-ni có ba đức tính nào được liên quan đến Niết-bàn? -Tâu Đại vương, giống như ngọc báu ma-ni ban cho điều ước muốn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn ban cho điều ước muốn. Tâu Đại vương, ngọc báu ma-ni có đức tính thứ nhất này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, ngọc báu ma-ni làm cho tươi cười. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn làm cho tươi cười. Tâu Đại vương, ngọc báu ma-ni có đức tính thứ nhì này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, ngọc báu ma-ni có lợi ích về ánh sáng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn có lợi ích về ánh sáng. Tâu Đại vương, ngọc báu ma-ni có đức tính thứ ba này được liên quan đến Niết- bàn. Tâu Đại vương, ngọc báu ma-ni có ba đức tính này được liên quan đến Niết-bàn. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: "Trầm hương đỏ có ba đức tính được liên quan đên Niêt-bàn^\ trâm hương đỏ có ba đức tính nào được liên quan đến Niết-bàn? Tâu Đại vương, ệiống như trầm hương đỏ là khó đạt được. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niet-bàn là khó đạt được. Tâu Đại vương, trầm hương đỏ có đức tính thứ nhát này được liên quan đên Niêt-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, trầm hương đỏ có mùi hương tuyệt vời không thể sánh bằng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn có mùi hương tuyệt vời không thê sánh băng. Tâu Đại vương, trâm hương đỏ có đức tính thứ nhì này được liên quan đến Niết-bàn.

Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, trâm hương đỏ được những người tốt ca tụng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn được các bậc Thánh nhân ca tụng. Tâu Đại vương, tràm hương đỏ có đức tính thứ ba này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, trầm hương đỏ có ba đức tính này được liên quan đến Niết-bàn. Thưa Ngài Nãgasena, điêu mà Ngài nói là: "Nước trong của bơ lỏng có ba đức tính được liên quan đến Niết-bàrT, nước trong của bơ lỏng có ba đức tính nào được liên quan đến Niết-bàn? -Tâu Đại vương, giống như nước tronẹ của bơ lỏng được thành tựu màu sắc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn được thành tựu màu sắc của đức hạnh. Tâu Đại vương, nước trong của bơ lỏng có đức tính thứ nhất này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, nước trong của bơ lỏng được thành tựu hương thơm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn được thành tựu hương thơm của giới. Tâu Đại vương, nước trong của bơ lỏng có đức tính thứ nhì này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, nước trong của bơ lỏng được thành tựu phẩm vị. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn được thành tựu phẩm vị [giải thoát]. Tâu Đại vương, nước trong của bơ lỏng có đức tính thứ ba này được liên quan

đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, nước trong của bơ lỏng có ba đức tính này được liên quan đến Niết-bàn. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: “Dinh núi có năm đức tính được liên quan đến Niet-ban^, đỉnh núi có năm đức tính nào được liên quan đến Niết-bàn? -Tâu Đại vương, giông như đỉnh núi là cao ngát. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn là cao ngất. Tâu Đại vương, đỉnh núi có đức tính thứ nhất này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đỉnh núi là không dao động. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn không dao động. Tâu Đại vương, đỉnh núi có đức tính thứ nhì này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đỉnh núi là khó trèo lên. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, Niêt-bàn là khó trèo lên đôi với tát cả các phiên não. Tâu Đại vương, đỉnh núi có đức tính thứ ba này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đỉnh núi đối với tất cả các hạt ệiống là không nẩy mầm được. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn đoi với tất cả các phiền não là không nẩy mầm được. Tâu Đại vương, đỉnh núi có đức tính thứ tư này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đỉnh núi được thoát ra khỏi sự nuông chiều hay ghét bỏ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn được thoát ra khỏi sự nuông chiều hay ghét bỏ. Tâu Đại vương, đỉnh núi có đức tính thứ năm

này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, đỉnh núi có năm đức tính thứ này được liên quan đến Niết-bàn. Thưa Ngài Nāgasena, tót lăm! Trâm chập nhận điêu này đúng theo như vậy. “Câu hỏi về hình thể và vị trí của Niết-bàn^ là thứ mười.

11. CÂU HỎI VỀ Sự CHỨNG NGỘ NIÉT-BÀN (Nibbānasacchikaranapañho) 1. Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: uNiết-bàn không là quá khứ, không là hiện tại, không là vi lai, không phải là được sanh lên, không phải là không được sanh lên, không phải là sẽ được làm cho sanh lên." Thưa Ngài Nâgasena, ờ đây người nào đó thực hành đúng đắn và chứng ngộ Niết-bàn thì người ấy chứng ngộ cái [Niết-bàn] đã được sanh lên, hay là làm cho [Niết-bàn] sanh lên rồi chứng ngộ? -Tâu Đại vương, người nào đó thực hành đúng đắn thì chứng ngộ Niết- bàn9 người ấy chứng ngộ không phải cái [Niết-bàn] đã được sanh lên, không phải là làm cho [Niêt-bàn] sanh lên roi chứng ngộ. Tâu Đại vương, tuy nhiên có cảnh giới Niết-bàn ấy, người ấy thực hành đúng đắn và chứng ngộ cái ấy. Thưa Ngài Nâgasena, xin Ngài chớ làm cho câu hỏi này bị che đậy lại rồi mới giải thích. Xin Ngài hãy làm cho nó được mở ra, được rõ ràng, rồi giải thích. Với ước muốn đã được sanh khởi, với sự nỗ lực đã được sanh khởi, điều nào Ngài đã học, xin Ngài hãy tuôn ra tất cả các điều ấy cho chính trường hợp này. ở đây, đám người này là mê muội, bị sanh khởi nỗi phân vân, bi khởi lên sự nghi ngờ. Xin Ngài hãy phá vỡ mũi tên có sự độc hại ở bên trong ấy. 2. - Tâu Đại vương, có cảnh giới Niết-bàn ấy? tịch tịnh, an lạc, hảo hạng. Nguồi thực hành đúng đắn, trong khi quán sát ve các hành theo lời dạy của đang Chiến Thắng, nhờ vào tuệ mà chứng ngộ Niết-bàn. Tâu Đại vương, giống như người đệ tử, theo lời dạy của vị thây, nhờ vào tuệ mà chứng ngộ được kiên thức. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người thực hành đúng đắn theo lời dạy của đấng Chiến Thắng, nhờ vào tuệ mà chứng ngộ Niết-bàn. -Vậy thì Niết-bàn sẽ được nhìn thấy

như thế nào? Sẽ được nhìn thấy là không có rủi ro, không có bất hạnh, không có sợ hãi, là an toàn, tịch tinh, an lạc, thoải mái, hảo hạng, trong sạch, mát lạnh. Tâu Đại vương, giống như người đàn ông, trong khi bi đốt nóng bởi ngọn lửa với nhiều đống củi đã được phát cháy sôi sục, sau khi thoát khỏi nơi ấy nhờ vào sự nỗ lực, và đi vào nơi không có ngọn lửa, rồi đạt được hạnh phúc tột độ ở nơi ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào thực hành đúnệ đắn, người ấy nhờ vào sự tác ý đúng đuờng lối chứng ngộ Niêt-bàn an lạc tôi thượng, nơi xa lìa sức nóng của ngọn lửa gôm ba loại. Tâu Đại vương, ngọn lửa là như thê nào thì ngọn lửa gồm ba loại nên được xem xét như vậy. Người đàn ông ở trong ngọn lửa là như thế nào thì người thực hành đúnệ đắn nên được xem xét như vậy. Nơi không có ngọn lừa là như thế nào thì Niết-bàn nên được xem xét như vậy.

MILINDAVẤNĐẠO^ 1063

3. Tâu Đại vương, hoặc là giống như nệười đàn ông đi đến nơi chất đống các xác chét của răn, chó, người và các phân thải bỏ của cơ thê, bị kẹt vào ở giữa các búi tóc bị rối lại của các xác chết, sau khi thoát khỏi nơi ấy nhờ vào sự nỗ lực, và đi vào nơi không có xác chết, rồi đạt được hạnh phúc tột độ ở nơi ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào thực hành đúng đắn, người ấy nhờ vào sự tác ỵ đúng đường lối chứng ngộ Niết-bàn an lạc tối thượng, nơi xa lìa xác chét phiên não. Tâu Đại vương, xác chết là như thế nào thì năm loại dục nên được xem xét như vậy. Người đàn ông đi đến nơi các xác chết là như the nào thì người thực hành đúng đan nên được xem xét như vậy. Nơi không có xác chết là như thế nào thì Niết-bàn nên được xem xét như vậy. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người đàn ông bi khiếp sợ, bị run sợ, bị rúng động, có tâm bi xáo trộn va bị tán loạn, sau khi thoát khỏi nơi ấy nhờ vào sự nỗ lực, và đi vào nơi chắc chan, vững chãi, không dao động, không có sự sợ hãi, rồi đạt được hạnh phúc tột độ ở nơi ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào thực hành đúng đắn, người ấy nhờ vào sự tác ý đúng đường lối chứng ngộ Niêt-bàn an lạc tôi thượng, nơi xa lìa sự sợ hãi và sự run sợ. Tâu Đại vương, sự sợ hãi là như the nào thì sự sợ hãi được vận hành một cách liên tục tùy thuận theo sanh, già, bệnh, chết nên được xem xét như vậy. Người đàn ông bị khiếp sợ là như thế nào thì người thực hành đúng đắn nên được xem xét như vậy. Nơi không có sự sợ hãi là như thế nào thì Niết-bàn nên được xem xét như vậy. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người đàn ông bi té ngã vào khu vực là vũng bùn, đàm lầy, bị ô nhiễm, dơ bẩn, sau khi ra khỏi vũng bùn, đầm lầy ấy nhờ vào sự nỗ lực, và đi đến khu vực hoàn toàn trong sạch, không nhơ bẩn, rồi đạt được hạnh phúc tột độ ở nơi ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào thực hành đúng đắn, người ây nhờ vào sự tác ý đúng đường lối chứng ngộ Niết-bàn an lạc tối thượng, nơi xa lìa vũng lầy phiền não ô nhiễm. Tâu Đại vương, vũng bùn là như thế nào thì lợi lộc, tôn vinh, danh tiếng nên được xem xét như vậy. Người đàn ông ở trong vũng bùn là như thế nào thì người thực hành đúng đan nên được xem xét như vậy. Khu vực hoàn toàn trong sạch, không nhơ bẩn là như thế nào thì Niết-bàn nên được xem xét như vậy. 4. Thưa Ngài, vậy thì người thực hành đúng đắn làm cách nào chứng ngộ Niết-bàn ấy? -Tâu Đại vương, người nào thực hành đúng đắn, người ấy quán sát về sự vận hành của các hành; trong khi quán sát về sự vận hành, nhìn thấy sự sanh, nhìn thấy sự già, nhìn

thấy sự bệnh, nhìn thấy sự chết ở nơi ấy, không nhìn thấy bát cư điêu gì an lạc, thoai mai ơ nơi áy, từ phan đau, tư phan giữa, từ phan CUO1. Người ấy không nhìn thấy bất cứ điều gì đáng được nắm bắt. Tâu Đại vương, giống như người đàn ông không nhìn thấy bất cứ chỗ nào đáng được nắm bắt ở cục sắt được đốt nóng trọn ngày, bị bốc cháy, sôi sục, nóng bỏng, từ phần đầu, từ phần giữa, từ phàn cuối. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào quán sát về sự vận hành của các hành, người áy trong khi quán

sát về Sự vận hành, nhìn thấy sự sanh, nhìn thấy sự già, nhìn thấy sự bệnh, nhìn thấy sự chết ở nơi ấy, không nhìn thấy bất cứ điều gì an lạc, thoải mái ở nơi ấy, từ phần đầu, từ phần giữa, từ phần cuối. Người ấy không nhìn thấy bất cứ điều gì đáng được nắm bắt. Đoi với người ấy, trong khi không nhìn thay điều gì đáng được nắm bắt, sự không thích thú được thành lập ở tâm của người ấy, sự nóng bức xuất hiện ở thân của người ấy. Người ấy, không có sự bảo vệ, không có sự nương nhờ, có trạng thái không có chỗ nương nhờ, nên nhàm chán ở các hữu. Tâu Đại vương, giông như người đi vào đông lửa lớn, có ngọn lửa cháy rực. ở đó, người ấy không có sự bảo vệ, không có sự nương nhờ, có trạng thái không có chỗ nương nhờ, nên nhàm chán ở ngọn lửa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với người ấy, trong khi không nhìn thấy điều gì đáng được nắm bắt, sự không thích thú được thành lập ở tâm của người ấy, sự nóng bức xuất hiện ở thân của người ấy. Người ấy, không có sự bảo vệ, không có sự nương nhờ, có trạng thái không có chỗ nương nhờ, nên nhàm chán ở các hữu. Đối với người ấy, đã nhìn thấy nỗi sợ hãi ở sự vận hành, có tâm như vầy sanh khởi: "Su vận hành này quả đã bị đốt nóng, bi cháy đỏ? bị cháy rực, có nhiều khổ đau, có nhiều ưu phiền. Nếu ai đó có thể đạt được sự không vận hành, điều ấy là tịch tịnh, điêu ây là hảo hạng, tức là sự yên lặng của tát cả các hành, sự từ bỏ tát cả các mầm tái sanh, sự diệt tận ái dục, sự lìa khỏi luyến ái, sự tinh diệt, Niết-bmn.” Nhờ vậy, tâm của người ấy lao vào ở sự không vận hành, được tin tưởng, được hài lòng, được vui mừng rằng: "Sự thoát ra đã đạt được bởi ta." Tâu Đại vương, giống như người đàn ông bị lạc lối, bị rơi vào nơi lạ, sau khi nhìn thay loi ra thì lao vào nơi ấy, được tin tưởng, được hài lòng, được vui mừng rằng: "Lối ra đã đạt được bởi ta.” Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với người đã nhìn thấy nỗi sợ hãi ở sự vận hành thì tâm của người ấy lao vào ở sự không vận hành, được tin tưởng, được hài lòng, được vui mừng rằng: "Sịt thoát ra đã đạt được bởi ta." Người ấy tích lũy, theo đuổi, tu tập, thực hành thường xuyên đạo lộ đưa đên sự không vận hành. Đôi với người ây, niệm được thành lập ở mục đích ấy, tinh tấn được thành lập ở mục đích ấy, hỷ được thành lập ở mục đích ấy. Trong khi người ấy chú tâm liên tục ở tâm ấy thì vượt qua sự vận hành, đi đen sự không vận hành. Tâu Đại vương, người đã đạt đen sự không vận hành, đã thực hành đúng đắn, được gọi là "chứng ngộ Niết-bàn.” Thưa Ngài Nâgasena, tốt lắm! Trẩm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. 4íCâu hỏi về sự chứng ngộ Niết-bàn" là thứ mười một.

12. CÂU HỎI VỀ NƠI CHỨAĐựNG NIÉT-BÀN (Nibbānasannihitapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, có phải có vi trí ấy ờ hướng Đông, hay ờ hướng Nam, hay ờ hướng Tây, hay ở hướng Bắc, hay ờ hướng trên, hay ờ hướng dưới, hay ờ hướng ngang, là nơi Niết-bàn

được chứa đựng? -Tâu Đại vương, không có vi trí ấy ở hướng Đông, hay ở hướng Nam, hay

ở hướng Tây, hay ở hướng Bắc, hay ở hướng trên, hay ở hướng dưới, hay ở hướng ngang, là nơi Niết-bàn được chứa đựng. Thưa Ngài Nâgasena, nếu không có chỗ chứa đựng của Niết-bàn, như thế thì không có Niết-bàn, và đoi với những vị nào mà Niết-bàn ấy đã được chứng ngộ, thì sự chứng ngộ của những vị ấy cũng là sai trái, trẫm sẽ nói lý do của trường hợp này. Thưa Ngài Nâgasena, giống như ở trái đất có ruộng sản xuất lúa gạo, có hoa sản xuất ra hương thơm, có lùm cây sản xuất ra hoa, có cây cối sản xuất ra trái, có hầm mỏ sản xuất ra châu báu, bất cứ ai ước muốn vật gì tại nơi đó, thì người ấy đi đến nơi đó rồi mang đi vật ấy. Thưa Ngài Nâgasena, tương tợ y như thế, nếu có Niết-bàn thì chỗ sản xuất của Niết-bàn ấy cũng là điều được mong mỏi. Và thưa Ngài Nãgasena, chính bởi vì không có chỗ sản xuất của Niết-bàn, vì thế trẫm nói là: "Không có Niết-bàn?5 Và đối với những vi nào mà Niết-bàn ấy đã được chứng ngộ, thì sự chứng ngộ của những vi ấy cũng là sai trái. 2. Tâu Đại vương, không có chỗ chứa đựng của Niết-bàn. Và có Niết- bàn ấy. Người thực hành đúng đắn chứng ngộ Niết-bàn nhờ vào sự tác ý đúng đường lối. Tâu Đại vương, giống như có cái gọi là ngọn lửa, [nhưng] không có chỗ chứa đựng của nó. Trong khi cọ xát hai thanh củi với nhau thì đạt được ngọn lửa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, có Niết-bàn [nhưng] không có chỗ chứa đựng của Niết-bàn. Người thực hành đúng đắn chứng ngộ Niết-bàn nhờ vào sự tác ý đúng đường lối. 3. Tâu Đại vương, hoặc là giống như có cái gọi là bảy báu vật, như là: Bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc ma-ni báu, nữ nhân báu, gia chủ báu, tướng quân báu, và không có chỗ chứa đựng của các báu vật ấy. Tuy nhiên, đối với vi Sát-đế-lỵ đã thực hành đúng đắn, do nhờ năng lực của sự thực hành mà các báu vật ấy đi đến [với vị ấy]. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, có Niết-bàn [nhưng] khônệ có chỗ chứa đựng của Niết-bàn. Người thực hành đúng đắn chứng ngộ Niêt-bàn nhờ vào sự tác ý đúng đường lối. 4. Thưa Ngài Nâgasena, vậy thì chớ có chỗ chứa đựng của Niết-bàn. Tuy nhiên, có phải có chỗ đứng ấy, mà người đứng tại chỗ ấy thực hành đúng đắn thì chứng ngộ Niết-bàn? -Tâu Đại vương, đúng vậy. Có chô đứng ây? mà người đứng tại chô ây thực hành đúng đắn thì chứng ngộ Niết-bàn. Thưa Ngài, vậy thì chỗ đứng ấy là chỗ nào mà người đứng tại chỗ ấy thực hành đúng đắn thì chứng ngộ Niết-bàn? -Tâu Đại vương, giới là chỗ đứng. Người đã thiết lập ở giới, trong khi tác ý đúng đường lối, dầu là ở Saka hay ở Yavana, ở Cĩna hay ở Vilātaṃ ở Alasanda, ở Nikumba, ở Kāsi hay ở Kosala, ở Kasmīra, ở Gandhāra, ở đỉnh núi, ở thế giới Phạm thiên, dầu đứng ở bất cứ nơi đâu mà thực hành đúng đắn đều chứng ngộ Niết-bàn.

Tâu Đại vương, giống như người đàn ông nào đó, sáng mắt, dầu là ở Saka hay ở Yavana, ở Cĩna hay ở Vilâta, ở Alasanda, ở Nikumba, ở Kãsi hay ở Kosala ở Kasmĩra, ở Gandhâra, ở đỉnh núi, ở thế giới Phạm thiên, dầu đứng ở bất cứ nơi 5 r y -É . J r e

đâu đêu nhìn thây bâu không gian. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, người đã thiết lập ở giới, trong khi tác ý đúng đường lối, dầu là ở Saka hay ở Yavana,... (nt)... dầu đứng ở bất cứ nơi đâu mà thực hành đúng đắn đều chứng ngộ Niết-bàn. Tâu Đại vương, hoặc là giống như dầu là ở Saka hay ở Yavana,...(nt)... đối với người đứng dầu ở bất cứ nơi đâu đều có phương bắc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với người đã thiết lập ở giới, trong khi tác ý đúng đường lối, dầu là ở Saka hay ở Yavana,..(nt)... đối với người đứng dầu ở bất cứ nơi đâu mà thực hành đúng đắn đều chứng ngộ Niết-bàn. Thưa Ngài Nâgasena, tót lăm! Niêt-bàn đã được Ngài giảng giải, sự chứng ngộ Niết-bàn đã được giảng giải, đức hạnh của giới đã được trang bị, sự thực hành đúng đan đã được chỉ ra, biểu hiện của Chánh pháp đã được giương cao, lối dẫn vào Chánh pháp đã được thiết lập, sự ra sức đúng đắn của những vị đã ra sức tốt đẹp là không vô ích. Hỡi vị cao quý và ưu tú trong số các vị có đồ chúng, trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. wCâu hỏi về nơi chứa đựng Niết-bàn^ là thứ mười hai. Phẩm Vessantara là phẩm thứ ba. (ở phẩm này có mười hai câu hỏi)

IV PHẨM SUY LUẬN (ANUMĀNAVAGGO)

ỉ. CÂU HỎI [GIẢNG BẰNG sự] SUY LUÂN (Anumānapañho) 1. Khi ấy, đức Vua Milinda đã đi đến gặp Đại đức Nâgasena, sau khi đến đã đảnh lê Đại đức Nâgasena roi ngôi xuống một bên. Khi đã ngôi xuông một bên, đức Vua Milinda có sự mong muốn được biết, mong muốn được nghe, mong muốn ghi nhớ, mong muốn nhìn thấy ánh sáng của trí tuệ, mong muốn phá vỡ sự không biết, mong muốn làm sanh khởi ánh sáng của trí tuệ, mong muốn tiêu diệt bóng toi của vô minh; sau khi thiết lập sự can đảm vượt bậc, sự cố gắng, sự ghi nhớ và sự nhận biết rõ rệt, rồi đã nói với Đại đức Nâgasena điều này: 2. - Thưa Ngài Nâgasena, có phải đức Phật đã được Ngài nhìn thấy? Tâu Đại vương, không có. Có phải đức Phật đã được các vị thầy của Ngài nhìn thấy?

Tâu Đại vương, không có. Thưa Ngài Nâgasena, nghe nói đức Phật đã không được Ngài nhìn thấy, cũng nghe nói đức Phật đã không được các vị thầy của Ngài nhìn thấy. Thưa Ngài Nāgasena, như thế thì không có đức Phật. Bởi vì ở đây đức Phật không được biết đến. -Tâu Đại vương, vậy thì những vị tô tiên của dòng dõi Sát-đê-lỵ của Đại vương, có cấc vị Sát-đế-lỵ tiền bối áy không? —Thưa Ngài, có. Có sự nghi ngờ gì? Có các vi Sát-đế-lỵ tiền bối, họ là tổ tiên của dòng dõi Sát-đế-lỵ của trẫm. -Tâu Đại vương, có phải các vị Sát-đế-lỵ tiền bối đã được Đại vương nhìn thấy? Thưa Ngài, không có. -Tâu Đại vương, vậy thì các vị quân sư, tướng lãnh, quan tòa, quan đại thần đang cố vấn cho Đại vương, có phải các vi Sát-đế-lỵ tiền bối đã được những người ấy nhìn thấy? Thưa Ngài, không có. -Tâu Đại vương, nêu các vị Sát-đê-lỵ tiên bôi đã không được Đại vương nhìn thấy, nghe nói các vị Sát-đế-lỵ tiền bối cũng đã không được những vi co vấn của Đại vươĩig nhìn thấy, vậy thì các vị Sát-đế-lỵ tiền bối ở đâu? Bởi vì ở đây các vị Sát-đế-lỵ tiền bối không được nhận biết.

Thưa Ngài Nāgasena, những đồ dùng đã được các vị Sát-đế-lỵ tiền bối sử dụng được nhìn thấy như là: Chiếc lọng màu trắng, khăn bịt đầu, đôi giày, quạt phất trần, viên ngọc ở thanh gươm và các giường nằm vô cùng giá trị, nhờ chúng mà chúng tôi có thể biết được, có thể tin tưởng là: "C6 các vị Sát-đế-lỵ tiền boi?9 -Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, chúng tôi cũng có thê biêt được, có thể tin tưởng về đức Thế Tôn ấy. Có lỵ do mà với lý do ấy chúng tôi có thể biết được, có the tin tưởng là: :C6 đức Thế Tôn ấy.” Lý do ấy là điều nào? Tâu Đại vương, quả là có những đồ dùng đã được đức Thế Tôn ấy, vi Biết, vi Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác sử dụng, như là: Bốn sự thiêt lập niệm, bốn chánh tinh tấn, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy chi phần đưa đến giác ngộ, Thánh đạo tám chi phần, nhờ chúng mà thế gian luôn cả chư thiên biết được, tin tưởng là: “C6 đức Thế Tôn ấy." Tâu Đại vương, với lý do này, với nguyên nhân này, với phương pháp này, với sự suy luận này mà có thể biết được rằng: "C6 đức Thế Tôn ấy.' “Sau khi đã giúp cho nhiều người vượt qua, Ngài đã tịch diệt ở sự đoạn tận mầm mổng tái sanh. Nhờ vào sự suy luận, có thể biết được rằng: "Co bậc Tối Thượng Nhân ấy.'" 3 Thưa Ngài Nāgasena, xin Ngài cho ví dụ. -Tâu Đại vương, giống như nhà kiến trúc đô thị có ý định xây dựng thành phố thì trước tiên hết xem qua khoảnh đất bằng phăng, không bị nhô lên không bi lõm xuống, không sạn sỏi và đá tảng, không nguy hiểm, không bi chê trách, đáng được yêu thích, rồi chỗ nào không bằng phẳng thì cho san bằng chỗ ấy, cho dọn sạch gốc cây và gai góc, rồi tại chỗ ấy xây dựng thành phố lộng lẫy, được phân chia thành từng phần, đã được đo đạc, có đường hào đã được đào lên và thành lũy, có tháp canh và cổng thành vững chắc, có đường băng ngang, ngã tư, giao l, bôn binh rộng lớn, có đường lộ chính sạch sẽ và có bê mặt băng phẳng, có cửa tiệm khéo được bố trí bên trong, được đầy đủ với các khu vườn, công viên, hồ ao, đầm sen, giếng nước, được tô điểm với nhiều loại điện thờ chư thiên, toàn bộ đều không có khuyết điểm. Khi thành phố ấy đã đạt đến sự phát triên vê mọi mặt, người ây có thê đi đên khu vực khác. Roi thời gian sau đó, thành phố ấy trở nên thịnh vượng, giàu có, vật thực dễ dàng, an toàn, được phát đạt, thăng lợi, khôn§ có rủi ro, không có bát hạnh, đông đảo với nhiêu hạng người, các Sát-đế-lỵ có tam cỡ, các Bà-la-môn? các thương buôn, các nô lệ, các quản tượng, các kỵ si, các người đánh xe, các khách bộ hành, các cung thủ, các kiếm sĩ, các hiệp si, các quân nhân, các nhà cung cấp vật thực, các hoàng tử dũng mãnh, các cảm tử quân, các yếu nhân, các vị anh hùng, các chiến sĩ mặc áo giáp, các người con của kẻ nô bộc, các người con của kẻ làm thuê, các toán đấu vật, các người nấu ăn? các đầu bếp, các thợ cạo, các người hầu tắm, các thợ rèn, các người làm tràng hoa, các thợ vàng, các thợ bạc, các thợ chì, các thợ thiếc, các thợ đồng, các thợ hợp kim, các thợ sắt, các thợ ngọc ma-niy các thợ dệt, các thợ gốm, các người làm muối, các thợ thuộc da, các thợ làm xe, các thợ

làm ngà, các thợ làm dây, các thợ làm lược, các thợ quay tơ, các thợ đan giỏ, các thợ làm cung, các thợ làm dây cung, các thợ làm tên, các thợ vẽ tranh, các thợ làm màu, các thợ nhuộm, các thợ dệt vải, các thợ may, các thợ phân kim, các người buôn vi, các người buôn hương liệu, các người cắt cỏ5 các người nhặt củi, các người làm thuê, các người bán rau, các người bán trái cây, các người bán rễ cây, các người bán cơm, các người

bán bánh, các người bán cá, các người bán thịt, các người bán rượu, các kịch sĩ, các vũ công, các người múa rối, các ảo thuật gia, các nhạc công, các người đau vật, các người thiêu xác, các người đổ rác hoa, các thợ làm tre, các thợ săn, các kỹ nữ, các vũ nữ, các tớ gái đội nước, các người ở Saka, ở Yavana, ở Cĩna, ở Vilâta, ở Ujjenī, ở Bhārukaccha, ở Kāsi, ở Kosalaṃ ở Paranta, ở Magadha, ở Sāketa, ở Sorattha, ở Pāvā, ở Kotumbara, ở Madhuraṃ ỞAlasanda, ở Kasmīra, ở Gandhāra đã đi đến cư ngụ ở thành phố ấy, những người ở các địa phương khác nhau sau khi nhìn thấy thành phố ấy mới mẻ, khéo được bố trí, không khuyết diêm, không bị chê trách, đáng được yêu thích, bang cách suy luận nhận biết rằng: "Này ông bạn, nhà kiến trúc đô thị xây dựng thành phố này quả là thành thao?9 Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn ấy là vị không ai sánh bằng, tương đương với bậc không thể sánh bằng, không người đối xứng, không kẻ tương đương, không người so sánh, không thể ước lượng, không thể đo lường, không thể đinh lượng, có đức hạnh vô lượng, đã đạt đến sự toàn hảo của đức hạnh, có sự can đảm vô biên, có sự vinh quang vô biên, có sự tinh tấn vô biên, có năng lực vô biên, đã đạt đen sự toàn hảo ve Phật lực, sau khi đánh bại Ma vương cùng với đạo binh, sau khi đã phá tung mạng lưới tà kiến, sau khi dẹp bỏ vô minh, sau khi làm cho minh sanh khởi, sau khi năm giữ ngọn đuôc Chánh pháp, sau khi đạt được bản thể toàn tri, với trận chiến không bị khuất phục, đã được chiến thắng, Ngài đã xây dựng thành phố giáo pháp. Tâu Đại vương, thành phố giáo pháp của đức Thế Tôn có thành lũy là giới, có đường hào là sự hổ thẹn tội lỗi, có cong thành là trí, có tháp canh là sự tinh tấn, có trụ chống là đức tin, có người gác cổng là niệm, có tòa lâu đài là tuệ, có đường băng ngang là Kinh, có bồn binh là Vi diệu pháp, có tòa án là Luật, có đường phố là sự thiết lập niệm. Tâu Đại vương, hơn nữa ở đường phố về sự thiết lập niệm của thành phố áy, có các cửa tiệm với hình thức như vây khéo là được trưng bày, như là: Cửa tiệm bông hoa, cửa tiệm hương liệu, cửa tiệm trái cây, cửa tiệm thuốc giải độc, cửa tiệm thuốc chữa bệnh, cửa tiệm thuốc bất tử, cửa tiệm châu báu, cửa tiệm tông hợp. 4. Thưa Ngài Nāgasena, cửa tiệm bông hoa của đức Phật Thế Tôn là cái nào? -Tâu Đại vương, có các sự phân loại vê đôi tượng [tham thiên] đã được đức Thế Tôn ấy, vị Biết, vị Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đang Giác nói đến như là: Tưởng về vô thường, tưởng về khổ não, tưởng về vô ngã, tưởng về bất mỹ, tưởng vê điều bất lợi, tưởng vê sự dứt bỏ, tưởng về lỵ luyến ái, tưởng về sự tịch diệt, tưởng vê sự không hứng thú với mọi thứ ở thê gian, tưởng vê vô thường

trong tất cả các sự tạo tác, niệm hơi thở vào ra, tưởng về tử thi bị trương sình, tưởng về tử thi có màu xanh xám, tưởng về tử thi bát đầu thối rữa, tưởng về tử thi bị thủng nhiều lỗ, tưởng về tử thi bi thú ăn, tưởng về tử thi bi vung vãi, tưởng về tử thi bị hủy hoại và vung vãi, tưởng vê tử thi bị đẫm máu, tưởng về tử thi bi giòi bọ rút ria, tưởng về bộ xươnệ, tưởĩiệ về tâm từ, tưởng về tâm bi, tưởng về tâm hỷ, tưởng về tâm xả, niệm ve sự chét, niệm được đặt ở thân. Tâu Đại vương, các sự phân loại về đối tượng [tham thiền] này đã được đức Phật, The Ton noi đen. ở nơi ấy, người nào có ước muốn được thoát khỏi sự già và sự chết, người ấy nắm giữ một đối tượng nào đó trong số đó, rồi nhờ vào đối tượng ấy được thoát khỏi luyến ái, được thoát khỏi sân, được thoát khỏi si,

được thoát khỏi ngã mạn, được thoát khỏi [tà] kiến, vượt qua luân hồi, ngăn chặn dòng chảy tham ái, làm trong sạch ba loại vết bẩn, sau khi hủy diệt tất cả phiền não, sau khi đi vào thành phố tối thượng là thành phố Niết-bàn, không vết nhơ, hết bụi bặm, trong sạch, tinh khiết, không sanh, không già, không chết, an lạc, có trạng thái mát lạnh, không có nỗi sợ hãi, rồi làm cho tâm được giải thoát ở phẩm vị A-la- hán. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "cửa tiệm bông hoa của đức Thế Tốn." “Sau khi nắm lấy tiền vốn là nghiệp [thiện]y hãy đi đến cửa tiệm, hãy mua lấy đối tượng, từ đỏ hãy được tự do ở sự giải thoáty 5. Thưa Ngài Nâgasena, cửa tiệm hương liệu của đức Phật, Thế Tôn là cái nào? Tâu Đại vương, có các sự phân loại về giới đã được đức Thế Tôn ấy nói đến. Được thoa bởi hương thơm của giới ấy, các người con trai của đức Thế Tôn tỏa hơi, tràn ngập the gian luôn cả chư thiên bang hương thơm của giới, rồi thổi đến, bao trùm hướng chính, hướng phụ, gió thuận chiều, gió nghịch chiều, sau khi tỏa khắp thì lắng đọng lại. Các sự phân loại về giới ấy là các cái nào? Là giới của sự nương nhờ [tam quy], năm giới, tám điều giới, mười điều giới, giới của sự thu thúc theo Giới bôn (Pâtỉmokkhd) được bao gôm ở năm phân đọc tụng. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "cửa tiệm hương liệu của đức Thế Ton?9 Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trơi noi đếnỹ ợ ụ

"Hương thơm của bông hoa không bay ngược chiều gió, [hương thơm của] go tram, go tagara, hoặc hoa nhài cũng không. Ị" 5 Còn hương thơm của những người tót bay ngược chiêu gió, bậc thiện nhân tỏa hương [thơm giới hạnh] khắp mọi phương. Gô trâm, gô tagara, hoặc ngay cả hoa sen và hoa nhài, trong sô các loại có hương thơm này, hương thơm của giới là vô thượng.13 14

13 Theo Chủ giải, nghiệp [thiên] ở đây là các thiện pháp đã làm trong sự chứng minh của chư Phật quá khứ (Milindatīka, van bản mau tự Sinhala, trang 413). 14 .v. 54, 55, 56.

Hương thơm này của gỗ tagara hay gỗ trầm là nhỏ nhoi, còn hương thơm của những người có giới hạnh thổi giữa chư thiên là toi thượng^ 6. Thưa Ngài Nâgasena, cửa tiệm trái cây của đức Phật, Thế Tôn là cái nào? -Tâu Đại vương, các loại quả đã được đức Thế Tôn ấy nói đến như là: Quả vị Nhập lưu, quả vị Nhát lai, quả vị Bát lai, quả vị A-la-hán, sự thê nhập quả vị Không tánh, sự thê nhập quả vi Vô tướng, sự thê nhập quả vi Vô nguyện, ơ nơi ấy, người nào ước muốn quả vi nào, người ấy sau khi trao ra tiền vốn là nghiệp [thiện] rồi mua lấy quả vi đã được mong mỏi, nếu là quả vi Nhập lưu, hay quả vi Nhất lai, hay quả vị Bất lai, hay quả vị A-la-hán, hay sự thể nhập quả vị Không tánh, hay sự thể nhập quả vị Vô tướng, hay sự thể nhập quả vị Vô nguyện. Tâu Đại vương, giống như cây xoài của người đàn ông nào đó là có trái thường xuyên. Cho đến khi nào người mua chưa đi đến thì người ấy còn chưa làm cho các trái từ trên cây rơi xuống. Trái lại, khi người mua đã đến thì người ấy nhận tiền vốn ở người mua rồi bảo như vầy: uNày ông, cây xoài này quả là có trái thường xuyên, ông muốn chừng nào ở cây ấy thì hãy lấy chừng ấy, hoặc còn sống, hoặc còn non, hoặc còn lông tơ? hoặc chưa chín, hoặc đã chín." Ngươi ây, vơi so tiên von đã được trao ra áy cua mình, nêu

muôn trai con sông thì lấy trái còn sống, nếu muốn trái còn non thì lấy trái còn non, nếu muốn trái còn lông tơ thì lấy trái còn lông tơ, nếu muốn trái chưa chín thì lấy trái chưa chín, nếu muốn trái chín thì lấy trái chín. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào ước muốn quả vị nào thì sau khi trao ra tiền vốn là nghiệp [thiện], người ấy nhận lấy quả vị đã được mong mỏi, nếu là quả vị Nhập lưu,... (nt)... hay sự thể nhập quả vi Vô nguyện. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "cửa tiệm trai cay của đức The Tôn. "Sau khi trao ra tiền vốn là nghiệp [thiện], rồi cầm lẩy trái cảy bất tử, những người nào mua trái cây bất tử, do việc ấy những người ấy được an lạcy 7. Thưa Ngài Nâgasena, cửa tiệm thuốc giải độc của đức Phật, Thế Tôn là cái nào? -Tâu Đại vương, các thuốc giải độc đã được đức Thế Tôn nói đến, với các thuốc giải độc này đức Thế Tôn ấy giúp cho thế gian luôn cả chư thiên thoát khỏi thuốc độc phiền não. Vậy thì các thuốc giải độc ấy là các loại nào? Tâu Đại vương, bốn chân lý cao thượng này đã được đức Thế Tôn nói đến, như là: Chân lý cao thượng về sự khổ, chân lý cao thượng về nguyên nhân của khổ, chân lý cao thượng về sự diệt khổ, chân lý cao thượng về sự thực hành theo con đường đưa đến sự diệt khổ. Tại nơi ấy, những người nào mong muốn trí tuệ lắng nghe giáo pháp về bốn chân lý, những người ấy được giải thoát khỏi sự sanh, được giải thoát khỏi sự già, được giải thoát khỏi sự chết, được giải thoát khỏi các sầu-bi-khổ-ưu-não. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "cửa tiệm thuốc giải độc của đức Thế T6n." "Bất cứ các thuốc giải độc nào ở the gian đều là những vật đay lùi các chất

độc, không có loại nào sánh bằng thuốc giải độc là giáo phápf này các Tỳ- khưu, các ngươi hãy uống loại này." 8. Thưa Ngài Nâgasena, cửa tiệm thuốc chữa bệnh của đức Phật, Thế Tôn là cái nào? -Tâu Đại vương, các thuốc chữa bệnh đã được đức Thế Tôn nói đến, với các thuốc chữa bệnh này đức Thế Ton ấy chữa bệnh cho chư thiên và nhan loại, như là: Bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh tinh tấn, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy chi phần đưa đến giác ngThánh đạo tám chi phần. Với những thuốc chữa bệnh này đức Thế Tôn tay sạch tà kiến, tẩy sạch tà tư duy, tẩy sạch tà ngữ, tẩy sạch tà nghiệp, tẩy sạch tà mạng, tẩy sạch tà tinh tấn, tây sạch tà niệm, tẩy sạch tà định, làm cho ói ra tham, làm cho ói ra sân, làm cho ói ra si, làm cho ói ra ngã mạn, làm cho ói ra tà kiến, làm cho ói ra hoài nghi, làm cho ói ra phóng dật9 làm cho ói ra sự dã dượi buồn ngủ, làm cho ói ra sự không hổ thẹn và không ghê sợ [tội lỗi], làm cho ói ra tất cả phiền não. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "cửa tiệm thuốc chữa bệnh của đức Thế Ton." i "Bất cứ các thuốc chữa bệnh nào được tìm thấy ở thế gian là đa dạng và có nhiều, không có loại nào sánh bang thuốc chữa bệnh là giáo pháp, này các Tỳ-khưu, các ngươi hãy uổng loại này. Sau khi uông vào thuôc chữa bệnh là giáo pháp, thì có thê trở thành không già không chết, Sau khi tu tập và sau khi nhìn thay, thì được tịch diệt ở sự đoạn tận mầm mống tái sanh' 9. Thưa Ngài Nâgasena, cửa tiệm thuốc bất tử của đức Phật, Thế Tôn là cái nào? -Tâu Đại yươĩiậ, thuốc bất tử đã được đức Thế Tôn nói đến, với thuốc bất tử này đức Thế Tôn ấy rưới rắc cho thế gian luôn cả chư thiên, do đã được rưới rắc với thuốc bất tử này, chư thiên và nhân loại đã được giải thoát khỏi sanh- già-bệnh-chết-sầu-bi-khổ-ưu-não. Thuốc bất tử ấy là cái nào? Tức là niệm đặt ở thân. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt

Trội Các Vị Trời nói đên: “Này các Tỳ-khưu, những người nào thọ hưởng niệm đặt ở thăn, những người ây thọ hưởng sự bát tửy Tâu Đại vương, cái này được gọi là “cửa tiệm bất tử của đức Thế n.” “Sau khi nhìn thấy loài người bi bệnh, Ngài đã bày ra cửa hàng thuốc bất tử. Này các Tỳ-khiru, các người hãy mua vật ấy bằng nghiệp [thiện] và hãy nhận lấy thuốc bất tủy 10. Thưa Ngài Nâgasena, cửa tiệm châu báu của đức Phật, Thế Tôn là cái nào? -Tâu Đại vương, các châu báu đã được đức Thế Tôn nói đến. Được trang diêm với các châu báu này, những người con trai của đức Thế Tôn chiếu sáng, soi sáng, tỏa sáng, rực sáng, phát sáng ở thế gian luôn cả chư thiên, phô bày ánh sáng ở hướng trên, ở hướng dưới, ở hướng ngang. Các châu báu ấy là các loại

nào? Giới báu, định báu, tuệ báu, giải thoát báu, trí tuệ và nhận thức về sự giải thoát báu, các tuệ phân tích báu, các giác chi báu. Tâu Đại vương, giới báu của đức Thế Tôn là cái nào? Giới của sự thu thúc theo Giới bổn (Pãtimokkha), giới của sự thu thúc ở các quyền, giới của sự trong sạch về nuôi mạng, giới liên quan đến các vật dụng, giới nhỏ, giới trung, giới lớn, giới của đạo, giới của quả. Tâu Đại vương, thế gian luôn cả chư thiên, cùng với Ma vương, Phạm thiên, và các dòng dõi Sa-môn9 Bà-la-môn đều ước muốn, mong cầu người đã được trang sức với châu báu của giới. Tâu Đại vương, được chưng diện với châu báu của giới, vị Tỳ-khiru chiếu sáng, chiếu chói lọi ở hướng chính, hướng phụ? hướng trên, hướng dưới, hướng ngang. Vị ấy vượt qua, ngự trên, nhấn chìm tất cả các châu ngọc ở trong khoảng giữa, tính từ phía dưới là địa ngục Vô Gián từ phía trên là cõi cao nhất, rồi đứng lại. Tâu Đại vương, các giới báu có hình thức như thế được trưng bày ở cửa tiệm châu báu của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "giới báu cua đức Thế Tôn.^, "Các giới có hình thức như the hiện diện ở cửa tiệm của đức Phật, Các ngươi hãy mua châu bảu ấy bang nghiệp [thỉệnỊ và hãy chưng dỉệny 11. Tâu Đại vương, định báu của đức Thế Tôn là cái nào? Tâu Đại vương, định có tầm có tứ, định không tầm chỉ có tứ, đinh không tầm không tứ, định không tánh, đinh vô tướng, định vô nệuyện. Tâu Đại vương, đối với vị Tỳ-khun chưng diện định báu, các suy nghĩ vê [ngũ] dục, các suy nghĩ vê oán hận, các suy nghĩ về hãm hại, ngã mạn, phóng dật5 tà kiến, hoài nghi, các nền tảng của phiền não và nhiều loại suy nghĩ xấu xa5 tất cả chúng sau khi tiếp cận với định thì phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, không trụ lại, không đeo bám. Tâu Đại vương, giống như nước ở lá sen thì phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, không trụ lại, không đeo bám. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Vì tính chất trong sạch của cây sen. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với vị Tỳ-khưu chưng diện định báu, các suy nghĩ ve [ngu] dục, các suy nghĩ ve oan nạn, các suy nghĩ ve hãm hại, ngã mạn, phóng dật, tà kiến, hoài nghi, các nền tảng của phiền não và nhiều loại suy nghĩ xấu xa, tất cả chúng sau khi tiếp cận với định thì phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, không trụ lại, không đeo bám. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Vì tính chất trong sạch của định. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "định báu của đức Thế T6n." Tâu Đại vương, các định báu có hình thức như thế được trưng bày ở cửa tiêm chau bau cua đức The Ton. "Đôi với vi có tràng hoa là định bảu, các suy nghĩ xâu xa không sanh lên và tâm không bỉ tán loạn, các ngươi hãy chưng diện vật áy." 12. Tâu Đại vương, tuệ báu của đức Thế Tôn là cai nào? Tâu Đại vương, với tuệ nào vị Thánh đệ tử nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Cái nay là

thiên”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Cái này là bất thiện55, nhận biết đúng theo thực thể rằng: uCái này là có tội, cái này là không có tội, cái này là nên thực hành, cái này là không nên thực hành, cái này là thấp kém, cái này là hảo hạng,

cái này là đen, cái này là trắng, cái này có sự lẫn lộn giữa đen và trắng”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đay là kh6", nhận biết đung theo thực thể rằng: "Đay là nhân sanh kh6", nhận biết đung theo thực thể rằng: “Dây là sự diệt tận kh6'\ nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ.,, Tâu Đại vương, cái này được gọi là "tuệ báu của đức Thế T6n." "Đoi với vỉ có tràng hoa là tuệ báu, sự hiện hữu không xoay chuyển lâu dài. Vị ấy mau chóng chạm đen bất tử và không thích thú ở sự hiện hữu." 13. Tâu Đại vương, giải thoát báu của đức Thế Tôn là cái nào? Tâu Đại vương, "giải thoát báu" được gọi là phàm vị A-la-hán. Tâu Đại vương, vị Tỳ- khưu đã đạt đến phẩm vi A-la-hán được gọi là "chưng diện giải thoát báu.” Tâu Đại vương, giống như người đàn ông được trang điểm với đồ trang sức là xâu chuỗi ngọc trai, ngọc ma-ni, vàng, san hô, thân thể được thoa với dầu thơm của các cây tagara, tâlĩsa và trầm hương đỏ, được điểm tô với các loại hoa lim, hoa nguyệt que, hoa salaỊa, hoa cầy, hoa nhài vàng, hoa atimuttaka, hoa vòi voi, hoa sen, hoa nhài trâu, hoa nhài Ả-rập thì vượt trội, chiếu sáng, chói sáng, soi sáng, tỏa sáng, lóe sáng, rực sáng, phát sáng, ngự trị, nhan chìm những người còn lại băng các đô trang sức là vòng hoa, hương thơm và châu báu. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vị đã đạt đến phẩm vi A-la-hán có lậu hoặc đã cạn kiệt, được chưng diện giải thoát báu, so với các Tỳ-khưu đã được giải thoát có liên quan điều này điều khác thì vượt trội, vượt lên, chiếu sáng, chói sáng, soi sáng, lóe sáng, rực sáng, phát sáng, ngự trị, nhân chìm với sự giải thoát [của bản thân]. Điêu ây có nguyên nhân là gì? Tâu Đại vương, vật chưng diện này là tối thắng trong số tất cả các vật chưng diện, tức là giải thoát báu. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "giải thoát báu của đức Thế T6n." "Người [làm công] trong nhà ngước nhìn người chủ đang mang tràng hoa có ngọc ma-nỉf còn the gian có cả chư thiên ngước nhìn tràng hoa có giải thoát báu." 14. Tâu Đại vương, trí tuệ và nhận thức về sự giải thoát báu của đức Thế Tôn là cái nào? Tâu Đại vương, trí về việc quán xét lại được gọi là "trí tuệ và nhận thức về sự giải thoát báu” của đức Thế Tôn, nhờ vào trí ấy vị Thánh đệ tử quán xét lại đạo, quả, Niết-bàn, các phiền não đã dứt bỏ và các phiền não còn sót lại. "Nhờ vào trí nào, các bậc Thảnh biết rõ trạng thải đã hoàn thành phận sựf hỡi những người con của đang Chiến Thắng, hãy tinh tan đe đạt được châu bảu trí tuệ ấyy 15. Tâu Đại vương, tuệ phân tích báu của đức Thế Tôn là cái nào? Tâu Đại vương, là bốn tuệ phân tích là "tuệ phân tích về ý nghĩa, tuệ phân tích về pháp, tuệ phân tích về nỊÔn từ, tuệ phân tích về phép biện gii."Tâu Đại vương, được trang điểm với bon tuệ phân tích báu này, vị Tỳ-khưu đi đến mỗi một tập thể nào dầu là tập thể Sát-đe-lỵ, hay tập thể Bà-la-môn, hay tập thể gia chủ, hay tập thể Sa-môn, đều đi đến với sự tự tin, không có trạng thái hổ thẹn, không nhút

nhát, không hãi sợ, không hốt hoảng, đi đến tập thể không bị nổi da gà. Tâu Đại vương, giong như người chiến sĩ, anh hùng của chiến trận, đã vũ trang năm loại vũ khí, không kinh sợ, lao vào chiên trận [nghĩ răng]: uNêu các quân địch ở xa, ta sẽ hạ gục bằng mũi tên, kế đó gàn hơn nữa thì ta sẽ đánh bằng cây lao, kế đó gần hơn nữa thì ta sẽ đánh bằng cây thương, với kẻ đang tiến đến gần thì ta sẽ chém làm hai bằng cây kiếm lưỡi cong, còn kẻ đã đến sát bên thân thì ta sẽ đâm thủng bằng cây dao.” Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị Tỳ-khưu được trang sức với bốn tuệ phân tích đi vào tập thể khônệ kinh sợ [nghĩ rằng]: uBất cứ người nào hỏi ta câu hỏi về phân tích ý nghĩa, đoi với người ấy ta sẽ thuyết giảng về ý nghĩa bằng ý nghĩa, ta sẽ thuyết giảng về lý do bằng lý do, ta sẽ thuyêt giảng về nguyên nhân băng nguyên nhân, ta sẽ thuyêt giảng về phương pháp băng phương pháp, ta sẽ làm cho không còn nghi ngờ, ta sẽ cô lập sự phân vân, ta sẽ làm cho hoan hỷ băng sự giải thích câu hỏi. Bất cứ người nào hỏi ta câu hỏi về phân tích pháp, đối với người ấy ta sẽ thuyết giảng về pháp bằng pháp, ta sẽ thuyết giảng vê bất tử bằng bất tử, ta sẽ thuyết giảng về không tạo tác bằng không tạo tác, ta sẽ thuyết giảng về Niết- bàn bằng Niết-bàn, ta sẽ thuyết giảng về không tánh bằng không tánh, ta sẽ thuyết giảng về vô tướng bằng vô tướng, ta sẽ thuyết giảng về vô nguyện bằng vô nguyện, ta sẽ thuyết giảng về bất động bằng bất động, ta sẽ làm cho không còn nghi ngờ, ta sẽ cô lập sự phân vân, ta sẽ làm cho hoan hỷ bằng sự giải thích câu hoi. Bất cứ người nào hỏi ta câu hỏi về phân tích n^ôn từ, đối với người ấy ta sẽ thuyết giảng về ngôn từ bằng ngôn từ, ta sẽ thuyet giảng về đoạn kệ đầu bằng đoạn kệ đầu, ta sẽ thuyết giảng về đoạn kệ kế tiếp bằng đoạn kệ kế tiếp, ta sẽ thuyết giảng về âm từ bằng âm từ, ta sẽ thuyết giảng về nối âm bằng nối âm, ta sẽ thuyết giảng về phụ âm bằng phụ âm? ta sẽ thuyết giảng về âm phụ thuộc bằng âm phụ thuộc, ta sẽ thuyết giảng về hình thức bằng hình thức, ta sẽ thuyết giảng về nguyên âm bàng nguyên âm, ta sẽ thuyết giảng về khái niệm bằng khái niệm, ta sẽ thuyết giảng về tên gọi bằng tên gọi, ta sẽ làm cho không còn nghi ngờ, ta sẽ cô lập sự phân vân9 ta sẽ làm cho hoan hỷ bằng sự giải thích câu hỏi. Bất cứ người nào hỏi ta câu hỏi về phân tích phép biện giải, đối với người ấy ta sẽ thuyết giảng về phép biện giải bằng phép biện giải, ta sẽ thuyết giảng về ví dụ bằng ví dụ, ta sẽ thuyết giảng về tướng trạng bằng tướng trạng, ta sẽ thuyết giảng về phẩm vị bằng phẩm vị, ta sẽ làm cho không còn nghi ngờ, ta sẽ cô lập sự phân vân, ta sẽ làm cho hoan hỷ bằng việc giải thích câu hỏi?5 Tâu Đại vương, cái này được gọi là "các tuệ phân tích báu của đức Thế Ton." "Sau khi mua các tuệ phân tích, nhờ vào trí vị nào có thể chạm đến, thì [vi ấy] không kinh sợ, không xao động, chói sảng thế gian luôn cả chư thiên' 16. Tâu Đại vương, giác chi báu của đức Thế Tôn là cái nào? Tâu Đại vương, có bảy giác chi này là: "Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, cần giác chi, hỷ giác chi, tịnh giác chi, định giác chi, xả giác chi." Tâu Đại vương, được trang

điểm với bảy giác chi báu này, vi Tỳ-khưu chế ngự mọi sự tối tăm, soi sáng, tỏa sáng thế gian luôn cả chư thiên và làm sanh lên ánh sáng. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "giác chi báu của đức Thế T6n." "Thê gian luôn cả chư thiên đêu đứng dậy [chào] đôi với người có tràng hoa là giác chi bảu, Các ngươi hãy mua châu báu ấy bang nghiệp [thiện] và hãy chưng diệny 17. Thưa Ngài Nâgasena, cửa tiệm tổng hợp của đức Phật,

Thế Tôn là cái nào? Tâu Đại vương, cửa tiệm tông hợp của đức Thê Tôn có lời dạy của đức Phật gồm chín thể loại, các Xá-lợi9 các vật dụng, các bảo tháp và hội chúng báu. Tâu Đại vương, do đức Thế Tôn ở cửa tiệm tổng hợp sự thành tựu về sanh chủng được trưng bày, sự thành tựu về của cải được trưng bày, sự thành tựu về tuổi thọ được trưng bày, sự thành tựu về không bệnh được trưng bày, sự thành tựu về sắc đẹp được trưng bày, sự thành tựu về tuệ được trưng bày, sự thành tựu về cõi người được trưng bày, sự thành tựu về cõi trời được trưng bày, sự thành tựu về Niết-bàn được trưng bày. Tại nơi ấy, những người nào ước muốn sự thành tựu này hay sự thành tựu nọ. những người ấy sau khi trao ra tiền vốn là nghiệp [thiện] rồi mua lấy sự thành tựu đã được mong mỏi thê này thê nọ. Nhiêu người mua băng sự thọ trì giới, nhiều người mua bang việc hành trì trai giới, roi nhận được các sự thành tựu tùy theo từng phần tiền vốn là nghiệp [thiện] ít ỏi. Tâu Đại vương, giống như ở cửa tiệm của người chủ tiệm có các loại mè, đậu muggā, đậu māsā, những người ấy mua gạo, đậu muggā, đậu māsā, với sô lượng chút ít tùy theo từng phần tiền vôn ít ỏi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, ở cửa tiệm tông hợp của đức Thế Tôn, những người ấy nhận được các sự thành tựu tùy theo từng phần tiền vốn là nghiệp [thiện] ít ỏi. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "cửa tiệm tổng hợp của đức Thế Ton?9 "Tuổi thọ, sự không bệnh, sắc đẹp, cõi trời, việc có được ^ỉa tộc cao sang và sự không tạo tác, sự bất tử là cỏ ở cửa hàng tong hợp, ở đang Chiến Thắng. Được nhận lây ít hay nhiêu tùy theo phân tiên vôn là nghiệp [thiện]. Này các Tỳ-khimf sau khỉ mua bang tiền von là đức tin, các ngươi hãy được thành tựu.” 18. Tâu Đại vương, ở thành phố giáo pháp của đức Thế Tôn có những người như thế này sinh sống: Các vi chuyên vê Kinh, các vị chuyên vê Luật, các vi chuyên về Vi diệu pháp, các vị thuyết giảng về Pháp, các vị trì tụng Bổn sanh, các vi trì tụng Trường bộ. các vi trì tụng Trung bộ. các vị trì tụng Tương ưng, các vi trì tụng Tăng chi, các vị trì tụng Tiểu bộ. các vị đầy đủ giới, các vị đầy đủ đinh, các vị đầy đủ tuệ, các vị thích thú việc tu tập các giác chi, các vị hành minh sát, các vị gắn liền với mục đích của mình, các vị ngụ ở rừng, các vị ngụ ở gốc cây, các vị ngụ ở ngoài trời, các vị ngụ ở đống rơm, các vị ngu ở mộ địa, các vị [hành pháp] vê oai nghi ngôi [không năm], các vi đã tiên đên [đạo], các vị đã trú ở quả, các vị Hữu học đã đạt được quả vị, các vi Nhập lưu, các vị Nhất

lai, các vị Bất lai, các vị A-la-hán có ba minh, có sáu thắng trí, có thần thông, đã đạt đến sự toàn hảo về tuệ, thiện xảo về sự thiết lập niệm, chánh tinh tấn, nền tảng của thân thông, quyên, lực, giác chi, dạo, thiên, giải thoát, sác và vô sác, về việc thể nhập vào sự tịch tinh và an lạc. Thành phố giáo pháp đã là đông đúc, dày đặc, chen chúc, tràn ngập với các vị A-la-hán ấy, tợ như rừng sậy hay rừng mía đường, ở đây có: "Các vi có luyến ái đã lìaf có sân đã lìa, có si đã lìa, không còn lậu hoặc, có tham ải đã lìa, không còn chấp thủ, các vi ấy sống ở thành phố giáo pháp. Các vị ngụ ở rừng, duy trì pháp từ khước, chứng thiền, có y thô xấu, thỏa thích sự cô độc, sáng suôi, các vi ầy sông ở thành phô giáo pháp. Các vỉ giữ oai nghi ngỏif ngụ chỗ được chỉ đinh, đứng và đi kinh hành, tất cả đều mangy may bằng vải quăng bỏ, các vị ấy sống ở thành phố giáo pháp. Các vỉ sử dụng bay, thanh tinh, có mảnh da thú là vật thứ tưt thích thủ việc [thọ thực] một chỗ ngồi, hiểu biết, các vi ấy sống ở thành phố giảo pháp. Các vi ít ham muốn, chỉn chắn,

sáng suốt, [thọ] chút ít vật thực, không tham lamf tự biết đủ với việc có hay không có, các vi ấy song ở thành pho giảo pháp. Các vi chứng thiền, thích thú với thiền, sáng suốt, có tâm thanh tinh, được định tĩnh, có sự mong mỏi về cõi thiền Vô sở hữu, các vị ấy sống ở thành phổ giáo pháp. Các vi đã tiến đến [đạo], đã trủ ở quả, là các bậc Hữu học, đã đạt được quả v/, là những vỉ mong mỏi mục đích tối thượng, các vị ấy sổng ở thành phổ giảo pháp. Các vi Nhập lưu, không vết nho, các vi Nhất lai, các vi Bất lai và các vị A-la-hán, các vỉ ấy song ở thành pho giáo pháp. Các vỉ thiện xảo về sự thiết lập niệm, thích thủ việc tu tập các giác chi, các vi hành minh sát, có sự ghi nhớ về giáo pháp, các vỉ ấy sông ở thành phổ giảo pháp. Các vi thiện xảo về các nền tảng của thần thông, thích thú việc tu tập đinh, gắn bó với chánh tinh tấn, các vi ấy sống ở thành phổ giảo pháp. Các vi đã đạt đên sự toàn hảo vê các thăng trí, thích thú với hành xứ có tỉnh chát truyên thông, có sự di chuyên ở không trung, các vi ây sông ở thành phô giáo pháp. Các vi có mắt nhìn xuống, nói ndng chừng mực, có các giác quan được canh phòng, khẻo thu thúc, đã được huấn luyện tốt đẹp ở giáo pháp tối thượng, các vỉ ấy sổng ở thành phổ giáo pháp. r ỉ x Các vị có ba minh và sáu thăng trí, đã đi đên sự toàn hảo của thân thông, đã đạt được sự toàn hảo về tuệ, các vi ấy sổng ở thành phổ giáo pháp"' 19. Tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu nào có sự gìn giữ trí cao quý không đo lường được, không bị ràng buộc, có đức hạnh không thể so sánh, có danh vọng không so sánh được, có năng lực không so sánh được, có vinh quang

không so sánh được, là các vi tiêp tục chuyên vận bánh xe giáo pháp, đã đi đên sự toàn hảo về tuệ, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như thế được gọi là ucác Tướng quân Chánh pháp99 ở thành phố giáo pháp của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào có thần thông, có các tuệ phân tích đã được chứng đạt, có các sự tự tín đã được đạt đến, có sự di chuyển ở không trung, khó sánh bằng, khó khuất phục, di chuyển không cần vật để bám víu, làm rúng động trái đất có biển và núi, có thể vuốt ve mặt trăng và mặt trời, thiện xảo về biến hóa, về sự chú nguyện và phát nguyện, đã đi đến sự toàn hảo về thần thông, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như thế được gọi là "những vị quân su" ở thanh phồ giáo pháp của đưc Thế Tôn. Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào đã theo đuổi các pháp từ khước, ít ham muôn, tự biết đủ? chán ghét sự yêu cầu và sự tầm cầu sai trái, đi khất thực theo từng nhà, tợ như các con ong hút lấy hương hoa rồi đi vào khu rừng cô quạnh, không quan tâm đen thân the và mạng song, đã đạt được phẩm vị A-la-hán, đã được xem là tối thắng về đức hạnh của các pháp từ khước, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như the được gọi là "những vị quan tòa,5 ở thành phố giáo pháp cua đúc Thế Tôn. Tâu Đại vương, hơn nữa, những vi Tỳ"khưu nào thanh tịnh, không vết nhơ, không còn phiền não, thiện xảo về tử sanh, đã đi đến sự toàn hảo về thiên nhẵn, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như thế được gọi là "những vị thắp sáng thành ph6" ở thành pho giáo pháp của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào nghe nhiều, có Kinh điển được truyền thừa, có sự ghi nhớ về giáo pháp, có sự ghi nhớ về Luật, có sự ghi nhớ về các tiêu đề, thiện xảo về việc chia chẻ các âm là không gió hay có gió, dài hay ngắn, nặng hay nhẹ, có sự ghi nhớ ve các lời giáo huấn gom chín the loại, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như thế

được gọi là "những vi bảo vệ giao pháp" ở thành phố giao phắp của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hơn nữa, những VỊ Tỳ-khưu nào hiêu biêt vê Luật, thông thái về Luật, thiện xảo về phần mở đầu và phần đọc tụng, thiện xảo về sự phạm tội, sự không phạm tội, tội nặng có thể chữa trị hay không thể chữa trị, sự thoát tội, sự trình báo tội, sự khiển trách, sự sửa chữa, sự mời vào, sự đuổi ra, sự hòa giải, đã đi đên sự toàn hảo vê Luật, tâu Đại vương, những vi Tỳ-khưu như thê được gọi là "những vi thành thạo về nghi thức' ở thành phô giáo pháp của đức Thê Ton. Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào được quàng vào tràng hoa gồm các bông hoa cao quý của sự giải thoát, đã đạt được bản thể cao quý, ưu tú, giá trị cao, đứng đầu, được yêu quý và mong mỏi của số đông người, tâu Đại vương, những vi Tỳ-khưu như thế được gọi là "những người chủ tiệm hoa" ở thành phố giao pháp của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào đã được thấu triệt sự lãnh hội về bốn sự thật, đã nhìn thấy sự thật, đã nhận thức được giáo pháp, đã vượt

qua các sự hoài nghi về bốn quả vị Sa-môn, đã đạt được an lạc của quả vị? và chia phần những quả vị ấy cùng với những vị khác cũng đang thực hành, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khiru như thế được gọi là “những người chủ tiệm trái cay” ở thanh phố giao pháp của đức Thế Tôn? Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào được thoa hương thơm tốt đẹp cao quý của giới, mang nhiều đức hạnh đủ các loại, làm tiêu tan mùi thối của phiền não và ô nhiễm, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như the được gọi là "những người chủ tiệm hương liêu” ở thành phố giáo pháp của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào yêu mên giáo pháp, có lời nói đáng yêu quý, có sự vui thích tột bực ở Thắng pháp, ở Thắng luật; những vi đi vào rừng, đi đến cội cây, đi đến ngôi nhà trống vắng, uống vào vị nếm cao quý của giáo pháp, được thấm nhuần hương vị cao quý của giáo pháp bằng thân, bằng khẩu và băng ý, có tài biện giải tuyệt vời, đã thực hành sự tâm cầu về pháp trong số các pháp, từ nơi này hoặc từ nơi kia; ở nơi nào có sự thuyết giảnệ vê ít ham muôn, thuyêt giảng vê sự tự hoan hỷ, thuyết giảng về sự tách ly, thuyêt giảng vê sự không két giao, thuyêt giảng vê việc khởi sự tinh tấn, thuyết giảng về giới, thuyêt giảng vê đinh, thuyêt ệiảng về tuệ, thuyết giảng về giải thoát, thuyêt giảnệ vê trí tuệ và nhận thức vê sự giải thoát, sau khi đi đến nơi này nơi khác và uông vào từng hương vị của cuộc thuyêt giảng, tâu Đại vương, những vi Tỵ-khưu như thế được gọi là "những vị nghiện uống, có sự khao khát” ở thành pho giáo pháp của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào đầu đêm và cuối đêm gắn bó với sự rèn luyện về tỉnh thức, trải qua đêm ngày với việc ngồi, đứng và đi kinh hành, gắn bó với sự rèn luyện về việc phát triển [thiền], đang đeo đuổi mục đích của mình nham xua đuổi các phiền não, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như thế được gọi là "những người canh giữ thành ph6" ở thành phố giáo pháp của đức The Ton. Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào bảo đọc, bảo đọc theo, giảng giải, lặp lại lời dạy của đức Phật gồm chín thể loại về ý nghĩa, về văn tự, về phương pháp, về lý do, về nguyên nhân và về ví dụ, tâu Đại vương, nhữnệ vị Tỳ-khưu như thế được gọi là "những người chủ tiệm giáo pháp" ở thành phô giáo pháp của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hơn nữa, những vi Tỳ-khiru nào là những người có của cải, có tài sản, với của

cải là châu báu về giáo pháp, với của cải là sự học tập và lắng nghe về kinh điển, có sự thấu triệt về nguyên âm, phụ âm, và đặc điểm đã được diễn đạt, có sự hiểu biết rộng rãi, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như thế được gọi là "những người triệu phú về giáo pháp" ở thành phố giáo pháp _ 9 4- rril rr\ Á A của đức The Ton. Tâu Đại vương, hơn nữa, những vi Tỳ-khưu nào có sự thấu triệt sự thuyết giảng tột bực9 đã quen thuộc với sự phân loại và mô tả đối tượng [của tâm], đã đạt đến sự toàn hảo về đức hạnh của việc học tập5 tâu Đại vương, những vị

Tỳ-khưu như thế được gọi là "nhũng nhà đạo đức nổi tiếng,, ở thành phố giáo pháp cua đức The Ton. Tâu Đại vương, thành phố giáo pháp của đức Thế Ton đã khéo được bố trí như vậy, khéo được xây dựng như vậy, khéo được sắp xếp như vậy, khéo được bồi đắp như vậy, khéo được xác đinh như vậy, khéo được bảo vệ như vậy, khéo được gìn giữ như vậy, khó bi chế ngự như vậy bởi những kẻ nghịch, những kẻ thù. Tâu Đại vương, với lý do này, với nguyên nhân này, với phương pháp này, với sự suy luận này, nên nhận biêt rằng: ^Có đức Thế Tôn ấy. "Cũng giống như sau khi nhìn thay thành pho khẻo được bo trí, làm thích ýf bang suy luận họ nhận biết sự vĩ đại của nhà kiến trúc. Y như thế ấy, sau khỉ nhìn thấy thành phổ giáo pháp cao quỷ của đấng Bảo Hộ Thế Gian, bằng suy luận họ biết rằng: 'Có đức Thế Tôn ấy.' Sau khi nhìn thây làn sóng ở biên cả, băng suy luận họ biêt răng theo như làn sóng này được nhìn thay thì biến cả sẽ là lớn lao. Tương tợ, đức Phật là bậc xua đi nỗi sầu muộn, không bỉ đánh bại ở mọi nơi, đã đạt đến sự cạn kiệt của tham ải, có sự thoát khỏi sự luân chuyển trong các cõi. Sau khi nhìn thấy làn sóng ở thế gian luôn cả chư thiên, theo như sự lan rộng của làn sóng giảo pháp, bằng suy luận có thể biết được đức Phật sẽ là hạng nhất. Sau khi nhìn thấy ngọn núi vươn cao, theo như cách nó được vươn cao, bang suy luận họ biết rang nó sẽ là núi Hy-mã-lạp. Tương tợ, sau khi nhìn thấy ngọn núi giáo pháp của đức Thế Tôn có trạng thái mát lạnh, không có mầm mổng tải sanh, vươn cao, không dao động, khẻo được thiết lập. Sau khi nhìn thây ngọn núi giảo pháp, băng suy luận có thê biêt được bậc Đại hùng ấy chỉnh là như thế, đức Phật sẽ là hạng nhất. Cũng giống như sau khi nhìn thấy bàn chân của con voi chúa, bằng suy luận mọi người biết được rằng: 'Con voi ấy là to lớn.' Y như thế ấy, sau khi nhìn thấy dấu chân của đức Phật vĩ đại, bậc Có Sự Thông Suốt, bang suy luận họ biết rang vỉ ấy sẽ là tột bực. Sau khỉ nhìn thấy những con thủ nhỏ bi sợ hãi, bằng suy luận họ biết rằng: 'Những con thủ nhỏ này bi sợ hãi bởi âm thanh của con thú chúa.' Y như thế ấy, sau khi nhìn thấy các ngoại đạo bỉ bối rổi, có tâm sợ hãi, bằng suy luận có thể biết được tiếng rổng của đấng Pháp Vương. Sau khỉ nhìn thấy trái đất đã được nệuộỉ lạnh, đạt được màu xanh, có nhiều nước, bằng suy luận họ biết rằng [trái đát] đã được nguội lạnh nhờ đảm mưa lớn. Y như thế ẩyf sau khỉ nhìn thấy người này được vui mừng, hớn hở bằng suy luận có thê biêt được [người áy] đã được toại ỷ bởi cơn mưa giáo pháp.

Sau khỉ nhìn thấy bụi bặm bỉ kết dính, bùn lầy, mặt đất trở thành lầy lội ẩm thấp, bằng suy luận họ biết rằng có khối nước lớn đã đi đến. Y như thế ấy, sau khỉ nhìn thấy người

này bỉ lấm lem bởi bụi bặm và bùn lầy, đã được đưa đến ở dòng sông giáo pháp, đã được chuyển đến ở biển cả giảo pháp. Sau khi nhìn thây quả đát này luôn cả chư thiên đi đên sự bát tử của giáo pháp, bằng suy luận có thể biết được có pháp uẩn vĩ đại đã đi đến. Sau khi ngửi mùi hương tôi thượng, băng suy luận họ biêt răng là theo như mùi hương này thôi đên thì sẽ có những cây đã được trô hoa. Y như thê ầy, mùi hương giới đức này thôi ở thê gian luôn cả chư thiên, bằng suy luận có thể biết được là có đức Phật vô thượng^ 20. Tâu Đại vương, có thể chỉ cho thấy năng lực của đức Phật bằng một trăm lý do, bằng một ngàn lý do, bằng một trăm nguyên nhân, bằng một ngàn nguyên nhân, bằng một trăm phương pháp, bằng một ngàn phương pháp, bằng một trăm ví dụ, bằng một ngàn ví dụ. Tâu Đại vương, giống như người làm tràng hoa khôn khéo, từ đống bông hoa nhiều loại, theo sự chỉ dạy của người thầy, bằng việc làm của cá nhân một người, có thể tạo thành một đống các kiểu tràng hoa nhiều màu sắc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn ấy có đức hạnh vô biên, có đức hạnh vô lượng, ví như đống bông hoa nhiều màu sắc. Giờ đây, ví như người làm tràng hoa, người kết bông hoa trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, cũng bằng đường lối của các vi thầy tiền bối, cũng bằng năng lực ở sự sáng suốt của tôi, tôi sẽ giải thích năng lực của đức Phật băng cách suy luận bằng nhiều lý lẽ không thể đếm được. Vậy thì trong trường hợp này9 Đại vương hãy khởi lên ước muốn về việc lắng nghe. 21. Thưa Ngài Nâgasena, thật là việc khó khăn để chỉ cho thấy năng lực của đức Phật bằng sự suy luận, bằng lý lẽ có hình thức như vầy đối với những người khác. Thưa Ngài Nâgasena, trẫm đã được thỏa mãn với việc giải thích câu hỏi một cách vô cùng đa dạng của Ngài. 6Câu hỏi [giảng bằng sự] suy luận59 là thứ nhất

2. CÂU HỎI VỀ PHÁP TỪ KHƯỚC (Dhutañgapañho) “Dức vua nhìn các vi Tỳ-khưu sống ở rừng đã được gắn bó với các hạnh từ khước, rồi nhìn lại những người tại gia đã trủ ở quả vi Bất lai. Sau khỉ quan sát cả hai hạng ấy, có nỗi nghi hoặc lớn đã khởi lên: 'Nếu người tại gia có thể giác ngộ giảo pháp thì pháp từ khước là không có kết quả. Vây ta nên hỏi vỉ thuyết giảng hạng nhất, được thông thạo về Tam tạng, có sự nghiền nát học thuyết của các diễn giả khác, vi ấy sẽ tiêu diệt nỗi nghi ngờ của ta.'" L Khi ấy, đức Vua Milinda đã đi đến gặp Đại đức Nâgasena, sau khi đến đã

đảnh lê Đại đức Nāgasena roi ngôi xuống một bên. Khi đã ngôi xuông một bên, đức Vua Milinda đã nói với Đại đức Nāgasena điều này: Thưa Ngài Nāgasena, có người tại gia nào, sống ở nhà, trong khi sinh sống có sự thọ hưởng các dục, có việc năm chen chúc với vợ và con, trong khi hưởng thụ vải kãsi và trâm hương, trong khi đeo tràng hoa, vật thơm và vật thoa, trong khi ưng thuận vàng và bạc, buộc búi tóc có trang diêm ngọc ma-ni, ngọc trai và vàng, mà người ây đã chứng ngộ sự an tịnh, mục đích tôi hậu, Niêt-ban không? - Tâu Đại vương, không phải chỉ một trăm, không phải hai trăm, không phải ba bốn năm trăm, không phải một ngàn, không phải một trăm kotify5 không phải một ngàn hoti, không phải một trăm ngàn koỊÈ Tâu Đại vương, hãy bỏ qua sự lãnh hội của mười, của hai mươi, của một trăm, của một ngàn [người tại gia], tôi có thê cho Đại vương câu trả lời bằng phương thức nào? Chính Ngài hãy nói về điều ấy. -Tâu Đại

vương, như thế thì tôi sẽ nói với Đại vương về một trăm, hay một ngàn, hay một trăm ngàn, hay một koti, hay một trăm kati, hay một ngàn kotỉ. hay một trăm ngàn koti. Bát cứ lời giảng nào vê Phật pháp ẸÔm chín thể loại được liên quan đên sự thực hành hạnh giảm thiêu và các yêu tô cao quý vê hạnh từ khước, tát cả các lời giảng ây sẽ tập trung lại ở đây. Tâu Đại vương, giông như nước đã được đô mưa ở các phân đát lõm xuống hoặc nhô lên, bằng phẳng hoặc gồ gha, đất liền hay không phải đất liền, sau khi rơi xuống từng giọt ở khắp nơi roi từ đó tập trung lại ở đại dương biển cả. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, khi có người tiêp nhận thì bát cứ lời giảng nào vê Phật pháp ệồm chín thê loại được liên quan đên sự thực hành hạnh giảm thiểu và các yếu to cao quý về hạnh từ khước, tất cả các lời giảng ấy sẽ tập trung lại ở đây. Tâu Đại vương, việc giải nghĩa theo lý lẽ bằng kinh nghiệm và sự sáng suốt của tôi sẽ tập trung lại ở đây, nhờ vậy ý nghĩa ấy sẽ khéo được phân tích, được thêm thất, được đây đủ, được gom chung lại. Tâu Đại vương, giống như vị thầy ghi chép thiện xảo, đã được chỉ dẫn, trong khi ghi lại bài viêt thì hoàn thiện bài viêt với việc giải nghĩa theo lý lẽ bằng kinh nghiệm và sự sáng suôt của bản thân, như vậy bài viết ấy sẽ được hoàn thành, được đầy đủ, không thiếu sót. Tương tợ y như thế, việc giải nghĩa theo lý lẽ bằng kinh nghiệm và sự sáng suốt của tôi sẽ tập trung lại ở đây, nhờ vậy ý nghĩa ấy sẽ khéo được phân tích, được thêm that, được đầy đủ, được gom chung lại. 2. Tâu Đại vương, ở thành Sāvatthi, có khoảng năm koti (năm mươi triệu) Thánh đệ tử là các cận sự nam và cận sự nữ của đức Thế Tôn, [trong số đó] ba trăm nam mươi bảy ngàn người đã được thiết lập vào quả vị Bất lai, tất cả những vị ấy đêu là người tại gia, họ không phải bậc xuất gia.

15 Một koti là mười triệu. (ND)

Thêm nữa, ở ngay tại nơi ấy, vào lúc [thị hiện] song thông ở gốc cội cây gandamba, có hai mươi koti (hai trăm triệu) sinh mạng đã lãnh hội. Thêm nữa, vào lúc [thuyết giảng] Mahãrâhulovãda, Kinh Mahāmañgala, bài giảng về tâm bình lặng, Kỉnh Parãbhava. Kinh Purãbheda, Kỉnh Kalahavỉvâda. Kinh Cūlabyūha, Kinh Mahãbyũha, Kinh Tuvataka, Kình Sāriputta, đã có sự lãnh hội giáo pháp của chư thiên với số lượng vượt trội phương thức tính đếm. ở thành Rājagaha, ba trăm năm mươi ngàn Thánh đệ tử của đức Thế Tôn là các cận sự nam và cận sự nữ. Thêm nữa, ở ngay tại nơi ấy, vào lúc chế ngự con long tượng Dhanapâla có chín mươi koti (chín trăm triệu) sinh mạng đã lãnh hội; ở cuộc hội họp về mục đích tối hậu ở điện thờ Pāsānaka có mười bốn kotỉ (một trăm bốn mươi triệu) sinh mạng đã lãnh hội; thêm nữa ở hang động Indasâla có tám mươi koiỉ (tám trăm triệu) chư thiên đã lãnh hội; thêm nữa ở thành Bārānasī, Isipatana, nơi Vườn Nai, vào lúc thuyết giảng giáo pháp lần đầu tiên, có mười tám koti (một trăm tám mươi triệu) đại Phạm thiên và vô số chư thiên đã lãnh hội; thêm nữa ở cõi trời Đạo-lợi9 tại tảng đá Pandukambala (ngai vàng của đức Trời Đế-thích) vào lúc thuyết giảng về Vi diệu pháp, có tám mươi koti (tám trăm triệu) chư thiên đã lãnh hội; vào lúc từ cõi trời trở lại trần gian tại cổng thành Sañkassa, vào lúc [thị hiện] thần thông mở ra cho thấy thế gian, có ba mươi kotỉ (ba trăm triệu) nhân loại và chư thiên được tịnh tín đã lanh hội. Thêm nữa, ở thành Kapilavatthu của dòng họ Sakyā, tại tu

viện Nigrodha, lúc thuyết giảng về dòng dõi chư Phật và lúc thuyết giảng về Kỉnh Mahâsamaya, đã có sự lãnh hội giáo pháp của chư thiên với số lượng vượt trội phương thức tính đếm. Thêm nữa, ở cuộc gặp gỡ với người làm tràng hoa Sumanā, ở cuộc gặp gỡ với Garahadinna, ở cuộc gặp gỡ với nhà triệu phú Ānanda, ở cuộc gặp gỡ với đạo sĩ lõa thể Jambuka, ở cuộc gặp gỡ với thiên tử Manduka, ở cuộc gặp gỡ với thiên tử Mattakundali, ở cuộc gặp gỡ với Sulasã hoa khôi thành phố, ở cuộc gặp gỡ với Sirimā hoa khôi thành phố, ở cuộc gặp ệỡ với người con gái thợ dệt, ở cuộc gặp gỡ với Cūlasubhaddā, ở cuộc gặp gỡ vê việc xem xét chô hỏa táng của người Bà-la-môn xứ Sãketa, ở cuộc gặp gỡ tại Sunãparanta, ở cuộc gặp gỡ về câu hỏi của Thiên chủ Sakkā, ở cuộc gặp gỡ về [bài kinh] Tirokudda. ở cuộc gặp gỡ về Ratanasutta (Kỉnh Châu bảu), mỗi một lần đã có sự lãnh hội giáo pháp của tám mươi bốn ngàn sinh mạng. 3. Tâu Đại vương, trong thời gian mà đức Thế Tôn đã ngự ở thế gian, thì trong thời gian ấy, tại mỗi một nơi nào ở trong ba phạm vi thuộc mười sáu xứ sở lớn mà đức Thế Tôn đã trú ngụ, thì ở tại mỗi một nơi ấy hầu hết đều có hai, ba, bốn, năm trăm, một ngàn, một trăm ngàn chư thiên và nhân loại đã chứng ngộ sự an tịnh, mục đích toi hậu, Niết-bàn. Tâu Đại vương, những vị nào là chư thiên, những vi ấy cũng chính là người tại gia, họ không phải bậc xuất gia. Tâu Đại vương, những người này, và luôn cả nhiều trăm ngàn kotỉ (nhiều tỷ) chư thiên khác nữa đều là người tại gia, sống ở nhà, có sự thọ hưởng các dục, đã chứng ngộ sự an tịnh, mục đích tối hậu, Niết-bàn.

4. Thưa Ngài Nāgasena, nêu những người tại gia, sônệ ở nhà, có sự thọ hưởng các dục, chứng ngộ sự an tịnh, mục đích tối hậu, Niêt-bàn? thế thì các pháp từ khước phục vụ mục đích gì? Vì lý do ấy, các pháp từ khước là việc làm không thuộc vê bổn phận. Thưa Ngài Nāgasena, nếu các cơn bệnh được lắnẹ dịu không cần chú thuật và dược thảo, thì cần gì với việc làm yếu đuối cơ the bởi sự nôn mửa và xô ruột, v.v...? Nêu sự trân áp kẻ thù nghịch là băng các năm tay thì cần gì với gươm, giáo, tên, cung, nỏ? dùi cui, chày vồ? Nếu có được việc leo lên cây sau khi bám vào chạng cây, khúc cong, lỗ hổnậ, mầm gai, dây leo, cành cây, thì cần gì với việc tìm kiếm cái thang dài và chắc chắn? Nếu có sự điều hòa tứ đại với việc nằm ở nền đất thì càn gì với việc tầm cầu giường nằm to lớn khổng lồ rực rỡ, có sự xúc chạm thoải mái? Nếu mỗi một mình có khả năng vượt qua bãi sa mạc có sự nguy hiêm, có sự sợ hãi, không băng phưng, thì cần gì với đoàn xe to lớn khổng lo đã được chuẩn bị, đã được vũ trang? Nêu có khả năng vượt qua sông hồ bằng cánh tay thì cần gì với việc tìm kiếm cây cầu và thuyền bè vững chắc? Nêu có the làm ra thức ăn thức mặc bang vật sở hữu của bản thân thì cần gì với việc hầu hạ, việc nói lời thương mến, và việc lăng xăng chạy phía trước phía sau những kẻ khác? Nếu nước được lấy ở hồ thiên nhiên thì cần gì với việc đào giếng nước, ao, hồ? Thưa Ngài Nãgasena, tương tợ y như thế, nếu những người tại gia sống ở nhà, có sự thọ hưởng các dục, chứng ngộ sự an tịnh, mục đích toi hậu, Niết-bàn, thì can gì với việc thọ trì cao quý ve hạnh từ khước? 5. - Tâu Đại vương, hai mươi tám đức tính này của các pháp từ khước là các đức tính

về vật thực, gắn liền với sự tỉnh thức, khônệ cần chỗ ngụ? nơi nào có sự thoải mái thì trú ngụ ở nơi ấy, có sự nhơm gớm ve điều ác, có sự thích thú nơi thanh vắng, thương xuyên không xao lãng. Tâu Đại vương, những người nào thực hiện đúng đan các hạnh từ khước, những người ấy là những người đi đến hội họp với mười tám đức tính. 6. Tâu Đại vương, mười hạng người này là xứng đáng với hạnh từ khước. Mười hạng nào? Là người có đức tin, có sự hổ thẹn [tội lỗi], có sự sáng suốt, không lường gạt, có khả năng đối với mục đích, không tham, ưa thích sự học tập, có sự thọ trì kiên cố, không có nhiều sự than phiền, có sự an tru tâm từ. Tâu Đại vương, mười hạng người này là xứng đáng với hạnh từ khước. 7. Tâu Đại vương, những người nào là người tại gia, sống ở nhà, có sự thọ hưởng các dục? chứng ngộ sự an tinh, mục ch tối hậu, Niết-bàn, tất cả những người ấy trong những kiếp sống trước đây đã thực hành sự huấn luyện, đã thực hành các công việc căn bản trong mười ba hạnh từ khước. Những người ấy, sau khi đã hoàn chỉnh cách cư xử và sự thực hành ở tại nơi ấy, giờ đây hôm nay trong khi còn là người tại gia vẫn chứng ngộ sự an tịnh, mục đích toi hậu, Niet-barr Tâu Đại vương, giống như người cung thủ thiện xảo, trước tiên hết bắt những người học trò noi gương tập luyện ở phòng huấn luyện về việc phân loại cây cung, việc nâng lên và nắm giữ cây cung, việc kìm chặt nắm tay, việc cong lại ngon tay, việc đặt đe ban chan, việc năm lay mũi ten, việc đặt vao, việc keo căng ra, việc giữ chặt, việc nhắm vào mục tiêu, việc buông ra, về việc xuyên thủng mục tiêu là hình nhân bằng cỏ, bãi phân thú vật, đống cỏ, đống rơm, đống đất sét, tấm ván, sau khi hoàn thành vê thuật băn cung trong sự hiện diện của đức vua thì được nhận lãnh ân huệ về ngựa thuần chủng, xe kéo, voi, ngựa chiến, tài sản, thóc lúa, vàng khối, vàng ròng, tôi trai, tớ gái, vợ, làng mạc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, những người nào là người tại gia, sông ở nhà, có sự thọ hưởng các dục, chứng ngộ sự an tinh, mục đích tối hậu9 Niết- bàn, tất cả những người ấy trong những kiếp sống trước đây đã thực hành sự huấn luyện, đã thực hành các công việc căn bản trong mười ba hạnh từ khước. Những người ấy, sau khi đã hoàn chỉnh cách cư xử và sự thực hành ngay ở tại nơi ấy, giờ đây hôm nay trong khi còn là người tại gia vẫn chứng ngộ an tịnh, mục đích tối hậu, Niết-bàn. Tâu Đại vương, không có sự luyện tập trước đây về các hạnh từ khước thì không có được sự chứng ngộ phẩm vị A-la-hán chỉ trong một kiếp sống, hơn nữa với sự tinh tấn tột bực, với sự thực hành tột bực, với người thầy có hình thức như thế, với người bạn tốt lành thì có được sự chứng ngộ phẩm vi A-la-hán. 8. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người thầy thuốc phẫu thuật sau khi đã làm hài lòng người thầy với tài sản hoặc bằng việc thực hành phận su, sau khi đã noi theo học tập công việc cầm cây dao, việc cắt, việc rạch, việc xuyên thủng, việc rút ra cây tên, việc rửa vết thương, việc làm khô, việc bôi thuốc,

việc áp dụng dầu thơm cho việc nôn mửa và việc xổ ruột, khi đã thực hành việc học tập ve các kiến thức, đã thực hành sự huấn luyện, đã thực hành tay nghe, thì đi thăm những người bệnh nhằm việc chữa trị. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào là người tại gia sống ở nhà5 có sự thọ hưởng các dục, chứng ngộ sự an tịnh, mục đích tối hậu, Niết- bàn, tất cả những người ấy trong những kiêp sông trước đây đã thực hành sự huấn luyện, đã thực hành các công việc căn bản trong mười ba hạnh từ

khước. Những người ấy, sau khi đã hoàn chỉnh cách cư xử và sự thực hành ngay ở tại nơi ấy, giờ đây hôm nay trong khi còn là người tại gia vẫn chứng ngộ an tinh, mục đích tối hậu, Niết-bàn. Tâu Đại vương, không có sự lãnh hội giáo pháp đối với những người chưa được hoàn thiện về các hạnh từ khước. Tâu Đại vương, giống như không có sự rưới nước thì không có sự mọc lên của hạt giống. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có sự lãnh hội giáo pháp đối với những người chưa được hoàn thiện về các hạnh từ khước. Tâu Đại vương, hoặc là giống như không có việc đi đến cảnh giới tốt đẹp đối với những người đã không làm các việc thiện, đã không làm các việc tốt. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có sự lãnh hội giáo pháp đối với những người chưa được hoàn thiện về các hạnh từ khước. 9. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh thì hạnh từ khước ví như trái đất theo ý nghĩa nơi nâng đỡ. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tinh, hạnh từ khước ví như nước theo ý nghĩa rửa sạch tất cả bợn nhơ phiền não. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tinh, hạnh từ khước ví như ngọn lửa theo ý nghĩa thiêu đót tát cả cánh rừng phiên não. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như gió theo ý nghĩa thổi đi tất cả bợn nhơ bụi bặm về phiền não. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tinh, hạnh từ khước ví như thuốc giải độc theo ý nghĩa làm lắng dịu tất cả tật bệnh về phiền não. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như thuốc bất tử theo ý nghĩa tiêu diệt tất cả chất độc phiền não. Tâu Đại vương, đôi với những người có ước muôn vê sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như thửa ruộng theo ý nghĩa làm mọc lên tất cả mùa màng về Sa- môn hạnh. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như ngọc như ý theo ý nghĩa ban cho ân huệ về mọi sự thành tựu đã được mong mỏi? ước ao. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như chiếc thuyền theo ý nghĩa đi đến bờ bên kia của đại dương luân hồi.

Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như chốn nương nhờ cho người bị sợ hãi theo ý nghĩa việc làm an ủi cho những người sợ hãi sự già và sự chết. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như người mẹ theo ý nghĩa người hỗ trợ cho những người bi áp bức bởi phiền não khổ đau. Tâu Đại vương, đôi với những người có ước muôn vê sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như người cha theo ý nghĩa người sanh ra tất cả Sa-môn hạnh cho những người có ước muốn tăng trưởng thiện pháp. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như người bạn theo ý nghĩa không lường gạt trong việc tầm cầu tất cả Sa-môn hạnh. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như loài sen theo ý nghĩa không bị lam lem bởi mọi phiền não ô nhiễm. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như bốn loại hương thơm cao quý theo ý nghĩa xua đuổi mùi thối của phiền não. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như núi chúa cao quý theo ý nghĩa không bi lay động bởi các ngọn gió của tám pháp thế gian. Tâu Đại vương, đôi với

những người có ước muôn vê sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như không trung theo ý nghĩa bao la, tỏa ra5 rộng, lớn đối với việc bám víu ở mọi nơi đã được tách rời. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như dòng sông theo ý nghĩa chuyển tải các bợn nhơ phiền não. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như người dẫn đường giỏi theo ý nghĩa thoát ra khỏi sa mạc của sự sanh và vùng rậm rạp của khu rừng phiền não. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như người hướng dẫn đoàn xe vĩ đại theo ý nghĩa đạt đen thành phố Niết-bàn cao quý và ưu tú, không sợ hãi, an toàn và không còn tất cả các sự sợ hãi. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như tấm gương được chùi kỹ lưỡng không vết nhơ theo ý nghĩa nhìn thấy bản thể thật cua các hành. Tâu Đại vương, đôi với những người có ước muôn vê sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như tấm mộc che theo ý nghĩa ngăn chặn tất cả các cây gậy, mũi tên, gươm đao phiền não. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh

từ khước ví như chiếc lọng che theo ý nghĩa ngăn chặn cơn mưa phiền não và sức đốt nóng của ngọn lửa gồm ba loại. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như mặt trăng theo ý nghĩa được ước muốn, được mong cầu. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như mặt trời theo ý nghĩa tiêu diệt sự tăm tối của bóng tối si mê. Tâu Đại vương, đôi với những người có ước muôn vê sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như biển cả theo ý nghĩa nâng cao các viên ngọc quý giá về đức hạnh Sa-môn và theo ý nghĩa không đo lường được, không thể tính toán, không thể ước lượng. 10. Tâu Đại vương, như vậy hạnh từ khước đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh là có nhiều sự giúp đỡ, xua đi mọi sự khó chịu và bực bội, xua đi sự không thích thú, xua đi nỗi sợ hãi, xua đi sự hiện hữu, xua đi sự cứng nhắc [của tâm], xua đi ô nhiễm, xua đi sầu muộn, xua đi khổ dàu, xua đi ái luyến, xua đi sân hận, xua đi si mê, xua đi ngã mạn, xua đi tà kiến, xua đi tất cả các pháp bất thiện, đem lại danh tiếng, đem lại lợi ích, đem lại an lạc, tạo sự thoải mái, tạo sự vui vẻ, tạo sự an toàn đối với các trói buộc, không có tội lỗi, có quả thành tựu dễ chịu và an lạc, là khối đức hạnh, là đống đức hạnh, có đức hạnh vô lường, vô lượng, cao quý, ưu tú, tối thắng. Tâu Đại vương, giông như loài người nhờ cậy vật thực vì muôn sự nâng đỡ, nhờ cậy thuốc men vì muốn sự lợi ích, nhờ cậy bạn bè vì muốn sự giúp đỡ, nhờ cậy chiếc thuyền vì muốn sự vượt qua, nhờ cậy mùi thơm của tràng hoa vì muốn mùi thơm tót, nhờ cậy chỗ ân náu đôi với sự sợ hãi vì muôn sự không còn sợ hãi, nhờ cậy trái đất vì muốn chỗ nâng đỡ, nhờ cậy người thầy vì muốn nghề nghiệp, nhờ cậy đức Vua vì muốn danh vọng, nhờ cậy ngọc báu ma-ni vì muốn sự ban cho điều ước muốn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, các bậc Thánh nhờ cậy hạnh từ khước vì muốn sự ban phát tất cả đức hạnh của vị Sa-mon. 11. Tâu Đại vương, hoặc là giống như nước nhằm việc tăng trưởng của hạt giống, lửa nhằm việc thiêu đốt, thực phẩm nhằm mang lại sức mạnh, dây leo vì sự trói buộc, dao vì việc cắt đứt, nước uống nhằm việc xua đuổi cơn khát, của chôn giâu nhăm sự an tâm, chiêc thuyên nhăm việc đạt đên bờ, thuoc men nhăm làm lang dịu cơn bệnh, xe cộ nhằm việc đi lại được

an lạc, chỗ ẩn náu đối với sự sợ hãi nhằm xua đi nỗi sợ hãi, đức Vua nhằm mục dh bảo vệ, tấm mộc che nhăm ngăn chặn roi vọt, đát cục, gậy gộc, mũi tên, gươm đao, thây giáo nhăm việc chỉ dạy, người mẹ nhằm việc nuôi dưỡng, tấm gương nhằm việc nhìn xem, đồ trang sức vì sắc đẹp, vải vóc nhằm việc che đậy, cái thang nhằm việc leo lên, cái cân nhăm loại bỏ, chú thuật đê đọc lâm nhâm, vũ khí nhăm ngăn chặn sự hăm dọa, ngọn đèn nhằm tiêu diệt bóng tối, gió nhằm dập tắt sự nóng nực, nghề nghiệp nhằm thành tựu sự sinh sống, thuốc giải độc nhằm bảo vệ mạng sống, hâm mỏ nhằm sản xuất châu ngọc, châu ngọc nhăm đê trang diêm, mệnh lệnh nhằm việc không vượt qua, uy quyền nhằm vận hành mệnh lệnh.

MILINDAVẤNĐẠO^ 1089

. r All r l' .

Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, hạnh từ khước nhăm việc tăng trưởng hạt giống Sa-môn, nhằm việc thiêu đốt bợn nhơ phiền não, nhằm mang lại năng lực của thần thông, nhằm buộc chặt sự thu thúc ở niệm, nhằm cắt đứt sự phân vân và nghi ngờ, nhằm xua đuổi sự khát khao về tham ái, nhằm tạo ra sự an tâm trong việc lãnh hội, nhằm thoát ra khỏi bốn dòng nước lũ, nhằm lắng dịu cơn bệnh phiền não, nhằm đạt được an lạc Niết-bàn, nhằm xua đi nỗi sợ hãi về sanh-già-bệnh-chêt-sâu-bi-khô-ưu-não, nhăm bảo vệ các đức hạnh của Sa-môn? nhằm ngăn chặn sự không ưa thh và các suy nghĩ xấu xa, nhằm chỉ dạy toàn thể mục đích của đời sống Sa-môn, nhằm nuôi dưỡng tất cả các đức hạnh của đời sốiiệ Sa-môn, nhằm việc xem xét về chỉ tịnh, minh sát, đạo, quả và Niết- bàn, nham tạo ra vẻ đẹp lớn lao vĩ đại đã được tán dương, khen ngợi bởi toàn the the gian, nhằm đóng lại tất cả đọa xứ, nham leo lên đỉnh chóp núi đá của mục đích đời sốnệ Sa-môn, nhằm loại bỏ tâm cong, quẹo, sai trái, nhằm làm cho việc học tập tót đẹp về các pháp nên thân cận và không nên thân cận, nhằm hăm dọa kẻ thù là mũi tên phiên não, nhằm tiêu diệt bóng tối vô minh, nhằm dập tắt sự đốt nóng và sự nóng nực của ngọn lửa gồm ba loại, nhằm thành tựu sự chứng đạt sự an tịnh tinh vi và te nhi, nham bảo vệ đức hạnh của toàn bộ đời sống Sa-môn, nhằm sản xuất châu ngọc quý giá là các chi phần đưa đến giác ngộ, nhằm để trang điểm người hành giả, nhằm việc khônệ vượt qua sự an lạc của trạng thái an tịnh không tội lỗi, khôn khéo, te nhị, nham vận hành uy lực của Thánh pháp ở toàn bộ đời sống Sa-môn. Tâu Đại vương, như vậy mỗi một hạnh từ khước là nhằm đưa đến sự chứng đạt các đức hạnh này. Tâu Đại vương, như vậy "hạnh từ khước là không thể so sánh, không thể đo lường, không sánh bằng được, không vật tương đương, không vật đối chiếu, không vật trội hơn, là vô thượng, hàng đầu, đặc biệt, vượt trội, trải dài, bao la, tỏa ra, vươn rộng, quan trọng, nghiêm trọng, vĩ dại." 12. Tâu Đại vương, cá nhân nào có ước muôn xâu xa, bi thúc đây bởi ước muốn, gian xảo, tham lam, quan tâm đến bao tử, mong muốn lợi lộc, mong muốn danh vọng, mong muốn tiếng tăm, không thích hợp, không đạt yêu cầu, không thích đáng, không xứng đáng, không phù hợp mà thọ trì hạnh từ khước, kẻ ấy gánh chịu hai lần hình phạt, gánh chịu sự phá hại tất cả các đức hạnh, trong thời hiện tại nhận lấy sự khinh bỉ, khinh miệt, chê trách, chế nhạo, giễu cợt, sự không thọ hưởng chung, sự xua đuổi, sự tống khứ, sự đưa đẩy, sự trục xuất, thậm chí ở thời vị lai, kẻ ấy

trong nhiều trăm ngàn koti [nhiều tỷ] năm, bị nung nấu quay tròn lẫn lộn với bọt nước ở bề mặt, ở hướng trên, ở hướng dưới, ở hướng ngang, trong quầng lưới lửa nóng bỏng, sôi sục, cháy nóng, cháy rực ở đại địa ngục Vô Gián rộng một trăm do-tuần, sau khi được thoát ra khỏi nơi ấy, thì có cơ thể và tứ chi gầy ốm, thô kệch, đen đủi, cái đầu bị sưng, phồng lên, có lỗ thủng với vô số muỗi bám, bi đói, bị khát, có hình thể dáng vóc không đồnệ đều, khủng

không sự bảo vệ, không sự nương nhờ, đang than vãn tiếng khóc tỉ tê, nức nở, bi thương, sau khi trở thành hạng nga quỷ to lớn có hình dáng Sa-môn luôn bị dằn vặt bởi sự khao khát, đi lang thang ở trái đất, có giọng kêu gào thảm thiết. Tâu Đại vương, giống như người nào đó không thích hợp, không đạt yêu cầu, không thích đáng, không xứng đáng, không phù hợp, kém cỏi, có dòng dõi xấu xa mà phong vương với lễ đăng quang của dòng Sát-đế-lỵ? kẻ ấy nhận chịu việc bị chặt bàn tay, chặt bàn chân, chặt bàn tay và bàn chân, cắt tai, xẻo mũi, cắt tai và xẻo mũi, [nhúng vào] hũ giấm chua, cạo đầu bôi vôi, đốt lửa ở miệng, thiêu sống, đốt cháy ở bàn tay, lột da thành sợi, mặc y phục vỏ cây, kéo căng thân người ở trên đất, xiên da thịt bằng lưỡi câu, khoét thịt thành đồng tiền, chà xát với chất kiềm, quay tròn ở trên thập tự giá, ngồi ở ghế rơm, rưới bằng dầu sôi, cho những con chó gặm, đặt trên giáo nhọn, chặt đầu bằng gươm, gánh chịu việc làm của nghiệp theo nhiều cách. Vì lý do gì? Kẻ không thích hợp, không đạt yêu cầu, không thích đáng, không xứng đáng, không phù hợp, kém cỏi, có dòng dõi xấu xa, đã đặt bản thân vào địa vị vương quyền to lớn, đã thủ tiêu ranh giới. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, cá nhân nào có ước muốn xấu xa,.. (nt)... ở trái đất, có giọng kêu gào thảm thiết. 13. Tâu Đại vương, tuy nhiên cá nhân nào thích hợp, đạt yêu câu, thích đáng, xứng đáng, phù hợp, ít ham muốn, tự biết đủ, sống tách ly, không giao du, có sự nô lực tinh tân, có bản tánh cương quyết, không gian trá, không xảo quyệt, không quan tâm đến bao tử, không mong muốn lợi lộc, không mong muốn danh vọng, không mong muốn tiếng tăm, có đức tin, xuất gia vì đức tin, mong muôn thoát khỏi già chét [nghĩ răng]: "Ta sẽ hiêu được giáo pháp,9 roi thọ trì hạnh từ khước, vị ấy xứng đáng sự cúng dường gấp hai lần, đối với chư thiên và loài người là vị được yêu mến, được ưa thích, được ước muốn, được mong cầu, như là bông hoa của các loài hoa nhài trâu, nhài Ả-rập, v.v... đối với người đã được tắm đã được thoa dầu, như là thức ăn hảo hạng đối với người bị thèm ăn, như là nước uống mát sạch thơm tho đối với người bị khát, như là dược thảo cao quý đối với người bị nhiễm độc, như là cồ xe ngựa thuần chủng cao quý tối thượng đối với người mong muốn đi nhanh, như là ngọc quý ma-ni như ý đối với người có ước muốn về mục đích, như là chiếc lọng trắng trong sạch không bợn nhơ đối với người có ước muốn được phong vương, như là sự chứng đắc vô thượng của quả vị A-la-hán đối với người có ước muốn về giáo pháp. Đối với vị ấy, bốn sự thiết lập niệm nhờ vào sự tu tập đi đến tròn đủ; bốn chánh cần, bốn nên tảng của thân thông, năm quyên, năm lực, bảy chi phân đưa đên giác ngộ, Thánh đạo tám chi phần nhờ vào sự tu tập đi đến tròn đủ, chứng đắc chỉ tịnh và minh sát, hoàn thiện sự thực hành của sự chứng đắc; bốn quả báo của đời sống Sa-môn5 bốn tuệ phân tích, ba minh, sáu thắng trí và toàn bộ pháp Sa-môn, tất cả là thuộc về vị ấy. Vi ấy được phong

vương với chiếc lọng trắng trong sạch không bợn nhơ của sự giải thoát. Tâu Đại vương, giông như đôi với vị vua dòng Sát-đê-lỵ, sanh ra ở nơi quý

phái, CÓ dòng dõi gia tộc, đã được phong vương với lễ đăng quang của dòng Sát-đê-lỵ thì có các thị dân, dân chúng, nhân công, binh lính thuộc vương quôc phục tùng, và ba mươi tám toán tùy tùng của đức vua, các kịch sĩ và vũ công, những người tiên đoán điềm lành, những người nói lời chúc tụng, các Sa-môn9 Bà-la-môn, tất cả các nhóm người ngoại đạo tìm đến; bất cứ việc gì ở trái đất như là ben tàu, ham mỏ châu báu, thành pho, trạm thuế, các người khác xứ, việc xử chặt, việc xử chém, việc chỉ thị dân chúng, vị vua ấy trở thành người chủ ở tất cả các nơi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, cá nhân nào thích hợp, đạt yêu cầu,... (nt)... được phong vương với chiếc lọng trắng trong sạch không bợn nhơ của sự giải thoát. 14. Tâu Đại vương, đây là mười ba pháp từ khước, được làm trong sạch với các pháp này? [vị Tỳ-khưu] tiến vào đại dương Niết-bàn, tiêu khiển trò tiêu khiên của giáo pháp có nhiêu loại, roi tiên đên tám sự chứng đạt của sác giới và vô sắc giới, đạt được nhiều loại than thông, thiên nhĩ giới, nhận biết tâm của người khác, nhớ lại các kiếp sống quá khứ, thiên nhãn và sự diệt tận tất cả các lậu hoặc. Mười ba pháp nào? Pháp của vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, pháp của vị chỉ sử dụng ba y, pháp của vị chuyên đi khất thực, pháp của vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà, pháp của vị chỉ một chỗ ngồi [khi thọ thực], pháp của vị thọ thực trong bình bát, pháp của vi không ăn vật thực dâng sau, pháp của vị ngụ ở rừng, pháp của vị ngụ ở gốc cây, pháp của vị ở ngoài trời, pháp của vị ngụ ở mộ địa, pháp của vi ngụ chỗ ở theo chỉ định, pháp của vị chuyên về oai nghi ngồi [không nằm]. Tâu Đại vương, với mười ba hạnh từ khước này đã được thân cận, đã được thành thạo, đã được thực hành, đã được hoàn thiện, đã được hành xử, đã được tiếp cận, đã được tròn đủ trước đây mà [bây giờ] đạt được toàn bộ đời song Sa-môn; toàn bộ các sự chứng đạt tịch tịnh, an lạc là thuộc về vị ấy. Tâu Đại vương, giống như người thuyền trưởng có tài sản, đã thực hiện tốt đẹp phần thuế ở bến tàu, thì tiến vào đại dương rồi đi đến các xứ Vañga9 Takkola, Chia, Sovīra, Surattha, Alasanda, Kolapatta, Suvannabhūmi, luôn cả bất cứ chỗ nào khác là nơi lai vãng của tàu bè. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, với mười ba hạnh từ khước này đã được thân cận, đã được thành thạo, đã được thực hành, đã được hoàn thiện, đã được hành xử, đã được tiếp cận, đã được tròn đủ trước đây mà [bây giờ] đạt được toàn bộ đời sống Sa-môn; toàn bộ các sự chứng đạt tịch tịnh, an lạc là thuộc vê vị ây. Tâu Đại vương, giống như người nông dân trước tiên dời đi các khuyết điểm của thửa ruộng như là cỏ? cành khô, đá sỏi, rồi cày xới, gieo hạt, đưa nước vào đúng đắn, bảo vệ, giữ gìn, rồi với việc giặt hái đập giũ mà trở thành người có nhiều thóc lúa, những người nào không có tài sản, khốn kho, nghèo khó, người lâm cảnh bất hạnh là thuộc ve người ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, với mười ba hạnh từ khước này đã được thân cận, đã được thành thạo,... (nt)... toàn bộ các sự chứng đạt tịch tịnh, an lạc là thuộc về vị ấy.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như vi Sát-đế-lỵ đã được làm lễ phong vương ở đầu, đã được sanh ra ở nơi quý phái, có dòng dõi gia tộc, là người chúa tê trong việc xử chặt, xử chém, chỉ thi dân chúng, có sự thể hiện các quyền lực, là người chủ có hành động theo như ước muốn, và toàn bộ đại địa cầu là thuộc về vi ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, với mười ba hạnh từ khước này đã được thân cận, đã được thành thạo, đã được thực hành, đã được hoàn thiện, đã được hành XÍT, đã được tiếp cận, đã được tròn đủ trước đây mà [bây giờ] trở thành vi chúa tể ở giáo pháp cao quý của đấng Chiên Thắng, có sự thê hiện các quyền lực, là người chủ có hành độiiệ theo như ước muốn; và toàn bộ các đức hạnh của đời song Sa-môn là thuộc ve vi ấy. 15. Tâu Đại vương, chẳng phải Trưởng lão Upasena, con trai của Vañganta, với sự thực hành đầy đủ các hạnh giảm thiểu và từ khước, sau khi khôriẸ chấp hành quy đinh của hội chúng ở Sāvatthi, đã cùng tập thể của mình đi đen gặp đấng Điều Ngự Trượng Phu đang thiền tinh, đã đê đầu đảnh lễ hai bàn chan của đức Thế Tôn, rồi đã ngồi xuống một bên. Và đức Thế Tôn sau khi nhìn thấy tập thể đã khéo được huấn luyện ấy thì mừng rỡ, phấn chấn, vui mừng, phấn khởi, sau khi trao đổi chuyện trò với tập thể, rồi với giọng nói của Phạm thiên không bi lẫn lộn, đã nói điều này: "Này Upasena, tập thê này quả là có niêm tin đôi với ngươi. Này Upasena, ngươi hướng dẫn tập thể thế nào?" Được đấng Toàn Tri, bậc Mười Lực, vi Trời Vượt Trội Các Vi Trời hỏi. Vi ấy bằng năng lực về đức hạnh của tự thân đúng theo sự thật, cũng đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài, người nào đi đến và cầu xin con sự xuất gia, hoặc pháp nương nhờ, thì con nói với người ấy như vầy: 'Này đạo hữu, ta là vi hành pháp ngụ ở rừng, hành pháp chuyên đi khất thực, hành pháp chỉ mặc y may bang vải bi quăng bỏ, hành pháp chỉ sử dụng ba y. Nếu ngươi cũng sẽ là vỉ hành pháp ngụ ở rừng, hành pháp chuyên đi khất thực, hành pháp chỉ mặc y may bang vải bỉ quăng bỏ, hành pháp chỉ sử dụng ba y, như thế thì ta sẽ cho ngươi xuất gia, sẽ ban cho pháp nương nhờ.' Thưa Ngài, nếu người ấy sau khi đã đồng ỷ với con, vui vẻ, hứng thú, như vậy thỉ con cho người ấy xuất gia, con ban cho pháp nương nhờ. Bạch Ngài, con hướng dẫn tập thể như thểy Tâu Đại vương, cũng như thế, người thọ trì đức hạnh cao quý của các pháp từ khước là vi chúa tể ở giáo pháp cao quý của đấng Chiến Thắng, có sự thể hiện các quyền lực, là người chủ có hành động theo như ước muốn; toàn bộ các sự chứng đạt tịch tinh, an lạc là thuộc về vi ấy. Tâu Đại vương, giống như hoa sen có nguồn gốc, sanh trưởng, mọc lên trong sạch cho đến lúc trưởng thành là trơn láng, mềm mại, đáng ham thích, có mùi thơm tốt, được yêu mến, được mong cầu, được ca tụng, không bi lấm lem bởi nước và bùn, được tô điểm bởi những cánh hoa nhỏ, tua nhi, quả sen, được lai vãng bởi bầy ong, được phát triển ở nước mát lạnh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, với mười ba hạnh từ khước này đã được thân cận, đã được thành

thạo, đã được thực hành, đã được hoàn thiện, đã được hành xử, đã được tiếp cận, đã được tròn đủ trước đây mà [bây giờ] các vị đệ tử của bậc Thánh được đầy đủ với ba mươi đức tính cao quý. Với ba mươi đức tính

Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Bất cứ lời dạy nào của đức Phật gồm chín thê loại, • các hành động nào vượt r trên Ị' thê gian, và cácL sự chứng đạt vĩ đại cao . • l <1 <• e

quý nào của các sự chứng đác ở thê gian; mọi điêu ây đêu đi đên sự hội tụ ở mười ba hạnh từ khước. wCâu hỏi về pháp từ khước55 là thứ nhỉ. Phẩm Suy luận được đầy đủ.

CÁC CÂU HỎI GIẢNG VÈ CÁC ví

1096 KINH TIÊU Bộ

Năm tính chất của nước nên được hành trì.
Năm tính chất của lửa nên được hành trì.
Năm tính chất của gió nên được hành trì.
Năm tính chất của núi nên được hành trì.
Năm tính chát của hư không nên được hành trì.
Năm tính chất của mặt trăng nên được hành trì.
Bảy tính chất của mặt trời nên được hành trì.
Ba tính chất của vị Sakkā nên được hành trì.
Bốn tính chất của vi Chuyển Luân nên được hành trì.
Một tính chất của loài mối nên được hành trì.
h
Hai tính chất của loài
MILINDAVẤNĐẠO^ 1097

Ba tính chất của ngọc ma-ni nên được hành trì. Bốn tính chất của người thợ săn nên được hành trì. Hai tính chất của người câu cá nên được hành trì. Hai tính chất của người thợ mộc nên được hành trì. Một tính chất của chum nước nên được hành trì. Hai tính chất của sắt đen nên được hành trì. Ba tính chất của cái lọng che nên được hành trì. Ba tính chất của thửa ruộng nên được hành trì. Hai tính chất của thuốc giải độc nên được hành trì. Ba tính chất của vật thực nên được hành trì. Bốn tính chất của người cung thủ nên được hành trì. Bốn tính chất của vi vua nên được hành trì. Hai tính chất của người gác cổng nên được hành trì. Một tính chất của cối đá xay được hành trì. Hai tính chát của cây đèn nên được hành trì. Hai tính chất của loài chim công nên được hành trì. Hai tính chất của loài ngựa nên được hành trì. Hai tính chất của kẻ say rượu nên được hành trì. Hai tính chất của cái ngưỡng cửa nên được hành trì. Một tính chất của cái cân nên được hành trì. Hai tính chất của thanh gươm nên được hành trì. Hai tính chất của loài cá nên được hành trì. Một tính chất của kẻ vay nợ nên được hành trì. Hai tính chất của người bị bệnh nên được hành trì. Hai tính chất của người bi chết nên được hành trì. Hai tính chất của con sông nên được hành trì. Một tính chất của loài bò mộng nên được hành trì. Hai tính chất của con đường nên được hành trì. Một tính chát của người thu thuê nên được hành trì. Ba tính chất của kẻ trộm cướp nên được hành trì. Một tính chất của loài chim diều hâu nên được hành trì. Một tính chất của loài chó nên được hành trì. Ba tính chát của người thây thuôc nên được hành trì. Hai tính chất của người nữ mang thai nên được hành trì. Một tính chất của loài sơn dương nên được

hành trì.

1098 KINH TIỂU BỘ

Hai tính chất của loài chim giẻ nên được hành trì. Ba tính chất của loài bồ câu nên được hành trì. Hai tính chất của người một mắt nên được hành trì. Ba tính chất của người cày ruộng nên được hành trì. Một tính chát của loài chó rừng giông Jambuka nên được hành trì. Hai tính chất của cái sàng loại nhỏ nên được hành trì. Một tính chất của cái muỗng nên được hành trì. Ba tính chất của người thâu nợ nên được hành trì. Một tính chất của người nghiên cứu nên được hành trì. Hai tính chất của người đánh xe nên được hành trì. Hai tính chát của người cung cáp thức ăn nên được hành trì. Một tính chất của

MILINDAVẤN ĐẠO 1099

L PHẨM LỪA (GADRABHAVAGGƠ)

ỉ. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI LỪA (Gadrabhañgapañho) -Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: 6MQt tính chất của con vật có tiếng kêu ghê rơn [loài lừa] nên được hành tri", một tính chất nên được hành tn ấy la điều nao? Tâu Đại vương, giông như loài lừa năm ở bát cứ nơi đâu: ơ đỉnh đông rác, ở ngã tư đường, ở giao lộ, ở công làng, ở đông trâu và không năm nhiêu. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập có thể nằm sau khi đã trải xuống mảnh da ở bất cứ nơi đâu: ở tấm trải bằng cỏ, ở tấm trải bằng la, ơ chiec giường nho băng cay go, ơ nen đát, không nen năm nhiêu. Tâu Đại vương, điêu này là một tính chát của con vật có tiêng kêu ghê rợn [loài lừa] nên được hành trì. Tâu Đại vương, điêu này cũng đã được đức Thê Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vi Trời, nói đến: "Này các Tỳ-khưuf giờ đây các đệ tử của Taf với gối kê đau là khúc go mục, sổng không xao lãng, cỏ nhiệt tâm trong việc nỗ lựcy Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến:1 "Đôi với vị đang ngôi với thê kiêt-già, trời mưa còn chưa làm ướt đâu gói, vầy là quá đủ cho sự an trú thoải mái của vỉ Tỳ-khưu có bản tánh cương quyéty uCâu hỏi về tính chất của loài lira" là thứ nhất2

2. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHÁT CỦA LOÀI GÀ TRỐNG (Kukkatañgapañho) í. - Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: "Nm tính chất của loài gà trống nên được hành tri"năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài gà trống đi nghỉ ngơi đúng lúc đúng thời. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên quét dọn sân của bảo tháp đúng lúc đúng thời, rồi nên cung cấp nước uống nước rửa, nên chăm sóc cơ thể, nên tắm rửa, nên đảnh lễ bảo tháp, nên đi đến thăm viếng các

Theragāthāpāli (Trưởng lão kê), TTPV, tập 31, trang 229, câu kệ 985.

1100 KINH TIỂU Bộ

Tỳ-khưu trưởng thượng, roi nên đi vào nơi trông văng đúng lúc đúng thời. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ nhát của loài gà trông nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài gà trống thức dậy đúng lúc đúng thời. Tâu Đại vương,

tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên thức dậy đúng lúc đúng thời, nên quét dọn sân của bảo tháp, rồi cung cấp nước uống nước rửa, nên chăm sóc cơ thể, nên đảnh lễ bảo tháp, rồi nên đi vào nơi trống vắng thêm lần nữa. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài gà trống nên được hành trì. 3 Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài gà trống sau khi bới đi bới lại mặt đất rồi nuốt miếng ăn vào. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi quán xét đi quán xét lại rồi mới nên nuốt vật thực vào: "Không phải để chơi giỡn, không phải vì đam mê, không phải để tô điểm, không phải đe trang sức. mà chỉ nhằm để duy trì, để nuôi dưỡng thân thể này. để ngăn ngừa sự tôn hại, đê hô trợ sự thực hành Phạm hạnh [nghĩ răng]: Như vây ta tiêu diệt cảm thọ cũ và sẽ không làm sanh lên cảm thọ mới, và sự sông còn, sự không bị chê trách và sự cư trú thoải mái sẽ có đến ta." Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của loài gà trống nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến: “í như thịt của người con trai ở nơi sa mạc, giống như dầu bôi trơn cho trục xe, tương tợ như thế, người đã ăn vào vật thực nhằm mục đích sống còn, không bi đam say'" 4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài gà trốnệ dầu sáng mắt cũng bị mù mờ vào ban đêm. Tâu Đại vương, tương tơ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập dầu không bị mù cũng nên là như mù, dầu ở trong rừng hay đang khi đi khất thực ở khu vực làng mạc nên là như mil, điếc, câm đối với các sắc, thinh, hương, vị, xúc và pháp quyến rũ, không nên nắm giữ hình tướng, không nên nắm giữ chi tiết. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của loài gà trống nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Mahā Kaccāyana nói đến:2 "Người có mắt nên là như kẻ mil, người có tai nên là như kẻ điếc, người có lưỡi nên là như kẻ câm, người có sức mạnh tợ như kẻ yểu đuổi, và khi có sự việc đã được sanh khởi, hãy nằm xuống ngủ như kẻ chếty 5. Tâu Đại vưcmg, còn có điều khác nữa, loài gà trống dầu đang bị tấn công bởi các cục đất, cây gậy, cây côn, cái vồ, cũng không lìa bỏ cái chuồng của mình. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập dầu đang làm công việc may y, đang làm công việc xây dựng công trình mới, đang thực hành phận sự và công việc, đang đọc tụng, đang bảo người khác đọc tụng, cũng không nên lìa bỏ việc tác ý đúng đường loi. Tâu Đại vương, bản thân điều này chính là ngôi nhà của hành giả, tức là sự tác ý đúng đường lối. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ năm của loài gà trông nên được hành trì. Tâu2

2 Theragāthāpāli (Trưởng lão kệ), TTPV, tập 31, trang 143, câu kệ 501.

MILINDA VẤN ĐẠO noi

Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến: “Này các Tỳ-khuu, cái gì là hành xứ của vi Tỳ-khưu? Là lãnh vực tu tập có tỉnh chất truyền thống của bản thân, tức là bốn sự thiết lập niệmy Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến: "Giống như con voi đang ngủ, không giẫm đạp lên cải vòi của nó. Nó nhận thức được vật ăn được và vật không ăn được, [nhận thức được] hành vi và suy nghĩ của bản thân. Y như thế ấy, người con trai của đức Phật, dẫu là không bi xao lãng, không nên xem thường lời dạy của đang Chiến Thắng ve sự tác ỷ cao quỷ toi thượng^ 46Câu hỏi về tính chất của loài

gà trống" ỉa thứ nhỉ.

3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI SÓC (Kalandakañgapañho) Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: wMột tmh chất của loài sóc nên được hành tri* một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? Tâu Đại vương, giống như loài sóc, khi kẻ thù địch lao đến thì ve vẫy cái đuôi và làm cho lớn lên, rồi xua đuổi kẻ thù địch bằng cay côn chính là cái đuôi ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập, khi kẻ thù phiền não lao đến, thì nên ye vẫy cây côn là sự thiết lập niệm và làm cho nó lớn lên, rồi xua đuổi tất cả phiền não bằn^ chính cây côn là sự thiết lập niệm ấy. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài sóc nên được hành trì. Tâu Đại vương, điêu này cũng đã được Trưởng lão Cullapanthaka nói đến: "Khỉ nào các phiền não phá hoại đức hạnh của đời sống Sa-môn lao đến, chúng nên bi tiêu diệt một cách liên tục bang cây côn là sự thiết lập niệm y “Câu hỏi về tính chất của loài s6c” là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI BEO CÁI (Dīpiniyañgapañho) Thưa Ngài Nãgasena, điều mà N^ài nói là: 66Một tính chất của loài beo cái nên được hành trì55, một tính chát nên được hành trì ấy là diều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài beo cái đậu thai chỉ có một lần, không tiếp tục đi đến với con đực nữa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, VỊ hành giả thiêt tha tu tập sau khi nhìn thấy sự tiếp nối trong tương lai, sự tái sanh, việc nằm ở bào thai, sự chết, sự tan rã? sự hoại diệt, sự tiêu tan, nỗi sợ về luân hồi, khổ cảnh, Sự không tương xứng, sự dăn vặt, nên thực hiện tác ý đúng đường lôi răng: "Ta sẽ không tiếp tục về việc sanh ra lần nữa." Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài beo cái nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, VỊ Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Kinh tập?

3 Suttanipãta (Kỉnh tập), Kinh Người chăn bò Dhaniya, câu kệ 29.

"Tợ như con bò mộng đã cắt đứt các sự trói buộc, tợ như con voi đã bứt lìa sợi dây rừng thoi tha, Ta sẽ không đi đến việc nằm ở bào thai lần nữa. "Này vị trời, vậy nếu ngài mong muốn, thì ngài hãy đổ mưa^ “Câu hỏi về tính chất của loài beo c” là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI BEO Đực (Dīpikañgapañho) 1. - Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: 6íHai tính

/ c 2 9 J 5 T X 7 A l Ji Thậm chỉ, nêu nội tạng của tôi rơi ra lòng thòng ở bên ngoài, dâu cho đang từ bỏ mạng sống, tôi vẫn không làm đổ vỡ sự nuôi mạng [chan chảnh]y 46Câu hỏi về tính chất của loài beo dực" là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI RÙA (Kummañgapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: “Nm tính chất của loài rùa nên được hành tri”, năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài rùa là loài sống ở nước, sắp xếp chỗ trú ngụ ở ngay trong nước. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên lan tỏa toàn the the gian với tâm ý bao la, vĩ đại, không đo lường được, không thù oán, không hãm hại, đồng hành với từ ái, có lòng

thương tưởng đến sự lợi ích của tất cả các cá nhân có mạng sống và đang hiện hữu, rồi an trú. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài rùa nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài rùa trong khi nổi lên ở trong nước thì ngước đầu lên nhìn xem, nếu nhìn thấy ai đó thì ngay tại nơi ấy lặn xuống và chìm sâu [nghĩ rằng] “Ch& để những kẻ ấy nhìn thấy ta lần nữ%" Tâu Đại vương, tương tợ y như thế? vị hành giả thiết tha tu tập, khi các phiền não xâm nhập thì nên lặn xuống hồ nước là cảnh giới [của đe mục thiền] và nên chìm sâu [nghĩ rằng]: "Chở để các phiền não nhìn thấy ta lần nữa.,, Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài rùa nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài rùa sau khi đi ra khỏi nước thì sưởi ấm thân thể. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi đưa tâm ý ra khỏi việc ngoi, đứng, nằm, đi kinh hành thì nên sưởi ấm tâm ý ở sự nỗ lực đúng đan. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của loài rùa nên được hành trì. 4. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, loài rùa sau khi đào đát thì sáp đặt chỗ ngụ ở nơi cô quạnh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên dứt bỏ lợi lộc, tôn kính, tiếng tăm, nên đi sâu vào nơi trống vang, cô quạnh, khu rừng lớn, khu rừng thưa, sườn núi, thung lũng, hang núi, nơi ít âm thanh, ít tiêng ôn, được tách biệt, nên đi đên chô trú ngụ ở ngay tại nơi cô quạnh. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của loài rùa nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão upasena, con trai của Vanganta nói đen:4 "Vị Tỳ-khưu, vì nguyên nhân thiên tinh nên tới lui chô trú ngụ cô quạnh, ít tiếng ồnf được lai vãng bởi các thú dữ' 5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài rùa trong lúc đi lang thang, nếu nhìn thấy cái gì hoặc nghe được cái gì, thì thu giấu các chân và cái đầu là thứ năm ở trong cái vỏ của mình, không cử động, có trạng thái im lặng, giữ yên, trong khi hộ trì thân thể.

4 Theragãthãpãịi (Trưởng lão kệ), TTPV, tập 31, trang 161, câu kệ 577.

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, VỊ hành giả thiết tha tu tập ở tất cả các nơi, trong khi các sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp xâm nhập, thì không nên mở ra cánh cửa phòng hộ ở sáu căn, nên tập trung tâm trí, nên thực hành sự thu thúc, nên sông có niệm và có sự nhận biêt rõ trong khi hộ trì Sa-môn pháp. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của loài rùa nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vi Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Tương ưng bộ quý báu, bài Kinh Vỉ dụ con rùa: "Tg như cọn rùa đang thu lại các phân thân thê ở trong cái vỏ của mình, vi Tỳ-khim trong khỉ tập trung lại các sự suy nghĩ của tâm, không bị lệ thuộc, không quây roi kẻ khác, được hoàn toàn tịch tỉnh, không chửi măng bát cứ aiy ÍẾCâu hỏi về tính chất của loài rùa95 là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA CÂY TRE (Vamsañgapañho) Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: í6Một tính chất của cây tre nên được hành tri”, một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như cây tre nghiêng theo làn gió, không chạy theo hướng khác. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên tuân theo giáo pháp của bậc Đạo sư gôm chín thê loại đã được đức Phật, Thê Tôn giảng dạy, nên duy trì các điêu cho phép và không bị chê bai, nên tầm cầu chỉ mỗi

Sa-môn pháp. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của cây tre nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Râhula nói đến: "Sau khi luôn luôn tuân theo giáo pháp của đức Phật gôm chín thê loại, sau khỉ duy trì các điều cho phép và không bị chê bai, tôi đã vượt lên trên chốn đọa đàyy 6íCâu hỏi về tính chất của cây tre" là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA CÂY CUNG (Capañgapañho) Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: 66Một tính chất của cây cung nên được hành trì", một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như cây cung, được khéo chuốt, được đo đạc, uốn cong thật đồng đều cho đến đầu trên và đầu dưới, không cứng ngắc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên tùy thuận đến các vi trưởng lão, mới tu, hoặc trung niên tương tợ như nhau, không tỏ ra đối nghịch. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của cây cung nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Bổn sanh "VidhurapuỊHỊaka:'"

5 Bổn sanh uBậc Sáng Suốt Vidhura" (Vidhurajātakam), số 545, TTPV, tập 34. (ND)

" Vị sáng trí nên uôn cong tợ như cây cung, tợ như cây tre đang nghiêng theo, không nên hành xử điều nghịch lại, vi ấy có the tru ở cho ngụ của đức vua." 66Câu hỏi về tính chất của cây cung" l thứ tám.

9. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI QUẠ (Vāyasañgapañho) 1. - Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: 66Jỉai tính chất của loài quạ nên được hành tri", hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài quạ đi lang thang, dè dặt và e ngại, cẩn thận và đề phòng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên đi lại, dè dặt và e ngại, cẩn thận và đề phòng, với niệm được thiết lập, với các giác quan được thu thúc. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ nhát của loài quạ nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài quạ sau khi nhìn thấy bất cứ thức ăn nào thì chia sẻ với đồng loại rồi mới ăn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập, đối với các lợi lộc hợp pháp, được thọ nhận hợp pháp, thậm chí phần đã được đặt vào bình bát, đối với các lợi lộc có hình thức như thế không nên là vị thọ dụng mà không san sẻ với các vi đồng Phạm hạnh có giới dức. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài quạ nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến: "Vào lúc ta có sự thực hành khổ hạnhf nếu họ đem lại cho ta phần đã đạt được theo khả năng, thì ta phân chia cho tát cả, sau đó mới thọ dụng phân d 6°Câu hỏi về tính chất của loài quạ59 là thứ chín.10

10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI KHỈ (Makkatagapañho) 1. - Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: 66Hai

Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên có khuynh hướng ở rừng, nên đứng, di, ngôi, năm và rơi vào giác ngủ chỉ ở trong rừng, nên kinh nghiệm vê sự thiêt lập niệm ở ngay tại chô ây. Tâu Đại vương, điêu này là tính chất thứ nhì của loài khỉ nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến: y "Ngay cả trong khỉ đi kỉnh hành, trong khỉ đứng, hoặc với việc ngôi và việc nằm, vi Tỳ-khưu chiếu sảng ở khu rừng, chỉnh khu rừng ấy được ca ngợi." 66Câu hỏi về tính chất của loài khí" là thứ mười. Phẩm Lừa ỉa phẩm thứ nhất

Phần tóm lược "[Loài lừa] có tiếng kêu khủng khiếp, loài gà trống, loài sóc, loài beo cái, loài beo đực, loài rùa, cây tre, cây cung và loài quạ, rồi loài khi.”

MILINDA VẤN ĐẠO 1107

n. PHẨM BIỂN CẢ (SAMUDDAVAGGƠ)

ỉ. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA DÂY BÀU (Lābulatañgapañho) Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: 44Một tính chất của dây bầu nên được hành tri”, một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như dây bầu dùng những sợi tua đeo bám ở cọng cỏ, hoặc ở khúc cây, hoặc ở dây leo, rồi phát triển lên trên vật đó. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập, có ước muốn tiến triển ở phẩm vị A-la-hán, thì nên dùng ý đeo bám ở đối tượng [đề mục thiền], rồi tiến triển ở phẩm vi A-la-hán. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của dây bầu nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đên: "Giông như cái gọi là dây bâu đeo bám ở cọng cỏ, ở khúc cây, hoặc ở dây leo bằng những sợi tua, rồi từ đó phát triển lên trên. Y như thê âyt người con trai của đức Phật, có ước muôn vê quả vỉ A-la-hán, thì nên đeo bám ở đổi tượng [đề mục thiền], rồi tiến triển ở quả vỉ Vô hoc." “Câu hỏi về tính chất của dây bầu” là thứ nhất

2. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA CÂY SEN (Padumañgapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: wBa tính chất của cây sen nên được hành tri”, ba tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? Tâu Đại vuông, giống như cây sen được sanh ra ở nước, được phát triển ở nước, không bị lam lem bởi nước. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiêt tha tu tập không nên bi lâm lem trong mọi trường hợp ở gia đình, ở nhóm, về lợi lộc, về

tợ

1108 KINH TIỂU BÔ

nên thực hành sự tự chế ngự, nên sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi ở các phiền não dâu chỉ chút ít. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ ba của cây sen nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vi Trời nổi đến: "Người có sự nhìn thay noi sợ hãi ở các tội loi nhỏ nhoi thọ trì và học tập ở các điều họcy “Câu hỏi về tính chất của cây sen” là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA HẠT GIỐNG (Bīfañgapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: 6'Hai tính chất của hạt giống nên được hành tH”, hai tính chất nên

được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như hạt giống dầu là ít ỏi, đã được gieo ở thửa ruộng tốt, trong khi trời ban cho cơn mưa đúng đắn, thì sẽ tạo ra được rất nhiều kết quả. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, giới đã được thực hành theo cách nào mà sẽ tạo ra được toàn bộ quả vị của Sa-môn, thì vị hành giả thiết tha tu tập nên thực hành đúng đắn theo cách như vậy. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của hạt giống nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, hạt giống đã được trồng ở thưa ruộng khéo được làm sạch sẽ thì phát triển vô cùng nhanh chóng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập khéo nắm giữ được ý, làm cho ý được thanh tinh ở căn nhà trống vắng, rồi đặt ý vào thửa ruộng cao quý là sự thiết lập niệm, thì ý phát triển vô cùng nhanh chóng. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của hạt giống nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Anuruddha nói đến: "Giông như hạt giông được thiêt lập ở thửa ruộng sạch sẽ, két quả của nó là doi dào, và còn làm cho người nông dân mừng rỡ. Y như thế ấy, tâm của vi hành giả đã được làm cho thanh tinh ở căn nhà trống văng thì phát triên vô cùng nhanh chóng ở thửa ruộng là sự thiêt lập niệmy wCâu hỏi về tính chất của hạt giống59 là thứ ba.

4. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHÁT CỦA CÂY SẢLÃ XINH ĐẸP (Sālakalyānikañgapañho) Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: “MQt tính chất của cây sālā xỉnh đẹp nên được hành tri* một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giông như cây sãlã xinh đẹp tăng trưởng luôn cả ở bên trong trái đất đến hơn một trăm cánh tay. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị .' r • r •

hành giả thiêt tha tu tập nên làm cho tròn đủ bôn quả vị Sa-môn, bôn tuệ phân

Đại vương, điều này là một tính chất của cây sālā xinh đẹp nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Rāhula nói đến: "Loài cây có tên sālā xinh đẹp, mọc ở trải đất, tăng trưởng luôn cả ở bên trong trải đất đen một trăm cảnh tay. r 2 -ai r Giông như vào lúc thời diêm đã đên, với sự trưởng thành cây ây vươn lên, tăng trưởng thậm chỉ một trăm cánh tay trong một ngày. Bạch đang Đại Hùng, tương tợy như thêf con tiên triền một cách tự nhiên ở ngôi nhà trông văng, tợ như cây sãĩã xinh đẹp tăng trưởng ở khoảng khôngy uCâu hỏi về tính chất của cây sãlã xinh đẹp59 là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CHIẾC THUYÊN (Nāvañgapañho) L Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: 6íBa tính chất của chiếc thuyền nên được hành tri”, ba tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như chiếc thuyền giúp cho nhiều người vượt qua nhờ vào sự tập hợp đã được kết nối lại bằng nhiều loại cây gỗ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập sẽ vượt qua thế gian luôn cả chư thiên nhờ vào sự tập hợp đã được kết nối lại bằng nhiều hình thức giáo pháp như là cách cư XÍT, giới, đức hạnh, phận sự và công việc. Tâu Đại vương, điều này là tính chát thứ nhát của chiêc thuyên nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, chiếc thuyền chịu đựng lực đẩy gào thét của nhiều loại

sóng, lực đẩy của dòng nước xoáy được lan rộng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên chiu đựng lực đẩy của nhiều loại sóng phiền não, lợi lộc, tôn vinh, danh vọng, danh tiếng, cúng dường, đảnh lễ, sự chê khen ở các gia tộc khác, và lực đẩy của nhiều loại sóng: Sướng, khổ, kính nể, khinh khi và sự sân hận. Tâu Đại vương, điều này là tính chát thứ

8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI THUYỀN TRƯỞNG (Niyāmakañgapañho) L Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: “Ba tính chất của người thuyền trưởng nên được hành trì99, ba tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như người thuyền trưởng, ngày đêm, thường xuyên, liên tục, không xao lãng, gắng sức,

6Dh. v. 327.

đạt được thức ăn và tiền công, ta không nên tạo ra sự xao lãng, chiếc thuyền này sẽ được chuyển vận nhờ vào ta có sự không xao lãng?5 Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên suy nghĩ như vây: "Trong khi quán sát vê thân tứ đại này, ta thường xuyên, liên tục không xao lãng, có niệm được thiết lập, có niệm, có sự nhận biết rõ, được đinh tĩnh, có tâm chuyên nhất, ta nên thực hiện sự không xao lãng [nghĩ rằng]: 'Ta sẽ được hoàn toàn tự do đối với các sự sanh-gibenh-chết-sầu-bi-kh6ưu-nO'" Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của người làm công nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đen: "Ngươi hãy quán sát về thân này, hãy biết toàn diện [về nó] lần nay, lần khác. Sau khi nhìn thấy bản thể thật ở thân, ngươi sẽ thực hiện việc cham dứt khổ đau." 66Câu hỏi về tính chất của người làm Cong59 là thứ chín.

10. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA BIỂN CẢ (Samuddañgapañho) ỉ. - Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: “Năm tính chất của biển cả nên được hành tri”, năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giông như biên cả không sông chung với xác chét. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên sống chung với luyến ái, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến, gièm pha, thù oán, ganh tỵ, bon xẻn, gian trá, xảo quyệt, lừa đảo, không hài hòa, hạnh kiểm xấu và các bợn nhơ phiền não. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của biển cả nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, biển cả, trong khi cất giữ sự tích lũy nhiều loại châu báu là ngọc trai, ngọc mani, ngọc bích, xà cừ, đá quý, san hô, pha-lê, bạc, vàng, ngọc ruby, ngọc mắt mèo thì che đậy lại, không vung vãi ở bên ngoài. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập, sau khi chứng đắc nhiều loại châu báu đức hạnh là dạo, quả, thiền, sự giải thoát, định và sự chứng đạt, minh sát và sáu thắng trí thì nên che giấu, không nên đưa ra bên ngoài. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của biển cả nên được hành trì/ 3. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, biên cả sông chung với các chúng sanh to lớn vĩ đại. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành ẹiả thiết tha tu tập nên sống nương tựa vào vị đồng Phạm

hạnh, là người bạn tốt lành, ít ham muốn, tự biết đủ? nói về pháp từ khước, có lối sống giảm thiểu, hội đủ tánh hạnh, có liêm sỉ, khéo cư xử, đáng kính, đáng trọng, vị tuyên thuyết, có sự nhẫn nại với lời nói, vị la rầy, có sự chê trách điều xấu, vị giáo giới, vi giáo hóa, vị giải thích, vị chỉ dạy, vị thức tỉnh, vi khuyến khích, vi tạo niềm phấn khởi. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của biển cả nên được hành trì.

MILINDA VẤN ĐẠO 1113

4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, biển cả mặc dầu được làm đầy bởi trăm ngàn con sông như là Gañgā, Yāmunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī, v.v... chứa đựng nước nguồn và bởi các cơn mưa ở khônệ trung, cũng không tràn qua khỏi bờ của nó. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vị hành giả thiết tha tu tập không nên thực hiện việc vi phạm các điều học một cách cố ý vì lý do lợi lộc, tôn vinh, danh tiếng, đảnh lễ, kính nê, cúng dường, thậm chí có nguyên nhân là mạng sống. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của biển cả nên được hành trì. Tâu Đại vương, điêu này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vi Trời nói đến: "Này Pahārāda, cũng giống như đại dương có pháp bền vững không tràn qua khỏi bờ, này Pahārāda, tương tợ y như the, điều học nào đã được Ta quy đinh cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu có nguyên nhân là mạng sống, cũng không vi phạm điều ấy'" 5. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, biên cả không bi tràn đây bởi tát cả các dòng sông Gañga, Yāmunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī và bởi các cơn mưa ở không trung. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên được thỏa mãn với việc đọc tụng, việc vân hỏi, việc nghe, việc xác đinh, việc nhận thức, việc đã được chuyên sâu về Luật và Vi diệu pháp, việc tranh luận về Kinh, sự quy đinh từ; sự liên kết từ, sự phân tích từ, và giáo pháp cao quý của đấng Chiên Thắng gồm chín thể loại. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của biển cả nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Bổn sanh "Suĩasoma: "Giống như ngọn lửa đang thiêu đốt cỏ và củi, hoặc là biển cả không được thỏa mãn với những dòng sông, này vỉ vua hạng nhất, y theo như vậy những bậc sáng trí này, sau khỉ lăng nghe, không được thỏa mãn với điêu đã được khéo nóiy “Câu hỏi về tính chất của biển cả" là thứ mười. Phẩm Biển cả là phẩm thứ nhì.

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY "Dây bầu, cây sen, hạt giống, cây sālā xinh đẹp, chiếc thuyền, cái neo thuyền, cột buồm, người thuyền trưởng là tương tợ, người làm công và biển cả9 phẩm [này] được gọi với tên ấy."

7 Bổn sanh t4Đại Sutasoma,9 (Mahāsutasomajātakam), số 537, TTPV, tập 33.

1114 KINH TIỂU BÔ

m. PHẨM ĐẤT (PATHAVIVĀGGO)

1. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA ĐẤT (Pathavyañgapañho) 1. - Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: 6íNăm tính chất của đất nên được hành trì, năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?95 -Tâu Đại vương, giống như đất là khi có kẻ đang vung vãi các vật được ưa thích hay không được ưa thích như là long não, gỗ tagara, gỗ tràm hương, nghệ, v.v... cũng như đang vung vãi mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ? nước

miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu, phân, v.v... thì cũng y như thế ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập trong mọi trường hợp về các việc được ưa thích hay không được ưa thích như là về có lợi lộc và không có lợi lộc, về có danh tiếng và không có danh tiếng, về chê trách và khen ngợi, về an lạc và khổ đau thì cũng nên là y như thế ấy. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của đất nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đất lánh xa việc trang điểm, trang sức, và được bao phủ bang mùi hương của chính nó. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vị hành giả thiết tha tu tập nên lánh xa việc trang sức, nên bao phủ bang mùi hương giới hạnh của chính mình. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của đất nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đất không có khoảng trống, không có chỗ nứt, không có lỗ hổng, dày đặc, được trải rộng. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vi hành giả thiết tha tu tập nên có giới không có khoảng trong, không có mảnh bể, không có chỗ nứt, không có lỗ hổng, dày đặc, được trải rộng. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ ba của đát nên được hành trì. 4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đất là không mệt nhọc trong khi nâng đỡ làng mạc, thị trấn, thành phố, xứ sở, cây cối, núi, sông, ao, hồ, thú rừng, chim, con người, đàn ông5 đàn bà, tập the. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập là không mệt nhọc trong những việc thuyết giảng giáo pháp, trong khi giáo giới, trong khi giáo hóa, trong khi giải thích, trong khi chỉ dạy, trong khi thức tỉnh, trong khi khuyến khích, trong khi tạo niềm phấn khởi. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của đất nên được hành trì. 5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đất được thoát ra khỏi sự nuông chiêu hay ghét bỏ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vị hành giả thiêt tha tu tập nên sống với tâm ý tương tợ như trái đất, là được thoát ra khỏi sự nuông

chiều hay ghét bỏ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của đất nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được nữ cư sĩ Cullasubhaddā nói đến trong lúc công bố về pháp Sa-môn của mình: "Với tâm ỷ bi nổi giận, nếu một tay có lưỡi bủa thì cỏ thể chẻm; khi được vui thích, nếu một tay có vật thơm thì có thể bôi thoa. Không có sự ghét bỏ ở người ây, thì sự luyên ái ở người này không được biết đến, những tâm ấy tương tợ như đất, các pháp Sa-môn của tôi là tương tợ như thếy 6Câu hỏi về tính chất của đất" là thứ nhất

2. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA NƯỚC (Āpañgapañho) L Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: uNăm tính chất của nước nên được hành tii'1 năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? Tâu Đại vương, giống như nước khéo được ổn định, không bị lay chuyển, không bi khuấy động, được hoàn toàn trong sạch từ bản thể. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên loại trừ sự gạt gẫm, tán phét, gợi ý, lừa bịp, nên khéo được ổn đinh, không bị lay chuyển, không bị khuấy động, được hoàn toàn trong sạch từ bản thể. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của nước nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, nước là được ổn định với bản thể mát lạnh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên đầy đủ lòng nhẫn nại, từ ái và thương xót, có sự tầm cầu việc lợi ích, nên là

người có lòng bi mẫn đối với tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của nước nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, nước làm vật không trong sạch trở thành trong sạch. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vị hành giả thiết tha tu tập dầu là ở làng hay ở rừng, không nên có sự tranh tụng, không tạo cơ hội, trong mọi trường hợp, đối với thầy tế độ, đối với thầy dạy học, đối với các vị tương đương thầy dạy học. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của nước nên được hành trì. 4. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, nước được nhiêu người mong mỏi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên là vi ít ham muốn, tự biết đủ, sống tách ly, có sự thiền tịnh, thường xuyên được tất cả thế gian mong mỏi. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của nước nên được hành trì. 5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, nước không đem lại sự bất lợi cho bất cứ người nào. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên làm điều ác bằng thân, khẩu, ý, là nhân gây ra sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cãi, sự tham thiền bị bỏ bê, sự không thích thú đối với các người khác. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của nước

nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vi Trời Vượt Trội Các Vị Trời nổi đến σBổn s/í"Kaa:"8 “Này Sakkā, vị chúa tể của tất cả chủng sinh, Ngài đã ban cho Ta đặc ân. Này Sakkā, mong rang việc đã làm bởi Ta bang tăm hoặc than không gây hại đến bất cứ người nào, vào bất cứ lúc nào. Này Sakkā cao quỷ, điều này là đặc ân^ “Câu hỏi về tính chất của nước" là thứ nhỉ.

3. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA LỬA (Tejañgapañho) 1. - Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: “Nm tính chất của lửa nên được hành tri”, năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giông như lửa thiêu đót cỏ, củi, cành, lá. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, với vị hành giả thiết tha tu tập, những phiền não nào ở bên trong hoặc bên ngoài, do sự tiếp nhận [của giác quan] ở đối tượng được ưa thích hay không được ưa thích, tất cả các phiền não ấy nên được thiêu đốt bằng ngọn lửa trí tuệ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của lửa nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, lửa không có lòng trắc ẩn, không CÓ lòng thương xót. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vị hành giả thiêt tha tu tập không nên thể hiện lòng thương xót hay trắc ẩn đối với tất cả các phiền não. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của lửa nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, lửa hủy diệt sự mát lạnh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên làm sanh lên ngọn lửa có sức nóng của sự tinh tấn rồi nên hủy diệt các phiền não. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của lửa nên được hành trì. 4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, lửa tạo ra sự nóng nực, và được thoát ra khỏi sự nuông chiều hay ghét bỏ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên an trú với tâm ý tợ như lửa, được thoát ra khỏi Sự nuông chiêu hay ghét bỏ. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ tư của lửa nên được hành trì. 5. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, lửa tiêu diệt bóng tôi, phô bày ánh sáng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi tiêu diệt bóng tối vô minh rồi nên phô bày ánh

sáng của trí tuệ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của lửa nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến trong khi giáo giới cho Râhula, người con trai của mình: “Này Rãhula, con hãy phát triển sự tu tập tương tợ lửa. Này Rãhuỉa, bởi vĩ đoi với người đang phát triển sự tu tập tương tợ lửa thì các pháp bất thiện chưa

8 Bổn sanh “An sĩ Kapha" (Kanhajātakam), số 440, TTPV, tập 32. (ND)

sanh khởi [sẽ] không sanh khởi, và các bất thiện pháp đã sanh khởi sẽ không chiếm cứ tâm và ton tạiy “Câu hỏi về tính chất của lửa59 là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA GIÓ (Vāyuñgapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: 6íNam tính chất của gió nên được hành trì59, năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như gió thổi vào bên trong cụm rừng đã khéo được trổ hoa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên thích thú ở bên trong khu rừng các đối tượng [của đề mục thiền] đã được trổ bông hoa cao quý của sự giải thoát. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của gió nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, gió làm lay động các lùm cây cối mọc ở trái đất. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập đã đi vào bên trong khu rừng và trong khi đang suy xét về các

tha tu tập về việc kính nể [hay] không kính nể, tôn vinh [hay] không tôn vinh, cung kính [hay] không cung kính, có danh tiếng [hay] không có danh tiếng, sự chê trách hay khen ngợi, an lạc hay khổ đau, được ưa thích hay không được ưa thích, trong mọi trường hợp, không nên luyến ái ở các vật gây luyến ái là các sắc, thinh, hương, vị? xúc, pháp, không nên sân ở các vật gây sân, không nên si mê ở các vật gây si mê, không

A 1 \ r , r r l \ Ấ muộn, tợ như người sảng suôt đứng ở ngọn núi nhìn xuống những người ngu si đứng ở trên mặt đất." 5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, núi không bị nhô lên không bị lõm xuống. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên thể hiện sự hứng chí hay nản lòng. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của núi nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được nữ cư sĩ Cūlasubhaddā nói đến trong lúc công bố về pháp Sa-mon của mình: “Thể gian hứng chỉ vì lợi lộc, nản lòng vì không lợi lộc. Những vi đứng yên một chô dâu có lợi lộc hay không có lợi lộc, những vỉ như thê áy là những vỉ Sa-mon của t6i' “Câu hỏi về tính chất của nhi” là thứ năm.

6. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHÁT CỦA HƯ KHÔNG (Ākāsañgapañho) 1. - Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngai nói là: uNām tính chất của hư không nên được hành năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? Tâu Đại vương, giống như hư không là hoàn toàn không thể nắm được. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vi hành giả thiêt tha tu tập nên là hoàn toàn không bị nắm được bởi các phiền não. Tâu Đại vương, điều này là

tính chất thứ nhất của hư không nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, hư không được các vị ẩn sĩ, đạo sĩ khổ hạnh, chúng sanh và các bầy chim thường lui tới. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên đê tâm thường lui tới ở các pháp tạo tác [nhận biết rằng]: “Là vô thường, khổ não, vô ngãL” Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của hư không nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, hư không sẽ gây ra sự run sợ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiêt tha tu tập nên làm cho tâm bị kinh động về sự tiếp nối tái sanh ở tát cả các cõi, không nên tạo ra sự khoái lạc. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ ba của hư không nên được hành trì. 4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, hư không là vô biên, vô lượng, không thể ước lượng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vị hành giả thiết tha tu tập nên có giới hạnh vô biên, có trí tuệ vô lượng. Tâu Đại vương, điêu này là tính chất thứ tư của hư không nên được hành trì. 5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, hư không là không dính mắc, không bị bám víu, không bị dựa dẫm, không bị vướng bận. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên là không dính mắc trong mọi trường hợp: về gia đình, đồ chúng, lợi lộc, chỗ ngụ, sự vướng bận, và tất cả các phiền não, nên là không bi bám víu, không bị dựa dẫm, không bị vướng bận. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ năm của hư không nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vi Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến trong khi giáo giới cho Râhula, người con trai của mình:

1120 * KINH TIÊU Bỏ

“Này Rāhulaf cũng giống như hư không không trụ lại ở bất cứ chỗ nào. Này Rãhula, tương tợy như thêf con hãy phát triên sự tu tập tương tợ hư không, Này Rãhula, bởi vì đổi với người đang phát triển sự tu tập tương tợ hư không, các xúc làm hài lòng, làm thích ỷ đã được sanh đi sanh lại sẽ không chiếm cứ tâm và tồn tạiy “Câu hỏi về tính chất của hư không99 là thử sáu.

7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA MẶT TRĂNG (Candañgapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: 64Năm tính chất của mặt trăng nên được hành tri”năm tính chất nên được hành trì ấy là các điểu nào? -Tâu Đại vương, giống như mặt trăng, trong khi mọc lên ở thượng huyền, phát triển thêm dần dần. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên phát triển thêm dần dần về tánh hạnh, giới đức, phận sự và pháp hành, về kinh điển và sự chứng đắc, về thiền tinh, về việc thiết lập niệm, về các quyên, vê trạng thái các giác quan được canh phòng, vê tính chát biêt vừa đủ trong vật thực, về việc gắn liền với sự tỉnh thức. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của mặt trăng nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, mặt trăng có sự nôi bật vĩ đại. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vi hành giả thiêt tha tu tập nên có sự nôi bật vĩ đại về ước muốn. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của mặt trăng nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, mặt trăng di chuyên vào ban đêm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên ẩn dật. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của mặt trăng nên được hành trì. 4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, mặt trăng có cung điện là biểu hiện. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập

nên có giới là biểu hiện. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của mặt trăng nên được hành trì. 5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, mặt trăng mọc lên, [là vật] được yêu câu, được mong mỏi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vị hành giả thiêt tha tu tập, đã được yêu cầu, đã được mong mỏi, nên đi đến các gia đình. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của mặt trăng nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vi Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Tương ưng bộ quý báu: “Này các Tỳ-khưu, giống như mặt trăng các người hãy đi đến các gia đĩnh, hãy vô cùng dè dặt ve thân, hãy dè dặt ve tâm, luôn luôn là người mới ở các gia đình, không được thô tháoy í6Câu hỏi về tính chất của mặt trăng" là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA MẶT TRỜI (Suriyañgapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà NgAi nói ỉa: 6íBảy tính chất của mạt trời nên được hành tiì”bảy tính chát nên được hành trì ấy là các điếu nào? -Tâu Đại vương, giống như mặt trời khiến cho tất cả nước khô kiệt. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên làm cho tất cả phiền não khô kiệt, không còn dư sót. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhát của mặt trời nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, mặt trời tiêu diệt bóng đêm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên tiêu diệt tất cả sự tối tăm của ái luyến, sự tối tăm của sân hận, sự tối tăm của si mê5 sự tối tăm của ngã mạn, sự tôi tăm của tà kiên, sự tôi tăm của phiên não, tát cả sự tôi tăm của các ác hạnh. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của mặt trời nên được hành trì. 3 Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, mặt trời di chuyên một cách liên tục. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên thực hiện sự tác ý đúng đường lối một cách liên tục. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của mặt trời nên được hành trì. 4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, mặt trời có vòng hoa ánh sáng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có vbng hoa là các đối tượng [của đề mục thiền]. Tâu Đại vương, điều này là tính chát thứ tư của mặt trời nên được hành trì. 5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, mặt trời di chuyển, trong khi sưởi ấm đám đông dân chúng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên sưởi ấm thế gian luôn cả chư thiên bằng tánh hạnh, giới đức, phận sự và pháp hành, bằng các thiền, các sự giải thoát, các tầng định, các sự chứng đạt, các quyền, các lực, các chi phần đưa đến giác ngộ, các sự thiết lập niệm, các chánh tinh tấn và các nền tảng của thần thông. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của mặt trời nên được hành trì. 6. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, mặt trời di chuyển, bi lo sợ vì nỗi sợ hãi thần Râhu [hiện tượng nhật thực]. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên nhìn thấy các chúng sanh bi vướng víu vào các nết hạnh xấu xa, khổ cảnh, sự thành tựu của nghiệp không giống nhau và khó tránh né, đọa xứ vào mạng lưới phiền não, bị trói buộc vào sự chằng chịt của tà kiến, bị vợgả rơi êò9ẠõòẠõịậgmữớộ.gòằgẫảpêộảhêộảiêộốộộtbbảêêxộốộộtắgợựưvvg;ắậg;òẠtốttộợựg

thuộc thê gian và xuât thê gian. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ bảy của mặt trời nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Vañgasa nói đến: "Cũng giống như mặt trời, trong khỉ mọc lên, giúp cho nhìn thấy dảriẸ vóc của các loài sỉnh vật, sự trong sạch và luôn cả sự không trong sạch, sự tốt đẹp và luôn cả sự xấu xa. Tương tợ như thế, vi Tỳ-khiru có sự ghi nhớ về ^iáo pháp, giống như mặt trời dang mọc lên, giúp cho người bỉ vô minh che lâp nhìn thây con đường có nhiều lôiy “Câu hỏi về tính chất của mặt trời^ là thứ tám.

9. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA VỊ SAKKĀ (Sakkañgapañho) L-Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: í6Ba tính chất của vi Sakkā12 nên được hành tri'1 ba tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như vị Sakkā đạt được sự an lạc toàn diện. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên thích thú với sự an lạc toàn diện của cuộc sống tách biệt. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhát của vị Sakkā nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, vị Sakkā sau khi nhìn thấy chư thiên thì tiếp đón và tạo ra niềm vui [cho họ]. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên tiếp đón cái tâm ý không trì trệ, không thụ đông, được an tịnh ở các thiện pháp, nên tạo ra niềm vui, nên khơi dậy, nên găng sức, nên nỗ lực. Tâu Đại vương, điêu này là tính chất thứ nhì của vị Sakkā nên được hành trì. 3 Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, sự bất mãn không sanh khởi ở vị Sakkā. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập ở căn nhà trống vắng, không nên làm sanh khởi sự bất mãn. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của vị Sakkā nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Subhũti nói đến: "Bạch đấng Đại Hùng, kể từ khỉ con đã được xuất gia trong giáo pháp của Ngài, con biêt chác chăn là không có ỷ nghĩ nào có liên hệ đên dục lạc đã được sanh khởi' í6Câu hỏi về tính chất của vi Sakkā” là thứ chín.

10. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA VỊ CHUYỂN LUÂN (Cakkavatyañgapañho) l. - Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: 6íBốn tính chất của vi Chuyển Luân nên được hành tri”bốn tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

12 Sakka là tên của vị Thiên chủ, vị chúa của chư thiên, vị cai quản cõi trời Tāvatimsa. (ND)

-Tâu Đại vương, giông như vị Chuyên Luân thu phục người băng bôn việc thu phục. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên thu phục, nên hỗ trợ, nên làm hài lòng tâm của bốn tập thể.13 Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của vị Chuyển Luân nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, bọn trộm cướp không nổi dậy ở trong lãnh địa của vị Chuyển Luân. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vị hành giả thiêt tha tu tập không nên đê cho các ý nghĩ suy tâm vê ái dục, oán hận và hãm hại sanh khởi. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của vị Chuyển Luân nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vi Trời nói đến: "Và người nào thích thủ trong sự yên tịnh của tư duy, tu tập về đề mục tử r thi, luôn luôn cỏ niệm, quả vây người ây sẽ thủ

tiêu, người ây sẽ cát đứt sự trói buộc của Ma vươngy 3. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, vị Chuyên Luân ngày ngày di chuyển dọc theo đại địa cầu được bao bọc bởi biển cả, trong khi xem xét các việc thiện ác. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập ngày ngày nên quán xét hành động của thân, hành động của khẩu và hành động của ý rằng: “C6 phải ngày trôi qua mà ta sẽ không có lỗi lầm do ba chỗ [thân, khẩu, y]?” Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của vị Chuyển Luân nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Tăng chi bộ quý giá: "Bậc xuất gia nên thường xuyên quán xét răng: Ta đã như thê nào khi ngày và đêm trôi qua?" 4. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, vị Chuyên Luân có sự bảo vệ bên trong và bên ngoài khéo được bố trí. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiêt tha tu tập nên thiêt lập người gác công là niệm nhăm sự bảo vệ đối với các phiền não bên trong và bên ngoài. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của vị Chuyển Luân nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các VỊ Trời nói đến: “Này các Tỳ-khưuf có người gác công là niệm, vỉ Thánh đệ tử dứt bỏ bát thiện, phát triển thiện, dứt bỏ điều lầm lỗi, phát triển điều không lầm lỗi, gìn giữ bản thân trong s ạch y uCâu hỏi về tính chất của vị Chuyển Luân95 là thứ mười. Phẩm Đất là phẩm thứ ba.

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY r "Đát, nước, lửa, gió, núi, hư không, mặt trăng, mặt trời, vị Sakkā và vị Chuyển Lu2n."

13 Bốn tập thể là tập thể Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, cận sự nam và cận sự nữ. (ND)

IV PHẨM MÓI (UPACIKĀVAGGO)

1. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI MÓI (Upacikañgapañho) Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: 6íMột tính chất của loài mối nên được hành tri”, một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài mối sau khi thực hiện mái che ở phía trên và canh giữ bản thân, rồi di chuyển ở khu vực kiếm ăn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi thực hiện mái che là sự thu thúc về giới và canh giữ tâm ý9 rồi nên đi khất thực. Tâu Đại vương, với mái che là sự thu thúc vê giới, vị hành giả thiêt tha tu tập vượt qua tát cả sợ hãi. Tâu Đại vương, điêu này là một tính chát của loài môi nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão upasena Vañgantaputta nói đến: "Vị hành giả, sau khỉ làm cho tâm có mái che là sự thu thúc về giới, không bỉ lam lem bởi the gian, và hoàn toàn thoát khỏi sự sợ hãi," “Câu hỏi về tính chất của loài m6i” là thứ nhất

2. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI MÈO (Bilārañgapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: “Hai tính chất của loài mèo nên được hành tri”, hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài mèo đi đến hang, đi đến hốc, đi đến ở bên trong tòa nhà dài và tìm kiếm chỉ mỗi loài chuột. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập đi đến làng, đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, đi đên ngôi nhà trông, nên thường xuyên, liên tục, không xao lãng, tìm kiêm chỉ mỗi loại vật thực là niệm đặt ở thân. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của

loài mèo nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài mèo tìm kiếm thức ăn chỉ ở khu vực lân cận. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên sông có sự quan sát trạng thái sanh và diệt ở chính năm thủ uân này: “Thế này là sắc, thế này là sự sanh lên của sắc? thế này là sự biến mất của sắc. Thế này là thọ, thế này là sự sanh lên của thọ, thế này là sự biến mất của thọ. Thế này là tưởng, thế này là sự sanh lên của tưởng, thế này là sự biến mất của tưởng. Thế này là các hành, thế này là sự sanh lên của các hành, thế này là sự biến mất của các hành. Thế này là thức, thế này là sự sanh lên của thức, thế này

là Sự biến mất của thức." Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài mèo nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến: "[Sự giải thoát] là không xa nơi dây, vậy sẽ làm gì với cảnh giới tột cùng của hiện hữu? Theo cách diễn tả ở thời hiện tại, thì ngươi nên tìm hiểu thân the của mìnhy “Câu hỏi về tính chất của loài mèow là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHUỘT (Undūrañgapañho) Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: "MQt tính chất của loài chuột nên được hành tri* một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài chuột, trong khi đi lại đó đây, di chuyển chỉ với mỗi ước muôn là vật thực. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập, trong khi đi lại đó đây, là chỉ với mỗi ước muốn là sự tác ý đúng đường lối. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài chuột nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão upasena Vañgantaputta nói đến: "Sau khỉ lấy giáo pháp làm chủ đạo, trong khi sống, vỉ hành minh sát sổng không biếng nhác, an tịnh, luôn luôn có niệmy uCâu hỏi về tính chất của loài chuột55 là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI BÒ CẠP (Vicchikañgapañho) Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: íốMột tính chất của loài bò cạp nên được hành tri”, một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài bò cạp có cái đuôi là vũ khí, di chuyển sau khi đã nâng cái đuôi lên cao. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có trí tuệ là vũ khí, nên song sau khi đã nâng trí tuệ lên cao. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài bò cạp nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Ưpasena Vañgantaputta nói đến: “Sau khi cầm lấy thanh gươm trí tuệ, trong khi sổng, vị hành minh sát hoàn toàn giải thoát mọi sự sợ hãi, và vị ấy là khó khuất phục^ wCâu hỏi về tính chất của loài bò cạp59 là thứ tư.

5. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHỒN (Nakulañgapañho) Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: 6íMột tính chất của loài chồn nên được hành tri”, một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giông như loài chôn, trong khi tiên đên gân con răn, thì nó phủ lên thân thể bằng một loại thuốc men rồi tiến đến gần để bắt con rắn.

Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vị hành ệiầ thiêt tha tu tập nên bôi thoa tâm ý băng loại thuôc từ ái trong khi tiên đên gân thê gian có nhiêu sự giận dữ và va chạm, đã bị ngự tri bởi các cuộc cãi cọ, tranh luận, tranh cãi, chống đối. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của của loài chồn nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến: "J "Do đó, sự tu tập vê từ ái nên được thực hiện cho mình và cho luôn cả những người khác, nên tỏa khắp bang tám từ ải; điều này là lời dạy của chư Phậty “Câu hỏi về tính chất của loài chồn" là thứ năm.

6. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHÓ RỪNG GIÀ ựarasigâlaùgapaũho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: “Hai tính chất của loài chó rừng già nên được hành tri”, hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài chó rừng già sau khi đạt được vật thực thì ăn vào cho đủ theo nhu cầu, không ghê tởm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi đạt được vật thực thì thọ dụng chỉ vừa đủ cho việc duy trì cơ thể, không ghê tởm. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài chó rừng già nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Mahâkassapa nói đến:14 "Sau khi từ chỗ trủ ngụ đi xuống, ta đã đi vào làng đe khất thực. Có người đàn ông bi cùi đang ăn, một cách nghiêm chỉnh ta đã đứng gần gã ấy. Người ây với bàn tay bị lở loét đã dâng vát cơm cho ta. Trong khi người ây 9 r , D A 9 X đê vát cơm vào, ngón tay của gã đã bi rụng xuống ở nơi ây, Và ta đã dựa vào chân của vách tường, rồi thọ dụng vắt cơm ấy, Ngay trong khi đang ăn, hoặc đã ăn xong, sự ghê tởm không có ở nơi tay 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài chó rừng già sau khi đạt được vật thực thì không xem xét: "Là tồi tàn hay hảo hạng." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi đạt được vật thực thì không xem xét: uLà toi tàn, hay hảo hạng, là đay đủ5 hay không đầy dtr, nên hoan hỷ với vật đã nhận được. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài chó rưng già nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão upasena Vañgantaputta nói đến: “Nên hoan hỷ với vật dầu tồi tàn, không nên mong mỏi nhiều vỉ nếm khác. Đoi với vi bỉ thèm khát ở các vỉ nem, thì tâm không thích thú trong việc tham thiền. Vị tự biết đủ với bất cử vật này hay vật khác làm đầy đủ đời song Sa-mông 6'Câu hỏi về tính chất của loài chó rừng già" là thứ sáu.

14 TheragãthãpâỊi (Trưởng lão kệ), TTPV, tập 31, trang 243, các câu kệ 1059-61.

7. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI NAI (Migañgapañho) 1. Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: “Ba tính chất của loài nai nên được hành tri”, ba tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? Tâu Đại vương, giống như loài nai ban ngày sống ở rừng, ban đêm ở khoảng không. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập ban ngày nên trú ở rừng, ban đêm ở khoảng không. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài nai nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở bài giảng về việc nổi da gà: “Này Sāriputta, Ta đây trong khoảng thời gian tám đêm của mùa đông lạnh lẽo vào thời điểm tuyết rơi, trong những đêm có trạng thải như the, ban đêm Ta trú ở khoảng

không, ban ngày ở rừng rậm; vào thảng cuối của mùa nóng, ban ngày Ta trú ở khoảng không, ban đêm ở rừng rậmy 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài nai, khi cây thương hay mũi tên đang lao xuống thì tránh né, tẩu thoát, không đem thân lại gần. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập khi các phiền não đang giáng xuống thì nên tránh né. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài nai nên được hành trì. 3 Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, loài nai sau khi nhìn thây những con người thì tẩu thoát hướng này hoặc hướng khác [nghĩ rằng]: "Mong sao những người ấy chớ nhìn thấy ta." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiêt tha tu tập sau khi nhìn thây những kẻ thích thú với sự tụ hội, có thói quen xung đột, cãi cọ, tranh luận, tranh cãi, có giới tồi, biếng nhác, thì nên tẩu thoát hướng này hoặc hướng khác [nghĩ răng]: “Mong sao những người ây chớ nhìn thấy ta. Và mong sao ta chớ nhìn thấy hẹ)." Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của loài nai nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vi Tướng quân Chánh pháp nói đen: "Vào bát cứ lúc nào và ở bát cứ nơi dâu, mong răng kẻ có ước muôn xâu xa, biếng nhác, có sự tỉnh tan kém cỏi, ít học hỏi, có hành vi sai trái, chớ đến gant0i.^]5 wCâu hỏi về tính chất của loài nap là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI BÒ (Gorūpañgapañho) l. Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: wBốn tính chất của loài bò nên được hành tri”, bốn tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài bò không buông bỏ chuồng của mình. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên buông bỏ thân của mình [nghĩ rằng]: "Thân này có pháp tự nhiên là vô thường, có sự kỳ

15 ApadānapāḶi I (Thảnh nhân kỷ sự I), TTPV, tập 39, trang 55, câu kệ 364.

CỌ, xoa bóp, tan rã, phân tán, tiêu ho@i." Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài bò nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài bò, đã nhận lãnh cái ách, vận chuyển cái ách một cách thoải mái hoặc khổ sở. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập đã nhận lãnh việc thực hành Phạm hạnh, nên thực hành Phạm hạnh một cách thoải mái hoặc khổ sở cho đến lúc chấm dứt mạng sống, đến điểm cuối cùng của hơi thở. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài bò nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài bò, trong khi khao khát, u6ng nước với sự ham muốn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập, trong khi khao khát, nên tiếp nhận lời chỉ dạy của các vị thầy dạy học và thầy tế độ với sự ham muốn, với sự yêu quý, với sự tinh tín. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của loài bò nên được hành trì. 4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài bò, trong khi bị người nào đó bắt vận chuyển vật gì, thì nó vận chuyển. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên cúi đau tiếp thu lời giáo huấn chỉ dạy của các vị Tỳ-khưu trưởng lão, mới tu, hoặc trung niên, thậm chí là của các người tại gia và các người cận sự. Tâu Đại vương, điêu này là tính chất thứ tư của loài bò nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến: “Vị bảy tuổi tỉnh từ lúc sanh, đang được

xuất gia vào ngày âyf nêu vỉ ây chỉ dạy tôif tôi [sẽ] tiếp nhận bằng đầu óc. Sau khi nhìn thây, tôi có thê thiêt lâp sự mong muôn sác bén và lòng yêu mên ở vỉ ây, Tôi có thê đặt vị ây ở vi thê thây dạy học một cách nghiêm chỉnh lan này lan khác"' 6'Câu hỏi về tính chất của loài b" là thứ tám.

9. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI HEO (Varāhañgapañho) 1. Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: 64Hai tính chất của loài heo nên được hành trì", hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, ệiống như loài heo, khi mùa nóng đã đến, khi bị đốt ri6ng bị nóng bỏng, thì đi đen gần chỗ có nước. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vị hành giả thiết tha tu tập khi tâm bị kích động, bi chao đảo, bị tán loạn, bi đốt nóng bởi sân hận thì nên tiến đến sự tu tập về từ ái mát lạnh, bất tử, hảo hạng. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài heo nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài heo sau khi đi đến đầm nước lầy thì đào đất bằng cái mũi làm thành hố trũng rồi nằm ở hố trũng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên đặt thân vào ở tâm, [có tâm] đã đi vào bên trong đối tượng thì nên nằm xuống. Tâu Đại vương, điều

này là tính chất thứ nhì của loài heo nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Pindolabhāradvaj a nói đến: "Sau khi nhìn và xem xét bản thể ở thân, vỉ hành minh sát, [có tâm] ở bên trong đối tượng, nằm xuống môi một mình, không người thứ haiy “Câu hỏi về tính chất của loài heo” ỉa thứ chín.

10. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI VOI (Hatthiñgapañho) 1. Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: 6iNam tính chất của loài voi nên được hành tri”năm tính chát nên được hành trì ấy là các điều nào? Tâu Đại vương, giống như loài voi nghiền nát đất ngay trong khi đang di chuyển. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên nghiền nát tất cả phi^ì não ngay trong khi đang quán sát ve thân. Tâu Đại vuông, điều này là tính chất thứ nhất của loài voi nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài voi nhìn quay đi với cả toàn bộ thân hình, chỉ ngước nhìn thẳng, không nhìn soi mói hướng này hướng khác. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vị hành giả thiết tha tu tập nên có sự nhìn quay đi với toàn bộ thân hình, không nên nhìn soi mói hướng này hướng khác, không nên ngước nhìn lên, không nên cúi nhìn xuống, nên có tầm nhìn khoảng cách bằng cái cày.16 Tâu Đại vương, điêu này là tính chất thứ nhì của loài voi nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài voi có chỗ ngủ không cố định, sau khi đi đến chỗ kiếm ăn thì không đi đến tại khu vực ấy vì mục đích chỗ ngụ, nó không có chỗ trú ngụ được thiết lập dài hạn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có chỗ ngủ không cố định, nên đi khất thực với sự không lưu luyến. Nếu vị hành minh sát nhìn thấy chỗ ngụ vừa lòng, phù hợp ở khu vực thích y, là mái che, hoặc gốc cây, hoặc hang động, hoặc sườn núi, thì vi ấy nên đi đến chỗ trú ngụ ở ngay tai nơi ấy, không nên làm chỗ trú ngụ được thiết lập dài hạn. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của loài voi nên được hành trì. 4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài voi sau khi lặn xuống nước, sau khi lặn xuống hồ sen to lớn khổng lồ, được tràn đầy nước tinh khiết, không bợn

nhơ, mát lạnh, được che phủ bởi các loài súng trăng, sen xanh, sen hông, sen trắng, rồi đùa giỡn trò chơi cao quý của loài voi Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập, sau khi lặn xuống hồ sen to lớn là các sự thiêt lập niệm, được đây đủ nước cao quý là giáo pháp tinh khiêt, không bợn nhơ, trong sạch, không bị vẩn đục, được che phủ bởi bông hoa giải thoát, thì nên rũ xuông? nên rũ sạch các pháp tạo tác nhờ vào trí tuệ, nên đùa giỡn trò chơi cao quý của người hành giả thiết tha tu tập. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của loài voi nên được hành trì.

16 Nghĩa là nhìn phía trước trên mặt đất khoảng 2m. (ND)

5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài voi dở bàn chân lên có niệm, đặt bàn chân xuống có niệm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên dở bàn chan lên có niệm có sự nhận biết rõ, đặt bàn chân xuống có niệm có sự nhận biết rõ, trong việc đi tới đi lui, trong việc co tay duỗi tay, nên có niệm có sự nhận biết rõ ở mọi nơi. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của loài voi nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vi Trời Vượt Trội Các Vi Trời nói đến ở Tương ưng bộ cao quý:17 "Lành thay sự thu thúc thân! Lành thay sự thu thúc lời nói! Lành thay sự thu thúc ỷ! Lành thay sự thu thúc tất cả. Người có liêm si, đã phòng hộ tất cả, được gọi ỉa: Vị đã được bảo vệy 6'Câu hỏi về tính chất của loài voi" là thứ mười. Phẩm Mối là phẩm thứ ba.

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY "Loài mối, loài mèo, loài chuột, loài bò cạp, loài chồn, loài chó rừng già, loài nai, loài bò, loài heo và với loài voi là mười?5

17 Câu kệ này cũng được thấy ở Dh. v. 316.

V PHÀM SƯTỬ (SĨHAlớiGGƠ)

1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI sư TỬ (Sīhañgapañho) ỉ. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: 6íBảy tính chất của loài sư tử nên được hành tri"bảy tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống nhu loài sư tử là [con thú] màu vàng nhạt, trắng trẻo, không vết nhơ, trong sạch. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có tâm màu vàng nhạt, trắng trẻo, không vết nhơ, trong sạch, nên xa lìa nỗi nghi hoặc. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài sư tử nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, loài sư tử có bôn chân, có sự đi lại hùng dũng. Tâu Đại vươnệ, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có sự thực hành vê bôn nên tảng của thân thông. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài sư tử nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài sư tử có bờm lông xinh đẹp, ưng ý. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên có bờm lông là giới, xinh đẹp, ưng ý. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ ba của loài sư tử nên được hành trì. 4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài sư tử, dầu ở vào trường hợp chấm dứt mạng sống, cũng không hạ mình đối với bất cứ ai. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập, dầu ở vào

trường hợp chấm dứt các vật dụng về y phục vật thực chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh, cũng không nên hạ mình đối với bất cứ người nào. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của loài sư tử nên được hành trì. 5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài sư tử có sự ăn vật thực theo tuần tự, [con mồi] rơi xuốnệ ở chỗ nào, thì nó ăn cho đủ theo nhu cầu ngay tại chỗ ấy, không chọn lựa phân thịt ngon nhất. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên có vật thực theo tuần tự, không nên chọn lựa các gia đình, không nên đi đến các gia đình sau khi đã bỏ qua căn nhà trước đó, không nên chọn lựa thức ăn, vắt cơm được để xuốn^ ở chỗ nào thì nên thọ thực chỉ vừa đủ cho việc duy trì cơ thể ở ngay tại chỗ áy, không nên chọn lựa thức ăn cao sang. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của loài sư tử nên được hành trì.

6. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài sư tử có thói không ăn đồ ăn tích trữ, sau khi ăn ở khu vực kiếm ăn một lần thì không đi đến nơi ấy lần nữa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có sự không thọ dụng vật tích trữ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ sáu của loài sư tử nên được hành trì. 7. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài sư tử không lo âu do đã không đạt được thức ăn, còn khi đã đạt được thức ăn thì thọ dụng không bị vướng mắc, không bị mê mẩn, không bi phạm tội. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vị hành giả thiết tha tu tập không nên lo âu do đã không nhận được thức ăn, còn khi đã nhận được thức ăn thì nên thọ dụng không bị vướng mắc, không bi mê mẩn, không bị phạm tội, có sự nhìn thấy điều bất lợi, có tuệ về sự thoát ly. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ bảy của loài sư tử nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vi Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Tương ưng bộ cao quý trong khi tán dương

3. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, loài ngông đỏ không hãm hại các sinh mạng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập có gậy đã được bỏ xuống, có dao đã được bỏ xuống, cọ liêm sỉ, đã đạt được lòng trắc ẩn, có lòng thương tưởng đến sự lợi ích của tất cả các chủng loại có sinh mạng. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của loài ngỗng đỏ nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Bổn sanh "Cakkav^ka:”i8 "Người nào không giêt hại, không bảo giêt hại, không thông tri, không bảo thống tri, do sự không hãm hại đổi với tất cả chúng sanh, người ấy không có oán thù với bất cứ cù." 6íCâu hỏi về tính chất của loài ngỗng d6” là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI SẾU CÁI (Penāhikañgapañho) 1. Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: 6íHai tính chất của loài sếu cái nên được hành tri”hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài sếu cái không nuôi dưỡng các chim con vì sự ghen ghét với chồng của mình (sếu đực). Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên ghen ghét các phiền não đã sanh lên ở tâm của mình, nên bỏ chúng vào cái hốc của sự thu thúc đúng đắn bằng sự

thiết lập niệm, nên tu tập niệm đặt ở thân tại cánh cửa của ý (ý môn). Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài sếu cái nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài sếu cái sau khi đi lại vào ban ngày ở khu vực kiếm ăn trong rừng, buổi chiều đi đến với bầy chim nhằm sự bảo vệ cho bản thân. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vị hành giả thiết tha tu tập nên lui tới nơi thanh vắng mỗi một mình nhằm sự giải thoát hoàn toàn khỏi các sự trói buộc, khi không còn thích thú nơi ấy thì nên trở về hội chúng nhằm hộ trì nỗi sợ hãi vì sự chê trách, và nên sống với sự bảo vệ của hội chúng. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài sếu cái nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Phạm thiên Sahampati nói đến trong sự hiện diện của đúc Thế Tôn:18 19 "Nên lui tới các chô trủ ngụ xa văng. Nên thực hành việc thoát khỏi các sự trói buộc. Nêu không đạt được sự thích thú tại nơi ấy, thì nên sống ở hội chúng, bản thân được bảo vệ, có nỉệmy “Câu hỏi về tính chất của loài sếu cáiw là thứ ba.

18 Bổn sanh "Chim hồng hạc " (Cakkavākajātakain), số 434, TTP v, tập 32. (ND) 19 Theragāthāpāli (Trưởng lão kệ), TTP v, tập 31, trang 59, câu kệ 142, nhưng ghi là lời của Trưởng lão Mahācunda. (NỈ))

4. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI Bồ CÂU NHÀ (Gharakapotangapañho) Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: 64Một tính chất của loài bồ câu nhà nên được hành trìw, một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài bồ câu nhà, trong khi cư ngụ tại nhà của những người khác, không năm giữ đặc diêm của bát cứ đô đạc nào của họ? dửng dưng, sống có nhiều suy tưởng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập đi đến gia đình của người khác, không nên nắm giữ đặc điểm của những người nữ, hoặc của những người nam, hoặc [đặc điểm] ở giường, hoặc ở ghê, hoặc vê vải vóc, hoặc vê đô trang sức, hoặc vê vật tiêu khiên, hoặc vê vật sử dụng, hoặc vê nhiêu loại thức ăn ở gia đình ây, nên dửng dưng, nên thiêt lập sự suy tưởng của vi Sa-môn. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài bô câu nhà nên được hành trì. Tâu Đại vương, điêu này cũng đã được đức Thê Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Bổn sanh "Cūlanārada:,2° "Sau khỉ đi vào gia đình của người khác, nên ăn chừng mực^ nên dụng chừng mực về các thức uổng hoặc các thức ăn, không nên để tâm cảnh sắc" 46Câu hỏi về tính chất của loài bồ câu nhà” là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHIM cú (Ulūkañgapañho) ỉ. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: “Hai tính chất của loài chim củ nên được hành tri* hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài chim cú chống đối lại các con quạ, ban đêm đi đến bầy quạ, rồi còn giết chết nhiều con quạ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên the hiện sự chống đoi lại sự thiếu trí, nên ngôi xuống một mình ở nơi văng vẻ roi nên nghiên nát hoàn toàn sự thiêu trí, nên cắt đứt tận gốc rễ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài chim cú nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài chim cú là vô cùng cô tịch. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có sự

ưa thích thiền tinh, được thích thú thiền tịnh. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài chim cú nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Tương ưng bô cao quý: "Này các Tỳ-khưuf ở đây vi Tỳ-khtm có sự ưa thích thiền tinh, được thích thủ thiên tinh, nhận biêt đủng theo thực thê răng: 'Đây là khônhận biêt đủng

20 Bản sanh "An sĩ Narada99 {Cullanāradajātakam). số 477, TTP v, tập 32. (ND)

theo thực thể rằng: 'Đây là nhân sanh khổnhận biết đúng theo thực thể rằng: * T T • r Ắ -I r 7 y

'Đáy tà SỊT diệt tận khônhận biêt đúng theo thực thê rang: 'Đây là sự thực hành đưa đen sự diệt tận kho y 66Câu hỏi về tính chất của loài chim cứ" là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHIM GÕ KIẾN (Satapattañgapañho) Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: wMột tính chất của loài chim gõ kiến nên được hành tri* một tính chất nên được hành trì ấy là điều nao? -Tâu Đại vương, giống như loài chim gõ kiến kêu réo báo hiệu sự an toàn hoặc sợ hãi cho những kẻ khác. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập trong khi thuyết giảng giáo pháp cho những người khác nên chỉ cho thấy đọa xứ là sự sợ hãi, nên chỉ cho thấy Niết-bàn là sự an toàn. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài chim gổ kiến nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Pindolabhāradvāja nói đến: "ở địa ngục có sự sợ hãi và run sợ, ỞNỉết-bàn có sự an lạc bao la, vị hành giả nên chỉ cho thấy cả hai ỷ nghĩa nàyy 66Câu hỏi về tính chất của loài chim gõ kiến95 là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI DƠI {Vagagulyañgapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: í6Hai tính chất của loài doi nên được hành tri", hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài dơi sau khi đi vào nhà, bay quanh, rồi đi ra, không chân chờ ở nơi ây. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi đi vào làng đe khất thực, nên đi theo tuần tự, khi đã nhận được phần thì rời khỏi thật nhanh chóng, không nên chần chờ ở nơi ấy. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ nhát của loài dơi nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài dơi trong khi sống ở nhà của những người khác thì không làm việc phá hoại đến họ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi đi đến những gia đình, không nên gây ra cho họ bất cứ điều gì hối tiếc do sự xin xỏ quá mức, hoặc do nhiều sự yêu cầu, hoặc do nhiều sự sai trái của thân, hoặc do trạng thái nói quá nhiều, hoặc do trạng thái của lạc và kho là tương đong, cũng không nên khiến họ bỏ bê công việc căn bản của họ, nên ước muốn chỉ mỗi sự tiến triển về mọi mặt. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài dơi nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vi Trời nói đến ở Trường bộ quý báu, bài Kinh Lakkhana^x

21 D. III. 142, Kinh Tướng (Lakkhanasuttam), số 30.

Vì niêm tin, vì giới, vì sự nghe, vì sự thông minh, Vỉ sự xả thí, vì giáo pháp, vì các điều tốt đẹp, vì tài sản, vì lúa gạo và vì ruộng vườn đất đai, vì các con, vì những người vợ và vì các gia súc, vì các thân quyến, vì các bạn bè và vì các bà conf vĩ sức mạnh, vì sắc đẹp và vì sự an lạc ở cả hai trường hợp ước muốn: “Làm thê nào đê các kẻ khác không thoái hóa?" và còn mong mỏi vê sự thành tựu của mục đích. 6'Câu hỏi về tính chất của loài dơi” là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI ĐỈA (Jalūkañgapañho) -Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: “M0t tính chất của loài đỉa nền được hành tri”, một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài đỉa bám vào nơi nào thì bám chặt ngay tại nơi ấy rồi hút máu. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên khiến cho đối tượng mà tâm bám vào được thiết lập một cách chắc chắn theo màu sắc, theo vị trí, theo phương hướng, theo khoảng cách, theo ranh giới, theo đặc điểm, theo dấu hiệu, rồi nhờ vào chính đối tượng ấy nên uống trọn vẹn vi chất của sự giải thoát. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài đỉa nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Anuruddha nói đến: "Nên thiết lập ở đôi tượng băng tâm thanh tỉnh, nên uông vỉ chát trọn vẹn của sự giải thoát bang tăm ẩyy “Câu hỏi về tính chất của loài đỉa" ỉa thứ tám.

9. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI RẮN (Sappañgapañho) L Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: 66Ba tính chất của loài rắn nền được hành tri", ba tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? Tâu Đại vương, giông như loài răn di chuyên băng ngực. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vị hành giả thiết tha tu tập nên cư xử bang tuệ. Tâu Đại vương, tâm của vị hành giả cư xử bằng tuệ di chuyển ở trong khuôn khổ, tránh xa hiện tướng sai trái, phát triển hiện tướng tốt đẹp. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài rắn nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa? loài rắn trong khi di chuyển thì di chuyển tránh xa loại dược thảo. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên hành xử, trong khi tránh xa ác hạnh. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài răn nên được hành trì. 3 Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài rắn sau khi nhìn thấy loài người thì bực bội, sầu muộn, suy nghĩ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi suy tàm về sự suy tầm xấu xa, sau khi làm sanh

khởi Sự không thích thú, nên bực bội, nên sầu muộn, nên suy nghĩ rằng: "Do ta bị xao lãng, mà ngày đã trôi qua. nó không thể đạt lại được nữa.^, Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của loài ran nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến ở Bổn sanh "Bhalltiya" về hai kinnara [loài có chim đầu người]:22 "Này người thợ săn, vào cái đêm chủng tôi đã song cách biệt, không như ỷ muốn, luôn tưởng nhớ nhau, r r r

cả một đêm áy, trong khi hôi tiêc, chủng tôi sầu muộn; đêm ẩy sẽ không có lần nữa." 6'Câu hỏi về tính chất của loài rắn55 là thứ chín.

10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI TRĂN (Ajagarañgapañho) Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: í6Một tính chất của loài trăn nên được hành tri", một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài trăn có thân hình to lớn khổng lồ, thậm chí trong nhiều ngày có bao tử thiếu thon, hơn cả đáng thương, không đạt được vật thực làm đây bụng; mặc dâu không được đây đủ, nó tiêp tục sông dâu chỉ là duy trì cơ thể được tồn tại. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với vị hành giả thiết tha tu tập bị ràng buộc với hạnh khất thực, bi đi đến với đồ ăn khất thực ở những người khác, là người trông đợi vật bố thí từ những người khác, đã từ bỏ việc tư mình đoạt lây, có vật thực làm đây bao tử là việc khó đạt được, thêm nữa người con trai gia đình danh giá có sự đeo đuổi mục đích nên ngưng không ăn bốn năm vắt cơm [sau cùng], và nên làm đầy chỗ trống còn lại [của bao tử] bằng nước. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài trăn nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vi Tướng quân Chánh pháp nói đến:23 Trong khi thọ dụng đồ ăn ướt và đồ ăn khô, không nên thỏa mãn một cách quả độ, Vị Tỳ-khicu du hành với bao tử thiếu thon, với vật thực chừng mực, có niệm. r r r Nên ngưng không ăn bôn, năm vát cơm [sau cùng] và nên uông nước. Vậy là đủ cho sự sống thoải mải đối với vỉ Tỳ-khưu có bản tánh cương quyết." í6Câu hỏi về tính chất của loài trăn55 là thứ mười. Phẩm Sư tử là phẩm thứ năm.

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY "Loài sư tử, loài ngỗng đỏ, loài sếu cái, loài bồ câu nhà, loài chim cú, loài chim gõ kiến, loài dơi, loài đỉa, loài rắn và loài trăn nữa, vì thế phẩm được đặt ten."

22 Bổn sanh "Vua Bhallātiya,, (Bhallātiyajātakam), số 504, TTP v, tập 33. (ND) 23 Theragāthāpāḷi (Trưởng lão kệ), TTPV, tập 31, trang 229, các câu kệ 982-83. (ND)

VI. PHẨM NHỆN (MAKKATAKAK4GGO)

ỉ. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI NHỆN (Makkatakañgapañho) Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: "MQt tính chất của loài nhện đường nên được hành tri"một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài nhện đường sau khi thực hiện tấm che bằng màng lưới nhện ở đường lộ, nếu ở tại nơi ấy có con sâu, hoặc con ruồi, hoặc con bọ rầy bị vướng vào mạng lưới, thì nó tóm lấy con vật ấy và ăn ngấu nghiến. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập sau khi thực hiện tấm che bằng màng lưới của sự thiết lập niệm ở sáu cánh cửa,24 nếu ở tại nơi ấy có những con ruồi phiền não bị bắt giữ thì nên bị tiêu diệt ngay tại chỗ ấy. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài nhện đường nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Anuruddha nói đen: "Nên kiểm soát tâm ở tại sáu cảnh cửa có sự thiết lập niệm cao quỷ tối thượng, nêu các phiên não bi vướng vào ở nơi ây, chúng nên bi tiêu diệt bởi vỉ hành minh sát." 6Câu hỏi về tính chất của loài nhện" là thứ nhất

2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA ĐỨA BÉ ĐEO BẦU vú (Thanassitadārakañgapañho) Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "MQt tính chất của đứa bé đeo bầu vú nên

được hành tri”một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như đứa bé đeo bầu vú bám vào nơi có sự lợi ích cho nó, khi có nhu cầu về sữa thì khóc lóc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên bám vào mục đích của mình, nên có trí tuệ của giáo pháp ở mọi trường hợp, ở việc đọc tụng, ở việc học hỏi, ở sự ra sức đúng đắn, ở việc tách ly, ở việc sống chung với vi thầy, ở việc thân cận với bạn tốt. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của đứa bé đeo bàu vú nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Trường bộ cao quý, bài Kinh Parinibbānā9.

24 Sáu cánh cửa: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý. (ND)

"Này Ānanda, các ngươi hãy nỗ lực cho mục đích của mình, hãy gắn bó vào mục đích của mình, hãy sông không xao lãng, có nhiệt tâm, có bản tánh cương quyết về mục đích của mìnhy wCâu hỏi về tính chất của đứa bé đeo bầu vúw là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI RÙA (Kummañgapañho) Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: uMột tính chất của loài rùa có đốm nên được hành tri”, một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như loài rùa có đốm di chuyển, tránh xa nước vì sợ nước, tuy nhiên do việc tránh xa nước ấy, vẫn không bị giảm thiểu về tuổi thọ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi ở việc xao lãng, nên có sự nhìn thấy nét đặc biệt của đức hạnh ở việc không xao lãng. Tuy nhiên, do trạng thái nhìn thấy nỗi sợ hãi ở việc xao lãng ấy, vẫn không bị suy giảm về bản thể Sa-m6n, vị ấy tiến đến gần chỗ kề cận Niết-bàn. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài rùa có đốm nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vi Trời Vượt Trội Các Vi Trời nói đến ở Pháp c25 "Vị Tỳ-khưu thích thú trong việc không xao ldn& hoặc có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi ở việc xao lãng, không thể bi hư hỏng và ở ke cận chính Niết-bàny wCâu hỏi về tính chất của loài rùaw là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHÁT CỦA KHU RỪNG (PavanaAgapaũho) ỉ. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngai nói là: 64Năm tính chất của khu rừng nên được hành trV\ năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? Tâu Đại vương, giống như khu rừng che giấu người không trong sạch. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên che đậy sự hư hỏng, sự lỗi lầm của những người khác, không nên bộc lộ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của khu rừng nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, khu rừng là trốnệ không về trường hợp nhiều người đông đúc. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vị hành giả thiết tha tu tập nên là trống không về luyến ái, sân hận, si mê? ngã mạn, mạng lưới tà kiến và tất cả các phiền não. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của khu rừng nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, khu rừng là văng vẻ, không bị chen chúc người. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên tách biệt với các pháp ác, bất thiện, không cao thượng. Tâu Đại vương, điêu này là tính chất thứ ba của khu rừng nên được hành trì.

25 Dh. v. 32.

4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, khu rừng là yên tinh, trong sạch. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên là yên tịnh, trong sạch, nên là tịch tịnh, có ngã mạn đã được dứt bỏ, có sự đạo đức giả đã được dứt bỏ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của khu rừng nên được hành trì. 5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, khu rừng là thân cận với những con người thánh thiện. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vị hành giả thiết tha tu tập nên thân cận với những con người thánh thiện. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của khu rừng nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Tương ưng bộ cao quý: sống với các bậc thảnh thiện, đã tách ly, có bản tánh cương quyết, có thiền chứng, với các bậc sảng trí thường xuyên ra sức tỉnh tẩny uCâu hỏi về tính chất của khu rừng" là thứ tư.

5. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẤT CỦA CÂY CỐI (Rukkhañgapañho) 1. - Thưa Ngài Năgasena, điều mà Ngài nói là: 6íBa tính chất của cây cối nên được hành tri", ba tính chất nên được hành trì ấy ỉa các điều nào? Tâu Đại vương, giống như cây cối có sự đơm hoa kết trái. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vi hành giả thiết tha tu tập có sự đơm hoa là sự giải thoát và kết trái là bản thể Sa-môn. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của cây cối nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, cây cối cung cấp bóng che cho những người đã đi đen và đã tiến vào. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên tiếp đón với sự tiếp đón về vật chất hoặc là với sự tiếp đón về giáo pháp đối với những cá nhân đã đi đến và đã tiến vào. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của cây cối nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, cây cối không làm sự phân biệt về bóng che. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên làm sự phân biệt đối với tất cả chúng sanh, nên thể hiện sự tu tập về từ ái thật sự bình đang đoi với những kẻ trộm cướp, những kẻ phá hoại, những kẻ đoi nghịch, cũng như đối với bản thân rằng: uLàm cách nào để các chúng sanh này có thể gìn giữ bản thân, không có thù oán, không có hãm hại, không có phiền phức, có sự an vui." Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của cây côi nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến: "Trong trường hợp kẻ phá hoại Devadatta, kẻ cướp có xâu chuỗi bằng ngón tay, con voi Dhanapãỉa và luôn cả [người con trai] Răhula, bậc Hiền trí là bình đang trong mọi trường hợp' "Câu hỏi về tính chất của cây cối^ là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CƠN MƯA (Meghañgapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: wNăm tính chất của cơn mưa nên được hành trì7 *9\ năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -* Tâu Đại vương, giống như cơn mưa làm lắng xuống bụi bặm đã sanh khởi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên làm lắng xuống bụi bặm phiền não đã sanh khởi. Tâu Đại vương, điều

này là tính chất thứ nhất của cơn mưa nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, cơn mưa làm mát lạnh sức nóng của trái đất. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên làm mát lạnh thế gian luôn cả chư thiên bằng sự tu tập về từ ái. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của cơn mưa nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, cơn mưa làm nảy mầm tất cả các loại hạt giống. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên làm cho sanh khởi niềm tin của tất cả chúng sanh, nên gieo hạt giống niềm tin ấy ở ba sự thành tựu, ở sự thành tựu về cõi trời và loài người cho đến sự thành tựu về sự an lạc của chân lý tối thượng Niết-bàn. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của cơn mưa nên được hành trì. 4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, cơn mưa phát khởi theo mùa bảo vệ các loài cỏ dại, cây cối, dây leo, bụi rậm, dược thảo, cổ thụ đang mọc ở bề mặt trái đất. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên làm sanh khởi sự tác ý, và với sự tác ý đúng đường lối ấy nên bảo vệ pháp Sa- môn. Tất cả các thiện pháp có gốc rễ ở sự tác ý đúng đường lối. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của cơn mưa nên được hành trì. 5. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, cơn mưa trong khi đô mưa làm tràn đây các con sông, hô nước, đâm sen và các rãnh, các khe, các suôi, các hô, các giếng nước với những khối lượng nước. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên làm đổ xuống cơn mưa giáo pháp về kinh điển và pháp học, nên làm đay đủ tâm ý đoi với các ước muốn ve sự chứng đắc. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của cơn mưa nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến: “Sau khi nhìn thây chủng sanh có thê giác ngộ dâu ở cách trăm n^àn do- tuânf bậc Đại Hiền triết đi đen trong khoảnh khắc và giác ngộ người ấyy “Câu hỏi về tính chất của cơn mưa” là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VÈ TÍNH CHẮT CỦA NGỌC MA-NI (Maniratanañgapañho) ỉ. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: “Năm tính chất của ngọc ma-ni nên được hành trì9\ năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

-Tâu Đại vương, giống như ngọc ma-ni là thuần túy trong sạch. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vi hành giả thiêt tha tu tập nên có sự nuôi mạng thuần túy trong sạch. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của ngọc ma-ni nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, ngọc ma-ni không bị trộn lẫn với bát cứ vật gì. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vị hành giả thiêt tha tu tập không nên bị trộn lẫn với các điều ác xấu, với các bạn bè ác xấu. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của ngọc ma-ni nên được hành trì. 3 Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, ngọc ma-ni được xếp chung với các loại ngọc nguyên chát. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vị hành giả thiêt tha tu tập nên sông chung với các bậc tri thức cao quý bậc nhát, nên sông chung với các vị đã đạt đạo, trú quả, có được quả Hữu học, với các ngọc ma-ni là các bậc Nhập lưu, Nhất lai, Bất lai, A-la-hán và các vị Sa-môn có ba minh, sáu thăng trí. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ ba của ngọc ma-ni nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vi Trời nói đến ở

Kỉnh tập:26 r "Là những người trong sạch, trong khi sông chung với những người trong sạch, hãy tỏ ra có sự kỉnh trọng lẫn nhau. Từ đóf có sự hợp nhất, chỉn chắn, các ĩ 9

ngươi sẽ thực hiện việc chăm dứt khô đau." uCâu hỏi về tính chất của ngọc ma-ni" là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI THỢ SĂN (Māgavikañgapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: ẾÍBốn tính chất của người thơ săn nên được hành tri"bốn tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như người thợ săn thì ít ngủ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên ít ngủ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của người thợ săn nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, người thợ săn thì trói buộc tâm chỉ ở các con thú. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên trói buộc tâm chỉ ở các đôi tượng [của đê mục thiên]. Tâu Đại vương, điêu này là tính chất thứ nhì của người thợ săn nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, người thợ săn biết thời điểm của công việc. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vi hành giả thiêt tha nên biêt thời điểm của việc thiền tinh: "Giờ này là của thiền tịnh, giờ này là của việc xuất ly." Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ ba của người thợ săn nên được hành trì.

26 Suttanipãtapãịi (Kinh tập\ Cullavaggo (Tiếu phẩm), TTPV, tập 29, trang 88, câu kệ 285.

4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, người thợ săn sau khi nhìn thấy con thú thì sanh khởi sự vui mừng rằng: "Ta sẽ đạt được con nay/9 Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vị hành giả thiết tha nên thích thú với các đối tượng [của đề mục thiền], nên sanh khởi sự vui mừng rằng: "Ta sẽ chứng đắc sự thành đạt hơn nữa.^, Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của người thợ săn nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Mogharāja nói đến: "Sau khi đạt được các đôi tượng [của đê mục thiên], vỉ Tỳ-khưu có bản tánh cương quyết nên sanh khởi sự vui mừng hơn nữa rằng: 'Ta sẽ chứng đắc hơn nữa^ wCâu hỏi về tính chất của người thợ săn" là thứ tám.

9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHÁT CỦA NGƯỜI CÂU CÁ (Bālisikañgapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: 6Hai tính chất của người câu cá nên được hành tri"hai tính chất nên được hành trì ấy là các điêu nào? -Tâu Đại vương, giống như người câu cá giật lên các con cá nhờ vào lưỡi câu. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên giật lên các quả vị Sa-môn cao hơn nữa nhờ vào trí tuệ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của người câu cá nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, người câu cá gây tôn thương vật nhỏ rồi đạt được lợi lớn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên buông bỏ số lượng tài vật thế gian nhỏ nhoi. Tâu Đại vương, sau khi buông bỏ số lượng tài vật thế gian nhỏ nhoi, vị hành giả thiết tha tu tập chứng đắc quả vi Sa-môn to lớn. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của người câu cá nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Rãhula nói đến: "Sau khi từ bỏ vật chất the

gian, ngươi hãy đạt được không tánh, vô tướng, vô nguyện giải thoát, bon quả và sáu thắng trí' “Câu hỏi về tính chất của người câu cá55 là thứ chín.

10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI THỢ Mộc (Tacchakañgapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: “Hai tính chất của người thợ mộc nên được hành tri”hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như người thợ mộc sau khi làm cho đúng đắn sợi chỉ đen rồi đẽo gọt khúc cây. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên làm cho đúng đắn theo giáo pháp của đấng Chiến Thắng, nên đứng vững ở trái đất là giới, nên cầm lấy cái rìu trí tuệ bằng bàn tay đức tin, rồi

nên đẽo gọt các phiền não. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của người thợ mộc nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, người thợ mộc loại bỏ giác cây và chọn lấy lõi cây. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tap nên loại bỏ các pháp có hình thức như là: Thường [kiến], đoạn [kiến], mạng song ấy thân thể ấy, mạng sống khác thân thể khác, cái ấy là tối thượng, cái khác là tối thượng, không làm không hình thành, không có sự tạo tác của con người, lối sống phi Phạm hạnh, sự hoại diệt của chúng sanh, sự tạo thành của chúng sanh mới, tính chất thường còn của các hành, người nào làm người ấy thọ hưởng, người khác làm người khác thọ hưởng, sự nhìn thấy quả của nghiệp và tà kiến ve quả của hành động; như vậy, sau khi loại bỏ các pháp có hình thức như thế ấy và luôn cả các đường lôi tranh cãi khác, nên chọn lây bản thể của các pháp tạo tác, là không tánh tuyệt đối, là không tánh tối cao không lực tác động, không bị chê trách. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của n^ười thợ mộc nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thê Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Kỉnh tập'}1 r 9

"Các ngươi hãy tông đi bụi bặm và hãy lùa bỏ rác rưởi, sau đó hãy đuôi đi những kẻ nói nhiều, những kẻ phi Sa-môn và những kẻ Sa-môn cao ngạo. Sau khi tống đi các ước muốn ác xấu, các thói quen và hành xứ xấu xaf là những người trong sạch, trong khi sổng chung với những người trong sạch, hãy tỏ ra có sự kỉnh trọng lan nhau' “Câu hỏi về tính chất của người thợ mộcw là thứ mười. Phẩm Nhện là phẩm thứ sáu.

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY "Loài nhện, đứa bé, loài rùa, khu rừng và cây côi là thứ năm; cơn mưa, ngọc ma-ni, người thợ săn, người câu cá và thêm người thợ mQc."

27 Suttanỉpãtapâịi (Kinh tập), Cullavaggo (Tiểuphẩm)^ TTPV, tập 29, trang 89, các câu kệ 283-85.

vn. PHẨM CHUM NƯỚC (KUMBHAVAGGO)

1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CHUM Nước (Kumbhañgapañho) Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: uMột tính chất của chum nước nên được hành tri”, một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào? -Tâu Đại vương, giống như chum nước đầy thì không làm thành tiếng vang. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết

tha tu tập sau khi đạt đến sự toàn hảo về kinh điển, về sự chứng đắc, về pháp học, về bản thể Sa- môn thì không nên làm thành tiếng vang, không nên thể hiện sự ngã mạn vì điều ấy, không nên phô bày sự kiêu ngạo, nên có sự ngã mạn được lắng xuống, nên có sự kiêu ngạo được lang xuống, nên thẳng than, không nói nhiều, không có sự khoe khoang. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của chum nước nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở Kinh tập^ "Cái gì thiếu kem cải ấy làm thành tiếng vang, cải gì được đầy cải ấy thật yên tịnh. Kẻ ngu tương tợ cái chum rỗng, bậc sáng trí tợ như hồ nước đầy tràn r 6Câu hỏi về tính chất của chum nước59 là thứ nhất

2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHÁT CỦA SẮT ĐEN (Kālāyasañgapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: uHai tính chất của sắt đen nên được hành tri", hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? -Tâu Đại vương, giống như sắt đen hoạt động khi đã được tẩm nước đầy đủ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, tâm của vị hành giả thiêt tha tu tập hoạt động khi được găn chặt ở sự tác ý đúng đường lôi. Tâu Đại vương, điêu này là tính chất thứ nhất của sắt đen nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, săt đen một khi đã được tâm nước thì không loại bỏ nước. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập, một khi niềm tin đã được sanh khởi rằng: "Bức Thế Tôn ấy là bậc Chánh Đẳng Giác cao cả, giáo pháp đã khéo được tuyên thuyết, hội chúng đã thực hành tốt dẹp", thì không nên để vuột mất lần nữa; một khi trí tuệ đã được sanh khởi răng: "Sác là vô thường, thọ là vô thường, tưởng là vô thường, các hành là vô thường, thức là vô thuơng", thì không nên để vuột mất lần nữa. Tâu

28 SuttanỉpãtapãỊi (Kinh tập), Cullavaggo (Tiểuphẩm), TTPV, tập 29, trang 227, câu kệ 724.

Đại vương, điêu này là tính chát thứ nhì của sát đen nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến: "Người đã được thanh tinh về sự nhận thức, vững chãi, biết được đặc điểm ở Thánh pháp, không bi lay chuyển về nhiều khía cạnh, và vỉ ấy có trạng thải đứng đầu so với tất cảy "Câu hỏi về tính chất của sắt dèn" là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÁI LỌNG CHE (Chattañgapañho) 1. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài n6i là: "Ba tính chất của cái lọng che nên được hành trì"ba tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? Tâu Đại vương, giống như cái lọng che di chuyển ở phía trên đầu. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có sự di chuyển ở phía trên đầu của các phiền não. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của cái lọng che nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, cái lọng che là vật che chở cái đầu. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có trạng thái che chở sự tác ý đúng đường lối. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của cái lọng che nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, cái lọng che ngăn cản gió, sức nóng và các cơn mưa từ

đám mây. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập, đối với các Sa-môn, Bà-la-môn phàm phu có tà kiến gồm nhiều loại, thì nên ngăn cản các làn gió suy nghĩ, sự đốt nóng của ngọn lửa gồm ba loại [tham, sân, si] và các cơn mưa phiền não của họ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của cái lọng che nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến: "Cũng giống như cái lọng che rộng lớn, không lỗ thủng, vững chãi, chắc chan che cản gió, sức nóng và những cơn mưa lớn từ trên trời. Y như thế ấy, người con trai của đức Phật, được trong sạch, cầm chiếc lọng che là giới, cản lại cơn mưa phiền não và ngọn lửa gồm ba loại có sự đốt nóngy uCâu hỏi về tính chất của cái lọng che" là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA THỬA RUỘNG (Khettañgapañho) ỉ. - Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: 6Ba tính chất của thửa ruộng nên được hành tri", ba tính chất nên được hành trì ấy ià các điều nào? Tâu Đại vương, giống như thửa ruộng có đầy đủ đường dẫn nước. Tâu Đại vương, tương tợ y như the, vị hành giả thiết tha tu tập nên có đay đủ đường lối về phận sự và công việc được hành xử tốt đẹp. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của thửa ruộng nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, thửa ruộng có đầy đủ bờ bao, và với bờ bao ấy bảo vệ nước và làm cho thóc lúa kết hạt. Tâu Đại vương, tươnệ tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có đầy đủ bờ bao về giới và sự ho thẹn tội lỗi, với bờ bao về giới và sự hổ thẹn tội loi ấy nên bảo vệ bản thể Sa- m6n, roi nên năm lây bôn quả vị Sa-môn. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ nhì của thửa ruộng nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, thửa ruộng có đầy đủ khả năng sản xuất, là nguồn sanh lên niềm vui cho người nông dân, hạt giống được gieo dầu ít mà đạt được nhiều, được gieo nhiều thì đạt được nhiều hơn. Tâu Đại vưcrng, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên có đầy đu khả năng sản xuất, có sự ban cho các quả báo lớn lao, nên là nguồn sanh lên niềm vui cho các thí chủ để rồi vật được bố thí ít trở thành nhiều vật được bố thí nhiều trở thành nhiều hơn. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của thửa ruộng nên được hanh trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Ưpãli, vi rành rẽ ve Luật noi đen: "Nên giống như thửa ruộng có sự ban cho lớn lao về khả năng sản xuất, vị nào ban cho quả bảo lớn lao, vi ấy gọi là thửa ruộng cao quỷy "Câu hỏi về tính chất của thửa ruộng55 là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA THUỐC GIẢI Độc (Agadañgapañho) L - Thưa Ngài Nẫgasena, điều mà Ngài nói là: "Hai tính chất của thuốc giải độc nên được hành tri"hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào? Tâu Đại vương, giống như các con giòi khônệ tồn tại ở thuốc giải độc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vị hành giả thiết tha tu tập không nên đê cho cácphi2n não tồn tại ở tâm. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của thuôc giải độc nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, thuôc giải độc ngăn chặn tát cả chất độc do đã bi cắn, bi chạm vào, bị ngộ độc, bi ăn vào, bi uống, bi nhai, bị nếm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên ngăn chặn tất cả chất độc luyến ái, sân hận, si mê, ngã mạn, tà

kiến. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của thuốc giải độc nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đen: "Với ước muốn nhìn thấy bản thể vày nghĩa của các pháp tạo tác, vi hành giả nên giong như thuốc giải độc trong việc tiêu trừ chất độc phiền não^ 6'Câu hỏi về tính chất của thuốc giải độc95 là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHÁT CỦA VẬT THỰC (Bhojanañgapañho) ỉ. Thưa Ngài Nãgasena, điều mà Ngài nói là: wBa tính chất của vật thực nên được hành trì9\ ba tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

Tâu Đại vương, giống như vật thực là sự nâng đỡ cho tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên là sự nâng đỡ về đạo lộ cho tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của vật thực nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, vật thực làm tăng trưởng sức mạnh của chúng sanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên tăng trưởng sự phát triên của phước báu. Tâu Đại vương, điêu này là tính chất thứ nhì của vật thực nên được hành trì. 3. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, vật thực là được mong mỏi đôi với tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vi hành giả thiết tha tu tập nên được mong mỏi bởi tất cả thế gian. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của vật thực nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Mahāmoggallāna nói đến: "Nhờ vào sự thu thúc, nhờ vào sự kem chêf nhờ vào giới, nhờ vào sự thực hành, vi hành giả sẽ là được mong mỏi đối với tất cả thế gian." 66Câu hỏi về tính chất của vật thực95 là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI CUNG THỦ (Issāsañgapañho) 1. Thưa Ngài Nâgasena, điều mà Ngài nói là: 66Bốn tính chất của người cung thủ nên được hành tri", bốn tính chất nên được hành trì ấy là các điều nao? -Tâu Đại vương, giống như người cung thủ, trong khi bắn những mũi tên thì thiết lập vững chắc hai bàn chân ở trái đất, giữ đàu gối ngay thẳng, đặt bao tên ở that lưng, kìm cứng thân hình, nâng hai bàn tay lên ở chô tiêp xúc, kìm chặt năm tay, làm cho các ngón tay không có lô hông, nâng cô lên, khép lại măt và miệng, ngắm thẳng mục tiêu, làm sanh khởi niềm vui rằng: "Ta sẽ xuyên thủng.^, Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vi hành giả thiêt tha tu tập nên thiêt lập hai bàn chân tinh tấn ở trái đất là giới, nên giữ sự kham nhẫn và khoan dung được ngay thẳng, nên đặt tâm ở sự phòng hộ? nên đưa bản thân vào sự thu thúc và sự kiềm chế, nên kìm chặt ước muốn và sự say đắm, nên làm cho tâm không có lỗ hổng ở sự tác ý đúng đường lối, nên nâng sự tinh tấn lên, nên khép lại sáu cánh cửa [giác quan], nên thiêt lập niệm, nên làm sanh khởi niêm vui răng: "Ta sẽ xuyên thủng tất cả phiền não bằng mũi tên trí tuệ." Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của người cung thủ nên được hành trì. 2. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, người cung thủ mang theo vật uôn thẳng để làm ngay thẳng cây tên bị cong, bi vẹo, bị quẹo. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên mang theo vật uốn thẳng là sự thiết lập niệm ở thân này để làm ngay thẳng cái tâm bị cong, bị vẹo, bi quẹo. Tâu Đại vương, điêu này là tính chát thứ nhì của người cung thủ nên được hành trì.

_ ỵ 3. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, người cung thủ chuyên chú ở mục tiêu. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vi hành giả thiêt tha tu tập nên chuyên chú ở thân này. Tâu Đại vương, vị hành giả thiết tha tu tập nên chuyên chú ở thân này như thế nào? Nên chuyên chú là vô thường, là cơn bệnh,... (nt)... là ghẻ, là mụt nhọt, là tai ương, là tật nguyền, là cái khác, là tiêu hoại, là tai họa, là bất hạnh, là sợ hãi, là nguy hiểm, là thay đổi, là mảnh mai, là không bền, là không nơi nương tựa, là không nơi tru ẩn, là không nơi nương nhờ, là trạng thái không có nơi nương nhờ, là rông không, là trông không, là bát lợi, là không có lối, là gốc gác của tai ương, là kẻ giết hại, là có sự rò rỉ, là bị tạo tác, là có bản chất sanh ra, là có bản chất già, là có bản chất bệnh, là có bản chất chết, là có bản chất sầu muộn, là có bản chất than vãn, là có bản chất thất vọng, là có bản chát phiên não. Tâu Đại vương, vị hành giả thiêt tha tu tập nên chuyên chú ở thân này như thế. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của người cung thủ nên được hành trì. 4. Tâu Đại vương, còn có điêu khác nữa, người thợ săn chuyên chú sáng chiêu. Tâu Đại vương, tương tợ y như thê, vi hành giả thiêt tha tu tập nên chuyên chú ở đôi tượng [của đê mục thiên] sáng chiêu. Tâu Đại vương, điêu này là tính chất thứ tư của người thợ săn nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến: "Giông như người cung thủ chuyên chú sáng chiêu, trong khi không bê trê việc chuyên chủ, đạt được bữa ăn và tiên lương. Tương tợ y như thế, người con trai của đức Phật thực hành sự chuyên chú ở thân, trong khỉ không bê tre việc chuyên chú ở thân, chứng đắc phẩm vi A-la-hán^ 6Câu hỏi về tính chất của người cung thủ" là thứ bảy. Phẩm Chum nước là phẩm thứ bảy.

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY , ỉ "Chum nước, sát đen, cái lọng che, thửa ruộng, thuôc giải độc, vật thực và người cung thủ, đã được các bậc hiểu biết nói đến." CÂU HỎI GIẢNG VÈ CÁC ví DỤ ĐƯỢC CHẤM DỨT.

ĐOẠN KÉT "Các câu hỏi của đức Vua Milinda được truyền đạt ở trong tập sách này gom có hai trăm sáu mươi hai câu hỏi, được chia thành hai mươi hai phẩm, thuộc về sáu chương, như vậy là đầy đủ. Tuy nhiên, còn có bốn mươi hai câu hỏi chưa được truyền đạt. Tổng cộng tất cả các câu hỏi đã được truyền đạt và chưa được truyền đạt là ba trăm lẻ bốn câu hỏi. Hết thảy tất cả được gọi tên là: 'Các câu hỏi của đức Vua Miỉinda? Vào lúc kết thúc các câu hỏi, các câu trả lời của đức Vua và vị Trưởng lão, đại địa cầu này, có phần đất rắn là tám mươi bốn trăm ngàn (tám triệu bốn trăm ngàn) do-tuần, được bao quanh bởi nước, đã rúng động theo sáu cách, các tia sét đã phóng ra, chư thiên đã đô xuông cơn mưa bông hoa thuộc cõi trời, Đại Phạm thiên đã thốt lời tán thán, ở giữa lòng đại dương đã có tiếng động lớn tợ như tiếng gầm của sấm ở đám mây đen. Như thế9 đức Vua Milinda ấy và đoàn hậu cung đã chắp tay cúi mình, đê đầu đảnh lễ. Đức Vua Milinda, có tâm mừng rỡ tột độ, đã trở thành người có sự hiểu biết về giáo pháp của đức Phật, không còn hoài nghi ở ba ngôi báu, thoát khỏi bụi rậm, không còn ương bướng, đã được tịnh tín tột độ ở các đức hạnh, ở sự xuất gia, ở sự khéo thực hành và bốn oai nghi của vị Trưởng lão, được tự tin, không còn mong câu, sự ngã mạn và kiêu ngạo đã được diệt trừ, tợ như răn chúa có răng nanh đã bị nhổ di, [đức Vua] đã

nói như vầy: 'Thưa Ngài Nâgasena, lành thay, lành thay! Các câu hỏi có liên quan đến đức Phật đã được Ngài trả lời. ở giáo pháp này của đức Phật, ngoại trừ Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp, không có ai khác tương đương Ngài trong việc trả lời các câu hỏi. Thưa Ngài Nãgasena, xin Ngài chấp nhận trẫm là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.5 Từ đó, đức Vua cùng với các đội binh lính phục vụ cho Trưởng lão Nâgasena, cho xây dựng tu viện tên Milinda, sau đó dâng đến vị Trưởng lão, rồi hộ độ bốn món vật dụng đen Trưởng lão Nâgasena cùng với một trăm koíi [một tỷ] vị Tỳ- khưu là các bậc lậu tận. Thêm nữa, sau khi đã được tịnh tín đối với trí tuệ của vị Trưởng lão, sau khi đã trao lại vương quốc cho người con trai, đức Vua đã rời nhà xuất gia sống không nhà, đã làm tăng trưởng pháp minh sát và đã đạt được phẩm vị A-la-hán." Vì thế, đã được nói rằng: "Trí tuệ được ca tụng ở thế gian, việc thuyết giảng nhằm việc duy trì Chánh pháp, sau khi trừ diệt sự phân vân bang trí tuệ, các bậc sáng trí đạt được sự an tinh.

1152 KINH TIỂU Bộ

Trí tuệ đứng vững ở trên vai của người nào, ở người nào niệm không thiếu sót, người ấy chỉnh là bậc tối cao, vô thượng, nhận lãnh phần đặc biệt của sự củng dường. Chính vì thế, con người sáng trí, trong khỉ nhận thức về mục đích của bản thân, nên củng dường các bậc có trí tuệ, ví như cúng dường ngôi bảo tháp là nơi đáng được cúng dường"

"Vi Đại Trưởng lão tên Doni sống ở thành phổ Doni thuộc xứLankã đã viết lại [tập sách] đã được xếp đặt khéo léo theo như đã được nghe. Câu hỏi của đức Vua Milinda và câu trả lời của vi Nãgasena, bởi vì Miỉinda có trí tuệ lớn lao và vi Nãgasena vô cùng sáng trí \ r r Do việc làm phước thiện này, mong răng từ chôn này tôi đi đên cõi trời Đẩu-suất, và ở ngày vi lai tôi có thể gặp [đức Phật] Metteyya, và cỏ thể lẳng nghe giáo pháp toi thượng."

“MILINDA vAn ĐẠO95 Được CHẤM DỨT.

PHỤ LỤC l QUY CÁCH BIÊN TẬP TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN THƯỢNG TỌA Bô

1. ĐÁNH SỐ THEO PHIÊN BẢN PÃLI TÍCH LAN Các tập kinh trong quyển này được Tỳ-khưu Indacanda dịch từ bản Pali giữ nguyên cách đánh số bản Việt ngữ theo hệ thống này. Lưu ý, cách đánh số kinh, đoạn kinh giữa bản Pâli Tích Lan, Chattha Sañgāyana Tipitaka (CST) và Pali Text Society (PTS) cũng có sự sai khác. 2. NGUỒN THAM KHẢO, ĐỐI CHIỂU HÁN VĂN Nham hỗ trợ việc nghiên cứu các bản kinh, hoặc các đoạn kinh tương đương giữa bản Pali và bản Hán, bộ Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh (DCT) được sử 3. TÔN TRỌNG ÂM VẬN VÙNG MIỀN VÀ ĐẶC NGỮ CỦA MÔT SỐ DỊCH GIẢ Ban Biên tập giữ nguyên âm vận và cách phiên âm do một số dịch giả có thẩm quyền sử dụng. Ví dụ: uBản su”“chính niêm", "chúng sinh”... đối với các dịch giả miền Bắc; "Bổn S'", "chánh niêm”, “chúng sanh”... đối với các dịch giả miền Nam; Tỷ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu), Tỳ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ), Tỳ-khuru (đối với bản dịch của Thượng tọa Chánh Thân), Tỷ-khiêu (đối với các dịch giả miền Bắc); Niết-bàn (đối

với các dịch giả Bắc truyền), Níp-bàn (đối với một số dịch giả Nam truyền). 4. CHUẨN HÓA QUY CÁCH VIẾT HOA, VIẾT THƯỜNG, PHIÊN ÂM An bản lân này vân giữ nguyên văn tư, văn khí, văn mạch của dịch giả, chỉ hiệu chỉnh chính tả, dấu chấm câu; đồng thời chuẩn hóa quy cách viết hoa, viết thường, in nghiêng, cách sử dụng số từ, cách chú thích từ nguyên, từ phiên âm, dịch nghĩa. 4.1. Thuật ngữ, giai vi, giới phẩm, địa vi, chức vụ

4.1.1. Các thuật ngữ, thành ngữ, phương ngữ, khái niệm, học thuyết -Viết thường toàn bộ các thuật ngữ. Ví dụ: phiền não, nghiệp báo, tâm, tâm sở, năm uẩn, năm thủ uẩn, năm triền cái, mười phiền não, v.v... -Viết thường các số từ đứng trước thuật ngữ Phật học. Ví dụ: nhị dế, tam độc, tứ sinh, tứ niệm xứ, ngũ uân, ngũ căn, lục căn5 lục độ9 thát bảo, thát giác chi, bát công đức thủy, bát Thánh đạo. cửu thiền, thập pháp giới, v.v... -Viết hoa chữ đầu của một học thuyết. Ví dụ: luận thuyết "V6 nhân luân", thuyết "Luân hồi tịnh h6a", v.v... 4.1.2. Các khái niệm, thuật ngữ từ tiếng nước ngoài: Viết thường và in nghiêng toàn bộ các thành tố. Ví dụ: tâm (citta), ý (mano), thức (viññāna). giới (sĩlă). định (samādhi), tuệ (paññā), v.v... 4.1.3. Các thuật ngữ phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết thường toàn bộ các thành tố và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: na-do-tha, do-tuần, yết-ma9 thiền-na, đàn-việt, đàn-tín, kiết-già, v.v... 4.1.4. Các danh từ riêng vừa phiên âm vừa dịch nghĩa: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Ni-kiền-tử? Xá-lợi-tử, v.v... 4.1.5. Các từ chỉ quả vị đặc biệt, giai vị, địa vị, chức vụ, học v* Viết hoa thành tố đầu. Ví dụ: Chánh đẳng giác, Nhất lai, Tôn giả, Hiền giả, Thiền sư, Pháp su, Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Sư cô, Trụ trì, Giáo sư, v.v... Nêu các từ được phiên âm từ tiếng nước ngoài thì giữa các thành tố có gạch nối. Ví dụ: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Vô dưNiết-bàn, v.v... 4.1.6. Đại từ chỉ đức Phật, Bồ"tát như Ta, Người, Ngài được viết hoa. Ví dụ: "Này các Tỷ-kheo, Ta nhắc các ông rằng.. 4.1.7. Viết hoa các đức hiệu của Phật. Ví dụ: Như Lai, ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ,... 4.2. Danh từ riêng 4.2.1. Nhân danh, địa danh: Viết hoa toàn bộ các thành tố nhân danh, địa danh, địa vực, địa dư, địa chính tri, phương vi. Các từ chỉ loại hình địa danh thì viết thường. Ví dụ: Đại sư Trí Quang, thành phố Lạc Dương, vùng đất Giao Châu, châu Âu, miền Tây Nam, hướng Đông Bác, phía Bắc. 4.2.2. Nhân danh, địa danh và tên một số cây, loài hoa, chim quý đặc biệt được phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Phật Thích-ca, Bồ-tát Di-lặc, Đại Ca-diếp, Tôn giả A-nan, thành Xá-vệ, nước Ma-kiệt-đà, cội Bồ-đề, Sa-la song thọ, cây Chiên~đàn? hoa Mạn-thù-sa, chim Ca-lăng-tần-già?... 4.2.3. Nhân danh, địa danh do phiên âm hoặc dịch nghĩa được đặt trong dấu ngoặc đơn ngay sau nhân danh, địa danh có nguồn gốc từ tiếng nước ngoài. Ví dụ: Khi đêm đã gần mãn, Pañcasikha (Ngũ Ke) thuộc gandhabbā (càn-thát-bà) đến thăm đức Phật tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapindika (Cấp Cô Độc).

4.2.4. Các danh từ phiên âm bi tỉnh lược ÍẾtiếp đầu ngữ" được viết lại chuân mực đê không bị phản nghĩa hoặc sai nghĩa (ngoại trừ làm thuận vân trong thi kệ). Ví dụ:

"Did sửa thành "Adim

4.3. Mạo từ tôn xưng Viết thường các mạo từ tôn xưng như "dức", “b" “đấng thường đứng trước hồng danh Phật và Bồ-tát. Ví dụ: đức Phật, đức Thế Tôn, đấng Toàn Giác, bậc Chánh Đẳng Giác, bậc Vượt Bờ, bậc Chiến Thắng, bậc Thiện Thệ, bậc Đã Thấy Đã Biết. 4.4. Tựa kinh và tựa tác phẩm 4.4.1. Tựa kinh trong một bộ: Viết hoa chữ đầu và in nghiêng. Ví dụ: Kỉnh Căn bản pháp môn, Kinh Du hành. 4.4.2. Tác phẩm: Viết hoa chữ đầu và danh từ riêng, đồng thời in nghiêng. Ví dụ: Kỉnh Trường bộ, Kinh Dược Sư Kinh A-di-đàt Luận Duy thức tam thập tụng, Đức Phật và Phật pháp, An Nam chỉ lược. 4.4.3. Tác phẩm tiếng nước ngoài: Viết hoa các thực từ (danh từ, tính từ, động từ) và viết thường các hư từ (mạo từ, giới từ, liên từ). Ví dụ: The Buddha and His Teachings, Buddhist Psychological Ethics (A Translation of the Dhammasañganī), 5. CÁCH VIẾT CHỮ VÀ SỐ TRONG VĂN BẢN 5.1. Viết bằng chữ các số trong chánh văn. Ví dụ: Tám thắng xứ, mười ba già-nạn, một ngàn hai trăm năm mươi vi Tỳ-kheo. 5.2. Viết bằng số ờ cước chú và trong các bài dẫn luận. Ví dụ: Có 15 pháp, tức là 5 căn (tín, tấn, niệm, đinh, tuệ) được thanh tịnh theo 3 cách. 5.3. Áp dụng sô A-rap đôi với ngày, tháng, năm sinh, năm mat của người và giữa ngày, tháng, năm có gạch nối ngắn. Ví dụ: Ngày 15-4-1963. 5.4. Ghi đầy đủ các con số chỉ năm sinh và năm mất của người. Ví dụ: Bồ-tát Thích Quảng Đức (l897-1963). 5.5. Tỉnh lược phần trùng lặp đầu đối với các con số chỉ khoảng thời gian trong cùng một thế kỷ hay thiên niên kỷ. Ví dụ: Không viết 1930-1932, mà viết 1930-32. s 5.6. Tỉnh lược số kệ, số trang (trong cước chú) -Các kệ từ 108-115 được viết 108-15. -Trang 254-256 được viết là 254-56. -MA. 276-278 được viết là M. L 276-78. 6. CÁCH CHÚ THÍCH 6.1. Chú thích theo ấn bản Pâli của PTS 6.1.1. Tên tập + (số tập) + số trang.

, S. L 70 (Sarnyutta Nikãya, tập I, trang 70). -Sn. 140 {Suttanỉpãta, trang 140). -J. I. 389 ựãtaka, tập I, trang 389). -Vin. II. 287 (Vinaya, tập II, trang 287). -Vbh. 351 (Vibhañga. trang 351). -Kv. 401 (Kathãvatthu, trang 401). -DA. L 41-2 (Dīghā Nikāya Atthakathaṃ tập L trang 41 đến 42). 6.1.2. Tên tập + số kệ -Dh. v. 10 (Dhammapadaṃ kệ sô 10). -Sn. v. 600 (Suttanipāta, kệ số 600). -Thag. v. 1196 (Theragāthā. kệ số 1196). 6.1.3. Tên tập + nhóm + số thứ tự kỉnh + đoạn -S. 56.25: l (Samyutta Nikāya, nhóm 56, kinh 25, đoạn 1). 6.2. Chú thích theo ấn bản tiếng Anh Tất cả bản kinh, luật, luận bằng tiếng Anh được ghi trong Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ đều do PTS xuất bản. Các thông tin về người dịch, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản, tham khảo ở phần Phụ lục. -GS. IL 42 nghĩa là The Book of the Gradual Sayings, vol. II, p. 42. -PC. 338, n. l nghĩa là Points of Controversy (A Translation of the Kathāvatthii). p. 338, note 1. 6.3. Chú thích tên bài kinh kết hợp với tên tập kinh cùng với (chương) + phẩm và số hiệu của bài kinh Kỉnh Tham ải ựt. L L §1) nghĩa là Kinh Tham ái này nằm trong Kinh Phật thuyết như vậy. chương I, phàm I, kinh sô 1. Kinh Châu bảu (Sn. II. §1) nghĩa là Kinh Châu bảu này nằm trong Kỉnh tập. phẩm II, kinh số 1. Kinh Bāhiya (Ud. L §10) nghĩa là Kỉnh Bāhiya này nằm trong Kinh Phật tự thuyết, phẩm I, kinh số 10. 6.4. Chú thích tên kỉnh: Kết hợp ấn bản Pali và tiếng Việt -D. 22, Mahāsatipatthāna Sutta (Kinh Đại niệm xứ). Nghĩa là

Trường bộ. kinh số 22, tên kinh trong tiếng Pali là Mahāsatipatthāna Sutta, tên tiếng Việt là "Kinh Đại niệm xúy -D I. 113, Sonadanda Sutta (Kỉnh Chủng Đức). Nghĩa là Trường bộ. tập I, trang 113, Kinh Sonadanda Suita băng tiêng Pali và Kinh Chủng Đức băng tiếng Việt.

6.5. Trật tự của chú thích trong kinh có nguồn gốc Pâli Pali (viết tắt là P)Sanskrit (viết tắt là S), Hán (viết tắt là H.), Anh (viết tắt là E.). Ví dụ: Quang Âm thiên (R Ābhassarā, s. Ābhāsvara, H.E. The Radian gods). 6.6. Chú thích theo Hán văn 6.6.1. Tên kỉnh biệt dịch được nêu ra trước -Phạm võng lục thập nhi kiến kinh (roi. 0021. 0264a20). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 01; 0021 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0264, cột a, dòng thứ 20. -Phật thuyết Nguyệt dụ kinh (r 02. 0121. 0544b 12). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 02; 0121 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0544, cột b, dòng thứ 12. 6.6.2. Tên kinh trong bộ được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho bộ Trường A-hàm kinh và Trung A-hàm kinh. -Phạm động kỉnh (TOI. 0001.21. 0088bl2). Nghĩa là kinh này thuộc DCT, tập 01; 0001 là số hiệu của bộ Trường A-hàm kỉnh, 21 là số thứ tự của kinh trong bộ Trường A-hàm kinh; trang 0088, cột b, dòng thứ 12. -Cầu pháp kinh (roi. 0026.88. 0569c23). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 01; 0026 là số hiệu của bộ Trung A-hàm kỉnh, 88 là số thứ tự của kinh trong bộ Trung A-hàm kinh; trang 0569, cột c, dòng thứ 23. 6.6.3. Tên bộ kỉnh được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ Tạp A-hàm, Biệt dịch Tạp A-hàmf Tăng nhất A-hàm. vì nội dung kinh chỉ đề cập đến số thứ tự, không có tựa đề kinh. Tạp.:(T.02. 0099.1136. 0299c06). Nghĩa la kinh này thuộc ĐCTf tập

02; 0099 là số hiệu của bộ Tạp A-hàm kinh, 1136 là số thứ tự của kinh trong bộ Tạp A-hàm kinh; trang 0299, cột c, dòng thứ 06. Biệt Tạp.(7.02. 0100.111. 0414al8). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 02; 0100 là số hiệu của bộ Biệt dịch Tạp A-hàm kinh, 111 là số thứ tự của kinh trong bộ Biệt dịch Tạp A-hàm kinh; trang 0414, cột a, dòng thứ 18. 6.6.4. Tên kỉnh và phẩm được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ kinh có nhiều phẩm như Pháp cú kinh hoặc các bộ kinh Đại thừa. . Pháp củ kinh “Nê-hoàn phm” (7.04 0210.36. 0573a23). Nghĩa là kinh này thuộc DCT, tập 04, 0210 là số hiệu của Pháp củ kinh, uNê-hoàn phẩm" thứ 36, trang 0573, cột a, dòng thứ 23. 6.6.5. Tên bộ luận được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ luận.

-A-tỳ-đạt-ma Tập dỉ môn túc luận ,(26. 1536.12. 0416a22). Nghĩa là bộ luận này thuộc DCT, tập 26; 1536 là số hiệu của A-ty- đạt-ma Tập dỉ môn túc luận, phẩm thứ 12; trang 0416, cột a, dòng thứ 22. 6.6.6. Chú thích hai kinh liên tiếp và chi tiết hóa số dòng -Tăng.(T.02. 0125.11.7-8. 0566c22-0567a04). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT. tập 02; 0125 là số hiệu của Tăng nhất A-hàm kinh. 11 là số thứ tự của “Bất đãi phẩm9\ số 7-8 là kinh số 7 và kinh số 8; 0566c22-0567a04 tức là từ trang 0566, cột c, dòng 22 đến trang 0567, cột a, dòng 4. -Tạp.(r.02. 0099.9-10. 0002a02-12). Nghĩa là kinh này thuộc EịCT, tập 02; 0099 là số hiệu của bộ Tạp A-hàm kỉnh, 9-10 là kinh số 9 và kinh số 10;

0002a02-12 tức là trang 0002, cột a, từ dòng 2 đến dòng 12. 7. NHUẬN SẮC VÀ HIỆU CHỈNH Bộ phận dò Thánh tạng nhuận sac và bô túc thêm một sô từ, ngữ, đoạn vào chánh văn do đánh máy thiêu hoặc nhâm. Các từ, ngữ, đoạn được bô túc cũng dựa theo cách dụng ngữ của chính dịch giả trong dịch phẩm. Một số từ, đoạn được dịch giả thêm vào cho rõ ý nghĩa trước đây được đặt trong ngoặc đơn, nay Ban Biên tập thông nhát đặt chúng trong ngoặc vuông [] để phân biệt giữa kinh văn gốc và các từ, đoạn được thêm vào sau này. Các chú thích có sẵn trong dịch phẩm vốn được dịch từ bản dịch tiếng Anh do các dịch giả PTS thực hiện được hiệu chỉnh cho đầy đủ, đồng thời cũng có bổ sung thêm nguồn tham khảo chữ Hán từ Đại Chảnh tạng và Nam truyền Đại tạng kinh. Trong mỗi bộ đều có tài liệu tham khảo ở phần Phụ lục, nhằm giúp các nhà nghiên cứu xác định được nguồn dịch và tham chiếu của các cước chú. về từ "Pli” (theo hệ thống Kaccāyana) hoặc Pali (theo hệ thống Moggallāna) đều được sử dụng trong Tam tạng Thảnh điển Phật giảo Thượng Tọa bộ. Các nhà nghiên cứu và biên tập Tam tạng tại Tích Lan và PTS phần lớn đều dùng 6Tāli,9 theo hệ thống đầu. Hòa thượng Thích Minh Châu cũng dùng "Pli". Đe nhất quán, chư Tôn đức Phật giáo Việt Nam sử dụng từ “pli” cho tất cả các bài liên he, riêng trong các dịch phẩm của Tỳ-khưu Indacanda, vẫn giữ cách dùng từ “P"của dịch giả. Tuy đã cẩn trọng nhưng không sao tránh khỏi sai sót, kính mong các bậc thức giả hoan hỷ rộng lượng chỉ giáo, góp phần cho sự hoàn thiện TTTĐPGVN. Mọi sự góp ý, xin gởi ve địa chỉ email của Viện: vncphvn@gmail.com. Trân trọng cảm ơn. BAN BIÊN TẬP

PHỤ LỤC 2 DANH MỤC TIỂU Bô (KHUDDAKA NIKẢYA) CỦA CÁC ẤN BẢN

MIẾN ĐIỆN, THÁI LAN & VIỆT NAM TÍCH LAN CBETA STT PTS & CST CAMPUCHIA (16 TẬP) (17 TẬP) (15 TẬP) (18 TẬP) (15 TẬP)

1 Tiểu tụng Khuddakapātha Khuddhakapātha Khuddhakapātha

2 Kinh Pháp cú Dhammapada Dhammapada Dhammapada

3 Kinh Phật tự thuyết Ư dāna Udāna Udāna Kinh Phật thuyết 4 Itivuttaka Itivuttaka Itivuttaka như vậy 5 Kinh tập Suttanipâta Suttanipāta Suttanipāta

6 Chuyện Thiên cung Vimānavatthu Vimānavatthu Vimānavatthu

7 Chuyện Nga quỷ Petavatthu Petavatthu Petavatthu

8 Trương lão Tăng kệ Theragāthā Theragāthā Theragāthā

9 Trưởng lão Ni kệ Therīgāthā Therīgāthā Therīgāthā

10 Chuyện Tiền thân Jātaka Jātaka Jātaka

11 Diễn giải Niddesa Niddesa Niddesa

12 Phân tích đạo Patisambhidāmagga Patisambhidāmagga Patisambhidāmagga

13 Thánh nhân ký sự Apadāna Apadāna Apadāna

14 Phật sử Buddhavamsa Buddhavamsa Buddhavamsa

15 Hạnh tạng Cariyāpitaka Cariyāpitaka Cariyāpitaka

16 Nettipakarana Nettipakarana

17 Petakopadesa Petakopadesa

18 Milinda vấn đạo Milindapañha

PHỤ LỤC 3 TÀI LIỆU THAM KHẢO PĀLI & TIẾNG ANH (Được sử dụng trong bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bọ)

A. NGUYÊN BẢN PẢLI Añguttara Nikãya, 6 vols.,ed. by Morris, R.,Hardy, E,Hunt, M. and Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1885-1910). Añguttara Nikāya Atthakathā (Manoratthapūram). 5 vols., ed. by Walleser, M. and Kopp, H. (London: PTS, 1924, etc.). Apadānaṃ 2 volsed. by Lilley, M. E. (London: PTS, 1925-27). Apadāna Atthakathā (Visuddhcyanavilāsinī), ed. by Godakumbura, c. E. (London: PTS, 1954). Buddhavamsa. ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974). Buddhavamsa Atthakathaṃ ed. by Homer, L B. (London: PTS, 1946). Cariyāpitaka, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974). Cariyāpitaka Atthakathaṃ ed. by Barua, D. L. (London: PTS, 1939). Cūlaniddesa, ed. by Stede, w. (London: PTS, 1918). Cūlavamsa, ed. by Geiger, w. (London: PTS, 1925-27). Dhammapadaṃ ed. by Sumangala, Venerable Suriyagoda (London: PTS, 1914). Dhammapada Atthakathaṃ 5 volsed. by Smith, H., Norman, H. Cand Tailang, L. S. (London: PTS, 1906, etc.). Dhammasañganī, ed. by Muller, E. (London: PTS, 1985). Dhammasañganī Commentary, ed. by Muller, E. (London: PTS, 1985). Dīghā Nikāya, 3 vols., ed. by Rhys Davids, T. w. and Carpenter, J. E. (London: PTS? 1889-1910). Dīghā Nikāya Atthakathā (Sumañgalavilāsinī), 3 volsed. by Rhys David, T. w. and Carpenter, J. E. (London: PTS? 1929-32). Dīpavamsa. ed. and tr. by Oldenberg, H. (London: Williams and Norgate, 1879). Itivuttaka. ed. by Windisch, E. (London: PTS, 1889). Itivuttaka Atthakathaṃ 2 volsed. by Bose, M. M. (London: PTS, 1934-36). Jātaka. 6 vols., ed. by Fausboll, v. (London: PTS, 1877-96).

1162 KINH TIỂU BỘ

Kathāvatthu. 2 volsed. by Taylor, A. c. (London: PTS, 1894-97). Kathāvatthu Atthakathaṃ ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1979). Khuddakapātha, ed. by Smith, H. (London: PTS? 1915). Mahāvamsa. ed. by Geiger, w. (London: PTS, 1908). Majjhimā Nikāya. 3 volsed. by Trenckner, v. (London: PTS, 1888-99). Mcyjhima Nikāya Atthakathā (Papañcasūdañī). 5 vols., ed. by Woods, J. H, Kosambī, D.and Homer, L B. (London: PTS, 1922-38). Mahāniddesa, 2 vols.,ed. by Poussin, L. De La Vallee and Thomas, E. J. (London: PTS, 1916-17). Milindapañha - Milinda Tikā. ed. by Trenckner, v. (London: PTS, 1880). Nettipakarana, ed. by Hardy, E. (London: PTS, 1902). Niddesa Tikā (Saddhammapajjotika). 3 vols.ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (London: PTS, 1939-40). Patisambhidāmagga, 2 vols.,ed. by Taylor, A. c. (London: PTS, 1905-07). Patisambhidāma^a CV 93^47). (Saddhammappakāsinī). 3 vols., ed. by Joshi, PTS JAtthakathā

Patthāna, ed. by Mrs. Rhys Davids, c. A. E (London: PTS, 1908). Petavatthu. ed. by Minayeff (London: PTS, 1888). Vimānavatthu, ed. by Gooneratne, E. R. (London: PTS, 1886). Puggalapañňatti, ed. by Moriss, R. (London: PTS, 1883). Pu^alapañňatti PTS, 1914) ed. by Landsberg, G. and Mrs. Rhys Davids, c. ^F. (London: Atthakathaṃ

Samyutta Nikāya, 5 vols. and index, ed. by Peer, L. and Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS 1884-1904). “

Samyutta Nikāya Atthakāthā (Sārattappakāsinī), 3 vols.? ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1929-37). • Suttanipāta, ed. by Andersen, D. and Smith, H. (London: PTS, 1913). Suttanipāta Atthakathā (Paramatthajotikā II), 3 vols., ed. by Smith, H. (London: PTS, 1916-18). • Theragāthā - Therīgāthā, ed. by Oldenberg, H., and Pischel, R. (London: PTS, 1883). Theragāthā Atthakathā (Paramatthajotikā V), 3 volsed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1940-59). Therīgāthā Atthakathā (Paramatthajotikā VI), ed. by Muller, E. (London: PTS? 1893)

Udānaṃ ed. by Steinthal, p. (London: PTS, 1885).

ưdāna Atthakathaṃ ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1926). Vinaya Pitaka. 5 volsed. by Oldenberg, H. (London: PTS, 1879-83). Vibhañga, ed. by Rhys David, c. A. F. (London: PTS, 1904). Vibhañga Atthakathā, ed. by Buddhadatta, MahātheraA. p. (London: PTS, 1923).

B. BẢN DỊCH TIẾNG ANH A Buddhist Manual of Psychological Ethics, tr. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1900). • Buddhist Birth Stories, tr. by Rhys Davids, T. w. (London: Triibner and Co., 1880). Compendium of Philosophy (The Summary of the Topics of Abhidhamma and Exposition of the Topics of Abhidhamma), tr. by Aung. s. z. and Mrs. Rhys Davids, C. A. E (London: PTS, 1910). Cūlavamsa (Translation), 2 vols.,tr. by Mrs. Rickmers, c. Mabel (London: PTS, 1929-30). Dialogues of the Buddha, tr. by Rhys Davids, T. Wand Mrs. Rhys Davids, C. A. E (London: PTS, 1899). Divyāvadāna. ed. by Cowell, E. B. and Neil, R. A. (Cambridge: The University Press, 1886). Points of Controversy (A Translation of the Kathāvatthu), tr. by Aung. s. z. and Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1915). Psalms of the Early Buddhists I - Psalms of the Sisters (A Translation of the Therīgāthā), tr. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1909). Psalms of the Early Buddhists II - Psalms of the Brethren (A Translation of the Theragāthā), tr. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1913). The Book of the Discipline (A Translation of the Greater Part of the Vinaya Pitaka), tr. by Homer, L B. (London: PTS, 1881). The Book of the Kindred Sayings, 5 vols.? tr. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F. and Woodward, E L. (London: PTS, 1917-30). The Book of the Gradual Sayings. 5 vols., tr. by Woodward, F. L. and Hare, E. M. (London: PTS, 1932-36). The Collection of the Middle Length Sayings. 3 vols., tr. by Homer, L B. (London: PTSJ954-59). “ The Jātaka or Stories ofthe Buddha s Former Births (A Translation of the Jātaka), 6 vols. and Index, tr. by Chalmers, R,Rouse, w. H. D,Francis, H. T.,Neil, R. A.,Cowell, E. B,and ed. by Cowell, E. B. (London: PTS, 1895-1913). The Path ofPurity. 3 vols.? tr. by Pe, Maung

Tin (London: PTS, 1922-31). The Questions of King Milinda. tr. by Rhys Davids, T. w. (Oxford: The Clarendon Press, 1890).

C. SÁCH VÀ TẠP CHÍ TIẾNG ANH Rhys Davids, c. A. F,A Manual ofBuddhism (London: Sheldon Press, 1932). Rhys Davids, c. A. F.Buddhism: A Study of the Buddhist Norm (London: PTS, 1912). Rhys Davids, c. A. E, Buddhism (London: PTS, 1912). Rhys Davids, T. W.American Lectures on Buddhism (New York: G. p. Putnam 9son, 1896). Rhys Davids, T. WBuddhist India (New York: G. p. Putnam5son; London: T. Fisher Unwin, 1903). Tāranātha, History ofBuddhism in India, tr. by Chipa, Lama; Chattopadhyaya, Alaka (from Tibetan), ed by Chattopadhyaya, Debiprasad (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers PVT. LTD., 1990 reprinted). Warren, Henry Clarke, Buddhism ỉn Translations (Cambridge Massachusetts: Hardvard University, 1922). Journal of the Pali Text Society, ed. by Rhys Davids, T. w. (London: PTS, 1882, etc.). Journal of the Royal Asiatic Society (London: Cambridge University Press, 1824).

D. TỪ ĐIỂN Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary, by Edgerton, Franklin (Connecticut: Yale University, 1953). Dictionary of the Pali Language, by Childers, R. c. (London: PTS, 1874). A Critical Pali Dictionary, ed. by Trenckner, Vilhelm and Chalmers, Robert (Copenhagen Commissioner: Munksgaard, 1924). Dictionary of Pali Proper Names. 2 vols., by Malalasekera, G. p. (London: John Murray, 1937-38). Encyclopaedia ofBuddhism. 6 vols.,ed. by Malalasekera, G. P,Buswell, R. E, Weeraratne, w. G. and others (Government of Ceylon, 1961-99). Encyclopedia ofReligion and Ethics, ed. by Hastings, James (Edinburgh: T&T Clark, 1908-27). English-Pāli Dictionary, ed. by Buddhadatta, MahātheraA. p. (Ceylon: Colombo Apothecaries, 1955). Pāli-English Dictionary, ed. by Rhys Davids, T. w. and Stede, William (London: PTS, 1921-25). '

SÁCH DAN TIÊNG VIET .

A A-la-hán 4, 5, 12, 27, 29, 56, 58,61, 71, 72, 78, 770, 776, 777, 778, 779, 783, 784, 788, 79, 97, 98, 102, 139, 140, 162, 254, 257, 805, 815, 871, 875, 897, 898, 899, 905, 262, 264, 265,267, 297, 318, 328, 336, 910, 911, 912, 918, 925, 926, 945, 962, 338, 355 366,369, 371, 381, 389, 421, 963 968, 970, 971, 974, 975 982, 987, 427, 429, 440,445, 450, 479, 481, 482, 989, 992, 999, 1000, 1001, 1002, 1003, 484, 488, 490,491, 492, 494, 495, 497, 1010,1012,1013,1014,1024,1051,1059, 498, 501, 505,506, 509, 510, 512, 514, 1068,1069,1070,1071,1074,1077,1078, 516, 520, 528,538, 542, 546, 555, 565, 1085, 1090, 1095, 1107, 1142, 1149, 1151 569, 570, 573,580, 582, 585, 587 588, a-tăng-kỳ kiep 983, 984 590, 594, 612,618, 620, 625, 642, 652, a-tu-la 30, 305, 470, 477, 504, 506, 511, 557, 663, 666, 671,677, 680, 683, 686, 725, 558, 643, 886, 1015,1023, 1029

ba bộ Vệ-đà 26, 638, 657, 688, 721, 770, 781 271, 279, 290, 317, 322, 347, 351, 379, Bắc Cu-io châu 21,343 382, 384, 393, 404, 417, 420, 421, 436, bậc Hiền Trí Anh Hùng 493, 578 442, 451,466, 477, 524 bậc Hiền Trí Độc Giác 298, 593 bậc Tự Mình Chứng Ngộ 633 bậc Hiền Trí Vương 486 bạc Ưu Tú Cao Cả 490 ba chủng tử 72 bậc Vô lậu 24, 33, 39, 62, 86, 186, 265, 510 bậc HữuNhãn 23,38,71, 72, 88,93,98,99,154, bạc Vô Nhiễm 106, 108,109,

115, 129,134, 197, 167, 187, 267 303, 321, 325, 327, 328 199, 229, 235, 241, 271, 275, 276, 282, 348, 351, 354, 360, 364, 366, 379, 382 284, 287, 292, 293, 411, 451, 455, 459, 412, 413, 420, 424, 425, 440, 445, 450, 467 472,477, 534, 546 482, 490, 492, 495, 497, 500, 502, 503, bậc Xứng Đáng Cúng Dường 88, 500 506, 509, 511, 513, 528, 529, 538, 546, ba điều kỳ diệu 630, 780 553, 559, 568, 575, 615, 630, 649, 666, ba láy 9 680 693, 696, 700, 706, 727 ba loại lửa 70, 72, 131, 136, 638 bậc Ngũ Nhãn 557 ba luân 1109 bạc Nhất lai 29,874 ba minh 29, 30, 71, 82, 153, 513, 651, 724, 905, bạc Thầy Thuốc Vĩ Đại 499 1077,1090,1142 bậc Thức Tri 44 ba mươi bảy pháp góp phần trong việc giác ngộ bậc Thượng Đức 551 987 bạc Thương Tưởng 221, 405, 585 ba mươi đức tính cao quý 1093 bạc Thương Xót 879 ba mươi hai hảo tướng 73, 113, 114, 121, 143, bậc Thuyết Giảng Cao Quý 591 144, 158, 253, 283, 331, 364, 382, 396 bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian 23,24,25,33, 448, 471, 482, 490, 492, 495, 497, 518, 36, 47, 57, 58, 59, 60, 62, 73, 80, 92, 94, 519,526 95, 97, 103, 105, 108, 128, 130, 132, 134, ba mươi hai tướng của bậc đại nhân 844, 845 137, 139, 140, 144, 150, 151, 155, 157, ba mươi sáu thọ thuộc hiện tại 815 160, 167, 168, 169, 171, 172, 178, 194, ba mươi sáu thọ thuộc quá khứ 815 199, 230, 236, 239 240, 241, 242, 246, ba mươi sáu thọ thuộc VỊ lai 815 252, 254, 255, 256, 260, 262, 263, 268, bánh xe báu 878,1031, 1032

bánh xe Chánh pháp 507, 632, 634, 649, 650, 163, 164, 165, 167, 168, 169, 170, 171, 654, 666, 672, 675, 681, 684, 688, 691, 173, 175, 176, 177, 179, 181, 182, 183, 694, 700, 703, 706, 709, 712, 715, 718, 184, 185, 186, 187, 189, 190, 191, 192, 721,725 196, 197, 198, 199, 200, 201, 202, 203, bánh xe ở hai bàn chân 632 204, 205, 206, 209, 210, 212, 216, 218, bánh xe Phạm hạnh 472 219, 223, 224, 225, 226, 228, 230, 238, bản ngã 34,910,911, 932 241, 242, 244, 245, 247, 248, 255, 256, bản tánh cương quyết 1090, 1099, 1137, 1139, 260, 326, 531 1140, 1143 bảy loại tâm 873 bản thể chính trực 62, 82, 90, 100,211,212,238, Biến Tịnh thiên 631 382, 451* 611 bộc lưu 95 bản thể nhân loại 25, 34, 48, 50, 56, 59, 93, 95, bồn cách trả lời câu hỏi 909 103, 18Ô, 253, 257, 297, 336, 341, 352, bốn chánh cần 806, 807, 1090 42 429, 465, 652, 959, 972 bốn chân lý 657, 681, 715, 725, 889, 987, 999, bản thể thấp kém 46 1034, 1052, 1071, 1109 bản thể thiên nhân 11, 36, 54, 56, 57, 73, 82, 84, bốn đạo 29, 33, 382 99,101,135,140,157,255,261,264,265, bốn điều báo hiệu 625, 640, 652, 655, 659, 662, 331, 333, 336, 344, 355, 361, 364, 376, 664, 667, 671, 673, 677, 680, 683, 686, 377, 379, 388 402, 416, 429, 440, 449, 689, 692, 695, 698, 702, 704, 707, 710, 462, 469, 476, 491,514, 523, 527 714,716, 720, 723,726 bản thể toàn tri 878, 886, 899, 900, 903, 904, bốn giới uẩn 992 919, 965, 994, 1069 bốn món vật dụng 918, 1151 bản thể Tỳ-khưu 949 bốn nền tảng của thần thông 806, 807, 1068, bảo tọa sư tử 53,61,62, 84, 127, 131, 132, 174, 1072, 1090, 1131 176, 246, 254, 255, 398, 399, 403 bốn oai nghi 28, 787, 861, 1151 ba phước báu 307, 308, 309, 310 bốn pháp tự tin 876 ba sự biến mất của giáo pháp 899 bốn quả 33,42,44,311,382,651,660, 724, 968, ba sự học tập 987 1079, 1090, 1108, 1143, 1147 ba sự lãnh hợi 681,688, 691, 697 bốn quả vị Sa-môn 44, 311, 660, 968, 1079, ba sự nương nhờ 70, 71 1108, 1147 ba sự thành tựu 116, 868, 869, 1141 bốn sự chướng ngại 919 Bất lai 29, 484, 582, 721, 805, 874, 875, 1010, bốn sự thật 38, 102, 105, 212, 239, 267, 276, 1071, 1077, 1081, 1082, 1142 351, 357, 364, 380 426, 461 475, 485, bát quan trai giới

541, 542 497, 511, 560, 578, 599, 604, 609, 932, bất tinh 563,587,588,616 968,1078 ba vật không có ở thế gian 1015 bốn sự thiết lập niệm 806, 807, 937, 938, 1090, bảy giác chi 853, 854, 1075, 1076 110,1 bảy loại báu vật 35, 37,49, 53, 55, 76, 85,91,92, bốn tập thể 1123 98, 99, 100, 103, 105, i06, 107, 110, 111, bốn tuệ phân tích 660, 968, 1074, 1075, 1090, 112, 113, 114, 117, 118, 122, 123, 124, 1108 125, 126, 128, 132, 133, 134, 135, 136, bố thí ba-la-mật 646 139, 140, 144, 145, 146, 147, 148, 149, bố thí trú xá 967 150, 151, 153, 154, 155, 159, 160, 162, Đ đấng Hiểu Biết Thế Gian 37, 90, 93, 101, 114, đấng Quang Minh 73, 566, 629, 727 115, 135, 147, 165, 256, 261, 270, 321, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời 15, 122, 128, 332 340, 344, 354, 357, 358, 375, 461 196,211,248 đấng Pháp Chủ 964 đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian 36,79,81,109, đấng Pháp Vương 7, 94, 317, 706, 728, 861,941, 137, 150, 159, 161, 178, 179, 183, 192, 942, 1080 199, 202, 209, 21 o, 276, 408,461,533 đấng Quang Đăng Của Thế Gian 73, 80, 197, đấng Siêu Nhân 61,135,148,151,213,246,361, 205, 229, 233, 370, 482, 492, 553 429,451,504,583

đấng Sư Tử 3, 18 507, 526, 542, 555, 583, 584, 613, 615, đấng Tế Độ Chúng Sanh 629, 630 629, 630, 657, 666, 669, 706, 709, 715, đấng Thập Lực 316,512,571,681,779,974,1093 719, 721,728 đấng Thiện Thệ Quang Vinh 422 đấng Từ Bi 632 đấng Thông Suốt ThếGian 642, 643 đấng Tự Chủ 9, 17,23,36,45,46, 55,61,77, 79, đấng Tiếp Độ 427 81,103, 169, 187,207,212,214,219,226, đấng Toàn Giác Cao Quý 668 230, 232, 244, 246, 266, 272, 273, 274, đấng Toàn Nhãn 516 278, 282, 286, 292, 294, 323, 337, 345, đấng Toàn Tri 7, 9, 13, 23, 24, 39, 60, 82, 90, 371, 372, 391, 392, 410, 417, 419, 420, 93, 102, 108, 132, 142, 144, 148, 152, 436, 452, 455, 459, 460, 467, 514, 525, 186, 240, 246, 252, 266, 326, 336, 347, 534 546, 568, 569, 979, 986 358, 365, 366, 390, 424, 427, 428, 431, đấng Tượng Vương 51 510, 552, 564, 567, 573, 598, 603, 873, đấng Vô Song 867 876, 878, 879, 959, 964, 968, 1014, 1019, đấng Vô Thượng 48,65, 87, 88,93, 97,113, 186, 1032, 1092 302, 390^703 đấng Toàn Tri Cao Quý 7 đấng Vô Thượng ở Thế Gian 48, 65, 87, 88, 93, đấng Tối Cao Của Thế Gian 706 97, 113, 186 đấng Tối Thượng Của Chúng Sanh 630 đấng Xa Phu Cao Quý 75 đấng Tối Thượng Của Loài Người 23, 426 Độc Giác 3, 4, 5,5, 11, 13, 17, 18, 45, 52, 163, đấng Tối Thượng Của Tất Cả Chúng Sanh 613 238, 278, 284, 297, 298, 480, 508, 569, đấng Tối Thượng Nhân 23, 61,92,93, 97, 135, 592, 593, 605, 678, 736, 875, 876, 881, 148, 158, 178, 197, 213, 216, 223, 246, 968, 1015 250, 304, 323, 361, 429, 448, 451, 504,

giác chi 853, 854, 1073, 1075, 1076, 1077 102, 114, 115, 116, 120, 129, 132, 134, giác ngộ 7, 9, 13, 17, 26, 29, 31, 32, 78, 93, 136, 137, 138, 139, 143, 145, 150, 154, 107, 109, 139, 232, 304, 310, 312, 316, 156, 158, 167, 172, 180, 190, 192, 193, 317, 319, 339, 347, 351, 398, 434, 472, 195, 197, 198, 199, 213, 225, 231, 239, 474, 475, 485, 506, 513, 519, 537, 559, 240, 243, 246,254, 256, 257, 258, 265, 582, 597, 598, 603, 606, 634, 640, 642, 266, 267, 268,272, 296, 298, 299, 304, 646, 647, 648, 649, 651, 652, 654, 658, 306, 307, 309,312, 315, 318, 320, 321, 660, 661, 662, 664, 665, 666, 667, 670, 322, 324, 326,327 330, 331, 332, 333, 672, 673, 674, 675, 676, 679, 682, 685, 336, 338, 339,341, 344, 346, 348, 355, 689, 692, 694, 697, 701, 703, 706, 707, 358, 360, 361,364, 371, 377, 381, 386, 710, 712, 713, 715, 716, 719, 721, 722, 387, 389, 398,403, 412, 421, 424, 427, 723, 726, 735, 738, 803, 806, 807, 853, 429, 437 445,446

460, 461, 473, 475, 854, 879, 882, 883, 886, 891, 926, 927, 476, 478, 479,480, 481, 482, 483, 484, 928, 929, 930, 931, 934, 935, 950, 951, 485, 486, 487,488, 489, 490, 491, 492, 960, 984, 985, 986, 987, 994, 1019, 1020, 493, 495, 496,497, 500, 501, 502, 503, 1030,1031,1032,1033,1034,1037,1043, 504, 506, 507,510, 511, 512, 513, 514, 1068, 1072, 1081, 1089, 1090, 1121, 1141 515, 517, 518,519, 522, 523, 532, 547, giải thoát tạm thời 15 549, 550, 552,554, 560, 561, 563, 564, giáo giới 44, 347, 443, 478, 480, 482, 490, 492, 565, 566, 567,568, 571, 572, 575, 576, 495, 497, 510, 516, 585, 589, 615, 675, 577, 578, 579,580, 581, 582, 583, 584, 678, 705, 725, 987, 1105, 1112, 1114, 586, 587, 589,590, 591, 595, 596, 598, 1116,1119 601, 604, 606,607, 610, 611, 612, 613, giáo pháp 3,5,7,9, 11, 12,13,15, 17,18,25,26, 614, 615, 616,617, 618, 619, 629, 640, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 37, 38, 39, 40, 41, 641, 651, 652,654, 655, 657, 658, 659, 42, 43, 44, 46, 47, 49, 50, 53, 56, 58, 59, 660, 663, 665,666, 669, 675, 677, 678, 60, 65, 68, 69, 70, 71, 72, 75, 77, 78, 79 680, 681, 682,684, 685, 688, 696, 697, 81,82, 83, 84, 89, 94, 95, 97, 98, 99, 101, 700, 704, 706,709, 712, 713, 714, 715,

1168 KINH TIỂU Bộ

717, 718, 720, 721, 722, 723, 724, 725, 1083,1086,1090,1091,1092,1093,1102, 726, 761, 766, 769, 770, 775, 779, 789, 1104, 1105, 1109, 1113, 1114, 1122, 1125, 791, 859, 861, 865, 866, 874, 879, 880, 1129, 1135, 1136, 1138, 1140, 1141, 1143, 881, 884, 886, 887, 897, 898, 899, 907, 1145, 1151, 1152 908, 924 925, 926, 927, 928, 931, 934, giáo thọ sư 776, 790 935 941, 942, 943, 944, 947, 948, 949, giới báu 1073 951, 952, 959, 961, 965, 975, 978, 979, Giới bổn 87, 100, 434, 616, 646, 804, 924, 925, 980, 983 984, 985, 988, 991, 995, 996, 947, 948, 949, 1070, 1073 997, 998, 999, 1000, 1001, 1002, 1003, giới cấm 57, 71,72, 73, 354,413,680, 747, 748, 1005, 1014, 1019, 1020, 1026, 1036, 874,875 1051, 1052, 1053, 1069, 1071, 1072, giới đức 744, 746, 750, 751,810, 898, 899, 947, 1076, 1077, 1078, 1079, 1080, 1081, 1081, 1105, 1120, 1121 H hai đặc điểm của vị Sa-môn 924, 925 hữu bộc 565 hai loại ô nhiễm 1014 Hữu học 29, 51, 328, 551, 652, 677, 725, 1076, hai mươi lăm đức tính của vị thầy 864, 865 1077, 1142 hai mươi pháp tạo thành Sa-môn 924, 925 hữu ậu 382 hai mươi tám đức tính của thiền tịnh 904 hỷ giác chi 1075 hai mươi tám yếu tố 962 Hy-mã-lạp 19, 23, 26, 30, 33, 48, 49, 55, 63, 83, Hạnh tạng 6, 733,766, 1027 86, 88, 106, 109, 113, 118, 119, 120, 132, hạnh từ khước 899,992,1081,1082,1084,1085, 142, 147, 148, 149, 152, 163, 164, 165, 1086,1087,1088,1089,1090,1091,1092, 172, 175, 214, 215, 219, 221, 226, 235, 1093, 1094 236, 272, 273, 274, 282, 295, 325, 331, hạnh xuất ly 748, 1030, 1031, 1033 332, 333, 338, 339, 341, 350, 351, 355, hiệp thế 15 360, 376, 378, 413, 415, 417, 426, 430, hoa Chăm-pa 641 439, 443, 446, 448, 454, 460, 463, 465, hoại kiếp 553, 849 471, 475, 480, 518, 526, 639, 702, 770, Hoa Lạc thiên 93, 113, 136, 255,406, 532 777, 779, 788, 839, 883, 895, 953, 991, hữu ái 1058 1017, 1029, 1080 K kẻ lưỡng căn 1051 kiếp Bhaddā 35, 57, 387, 471, 483, 498, 501, kẻ vô căn 1051 515, 517, 518, 561, 568, 572, 575, 579, khí giới 493 581, 584, 608, 613, 616, 620, 715, 718, khinh an 854 722, 728 khổ hạnh 21,22, 24, 38, 45, 46, 48, 56, 63, 83, kiết-già 9,21,23, 136, 151, 152, 161, 360, 432, 194, 255, 267, 290, 299, 315, 335, 343, 448, 526, 553, 643, 722, 1034, 1099 346, 353 357, 380, 384, 430, 443, 473, Kim Si điêu 20, 151, 220, 235, 284, 343, 459, 517, 619, 625, 626, 642, 651, 654, 658, 534, 542, 546, 553, 606, 630, 792 661, 663, 666, 667, 670, 672, 675, 676, kinh hành 21,22, 39, 47, 64, 65,

87, 92, 93, 96, 679, 681, 685, 688, 691, 694, 697, 701, 105, 119, 144, 152, 164, 174, 186, 189, 703, 707, 709, 713, 715, 718, 722, 735, 198 272, 274, 282, 284, 312, 329, 348, 750, 751, 755, 759, 760, 790, 893, 957, 365, 366, 385, 405, 409, 422, 430, 431, 970, 984, 992, 994, 1030, 1033, 1034, 446, 465, 471, 515, 525, 542, 553, 562, 1054, 1105, 1118, 1119 606, 625, 629, 630, 634 635, 639, 640, khổ uẩn 820, 822, 837 655, 682, 969, 1077, 1079, 1103, 1106 kiến bộc 565 L lậu hoặc 4, 12, 23, 28, 31, 33, 34, 37, 40, 47, 48, 102, 103, 116, 123, 124, 152, 153, 196, 49, 50, 51, 52, 55, 56, 58, 60, 61, 77, 79, 210, 232, 244, 257, 258, 261, 262, 268, 80, 81, 82, 87, 89, 94, 95, 96, 100, 101, 273, 274, 275, 276, 279, 286, 288, 289,

SÁCH DẪN TIẾNG VIỆT « 1169

290, 291, 292, 293, 294, 295, 296, 297, 512, 513, 515, 516, 518, 520, 523, 524, 299, 303, 305, 306, 313, 318, 319, 321, 525, 528, 530, 532, 533, 534, 535, 536, 322 323, 324, 325, 326 327, 329, 331, 537, 538, 539, 540, 542, 543, 544, 546, 333 335, 336 337, 339, 341, 344, 345, 547, 551, 552, 554, 555 559, 565, 566, 346 348, 349, 352, 355, 358, 360, 361, 571, 573, 577, 578, 580, 583, 585, 588, 362, 364, 365, 366, 367, 368, 369, 370, 590, 594, 595, 596, 599, 600, 601, 604, 371, 372, 373, 374, 376 377, 378 379, 605, 607, 608, 610, 612, 614, 616, 617, 380, 381, 383 384, 385, 387, 388, 389, 618, 619, 620, 621, 632, 642, 652, 707, 390, 391, 392, 393, 395, 396, 397, 398, 710, 713, 715, 716, 719, 722, 725, 875, 399, 400, 401, 402, 403, 404, 405, 406, 905, 925, 940, 941, 1012, 1034, 1074, 407, 408, 409, 410, 411, 412, 413, 415, 1077, 1091, 1093 417, 418, 419, 420, 421, 422, 423, 424, LinhThửu 625, 632 426, 427, 429, 430, 432, 433, 435, 437, loài nhân điểu 22, 41, 67, 68, 108, 110, 332, 439, 440, 441, 442, 443, 445, 446, 447, 343, 462 450, 451, 452, 453, 454, 455, 457, 458, Lộc Uyển 472 459, 460, 461, 462, 463 465, 466, 467, long cung 33, 661, 1023 468, 469, 470, 471, 472, 474, 476, 479, Long vương 33, 567, 661, 675, 706 481, 482, 483, 484, 486, 488, 489, 491, lục thông 641, 651 494, 496, 499, 502, 503, 506, 509, 510, luồng tâm hộ kiếp 1042, 1043 M mạng quyền 826 mười hai hạng không thể hiện sự cung kính 940 Mâu-ni 633 mười hai thể 1109 Ma vương 31, 43, 59, 507, 519, 549, 556, 570, mười một điều lợi ích 954 594, 709, 918, 919, 920, 978, 989, 992, mười ngàn thế giới 8, 11, 12, 145, 413, 431, 1031, 1069, 1073, 1123 630, 631, 634, 643, 645, 648, 649, 650, Minh Hạnh Túc 629 657, 662, 677, 691, 696, 699, 700, 712, minh sát 16, 17, 50, 786, 806, 807, 1076, 1077, 868, 869, 898, 928, 978, 987, 988, 1023, 1089, 1090, 1102, 1112, 1125, 1129, 1025, 1093 1138, 1151 mười pháp ba-la-mật 733 một thế giới 729, 987 mười pháp đi theo thân 1001 một trăm năm mươi điều học 908, 992, 1019 mười phước báu 306, 309, 310, 312, 313 mười ba hạnh từ khước 992, 1085, 1086, 1091, mười sáu điều vướng bận 782 1092, 1093, 1094 mười sáu hình thức 848, 850 mười ba tội nặng 1051 mười sự trói buộc ở thế gian 1032, 1033 mười điều giới 1070 mười tám đức tính 1084, 1085 mười đức tính của các vị Bồ-tát 1023 mười tám pháp của vị Phật 876, 969, 1030 mười đức tính của việc ngụ ở cội cây 640 mười thế giới 644 mười hai đức tính của việc mặc y phục vỏ cây 639

N năm chi phần của sự nỗ lực 898 năm phước báu 306, 307, 309, 310,311,312 năm cửa lớn 824 năm quyền 804, 806, 807, 813, 814, 1068, năm điều sai trái của đường kinh hành 639 1072, 1090 năm đức tính không thể so sánh ở giáo pháp 998 năm sự ràng buộc ở phần dưới 874, 875 năm giác quan 87, 100,434, 616, 824 năm thắng trí 5*21, 233,

298, 640, 651, 675, 974 năm giới cấm 57, 71, 72, 73, 354,413, 680 năm thủ uẩn 1124 năm loại dục 1033, 1054, 1063 năm xứ 833 năm loại hương thơm l o năng lực của tâm 3, 150, 748, 852, 855, 1051 năm lực 806, 807, 1068, 1072, 1090 ngã mạn ngủ ngầm 564 năm phần dục lạc 428,450, 528, 818, 829, 830 ngày trai giới 741, 744, 747 năm pháp che lấp của tâm 16 nghiệp phước thiện 35, 53, 57, 69, 70, 82, 83, 84,

1170 KINH TIỂU Bộ

88, 95, 99, 120, 157, 201, 262, 263, 266, 878, 879, 881, 882, 887, 899, 900, 901, 274, 305, 324, 329, 333, 336, 340, 348, 902, 903, 904, 905, 907, 908, 909, 918, 352, 366, 399, 406, 415, 425, 427, 436, 919, 921, 922, 923, 924, 926, 927, 928, 437, 451, 462, 465, 505, 517, 525, 529, 929, 930, 931, 932, 933 934 935, 936, 533, 538, 546, 593, 775 937, 938 941, 942, 943, 944, 945, 947, ngoại xứ 837 948, 949, 960, 962, 963 964, 965, 966, ngọc ma-ni 8, 9, 25, 35, 40, 53, 64, 66, 67, 69, 967, 968, 969, 970, 971, 972, 975, 976, 95,157,175,176,301,302,303,304,306 977, 978, 979, 980, 982, 983, 984, 985, 309, 312, 330, 348, 350, 370, 398, 401, 986, 987, 988, 989, 990, 991, 992, 994, 416, 417, 418, 422, 448, 451, 519, 522, 995, 996, 997, 998, 1010, 1014, 1015, 526, 544, 568, 630, 674, 683, 706, 725, 1019, 1020, 1030, 1093 805, 824, 887, 949, 992, 993, 1000, 1009, niệm đặt ở thân 996, 1072, 1124, 1133 1015, 1025, 1065, 1068, 1074, 1082, niệm giác chi 1075 1097, 1112, 1141, 1142, 1144 niệm quyền 804, 813, 814 ngọc ruby 1112 Niết-ban 4, 5, 13, 16, 17, 26, 27, 28, 34, 35, 41, ngũ môn 824 42, 44, 46, 49, 50, 51, 53, 55, 56, 60, 66, ngũ quyền 813,814 71,81, 82, 83, 87, 89, 91, 93, 94, 95, 102, ngũ thông 15, 640 103, 108, 116, 117, 121, 122, 125, 128, ngũ uẩn 16 132 135, 136, 137, 139, 154, 156, 157, nguyện lực của tác ý 11, 36, 39, 66, 110, 147, 161, 169, 174, 181, 195, 202, 207, 211, “ 158, 261, 263, 268, 270, 271, 287, 338, 214, 218, 234 239256, 257, 267, 271, 368 372, 373, 375, 377, 378, 379 380, 287, 289, 296, 297,299, 313, 314, 317 382, 402, 429, 439, 440, 441, 446, 448, 318, 319, 321, 322,324 326, 329, 331, 459, 478, 480, 483, 486, 491, 495, 498, 333 337, 339, 341,348 352, 366, 368, 500, 501, 503, 504, 505, 508, 510, 512, 372 381, 387, 388,399, 401, 406, 408, 517, 520, 526, 531, 534, 538 543 545, 421, 429, 430, 435,437, 462, 470, 472, 546, 560, 561, 568, 569, 571, 572, 575, 473, 480, 483, 484,489, 493, 494, 499, 576, 579, 581, 582, 584, 586, 589, 608, 501, 513, 519, 520,523 525, 528, 532, 609,611,613,620 535 538, 546, 547,548, 549, 550, 551, nhãn môn 825 552, 553, 555, 556,557, 558, 559, 564, nhân sanh 913, 1074, 1135 575, 590, 591, 593,594, 595 599, 600, nhãn thức 821,822, 826, 827, 828 604, 605, 606, 615, 616, 625, 638, 652, nhãn xứ 833 653, 656, 659, 662, 665, 668, 669, 671, nhãn xúc 822 674, 677, 680, 683, 687, 690, 693, 696, nhập định 32, 55,281,357 697 699, 702, 705, 708, 711, 714, 717, Nhạp íưu 12, 29, 51, 481, 612, 770, 786, 805, 720, 721, 723, 724, 726, 728, 729, 756, 849, 874, 924, 925, 926, 1010, 1071, 775, 778, 779, 794, 800, 814, 819, 837, 1076, 1077, 1142 838, 840, 842 867, 868 869 870, 871, nhĩ giới 555, 559, 565, 566, 573, 577, 580, 583, 872, 873, 896, 897, 898, 904, 926, 934, 585, 596, 601, 607, 610, 612, 614, 616, 935, 946, 9f L 960, 1003, 1012, 1013, 617,618, 620, 778, 1091 1016, 1017, 1018, 1024, 1050, 1051, nhĩ xứ 833 1052, 1053, 1054, 1055, 1056, 1057, nhục thân 287, 288,406, 407, 409, 937, 938 1058, 1059, 1060, 1061, 1062, 1063, Như Lai 7, 13, 23, 27, 31, 54, 62, 66, 89, 106, 1064, 1065, 1066, 1070, 1074, 1075, 143, 148, 163, 172, 302, 303, 320, 360, 1076, 1082, 1083, 1084, 1085, 1086, 387 431, 433 477, 480, 485, 497, 505, 1087, 1089, 1091, 1135, 1139,

1141 508, 510, 511, 513, 552, 597, 603 611, Niết-bàn không còn dư sót 842, 867, 868, 615, 629, 640, 641, 642, 651, 654, 658, 870,935 660, 661, 663 666, 667, 670, 672 676, Ni-liên-thien 642, 654, 658, 661, 663, 667, 670, 679, 681, 682, 685, 688, 691, 694 697, 672, 676, 679, 682, 685, 688, 691, 694, 701, 703, 707, 709, 713, 715, 718, 722, 697,701,703,707,709,713,715,718,722 867, 868, 869, 870, 871, 872, 873, 877, noãn sanh 894,895, 1015

Phạm hạnh 32, 45, 48, 180, 253, 357, 385, 472, pháp thượng nhân 994, 1034 481, 484, 489, 503, 517, 531, 560, 561, pháp tối thượng 28,66,503,718,926,1077,1152 568, 572, 576, 579, 582, 617, 619, 763, pháp trong sạch 755, 756, 995 790,794, 843,845,885,1005,1100,1105, pháp vô lượng tâm 311, 343 1112,1128,1144 pháp xuất thế gian 986, 1107 phẩm hạnh Phật 12 Phật Độc Giác 3,5,9, ii, 13, 17, 18,45,52, 163, phàm phu 24, 837, 900, 937, 938, 1146 278, 297, 298, 480, 508, 592, 593, 605, Phạm thiên 11, 26, 27, 34, 49, 50, 69, 79, 276, 678, 736, 875,876, 968, 1015 305, 315, 335, 352, 387, 412, 428, 429, Phật ngôn 49, 53, 56, 254, 372, 776, 781 444, 471, 472, 477, 483 491, 494, 498 phát nguyện ban đầu 642 501, 502, 504, 506, 511, 515, 517, 518, Phật loàn Giác 3, 4, 5, 7, 9, 11, 12, 35, 45, 107, 531, 553, 557, 558, 561, 568, 572, 576, 299,431,625,642,678, 861 579, 581, 584, 593, 607, 616, 620, 625, Phật Toàn Tri 7, 876, 877, 989 629, 652, 655, 656, 658, 659, 662, 663, Phạt Tối Thượng 7, 340 665 668, 671, 673, 677, 680 682, 683, phép biện giải 490, 491,556, 559, 565, 567, 578, 686, 689, 691, 692, 695, 698 702, 704, 580^ 596, 602, 607, 610, 612, 614, 616, 708, 710, 714, 716, 720, 723 725, 729, 617,618, 620, 621,792, 1074, 1075 784, 788, 789, 792, 845, 852, 853, 855, phiền não bậc trên 874, 875 893, 919, 954, 964, 965, 974, 975, 978, phi hữu 638, 978, 1058 984, 985, 989, 1024, 1065, 1066, 1073, phi hữu ái 1058 1083, 1092,1133, 1151 phi tưởng phi phi tưởng 970 phận sự về đức tin 63 phước bau 4, 5, 6, 35, 42, 80, 95, 122, 139, 174, pháp chân thật 12, 762 264, 296, 305, 306, 307, 308, 309, 310, pháp học 723, 791, 949, 1141,1145 311 312, 313 353, 372, 378, 381, 382 pháp hữu vi 60, 267, 381, 551, 556, 557, 822, 412, 421, 436, 461, 470, 504, 535, 548, 823,824 555, 562, 567, 591, 596, 599, 600, 602, pháp không chướng ngại 1010, 1011, 1012 604, 606, 607 627, 630, 631, 678, 681, pháp minh sát 16, 17, 1151 706, 708, 734 736, 742, 772, 881, 895, pháp nhãn 564, 577, 580, 786, 787 896 919, 934, 935, 936, 998, 1013, 1023, pháp Sa-môn 1090, 1108, 1115, 1119, 1141 1025, 1028, 1148 Pháp thân 153,549 phước điền vô thượng 39, 71, 89, 241, 305, 313, pháp thế gian 557, 599, 603, 910, 986, 1087 314, 318, 353, 371, 377, 382,481, 539 pháp thiên 604,783,784,806,869,871,922,1032

Quang Âm thiên 631 quán xét về châu lục 950 Quảng Quả thiên 631 S sắc Cứu Cánh 1029 sanh ra do nhân 1015, 1016, 1018 sắc giới 81,311,601,646, 997, 1091 Sát-đế-lỵ 35, 43, 44, 50, 54, 57, 58, 79, 85, 88, Sa-môn hạnh 755, 904, 1086, 1087 89,91, 100, 102, 103, 106, 111, 112, 113, Sa-môn pháp 1104 132, 133, 136, 143, 144, 145, 146, 148, Sa-môn Thích tử 790, 801, 1006 152, 154, 169, 186, 194, 196, 199, 201, sân hận 16, 17, 30, 63, 135, 197, 232, 307, 320, 218, 219, 223,224, 228, 231, 238 242, 336, 366, 424, 462, 519, 544, 619, 644 254, 255, 302,303, 313, 326, 335 340, 861, 863 872, 873, 874, 875, 904, 1088 377,

402, 449,469, 476, 491, 498, 503, 1109, 1110, 1112, 1121, 1128, 1139, 1147 504, 505, 514,515, 527, 534, 536, 541, sanh chủng 180, 253, 257, 392, 515, 1019, 1076 544, 583, 604,605, 606, 609, 619, 621, sanh-già-bệnh-chết-sầu-bi-khổ-ưu-não 1072, 626, 652, 654,655, 659, 662, 664, 666, 1089,1112 667, 670, 673,676, 680, 682, 686, 689, sanh ra do nghiệp 902, 1015, 1016, 1018 692, 695, 698,700, 701, 703, 704, 707,

1172 KINH TIỂU Bộ

709, 710, 712, 714, 715, 718, 719,723, 286, 287, 288, 289,290, 291, 292, 293, 739, 740, 742, 756, 763, 773, 777,795, 294, 295, 296, 297,313 319 321 323 836 878, 890, 894, 925, 948, 951,957, 325, 327, 328 329,331, 333 336, 337 977, 984,1037, 1065, 1067, 1068, 1074, 339, 341, 345 346,349, 352 355, 358, 1090, 1091 362, 365, 367, 368369, 370, 371, 372, sầu-bi-khổ-ưu-não 820, 822, 837, 1071, 1072, 373, 375, 376, 378,379 380, 381 383 1089, 1112 385, 388, 389, 390,391, 392, 393 395, sáu cánh cửa 1138, 1148 396, 397, 398, 399,400, 401, 402, 403 sáu hỷ tâm liên quan thế tục 815 404, 405, 406, 407,408, 409, 410, 411, sáu hỷ tâm liên quan xuất ly 815 412, 414, 415, 417,418, 419, 420, 421, sáu mươi hai tà kiến 13 422, 423 425, 426,428, 430 432, 434 sáu nhóm sáu 815 435 437, 439, 440,441, 442, 443, 446, sáu phước báu 308, 309, 311 447, 450, 451, 452,453, 454, 455 456, sáu sân tâm liên quan thế tục 815 457, 458, 459, 460,461, 463 465, 466, sáu sần tâm liên quan xuất ly 815 467, 468, 469 470,471, 474, 476, 479, sáu thắng trí 4, 24, 29, 30, 33, 37,47,51, 52, 54, 482, 485, 486, 489,491, 494, 497, 499, 55, 56, 57, 60, 62, 73, 74, 75, 76, 78, 79, 502, 503, 506, 509,511, 513, 515, 516, 80, 83 84, 87, 89, 90,91, 93, 94, 98, 100, 518, 521, 523, 524,525 526 528, 529, 101, 102, 107, 112, 113, 114, 116, 117, 530, 532, 533, 534,535, 536, 537 539 118, 119, 120, 121, 123, 124, 129, 130, 540, 542, 543, 545,546, 547, 552, 555, 131, 132, 134, 135, 136, 137, 138, 139, 565, 571, 573, 578,580, 583, 585, 588, 140, 142, 143, 144, 145, 153, 159, 160, 590, 594, 599, 600,604, 605, 608, 610, 161, 163, 167, 168, 169, 170, 171, 173, 612, 614, 616, 617,619, 620, 621, 641, 174 175, 176, 177, 178, 179, 183, 184, 651, 660, 672, 683,724, 905, 931, 968, 185, 186, 187, 189, 190, 191 192, 193, 1011, 1014,1051, 1077,1090,1102,1108, 194, 195, 196, 197, 198, 199, 200, 201, 1112, 1142, 1143 203, 204, 205, 206, 207, 209, 210, 211, sáu trí không phổ thông 969, 1030 212, 213, 214, 215, 216, 217, 218, 219, sáu xả tâm liên quan thế tục 815 220, 221, 224, 226 228, 229, 230, 231, sáu xả tâm liên quan xuất ly 815 232, 233, 234, 235, 236, 237, 238, 239, Sĩ-đạt-ta 55 240, 241, 242, 244, 245, 246, 247, 248, sở hữu tâm 818, 857 249, 250, 251, 252, 253, 255, 256, 258, sở hữu tứ 831 259, 260, 262, 263, 264, 265, 266, 268, sơ thiền 1034 269, 270, 271, 272, 273, 274, 275, 276, suy tưởng về trí tuệ 128, 133,148, 152 277, 279, 280, 281, 282, 283, 284, 285,

tác ý đúng đường lối 801, 937, 938, 943, 1062, tám điều quán xét chánh yếu 950 1063,1065,1066,1100, 1101, 1111, 1121, tám điều sai trái của việc cư ngụ ở ngôi nhà 640 1125, 1132, 1141, 1145, 1146, 1148 tám đức tính 639, 861,904, 1084, 1085 tà định 1072 tám đức tính của thắng trí 639 tà giáo 791, 867, 868, 869, 870, 871, 873, 887 tám giải thoát 4,33,37,47, 52, 54,55,56,57,60, tà kiến 13, 15, 16, 24, 27, 37, 46, 60, 307, 320, 62, 73, 74, 75, 76, 78, 79, 80, 83, 84, 87, 491, 493, 494, 498, 507, 519, 552, 564, 89, 90,91,93,94, 98, 100, 101, 102, 107, 611, 688, 712, 778, 784, 788, 867, 868, 112, 113, 114, 116, 117, 118, 119,

120, 885, 905,910,911,917, 922, 1030, 1051, 121, 123, 124, 129, 130, 131, 132, 134 1052,1069,1072,1073,1088,1112,1121, 135, 136, 137, 138, 139 140, 142, 143 1139, 1144, 1146, 1147 144, 145, 159 160, 161, 163 167, 168, tà mạng 1072 169, 170, 171, 173, 174 175, 176, 177, tám chi phần về lời nói 717 178, 179, 183, 184, 185, 186, 187, 189 tám điều giới 1070 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196 197, tám điều kiện thích hợp cho các vị Sa-môn 862 198, 199, 200, 201, 203 204, 205, 206,

207, 209, 210, 211, 212, 213, 214, 215, tà niệm 1072 216, 217, 218, 219, 220, 221, 224, 226, tấn quyền 804, 813, 814 228, 229, 230, 231, 232, 233 234, 235 tà tinh tấn 1072 236, 237, 238, 239, 240, 241, 242, 244, tà tư duy 1072 245, 246, 247, 248, 249, 250, 251, 252, Tây Ngưu-hóa châu 21 253, 255, 256, 258, 259, 260, 262, 263, Tha Hoa Tự Tại 532,560,575,586,606,629,630 264, 265, 266, 268, 269, 270, 271, 272, thai sanh 894* 895, 1015 273 274, 275, 276 277, 279, 280, 281, tham ái 13, 17, 27, 30, 41, 63, 123, 128, 181, 282, 283 284, 285, 286, 287, 288, 289, 197, 224 226, 232, 307, 326, 336 472, 290, 291, 292, 293 294, 295, 296, 297, 508, 548, 608, 615, 642, 671, 707, 710, 313 319 321, 323 325 327, 329 331 713 716 719 721 722, 725, 846 996, 333 336, 337 339 341, 345, 346 349 997, 1070, 1077, 1080, 1089 352, 355 358 362 365, 367, 368, 369, tham dục 644, 874, 875 370, 371, 372, 373, 375 376, 378 379, tham thiền 16, 36, 161, 181, 350, 395, 479, 519, 380, 381 383 385 388 389 390 391 538, 563, 587, 600, 614, 978, 1069, 1070, 392 393 395 396, 397 398, 399, 400, 1115,1126 401, 402, 403 404, 405, 406, 407, 408, Thắng luật 1079 409, 410, 411, 412, 414, 415, 417, 418, Thắng pháp 1079 419, 420, 421, 422 423 425, 426, 428, Thánh đệ tử 806, 837, 1073, 1074, 1082, 1083, 430, 432, 434 435, 437 439, 440, 441, 1123 442 443, 446, 447, 450, 451, 452 453 thành kiếp 849 454, 455, 456, 457, 458, 459, 460, 461, Thánh nhân 3, 9, 62, 232, 375, 380, 466, 522, 462, 463, 465, 466, 467, 468, 469, 470, 725,1061, 1093, 1127 471, 474, 476, 479, 482, 485 486 489 Thánh pháp 1089, 1146 491, 494, 497, 499, 502, 503, 506, 509, Thánh quả 462, 770 511, 513, 515 516, 518, 521, 523 524, thân kiến 874, 875 525, 526, 528, 529, 530, 532 533, 534 thân xứ 833 535 536 537 539 540, 542, 543 545, thập độ 733 546, 547, 552, 555, 565, 571, 573, 578, tháp sanh 894, 895, 1015 580 583, 585, 588, 590, 594, 599, 600, thập thiện nghiệp 747, 751, 764 604, 605, 608, 610, 612, 614, 616, 617, thay tế độ 197,443,491,770,784,785,794,964, 619, 620, 621 1Ỏ12,1115, 1128 tam giới 6, HO, 184, 251, 320, 473, 487, 502, thể nhập hiệp thế 15 513,552,587, 663,772 thiền chứng 22, 24, 33, 98, 224, 357, 392, 467, tám hạng người 862, 972, 973 502, 503, 586, 660, 968, 975, 1140 tám hạng người giết hại mạng sống 973 thiền diệt 779, 1042 tâm hoan hy 5, 37, 55, 423, 429,485, 501, 571, thiền giải thoát 32 597, 603, 610,640, 860, 976 thiên nhãn 9, 37, 130, 309, 310, 332, 346, 369, tam học 611, 613 555, 559, 565, 566, 573, 577, 580, 583 tám mươi tướng phụ 143, 844, 845 584, 585, 596, 601, 607, 610, 612, 614, tám nơi cần xa lánh 862 616, 617, 618, 620, 621, 887, 888, 889, tám pháp thế gian 1087 890, 1078, 1091 tam quy 70, 1070 thiên nhĩ 463 tàm quý 924 thiền thứ nhất 557 tám sự chứng đạt 1091 thiền tịnh 77, 86, 443, 663, 903, 904, 924, 1092, Tam tạng 498,514,626, 734, 770, 771,787, 788, 1102, 1103, 1115, 1120, 1134, 1142 791,861,969, 1081 thiện trí 18, 749, 754 Tam Thập Tam 382 thiệt thức 828 tám thiền chứng 660, 968 thiệt xứ 833 tà nghiệp 1072 Thinh văn

3, 4, 5, 6, 7, 9, 11, 17, 24, 25, 26, tầng thiền 15, 651 27, 29, 32, 33, 34, 38, 40, 44, 59, 60, 61, tà ngữ 1072 65, 69, 70, 71, 72, 77, 78, 81, 82, 90, 94, tánh giác 474, 845, 864, 1051 95,99, 112, 118, 122, 133, 139, 148, 150,

1174 KINH TIỂU Bộ

167, 178, 179, 180, 181, 190, 213, 241, toàn hảo về sáu chi phần 315, 322, 413 247, 254, 256, 257, 297, 298, 305, 318, toàn hảo về thần thong 29, 30, 32, 34, 44, 198, 326, 328, 332, 333 434, 436, 441, 445, 565, 1078 475, 476, 477, 478, 480, 481, 482, 483, toàn hảo về tinh tấn 647 485, 487, 489, 490, 492, 495, 497, 500, toàn hảo về trí tuệ 26, 634, 646, 647 501, 502, 504, 507, 510, 511, 512, 517, toàn hảo về từ ái 648, 764, 766 547, 554, 558, 559, 566, 567, 571, 575, toàn hảo về tuệ 29,31, 1077, 1078 577, 578, 581, 584, 586 589, 590, 591, tội lỗi đối với thế gian 1014 595, 611, 625, 642, 652, 655, 656, 658, tội lỗi do sự quy định 1014 659, 661, 662, 664, 665, 666, 667, 668, trạch pháp giác chi 853, 854, 1075 670, 671, 673, 674, 675, 676, 677, 679, trái āmanda 90, 91 680, 682, 683, 684, 685, 686, 689, 692, trăm tướng mạo về phước báu 630 693, 695, 696, 698, 699, 701, 702, 704, trí giác ngọ 26, 32, 109, 316, 582, 642, 1032 705, 706, 707, 708, 710, 711, 713, 714, trí toàn giác 749 716, 717, 718, 719, 720, 722, 723, 724, trí toàn tí 675,873,877,878,879, 886,965,978, 725, 726, 728, 840, 872, 873, 875, 950, 983, 984, 986, 994, 995, 1026, 1027 969, 1030 Trời Sakkā 596, 614 thương tưởng 13, 14, 18, 56, 87, 98, 100, 118, tứ bộc 565 144, 152, 180, 185, 186, 224, 228, 253 tứ đại 855,901, 1084, 1112 323, 327, 354, 379, 382, 397, 425, 426, Tứ Đại Thiên Vương 629 440, 461, 484, 505, 515, 518, 529, 530, tuệ chân chánh 808 543, 552, 555, 590, 598, 604, 725, 730, tuế đổng tốc 313 787, 895, 942, 952, 976, 990, 992, 1051, tuẹ nhãn 309, 971,972 1103,1133 tuệ nhẹ nhàng 514 thú suggapota 20 tuế quyền 804,813,814 tịch diệt 44, 139, 319, 337, 405, 474, 551, 558, tuệ rộng lớn 313 625, 660, 756, 870, 907, 908, 990, 1068, tuẹ sắc bén 25,70,72,113,307,313,427,514,723 1069, 1072 tuẹ thâm sâu 17,313,582, 791 tiết chế 1043 tuẹvĩđại 514,559 tính chất cửa lớn 827, 828 tuệ vi tiếu 313, 514 tính chất tập quán 827, 828 tuẹ vô song 662 tính chất xuôi chiều 827 tướng mã âm tàng 929 Tịnh Cư thiên 484 tưởng niệm về đức Phật 65, 66, 108 tịnh diệt 1064 Tướng quân Chánh pháp 31, 33, 44, 445, 672, tịnh giác chi 1075 815,867,931,992,1078,1099,1101,1102, Tịnh Phạn 625, 629 1105, 1106, 1107, 1110, 1112, 1126, 1127, tín quyền 813, 814 1128, 1137,1140,1141, 1146, 1149, 1151 toàn hảo về bố thí 646, 655, 745 từ tâm giải thoát 954 toàn hảo về chân thật 647,648,760,761,762,763 tứ thiền 16, 856 toàn hảo về giới 646, 746, 747, 753 tứ vô lượng tâm 924 toàn hảo về hành xả 648, 765 từ vong không phù hợp thời gian 1045 toàn hảo về Luật 40,42, 44, 47, 1078 từ vong phù hợp thời gian 1045, 1046 toàn hảo về mười pháp 642, 658, 662, 664, 670, tùy ngã kiến 922, 1084 673, 676, 679, 682, 685, 689, 692, 695, tùy phiền não 16, 639 698 70 U 704,707,710,713,716,719,723 tùy thuận sanh 560, 565 toàn hảo ve nhẫn nại 647, 765 tỷ thức 828 toàn hảo về quyết định 648, 759 tỷ xứ 833

Vi diệu pháp 37, 44, 565, 718, 770, 773, 783, việc làm cho hết tội 43 784, 786, 787, 800, 815, 826, 1010, 1069, việc phục hồi [phẩm vị] 43 1076, 1083, 1113 việc sửa chữa tội 42 việc khiển trách tội 42 viển tịch Niết-bàn 35,66, 94,137, 157, 181,214,

SÁCH DÂN TIẾNG VIỆT 1175

271, 289, 368, 372, 406, 408, 489, 547, vô minh bộc 565 550, 552, 558, 559, 726, 775, 814, 819, vô ngã 577, 590, 808, 812, 813, 814, 1031, 840, 842, 867, 868, 869, 870, 871, 872, 1069,1119 873, 896, 897, 898, 904, 934 935, 946, vô nguyện 17,42,44, 1073, 1075, 1143 960, 1012, 1013, 1050, 1051 vô nguyện giải thoát 1143 vị Tầm Cầu Lợi ích Cho Tất Cả Chúng Sanh 680 vô sác giới 81,646, 997, 1091 vị Thiên Nhân Cao Quý 630 vô sanh 638 vị Thiện Xảo về Sự So Sánh 633 vô thường 60, 61, 267, 380, 381, 551, 556, 557, VỊ Trời Vượt Trội Các Vị Trời 881,902,970,981, 559, 577, 580, 590, 640, 693, 754, 808, 991, 992, 1006, 1027, 1070, 1072, 1092, 812, 813, 814, 909, 1002, 1031, 1069, 1093,1099,1100, HOI, 1104, 1108, 1109, 1119, 1127, 1145, 1149 1110, lin, 1113, 1116, 1117, 1118, 1119, vô tướng 17, 42, 44,387, 564, 1073, 1075, 1143 1120, 1123, 1125, 1127, 1130, 1132, 1133 vô tưởng 10,81,86,970 1134,1135,1138, 1139,1140, 1142, 1144, Vô Tưởng thiên 631 1145, 1146, 1147 Vô vi Niết-bàn 1052, 1053 vị tưởng 389,423, 438 Vương Xá 625, 629 vị Xua Tan Tăm Tối 336 VườnNai 48,472, 629, 695, 698, 704, 708, 710, Vô dư Niết-bàn 662 717, 720, 723, 789, 1083 Vô Gián 366,777, 1073, 1089

xả giác chi 1075 674, 683, 693, 705, 714, 720, 726, 729, Xá-ợi 5,66, 67, 68,95, 139, 157, 211, 212,430, 730, 735, 868, 869, 870, 871,937, 1076 438, 528 559, 615, 625, 626, 665, 668, Y y ca-sa 4, 16, 47, 234, 491, 517, 782, 788, 891, ý môn 1133 895, 925, 974, 992 y thức 821, 826, 827, 828, 829 y hai lớp 151,301,499, 563,580, 1110

SÁCH DẪN PALI

A Abbhafy anadāyaka 224,467 Amarā 960, 961, 962 Ābhāya 514,515, 521,692 Amarikā 444 Abhibhū 118,711 Ambadāyaka 109 Abhisāma 204 ambagandhī 20, 357 abhisamaya 625 Ambapālī 619, 620, 621 Abhisammata 68, 69, 114 Ambapindiya 236, 393 addhā 819 Ambaramsa 152 addhacanda 219, 222 ambātaka 342, 391,394,398,401 Addhacandiya 219 Ambātakadāyaka 391 Addhacelaka 123 Ambātakiya 398 AĄậhakãsĩ 616,617 Ambatthaja 109 addhāna 819 Ambayāgadāyaka 207 adha 119, 121 Amita 216 Ādhammā 958 Amitābha 195 adhikāra 642 Amitañjala 205 Adhimutta 83, 85 Amittatāpanā 154 adhimuttaka 304 ammanam 873 Adhopupphiya 119 Amodaphaliya 454 aggaja 216,217 Anantajāli 204 Aggajapupphiya 217 Anantakāya 798, 799, 800 Aggidatta 716 Anantayasa 105 Agginibbāpana 146 Andhaka 353 Aggisama 143 AñgTrasa 89, 95, 98, 1019 Aggisikha 118 Añgulimāla 47 Ajātasattu 729 añjali 75, 115, 225,275 ajeli 454,456 Añjana 555, 736 Ajeliphaladāyaka 454 Añjasa 44 Ajinadāyaka 200 añkola 19,185,188,201,203,282,283,285,362 Ajita 233,333, 334, 771,776 Añkolaka 185 Ajita Kesakambalī 771, 776 Añkolapupphiya 201, 283 Ajjuna 295,454, 671 anna 73, 239, 253 Aijunapupphiya ^Itti 735,745 460 Aññākondañña 48 Annasamsāvaka 73,253 Akkamanadāyaka 404 Anoma 109, 283, 324, 326, 341, 346, 668, 671, Akkantasañña ka 197 692, 693, 699 Alasanda 1065, 1066, 1069, 1091 Anomadassī 23,24,32,33,72,87,109,158,174, Alasandā 852 325, 326, 420, 421, 626, 669, 670, 671, Alasandaka 353 672 727, 970 Alīnasatta 751, 752 Anotatta 297,299, 1032 Allakappa 729 Antalikkhacarā 218 Amara 637 Anulepadāyaka 158, 242

Anupama 662, 698, 704, 714 Assagutta 770, 778, 779, 785, 786 Anuniddha 37, 52, 345,436, 625, 633, 656, 878, Assaji 27, 28, 33 1108, 1136, 1138 Assalāyana 491 Anusamsāvaka 237 Assattha 196, 434, 642, 654, 655, 658, 661,664, Apadāna 4, 6, 7, 375, 380,466, 522, 621 667, 670, 673, 676, 679, 682, 685, 689, Apadāniya 231 690, 692, 694, 695, 697, 698, 701, 703, Aparājita 201 704, 707, 710, 713, 716, 719, 722, 726 Aparaiita 353, 1036 Atichattiya 156 Apassena 200 Atideva 663 Aramma 353 atimuttaka 351, 1074 Araññasatta 252 Atthadassī 81, 82, 92, 108, 131, 134, 136, 139, Arindama 91, 663, 709 151, 154, 156, 168, 172, 190, 199, 207, Arittha 13, 569, 739 241, 293, 363, 364, 365, 384 397, 411, Aruna 568,609,619,714 433 626, 691, 692, 693, 727, 728 Arunaka 109 Atthagopānasī 318 Arunañjaha 184 atthañga 356 Arunapānī 189 Atthasandassaka 154 Arunavā 536, 710 Atthissara 881 Arunavatī 205, 206, 276, 536, 609, 710 Atula 661,706,710, 1019 Asamā 223, 668, 673, 674 Atulya 247 Asana 103, 702 avanta 292, 299, 334,410, 414 Apilāpiya 187 Avantaphaladāyaka 292 Asanabodhiya 104 Avantaphaliya 410 asañkheyya 637 Avantipura 729 Asipāsā 948 Avataphaliya 452 Asita 202 Avīci 145, 435, 666 asoka 19, 184, 185, 188, 341, 362 Avopupphiya 106 asokapindī 356 Avyādhika 201 Asokapūjaka 185 Ã Ādeyya 171 689, 692, 695, 698, 701, 704, 707, 710, Ādhāradāyaka 193 713, 716, 719, 722, 726, 848, 870, 878, Ākāsukkhipiya 218, 222 896, 897, 904, 905, 907, 908, 909, 921, ālaka 325, 342 922, 934, 935, 937, 938, 962, 963, 1010, Ālambana 747 1083, 1139 Ālambanadāyaka 199, 203 āpātali 111 ĀJāra Kālāma 985, 986 Ārakkhadāyaka 201, 244, 249 āluva 20, 226, 227, 342 Ārāmadāyaka 241 Āluvadāyaka 226 āsana 54 132, 136, 147, 204, 246, 247, 378, 399 āmalaka 20, 228, 325, 342, 356, 363, 391, 782 Āsanūpatthāpaka 132 āmanda 90, 91, 471,474 āsāvatī 41,42 Āmandaphaladāyaka 471 Ā vela 664 Ānanda 3, 7, 13, 44, 51, 52, 214, 254, 300, 301, Āyāgadāyaka 84 303, 354, 434, 547, 549, 551, 557, 558 āyukappa 637 559, 583, 642, 655, 658, 661, 664, 667, Āyupāla 788, 789, 790 670, 673, 676, 678, 679, 680, 682 685 I Inda 53, 134, 339, 353, 665, 791, 792, 1029 Isināma 48 Indasama 168 Isinda 353 Isigili 569 Isisiñga 891,892 isimugga 20, 179, 342, 363

U Ubbiddha 35 Uparittha 13 Ucchangapupphiya 370 Uparuci 123 Ucchukhandika 390 Upasājhaka 235 Udakadāyaka 191,443 Upasanta 283, 692, 714 Udakadāyikā 539, 540 Upasena 59, 686, 1092, 1103, 1124, 1125, 1126 Udakapūjaka 131,259, 260 Upasena Vañgantaputta 59, 1124, 1125, 1126 Udakāsanadāyaka 204 Upasiva 345 Udakāsecana 121 Upatissa 31, 274, 434, 465, 491, 642, 655, 658, Udañgana 439 661, 664, 667, 670, 673, 676, 679, 682 Udapānadāyaka 173 685, 689 692, 695, 698, 701, 704, 707, Udaya 702 710 713, 716, 719, 722, 726 Udāyi 81,85,512,515, 891,967, 968 Upatthākadāyaka 230 Uddaka Rāmaputta 986 Upavāna 69, 70, 76, 670 Uddāladāyaka 212 Uposatha 445, 1005, 1028, 1029 uddālaka 212, 283,342, 362 Uppala 566 uddhara 343 Uppaladāyikā 609,610, 621 Udena 54, 358, 662, 698, 1035 Uppalahatthiya 129 Udumbaraphaladāyaka 293 Uppalavanna 434, 561, 565, 571, 572, 574, 576, Uggata 101, 102, 107, 138, 666, 686 579, 582, 642, 655, 658, 661, 664, 667, ukka 404,418 670, 673, 676, 679, 682, 685, 689, 692, Ukkāsatika 418 695, 698, 701, 704, 707, 710, 713, 716, Ukkhittapadumiya 269 719, 722, 726 ummā 158, 250, 258, 334 Uruvelā 299, 494, 629, 723 Ummādantī 569

Uruvelakassapa 494, 499 Ummāpupphiya 158, 250, 258 Usabha 179,689 upacela 55 Usabhakkhandha 652 upaddha 442 usīra 301, 516 upaddhadussadāyaka 442 uttalī 397, 398,401 upāgatāsaya 221 Uttalipupphiya 398 Upāhanadāyaka 215 Uttama 246 Upāli 5, 40, 44, 47, 52, 87, 96, 127, 625, 633, Uttarakurū 774, 855 878, 1147 Uttareyyadāyaka 266 Upananda 186 Uttariya 75, 76 ủ ūhā 839 E ehi bhikkhu 657 Ekañjalika 75, 225 ekā 54, 75, 113, 136, 154, 175, 180, 181, 195, Ekañjaliya 225, 275 203, 213, 225, 226, 229, 262, 270, 275, Ekapadumiya 270, 275 284, 365, 369, 376, 378, 381, 388, 389, Ekapasādaniya 154 406, 451 Ekāpassita 199 Ekacampakapupphiya 284 Ekapattadāyaka 451 Ekacāriya 181 Ekaphusita 195 Ekachattiya 365, 406 Ekapindapātadāyikā 534, 535 Ekacintika 180 Ekapundarīka 226 Ekadhammasavaniya 381 Ekapupphiya 229 Ekadīpiya 175, 369 Ekarāja 738, 764 Ekadussadāyaka 262, 376 Ekāsanadāyaka 213,378 Ekajjha 228 Ekāsaniya 136 Ekakannika 353 Ekassara 185

Ekatthambhika 54 Ekavihāriya 388 Ekavandiya 203 Ekuposathikā 541, 542, 574 O Obhāsa 146 490, 492, 495, 500, 502, 504, 507, 510, Oddaka 353 512, 523, 549, 554, 560, 571, 575, 578, Oka 25, 34, 38,40,48,49, 50,51, 56, 58, 59, 581, 584, 586, 587, 589, 590, 611 60,65,69,77,79, 81,87, 88, 89,102,257, Opavayha 100 305, 322, 326, 331, 333, 341, 344, 355, oraso 25 361, 421, 427, 437, 478, 480, 483, 485, osadhī 125, 153, 250, 275, 320, 365, 647 K Kaccāna 79, 85,476, 499, 521 681,685,688,691,694,697,701,703,707, Kaccāyana 475, 771,776, 1100 709, 713, 715, 718, 722, 729,957,1019 Kadaliphaladāyaka 295 Kapilavatthu 42, 503, 512, 515, 517, 555, 625, Kadamba 378 726, 729, 1083 Kadambapupphiya 164,283 kapitthana 325 kadamda 283 Kapitthaphaladāyaka 458 kahāpana 774 kappa 42, 85, 625,637, 678, 727 Kajañgalā 779, 782 Kapparukkhiya 85 kaāiāru 162, 163,166, 281, 285 Kappina 480, 482 Kakkārupūjaka 163 Kārambhiya 957 Kakkārupupphiya 281 Karavīkā 276, 387,472, 492, 634 Kakudhā 689, 771,776 kārenī 343 Kakudhā Kaccāyana 771, 776 karīsa 761 Kakusandha 212, 329, 395, 396, 404, 525, 613, Kārusa 353 617, 626, 715, 716, 717, 718, 727, 728 Kasābhāradvāja 982 Kalābu 957 Kasi 8 kalamba 342 Kāsika 353,400, 704 Kalambadāyaka 391 Kasmīra 853, 1065, 1066, 1069 kalandaka 343 Kassapa 52, 94, 201, 299, 376, 387, 419, 471, kālānusāriya 320 483, 486, 487, 493, 494, 501, 515, 517, Kalasi 853 518, 531, 561, 568, 572, 576, 579, 581, Kaliñga 729, 736, 741 584, 591, 593, 594, 613 616, 618, 619, Kājudayi 513,521,629 620, 626, 629, 688, 715, 721, 723, 724, kamsa 774 727, 728, 771, 775, 776, 884, 974, 975, kanavera 167, 168, 171 976, 1132 Kanaverapupphiya 168 kāsumāri 291, 452,456 Kañcanāvela 689 kāsumān 20, 342 kandali 248, 249 Kāsumāriphaladāyaka 291, 452 kandalī 19,356 Katacchubhikkhādāyikā 535, 536 Kandalipupphiya 248 Katissaha 695 Kandaraggi 1019 Keniya 315,317 Kanhadīpāyana 762, 763, 765 Kesara 209 Kanhājinā 742, 743, 886, 1022, 1030 Kesarapupphiya 282 kanikẻa 19, 58, 153, 169, 171, 178, 189, 191, kesarī 210, 282 193, 214, 237, 239, 275, 290, 295, 319, Kesava 154 362,389,439,448,450,452,453,456,526 Ketaka 641 Kanikāracchadaniya 169 Ketakapupphiya 459 Kanikārapupphiya 189, 193 Ketumatī 349, 778 Kanikārī 448 Kikī 531, 561, 568, 572, 576, 579, 582, 723 Kankhārevata 503 Kikumāra 353 Kapila 512, 515, 586, 593, 615, 629, 642, 654, Kilañjadāyaka 205 658, 661, 663, 666, 670, 672, 676, 679, Kimbila 525, 530, 878

kimsuka 277, 280, 441,447 koti 24, 25, 31, 36, 38, 46, 65, 69, 72, 95, 115, Kimsukapūjaka 277 296, 315, 324, 338, 428, 567, 597, 602, Kimsukapupphiya 441 612, 619, 638, 639, 651, 654, 657, 660, Kiñjakesara 212 661, 663, 666, 669, 672, 675, 678, 681, kiñkani 187, 188,439, 444, 447 684, 688, 691, 693, 694, 697, 700, 703, Kiñkanipupphiya 187, 447 706, 709, 712, 715, 718, 721, 725, 728, kiñkini l ”3, 272, 275 777, 778, 779, 783, 784, 788, 789, 879, Kiñkinikapupphiya 190 880, 882,884,960,1082,1083,1089,1151 Kisāgotamī 561,569,572,576,578,581,604,704 kotthaka 343 Kisalayapūjaka 186 Kotumbariya 178 Koladāyaka 396 Kuickuta 142, 163,480 Kolaka 353 kukuttha 165 Kolapatta 1091 Kumārakassapa 484,485,486,487,891,892,952 Kolita 28, 34, 44, 434, 642, 655, 658, 661, 664, kumbhīla 19,20, 342,357 667, 670, 673, 676, 679, 682, 685, 689, kummāsa 419 692, 695, 698, 701, 704, 707, 710, 713, Kummāsadāyaka 419 716,719, 722, 726 kumuda 30, 165, 172, 188,248, 249 Koliya 89, 503 505 593 kumudabhandikā 1036 komuda 166 Kumudadāyaka 165 Konāgamana 531, 533, 561, 613, 617, 715, 718, Kumudamāliya 172, 249 719, 720, 721,727, 728 Kundadhāna 77, 78, 85, 127 Koñcā 652 Kunāalā 561, 569, 579, 582, 604 Kondañña 48, 172,224, 549, 626, 642, 654, 655, kuñjavāsī 352 656, 657, 727 Kurañjiyaphaladāy aka 457 Kondapugganika 353 Kurudhamma 737 koranda 192* 277, 280, 379, 386, 404, 405, 407, Kusatthadāyaka 419 440, 441,447 Kusinārā 484, 729 Korandapupphiya 192, 379, 441 Kusumāsaniya 147 kosa 262, 332 kusumbha 262 Kosalakā 353 kutaja 19, 177, 182, 188,460, 464 kosamba 325, 356 Kutajapupphiya 177, 182,460 Kosiyā 45, 63, 593, 893 Kuiidāyaka 216 kosumbha 20, 458,464 Kutidhūpaka 210 Kosumbhaphaladāyaka 458 Kuvera 792 KH khadira 64, 251,275,315 658, 661, 664, 667, 670, 673, 676, 679, Khadiravaniya Revata 50 682, 685, 689, 692, 695, 698, 701, 704, Khajjakadāyaka 168 707, 710, 713, 716, 717, 719, 722, 726 Khapda 112, 706, 708 Khomadāyaka 76 Khandahāla 958 Khuddaka 353 Khandaphulliya 184 khuddamālaka 341 Khemā 434, 531, 547, 560, 562, 563, 564, 565, Khiyjuttarā 434, 848 569, 572, 574, 576, 579, 582, 642, 655,

gahaka 342 Garulapakkha 704 Gandhadhūpiya 259, 269 Gatasañña ka 118, 245 Gandhamāliya 124 Gatipacchedana 146 Gandhamutthiya 289 gavapāna 657 Gandhapūjaka 407 gāvuta 687, 717 Gandhapupphiya 149 Gayā 494 Gandhāra 729, 1065, 1066, 1069 Gayākassapa 494, 525, 530 Gandhodakiya 99, 145 gin 328, &9

Giribbaja 298, 562, 576, 582,611, 613,614,617 331, 333, 337, 338, 341, 344, 346, 348, Giribbajja 496, 514 352, 355, 361, 364, 421, 427, 434, 435, Girimānanda 329, 334 437, 476, 478, 480, 483 484, 485, 487, girinela 186 488, 490, 492, 495, 498, 500, 502, 504, Girinelapūjaka 469 507, 510, 512, 523, 538, 546, 547, 549, giripunnāga 356 554, 560, 571, 575, 578, 581, 584, 586, Giripunnāgiya 420 589, 590, 597, 603, 611, 625, 626, 642 Girisāra 146 643, 655, 658, 661, 664, 667, 670, 673, Gopālamātā 884, 1035 676, 679, 682, 685, 689, 692, 694, 695, Gosīsanikkhepaka 235 698, 701, 703, 704, 707, 710, 713 715, Gosujāta 168 716, 719, 722, 725, 726, 727, 729, 730, Gotama 3, 4, 5, 6, 7, 17, 18, 25,26, 33, 34, 38, 770, 776, 995, 1019, 1030, 1054, 1093 39, 40, 44, 48, 49, 50, 51,55, 56, 58, 59, Guhā

701 60, 65, 69, 77, 78, 79, 80,81, 82, 87, 89, Guna 493 95,101,102,149,254,257,265,266,268 Guttila 884, 1035 272, 281, 305, 321, 322, 324, 326, 327, GH Ghatamandadāyaka 380, 443 Ghatikāra 721 Ghatāsana 143 Ghosasaññaka 461 C campā 356 Cāvala 460 campaka 19, 153, 155, 214, 217, 273, 275, 283, Cela 55 284, 285, 304, 341, 343, 351, 362, 408, Celāvaka 353 473,520 Cetaputta 353 Campakapupphiya 153, 273 Cīna 889, 1065, 1066, 1069, 1091 Campeyyakā 747 Ciñcā 872 Canda 656, 662, 738, 739, 745, 958 Ciñcamānavikā 5,298 Candābha 174 Cirappa 224 Candabhāgā 74, 117, 151, 169, 220, 225, 252, citaka 138,214, 225,233,289, 409 271, 284, 287, 362, 396, 459 534 542, Citakanibbāpaka 409 546, 883 Citakapūjaka 138, 214, 225, 233, 237, 289, 409 Candamittā 708 Citta 48, 434, 643, 655, 658, 661, 664, 667, 670, Candana 5, 44, 215, 515, 516 673, 676, 679, 682, 685, 686, 689, 692, Candanamāliya 430 695, 698, 701, 704, 707, 710, 713, 716, Candanapūjaka 151 719, 722, 726 Candapajjota 476 Cittakūta 48, 282,417,419 Candatitta 183 Cittamālā 142 Candavatī 70,71, 426, 491,670, 973 corapapāta 958 Candimā 476 Cūlacunda 95 Candupama 206 Cūlanārada 1134 Cañgotakiya 224 Cūlasugandha 521 Cañkamadāyaka 93 Cuilabodhi 748, 749 Cāpala 273 Cullapanthaka 56, 62, 930, noi Carana 148 Cullasubhaddā 1115 CH Chaddanta 956, 974, 975 Chattadāyaka Chalañga 339

Jagatidāyaka 402, 407 Jāli 742, 743, 886, 1022 Jagatikāraka 207 Jaluttama 149 Jalasikha 256 Jambu 8, 326, 338, 388, 417, 516, 596, 601, 697

Jambudīpa 100, 596, 626, 770, 776, 777, 778, Jetuttara 740, 743 785,788, 790, 796, 852, 957 Jitasena 184 Jambuphaliya 394 jīvajīvaka 296, 325, 343, 454 Janasandha 701 jīvamjīvaka 330, 522 Jātipūjaka 140 Jotipala 299, 721, 974, 975 Jātipupphiya 406 Jotiya 215 Jatukanni 355 Jūjaka 743 Javaharnsaka 220, 222 Jutideva 198 Jayasena 666, 704 Jutindhara 163, 192, 205 Jetavana 7, 13, 435,481, 506

Ñānadhara 248 Ñānatthavika 390, 428 Ñānasaññaka 129, 148

Thitañjaliya 115

Tacchaka 957 Tilamutthidāyaka 223 tagara 1070, 1071, 1074, 1114 Tilokavijaya 3, 7 Tagarasikhi 13 timajjhika 352 takkala 132,342 timira 117, 121, 127, 284, 285,341,356 Takkarā 420 Timirapupphiya 117, 121, 284 tāla 290, 455 Tinakutidāyaka 265 tālaka 342 Tinamutthidāyaka 274,466 tālakūta 342 Tinasantharadāyaka 113, 184 Tālaphaladāyaka 455 tinasūla 164, 166, 366, 367 tālavanta 410 Tinasūlaka 164 Tālavantadāyaka 197 Tinasūlakachadaniya 367 tālīsa 1074 tinduka 20, 186, 188, 275, 336, 342 tamāla 183, 188 Tindukadāyaka 186 Tamālapupphiya 183, 188 Tindukaphaladāyaka 275 Tambapupphiya 162 Tipadumiya 116 Tamonuda 165, 260 Tipupphiya 125 Tanhañkara 727 Tiramsiya 248 Tapussa 652 Tiritavaccha 476, 569 Tāra 353 Tisaranagamaniya 71 Tāraka 50 Tissa 94, 103, 111, 114, 118, 122, 123, 168, 171, tarana 190, 221,227, 434 178, 189, 193,196,197,209,210,219, Taraniya 190, 221,434 225, 271, 279, 365, 366, 379, 382, 403, Taranīya 227 423, 440, 535, 536, 626, 652, 680, 700, Tāvatimsa 735, 746, 1122 701, 702, 706, 708, 723, 727, 728, 840 Telamakkhiya 218

Ti-ukkādhāraka 404 Temiya 758, 759, 765 Ti-uppalamāliya 271, 287 Ticampakapupphiya 214 tivanti 182 Tidivā 735 Tivantipupphiya 182 Tidivādhibhū 735 Tivarā 129, 170, 205,207 Tikanikārapupphiya 450, 526 Tīvarā 184 tikanni 181, 182 Todeyya 352,359 Tikannipupphiya 181 tumba 873 Tikicchaka 175 Tusitā 950 Tikiñkanipupphiya 439, 447 tuvara 209, 212, 237 Tikiñkinipūjaka 272 Tuvaradāyaka 209, 212 tilaka 19, 343, 356, 362

TH thambhā 54, 156 Thomaka 213, 217 Thambhāropaka 156 Thūpasikkhara 156 thavika 146, 247, 390,428 D Dabba 483, 484,485, 499 Devabhūti 110 Dabba Mallaputtā 485 Devadaha 555 Daddara 553 Devadatta 47, 298,486, 872, 878, 879, 880, 881, Damā 714 882, 901, 922, 923, 939, 940, 956, 957, Dandadāyaka 278, 468 958, 959, 960, 968, 1140 Dandaka 896 Devagajjita 185 dāyaka 74, 76, 83, 84, 92, 93, 97, 98, 102, 107, Devagandha 124 109, 112, 113, 114, 123, 126, 131, 133, Devala 45, 99, 213, 219, 332, 680 144, 147, 158, 160, 165, 168, 169, 170, Devala 430 173, 174, 179, 184, 186, 191, 193, 194, Devamantiya 791, 792, 793, 798, 799 195, 198, 199, 200, 201, 204, 205, 207, Dibbila 13 209, 211, 212, 213, 215, 216, 220, 223, Dīghāyu 108 224, 225, 226, 228, 229, 230, 234, 239, Dipadādhipati 113 240, 241, 242, 244, 246, 262, 265, 266, Dīpañkara 434, 597, 598, 599, 603, 625, 626, 272, 274, 275, 277, 278, 279, 282, 291, 640, 641, 642, 643 649, 651, 652, 653, 292, 293, 294, 295, 296, 323 331 368, 654, 727 371, 372, 373, 376, 378, 380, 391 392, Dona 729 396, 397, 402, 404, 411, 412, 419, 420, Dukūla 8, 891, 893, 894 422, 426, 442, 443, 446, 447, 451, 452, Dumasāra 112 453, 454, 455 456, 457, 458, 463, 466, Dussa 711 467, 468, 471 Dussadāyaka 170 Desakittaka 236 Dvāravatī 185 Desapūjaka 168 Dviratanіya 200 DH Dhaja 986 Dhanañcaya 705 Dhajadāyaka 102, 272 Dhanañja 673 Dhammā 671,674, 751, 753, 958 Dhanañjāni 531 Dhammā 561, 568, 572, 576, 579, 582, 693 Dhanapala 47, 1083, 1140 Dhammacakkika 84 Dhanittha 196 Dhammadassī 156, 181,244,402,626,691,694, Dhañña vatī 146, 676 695, 696, 697, 727, 728 Dharanīruha 164 Dhammadinnā 561,569,572,576,579,581,582, Dhātupūjaka 211,430 583, 604, 614, 689, 690 Dhotaka 341,359 Dhammapāla 637, 733, 958 Dhūmaketu 182 Dhammaruci 435, 438 dhūpa 74 Dhammasaññaka 240 Dhūpadāyaka 74 Dhammasavaniya 268 N Nadī 494 Nāgasamāla 111, 116, 127 Nadīkassapa 524, 530 Nāgasena 769, 770, 771, 773, 779, 781, 782, 783, nāgā 19, 133, 164, 166, 304, 356, 362, 365, 368, 784,785,786,787,788,790,791,792,793, 373, 459, 464 794,795,796,797,798,799,800,801,803, Nāgakesariya 209, 212 804,806,807,808,809,810,811,812,814, Nāgapallavaka 368 815,816,818,819,820,821,822,824,826, Nāgapupphiya 164,459 827,828,829,830,831 832,833 834 835,

837, 838, 839, 840, 841, 842, 843, 844, Nammadā 230 845, 846, 847, 848, 850, 851, 852, 853, Nandā 5, 55, 62, 297, 359, 547, 549, 551, 587, 854, 855, 856, 857, 859, 860, 861, 862, 593, 595, 604, 659, 702, 707, 711, 757, 863, 864, 867, 873, 877, 878, 879, 881, 765, 872, 930, 1036 882, 883, 887, 888, 890, 891, 892, 896, Nandā 586, 588, 615, 616, 652, 653, 656, 680, 897, 899, 900, 903, 904, 906, 907, 908, 686,717 909, 910, 911, 912, 913, 914, 915, 916,

Nandaka 346, 510,511,521,872 917, 918, 920, 921, 922, 923, 924, 926, Nandamātā 434, 643, 655, 658, 661, 664, 667, 927, 928, 929, 930, 931, 932, 933, 934, 670, 673, 676, 679, 682, 685, 689, 692, 935, 936, 937, 938, 939, 940, 941, 942, 695, 698, 701, 704, 707, 710, 713, 716, 943, 944, 945, 946, 947, 949, 950, 951, 719, 722, 726 952, 953, 954, 955, 956, 959, 960, 962, Nandana 562, 569, 596, 605 963, 964, 965, 966, 967, 968, 969, 970, Nandiya 223, 957 972, 973, 974, 975, 976, 977, 978, 979, nañgalī 121 980, 982, 983, 985, 986, 987, 988, 989, nañgalikī 118 990, 992, 993,994, 995,1001, 1002, 1003, Nārada 154,201,272,376,443,446,494,626,651, 1004, 1005,1006, 1009, 1010, 1012, 1013, 675,676,677,678,686,727,728,1019 1014,1015, 1016, 1017,1018,1019, 1020, Nārada Saragacchiya 154 1022, 1023, 1024, 1025,1026,1030,1031, Naradeva 715, 721 1032, 1033, 1034, 1035,1036, 1037,1038, nayita 357 1039, 1040, 1041, 1042,1043,1044, 1046, Nemisammata 137 1050, 1051, 1052, 1053, 1054, 1055, 1056, Nerañjarā 642,654,658,661,663,664,667,670, 1057, 1058, 1059, 1060, 1061, 1062, 1064, 672, 673, 676, 679, 682, 685, 688, 691, 1065, 1066,1067, 1068,1069, 1070, 1071, 692, 694, 697, 701, 703, 707, 709, 710, 1072, 1076,1081, 1082,1084,1094, 1095, 713,715,718,719, 722 1099, HOI, 1102, 1103, 1104, 1105, 1107, Neru 24,32, 150,316, 339 1108, 1109, 1110, liu, 1112, 1114, 1115, Nigantha Nātaputta 771, 776 1116, 1117, 1119, 1120, 1121, 1122, 1124, niggundi 191, 193, 255, 975 1125, 1126, 1127, 1128, 1129, 1131, 1132, niggundī 254, 258, 356 1133, 1134, 1135, 1136, 1137, 1138, 1139, Niggundipupphiya 191, 255 1140, 1141, 1142, 1143, 1145, 1146, 1147, nigrodha 325 1148, 1151, 1152 Nikumba 1065, 1066 Najjūpama 129 nimba 356, 362 naja 131,273,415,446 Nimī 884 Nalāgārika 273 Nimittasaññaka 252 Nāiāgin 5, 298 Nimittavyākaraniya 414 Najakutidāyaka 446 Nimmitā 159 Nalamālikā 534 nīpa 19,20,325,356 Naiamāliya 131,415 Nipannañliya 118 nāli 729 Nisabha 24, 63, 70, 72, 671, 693 Nālikeradāyaka 456 Nisabhā 701 Najinakesariya 210 Nissenidāyaka 173

Pabbatā 718, 720 Paccuggamaniya 229 Pabbhāradāyaka 242 Paccupatthānasaññaka 140 Pabhañkara 264, 269 Pādapāvara 245 Pabhassara 79 Pādapīthiya 400 Paccāgamaniya 106 Padapūjaka 130 paccekasambuddho 13,45 Pādapūjaka 235

Padasaññaka 111 Parappasādaka 107 Padavikkamana 146 Pārika 891,893,895 Padīpiya 219 Parisuddhā 170 Paduma 49, 79, 102, 167, 184, 282, 300, 334, Parivattaka 353 355, 626, 665, 667, 672, 673, 674, 675, pāriya 342 695,727 Pāsānaka 729 Padumābhāsa 121 Patācārā 561, 569, 571, 573, 574, 576, 579, 582 Padumacchadaniya 92 pāiali 114, 116, 124 Padumadhāraka 463 Pātalipupphiya 114, 287 Padumakesariya 238, 243 Pathavidundubhī 146 Padumakūtāgāriya 325 patibhāna 413 Padumapūjaka 149, 274 Pātihīrasaññaka 389 Padumapupphiya 121 Patijagga 225 Padumuttara 4, 35, 37, 38, 39, 42,47, 48, 49, 50, Pātimokkha 87, 100, 434, 616, 646, 804, 925, 51, 55, 57, 58, 59, 64, 66, 77, 78, 79 80, 947, 1070, 1073 86, 89, 90, 93, 94, 97, 98, 99, 100, 101, Patisañkhāra 122 102, 115, 116, 130, 131, 132, 135, 139 Pattadāyaka 211 147, 150, 152, 154, 157, 164, 165, 174, Patthodanadāyaka 372 180, 184, 187, 212, 213, 254, 256, 257, patti 288, 291,406, 407 259, 260, 261, 262, 263, 265, 267, 268, Pattipupphiya 288, 407 270, 287, 289, 303 304, 321,

331 332, Pattunna 8, 718 335, 336, 339, 340, 341, 344, 354, 357, Pāvā 729, 1069 358, 375, 376, 377, 380, 385, 389, 393, Pāyāsadāyaka 144 398, 400, 403, 405, 406, 408, 415, 416, Pāyāsi 486, 952 425, 441, 443, 461, 471, 475, 477, 479, Pesalā 621 482, 485, 487, 490, 492 495, 497, 500, pilakkha 150, 151,293,294, 299,412 502, 503, 505, 506, 509, 511, 513, 514, Pilakkhaphaladāyaka 294,412 524, 529, 553, 559, 567, 571, 575, 578, Pijindivaccha 57,305,313,334 581, 583, 585, 589, 590 607, 608, 610, Piliyakkha 954 626, 678, 680, 681,691, 727, 728 Pindapātika 280 Pajāpati 792 Pindolabhāradvāja 49, 1135 Pallañkadāyaka 160 pingala 330, 522 Pallavaka 353 Pipphalāyana 593 pampaka 20, 330, 522 Pipphalī 642, 652 Pamsukūla 447 Piyadassī 13, 61, 62, 157, 198, 242, 323, 324, Pamsukūlapūj aka 440 347,436,437,688,689,690,691,727,728 Pamsukūlasañña ka 423 piyāla 20, 155, 206, 208, 342 447 Pānadhidāyaka 195, 422 Piyālaphaladāyaka 155, 447 Panasaphaladāyaka 296 Piyālapupphiya 206 Pañcadīpā 538, 546, 574 Piyālī 155 Pañcadīpadāyikā 545, 546 piyañguka 325, 342 Pañcadīpaka 101 porānikam 730 Pañcadīpikā 537, 539, 545 Porisāda 752, 763 Pañcahatthiya 91, 179 Potthadāyaka 225 Pañcañguliya 171 Pubbakammapilotika 5, 299 Pañcasīlasamādāniya 73 Pubbañgamiya 232 Pannadāyaka 216, 228, 232 pūjaka 74, 130, 133, 138, 140, 149, 151, 155, Panthaka 56 163, 185, 186, 187, 211, 214, 215, 225 Pāpanivāriya 198 233, 235, 251, 260, 272, 277, 278, 289, Paramannadāyaka 239 407, 409,417,430, 440,469 pāramitā 733 Pukkusāti 484

pulina 74, 251,422, 433,446 Punnikā 618 Pulinacañkamiya 422 Puppha 163 Pulinapūjaka 74, 251 Pupphacañgotiya HO Pulinapupphiya 148 Pupphacchadaniya 174 Pulinathũpiya 446 Pupphachadaniya 152 Pulinuppâdaka 433 Pupphachattiya 256 Punabbasumitta 682, 708 Pupphadhāraka 234 Punnā 618,619, 621,884 Pupphāsanadāyaka 246 punnāga 165, 166, 260, 269, 356, 420 Pupphathūpiya 143 Punnāgapupphiya 165, 260 Pupphavatī 738 Punnaka 103, 337, 359, 1035 Pupphita 177 Punna Mantāniputta 37, 38, 633 Parana Kassapa 771, 776 Puññavaddhana 695 Purindada 694 PH Phagguna 629 phārusaka 325 Phaladāyaka 120, 147, 229, 240,464 Phārusaphaladāyaka 294 Phalakadāyaka 159 Phusita 262 Phaluggata 151 Phusitakampiya 263 phandana 933 Phussa 120, 121, 169, 177, 184, 282, 287, 298, pharusā 294,299 493, 500, 619, 703, 704, 705, 706, 727 B Babbara 353 billa 20, 132, 228, 342, 356, 363, 391, 396,401 badarī 342 Billaphaliya 396 Bāhiya 484, 487, 489, 499 Bimbijāliya 212 Bāhiya Dārucīriya 489 Bimbisāra 514, 562 Bakkula 326, 327, 334, 969, 970 Bindumatī 889, 890 Balasena 230 Bodhighariya 401 bandhujīva 182, 188, 342 bodhirukkha 642 Bandhujīvaka 161, 166, 178 Bodhisammajjaka 470 Bandhumā 134, 286 Bodhisiñcaka 121 Bandhumā 123,296, 534, 541,707 Bodhi-upatthāka 180 Bandhumatī 75, 170, 175, 204, 264, 286, 292, Bodhivandaka 286, 291 367, 368, 369, 390, 411, 455, 467, 504, Brahmadatta 593, 723, 956, 958 534,539,541,543,592,612,615,706,707 Brahmadeva 665, 702 Bārānasī 471,480,493,494, 505, 518, 531,561, Buddha 126, 127, 144 568, 572, 576, 579, 582, 592, 629, 723 Buddhadatta 625, 637 726, 748, 789,916, 956, 1083 Buddhāpadāniyarn 12, 766 Bāvarī 352, 498 Buddhasañña ka 112, 138, 242,425 bilālī 342 Buddhavamsa 6, 434, 625, 626, 629, 637 Bilālidāyaka 133, 220 Buddhupatthāka 126, 232 BH Bhaddā 35, 57, 387, 471, 483, 498, 501, 515, Bhaddekaratta 516 517, 518, 561, 568,

572, 575, 579, 581, Bhaddiputta 948 584, 608, 613, 616, 620, 656, 715, 718, Bhaddiya 90, 96, 500, 502, 521, 878 722, 727, 728 Bhaddiya Kāligodhāyaputta 90 Bhaddaji 530 Bhagga 353 Bhaddakaccānā 726 Bhāgineyya 86, 87 Bhaddākāpilānī 594, 604 Bhāgīrathi 26,49, 240, 339, 340, 350, 379, 442 Bhaddā Kundalakesā 578 Bhagu 878 Bhaddāli 362, 373, 447 Bhājanadāyaka 204

bhallātaka 20, 132, 228, 342, 356, 363, 391, Bhīmaratha 190, 697 397, 401 Bhisa 112, 757,765 Bhallātakadāyaka 397 Bhisadāyaka 107, 426, 529 Bhallika 652 Bhisāluvadāyaka 112 Bhāradvāja 723, 933 Bhisamulāladāyaka 282 Bhārukaccha 487, 1069 Bhiyyasa 720 Bhikkhādāyaka 128 Bhojanadāyaka 244 Bhikkhudāsikā 561, 568, 572, 576, 579, 582 Bhūmiya 111 Bhikkhunī 561, 568, 572, 576, 579, 582 Bhūripañña 140 Bhīma 5, 298 Bhūtagana 164, 272 M Macchadāyaka 220 Mahārohita 200 Madda 561,593 Mahāruci 122, 123 Maddī 742, 743, 886, 1027 Mahāsena 770, 778, 779, 780 Madhudāyaka 323 Mahāsikha 118 Madhumainsadāyaka 368 Mahāsindhu 226 Madhupindika 125 Mahātittha 593 Mādhuraka 353 Mahāvara 98 Madhuratthavilāsinī 625, 626 Mahāvelu 686 Maggadattika 174 Mahāvitthārika 115 Maggadāyaka 159 Mahī 29, 839, 857, 883, 1113 Maggasañña 139 Mahiddhikā 167 maghava 230, 232 Mahosadha 960, 961, 962 Maghavapupphiya 230 Makhilā 667, 711 Mahācandā 481 Makkala 353 Mahaddhanā 183 Makkhali Gosāla 771,776, 777 Mahāgovinda 738, 745 mālā 131,192,249,271,287,415,430 Mahākaccāna 80,477 Malaya 353 mahākappa 637 Malayālaka 353 Mahākappina 482, 499 Mallā 129,299, 729 Mahākassapa 36, 44, 486, 625, 633, 724, 1126, Mallikā 884 1132 Māluñkyaputta 908, 909 Mahākāvya 626, 733 Māluta 131 Mahākotthita 491 Mānavagāmika 991, 992 Mahāli 505 Mañcadāyaka 279, 373, 466 Mahālomahamsa 765 Manda 678, 684, 691, 694, 703, 712, 727 Mahāmallajana 181 Mandabya 762 Mahāmoggallāna 34, 946, 947, 982, 1148 Mandapadāyikā 533 Mahānāma 197 Mandara 553 Mahānela 178 mandārava 163, 166, 181,281,285, 334 Mahānidāna 193, 561, 564 Mandāravapūj aka 163 Mahāpaduma 958 Mandāravapphiya 281, 285 Mahāpajāpati Gotamī 5, 55, 989, 990 Mandavya 891, 892 Mahāparivāra 134, 141 Mandhātā 884, 1035 Mahāpatāpa 191, 202, 958 Mandhātu 549 Mahāpathavī 956 Manippabhā 157 Mahāpulina 74 Manipūjaka 175,417 Mahāraha 234 mañjarikā 343 Mahāratha 164 Mañjaripūjaka 215 Mahārenu 128 Mafdcura 798, 799

Mantānī 633 Migadāya 695, 698, 704, 708, 717, 720, 723 Mantī 986 Milinda 769, 770, 771, 773, 774, 776, 777, 778, Maramma 729 779, 784, 785, 788, 789, 790, 791, 792, māsā 877, 1015, 1076 793, 794, 795, 796, 797, 798, 799, 800, mātañga 20,45, 51, 64, 128, 142, 248, 349, 384 810, 815, 821, 826, 837, 859, 860, 861, Mātanga 750, 751, 753, 891, 896 867, 1067, 1081, 1082, 1151, 1152 Mattakundali 1083 Minelapupphiya 189 Mātulā 742 Miñj avatamsakiya 202 mātuluñga 453 Mithilā 730, 738 Mātuluñgaphaladāyaka 453 moda 342 Māyā 434, 642, 655, 658, 661, 664, 667, 670, Modakadāyikā 543 673, 676, 679, 682, 685, 689, 692, 694, Moggaliputtatissa 775 698, 701, 703, 707, 710, 713, 716, 719, Mogharaja 82, 85,498, 499, 931, 1143 722, 726 Moliyasīvaka 902 māyākārī 356

Morahatthiya 403 Mayūrā 652 Moriyā 729 Medhañkara 727 Mucalinda 553 Meghā 102,434 Mudusītala 241 Meghabbha 202 Mūgapakkha 758, 765 Meghala 353 muggā 877, 1076 Mejjha 896 Mimalī 5, 297 Mekhala 660, 662 Mundaka 353 Mekhalādāyikā 532, 533 Muraja 179 Mettagū 339, 359 Mutthipūjaka 187 Metteyya 359,447,715,727,728,921,922,1152 Mutthipupphiya 130

Yadatthiya 216 Yasodharā 586, 595, 596, 599, 600, 601, 604, Yāgudāyaka 371 670, 683 Yamaka 443, 784 Yasuggata 150 Yañña 986 Yavakalāpiya 277 Yaññadatta 719, 763 Yavana 1065, 1066, 1069 Yaññasāmika 252 Yonaka 353, 773, 776, 788, 789, 790, 792, 794, Yasa 523, 530, 680, 723 796, 859 Yasassī 13 Yugandhara 778 Yasavā 659, 670 yū±ika 170, 171, 187, 342, 362 Yasavatī 606, 659, 702, 714 Yūthikāpphiya 170, 187

Rādha 495, 497, 499 Ramuttama 181 Rādhā 674 ratana 79, 92, 200, 482, 490, 492,495, 497, 585, Rahosañña ka 153 639, 659, 668, 671, 674, 677, 680, 683, Rāhu 650, 792, 1121 686, 693, 699, 702, 705, 714, 717, 723, Rāhula 47, 58, 62, 547, 549, 551, 566, 595, 726, 855, 1028, 1053 1104, 1109, 1116, 1119, 1120, 1140, 1143 Ratanagghi 664 Rājagaha 486,496,508, 594,614, 625,629, 900, Ratanapajjala 146 962, 991, 1083 Rativaddhana 716 Rakkhita 770, 777, 779, 783, 784, 788 Rativaddhana 714 Rāma 98, 986 Ratthapala 60, 62 Rāmagāma 729 Rattipupphiya 173 Rammā 668, 673, 714, 726 Renupūjaka 133 Rammā 699 Renuvatī 58 Rammavatī 179, 652, 655 Revata 50, 52,275, 502, 503, 506,521,663, 664, Ramsisañña ka 119, 120, 196 665, 666, 698, 727

Rohana 353, 779, 780, 782, 783, 784, 785 Rucidevī 655 Rohita 151,353 Rucigattā 719 Romasa 201, 226, 236, 273, 391, 463 Rujā 494 Romaso 219 Rūpanandā 616, 621 Ruci 123,714,716 Rum 749, 750, 753, 957 L Labujadāyaka 293, 411 Lasunadāyaka 83 Lakldiana 986, 1135 Licchavī 505 Lakuntakabhaddiya 502 Lomasakañgiya 517 lāmanika 352 Lomasakassapa 972, 973, 974 Lambaka 19, 274, 465 V Vacchagotta 517 Vejayanta 778 Vājapeyya 972, 973, 974 velāpika 352 Vajira 123 Veluvana 562 V^jī 353, 789 Verañjā 298, 982 Vajjiputta 526, 530 Vesālī 547 Vakkali 477, 478, 479, 499 Vesālī 72, 729 valaja 19, 341,342,356, 363 Vessabhū 107, 153,169, 176, 195,203, 211,244, Valiyā 695 255, 275, 282, 398, 409, 613, 617, 712, valli 294, 295, 299 714,715, 727, 728 vallikāra 342, 420, 422 Vessantara 515, 741, 742, 743, 745, 883, 884, Vallikāraphaladāyaka 420 885, 886, 887, 1022, 1024, 1025, 1026, Valliphaladāyaka 295 1027, 1028, 1029, 1066 Vanakorandiya 405 Vessara 659 Vanavaccha 518, 521 Vetamban 231 Vanganta 1103 Veithadīpa 729 Vañganta 62, 95, 1092 Veyyāvaccaka 126 Vañgīsa 507, 508, 509, 521 vibhītaka 20, 228, 342, 356, 391,395,401 Vanọãkãra 206 Vibhītakamiñjiyā 395 vāra 453, 456 Vicitolī 695 Varadassana 147 Videha 7, 13, 493, 590, 730 Vāraphaliya 453 Vidhūpanadāyaka 97 varī 356 Vidhura 717,957 Varuna 24, 33, 53, 57, 92, 108, 112, 136, 165, Vidūdabha 298 436, 461,662, 664, 665, 671,673, 792 Vigatānanda 203 Vasabha 152, 677,710 Vijambhavatthu 783 Vāsava 554 vījana 418 Vāsettha 315,677, 924 Vijaya 349 Vāsidāyaka 207 Vijita 488, 677 vassika 304 Vijitasena 655, 723 Vatamsa 662 Vijitāvī 654 Vatamsakiya 160 Vikata 214 Vatamsikā 662 Vilokana 146 Vātasama 146 Vimala 58, 191,689 Vātātapanivāriya 193 Vinakā 433 Vattaniya 770, 782, 783, 785 Vinatā 293,458

Vatthadāyaka 109 Vipassassī 190 Vebhāra 203,429, 678, 697, 698 Vipassī 74, 75, 83, 91, 106, 107, 112, 119, 120, Vedehamuni 7 123, 124, 126, 133, 134, 137, 138, 140, Vedikāraka 157, 206,400 144, 145, 146, 148, 171, 173, 175, 181,

191, 192, 200,201, 205, 213, 220, 221, Virūpakkha 746 229, 231, 233,235, 236 237, 238, 239, Visākhā 561, 569, 572, 576, 579, 582, 644, 690, 240, 248, 250,262, 271, 278, 279, 281, 692,716 283, 284, 286,296, 370, 374, 388, 390, Visnu 948 409, 418, 419,439, 466, 467, 483, 504, Vissakamma 58, 88, 338, 400, 401, 417, 418, 505, 530, 533542, 560, 568, 592, 612, 429, 558, 639, 742 615,617,706,707,708,709,727,728,970 Vītamala 192 Vipulābha 153 Vitatthā 150, 883 Viravipupphiya 210 Vīthisammajjaka 162 Virocamānā 716 vyākarana 414, 642 Virocana 155 S Sahara 353 Sakyā 3,18,26,28,29,30,31,32,33,40,41,42, Sabbābhibhū 5, 297 43, 44,51, 56, 65, 69, 81, 87, 89, 93, 254, Sabbadāyaka 331, 522 267, 298, 305, 315, 324, 326, 327, 333 Sabbadinna 798, 799 337, 346, 352, 355 364 437, 445, 446, Sabbagandhiya 238 460, 488, 495, 515, 517, 547, 555, 577, Sabbaghana 158 587, 595, 596, 598, 600, 601, 603, 608, Sabbakāmā 710 609, 615, 872, 878, 958, 964, 1034, 1083 Sabbakittika 321 Sālā 1108, 1109, 1113 Sabbamitta 723, 986 Sāla-kalyānika 656 Sabbaphaladāyaka 463 Sālakusumiya 408, 414 Sabbattha-abhivassī 216 salala 19, 20, 159, 192, 193, 220, 221, 222, 284, Sabbe bhikkhubhikkhunī-ādayo 12 285, 325, 329, 341, 356, 525, 542 Sabbhogavā 190 Salalamāliya 192 Sabbosadha 175 Salalamandapiya 329 Sabhiya 484, 704 Salalapupphikā 542 Sacakkhu 139 Salalapupphiya 221, 285 Saccasañňaka 195 Sālamālikā 546, 547 Saddasañňaka 120, 234, 247, 276, 280 Sālamandapiya 437 Sādhīna 884, 1035 Sālapūpiya 205 Sādhu 744 Sālapupphadāyaka 155 Sāgala 770,773,776,777,778,784,788,791,799 sālī 298 Sāgalā 561, 593 Sāliyā 695 Sāgara 139, 683,692 Sāmā 764, 765, 891, 892, 895, 896, 938, 954, Sāgata 78, 79, 85, 652 957, 1019 Sahampati 629, 964, 965, 1133 samādāna 73 Sahassāra 255 Samādapaka 171 Sahassarāja 84, 130, 260 samāgama 625 Sahassaratha 172 Samālā 714 Saka 1065, 1066, 1069 Samalañkata 167 Sakacintaniya 105, 110 Samanagutta 568 Sākha 486, 958 Samanaguttā 561, 568, 572, 576, 579, 582 Sakimsammajjaka 375, 386,447 Samanakolañña 1004 Sakkā 315, 428, 558, 596, 601, 614, 639, 660, Samañga 702 694, 718, 735, 739, 740, 742, 743, 744, Samani 561, 568, 572, 576, 579, 582 764, 778, 893, 894, 895, 896, 968, 976 Samantacakkhu 161, 219 989 1083, 1096, 1116, 1122, 1123 Samantacarana 193 Sakotakakorandadāyaka 277 Samantacchadana 123, 250 Sakuiā 584, 585, 604 Samantadhārana 233 Sākula 353 Samantanemi 103

Samantapāsādika 124, 194 Sāriputta 5, 25, 26, 31, 33, 44, 52, 95, 257, 491, Samanupatthāka 231 496, 505, 508, 558, 625, 632, 633, 634 Samattā 157 726, 735, 815, 867, 872, 931, 944 959, Samavattakkhandha 707 964, 982, 992, 1012, 1035, 1083, 1093, Sambahula 173 1099, HOI, 1102, 1105,1106, 1107, 1110, Sambala 698, 702 1112, 1126, 1127, 1128,1137, 1140, 1141, Sambhava 273,463,665,711 1146, 1149, 1151 sambuddho 45 Saritacchedana 146 Samita 138 Sāriyā 25 Samittanandana 187 Sasañghe sāvakasañghasahite 7 Samkicca 891,892 Satacakkhu 101 Sammukhāthavika 145, 146

Satapatta 210 Samodaka 169, 176 Satapattam 268 Samodhāna 107 Sataramsi 175 Samogadha 226 Sataramsī 98, 104, 278, 292, 410, 455 samsāvaka 73, 253 Satasahassasamvaccharam 42 Samudda 699 Sattāhapabbajita 231 Samuddakappa 178 Sattakadambapupphiya 378 Samuddhara 170 sattali 211,212,342 Samvaccharam 42 Sattal ipupphapūj aka 211 sangha 176 Sattapadumiya 245 Sañghadāsikā 561, 568, 572, 576, 579, 582 Sattapanniya 288 Sañghādisesa 484, 1014 sattapātali 214, 215, 217 Sañghupatthāka 176 Sattapātaliya 215 Sañjaya 27, 694, 740, 771, 776 Satthavāha 719 Sañjaya Bellatthiputta 771, 776 Sattuka 577 Sañjīva 717 Sattuko 45 Sañkamanatthā 533 Sattuppalamālikā 536, 537 Sañkha 736, 745 Sattuttama 163 Sañkhapāla 752, 753 Sayampabha 171 Sañkh&ya 788, 789, 791, 792 Sayampatibhāniya 413 saññaka 111, 118, 119, 129, 138, 139, 140, 148, Sayanadāyaka 92, 98 153, 195, 196, 234, 240, 242, 245, 247, Sela 315—319, 334, 520, 692, 929, 941,942, 977 252, 276, 389,423,425,461 Selanāri 701 Sannibbāpaka 132 Senā 107, 705 Sannitthāpaka 91, 96 Senāsanadāyaka 126 Santa 692 Sereyyaka 142, 149 Santhita 196 setavārī 342 Santusitā 634, 719 Setavyā 724 Santuttha 719 Setudāyaka 409 Sānuvindaka 353 Siddhartha 53, 54, 55, 60, 73, 74, 84, 92, 94,107, Saparivāra 229 117, 122,124, 125,128,129,157, 158, Saparivārachattadāyaka 258 167, 170, 177, 183 185, 186, 191, 194, Saparivārāsana 100 198, 200, 205, 210,211, 216, 218, 220 Saparivāriya 157 224, 228, 229, 230,240, 241, 242, 245, Sappidāyaka 169, 198 246, 247, 248, 250,251, 253, 256, 259, Sarabhū 29,297, 839, 857, 883, 1113 277, 289, 290, 368372 392, 400, 404, Sarana 662, 683, 694, 695 410, 424, 430, 512,517, 528, 532, 626, Saranagamaniya 236, 279, 466,467 697, 698, 699, 700, 727, 728 Saranagamanīya 136 Siddhipatta 353 Saranañkara 727 Sigālaka 611, 612 Sarassatī 29, 883 Sigālamātā 610, 612, 621 Sārī 95, 491 Siggava 45

Sīha 667, 668 Subhūti 65, 66, 76, 127, 1118, 1122 SĩhaḶa 729 Succhavi 218 Sīhāsanadāyaka 54, 62, 174 Sucela 238 SThāsanavījaka 403 Sūcidāyaka 114, 123 Sīhāsanika 399 Sucīmatī 593 Sikhī 83, 105, 107, 109, 110, 111, 118, 137, 150, Sucintita 108, 123, 126, 383 155, 161, 162, 163, 178, 183, 189, 192, Sucittā 714 199, 202, 205, 216, 233 246, 276, 277, Sudassana 13, 58, 125, 130, 151, 155, 226, 273, 395 408, 461, 613, 617, 619, 709, 710, 323, 388, 460, 504, 651, 664, 671, 677, 711,727, 728 681, 682, 683, 686, 688, 695, 712 sīla 73 Sudatta 662, 668, 682, 686, 689, 986 Siluccaya 174 Sudāyaka 199 Sindhava 353 Suddaka 353 Sindhavasandana 76 Suddhodana 55, 434, 512, 515, 555, 586, 595, sinduvāraka 19, 325, 342, 362 604, 609, 625, 629, 642, 655, 658, 661, Sirasā 717 664, 667 670 673 676, 679, 682, 685, Sirī 686, 702 689, 692, 694, 698, 701, 703 707, 710, Siridhara 153 713,716,719, 722, 726, 986 Sirika 45 Sudeva 652, 659, 676, 686 siriniggundī 356 Sudhaja 162 Sirisa 652 Sudhammā 561, 568, 572, 576, 579, 582, 667, Sirivaddha 670, 671,682,711 693,721 Sīvaka 530, 740, 902 Sudhañña vatī 664 Sīvala 659 Sudhāpindiya 122, 127 Sīvalā 659, 698, 720 Sudinna Kalandaputta 931, 932 Sivalī 506 Sugandha 145, 474, 521 Sivi 739, 740, 741, 745, 887, 888, 890 Sujātā 38,196, 441,581,666,680,684,686,687, Sobha 719 688, 700, 727, 728 Sobhanā 39,417 sukapota 343 sobhañjana 244 Sūkaramaddava 935 Sobhavatī 719 Sukatāveliya 203 Sobhita 78, 150, 155, 188, 325, 335, 339, 419, Sukkā 614,615, 621 626, 666, 667, 668, 669, 689, 727 Sulasā

576, 1083 Somadeva 158, 720 Sumanā 53,109,110,180,254,288,420,660,661, Somanassa 754, 755, 765 662,663,680, 717,727 884 1035,1083 Sona Kotikanna 89 sumanā 410 Sona Koiivisa 297 Sumanadāmiya 290 Sonnābha 169 Sumanadevī 593 Soậụabhũmika 353 Sumanatālavantiya 290, 410 Sonnakontarika 386 Sumanāveliya 255 Sonuttara 770, 779, 780, 781 Sumanavījaniya 418 Sonuttara 956 Sumañgala 13,62, 135, 141, 147, 187, 652, 684, Sopāka 61, 62 686, 723 Sotthija 720 Sumedha 36, 37, 56, 57, 91, 106, 111, 113, 159, Sotthika 714 160, 186, 322, 327, 328, 330, 331, 338, Sovannakiñkaniya 385 351, 360, 399 426, 427, 429, 434, 435, Sovannavatamsakiya 202 448, 522, 523, 526, 598, 599, 603, 625, Sovīra 1091 638, 642, 649, 650, 681, 682, 683, 684, Subāhu 136 727, 728 Subbata 131 Sumedhayasa 189 Subhā 575 Sumekhala 45 Subhadda 94, 96, 656, 695, 897, 898, 899 Sumekhaliya 132 Subhoja 986 Sumitta 154, 593,698, 708

1194 KINH TIÊU Bộ

Sumodha 57 Suputakapūjaka 278 sumsumāra 19, 20, 342, 357 Surādhā 674 Sunanda 38, 152, 181, 197, 257, 655, 657, 707 Surakkhita 704 Sunāparanta 1083 Surāmā 683, 698 Sundarikā 5, 297, 298 Surammā 699 Sunela 186 Surapāricara 957 Sunetta 668, 695 Surattha 353, 1091 Sunikkhama 231 Suriyassama 206 Suññaka 563 Surucī 21, 24 Supajjalita 233 Susañña ta 162 Supāricāriya 140 Susuddha 242 supata 468 Sutanā 659, 707 Supatadāyaka 468 Sutasoma 763, 765, 1113 Suphassā 698 Sutavā 239 Suppabuddha 159, 714, 872 Suvaccha 164 Suppāra 488 Suvāhana 134 Suppāraka 353 Suvannābha 160 Suppasanna 173 Suvannabhārā 704 Suppatita 714 Suvannabhūmi 1091 Suppatitthita 235 Suvannabimbohaniya 223 Suppavāsā 505 Suvannapupphiya 137 Suppiya 699 Suyāma 792, 986 Suppiyā 884, 1035 Suyāna 194 H Hamsā 479, 504, 652 harītakī 301 Hamsavatī 38, l i 5,260,265,268, 300, 313,339, Hāsajanaka 251 375, 381, 441, 451, 477, 482, 490, 492, hattha 35, 1008 495, 497, 500, 502, 507, 511, 513, 537, Hatthālavaka 643, 655, 658, 661, 664, 667, 670, 543, 545, 553, 559, 571, 575, 578, 581, 673,676,679,682,685,689,692,695,698, 583 586, 590, 607,610, 680 701,704, 707, 710, 713,716, 719, 722,726 Hārita 272, 446 Hatthidāyaka 194 harītaka 20, 228, 342, 356, 363, 391, 392, 394 Hatthiporika 353 Harītakadāyaka 392 Hemaka 349, 359

TÁN DƯƠNG CÔNG ĐỨC CÚNG DƯ0NG PHẤP BẢO CAO QUÝ

z trọng cảm niệm công đức của chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử i đã phát tâm trong sạch ủng hộ để bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam được ấn tống cúng dường đến chư Tôn đức Giáo phẩm lãnh đạo GHPGVN, chư Tôn đức Tăng Ni trực thuộc các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh/ thành, các thư viện, các Tổ đình, tự viện tiêu biểu trong và ngoài nước. Sau đây là các đơn vị ủng hộ: -Quỹ Thiện Tâm thuộc tập đoàn Vingroup: 3.000 bộ. -Quỹ Đạo Phật Ngày Nay: 1.500 bộ. -Quỹ Từ thiện Tu viện Tường Vân: 500 bộ. -Quỹ cúng dường ấn tống Pháp bảo cao quý tại văn phòng VNCPHVN do chư Tôn đức Giáo phẩm Tăng Ni, trụ trì, trụ xứ tại các Tổ đình, tự viện, thiền viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường, quý Phật tử thiện hữu trí thức hữu danh, ẩn danh trong và ngoài nước đã góp phần hỗ trợ chi phí các mặt để việc ấn hành được thành tựu viên mãn. Thành kính cầu nguyện và hồi hướng quả lành của việc làm vô cùng giá tri, ý nghĩa này đến quý chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử, thân bằng quyến

thuộc của quý vị luôn được tăng trưởng và thành tựu các phần phước báu đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Cầu mong Phật pháp cửu trụ ta-bà, lợi lạc khắp nhân thiên.

Nam-mô Công Đức Lâm Bồ-tát Ma-ha-tát.

Thực hiện VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM 750 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

HÔI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHA XUẤT BẢN HONG ĐỨC
65 Tràng Thi - quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031
TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẬP 09
TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ -09
KINH TIÊU BỒ (5)
(Khuddaka Nikāya)
Dịch giả: Tỳ-khưu INDACANDA
Chịu trách nhiệm xuất bản Giám đốc BÙI VIỆT BẮC

Chiu trách nhiệm nội dung Tổng Biên tập LY BA TOÀN

Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh

Sửa bản in se. Liên Kỉnh, se. Hạnh Thường, se. Tịnh Huệ Ngọc Thanh, Ngọc Hoa, Thủy Tiên, Liên Nguyệt

Trình bày Đặng Thái Trung

Đối tác liên kết VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM 750 Nguyễn Kiệm - Phường 4 - quận Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh

In: 7.000 bản, khổ: 19 x 27 em, tại Công ty CPIn Khuyến học phía Nam (Lô B5-8 đường D4, khu công nghiệp Tân Phủ Trung, Củ Chỉ, Thành phố Hồ Chỉ Minh), số Xác nhận đăng kỷ XB: 2078-2021/CXBIPH/11-39/HĐ. số Quyết định xuất bản của NXB: 344/QĐ-NXBHĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021. In xong và nộp lưu chiểu năm 2021. r , r r ___ _ c] c ISBN: 978-604-328-961 -9

Mã sô sách tiêu chuẩn quôc tê (ISBN): 978-604-328-961-9 l l 1 I Mill 1 I I l I I I 9II786043II289619I1

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.